

MỤC LỤC

(NIẾT BÀN – BỘ 2)

SỐ 375: KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN	3
QUYỂN I.....	3
Phẩm 1: TỰA.....	3
QUYỂN II	24
Phẩm 2: THUẦN ĐÀ	24
Phẩm 3: AI THÁN.....	38
QUYỂN III	52
Phẩm 4: TRƯỜNG THỌ.....	52
Phẩm 5: THÂN KIM CƯỜNG	66
Phẩm 6: DANH TỰ CÔNG ĐỨC.....	73
QUYỂN IV	75
Phẩm 7: BỐN TƯỚNG 1	75
QUYỂN V	93
Phẩm 7: BỐN TƯỚNG 2	93
QUYỂN VI	115
Phẩm 8: BỐN Y	115
QUYỂN VII	136
Phẩm 9: TÀ CHÁNH	136
Phẩm 10: TỬ ĐẾ	148
Phẩm 11: BỐN ĐIÊN ĐÀO.....	150
QUYỂN VIII	152
Phẩm 12: NHƯ LAI TÁNH	152
Phẩm 13: VẤN TỰ.....	170
Phẩm 14: ĐIỂU DỤ.....	176
QUYỂN IX	182
Phẩm 15: NGUYỆT DỤ.....	182
Phẩm 16: BỒ TÁT.....	186
QUYỂN X	209

Phẩm 17: NHẤT THIẾT ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN.....	209
Phẩm 18: HIỆN BỆNH.....	227
QUYỂN XI	241
Phẩm 19: THÁNH HẠNH 1	241
QUYỂN XII	267
Phẩm 19: THÁNH HẠNH 2.....	267
QUYỂN XIII	285
Phẩm 19: THÁNH HẠNH 3.....	285
QUYỂN XIV	304
Phẩm 20: PHẠM HẠNH 1	304
QUYỂN XV	329
Phẩm 20: PHẠM HẠNH 2	329
QUYỂN XVI	353
Phẩm 20: PHẠM HẠNH 3	353
QUYỂN XVII	379
Phẩm 20: PHẠM HẠNH 4	379
QUYỂN XVIII	402
Phẩm 20: PHẠM HẠNH 5	402
Phẩm 21: HẠNH ANH NHI	420
QUYỂN XIX	423
Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 1 ..	423
QUYỂN XX	446
Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 2 ..	446
QUYỂN XXI	465
Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 3 ..	465
QUYỂN XXII	481
Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 4 ..	481
QUYỂN XXIII	501
Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 5 ..	501
QUYỂN XXIV	524
Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 6 ..	524
QUYỂN XXV	539
Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 1.....	539
QUYỂN XXVI	557

Phẩm 23: BỒ TÁT SỰ TỬ HỔNG 2	557
QUYỂN XXVII	582
Phẩm 23: BỒ TÁT SỰ TỬ HỔNG 3	582
QUYỂN XXVIII	603
Phẩm 23: BỒ TÁT SỰ TỬ HỔNG 4	603
QUYỂN XXIX	624
Phẩm 23: BỒ TÁT SỰ TỬ HỔNG 5	624
QUYỂN XXX	645
Phẩm 23: BỒ TÁT SỰ TỬ HỔNG 6	645
QUYỂN XXXI	667
Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 1	667
QUYỂN XXXII	697
Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 2	697
QUYỂN XXXIII	723
Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 3	723
QUYỂN XXXIV	747
Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 4	747
QUYỂN XXXV	772
Phẩm 25: KIỂU TRẦN NHƯ 1	772
QUYỂN XXXVI	799
Phẩm 25: KIỂU TRẦN NHƯ 2	799

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH
TẬP 49

BỘ NIẾT BÀN

2

SỐ 375

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 375

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

*Hán dịch: Căn cứ vào bản dịch của Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm, đời
Tống. Sa-môn Tuệ Nghiêm, Tuệ Quán và Cư sĩ Tạ Linh Vận sửa lại.*

QUYỂN I

Phẩm 1: TỰA

Tôi nghe như vậy:

Một thuở, Đức Phật ở trong rừng Ta-la song thọ, bên bờ sông A-di-la-bạt-đề, nơi sinh địa của dòng họ Lực sĩ, thuộc thành Câu-thi-na. Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng với các vị Đại Tỳ-kheo gồm tám mươi ức trăm ngàn người, trước sau vây quanh. Ngày mười lăm tháng hai, lúc sắp Niết-bàn, Đức Thế Tôn dùng thần lực của Phật phát ra âm thanh lớn. Âm thanh ấy vang khắp đến tận trời Hữu Đảnh, tùy theo âm thanh của từng loài mà báo khắp chúng sinh: “Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, người thương yêu chúng sinh, cứu giúp chúng sinh, xem chúng sinh như La-hầu-la, là chỗ quy y, là nhà của thế gian, hôm nay sắp vào Niết-bàn. Tất cả chúng sinh, nếu có điều gì nghi hoặc thì nay đều có thể hỏi vì đây là lần hỏi sau cùng”. Lúc này, vào lúc sáng sớm, từ diện môn Đức Thế Tôn phóng ra đủ thứ ánh sáng. Ánh sáng ấy màu sắc xen nhau: màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, mã não. Ánh sáng chiếu soi khắp những thế giới chư Phật trong ba ngàn đại thiên này, cho đến mười phương cũng như vậy. Chúng sinh nơi sáu đường trong những thế giới ấy, ai gặp được ánh sáng này thì tất cả tội cấu phiền não

đều tiêu trừ. Những chúng sinh này thấy nghe thế rồi, lòng rất ưu não, đồng thời cất tiếng kêu thương gào khóc: “Ôi! Đấng Từ phụ! Đau thay! Khổ thay!”. Họ đưa tay vỗ đầu, đấm ngực, thét lớn. Trong số họ, hoặc có người thân thể run rẩy, nước mắt ràn rụa, nghẹn ngào. Bấy giờ, đất đai, núi lớn, biển cả đều chấn động. Các chúng sinh đều nói với nhau: “Mỗi người hãy tự đè nén, chớ nên sầu khổ quá. Phải cùng nhau mau chóng đi đến chỗ sinh sống của dòng họ Lực sĩ tại thành Câu-thi-na, đến chỗ Đức Như Lai, đầu mặt lễ kính, khuyến thỉnh Đức Như Lai chớ vào Niết-bàn mà nên trụ thế một kiếp hoặc non một kiếp”. Họ cùng nắm tay nhau nói: “Thế gian trống rỗng! Chúng sinh hết phước! Nghiệp bất thiện ở thế gian tăng trưởng! Các vị hãy đi nhanh lên, đi nhanh lên! Đức Như Lai chẳng bao lâu nhất định vào Niết-bàn”. Họ lại nói: “Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng! Chúng ta từ nay không có người cứu giúp, không nơi nương tựa, bần cùng cô cút. Một mai xa lìa Đấng Thế Tôn vô thượng, giả sử có điều gì nghi hoặc sẽ hỏi ai?”.

Có vô lượng những đại đệ tử như Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, Tôn giả Bạc-câu-la, Tôn giả Ưu-ba-nan-đà v.v... Những vị Đại Tỳ-kheo như vậy gặp ánh sáng của Đức Phật thì thân họ run rẩy rúng động, thậm chí rúng động mạnh chẳng thể tự kìm chế, lòng hết hoảng mê loạn, cũng phát ra tiếng kêu lớn, sinh ra đủ thứ khổ não như thế v.v... Bấy giờ, lại có tám mươi trăm ngàn những Tỳ-kheo v.v... đều là A-la-hán, lòng được tự tại, mọi việc đã hoàn thành, lìa các phiền não, điều phục các căn, như đại Long vương có uy đức lớn, thành tựu không tuệ, đạt được lợi mình như rừng chiên-đàn với chiên-đàn vây quanh, như sư tử chúa với sư tử vây quanh. Họ thành tựu vô lượng công đức như vậy, tất cả đều là đệ tử chân chính của Đức Phật. Sáng hôm ấy, khi mặt trời mới mọc, họ rời khỏi nơi thường trụ, vừa dùng cành dương để chà răng thì thấy ánh sáng của Đức Phật. Họ bảo nhau: “Các ông hãy mau rửa mặt súc miệng sạch sẽ!”.

Nói thế xong, toàn thân run sợ, khắp người máu hiện đỏ như hoa Ba-la-xa, họ khóc lóc, nước mắt đầm đìa, sinh khổ não lớn. Vì muốn tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, thành tựu hạnh không số một của Đại thừa, hiển phát mật giáo phương tiện của Đức Như Lai, vì chẳng đoạn

tuyệt các thứ thuyết pháp, vì các chúng sinh điều phục nhân duyên nên những vị ấy mau chóng đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, lại có cô gái Câu-đà-la, Tỳ-kheo-ni Thiện Hiện, Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-nan-đà, Tỳ-kheo-ni Hải Ý v.v... cùng với sáu mươi ức Tỳ-kheo-ni, tất cả cũng là đại A-la-hán, các lậu đã tận, tâm được tự tại, công việc đã hoàn thành, lìa khỏi các phiền não, điều phục các căn, giống như rồng lớn, có uy đức lớn, thành tựu không tuệ. Sáng hôm ấy, lúc mặt trời mới mọc, những vị này cũng toàn thân run sợ, khắp người máu hiện đỏ như hoa Ba-la-xa, khóc lóc nước mắt đầm đìa, sinh khổ não lớn. Các vị ấy cũng muốn tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, thành tựu hạnh không số một của Đại thừa, hiển phát mật giáo phương tiện của Đức Như Lai, vì chẳng đoan tuyệt các loại thuyết pháp, vì muốn cho các chúng sinh điều phục nhân duyên, nên họ mau chóng đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính, lui ngồi một bên. Ở trong chúng Tỳ-kheo-ni này lại có các Tỳ-kheo-ni đều là Bồ-tát, là rồng trong loài người, an trụ địa Bất động trong mười địa, nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên thị hiện thọ thân nữ mà thường tu tập bốn tâm vô lượng, được sức tự tại, có thể hóa làm Phật.

Lúc này, có một hàng hà sa Đại Bồ-tát, là rồng trong loài người, an trụ địa Bất động trong mười địa, phương tiện hiện thân. Tên những vị ấy là Bồ-tát Hải Đức, Bồ-tát Vô Tận Ý v.v... đều là những bậc thượng thủ. Những vị ấy đều kính trọng Đại thừa, an trụ Đại thừa, hiểu sâu Đại thừa, yêu thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa, có thể khéo léo thuận theo tất cả thế gian, nói lên lời thề rằng: “Những người chưa độ thì sẽ khiến cho được độ”. Họ đã ở trong vô số kiếp đời quá khứ, tu trì tịnh giới, giữ gìn hạnh nguyện, giải thoát cho người chưa giải thoát, nối truyền hạt giống Tam bảo khiến cho chẳng đoan tuyệt, vào đời vị lai sẽ chuyển bánh xe pháp, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm. Những vị ấy thành tựu vô lượng công đức như vậy, bình đẳng quan sát chúng sinh xem như con một. Cũng vào sáng hôm ấy, lúc mặt trời mọc, những vị ấy thấy ánh sáng Đức Phật thì toàn thân run sợ, khắp người máu hiện đỏ như hoa Ba-la-xa, khóc lóc nước mắt đầm đìa,

sinh khổ não lớn. Cũng vì muốn tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, thành tựu hạnh không số một của Đại thừa, hiển phát mật giáo phương tiện của Đức Như Lai, vì chẳng đoạn tuyệt các loại thuyết pháp, vì muốn cho các chúng sinh điều phục nhân duyên, nên những vị ấy mau chóng đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, lại có hai hàng hà sa những Ưu-bà-tắc thọ trì năm giới, oai nghi đầy đủ. Trong đó Ưu-bà-tắc Uy Đức Vô Cấu Xưng Vương, Ưu-bà-tắc Thiện Đức v.v... đều là những bậc thượng thủ. Họ ưa quan sát các môn đối trị như là khổ - vui, thường - vô thường, tịnh - bất tịnh, ngã - vô ngã, thật - chẳng thật, quy y - chẳng phải quy y, chúng sinh - chẳng phải chúng sinh, hăng - chẳng phải hăng, an - chẳng phải an, vi - vô vi, đoạn - chẳng đoạn, Niết-bàn - chẳng phải Niết-bàn, tăng thượng - chẳng phải tăng thượng v.v... Họ thường quan sát những pháp môn đối trị như vậy, cũng muốn nghe Đại thừa vô thượng. Rồi như những điều họ đã nghe, có thể vì người khác giảng nói, giới trì tịnh giới, khát ngưỡng Đại thừa, đã tự đầy đủ lại có thể làm đầy đủ cho người khát ngưỡng khác, có thể giới thủ giữ trí tuệ vô thượng, yêu thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa, có thể giới thuận theo tất cả thế gian, độ người chưa độ, tiếp nối hạt giống Tam bảo khiến cho chẳng đoạn tuyệt, ở đời vị lai sẽ chuyển bánh xe pháp, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, thường hưởng hương vị giới hạnh thanh tịnh một cách sâu xa. Họ có thể thành tựu hết công đức như vậy, đối với các chúng sinh phát sinh lòng đại bi, bình đẳng không hai, xem như con một. Cũng vào sáng hôm ấy, lúc mặt trời mới mọc, vì muốn trà tỳ thân của Đức Như Lai nên người người đều lấy gỗ thơm hàng vạn bó, nào là chiên-đàn, trầm thủy, ngư đầu chiên-đàn, thiên mộc hương v.v... Hoa văn của mỗi cây này đều có ánh sáng vi diệu của bảy báu, ví như đủ thứ đồ họa nhiều màu xen lẫn. Do Phật lực nên có màu sắc đẹp đẽ xanh vàng đỏ trắng này được các chúng sinh ưa nhìn ngắm. Những cây gỗ đều được bôi lên đủ thứ hương thơm như uất kim, trầm thủy và giao hương. Rải các thứ hoa dùng để trang nghiêm như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng. Bên trên những cây gỗ thơm treo phướn năm màu mềm mại vi diệu giống như áo trời, áo tơ tằm, áo gai, lụa ngũ sắc. Những cây gỗ

thơm này được chở trên xe báu. Những xe báu này phát ra đủ thứ ánh sáng xanh vàng đỏ trắng. Càng xe, nan hoa xe đều dùng bảy báu cấu vào. Mỗi một chiếc xe này dùng bốn ngựa kéo mà con ngựa nào cũng chạy nhanh như gió. Trước mỗi một chiếc xe dựng lên năm mươi cờ đẹp bằng bảy báu và màn lưới bằng sợi vàng ròng che bên trên. Mỗi một xe báu lại có năm mươi lọng báu đẹp đẽ. Trên mỗi xe buông rủ xuống những tràng hoa như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng. Những hoa ấy thuần dùng vàng ròng làm cánh, kim cương làm đài. Trong đài hoa này có nhiều ong đen bay đến đậu, vui sướng thọ lạc trong ấy. Trong hoa lại phát ra âm thanh vi diệu như là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong âm thanh đó lại nói lên việc hành đạo xưa của Bồ-tát. Lại có đủ thứ ca múa, kỹ nhạc, đàn địch sáo tiêu cổ xúy. Trong tiếng nhạc đó lại phát ra lời này: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng!”. Trước mỗi một xe có Ưu-bà-tắc nâng bốn cái án báu. Trên những án này có đủ thứ hoa như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng. Các mùi hương uất kim và còn các loại hương xông vi diệu đệ nhất khác. Các vị Ưu-bà-tắc vì Đức Phật và chúng Tăng bày biện đủ thứ những thức ăn đều được nấu chín bằng củi thơm chiên-đàn trầm thủy và nước tám công đức. Những thức ăn ấy ngon ngọt có đủ sáu vị, một là đắng, hai là chua, ba là ngọt, bốn là cay, năm là mặn, sáu là nhạt. Thức ăn ấy lại có ba đức, một là mềm mại, hai là tinh khiết, ba là đúng như pháp. Tạo tác đủ thứ trang nghiêm như vậy, các Ưu-bà-tắc đến chỗ sinh xứ của dòng họ Lực sĩ ở Ta-la song thọ, lại dùng cát vàng trải khắp trên đất ấy, rồi dùng áo Ca-lăng-già, áo Khảm-bà-la và áo tơ lụa ngũ sắc mà phủ lên cát, đầy khắp chu vi mười hai do-tuần. Họ vì Đức Phật và chúng Tăng đặt bày tòa sư tử bảy báu, tòa ấy cao lớn như núi Tu-di, trên các tòa đó đều có trưởng báu buông xuống những chuỗi ngọc. Những cây Ta-la đều treo đủ thứ phướn, lọng đẹp, bôi vào cây đủ thứ hương thơm, dùng đủ thứ danh hoa rải khoảng giữa các cây. Các vị Ưu-bà-tắc đều nghĩ: “Tất cả chúng sinh, nếu có sự thiếu thốn thức ăn, thức uống, y phục, đầu mắt, các bộ phận thân thể thì theo sự cần dùng của họ đều cấp cho hết”. Khi tác khởi ý niệm bố thí đó thì lìa khỏi lòng tham dục, sân hận vẫn dục độc hại, không còn suy nghĩ, nguyện cầu phước lạc thế gian, ý chí chỉ cầu

Bồ-đề vô thượng thanh tịnh. Những vị Ưu-bà-tắc này đều đã an trụ ở đạo Bồ-tát. Họ lại khởi ý niệm này: “Đức Như Lai hôm nay nhận thức ăn của ta rồi sẽ vào Niết-bàn”. Nghĩ thế rồi toàn thân họ run sợ, khắp người máu hiện đỏ như hoa Ba-la-xa, họ khóc lóc nước mắt đầm đìa, sinh khổ não lớn. Ai nấy đều đem các thứ cúng dường mang theo chở trên xe báu như gỗ thơm, cờ phướn, lọng báu, thức ăn, thức uống v.v... mau chóng đến chỗ Đức Phật, đánh lễ nơi chân Ngài, đem các thứ cúng dường của mình mang theo cúng dường Đức Như Lai, đi quanh trăm ngàn vòng, cất tiếng gào khóc bi ai, động đến trời đất, đấm ngực kêu lớn, nước mắt tuôn xuống như mưa. Họ lại bảo nhau: “Khổ thay! Hỡi Như Lai! Thế gian rộng không! Thế gian rộng không!”. Rồi họ liền gieo mình trước Đức Như Lai mà bạch:

–Nguyện xin Đức Như Lai thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Thế Tôn biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Họ thỉnh như vậy ba lần, Đức Phật đều chẳng hứa. Sở nguyện của các Ưu-bà-tắc chẳng kết quả, lòng họ mang đau buồn, đứng im lặng. Giống như người cha hiền có con một bị bệnh chết vừa chôn cất trở về nên ưu não vô cùng. Các vị Ưu-bà-tắc buồn khóc khổ não cũng như vậy. Họ đem những thứ cúng dường đặt yên vào một chỗ rồi lui về một bên, lặng lẽ ngồi xuống.

Bấy giờ, lại có ba hằng hà sa những Ưu-bà-di thọ trì năm giới, oai nghi đầy đủ. Trong đó: Ưu-bà-di Thọ Đức, Ưu-bà-di Đức Man, Ưu-bà-di Tỳ Xá Khư v.v... tám vạn bốn ngàn người đều là bậc thượng thủ. Họ đều đủ sức đảm nhận việc hộ trì chánh pháp, nhưng vì hóa độ vô lượng trăm ngàn chúng sinh nên thị hiện thân nữ, chê bai việc nhà. Họ tự quán thân mình như bốn con rắn độc, thân này thường bị sự ăn nuốt của vô lượng những loài trùng; thân này hôi thối bị tham dục giam giữ, trói buộc; thân này đáng ghét giống như chó chết; thân này bất tịnh, chín lỗ thường chảy ra thứ bất tịnh; thân này là ngôi thành chứa máu thịt gân xương được da bọc lên trên. Tay chân dùng làm trụ chống đỡ. Mất là lỗ hở, đầu là nhà, tâm vương ở trong đó. Thành trì của thân như vậy là thứ bỏ đi của chư Phật Thế Tôn mà người ngu phàm phu thì thường tham đắm. Quỷ La-sát tham dâm, sân hận, ngu si ở trong thành trì ấy. Thân

này chẳng bền giống như cỏ lau, hoa y lan, bọt nước, cây chuối. Thân này vô thường niệm niệm chẳng dừng giống như ánh chớp, nước chảy xiết, lửa huyễn, cũng giống như vẽ trên nước. Thân này dễ hoại giống như cây cao lớn gần bờ sông. Thân này chẳng bao lâu bị sự ăn nuốt của chồn sói, kên kên, chim ưng, quạ diều, chó đói v.v. Ai là người có trí mà ưa thân này? Thà dùng vết chân trâu đựng hết nước biển cả chứ chẳng thể nói đầy đủ sự vô thường, bất tịnh, hôi thối của thân này. Thà vo tròn đại địa làm cho bằng quả táo, dần dần trở thành nhỏ như hạt rau đay, thậm chí như hạt bụi chứ chẳng thể nói đầy đủ lỗi hoạn của thân này. Vậy nên phải bỏ nó như nhổ bỏ nước bọt. Do nhân duyên này nên các vị Ưu-bà-di dùng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện luôn tu dưỡng tâm mình. Họ rất ưa hỏi và thích thọ kinh điển Đại thừa, nghe rồi cũng có thể vì người khác diễn nói, hộ trì bản nguyện, chê bai thân nữ, rất chán ghét tánh chẳng bền chắc của thân, lòng thường tu tập chánh quán như vậy. Họ phá hoại sự luân chuyển không bờ bến của sinh tử, khát ngưỡng Đại thừa, đã tự viên mãn, lại có thể viên mãn cho những người khát ngưỡng. Họ tin sâu Đại thừa, giữ gìn Đại thừa, tuy hiện thân nữ nhưng thật chính là Bồ-tát, có thể giải thuận theo tất cả thế gian, độ người chưa độ, giải thoát kẻ chưa giải thoát, nối dõi dòng giống Tam bảo khiến cho chẳng đoạn tuyệt. Ở đời vị lai họ sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, giữ vững giới cấm, đều thành tựu hết những công đức như vậy. Đối với các chúng sinh, họ sinh lòng đại bi, bình đẳng không hai, xem như con một. Cũng vào sáng sớm hôm ấy, lúc mặt trời mọc, họ đều nói với nhau: “Hôm nay phải đến rừng song thọ”. Các vị Ưu-bà-di đã thiết bày các thức cúng dường bội phần hơn trước, đem đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng rồi bạch:

–Thưa Thế Tôn! Chúng con hôm nay vì Đức Phật và chúng Tăng bày biện các thức cúng dường, nguyện xin Đức Như Lai xót thương nhận sự cúng dường của chúng con.

Đức Như Lai im lặng chẳng nhận. Các vị Ưu-bà-di biết sở nguyện của mình chẳng kết quả, mang lòng buồn bã, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, lại có bốn hàng hà sa những Ly xa gồm trai gái lớn nhỏ, vợ con, quyến thuộc ở thành Tỳ-xá-ly và quyến thuộc của các vua cõi

Diêm-phù-đề, vì cầu pháp nên giỏi tu giới hạnh, oai nghi đầy đủ, hàng phục kẻ dị học phá hoại chánh pháp, thường nói với nhau: “Chúng ta sẽ dùng cả kho chứa vàng bạc để làm kho chánh pháp thâm diệu ngọt ngào vô tận trụ thế lâu dài và nguyện khiến cho chúng ta thường được tu học. Nếu có người bài bác chánh pháp của Đức Phật thì chúng ta sẽ cắt lưỡi của họ”. Họ lại phát nguyện: “Nếu có kẻ xuất gia hủy phạm cấm giới thì chúng con sẽ buộc họ khiến hoàn tục. Giả sử có người ưa hộ trì chánh pháp thì chúng con sẽ kính trọng như thờ cha mẹ. Nếu có chúng Tăng có thể tu theo chánh pháp thì chúng con sẽ tùy hỷ khiến cho họ được thế lực, thường ưa thích nghe kinh điển Đại thừa, nghe rồi cũng có thể vì người khác giảng nói rộng rãi, đều thành tựu công đức như vậy”. Những người ấy tên là Ly xa tử Tịnh Vô Cấu Tạng, Ly xa tử Tịnh Bất Phóng Dật, Ly xa tử Hằng Thủy Vô Cấu Tịnh Đức v.v... Những người như vậy đều nói với nhau: “Các ông hôm nay có thể mau đến chỗ Đức Phật bày biện đầy đủ các phẩm vật cúng dường”. Mỗi một Ly xa đều trang hoàng tám vạn bốn ngàn voi lớn, tám vạn bốn ngàn xe báu bốn ngựa, tám vạn bốn ngàn ngọc báu minh nguyệt, củi thiên mộc, chiên-đàn, trầm thủy v.v... mỗi loại đều có đủ tám vạn bốn ngàn. Trước mỗi con voi có cờ phướn, lọng báu, thứ lọng nhỏ nhất chu vi ngang dọc cũng đến một do-tuần, phướn báu ngắn nhất cũng dài đến ba mươi ba do-tuần, cờ báu thấp nhất cũng cao đến một trăm do-tuần. Họ mang những phẩm vật cúng dường như vậy đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay vì Đức Phật và Tăng bày biện các phẩm vật cúng dường, nguyện xin Đức Như Lai thương xót thọ nhận sự cúng dường của chúng con!

Đức Như Lai im lặng chẳng thọ nhận. Các Ly xa chẳng thỏa sở nguyện, lòng mang ưu sầu. Do thần lực của Đức Phật nên họ lặng yên trụ ở trong hư không, cách mặt đất bảy cây Đa-la.

Bấy giờ, có năm hàng hà sa đại thần, trưởng giả kính trọng Đại thừa. Nếu có kẻ dị học phỉ bác chánh pháp thì những người này có đủ năng lực làm họ khuất phục giống như mưa đá làm gãy đổ cỏ cây. Tên những người ấy là Trưởng giả Nhật Quang, Trưởng giả Hộ Thế, Trưởng giả Hộ Pháp v.v... những vị ấy là bậc thượng thủ. Họ thiết bày các thức

cúng dường gấp năm lần những người trước, cùng mang đến vùng Ta-la song thọ, đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi quanh trăm ngàn vòng rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con hôm nay vì Đức Phật và Tăng thiết bày phẩm vật cúng dường. Nguyên xin Đức Phật thương xót thọ nhận sự cúng dường của chúng con.

Đức Như Lai im lặng chẳng thọ nhận. Các vị Trưởng giả v.v... chẳng thỏa sở nguyện, lòng mang sầu não, nhờ thần lực của Đức Phật nên lặng yên trụ ở trong hư không, cách mặt đất bảy cây Đa-la.

Bấy giờ, có vua Tỳ-xá-ly và phu nhân quyến thuộc ở hậu cung, các vua ở trong cõi Diêm-phù-đề, trừ vua A-xà-thế, cùng với dân chúng trong thành ấp, làng xóm, những vua ấy tên là Nguyệt Vô Cấu v.v... Họ đều chửi đốn bốn thứ binh muốn đi đến chỗ Đức Phật. Mỗi vị vua này đều có một trăm tám mươi vạn ức dân chúng quyến thuộc. Những binh xa này do voi, ngựa kéo. Voi có sáu ngà, ngựa chạy nhanh như gió. Các thức cúng dường trang nghiêm của họ gấp sáu lần những người trước. Trong số lọng báu, cái cực nhỏ thì chu vi ngang dọc đến tám do-tuần, phướn báu cực ngắn thì cũng đến mười sáu do-tuần, cờ báu thấp nhất thì cũng đến ba mươi sáu do-tuần. Những vị vua này v.v... an trụ chánh pháp, ghét tà pháp như giặc ác, kính trọng Đại thừa, ưa thích Đại thừa, thương xót chúng sinh, xem họ bình đẳng như con một. Họ mang theo thức ăn, thức uống, hơi thơm lan tỏa đầy bốn do-tuần. Cũng vào sáng hôm ấy, khi mặt trời mới mọc, họ mang đủ các thứ cúng dường thượng diệu đi đến vùng Ta-la song thọ, đến chỗ Đức Như Lai bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con vì Phật và Tỳ-kheo Tăng thiết bày phẩm vật cúng dường này. Nguyên xin Như Lai xót thương nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con.

Đức Như Lai biết đã đúng lúc, nhưng cũng chẳng nhận. Những vua này v.v... chẳng thỏa sở nguyện, lòng mang sầu não, lui đứng một bên.

Bấy giờ, có bảy hằng hà sa phu nhân của các vua, trừ phu nhân của vua A-xà-thế, vì độ chúng sinh nên thị hiện thọ thân nữ. Họ thường quán thân hành, dùng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện mà huân tu

tâm ý. Những vị ấy tên là phu nhân Tam Giới Diệu, phu nhân Ái Đức v.v... Phu nhân của những vua như vậy đều an trụ ở trong chánh pháp, tu hành giới cấm, uy đức đầy đủ, thương xót chúng sinh, xem họ như con một. Họ đều nói với nhau: “Hôm nay phải mau đi đến chỗ Đức Thế Tôn”. Các vương phu nhân thiết bày sự cúng dường gấp bảy lần những người trước. Nào là hương hoa, cờ phướn, lọng báu, lụa là ngũ sắc, thức ăn thức uống thượng diệu v.v... Lọng báu nhỏ nhất chu vi ngang dọc phải đến mười sáu do-tuần, cờ phướn ngắn nhất cũng phải đến ba mươi sáu do-tuần, cờ báu thấp nhất cũng phải đến sáu mươi tám do-tuần, mùi thơm thức ăn thức uống lan tỏa khắp tám do-tuần. Họ mang những thứ cúng dường như vậy đi đến chỗ Đức Như Lai, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng rồi bạch:

– Bạch Thế Tôn! Chúng con vì Đức Phật và Tỳ-kheo Tăng thiết bày phẩm vật cúng dường này! Nguyên xin Đức Như Lai thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Phật biết thời, im lặng chẳng nhận. Các phu nhân chẳng thỏa sở nguyện, lòng mang sầu não, tự vò tóc, đấm ngực, khóc to giống như người mẹ mới chôn cất đứa con yêu quý, rồi lui qua một bên, lặng lẽ ngồi xuống.

Bấy giờ, có tám hằng hà sa các Thiên nữ mà trong đó Thiên nữ Quang Mục là thượng thủ. Họ nói với nhau như vậy: “Này các chị, các chị hãy xem kỹ! Xét xem kỹ! Những người đó đã bày biện đủ các thứ cúng dường thượng diệu, muốn cúng dường Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng. Chúng ta cũng phải bày biện trang nghiêm các thứ cúng dường vi diệu như vậy để cúng dường Đức Như Lai. Đức Như Lai thọ rồi vào Niết-bàn. Này các chị! Các Đức Phật Như Lai ra đời rất khó, được cúng dường lần sau cũng lại khó hơn bội phần. Nếu Đức Phật nhập Niết-bàn thì thế gian trống rỗng”. Các vị Thiên nữ này ưa thích Đại thừa, muốn nghe Đại thừa, nghe rồi cũng có thể vì người khác mà giảng nói rộng rãi, niềm khát ngưỡng Đại thừa đã tự mình thỏa mãn, lại có thể thỏa mãn niềm khát ngưỡng cho người khác, giữ gìn Đại thừa. Nếu có kẻ dị học ganh ghét Đại thừa thì thế lực của họ có thể tiêu diệt như mưa đá tiêu diệt cỏ cây. Họ hộ trì giới hạnh, oai nghi đầy đủ, có thể khéo léo thuận theo tất cả thế gian để độ người chưa độ, giải thoát người chưa

giải thoát, ở đời vị lai, họ sẽ chuyển pháp luân, nối dõi dòng giống Tam bảo khiến cho chẳng đoạn tuyệt, tu học Đại thừa, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm. Họ thành tựu vô lượng công đức như vậy, thương yêu chúng sinh xem như con một. Cũng sáng hôm ấy, vào lúc mặt trời mới mọc, họ đem theo đủ thứ thiên mộc hương v.v... nhiều gấp bội gỗ thơm có trong nhân gian. Mùi thơm của gỗ ấy có thể diệt đủ thứ mùi hôi thối trong nhân gian. Rồi có xe trắng che bằng lọng báu trắng do bốn con ngựa trắng kéo, trên mỗi mỗi xe đều giăng trướng trắng, bốn bên trướng ấy treo các chuông nhỏ bằng vàng, trên xe chở đủ thứ hương hoa, cờ phướn, lọng báu, thức ăn ngon thượng diệu, đủ thứ kỹ nhạc và còn bày tòa sư tử. Bốn chân của tòa ngồi ấy thuần bằng lưu ly xanh biếc. Ở sau tòa ngồi ấy, đều có giường tựa bảy báu. Ở trước mỗi một tòa ngồi lại có ghế tựa bằng vàng. Lại dùng bảy báu mà làm cây đèn và ánh sáng của đèn làm bằng đủ thứ ngọc báu. Hoa trời vi diệu trải khắp trên mặt đất. Các Thiên nữ này bày biện các thức cúng dường rồi, lòng đầy ai cảm, nước mắt chan hòa, vô cùng khổ não. Rồi cũng vì lợi ích an lạc cho chúng sinh, thành tựu đệ nhất hạnh không của Đại thừa, hiển phát mật giáo phương tiện của Đức Như Lai và cũng vì chẳng đoạn dứt việc nói pháp v.v... họ đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyên xin Như Lai xót thương nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Như Lai biết thời im lặng chẳng nhận. Các Thiên nữ chẳng thỏa được sở nguyện, lòng mang ưu não, lùi qua một bên, lặng lẽ ngồi xuống.

Bấy giờ, lại có chín hằng hà sa vua rồng trụ ở bốn phương, trong đó vua rồng Hoa Tu Cát, vua rồng Nan-đà, vua rồng Bà-nan-đà là những bậc thượng thủ. Những vua rồng này cũng vào sáng hôm ấy, lúc mặt trời mới mọc, bày biện những thức cúng dường gấp bội của người trời, đem đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng rồi bạch:

–Nguyên xin Như Lai xót thương nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Như Lai biết thời im lặng chẳng nhận. Các vua rồng chẳng

thỏa mãn được sở nguyện, lòng mang sầu não, lui ngồi một bên.

Lúc này, lại có mười hằng hà sa các vua quỷ thần mà vua Tỳ-sa-môn là thượng thủ. Họ đều nói với nhau: “Này các vị! Hôm nay chúng ta nên mau chóng đi đến chỗ Đức Phật”. Họ bày biện các thức cúng dường gấp bội các rồng, đem đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh trăm ngàn vòng rồi bạch:

–Nguyện xin Như Lai thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Như Lai biết thời, im lặng chẳng nhận. Các vua quỷ thần này chẳng thỏa được sở nguyện, ôm lòng sầu não, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, có hai mươi hằng hà sa vua Kim sí điểu, vua Giáng Oán là thượng thủ. Lại có ba mươi hằng hà sa vua Càn-thát-bà, vua Na-la-đạt là thượng thủ. Lại có bốn mươi hằng hà sa vua Khẩn-na-la, vua Thiện Kiến là thượng thủ. Lại có năm mươi hằng hà sa vua Ma-hầu-la-già, vua Đại Thiện Kiến là thượng thủ. Lại có sáu mươi hằng hà sa vua A-tu-la, vua Viêm-bà-lợi là thượng thủ. Lại có bảy mươi hằng hà sa vua Đà-na-bà, vua Vô Cấu Hà Thủy và vua Bạt-đề-đạt-đa v.v... là thượng thủ. Lại có tám mươi hằng hà sa vua La-sát, vua Khả Úy là thượng thủ. Họ lia bỏ tâm ác, chẳng ăn thịt người, ở trong oán ghét phát sinh lòng từ bi. Hình hài họ xấu xí, nhờ thần lực của Đức Phật đều trở nên đoan nghiêm. Lại có chín mươi hằng hà sa vua thần rừng cây, vua Dực Hương là thượng thủ. Lại có một ngàn hằng hà sa vua Trì chú, vua Đại Huyền Trì Chú là thượng thủ. Lại có một ức hằng hà sa vua Tham sắc quỷ mị, vua Thiện Kiến là thượng thủ. Lại có trăm ức hằng hà sa những thể nữ cõi trời, Lam Bà Nữ, Uất Bà Thi Nữ, Đế Lộ Triêm Nữ, Tỳ Xá Khư Nữ v.v... là thượng thủ. Lại có ngàn ức hằng hà sa những vua quỷ, vua Bạch Thấp là thượng thủ. Lại có mười vạn ức hằng hà sa những Thiên tử và những Thiên vương, Tứ Thiên vương v.v... Lại có mười vạn ức hằng hà sa những thần gió bốn phương thổi đúng lúc hay chẳng phải lúc trên các cây, tung rải hoa xuống vùng Ta-la song thọ. Lại có mười vạn ức hằng hà sa thần chủ việc mây mưa, họ đều nghĩ: “Đức Như Lai Niết-bàn, khi thiêu thân Ngài chúng ta sẽ tuôn mưa xuống làm cho lửa tắt ngay. Trong chúng nóng nẩy phiền muộn chúng ta vì họ mà tạo sự mát mẻ”. Lại có hai mươi hằng hà sa voi chúa

đại hương, voi chúa La Hầu, voi chúa Kim Sắc, voi chúa Cam Vị, voi chúa Mắc Biếc, voi chúa Dục Hương v.v... là thượng thủ. Những voi chúa ấy kính trọng Đại thừa, ưa thích Đại thừa, biết Đức Phật chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn, mỗi mỗi đều nhỏ lấy vô lượng vô biên những hoa sen đẹp mang đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ Đức Phật, rồi lui về đứng một bên. Lại có hai mươi hằng hà sa những sư tử chúa, Sư tử hồng chúa là thượng thủ. Các sư tử chúa ban cho tất cả chúng sinh sự vô úy, mang theo những hoa quả đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi lui lại đứng một bên. Lại có hai mươi hằng hà sa những loài chim đầu đàn như: le le, nhạn, uyên ương, công, chim càn-thát-bà, chim ca-lan-đà, chim yểng, chim anh vũ, chim cấu-sí-la, chim bà-hi-già, chim ca-lăng-tần-già, chim kỳ-bà-kỳ-bà v.v... Những loài chim như vậy mang theo hoa quả đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, lui đứng một bên. Lại có hai mươi hằng hà sa những trâu, bò, dê đi đến chỗ Đức Phật, xuất ra sữa thơm vi diệu. Sữa ấy chảy đầy hầm hào sẵn có trong thành Câu-thi-na, màu sắc hương vị thơm ngon đều đầy đủ. Hoàn thành việc này rồi, chúng lui đứng một bên. Lại có hai mươi hằng hà sa những thần tiên ở trong bốn thiên hạ, tiên Nhẫn nhục là thượng thủ, mang theo những hoa thơm và những trái ngọt đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh ba vòng rồi bạch:

–Nguyện xin Thế Tôn thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Như Lai biết thời, im lặng chẳng nhận. Các tiên nhân chẳng thỏa được điều mong ước, ôm lòng sầu não, lui đứng ở một bên.

Tất cả ong chúa trong cõi Diêm-phù-đề mà ong chúa Diệu Âm là thượng thủ, mang theo đủ thứ hoa đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Phật, bay quanh Ngài một vòng, rồi lui đậu một bên.

Bấy giờ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trong cõi Diêm-phù-đề, tất cả đều tập hợp, chỉ trừ hai chúng của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và Tôn giả Anan. Lại có vô lượng vô số hằng hà sa núi trong thế giới và cõi Diêm-phù-đề mà núi Tu-di là thượng thủ. Các núi ấy trang nghiêm bằng rừng rậm um tùm, cây lá sum suê, che ánh sáng mặt trời, đủ thứ hoa đẹp trang sức cùng khắp, suối rồng tuôn nước trong sạch, hương thơm thanh khiết v.v... Chư Thiên, Rồng, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca lưu la,

Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thần tiên chú thuật v.v... tấu xướng kỹ nhạc, những chúng như vậy đầy khắp ở trong núi rừng ấy. Những vị sơn thần cũng đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi lui đứng một bên. Lại có vô số hàng hà sa thần bốn biển lớn và những thần sông có uy đức lớn, đủ đại thần túc, họ bày biện các thứ cúng dường bội phần hơn trước. Ánh sáng nơi thân của chư thần, ánh sáng nơi đèn kỹ nhạc che hết mặt trời, mặt trăng khiến cho biến mất. Họ dùng hoa chiêm-bà rải trên dòng sông Hy liên rồi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, lùi đứng một bên.

Khi đó, rừng cây Ta-la ở thành Câu-thi-na biến thành màu trắng giống như hạc trắng. Ở trong hư không tự nhiên có tòa lâu bảy báu với những hoa văn chạm khắc phân minh trang sức. Lan can chung quanh xen lẫn mọi thứ báu. Bên dưới nhà có nhiều dòng suối, ao tắm hoa sen thượng diệu đầy khắp trong ấy, như nước Uất-đan-việt ở phương Bắc, cũng giống như vườn Hoan hỷ của cõi trời Đao-lợi, bấy giờ, trong rừng cây Ta-la xen lẫn đủ thứ trang nghiêm vô cùng đẹp đẽ cũng như vậy. Những hàng trời, người, A-tu-la v.v... này nhìn thấy tướng của Như Lai Niết-bàn đều bị cảm sâu ưu chẳng vui.

Khi ấy, Tứ Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân đều nói với nhau:

– Các ông quan sát chư Thiên, người đời và A-tu-la bày biện đại lễ cúng dường, muốn đến cúng dường Đức Như Lai lần sau cùng. Chúng ta cũng phải cúng dường như vậy. Nếu chúng ta được cúng dường lần sau cùng thì Thí Ba-la-mật được thành tựu đầy đủ chẳng khó khăn.

Lúc này, Tứ Thiên vương bày biện các thứ cúng dường bội phần hơn trước. Họ mang theo hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha mạn-đà-la, hoa ca-chỉ-lâu-già, hoa ma-ha câu-chỉ-lâu-già, hoa mạn-thù-sa, hoa ma-ha mạn-thù-sa, hoa tán-đa-ni-ca, hoa ma-ha tán-đa-ni-ca, hoa ái lạc, hoa phổ hiền, hoa đại phổ hiền, hoa thời, hoa đại thời, hoa hương thành, hoa đại hương thành, hoa hoan hỷ, hoa đại hoan hỷ, hoa phát dục, hoa đại phát dục, hoa hương tủy, hoa đại hương tủy, hoa phổ hương, hoa đại phổ hương, hoa thiên kim diệp, hoa long thọ, hoa ba-lợi-chất-đa, hoa câu-tỳ-la v.v... lại còn mang theo đủ thức ăn ngon thượng diệu, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài. Những hàng trời, người này

có ánh sáng có thể lấn át mặt trời, mặt trăng khiến cho biến mất. Họ dùng các thứ cúng dường này cúng dường Đức Phật. Đức Như Lai biết thời, im lặng chẳng nhận. Bấy giờ, chư Thiên chẳng thỏa được sở nguyện, lòng sầu lo khổ não, lui đứng một bên.

Lúc này, Thích-đề-hoàn-nhân và trời Ba Mười Ba bày biện các thức cúng dường cũng bội phần hơn trước và đem theo hoa cũng như vậy, hương thơm ngào ngạt vô cùng. Họ mang nhà đẹp, nhà nhỏ đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con rất ái mộ Đại thừa! Nguyện xin Như Lai thương xót nhận thức ăn của chúng con!

Đức Như Lai biết thời, im lặng chẳng nhận. Các trời Đế Thích chẳng thỏa được sở nguyện, lòng ôm sầu não, lui đứng một bên. Cho đến trời thứ sáu bày biện các thức cúng dường càng nhiều hơn trước, với cờ phướn, lọng báu, lọng nhỏ nhất cũng che được bốn thiên hạ, phướn ngắn nhất cũng giáp vòng bốn biển, cờ thấp nhất cũng đến trời Tự Tại. Gió nhẹ thổi vào cờ phát ra âm thanh vi diệu. Họ đem theo thức ăn ngon nhất đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Như Lai thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Như Lai biết thời, im lặng chẳng nhận. Các vị trời này chẳng thỏa được sở nguyện, ôm lòng sầu não, lui đứng một bên.

Lên đến trời Hữu Đảnh, những Phạm chúng khác, tất cả đều đến tập hợp. Bấy giờ, vua trời Đại Phạm và những Phạm chúng khác phóng ra ánh sáng nơi thân mình soi khắp bốn thiên hạ làm cho ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, trời, người nơi cõi Dục đều biến mất. Những cõi trời ấy mang theo cờ phướn, lọng báu, lụa là ngũ sắc, phướn cực ngắn cũng treo thông từ cung Phạm đến vùng cây Ta-la, họ đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Như Lai thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Như Lai biết thời, im lặng chẳng nhận. Các trời Phạm chẳng thỏa được sở nguyện, ôm lòng sầu não, lui đứng một bên.

Bấy giờ, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la cùng với vô lượng đại quyến thuộc A-tu-la mà ánh sáng nơi thân họ hơn cả trời Phạm, mang

theo cờ phướn báu, lọng báu, lụa là ngũ sắc, cái nhỏ nhất cũng che được một ngàn thế giới và thức ăn ngon thượng diệu đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài và bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyên xin Như Lai thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con!

Đức Như Lai biết thời, im lặng chẳng nhận. Các A-tu-la chẳng thỏa được sở nguyện, ôm lòng sầu não, lùi đứng một bên.

Bấy giờ, Ma vương Ba-tuần ở cõi Dục cùng với quyến thuộc, chư Thiên, thể nữ nhiều vô lượng vô biên vô số chúng mở cửa địa ngục bố thí nước mát trong sạch rồi nhân đó mà bảo: “Các người hôm nay đừng làm gì, chỉ phải chuyên nghĩ về Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri mà kiến lập sự tùy hỷ cúng dường lần sau cùng thì khiến cho các người được yên ổn lâu dài”. Ma Ba-tuần ở trong địa ngục trừ hết đao kiếm, vô lượng khổ độc, rưới mưa dập tắt lửa cháy hừng hực. Nhờ thần lực của Đức Phật mà ma Ba-tuần lại phát tâm khiến cho các quyến thuộc đều bỏ đao kiếm, cung nỏ, giáp trụ, binh khí, mâu kích, móc dài, kim chùy, búa lớn, vòng chiến đấu, dây thao. Chúng đã mang theo phẩm vật cúng dường gấp bội phần phẩm vật của tất cả hàng trời, người, lọng báu cái nhỏ nhất của chúng che cả trung thiên thế giới. Họ đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài và bạch:

–Chúng con hôm nay ưa thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa! Thưa Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ vì cúng dường, vì sợ hãi, vì lừa dối người khác, vì tài lợi, vì theo người khác nên thọ nhận Đại thừa này hoặc chân thành, hoặc dối trá thì chúng con bấy giờ sẽ vì người đó trừ diệt sự sợ hãi.

Rồi nói chú như vậy:

Sá chỉ. Trá trá la sá chỉ. Lô ha lệ Ma ha lô ha lê. A la. Già la. Đa la. Tá ha.

Chú này có thể khiến cho những người mất tâm, người sợ hãi, người nói pháp chẳng đoạn chánh pháp, vì hàng phục ngoại đạo, vì hộ thân mình, vì hộ chánh pháp, vì hộ Đại thừa v.v... mà nói chú như vậy. Nếu người nào có thể trì chú như vậy thì không sợ voi dữ, hoặc đến chỗ hiểm trở, đồng vắng, đầm trống chẳng sinh ra kinh sợ, cũng không có nạn nước, lửa, sư tử, cọp, sói, trộm cướp, vua quan. Bạch Thế Tôn! Nếu

người nào có thể trì chú như vậy thì đều có thể trừ diệt những nỗi sợ như vậy. Thưa Thế Tôn! Chúng con hôm nay chẳng do đua nịnh mà nói việc như vậy. Người trì chú này thì con sẽ hết lòng tăng thêm thế lực của họ. Nguyên xin Như Lai thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con!

Bấy giờ, Đức Phật bảo ma Ba-tuần:

–Ta chẳng nhận phẩm vật cúng dường của ông. Nhưng Ta đã nhận thân thú mà các ông đã nói vì muốn an vui cho tất cả chúng sinh và bốn bộ chúng.

Đức Phật nói lời này rồi mặc nhiên chẳng nhận. Ma Ba-tuần thỉnh như vậy ba lần Phật đều chẳng nhận. Ma Ba-tuần chẳng thỏa được sở nguyện, ôm lòng sầu não, lùi lại đứng ở một bên.

Lúc ấy, vua trời Đại Tự Tại cùng với quyến thuộc nhiều vô lượng vô biên và các Thiên chúng bày biện các thứ cúng dường hơn hẳn các thứ cúng dường của Phạm vương, Đế Thích, Hộ Thế Tứ Thiên vương, hàng trời, người, tám bộ chúng và phi nhân v.v... Sự thiết lễ của Phạm vương, Đế Thích giống như giọt mực trở nên lu mờ ở bên cạnh ngọc kha. Lọng báu, cái nhỏ nhất có thể che ba ngàn đại thiên thế giới⁷. Họ đem theo phẩm vật cúng dường như vậy đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh vô số vòng, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Chúng con dâng lên phẩm vật cúng dường nhỏ nhoi giống như con muỗi con ve! Sự cúng dường ở con cũng như có người dùng một bụm nước thả vào biển cả, thắp một ngọn đèn nhỏ trợ giúp cho trăm ngàn mặt trời, những tháng mùa xuân mùa hạ mọi loài hoa tươi tốt mà thêm vào một cành hoa, dùng một cành hoa, dùng một hạt rau đay làm lớn thêm núi Tu-di. Lễ nào biển cả sẽ thêm lớn, mặt trời sẽ thêm sáng, hoa sẽ nhiều hơn lên, núi Tu-di sẽ lớn thêm sao? Thưa Thế Tôn! Con hôm nay dâng lên phẩm vật nhỏ nhoi cũng như vậy. Nếu dùng hương hoa, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới mà cúng dường Như Lai còn chẳng nói là đủ. Vì sao? Như Lai vì các chúng sinh thường ở trong các đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu những khổ não. Vì vậy Thế Tôn nên thương xót nhận sự cúng dường của chúng con!

Bấy giờ, ở phương Đông, cách đây vô lượng vô số thế giới nhiều

như vi trần của vô số hằng hà sa, nơi đó có cõi Phật tên là Ý Lạc Mỹ Âm, Đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Lúc này, Đức Phật kia liền bảo vị đại đệ tử thứ nhất: “Này thiện nam! Ông nay nên đến thế giới Ta-bà ở phương Tây. Nước đó có Đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật đó chẳng bao lâu sẽ vào Niết-bàn. Này thiện nam! Ông nên đem cơm thơm ngon, ăn vào an ổn của thế giới này dâng lên cúng dường Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dùng rồi thì vào Niết-bàn. Này thiện nam! Ông phải lễ kính thỉnh vấn giải quyết những nghi hoặc.

Lúc đó, Đại Bồ-tát Vô Biên Thân liền nghe lời dạy của Đức Phật đứng dậy, đánh lễ dưới chân Ngài, đi quanh bên phải ba vòng, cùng với vô lượng vô số chúng Đại Bồ-tát từ nước đó xuất phát đi đến thế giới Ta-bà này. Ngay tức khắc, đại địa của ba ngàn đại thiên thế giới chấn động sáu cách. Phạm vương, Đế Thích, Tứ thiên vương, Ma vương Ba-tuần, Ma-hê-thủ-la v.v... ở trong chúng thấy đất này chấn động như vậy thì toàn thân run sợ, cổ họng khô ráo, kinh sợ run rẩy bầy, đều muốn chạy tứ tán. Họ tự thấy thân mình không còn ánh sáng, uy đức của mình đều tiêu tan. Khi đó Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi liền đứng dậy bảo các đại chúng:

–Này thiện nam! Các ông chớ sợ, các ông chớ sợ! Vì sao? Vì ở phương Đông cách đây vô lượng vô số thế giới nhiều như vi trần của vô số hằng hà sa, có thế giới tên là Ý Lạc Mỹ Âm, Đức Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri v.v... (đủ mười tôn hiệu). Nơi đó có vị Bồ-tát tên là Vô Biên Thân cùng với vô lượng Bồ-tát sắp đi đến đây cúng dường Đức Như Lai. Do sức uy đức của Bồ-tát đó nên khiến cho ánh sáng nơi thân của các ông biến mất. Vậy các ông nên phát sinh vui mừng chớ ôm nỗi kinh sợ.

Bấy giờ, đại chúng từ xa trông thấy đại chúng của Đức Phật đó như tự nhìn thấy mình trong gương sáng. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo đại chúng:

–Các ông hôm nay đã thấy đại chúng của Đức Phật đó như thấy đại chúng của Đức Phật này. Do thần lực của Đức Phật, các ông sẽ lại được thấy vô lượng các Đức Phật của chín phương như vậy.

Lúc này, đại chúng đều nói với nhau: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng! Đức Như Lai chẳng bao lâu sẽ vào Niết-bàn”.

Khi đó, tất cả đại chúng đều thấy Bồ-tát Vô Biên Thân và quyến thuộc của Bồ-tát ấy. Thân của vị Bồ-tát này, mỗi một lỗ chân lông đều mọc ra một hoa sen lớn. Mỗi một hoa sen đều có bảy vạn tám ngàn thành ấp, dọc ngang bằng nhau như thành Tỳ-xá-ly, tường, vách những hào nước xen lẫn bảy báu, bảy lớp cây Đa-la báu giăng hàng, muôn dân đông đúc, yên ổn, giàu có, vui sướng. Vàng diêm-phù-đàn dùng làm phòng tuyến. Mỗi một phòng tuyến đều có đủ thứ rừng cây bảy báu, hoa trái sum suê. Gió nhẹ thổi lay động phát ra âm thanh vi diệu. Âm thanh ấy hòa nhã giống như âm nhạc cõi trời. Dân chúng trong thành nghe âm thanh này tức thì được hưởng niềm vui thượng diệu. Trong những hào này tràn đầy nước vi diệu trong sạch, hương thơm thanh khiết như chân lưu ly. Trong nước này có thuyền bảy báu, dân chúng cỡi thuyền dạo chơi, tắm gội, cùng nhau vui sướng vô cùng. Lại có vô lượng hoa sen đủ màu, hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, những hoa ấy lớn giống như bánh xe. Trên bờ hào nước có nhiều vườn rừng, trong mỗi vườn rừng có năm ao suối. Những ao này có các loại hoa, hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, những hoa ấy cũng to như bánh xe, mùi thơm ngào ngạt vô cùng hấp dẫn, nước của ao ấy trong sạch êm mát vô cùng, le le, nhạt, yên ướng v.v.. dạo chơi trong ao đó. Trong vườn ấy có cung điện nhà cửa làm bằng mọi thứ báu. Mỗi cung điện ngang dọc trọn bốn do-tuần, có tường vách làm thành bằng bốn thứ báu, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê; cửa sổ bằng vàng ròng, lan can giáp vòng, ngọc vắn côi làm nền với cát vàng trải lên trên. Trong cung điện nhà cửa này có nhiều dòng suối, ao tắm bằng bảy báu. Bờ của mỗi ao đều có mười tám bậc thềm bằng vàng. Vàng diêm-phù-đàn làm cây chuối, như vườn Hoan hỷ của trời Đạo-lợi. Mỗi thành này đều có tám vạn bốn ngàn vua cõi người. Mỗi ông vua đều có vô lượng phu nhân, thể nữ, cùng nhau vui sướng hoan hỷ thọ lạc. Ngoài ra dân chúng cũng như vậy, đều ở nơi trú xứ, cùng

nhau vui sướng. Trong thành này, chúng sinh chẳng nghe danh từ nào khác, chỉ thuần nghe tiếng Đại thừa vô thượng. Trong những hoa sen đó, mỗi một hoa đều có tòa sư tử. Bốn chân tòa ngồi đều bằng lưu ly xanh biếc, trên tòa ngồi trải áo mềm mại. Áo ấy vi diệu vượt trên ba cõi. Trên mỗi một tòa có một vị vua ngồi, dùng pháp Đại thừa giáo hóa chúng sinh. Hoặc có chúng sinh ghi chép, giữ gìn, đọc tụng, theo đúng lời nói tu hành, cứ như vậy mà lưu hành kinh điển Đại thừa. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân làm an ổn vô lượng chúng sinh ở thân mình như vậy rồi, liền khiến cho họ bỏ niềm vui thế gian, đều nói lên: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng! Đức Như Lai chẳng bao lâu sẽ vào Niết-bàn”. Lúc này, Bồ-tát Vô Biên Thân cùng với vô lượng Bồ-tát vây quanh, thị hiện sức thần thông như vậy rồi, đem đủ thứ phẩm vật cúng dường nhiều không lường đó và cả thức ăn thức uống thơm ngon thượng diệu để cúng dường Phật. Nếu có người được nghe mùi thơm của các món ăn này thì các cấu bần phiền não đều tiêu diệt hết. Do sức thần thông của Bồ-tát này nên tất cả đại chúng đều được thấy thân của Bồ-tát Vô Biên Thân biến hóa lớn vô biên, vô lượng đồng với hư không như vậy, chỉ trừ Đức Phật còn không ai có thể thấy giới hạn tầm vóc của thân vị Bồ-tát ấy. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân và quyến thuộc đã bày biện lễ cúng dường gấp bội phần hơn trước, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, chắp tay cung kính bạch:

–Thưa Thế Tôn! Xin Thế Tôn thương xót nhận phẩm vật cúng dường của chúng con!

Đức Như Lai biết thời, mặc nhiên chẳng nhận. Bồ-tát ấy thỉnh đến ba lần như vậy, Đức Phật cũng đều chẳng nhận. Lúc đó, Bồ-tát Vô Biên Thân và quyến thuộc lui đứng một bên. Thế giới chư Phật ở phương Nam, Tây, Bắc cũng có vô lượng Bồ-tát Vô Biên Thân đều đem phẩm vật cúng dường bội phần hơn trước đi đến chỗ Đức Phật cho đến lui đứng một bên, đều cũng như vậy.

Bấy giờ, đất phước cát tường Ta-la song thọ ngang dọc ba mươi hai do-tuần đầy ấp đại chúng không một chỗ trống. Lúc này, Bồ-tát Vô Biên Thân của bốn phương và quyến thuộc của họ đã ngồi vào chỗ nhiều như vi trần hoặc lơ nhố như đầu mũi kim khâu. Những vị Đại Bồ-tát của thế giới chư Phật nhiều như vi trần trong mười phương đều đến

tập hợp và tất cả đại chúng của cõi Diêm-phù-đề cũng đều đến tập hợp, chỉ trừ hai chúng của Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, vua A-xà-thế và quyến thuộc của nhà vua. Thậm chí loài rắn độc mà nhìn thấy là có thể chết người, loài bọ hung, mối mọt v.v... và mười sáu giống làm ác, tất cả đều đến tập hợp. Thần Đà-na-bà, A-tu-la v.v... đều bỏ niệm ác, sinh lòng từ như cha, như mẹ, như chị, như em. Chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới đem lòng lành hướng về nhau cũng như vậy, trừ hạng Nhất-xiển-đề. Lúc này, ba ngàn đại thiên thế giới do thần lực của Đức Phật nên đất đều mềm mại, không gò nổng, đất cát, sỏi đá, gai góc, cỏ độc, mà trang nghiêm bằng mọi thứ báu giống như thế giới Cực lạc của Đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây. Lúc đó, đại chúng đều thấy thế giới chư Phật nhiều bằng vi trần trong mười phương, như tự quan sát thân mình trong gương sáng. Đại chúng thấy các cõi Phật cũng như vậy. Khi đó, từ diện môn của Đức Như Lai phát ra ánh sáng ngũ sắc. Ánh sáng ấy che cả đại hội khiến cho ánh sáng nơi thân của đại hội đó đều biến mất. Ứng hiện xong ánh sáng trở lại vào diện môn. Các hàng trời, người và các chúng hội, A-tu-la v.v... thấy ánh sáng của Đức Phật trở lại theo diện môn mà vào đều rất kinh sợ, run rẩy nói:

–Ánh sáng của Như Lai phát ra rồi vào trở lại chẳng phải không có nhân duyên. Nhất định đối với mười phương, việc làm của Như Lai đã hoàn thành và đó là tướng Niết-bàn sau cùng. Sao mà khổ thế, sao mà khổ thế! Làm sao mà Đức Thế Tôn một sớm lìa bỏ bốn tâm vô lượng, chẳng nhận lễ dâng cúng của hàng trời, người. Ánh sáng mặt trời Thánh tuệ từ nay vĩnh viễn diệt! Thuyền pháp vô thượng chìm mất ở đây! Ôi đau đớn thay! Thế gian khổ lớn rồi!

Họ đưa tay đấm ngực, gào khóc buồn thương, tay chân run rẩy rúng động, chẳng thể tự kiềm chế, những lỗ chân lông trên thân chảy máu tươi xuống đất.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN II

Phẩm 2: THUẦN ĐÀ

Bấy giờ, trong chúng hội có vị Ưu-bà-tắc là người thợ khéo tay của thành Câu-thi-na, tên là Thuần-đa, cùng với mười lăm người bạn đồng nghiệp, vì muốn khiến cho thế gian được quả tốt nên vôi vàng đứng dậy, trật áo vai phải, gối phải quỳ xuống đất, chấp tay hướng về Đức Phật, buồn cảm rơi lệ, đánh lễ dưới chân Ngài, rồi bạch:

–Xin Đức Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng con vì độ cho vô lượng chúng sinh. Thưa Thế Tôn! Chúng con từ nay không còn chủ, không người thân, không ai cứu, không ai hộ, không chỗ về, không nơi đến, bản cùng đói khát khốn khổ, muốn theo Như Lai cầu thỉnh dùng bữa ăn sau cùng, xin Như Lai thương xót nhận cho chút lễ cúng dường của chúng con, sau mới Niết-bàn! Bạch Thế Tôn! Ví như Sát-lợi, hoặc Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà do nghèo cùng nên đến đất nước khác xa xôi, ra sức làm nông mà được trâu tốt thuần thực, ruộng tốt bằng phẳng, không có những đất phèn, cỏ xấu, hoang phế, dơ bẩn, chỉ còn mong trời mưa xuống. Nói trâu thuần thực là ví thân miệng tốt. Ruộng tốt bằng phẳng là ví cho trí tuệ. Trừ khử đất phèn, cỏ xấu, hoang phế, dơ bẩn là ví cho việc trừ khử phiền não. Bạch Thế Tôn! Con nay, thân có trâu thuần, ruộng tốt, làm sạch cỏ, trừ mọi dơ bẩn, chỉ còn mong mưa pháp cam lồ của Như Lai. Bốn tánh nghèo tức là thân con đó. Nghèo là nghèo của báu của pháp vô thượng, xin Thế Tôn thương xót đoạn trừ sự bản cùng khốn khổ của chúng con, cứu vớt vô lượng chúng sinh khổ não. Lễ cúng dường của con tuy ít ỏi nhưng muốn được sung túc cho đại chúng của Như Lai. Con nay không có chủ, không thân thích, không nơi nương tựa, xin Thế Tôn rủ lòng xót thương như thương La-hầu-la.

Lúc này, Đức Thế Tôn Nhất Thiết Chủng Trí Vô Thượng Điều Ngự bảo ông Thuần-đà:

–Hay thay! Hay thay! Ta nay vì ông mà đoạn trừ sự bần cùng. Dùng mưa pháp vô thượng mưa xuống ruộng thân của ông, khiến cho sinh ra mầm pháp. Ông nay đối với Ta muốn cầu thọ mạng, sắc lực, an vui, biện tài vô ngại. Ta sẽ ban cho ông thọ mạng, sắc lực, an vui, biện tài vô ngại. Vì sao? Nay Thuần-đà! Vì cúng dường thức ăn có hai trường hợp mà quả báo không sai khác. Những gì là hai? Một là nhận rồi thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hai là nhận rồi thì vào Niết-bàn. Ta nay nhận sự cúng dường sau cùng của ông, khiến cho ông đầy đủ Thí Ba-la-mật.

Bấy giờ, Thuần-đà liền bạch Phật:

–Như lời Thế Tôn nói, quả báo của hai sự bố thí không sai khác thì nghĩa này chẳng phải. Vì sao? Vì người thọ thí trước thì phiền não chưa hết, chưa thành tựu Nhất thiết chủng trí, cũng chưa thể khiến cho chúng sinh đầy đủ Thí Ba-la-mật. Người thọ thí sau phiền não đã hết, đã thành tựu Nhất thiết chủng trí, có thể khiến chúng sinh đều được đầy đủ Thí Ba-la-mật. Người thọ thí trước còn là chúng sinh, người thọ thí sau là trời trong trời. Người thọ thí trước là thân tạp thực, thân phiền não, thân hậu biên, thân vô thường. Người thọ thí sau là thân không phiền não, là thân kim cương, thân pháp, thân thường tại, thân vô biên. Tại sao nói quả báo của hai cách bố thí này là bình đẳng không sai khác? Người thọ thí trước chưa đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật, chỉ được nhục nhãn chưa được Phật nhãn cho đến tuệ nhãn. Người thọ thí sau đã được đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật, đầy đủ Phật nhãn cho đến tuệ nhãn. Vậy thì sao gọi là quả báo của hai sự bố thí bình đẳng không sai biệt? Thưa Thế Tôn! Người thọ thí trước, thọ rồi ăn vào bụng, tiêu hóa thì được thọ mạng, được sắc, được lực, được yên, được biện tài vô ngại. Người thọ thí sau chẳng ăn, chẳng tiêu, không có kết quả của năm việc, thì sao gọi là quả báo của hai sự bố thí bình đẳng, không sai khác?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như Lai đã ở vô lượng vô biên vô số kiếp, không có thân hữu thực, thân phiền não, không có thân hậu biên, thân

thường còn, thân pháp, thân kim cương. Nay thiện nam! Người chưa thấy Phật tánh thì gọi là thân phiền não, thân tạp thực, thân hậu biên. Bấy giờ Bồ-tát thọ ẩm thực rồi vào Tam-muội kim cương, thức ăn này tiêu rồi liền thấy Phật tánh, đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta nói rằng, quả báo của hai sự bố thí bình đẳng, không sai biệt. Lúc này, Bồ-tát phá bốn ma, nay vào Niết-bàn cũng phá bốn ma. Vậy nên Ta nói rằng, quả báo của hai sự bố thí bình đẳng, không sai biệt. Bấy giờ, Bồ-tát tuy chẳng nói Mười hai bộ loại kinh văn, nhưng đã thông đạt trước, nay vào Niết-bàn vì chúng sinh phân biệt diễn nói rộng rãi. Vậy nên Ta nói rằng, quả báo của hai sự bố thí bình đẳng, không sai biệt. Nay thiện nam! Thân của Như Lai đã ở trong vô số kiếp chẳng thọ ẩm thực, vì các Thanh văn nên Ta nói, trước thọ sự dâng cúng sữa mè của hai cô gái chăn trâu Nan-đà và Nan-đà Ba La, sau đấy mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng thật sự Ta chẳng ăn. Ta nay vì đại chúng trong hội nên thọ sự dâng cúng sau cùng của ông, thật sự cũng chẳng ăn.

Lúc này, đại chúng nghe Đức Phật Thế Tôn vì khắp đại hội, thương xót nhận lễ cúng dường sau cùng của Thuần-đà thì hết sức vui mừng, đồng thanh khen:

–Hay thay! Hay thay! Hy hữu thay Thuần-đà! Ông mang cái tên quả bất hư xưng. Nói Thuần-đà là tên hiểu rõ diệu nghĩa. Ông nay đã kiến lập đại nghĩa như thế. Vậy nên y thật theo nghĩa mà lập danh nên gọi là Thuần-đà. Ông nay, ở đời hiện tại được danh lợi lớn, đức nguyện đủ đầy. Nay Thuần-đà! Ông sinh trong loài người lại được cái lợi vô thượng khó được. Nay Thuần-đà! Như hoa Ưu-đàm hiếm có ở thế gian, Đức Phật ra đời cũng lại rất khó. Gặp Phật sinh ra, tin nghe pháp lại càng khó. Phật sắp Niết-bàn mà cúng dường sau cùng, có thể bày biện việc cúng dường này lại càng khó hơn. Nam-mô Thuần-đà! Nam-mô Thuần-đà! Ông nay đã đủ Thí Ba-la-mật giống như trăng thu đêm ngày mười lăm tròn đầy trong sáng, không có mây che, tất cả chúng sinh không ai chẳng chiêm ngưỡng. Ông cũng như vậy, được chúng tôi chiêm ngưỡng, Đức Phật đã thọ lễ cúng dường sau cùng của ông khiến cho ông đầy đủ Thí Ba-la-mật. Nay Thuần-đà! Vậy nên nói ông như vầng trăng tròn đầy, tất cả chúng sinh không ai chẳng chiêm ngưỡng.

Nam-mô Thuần-đà! Tuy ông thọ thân người nhưng tâm như tâm Phật. Nay Thuần-đà! Ông nay đúng là con của Phật như Tôn giả La-hầu-la không khác.

Bấy giờ, đại chúng liền nói kệ:

*Ông sinh trong loài người
Đã vượt Đệ Lục Thiên
Chúng ta, tất cả chúng
Nay cúi đầu mời ông.
Bậc Tối Thắng loài người
Nay sẽ vào Niết-bàn
Ông nên thương đại chúng
Xin mau thỉnh Thế Tôn.
Trụ lâu ở cõi đời
Lợi ích vô lường chúng
Diễn nói pháp cam lồ
Mà bậc trí khen ngợi.
Nếu ông chẳng thỉnh Phật
Mạng chúng ta chẳng toàn
Vì vậy nên kịp thời
Cúi thỉnh Đức Thế Tôn.*

Lúc này, Thuần-đà vui mừng hớn hở, giống như có người cha mẹ chết làm lễ tang thì bỗng nhiên sống trở lại, Thuần-đà vui mừng cũng như vậy. Ông lại đứng dậy đánh lễ Đức Phật rồi nói kệ:

*Sống thay mình được lợi
Tốt lành được thân người
Tiêu trừ tham, sân, si
Lìa hẳn ba đường ác
Sống thay mình được lợi
Gặp được nhóm báu vàng
Gặp gỡ Đấng Điều Ngự
Chẳng sợ đọa súc sinh!
Phật như hoa Ưu-đàm
Gặp gỡ sinh tin khó
Gặp rồi gieo thiện căn*

Diệt hẳn khổ ngã quý
 Cũng lại hay giảm bớt
 Chủng loại A-tu-la
 Hạt cải ném mũi kim
 Phật ra đời khó vậy!
 Con đã đủ hạnh Thí
 Độ người, trời sinh tử
 Phật chẳng nhiễm thế gian
 Như hoa sen ở nước
 Giải bỏ nước trên đỉnh
 Qua khỏi dòng tử sinh
 Sinh đời, làm người khó
 Gặp đời Phật khó hơn
 Giống như trong biển cả
 Rùa mù gặp bọng cây
 Con nay dưng bữa ăn
 Nguyên được vô thượng báo
 Tất cả kết phiền não
 Triệt phá không kiên cố
 Nay con ở nơi này
 Chẳng cầu thân trời, người
 Giả sử được thân đó
 Lòng cũng chẳng ưa thích
 Như Lai nhận con cúng
 Con vui mừng không cùng
 Giống như hoa y lan
 Phát ra hương chiên-đàn
 Thân con như y lan
 Như Lai thọ con cúng
 Như tỏa hương chiên-đàn
 Vậy nên con hoan hỷ
 Con được báo hiện tiền
 Chỗ thượng diệu tối thắng
 Phạm, Thích và chư Thiên...
 Đều đến cúng dường con

Tất cả những thế gian
 Đều sinh khổ não lớn
 Do biết Phật Thế Tôn
 Nay muốn vào tịch diệt
 Lớn tiếng xưng lên rằng:
 –Thế gian không Điều Ngự
 Chẳng nên bỏ chúng sinh
 Nên xem như con một
 Như Lai ở trong Tăng
 Dẫn nói pháp vô thượng
 Như núi báu Tu-di
 Ở yên với biển cả
 Trí Phật khéo đoan trừ
 Chúng con vô minh ám
 Giống như trong hư không
 Mây nổi được mát mẻ
 Như Lai giỏi trừ khử
 Tất cả những não phiền
 Giống như mặt trời mọc
 Trừ mây, sáng cùng khắp
 Hôm nay những chúng sinh
 Luyến mộ thêm bi thương
 Đều bị trôi dạt ở
 Trong nước khổ tử sinh
 Do vậy nên Đức Phật
 Cho họ thêm niềm tin
 Vì đoan khổ sinh tử
 Ở lâu với thế gian!

Đức Phật bảo Thuần-đà:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Phật ra đời là khó như hoa Ưu-đàm. Gặp được Phật mà sinh lòng tin cũng lại rất khó. Phật sắp Niết-bàn dâng bữa ăn sau cùng để có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật lại khó gấp bội phần. Nay Thuần-đà! Ông nay chớ sầu khổ quá. Ông phải nên hoan hỷ, tự mừng rỡ là may mắn được gặp Như Lai cúng dường lần

sau cùng, thành tựu đầy đủ Thí Ba-la-mật. Ông chẳng nên thỉnh Phật ở lâu trên đời. Ông nay phải quan sát cảnh giới của chư Phật đều là vô thường, tánh tướng các hạnh cũng như vậy.

Đức Phật vì Thuần-đà mà nói kệ:

*Tất cả các thế gian
Sinh thì đều về tử
Thọ mạng tuy không lường
Tất yếu có kết thúc
Có thịnh ắt có suy
Có hợp có ly biệt
Tuổi trẻ chẳng dừng lâu
Sắc thịnh bệnh lẩn lút
Mạng bị thân chết nuốt
Không có pháp thường còn
Các vua được tự tại
Thế lực thật vô song
Tất cả đều đổi dời
Thọ mạng cũng như thế
Bánh xe khổ không bờ
Lưu chuyển không ngưng nghỉ
Ba cõi đều vô thường
Các cõi chẳng phải vui
Tánh tướng của các cõi
Tất cả đều rỗng không
Pháp lưu chuyển hoại tan
Thường có những ưu hoạn
Các lỗi ác kinh hoàng
Già bệnh chết suy não
Là những cái vô biên
Dễ hoại, oán lẩn lút
Bị phiền não buộc ràng
Như tầm ở trong kén
Sao có người tuệ thông
Mà phải ưa chỗ đó?*

Thân này khổ đã gom
 Tất cả đều bất tịnh
 Ung nhọt và buộc ràng
 Căn bản không nghĩa lợi
 Trên đến thân chư Thiên
 Dưới cũng lại như vậy
 Các dục đều vô thường
 Nên Ta chẳng tham đắm
 Lià dục khéo tư duy
 Mà chứng pháp chân thật
 Đoạn các “hữu” rốt cùng
 Hôm nay sẽ Niết-bàn
 Ta qua bờ bên kia
 Ra khỏi tất cả khổ
 Vậy nên hôm nay đây
 Chỉ thọ vui thượng diệu!

Bấy giờ, Thuần-đà bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Quả thật như lời dạy của đức Thánh. Nay với trí tuệ nhỏ nhoi cạn cợt của con giống như con muỗi, con ve thì làm sao có thể nghĩ bàn về ý nghĩa thâm diệu Niết-bàn của Đức Như Lai? Thưa Thế Tôn! Con nay đã cùng với các đại Long tượng, Đại Bồ-tát đoạn hết những kết lậu như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử v.v.... Bạch Thế Tôn! Ví như đứa trẻ thơ mới được xuất gia, tuy chưa đủ giới mà liền kể vào tăng số. Con cũng như vậy, do sức thần thông của Phật, Bồ-tát nên con được ở vào số Đại Bồ-tát như vậy. Vậy con nay mong muốn Như Lai trụ ở đời lâu dài, chẳng vào Niết-bàn. Ví như người đói nhất định không có gì khác để nhờ ra, nguyện xin Thế Tôn cũng như vậy, thường trụ ở đời, chẳng vào Niết-bàn.

Lúc này, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử bảo Thuần-đà:

–Này Thuần-đà! Ông nay chẳng nên nói ra lời như vậy, muốn cho Đức Như Lai thường trụ ở đời, chẳng vào Niết-bàn, như người đói kia không có gì khác để nhờ ra. Ông nay phải quan sát tánh tướng của các hành. Quán hành như vậy đủ Tam-muội không. Muốn cầu chánh

pháp thì ông phải học như vậy.

Thuần-đà hỏi:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Luận về Như Lai thì trên trời, trong loài người Như Lai là bậc tối tôn, tối thắng. Như vậy Như Lai đâu phải là hành? Nếu là hành thì là pháp sinh diệt, ví như bọt nước chóng khởi, chóng diệt, qua lại lưu chuyển giống như bánh xe. Tất cả các hành cũng như vậy. Tôi nghe chư Thiên thọ mạng dài thì sao Đức Thế Tôn là Đấng Thiên Trung Thiên mà thọ mạng mau quá, chẳng đầy trăm năm. Ví như vị chúa xóm làng thế lực được tự tại. Do lực tự tại ông ấy có thể áp chế người khác. Người này hết phước, về sau nghèo hèn bị sự khinh miệt của mọi người, bị người khác sách nhiễu, sai khiến. Vì sao? Vì mất thế lực. Đức Thế Tôn cũng vậy, đồng với các hành. Nếu người đồng các hành thì chẳng được xưng là Đấng Thiên Trung Thiên. Vì sao? Vì các hành tức là pháp sinh tử. Vậy nên, thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát chớ quan sát Đức Như Lai đồng với các hành.

Lại nữa, thưa Bồ-tát Văn-thù! Bồ-tát vì biết mà nói hay chẳng biết mà nói Đức Như Lai đồng với các hành. Giả sử Đức Như Lai đồng với các hành thì chẳng được nói, ở trong ba cõi, Đức Như Lai là Đấng Pháp Vương Tự Tại Thiên Trung Thiên. Ví như vua loài người có vị đại Lực sĩ, sức ông ấy đương đầu được một ngàn người, lại không có ai có thể hàng phục nên xưng Lực sĩ này là một người đương cự được ngàn người. Như vậy Lực sĩ được sự sủng ái của vua, nên được vua ban tước lộc, phong thưởng tự nhiên. Cho dù đã được xưng là người đương đầu được ngàn người nhưng sức người này chưa chắc địch được ngàn người mà họ chỉ dùng đủ thứ khả năng về kỹ nghệ để có thể thắng được ngàn người nên xưng là đương cự ngàn người. Cũng vậy, Đức Như Lai hàng phục ma phiền não, ma ám, ma trời, ma chết v.v... vậy nên Đức Như Lai gọi là bậc tôn quý của ba cõi. Như vị Lực sĩ kia một người đương cự ngàn người. Do nhân duyên này hoặc thành tựu đầy đủ thứ vô lượng công đức chân thật nên xưng là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri v.v... Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay Bồ-tát chẳng nên nhớ tưởng phân biệt pháp của Đức Như Lai đồng với các hành. Ví như ông trưởng giả giàu có sinh con trai. Thầy tướng chiêm quẻ đứa con có tướng đoán mệnh. Cha mẹ nghe rồi biết đứa con ấy

chẳng gánh vác được sự kế tục nối dõi gia đình nên chẳng xem trọng mà xem như cỏ rác. Phàm là người đoán mệnh thì chẳng được kính trọng, nhớ tưởng của Sa-môn, Bà-la-môn, trai gái, lớn nhỏ v.v... Giả sử nếu Đức Như Lai đồng với các hành thì cũng chẳng được sự kính phụng của tất cả thế gian, hàng người, trời, chúng sinh. Đức Như Lai đã nói, chẳng đối, chẳng khác, pháp chân thật cũng không người thọ. Vậy nên, thưa Bồ-tát Văn-thù! Ông chẳng nên nói Đức Như Lai đồng với tất cả các hành.

Lại nữa, thưa Bồ-tát Văn-thù! Ví như người con gái nghèo không có nhà ở, không người cứu giúp, lại thêm sự bức bách của bệnh khổ, đói khát. Người này đi nhiều nơi để xin ăn, sau dừng lại ở nhà trọ, sinh nhờ một đứa con, rồi bị chủ nhà trọ xua đuổi đi. Người ấy bế đứa trẻ này muốn đến nước khác, nhưng ở giữa đường gặp phải mưa to gió lớn, đói rét khổ sở, bị các loài muỗi mòng, ong độc, trùng độc bu cắn. Qua sông Hằng người con gái ấy ẵm con mà lội. Nước sông chảy xiết mà người ấy chẳng buông con. Khi ấy mẹ con đều cùng chết chìm. Nhờ công đức từ niệm, người con gái ấy sau khi mạng chung, sinh lên cõi trời Phạm. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam nào muốn hộ chánh pháp thì chớ nói Như Lai đồng với các hành hay chẳng đồng với các hành mà chỉ tự trách, ta nay ngu si chưa có tuệ nhãn, chánh pháp của Đức Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Vậy chẳng nên tuyên nói Đức Như Lai nhất định là hữu vi hay nhất định là vô vi. Nếu người chánh kiến thì nên nói Như Lai nhất định là vô vi. Vì sao? Vì có thể vì chúng sinh sinh pháp thiện, sinh thương xót như người con gái nghèo kia ở tại sông Hằng vì nghĩa yêu con mà bỏ thân mạng. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát hộ pháp cũng nên như vậy, thà bỏ thân mạng chứ chẳng nói Đức Như Lai đồng với hữu vi mà phải nói rằng, Đức Như Lai đồng với vô vi. Do nói Đức Như Lai đồng với vô vi nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như người con gái nghèo kia được sinh lên cõi trời Phạm. Vì sao? Vì hộ pháp. Sao gọi là hộ pháp? Nghĩa là nói, Đức Như Lai đồng với vô vi. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Người như vậy tuy chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến, như người con gái nghèo kia chẳng cầu Phạm Thiên mà Phạm Thiên tự hiện. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như người đi xa, giữa đường quá mệt mỏi, ở nhờ nhà người

khác, đang nằm ngủ trong nhà thì nhà ấy bỗng nhiên cháy lớn. Người ấy tức thì thức dậy liền tự suy nghĩ: “Ta nay nhất định chết chẳng nghi ngờ gì”. Còn đủ xấu hổ nên người ấy lấy áo buộc thân mình, liền mạng chung sinh lên cõi trời Đao-lợi. Từ đó về sau người ấy tám mươi lần trở lại làm vua trời Đại Phạm, trọn trăm ngàn đời sinh ở trong loài người làm Chuyển luân vương. Người đó chẳng còn sinh vào ba đường ác, lần lượt thường sinh vào nơi yên vui. Do nhân duyên này nên thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Nếu thiện nam nào có hổ thẹn thì chẳng nên xem Đức Phật đồng với các hành. Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ngoại đạo tà kiến có thể nói Đức Như Lai đồng với hữu vi. Nhưng Tỳ-kheo giữ giới thì chẳng nên ở chỗ Đức Như Lai sinh tư tưởng hữu vi như vậy. Nếu nói rằng Đức Như Lai là hữu vi tức là nói dối và phải biết rằng, người này chết sẽ đọa vào địa ngục như người tự ở nơi nhà của mình. Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai chân thật là pháp vô vi, chẳng nên nói là hữu vi. Bồ-tát từ hôm nay ở trong sinh tử nên bỏ vô trí mà cầu chánh trí. Phải biết Đức Như Lai tức là vô vi. Nếu người nào có thể quan sát Đức Như Lai như vậy thì sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, mau chóng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử khen Thuần-đà:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Hôm nay ông đã tạo tác nhân duyên trường thọ, có thể biết Đức Như Lai là pháp thường trụ, pháp chẳng biến dịch, pháp vô vi. Hôm nay ông như vậy là khéo che tướng hữu vi của Đức Như Lai. Như người bị lửa vì xấu hổ nên dùng áo buộc thân, Do tâm thiện đó nên sinh lên trời Đao-lợi, lại được làm Phạm vương, Chuyển luân Thánh vương, chẳng biết đến đường ác, thường thọ yên vui. Ông cũng như vậy, khéo che tướng hữu vi của Đức Như Lai nên ở đời vị lai nhất định sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ Mười tám pháp bất cộng, thọ mạng không lường, chẳng ở tại sinh tử, thường thọ yên vui, chẳng bao lâu được thành tựu Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Nay Thuần-đà! Đức Như Lai tiếp theo sau sẽ tự nói rộng rãi. Tôi cùng với ông đều cũng phải che hữu vi của Đức Như Lai. Hữu vi, vô vi hãy đều gác lại, ông nên tùy lúc mau chóng dâng cúng thức ăn. Cúng dường như vậy là tối thắng trong các thứ cúng dường. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đi xa một mỗi

cực nhọc thì những vật mà họ cần dùng cần phải sạch sẽ, tùy lúc mà cấp cho họ. Bồ thí nhanh chóng như vậy tức là đầy đủ chủng tử căn bản của Thí Ba-la-mật. Nay Thuần-đà! Nếu ông có lễ dâng cúng sau cùng cho Đức Phật và Tăng, hoặc nhiều hay ít, hoặc đủ hay chẳng đủ, thì nên mau chóng kịp thời. Đức Như Lai đứng lúc sẽ vào Niết-bàn.

Thuần-đà đáp:

–Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Sao hôm nay Bồ-tát vì tham bữa ăn này mà nói nhiều ít, đủ cùng chẳng đủ, lệnh cho tôi kịp thời cúng dường? Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai ngày xưa khổ hạnh sáu năm còn tự cố sức chịu đựng huống gì là khoảng giây lát ngày hôm nay. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Bồ-tát hôm nay thật cho là Đức Như Lai Chánh Giác thọ bữa ăn ấy sao. Nhưng tôi thì nhất định biết là thân của Đức Như Lai tức là pháp thân, chẳng phải là thân ăn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời nói của ông Thuần-đà. Hay thay! Nay Thuần-đà! Ông đã thành tựu đại trí vi diệu, khéo vào kinh điển Đại thừa thâm diệu.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Thuần-đà:

–Ông cho Như Lai chính là vô vi thì thân Đức Như Lai tức là trường thọ. Nếu khởi sự hiểu biết này thì Đức Phật được vui lòng ưng ý sao?

Ông Thuần-đà đáp:

–Đức Như Lai chẳng phải riêng vui lòng ưng ý đối với tôi mà cũng vui lòng ưng ý đối với tất cả chúng sinh.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Đức Như Lai đối với ông, đối với tôi và đối với tất cả chúng sinh đều vui lòng ưng ý hết sao?

Thuần-đà đáp:

–Bồ-tát chẳng nên nói Đức Như Lai vui lòng ưng ý. Hễ vui lòng ưng ý thì chính là tướng điên đảo. Nếu có tướng điên đảo thì chính là sinh tử. Có sinh tử tức là pháp hữu vi. Vậy nên, thưa Bồ-tát Văn-thù! Bồ-tát chớ cho Như Lai chính là hữu vi. Nếu nói Đức Như Lai là hữu vi thì tôi cùng Bồ-tát đều hành điên đảo. Thưa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai không có thương yêu nhớ nghĩ. Nói thương yêu nhớ nghĩ

thì như con bò sữa kia thương yêu nhớ nghĩ con của nó nên tuy đói khát đi tìm nước, cỏ, hoặc đủ hay chẳng đủ, cũng vội vã quay trở về. Chư Phật Thế Tôn không có ý niệm này mà bình đẳng xem tất cả như La-hầu-la. Ý niệm như vậy tức là cảnh giới trí tuệ của chư Phật. Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Ví như vị quốc vương ngự xe bốn ngựa mà muốn giông ruổi xe lừa khiến cho kịp xe ấy thì không có việc đó. Tôi cùng Bồ-tát cũng như vậy, muốn tận tường sự thâm diệu vi mật của Đức Như Lai thì cũng không có việc đó. Thừa Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi! Như con chim cánh vàng bay lên hư không cao vô lượng do-tuần nhìn xuống biển cả thấy hết các loài thủy tộc như cá, ba ba, con giải, rùa biển, rồng biển v.v... và thấy bóng của mình như đối trước gương sáng thấy các sắc tượng. Hàng phàm phu ít trí chẳng thể trừ lượng sự thấy như vậy. Tôi cùng Bồ-tát cũng như vậy, chẳng thể trừ lượng trí tuệ của Đức Như Lai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Thuần-đà:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời nói của ông. Ta đối với việc này chẳng phải là chẳng thông đạt mà ta chỉ muốn thử ông bằng những việc Bồ-tát.

Bấy giờ, từ diện môn của Đức Thế Tôn phóng ra đủ thứ ánh sáng. Ánh sáng ấy soi sáng nơi thân Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi gặp ánh sáng ấy rồi thì liền biết việc này mà bảo Thuần-đà:

–Đức Như Lai hôm nay hiện tướng điềm lành đó thì chẳng bao lâu nhất định sẽ vào Niết-bàn. Ông trước đã thiết bày lễ cúng dường sau cùng nên tức thời dâng cúng Đức Phật và đại chúng. Nay Thuần-đà! Ông phải biết, Đức Như Lai phóng ra đủ thứ ánh sáng đó chẳng phải không có nhân duyên.

Thuần-đà nghe rồi, lòng buồn tê tái lặng im. Đức Phật bảo:

–Này Thuần-đà! Việc phụng thí Phật và đại chúng của ông nay đã đúng thời. Như Lai đúng lúc sẽ vào Niết-bàn.

Nói lần thứ hai, thứ ba cũng như vậy. Bấy giờ, Thuần-đà nghe lời Đức Phật cất tiếng gào khóc bi thương, nghẹn ngào nói:

–Khổ thay! Khổ thay! Thế gian rộng không!

Lại bạch với đại chúng:

–Hôm nay tất cả chúng ta sẽ cùng gieo năm vốc xuống đất, đồng

thanh khuyến thỉnh Đức Phật chớ vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Thuần-đà:

–Ông chớ gào khóc lớn, tự làm loạn tâm mình. Ông phải xem thân này giống như cây chuối, như quáng nắng, như bọt nước, như huyễn hóa, như ảo thành, như đồ đất thô, như ánh chớp, cũng như vẽ xuống nước, như người tù sắp chết, như quả chín, như thịt cất khúc, như chỉ dẹt hết, như chày giã lên xuống. Ông phải quan sát các hành giống như thức ăn tạp độc, pháp hữu vi nhiều những lỗi lầm hoạn nạn.

Đến đây, Thuần-đà lại bạch Phật:

–Đức Như Lai chẳng muốn ở lâu nơi đời thì con làm sao mà chẳng kêu khóc: Khổ thay! Khổ thay! Thế gian rộng không! Nguyện xin Thế Tôn thương xót chúng con và các chúng sinh mà ở lâu nơi đời chớ vào Niết-bàn.

Đức Phật bảo Thuần-đà:

–Ông nay chẳng nên phát ra lời nói hãy thương xót con nên ở lâu nơi đời như vậy, Ta vì thương xót ông và tất cả nên ngày hôm nay muốn vào Niết-bàn. Vì sao? Vì các pháp Phật như vậy. Pháp hữu vi cũng vậy. Vậy nên vì các Đức Phật nói kệ:

*Các pháp hữu vi
Tánh nó vô thường
Sinh rồi chẳng trụ
Tịch diệt là vui.*

Này Thuần-đà! Ông nay phải quan sát tất cả hành là tạp loạn, các pháp vô ngã, vô thường, chẳng trụ. Thân này có nhiều lầm lỗi không lường, giống như bọt nước. Vậy ông nay chẳng nên khóc gào.

Bấy giờ, Thuần-đà lại bạch Phật:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Quả đúng như lời dạy của Thế Tôn. Tuy biết Như Lai dùng phương tiện thị hiện vào Niết-bàn mà con chẳng thể chẳng ôm ưu não. Nhưng xét lại suy nghĩ của mình thì lại sinh ra vui mừng.

Đức Phật khen Thuần-đà:

–Hay thay! Hay thay! Ông có thể biết Như Lai thị hiện đồng với chúng sinh mà phương tiện nhập Niết-bàn. Này Thuần-đà! Ông nay hãy lắng nghe! Như loài chim Ta-la-ta vào tháng nắng ấm mùa xuân

đều tập hợp chung ở ao A-nậu-đạt. Các Đức Phật cũng vậy, đều đến chỗ này. Nay Thuần-đà! Nay ông chẳng nên suy nghĩ các Đức Phật trường thọ hay đoản thọ. Tất cả các pháp đều như tướng huyễn, Như Lai ở trong đó dùng sức phương tiện, không bị nhiễm trước. Vì sao? Vì các pháp Phật là vậy. Nay Thuần-đà! Ta nay thọ sự cúng dường của ông là vì muốn khiến cho ông vượt qua các hữu lậu sinh tử. Nếu hàng người, trời cúng dường Ta lần sau cùng thì đều được quả báo bất động, thường hưởng an vui. Vì sao? Vì Ta là ruộng phước tốt của chúng sinh. Nếu ông muốn vì các chúng sinh tạo tác phước điền thì mau chóng bày biện lễ cúng dường chẳng nên chậm trễ.

Bấy giờ, Thuần-đà vì muốn các chúng sinh được độ thoát nên cúi đầu nuốt lệ mà bạch Phật:

–Hay thay! Thừa Thế Tôn! Nếu khi con đủ sức đảm nhận làm ruộng phước thì có thể biết rõ Như Lai nhập Niết-bàn hay chẳng nhập Niết-bàn. Hôm nay chúng con và các Thanh văn, Duyên giác, trí tuệ giống như con muỗi con ve, thật chẳng thể đo lường được là Như Lai nhập Niết-bàn hay chẳng nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Thuần-đà và quyến thuộc ưu sầu, gào khóc, vây quanh Đức Như Lai, đốt hương tung hoa, hết lòng phụng kính, rồi liền cùng với Văn-thù đứng dậy đi bày biện các thức cúng dường.

*
**

Phẩm 3: AI THÁN

Thuần-đà đi chưa bao lâu thì lúc đó đất này sáu thứ chấn động cho đến cõi Phạm cũng như vậy. Đất động có hai, hoặc có địa động hoặc đại địa động. Động nhỏ thì gọi là địa động. Động lớn thì gọi là đại địa động. Có tiếng nhỏ thì gọi là địa động. Có tiếng lớn thì gọi là đại địa động. Chỉ riêng đất động thì gọi là địa động. Động tất cả núi rừng sông biển thì gọi là đại địa động. Động một hướng thì gọi là địa động. Xoay chuyển cùng khắp thì gọi là đại địa động. Động gọi là địa động. Khi động có thể khiến cho lòng chúng sinh động gọi là đại địa động. Khi Bồ-tát mới từ cõi trời Đâu-suất xuống cõi Diêm-phù-đề thì gọi là đại địa động. Bồ-tát từ sơ sinh xuất gia thành tựu Vô thượng Chánh

đăng Chánh giác, chuyển bánh xe chánh pháp và vào Niết-bàn thì gọi là đại địa động. Ngày hôm nay, Đức Như Lai sẽ vào Niết-bàn nên đất này động lớn như vậy.

Khi ấy các trời, rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lưu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và chẳng phải người nghe lời nói này rồi thì thân đều run sợ, đồng thanh buồn khóc mà nói kệ:

*Cúi đầu Đấng Điều Ngự
 Chúng con nay khuyển thỉnh
 Xa lìa bậc Tiên nhân
 Mãi không ai cứu giúp.
 Nay thấy Phật Niết-bàn
 Chúng con chìm bể khổ
 Bị luyến ôm lo buồn
 Như trâu ghé mất mẹ.
 Bàn cùng không ai cứu
 Giống như người bệnh khốn
 Không thuốc tùy ý mình
 Ăn cái chẳng nên ăn.
 Chúng sinh bệnh phiền não
 Bị các kiến hại luôn
 Xa lìa vua thuốc pháp
 Uống độc dược tà môn.
 Vậy nên Phật Thế Tôn
 Thấy chẳng nên bỏ sót
 Như nước không có vua
 Muôn dân đều đói khổ.
 Cũng như vậy, chúng con
 Mất bóng che vị pháp
 Nay nghe Phật Niết-bàn
 Lòng chúng con mê loạn.
 Như đại địa chấn động
 Mê mất các phương hướng
 Đại tiên vào Niết-bàn
 Mặt trời Phật rơi xuống.*

Nước pháp đều khô khan
 Chúng con nhất định chết
 Như Lai vào Niết-bàn
 Chúng sinh rất khổ não.
 Như con ông trưởng giả
 Mới chôn cha mẹ mất
 Như Lai vào Niết-bàn
 Như họ chẳng sống lại.
 Chúng sinh và chúng con
 Đều không người cứu giúp
 Như Lai vào Niết-bàn
 Cho đến loài súc sinh.
 Tất cả đều lo buồn
 Khổ não đốt lòng họ
 Ngày hôm nay chúng con
 Làm sao chẳng sầu não.
 Như Lai thấy buông bỏ
 Giống như nhỏ nước bọt
 Như mặt trời mọc lên
 Ánh sáng rất sáng rõ.
 Có thể soi lại mình
 Cũng diệt tất cả tối
 Ánh sáng thần của Phật
 Trừ khổ não cho con.
 Phật ở trong đại chúng
 Giống như núi Tu-di.

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn ví như vị quốc vương sinh ra và nuôi nấng các con, hình mạo đoan nghiêm, luôn thương yêu nhớ nghĩ. Trước tiên dạy kỹ nghệ khiến cho chúng đều thành thạo, sau đấy giao họ cho Chiên-đà-la. Thưa Thế Tôn! Chúng con hôm nay làm con của vua pháp, nhờ Phật dạy bảo đã đủ chánh kiến, xin Thế Tôn chớ buông bỏ chúng con. Như Thế Tôn buông bỏ chúng con thì đồng với các vương tử kia. Nguyên xin Phật trụ lại lâu dài, chớ hội nhập Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Ví như có người học giỏi các luận, nhưng đối với các luận

này mà phát sinh kinh sợ. Như Lai cũng vậy, chúng con thông đạt các pháp mà đối với các pháp lại sinh ra kinh sợ. Giả sử nếu Như Lai ở lâu nơi đời, nói vị cam lồ làm sung túc cho tất cả, thì như vậy chúng sinh chẳng sợ rơi vào địa ngục nữa. Thưa Thế Tôn! Ví như có người mới học làm việc bị quan bắt nhốt vào ngục tù. Có người hỏi: “Người thợ việc gì?”. Người ấy đáp: “Tôi nay chịu ưu khổ lớn”. Nếu người ấy được thả ra thì được yên vui. Thế Tôn cũng vậy, Ngài vì chúng con nên tu những hạnh khổ mà nay chúng con còn chưa thoát khỏi khổ não sinh tử thì làm sao Như Lai được hưởng an vui? Thưa Thế Tôn! Ví như vị y vương hiểu rành phương thuốc, dùng phương thuốc bí truyền trao dạy cho con mình, ngoài ra chẳng dạy phương thuốc ấy cho người ngoài thợ học. Như Lai cũng vậy, Ngài chỉ đem pháp tạng bí mật thâm diệu dạy cho một mình Bồ-tát Văn-thù, bỏ sót chúng con, chẳng thấy Như Lai đoái hoài thương xót. Như Lai đối với pháp không nên giữ bí mật tiếc rẻ như vị y vương kia chỉ dạy riêng cho con mình, chẳng dạy cho người ngoài đến thợ học. Vị y vương sợ dĩ chẳng thể dạy cùng khắp là vì tình còn hơn thua nên còn bí mật tiếc rẻ. Tâm của Như Lai nhất định không hơn thua thì vì sao chẳng thấy Như Lai dạy bảo như vậy? Ví như người già ít bệnh khổ lia bỏ con đường bằng mà đi vào đường nguy hiểm. Đường hiểm nhiều khó khăn, chịu đủ mọi thứ khổ. Lại có người khác thấy họ mà thương xót liền bày ra con đường bằng phẳng đẹp đẽ. Thưa Thế Tôn! Con cũng như vậy, cái mà gọi là người trẻ là dụ cho người chưa tăng trưởng pháp thân. Cái mà gọi là người già là dụ cho phiền não nặng. Cái mà gọi là bệnh khổ là ví cho chưa thoát khỏi sinh tử. Cái mà gọi là đường hiểm là dụ cho hai mươi lăm cõi. Nguyện xin Như Lai bày đường dẫn lối cho chúng con đi vào con đường cam lồ chân chính. Xin Thế Tôn ở lâu nơi đời, chớ nhập vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Này các Tỳ-kheo! Các ông chớ như những người, trời v.v... phàm phu mà lo buồn kêu khóc, các ông phải siêng năng tinh tấn buộc tâm vào chánh niệm.

Những người, trời, A-tu-la v.v nghe lời nói của Đức Phật thì dừng lại, chẳng kêu khóc nữa, giống như có người làm đám tang đứa con yêu quý của mình đưa đi chôn cất xong, nén lòng chẳng khóc nữa. Lúc này,

Đức Thế Tôn vì các đại chúng mà nói kệ:

*Các ông nên thấu suốt
 Chẳng nên sâu khổ lắm
 Pháp Phật đều như vậy
 Cho nên phải im lặng.
 Ưa hạnh chẳng buông lung
 Giữ tâm nhớ nghĩ chánh
 Xa lìa các phi pháp
 Tự an ủi thọ lạc.*

Lại nữa, này các Tỳ-kheo! Nếu các ông có sự nghi hoặc thì hôm nay đều phải hỏi: Hoặc không hay chẳng không, hoặc thường hay vô thường, hoặc khổ hay chẳng khổ, hoặc nường hay chẳng nường, hoặc đi hay chẳng đi, hoặc về hay chẳng về, hoặc hằng hay chẳng hằng, hoặc đoạn hay thường, hoặc chúng sinh hay chẳng phải chúng sinh, hoặc có hay không, hoặc thật hay chẳng thật, hoặc chân hay chẳng chân, hoặc diệt hay chẳng diệt, hoặc mật hay chẳng mật, hoặc hai hay chẳng hai trong đủ thứ pháp như vậy v.v... có điều gì nghi hoặc thì hôm nay nên thưa hỏi. Ta sẽ tùy thuận vì các ông đoạn trừ các nghi hoặc đó. Ta cũng sẽ vì các ông trước nói pháp cam lồ sau đó mới nhập Niết-bàn. Này các Tỳ-kheo! Phật ra đời khó, thân người khó được, gặp Phật mà sinh niềm tin thì việc này cũng khó, có thể nhẫn được điều khó nhẫn cũng là việc khó, thành tựu giới cấm đầy đủ không khiếm khuyết đặc quả A-la-hán thì việc này cũng khó như cầu cát vàng, hoa Ưu-đàm-bát. Này các Tỳ-kheo! Các ông lìa khỏi tám nạn được thân người là khó, lại gặp được Ta chẳng nên để luống qua. Ta thuở xa xưa, tu đủ thứ hạnh khổ, nay mới được phương tiện vô thượng như vậy. Vì các ông nên trong vô lượng kiếp Ta xả bỏ thân, tay, chân, đầu, mắt, não, tủy. Vậy các ông chẳng nên buông lung. Này các Tỳ-kheo! Sao gọi là trang nghiêm thành báu chánh pháp đầy đủ các thứ châu báu công đức? Dùng giới, định và trí tuệ làm tường vách, hào nước. Các ông hôm nay gặp được thành báu pháp Phật này thì chẳng nên chọn lấy vật hư ngụy. Ví như vị thương chủ gặp được thành châu báu mà chọn lấy những sành, sỏi đem về nhà. Các ông cũng vậy, gặp được thành báu mà chọn lấy vật hư ngụy. Này các Tỳ-kheo! Các ông chớ dùng tâm thấp kém mà sinh ra

biết đủ. Các ông hôm nay tuy được xuất gia nhưng đối với Đại thừa này chẳng phát sinh ngưỡng mộ. Nay các Tỳ-kheo! Các ông tuy thân được mặc áo ca-sa nhưng lòng còn chưa nhuộm pháp Đại thừa thanh tịnh. Nay các Tỳ-kheo! Các ông tuy đi khắp thực trải qua nhiều nơi nhưng trước đây chưa từng cầu pháp thực Đại thừa. Nay các Tỳ-kheo! Các ông tuy cạo bỏ râu tóc nhưng chưa vì chánh pháp trừ bỏ các kiết sử. Nay các Tỳ-kheo! Hôm nay Ta sẽ chân thật dạy bảo các ông. Hiện nay, đại chúng của Ta hòa hợp, pháp tánh của Như Lai chân thật chẳng điên đảo. Vậy nên các ông cần phải tinh tấn thân tóm lấy tâm, dùng mãnh tiêu diệt các kiết sử. Mặt trời tuệ mười lực ẩn mất rồi thì các ông sẽ bị sự che phủ của vô minh. Nay các Tỳ-kheo! Ví như thảo được trên đất đai, các núi non được chúng sinh sử dụng. Pháp của Ta cũng vậy, sinh ra vị pháp cam lồ diệu thiện làm thuốc hay chữa đủ thứ bệnh phiền não của chúng sinh. Ta nay sẽ khiến cho tất cả chúng sinh và các con của Ta, bốn bộ chúng, đều an trụ trong tạng bí mật. Ta cũng lại sẽ an trụ trong đó mà vào Niết-bàn. Thế nào gọi là tạng bí mật? Giống như chữ Y ba chấm, nếu ngang bằng cũng chẳng thành y, dọc cũng chẳng thành. Như ba mắt trên mặt của Ma-hê-thủ-la mới được thành y. Ba chấm nếu khác biệt cũng chẳng thành. Ta cũng như vậy, pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn, thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma-ha Bát nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp khác cũng chẳng phải Niết-bàn. Ta nay an trụ vào ba pháp như vậy vì chúng sinh nên gọi là vào Niết-bàn như chữ Y của đời.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật Thế Tôn nhất định vào Niết-bàn đều lo buồn, toàn thân run sợ, lệ rơi chan hòa, đánh lễ dưới chân Đức Phật, đi quanh vô lượng vòng rồi bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thích nói về vô thường, khổ, không, vô ngã. Thưa Thế Tôn! Ví như trong dấu chân của tất cả chúng sinh thì dấu chân voi là to nhất. Tưởng về vô thường này cũng như vậy, ở trong các tướng nó là tối đệ nhất. Nếu có người tinh cần tu tập thì có thể trừ được tất cả tham ái của Dục giới và ái, vô minh, kiêu mạn và tưởng về vô thường của Sắc giới, Vô sắc giới. Thưa Thế Tôn! Như Lai nếu lìa khỏi tướng về vô thường thì hôm nay chẳng nên vào Niết-bàn. Nếu chẳng lìa khỏi thì sao nói rằng, tu tướng về vô thường thì lìa khỏi ái, vô

minh, kiêu mạn và tưởng về vô thường của ba cõi? Bạch Thế Tôn! Ví như nhà nông vào thời tiết tháng mùa thu, cày sâu đất của mình thì có thể trừ hết cỏ xấu. Tưởng về vô thường này cũng như vậy, có thể trừ tất cả tham ái của Dục giới, ái, vô minh, kiêu mạn và tưởng về vô thường của Sắc giới và Vô sắc giới. Thưa Thế Tôn! Ví như cày ruộng thì cày vào mùa thu là thượng sách, như trong các dấu chân thì dấu chân voi là to nhất, ở trong các tướng thì tướng về vô thường là trên hết. Bạch Thế Tôn! Ví như vị đế vương biết mạng mình sắp hết nên ân xá cho thiên hạ. Những người bị ngục tù, trói buộc, giam giữ đều khiến cho giải thoát. Sau đấy nhà vua mới bỏ mạng. Như Lai hôm nay cũng nên như vậy. Ngài độ các chúng sinh, những kẻ vô tri, vô minh, bị trói buộc giam giữ đều khiến cho giải thoát, rồi sau đấy vào Niết-bàn. Chúng con hôm nay đều chưa được độ thì tại sao Như Lai lại muốn buông bỏ mà vào Niết-bàn? Bạch Thế Tôn! Ví như có người bị quỷ ám gặp được thầy bùa chú giỏi. Nhờ sức chú nên họ liền được trừ bớt. Như Lai cũng vậy, vì các Thanh văn trừ quỷ vô minh, khiến cho được an trụ vào pháp Đại Bát nhã giải thoát v.v... như chữ y ở đời. Bạch Thế Tôn! Ví như con hươu tượng bị người bắt trói. Tuy có quản tượng giỏi nhưng chẳng thể điều khiển, nó bứt đứt dây cột mà đi theo ý của mình. Chúng con chưa thoát khỏi năm mươi bảy phiền não trói buộc mà sao Như Lai liền muốn buông bỏ vào Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Như người bị bệnh sốt rét gặp được thầy thuốc giỏi thì sự khổ được trừ diệt. Chúng con cũng vậy, có nhiều khổ hoạn, tà mạng, nhiệt bệnh v.v... tuy gặp được Như Lai, nhưng bệnh của chúng con chưa trừ khỏi, chưa được thường lạc yên ổn vô thượng thì sao Như Lai liền muốn buông bỏ mà vào Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Ví như người say rượu chẳng tự hay biết, chẳng nhận thức được thân sơ, mẹ, con gái, chị em v.v... mà mê man dâm loạn, nói năng buông thả, nằm trong chỗ bất tịnh. Có thầy thuốc giỏi cho thuốc bảo uống, uống xong, người ấy mưa ra, lại tự nhớ biết nên mang lòng xấu hổ, tự khắc phục, thống trách. Rượu là cội rễ của các ác, bất thiện, nếu có thể đoạn trừ thì xa được mọi tội lỗi. Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng như vậy, từ xưa đến nay luân chuyển trong sinh tử, đắm say tình sắc, ham thích năm dục, chẳng phải mẹ tưởng là mẹ, chẳng phải chị tưởng là chị, chẳng phải con gái tưởng là con gái, chẳng

phải chúng sinh tưởng là chúng sinh. Vậy nên luân chuyển chịu khổ nơi sinh tử như người say kia nằm trong bất tỉnh. Như Lai hôm nay ban cho con thuốc pháp, khiến cho con mưa ra rượu ác phiền não mà con chưa được tâm tỉnh thức thì sao Như Lai liền muốn buông bỏ vào Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Ví như có người khen cây chuối là chắc thật thì cũng không có việc đó. Chúng sinh cũng vậy, nếu khen ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, dưỡng dục, tri kiến, tác giả, thọ giả v.v... là chân thật thì không có việc đó. Chúng con tu tưởng về vô ngã như vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như nước uống chặn đực không dùng được. Thân này cũng vậy, vô ngã, vô chủ. Bạch Thế Tôn! Như hoa bầy cánh không có mùi hương. Thân này cũng vậy, vô ngã, vô chủ. Chúng con lòng thương tu tập tưởng về vô ngã như vậy. Như Phật đã nói, tất cả các pháp không ngã và ngã sở, các Tỳ-kheo nên thương tu tập. Tu tập như vậy rồi thì trừ được ngã mạn. Lìa ngã mạn rồi thì liền vào Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Ví như dấu vết chim hiện ra trong hư không thì không có việc đó. Có thể tu tập tưởng về vô ngã mà có các kiến thì không có việc đó.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen các Tỳ-kheo:

–Hay thay! Hay thay! Các ông có thể khéo tu tập tưởng về vô ngã.

Các Tỳ-kheo liền bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con chẳng những tu tập tưởng về vô ngã mà còn tu tập các tướng khác nữa. Như là tưởng về khổ, tưởng về vô thường v.v... Bạch Thế Tôn! Ví như người say rượu, lòng họ mê loạn, nhìn thấy những núi sông, thành quách, cung điện, mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v... đều xoay chuyển. Bạch Thế Tôn! Nếu có người chẳng tu tập tưởng về khổ, tưởng về vô thường, tưởng về vô ngã v.v... thì người như vậy chẳng gọi là Thánh mà nhiều buông lung, lưu chuyển trong sinh tử. Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên này nên chúng con khéo tu tập những tướng như vậy.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy lắng nghe! Các ông hướng về sự dẫn người say rượu làm dụ. Các ông chỉ biết nó về mặt văn tự, chưa đạt đến ý nghĩa của ví dụ ấy. Như người say rượu kia thấy mặt trời, mặt trăng ở trên, thật sự chẳng phải xoay chuyển mà sinh ra tưởng về xoay chuyển. Chúng sinh

cũng vậy, họ bị các phiền não, vô minh che phủ nên sinh lòng điên đảo: ngã cho là vô ngã, thường cho là vô thường, tịnh cho là bất tịnh, vui cho là khổ v.v... Do bị sự che phủ của phiền não nên tuy sinh ra tưởng này nhưng chẳng đạt được ý nghĩa của chúng, như người say rượu kia đối với việc chẳng phải xoay chuyển mà sinh tưởng về xoay chuyển. Ngã tức là nghĩa Phật, Thường tức là nghĩa pháp thân, Lạc tức là nghĩa Niết-bàn, Tịnh tức là nghĩa pháp. Này các Tỳ-kheo! Vì sao mà nói rằng, có ngã tưởng thì kiêu mạn, cao ngạo, lưu chuyển sinh tử? Này các ông! Nếu nói rằng, ngã cũng tu tập tưởng về vô thường, tưởng về khổ, tưởng về vô ngã thì ba thứ tu này không có thật nghĩa. Ta nay sẽ nói ba pháp tu thù thắng. Khổ thì cho là vui, vui thì cho là khổ, đó là pháp điên đảo. Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, đó là pháp điên đảo. Vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, đó là pháp điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, đó là pháp điên đảo. Có bốn pháp điên đảo như vậy thì người này chẳng biết chánh tu các pháp. Này Tỳ-kheo! Ở trong pháp khổ mà sinh tưởng về vui, ở trong vô thường mà sinh tưởng về thường, ở trong vô ngã mà sinh tưởng về ngã, ở trong bất tịnh mà sinh tưởng về tịnh. Thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh, xuất thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp thế gian thì có chữ không có nghĩa. Pháp xuất thế gian thì có chữ, có nghĩa. Vì sao? Vì pháp thế gian có bốn điên đảo nên chẳng biết nghĩa. Vì sao? Vì có tưởng về điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Do ba điên đảo nên người thế gian trong vui thấy khổ, trong thường thấy vô thường, trong ngã thấy vô ngã, trong tịnh thấy bất tịnh. Đó gọi là điên đảo. Do điên đảo nên thế gian biết chữ mà chẳng biết nghĩa. Những gì là nghĩa? Vô ngã tức là sinh tử, ngã tức là Như Lai. Vô thường là Thanh văn, Duyên giác, thường là pháp thân của Như Lai. Khổ là tất cả ngoại đạo, lạc tức là Niết-bàn. Bất tịnh tức là pháp hữu vi, tịnh là chánh pháp của các Đức Phật, Bồ-tát. Đó gọi là chẳng điên đảo. Do chẳng điên đảo nên biết chữ, biết nghĩa. Nếu người muốn xa lìa bốn điên đảo thì nên biết thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, lìa bốn điên đảo thì biết rõ về thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai hôm nay vĩnh viễn không có bốn điên

đảo thì đã rõ biết về thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu đã biết rõ thường, lạc, ngã, tịnh thì vì sao Như Lai chẳng trụ một kiếp hay nửa kiếp để dạy bảo, dẫn đường chúng con khiến cho chúng con lìa khỏi bốn điên đảo mà lại buông bỏ chúng con vào Niết-bàn. Như Lai nếu đoái hoài nghĩ đến, dạy bảo thì chúng con sẽ hết lòng thọ lĩnh để tu tập. Như Lai nếu phải vào Niết-bàn thì chúng con làm sao với tấm thân độc hại này đồng ở chung tu tập phạm hạnh. Chúng con cũng sẽ theo Phật Thế Tôn vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

– Các ông chẳng nên nói ra lời như vậy. Chánh pháp vô thượng của Ta hôm nay đều đem phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp. Ma-ha Ca-diếp này sẽ vì các ông làm nơi nương tựa lớn, giống như Như Lai vì các chúng sinh làm chỗ nương tựa. Ma-ha Ca-diếp cũng như vậy, sẽ vì các ông làm chỗ nương tựa. Ví như vị đại vương thống lĩnh nhiều việc, khi đi tuần thì đem hết việc nước phó chúc cho đại thần. Như Lai cũng vậy, cũng đem chánh pháp mà phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp. Các ông phải biết, việc tu tập tưởng về vô thường, tưởng về khổ trước đây chẳng phải là chân thật. Ví như vào mùa xuân có những người ở tại ao lớn tắm rửa, ngồi thuyền dạo chơi, làm rớt lưu ly báu chìm sâu trong nước. Lúc đó, mọi người đều cùng xuống nước tìm kiếm vật báu này. Họ đua nhau nhặt lấy ngói, đá, cỏ cây, cát sỏi mà ai cũng đều tự cho là được ngọc lưu ly, vui mừng mang ra khỏi nước, mới biết rằng chẳng phải là thật. Lúc đó ngọc báu vẫn còn ở trong nước, do sức của ngọc nên nước lắng trong, đại chúng mới thấy ngọc báu còn ở dưới nước giống như ngược xem hình dáng vầng trăng trong hư không. Lúc đó, trong chúng có một người trí dùng sức phương tiện từ từ vào trong nước, liền lấy được ngọc. Này Tỳ-kheo! Các ông chẳng nên tu tập tưởng về vô thường, tưởng về khổ, tưởng về vô ngã, tưởng về bất tịnh v.v... như vậy mà cho là thật nghĩa, như những người kia đều lấy ngói, đá, cỏ cây, cát sỏi mà cho là ngọc báu. Các ông cần phải giải học phương tiện để tại khắp nơi nơi luôn luôn tu tập tưởng về ngã, tưởng về thường, tưởng về lạc, tưởng về tịnh. Các ông lại cần phải biết việc tu tập tưởng mạo của bốn pháp trước đây đều là điên đảo. Người muốn được chân thật tu các tưởng thì phải như người trí kia, khéo léo tìm ra ngọc báu, gọi là tưởng về ngã,

tưởng về thường, tưởng về lạc, tưởng về tịnh.

Lúc này, các vị Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, các pháp vô ngã, các ông phải tu học, tu học đó rồi thì lìa khỏi tưởng về ngã, lìa khỏi tưởng về ngã thì lìa kiêu mạn, lìa kiêu mạn thì được vào Niết-bàn. Nghĩa ấy như thế nào?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Hay thay! Hay thay! Hôm nay, các ông có thể hỏi ý nghĩa này là đã tự đoạn nghi hoặc rồi. Ví như vị quốc vương tối tăm, đần độn, ít trí có một người thầy thuốc, người đó tánh khí lại ngang ngạnh tự đắc, nhà vua chẳng ban riêng cho ông bổng lộc hậu. Ông ấy trị liệu mọi bệnh thuần dùng thuốc sữa, cũng lại chẳng biết căn nguyên của sự khởi bệnh. Tuy ông biết thuốc sữa nhưng lại chẳng biết rành bệnh phong lãnh nhiệt. Tất cả các bệnh ông đều cho uống sữa. Vị vua này chẳng phân biệt được vị thầy thuốc đó biết sữa tốt xấu, lành dữ. Lại có vị thầy thuốc sáng suốt, thông hiểu tám thứ thuật giỏi trị liệu mọi bệnh, biết các phương thuốc, từ phương xa đến. Lúc đó người thầy thuốc cũ chẳng biết học hỏi, trái lại sinh lòng cao ngạo, khinh mạn. Vị thầy thuốc sáng suốt liền cận kề thỉnh làm thầy, hỏi han pháp bí áo của y phương và nói với người thầy thuốc cũ: “Tôi nay thỉnh ông làm thầy. Xin ông vì tôi mà giảng nói”. Người thầy thuốc cũ đáp: “Ông nay nếu có thể làm kẻ sai bảo cho ta ba mươi tám năm thì sau đó ta mới dạy cho ông y pháp”. Khi đó vị thầy thuốc sáng suốt liền nhận lời rồi nói: “Tôi sẽ làm như vậy, tôi sẽ làm như vậy! Tùy theo khả năng của tôi, tôi sẽ đáp ứng sự sai khiến của ông”. Lúc này, người thầy thuốc cũ liền đem vị khách y cùng vào yết kiến nhà vua. Vị khách y liền vì nhà vua nói đủ thứ y phương và các kỹ nghệ khác: “Thưa đại vương! Đại vương phải biết rằng, nên khéo phân biệt: Pháp này như vậy có thể dùng trị nước. Pháp này như vậy có thể dùng chữa bệnh”. Bấy giờ, vị quốc vương nghe lời nói này rồi mới biết người thầy thuốc cũ si ám vô trí nên liền đuổi đi, lệnh cho ra khỏi nước, sau đấy cung kính vị khách y bội phần. Khi đó vị khách y khởi niệm: “Muốn giáo hóa nhà vua thì hôm nay chính là lúc”. Ông liền nói với nhà vua: “Thưa đại vương! Đối với thần nếu đại vương thật sự thương mến thì thần sẽ yêu cầu đại vương một nguyện

vọng”. Nhà vua liền đáp: “Từ cánh tay phải này và bộ phận khác của thân thể, theo ý cầu xin của ông ta đều cho tất cả”. Vị khách y đó nói: “Nhà vua tuy hứa cho thần tất cả bộ phận thân thể, nhưng thần chẳng dám có sự cầu xin nhiều. Việc cầu xin của thần hôm nay là nguyện xin đức vua truyền lệnh cho tất cả trong nước, từ nay về sau chẳng được uống thuốc sữa của vị thầy thuốc cũ. Vì sao? Vì thuốc đó độc hại gây nhiều thương tổn. Nếu ai còn uống thì sẽ chém đầu. Đoạn dứt thuốc sữa rồi, nhất định không có người chết oan uổng nữa mà thường sống yên vui, nên thần cầu xin nguyện vọng đó”. Nhà vua đáp: “Sự cầu xin của ông chẳng có gì quá đáng”. Nhà vua liền vì ông ấy mà tuyên lệnh cho tất cả trong nước, phàm những người bệnh đều chẳng được phép lấy sữa làm thuốc. Nếu ai lấy nó làm thuốc thì sẽ bị chặt đầu.

Bấy giờ, vị khách y hòa hợp mọi thứ thuốc, đủ các vị cay, đắng, mặn, ngọt, chua v.v... để trị liệu mọi bệnh thì không bệnh gì chẳng khỏi. Sau đó chẳng bao lâu nhà vua lại bị bệnh, liền ra lệnh cho vị thầy thuốc này: “Ta nay bệnh khốn phải điều trị làm sao?”. Vị thầy thuốc xem bệnh nhà vua rồi thấy nên dùng thuốc sữa, liền tâu với vua: “Như bệnh của nhà vua thì cần phải uống sữa. Việc đoạn dứt thuốc sữa lúc trước của thần là chẳng phải lời nói thật. Hôm nay, nếu đại vương uống thì có thể trừ được bệnh. Bệnh nóng sốt của nhà vua hôm nay là nên uống sữa”. Nhà vua nói với vị thầy thuốc: “Ông nay điên hay sao? Bị bệnh sốt chẳng? Sao nói uống sữa có thể trừ được bệnh này? Trước đây ông bảo uống sữa là độc, nay sao lại bảo uống? Muốn lừa dối ta sao? Thầy thuốc trước khen sữa, còn ông cho rằng nó độc, khiến ta đuổi ông ấy đi. Hôm nay ông lại cho rằng sữa rất tốt có thể trừ bệnh. Như lời nói của ông thì người thầy thuốc cũ của ta nhất định là hơn ông”. Lúc đó vị khách y lại nói với vua: “Nhà vua nay chẳng nên nói lời như vậy. Như loài trùng ăn gỗ tạo thành chữ thì loài trùng này chẳng biết là chữ hay chẳng phải chữ. Kẻ trí thấy chữ đó chẳng cho rằng loài trùng này hiểu được chữ, cũng chẳng kinh ngạc, quái lạ. Đại vương phải biết, vị thầy thuốc cũ cũng vậy, ông chẳng phân biệt được các bệnh mà đều cho thuốc sữa như đường ăn gỗ của loài trùng kia ngẫu nhiên thành chữ. Vị thầy thuốc cũ lúc trước chẳng hiểu biết sự tốt xấu lành dữ của thuốc sữa”. Nhà vua hỏi: “Sao gọi là chẳng hiểu biết?”. Vị khách y đáp:

“Thuốc sữa đó cũng là độc hại, cũng là cam lồ. Sao gọi sữa đó là cam lồ? Nếu con trâu lấy sữa này chẳng ăn cặn rượu, cỏ trụi, rơm rạ, ghé con của nó điều phục, thuần tánh, bãi chăn thả chẳng ở tại vùng cao, cũng chẳng ở dưới thấp ẩm ướt, uống bằng nước trong, chẳng giống ruồi đuổi chạy, chẳng cho trâu ghé ở chung bầy, ăn uống điều hòa thích hợp, đi đứng đúng chỗ thì sữa của con trâu như vậy có thể trừ các bệnh. Sữa đó gọi là cam lồ diệu dược. Trừ loại sữa đó ra, còn tất cả đều gọi là độc hại”. Bấy giờ, vị đại vương nghe lời nói đó rồi liền khen: “Hay thay! Hay thay! Ta từ hôm nay mới biết được sự lành dữ tốt xấu của thuốc sữa”. Nhà vua liền uống thuốc sữa và bệnh được trừ khỏi, tức thì ra lệnh cho tất cả trong nước từ nay về sau phải uống thuốc sữa. Muôn dân nghe lệnh đó đều sinh ra sân hận, nói với nhau: “Hôm nay nhà vua bị quỷ ám hay bị điên đảo rồi sao mà lừa gạt chúng ta lại ra lệnh uống sữa”. Tất cả dân chúng đều ôm lòng sân hận, đều tập hợp ở chỗ vua. Nhà vua nói: “Các người chẳng nên đối với ta mà sinh ra sân hận. Như thuốc sữa này uống hay chẳng uống đều là thầy thuốc dạy chẳng phải là lỗi của ta”. Bấy giờ, đại vương cùng dân chúng phấn khởi vui mừng vô cùng cung kính cúng dường vị thầy thuốc đó. Tất cả người bệnh đều uống thuốc sữa, bệnh đều trừ khỏi hết.

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ-kheo! Các ông phải biết rằng, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn cũng như vậy, là Đại Y Vương xuất hiện ở thế gian hàng phục tất cả ngoại đạo, tà y, ở trong bốn chúng xưng lên như vậy: “Ta là Y Vương!”. Ta muốn hàng phục ngoại đạo nên xưng lên rằng: “Không ngã, không nhân, không chúng sinh, không thọ mạng, không dưỡng dục, không tri kiến, không tác giả, không thọ giả”. Này Tỳ-kheo! Các ông phải biết, lời nói của các ngoại đạo này về ngã như loài trùng ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ. Vậy nên Như Lai ở trong pháp Phật xưng lên vô ngã là vì điều phục chúng sinh, vì biết thời. Nói vô ngã như vậy là có nhân duyên nên Ta cũng nói hữu ngã, như vị thầy thuốc giỏi kia giỏi biết sữa là thuốc, hay chẳng phải thuốc, chẳng phải như việc tự cao tự phụ của kẻ phàm phu. Việc tự cao tự phụ của kẻ phàm phu ngu muội thì hoặc

có người nói rằng, lớn như ngón tay cái, hoặc như hạt cải, hoặc như vi trần. Như Lai nói về ngã đều chẳng như vậy. Vậy nên nói rằng các pháp vô ngã, thật ra chẳng phải vô ngã. Cái gì là ngã? Nếu pháp là thật, là chân, là thường, là chủ, là y tánh chẳng biến dịch thì đó gọi là ngã. Như đại y kia giải lý giải thuốc sữa, Như Lai cũng vậy, vì các chúng sinh nên nói trong các pháp chân thật có ngã. Bốn chúng các ông cần phải tu tập pháp này như vậy.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN III

Phẩm 4: TRƯỜNG THỌ

Đức Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông đối với giới luật có điều gì nghi hoặc thì hôm nay cho các ông hỏi tùy ý. Ta sẽ giải nói làm vui lòng các ông. Ta đã tu học bản tánh không tịch của tất cả các pháp, tỏ rõ thông đạt. Nay Tỳ-kheo! Các ông chớ cho là Như Lai chỉ tu bản tánh không tịch của các pháp. Nay Tỳ-kheo! Nếu đối với giới luật có điều gì nghi hoặc thì hôm nay đều có thể hỏi.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con không có trí tuệ để có thể hỏi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Vì sao? Vì cảnh giới của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, có các định chẳng thể nghĩ bàn, lời diễn nói dạy răn chẳng thể nghĩ bàn... vậy nên chúng con không có trí tuệ để có thể hỏi Như Lai. Bạch Thế Tôn! Ví như có ông lão một trăm hai mươi tuổi, thân bị bệnh đã lâu, nằm liệt giường, chẳng thể trở dậy, khí lực hư liệt, mạng còn không bao lâu. Có một người giàu nhân có việc sắp phải đi đến nơi khác, nên đem một trăm cân vàng gửi cho ông lão đó rồi nói: “Tôi nay đi nơi khác, đem vật báu này gửi nhờ ông giữ, hoặc trải qua mười năm hay hai mươi năm, việc xong sẽ trở về, khi về ông giao lại cho tôi”. Ông lão bị bệnh này liền nhận lời nhưng ông ta lại không có người nối dõi. Sau đó chẳng bao lâu bệnh nặng mạng chung, vật đã gửi đều tan mất, người chủ tài sản kia trở về tìm đòi không có. Như vậy kẻ ngu si chẳng biết trừ tính chổ có thể gửi gắm nên khi trở về tìm đòi không được. Vì nhân duyên này nên thất thoát của báu. Bạch Thế Tôn! Thanh văn chúng con cũng như vậy, tuy nghe Như Lai ân cần dạy giới nhưng chẳng có thể thọ trì, khiến cho được trụ lâu dài giống như ông

lão kia nhận sự ký thác của người khác. Chúng con nay vô trí đối với các giới luật thì sẽ hỏi điều gì đây?

Đức Phật dạy:

–Này Tỳ-kheo! Hôm nay các ông nếu hỏi Ta thì có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Vậy nên Ta bảo các ông có những nghi hoặc gì thì các ông cứ mặc lòng mà hỏi.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như có người lúc hai mươi lăm tuổi, trẻ trung đoan nghiêm, có nhiều của báu, vàng bạc, lưu ly v.v... cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, thân thích đều còn đủ. Lúc này có người đến gởi ông ấy vật báu và nói: “Tôi có duyên sự sắp đi đến xứ khác, việc xong sẽ trở về, khi về ông đưa lại cho tôi”. Lúc đó chàng trai trẻ giữ hộ vật báu ấy như vật sở hữu của mình. Nhưng người ấy bị bệnh liền bảo với gia đình rằng, số kim bảo này là của người khác gởi, nếu họ đến đòi thì đều trả lại hết. Kể trí giỏi biết trù lượng như vậy nên khi trở về đòi vật báu đều được hết, không mất mát gì. Thế Tôn cũng vậy, nếu đem pháp bảo phó chúc cho A-nan và các Tỳ-kheo thì chẳng được tồn tại lâu dài. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn và cả Đại Ca-diếp đều phải vô thường như ông lão kia nhận vật gởi của người khác. Vậy nên Thế Tôn nên đem pháp Phật vô thượng phó thác cho các vị Bồ-tát. Do các vị Bồ-tát giỏi có thể vấn đáp nên pháp bảo như vậy được tồn tại lâu dài, hàng vô lượng ngàn đời, làm tăng thêm sự lợi ích an lạc thịnh vượng cho chúng sinh, như người trai trẻ kia nhận vật ký gởi của người khác. Do ý nghĩa này nên các Bồ-tát mới có thể hỏi. Trí tuệ của chúng con giống như con muỗi, con ve thì làm sao có thể thỉnh vấn pháp sâu xa của Đức Như Lai?

Các Thanh văn đứng im lặng. Bấy giờ Đức Phật khen các Tỳ-kheo:

–Hay thay! Hay thay! Các ông hoàn thiện được tâm vô lậu, tâm A-la-hán. Ta cũng từng suy nghĩ về hai duyên này nên đem Đại thừa giao phó cho các vị Bồ-tát để khiến cho diệu pháp trụ lâu dài ở đời.

Bấy giờ, Đức Phật bảo tất cả đại chúng:

–Này thiện nam, thiện nữ! Thọ mạng của Ta chẳng thể xưng lường, biện tài nhạo thuyết cũng chẳng thể hết. Các người có thể tùy ý hỏi, hoặc giới cấm, hoặc chỗ quy về v.v... Lần thứ hai, lần thứ ba Đức

Phật cũng lặp lại như vậy.

Lúc này, trong chúng có một đồng tử Đại Bồ-tát, vốn là dòng họ Bà-la-môn của xóm làng Đa-la tên là Đại Ca-diếp, do thần lực của Đức Phật liền đứng dậy, trật áo vai phải, đi quanh trăm ngàn vòng, quỳ gối phải xuống đất, chấp tay hướng về Đức Phật bạch:

– Bạch Thế Tôn! Hôm nay con muốn thỉnh vấn đôi điều, nếu Phật cho phép thì con mới dám nói.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

– Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cho ông mặc tình hỏi. Ta sẽ vì ông mà giảng nói để đoạn dứt sự nghi hoặc của ông, khiến cho ông hoan hỷ.

Lúc này, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai thương xót rủ lòng hứa cho thì nay con sẽ hỏi. Nhưng trí tuệ của con nhỏ nhoi như con muỗi, con ve mà đức hạnh của Như Lai Thế Tôn thì cao vòi vọi, thuần dùng chúng như chiêm-đàn sư tử khó điều phục chẳng thể hoại làm quyến thuộc. Thân của Như Lai giống như chân kim cương, sắc như lưu ly, chân thật khó hoại. Như Lai lại được biến trí tuệ lớn như vậy bao quanh. Trong chúng hội này, các Đại Bồ-tát đều thành tựu vô lượng vô biên công đức thâm diệu giống như loài hương tượng. Ở trước những đại chúng như vậy con đâu dám đưa ra câu hỏi. Nhưng vì phải thừa sức thần thông của Phật và nhờ uy đức thiện căn của đại chúng con xin thưa hỏi đôi điều. Rồi ở trước Đức Phật ông dùng kệ hỏi:

*Làm sao được trường thọ
Thân kim cương chẳng hoại?
Lại do nhân duyên gì
Được đại lực vững bền?
Vì sao với kinh này
Rốt ráo đến bờ kia?
Nguyện Phật vì chúng sinh
Mở rộng pháp kín nhiệm
Làm sao được rộng lớn
Vì chúng làm nương dựa?
Thật chẳng phải La-hán*

Mà cùng hàng La-hán?
Làm sao biết ma trời?
Tạo khó khăn cho chúng?
Như Lai, Ba-tuần nói
Làm sao phân biệt biết?
Làm thế nào Điều Ngự
Vui lòng nói chân đế?
Chánh thiện thành tựu đủ
Diễn nói bốn điên đảo?
Làm nghiệp lành thế nào
Xin Thế Tôn chỉ dạy?
Làm sao các Bồ-tát
Thấy được tánh khó thấy?
Làm sao hiểu trọn chữ
Và nghĩa nửa chữ đó?
Làm sao chung hạnh thánh
Như chim Ca-la-ta?
Làm sao như Nhật, Nguyệt
Thái bạch cùng Tuế tinh?
Làm sao chưa phát tâm
Mà gọi là Bồ-tát?
Làm sao ở đại chúng
Mà được không sợ hãi.
Giống như vàng Diêm Phù
Không thể nói khuyết điểm?
Làm sao ở cõi trược
Chẳng bẩn như hoa sen?
Sao ở với phiền não
Mà chẳng nhiễm não phiền?
Như thầy thuốc trị bệnh
Mà chẳng bị nhiễm bệnh?
Trong biển cả sinh tử
Làm sao lái được thuyền?
Làm sao bỏ sinh tử
Như loài rắn lột da?

Làm sao quán Tam bảo
 Giống như cây thiên ý?
 Tam bảo nếu không tánh
 Làm sao mà nói được?
 Giống như lạc chuta sinh
 Sao gọi là thọ lạc?
 Làm sao các Bồ-tát
 Có được chúng chẳng hoại?
 Làm sao vì mù tối
 Mà làm mất dẫn đường?
 Làm sao hiện nhiều đầu
 Nguyên xin Đại tiên nói
 Làm sao người nói pháp
 Như trăng mới lóm thêm?
 Làm sao lại thị hiện
 Rốt ráo đến Niết-bàn?
 Làm sao người dừng tiến
 Chỉ đường ma, thiên, nhân?
 Làm sao biết pháp tánh
 Mà thọ lãnh pháp lạc?
 Làm sao các Bồ-tát
 Xa lìa mọi thứ bệnh?
 Làm sao vì sinh chúng
 Tuyên dương pháp bí mật?
 Làm sao nói rốt ráo
 Và cả chẳng rốt ráo?
 Như đoạn lười nghi hoặc
 Sao gọi bất định thuyết?
 Làm sao để được gần
 Đạo tối thắng vô thượng?
 Con nay thỉnh Thế Tôn
 Vì các vị Bồ-tát
 Nguyên xin vì con nói
 Hạnh sâu xa, vi diệu
 Trong tất cả các pháp

*Đều có tánh an lạc
 Nguyên xin đấng Đại tiên
 Vì con phân biệt nói!
 Đấng nương dựa chúng sinh
 Lương Túc Tôn diệ u được
 Nay muốn hỏi các ấm
 Mà con không trí tuệ
 Các Bồ-tát tinh cần
 Cũng lại chẳng thể biết
 Cảnh giới của chư Phật
 Rất sâu xa như vậy.*

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông nay chưa được Nhất thiết chủng trí mà Ta đã được rồi. Nhưng ông đã hỏi tạng bí mật sâu xa như sự hỏi của Nhất thiết trí không khác. Nay thiện nam! Ta ngồi dưới cây Bồ-đề nơi đạo tràng khi mới thành Chánh giác. Lúc này ở vô lượng vô số hằng hà sa thế giới chư Phật, có các vị Bồ-tát cũng từng hỏi Ta ý nghĩa sâu xa đó. Nhưng việc hỏi đó, công đức, câu nghĩa cũng đều như vậy không có khác. Hỏi như vậy thì có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Lúc ấy, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con không có trí lực để có thể hỏi Đức Như Lai về ý nghĩa sâu xa như vậy. Thưa Thế Tôn! Ví như con muỗi, con ve chẳng thể bay qua bờ bên kia của biển cả, cùng khắp hư không. Con cũng như vậy, chẳng thể hỏi Như Lai về ý nghĩa sâu xa của biển cả trí tuệ và pháp tánh hư không như vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như viên minh châu trong búi tóc của vị quốc vương giao phó cho quan quản lý kho tàng, viên quan được ngọc rồi liền hết lòng cung kính mà dốc sức giữ gìn. Con cũng như vậy, hết lòng cung kính mà dốc sức giữ gìn sự thuyết giảng về ý nghĩa thâm diệu của Phương Đẳng của Đức Như Lai. Vì sao? Vì khiến cho con đạt được trí tuệ rộng lớn sâu xa.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nay thiện nam! Hãy lắng nghe! Ta sẽ vì ông giảng nói về nghiệp trường thọ sở đắc của Như Lai. Bồ-tát do nhân duyên nghiệp đó

mà được trường thọ. Vậy ông hãy chí tâm lắng nghe thọ nhận. Nếu nghiệp có thể là nhân của Bồ-đề thì cần phải thành tâm lắng nghe thọ nhận ý nghĩa này. Đã lắng nghe thọ nhận rồi thì chuyển nói cho người khác. Này thiện nam! Ta do tu tập nghiệp như vậy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hôm nay Ta lại vì mọi người nói ý nghĩa rộng lớn. Này thiện nam! Ví như vương tử phạm tội bị nhốt vào ngục. Nhà vua rất thương xót nhớ nghĩ đến con nên tự mình đi xe đến chỗ giam giữ ấy. Bồ-tát cũng vậy, muốn được trường thọ cần phải hộ niệm tất cả chúng sinh, đều tưởng họ là con mà sinh ra đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, trao cho giới chẳng sát sinh, dạy tu tập pháp thiện. Bồ-tát cũng sẽ an lập tất cả chúng sinh ở năm giới, mười thiện, lại vào địa ngục, nga quý, súc sinh, A-tu-la v.v... tất cả các đường để cứu vớt những chúng sinh khổ não ở trong đó. Bồ-tát giải thoát người chưa giải thoát, độ người chưa độ, người chưa Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn, an ủi tất cả những kẻ bị khùng bố. Do nhân duyên những nghiệp như vậy nên Bồ-tát được thọ mạng lâu dài, đối với các trí tuệ được tự tại, tùy theo chỗ mà mạng chung sinh lên cõi trời.

Lúc này, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát nhìn chúng sinh tưởng đồng như con, nghĩa ấy sâu kín, con chưa có thể hiểu. Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai chẳng nên nói rằng, Bồ-tát đối với các chúng sinh tu tâm bình đẳng, tưởng đồng như con. Vì sao? Vì ở trong pháp Phật có người phá giới, người tạo tội nghịch, người hủy báng chánh pháp thì làm sao đối với những người như thế mà tưởng đồng như con?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Đúng vậy! Đúng vậy! Ta đối với chúng sinh thật sự tưởng như con, như La-hầu-la.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thuở xưa, vào ngày mười lăm, khi Tăng bố tát ở trong chúng cụ túc giới thanh tịnh, đã từng có một đồng tử chẳng khéo tu tập nghiệp thân, miệng, ý, núp tại chỗ vách ngăn, trộm nghe nói giới. Thần Lực sĩ Mật Tích thừa thần lực của Đức Phật, dùng chày kim cương đánh cho tan nát như vi trần. Thừa Thế Tôn! Thần Kim cương đó rất là bạo ác mới có thể đoạn tuyệt mạng căn của đồng tử này thì làm

sao gọi là Đức Như Lai nhìn các chúng sinh tướng đồng như con, như La-hầu-la được?

Đức Phật bảo:

–Này Ca-diếp! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy. Vì đồng tử đó tức là hóa nhân chẳng phải chân thật. Vì muốn xua đuổi kẻ phá giới hủy pháp ra khỏi chúng nên thần Kim Cương Mật Tích thị hiện ra hóa nhân này. Này Ca-diếp! Kẻ hủy báng chánh pháp và Nhất-xiển-đề, hoặc có kẻ sát sinh, cho đến tà kiến và cả kẻ phạm giới cấm thì Ta đối với những người này đều phát sinh lòng từ bi, tướng đồng như con, như La-hầu-la. Này thiện nam! Ví như các quần thần của quốc vương, có người phạm vương pháp thì tùy theo tội mà giết chẳng tha. Như Lai Thế Tôn chẳng như vậy, với người hủy pháp thì cho yết-ma đuổi đi, yết-ma quở trách, yết-ma vứt bỏ, yết-ma nêu tội, yết-ma chẳng thể thấy, yết-ma diệt, yết-ma chưa bỏ ác kiến... Này thiện nam! Sở dĩ Như Lai vì người hủy báng pháp làm yết-ma hàng phục như vậy là vì muốn chỉ bày những người làm ác thấy có quả báo. Này thiện nam! Ông phải biết, Như Lai chính là người ban cho chúng sinh ác sự không sợ hãi, hoặc phóng ra một đạo hào quang, hoặc hai, hoặc ba mà nếu có người gặp được thì đều khiến cho lìa xa tất cả những điều ác. Hôm nay Như Lai có đủ vô lượng thế lực như vậy. Này thiện nam! Chưa thể thấy pháp mà ông muốn thấy thì nay Ta sẽ vì ông nói lên tướng mạo của pháp ấy. Sau khi Ta vào Niết-bàn, tùy theo địa phương nơi nào có Tỳ-kheo trì giới oai nghi đầy đủ, hộ trì chánh pháp, thấy kẻ hủy hoại pháp liền có thể đuổi đi, quở trách, sửa trị, thì ông phải biết người đó được phước không lường, chẳng thể kể xiết. Này thiện nam! Ví như có vị vua chuyên làm việc bạo ác, gặp phải bệnh nặng. Có vị vua của nước láng giềng nghe tin tức ấy dấy binh đem đến muốn tiêu diệt. Lúc đó, vị vua bị bệnh không thế lực nên mới kinh sợ mà sửa tâm tu thiện. Vị vua của nước láng giềng đó được phước không lường. Tỳ-kheo trì pháp cũng như vậy, đuổi đi, quở trách người phá hoại pháp, khiến cho họ làm pháp thiện, được phước không lường. Này thiện nam! Ví như chỗ ở của vị trưởng giả, ruộng đất nhà cửa sinh ra những cây độc hại. Ông trưởng giả biết rồi liền chặt phá khiến cho chúng tận diệt. Lại như trên đầu người trai trẻ sinh ra tóc bạc, tự hổ thẹn mà cạo bỏ chẳng cho sinh

trưởng. Tỳ-kheo trì pháp cũng như vậy, thấy có người phá giới, hoại chánh pháp liền nên đuổi đi, quở trách, nêu ra xét xử. Nếu Tỳ-kheo thiện thấy người hủy hoại pháp thì để yên chẳng đuổi đi, quở trách, nêu ra xét xử thì phải biết người đó là oán địch trong pháp Phật; nếu có thể đuổi đi, quở trách, nêu ra xét xử thì chính là đệ tử Thanh văn chân chính của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói thì không thể bình đẳng xem tất cả chúng sinh tưởng như con, đồng như La-hầu-la được. Thưa Thế Tôn! Nếu có một người dùng dao hại Đức Phật, lại có một người dùng hương chiên-đàn xoa mình Đức Phật, mà Phật đối với hai người ấy sinh lòng bình đẳng thì sao lại nói rằng phải trị kẻ hủy hoại giới cấm. Nếu trị người hủy hoại giới cấm thì lời nói này không đúng.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ví như quốc vương, đại thần, tể tướng sinh dưỡng các con dung mạo đoan nghiêm sáng suốt thông tuệ, rồi đem hoặc hai, ba, bốn đứa giao phó cho vị thầy giáo nghiêm khắc mà nói: “Thầy có thể vì tôi dạy bảo các con của tôi về oai nghi, lễ tiết, kỹ nghệ, thư số v.v... đều khiến cho họ thành tựu. Bốn đứa con của tôi đến thọ học với thầy, giả sử ba đứa bị đánh mà chết, dù còn lại một đứa, thầy nhất định phải khổ trị, phải khiến cho nó thành tựu. Tuy mất ba đứa con, nhưng tôi nhất định chẳng hối hận”. Này Ca-diếp! Người cha và vị thầy đó có phạm tội sát sinh không?

–Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì do thương yêu nên muốn thành tựu, không có lòng ác. Dạy bảo như vậy được phước không lường.

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, nhận xét về kẻ hủy hoại pháp bình đẳng như con một. Hôm nay Như Lai đem chánh pháp vô thượng phó chúc các vua, đại thần, tể tướng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Những quốc vương và bốn bộ chúng này cần phải khuyến bảo khích lệ những người học, khiến cho giới, định, tuệ nơi họ được tăng lên. Nếu có người chẳng học ba phẩm pháp này, lừa dối, phá giới, hủy báng chánh pháp thì quốc vương, đại thần, bốn bộ chúng cần phải khổ trị họ. Này thiện nam! Các quốc vương và bốn bộ chúng

đó sẽ có tội chăng?

–Bạch Thế Tôn! Họ chẳng có tội!

–Này thiện nam! Các quốc vương và bốn bộ chúng đó còn không có tội huống gì là Như Lai. Này thiện nam! Như Lai đã khéo tu bình đẳng như vậy, đối với các chúng sinh tưởng như con một. Người tu như vậy thì gọi là Bồ-tát tu tâm bình đẳng, đối với các chúng sinh tưởng như con một. Này thiện nam! Bồ-tát tu tập nghiệp như vậy thì liền được trường thọ, cũng có thể biết rõ sự việc đời trước.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, Bồ-tát nếu có tu tâm bình đẳng, xem các chúng sinh tưởng đồng như con mình thì được trường thọ. Như Lai chẳng nên lói lời như vậy. Vì sao? Vì như người biết pháp có thể nói đủ thứ pháp hiếu thuận, nhưng trở về đến nhà thì dùng ngói, đá ném, đánh cha mẹ mà cha mẹ đó chính là ruộng phước phì nhiêu, nhiều sự lợi ích rất khó gặp được. Đáng lẽ ra họ nên yêu mến cúng dường, ngược lại sinh lòng náo hại cha mẹ. Người biết pháp đó nói và làm trái nhau. Lời nói của Như Lai cũng như vậy, Bồ-tát tu tập tâm bình đẳng, đối với chúng sinh tưởng đồng như con nên được trường thọ, biết rõ túc mạng thường trụ ở đời, không có biến đổi. Vậy nay Thế Tôn vì nhân duyên gì mà thọ mạng cực ngắn đồng với người đời? Như Lai đối với chúng sinh không phát sinh tư tưởng oán ghét. Bạch Thế Tôn! Ngày xưa Thế Tôn tạo tác nghiệp ác gì, giết hại bao nhiêu mạng mà nay bị đoản mạng, chẳng đầy trăm năm?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông nay vì nhân duyên gì mà ở trước Như Lai nói lên lời thô lậu đó? Sự trường thọ của Như Lai là tối thượng tối thắng ở trong các thọ. Pháp thường sở đắc của Như Lai là tối thắng đệ nhất ở trong các thường.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Như Lai được thọ mạng không lường?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Như tám dòng sông lớn: Một tên là Hằng hà, hai tên là Diêm-ma-la, ba tên là Tát-la, bốn tên là A-di-la-bạt-đề, năm tên là Ma-ha, sáu tên là Tân-đầu, bảy tên là Bác-xoa, tám tên là Tát-

đà và những dòng sông nhỏ đều chảy vào biển cả. Nay Ca-diếp! Như vậy tất cả dòng sông lớn thọ mạng trong loài người, trên cõi trời, dưới đất và hư không đều vào trong biển thọ mạng của Như Lai. Vậy nên thọ mạng của Như Lai là vô lượng. Lại nữa, nay Ca-diếp! Ví như ao Anậu-đạt truyền nước cho bốn dòng sông lớn. Như Lai cũng vậy, cho ra tất cả thọ mạng. Nay Ca-diếp! Ví như trong tất cả các pháp thường thì hư không là đệ nhất. Như Lai cũng vậy, ở trong các pháp thường là tối thắng đệ nhất. Nay Ca-diếp! Ví như các thuốc thì đề hồ là đệ nhất. Như Lai cũng vậy, ở trong chúng sinh thọ mạng đệ nhất.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thọ mạng của Như Lai như vậy thì nên trụ một kiếp hoặc giảm một kiếp, thường tuyên nói diệu pháp như tuôn mưa lớn.

–Nay Ca-diếp! Ông nay chẳng nên ở chỗ Như Lai mà sinh ra tư tưởng diệt tận. Nay Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cho đến Tiên nhân của ngoại đạo đạt được năm thần thông, hoặc trụ một kiếp hay giảm một kiếp, kinh hành trong hư không, ngồi nằm tự tại, hông trái phát ra lửa, hông phải tuôn ra nước, thân sinh ra khói lửa giống như đám lửa, nếu muốn trụ thọ thì có thể được như ý, ở trong thọ mạng, kéo dài, rút ngắn tự tại. Như vậy Tiên nhân đạt được năm thần thông mà còn được thần lực tùy ý như thế hướng chi là Như Lai đối với tất cả các pháp được sức tự tại mà chẳng thể trụ thọ mạng nửa kiếp, hoặc một kiếp, hoặc trăm kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô lượng kiếp chẳng? Do ý nghĩa này nên ông phải biết rằng, Như Lai chính là pháp thường trụ, pháp chẳng biến đổi. Thân này của Như Lai là thân biến hóa, chẳng phải thân tạp thực, vì hóa độ chúng sinh mà thị hiện đồng với cây độc. Vậy nên Như Lai hiện xả thân vào Niết-bàn. Nay Ca-diếp! Ông phải biết, Phật chính là pháp thường, pháp chẳng biến dịch. Các ông ở trong đệ nhất nghĩa đó nên siêng năng tinh tấn, nhất tâm tu tập. Đã tu tập rồi thì hãy vì người khác mà giảng nói rộng khắp.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp xuất thế gian cùng với pháp thế gian có gì sai biệt? Như lời nói của Đức Phật, Phật là pháp thường, pháp chẳng

biến dịch. Thế gian cũng nói, Phạm Thiên là thường, trời Tự Tại là thường, không có biến dịch; ngã thường, tánh thường, vi trần cũng thường. Nếu nói Như Lai là pháp thường thì vì sao Như Lai chẳng thường hiện? Nếu chẳng thường hiện thì có gì sai khác? Vì sao? Vì từ Phạm Thiên cho đến vi trần thế tánh cũng chẳng hiện.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

– Ví như ông trưởng giả có nhiều bò, sắc vóc tuy đủ thứ nhưng đồng chung một bầy. Ông giao phó cho người chăn thả, sai đi tìm nước cỏ, chỉ làm đề hồ chẳng cần cao sữa. Người chăn bò đó chăn dắt rồi tự sinh sống. Ông trưởng giả mạng chung thì những con bò đó đều bị bọn giặc cướp lấy. Bọn giặc cướp được bò rồi nhưng không có phụ nữ, liền tự chăn dắt lấy sữa mà ăn. Bấy giờ, bọn cướp cùng bảo nhau: “Ông đại trưởng giả kia nuôi dưỡng bò này, chẳng cầu lấy cao sữa chỉ vì lấy đề hồ. Hôm nay chúng ta phải thiết lập phương cách gì để được nó đây? Luận về đề hồ thì gọi là thượng vị đệ nhất của thế gian mà chúng ta không có đồ chứa. Giả sử có được sữa thì không có chỗ để chứa”. Họ lại nói với nhau: “Có túi da mới có thể chứa đựng được. Tuy có chỗ đựng mà chẳng biết khuấy trộn thì nước uống còn khó được hưởng chi là lại sinh ra váng sữa”. Lúc này, các tên giặc muốn lấy đề hồ cho nên thêm nước vào đó, rồi vì nước nhiều nên cao sữa, đề hồ tất cả đều mất. Kẻ phàm phu cũng vậy, tuy có pháp thiện nhưng đều chính là phần để lại của chánh pháp Như Lai. Vì sao? Vì sau khi Như Lai vào Niết-bàn, có kẻ trộm lấy pháp thiện để lại của Như Lai, hoặc giới, định, tuệ như bọn giặc kia cướp lấy bầy bò. Những người phàm phu tuy lại được giới, định, tuệ đó nhưng không có phương tiện nên chẳng thể giải nói. Do ý nghĩa này nên chẳng thể thu được sự giải thoát của thường giới, thường định, thường tuệ, như bọn giặc kia chẳng biết phương thức làm đề hồ. Lại như bọn giặc làm đề hồ mà gia thêm nước vào đó. Kẻ phàm phu cũng vậy, vì giải thoát nên nói ngã, chúng sinh, thọ mạng, sĩ phu, Phạm Thiên, Tự Tại thiên, vi trần, thế tánh, giới, định, tuệ và giải thoát, Phi tướng, phi phi tướng thiên v.v... tức là Niết-bàn mà thật sự cũng chẳng được Niết-bàn giải thoát, như bọn giặc kia chẳng được đề hồ. Các phàm phu này có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ, nhờ nhân duyên đó được sinh lên trời, hưởng thọ chút ít an vui như bọn giặc cướp

kia được sữa gia thêm nước. Thật sự những phàm phu này chẳng biết, nhân tu chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ được sinh lên trời. Những phàm phu này lại chẳng biết giới, định, tuệ, quy y Tam bảo. Do họ chẳng biết nên nói thường, lạc, ngã, tịnh, tuy họ nói thế mà thật sự chẳng biết gì cả. Vậy Như Lai sau khi ra đời mới vì họ diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh. Như vua Chuyển luân xuất hiện ở đời, nhờ sức phước đức nên bọn giặc lui tan, bò không tổn hại mạng. Vua Chuyển luân liền đem các con bò giao phó cho một người chăn có nhiều phương tiện khéo léo. Người chăn bò có phương tiện liền được đề hồ. Nhờ đề hồ nên tất cả chúng sinh không có hoạn khổ. Khi Chuyển luân Thánh pháp vương xuất hiện ở đời, những người phàm phu chẳng thể diễn nói về giới, định, tuệ liền bị xả bỏ như bọn giặc lui tan. Bấy giờ, Như Lai khéo nói về pháp thế gian và pháp xuất thế gian vì chúng sinh nên khiến cho các vị Bồ-tát tùy nghi diễn nói. Đại Bồ-tát đã được đề hồ thì lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh đều được vị pháp cam lồ vô thượng. Cái gọi là thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai là do ý nghĩa này. Đây thiện nam! Như Lai là pháp thường, pháp chẳng biến dịch, chẳng phải như người ngu si phàm phu của thế gian gọi là Phạm Thiên v.v... là pháp thường. Pháp thường này chủ yếu nói là Như Lai chẳng phải là pháp nào khác. Đây Ca-diếp! Ông cần phải biết thân của Như Lai như vậy. Đây Ca-diếp! Các thiện nam, thiện nữ thường phải chuyên tâm tu hai chữ này: Phật là “Thường trụ”. Đây Ca-diếp! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu hai chữ này thì phải biết người ấy đi theo đường Ta đi, đến được chỗ Ta đến. Đây thiện nam! Nếu có người tu tập hai chữ như vậy là tướng diệt thì ông phải biết Như Lai đối với người ấy sẽ vì họ vào Niết-bàn. Đây thiện nam! Nghĩa Niết-bàn tức là pháp tánh của các Đức Phật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Pháp tánh của Phật, nghĩa ấy thế nào? Thưa Thế Tôn! Con nay muốn biết nghĩa của pháp tánh. Nguyện xin Như Lai thương xót giảng nói rộng rãi cho. Bàn về pháp tánh tức là xả thân. Xả thân thì gọi là không có. Nếu không có thân thì làm sao tồn tại? Nếu thân tồn tại thì sao gọi rằng thân có pháp tánh? Thân có pháp tánh thì làm sao tồn tại được? Con nay làm sao biết được nghĩa này?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy. Diệt là pháp tánh. Bàn về pháp tánh thì không có diệt. Này thiện nam! Ví như trời Vô Tướng thành tựu sắc ấm mà không sắc tướng thì chẳng nên hỏi, những trời đó làm sao mà trụ vui sướng thọ lạc? Làm sao mà hành tướng? Làm sao mà thấy nghe? Này thiện nam! Cảnh giới của Như Lai chẳng phải là điều hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác. Này thiện nam! Ông chẳng nên nói, thân Như Lai là pháp diệt. Này thiện nam! Pháp diệt của Như Lai là cảnh giới của Phật, chẳng phải là chỗ theo kịp của các Thanh văn, Duyên giác. Này thiện nam! Ông nay chẳng nên nghĩ ngợi Như Lai trụ ở chỗ nào? Hành chỗ nào? Thấy chỗ nào? Vui chỗ nào? Này thiện nam! Nghĩa như vậy cũng chẳng phải là điều biết của các ông. Và pháp thân của chư Phật đủ thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Ông cần phải tu tập Phật, Pháp, Tăng mà khởi thường tưởng. Ba pháp đó không có tướng khác, không tướng về vô thường, không tướng về biến đổi. Nếu người tu tưởng khác đối với ba pháp ấy thì ông phải biết là nhóm người đó đối với Tam quy thanh tịnh không chỗ nương tựa, có giới cấm đều chẳng đầy đủ, nhất định chẳng thể chứng quả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-đề. Nếu người có thể đối với sự chẳng nghĩ bàn này mà tu tưởng về thường thì có chỗ về. Này thiện nam! Ví như do cây mà có bóng cây, Như Lai cũng vậy, có thường pháp nên có quy y, chẳng phải là vô thường. Nếu nói Như Lai là vô thường thì Như Lai chẳng phải là chỗ quy y của chư Thiên và người đời.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như trong tối có cây không có bóng.

–Này Ca-diếp! Ông chẳng nên nói rằng, có cây không có bóng, chỉ vì đó chẳng phải cái thấy của nhục nhãn. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, tánh thường trụ ấy là chẳng biến dịch, không có mất trí tuệ thì chẳng thể thấy được. Như trong tối kia chẳng thấy bóng cây. Người phạm phu sau khi Phật diệt độ, nói rằng Như Lai là pháp vô thường cũng như vậy, nếu nói Như Lai khác Pháp và Tăng thì chẳng thể thành ba chỗ quy y, như cha mẹ của ông mỗi người đều khác nên khiến cho

họ vô thường.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con từ nay bắt đầu dùng Phật, Pháp, Tăng là ba pháp thường trụ, sẽ mở giác ngộ cha mẹ, cho đến bảy đời đều khiến cho họ phụng trì. Thế Tôn rất kỳ đặc! Con nay học Như Lai, Pháp và Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Con đã tự học rồi cũng sẽ vì người giảng nói rộng rãi ý nghĩa này. Nếu có những người chẳng thể tin thọ thì phải biết là hạng người đó tu lâu vô thường. Những người như vậy con sẽ vì họ mà tạo tác sương mù, mưa đá.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Ông nay có thể hộ trì chánh pháp. Hộ pháp như vậy là chẳng đối người. Do nghiệp duyên lành chẳng đối người mà được trường thọ, giỏi biết túc mạng.

*

**

Phẩm 5: THÂN KIM CƯƠNG

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Thân của Như Lai là thân thường trụ, thân chẳng hoại, thân kim cương, chẳng phải là thân tạp thực, tức là pháp thân.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời nói của Phật, những thân như vậy con đều chẳng thấy mà con chỉ thấy thân tạp thực, bụi đất, phá hoại vô thường v.v. Vì sao? Vì Như Lai hôm nay sẽ vào Niết-bàn.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông nay chớ gọi thân Như Lai chẳng bền, có thể hoại như thân của phàm phu. Này thiện nam! Nay ông phải biết là thân của Như Lai vô lượng ức kiếp bền chắc khó hoại, chẳng phải thân của hàng người, trời, chẳng phải thân sợ hãi, chẳng phải thân tạp thực. Thân của Như Lai chẳng phải là thân, thân này chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng tập, chẳng tu, vô lượng vô biên, không có dấu chân, không biết, không hình, rốt ráo thanh tịnh, không có lay động, không thọ, không hành, chẳng trụ, chẳng tác, không mùi, không tạp, chẳng phải hữu vi, chẳng

phải nghiệp, chẳng phải quả, chẳng phải hành, chẳng phải diệt, chẳng phải tâm, chẳng phải số, chẳng thể nghĩ bàn, thường trụ chẳng thể bàn, vô thức, lia tâm, cũng chẳng lia tâm. Tâm ấy bình đẳng không có, cũng có, không có đi lại mà cũng đi lại, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng đoạn, chẳng tuyệt, chẳng sinh ra, chẳng diệt mất, chẳng chủ, cũng là chủ, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải giác, chẳng phải quán, chẳng phải chữ, chẳng phải chẳng chữ, chẳng phải định, chẳng phải chẳng định, chẳng thể thấy mà thấy tỏ rõ, không chỗ cũng có chỗ, không nhà cũng có nhà, không tối, không sáng, không có tịch tĩnh mà cũng tịch tĩnh, không sở hữu, chẳng thọ, chẳng thí, thanh tịnh vô cấu, không tranh, đoạn tranh, trụ không chỗ trụ, chẳng thủ, chẳng đoạn, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp, chẳng phải phước điền, chẳng phải phi phước điền, vô tận chẳng tận, lia tất cả tận, rộng không, lia rộng không, tuy chẳng thường trụ mà chẳng phải niệm niệm diệt, không có vấn đục, không chữ, lia chữ, chẳng phải tiếng, chẳng phải nói, cũng chẳng phải tu tập, chẳng phải xưng, chẳng phải lường, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải tượng, chẳng phải tướng mà các tướng trang nghiêm, chẳng phải dưng, chẳng phải sợ, không tịch chẳng tịch, không nhiệt chẳng nhiệt, chẳng thể nhìn thấy, không có tướng mạo. Như Lai độ thoát tất cả chúng sinh mà không thấy độ thoát nên có thể gồm có chúng sinh, không có kiến giải nên hiểu rõ chúng sinh, không hiểu rõ nên nói pháp như thật, không có hai nên chẳng thể lượng vô đẳng đẳng, bình đẳng như hư không, không có hình mạo, đồng với tánh vô sinh, chẳng đoạn, chẳng thường, thường hành Nhất thừa, chúng sinh thấy là ba, chẳng thoái, chẳng chuyển, đoạn tất cả kết, chẳng chiến, chẳng chạm, chẳng phải tánh mà trụ tánh, chẳng phải hợp, chẳng phải tan, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông, chẳng phải ấm, giới, nhập cũng là ấm, giới, nhập, chẳng phải tăng, chẳng phải tổn, chẳng phải thắng, chẳng phải thua v.v... Thân của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy không có ai biết, không ai chẳng biết, không có ai thấy, không ai chẳng thấy, chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, chẳng phải thế gian, chẳng phải chẳng thế gian, chẳng phải làm, chẳng phải chẳng làm, chẳng phải nướng, chẳng phải chẳng nướng, chẳng phải bốn đại, chẳng phải chẳng

bốn đại, chẳng phải nhân, chẳng phải chẳng nhân, chẳng phải chúng sinh, chẳng phải chẳng chúng sinh, chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn, là sư tử, là đại sư tử, chẳng phải thân chẳng phải chẳng thân, chẳng thể tuyên nói trừ một pháp tướng chẳng thể tính toán, khi Bát-niết-bàn thì chẳng Bát-niết-bàn. Pháp thân Như Lai đều thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy. Nay Ca-diếp! Chỉ có Như Lai mới biết tướng này, chẳng phải là điều hiểu biết của các Thanh văn, Duyên giác. Nay Ca-diếp! Thân Như Lai thành tựu những công đức như vậy, chẳng phải là thân do tạp thực nuôi lớn. Nay Ca-diếp! Chân thân Như Lai công đức như vậy thì làm sao lại bị các bệnh hoạn, khổ, mỏng manh, chẳng bền chắc như đồ đất chưa nung? Nay Ca-diếp! Sở dĩ Như Lai thị hiện bệnh khổ là vì muốn điều phục các chúng sinh. Nay thiện nam! Nay ông phải biết, thân Như Lai tức là thân kim cương. Từ nay ông thường phải chuyên tâm suy nghĩ về nghĩa này. Ông chớ nghĩ là thân tạp thực và cũng phải vì người khác nói thân Như Lai tức là pháp thân.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thành tựu công đức như vậy thì làm sao thân Ngài có bệnh khổ vô thường phá hoại? Từ ngày hôm nay con thường phải suy nghĩ về thân của Như Lai là pháp thân thường còn, là thân an lạc. Con cũng sẽ vì mọi người rộng nói như vậy. Thưa Thế Tôn! Pháp thân của Như Lai là kim cương bất hoại mà chưa có thể biết do nhân duyên gì?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Do cái nhân duyên hay hộ trì chánh pháp nên được thành tựu thân kim cương này. Nay Ca-diếp! Vào thuở xa xưa, Ta có nhân duyên hộ pháp nên nay được thành tựu thân kim cương này, thường trụ chẳng hoại. Nay thiện nam! Người hộ trì chánh pháp mà chẳng thọ năm giới, chẳng tu oai nghi thì nên cầm dao kiếm, cung tên, gậy mâu v.v... giữ gìn vị Tỳ-kheo giữ giới thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ-kheo lìa khỏi chỗ an ổn, ở một mình nơi thanh vắng, bãi tha ma, dưới gốc cây v.v... thì phải nói người này là Tỳ-kheo chân chính. Nếu có người tìm nơi an ổn mà tu hành thì phải

biết rằng người ấy chính là cư sĩ trọc.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông chớ nói là cư sĩ trọc. Nếu có Tỳ-kheo, tùy chỗ mình đến ở nuôi thân vừa đủ, đọc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền và có người đến hỏi pháp liền vì họ tuyên nói như là nói bố thí, trì giới, phước đức, thiếu dục tri túc, tuy có thể nói đủ thứ pháp như vậy, nhưng chẳng thể phát ra tiếng rống sư tử, chẳng được đồ chúng dưng mãi vây quanh thì chẳng thể hàng phục người ác phi pháp. Tỳ-kheo như vậy chẳng thể tự lợi và lợi chúng sinh. Ông phải biết họ biếng nhác, tuy có thể trì giới, giữ gìn tịnh hạnh, nhưng ông phải biết người này không làm được gì. Nếu có Tỳ-kheo mà đồ cung cấp cho thân cũng thường đầy đủ, lại hay hộ trì giới cấm đã thọ, có thể dưng mãi tuyên nói rộng rãi diệu pháp như là Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ Ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma. Đem chín bộ loại kinh điển như vậy vì người khác mà giảng nói rộng rãi, tạo lợi ích an lạc cho chúng sinh, xứng lên như vậy: “Trong kinh Niết-bàn Phật dạy các Tỳ-kheo chẳng nên nuôi dưỡng nô tỳ, bò dê v.v... những vật phi pháp. Nếu có Tỳ-kheo nuôi những vật bất tịnh như vậy thì cần phải sửa trị. Như Lai trước ở trong các bộ kinh khác có nói, có vị Tỳ-kheo nuôi những vật phi pháp như vậy đã bị vị quốc vương của nước đó theo đúng như pháp sửa trị, đuổi trở về thế tục”. Nếu có Tỳ-kheo có thể tuyên nói dưng mãi như vậy mà có kẻ phá giới nghe được lời nói đó rồi đều nổi sân giận làm hại vị Pháp sư này, người nói pháp đó giả sử lại mạng chung thì nên gọi là trì giới lợi mình và lợi người khác. Do duyên này nên Ta cho phép quốc vương, quần thần, tể tướng, các Ưu-bà-tắc v.v... hộ trì người nói pháp. Nếu có người muốn được hộ chánh pháp thì phải học tập như vậy. Nay Ca-diếp! Như vậy người phá giới chẳng hộ pháp thì gọi là cư sĩ trọc chứ chẳng phải người trì giới bị gọi như vậy. Nay thiện nam! Thuở quá khứ xa xưa, vô lượng vô biên vô số kiếp, ở thành Câu-thi-na này có Đức Phật ra đời hiệu là Hoan Hỷ Tăng Ích Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới bấy giờ rộng rãi nghiêm tịnh, thịnh vượng, an vui, ổn định, muôn dân đông đúc, không có đói khát, như những vị Bồ-tát của nước An lạc.

Đức Phật Thế Tôn đó trụ thế không lường, giáo hóa chúng sinh rồi sau đấy mới đến Ta-la song thọ vào Niết-bàn. Sau Đức Phật Niết-bàn giáo pháp để lại trụ thế vô lượng ức năm. Còn bốn mươi năm nữa lúc pháp Phật chưa diệt, bấy giờ có một vị Tỳ-kheo trì giới tên là Giác Đức, có nhiều đồ chúng quyến thuộc vây quanh, có thể dưng mảnh ban tuyên rộng rãi chín bộ loại kinh điển, dạy các Tỳ-kheo chẳng được nuôi dưỡng nô tỳ, bò, dê... các vật phi pháp. Bấy giờ, có nhiều Tỳ-kheo phá giới nghe nói như vậy thì đều sinh tâm ác. Họ cầm dao gậy đến bức bách vị Pháp sư đó. Lúc này có vị quốc vương tên là Hữu Đức nghe việc này rồi thì vì hộ pháp nên liền đi đến chỗ người nói pháp cùng với các Tỳ-kheo ác phá giới đánh nhau kịch liệt khiến cho người nói pháp khỏi nguy hại. Nhà vua bị thương khắp thân. Bấy giờ, Giác Đức liền khen nhà vua: “Hay thay! Hay thay! Nhà vua hôm nay quả thật là người hộ chánh pháp. Đời vị lai thân này sẽ làm pháp khí không lường”. Vào lúc đó, nhà vua được nghe pháp rồi, lòng rất vui mừng, liền mạng chung, sinh vào nước của Đức Phật A-súc và được làm đệ tử thứ nhất của Đức Phật đó. Dân chúng quyến thuộc theo đức vua ấy có chiến đấu, có tùy hỷ, tất cả chẳng thoái tâm Bồ-đề, sau khi mạng chung đều sinh vào nước của Đức Phật A-súc và được làm đệ tử thứ hai trong chúng Thanh văn của Đức Phật đó. Nếu khi có chánh pháp sắp diệt tận thì cần phải thọ trì ủng hộ như vậy. Này Ca-diếp! Vị vua lúc bấy giờ chính là thân Ta. Vị Tỳ-kheo nói pháp là Phật Ca-diếp. Này Ca-diếp! Người hộ chánh pháp được vô lượng phước báo như vậy. Do nhân duyên đó nên Ta nay được đủ thứ tướng để tự trang nghiêm, thành tựu pháp thân, thân chẳng thể hoại.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thân thường tại của Như Lai giống như khắc chạm trên đá.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Do nhân duyên này nên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cần phải gia tăng hộ trì chánh pháp vì quả báo hộ pháp rộng lớn không lường. Này thiện nam! Vậy nên Ưu-bà-tắc v.v... hộ pháp nên cầm dao gậy ủng hộ Tỳ-kheo trì pháp như vậy. Nếu có người thọ trì đủ năm giới thì chẳng được gọi là người Đại thừa. Chẳng

thọ năm giới mà vì hộ trì chánh pháp thì mới gọi là Đại thừa. Người hộ trì chánh pháp cần phải cầm dao kiếm, binh khí hầu hạ bảo vệ pháp sư.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các Tỳ-kheo cùng những Ưu-bà-tắc v.v... cầm dao gậy như vậy làm bạn, có thầy hay không có thầy? Là trì giới hay là phá giới?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Ông chớ gọi những người đó là người phá giới. Đây thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, vào đời ác trước, đất nước hoảng loạn, cướp bóc lẫn nhau, dân chúng đói khát. Bấy giờ, có nhiều người vì đói khát nên phát tâm xuất gia. Người như vậy gọi là người trọc đầu. Hạng người trọc này thấy có Tỳ-kheo trì giới oai nghi đầy đủ thanh tịnh, hộ trì chánh pháp thì xua đuổi ra khỏi, hoặc giết hoặc hại họ.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trì giới này hộ trì chánh pháp thì làm sao được du hành đến thôn xóm thành ấp để giáo hóa?

–Đây thiện nam! Vậy nên, Ta nay cho phép người trì giới nương vào những người bạch y cầm dao gậy làm bạn bè. Nếu các quốc vương, đại thần, trưởng giả, Ưu-bà-tắc v.v... vì hộ pháp nên tuy cầm dao gậy nhưng Ta vẫn nói rằng những người đó là trì giới. Tuy cầm dao gậy nhưng chẳng nên đoạn dứt mạng sống, nếu có thể được như vậy thì được gọi là trì giới đệ nhất.

Này Ca-diếp! Người hộ pháp là người đầy đủ chánh kiến, có khả năng tuyên nói kinh điển Đại thừa rộng rãi, nhất định chẳng nắm giữ lọng báu của vua, bình đầu, lúa gạo v.v... đủ thứ trái cây, chẳng vì lợi dưỡng mà thân cận quốc vương, đại thần, trưởng giả, đối với các đàn-việt lòng không đua nịnh quanh co, đầy đủ oai nghi, hàng phục những người ác phá giới v.v. Đó gọi là thầy trì giới hộ pháp, người này có thể làm thiện tri thức chân chính của chúng sinh, tâm họ rộng lớn ví như biển cả. Này Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo do lợi dưỡng nên vì người khác nói pháp thì đồ chúng quyến thuộc của người này cũng bắt chước thầy mình tham cầu lợi dưỡng. Người như vậy là tự hủy hoại chúng. Này Ca-diếp! Chúng có ba thứ: Một là Tăng tạp phạm giới, Hai là Tăng ngu si. Ba là Tăng thanh tịnh. Tăng tạp phá giới thì dễ bị hoại, Tăng trì giới

thanh tịnh thì nhân duyên lợi dưỡng chẳng thể hoại. Sao gọi là Tăng tạp phá giới? Nếu có Tỳ-kheo tuy giữ giới cấm nhưng vì lợi dưỡng nên cùng với người phá giới ngồi đứng đi lại, chung nhau cận kề, đồng sự nghiệp với người ấy thì đó gọi là Tăng phá giới, cũng gọi là Tăng tạp. Sao gọi là Tăng ngu si? Nếu có Tỳ-kheo ở chỗ thanh vắng mà các căn chẳng linh lợi, ám độn, đờ đẫn, ít muốn khát thực, vào ngày nói giới và khi tự tứ, vị Tỳ-kheo ấy dạy các đệ tử thanh tịnh sám hối, thấy kẻ chẳng phải đệ tử phạm nhiều giới cấm, chẳng thể dạy bảo khiến cho thanh tịnh sám hối mà cứ cùng chung với họ nói giới, tự tứ, thì đó gọi là Tăng ngu si. Sao gọi là Tăng thanh tịnh? Có Tỳ-kheo Tăng mà trăm ngàn ức ma chẳng thể hoại được. Chúng Bồ-tát này bản tánh thanh tịnh, có thể điều phục chúng của hai bộ trên khiến cho họ an trụ ở trong chúng thanh tịnh. Đó gọi là đại sư hộ pháp vô thượng, người giỏi trì luật. Vì muốn điều phục lợi ích cho chúng sinh nên người ấy biết tướng của các giới, hoặc khinh, hoặc trọng, chẳng phải là luật thì chẳng chứng biết, còn nếu là luật thì liền chứng biết. Sao gọi là điều phục chúng sinh? Nếu các vị Bồ-tát vì hóa độ chúng sinh thì thường vào xóm làng, chẳng chọn thời tiết, hoặc đến nhà quả phụ và nhà dâm nữ cùng ở chung trải qua nhiều năm. Nếu là Thanh văn thì chẳng nên làm. Đó gọi là điều phục, lợi ích chúng sinh. Sao gọi là biết trọng? Nếu thấy Như Lai nhân sự việc mà chế ra giới: “Ông từ nay thận trọng chớ phạm lại”, như bốn trọng cấm mà người xuất gia chẳng nên làm mà vẫn làm thì chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là con của dòng họ Thích, thì đó gọi là trọng. Sao gọi là khinh? Nếu phạm việc nhẹ, sau ba lần can ngăn như vậy, nếu có thể bỏ thì đó gọi là khinh. Chẳng phải luật chẳng chứng biết là, nếu có người khen nói nên thọ dụng vật chẳng thanh tịnh thì chẳng cùng ở chung với người ấy. Đúng luật nên chứng biết là, giỏi học giới luật, chẳng gần người phá giới, thấy có việc làm thuận theo giới luật thì lòng phát sinh hoan hỷ. Như thế có thể biết việc làm pháp Phật khéo có thể giải nói thì gọi là luật sư, khéo giải một chữ, khéo giữ gìn khế kinh cũng như vậy. Như vậy, này thiện nam! Pháp Phật vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy, chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Quả thật như lời dạy của

đức Thánh. Pháp Phật vô lượng chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng vậy, chẳng thể nghĩ bàn. Nên biết, Như Lai thường trụ, chẳng hoại, không có biến dịch. Con nay học đã kỹ, cũng sẽ vì mọi người tuyên nói rộng rãi ý nghĩa đó.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Thân của Như Lai tức là thân kim cương chẳng thể hoại. Bồ-tát cần phải học tốt chánh kiến, chánh tri như vậy. Nếu có khả năng thấy biết tỏ rõ như vậy tức là thấy được thân kim cương, thân chẳng thể hoại của Phật, như thấy các sắc tượng ở trong gương.

**

Phẩm 6: DANH TỰ CÔNG ĐỨC

Bấy giờ, Đức Như Lai lại bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông nay cần phải khéo giữ gìn công đức của chương cú, văn tự của kinh này. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe tên kinh này mà sinh vào bốn đường thì không có việc đó. Vì sao? Vì kinh điển như vậy chính là sự tu tập của vô lượng vô biên các Đức Phật mà công đức sở đắc hôm nay Ta sẽ nói.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Đại Bồ-tát phụng trì ra sao?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Kinh này tên là Đại Bát Niết Bàn. Lời nói đầu cũng thiện, lời nói giữa cũng thiện, lời nói sau cũng thiện, ý nghĩa thâm thúy, văn chương cũng hay, tinh thần đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh, tạng báu kim cương đủ đầy không thiếu. Ông hãy lắng nghe cho kỹ. Ta nay sẽ nói. Này thiện nam! Sở dĩ nói rằng Đại là do nó thường, như tám dòng sông lớn đều về biển cả. Kinh này cũng như vậy, hàng phục tất cả các phiền não kết và các tánh ma, rồi sau đấy mới cần Đại Bát Niết Bàn mà buông bỏ thân mạng. Vậy nên tên là Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Lại như vị thầy thuốc có một phương thang bí mật gồm thảo hết tất cả y thuật hiện có. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, đã nói đủ thứ tạng môn thâm diệu, bí mật của diệu pháp, tất cả đều vào hết trong

Đại Bát Niết Bàn này. Vậy nên tên là Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam! Ví như người nông phu thặng xuân xuống giống thường có hy vọng. Đã thu hái quả trái xong thì mọi hy vọng đều dứt. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy, tu học kinh khác thường mong thắm nhuần, nếu được nghe kinh Đại Bát Niết Bàn này thì sự hy vọng thắm nhuần sẵn có trong các kinh đều dứt hẳn. Đại Niết-bàn này có thể khiến cho chúng sinh qua khỏi các dòng hữu. Đây thiện nam! Như trong các dấu chân thì dấu chân voi là hơn hết. Như vậy, kinh này đối với các kinh Tam-muội là đệ nhất. Đây thiện nam! Ví như cày ruộng thì cày vào mùa thu là hơn hết. Như vậy kinh này hơn hết trong các kinh. Đây thiện nam! Như trong các loại thuốc thì đề hồ là số một, khéo trị tâm loạn phiền não của chúng sinh, kinh Đại Niết Bàn là tối đệ nhất. Đây thiện nam! Ví như váng sữa ngon tám vị đầy đủ. Đại Bát Niết Bàn cũng như vậy, tám vị đầy đủ. Những gì là tám? Một là thường, hai là hằng, ba là an, bốn là thanh lương, năm là chẳng già, sáu là chẳng chết, bảy là không nhớ, tám là lạc. Đó là tám vị. Đầy đủ tám vị đó nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu Đại Bồ-tát nào an trụ vào trong đó mà lại có thể thị hiện Niết-bàn mọi nơi thì đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đây Ca-diếp! Thiện nam, thiện nữ nào nếu muốn ở trong Đại Bát Niết Bàn này mà Niết-bàn thì đều phải học điều này: Như Lai thường trụ, Pháp, Tăng cũng vậy.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Lạ quá! Thưa Thế Tôn! Công đức của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, Phật, Pháp, Tăng cũng vậy, chẳng thể nghĩ bàn, Đại Niết-bàn đó cũng chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có người tu học kinh điển này thì được môn chánh pháp, có thể làm thầy thuốc giỏi. Nếu người chưa học thì phải biết là người đó mù, không có tuệ nhãn, bị sự che phủ của vô minh.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN IV

Phẩm 7: BỐN TƯỚNG 1

Đức Phật lại bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát phân biệt khai thị Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng về nghĩa. Những gì là bốn? Một là tự chánh, hai là tha chánh, ba là có thể theo câu hỏi mà đáp, bốn là khéo giải nghĩa nhân duyên. Này Ca-diếp! Sao gọi là Tự chánh? Đó là Phật Như Lai thấy các nhân duyên mà có điều cần nói lên. Ví như vị Tỳ-kheo thấy đám lửa lớn liền nói lên: “Ta thà ôm lấy đám lửa cháy rực đó, nhất định chẳng dám đối với lời thuyết giảng mười hai bộ loại kinh điển và tạng bí mật của Như Lai mà bài báng: “Kinh này là lời nói của ma”. Hoặc nói: “Như Lai, Phật, Pháp, Tăng là vô thường”. Người nói như vậy là tự lừa dối, cũng lừa dối người khác. Thà dùng dao bén tự cắt lưỡi của mình, nhất định chẳng nói: “Như Lai Phật, Pháp, Tăng là vô thường”. Nếu nghe người khác nói cũng chẳng tin thọ. Đối với người nói này nên sinh lòng thương xót. Như Lai, Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn nên thọ trì như vậy. Tự quán thân mình giống như đồng lửa. Đó gọi là Tự chánh.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Tha chánh? Khi Đức Phật nói pháp, có một người con gái nuôi trẻ con bằng sữa, đi đến chỗ Đức Phật, đánh lễ dưới chân Ngài, có điều đang nhớ nghĩ, tâm mãi suy tư ngòai về một phía. Bấy giờ, Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi: “Người vì thương con nên cho trẻ ăn nhiều váng sữa mà chẳng biết trừ lượng có tiêu hóa được cùng chẳng tiêu hóa được”. Khi ấy, người con gái liền bạch Phật: “Kỳ lạ thay! Thưa Thế Tôn! Ngài có thể biết rõ được điều suy nghĩ trong lòng của con. Nguyện xin Như Lai dạy con ít nhiều. Bạch Thế Tôn! Vào sáng nay, con cho trẻ ăn nhiều váng sữa, sợ chẳng thể tiêu hóa, sẽ

bị yếu thọ. Cúi xin Như Lai chỉ dạy cho con”. Phật dạy: “Con của người đã ăn tức thời tiêu hóa, tăng thêm thọ mạng”. Người con gái nghe rồi lòng rất hờn hở, lại thưa: “Như Lai nói chân thật nên con hoan hỷ. Thưa Thế Tôn! Như vậy thì vì muốn điều phục các chúng sinh nên khéo có thể phân biệt nói tiêu hóa hay chẳng tiêu hóa, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu Phật Thế Tôn trước nói “Thường” thì đồ chúng được giáo hóa sẽ nói rằng, pháp này đồng với pháp ngoại đạo, họ liền bỏ đi”. Phật bảo người con gái: “Nếu con người lớn lên có thể tự đi lại, phạm việc ăn uống có thể tiêu cái khó tiêu mà vẫn cho ăn váng sữa như cũ thì chẳng cung cấp đủ. Đệ tử Thanh văn của Ta cũng như vậy, như đứa con của người, họ chẳng thể tiêu hóa pháp thường trụ này. Nên Ta trước nói khổ, vô thường. Nếu những đệ tử Thanh văn của Ta công đức đã đủ, đủ sức tu tập kinh điển Đại thừa thì Ta sẽ vì họ giảng nói về sáu vị ở kinh này. Những gì là sáu vị? Đó là vị chua của khổ, vị mặn của vô thường, vị đắng của vô ngã, vị ngọt của lạc, vị cay của ngã, vị nhạt của thường. Trong thế gian có ba thứ vị, đó là vô thường, vô ngã, vô lạc. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa. Do nhân duyên đó mà thành món ăn Niết-bàn, gọi là thường, lạc, ngã, khiến cho các đệ tử đều ham thích”. Đức Phật lại bảo người con gái: “Người nếu có duyên muốn đến xứ khác nên đuổi đứa con xấu ra khỏi nhà, rồi đem hết kho báu giao cho đứa con tốt”. Người con gái lại bạch Phật: “Thật đúng như lời dạy của Đức Thánh. Kho tàng châu báu chỉ cho đứa con tốt, chẳng nên cho đứa con xấu”. Phật bảo: “Ta cũng như vậy, khi Bát-niết-bàn, pháp tạng vô thượng vi mật của Như Lai, Ta chẳng trao cho các đệ tử Thanh văn v.v... như kho báu của người chẳng cho đứa con ác, mà cần phải phó chúc cho các Bồ-tát v.v... như người đem kho báu ủy thác cho đứa con tốt. Vì sao? Vì đệ tử Thanh văn sinh ra tưởng về biến đổi cho rằng Phật Như Lai diệt độ thật. Nhưng Ta thật chẳng diệt độ. Như người trong thời gian đi xa chưa trở về, đứa con xấu của người liền nói rằng người đã chết, mà người thật chẳng chết. Các Bồ-tát nói rằng, Như Lai thường còn chẳng biến đổi như đứa con tốt của người chẳng nói người chết. Do ý nghĩa này nên Ta đem pháp tạng bí mật vô thượng giao phó cho các Bồ-tát. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh cho rằng Phật thường trụ chẳng biến dịch thì phải biết nhà này là nhà có Phật”.

Đó gọi là Tha chánh.

Này Ca-diếp! Sao gọi là có thể tùy theo câu hỏi mà trả lời? Nếu có người đến hỏi Phật Thế Tôn: “Tôi phải làm gì để chẳng bỏ tiền của mà được tiếng là người đàn-việt đại thí?”. Phật nói: “Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn ít dục, biết đủ, chẳng thọ nhận, chẳng nuôi vật bất tịnh thì nên thí cho người ấy tổ trai, tổ gái, người sai bảo, người tu phạm hạnh thì thí cho nữ sắc, kẻ đoạn dứt rượu thịt thì thí cho rượu thịt, người chẳng ăn quá ngọ thì thí cho bữa ăn quá ngọ, người chẳng dùng hương hoa thì thí cho hương hoa. Người bố thí như vậy thì danh tiếng vang lừng cùng khắp thiên hạ mà chưa từng tổn phí một hào của mình. Đó gọi là có thể tùy theo câu hỏi mà đáp.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người ăn thịt chẳng nên thí cho thịt. Vì sao? Vì con thấy người chẳng ăn thịt có công đức lớn.

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Nay ông mới có thể giải biết ý của Ta. Bồ-tát hộ pháp cần phải như vậy. Này thiện nam! Từ ngày hôm nay, bắt đầu chẳng cho phép đệ tử Thanh văn ăn thịt. Như khi thọ đàn-việt tín thí thì nên xem thức ăn đó như thịt của con mình.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao Như Lai chẳng cho ăn thịt?

–Này thiện nam! Người ăn thịt thì dứt mất giống đại từ.

Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi:

–Vì sao trước đây Như Lai cho phép Tỳ-kheo ăn ba thứ tịnh nhục?

–Này Bồ-tát Ca-diếp! Ba thứ tịnh nhục đó là tùy theo sự việc mà chế ra.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà mười thứ bất tịnh cho đến chín thứ thanh tịnh mà lại chẳng cho phép?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Cũng là nhân việc đó mà cấm chế dần, ông phải biết đó tức là thị hiện nghĩa đoạn nhục.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Tại sao Như Lai khen thịt cá là món ăn ngon?

–Đây thiện nam! Ta cũng chẳng nói những gì thuộc về thịt, cá là món ăn ngon, mà Ta nói lúa, gạo, đường, tất cả lúa mạch, đường đen, sữa, cao sữa, váng sữa, dầu dùng làm món ăn ngon. Tuy Ta nói nên sấm đủ thứ quần áo, nhưng cái nên sấm phải là đồ hoại sắc, huống chi là tham trước vị thịt cá.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Như Lai nếu chế chẳng ăn thịt thì năm thứ vị như sữa, bơ, nước cao sữa, váng sữa tươi, váng sữa chín, dầu mè v.v... và các y phục, áo kiêu xa gia, ngọc kha, da thuộc, vàng, bạc, chén, bát v.v..., những vật như vậy cũng chẳng nên thọ nhận.

–Đây thiện nam! Ông chẳng nên đồng sở kiến với hạng Ni-kiền kia. Như Lai đã chế ra tất cả giới cấm đều có ý khác. Do ý khác nên cho phép ăn ba thứ tịnh nhục, do tướng khác nên đoạn tuyệt mười thứ thịt, do tướng khác nên tất cả đều dứt dù cho con vật đã chết. Đây Ca-diếp! Ta từ hôm nay cấm chế các đệ tử chẳng được ăn tất cả thịt nữa. Đây Ca-diếp! Người ăn thịt ấy hoặc đi hoặc đứng hoặc ngồi hoặc nằm, tất cả chúng sinh nghe hơi thịt của chúng đều sinh kinh sợ. Ví như có người gần gũi với sư tử, rồi mọi người thấy người đó có mùi hôi của sư tử cũng sinh kinh sợ.

Này thiện nam! Như người ăn tối mùi hôi khó chịu. Người khác nghe hôi nên bỏ đi. Giả sử người thấy từ xa còn chẳng muốn nhìn huống chi là phải đến gần họ. Người ăn thịt cũng như vậy, tất cả chúng sinh nghe hơi thịt của chúng đều sợ hãi phát sinh tư tưởng sợ chết. Những loài có mạng sống đi trong hư không, dưới đất, trong nước đều bỏ chạy hết, đều cho người này là oán địch của mình. Vậy nên Bồ-tát chẳng tập ăn thịt, nhưng vì độ chúng sinh mà thị hiện ăn thịt. Tuy thị hiện ăn thịt nhưng kỳ thật chẳng ăn. Đây thiện nam! Như vậy Bồ-tát đối với những món thanh tịnh còn chẳng ăn, huống chi là ăn thịt. Đây thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, vô lượng trăm ngàn các bậc Thánh nhân của bốn quả đều Niết-bàn, sau khi chánh pháp diệt, ở trong đời tượng pháp, sẽ có Tỳ-kheo với dáng vẻ giữ gìn luật mà ít đọc tụng kinh, ham thích ăn uống, trưởng dưỡng thân mình. Thân thể ăn mặc thô bỉ xấu xí, hình dung tiêu tụy, không có uy đức, chặn thả trâu dê, gánh

vác củi cỏ, tóc râu bờm xồm, móng dài và bén. Họ tuy mặc áo ca-sa nhưng giống như thợ săn, tuy nhìn chăm bước chậm mà như mèo rình chuột. Họ thường xưng lên: “Ta đắc quả A-la-hán” chịu nhiều thứ bệnh, nằm ngủ trên phân bần. Bên ngoài họ hiện vẻ hiền thiện mà bên trong ôm lòng tham lam ganh ghét, như Bà-la-môn thọ phép cam v.v... Thật chẳng phải Sa-môn mà hiện hình dáng Sa-môn, tà kiến hừng hực, bài báng chánh pháp. Những người như vậy phá hoại sự chế ra giới luật để chánh hạnh oai nghi, nói quả giải thoát để lìa khỏi pháp bất tịnh của Như Lai và phá hoại giáo lý bí mật thâm diệu. Họ đều tự theo ý nói ngược lại kinh luật: “Như Lai đều cho chúng ta ăn thịt”. Họ tự tạo ra lập luận này mà nói rằng chính là Phật nói rồi cùng tranh cãi, đều tự xưng là Thích tử Sa-môn. Này thiện nam! Bấy giờ, lại có những Sa-môn gom chứa thóc gạo, nhận lấy thịt cá, tự tay làm ăn, nắm giữ bình dầu, lọng báu, giày da, gân gũi quốc vương, đại thần, trưởng giả, xem tướng tinh tú, siêng học nghề thuốc, nuôi dưỡng nô tỳ, gom chứa vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, bích ngọc, kha bối v.v... đủ thứ trái quả. Họ học tập các kỹ nghệ, họa sư, tô trát, soạn sách dạy học, gieo trồng cây cối, cách dùng độc, chú thuật huyền hóa, hòa hợp các thuốc, tấu xướng kỹ nhạc, hương hoa trang điểm thân, đánh bạc, chơi cờ vây v.v... học các nghề khéo léo. Nếu có vị Tỳ-kheo có thể lìa khỏi các việc ác như vậy thì Ta sẽ nói người này là đệ tử chân chính của Ta.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nương vào người khác mà sống, nếu khi xin ăn mà được thức ăn có lẫn thịt thì làm sao thức ăn xin được hợp với pháp thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Phải dùng nước rửa sạch làm cho thịt tách ra rồi mới ăn. Nếu đồ đựng thức ăn bị thịt làm bẩn thì cần làm cho mất mùi vị là dùng được, không có tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thì chẳng nên thọ nhận. Tất cả thịt đều chẳng nên ăn, nếu ăn thì bị tội. Nay Ta xưng chế ra pháp đoạn nhục này. Nếu nói rộng thì chẳng thể hết mà thời điểm Niết-bàn đã đến. Vậy nên Ta lược nói thôi. Đó gọi là có thể tùy theo câu hỏi mà đáp.

Này Ca-diếp! Sao gọi là khéo giải nghĩa nhân duyên? Như có bốn bộ chúng đến hỏi Ta: “Thưa Thế Tôn! Ý nghĩa như vậy thì khi Như Lai mới xuất hiện tại sao Ngài chẳng vì vua Ba-tư-nặc nói nghĩa của pháp môn thâm diệu đó? Hoặc khi thì nói sâu, hoặc khi nói cạn. Hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là chẳng phạm. Sao gọi là đọa? Sao gọi là luật? Sao gọi là nghĩa của Ba-la-đề-mộc-xoa?”

Đức Phật dạy:

–Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là tri túc thành tựu oai nghi, không có sự thọ nhận, chất chứa, cũng gọi là sinh sống thanh tịnh. Đọa là gọi bốn đường ác. Lại nữa, đọa là rơi vào địa ngục cho đến chốn A-tỳ. Luận về độ nhanh chóng của việc đọa ấy thì hơn cả mưa rào. Người nghe kinh sợ, kiên trì giới cấm, chẳng phạm oai nghi, tu tập biết đủ, chẳng nhận tất cả vật bất tịnh. Lại nữa, đọa là nuôi lớn địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Do những nghĩa đó nên gọi là đọa. Ba-la-đề-mộc-xoa là lìa khỏi tà nghiệp bất thiện của thân, miệng, ý. Luật là vào giới oai nghi, nghĩa thiện trong kinh thâm diệu, ngăn chặn sự thọ nhận tất cả vật bất tịnh và nhân duyên bất tịnh, cũng ngăn chặn bốn tội nặng, mười ba tầng tà, hai pháp bất định, ba mươi xả đọa, chín mươi đọa, bốn pháp hối quá, pháp chúng học, bảy diệt tránh v.v... Hoặc lại có người phá tất cả giới. Sao gọi là tất cả? Đó là bốn trọng pháp cho đến bảy pháp diệt tránh. Hoặc lại có người bài báng chánh pháp, kinh điển thâm diệu và Nhất-xiển-đề thành tựu đầy đủ hết tất cả tướng, không có nhân duyên. Những người như vậy tự nói rằng ta là người thông minh, trí tuệ lanh lợi, những tội nặng, nhẹ họ đều che giấu hết. Che giấu các ác như con rùa che giấu sáu bộ phận thân thể. Mọi tội lỗi như vậy mãi mãi chẳng hối cải. Do chẳng hối cải nên ngày đêm lớn thêm. Những Tỳ-kheo đó đã phạm mọi tội lỗi mà nhất định chẳng phát lồ, vì vậy khiến cho sự vi phạm lại thêm nhiều hơn. Vậy Như Lai biết việc đó rồi thì dần dần theo thứ lớp mà cấm chế chẳng phải trong một lúc.

Bấy giờ, có thiện nam, thiện nữ bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai biết việc như vậy lâu rồi, tại sao Ngài chẳng chế trước? Hay là Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh vào ngục A-tỳ? Ví như nhiều người muốn đến phương khác nhưng lạc mất đường chánh đi theo đường tà. Những người đó chẳng biết mình lạc đường

nên đều cho là mình đi đúng đường. Họ lại chẳng gặp ai để hỏi đúng sai. Chúng sinh đối với pháp Phật cũng mê lầm như vậy, họ chẳng thấy chánh chân. Như Lai nên vì họ trước giảng nói chánh đạo, bảo cho các Tỳ-kheo biết, đây là phạm giới, đây là trì giới v.v... Như Lai phải chế ra như thế. Vì sao? Vì Như Lai Chánh Giác là người chân thật thấy biết chánh đạo. Chỉ có Như Lai, Đấng Thiên Trung Thiên mới có thể nói công đức tăng thượng của mười thiện và nghĩa vị ấy. Vậy nên con thừa thỉnh Như Lai nên chế giới trước.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói Như Lai có thể vì chúng sinh giảng nói công đức tăng thượng của mười điều thiện, tức là Như Lai xem các chúng sinh như La-hầu-la. Vậy tại sao nói khó rằng phải chăng Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh vào địa ngục? Ta thấy một người có nhân duyên rơi vào địa ngục A-tỳ mà còn vì người đó trụ ở đời một kiếp hoặc non một kiếp. Ta đối với chúng sinh có lòng đại từ bi thì vì duyên gì phải lừa dối người mà mình tưởng như con, khiến cho họ vào địa ngục? Này thiện nam! Như trong vương quốc có người khâu áo, thấy áo có lỗ thì sau đấy mới vá. Như Lai cũng vậy, thấy các chúng sinh có nhân duyên vào địa ngục A-tỳ thì mới dùng giới thiện vì họ mà ngăn chặn. Này thiện nam! Ví như vị Chuyển luân Thánh vương trước vì chúng sinh nói pháp mười điều thiện. Về sau dần dần có người làm ác thì nhà vua liền tùy theo việc để đoạn dứt dần. Đoạn các ác rồi sau đấy nhà vua tự thi hành pháp Thánh vương. Này thiện nam! Ta cũng như vậy, tuy có nói pháp chẳng được chế giới trước, cần phải nhân Tỳ-kheo hành động phi pháp, dần dần sau đấy tùy theo sự việc mà chế ra. Chúng sinh ưa pháp theo lời dạy tu hành. Những chúng sinh như vậy mới có thể thấy được pháp thân của Như Lai. Như Chuyển luân vương có bánh xe báu chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng vậy, chẳng thể nghĩ bàn, hai ngôi báu Pháp, Tăng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Người hay nói pháp và người nghe pháp đều chẳng thể nghĩ bàn. Đó gọi là giải nghĩa nhân duyên. Bồ-tát phân biệt khai thị bốn thứ tướng nghĩa như vậy thì gọi là nghĩa nhân duyên trong Đại Niết-bàn của Đại thừa.

Lại nữa, tự chánh là gọi người được Đại Bát Niết Bàn này. Tha chánh là Ta vì Tỳ-kheo nói rằng, Như Lai thường tồn chẳng biến đổi.

Này Ca-diếp! Theo câu hỏi mà đáp là, nhân điều ông hỏi mới vì Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nói rộng rãi nghĩa vi diệu sâu xa này. Nghĩa nhân duyên là, Thanh văn, Duyên giác chẳng hiểu được nghĩa sâu xa như vậy, chẳng nghe chữ Y do ba chấm mà thành, giải thoát, Niết-bàn, Ma-ha Bát nhã thành tạng bí mật. Ta nay ở đây, xiển dương, phân biệt vì các Thanh văn khai phát mắt tuệ. Giả sử có người nói như vậy: “Bốn việc như vậy sao gọi là một, chẳng phải hư vọng?” thì liền nên gạn hỏi lại là hư không không sở hữu, chẳng lay động, không ngăn ngại đối với bốn việc như vậy có gì sai khác? Điều này há có thể gọi là hư vọng chẳng?

–Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy!

Các câu như vậy tức là một nghĩa, gọi là nghĩa không. Tự chánh, tha chánh, tùy theo câu hỏi mà đáp, giải nghĩa nhân duyên cũng như vậy, tức là Đại Niết-bàn, không có khác.

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nói như vậy: “Như Lai vô thường thì làm sao biết được là vô thường? Vì như Phật đã nói, diệt các phiền não gọi là Niết-bàn, giống như lửa tắt thì không còn, diệt các phiền não cũng như vậy nên gọi là Niết-bàn, thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dịch? Như Phật nói rằng, lia các hữu thì mới gọi là Niết-bàn, trong Niết-bàn này không có các hữu thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ chẳng biến dịch? Như áo rách hết thì chẳng gọi là vật. Niết-bàn cũng vậy, diệt các phiền não chẳng gọi là vật thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dịch? Như Phật nói rằng lia dục, tịch diệt gọi là Niết-bàn. Như người bị chém đầu thì không có đầu, lia dục tịch diệt cũng như vậy, rỗng không không sở hữu nên gọi là Niết-bàn, thì sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến dịch? Như Phật nói:

*Như sắc nóng đỏ
Đập tóe lửa sáng
Tan rồi liền diệt
Không biết ở đâu
Được chánh giải thoát
Cũng lại như trên*

*Đã vượt dâm dục
Bùn lầy các hữu
Được chỗ không động
Chẳng biết đến đâu.*

Thế sao gọi Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến đổi? Đây Ca-diếp! Nếu có người nêu lên câu hỏi như vậy thì gọi là hỏi tà. Đây Ca-diếp! Ông cũng chẳng nên nghĩ tưởng là tánh Như Lai chính là diệt tận. Đây Ca-diếp! Diệt phiền não thì chẳng gọi là vật. Vì sao? Vì “vĩnh viễn rốt ráo nên gọi là thường”, câu này tịch tĩnh không có gì trên, “diệt hết các tướng không còn sót”, câu này là trong sáng thường trụ không thoái lui. Vậy nên Niết-bàn gọi là thường trụ. Như Lai cũng vậy, thường trụ không biến đổi. Nói lửa tóe ra là chỉ cho phiền não. Tan rồi liền diệt, không biết ở đâu là nói chư Như Lai phiền não diệt rồi, chẳng ở tại năm đường ác. Vậy Như Lai là pháp thường trụ, không có biến đổi. Lại nữa, đây Ca-diếp! Thầy của chư Phật là pháp. Nên Như Lai cung kính cúng dường. Do pháp thường trụ nên chư Phật cũng thường trụ.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Nếu lửa phiền não tắt thì Như Lai cũng diệt. Vậy thì Như Lai không chỗ thường trụ. Như màu đỏ của sắt tung tóe kia diệt rồi thì không biết đến đâu, phiền não của Như Lai cũng như vậy, diệt rồi không chỗ đến. Lại như sức nóng của thanh sắt kia cùng với màu đỏ diệt rồi thì không có, Như Lai cũng vậy, diệt rồi thì không thường. Diệt lửa phiền não liền vào Niết-bàn, thì phải biết, Như Lai tức là vô thường.

–Đây thiện nam! Nói sắt là chỉ các phàm phu. Người phàm phu tuy diệt phiền não, nhưng diệt rồi lại sinh ra nên gọi là vô thường. Như Lai chẳng vậy, diệt rồi chẳng sinh ra nữa, nên gọi là thường.

Ca-diếp lại thưa:

–Như màu đỏ của sắt diệt rồi, đặt sắt trở lại trong lửa thì màu đỏ lại sinh ra. Như Lai nếu vậy nên trở lại sinh ra kết sử. Nếu kết sử sinh trở lại thì tức là vô thường.

Đức Phật dạy:

–Đây Ca-diếp! Ông nay chẳng nên nói lời Như Lai là vô thường

như vậy. Vì sao? Vì Như Lai là thường. Đây thiện nam! Như cây cháy kia tắt rồi thì có tro, phiền não diệt rồi liền có Niết-bàn. Áo rách, đầu bị chặt, bình bể v.v... những ví dụ đó cũng như vậy. Những vật như vậy đều có danh tự, gọi là áo rách, đầu chặt, bình vỡ. Đây Ca-diếp! như sắt nguội rồi có thể làm cho nóng trở lại. Như Lai chẳng vậy, đoạn phiền não rồi thì rốt ráo thanh lương, lửa nóng phiền não lại chẳng sinh ra nữa. Đây Ca-diếp! Ông phải biết, vô lượng chúng sinh giống như thanh sắt đó, Ta dùng lửa hừng trí tuệ vô lậu đốt cháy những phiền não kết của chúng sinh đó.

Ca-diếp lại thưa:

–Hay thay! Hay thay! Con nay biết chắc chắn lời Như Lai đã nói chư Phật là thường.

Đức Phật dạy:

–Đây Ca-diếp! Ví như vị Thánh vương ở tại hậu cung, hoặc có lúc dạo xem tại hậu viên, lúc đó nhà vua tuy chẳng ở trong các thể nữ nhưng cũng chẳng thể nói rằng vị Thánh vương mạng chung. Đây thiện nam! Như Lai cũng vậy, tuy chẳng hiện ở cõi Diêm-phù-đề, vào trong Niết-bàn, nhưng chẳng thể gọi là vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não, vào đến chỗ Niết-bàn an lạc, dạo vườn hoa giác, vui sướng an lạc.

Ca-diếp lại hỏi:

–Như Phật nói, Ta đã qua khỏi biển lớn phiền não lâu rồi, nếu Phật đã qua biển phiền não thì duyên cớ gì Ngài thu nạp bà Gia-du-đà-la, sinh ra La-hầu-la? Do nhân duyên này phải biết, Như Lai chưa qua được biển lớn những kết phiền não. Nguyên xin Như Lai nói về nhân duyên ấy.

Đức Phật dạy:

–Đây Ca-diếp! Ông chẳng nên nói, Như Lai qua biển lớn phiền não đã lâu, cớ sao lại thu nạp Gia-du-đà-la, sinh ra La-hầu-la. Do nhân duyên này thì phải biết, Như Lai chưa qua biển lớn các kết phiền não. Đây thiện nam! Đại Niết-bàn này có thể kiến lập đại nghĩa. Các ông nay phải chí tâm nghe cho kỹ, Ta vì mọi người nói rộng rãi, chớ sinh ra kinh sợ, nghi hoặc. Nếu có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn thì núi báu Tu-di cao rộng như thế đều có thể nắm cho vào ở trong hạt cải. Những

chúng sinh nương ở núi Tu-di ấy cũng chẳng bị dồn ép, không biết là có sự vắng lai mà cho là vẫn như cũ không khác. Chỉ người căn cơ thích ứng mới thấy Bồ-tát này đem núi Tu-di nạp vào trong hạt cải, rồi đem để yên lại chỗ cũ. Nay thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn có thể đem ba ngàn đại thiên thế giới vào trong hạt cải mà chúng sinh ở trong đó cũng không bị dồn ép và không biết là có sự vắng lai cho là như cũ không khác, chỉ người căn cơ thích ứng thì thấy vị Bồ-tát này đem ba ngàn đại thiên thế giới nạp vào trong hạt cải, rồi đem để yên lại chỗ cũ. Nay thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn có thể đem ba ngàn đại thiên thế giới vào trong một lỗ chân lông cho đến đem để lại chỗ cũ cũng như vậy. Nay thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn cất lấy thế giới chư Phật ở ba ngàn đại thiên trong mười phương đặt ở mũi kim khâu như râu lá táo, rồi ném đi, đặt ở thế giới Phật nơi phương khác mà tất cả chúng sinh ở trong ấy chẳng biết qua lại ở chỗ nào, chỉ có người căn cơ thích ứng mới có thể thấy việc đó cho đến chỗ cũ cũng như vậy. Nay thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn cất lấy các thế giới chư Phật của ba ngàn đại thiên trong mười phương đặt vào bàn tay phải như vòng quay của thợ nặn, rồi ném đi, đặt vào thế giới nhiều như vi trần ở phương khác mà không một chúng sinh nào biết là có qua lại, chỉ có người căn cơ thích ứng mới thấy việc đó cho đến chỗ cũ cũng như vậy. Nay thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn cất lấy tất cả thế giới của chư Phật nhiều không lường ở mười phương nạp hết vào thân mình mà chúng sinh trong ấy đều chẳng bị dồn ép, cũng không biết có sự qua lại và trú xứ, chỉ có người căn cơ thích ứng mới có thể thấy việc đó cho đến đem để lại chỗ cũ cũng như vậy. Nay thiện nam! Lại có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn đem thế giới mười phương nạp vào trong một hạt bụi mà chúng sinh trong ấy không bị dồn ép và cũng không biết có sự qua lại, chỉ có người căn cơ thích ứng mới có thể thấy việc đó cho đến đem để lại chỗ cũ cũng như vậy. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát này trụ ở Đại Niết-bàn thì có thể thị hiện đủ thứ thân thông biến hóa không lường. Vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đại Bồ-tát này đã có thể thị hiện vô lượng thân thông biến hóa như vậy mà tất cả chúng sinh không thể đo lường được, thì sao ông nay có thể biết Như Lai quen gần ái dục

để sinh ra La-hầu-la?

Này thiện nam! Ta trụ ở Đại Niết-bàn này đã lâu, thị hiện đủ thứ thân thông biến hóa ở ba ngàn đại thiên thế giới, hàng trăm ức mặt trời mặt trăng, hàng trăm ức cõi Diêm-phù-đề này, Ta thị hiện đủ thứ như đã nói rộng rãi trong kinh Thủ-lăng-nghiêm. Ta ở ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện Niết-bàn mà cũng chẳng rút ráo thủ lấy Niết-bàn. Hoặc ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện vào thai mẹ, khiến cho cha mẹ ấy sinh ra tư tưởng là con của mình, nhưng thân này của Ta rút ráo chẳng từ ái dục hòa hợp mà sinh ra. Đã lâu, từ vô lượng kiếp đến nay, Ta lìa khỏi ái dục. Thân này của Ta hôm nay tức là pháp thân, Ta thuận theo thế gian mà thị hiện vào thai mẹ. Này thiện nam! Tại vườn Lâm-tỳ-ni của cõi Diêm-phù-đề này, Ta thị hiện từ mẹ Ma-da mà sinh ra. Sinh ra rồi Ta liền có thể đi về phía Đông bảy bước và xương lên: “Ta ở trong hàng trời, người, A-tu-la... là tối tôn, tối thượng”. Cha mẹ, người, trời thấy rồi kinh ngạc vui mừng, cho là hy hữu. Những người này gọi Ta là đứa trẻ con nhưng thân này của Ta từ vô lượng kiếp đến nay đã lìa khỏi pháp đó lâu rồi. Thân như vậy tức là pháp thân, chẳng phải thân do sự thành lập của máu thịt, gân mạch, xương tủy. Ta thuận theo pháp chúng sinh ở thế gian nên thị hiện làm trẻ con, đi bảy bước về phía Nam là thị hiện muốn vì vô lượng chúng sinh làm ruộng phước vô thượng, đi bảy bước về phía Tây là thị hiện sự sinh đã hết, đoạn tuyệt vĩnh viễn già chết, là thân sau cùng, đi bảy bước về phía Bắc là thị hiện đã qua khỏi sinh tử các cõi, đi bảy bước về phía Đông là thị hiện vì chúng sinh mà làm người dẫn đầu, đi bảy bước về bốn góc là thị hiện đoạn diệt đủ thứ phiền não, chủng tánh của bốn ma, thành tựu Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đi bảy bước về phía trên là thị hiện chẳng bị sự nhiễm ô của vật bất tịnh giống như hư không, đi bảy bước về phía dưới là thị hiện mưa pháp diệt lửa ở địa ngục, khiến cho chúng sinh kia hưởng thọ niềm vui yên ổn, đối với người hủy hoại giới cấm thì thị hiện làm sương mù mưa đá. Ở cõi Diêm-phù-đề, sinh ra được bảy ngày rồi thì thị hiện cạo tóc. Mọi người đều gọi Ta là đứa trẻ đầu tiên cạo tóc. Tất cả hàng trời, người, Ma vương Ba-tuần, Samôn, Bà-la-môn, không ai có thể thấy tướng đánh của Ta, huống chi là có người cầm dao đến cạo tóc. Nếu có người cầm dao đến đánh của Ta

thì đó là điều không có. Ta ở trong vô lượng kiếp cạo bỏ râu tóc đã lâu rồi, nhưng vì muốn thuận theo pháp thế gian nên thị hiện cạo tóc. Khi Ta đã sinh ra rồi, cha mẹ đem Ta vào trong đền thờ trời để Ta trình diện với Ma-hê-thủ-la kia. Ma-hê-thủ-la khi thấy Ta liền chấp tay cung kính đứng ở một bên. Ta ở trong vô lượng kiếp lâu xa lìa bỏ pháp vào đền thờ trời như vậy đã lâu rồi. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Ta ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện xâu lỗ tai mà thật ra tất cả chúng sinh không có ai có thể xâu lỗ tai của Ta. Thuận theo pháp của chúng sinh của thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Lại dùng các báu làm vòng đeo tai sư tử để trang điểm tai, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp lìa bỏ đồ trang điểm. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên Ta tạo nên sự thị hiện đó. Ta thị hiện vào trường học học tập thư từ, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp thành tựu đầy đủ rồi. Quan sát khắp chúng sinh trong ba cõi thì không có ai đủ sức làm thầy Ta. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện vào học đường. Vậy nên gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri; học tập đi voi, cỡi ngựa, đấu vật v.v... đủ thứ kỹ nghệ cũng như vậy. Ở cõi Diêm-phù-đề Ta lại thị hiện làm Thái tử. Chúng sinh thấy Ta làm Thái tử, ở trong năm dục, vui sướng hưởng lạc. Nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp lìa bỏ thú vui của năm dục như vậy. Vì muốn thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện tướng như vậy. Thầy tướng xem tướng cho Ta: “Nếu chẳng xuất gia thì sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, làm vua cõi Diêm-phù-đề”. Tất cả chúng sinh đều tin lời nói này. Nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp, bỏ ngôi vua Chuyển luân để làm vua Pháp luân. Ở cõi Diêm-phù-đề Ta thị hiện lìa vui năm dục thể nữ, thấy cảnh già bệnh chết và Sa-môn, rồi xuất gia tu đạo. Tất cả chúng sinh đều cho là Thái tử Tất Đạt Đa mới bắt đầu xuất gia. Nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp xuất gia tu đạo. Thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Ta ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh cần tu đạo, đạt được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Mọi người đều cho rằng quả A-la-hán đó dễ được chẳng khó, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp thành tựu quả A-la-hán. Vì muốn độ thoát các chúng sinh nên Ta ngồi dưới cây Bồ-đề đạo tràng, dùng cỏ làm tòa ngồi, tiêu diệt hàng phục mọi thứ ma. Mọi người đều cho rằng, Ta đầu

tiên ở dưới cây Bồ-đề đạo tràng hàng phục mọi thứ ma, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp lâu xa hàng phục chúng rồi. Vì muốn hàng phục chúng sinh cương cường nên Ta thị hiện sự biến hóa này. Ta lại thị hiện đại, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng, Ta thật sự có đại, tiểu tiện, thở ra, hít vào, nhưng thân này của Ta đã được quả báo không có những hoạn nạn đó. Thuận theo thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện thọ sự bố thí của con người, nhưng thân này của Ta đều không có đói khát, thuận theo pháp thế gian nên Ta thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện đồng với các chúng sinh nên hiện có ngủ nghỉ, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp, đầy đủ trí tuệ thâm diệu vô thượng, lìa xa ba cõi, đi đứng oai nghi, đầu, mắt, bụng, lưng, toàn thân, tất bệnh, đau đớn, chống gậy, đèn đáp, rửa ráy chân tay, rửa mặt, súc miệng, xỉa răng, tự làm sạch. Mọi người đều cho là Ta có những việc như vậy, nhưng thân này của Ta đều không có những điều này. Tay chân của Ta thanh tịnh giống như hoa sen, mùi thơm tịnh khiết như hương hoa Ưu-bát-la. Tất cả chúng sinh gọi Ta là người, nhưng thật ra Ta chẳng phải người. Ta lại thị hiện nhận áo phẩn tảo giặt giũ, may vá, nhưng Ta đã lâu chẳng cần y đó. Mọi người đều gọi La-hầu-la là con của Ta, vua Thâu-đầu-đàn là cha của Ta, phu nhân Ma-da là mẹ của Ta, Ta ở tại thế gian, thọ các diệu lạc rồi bỏ những việc như vậy mà xuất gia học đạo. Mọi người lại nói rằng, vị Thái tử các vua thuộc họ lớn Cù-đàm này xa lìa dục lạc thế gian mà cầu pháp xuất thế gian. Nhưng Ta lìa khỏi ái dục thế gian lâu rồi, những việc như vậy đều là thị hiện. Tất cả chúng sinh đều gọi Ta là người, nhưng Ta quả thật chẳng phải. Đây thiện nam! Ta tuy ở trong cõi Diêm-phù-đề này, luôn luôn thị hiện vào Niết-bàn, nhưng thật ra chẳng rời Niết-bàn mà các chúng sinh đều cho là Như Lai chân thật diệt độ, thật tánh của Như Lai thật chẳng diệt mất vĩnh viễn. Vậy nên ông phải biết đó là pháp thường trụ, pháp chẳng biến dịch. Đây thiện nam! Đại Niết-bàn tức là pháp giới của các Đức Phật Như Lai. Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, rồi xuất hiện ở thế gian. Các chúng sinh đều cho là Ta mới thành Phật, nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp việc làm đã hoàn thành. Thuận theo pháp thế gian nên Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, bắt đầu xuất gia, thành Phật. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, chẳng giữ

gìn giới cấm, phạm bốn trọng tội. Mọi người đều thấy và cho là Ta thật sự phạm tội. Nhưng Ta đã ở trong vô lượng kiếp kiên trì giới cấm không có thiếu sót. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm Nhất-xiển-đề. Mọi người đều thấy Ta là Nhất-xiển-đề, nhưng Ta thật chẳng phải Nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề thì sao có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, phá hòa hợp Tăng. Chúng sinh đều cho là Ta phá hòa hợp Tăng. Ta xem người, trời không có ai có thể phá hòa hợp Tăng. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề, hộ trì chánh pháp. Mọi người đều cho Ta là hộ pháp, đều sinh ra kinh ngạc quái lạ. Pháp của chư Phật là vậy chẳng nên kinh ngạc quái lạ. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm ma Ba-tuần. Mọi người đều cho rằng Ta là ma Ba-tuần. Nhưng lâu rồi, Ta ở trong vô lượng kiếp đã lìa khỏi việc của ma, thanh tịnh vô nhiễm giống như hoa sen. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm thân nữ thành Phật. Mọi người thấy thế đều nói rằng lạ quá nữ nhân mà có thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Lai rất ráo chẳng thọ thân nữ, nhưng vì muốn điều phục vô lượng chúng sinh nên hiện hình thân nữ. Vì thương xót tất cả chúng sinh nên Ta lại thị hiện đủ thứ hình dáng. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề sinh ra ở bốn đường, nhưng Ta đoạn tuyệt nhân của các đường ác lâu rồi. Chúng sinh do nghiệp nhân nên đọa vào bốn đường ác, vì độ họ nên Ta sinh ở trong đó. Ta lại thị hiện làm Phạm Thiên vương ở trong cõi Diêm-phù-đề để khiến cho kẻ phụng sự Phạm Thiên an trụ ở chánh pháp. Nhưng Ta thật sự chẳng phải là Phạm Thiên mà các chúng sinh đều cho rằng Ta là Phạm thiên thật. Việc thị hiện hình dáng trời ở khắp các miếu thờ trời cũng như vậy. Ta lại thị hiện vào nhà dâm nữ ở cõi Diêm-phù-đề, nhưng Ta thật không có tư tưởng tham dục, thanh tịnh chẳng bấn, giống như hoa sen. Vì những chúng sinh tham dâm mê sắc, ở ngã tư đường lớn, Ta tuyên nói diệu pháp, nhưng Ta thật không có tâm dục uế mà mọi người cho là Ta thủ hộ nữ nhân. Ta lại thị vào nhà thanh y ở cõi Diêm-phù-đề, vì muốn khuyến hóa khiến cho họ trụ ở chánh pháp, nhưng Ta thật không có nghiệp ác rơi vào nhà thanh y như vậy. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề làm giáo sư khai hóa trẻ mới học khiến trụ ở chánh pháp. Ta lại thị hiện ở cõi Diêm-phù-đề vào các quán rượu, sòng bạc, thị hiện đủ thứ thắng thua,

tranh cãi, vì muốn cứu vớt những chúng sinh ở đó mà Ta thật không có nghiệp ác như vậy, nhưng các chúng sinh đều cho rằng Ta tạo tác nghiệp như vậy. Ta lại thị hiện trụ lâu ở bãi tha ma, làm thân chim thú lớn để độ các loài chim bay mà các chúng sinh đều cho rằng Ta thật sự là thân chim thú, nhưng lâu rồi Ta lìa khỏi nghiệp đó, vì muốn độ những chim thú kia nên Ta thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm đại trưởng giả, vì muốn an lập vô lượng chúng sinh trụ ở chánh pháp. Ta lại thị hiện làm những vua, đại thần, con vua, phụ tướng, ở trong chúng đó, đều là bậc nhất, vì tu chánh pháp nên ở ngôi vua. Ta lại thị hiện ở trong cõi Diêm-phù-đề, lúc kiếp dịch bệnh khởi lên, có nhiều chúng sinh bị khổ não dịch bệnh, Ta trước thí cho thuốc thang, sau đấy vì họ nói chánh pháp vi diệu, khiến cho họ an trụ vào Bồ-đề vô thượng. Mọi người đều gọi là kiếp bệnh khởi lên. Lại nữa, Ta thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, khi kiếp đói kém khởi lên, rồi tùy sự cần dùng của chúng sinh ấy mà cung cấp thức ăn, thức uống, rồi sau đấy vì họ mà nói chánh pháp vi diệu, khiến cho họ an trụ vào Bồ-đề vô thượng. Lại nữa, Ta thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, khi kiếp đao binh khởi lên, liền vì chúng sinh nói pháp khiến cho họ lìa khỏi oán hại, làm cho họ được an trụ vào Bồ-đề vô thượng. Lại nữa, Ta thị hiện vì kẻ chấp thường, nói tướng về vô thường; kẻ chấp tướng vui thì vì họ nói về tướng khổ; kẻ chấp tướng ngã thì nói tướng về vô ngã; kẻ chấp tướng tịnh thì nói tướng bất tịnh. Nếu có chúng sinh tham đắm ba cõi thì Ta liền vì họ nói pháp, khiến cho họ lìa khỏi chỗ đó. Để độ chúng sinh nên Ta vì họ nói thuốc pháp vi diệu vô thượng. Vì đoạn trừ tất cả cây phiền não nên Ta gieo trồng cây thuốc pháp vô thượng. Vì muốn cứu vớt các ngoại đạo nên Ta diễn nói chánh pháp. Tuy Ta thị hiện làm thầy của chúng sinh mà ngay từ đầu không có tư tưởng làm thầy của chúng sinh. Vì muốn cứu vớt các hạng hạ tiện nên Ta hiện vào trong ấy mà vì họ nói pháp chứ chẳng phải là do nghiệp ác mà thọ nhận thân này. Như Lai Chánh Giác an trụ vào Đại Bát Niết Bàn như thế, vậy nên gọi là thường trụ, không biến đổi. Như cõi Diêm-phù-đề, cõi Phất-vu-đãi ở phương Đông, cõi Cù-da-ni ở phương Tây, cõi Uất-đơn-việt ở phương Bắc cũng như vậy. Như bốn cõi thiên hạ, ba ngàn đại thiên thế giới cũng vậy, hai mươi lăm cõi như trong kinh Thủ-lăng-

nghiêm đã nói đầy đủ. Do vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu có Đại Bồ-tát an trụ vào Đại Bát Niết Bàn như vậy thì có thể thị hiện thần thông biến hóa như thế mà không sợ hãi. Nay Ca-diếp! Do nhân duyên đó ông chẳng nên nói rằng, La-hầu-la là con của Phật. Vì sao? Vì ở trong vô lượng kiếp xa xưa Ta đã lia khỏi đục hữu. Vậy nên Như Lai gọi là thường trụ không có biến đổi.

Ca-diếp lại nói:

–Thưa Thế Tôn! Sao gọi là thường trụ? Như Phật nói, đèn tắt rồi không có phương sở. Như Lai cũng vậy, đã diệt độ rồi cũng không phương sở.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy, là đèn tắt hết rồi không có phương sở, Như Lai cũng vậy, đã diệt độ rồi không có phương sở. Này thiện nam! Ví như khi trai gái thắp đèn, thì bình dầu đèn lớn, nhỏ đều đựng đầy dầu. Tùy theo số dầu có trong ấy mà ánh sáng còn tồn tại. Nếu dầu hết rồi thì ánh sáng cũng hết theo. Ánh sáng ấy diệt là ví dụ cho phiền não diệt trừ. Ánh sáng tuy diệt hết nhưng bình đựng dầu vẫn tồn tại. Như Lai cũng vậy, phiền não tuy diệt nhưng pháp thân luôn tồn tại. Này thiện nam! Ý ông thế nào? Ánh sáng cùng bình dầu đều diệt chẳng?

Ca-diếp đáp:

–Bạch Thế Tôn! Không! Tuy chẳng cùng diệt nhưng là vô thường. Nếu đem pháp thân ví cho bình dầu mà bình dầu vô thường thì pháp thân cũng vậy, nên là vô thường.

–Này thiện nam! Ông nay chẳng nên hỏi như vậy. Như thế gian nói đồ chứa thì đối với Như Lai Thế Tôn là pháp khí vô thường. Khí dụng kia vô thường, chẳng phải Như Lai. Trong tất cả các pháp, Niết-bàn là thường, là thể Như Lai, nên gọi là thường. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng, đèn tắt là nói sự chứng Niết-bàn của A-la-hán. Do diệt tham ái, các phiền não nên ví nó là đèn tắt. A-na-hàm thì gọi là có tham. Do có tham nên chẳng được nói là đồng với đèn tắt. Vậy nên Ta trước đây che tướng mà nói rằng, ví như đèn tắt, chẳng phải nói Đại Niết-bàn đồng với đèn tắt. A-na-hàm chẳng phải luôn luôn đến, lại chẳng trở lại hai mươi lăm hữu, lại chẳng thọ thân xú uế, thân trùng,

thân tạp thực, thân độc hại nữa. Đó gọi là A-na-hàm. Nếu lại thọ thân thì gọi là A-na-hàm, chẳng thọ thân thì gọi là A-na-hàm. Có đi, lại thì gọi là A-na-hàm, không đi, lại thì gọi là A-na-hàm.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN V

Phẩm 7: BỐN TƯỚNG 2

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời của Ngài thì chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật, nghĩa này chẳng phải. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có lời bí mật, không có tạng bí mật. Ví như người gõ máy của nhà huyền thuật. Mọi người tuy nhìn thấy nó co, duỗi, cúi, ngửa nhưng không biết bên trong điều khiển nó như thế nào. Pháp Phật chẳng phải vậy, mà khiến cho chúng sinh đều được tri kiến thì sao phải nói rằng chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật.

Đức Phật khen Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Đúng như lời ông nói. Như Lai thật không có tạng bí mật. Vì sao? Ví như trăng thu tròn đầy ở trong hư không hiển lộ trong sáng, người không bị lừa mắt đều nhìn thấy. Lời nói của Như Lai cũng như vậy, khai phát hiển lộ thanh tịnh, không bị ngăn che. Người ngu chẳng lý giải được thì cho đó là tạng bí mật. Kẻ trí thấu rõ thông đạt thì chẳng gọi là tạng. Này thiện nam! Ví như có người chứa nhiều vàng bạc đến hàng vô lượng ức. Lòng người ấy keo kiệt tham lam chẳng chịu ban cho, cứu tế kẻ bần cùng. Gom chứa như vậy mới gọi là tạng bí mật. Như Lai chẳng vậy, ở vô biên kiếp, gom chứa vô lượng châu báu diệu pháp mà lòng không tham lam keo kiệt, thường đem ban cho tất cả chúng sinh thì sao gọi Như Lai là tạng bí mật? Này thiện nam! Ví như có người thân căn chẳng đủ, hoặc có một mắt, một tay, một chân, do xấu hổ nên chẳng cho người khác thấy, người không thấy nên gọi là tạng bí mật. Như Lai chẳng vậy, đã có chánh pháp đầy đủ, không khiếm khuyết, khiến cho mọi người nhìn thấy thì sao phải nói là tạng bí mật của Như Lai. Này thiện nam! Ví

như người nghèo mắc nợ người khác nhiều của cải, sợ sệt chủ nợ lần trốn chẳng muốn xuất hiện nên gọi là tàng. Như Lai không vậy, chẳng nợ thế pháp của tất cả chúng sinh. Tuy nợ chúng sinh pháp xuất thế gian mà cũng chẳng tàng. Vì sao? Vì luôn luôn đối với chúng sinh tưởng như con một, vì họ diễm nói pháp vô thượng. Đây thiện nam! Ví như ông trưởng giả có nhiều của báu mà chỉ có một đứa con, lòng rất thương yêu, tình không lìa bỏ, châu báu vốn có của mình đều đem chỉ cho con. Như Lai cũng vậy, nhìn các chúng sinh đồng như con một. Đây thiện nam! Như người thế gian do nam căn, nữ căn xấu xí thô鄙 nên dùng quần áo che trùm nên gọi là tàng. Như Lai chẳng vậy, đoạn tuyệt vĩnh viễn căn này. Do không căn nên không có sự che giấu. Đây thiện nam! Như Bà-la-môn sở hữu ngữ luận, nhất định không cho Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà v.v... nghe. Vì sao? Vì do trong luận này có lỗi xấu. Chánh pháp của Như Lai thì chẳng như vậy, đầu, giữa, cuối đều tốt. Vậy nên chẳng gọi là tạng bí mật. Đây thiện nam! Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con, lòng thương nghĩ nhớ, yêu thương không thôi, đem đến chỗ thầy muốn cho thọ học, sợ chẳng chóng thành liền đem trở về. Do nghĩ yêu thương nên ngày đêm ông ân cần dạy đứa con ấy nửa chữ mà chẳng dạy răn luận Tỳ-già-la. Vì sao? Vì con mình sức còn ấu trĩ chưa kham nổi. Đây thiện nam! Giả sử ông trưởng giả dạy nửa chữ rồi thì đứa trẻ đó tức thời rõ biết luận Tỳ-già-la chẳng?

–Bạch Thế Tôn! Chẳng biết rõ.

–Như vậy ông trưởng giả đối với đứa con này đã có tạng bí mật chẳng?

–Bạch Thế Tôn! Chẳng có. Vì sao? Vì đứa con tuổi còn nhỏ nên chẳng vì nó mà nói. Chứ không phải do bí mật mà tiếc rẻ không thị hiện. Như Lai chẳng vậy thì sao phải gọi là Như Lai giấu bí mật?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Đúng như lời nói của ông, nếu có lòng sân giận, ganh ghét, keo kiệt thì mới gọi là tạng. Như Lai không có lòng sân giận, ganh ghét thì sao gọi là tạng? Đây thiện nam! Ông đại trưởng giả kia là ví Như Lai, nói con một là ví tất cả chúng sinh. Như Lai bình đẳng xem tất cả chúng sinh giống như con một. Dạy con một tức là dạy đệ tử Thanh văn. Nửa chữ là ví chín bộ loại kinh

điển. Luận Tỳ-già-la là ví kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Vì các Thanh văn không có tuệ lực nên Như Lai vì họ diễn nói bán tự, là chín bộ loại kinh điển mà chẳng vì họ diễn nói luận Tỳ-già-la, Đại Thừa Phương Đẳng. Nay thiện nam! Như con ông trưởng giả kia đã lớn lên, đủ sức đọc, học mà nếu chẳng vì nó diễn nói luận Tỳ-già-la thì có thể gọi là tạng. Nếu các Thanh văn có sức đảm nhiệm, có thể thọ luận Tỳ-già-la Đại thừa mà Như Lai bí mật, tiếc rẻ chẳng vì họ diễn nói thì có thể nói rằng, Như Lai có tạng bí mật. Như Lai chẳng vậy nên Như Lai không có tạng bí mật. Như ông trưởng giả kia dạy nửa chữ rồi, thứ đến vì con diễn nói luận Tỳ-già-la. Ta cũng như vậy, vì các đệ tử nói về nửa chữ là chín bộ loại kinh điển rồi, thứ đến vì họ diễn nói luận Tỳ-già-la, đó là Như Lai thường còn chẳng biến đổi.

Lại nữa, nay thiện nam! Ví như tháng mùa hạ, trời nổi mây mù sấm chớp, tuôn xuống mưa lớn, khiến cho những nông phu xuống hạt giống thì thu hoạch được nhiều quả trái. Người không xuống giống thì không có sự thu hoạch, không có sự thu hoạch thì chẳng phải lỗi của Long vương mà Long vương này cũng không có sự giấu giếm. Ta cũng như vậy, tuôn xuống mưa đại pháp là kinh Đại Niết-bàn, nếu có chúng sinh gieo căn lành thì được quả mầm tuệ, không có hạt giống lành thì không có sự thu hoạch, không có sự thu hoạch thì chẳng phải lỗi của Như Lai. Như Lai quả thật không có sự che giấu.

Bồ-tát Ca-diếp lại nói:

–Con nay nhất định biết Như Lai Thế Tôn không có gì bí mật che giấu, như Phật đã nói, luận Tỳ-già-la cho rằng Phật Như Lai thường còn chẳng biến đổi. Nghĩa này chẳng phải như vậy. Vì sao? Vì như Phật xưa đã nói kệ:

*Chư Phật cùng Duyên giác
Chúng đệ tử Thanh văn
Còn bỏ thân vô thường
Huống gì kẻ phàm tục?*

Nay thì Thế Tôn mới nói thường còn chẳng biến đổi là nghĩa làm sao?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Ta vì tất cả đệ tử Thanh văn dạy “nửa chữ” mà

nói bài kệ đó. Lại nữa, này thiện nam! Vua Ba-tư-nặc, khi mẹ ông ấy mạng chung, buồn khóc luyến mộ, chẳng thể tự kìm chế, đi đến chỗ của Ta. Ta liền hỏi: “Đại vương vì sao buồn khổ, ảo não mà đến đây?”. Nhà vua nói: “Bạch Thế Tôn! Thái phu nhân của đất nước ngày ấy đã mạng chung. Giả sử có người có thể khiến cho mẹ con sống trở lại như cũ thì con sẽ bỏ ra voi, ngựa, bảy thứ châu báu của đất nước và cả thân mạng để đền ơn người đó”. Ta lại nói: “Này đại vương! Chớ nên sầu não, ưu bi, gào khóc. Tất cả chúng sinh mà thọ mạng hết thì gọi là chết. Các Đức Phật, đệ tử Thanh văn, Duyên giác còn phải xả bỏ thân này, hưởng lại là phàm phu”. Này thiện nam! Ta vì vua Ba-tư-nặc dạy “nửa chữ” mà nói bài kệ đó. Ta nay vì các đệ tử Thanh văn nói luận Tỳ-già-la, rằng Như Lai thường còn, không có biến dịch. Nếu có người nói, Như Lai vô thường thì sao lưỡi người đó chẳng rơi rụng?

Ca-diếp lại nói:

–Như Đức Phật đã nói:

*Không sự chứa gom
Với ăn biết đủ
Như chim bay không
Chẳng thể tìm dấu.*

Nghĩa đó thế nào? Bạch Thế Tôn! Ở trong chúng hội này ai được gọi là không có sự tích tụ? Ai được gọi là đối với việc ăn uống mà biết đủ? Ai đi ở trong hư không mà dấu vết chẳng thể tìm thấy? Mà người đi này thì đến phương nào?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Phàm tích tụ thì gọi là của báu. Này thiện nam! Tích tụ có hai thứ: Một là hữu vi, hai là vô vi. Tích tụ hữu vi tức là hạnh của Thanh văn. Tích tụ vô vi tức là hạnh của Như Lai. Này thiện nam! Tăng cũng có hai chữ: hữu vi và vô vi. Tăng hữu vi gọi là hàng Thanh văn. Tăng Thanh văn thì không có tích tụ những thứ như là nô tỳ, vật phi pháp, kho tàng, lúa gạo, muối đậu xì, mè, các thứ đậu lớn nhỏ. Nếu có người nói rằng, Như Lai cho phép nuôi nô tỳ v.v... những vật như vậy thì lưỡi người đó bị co rút lại. Những đệ tử Thanh văn của Ta gọi là không tích tụ, cũng được gọi là đối với ăn uống biết đủ. Nếu có tham ăn thì gọi là bất tri túc, không tham ăn thì gọi là tri túc. Dấu

tích khó tìm, tức là gần đạo Bồ-đề vô thượng. Ta nói người này tuy đi mà không đến.

Ca-diếp lại nói:

–Nếu tăng hữu vi còn không tích tụ, huống gì là Tăng vô vi. Tăng vô vi tức là Như Lai mà Như Lai thì làm gì có tích tụ. Luận về tích tụ thì gọi là chứa giấu. Vậy nên Như Lai phạm có điều nói lên, không có sự che giấu, hối tiếc thì sao gọi là che giấu. Dấu tích chẳng thể tìm là nói đến Niết-bàn. Trong Niết-bàn không có mặt trời, mặt trăng, các tinh tú, lạnh, nóng, gió, mưa, sinh, già, bệnh, chết, hai mươi lăm hữu, lia khỏi các ưu khổ và các phiền não. Như vậy trụ xứ của Như Lai Niết-bàn thường còn, chẳng biến dịch. Do nhân duyên đó, Như Lai đến rừng cây Ta-la ở Đại Niết-bàn mà vào Niết-bàn.

Đức Phật bảo:

–Này Ca-diếp! Sở dĩ nói rằng, “Đại” là tánh ấy rộng rãi giống như có người sống lâu không lường nên gọi là đại tượng phu. Người đó nếu có thể an trụ ở chánh pháp thì gọi bậc thắng vượt trong loài người. Như Ta đã nói về tám điều giác ngộ của bậc đại nhân, là một người có hay là nhiều người có. Nếu một người có đủ tám thì là tối thắng. Sở dĩ nói Niết-bàn là vì không có ghê lở, ung bấu. Này thiện nam! Ví như có người bị bắn trúng tên độc, chịu nhiều đau khổ, gặp được thầy thuốc giỏi nhổ tên độc ra, thoa thuốc hay, khiến cho người ấy lia khỏi thống khổ, được hưởng an vui. Vị thầy thuốc này liền du hành vào thành ấp và các xóm làng, tùy theo chỗ có khổ hoạn ghê lở, ung bấu, ông liền đến nơi ấy vì mọi người trị liệu mọi khổ đau. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, thành Đẳng Chánh Giác, làm Đại Y Vương, thấy ở cõi Diêm-phù-đề chúng sinh khổ não, trong vô lượng kiếp bị tên độc phiền não đâm, nộ, si, chịu đại thống khổ. Ta vì những kẻ như vậy mà nói pháp dược cam lồ của kinh Đại Thừa, trị liệu nơi này rồi Ta lại đến phương khác, chỗ nào có các tên độc phiền não thì thị hiện làm Phật, vì chúng sinh nơi ấy trị liệu. Vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đại Bát Niết Bàn gọi là chỗ giải thoát. Tùy chỗ có chúng sinh điều phục mà Như Lai thị hiện ở trong đó. Do ý nghĩa thâm diệu chân thật này nên gọi là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thầy thuốc ở thế gian đều có thể trị liệu bệnh ghẻ lở, ung bấu của tất cả chúng sinh chẳng?

–Này thiện nam! Ghẻ lở, ung bấu của thế gian đại loại có hai thứ, một thứ có thể trị, một thứ chẳng thể trị. Phàm thứ có thể trị thì thầy thuốc đều có thể trị, còn thứ chẳng thể trị thì họ chẳng thể trị được.

Ca-diếp lại thưa:

–Như Phật nói thì Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề, đã trị liệu chúng sinh xong rồi. Nếu nói trị rồi thì sao những chúng sinh trong cõi ấy lại có người chưa có thể được Niết-bàn? Nếu chưa được hết thì sao Như Lai nói rằng đã trị xong rồi, muốn đến nơi phương khác?

–Này thiện nam! Chúng sinh bên trong cõi Diêm-phù-đề có hai loại, một là loại có niềm tin, hai là loại không có niềm tin. Người có niềm tin thì gọi là có thể trị. Vì sao? Vì nhất định họ được Niết-bàn, không còn ghẻ lở, ung bấu. Vậy nên Ta nói đã trị liệu các chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề rồi. Người không có niềm tin gọi là Nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề thì gọi là chẳng thể trị, trừ Nhất-xiển-đề ra, còn lại đều trị hết rồi. Vậy nên Niết-bàn gọi là không ghẻ lở ung bấu.

–Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Niết-bàn?

–Này thiện nam! Bàn về Niết-bàn thì có thể gọi là giải thoát.

Ca-diếp lại thưa:

–Cái gọi là giải thoát là sắc, hay chẳng phải là sắc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hoặc là sắc, hoặc chẳng phải là sắc. Nói chẳng phải là sắc thì tức là giải thoát của Thanh văn, Duyên giác. Nói là sắc thì tức là giải thoát của các Đức Phật Như Lai. Này thiện nam! Vậy nên giải thoát cũng là sắc, cũng chẳng phải là sắc. Như Lai vì các đệ tử Thanh văn nói chẳng phải là sắc.

–Bạch Thế Tôn! Thanh văn, Duyên giác nếu chẳng phải là sắc thì làm sao trụ được?

–Này thiện nam! Như trời Phi tướng phi phi tướng cũng là sắc cũng chẳng phải là sắc. Ta cũng nói chẳng phải là sắc. Nếu có người vấn nạn rằng, trời Phi tướng phi phi tướng nếu chẳng phải là sắc thì sao trụ, đi, lại, tiến, dừng được. Nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật,

chẳng phải điều hiểu biết của Thanh văn. Giải thoát cũng vậy, cũng sắc, chẳng phải sắc, nói là chẳng phải sắc; cũng tưởng, chẳng phải tưởng, nói là chẳng phải tưởng. Nghĩa như vậy là cảnh giới chư Phật, chẳng phải điều hiểu biết của các Thanh văn. Duyên giác.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nguyện xin Ngài rủ lòng thương xót một lần nữa diễn nói rộng rãi nghĩa giải thoát của hạnh Đại Bát Niết Bàn.

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

– Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Giải thoát chân thật là lìa khỏi tất cả những trói buộc. Nếu giải thoát chân thật là lìa khỏi các trói buộc thì không có sinh, cũng không hòa hợp. Ví như cha mẹ hòa hợp sinh ra con, chân giải thoát thì chẳng như vậy. Vậy nên giải thoát gọi là chẳng sinh. Đây Ca-diếp! Ví như đề hồ, tánh của nó trong sạch, Như Lai cũng vậy, chẳng phải do cha mẹ hòa hợp mà sinh ra nên tánh của Như Lai thanh tịnh. Sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ chúng sinh. Chân giải thoát tức là Như Lai, Như Lai và giải thoát không hai, không khác biệt. Ví như tháng mùa xuân xuống các thứ giống, gặp được khí trời ấm nhuận thì liền nảy sinh. Chân giải thoát thì chẳng như vậy. Lại nữa, giải thoát gọi là hư vô, hư vô tức là giải thoát. Giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là hư vô, chẳng phải chủ thể tạo tác, đối tượng tạo tác. Phàm cái được làm ra thì như là thành quách, lầu gác. Chân giải thoát thì chẳng như vậy, Vậy nên giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như người thợ gốm làm rồi lại phá, giải thoát chẳng vậy. Chân giải thoát là chẳng sinh chẳng diệt. Vậy nên giải thoát tức là Như Lai, Như Lai cũng vậy, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng lão, chẳng tử, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do ý nghĩa này nên gọi là Như Lai. Vào Đại Niết-bàn chẳng già, chẳng chết v.v... có những ý nghĩa gì? Lão là gọi sự biến đổi, tóc bạc, mặt nhăn. Tử là thân hoại, mạng chung. Những pháp như vậy không có trong giải thoát. Do không có việc này nên gọi là giải thoát. Như Lai cũng không có tóc bạc, mặt nhăn, là những pháp hữu vi. Vậy nên Như Lai không có già. Không có già thì không có chết. Lại nữa, giải thoát thì gọi là không bệnh. Sở dĩ gọi là bệnh tức là bốn trăm linh bốn bệnh và cả những thứ khác từ bên ngoài đến xâm hại thân thể. Chỗ

giải thoát này không có những thứ bệnh đó nên gọi là giải thoát. Không bệnh tật tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai không bệnh nên pháp thân cũng không có bệnh. Như vậy không bệnh tức là Như Lai. Chết là thân hoại, mạng chung. Chỗ giải thoát này không có chết, tức là cam lồ. Cam lồ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai thành tựu công đức như vậy thì sao nói rằng Như Lai vô thường. Nếu nói Như Lai vô thường thì không có việc đó. Thân kim cương mà sao gọi là vô thường được. Vậy nên Như Lai chẳng gọi là mạng chung. Như Lai thanh tịnh, không có cấu bẩn. Thân Như Lai chẳng phải là thân thai ô uế. Như hoa Phân-đà-lợi, bản tánh hoa ấy thanh tịnh, Như Lai giải thoát cũng như vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Vậy nên Như Lai thanh tịnh vô cấu. Lại nữa, giải thoát thì các ghê bấu hữu lậu vĩnh viễn không còn sót lại, Như Lai cũng vậy, không có tất cả các ghê bấu hữu lậu. Lại nữa, giải thoát thì không có đấu tranh. Ví như người đói thấy người khác ăn uống thì phát sinh tưởng tham đoạt, giải thoát chẳng vậy. Lại, giải thoát thì gọi là an tịnh. Kẻ phàm phu nói rằng, phàm là an tịnh thì chỉ cho Ma-hê-thủ-la. Nói như vậy tức là hư vọng. An tịnh chân thật là rốt ráo giải thoát. Rốt ráo giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì gọi là yên ổn. Như ở chỗ nhiều giặc thì gọi là chẳng yên ổn. Chỗ trong sạch công bằng thì mới gọi là yên ổn. Trong giải thoát này không có bố úy nên gọi là yên ổn. Vậy nên yên ổn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại, giải thoát thì không có bạn đồng lứa. Có bạn đồng lứa là như các quốc vương có vua bạn ở những nước lân cận. Chân giải thoát thì chẳng như vậy, không có bạn đồng lứa là như Chuyển luân Thánh vương không ai có thể ngang bằng. Giải thoát cũng vậy, không có bạn đồng lứa. Không có bạn đồng lứa tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai Chuyển luân Thánh vương. Vậy nên Như Lai không có bạn đồng lứa. Nếu nói Như Lai có bạn đồng lứa thì không có việc đó. Lại, giải thoát thì gọi là không lo buồn. Có lo buồn thì ví như vị quốc vương sợ nạn nước bên cạnh hùng mạnh mà sinh ra lo buồn. Phàm là giải thoát thì không có việc này. Ví như hủy hoại oán tặc rồi thì không có lo nghĩ, giải thoát cũng vậy, là không có lo sợ. Không lo sợ tức là Như Lai. Lại, giải thoát thì không lo mừng.

Ví như người đàn bà chỉ có một đứa con, đi làm ăn xa bỗng được hung tin, nghe tin đó thì sầu khổ, sau lại nghe con còn sống liền sinh vui mừng. Phàm ở trong giải thoát thì không có việc như vậy. Không lo buồn, không vui mừng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại, giải thoát thì không có trần cấu. Ví như những ngày tháng mùa xuân qua rồi, gió nổi lên bụi bặm sa mù. Phàm trong giải thoát thì không có việc như vậy, không bụi bặm sa mù là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Ví như viên minh châu trong búi tóc của vị Thánh vương không có cấu bẩn. Phàm là tánh giải thoát cũng như vậy, không có cấu bẩn. Không cấu bẩn là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như tánh vàng ròng chẳng xen lẫn cát đá thì mới gọi là châu báu. Có người được báu thì cho là có của cải. Phàm tánh giải thoát cũng như vậy, như châu báu đó. Châu báu đó là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Ví như bình sành bị vỡ thì tiếng lạch cạch, bình báu kim cương thì chẳng như vậy. Phàm là giải thoát thì không tiếng lạch cạch. Bình báu kim cương là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Vậy nên thân Như Lai chẳng thể hoại. Tiếng bình vỡ lạch cạch ấy giống như hạt châu dầu đặt vào trong lửa nóng nổ tách tách thành tiếng. Phàm là giải thoát thì không có việc như vậy, như bình báu bằng kim cương thật thì không có tiếng nứt vỡ. Giả sử vô lượng trăm ngàn người đều cùng bắn vào bình báu đó cũng không thể hoại được. Không tiếng bình vỡ dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như người nghèo cùng nợ vật của người khác nên bị người khác trói buộc, cùm khóa, đánh phạt, chịu nhiều khổ não. Phàm trong giải thoát không có việc như vậy, không có nợ nần. Giống như ông trưởng giả có nhiều của báu vô lượng vô số ức, thế lực tự tại chẳng mắc nợ người khác. Phàm là giải thoát cũng như vậy, có của cải châu báu pháp nhiều vô lượng, thế lực tự tại, không có nợ nần. Không nợ nần ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không bức bách, như ngày xuân gần gũi sức nóng, ngày hè ăn vị ngọt, ngày đông tiếp xúc với lạnh giá. Trong chân giải thoát không có những việc không vừa ý như vậy. Không bức bách là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Không có gì bức bách là ví như có người ăn no thịt cá mà lại uống

sữa thì người này cận kề với cái chết chẳng bao lâu. Trong chân giải thoát không có việc như vậy. Người này nếu được thuốc hay cam lồ thì hoạn nạn được tiêu trừ. Chân giải thoát cũng như vậy. Thuốc hay cam lồ là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Sao gọi là bức bách và chẳng bức bách? Ví như kẻ phạm phu ngã mạn tự cao mà đầy ý niệm này: “Trong tất cả các vật thì vật gì có thể hại ta”. Hấn liền bắt lấy rắn, cạp, trùng độc. Ông nên biết rằng, người này chẳng hết thọ mạng thì cũng chết “bất đắc kỳ tử”. Trong chân giải thoát không có việc như vậy. Chẳng bức bách thì như ngọc thần của vua Chuyển luân có thể hàng phục sâu bọ, chín mươi sáu thứ độc trùng v.v... Nếu có người nghe mùi thơm của ngọc thần này thì các thứ độc đều bị tiêu diệt. Chân giải thoát cũng như vậy, đều xa lìa hết hai mươi lăm thứ hữu. Độc tiêu diệt là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, chẳng bức bách thì ví như hư không, giải thoát cũng vậy. Hư không đó là dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại, bức bách thì gần với cỏ khô mà thấp đèn thì sẽ cháy bùng lên. Trong chân giải thoát không có việc như vậy. Lại, chẳng bức bách ví như mặt trời, mặt trăng chẳng bức bách chúng sinh. Giải thoát cũng vậy, đối với các chúng sinh không có sự bức bách. Không bức bách là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại, giải thoát gọi là pháp không động, như oán, thân. Trong chân giải thoát không có việc như vậy. Lại, chẳng động thì như vua Chuyển luân mà không có Thánh vương làm thân hữu. Nếu lại có thân hữu thì không có việc ấy. Giải thoát cũng vậy, lại không có thân hữu. Nếu có thân hữu thì không có việc ấy. Vua không có thân hữu đó ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại, không động thì ví như áo trắng dễ nhuộm màu. Giải thoát chẳng vậy. Lại, không động thì ví như hoa bà-sư mà muốn khiến cho nó có mùi thối và màu xanh thì không có việc ấy. Giải thoát cũng vậy, muốn khiến cho nó có mùi thối và các sắc thì cũng không có việc ấy. Vậy nên giải thoát tức là Như Lai. Lại, giải thoát thì gọi là hy hữu. Ví như trong nước mọc lên hoa sen thì chẳng phải là hy hữu. Trong lửa mà sinh ra hoa sen thì mới hy hữu. Có người thấy hoa đó liền sinh ra vui mừng. Chân giải thoát cũng như vậy, giải thoát ấy có người thấy thì lòng sinh ra vui mừng. Hy hữu

đó là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai ấy tức là pháp thân. Lại, hy hữu là ví như đứa trẻ chưa mọc răng, dần dần lớn lên, sau đó răng mới mọc. Giải thoát chẳng vậy, không sinh mà chẳng sinh. Lại, giải thoát thì gọi là hư tịch, không có bất định. Bất định thì như Nhất-xiển-đề phạm bốn trọng cấm, rốt ráo chẳng đời, chẳng thành Phật đạo, không có việc ấy. Vì sao? Vì nếu người này ở trong chánh pháp của Phật mà lòng được niềm tin thanh tịnh thì bấy giờ liền diệt Nhất-xiển-đề. Nếu người đó lại được làm Ưu-bà-tắc thì cũng có thể diệt Nhất-xiển-đề. Người phạm trọng cấm diệt được tội này rồi thì được thành Phật. Vậy nên nếu nói rằng, nhất định chẳng đời, chẳng thành Phật đạo thì không có việc đó. Trong chân giải thoát không có việc diệt tận như vậy. Lại, hư tịch thì rơi vào pháp giới. Như tánh pháp giới tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, Nhất-xiển-đề nếu diệt hết thì chẳng được gọi là Nhất-xiển-đề. Sao gọi là Nhất-xiển-đề? Nhất-xiển-đề là đoạn diệt tất cả những căn bản thiện, lòng chẳng vin vào tất cả pháp thiện, thậm chí chẳng sinh một ý niệm thiện. Trong chân giải thoát đều không có việc này. Không có việc này tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại, giải thoát thì gọi là chẳng thể lường. Ví như đồng thóc thì số lượng của nó có thể biết. Chân giải thoát thì chẳng phải vậy. Ví như biển cả thì chẳng thể đo lường. Giải thoát cũng vậy, chẳng thể đo lường. Chẳng thể đo lường tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì gọi là pháp không lường. Như một chúng sinh có nhiều nghiệp báo. Giải thoát cũng vậy, có quả báo không lường. Báo không lường tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì gọi là rộng lớn. Ví như biển cả không có gì ngang bằng. Giải thoát cũng vậy, không có gì có thể ngang bằng. Không gì ngang bằng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là tối thượng. Ví như hư không tối cao không sánh. Giải thoát cũng vậy, tối cao không sánh. Cao không sánh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không thể vượt qua. Ví như chỗ trú của loài sư tử, tất cả bách thú không thể đi qua. Giải thoát cũng vậy, không có gì có thể vượt qua. Không thể qua tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa,

giải thoát gọi là vô thượng, như phương Bắc là phương trên trong các phương. Giải thoát cũng vậy, là không có gì trên nó. Không có gì trên tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là cao tột. Ví như phương Bắc đối với phương Đông là trên cao tột. Giải thoát cũng vậy, không có cái trên nữa. Không có cái trên nữa tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là hằng pháp. Ví như trời, người thân hoại mạng chung, đó gọi là hằng, chẳng phải chẳng hằng. Giải thoát cũng vậy, chẳng phải là chẳng hằng. Chẳng phải chẳng hằng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là bền chắc. Như trầm thủy chiêm-đàn Khư-đà-la, tánh của nó bền chắc. Giải thoát cũng vậy, tánh ấy thật kiên cố. Tánh thật kiên cố tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là bất hư. Ví như tre trúc lau sậy, thể của nó rỗng thưa. Giải thoát chẳng vậy. Ông phải biết, giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì chẳng thể bản. Ví như tường vách chưa được tô sửa thì muỗi mòng ở trên đó dạo chơi. Nếu đã được tô sửa trang trí họa vẽ, điêu khắc thì côn trùng nghe mùi thơm của sơn liền chẳng ở trên đó nữa. Chẳng ở như vậy là dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là vô biên. Ví như các xóm làng đều có dấu hiệu bờ cõi, giải thoát chẳng vậy. Ví như hư không không có bờ cõi, giải thoát cũng vậy, không có bờ cõi. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng thể thấy. Ví như dấu chim trong hư không không thể thấy. Như vậy không thấy là dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là rất sâu xa. Vì sao? Vì là chỗ chẳng thể vào của Thanh văn, Duyên giác. Chẳng thể vào tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, sâu xa thì được sự cung kính của các Đức Phật, Bồ-tát. Ví như người con hiếu cung dưỡng cha mẹ được công đức rất sâu xa. Công đức sâu xa là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là chẳng thể thấy. Ví như có người chẳng tự thấy đỉnh đầu, giải thoát cũng vậy, Thanh văn, Duyên giác chẳng thể thấy được. Chẳng thể thấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không nhà cửa. Ví như hư không không có nhà cửa, giải thoát cũng vậy. Nói nhà cửa là dụ cho

hai mươi lăm cõi. Không có nhà cửa là dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng thể nắm bắt. Như trái cây A-ma-lặc thì con người có thể nắm lấy, giải thoát chẳng vậy, chẳng thể nắm bắt. Chẳng thể nắm bắt tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng thể cầm giữ. Ví như vật huyền thì chẳng thể cầm giữ, giải thoát cũng vậy, chẳng thể cầm giữ. Chẳng thể cầm giữ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì không có thân thể. Ví như có người mà thân thể sinh ra ghê lở và các ung nhọt, điên cuồng, khô cạn v.v... Trong chân giải thoát không có những bệnh như vậy. Không có những bệnh như vậy là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là một vị. Như sữa một vị, giải thoát cũng vậy, chỉ có một vị. Như vậy một vị tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là thanh tịnh. Như nước không có bùn, lắng đọng trong sạch, giải thoát cũng vậy, lắng đọng trong sạch. Lắng đọng trong sạch tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là một vị. Như mưa trong hư không thì một vị trong sạch. Một vị trong sạch là dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là trừ bỏ. Ví như trăng tròn đầy, không có mây che, giải thoát cũng vậy, không có mây che. Không có mây che tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là tịch tĩnh. Ví như có người bị bệnh sốt được chữa khỏi, thân trở nên tịch tĩnh, giải thoát cũng vậy, thân được tịch tĩnh. Thân được tịch tĩnh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát tức là bình đẳng. Ví như rắn độc, chuột, sói, ở ruộng hoang đều có tâm giết hại. Giải thoát chẳng vậy, không có tâm giết hại. Không có tâm giết hại tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, bình đẳng thì ví như tâm bình đẳng của cha mẹ đối với con cái. Giải thoát cũng vậy, tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không chỗ khác. Ví như có người chỉ ở trong nhà cửa thanh tịnh thượng diệu mà lại không có chỗ khác. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ khác. Không có chỗ khác tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là biết đủ.

Ví như người đói gặp được bữa ăn ngon, ăn không chán, giải thoát chẳng vậy, như ăn cháo sữa, lại không có gì cần. Lại không có gì cần là dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là cắt đứt. Như người bị trói, cắt dây trói, được thoát, giải thoát cũng vậy, cắt đứt tất cả kết phược của lòng nghi hoặc. Như vậy đoạn nghi tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là đến bờ kia. Ví như sông lớn có bờ này, bờ kia. Giải thoát chẳng vậy, tuy không có bờ này mà có bờ kia. Có bờ kia tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là mặc nhiên. Ví như biển cả, nước mênh mông cùng khắp, phát ra nhiều âm thanh, giải thoát chẳng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là mỹ diệu. Ví như mọi thứ thuốc có lẫn vị ha-lê-lặc thì vị thuốc ấy đắng. Giải thoát chẳng vậy, vị nó như cam lồ. Vị như cam lồ là ví cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì trừ được các phiền não. Ví như thầy thuốc giỏi hòa hợp các vị thuốc, giải trị liệu mọi thứ bệnh. Giải thoát cũng vậy, có thể trừ khử phiền não. Trừ phiền não tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không dồn ép. Ví như nhà nhỏ chẳng dung nạp được nhiều người, giải thoát chẳng vậy, dung nạp được nhiều. Dung nạp được nhiều tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là diệt các ái, chẳng xen dâm dục. Ví như nữ nhân nhiều ái dục, giải thoát chẳng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai như vậy không có tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn v.v... Lại nữa, giải thoát gọi là không ái. Ái có hai thứ, một là ngã quý ái, hai là pháp ái. Chân giải thoát lìa ngã quý ái, thương xót chúng sinh nên có pháp ái. Như vậy pháp ái tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là lìa ngã, ngã sở. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại nữa, giải thoát tức là diệt tận, lìa khỏi sự tham của các hữu. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại nữa, giải thoát tức là cứu giúp, có thể cứu tất cả những người kinh sợ. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại nữa, giải thoát tức là chỗ về. Nếu có người quy y nương tựa giải thoát như vậy thì chẳng tìm chỗ khác. Ví như có người nương cậy vào vua thì chẳng cầu chỗ nương cậy khác.

Tuy lại nương vào vua mà vẫn có chuyển động, nương cậy vào giải thoát thì không có chuyển động. Không động chuyển tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại nữa, giải thoát gọi là nhà cửa. Ví như có người đi ở vùng đồng trống vắng thì có tai nạn nguy hiểm. Giải thoát chẳng vậy, không hiểm nạn. Không hiểm nạn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là không sợ hãi. Như sư tử chúa đối với bách thú chẳng sinh ra sợ hãi. Giải thoát cũng vậy, đối với chúng ma, chẳng sinh sợ hãi. Không sợ hãi tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì không có dồn ép. Ví như đường hiểm trở, thậm chí chẳng đủ hai người cùng đi, giải thoát chẳng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát chẳng bị dồn ép. Ví như có người sợ cọp, rơi xuống giếng, giải thoát chẳng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát chẳng có dồn ép. Ví như trong biển lớn mà bỏ chiếc thuyền nhỏ hư, được chiếc thuyền bền chắc, cỡi qua biển đến chỗ yên ổn, tâm được an lạc. Giải thoát cũng vậy, tâm được an lạc. Được an lạc tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là nhổ bật các nhân duyên. Ví như do sữa mà được kem sữa, nhân kem sữa được bơ sữa, nhân bơ sữa được pho mát. Trong chân giải thoát đều không có cái nhân này. Không có nhân này tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì có thể điều phục kiêu mạn. Ví như vị vua lớn xem thường vua nhỏ, giải thoát chẳng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp. Lại nữa, giải thoát thì điều phục những buông lung. Gọi buông lung là người có nhiều tham dục, trong chân giải thoát không có danh tự đó. Không danh tự đó tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì có thể trừ khử vô minh. Như kem sữa thượng diệu trừ khử các cặn bẩn mới gọi là pho mát. Giải thoát cũng vậy, trừ khử cặn vô minh, sinh ra chân minh. Như vậy chân minh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là tịch tĩnh thuần nhất không hai. Như con voi trên đồng hoang độc nhất không có bạn bè. Giải thoát cũng vậy, độc nhất không hai. Độc nhất không hai tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là bền chắc. Như thân, gốc của tre trúc, lau sậy,

lúa mè đều rỗng không mà hạt thì chắc thật. Ngoại trừ Phật Như Lai, kỳ dư người, trời đều chẳng chắc thật. Chân giải thoát thì xa lìa tất cả những hữu lậu v.v... Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là có thể hiểu rõ thêm về ngã. Chân giải thoát cũng như vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là bỏ các hữu. Ví như có người ăn rồi mà mưa ra, giải thoát cũng vậy, bỏ hết các hữu. Bỏ các hữu tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là quyết định. Như hương thơm của hoa bà-sư không có trong hoa thất diệp, giải thoát cũng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là thủy đại. Ví như thủy đại hơn các đại khác, có thể thấm nhuần tất cả hạt giống cỏ cây. Giải thoát cũng vậy, có thể thấm nhuần tất cả các loài có sự sống. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là được vào. Như có cửa ngõ thông vào đường đi đến chỗ có vàng thì có thể được vàng. Giải thoát cũng vậy, như cửa ngõ kia tu vô ngã thì được vào trong. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là làm tốt. Ví như đệ tử theo đuổi thầy khéo vâng theo lời dạy bảo thì được gọi là làm tốt, giải thoát cũng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là pháp xuất thế. Đối với tất cả pháp thì nó ra khỏi và trên hết, như trong mọi vị thì phó mát là hơn hết. Giải thoát cũng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng động. Ví như cửa cài then thì gió chẳng thể động. Chân giải thoát cũng như vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không sóng gió. Như biển cả kia có sóng gió, giải thoát chẳng vậy. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ví như cung điện, giải thoát cũng vậy, phải biết giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là sử dụng. Ví như vàng diêm-phù-đàn có nhiều công dụng, không ai có thể nói vàng đó xấu, giải thoát cũng vậy, không có xấu. Không có xấu tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát thì bỏ hành động trẻ con. Ví như người lớn bỏ hành vi của đứa trẻ, giải thoát cũng vậy, trừ bỏ năm ấm. Trừ bỏ năm ấm tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là cứu cánh. Như kẻ bị trói buộc, rồi từ trói buộc được thoát ra, tắm rửa sạch sẽ, sau đó mới trở về nhà. Giải thoát cũng vậy, rốt ráo thanh tịnh. Rốt

ráo thanh tịnh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát là niềm vui không tạo tác, vui không tạo tác vì đã rời bỏ tham dục, sân hận, ngu si. Ví như có người uống nhầm thuốc độc, vì trừ độc nên liền ói thuốc ra. Đã ói được thuốc ra thì độc liền trừ khỏi, thân được yên vui. Giải thoát cũng vậy, thối ra các thứ độc kết phược phiền não thì thân được an lạc, gọi là niềm vui không tạo tác. Niềm vui không tạo tác tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là đoạn tuyệt bốn thứ răn độc phiền não. Đoạn phiền não tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là lìa các hữu, diệt tất cả khổ, được tất cả vui, đoạn tuyệt vĩnh viễn tham dục, sân hận, ngu si, nhổ đứt tất cả gốc rễ của phiền não. Nhổ gốc rễ tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là đoạn tuyệt tất cả pháp hữu vi, sinh ra tất cả pháp thiện vô lậu, đoạn tuyệt lấp bít các đường, như là ngã, vô ngã, phi ngã, phi vô ngã chỉ đoạn dứt thủ trước, chẳng đoạn dứt ngã kiến. Ngã kiến thì gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không chẳng không. Không không thì gọi là không sở hữu, không sở hữu tức là sự giải thoát của hàng ngoại đạo Ni-kiền-tử v.v.. mà thật ra hàng Ni-kiền-tử này không có giải thoát nên gọi là không không. Chân giải thoát thì chẳng như vậy, cho nên là không chẳng không. Không chẳng không tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là không chẳng không. Như cái bình đựng nước, rượu, sữa, kem sữa, bơ sữa, mật v.v... Tuy bình ấy không có nước, rượu, kem sữa, bơ sữa, mật nhưng vẫn được gọi là bình nước, rượu v.v... mà những bình này chẳng thể nói là không và chẳng không. Nếu nói rằng không thì chẳng được có sắc hương vị xúc. Nếu nói rằng chẳng không mà lại không có thật nước, rượu v.v... giải thoát cũng vậy, chẳng thể nói sắc và chẳng phải sắc, chẳng thể nói không và chẳng không. Nếu nói rằng không thì chẳng có được thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói rằng chẳng không thì ai thọ hưởng cái thường, lạc, ngã, tịnh này. Do cái nghĩa đó nên chẳng thể nói không và chẳng không. Không nghĩa là không có hai mươi lăm cõi và các phiền não, tất cả khổ, tất cả tướng, tất cả hạnh hữu vi. Như bình không có kem sữa thì gọi là không. Chẳng không nghĩa là

sắc thiện chân thật, thường, lạc, ngã, tịnh chẳng động, chẳng biến giống như sắc hương vị xúc của cái bình kia nên gọi là chẳng không. Vậy nên, giải thoát ví như cái bình kia. Cái bình kia gặp duyên thì lại tan vỡ. Giải thoát chẳng vậy, chẳng thể bị phá vỡ. Chẳng thể phá hoại tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát gọi là lìa ái. Ví như có người lòng yêu thích mong ước Thích-đề-hoàn-nhân, Đại Phạm Thiên vương, Tự Tại Thiên vương. Giải thoát chẳng vậy, nếu được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì không ái, không nghi. Không ái, không nghi tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Nếu nói rằng giải thoát có ái, nghi thì đó là điều không có. Lại nữa, giải thoát là đoạn dứt những tham lam, đoạn dứt tất cả tướng, tất cả trói buộc, tất cả phiền não, tất cả sinh tử, tất cả nhân duyên, tất cả quả báo... Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết-bàn. Tất cả chúng sinh kinh sợ sinh tử, phiền não nên thọ Tam quy. Ví như bầy nai kinh sợ người thợ săn nên đã thoát chạy, nhảy được một nhảy dụ cho một quy. Như vậy ba nhảy thì dụ cho Tam quy. Do ba nhảy nên được thọ hưởng an lạc. Chúng sinh cũng vậy, kinh sợ thợ săn ác bốn ma nên thọ Tam quy y. Nhờ Tam quy y nên chúng sinh được an lạc. Thọ an lạc tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Niết-bàn, Phật tánh, Quyết định, Như Lai là một nghĩa thì sao nói rằng có ba quy y?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh kinh sợ sinh tử nên cầu ba quy y. Nhờ ba quy y nên biết Phật tánh, Quyết định, Niết-bàn. Này thiện nam! Có pháp, danh một mà nghĩa khác; có pháp, danh, nghĩa đều khác. Danh một, nghĩa khác là Phật thường, Pháp thường, Tỳ-kheo Tăng thường, Niết-bàn, hư không cũng đều là thường. Đó gọi là danh một, nghĩa khác. Danh, nghĩa đều khác là: Phật gọi là giác, Pháp gọi là bất giác, Tăng gọi là hòa hợp, Niết-bàn gọi là giải thoát, hư không gọi là phi thiên, cũng gọi là vô ngại. Đó là danh, nghĩa đều khác. Này

thiện nam! Ba quy y cũng như vậy, danh nghĩa đều khác. Vậy nên Ta bảo Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiền-đàm-di chớ cúng dường cho Ta, phải cúng dường Tăng. Nếu cúng dường Tăng thì đã gồm cả cúng dường ba quy y. Ma-ha Ba-xà-ba-đề liền hỏi lại Ta: “Trong chúng Tăng không Phật, không Pháp thì sao nói rằng, cúng dường chúng Tăng thì gồm cả cúng dường ba quy y?”. Ta lại bảo: “Bà làm theo lời nói của tôi là cúng dường Phật, vì giải thoát tức là cúng dường Pháp, chúng Tăng thọ hưởng sự cúng dường tức là cúng dường Tăng”. Này thiện nam! Vậy nên trong Tam quy chẳng được chú trọng một quy. Này thiện nam! Như Lai hoặc có khi nói một là ba, có khi nói ba là một. Nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là điều hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác.

Ca-diếp lại bạch:

–Như lời nói của Đức Phật thì rất ráo an lạc gọi là Niết-bàn, ý nghĩa này thế nào? Phạm là Niết-bàn thì xả thân, xả trí. Nếu xả thân, xả trí thì ai sẽ thọ lạc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như có người ăn rồi, buồn nôn muốn ói, đi ra ngoài. Đã nôn ra rồi quay trở lại. Đồng bạn hỏi người đó: “Ông bị bệnh đã bớt chưa mà quay trở lại?”. Đáp: “Đã bớt rồi, thân được yên vui”. Như Lai cũng vậy, rất ráo xa lìa hai mươi lăm cõi, vĩnh viễn được chỗ Niết-bàn an vui, chẳng thể động chuyển, không có tận diệt, đoạn tuyệt tất cả thọ, gọi là không thọ lạc. Như vậy không thọ lạc gọi là thường lạc. Nếu nói Như Lai có thọ lạc thì đó là điều không có. Vậy nên niềm vui rất ráo tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

Ca-diếp lại nói:

–Chẳng sinh, chẳng diệt là giải thoát sao?

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Chẳng sinh, chẳng diệt tức là giải thoát. Như vậy giải thoát tức là Như Lai.

Ca-diếp lại bạch:

–Nếu chẳng sinh diệt là giải thoát thì tánh hư không cũng không sinh, không diệt nên chính là Như Lai. Như vậy tánh Như Lai tức là giải thoát.

Đức Phật dạy Ca-diếp:

–Này thiện nam! Việc này chẳng vậy!

–Bạch Thế Tôn! Vì sao chẳng vậy?

–Này thiện nam! Như chim ca-lan-già và chim mạng mạng, tiếng hót của chúng thánh thót lẽ nào có thể đồng với tiếng kêu của chim quạ, chim khách chẳng?

–Chẳng đồng, thưa Thế Tôn!

Tiếng của chim quạ, chim khách sánh với tiếng của chim mạng mạng v.v... dù cho nhân lên trăm ngàn vạn lần cũng chẳng thể so sánh được.

Ca-diếp lại bạch:

–Chim ca-lan-già v.v... tiếng của chúng vi diệu, thân cũng chẳng đồng thì làm sao Như Lai đem so sánh chúng với chim quạ, chim khách? Không khác gì đem hạt cải so sánh với núi Tu-di. Phật cùng với hư không cũng như vậy. Tiếng kêu của chim ca-lan-già có thể ví cho âm thanh của Phật, chẳng thể đem dụ cho tiếng kêu của chim quạ, chim khách.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông nay khéo giải thích điều thâm diệu khó giải này. Như Lai có lúc vì nhân duyên nên dẫn hư không kia để ví cho giải thoát. Như vậy giải thoát tức là Như Lai. Chân giải thoát thì tất cả hàng trời, người không thể lấy làm ví dụ, mà hư không này thật ra chẳng phải dụ cho giải thoát ấy được, nhưng vì giáo hóa chúng sinh nên dùng hư không, chẳng phải dụ để làm ví dụ. Ông phải biết, giải thoát tức là Như Lai. Tánh của Như Lai tức là giải thoát. Giải thoát, Như Lai không hai, không khác. Này thiện nam! Chẳng phải dụ là như vật không so sánh được, chẳng thể dẫn dụ được. Nhưng có nhân duyên nên có thể được dẫn dụ, như trong kinh nói, diện mạo đoan chánh như trăng tròn đầy. Voi trắng tươi đẹp thanh khiết giống như núi Tuyết. Trăng tròn đầy chẳng được ví đồng với mặt. Núi Tuyết chẳng được ví là voi trắng. Này thiện nam! Chẳng thể dùng dụ để ví cho chân giải thoát, nhưng vì hóa độ chúng sinh nên làm ra dụ vậy. Nhờ các thí dụ nên biết các pháp tánh đều cũng như vậy.

Ca-diếp lại bạch:

–Tại sao Như Lai nói hai thuyết?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như có người nắm giữ dao, kiếm, do lòng sân hận muốn hại Như Lai. Như Lai vui hòa, sắc diện không sân giận thì người đó có hại được thân Như Lai tạo thành tội nghịch không?

–Thưa Thế Tôn! Chẳng thành! Vì sao? Vì thân giới của Như Lai chẳng thể hoại. Vì sao? Vì không có thân tụ, chỉ có pháp tánh mà tánh của pháp tánh về lý chẳng thể hoại thì người đó làm sao có thể hoại thân Phật. Do tâm ác nên thành tội vô gián. Do nhân duyên dẫn các thí dụ đó nên biết được thật pháp.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Điều Ta muốn nói ông nay đã nói. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người ác muốn hại mẹ mình, hấn ở ngoài đồng ruộng, bên đồng lúa. Người mẹ đem cơm cho hấn. Hấn thấy mẹ rồi liền sinh tâm giết hại, bèn đi mài dao. Người mẹ biết rồi liền trốn vào trong đồng lúa. Người ấy cầm dao chạy quanh đồng lúa chém vào. Chém vào rồi vui mừng vì tưởng là đã giết chết mẹ rồi. Nhưng mẹ hấn không chết liền chui ra trở về nhà. Ý ông thế nào? Người đó có tạo tội vô gián không?

–Thưa Thế Tôn! Chẳng thể nói dứt khoát được. Vì sao? Vì nếu nói có tội thì mẹ hấn đã bị giết chết, nhưng nếu chưa chết thì làm sao nói là có tội. Nếu nói không tội cũng không được vì đã sinh tư tưởng giết hại, lòng mang vui mừng thì sao nói rằng không. Người này tuy chẳng đầy đủ tội nghịch mà cũng chính là nghịch. Do nhân duyên ấy dẫn các thí dụ đó mà được biết thật pháp.

Đức Phật khen Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Vì nhân duyên đó mà Ta nói đủ thứ phương tiện thí dụ để ví cho giải thoát. Ta tuy dùng vô lượng vô số dụ mà thật chẳng thể lấy dụ làm so sánh. Hoặc có nhân duyên cũng có thể dùng dụ để nói. Hoặc có nhân duyên chẳng thể dẫn ra thí dụ. Vậy nên giải thoát thành tựu vô lượng công đức như vậy, hướng đến Niết-bàn. Niết-bàn Như Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do vô lượng công đức thành tựu viên mãn như vậy v.v... nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết được chỗ đến của Như Lai là không có tận. Chỗ đến nếu không tận thì phải biết rằng tinh tấn cũng không tận.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông nay có thể giải hộ trì chánh pháp. Nếu có thiện nam, thiện nữ muốn đoạn trừ những trói buộc phiền não thì phải thực hiện sự hộ trì chánh pháp như vậy.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VI

Phẩm 8: BỐN Y

Đức Phật lại bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Trong kinh vi diệu Đại Bát Niết Bàn này, có bốn hạng người có thể hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp, nhớ nghĩ chánh pháp, có thể đem nhiều lợi ích, thương xót thế gian, làm chỗ nương tựa cho thế gian, đem an vui cho hàng trời, người. Những gì là bốn? Có người ra đời đủ tánh phiền não, đó là hạng người thứ nhất. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, đó là hạng người thứ hai. A-na-hàm, đó là hạng người thứ ba. A-la-hán, đó là hạng người thứ tư. Bốn hạng người ấy xuất hiện ở đời thì họ có thể đem nhiều lợi ích và thương xót thế gian, làm chỗ nương tựa cho thế gian, đem an vui cho hàng trời, người.

Sao gọi là đủ tánh phiền não? Nếu có người có thể phụng trì giới cấm, oai nghi đầy đủ, kiến lập chánh pháp, từ chỗ Phật nghe hiểu ý nghĩa, rồi vì người khác phân biệt tuyên nói, như nói rằng, ít dục chính là đạo, nhiều dục chẳng phải đạo, rộng nói tám điều giác ngộ của bậc đại nhân, có người phạm tội thì dạy bảo khiến cho họ phát lồ sám hối, diệt trừ, giỏi biết pháp bí mật, việc làm phương tiện của Bồ-tát, thì đó gọi là phạm phu, chẳng phải Tu-đà-hoàn hưởng. Tu-đà-hoàn hưởng thì chẳng gọi là phạm phu mà gọi là Bồ-tát, chẳng gọi là Phật.

Hạng người thứ hai gọi là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm. Nếu hạng người này đạt được chánh pháp, thọ trì chánh pháp, theo Phật nghe pháp, thì họ theo đúng như điều đã nghe mà ghi chép, thọ trì, đọc tụng, rồi vì người khác giảng nói. Nếu nghe pháp rồi mà người ấy chẳng ghi chép, chẳng thọ trì, chẳng giảng nói mà nói rằng, nô tỳ v.v... những vật bất tịnh được Phật cho phép nuôi chứa thì đó là điều không có. Đó gọi là hạng người thứ hai. Người như vậy chưa được trú xứ thứ hai, thứ ba

thì gọi là Bồ-tát đã được thọ ký.

Hạng người thứ ba gọi là A-na-hàm. A-na-hàm mà bài báng chánh pháp, hoặc nói rằng cho phép nuôi nô tỳ, người sai khiến v.v... vật bất tịnh, thọ trì sách luận, điển tịch của ngoại đạo và bị sự ngăn che của khách trần phiền não, bị sự che phủ của các nghiệp phiền não, hoặc che giấu xá lợi chân thật của Như Lai và bị sự nhiễu hại của ngoại bệnh, hoặc bị sự bức bách của bốn con rắn độc lớn, luận nói về ngã v.v... thì đó là điều không có. Nếu nói vô ngã thì có điều này. Nói tham đắm pháp thế gian thì đó là điều không có. Nếu người này nói Đại thừa nối tiếp nhau chẳng dứt thì có điều này. Người này nếu đã thọ thân mà có tám vạn loài trùng cũng là điều không có. Người đó vĩnh viễn lìa khỏi tâm dục, thậm chí trong mơ cũng chẳng xuất tinh thì có điều này. Ngày lâm chung, người ấy sinh ra sợ hãi thì đó cũng là điều không có. A-na-hàm nghĩa là gì? Nghĩa là người này chẳng trở lại, như trên đã nói, nhưng tội lỗi vĩnh viễn chẳng thể làm nhiễm ô, qua lại xoay vòng thì gọi là Bồ-tát đã được thọ ký, chẳng bao lâu thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là hạng người thứ ba.

Hạng người thứ tư gọi là A-la-hán. A-la-hán thì đoạn tuyệt phiền não, bỏ được gánh nặng, đạt được lợi mình, việc làm đã xong, trụ địa thứ mười, được trí tự tại, tùy theo sự ưa thích của người mà hiện đủ thứ sắc thân, đều có thể thị hiện đúng như sự trang nghiêm của họ, muốn thành Phật đạo thì liền có thể được. Người có thành tựu vô lượng công đức như vậy thì gọi là A-la-hán. Tên của bốn hạng người này xuất hiện ở đời thì thương yêu và có thể làm nhiều lợi ích cho thế gian, làm chỗ nương tựa của thế gian, đem an vui cho hàng trời, người, ở trong hàng trời, người là tối tôn, tối thắng, giống như Như Lai gọi là bậc Nhân Trung Thắng, là chỗ quy y.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay chẳng nương vào bốn hạng người này. Vì sao? Vì như trong kinh Cù-sư-la, Đức Phật vì Cù-sư-la nói: “Nếu Thiên, Ma, Phạm vì muốn phá hoại mà biến làm hình dáng Phật với đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm, với vòng sáng tròn một tâm, khuôn mặt tròn đầy giống như vầng trăng tròn sáng, tướng bạch hào ở giữa hai chân mày trắng như ngọc kha, tuyết, chúng

trang nghiêm như vậy hướng đến ông thì ông phải xem xét định liệu hình tướng ấy hư hay thật. Đã hiểu biết rồi thì ông phải hàng phục”. Bạch Thế Tôn! Ma v.v... còn có thể biến làm hình dáng Phật, hướng gì là chúng chẳng thể biến làm thân bốn hạng người như A-la-hán v.v... nằm ngổ trong không, hông trái tuôn ra nước, hông phải phát ra lửa, toàn thân phát ra khói lửa giống như đám cháy. Do nhân duyên này, con ở trong hoàn cảnh đó, lòng chẳng tin, hoặc họ có điều nói ra, con chẳng thể ghi nhận, cũng không có ý niệm cung kính, nương dựa.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đối với lời nói của Ta nếu còn sinh nghi thì chẳng nên tin thọ, hướng gì là lời của những người như vậy. Vậy ông phải khéo phân biệt biết là thiện hay bất thiện, là có thể làm hay chẳng thể làm. Làm được như vậy rồi thì mãi thọ hưởng niềm vui. Này thiện nam! Ví như chó trộm đang đêm vào nhà người. Nô tỳ, người làm của gia đình ấy nếu hay biết thì nên xua đuổi mắng rằng: “Mầy mau đi ra, nếu chẳng ra thì ta giết chết”. Con chó trộm nghe rồi liền đi khỏi, chẳng quay trở lại. Các ông từ nay cũng nên hàng phục ma Ba-tuần như vậy. Các ông nên nói: “Này Ba-tuần! Người nay chẳng nên biến làm hình tướng như vậy, nếu cố tình làm thì ta sẽ dùng năm sự trói buộc để trói buộc người”. Ma nghe thế rồi liền phải đi trở về, như con chó trộm kia chẳng quay trở lại nữa.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật vì trưởng giả Cù-sư-la nói, nếu có thể hàng phục ma như vậy thì cũng có thể được gần với Đại Bát Niết Bàn. Như Lai hà tất nói bốn hạng người này là chỗ nương tựa. Như vậy lời nói của bốn hạng người này nhất định chưa đáng tin.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Như Ta cũng nói như vậy, chẳng phải là chẳng vậy. Này thiện nam! Ta vì hàng Thanh văn có nhục nhãn, nói về việc hàng ma, chớ chẳng vì người tu học Đại thừa mà nói đâu. Hàng Thanh văn tuy có thiên nhãn mà gọi là nhục nhãn, người học Đại thừa tuy có nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn. Vì sao? Vì kinh Đại thừa đó gọi là Phật thừa mà Phật thừa này là tối thượng, tối thắng. Này thiện nam! Ví như có người dũng kiện uy mãnh, có người khiếm nhược thường đến nương

cậy. Người dũng kiện ấy thường dạy người khiếp nhược: “Ông phải cầm cung, nắm tên, học tập cách cầm giáo, câu liêm dài, dây tơ trời như vậy”. Người ấy lại bảo: Phàm chiến đấu thì tuy giày xéo chém giết nhưng chẳng nên tự sinh ra ý niệm kinh sợ, phải quán trời, người mà sinh tư tưởng xem thường, nên tự sinh ý tưởng dũng kiện. Hoặc khi có người không can đảm dũng mãnh mà giả làm kiện tướng cầm nắm cung tên, đao kiếm, đủ thứ binh khí để tự dương oai, đi đến trong trận thì ra sức hò hét. Ông đối với hạng người này cũng chẳng nên sinh ra lo sợ. Hạng người như vậy nếu thấy các ông chẳng kinh sợ, thì nên biết, hạng người này chẳng bao lâu sẽ tan hoại như con chó trộm kia. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, bảo các Thanh văn: Các ông chẳng nên sợ ma Ba-tuần, nếu ma Ba-tuần hóa làm thân Phật đến chỗ các ông thì các ông phải tinh cần kiên cố lòng mình khiến cho ma đó bị hàng phục. Khi ấy, ma liền lo buồn bỏ đi. Này thiện nam! Như người dũng kiện kia chẳng theo người khác tập tành, người học Đại thừa cũng như vậy, được nghe đủ thứ kinh điển thâm mật, lòng họ hân hoan chẳng sinh ra kinh sợ. Vì sao? Vì người tu học Đại thừa như vậy đã từng cúng dường cung kính lễ bái vô lượng vạn ức Đức Phật đời quá khứ, tuy có vô lượng ức ngàn chúng ma muốn đến xâm hại quấy nhiễu, ở trong trường hợp này, nhất định chẳng kinh sợ. Này thiện nam! Ví như có người được thuốc A-kiệt-đà thì chẳng sợ tất cả rắn độc. Vì rắn sợ tác dụng của thuốc đó nên cũng có thể tiêu trừ tất cả các độc. Kinh điển này cũng như vậy, như tác dụng của thuốc kia, chẳng sợ tất cả các ma độc ác, cũng có thể hàng phục khiến cho chúng chẳng khởi lên nữa.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có con rồng tánh rất hung dữ, khi muốn hại người, hoặc dùng mắt nhìn, hoặc phun hơi độc. Vậy nên tất cả sư tử, cọp báo, sài lang, chó dữ v.v... đều sinh ra sợ hãi. Những loài ác thú đó nghe tiếng, thấy hình, hoặc chạm vào thân nó không loài nào chẳng mất mạng. Có người giỏi về chú thuật, dùng lực của chú có thể khiến cho các rồng, chim cánh vàng ác độc và những voi dữ, sư tử, cọp beo, sài lang v.v... trở nên nhu thuận hiền lành, đều có thể cỡi. Những ác thú như vậy thấy người giỏi chú thuật đó liền thuận phục. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, thấy ma Ba-tuần đều sinh ra kinh sợ mà ma Ba-tuần thì lại chẳng sinh lòng sợ sệt, còn làm nghiệp ma nữa.

Người học Đại thừa này chẳng tin tưởng ưa thích thì trước hết dùng phương tiện hàng phục các ma, khiến cho chúng quy phục, chấp nhận Đại thừa. Rồi nhân đó vì chúng giảng nói rộng rãi đủ thứ diệu pháp. Thanh văn, Duyên giác thấy ma điều phục rồi thì chẳng sinh sợ hãi nữa mà đối với chánh pháp vô thượng Đại thừa này mới sinh tin ưa. Họ nói lên như vậy: “Chúng ta từ nay chẳng nên ở trong chánh pháp này mà tạo tác chướng ngại”.

Lại nữa, này thiện nam! Thanh văn, Duyên giác đối với các phiền não mà sinh sợ hãi, còn người học Đại thừa thì đều không sợ sệt. Học Đại thừa thì có lực như vậy. Do nhân duyên này, như trước đã nói, vì muốn khiến cho Thanh văn, Duyên giác kia điều phục các ma, chẳng phải vì Đại thừa. Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này chẳng thể tiêu mất. Rất lạ kỳ! Rất đặc biệt! Nếu có người nghe mà nghe rồi tin thọ thì có thể tin Như Lai là pháp thường trụ. Người như vậy rất là hy hữu, như hoa Ưu-đàm. Sau khi Ta Niết-bàn, nếu có người được nghe kinh điển Đại thừa vi diệu như vậy mà sinh lòng tin, cung kính thì nên biết rằng, những người này vào đời vị lai, trong trăm ngàn ức kiếp, chẳng rơi vào đường ác.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, sẽ có trăm ngàn vô lượng chúng sinh bài báng, chẳng tin kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lâu hay mau sau khi Phật diệt độ thì những chúng sinh này sẽ bài báng kinh đó? Thưa Thế Tôn! Lại có những chúng sinh thuần thiện nào có thể cứu độ những kẻ bài báng pháp này?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn trong vòng bốn mươi năm thì kinh này lưu hành trải khắp cõi Diêm-phù-đề. Sau đó, kinh này mới ẩn chìm dưới đất. Này thiện nam! Ví như mía ngọt, gạo ngon, đường, váng sữa, bơ, đề hồ, tùy theo chỗ có chúng mà dân chúng nơi ấy đều cho rằng, thứ này là vị ngon bậc nhất trong các vị. Hoặc có người ăn thuần gạo lúa tẻ và hạt kê thì người đó cũng nói món ăn của mình là bậc nhất, đó là người bạc phước chịu nghiệp báo. Nếu là người phước đức thì ngay cả tai họ cũng chẳng nghe đến tên của gạo tẻ, hạt kê, mà

món ăn của họ chỉ toàn là gạo ngon, mía ngọt, đường, đề hồ v.v... Kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu này cũng như vậy, kẻ độn căn, bạc phước chẳng ưa lắng nghe như người bạc phước ghét gạo ngon và đường v.v... Hàng Nhị thừa cũng như vậy, ghét kinh Đại Niết-bàn vô thượng. Hoặc có chúng sinh tâm họ ưa nghe thọ kinh này, nghe rồi vui mừng, chẳng sinh bài bác, như người phước đức kia ăn toàn gạo ngon.

Này thiện nam! Ví như có vị vua ở tại vùng núi sâu, chỗ ác hiểm nạn, tuy có mía ngọt, gạo ngon, đường, nhưng do khó có được chúng nên tham tiếc, gom chứa chẳng dám ăn, sợ hết những thứ ấy, nên chỉ ăn gạo tẻ, hạt kê. Có vị quốc vương khác nghe thế mà thương xót, liền dùng xe chở gạo ngon, mía ngọt đem biếu vị vua đó. Vị vua ấy nhận rồi liền đem phân phát cho cả nước cùng ăn. Dân chúng ăn rồi đều sinh vui mừng, nói lên: “Nhờ đức vua đó nên chúng ta được món ăn hiếm có này”. Này thiện nam! Bốn hạng người này cũng như vậy, là vị tướng của đại pháp vô thượng này. Trong bốn hạng người đó, hoặc có một người thấy vô lượng Bồ-tát ở phương xa tuy học kinh điển Đại thừa như vậy, hoặc tự ghi chép, hoặc khiến người khác ghi chép, nhưng vì lợi dưỡng, vì tiếng khen, vì tìm hiểu giáo pháp, vì nương tựa, vì dùng để trao đổi những kinh khác mà chẳng thể vì người khác tuyên nói rộng rãi, nên người ấy đem kinh điển vi diệu này đến địa phương đó cho vị Bồ-tát kia, khiến cho họ phát tâm Bồ-đề vô thượng, an trụ ở đạo Bồ-đề. Vị Bồ-tát đó được kinh này rồi liền vì người khác diễn nói rộng rãi, khiến cho vô lượng chúng sinh được thọ pháp vị Đại thừa như vậy. Tất cả đều nhờ sức của vị Bồ-tát này mà kẻ chưa nghe kinh đều khiến cho được nghe, như dân chúng kia nhờ sức của vị vua nên được món ăn hiếm có.

Lại nữa, này thiện nam! Chỗ đã lưu hành kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này, ông nên biết, đất chỗ ấy tức là kim cương, những người trong chỗ đó cũng như kim cương. Nếu người nào có thể nghe kinh như vậy thì chẳng thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tùy theo sở nguyện của người ấy đều được thành tựu. Đúng như những điều mà Ta hôm nay đã tuyên nói, Tỳ-kheo các ông nên khéo thọ trì. Nếu có chúng sinh chẳng thể lắng nghe kinh điển như vậy thì nên biết rằng, người này đáng thương xót. Vì sao? Vì người đó chẳng thể thọ trì nghĩa

thâm diệu của kinh điển Đại thừa như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, trong vòng bốn mươi năm, kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa này lưu hành trải rộng ở cõi Diêm-phù-đề. Qua khỏi thời gian đó về sau kinh ẩn chìm vào đất, rồi sau đó bao lâu nữa thì kinh này sẽ xuất hiện trở lại?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu chánh pháp của Ta còn hơn tám mươi năm thì bốn mươi năm đầu kinh này lại sẽ ở cõi Diêm-phù-đề tuôn mưa pháp lớn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy khi kinh điển chánh pháp diệt, khi chánh giới hủy, khi phi pháp tăng trưởng, khi không có chúng sinh theo đúng pháp thì ai có thể nghe thọ, phụng trì, đọc tụng khiến cho sự cúng dường, cung kính, ghi chép, giảng nói được thông suốt? Kính xin Như Lai thương xót chúng sinh mà phân biệt, giảng nói rộng rãi, khiến cho các Bồ-tát nghe rồi thọ trì, thọ trì rồi liền được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng thoái chuyển.

Bấy giờ, Đức Phật khen Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Nay ông khéo có thể hỏi nghĩa như vậy. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều như cát sông Hi Liên phát tâm Bồ-đề thì mới có thể ở cõi đời ác này thọ trì kinh điển như vậy mà chẳng sinh bài báng. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng số cát một sông Hằng, phát tâm Bồ-đề thì sau đó mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp đó, ưa thích kinh điển đó mà chẳng thể vì mọi người phân biệt diễn nói rộng rãi. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng hai lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ-đề thì sau đó mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này mà hiểu đúng tin ưa, thọ trì đọc tụng, nhưng cũng lại chẳng thể vì người khác giảng nói rộng rãi. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Phật nhiều bằng ba lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ-đề thì sau đó mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này mà thọ trì, đọc tụng, chép thành kinh quyển, tuy có vì người khác diễn nói

nhưng chưa giải được nghĩa sâu. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng bốn lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ-đề thì sau đó mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này mà thọ trì, đọc tụng, chép thành kinh quyển, vì người khác giảng nói rộng rãi được nghĩa một phần trong mười sáu phần, tuy có diễn nói nhưng cũng chẳng đầy đủ. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng năm lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ-đề thì sau đó mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này mà thọ trì, đọc tụng, chép thành kinh quyển, vì người khác giảng nói rộng rãi được nghĩa tám phần trong mười sáu phần. Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng sáu lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ-đề thì sau đó mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này mà thọ trì, đọc tụng, chép thành kinh quyển, vì người khác giảng nói rộng rãi được nghĩa mười hai phần trong mười sáu phần. Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng bảy lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ-đề thì sau đó mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này mà thọ trì, đọc tụng, chép thành kinh quyển, vì người khác giảng nói rộng rãi được mười bốn phần nghĩa trong mười sáu phần. Nếu có chúng sinh ở chỗ các Đức Như Lai nhiều bằng tám lần cát sông Hằng, phát tâm Bồ-đề thì sau đó mới có thể ở trong cõi đời ác, chẳng bài báng pháp này, mà thọ trì, đọc tụng, sao chép thành kinh quyển, cũng khuyên người khác khiến cho họ sao chép, tự mình có thể nghe thọ rồi lại khuyên người khác, khiến cho được nghe thọ trì, đọc tụng thông suốt, ủng hộ kiên trì, vì thương xót các chúng sinh trong thế gian nên cúng dường kinh này, cũng khuyên người khác khiến cho họ cúng dường, cung kính, tôn trọng, đọc tụng, lễ bái cũng như vậy. Người này có thể giảng nói đầy đủ hết ý nghĩa của kinh ấy, đó là Như Lai thường trụ, bất biến, rốt ráo an vui, rộng giảng nói chúng sinh đều có Phật tánh, giỏi biết hết pháp tạng của Như Lai. Cúng dường các Đức Phật như vậy rồi, kiến lập chánh pháp vô thượng như vậy mà thọ trì ủng hộ. Nếu có người mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên biết người này ở đời vị lai nhất định có thể kiến lập chánh pháp như vậy mà thọ trì, ủng hộ. Vậy ông nay chẳng nên chẳng biết người hộ pháp trong đời vị lai. Vì sao? Vì người phát tâm này nhất định ở đời vị

lai có thể hộ trì chánh pháp vô thượng. Này thiện nam! Có vị Tỳ-kheo ác nghe Ta Niết-bàn, chẳng sinh lo buồn mà nghĩ: “Ngày hôm nay Như Lai Bát-niết-bàn, sao mà vui sướng thế! Như Lai còn ở đời ngăn lợi dưỡng của chúng ta. Nay Như Lai vào Niết-bàn thì còn có ai có thể ngăn cản ta. Nếu không người ngăn cản thì ta sẽ trở lại được lợi dưỡng như cũ. Như Lai tại thế, giới cấm nghiêm ngặt, nay Ngài vào Niết-bàn thì sẽ buông bỏ hết. Việc thọ ca-sa vốn là nghi thức của Phật thì nay sẽ phế bỏ hết như cờ phướn đầu cây”. Những người như vậy bài bác chống lại kinh điển Đại thừa này. Này thiện nam! Ông nay cần phải nhớ giữ như vậy. Nếu có chúng sinh thành tựu đầy đủ vô lượng công đức thì mới có thể tin kinh điển Đại thừa này, tin rồi thọ trì. Còn bao chúng sinh còn lại, có người ưa pháp, nếu có thể vì họ giảng nói rộng rãi kinh này, thì những người ấy nghe rồi, những nghiệp ác đã làm trong vô lượng vô số kiếp đời quá khứ đều trừ diệt hết. Nếu có người chẳng tin kinh điển này thì hiện tại thân họ sẽ bị sự náo hại của vô lượng bệnh khổ, phần nhiều bị người nhìn thấy sự hủy nhục, mắng chửi, sau khi mạng chung bị người khinh khi, dung mạo xấu xí, hèn hạ, đời sống gian nan, thường chẳng đủ sống, tuy lại ít bị thô rít, tệ ác nhưng đời đời thường ở trong gia đình bần cùng, hạ tiện, bài bác chánh pháp, tà kiến. Nếu khi họ lâm chung thì hoặc gặp đao binh dấy khởi hoảng loạn, hoặc bị bức bách của đế vương bạo ngược, oán gia thù địch. Tuy có bạn lành mà chẳng gặp gỡ, nhu cầu đời sống cầu chẳng thể được, ít được lợi lộc thường gặp nạn đói khát. Họ chỉ là hạng hiểu biết tầm thường mà quốc vương, đại thần đều chẳng chọn lấy. Giả sử lại có nghe lời tuyên nói của người ấy cho dù hợp lý đi nữa thì nhất định chẳng ai tín thọ. Người như vậy chẳng đến được chỗ tốt lành. Như con chim gãy cánh chẳng thể bay đi, người này cũng vậy, vào đời vị lai, chẳng thể được đến chỗ tốt của hàng trời, người. Nếu lại có người có thể tin kinh điển Đại thừa như vậy thì dù trước đã thọ hình hài thô bỉ, nhưng nhờ công đức của kinh điển liền trở nên đoan chánh, oai phong, nhan sắc sức lực ngày lại càng tăng thêm, thường được hàng trời, người nhìn ngắm, cung kính, thương mến, tình không lìa bỏ. Quốc vương, đại thần và gia đình quyến thuộc nghe lời nói của người ấy đều cung kính, tín thọ. Nếu trong đệ tử Thanh văn của Ta ai muốn làm việc

hy hữu đệ nhất thì phải vì thế gian rộng tuyên nói kinh điển Đại thừa như vậy.

Này thiện nam! Ví như sương mù tuy muốn trụ lại nhưng chẳng qua khỏi mặt trời mọc. Mặt trời đã mọc rồi thì nó liền tan mất không còn. Này thiện nam! Nghiệp ác của chúng sinh này cũng như vậy, thế lực trụ thế của chúng chẳng qua được khi thấy mặt trời Đại Niết-bàn. Mặt trời này mà đã xuất hiện thì có thể trừ diệt tất cả nghiệp ác.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người xuất gia, cạo bỏ râu tóc, tuy mặc ca-sa mà chưa được thọ mười giới Sa-di. Hoặc có ông trưởng giả đến thỉnh chúng Tăng, người chưa thọ giới cũng cùng với đại chúng chung nhận lời mời. Người này tuy chưa thọ giới nhưng đã ở vào tăng số. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh phát tâm bắt đầu học kinh điển Đại Niết-bàn Đại thừa, sao chép, thọ trì, đọc tụng cũng như vậy, tuy họ chưa đầy đủ ngôi bậc thập trụ nhưng đã nằm trong số thập trụ. Hoặc có chúng sinh là đệ tử của Phật, hoặc chẳng phải là đệ tử của Phật, nếu nhân tham lam keo kiệt hoặc nhân lợi dưỡng mà nghe thọ kinh này thậm chí chỉ một câu kệ, nghe rồi chẳng bài báng thì ông phải biết rằng, người đó tức là đã gần với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Do nhân duyên đó, Ta nói bốn hạng người làm chỗ nương cho thế gian. Này thiện nam! Bốn hạng người mà cho rằng lời Phật đã nói chẳng phải Phật nói thì đó là điều không có. Vậy nên Ta nói, bốn hạng người như vậy là chỗ nương của thế gian. Này thiện nam! Ông nên cúng dường bốn hạng người như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Con sẽ làm sao biết được người đó mà vì họ cúng dường?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Nếu có sự kiến lập, hộ trì chánh pháp thì nên theo khải thỉnh những người như vậy và nên xả bỏ thân mạng để cúng dường họ, như Ta đối với kinh điển Đại thừa này nói:

*Có người biết pháp
Hoặc trẻ hoặc già
Phải nên cúng dường
Cung kính lễ bái
Như Bà-la-môn*

*Phụng sự thân lửa
 Có người biết pháp
 Hoặc trẻ hoặc già
 Phải nên cúng dường
 Cung kính lễ bái
 Cũng như chư Thiên
 Phụng sự Đế Thích.*

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy thì cúng dường Sư trưởng phải đúng như vậy. Nhưng nay con có điều nghi, nguyện xin Thế Tôn giảng nói rộng rãi. Nếu có bậc trưởng túc hộ trì giới cấm mà theo hàng niên thiếu hỏi thọ điều chưa nghe thì thế nào? Người già đó phải kính lễ chăng? Nếu phải kính lễ thì chẳng gọi là trì giới. Nếu là hàng niên thiếu hộ trì giới cấm mà theo những kẻ già cả phá giới thưa hỏi, thọ lãnh điều chưa nghe, thì có nên lễ bái không? Nếu người xuất gia theo người tại gia thưa hỏi thọ lãnh điều chưa nghe, thì có phải lễ bái không? Nhưng mà người xuất gia chẳng nên lễ kính người tại gia, còn trong pháp Phật thì trẻ con ít tuổi cần phải cung kính bậc già cả trưởng túc. Do bậc trưởng túc này đã thọ giới cụ túc trước, thành tựu oai nghi, nên cần phải cúng dường cung kính. Như Phật nói, người phá giới trong pháp Phật chẳng dung nạp, giống như ruộng tốt có nhiều cỏ bông kê. Lại nữa, như Phật nói, có người biết pháp hoặc già hoặc trẻ nên cúng dường như phụng sự Đế Thích. Như vậy nghĩa của hai câu ấy ra sao? Chẳng phải là Như Lai nói hư vọng sao? Như Phật nói, Tỳ-kheo trì giới cũng có điều hủy phạm, vì sao Như Lai nói lời nói đó? Bạch Thế Tôn! Cũng ở trong các kinh khác Thế Tôn nói cho phép trị tội kẻ phá giới. Như vậy ý nghĩa của lời nói ấy chưa rõ.

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ta vì những người học Đại thừa đời vị lai như các vị Bồ-tát v.v... mà nói kệ như vậy, chứ chẳng vì các đệ tử Thanh văn mà nói. Này thiện nam! Như trước Ta đã nói, khi chánh pháp diệt, chánh giới hủy hoại, khi phá giới tăng trưởng, phi pháp hưng thịnh, khi tất cả Thánh nhân ẩn chẳng hiện, khi kẻ tu hành nhận nuôi nô tỳ, chứa vật bất tịnh v.v... thì trong bốn hạng người này sẽ có một người xuất

hiện ở thế gian, cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo. Người ấy thấy các Tỳ-kheo ai nấy đều nhận nuôi nô tỳ, người sai bảo, chứa vật bất tịnh, tịnh cùng bất tịnh tất cả chẳng biết, đúng luật chẳng phải luật cũng chẳng biết. Người này vì muốn điều phục những Tỳ-kheo như vậy nên cùng hòa quang nhưng chẳng đồng trần với họ, có thể phân biệt việc làm của mình và việc làm của Phật. Người ấy tuy thấy những người phạm Ba-la-di nhưng mặc nhiên chẳng cử tội. Vì sao? Vì người ấy nghĩ ta ra đời là vì muốn kiến lập, hộ trì chánh pháp. Vậy nên ta mặc nhiên mà chẳng bắt bẻ, sửa trị. Này thiện nam! Người như vậy là hộ pháp, tuy có chỗ phạm nhưng chẳng gọi là phá giới.

Này thiện nam! Ví như vị quốc vương mắc bệnh băng hà, vua kế vị còn nhỏ dại chưa đủ sức nối ngôi. Có người Chiên-đà-la giàu có, của cải không lường, có nhiều quyến thuộc, liền dùng sức mạnh, nhân khi đất nước suy yếu liền soán đoạt ngôi vua. Hấn cai trị chưa lâu thì người trong nước, cư sĩ, Bà-la-môn v.v... làm phản lánh xa, sang nước khác. Tuy có người còn ở lại nhưng thậm chí chẳng muốn nhìn thấy vua đó. Hoặc có trưởng giả, Bà-la-môn v.v... chẳng rời nước mình thì ví như các cây theo chỗ sinh sống của mình mà chết tại nơi đó. Vua Chiên-đà-la biết người của nước mình đào tẩu làm phản muốn trở về nên sai các Chiên-đà-la canh giữ các con đường. Rồi ở trong bảy ngày, ông cho đánh trống, xướng lệnh: “Các Bà-la-môn có thể vì ta làm lễ quán đảnh thì sẽ phân nửa nước để phong thưởng”. Các Bà-la-môn tuy nghe lời nói đó nhưng không đến mà đều nói: “Làm gì có hạng Bà-la-môn làm việc như thế?”. Vua Chiên-đà-la lại nói: “Trong hàng Bà-la-môn không có một người vì ta làm thầy thì ta cần phải làm cho các Bà-la-môn cùng với Chiên-đà-la sống chung, ăn ở và làm việc đồng nhau. Nếu có người đến làm lễ quán đảnh cho ta thì phong cho nửa nước, lời này chẳng hư dối. Thuốc cam lồ bất tử thượng diệu của trời Ba Mười Ba do sức thần chú cầu được, ta cũng sẽ cùng phân chia cho uống”.

Bấy giờ, có con của một Bà-la-môn, ở tuổi đội mào, tu tập tịnh hạnh, tướng tóc dài, giỏi biết chú thuật, đi đến chỗ vua, tâu: “Tâu đại vương! Lời truyền của nhà vua, tôi đều có thể làm”. Bấy giờ, nhà vua vui mừng nhận đồng tử này làm thầy quán đảnh. Các Bà-la-môn nghe việc này rồi đều sinh giận dữ, trách đồng tử này: “Này Bà-la-môn! Sao

ông nhận làm thầy của Chiên-đà-la?”. Lúc ấy, vị vua ấy liền chia nửa nước cho đồng tử đó. Rồi cùng nhau trị nước trải qua một thời gian dài. Lúc này đồng tử nói với vị vua kia: “Tôi bỏ gia pháp đến làm thầy của vua, đã dạy hết cho đại vương chú thuật vi mật mà nay đại vương còn chẳng thấy gần gũi”. Nhà vua đáp: “Ta nay làm sao mà chẳng gần gũi với ông?”. Đồng tử đáp: “Thuốc bất tử của nhà vua trước đây còn chưa uống chung với nhau”. Nhà vua nói: “Hay thay! Hay thay! Thưa đại sư! Ta thật chẳng biết, nếu thầy cần thì xin hãy cầm đi”. Khi đó, đồng tử nghe lời của vua nói rồi liền mang về nhà mời các vị đại thần cùng nhau uống thuốc đó. Các đại thần uống rồi cùng tâu với vua: “Vui sướng thay! Vị đại sư có thứ thuốc cam lồ bất tử đó”. Nhà vua đã biết rồi liền nói với vị sư ấy: “Tại sao đại sư chỉ cùng với các đại thần uống cam lồ mà chẳng thấy phân chia cho ta”. Bấy giờ, đồng tử liền dùng thuốc trộn độc khác dâng cho nhà vua uống. Nhà vua uống rồi, trong giây lát thuốc phát làm mê loạn, ngã lăn xuống đất, không hay biết gì cả, giống như người chết. Khi ấy, đồng tử lập tự quân làm vua và nói như vậy: “Theo pháp ngữ tòa sư tử thì chẳng nên để cho Chiên-đà-la lên ngôi. Ta từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy dòng Chiên-đà-la mà làm vua. Nếu Chiên-đà-la cai trị đất nước, quản lý muôn dân thì đó là điều không có. Đại vương nay nên trở lại nối ngôi tiên vương, đem chánh pháp cai trị đất nước”. Bấy giờ, đồng tử xử lý việc đó rồi, lại đem thuốc giải cho người Chiên-đà-la khiến cho ông ta tỉnh dậy. Tỉnh dậy rồi, ông bị đuổi ra khỏi nước. Lúc ấy, vị đồng tử tuy làm việc đó nhưng chẳng làm mất pháp của Bà-la-môn. Những cư sĩ, Bà-la-môn khác v.v... nghe việc làm này đều khen chưa từng có và nói: “Hay thay! Hay thay! Ông giỏi có thể xua đuổi được vua Chiên-đà-la”. Này thiện nam! Việc hộ trì chánh pháp sau khi Ta Niết-bàn đối với các Bồ-tát cũng như vậy. Bồ-tát dùng sức phượng tiện cùng với hạng Tăng phá giới giả danh nhận nuôi tất cả vật bất tịnh kia, cùng làm việc với họ. Bấy giờ, Bồ-tát nếu thấy có người tuy phạm nhiều giới nhưng có thể sửa trị các Tỳ-kheo ác hủy phạm giới cấm, liền đến chỗ người ấy cung kính, lễ bái cúng dường tứ sự, kinh sách, đồ lật vật đều đem dâng cúng. Như Bồ-tát tự mình không có gì thì cần phải phượng tiện theo các đàn-việt cầu xin để cho người đó. Vì làm việc này nên cần nuôi tám thứ vật

bất tịnh. Vì sao? Vì người này cần sửa trị các Tỳ-kheo ác như đồng tử kia xưa đui Chiên-đà-la vậy. Bấy giờ, Bồ-tát tuy lại cung kính lễ bái người nhận nuôi tám thứ vật bất tịnh nhưng đều không có tội. Vì sao? Do Bồ-tát này vì muốn đui, sửa trị các Tỳ-kheo ác, khiến cho Tăng thanh tịnh được ở yên ổn, lưu hành kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa, đem lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Nay thiện nam! Do nhân duyên này, ở trong kinh Ta nói hai bài kệ đó, khiến cho các vị Bồ-tát đều cùng khen ngợi người hộ trì pháp, như những Cư sĩ, Bà-la-môn kia khen ngợi vị đồng tử là: “Hay thay! Hay thay!” Bồ-tát hộ pháp phải nên như vậy. Nếu có người thấy người hộ pháp cùng với người phá giới đồng làm việc với nhau mà nói có tội thì phải biết người nói đó tự nhận lấy tai ương, còn người hộ pháp thật ra không có tội. Nay thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo phạm giới cấm rồi, vì lòng kiêu mạn nên che giấu, chẳng hối lỗi thì phải biết người đó gọi là chân phá giới. Đại Bồ-tát vì hộ pháp nên tuy có phạm mà chẳng gọi là phá giới. Vì sao? Vì không kiêu mạn mà hối lỗi. Nay thiện nam! Vậy nên Ta ở trong kinh che tướng, nói kệ như vậy:

*Có người biết pháp
Hoặc già hoặc trẻ
Phải nên cúng dường
Cung kính làm lễ
Như Bà-la-môn
Phụng sự thân lửa
Như đệ nhị thiên
Phụng sự Đế thích.*

Do nhân duyên này, Ta cũng chẳng vì người học Thanh văn mà chỉ vì Bồ-tát nói bài kệ đó.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy Đại Bồ-tát đối với giới buông lỏng thì giới đã thọ còn đủ chăng?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Ông nay chẳng nên nói như vậy. Vì sao? Vì giới đã thọ thì như cũ chẳng mất. Giả sử có sự sai phạm thì tức thời sám hối, mà sám hối rồi thì thanh tịnh. Nay thiện nam! Như sự cố con đê

thủng vỡ là do có lỗ nước rỉ thấm. Vì sao? Vì không có người tu bổ. Nếu có người tu bổ thì nước chẳng chảy ra. Bồ-tát cũng vậy, tuy cùng kẻ phá giới chung bố tát, thọ giới, tự tứ, cùng làm việc Tăng nhưng có giới luật, chẳng như con đê thủng vỡ rỉ thấm. Vì sao? Vì nếu không có trì giới thanh tịnh thì chúng Tăng tổn giảm, buông thả, lưỡi biếng ngày một thêm lớn. Còn nếu có người trì giới thanh tịnh tức là có thể đầy đủ, chẳng mất giới căn bản. Nay thiện nam! Người buông thả đối với thừa thì mới gọi là buông thả, còn đối với giới thì chẳng gọi là buông thả. Đại Bồ-tát đối với Đại thừa này lòng chẳng biếng nhác kiêu mạn thì gọi là phụng giới, vì hộ trì chánh pháp mà dùng nước Đại thừa tự tắm gội. Vậy nên Bồ-tát tuy hiện phá giới nhưng chẳng gọi là buông thả.

Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong chúng Tăng của Phật có bốn hạng người như quả cây Am-la sống, chín khó biết; phạm giới, trì giới làm sao có thể nhận biết được?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Nhờ vào kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thì dễ biết. Sao gọi là nhờ kinh Đại Niết-bàn này có thể biết được? Ví như người làm ruộng gieo trồng lúa ngon, làm cỏ trừ hết cỏ lồng vục, bông kê, dùng mắt thường quan sát gọi là ruộng sạch. Đến khi thành hạt thì cây lúa lá cỏ đều khác. Như vậy tám việc có thể làm ô nhiễm Tăng, nếu có thể trừ khử thì dùng mắt thịt quan sát biết được thanh tịnh. Hoặc trì giới hay phá giới khi chẳng làm ác mà dùng mắt thịt quan sát thì khó có thể phân biệt. Nếu ác lộ rõ rệt thì dễ có thể biết như cỏ lồng vục, bông kê kia dễ có thể phân biệt. Trong chúng Tăng cũng vậy, nếu có thể xa lìa tám thứ pháp răn độc bất tịnh thì gọi là ruộng phước Thánh chúng thanh tịnh, nên được sự cúng dường của hàng trời, người, quả báo thanh tịnh, chẳng phải là điều có thể phân biệt được của nhục nhãn.

Lại nữa, nay thiện nam! Như rừng Ca-la-ca có rất nhiều loại cây Ca-la-ca và chỉ có một cây tên là Trấn-đầu-ca. Trái của hai cây Ca-la-ca và Trấn-đầu-ca này tương tự nhau, chẳng thể phân biệt. Khi quả ấy chín, có một nữ nhân nhặt lấy trái cây Trấn-đầu-ca chỉ có một phần, còn quả Ca-la-ca có đến mười phần. Người nữ này chẳng biết mang

đến chợ mà bày bán. Trẻ con ngu dại lại chẳng phân biệt được nên mua quả Ca-la-ca ăn rồi mạng chung. Hạng người trí nghe chuyện này rồi, liền hỏi nữ nhân: “Chị nhặt được quả này ở đâu mà mang đến đây”. Lúc đó người đàn bà chỉ nơi nhặt quả. Mọi người liền nói: “Như vậy nơi đó có vô lượng cây Ca-la-ca mà chỉ có một cây Trấn-đầu-ca”. Mọi người biết rồi, cười mà bỏ đi.

Này thiện nam! Tám pháp bất tịnh trong đại chúng cũng như vậy. Ở trong chúng này có nhiều người thọ dụng tám pháp như vậy, chỉ có một người trì giới thanh tịnh, chẳng thọ dụng tám pháp bất tịnh ấy. Người ấy giỏi biết những người nhận chứa phi pháp mà vẫn cùng đồng sự, chẳng lia bỏ nhau như chỉ có một cây Trấn-đầu-ca trong rừng kia. Có Ưu-bà-tắc thấy những người này có nhiều việc phi pháp đều chẳng cung kính cúng dường. Người này nếu muốn cúng dường thì nên hỏi trước: “Thưa Đại đức! Tám việc phi pháp như vậy được nhận chứa không? Đức Phật có cho phép không? Nếu nói Đức Phật cho phép thì người như vậy có được bố-tát, yết-ma, tự tứ chung không?”. Vị Ưu-bà-tắc hỏi như vậy rồi, chúng đều đáp: “Tám việc như vậy Đức Như Lai thương xót đều cho phép dung chứa”. Vị Ưu-bà-tắc nói: “Ở Tinh xá Kỳ Hoàn có các Tỳ-kheo, hoặc nói: vàng bạc Đức Phật đã cho phép gom chứa, hoặc nói: chẳng cho phép. Người nói có cho, người nói chẳng cho, nên họ chẳng cùng ở chung, nói giới, tự tứ, thậm chí chẳng uống chung nước của một dòng sông, đồ vật lợi dưỡng đều chẳng chung hưởng. Các ông làm sao nói rằng, Đức Phật hứa cho được. Đức Phật Thiên Trung Thiên tuy có thọ nhận đi nữa, chúng Tăng các ông cũng chẳng nên gom chứa. Nếu có người thọ nhận thì các ông chẳng nên cùng chung với họ nói giới, tự tứ, yết-ma, cùng làm việc Tăng với họ. Nếu cùng chung với họ nói giới, tự tứ, yết-ma, cùng làm việc Tăng thì các ông sau khi mạng chung liền phải đọa vào địa ngục như những người ăn trái Ca-la-ca kia rồi liền mạng chung”.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như ở thành thị có người bán thuốc, có thuốc cam lồ vi diệu lấy từ núi Tuyết, cũng lại bán nhiều thứ tạp dược khác có vị ngọt tương tự. Có những người muốn mua mà chẳng biết phân biệt, đến chỗ người bán thuốc hỏi: “Ông có thuốc ở núi Tuyết không?”. Người bán thuốc ấy liền đáp: “Có”. Người bán thuốc này đối

trá đem thuốc tạp khác nói với người mua: “Đây chính là diệp được ngon ngọt của núi Tuyết”. Người mua thuốc dùng mắt thịt nên chẳng thể phân biệt, liền mua về và nói: “Ta nay đã được thuốc ngọt núi Tuyết”. Này Ca-diếp! Nếu trong hàng Tăng Thanh văn, có Tăng giả danh, có Tăng chân thật, có Tăng hòa hợp, hoặc trì giới, hoặc phá giới v.v... thì ở trong chúng đó nên bình đẳng cúng dường, cung kính, lễ bái. Vị Ưu-bà-tắc đó dùng nhục nhãn nên chẳng thể phân biệt, ví như người chẳng thể phân biệt được thuốc ngọt của núi Tuyết kia. Còn ai là trì giới, ai là phá giới, ai là chân tăng, ai là giả tăng thì chỉ người có thiên nhãn mới có thể phân biệt. Này Ca-diếp! Nếu vị Ưu-bà-tắc biết Tỳ-kheo ấy là người phá giới thì chẳng nên cấp thí, lễ bái, cúng dường. Hoặc biết được đây là người gom chứa tám pháp thì cũng lại chẳng nên cấp thí đồ cần dùng, lễ bái, cúng dường. Hoặc ở trong Tăng có kẻ phá giới thì chẳng nên vì nhân duyên mặc áo ca-sa mà cung kính lễ bái.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hay thay! Hay thay! Lời nói của Như Lai chân thật, chẳng hư dối, con sẽ cung kính lãnh thọ, ví như kim cương châu báu vật lạ. Như lời Phật dạy, các vị Tỳ-kheo này phải nương vào bốn pháp. Những gì là bốn? Đó là y pháp chẳng y người, y nghĩa chẳng y lời, y trí chẳng y thức, y kinh liễu nghĩa chẳng y kinh chẳng liễu nghĩa. Bốn pháp như vậy cần phải chứng biết, chẳng phải bốn hạng người.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Y pháp tức là Đại Bát Niết Bàn của Như Lai. Tất cả pháp Phật tức là pháp tánh. Pháp tánh này tức là Như Lai. Vậy nên Như Lai thường trụ bất kiến. Nếu có người lại nói, Như Lai vô thường, thì người này chẳng biết, chẳng thấy pháp tánh. Nếu người chẳng biết, chẳng thấy pháp tánh thì chẳng nên nương tựa. Như trên đã nói, bốn hạng người ra đời hộ trì pháp cần phải chứng biết mà nương tựa. Vì sao? Vì người này giỏi lý giải tạng vi mật thâm diệu của Như Lai, có thể biết Như Lai thường trụ bất biến. Nếu họ nói rằng, Như Lai vô thường biến dịch thì đó là điều không có. Bốn hạng người như vậy tức là Như Lai. Vì sao? Vì người này có thể lý giải mật ngữ của Như Lai và có thể diễn nói. Nếu người nào có thể biết rõ mật tạng thâm diệu của Như Lai và biết Như Lai thường trụ bất biến thì người như vậy

nếu vì lợi dưỡng mà nói Như Lai vô thường biến dịch thì đó là điều không có. Người như vậy còn có thể nương tựa, hưởng gì chẳng nương tựa bốn hạng người đó. Y pháp tức là pháp tánh, chẳng y nhân tức là Thanh văn. Pháp tánh tức là Như Lai, Thanh văn tức là hữu vi. Như Lai tức là thường trụ, hữu vi tức là vô thường. Này thiện nam! Nếu người phá giới vì lợi dưỡng nên nói, Như Lai vô thường biến dịch thì người như vậy chẳng nên nương tựa. Này thiện nam! Đó gọi là định nghĩa.

Y nghĩa chẳng y lời: Chữ nghĩa là biết rõ. Biết rõ nghĩa thì gọi là chẳng thiếu sót. Chẳng thiếu sót thì gọi đủ đầy. Đủ đầy nghĩa thì gọi là Như Lai thường trụ, bất biến. Nghĩa Như Lai thường trụ, bất biến tức là Pháp thường trụ. Nghĩa Pháp thường trụ tức là nghĩa Tăng thường trụ. Đó gọi là y nghĩa chẳng y lời. Những ngôn ngữ gì mà chẳng nên y? Đó là văn từ traу chuốt của các luận. Như Phật đã nói ở vô lượng kinh, nào là tham cầu không chán, gian xảo, dua nịnh, trá hiện gần gũi, hiện tướng cầu lợi, thường đến nhà thế tục và vì họ làm việc. Lại nữa, còn xướng lên rằng, Phật cho phép Tỳ-kheo nuôi chứa những nô tỳ, vật bất tịnh, vàng bạc châu báu, lúa gạo, kho lẫm, bò dê voi ngựa, buôn bán cầu lợi v.v... Ở đời đói kém vì thương xót đệ tử nên lại cho phép các Tỳ-kheo tích trữ qua đêm, tay tự tạo ra cái ăn v.v... Những lời như vậy chẳng nên nương tựa.

Y trí chẳng y thức: Nói trí tức là Như Lai. Nếu có Thanh văn chẳng thể biết rõ công đức của Như Lai thì đó là thức chẳng nên nương tựa. Nếu biết Như Lai tức là pháp thân thì như vậy là chân trí, nên nương tựa. Nếu thấy thân phương tiện của Như Lai mà nói rằng chính là ẩm, giới, các nhập do thân tóm lấy ăn uống mà nuôi lớn thì cũng chẳng nên nương tựa. Vậy nên biết thức chẳng nên nương tựa. Nếu lại có người nói lời nói đó và kinh sách chép lời ấy thì cũng chẳng nên nương tựa.

Y kinh liễu nghĩa chẳng y kinh chẳng liễu nghĩa: Kinh chẳng liễu nghĩa là gọi Thanh văn thừa. Thanh văn nghe tạng thâm mật của Như Lai thì phát sinh nghi hoặc quái lạ, chẳng biết tạng này phát ra biển đại trí giống như trẻ con không có sự phân biệt hiểu biết. Đó gọi là chẳng liễu nghĩa. Liễu nghĩa thì gọi là trí tuệ chân thật của Bồ-tát, tự tâm Bồ-tát ấy ẩn giấu đại trí vô ngại, giống như bậc đại nhân không gì chẳng

biết. Đó gọi là liễu nghĩa. Lại nữa, Thanh văn thừa gọi là chẳng liễu nghĩa, Đại thừa vô thượng mới gọi là liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Như Lai vô thường, biến dịch thì gọi là chẳng liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Như Lai thường trụ, chẳng biến dịch thì đó gọi là liễu nghĩa. Chứng biết lời nói của Thanh văn thì gọi là chẳng liễu nghĩa. Nếu chứng biết lời nói của Bồ-tát thì gọi là liễu nghĩa. Nếu nói rằng, thức ăn đã nuôi lớn Như Lai là chẳng liễu nghĩa. Nếu nói rằng, thường trụ chẳng biến dịch thì đó gọi là liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Như Lai vào Niết-bàn như củi hết lửa tắt thì gọi là chẳng liễu nghĩa. Nếu nói rằng, Như Lai vào pháp tánh thì đó gọi là liễu nghĩa. Pháp của Thanh văn thừa thì chẳng nên nương tựa. Vì sao? Vì Như Lai muốn độ chúng sinh nên dùng sức phương tiện nói Thanh văn thừa, giống như ông trưởng giả dạy cho con “nửa chữ”. Này thiện nam! Thanh văn thừa thì giống như mới cày đất, chưa được kết quả. Như vậy gọi là chẳng liễu nghĩa. Vậy chẳng nên nương tựa vào Thanh văn thừa, còn pháp Đại thừa thì nên nương dựa. Vì sao? Vì Như Lai muốn độ chúng sinh nên dùng lực phương tiện nói về Đại thừa. Vậy nên nương tựa, đó gọi là liễu nghĩa. Bốn chỗ nương tựa như vậy cần phải chứng biết.

Lại nữa, nương tựa nghĩa thì nghĩa là chất trực. Chất trực gọi là quang minh. Quang minh gọi là chẳng thiếu sót. Chẳng thiếu sót gọi là Như Lai. Lại nữa, quang minh gọi là trí tuệ. Chất trực gọi là thường trụ.

Như Lai thường trụ gọi là y pháp. Pháp gọi là thường trụ, cũng gọi là vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nắm giữ, chẳng thể trói buộc mà cũng có thể chứng đắc. Nếu có người nói chẳng thể chứng đắc thì người như vậy chẳng nên nương tựa. Vậy nên nương tựa pháp chẳng nương tựa người. Nếu lại có người dùng lời nói vi diệu tuyên nói về vô thường, thì lời nói như vậy chẳng nên nương tựa. Vậy nên nương tựa nghĩa chẳng nương tựa lời nói, nương tựa trí thì chúng Tăng là thường trụ, vô vi, chẳng biến dịch, chẳng nhận chứa tám thứ vật bất tịnh. Vậy nên nương tựa trí chẳng nương tựa thức. Có người nói rằng, thức tạo ra, thức thụ hưởng nên không có hòa hợp tăng. Vì sao? Vì phàm là hòa hợp thì không sở hữu, mà không sở hữu thì sao gọi là thường trụ. Vậy nên thức này chẳng thể nương tựa.

Y liễu nghĩa: Liễu nghĩa gọi là tri túc, nhất định chẳng giả hiện

oai nghi thanh bạch, chẳng kiêu mạn, tự cao, tham cầu lợi dưỡng, cũng ở trong phương tiện tùy nghi nói pháp của Như Lai, chẳng sinh ra chấp trước. Đó gọi là liễu nghĩa. Nếu có người có thể trụ ở trong sự nói pháp của Như Lai như vậy thì phải biết người này đã được trụ ở đệ nhất nghĩa. Vậy nên gọi là y kinh liễu nghĩa, chẳng y kinh chẳng liễu nghĩa.

Chẳng liễu nghĩa thì như trong kinh nói, tất cả đốt cháy, tất cả vô thường, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả vô ngã. Đó gọi là chẳng liễu nghĩa. Vì sao? Vì chẳng thể liễu nghĩa như vậy nên khiến cho các chúng sinh đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao? Vì thủ trước nên đối với nghĩa chẳng rõ. Tất cả bùng cháy là, Như Lai nói Niết-bàn cũng bùng cháy. Tất cả vô thường thì Niết-bàn cũng vô thường; khổ, không, vô ngã cũng như vậy. Vậy nên gọi là kinh chẳng liễu nghĩa, chẳng nên nương tựa.

Này thiện nam! Hoặc có người nói rằng, Như Lai thương xót tất cả chúng sinh, khéo biết lúc tùy nghi. Do biết lúc tùy nghi nên Như Lai nói khinh là trọng, nói trọng là khinh. Như Lai quan sát biết đệ tử của mình, có những đàn-việt cung cấp những điều cần dùng, khiến cho không thiếu thốn, thì đối với những người như vậy, Đức Phật không cho phép nhận chứa nê tỳ, vàng bạc, của báu, buôn bán, trao đổi những vật bất tịnh v.v... Nếu các đệ tử không có đàn-việt cung cấp những sự cần dùng, gặp đời đói kém, thức ăn thức uống khó được, thì vì muốn kiến lập hộ trì chánh pháp nên cho phép đệ tử nhận nuôi nê tỳ, vàng bạc, xe cộ, điền Trạch, lúa gạo, buôn bán những điều cần dùng. Tuy cho phép nhận chứa những vật như vậy, nhưng cần phải bố thí cho những đàn-việt dốc lòng tin Tam bảo. Đối với bốn pháp như vậy thì nên nương tựa. Nếu có Giới luật, A-tỳ-đàm, Tu-đa-la chẳng trái với bốn pháp này thì cũng nên nương tựa. Nếu có người nói rằng, có lúc, hay chẳng phải có lúc, có thể hộ pháp hay chẳng thể hộ pháp, Như Lai đều cho phép tất cả Tỳ-kheo nhận chứa những vật bất tịnh như vậy, thì lời nói như thế chẳng nên nương tựa. Nếu trong Giới luật, A-tỳ-đàm, Tu-đa-la này có điều đồng với lời nói đó thì đối với ba thứ ấy cũng chẳng nên nương tựa vào. Ta vì các chúng sinh mất thệ mà nói bốn pháp nương tựa này, nhất định chẳng nói cho kẻ có mắt tuệ. Vậy nay Ta nói bốn pháp nương tựa đó. Pháp tức là pháp tánh, nghĩa tức là Như

Lai thường trụ bất biến, trí là biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, liễu nghĩa là thấu đạt tất cả kinh điển Đại thừa.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VII

Phẩm 9: TÀ CHÁNH

Bấy giờ, Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đối với bốn hạng người như đã nói trên cần phải nương tựa không?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đây thiện nam! Đúng như lời Ta đã nói, cần phải nương tựa. Vì sao? Vì có bốn loại ma. Những gì là bốn? Như lời nói của ma thì các kinh luật khác có thể thọ trì.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, có bốn thứ ma thì lời nói của ma và lời nói của Phật con làm sao mà phân biệt được? Có những chúng sinh theo hạnh của ma, lại có chúng sinh thuận theo lời dạy của Đức Phật. Những hạng như vậy làm sao biết được?

Đức Phật dạy:

–Đây Ca-diếp! Sau khi Ta vào Niết-bàn bảy trăm năm thì ma Ba-tuần dần dần sẽ hủy hoại, nhiễu loạn chánh pháp của Ta. Ví như người thợ săn thân mặc pháp phục, Ma vương Ba-tuần cũng như vậy, hóa làm hình dáng Tỳ-kheo, hình dáng Tỳ-kheo-ni, hình dáng Ưu-bà-tắc, hình dáng Ưu-bà-di, cũng hóa làm thân Tu-đà-hoàn cho đến hóa làm thân A-la-hán và sắc thân của Phật. Ma vương dùng hình tướng hữu lậu này hóa làm thân vô lậu mà hủy hoại chánh pháp của Ta. Khi ma Ba-tuần này hủy hoại chánh pháp thì sẽ nói: “Đức Bồ-tát khi xưa ở trên cõi trời Đâu-suất mất đi, hiện đến cung vua Bạch Tịnh tại thành Ca-tỳ-la này, nương vào cái nhân ái dục hòa hợp của cha mẹ mà sinh ra, nuôi lớn thân này. Nếu nói rằng, có người sinh ra trong loài người mà được đại chúng trời, người trong các thế gian cung kính thì đó là

điều không có”. Lại nữa, còn nói: “Thuở xưa đức Bồ-tát khổ hạnh, bố thí đủ thứ, nào là đầu, mắt, não, tủy, đất nước, thành quách, vợ con, nên hôm nay được thành Phật đạo. Do nhân duyên này nên được sự cung kính của hàng trời, người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già”. Nếu có kinh luật nói lời nói này thì ông phải biết đó là lời nói của ma.

Này thiện nam! Có kinh luật nói lời như vậy: “Đức Như Lai Chánh Giác thành Phật đã lâu, nay Như Lai dùng phương tiện thị hiện thành Phật là vì muốn độ thoát các chúng sinh, Như Lai thị hiện có cha mẹ nương vào nhân ái dục hòa hợp mà sinh ra là thuận theo thế gian mà thị hiện như vậy”. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết, đó quả thật là lời nói của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì đó là Bồ-tát.

Hoặc có thuyết nói: Lúc Như Lai ra đời, đối với mười phương mỗi phương đều đi bảy bước thì không nên tin, đó là lời nói của ma. Hoặc có người lại nói: Như Lai ra đời, đối với mười phương mỗi phương đều đi bảy bước, đó là phương tiện thị hiện của Như Lai, thì đó gọi là lời mà kinh luật của Như Lai đã nói. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật tức là Bồ-tát. Hoặc có người nói rằng, Bồ-tát sinh ra rồi vua cha sai người đem đến miếu thờ trời, chư Thiên thấy rồi đều sụp xuống lễ kính, vậy nên gọi là Phật. Lại có người đặt ra vấn đề: Trời xuất hiện trước, Phật ở sau, vậy tại sao chư Thiên lễ kính đối với Phật? Kẻ đặt ra vấn đề đó thì ông phải biết đó là ma Ba-tuần.

Hoặc có kinh nói: Phật đến miếu thờ trời thì chư Thiên, Ma-hê-thủ-la, Đại Phạm Thiên vương, Thích-đề-hoàn-nhân v.v... đều chấp tay cung kính làm lễ dưới chân Phật, kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì đó là Bồ-tát.

Hoặc có kinh luật nói: Bồ-tát khi làm Thái tử, vì tâm dục nên cưới vợ khắp bốn phương để tại thâm cung thọ hưởng năm dục lạc. Kinh luật nói như vậy là lời nói của ma Ba-tuần.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát từ lâu đã lìa bỏ tâm dục, vợ con, quyến thuộc, cho đến bỏ sự thọ hưởng năm dục thượng diệu của trời Ba Mười Ba như nhổ bỏ nước bọt, huống gì là dục của loài người. Bồ-tát cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo. Kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo kinh luật của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo kinh luật của Phật thì đó là Bồ-tát.

Hoặc có thuyết nói: Đức Phật ở Tinh xá Kỳ-đà tại nước Xá-vệ, cho phép các Tỳ-kheo nhận chứa nô tỳ, người sai khiến, bò dê, voi ngựa, lừa la, gà heo, mèo chó, vàng bạc, lưu ly, chân châu, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, kha cụ, bích ngọc, nổi chỗ bằng đồng sắt, mâm đồng lớn nhỏ v.v... những vật cần dùng, cày ruộng, gieo trồng, buôn bán, trao đổi, tích trữ lúa gạo v.v..., mọi việc như vậy là do Đức Phật từ bi thương xót chúng sinh nên đã cho phép gom chứa. Kinh luật nói như vậy đều chính là ma nói.

Hoặc có thuyết nói: Đức Phật ở chỗ của quỷ Na-lê-lâu tại Tinh xá Kỳ-đà nước Xá-vệ, bấy giờ Đức Như Lai nhân có Bà-la-môn tự là Cổ-đê-đức và vua Ba-tư-nặc, Ngài nói: “Này Tỳ-kheo! Chẳng nên thọ nhận cất chứa vàng bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, kha cụ, bích ngọc, nô tỳ, người sai khiến, đồng nam, đồng nữ, bò dê, voi ngựa, lừa la, heo gà, mèo chó v.v... nổi chỗ bằng đồng sắt, mâm đồng lớn nhỏ, đủ loại màu sắc, giường nằm, đồ cần dùng trong cuộc sống, nào là nhà cửa, ruộng cày, cây trồng, buôn bán, trao đổi, tự tay làm ra thức ăn, tự mài dũa, tự đâm giã, chú thuật sửa trị thân, phương pháp điều phục chim ưng, ngược xem tinh tú, đoán vận thịnh suy, xem tướng nam nữ, giải mộng cát hung, là nam, là nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, có sáu mươi bốn khả năng, lại có mười tám thứ chú thuật mê hoặc người, đủ thứ nghề khéo, hoặc nói vô lượng việc tục của thế gian, sắm các loại hương, hương bột, hương xoa, hương xông, đủ loại vòng hoa cài tóc, phương thuật sửa tóc, gian nguy, đua nịnh quanh co, tham lợi không chán, ưa thích náo nhiệt, nói năng cười giỡn, ham thích thịt cá, hòa hợp độc dược, xông ướp dầu thơm, che lọng báu, đi giày da, chế tạo quạt, tủ, hòm, đủ thứ hình vẽ, gom chứa lúa gạo, đậu mì lớn nhỏ và những quả trái, gần gũi quốc vương, con vua,

đại thần và các nữ nhân, lớn tiếng cả cười hoặc lại lặng thinh, ở trong các pháp sinh ra nhiều nghi hoặc, nói nhiều, nói dài ngắn, đẹp xấu, thiện hay chẳng thiện, ưa mặc áo đẹp v.v... đủ những thứ bất tịnh như vậy. Ở trước thí chủ, cúi mình khen ngợi, du hành ra vào những chỗ bất tịnh như là quán rượu, nhà dâm nữ, sòng bạc v.v... Những hạng người như vậy Ta nay chẳng cho phép ở trong hàng Tỳ-kheo, cần phải ngưng tu đạo trở về làm người sai việc của thế tục, ví như cỏ lông vược, bông kê đều diệt, không còn”. Phải biết kinh luật mà cấm chế như thế chính là lời nói của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ-tát.

Hoặc có thuyết nói: Đức Bồ-tát muốn cúng dường thiên thần nên vào miếu thờ trời như là nơi thờ trời Phạm, trời Đại Tự Tại, trời Vi-đà, trời Ca-chiên-diên, nhưng sở dĩ vào đó là vì Bồ-tát muốn điều phục chư Thiên. Nếu nói chẳng phải vậy thì đó là điều không có. Hoặc nói rằng, Bồ-tát chẳng thể vào chỗ tà luận ngoại đạo, nhưng biết được oai nghi, văn chương, kỹ nghệ của tà luận ấy, kẻ tôi tớ tranh cãi chẳng hòa hợp, chẳng được sự cung kính của nam, nữ, quốc vương, đại thần, lại cũng chẳng biết điều chế các thảo dược, vì chẳng biết nên mới gọi là Như Lai, nhưng người biết ấy chính là hạng tà kiến. Lại nữa, Như Lai đối với kẻ oán, người thân lòng luôn bình đẳng, như đối với người dùng dao cắt và người dùng hương xoa thân mà chẳng sinh tâm tăng ích tổn giảm, chỉ bình thản nên gọi là Như Lai. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết đó là lời nói của ma.

Hoặc có thuyết nói: Bồ-tát thị hiện như vậy, vào miếu thờ trời, vào trong pháp ngoại đạo xuất gia tu đạo, thị hiện biết những oai nghi, lễ tiết ấy, có thể hiểu được tất cả văn chương, kỹ nghệ, thị hiện vào thư viện, chỗ kỹ xảo, có thể giải hòa hợp những kẻ nô bộc tranh cãi. Ở trong các đại chúng, đồng nam, đồng nữ, phi hậu của hậu cung, muôn dân, trưởng giả, Bà-la-môn, quốc vương, đại thần và kẻ bần cùng v.v... Bồ-tát là tối tôn, tối thượng. Bồ-tát lại được sự cung kính của những người đó. Bồ-tát cũng có thể thị hiện những hạng người như vậy. Bồ-tát tuy có các kiến giải nhưng chẳng sinh tâm ái, giống như hoa sen chẳng dính trần cấu. Vì độ tất cả các chúng sinh nên Bồ-tát giải hành đủ thứ

phương tiện như vậy để thuận theo pháp của thế gian. Kinh luật nói như vậy thì ông phải biết đó tức là lời nói của Như Lai. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì đó là Bồ-tát.

Hoặc có người nói: Đức Như Lai vì tôi mà giải nói kinh luật, nếu tội nặng, nhẹ trong pháp ác và Thâu-lan-giá thì tánh của chúng đều nặng. Còn trong luật của chúng tôi nhất định chẳng phải thế. Tôi từ lâu đã nhận thọ pháp như vậy mà các ông chẳng tin thì tôi sao phải tự bỏ luật của mình theo luật các ông? Luật của ông là lời nói của ma. Kinh luật của chúng tôi chính là Đức Phật đã chế ra. Đức Như Lai trước đã nói chín bộ pháp ấn. Chín ấn như vậy ấn chứng kinh luận của tôi mà từ đầu chẳng nghe có một chữ, một câu của kinh điển Phương Đẳng. Đức Như Lai đã nói vô lượng kinh luật mà chỗ nào có nói đến kinh Phương Đẳng đâu? Như vậy ở trong đó chưa từng nghe có tên mười bộ kinh. Như trong ấy có thì phải biết, nhất định là sự tạo tác của ông Điều-đạt. Điều-đạt là người ác, vì muốn tiêu diệt pháp thiện nên tạo ra kinh Phương Đẳng, chúng tôi chẳng tin. Như vậy kinh Phương Đẳng chính là lời nói của ma. Vì sao? Vì phá hoại tướng pháp Phật, là điều sai quấy. Lời nói như vậy trong kinh của ông có, trong kinh của tôi không. Trong kinh luật của tôi Đức Như Lai nói rằng, sau khi Ta Niết-bàn, ở đời ác sẽ có kinh luật bất chính như là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, ở đời vị lai sẽ có những Tỳ-kheo ác như vậy. Ta lại nói rằng, vượt qua chín bộ loại kinh có kinh điển Phương Đẳng. Nếu có người có thể biết rõ nghĩa của kinh ấy thì phải biết người đó biết rõ chân chính kinh luật, xa lìa lìa tất cả vật bất tịnh, thanh tịnh vi diệu giống như vầng trăng tròn đầy. Nếu có người nói rằng, Như Lai tuy vì mỗi một bộ kinh luật điển nói nghĩa vị nhiều như cát sông Hằng nhưng trong luật của tôi không có thì phải biết là không. Như kinh ấy có thì tại sao Đức Như Lai ở trong luật của tôi không giải nói. Vậy tôi nay chẳng thể tin thọ. Ông phải biết là người ấy bị mắc tội. Người ấy lại nói rằng, kinh luật như vậy tôi phải thọ trì. Vì sao? Vì kinh sẽ vì tôi tạo tác cái nhân pháp thiện tri túc, thiếu dục, trừ phiền não, trí tuệ, Niết-bàn. Người nói như vậy thì chẳng phải là đệ tử của Phật.

Hoặc có thuyết nói: Đức Như Lai vì muốn độ chúng sinh nên nói

kinh Phương Đẳng thì phải biết người này thật là đệ tử của Ta. Nếu có người chẳng thọ kinh Phương Đẳng thì phải biết người này chẳng phải là đệ tử của Ta, chẳng vì pháp Phật mà xuất gia, tức là đệ tử của tà kiến ngoại đạo. Kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật, nếu chẳng như vậy tức là lời nói của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì đó là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người nói rằng, Đức Như Lai chẳng được thành tựu vô lượng công đức vì là vô thường, biến dịch mà chỉ được pháp không nên tuyên nói vô ngã, chẳng thuận theo thế gian. Kinh luật như vậy gọi là lời nói của ma.

Hoặc có người nói, Như Lai Chánh Giác chẳng thể nghĩ bàn, cũng thành tựu vô lượng vô số công đức. Vậy nên Như Lai thường trụ, không có biến dịch. Kinh luật nói như vậy chính là lời nói của Phật. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì đó là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời nói của Phật thì tức là Bồ-tát.

Lại nữa, có người nói rằng, có Tỳ-kheo thật chẳng hủy phạm tội Ba-la-di mà mọi người đều cho là phạm Ba-la-di như chặt cây Đa-la, thì Tỳ-kheo này thật ra không có phạm điều gì. Vì sao? Vì Ta thường nói rằng, bốn Ba-la-di nếu phạm một tội thì giống như chẻ đá, chẳng thể hợp trở lại được. Nếu có người tự nói đã đắc pháp quá nhân thì gọi là phạm Ba-la-di. Vì sao? Vì thật không có sở đắc mà trá hiện tướng đắc. Người như vậy là thoát mất pháp của loài người. Đó gọi là Ba-la-di. Chẳng hạn như, hoặc có vị Tỳ-kheo thiếu dục, tri túc, trì giới thanh tịnh, trụ ở chỗ thanh vắng mà nếu vua, đại thần thấy vị Tỳ-kheo này lòng phát sinh ý nghĩ cho rằng đã được A-la-hán, liền ở trước vị ấy khen ngợi, cung kính, lễ bái. Họ lại nói: “Như vậy đại sư bỏ thân này rồi thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Vị Tỳ-kheo nghe rồi liền tâu với vua: “Tôi thật chưa được đạo quả Sa-môn, nhà vua chớ nói là tôi đã được đạo quả. Nguyên xin đại vương chớ vì tôi nói pháp chẳng tri túc. Người chẳng tri túc thì thậm chí được người cho là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều mặc nhiên mà thọ nhận. Tôi nay nếu mặc nhiên nhận lấy thì sẽ bị chư Phật quả trách. Hạnh tri túc chư Phật đều khen ngợi. Vậy nên tôi muốn trọn đời vui sống phụng tu

tri túc. Lại nữa, tri túc thì tôi nhất định tự biết mình chưa được đạo quả. Nhà vua cho là tôi được, tôi nay chẳng nhận lấy nên gọi là tri túc”. Vị vua đáp: “Đại sư quả thật đã được quả A-la-hán như Đức Phật không khác”. Bấy giờ, vị vua ấy tuyên cáo khắp trong ngoài dân chúng và hậu phi trong cung khiến cho họ đều biết vị Tỳ-kheo được quả diệu môn. Vậy nên khiến cho tất cả người nghe lòng sinh tin kính, cúng dường tôn trọng. Như vậy vị Tỳ-kheo này chân thật là người tịnh tu phạm hạnh. Do nhân duyên này khiến cho khắp mọi người được phước đức lớn mà vị Tỳ-kheo này chẳng hủ phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì người ta tự sinh lòng hoan hỷ trước rồi khen ngợi cúng dường. Tỳ-kheo như vậy sẽ có tội gì? Nếu có thuyết nói rằng, người đó đắc tội thì phải biết lời này là lời nói của ma.

Lại có vị Tỳ-kheo nói kinh điển sâu xa bí mật của Phật là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Do tánh ấy nên đoạn được vô lượng ức những phiền não kết, liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trừ Nhất-xiển-đề. Nếu vua, đại thần hỏi như vậy: “Này Tỳ-kheo! Ông sẽ thành Phật hay chẳng thành Phật? Ông có Phật tánh không?”. Vị Tỳ-kheo đáp: “Ta nay trong thân nhất định có Phật tánh! Còn thành hay chẳng thành thì chưa có thể phán xét được”. Nhà vua nói: “Thưa Đại đức! Như người chẳng là Nhất-xiển-đề thì ắt thành, không nghi hoặc”. Vị Tỳ-kheo nói: “Người ấy quả thật như nhà người nói. Người này tuy nói nhất định có Phật tánh mà cũng lại chẳng phạm tội Ba-la-di”. Lại có vị Tỳ-kheo khi vừa xuất gia đã suy nghĩ: “Ta nay nhất định thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Người như vậy tuy chưa được thành đạo quả vô thượng nhưng đã làm được phước vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể. Giả sử có người nói rằng, người này mà phạm Ba-la-di, thì tất cả Tỳ-kheo không ai chẳng phạm. Vì sao? Vì như Ta ở tám mươi ức kiếp thuở xưa thường xa lìa tất cả vật bất tịnh, thiếu dục, tri túc, thành tựu oai nghi, giỏi tu pháp tạng vô thượng của Như Lai, cũng tự nhất định biết bản thân có Phật tánh. Vậy nên Ta nay thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được gọi là Phật, có đại từ bi. Kinh luật như vậy là lời nói của Phật. Nếu có người chẳng thể thuận theo lời đó thì tức là quyến thuộc của ma. Nếu có người có thể thuận theo thì chính là Đại Bồ-tát.

Lại có thuyết nói rằng, không có bốn Ba-la-di, mười ba Tăng tàn, hai pháp Bất định, ba mươi Xả đọa, chín mươi mốt pháp Đọa, bốn pháp Sám hối, các pháp Chúng học, bảy Diệt tránh, không có tội Thâu-lan-giá, tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề v.v... vì nếu có thì Tỳ-kheo phạm những điều như vậy mà đọa vào địa ngục, thì người ngoại đạo đều nên sinh lên trời. Vì sao? Vì những kẻ ngoại đạo không có giới để phạm. Đây là Đức Như Lai thị hiện khủng bố con người nên nói ra giới ấy thôi. Hoặc nói rằng, Đức Phật dạy: “Các Tỳ-kheo của Ta, nếu muốn hành dâm thì nên bỏ pháp phục, mặc quần áo thế tục, rồi sau đó mới hành dâm. Lại nên sinh ý niệm là nhân duyên dâm dục chẳng phải tội lỗi của ta”. Đức Như Lai tại thế cũng có Tỳ-kheo quen làm dâm dục vẫn được chánh giải thoát, hoặc sau khi mạng chung sinh lên cõi trời. Xưa nay có người làm những việc đó chứ chẳng phải riêng một mình ta làm, hoặc phạm bốn trọng cấm, hoặc phạm năm giới, hoặc làm tất cả luật nghi bất tịnh mà vẫn được đầy đủ giải thoát chân chính. Đức Như Lai tuy nói phạm Đột-kiết-la thì đọa tại địa ngục tám trăm vạn năm tính theo năm tháng của trời Đạo-lợi. Đó cũng là Đức Như Lai thị hiện khủng bố con người thôi. Nói rằng, từ Ba-la-di đến Đột-kiết-la nặng nhẹ không sai khác chỉ là các luật sư đối đặt ra lời nói này. Nói rằng, đó chính là Phật chế ra thì nhất định phải biết rằng, chẳng phải là lời nói của Phật. Lời nói như vậy chính là kinh luật của ma. Hoặc lại có thuyết nói rằng, ở trong các giới, nếu phạm giới nhỏ, thậm chí rất nhỏ thì phải chịu khổ báo không có giới hạn. Biết như vậy rồi, phòng hộ thân mình như con rùa giấu sáu chi thể. Hoặc có vị luật sư lại nói rằng, phạm đã phạm giới đều không có tội báo. Người như vậy chẳng nên thân cận, như Đức Phật đã nói:

*Nếu nói sai một pháp
Đó gọi là vọng ngữ
Chẳng thấy ở đời sau
Không ác nào chẳng tạo.*

Vậy chẳng nên gần gũi người này. Trong pháp Phật của Ta thanh tịnh như vậy, sao có người phạm tội Thâu-lan-giá, hoặc phạm Tăng tàn và Ba-la-di mà chẳng phải tội. Vậy nên cần phải tự phòng hộ những pháp như vậy một cách nghiêm ngặt, nếu chẳng thủ hộ thì lại lấy pháp

gì gọi là giới cấm. Ta ở trong kinh cũng nói có phạm bốn Ba-la-di cho đến tội Đột-kiết-la vi tế v.v.... cần phải khổ trị. Chúng sinh nếu chẳng hộ trì giới cấm thì làm sao được thấy Phật tánh. Tất cả chúng sinh tuy có Phật tánh nhưng cần phải nhân trì giới, rồi sau đó mới thấy được. Nhân thấy được Phật tánh mới thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong chín bộ loại kinh điển không có kinh Phương Đẳng, nên chẳng nói có Phật tánh. Kinh tuy chẳng nói nhưng phải biết thật sự là có. Nếu nói được lời nói này thì phải biết người đó chân thật là đệ tử của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trên đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà trong chín bộ loại kinh điển đã chưa từng nghe nói, như nói là có thì sao chẳng phạm Ba-la-di?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng như lời ông nói! Quả thật chẳng phạm tội Ba-la-di. Này thiện nam! Ví như có người nói rằng, biển cả chỉ có bảy báu, không có tám thứ thì người nói đó không có tội. Nếu có thuyết nói rằng, trong chín bộ loại kinh điển không có nói Phật tánh thì cũng lại không có tội. Vì sao? Vì ở trong biển đại trí Đại thừa, Ta nói có Phật tánh. Người của Nhị thừa đã chẳng thấy biết được Phật tánh nên nói không thì không có tội. Cảnh giới như vậy là sự hiểu biết của chư Phật, chẳng phải là sự biết được của Thanh văn, Duyên giác. Này thiện nam! Nếu người chẳng nghe tạng bí mật thâm diệu của Như Lai thì làm sao biết có Phật tánh. Cái gì gọi là tạng bí mật? Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Này thiện nam! Có các ngoại đạo, hoặc nói ngã thường còn, hoặc nói ngã đoạn mất. Như Lai chẳng vậy, cũng nói có ngã, cũng nói không có ngã. Đó gọi là trung đạo. Nếu có người nói, Đức Phật nói trung đạo, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng bị phiền não che phủ nên chẳng biết, chẳng thấy. Vậy cần phải siêng tu phương tiện đoạn hoại phiền não, thì người có thể nói lời như vậy phải biết người đó chẳng phạm bốn trọng cấm. Nếu có người chẳng nói lời như vậy thì đó gọi là phạm Ba-la-di. Hoặc có người nói rằng, ta đã thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì ta có Phật tánh, mà có Phật tánh thì nhất định sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì

nhân duyên đó nên ta nay đã được thành tựu Bồ-đề. Ông phải biết người đó gọi là phạm tội Ba-la-di. Vì sao? Vì tuy có Phật tánh nhưng vì chưa tu tập các phương tiện tốt nên chưa thấy, do chưa thấy nên chẳng thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Do ý nghĩa này nên pháp Phật thâm diệu chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Có vị vua hỏi rằng, sao gọi là Tỳ-kheo rơi vào pháp quá nhân?

Đức Phật bảo Ca-diếp:

–Hoặc có Tỳ-kheo vì lợi dưỡng, vì ăn uống mà làm những việc đua nịnh, gian nguy, dối trá để làm sao khiến cho những người thế gian nhất định phải biết mình là chân khát sĩ. Do nhân duyên đó khiến cho mình được nhiều lợi dưỡng, danh dự. Vị Tỳ-kheo nhiều ngu si như vậy nên luôn luôn nghĩ: Mình thật chưa được bốn quả Sa-môn, phải làm sao khiến cho những người thế gian cho là mình đã được. Lại phải làm sao khiến cho những Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di v.v... đều cùng chỉ mình mà nói như vậy: “Người phước đức này quả thật là Thánh nhân”. Vị Tỳ-kheo này suy nghĩ như vậy mà chuyên vì cầu lợi, chẳng phải vì cầu pháp. Ông ấy đi, lại, vào, ra, tiến, dừng an tường, nắm giữ y bát chẳng mất oai nghi, ngồi riêng một mình ở chỗ thanh vắng như là bậc A-la-hán, khiến cho người thế gian đều nói lên rằng: “Tỳ-kheo như vậy là tốt lành đệ nhất, tinh cần khổ hạnh, tu pháp tịch diệt”. Vị Tỳ-kheo ấy nghĩ: Do nhân duyên này ta sẽ được nhiều môn đồ, đệ tử, mọi người cũng sẽ hết mực cúng dường quần áo, thức ăn, thức uống, đồ nằm, thuốc thang khiến cho nhiều nữ nhân kính trọng, ái niệm. Nếu có Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni làm những việc như vậy thì rơi vào pháp quá nhân. Lại có Tỳ-kheo vì muốn kiến lập chánh pháp vô thượng, trụ ở chỗ thanh vắng, chẳng phải A-la-hán mà muốn khiến cho mọi người gọi là A-la-hán, là Tỳ-kheo tốt, là Tỳ-kheo thiện, là Tỳ-kheo tịch tĩnh, khiến cho vô lượng người sinh lòng tin. Do nhân duyên này vị Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng ta được vô lượng các Tỳ-kheo nhận làm quyến thuộc. Nhân đó được dạy bảo Tỳ-kheo phá giới và Ưu-bà-tắc đều khiến cho họ trì giới. Do nhân duyên ấy kiến lập chánh pháp làm sáng tỏ đại nghĩa vô thượng của Như Lai, mở bày pháp hóa Đại Thừa Phương Đẳng, độ

thoát tất cả vô lượng chúng sinh, khéo giải nghĩa kinh trọng của kinh luật mà Như Lai đã dạy. Lại nghĩ rằng, ta nay cũng có Phật tánh, có kinh gọi là Như Lai Bí Tạng. Ở trong kinh đó ta sẽ nhất định thành tựu được Phật đạo, có thể hết vô lượng ức phiền não kết, rộng vì vô lượng những Ưu-bà-tắc nói rằng: Các ông đều có Phật tánh hết. Ta cùng với các ông đều sẽ an trụ ở đất đạo của Như Lai, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, diệt hết vô lượng ức những phiền não kết. Người nói lời nói như thế là người chẳng gọi là rơi vào pháp quá nhân mà gọi là Bồ-tát. Hoặc nói rằng, có người phạm Đột-kiết-la thì đọa vào trong địa ngục tám trăm vạn năm tính theo năm tháng ngày trên trời Đao-lợi, chịu các tội báo, huống gì là phạm tội Thâu-lan-giá? Trong Đại thừa này, nếu có Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá thì chẳng nên thân cận. Những gì gọi là tội Thâu-lan-giá trong kinh Đại Thừa? Giả sử có ông trưởng giả tạo lập Phật tự, đem những vòng hoa cúng dường Phật, có vị Tỳ-kheo thấy sợi tơ trong râu hoa, chẳng hỏi liền lấy thì gọi là Thâu-lan-giá, hoặc biết hay chẳng biết cũng phạm như vậy. Nếu do lòng tham mà phá hoại tháp thờ Phật thì phạm Thâu-lan-giá. Người như vậy chẳng nên thân cận. Hoặc vua, đại thần thấy tháp mục nát, vì muốn tu bổ cúng dường xá lợi mà ở trong tháp này hoặc được đồ châu báu liền đem gởi cho vị Tỳ-kheo. Vị Tỳ-kheo được gởi rồi liền tự ý mà dùng. Tỳ-kheo như vậy gọi là bất tịnh, dấy khởi nhiều tranh cãi, hàng Ưu-bà-tắc tốt chẳng nên gần gũi cúng dường cung kính. Tỳ-kheo như vậy gọi là không căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn. Người bất định căn là khi ham muốn làm thân nữ thì liền làm thân nữ, khi tham muốn làm thân nam thì liền làm thân nam. Tỳ-kheo như vậy gọi là căn ác, chẳng gọi là nam, chẳng gọi là nữ, chẳng gọi là xuất gia, chẳng gọi là tại gia. Tỳ-kheo như vậy chẳng nên thân cận cúng dường cung kính. Pháp Sa-môn ở trong pháp Phật thì nên sinh lòng bi che chở nuôi dưỡng chúng sinh, thậm chí con kiến cũng ban bố cho sự vô úy, đó là pháp Sa-môn. Xa lìa uống rượu cho đến ngửi mùi thơm, đó là pháp Sa-môn. Chẳng được nói dối, thậm chí cả trong giấc mơ chẳng nghĩ đến nói dối, đó là pháp Sa-môn. Chẳng sinh ra lòng dục, thậm chí cả trong mơ cũng như vậy, đó là pháp Sa-môn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có vị Tỳ-kheo nằm mơ thấy hành dâm dục thì đó có phạm giới không?

Đức Phật dạy:

–Chẳng phạm! Nên đối với dâm dục phát sinh tưởng xú uế, cho đến chẳng phát sinh một ý tưởng tịnh, xa lìa tưởng ái phiền não về nữ nhân. Nếu trong mơ thấy mình hành dâm thì khi thức dậy nên sinh hối hận. Khi Tỳ-kheo xin ăn, nhận đồ cúng dường thì nên tưởng như là gặp thời đói phải ăn thịt con. Nếu phát sinh ý dâm dục thì nên mau lìa bỏ. Pháp môn như vậy thì phải biết chính là kinh luật của Phật đã nói. Nếu có người thuận theo lời nói của ma thì chính là quyến thuộc của ma. Nếu có người thuận theo lời Phật dạy thì đó gọi là Bồ-tát. Nếu có người nói rằng, Phật cho phép Tỳ-kheo luôn kiễng một chân, lạng yên chẳng nói, gieo xuống vực, lao vào lửa, tự rơi từ núi cao, chẳng tránh hiểm nạn, uống độc, nhịn ăn, nằm trên đất tro, tự trói chân tay, giết hại chúng sinh theo phương thức chú thuật; con của Chiên-đà-la, không cắn, hai cắn và bất định cắn, thân cắn chẳng đủ, những hạng như vậy Như Lai đều cho phép xuất gia tu đạo thì đó gọi là ma nói. Phật trước đã cho phép ăn năm vị sữa của bò và cả dầu, mật, mặc áo kiêu xa da, mang giày da v.v... Ngoài ra, còn có thuyết nói rằng, Phật cho phép mặc áo Ma-ha-lăng-già, tất cả hạt giống đều cho phép tích trữ, những thứ thuộc cỏ cây đều có thọ mạng. Phật nói thế rồi liền vào Niết-bàn. Nếu có kinh luật nói những lời nói đó thì phải biết chính là lời nói của ma. Ta cũng chẳng cho phép luôn kiễng lên một chân, hoặc vì pháp mà cho phép đi, đứng, nằm, ngồi. Ta lại cũng chẳng cho phép uống độc, nhịn ăn, dùng năm thứ lửa nóng đốt thân, trói buộc chân tay, giết hại chúng sinh, học phương thức chú thuật; kha cụ, ngà voi dùng làm giày da, tích trữ hạt giống, cỏ cây có mạng sống, mặc Ma-ha-lăng-già. Nếu nói rằng, Thế Tôn nói lời như vậy thì phải biết đó là lời nói của quyến thuộc ngoại đạo, chẳng phải là đệ tử của Ta. Ta chỉ cho phép ăn năm thứ vị của sữa bò và dầu, mật v.v..., cho phép mang giày da, mặc áo Kiêu-xà-da. Ta nói bốn đại không có thọ mạng. Nếu có kinh luật nói những việc đó thì đó gọi là Phật nói. Nếu có người thuận theo lời dạy thì phải biết đó là đệ tử chân chính của Ta. Nếu có người chẳng thuận theo lời dạy của Phật thì đó là quyến thuộc của ma. Nếu có người tùy

thuận kinh luật của Phật thì phải biết người đó là Đại Bồ-tát. Nay thiện nam! Tướng sai khác của lời ma, lời Phật, hôm nay Ta đã vì người rộng rãi tuyên nói, phân biệt rồi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con mới biết được tướng sai khác của lời ma, lời Phật. Nhân đó con được vào nghĩa sâu của pháp Phật.

Đức Phật khen Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông có thể phân biệt hiểu rõ như vậy thì đó gọi là thông tuệ.

*
**

Phẩm 10: TỨ ĐẾ

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Cái nói rằng khổ thì chẳng gọi là khổ Thánh đế. Vì sao? Vì nếu nói rằng khổ là khổ Thánh đế thì tất cả loài súc sinh và chúng sinh của địa ngục nên có Thánh đế. Nay thiện nam! Nếu lại có người chẳng biết cảnh giới thâm diệu và pháp thân vi mật thường trụ bất biến của Như Lai mà cho là thân tạp thực, chẳng phải là pháp thân, chẳng biết uy lực đạo đức của Như Lai thì đó gọi là khổ. Vì sao? Vì chẳng biết nên pháp thấy là phi pháp, phi pháp thấy là pháp. Ông phải biết người này nhất định rơi vào đường ác, lưu chuyển trong sinh tử, thêm lớn các kết, chịu nhiều khổ não. Nếu có người có thể biết Như Lai thường trụ, không có biến dịch, hoặc nghe âm thanh hai chữ thường trụ một lần qua tai như vậy thì liền sinh lên trời. Rồi sau khi giải thoát mới có thể chứng biết Như Lai thường trụ, không có biến dịch. Đã chứng biết rồi mà người đó nói rằng, ta vào thuở xưa đã từng nghe nghĩa đó, nay được giải thoát mới chứng biết được. Ta ở đời trước do chẳng biết nên sinh tử lưu chuyển, quay vòng không cùng, bắt đầu hôm nay mới được chân trí. Nếu biết như vậy thì quả thật tu khổ được nhiều lợi ích. Nếu chẳng biết thì tuy siêng tu nhưng không lợi ích gì. Đó gọi là biết khổ, gọi là Khổ Thánh đế. Nếu người chẳng thể tu tập như vậy thì đó gọi là khổ, chẳng phải là Khổ Thánh đế. Khổ tập đế là ở trong chân pháp chẳng sinh ra chân trí, nhận vật bất tịnh như là nô tỳ, luôn cho lời phi pháp là chánh

pháp, đoạn diệt chánh pháp chẳng khiến cho trụ thế lâu dài. Do nhân duyên này nên chẳng biết pháp tánh, vì chẳng biết nên luân chuyển sinh tử, chịu nhiều khổ não, chẳng được sinh lên trời và giải thoát chân chính. Nếu có người biết rõ chánh pháp bất hoại, do nhân duyên như vậy được sinh lên cõi trời, cho đến chánh giải thoát. Nếu có người chẳng biết chỗ Khổ tập đế mà nói rằng, chánh pháp không có thường trụ, đều là pháp diệt. Do nhân duyên đó nên ở vô lượng kiếp lưu chuyển sinh tử, chịu những khổ não. Nếu có thể biết pháp thường trụ, chẳng biến dịch thì đó gọi là biết tập, gọi là Tập Thánh đế. Nếu người chẳng thể tu tập như vậy thì đó gọi là tập, chẳng phải là Tập Thánh đế. Khổ diệt đế là nếu có người tu học nhiều pháp không thì đó là bất thiện. Vì sao? Vì diệt tất cả pháp là hoại đến tận chân pháp của Như Lai. Thực hiện sự tu học này thì gọi là tu “Không”. Tu khổ diệt là ngược lại với tất cả những ngoại đạo v.v... Nếu nói rằng, tu “Không” là diệt đế thì tất cả ngoại đạo cũng tu pháp không phải có diệt đế. Hoặc có thuyết nói rằng, có Như Lai tạng, tuy chẳng thể thấy, nhưng nếu có thể diệt trừ tất cả phiền não thì mới được vào. Nếu phát tâm này, chỉ nhân duyên một niệm, thì đối với các pháp được tự tại. Nếu có người tu tập mật tạng của Như Lai, không tịch vô ngã thì người như vậy ở vô lượng đời ở trong sinh tử lưu chuyển thọ khổ. Nếu có người chẳng thực hiện sự tu tập như vậy thì tuy có phiền não nhưng có thể mau chóng diệt trừ. Vì sao? Vì biết tận bí mật của Như Lai. Đó gọi là Khổ diệt Thánh đế. Nếu người có thể tu tập diệt như vậy thì chính là đệ tử của Ta. Nếu người chẳng thể thực hiện việc tu như vậy thì đó gọi là tu “Không”, chẳng phải là Diệt Thánh đế. Đạo Thánh đế thì như là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và Chánh giải thoát. Có những chúng sinh lòng điên đảo nói rằng, không có Phật, Pháp, Tăng và Chánh giải thoát, sinh tử lưu chuyển giống như huyễn hóa, nếu tu tập theo sự nhận thức này thì do nhân duyên đó nên luân chuyển trong ba cõi, chịu đại khổ lâu dài. Nếu có thể phát tâm thấy được sự thường trụ không biến đổi của Như Lai và Pháp, Tăng, giải thoát cũng như vậy, rồi theo một niệm này đến vô lượng đời thì quả báo tự tại tùy ý mà được. Vì sao? Vì Ta, vào thuở xa xưa do bốn điên đảo nên chẳng phải pháp mà cho là pháp, chịu vô lượng quả báo nghiệp ác. Ta nay đã diệt được sự nhận

thức như vậy nên thành Phật Chánh Giác. Đó gọi là Đạo Thánh đế. Nếu có người nói rằng, Tam bảo vô thường và tu tập theo sự nhận thức này là tu theo hư vọng, chẳng phải là Đạo Thánh đế. Nếu tu pháp này là thường trụ thì đó là đệ tử của Ta nhận thức chân thật, tu tập bốn pháp Thánh đế. Đó gọi là Bốn Thánh đế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết tu tập bốn pháp Thánh đế sâu xa.

*
**

Phẩm 11: BỐN ĐIÊN ĐẢO

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Gọi bốn điên đảo là, ở trong cái chẳng phải khổ mà sinh tưởng khổ thì gọi là điên đảo. Chẳng phải khổ thì gọi là Như Lai. Sinh ra tưởng khổ thì cho là chư Như Lai vô thường biến dịch. Nếu nói Như Lai là vô thường thì gọi là đại tội khổ. Nếu nói Như Lai bỏ thân khổ này vào Niết-bàn như củi hết lửa tắt thì đó gọi là chẳng phải khổ mà sinh ra tưởng khổ. Đó gọi là điên đảo. Nếu Ta nói rằng, Như Lai thường trụ thì tức là ngã kiến. Do ngã kiến nên có vô lượng tội. Vậy nên cần phải nói Như Lai vô thường. Nói như vậy thì Ta thụ hưởng niềm vui. Như Lai vô thường tức là khổ, mà nếu là khổ thì làm sao sinh ra lạc? Vì ở trong khổ sinh tưởng lạc nên gọi là điên đảo, lạc sinh tưởng khổ nên gọi là điên đảo. Lạc tức là Như Lai, khổ là Như Lai vô thường. Nếu nói Như Lai là vô thường thì đó gọi là trong lạc sinh ra tưởng khổ. Như Lai thường trụ, đó gọi là lạc. Nếu Ta nói rằng, Như Lai là thường trụ thì sao lại được vào Niết-bàn. Nếu nói rằng, Như Lai chẳng phải là khổ thì tại sao xả thân mà chọn lấy diệt độ. Do ở trong lạc mà sinh ra tưởng khổ nên gọi là điên đảo. Đó gọi là điên đảo đầu tiên. Vô thường mà tưởng là thường, thường mà tưởng là vô thường thì đó gọi là điên đảo. Vô thường thì gọi là chẳng tu “không”, chẳng tu “không” nên thọ mạng ngắn ngủi. Nếu có người nói rằng, chẳng tu không tịch, được sống lâu thì đó gọi là điên đảo. Đó gọi là điên đảo thứ hai. Vô ngã mà tưởng ngã, ngã mà tưởng vô ngã, thì đó gọi là điên đảo. Người thế gian

cũng nói có ngã, trong pháp Phật cũng nói có ngã. Người thế gian tuy nói có ngã nhưng không có Phật tánh thì đó gọi là ở trong vô ngã mà sinh ra tưởng ngã. Đó gọi là điên đảo. Pháp Phật có ngã tức là Phật tánh. Người thế gian nói pháp Phật vô ngã, đó gọi là trong ngã sinh ra tưởng vô ngã. Nếu nói rằng, pháp Phật nhất định vô ngã nên Như Lai dạy bảo các đệ tử tu tập vô ngã thì gọi là điên đảo. Đó gọi là điên đảo thứ ba. Tịnh mà tưởng bất tịnh, bất tịnh mà tưởng tịnh thì đó gọi là điên đảo. Tịnh tức là Như Lai thường trụ, chẳng phải thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải là thân thịt, chẳng phải là thân gân xương ràng buộc. Nếu có người nói rằng, Như Lai vô thường là thân tạp thực cho đến thân gân xương ràng buộc và Pháp, Tăng, giải thoát đều là diệt hết thì đó gọi là điên đảo. Bất tịnh mà tưởng tịnh gọi là điên đảo. Nếu có người nói rằng, trong thân này của ta không có một pháp nào là bất tịnh, do không bất tịnh nên sẽ được vào chỗ thanh tịnh, nhưng Đức Như Lai đã nói tu quán bất tịnh, nói như vậy là lời nói hư vọng thì đó gọi là điên đảo. Đó là điên đảo thứ tư.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Từ ngày hôm nay chúng con mới được chánh kiến. Bạch Thế Tôn! Từ đây trở về trước, chúng con đều là người tà kiến.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN VIII

Phẩm 12: NHƯ LAI TÁNH

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hai mươi lăm cõi có ngã chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ngã tức là nghĩa của Như Lai tạng. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tức là nghĩa của ngã. Như vậy nghĩa của ngã từ xưa đến nay thường bị sự che phủ của vô lượng phiền não. Vậy nên chúng sinh chẳng thể thấy được. Này thiện nam! Như bên trong nhà của người con gái nghèo có nhiều kho vàng ròng mà người nhà lớn nhỏ không có ai biết. Khi ấy, có một người lạ giỏi biết phương tiện nói với người con gái nghèo: “Nay tôi thuê cô, cô dọn sạch cỏ rác cho tôi”. Người con gái liền đáp: “Tôi nay chẳng thể làm, nếu ông có thể chỉ kho vàng cho con tôi, sau đấy tôi sẽ mau chóng làm cho ông”. Người đó lại nói: “Tôi biết cách có thể chỉ cho con cô”. Người con gái đáp: “Nhà tôi lớn nhỏ còn tự chẳng biết, huống chi là ông mà có thể biết”. Người đó lại nói: “Nay tôi chắc chắn có thể biết”. Người con gái đáp: “Tôi cũng muốn thấy. Ông nên chỉ cho tôi”. Người đó ngay ở trong ngôi nhà ấy đào ra kho vàng. Người con gái thấy rồi, lòng sinh hoan hỷ, cho là kỳ lạ, vô cùng kính mộ người đó. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, tất cả chúng sinh chẳng thể thấy được như kho báu kia, người nghèo chẳng biết được. Này thiện nam! Ta nay chỉ khắp cho tất cả chúng sinh, Phật tánh của họ bị sự che phủ của các phiền não như người nghèo kia có kho vàng ròng mà chẳng thể thấy. Hôm nay Như Lai chỉ khắp cho chúng sinh kho báu giác ngộ, đó là Phật tánh. Tất cả chúng sinh thấy sự kiện này rồi, lòng sinh hoan hỷ, quy ngưỡng Như Lai. Người giỏi phương tiện tức là Như Lai, người con

gái nghèo là tất cả vô lượng chúng sinh. Kho vàng ròng tức là Phật tánh.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người con gái sinh ra và nuôi dưỡng đứa con một. Đứa trẻ bị bệnh, người con gái này sâu nảo, tìm kiếm lương y. Vị lương y đã đến, hòa hợp ba thứ thuốc là váng sữa, sữa, đường cho đứa trẻ uống. Rồi nhân đó bảo người con gái: “Đứa trẻ uống thuốc rồi thì chớ cho bú. Cần phải để cho thuốc tiêu rồi thì mới cho bú”. Người con gái đó liền dùng vị đắng bôi lên vú của mình và nói với con: “Vú của mẹ bôi độc rồi chẳng thể chạm vào được nữa”. Đứa trẻ khát sữa muốn được bú sữa mẹ, nghe hơi độc của sữa liền tránh xa đi. Đến lúc thuốc ấy tiêu rồi, người mẹ mới rửa sạch vú, gọi con cho nó bú. Lúc đó đứa trẻ tuy đói khát nhưng lúc trước đã nghe hơi độc nên chẳng đến. Người mẹ lại nói: “Vì con uống thuốc nên mẹ dùng độc bôi, thuốc con uống đã tiêu rồi, mẹ đã rửa sạch vú. Con có thể đến bú sữa, không còn đắng nữa”. Đứa trẻ ấy nghe rồi, dần dần trở lại bú sữa. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, vì độ tất cả nên dạy các chúng sinh tu pháp vô ngã. Tu như vậy rồi thì đoạn dứt vĩnh viễn tâm chấp ngã, vào Niết-bàn. Vì trừ những kiến thức hư vọng của thế gian nên Ta thị hiện pháp xuất thế gian. Ta lại chỉ cho thế gian biết chấp ngã là hư vọng, chẳng phải chân thật, tu pháp vô ngã thì thân thanh tịnh. Ví như người con gái vì con mình nên dùng vị đắng bôi lên vú, Như Lai cũng vậy, vì tu “không” nên nói rằng các pháp đều không có ngã. Như người con gái kia rửa sạch vú rồi gọi con cho nó bú lại, Ta nay cũng vậy, nên nói Như Lai tạng. Vậy Tỳ-kheo chẳng nên sợ hãi. Như đứa trẻ kia nghe mẹ gọi đã dần dần trở lại bú sữa, Tỳ-kheo cũng vậy, nên tự phân biệt bí tạng của Như Lai, chẳng được cho là chẳng có.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật không có ngã. Vì sao? Vì khi đứa trẻ sinh ra thì không hiểu biết gì. Nếu có ngã thì ngay ngày vừa sinh ra liền có sự hiểu biết. Do nghĩa đó nên nhất định biết không có ngã. Nếu nhất định có ngã thì sau khi thọ sinh rồi đáng lẽ không chết. Giả sử tất cả đều có Phật tánh là thường trụ thì đáng lẽ không có tướng hoại. Nếu không có tướng hoại thì sao có sự sai khác của Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Chiên-đà-la và súc sinh. Nay thấy nghiệp duyên đủ thứ

chẳng đồng, các đường đều khác, nếu nhất định có ngã thì tất cả chúng sinh lẽ ra không có hơn thua. Do ý nghĩa đó nên nhất định biết Phật tánh chẳng phải là pháp thường. Nếu nói rằng Phật tánh nhất định là thường thì vì duyên gì lại nói có sát, đao, dâm, nói hai lưỡi, nói ác, nói dối, nói thêu dệt, tham, sân, tà kiến. Nếu tánh của ngã là thường thì vì sao sau khi uống rượu lại say sưa mê loạn. Nếu tánh của ngã là thường thì mù đáng lẽ thấy sắc, điếc đáng lẽ nghe tiếng, câm đáng lẽ có thể nói, chân co rút có thể đi. Nếu tánh của ngã là thường thì chẳng nên tránh hầm lửa, nước lớn, thuốc độc, dao gươm, người ác, cầm thú. Nếu ngã thường trụ thì việc đã làm xưa đáng lẽ chẳng quên mất. Nếu chẳng quên mất thì vì duyên gì lại nói rằng, ta từng thấy người này ở đâu nhỉ? Nếu ngã thường trụ thì đáng lẽ chẳng có già trẻ, thịnh suy, nhớ nghĩ việc đã qua. Nếu ngã thường trụ thì trú chỗ nào? Là ở trong bãi nước dãi, trong các màu sắc xanh vàng đỏ trắng chẳng? Nếu ngã thường trụ thì đáng lẽ khắp trong thân như trong dầu mè không có chỗ hở, nếu khi đoạn thân thì ngã đáng lẽ cũng đoạn luôn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ví như vị vương gia có người đại Lực sĩ. Giữa chạng mành của người ấy có viên ngọc kim cương. Ông cùng với Lực sĩ khác đấu sức đánh nhau. Người Lực sĩ kia dùng đầu húc vào chỗ viên ngọc đó. Viên ngọc trên trán vị Lực sĩ ấy liền lún sâu vào trong da mà ông chẳng biết viên ngọc ở đâu. Chỗ viên ngọc lún có vết thương. Ông liền mời lương y trị liệu cho mình. Có vị thầy thuốc tài giỏi biết phương thuốc, liền biết được nguyên nhân vết thương này là do viên ngọc lún vào trong thân thể. Viên ngọc đó vào trong da liền dừng trụ lại. Lúc đó vị lương y liền hỏi vị Lực sĩ: “Viên ngọc trên trán của ông ở đâu rồi?” Vị Lực sĩ thất kinh đáp: “Viên ngọc trên trán tôi đã mất rồi sao. Viên ngọc đó nay đâu rồi? Chẳng lẽ là huyễn hóa.”. Rồi ông lo buồn gào khóc. Lúc đó, vị lương y an ủi dỗ dành người Lực sĩ: “Ông nay chẳng nên sinh sầu khổ quá lắm. Nhân khi ông đánh nhau, viên ngọc báu lún vào trong thân thể. Nay ở trong da, ảnh nó hiện ra bên ngoài. Khi các ông đánh nhau, vì sân giận bưng bưng nên viên ngọc bị lún vào thân thể mà chẳng tự biết”. Lúc này người Lực sĩ chẳng tin vị thầy thuốc mà nói: “Nếu ở trong da thì tại sao mủ máu bất tịnh chẳng chảy ra? Nếu ở

trong gân thì đáng lẽ chẳng thể thấy được. Ông nay tại sao lại lừa dối tôi?”. Vị thầy thuốc cầm kính soi vào mặt người Lực sĩ ấy thì viên ngọc ở trong kính hiển hiện sáng rõ. Người Lực sĩ thấy rồi lòng kinh dị cho là điều kỳ lạ. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy, chẳng thể gần gũi thiện tri thức nên tuy có Phật tánh nhưng đều chẳng thể thấy mà bị sự che phủ của tham dục, sân hận, ngu si nên rơi vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, A-tu-la, Chiên-đà-la, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà v.v... Họ sinh ra trong đủ thứ gia đình như vậy là do tâm khởi dậy đủ thứ nghiệp duyên. Họ tuy thọ thân người nhưng bị điec, mù, ngọng, câm, co rút, gù, què v.v... phải chịu quả báo ở trong hai mươi lăm cõi. Họ bị tham dục, sân hận, ngu si che phủ tâm hồn nên chẳng biết Phật tánh, như người Lực sĩ kia, viên ngọc báu vẫn còn ở trong thân thể mà kêu là đã mất. Chúng sinh cũng vậy, chẳng biết gần gũi thiện tri thức nên chẳng biết tạng báu vi mật của Như Lai mà tu học vô ngã, ví như hạng chẳng phải Thánh, tuy nói có ngã mà cũng lại chẳng biết chân tánh của ngã. Các đệ tử của Ta cũng vậy, chẳng biết gần gũi bậc thiện tri thức nên tu học vô ngã cũng lại chẳng biết chỗ của vô ngã, còn tự chẳng biết chân tánh của vô ngã, huống chi lại có thể biết chân tánh của hữu ngã. Này thiện nam! Như Lai nói các chúng sinh đều có Phật tánh như vậy. Ví như vị lương y chỉ cho người Lực sĩ kia viên ngọc báu kim cương. Những chúng sinh này bị sự che phủ của vô lượng ức phiền não nên chẳng nhận biết được Phật tánh. Nếu tận diệt phiền não thì bấy giờ họ mới chứng biết được rõ ràng như người Lực sĩ kia thấy ngọc báu của mình ở trong gương sáng. Này thiện nam! Tạng bí mật của Như Lai như vậy là vô lượng, chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc là Lạc vị, vị của nó rất ngọt, ở tận dưới lùm cây rậm rạp, người không thể thấy. Có người nghe mùi thơm liền biết chỗ đất ấy phải có thứ thuốc này. Trong đời quá khứ, có vị vua Chuyển luân ở núi Tuyết kia, vì thứ thuốc này, ở tại khắp nơi đã tạo ra những ống tre để tiếp nhận thứ thuốc đó. Thuốc đó khi nóng thì từ đất chảy ra tập trung vào trong ống tre. Vị của thuốc ấy rất tốt. Sau khi vua đã mất rồi, vị thuốc này hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc cay, hoặc nhạt v.v... Như vậy tùy theo chỗ chảy ra của vị thuốc ấy mà có đủ thứ vị lạ. Vị chính

của thuốc đó đọng lại ở tại núi giống như vầng trăng tròn đầy. Phàm người bạc phước tuy ra công đào xới khổ nhọc mà chẳng thể được. Lại có bậc Thánh vương xuất hiện ở đời, do phước đức nhân duyên liền được vị chính của thuốc đó. Này thiện nam! Vị của tạng bí mật của Như Lai cũng vậy, bị sự che phủ của rừng rậm phiền não, chúng sinh vô minh chẳng thể thấy được. Thuốc một vị là ví như Phật tánh, do phiền não nên phát ra đủ thứ vị như là địa ngục, nga quỷ, súc sinh, trời, người, trai, gái, chẳng phải trai, chẳng phải gái, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Phật tánh hùng mạnh khó có thể hủy hoại. Vậy nên không ai có thể sát hại, nếu có người giết hại thì tức là đoạn Phật tánh. Như vậy Phật tánh nhất định chẳng thể đoạn được. Tánh nếu có thể đoạn thì đó là điều không có. Như tánh của ngã tức là tạng bí mật của Như Lai. Như vậy tạng bí mật thì tất cả không thể hủy hoại tiêu diệt. Tuy nó chẳng thể hoại nhưng chẳng thể thấy. Nếu thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì mới chứng biết được. Do nhân duyên này nên không có ai có thể giết hại.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu không ai giết hại thì đáng lẽ không có nghiệp bất thiện.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Quả thật có sát sinh. Vì sao? Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh ở trong năm ấm. Nếu hủy hoại năm ấm thì gọi là sát sinh. Nếu có sát sinh tức là đọa vào đường ác. Do nhân duyên nghiệp mà có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và Chiên-đà-la, nam, nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ v.v... Những hình tướng sai khác của hai mươi lăm cõi sinh tử lưu chuyển. Người chẳng phải Thánh ngang ngược cho rằng, các tướng lớn nhỏ của ngã giống như hạt kê, hoặc như hạt gạo, hạt đậu, thậm chí như ngón tay cái. Họ vọng sinh đủ thứ tưởng nghĩ như vậy nên tướng vọng tưởng không có chân thật. Tướng ngã xuất thế gọi là Phật tánh. Chấp là ngã như vậy thì gọi là tối thiện.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người giỏi biết kho tàng dưới đất liền lấy cái cuốc bén đào thẳng xuống xuyên qua đá bàn, cát sỏi không khó, chỉ đến kim cương thì chẳng thể xuyên qua được. Phàm kim cương thì dù có đao, búa, cũng chẳng thể phá hoại được. Này thiện

nam! Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, cho dù tất cả luận giả ma trời Ba-tuần và những trời, người v.v... chẳng thể phá hoại. Tướng của năm ấm tức là khởi tác. Tướng khởi tác giống như đá, cát có thể xuyên qua, có thể phá hoại. Phật tánh chân ngã thì ví như kim cương, chẳng thể hủy hoại được. Do ý nghĩa này nên hoại năm ấm thì gọi là sát sinh. Nay thiện nam! Ông nhất định phải biết pháp Phật chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này thiện nam! Kinh Phương Đẳng giống như cam lồ, cũng giống như độc dược.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Đức Như Lai vì duyên gì mà nói kinh Phương Đẳng ví như cam lồ, cũng ví như độc dược?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nay muốn biết ý nghĩa chân thật về tạng bí mật của Như Lai chăng?

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay thật muốn biết được ý nghĩa về tạng bí mật của Như Lai.

Bấy giờ, Đức Như Lai nói kệ:

*Có người uống cam lồ
Mà mạng sớm thương vong
Có người uống cam lồ
Thọ mạng được miên trường.
Có người uống độc sống
Có người uống độc chết
Trí vô ngại cam lồ
Đó là kinh Đại Thừa.
Như vậy kinh Đại Thừa
Cũng gọi là độc dược
Như bơ, phó mát thầy
Và cả những loại đường.
Uống tiêu thì là thuốc
Chẳng tiêu tức là độc
Phương Đẳng cũng như vậy*

Cam lồ của người trí.
 Ngu chẳng biết Phật tánh
 Uống vào thì thành độc
 Thanh văn và Duyên giác
 Đại thừa là cam lồ.
 Giống như trong các vị
 Vị sữa là trên hết
 Như vậy người cầu tiến
 Nương tựa vào Đại thừa.
 Thì đến được Niết-bàn
 Thành tượng vương loài người
 Chúng sinh biết Phật tánh
 Như Ca-diếp vân vân...
 Vị cam lồ vô thượng
 Chẳng sinh cũng chẳng chết
 Ca-diếp, ông nay phải
 Tam quy khéo phân biệt.
 Như vậy tánh Tam quy
 Tức là tánh của ngã
 Nếu hay quan sát kỹ
 Tánh ngã có tánh Phật.
 Thì phải biết người đó
 Được vào tạng bí mật
 Biết ngã và ngã sở
 Là người xuất thế gian.
 Tánh Tam bảo, pháp Phật
 Ngôi đệ nhất vô thượng
 Như lời kệ Ta nói
 Tánh ấy, nghĩa như trên.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp lại nói kệ:

Con nay đều chẳng biết
 Chỗ Tam bảo để nương
 Thì sao sẽ quy thú
 Vô sở úy vô thượng?

Chẳng biết chỗ Tam bảo
 Thì sao khởi vô ngã?
 Sao gọi quy y Phật?
 Mà lại được an ủi?
 Sao gọi quy y Pháp
 Xin Phật nói cho con
 Sao gọi được tự tại
 Sao lại không tự tại?
 Sao gọi quy y Tăng?
 Đạt được lợi vô thượng?
 Sao gọi nói chân thật
 Vị lai thành Phật đạo?
 Vị lai nếu chẳng thành
 Sao gọi quy Tam bảo?
 Con nay không biết được
 Phải hành theo thứ lớp
 Sao gọi chưa mang thai
 Mà tưởng sẽ sinh con?
 Nếu có cái trong thai
 Thì gọi là có con
 Nếu trong thai có con
 Sẽ sinh chẳng lâu nữa
 Đó gọi là nghĩa con
 Nghiệp chúng sinh cũng vậy
 Như lời nói Thế Tôn
 Người ngu chẳng thể biết
 Do sự chẳng biết đó
 Luân hồi ngục sinh tử
 Ưu-bà-tắc giả danh
 Chẳng biết nghĩa chân thật
 Xin Phật rộng phân biệt
 Trừ lười nghi cho con
 Như Lai đại trí tuệ
 Rủ lòng thương phân biệt
 Nguyên nói tạng bí mật

Của Như Lai Thế Tôn
 Ca-diếp, ông phải biết
 Ta nay sẽ vì ông
 Khéo mở tạng vì mật
 Khiến đoạn nghi cho ông
 Nay nghe phải hết lòng
 Ông ở hàng Bồ-tát
 Cùng Đức Phật thứ bảy
 Đồng có một danh hiệu
 Người quy y theo Phật
 Chân thật Ưu-bà-tắc
 Nhất định chẳng quy y
 Những thiên thần nào khác
 Người quy y với pháp
 Thì xa lìa sát hại
 Người quy y Thánh Tăng
 Chẳng cầu đến ngoại đạo
 Quy Tam bảo như thế
 Thì được vô sở úy
 Ca-diếp bạch Phật rằng:
 –Con cũng quy Tam bảo
 Đó là đường chân chính
 Là cảnh giới chư Phật
 Tướng Tam bảo bình đẳng
 Thường có tánh đại trí
 Tánh ngã, tánh Thế Tôn
 Không hai, không sai khác
 Đạo này được Phật khen
 Chỗ dừng yên chánh tiến
 Cũng gọi thấy chánh chân
 Nếu được Phật khen ngợi
 Con cũng hưởng Thiện Thệ
 Khen ngợi đạo Vô thượng
 Là cam lồ tối thượng
 Các cõi đều không có.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông nay chẳng nên như những Thanh văn, người phạm phu mà phân biệt Tam bảo. Đối với Đại thừa này không có tướng phân biệt Tam quy. Vì sao? Vì ở trong Phật tánh tức là có Pháp, Tăng. Vì muốn hóa độ Thanh văn, phạm phu nên Ta phân biệt nói tướng sai khác của Tam bảo. Này thiện nam! Nếu muốn thuận theo pháp thế gian thì nên phân biệt có ba quy y. Này thiện nam! Bồ-tát nên khởi tư duy như vậy: “Thân này của ta hôm nay nương về với Phật. Nếu ngay thân này được thành Phật đạo thì khi đã thành Phật rồi chẳng phải cung kính lễ bái cúng dường các Đức Thế Tôn. Vì sao? Vì chư Phật bình đẳng, bình đẳng vì chúng sinh làm chỗ quy y. Nếu muốn tôn trọng pháp thân xá lợi thì nên lễ kính tháp miếu của chư Phật. Vì sao? Vì muốn hóa độ chúng sinh nên cũng khiến cho chúng sinh đối với thân ta khởi tưởng tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Như vậy chúng sinh đã dùng pháp thân của Ta làm chỗ quy y. Tất cả chúng sinh đều nương vào pháp tà ngụy chẳng phải chân thật. Ta sẽ lần lượt vì họ nói pháp chân chính. Lại có người quy y chẳng phải chân Tăng thì ta sẽ vì họ làm chân Tăng cho họ quy y. Nếu có người phân biệt ba quy y thì ta sẽ vì họ làm một chỗ quy y, không có ba nơi sai biệt. Đối với mọi người mù thì ta vì họ làm mắt sáng. Ta lại phải vì các Thanh văn, Duyên giác làm chỗ quy y chân chính”. Này thiện nam! Như vậy là Bồ-tát vì vô lượng chúng sinh ác và những người trí mà làm Phật sự.

Này thiện nam! Ví như có người khi lâm trận chiến liền sinh tâm niệm rằng: “Ta ở trong đó là tối đê nhất. Tất cả binh chúng đều nương cậy vào ta”. Cũng như thái tử suy nghĩ như vậy: “Ta phải điều phục những vương tử khác, nối dõi nghiệp đế vương của đại vương để được tự tại, khiến cho những vương tử đều diện kiến quy thuận. Vậy chẳng nên sinh lòng thấp kém”. Như vua, con vua, đại thần cũng vậy. Này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, suy nghĩ thế này: “Làm sao để ba việc cùng một thể với ta?”. Này thiện nam! Ta chỉ rõ ba việc tức là Niết-bàn. Như Lai thì gọi là Vô Thượng Sĩ, ví như trong thân người thì cái đầu là trên hết, chứ chẳng phải các chi tiết khác như chân, tay v.v... Phật cũng như vậy, là đấng Tối Thượng Tôn, chứ chẳng phải là Pháp, Tăng. Vì muốn hóa độ các thế gian nên Phật thị hiện đủ thứ tướng sai

biệt như những bậc thang kia. Vậy ông nay chẳng nên thọ trì như sự hiểu biết tướng sai biệt về Tam quy của người phạm phu. Ông nên đối với Đại thừa dững mãnh, sắc bén, quyết đoán như lưỡi dao cứng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con biết mà cố hỏi, chứ không phải vì chẳng biết. Con là Bồ-tát đại dững mãnh mà hỏi đến những hành xử vô cấu thanh tịnh là muốn khiến cho Như Lai vì các vị Bồ-tát rộng rãi tuyên nói, phân biệt việc đặc biệt kỳ lạ, xưng dương kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Như Lai đại bi nay đã khéo léo giảng nói, con cũng như vậy mà an trụ ở trong hành xử thanh tịnh của Bồ-tát mà Phật đã nói, tức là tuyên nói kinh Đại Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Con nay cũng sẽ vì chúng sinh hiển dương tạng bí mật của Như Lai như vậy, cũng sẽ chứng biết chỗ Tam quy chân thật. Nếu chúng sinh nào có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy thì người ấy có thể tự nhiên thấu đạt chỗ tam quy y. Vì sao? Vì tạng bí mật của Như Lai có Phật tánh. Người nào tuyên nói kinh điển này đều nói rằng trong thân có Phật tánh. Người như vậy thì chẳng cầu chỗ tam quy y đâu xa. Vì sao? Vì ở đời vị lai, người ấy sẽ thành tựu Tam bảo. Vậy nên những hàng Thanh văn, Duyên giác và những chúng sinh khác đều nương vào người ấy mà cung kính lễ bái.

–Này thiện nam! Do ý nghĩa này nên ông cần phải học tập chân chính kinh điển Đại thừa.

Bồ-tát Ca-diếp lại nói:

–Phật tánh như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông đã thành tựu trí tuệ thâm diệu. Ta nay sẽ vì ông nói kỹ về nhập tạng Như Lai. Nếu ngã trụ thì tức là pháp thường chẳng lìa khổ. Nếu vô ngã thì tu hành tịnh hạnh không có lợi ích gì. Nếu nói rằng các pháp đều không có ngã tức là đoạn kiến. Nếu nói rằng, ngã trụ tức là thường kiến. Nếu nói tất cả hạnh vô thường tức là đoạn kiến, mà nói các hạnh thường thì lại là thường kiến. Nếu nói rằng khổ tức là đoạn kiến. Nếu nói rằng vui thì lại là thường kiến. Tu tất cả pháp thường thì rơi vào đoạn kiến. Tu tất cả pháp đoạn thì rơi vào thường kiến. Như loài trùng co mình bước đi,

cốt nhân chân trước mà được dời chân sau, tu thường, đoạn cũng như vậy, cốt yếu là nhờ ở đoạn, thường. Do ý nghĩa đó nên tu pháp khổ khác thì đều gọi là bất thiện, tu pháp lạc khác thì gọi là thiện, tu pháp vô ngã khác thì chính là những phần phiền não, tu pháp thường khác thì gọi là tạng bí mật của Như Lai, như là Niết-bàn không có hang động nhà cửa, tu pháp vô thường khác tức là của cải, tu pháp thường khác tức là Phật, Pháp, Tăng và chánh giải thoát. Ông phải biết, như vậy là trung đạo của pháp Phật, xa lìa nhị biên mà nói chân pháp, người phàm phu ngu si ở trong đó không nghi hoặc. Như người bệnh yếu đuối ăn uống váng sữa rồi khí lực nhẹ tênh. Pháp có, không thì thể tánh bất định. Ví như bốn đại, tánh của chúng chẳng đồng, đều tự trái ngược nhau, thầy thuốc giỏi khéo biết tùy theo sự phát khởi của bệnh mà tiêu dứt chúng. Nay thiện nam! Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh giống như thầy thuốc giỏi, biết thể tướng của các phiền não sai khác mà vì họ đoạn trừ, mở bày tạng bí mật của Như Lai, Phật tánh thanh tịnh thường trụ bất biến. Nếu nói rằng có thì bậc trí chẳng nên nhiễm, nếu bảo là không tức là nói dối, nếu bảo là có thì không nên im lặng, cũng lại chẳng nên bàn luận tranh cãi mà chỉ cầu rõ biết chân tánh các pháp. Người phàm phu bàn luận tranh cãi, chẳng hiểu được tạng vi mật của Như Lai. Nếu nói đến khổ thì người ngu liền cho rằng, thân là vô thường, nói rằng tất cả là khổ, lại chẳng thể biết thân có tánh vui. Nói vô thường thì người phàm phu cho là tất cả thân đều là vô thường, ví như ngôi đất. Người có trí cần phải phân biệt, chẳng nên nói hết tất cả vô thường. Vì sao? Vì thân của ta sẵn có hạt giống Phật tánh. Nếu nói vô ngã thì người phàm phu sẽ cho rằng, tất cả pháp Phật đều không có ngã. Kẻ trí cần phải phân biệt vô ngã là giả danh, chẳng thật, biết như vậy rồi thì chẳng nên sinh nghi ngờ. Nếu nói rằng, tạng bí mật của Như Lai rỗng không tịch mịch thì phàm phu nghe thế liền sinh ra kiến chấp đoạn diệt. Người có trí cần phải phân biệt Như Lai là thường trụ không có biến dịch. Nếu nói rằng giải thoát ví như huyễn hóa thì phàm phu sẽ gọi giải thoát tức là mất hết. Người có trí cần phải phân biệt bậc Sư tử trong loài người tuy có đi, lại nhưng thường trụ không biến đổi. Nếu nói rằng do vô minh duyên các hành thì người phàm phu nghe rồi phân biệt sinh tướng hai pháp là minh cùng vô minh. Kẻ trí

thấu đạt tánh ấy không hai. Tánh không hai tức là tánh chân thật. Nếu nói do các hành mà duyên thức thì phạm phu cho là hai, hành cùng thức. Kể trí thấu đạt tánh của hai thứ ấy không hai. Tánh không hai tức là tánh chân thật. Nếu nói mười thiện, mười ác, có thể tạo tác, chẳng thể tạo tác, đường thiện, đường ác, bạch pháp, hắc pháp thì phạm phu cho là hai, kể trí thấu đạt tánh ấy không hai. Tánh không hai tức là tánh chân thật. Nếu nói rằng, nên tu tất cả pháp khổ thì phạm phu cho là hai, kể trí thấu đạt tánh ấy không hai. Tánh không hai tức là tánh chân thật. Nếu nói rằng, tất cả hành vô thường, tạng bí mật của Như Lai cũng là vô thường thì kể phạm phu cho là hai, còn người trí thấu đạt tánh ấy không hai. Tánh không hai tức là tánh chân thật. Nếu nói rằng, tất cả pháp vô ngã, tạng bí mật của Như Lai cũng vô ngã thì phạm phu cho là hai, còn người trí thấu đạt tánh ấy không hai. Tánh không hai tức là tánh chân thật. Ngã cùng vô ngã, tánh của chúng không có hai, tạng bí mật của Như Lai ý nghĩa như vậy, chẳng thể xưng kể, vô lượng vô biên các Đức Phật khen ngợi. Ta nay đối với tất cả công đức thành tựu ở trong kinh đều đã nói hết.

Này thiện nam! Ngã cùng vô ngã, tánh tướng không hai. Ông nên trân trọng thọ trì như vậy. Này thiện nam! Ông cũng cần phải kiên trì nhớ nghĩ kinh điển như vậy. Như Ta trước ở trong kinh Bát Nhã Ba La Mật nói về ngã, vô ngã không có hai tướng, như do sữa sinh ra sữa đặc, do sữa đặc sinh ra kem, do kem sinh ra pho mát. Như vậy tánh của sữa đặc là từ sữa sinh ra, nó là từ tự mình sinh ra hay từ cái khác sinh ra vậy? Cho đến pho mát cũng như vậy. Nếu nó từ cái khác sinh ra thì tức là cái khác tạo ra chứ chẳng phải là sữa sinh ra. Nếu chẳng phải sữa sinh ra thì sữa vô dụng. Nếu tự mình sinh ra thì đáng lẽ chẳng tương tự nối tiếp nhau mà sinh. Nếu nối tiếp nhau sinh thì chẳng cùng sinh. Nếu chẳng cùng sinh thì năm thứ vị chẳng cùng một lúc. Tuy chẳng cùng một lúc nhưng nhất định chẳng từ chỗ khác đến. Ông phải biết rằng, trong sữa trước có tướng sữa đặc, vị ngọt nhiều nên chẳng thể tự biến đổi cho đến pho mát cũng như vậy. Do nhân duyên bò ăn uống nước, cỏ rồi huyết-mạch chuyển biến mà thành sữa. Nếu bò ăn cỏ ngọt thì sữa ấy ngọt, nếu bò ăn cỏ đắng thì sữa có vị đắng. Núi Tuyết có loại cỏ tên là Phì nhị mà nếu bò ăn thì thuần được pho mát, không có màu

xanh vàng đỏ trắng đen. Do nhân duyên cỏ lúa nên sữa ấy có khác về sắc vị, những chúng sinh này do biết rõ nhân duyên nghiệp vô minh, nên sinh ra hai tướng. Nếu vô minh chuyển thì biến thành minh. Tất cả pháp thiện, bất thiện v.v... cũng như vậy, không có hai tướng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, trong sữa có kem là nghĩa làm sao? Thưa Thế Tôn! Nếu nói rằng, trong sữa nhất định có tướng của kem sữa, vì vi tế nên chẳng thể thấy thì sao nói rằng do từ nhân duyên sữa mà sinh ra kem sữa? Pháp nếu vốn không thì gọi là sinh? Nhưng nếu đã có thì sao gọi rằng sinh? Nếu nói rằng, trong sữa nhất định có tướng của kem sữa thì trong trăm loài cỏ đáng lẽ cũng có sữa. Như vậy trong sữa đáng lẽ cũng có cỏ. Nếu nói rằng, trong sữa nhất định không có kem sữa thì làm sao nhân sữa mà được kem sữa? Nếu pháp vốn không mà sau sinh ra thì vì cớ gì trong sữa chẳng sinh ra cỏ?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Chẳng thể nhất định nói, trong sữa có kem sữa hay trong sữa không có kem sữa, cũng chẳng thể nói từ cái khác mà sinh ra. Nếu nói, trong sữa nhất định có kem sữa thì sao khi được thể, vị đều khác. Vậy nên chẳng thể nói, trong sữa nhất định có tánh của kem sữa. Nếu nói, trong sữa nhất định không có kem sữa thì trong sữa vì sao chẳng sinh ra sừng con hổ? Mà bỏ độc trong sữa thì kem sữa sẽ giết người. Vậy nên chẳng thể nói trong sữa nhất định không có tánh của kem sữa. Nếu nói rằng kem sữa này từ cái khác sinh ra thì vì sao trong nước chẳng sinh ra kem sữa. Vậy nên chẳng thể nói, kem sữa từ cái khác sinh ra. Này thiện nam! Con bò này do ăn cỏ, máu biến thành trắng, cỏ và máu diệt mất rồi nhờ phước lực của chúng sinh biến đổi mà thành sữa. Sữa đó tuy từ cỏ và máu mà ra nhưng chẳng thể nói là hai mà chỉ được gọi là từ nhân duyên sinh ra. Từ sữa đặc đến phó mát cũng như vậy. Do ý nghĩa này nên được gọi là vị sữa bò. Sữa đó diệt rồi nhờ nhân duyên thành ra sữa đặc. Những gì là nhân duyên? Hoặc do tác dụng của men hoặc đun cho nóng ấm. Vậy nên được gọi là từ nhân duyên mà có cho đến phó mát cũng như vậy. Vậy chẳng nên nói nhất định trong sữa không có tướng của kem sữa, từ cái khác sinh ra, lia khỏi sữa mà có kem sữa thì đó là điều không có. Này thiện nam!

Minh cùng vô minh cũng như vậy. Nếu cùng tương ứng với các kết phiền não thì gọi là vô minh, còn nếu tương ứng với tất cả pháp thiện thì gọi là minh. Vậy nên Ta nói rằng, không có hai tướng. Do nhân duyên này mà ở trước Ta nói rằng núi Tuyết có loài cỏ tên là Phì nhị, nếu bò ăn vào thì liền thành đê hồ. Phật tánh cũng vậy.

Này thiện nam! Chúng sinh phước mỏng chẳng thấy loài cỏ đó, Phật tánh cũng vậy, bị phiền não che nên chúng sinh chẳng thấy. Ví như biển cả, tuy đồng một vị mặn nhưng trong biển ấy cũng có thứ nước thượng diệu, vị đồng với sữa. Ví như núi Tuyết tuy lại thành tựu đủ thứ công đức, sinh ra nhiều thứ dược thảo, nhưng cũng có cỏ độc. Thân của các chúng sinh cũng như vậy, tuy có bốn thứ đại răn độc, nhưng trong thân ấy cũng có đại vương diệu dược như là Phật tánh, chẳng phải là pháp tạo tác mà chỉ bị sự che phủ của khách trần phiền não. Nếu Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà có thể đoạn trừ chúng thì liền thấy Phật tánh, thành đạo vô thượng. Ví như hư không động sấm nổi mây thì trên tất cả ngà voi đều sinh ra hoa. Nếu không sấm rền thì hoa chẳng sinh ra, cũng không có danh tự. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, thường bị sự che phủ của tất cả phiền não nên chẳng thể thấy được. Vậy nên Ta nói, chúng sinh vô ngã. Nếu họ được nghe kinh điển Đại Bát Niết Bàn vi diệu thì thấy được Phật tánh như hoa ngà voi. Tuy người nghe được khế kinh, tất cả Tam-muội nhưng chẳng nghe kinh này thì chẳng biết được tướng vi diệu của Như Lai, như khi không có tiếng sấm thì hoa trên ngà voi chẳng thể thấy được. Người nghe kinh này rồi thì liền biết Phật tánh tất cả tạng bí mật của Như Lai đã nói. Ví như trời nổi sấm thì thấy hoa ngà voi, nghe kinh này rồi thì liền biết tất cả vô lượng chúng sinh đều có Phật tánh. Do ý nghĩa này nên nói rằng, Đại Niết-bàn gọi là tạng bí mật của Như Lai tạng trưởng pháp thân, giống như khi nổi sấm thì hoa trên ngà voi có thể trưởng dưỡng. Do ý nghĩa to lớn như vậy nên được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể tu tập kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này thì ông nên biết, người đó có thể báo ân Phật, là đệ tử chân chính của Phật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Rất kỳ đặc! Thưa Thế Tôn! Lời nói về Phật tánh của Thế Tôn

rất sâu xa. Khó thấy, khó vào. Điều mà Thanh văn, Duyên giác chẳng thể lý giải được.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời khen của Bồ-tát, chẳng trái với lời nói của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh thì sao gọi là rất sâu xa khó thấy khó vào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như một trăm người mù vì trị liệu mắt nên tìm đến lương y. Khi đó vị lương y liền dùng cái thẻ vàng vạch màn mắt của họ, rồi dùng một ngón tay đưa lên hỏi: “Thấy không?”. Người mù đáp: “Tôi còn chưa thấy”. Thầy thuốc dùng hai ngón tay, ba ngón tay đưa lên hỏi người đó. Người đó mới nói: “Thấy ít”. Này thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này khi Như Lai chưa nói cũng như vậy. Vô lượng Bồ-tát tuy thực hành đầy đủ những Ba-la-mật cho đến mười trụ còn chưa có thể thấy Phật tánh, đến khi Như Lai đã nói kinh ấy thì liền thấy chút ít. Những Đại Bồ-tát đã thấy được rồi thì đều nói lên rằng: “Rất lạ. Bạch Thế Tôn! Chúng con lưu chuyển trong vô lượng sinh tử thường bị sự mê hoặc nhiều loạn của vô ngã”.

Này thiện nam! Như vậy, Bồ-tát ở quả vị Thập địa còn chẳng thấy biết rõ Phật tánh, huống gì là hàng Thanh văn, Duyên giác mà có thể thấy được sao. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người ngược xem con ngỗng, con nhận trên hư không thì khi thấy hư không, khi thấy ngỗng nhận, quan sát kỹ chẳng thôi mới phải phát thấy chúng. Bồ-tát Thập Trụ đối với tánh của Như Lai thấy biết chút ít cũng như vậy, huống chi là hàng Thanh văn, Duyên giác mà có thể thấy biết. Này thiện nam! Ví như người say rượu muốn đi xa, nhìn thấy đường sá mập mờ. Bồ-tát Thập Trụ đối với tánh Như Lai thấy biết chút ít cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như người khát nước đi trên cánh đồng hoang vắng. Người khát đó bức bách đi khắp nơi tìm nước, thấy có chòm cây rậm, trên cây có con hạc trắng. Người đó mê muội chẳng thể phân biệt là cây hay là nước, quan sát kỹ chẳng thôi, mới thấy con hạc trắng và chòm cây rậm. Này thiện nam! Bồ-tát Thập Trụ đối với tánh Như Lai

thấy biết chút ít cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như có người ở trong biển cả, xa đến vô lượng trăm ngàn do-tuần thấy có thuyền lớn, lầu gác, nhà cửa liền nghi, đó là lầu gác của nhà cửa hay là hư không? Nhìn lâu, người ấy mới biết chắc chắn chính là lầu gác. Bồ-tát Thập Trụ ở trong tự thân, thấy tánh Như Lai cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như vị vương tử, thân thể rất yếu đuối, suốt đêm du hí đến tận sáng hôm sau, mắt nhìn tất cả đều chẳng rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ đối với thân mình, thấy tánh Như Lai cũng như vậy, thấy chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị quan lại vì việc công đến đêm mới trở về nhà, do ánh chớp phát lên thấy bầy trâu, liền nghi rằng, đây là bầy trâu, hay là đám mây, hay là nhà? Người đó nhìn lâu tuy sinh ý tưởng là trâu nhưng còn chưa quyết chắc. Bồ-tát Thập Trụ tuy đối với thân mình thấy có tánh Như Lai nhưng chưa có thể xác định cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Như vị Tỳ-kheo trì giới quan sát nước không có trùng mà thấy tướng của trùng liền khởi ý niệm này, cái động đập trong nước là trùng hay là bụi đất vậy? Nhìn mãi chẳng thôi, tuy biết là bụi nhưng cũng chẳng rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ đối với thân mình có thấy tánh Như Lai nhưng chẳng rõ ràng cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người ở trong bóng tối, từ xa nhìn thấy đứa trẻ liền khởi ý niệm này, đó là trâu hay là người, hay là chim? Nhìn mãi chẳng thôi, tuy thấy là đứa trẻ nhưng còn chẳng rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ đối với thân mình thấy có tánh Như Lai chẳng rõ ràng cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người ở trong đêm tối thấy hình họa Bồ-tát liền khởi ý niệm này, là tượng Bồ-tát hay là tượng Tự Tại thiên hay là tượng Đại Phạm thiên mặc áo nhuộm? Người đó nhìn lâu tuy lại nghi là chính tượng Bồ-tát nhưng cũng chẳng rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ đối với thân mình thấy có tánh Như Lai chẳng rõ ràng cũng như vậy. Nay thiện nam! Phật tánh sâu xa khó được thấy biết cũng như vậy, chỉ có Phật có thể biết, chẳng phải điều mà Thanh văn, Duyên giác theo kịp. Nay thiện nam! Người trí nên phân biệt biết tánh Như Lai như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh vi tế khó biết như vậy thì làm sao mắt trần có thấy được?

Đức Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Như trời Phi tưởng phi phi tưởng cũng chẳng phải là đối tượng có thể biết của hàng Nhị thừa, mà chỉ thuận theo khế kinh, do niềm tin nên biết thôi. Này thiện nam! Thanh văn, Duyên giác tín thuận kinh Đại Niết-bàn tự biết thân mình có tánh Như Lai cũng như vậy. Này thiện nam! Vậy ông cần phải tinh cần tu tập kinh Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Như vậy Phật tánh chỉ Phật mới có thể biết, chẳng phải là điều mà Thanh văn, Duyên giác theo kịp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng phải Thánh, phàm phu có tánh chúng sinh đều nói có ngã.

Đức Phật dạy:

–Ví như hai người làm bạn với nhau, một người là con vua, một người là con nhà nghèo, như vậy hai người qua lại với nhau. Khi đó, người nghèo thấy vị vương tử đó có một con dao đẹp sắc bén đệ nhất, trong lòng ham muốn. Thời gian sau, vương tử cầm con dao này trốn đến nước khác. Người nghèo về sau ở nhờ nhà người khác, ở trong giấc ngủ mơ màng nói: “Dao! Dao”. Người bên cạnh nghe lời đó bắt đem đến chỗ vua. Nhà vua hỏi: “Người nói đến con dao thì có thể chỉ nó cho ta”. Người đó đem việc trên tâu đầy đủ với vua và nói: “Nhà vua nay giả sử mổ cắt thân của thần, chặt rời tay chân để muốn được dao thì thật chẳng thể được. Thần cùng với vương tử vốn là chỗ thân cận, trước ở chung một chỗ, tuy mắt đã từng thấy dao nhưng thậm chí chẳng dám lấy tay động chạm vào, huống gì là lấy”. Nhà vua lại hỏi: “Khanh đã thấy hình dáng của dao như thế nào?”. Đáp: “Tâu đại vương! Cái thần thấy thì giống như sừng của con dê đen”. Nhà vua nghe thế, cười vui vẻ rồi nói: “Người đi đâu tùy ý, chớ lo sợ. Trong kho tàng của ta đều không có dao như vậy, huống chi là người thấy nó ở bên vương tử?”. Nói rồi, nhà vua liền băng hà. Quân thần liền lập người con khác nối ngôi vua. Vị vua đó lại hỏi quần thần: “Các khanh đã từng thấy con dao đó ở trong kho tàng của các quan chăng”. Các bề tôi đáp: “Chúng thần đã từng thấy”. Lại hỏi: “Hình trạng dao ấy giống cái gì?”. Đáp rằng: “Thưa đại vương! Giống như sừng con dê đen”. Nhà vua nói: “Trong kho tàng của ta ước gì sẽ có con dao hình dáng như vậy”. Rồi

lần lượt bốn vị vua kiếm nghiệm tìm kiếm mà chẳng được. Sau một thời gian, vị vương tử đào tẩu, từ nước khác trở về đất nước của mình, lại được làm vua. Đã lên ngôi vua rồi, nhà vua lại hỏi các bề tôi: “Các khanh có thấy dao không?”. Họ đáp: “Thưa đại vương! Chúng thần đều thấy”. Vua lại hỏi: “Hình trạng dao ấy giống cái gì?”. Họ đáp: “Hình sắc dao ấy thanh tịnh như hoa Ưu-bát-la”. Lại có người đáp: “Hình dáng như sừng dê”. Lại có người đáp: “Hình sắc dao ấy đỏ hồng giống như đám lửa”. Lại có người đáp: “Giống như con rắn đen”. Nhà vua cả cười nói rằng: “Các khanh đều chẳng thấy tướng chân thật dao của ta”. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, xuất hiện ở đời, nói chân tướng của ngã, nói rồi bỏ đi ví như vị vương tử cầm giữ dao sắc bén trốn đến nước khác. Người ngu phàm phu nói: “Có ngã. Có ngã”, như người nghèo kia ở nhờ nhà người khác, mơ ngủ kêu: “Dao. Dao”. Thanh văn, Duyên giác hỏi các chúng sinh: “Ngã có hình tướng ra sao?”. Họ đáp: “Tôi thấy tướng của ngã lớn như ngón tay cái”. Hoặc nói rằng: “Như hạt gạo, hoặc như hạt kê”. Hoặc có người nói: “Tướng của ngã ở tại trong lòng, rực sáng như mặt trời”. Như vậy chúng sinh chẳng biết tướng của ngã ví như các bề tôi chẳng biết tướng của con dao. Bồ-tát nói về ngã pháp như vậy mà phàm phu chẳng biết nên hư vọng tạo tác phân biệt đủ thứ tướng của ngã như hỏi tướng của dao, đáp giống như sừng dê. Những phàm phu đó theo thứ lớp nối tiếp nhau mà khởi lên tà kiến. Vì đoạn trừ những tà kiến như vậy nên Như Lai thị hiện nói lên vô ngã, ví như vị vương tử nói cho các bề tôi rằng: “Trong kho tàng của ta không có dao như vậy”. Đây thiện nam! Lời nói về chân ngã của Như Lai hôm nay gọi là Phật tánh. Như vậy Phật tánh trong pháp Phật của Ta ví như con dao đẹp. Đây thiện nam! Nếu có kẻ phàm phu có thể khéo diễn nói tức là thuận theo pháp Phật vô thượng. Nếu có người có thể giỏi phân biệt, thuận theo, tuyên nói vấn đề thì ông phải biết đó tức là tướng mạo của Bồ-tát.

*
**

Phẩm 13: VĂN TỰ

Đức Phật lại bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Có đủ thứ dị luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự v.v... đều là Phật nói, chẳng phải ngoại đạo nói.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Như Lai nói về căn bản của chữ?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Đầu tiên nói nửa chữ để làm căn bản giữ gìn những ký luận, chú thuật, văn chương, các thật pháp của âm. Người phạm phu học căn bản của chữ như vậy, rồi sau mới biết là pháp hay phi pháp.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cái gọi là chữ thì nghĩa ấy thế nào?

–Này thiện nam! Có mười bốn âm gọi là tự nghĩa. Cái gọi là chữ thì gọi là Niết-bàn, thường cố định chẳng lưu chuyển. Nếu chẳng lưu chuyển tức là vô tận. Phạm đã vô tận tức là thân kim cương của Như Lai. Mười bốn âm này gọi là tự bản. A ngắn là chẳng phá hoại mà chẳng phá hoại thì gọi là Tam bảo, ví như kim cương. Lại nữa, A thì chẳng lưu chuyển mà chẳng lưu chuyển tức là Như Lai. Cữu khiếu của Như Lai không có sự lưu chuyển nên chẳng lưu chuyển. Lại không có cữu khiếu nên chẳng lưu chuyển. Chẳng lưu chuyển tức là thường còn mà thường còn tức là Như Lai. Như Lai không tạo tác nên chẳng lưu chuyển. Lại nữa, chữ A là công đức, mà công đức tức là Tam bảo. Vậy nên gọi là A. Tiếp đến là A dài thì gọi là A-xà-lê. A-xà-lê nghĩa là gì? Nghĩa là ở trong thế gian được gọi là bậc Thánh. Sao gọi là Thánh? Thánh là không nhiễm trước, thiếu dục, tri túc, cũng gọi là thanh tịnh, có thể độ chúng sinh qua khỏi biển lớn sinh tử lưu chuyển ở ba cõi. Đó gọi là Thánh. Lại nữa, chữ A gọi là chế độ, tu trì tịnh giới, thuận theo oai nghi. Lại nữa, chữ A gọi là nương thánh nhân học theo oai nghi tiến, dừng, cử động, cúng dường, cung kính, lễ bái tam tôn, hiếu thuận, phụng dưỡng cha mẹ và học Đại thừa. Những thiện nam, thiện nữ trì đủ giới cấm và các Đại Bồ-tát v.v... đều được gọi là Thánh nhân. Lại nữa, chữ A gọi là giáo hối. Như nói: “Các ông nên làm như vậy. Chớ làm như vậy”. Nếu người có thể ngăn chặn những pháp chẳng phải oai nghi thì gọi là Thánh nhân. Vậy nên gọi là chữ A.

Chữ Y ngắn tức là pháp Phật, phạm hạnh rộng lớn, thanh tịnh

không cấu bản ví như trăng tròn đầy. Các ông nên làm như vậy, chẳng nên làm như vậy, là nghĩa là phi nghĩa, đây là Phật nói, đây là ma nói, đó gọi là Y. Y dài là pháp Phật thâm diệu khó được. Như pháp của trời Tự Tại, trời Đại Phạm thì gọi là tự tại, nếu người có thể trì giữ thì gọi là hộ pháp. Lại nữa, tự tại thì gọi là bốn hộ thế. Bốn tự tại này có thể thấu tóm kinh Đại Niết-bàn cũng có thể tự tại trình bày diễn nói. Lại nữa, chữ Y là có thể vì chúng sinh mà tự tại nói pháp. Lại nữa, chữ Y là tự tại nên nói những gì? Điều đó gọi là tu tập kinh điển Phương Đẳng. Lại nữa, chữ Y đoạn trừ ganh ghét như diệt trừ cỏ xấu, khiến cho tất cả đều biến thành tốt đẹp. Vậy nên gọi là Y.

Chữ Ưu ngắn là ở trong kinh, cái tối thượng, tối thắng tăng trưởng lên trên hết thì gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, chữ Ưu là tánh của Như Lai, điều chưa từng nghe của Thanh văn, Duyên giác, như tất cả xứ thì xứ Uất-đan-việt ở phương Bắc là thù thắng nhất. Bồ-tát nếu có thể thính thọ kinh này thì đối với tất cả chúng sinh là bậc tối thượng, tối thắng. Vậy nên gọi là Ưu. Ưu dài là ví như sữa bò so trong các vị là trên hết. Tánh của Như Lai cũng như vậy, ở trong các kinh là tối tôn, tối thượng. Nếu có ai bài báng thì ông phải biết, người đó cùng với bò không khác biệt. Lại nữa, chữ Ưu là người gọi là không có trí tuệ, chánh niệm mà bài báng tạng bí mật vi tế của Như Lai thì phải biết người đó rất đáng thương xót, xa lìa tạng bí mật của Như Lai mà nói pháp vô ngã. Vậy nên gọi là Ưu.

Chữ Yên tức là pháp tánh Niết-bàn của chư Phật, cho nên gọi là Yên.

Chữ Dã là nghĩa của Như Lai. Lại nữa, Dã là tiến dừng, co duỗi, cử động của Như Lai không gì chẳng lợi ích cho tất cả chúng sinh. Vậy nên gọi là Dã.

Chữ Ô là nghĩa phiền não, mà phiền não là các lậu. Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ tất cả phiền não nên gọi là Ô.

Chữ Pháo là nghĩa Đại thừa, đối với mười bốn âm là nghĩa cứu cánh. Kinh điển Đại Thừa cũng như vậy, đối với các kinh luận là tối cứu cánh. Vậy nên gọi là Pháo.

Chữ Am là có thể ngăn chặn tất cả các vật bất tịnh, ở trong pháp Phật, có thể xả bỏ tất cả vật báu, vàng, bạc. Vậy nên gọi là Am.

Chữ A là nghĩa thừa thù thắng. Vì sao? Vì kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này ở trong các kinh là tối thù thắng. Vậy nên gọi là A.

Chữ Ca là đối với các chúng sinh khởi tâm đại từ bi, tưởng như con ruột, như La-hầu-la, làm việc ý nghĩa tốt đẹp. Vậy nên gọi là Ca.

Chữ Khư là chẳng phải bạn lành, mà chẳng phải bạn lành thì gọi là tạp uế, chẳng tin tạng bí mật của Như Lai. Vậy nên gọi là Khư.

Chữ Già là tạng, mà tạng tức là tạng bí mật của Như Lai. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên gọi là Già. Trọng âm Già là âm thường còn của Như Lai. Những gì là âm thường còn của Như Lai? Đó là Như Lai thường trụ bất biến. Vậy nên gọi là Già.

Chữ Nga là tướng phá hoại của tất cả các hành. Vậy nên gọi là Nga.

Chữ Già là nghĩa của tu, điều phục tất cả chúng sinh nên gọi là nghĩa của tu. Vậy nên gọi là Già.

Chữ Xa là Như Lai che chở tất cả chúng sinh ví như lọng lớn. Vậy nên gọi là Xa.

Chữ Xà là chánh giải thoát, không có tướng già, nên gọi là Xà. Chữ Xà trọng âm là phiền não ràng buộc ví như rừng rậm. Vậy nên gọi là Xà.

Chữ Nhã là nghĩa trí tuệ, biết tánh pháp chân thật. Vậy nên gọi là Nhã.

Chữ Tra là ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện bán thân mà diễn nói pháp ví như bán nguyệt. Vậy nên gọi là Tra.

Chữ Tha là pháp thân đầy đủ ví như vầng trăng tròn đầy. Vậy nên gọi là Tha.

Chữ Trà là Tăng ngu si, chẳng biết thường cùng vô thường, ví như đứa trẻ. Vậy nên gọi là Trà.

Chữ Trà trọng âm là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đen. Vậy nên gọi là Trà.

Chữ Noa chẳng phải là nghĩa Thánh, ví như ngoại đạo. Vậy nên gọi là Noa.

Chữ Đa là Như Lai khi đó bảo các Tỳ-kheo nên lìa khỏi kinh sợ, ta sẽ vì các ông nói pháp vi diệu. Vậy nên gọi là Đa.

Chữ Tha là gọi nghĩa ngu si. Chúng sinh lưu chuyển trong sinh tử

tự trói buộc như con tầm. Vậy nên gọi là Tha.

Chữ Đà là đại thí như là Đại thừa. Vậy nên gọi là Đà. Chữ Đà trọng âm là xưng tán công đức. Đó là Tam bảo như núi Tu-di cao ngất rộng lớn, không có diên đảo. Vậy nên gọi là Đà.

Chữ Na là Tam bảo an trụ không có khuynh động, ví như cái then cửa. Vậy nên gọi là Na.

Chữ Ba là nghĩa diên đảo. Nếu nói rằng, Tam bảo đều diệt hết thì phải biết người này tự nghi hoặc. Vậy nên gọi là Ba.

Chữ Phả là tai ách của thế gian. Nếu có người nói rằng, khi tai ách của thế gian khởi lên Tam bảo cũng hết thì phải biết người đó là ngu si, vô trí, trái với ý chỉ của bậc Thánh. Vậy nên gọi là Phả.

Chữ Bà là gọi mười lực của Phật. Vậy nên gọi là Bà. Chữ Bà trọng âm là gọi gánh nặng. Người đủ sức gánh vác chánh pháp vô thượng thì phải biết người đó là Đại Bồ-tát. Vậy nên gọi là Bà.

Chữ Ma là các Bồ-tát với chế độ trang nghiêm cao vời, gọi là Đại Bát Niết Bàn của Đại thừa. Vậy nên gọi là Ma.

Chữ Tà là các Bồ-tát ở tại khắp nơi vì những chúng sinh nói pháp Đại thừa. Vậy nên gọi là Tà.

Chữ La là có thể phá tan tham dục, sân hận, ngu si, nói pháp chân thật. Vậy nên gọi là La. Chữ La khinh âm là hàng Thanh văn thừa chuyển động chẳng trụ, Đại thừa yên ổn không có khuynh động. Bồ Thanh văn thừa, tinh cần tu tập Đại thừa vô thượng. Vậy nên gọi là La.

Chữ Hòa là Như Lai Thế Tôn vì các chúng sinh nên mưa pháp lớn, gọi là kinh sách, chú thuật của thế gian. Vậy nên gọi là Hòa.

Chữ Xa là xa lìa ba mũi tên độc. Vậy nên gọi là Xa.

Chữ Sa là nghĩa đầy đủ. Nếu người có thể nghe kinh Đại Niết-bàn này thì tức là đã được nghe và thọ trì tất cả kinh điển Đại thừa. Vậy nên gọi là Sa.

Chữ Ta là vì các chúng sinh diễn nói chánh pháp, khiến cho lòng họ hoan hỷ. Vậy nên gọi là Ta.

Chữ Ha là gọi tâm hoan hỷ, khen: “Lạ thay! Đức Thế Tôn lìa khỏi tất cả hành. lạ thay! Đức Như Lai vào Niết-bàn”. Vậy nên gọi là Ha.

Chữ La là nghĩa ma. Vô lượng các loài ma chẳng thể hủy hoại

tạng bí mật của Như Lai. Vậy nên gọi là La. Lại nữa, chữ La là thậm chí thị hiện thuận theo thế gian, có cha mẹ, vợ con v.v... Vậy nên gọi là La.

Lỗ, Lưu, Lô, Lôu, bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa là Phật, Pháp, Tăng và đối pháp. Nói đối pháp là thuận theo thế gian như Đề-bà-đạt-đa thị hiện phá hoại Tăng, hóa làm đủ thứ hình dáng sắc tướng vì để chế ra giới luật nên kẻ trí thông đạt biết rõ thì chẳng nên đối với việc này mà sinh kinh sợ. Đó gọi là hành động tùy thuận thế gian. Do đó cho nên gọi là Lỗ, Lưu, Lô, Lôu.

Hít hơi vào uốn lưỡi theo tiếng của mũi, tiếng dài, ngắn vượt lên, tùy theo âm giải nghĩa, đều nhân vào lưỡi và răng mà có sai khác. Như vậy nghĩa của chữ có thể khiến cho chúng sinh thanh tịnh được khẩu nghiệp. Phật tánh của chúng sinh thì chẳng nhờ văn tự như vậy, rồi sau đó thanh tịnh. Vì sao? Vì Phật tánh vốn tịnh, tuy ở tại trong ấm, giới, nhập mà chẳng đồng với ấm, giới, nhập. Vậy nên chúng sinh đều nên quy y. Các vị Bồ-tát đều do Phật tánh nên nhìn chúng sinh bình đẳng, không có sai biệt. Vậy nên “bán tự” làm căn bản cho các kinh sách, ký luận, văn chương. Lại, ý nghĩa của “bán tự” đều là nguồn gốc của lời nói phiền não nên gọi là “bán tự”. “Mãn tự” mới là căn bản của tất cả lời nói pháp thiện. Ví như người thế gian làm việc ác thì gọi là bán nhân (nửa người). Người tu hạnh thiện thì gọi là mãn nhân (người đầy đủ). Như vậy tất cả kinh sách, ký luận đều dùng “bán tự” làm căn bản. Nếu nói rằng, Như Lai và chánh giải thoát nhập vào “bán tự” thì việc đó chẳng đúng. Vì sao? Vì lìa văn tự. Vậy nên Như Lai đối với tất cả pháp không ngăn ngại, không nhiễm trước, thật sự được giải thoát. Thế nào gọi là hiểu rõ nghĩa của chữ? Có người biết Như Lai xuất hiện ở đời có thể diệt “bán tự”. Vậy nên gọi là hiểu rõ nghĩa của chữ. Nếu có người theo đuổi nghĩa của “bán tự” thì người đó chẳng biết tánh của Như Lai. Thế nào gọi là vô tự nghĩa? Người gần gũi tu tập pháp bất thiện thì đó gọi là vô tự. Lại, vô tự là tuy có thể gần gũi tu tập pháp bất thiện nhưng chẳng biết Như Lai, thường cùng vô thường, hằng cùng phi hằng và pháp, tăng hai báu, luật cùng phi luật, kinh cùng phi kinh, ma nói, Phật nói. Nếu có người chẳng thể phân biệt như vậy thì đó gọi là theo đuổi nghĩa vô tự. Ta nay đã nói về sự theo đuổi nghĩa vô tự như

vậy. Này thiện nam! Vậy ông nay nên lia “bán tự”, khéo lý giải “mãn tự”.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cần phải học giỏi tự số. Con nay đã gặp được bậc thầy vô thường, đã nhận lời dạy bảo ân cần của Đức Như Lai.

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Người ưa chánh pháp thì nên học tập như vậy.



Phẩm 14: ĐIỀU DỤ

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Chim có hai giống, một tên là Ca-lân-đê, hai tên là Uyên ương cùng bay cùng dừng chẳng rời nhau. Những pháp như là khổ, vô thường, vô ngã v.v... cũng như vậy, chẳng rời nhau.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi khổ, vô thường, vô ngã như là chim Uyên ương, Ca-lân-đê kia?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Khổ là pháp khác, lạc là pháp khác, thường là pháp khác, vô thường là pháp khác, ngã là pháp khác, vô ngã là pháp khác. Ví như gạo lúa khác với mè, lúa mạch; mè, lúa mạch lại khác với đậu, lúa tẻ, mía đường. Các giống như vậy, từ mầm chồi của chúng cho đến hoa lá đều là vô thường. Khi quả trái chín thành, con người thọ dụng thì mới là thường. Vì sao? Vì tánh chân thật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những vật như vậy nếu là thường thì đồng với Như Lai sao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy. Vì sao? Vì nếu nói rằng, Như Lai như núi Tu-di thì khi kiếp hoại núi Tu-di ngã đổ, Như Lai bấy giờ lẽ nào đồng hủy hoại chẳng? Này thiện nam! Ông nay

chẳng nên chấp giữ nghĩa đó. Này thiện nam! Tất cả các pháp, chỉ trừ Niết-bàn, không một pháp nào là thường cả. Nhưng vì thế đế mà nói rằng quả trái là thường.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hay thay! Hay thay! Đúng như lời Thế Tôn nói.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Này thiện nam! Tuy tu tập tất cả khế kinh, các định nhưng thậm chí chưa nghe Đại Bát Niết Bàn thì đều nói rằng, tất cả đều là vô thường. Nghe kinh này rồi, tuy có phiền não mà như không có phiền não, liền có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh. Đó gọi là thường. Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây Am-la, hoa cây ấy mới nở thì gọi là tướng vô thường, nếu thành quả hạt có nhiều sự lợi ích thì mới gọi là thường. Như vậy, này thiện nam! Tuy tu học tất cả khế kinh, các định nhưng khi chưa nghe Đại Niết-bàn như vậy thì đều nói rằng, tất cả đều là vô thường. Nghe kinh này rồi, tuy có phiền não mà như không có phiền não, liền có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh. Đó gọi là thường. Lại nữa, này thiện nam! Ví như quặng vàng khi chảy ra là tướng vô thường. Chảy ra rồi thì thành vàng, có nhiều sự lợi ích mới gọi là thường. Như vậy, này thiện nam! Tuy tu tập tất cả khế kinh, các định nhưng thậm chí chưa nghe Đại Bát Niết Bàn thì đều nói rằng, tất cả đều là vô thường. Nghe kinh này rồi, tuy có phiền não mà như không có phiền não, liền có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh. Đó gọi là thường. Lại nữa, này thiện nam! Ví như hạt mè khi chưa ép thì gọi là vô thường. Khi đã ép thành dầu, có nhiều lợi ích thì mới gọi là thường. Này thiện nam! Tuy tu tập tất cả khế kinh, các định nhưng thậm chí chưa nghe Đại Bát Niết Bàn thì đều nói rằng, tất cả đều là vô thường. Nghe kinh này rồi, tuy có phiền não mà như không có phiền não, liền có thể làm lợi ích cho tất cả hàng trời, người. Vì sao? Vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh. Đó gọi là thường. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mọi dòng nước đều chảy về biển cả, tất cả khế kinh, các định Tam-muội đều quy về với kinh Đại Thừa Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì rốt ráo nói rõ có Phật tánh. Này thiện nam! Vậy nên Ta nói rằng

thường là pháp khác, vô thường là pháp khác cho đến vô ngã cũng như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai đã lia tên độc ưu bi. Nếu ưu bi gọi là trời thì Như Lai chẳng phải là trời. Ưu bi gọi là người thì Như Lai chẳng phải là người. Ưu bi gọi là hai mươi lăm cõi thì Như Lai chẳng phải là hai mươi lăm cõi. Vậy nên Như Lai không có ưu bi mà vì sao xưng rằng Như Lai ưu bi?

Này thiện nam! Trời Vô Tướng thì gọi là vô tướng. Nếu vô tướng thì không thọ mạng. Nếu không thọ mạng thì làm sao mà có ấm, giới, nhập. Do ý nghĩa này nên thọ mạng trời Vô Tướng chẳng thể nói là có chỗ trụ. Này thiện nam! Ví như vị thân cây nương vào cây mà trụ, chẳng thể nói nhất định là nương cành, nương đốt, nương thân, nương lá. Tuy không định được chỗ nương nhưng chẳng thể nói rằng không. Thọ của trời Vô Tướng cũng như vậy. Này thiện nam! Pháp Phật cũng vậy, thâm diệu khó hiểu. Như Lai thật không ưu bi khổ não mà đối với chúng sinh khởi lên đại bi, thị hiện có ưu bi, xem các chúng sinh như La-hầu-la. Lại nữa, này thiện nam! Trời Vô Tướng có thọ mạng chỉ có Phật có thể biết, chẳng có ai khác biết. Cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như vậy. Này Ca-diếp! Tánh của Như Lai thanh tịnh, vô nhiễm giống như hóa thân thì sao phải có ưu bi khổ não? Nếu nói Như Lai có ưu bi khổ não thì làm sao có thể tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, hoằng hóa pháp Phật rộng rãi? Nếu nói không thì làm sao mà nói bình đẳng xem chúng sinh như La-hầu-la. Nếu chẳng bình đẳng xem chúng sinh như La-hầu-la thì lời nói như vậy là hư vọng. Do ý nghĩa này nên Phật chẳng thể nghĩ bàn. Pháp chẳng thể nghĩ bàn. Phật tánh của chúng sinh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Thọ của trời Vô Tướng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai có ưu và cả không có ưu là cảnh giới của Phật, chẳng phải là điều hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác. Này thiện nam! Ví như trong không, nhà cửa, vì trần chẳng thể đứng được. Nhưng nếu nói nhà cửa chẳng nhân vào hư không mà trụ thì đó là điều không có. Do ý nghĩa này nên chẳng thể nói nhà cửa trụ ở hư không hay chẳng trụ ở hư không. Người phàm phu tuy lại nói rằng, nhà cửa trụ ở hư không, nhưng mà hư không thật không sở trụ. Vì sao? Vì tánh không

trụ. Nay thiện nam! Tâm cũng như vậy, chẳng thể nói, trụ ở ấm, giới, nhập và cả chẳng trụ nữa. Thọ của trời Vô Tướng cũng như vậy. Ưu bi của Như Lai cũng như vậy. Nếu Phật không ưu bi thì sao nói bình đẳng xem chúng sinh như La-hầu-la? Nếu nói có ưu bi thì sao lại nói tánh đồng hư không? Nay thiện nam! Ví như nhà huyễn thuật tuy hóa làm đủ thứ cung điện, sát sinh, nuôi lớn, trói buộc, buông bỏ và hóa làm vàng, bạc, lưu ly v.v... vật báu, rừng rậm, cây cối v.v... nhưng đều không thật tánh. Như Lai cũng vậy, thuận theo thế gian, thị hiện ưu bi nhưng không có chân thật. Nay thiện nam! Như Lai đã vào Đại Bát Niết Bàn rồi thì sao phải có ưu bi khổ não? Nếu cho là Như Lai vào Niết-bàn là vô thường thì ông phải biết người đó có ưu bi. Nếu cho là Như Lai chẳng vào Niết-bàn, thường trụ bất biến thì ông phải biết người đó không có ưu bi. Như Lai có ưu bi và cả không có ưu bi thì không ai có thể biết được.

Lại nữa, nay thiện nam! Ví như người bậc hạ có thể biết pháp bậc hạ chẳng biết pháp bậc trung và pháp bậc thượng. Người bậc trung thì biết pháp bậc trung, chẳng biết đến pháp bậc thượng. Người bậc thượng thì biết pháp bậc thượng và biết pháp bậc trung, pháp bậc hạ. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, biết ngang tầm địa của mình. Như Lai chẳng vậy, mà biết hết tầm địa của mình và cả tầm địa của người khác. Vậy nên Như Lai gọi là trí vô ngại, thị hiện huyễn hóa thuận theo thế gian, phàm phu mắt thịt cho đó là chân thật mà muốn biết hết trí vô thượng vô ngại của Như Lai thì không có điều này. Có ưu bi hay không có ưu bi thì chỉ có Phật mới có thể biết. Do nhân duyên này nên pháp có ngã khác, pháp không có ngã khác. Đó gọi là tánh của yên ương và Ca-lân-đề. Lại nữa, nay thiện nam! Pháp Phật giống như chim yên ương cùng bay đi. Chim Ca-lân-đề và chim yên ương, về mùa hạ nước dâng đầy tràn, chúng chọn lựa chỗ cao cho con mình ở yên ổn mà nuôi dưỡng chúng. Rồi sau đấy tùy theo sự yên ổn đó mà nó bay đi kiếm ăn. Như Lai ra đời cũng như vậy, hóa độ vô lượng chúng sinh khiến cho họ trụ ở chánh pháp như chim yên ương và chim Ca-lân-đề chọn lựa vùng cao để an trí con của mình. Như Lai cũng vậy, khiến cho các chúng sinh việc làm đã hoàn thành, liền vào Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Đó gọi là pháp khổ khác, pháp vui

khác, các hành là khổ, Niết-bàn là vui, là pháp đệ nhất vi diệu phá hoại các hành.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao chúng sinh được Niết-bàn thì gọi là đệ nhất lạc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như Ta đã nói, các hành hòa hợp gọi là lão tử.

Cẩn thận không buông lung

Chỗ đó là cam lồ

Chẳng cẩn thận, buông lung

Đó gọi là chỗ chết

Nếu người chẳng buông lung

Thì được chỗ bất tử

Như người ấy buông lung

Thường đi vào đường chết.

Nếu buông lung thì gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi này là đệ nhất khổ. Chẳng buông lung thì gọi là Niết-bàn. Niết-bàn gọi là cam lồ an vui đệ nhất. Nếu đi theo các hành thì đó gọi là chỗ chết, thọ khổ đệ nhất. Nếu đến Niết-bàn thì gọi là bất tử, thọ lạc tối diệu. Nếu chẳng buông lung thì tuy tập các hành nhưng đó cũng gọi là thường lạc, chẳng chết, chẳng phá hoại thân. Sao gọi là buông lung? Sao gọi là chẳng buông lung? Chẳng phải Thánh, phàm phu thì gọi phóng dật, pháp thường chết. Thánh nhân xuất thế thì chẳng buông lung, không có già chết. Vì sao? Vì vào Niết-bàn thường lạc đệ nhất. Do ý nghĩa này nên khổ là pháp khác, vui là pháp khác, ngã là pháp khác, vô ngã là pháp khác. Như người đứng dưới đất ngược xem hư không, chẳng thấy dấu vết loài chim. Này thiện nam! Chúng sinh cũng vậy, không có thiên nhãn, ở trong phiền não chẳng tự thấy có tánh của Như Lai. Vậy nên Ta nói mật giáo vô ngã. Vì sao? Vì không thiên nhãn thì chẳng biết chân ngã mà chấp trước là ngã, nhân nơi các phiền não đã tạo tác hữu vi tức là vô thường. Vậy nên Ta nói, pháp thường khác, pháp vô thường khác.

Người tinh tấn dũng kiện

Như ở đỉnh núi cao

*Thường thấy các phàm phu
Đất bằng và đồng trống
Lên điện đại trí tuệ
Đài vô thượng nhiệm mầu
Đã tự trừ ưu hoạn
Cũng thấy chúng sinh ưu.*

Như Lai đoạn hết vô lượng phiền não, trụ ở núi trí tuệ, thấy các chúng sinh luôn ở trong vô lượng ức phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời của kệ nói thì nghĩa đó chẳng vậy. Vì sao? Vì vào Niết-bàn thì không lo, không mừng. Sao gọi là được thăng lên đài điện trí tuệ? Sao lại phải trụ tại đỉnh núi mà thấy chúng sinh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Điện trí tuệ tức là Niết-bàn. Không ưu hoạn là chỉ cho Như Lai. Có ưu hoạn là chỉ cho người phàm phu. Vì phàm phu ưu hoạn nên Như Lai không ưu hoạn. Đỉnh núi Tu-di là chỉ cho chánh giải thoát. Siêng năng tinh tấn là ví cho núi Tu-di không có chuyển động. Đất là chỉ cho hành hữu vi. Những phàm phu này an trụ ở đất đó mà tạo tác các hành. Người trí tuệ ấy gọi là chánh giác. Lìa khỏi “hữu”, thường trụ nên gọi là Như Lai. Như Lai thương xót nghĩ đến vô lượng chúng sinh thường bị trúng tên độc của các hữu, nên gọi là Như Lai có ưu bi.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử Như Lai có ưu bi thì chẳng được xưng là Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đều có nhân duyên! Tùy theo chỗ có chúng sinh đáng được thọ giáo mà Như Lai ở trong đó thị hiện thọ sinh. Tuy hiện thọ sinh mà thật ra không sinh. Vậy nên Như Lai gọi là pháp thường trụ như chim Ca-lân-đề và chim uyên ương v.v...



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN IX

Phẩm 15: NGUYỆT DỤ

Đức Phật bảo Ca-diếp:

– Ví như có người thấy trăng chẳng hiện thì nói rằng trăng lặn, mà tưởng là mất. Nhưng tánh của trăng này thật ra không lặn mất mà chuyển đi hiện ở nơi khác. Chúng sinh ở nơi trăng hiện đến lại gọi là trăng mọc nhưng tánh của trăng này thật không có mọc. Vì sao? Vì do núi Tu-di ngăn chận nên chẳng hiện. Trăng ấy, tánh thường sinh không có mọc ra hay lặn mất. Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng như vậy, xuất hiện ở cõi đại thiên thế giới, hoặc ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện có cha mẹ, chúng sinh đều gọi là sinh ở cõi Diêm-phù-đề. Hoặc ở cõi Diêm-phù-đề thị hiện Niết-bàn mà tánh của Như Lai thật ra không có Niết-bàn, nhưng các chúng sinh đều gọi là Như Lai thật sự nhập Niết-bàn, ví như vầng trăng lặn mất. Nay thiện nam! Tánh của Như Lai thật không sinh diệt nhưng vì hóa độ chúng sinh nên thị hiện có sinh diệt. Nay thiện nam! Như ở đây trăng tròn đầy mà phương khác thấy một nửa, ở đây trăng xuất hiện đầu tiên thì đều gọi là ngày mồng một, khởi lên ý tưởng đầu tháng. Nếu họ thấy trăng tròn đầy thì đều gọi là ngày mười lăm, sinh ra tưởng tròn đầy thật ra tánh của trăng này không có với, đầy mà do núi Tu-di nên có tăng giảm. Nay thiện nam! Như Lai cũng vậy, ở cõi Diêm-phù-đề, hoặc hiện mới sinh, hoặc hiện Niết-bàn. Khi hiện thai sinh thì giống như trăng non đầu tháng, tất cả đều gọi là đồng tử. Mới sinh đi bảy bước như trăng ngày mồng hai, hoặc lại thị hiện vào thư đường thì như trăng ngày mồng ba, hoặc thị hiện xuất gia như trăng ngày mồng tám. Phóng ra ánh sáng đại trí tuệ vi diệu có thể phá vô lượng chúng ma của chúng sinh như trăng tròn đầy của ngày mười lăm. Hoặc lại thị hiện ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để

tự trang nghiêm mà hiện Niết-bàn thì ví như nguyệt thực. Như vậy sự nhìn thấy của chúng sinh chẳng đồng, hoặc thấy nửa trăng, hoặc thấy trăng tròn, hoặc thấy nguyệt thực mà tánh của trăng này thật không tăng giảm, xâm thực luôn luôn là trăng tròn đầy. Thân Như Lai cũng như vậy. Vậy nên gọi là thường trụ bất biến. Lại nữa, này thiện nam! Ví như trăng tròn đầy thì tất cả đều hiện. Ở tại khắp nơi, thành ấp, xóm làng, núi đầm, trong nước, hoặc giếng, hoặc ao và những đồ đựng nước tất cả đều hiện. Có các chúng sinh đi một trăm do-tuần, trăm ngàn do-tuần, thấy trăng luôn đi theo. Người phàm phu ngu si phát sinh vọng tưởng rằng: “Ta vốn ở nhà tại thành ấp đó, thấy trăng như vậy. Nay lại ở đầm trống này cũng thấy trăng nữa. Đó là trăng cũ hay là trăng khác? Họ đều nghĩ tưởng về hình dạng trăng lớn, nhỏ. Hoặc nói như miệng chậu, hoặc nói như bánh xe, hoặc nói bằng bốn mươi chín do-tuần. Tất cả đều thấy ánh sáng của trăng, hoặc thấy tròn trịa giống như cái mâm vàng, tánh của trăng đó là một mà đủ loại chúng sinh đều thấy hình tướng khác. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, xuất hiện ở đời, hoặc có người, trời nghĩ: “Như Lai nay trụ ở trước ta”. Hoặc có người cảm điếc cũng thấy Như Lai có tướng cảm điếc. Chúng sinh đủ loại, ngôn ngữ khác nhau mà đều cho là Như Lai đồng ngôn ngữ với mình, cũng đều sinh ra ý nghĩ là ở tại nhà cửa của mình, nhận sự cúng dường của mình. Hoặc có chúng sinh thấy thân Như Lai to lớn không lường, hoặc thấy nhỏ xíu. Hoặc có người thấy Phật là hình dáng Thanh văn. Hoặc lại có người thấy là hình dáng Duyên giác. Có những ngoại đạo lại nghĩ rằng: “Đức Như Lai nay ở trong pháp của ta xuất gia học đạo”. Hoặc có chúng sinh lại nghĩ: “Đức Như Lai nay riêng vì một mình ta nên xuất hiện ở đời”. Thật tánh của Như Lai ví như vầng trăng kia, tức là thân pháp, là thân vô sinh, thân phương tiện thuận theo đời mà thị hiện vô lượng nhân duyên nghiệp dụng. Ở tại khắp nơi Như Lai thị hiện có sinh giống như vầng trăng kia. Do ý nghĩa này nên Như Lai thường trụ không có biến đổi. Lại nữa, này thiện nam! Như vua A-tu-la La-hầu-la dùng tay ngăn che mặt trăng mà những người thế gian đều gọi là nguyệt thực. Vua A-tu-la thật ra chẳng thể nuốt mặt trăng mà vua A-tu-la chỉ ngăn che ánh sáng của vầng trăng ấy nên vầng trăng này vẫn tròn trịa không có khuyết tổn. Chỉ dùng tay ngăn che nên

khiến cho không thấy, nếu khi vén tay lên thì thế gian đều gọi là trắng mọc trở lại, và đều nói rằng, trắng đó chịu nhiều khổ não. Nhưng giả sử có hàng trăm ngàn vua A-tu-la cũng chẳng thể nào hại được trắng đó. Như Lai cũng vậy, thị hiện có chúng sinh đối với Như Lai, đã sinh lòng thô ác, làm chảy máu thân Phật, khởi lên tội ngũ nghịch cho đến Nhất-xiển-đề. Vì chúng sinh đời vị lai nên thị hiện sự phá hoại Tăng, đoạn diệt pháp như vậy mà tạo tác chướng nạn. Giả sử vô lượng trăm ngàn ma chẳng thể xâm phạm làm chảy máu thân Đức Như Lai. Vì sao? Vì thân Như Lai không có máu thịt, gân, mạch, xương, tủy, Như Lai chân thật không có não hại. Chúng sinh đều cho là Pháp, Tăng hủy hoại, Như Lai diệt tận mà tánh của Như Lai chân thật, không biến dịch, không bị phá hoại. Như Lai thuận theo thế gian mà thị hiện như vậy thôi. Lại nữa, này thiện nam! Như hai người đánh nhau. Hoặc dùng dao, gậy đả thương thân chảy máu, tuy gần chết nhưng chẳng khởi lên tư tưởng sát hại. Nghiệp tướng như vậy nhẹ chứ chẳng nặng. Đối với Như Lai, vốn không có lòng sát hại nên tuy làm thân chảy máu nhưng nghiệp đó cũng vậy, nhẹ chứ chẳng nặng. Như Lai cũng vậy, vào đời vị lai, vì hóa độ chúng sinh nên thị hiện nghiệp báo. Lại nữa, này thiện nam! Giống như vị lương y siêng dạy bảo con mình về căn bản của y phương: “Đây là thuốc rễ, đây là thuốc thân, đây là thuốc màu sắc, đủ thứ tướng mạo của thuốc, con phải biết rành”. Người con ấy kính vâng sự dạy bảo của cha, tinh cần học tập, giỏi biết các thứ thuốc. Thời gian sau vị lương y đó thọ tận mạng chung, người con ấy gào khóc luyến mộ mà nói: “Cha vốn dạy con thuốc rễ như vậy, thuốc thân như vậy, thuốc hoa như vậy, sắc tướng như vậy”. Như Lai cũng vậy, vì hóa độ chúng sinh, thị hiện chế ra giới luật: cần phải như vậy mà thọ trì chớ phạm phải tội ngũ nghịch, bài báng chánh pháp đưa đến Nhất-xiển-đề, vì đời vị lai sẽ khởi lên những việc đó nên Ta thị hiện ra, muốn khiến cho Tỳ-kheo, sau khi Phật diệt độ nên tạo ra sự hiểu biết như vậy. Đây là nghĩa sâu xa của kế kinh. Đây là tướng khinh, trọng của giới luật. Đây là pháp cú phân biệt A-tỳ-đàm giống như con của vị lương y kia.

Lại nữa, này thiện nam! Như người thấy trăng sáu tháng một lần nguyệt thực mà trên chư Thiên thì trong giây lát đã thấy nguyệt thực. Vì sao? Vì ngày của trời dài, của nhân gian ngắn. Này thiện nam! Như

Lai cũng vậy, hàng trời, người đều cho là Như Lai thọ mạng ngắn như người trời kia, trong giây lát đều thấy nguyệt thực. Như Lai lại ở trong giây lát, thị hiện trăm ngàn vạn ức lần Niết-bàn, đoạn trừ ma phiền não, ma ám, ma chết. Vậy nên trăm ngàn vạn ức thiên ma đều biết Như Lai vào Niết-bàn. Lại nữa, Như Lai thị hiện vô lượng trăm ngàn nhân duyên nghiệp đời trước, thuận theo đủ tánh của thế gian. Như Lai đã thị hiện vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Vậy nên Như Lai thường trụ không biến dịch. Lại nữa, này thiện nam! Ví như trăng sáng chúng sinh ưa nhìn. Nên xưng hiệu của trăng là Nhạo Kiến. Chúng sinh nếu có tham dục, sân hận, ngu si thì chẳng được xưng là Nhạo Kiến. Như Lai cũng vậy, tánh của Như Lai thuần thiện, thanh tịnh, không cấu bẩn, nên rất đáng xưng là Nhạo Kiến. Chúng sinh ưa pháp nhìn Như Lai không chán, còn người có tâm ác chẳng ưa nhìn Như Lai. Do ý nghĩa đó nên nói Như Lai ví như trăng sáng. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mặt trời mọc có ba thời kỳ khác. Đó là mùa xuân, mùa hạ và mùa đông. Ngày mùa đông thì ngắn, ngày mùa xuân thì trung bình, còn ngày mùa hạ thì rất dài. Như Lai cũng vậy, ở trong ba ngàn đại thiên thế giới này vì người thọ mạng ngắn ngủi và vì các Thanh văn mà thị hiện thọ mạng ngắn ngủi. Mọi người thấy thế rồi đều cho là thọ mạng của Như Lai ngắn ngủi ví như ngày mùa đông. Phật vì các vị Bồ-tát thị hiện thọ mạng trung bình, hoặc đến một kiếp hay non một kiếp ví như ngày của mùa xuân, chỉ có Phật thấy thọ mạng của Phật là vô lượng, ví như ngày của mùa hạ. Này thiện nam! Như Lai đã nói giáo pháp vi mật Phương Đẳng Đại Thừa, thị hiện ở thế gian, tuôn mưa pháp lớn. Vào đời vị lai, nếu có người có thể hộ trì kinh điển đó mà khai thị, phân biệt, tạo lợi ích cho chúng sinh thì phải biết hạng người đó là những Bồ-tát chân thật, ví như vào mùa hạ lúc qua nóng bức, trời tuôn mưa cam lồ. Nếu có hàng Thanh văn, Duyên giác nghe giáo lý vi mật của Phật Như Lai thì ví như ngày mùa đông gặp nhiều lạnh lẽo. Hàng Bồ-tát, nếu nghe lời dạy bảo vi mật là Như Lai thường trụ, tánh không biến dịch như vậy là ví như ngày mùa xuân, mầm chồi nảy nở. Nhưng mà tánh Như Lai thật sự không có dài ngắn, vì thế gian nên thị hiện như vậy. Đó tức là pháp tánh chân thật của các Đức Phật. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mọi vì sao, ban ngày thì chẳng hiện mà

mọi người đều cho là ban ngày sao diệt mất, nhưng kỳ thật chẳng mất mà sở dĩ chẳng hiện là vì ánh sáng của mặt trời làm lòa đi. Như Lai cũng vậy, Thanh văn, Duyên giác chẳng thể thấy được, giống như người đời chẳng thấy sao vào ban ngày. Lại nữa, này thiện nam! Ví như trong bóng tối không thấy mặt trời, mặt trăng. Người ngu nói rằng mặt trời, mặt trăng mất tiêu, mà thật ra mặt trời, mặt trăng đó không mất. Khi chánh pháp của Như Lai diệt tận, Tam bảo biến mất cũng như vậy, chẳng phải diệt mất vĩnh viễn. Vậy nên phải biết là Như Lai thường trụ, không có biến dịch. Vì sao? Vì chân tánh của Tam bảo chẳng sợ bị sự ô nhiễm của những cấu bần.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như đêm không trăng, sao chổi xuất hiện. Ánh sáng của sao ấy sáng chói, xuất hiện chốc lát lại biến mất. Chúng sinh thấy sao ấy rồi sinh tư tưởng chẳng tốt đẹp. Các Phật-bích-chi cũng như vậy, xuất hiện ở đời không có Phật, chúng sinh thấy rồi đều cho là Như Lai chân thật. Sau khi những vị ấy diệt họ đều sinh tư tưởng ưu bi, mà thân Như Lai thật chẳng diệt độ, như mặt trời, mặt trăng kia không có diệt mất.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như mặt trời mọc thì mọi sương mù đều tan. Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, xuất hiện ở đời, nếu có chúng sinh một lần nghe kinh rồi có thể diệt trừ hết tất cả những tội nghiệp ác vô gián. Cảnh giới thâm diệu của Đại Niết-bàn đó chẳng thể nghĩ bàn, khéo nói tánh vi mật của Như Lai. Do ý nghĩa đó nên các thiện nam, thiện nữ v.v... đối với Như Lai sinh tâm thường trụ, không có biến dịch, chánh pháp chẳng đoạn, Tăng bảo chẳng diệt. Vậy nên cần phải tu nhiều phương tiện, siêng học kinh điển đó thì người này chẳng bao lâu sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên kinh này gọi là sự thành tựu của vô lượng công đức, cũng gọi là Bồ-đề chẳng thể cùng tận. Do chẳng cùng tận nên được xưng là Đại Bất-biết-bàn, có ánh sáng thiện nên giống như ngày mùa hạ, thân vô biên nên gọi là Đại Niết-bàn.

*
**

Phẩm 16: BỒ TÁT

Lại nữa, này thiện nam! Như trong các loại ánh sáng thì ánh sáng mặt trời, mặt trăng là trên hết, tất cả những ánh sáng đã chẳng thể bì kịp. Ánh sáng Đại Niết-bàn cũng như vậy, đối với ánh sáng của các kệ kinh, Tam-muội, là tối thù thắng; ánh sáng của các kinh, Tam-muội chẳng thể bì kịp. Vì sao? Vì ánh sáng của Đại Niết-bàn có thể vào những lỗ chân lông của chúng sinh. Chúng sinh tuy không có tâm Bồ-đề mà có thể vì họ tạo tác nhân duyên Bồ-đề. Vậy nên lại gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói, ánh sáng Đại Niết-bàn vào lỗ chân lông của tất cả chúng sinh, chúng sinh tuy không có tâm Bồ-đề mà có thể vì họ tạo tác nhân Bồ-đề, thì ý nghĩa này chẳng phải vậy. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Vì người phạm bốn trọng cấm, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề mà ánh sáng vào thân, tạo nhân Bồ-đề thì hạng như vậy cùng với người trì tịnh giới, tu tập các thiện có gì sai khác? Nếu không sai khác thì Như Lai cố sao nói ý nghĩa của bốn y? Thưa Thế Tôn! Lại như Phật nói, nếu có chúng sinh nghe Đại Niết-bàn, chỉ một lần qua tai thôi thì được đoạn trừ các phiền não thì sao ở trên Như Lai lại nói, có người ở chỗ hằng hà sa số Phật phát tâm Bồ-đề mà nghe Đại Niết-bàn chẳng lý giải được nghĩa của kinh ấy. Nếu chẳng giải được nghĩa thì làm sao có thể đoạn tất cả phiền não?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trừ Nhất-xiển-đề, ngoài ra chúng sinh nghe kinh này rồi đều có thể tạo tác nhân duyên Bồ-đề, ánh sáng của âm thanh pháp vào lỗ chân lông thì nhất định sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì nếu có người có thể cúng dường cung kính vô lượng chư Phật thì mới được nghe kinh Đại Niết-bàn, còn người bạc phước thì chẳng được nghe. Vì sao? Vì người đức lớn mới có thể được nghe việc lớn như vậy, còn hạng phàm phu thấp kém thì chẳng được nghe. Cái gì là lớn? Là tạng bí mật sâu xa của chư Phật, là tánh của Như Lai. Do ý nghĩa này nên gọi là việc lớn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là người chưa phát tâm Bồ-đề mà được nhân Bồ-đề?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nếu có người nghe kinh Đại Niết-bàn này mà nói rằng, ta chẳng cần phát tâm Bồ-đề, thì đó là bài báng chánh pháp, người đó ở trong mộng thấy hình dáng La-sát, trong lòng kinh sợ. La-sát nói: “Hừ! Này thiện nam! Nay người chẳng phát tâm Bồ-đề thì ta sẽ giết người”. Người ấy kinh hoàng thức dậy, liền phát tâm Bồ-đề. Người đó sau khi mạng chung, nếu sinh tại ba đường và tại cõi người, trời lại tiếp tục nhớ nghĩ tâm Bồ-đề thì phải biết người này là Đại Bồ-tát. Do ý nghĩa đó nên sức uy thần của Đại Niết-bàn này có thể khiến cho người chưa phát tâm Bồ-đề tạo tác nhân Bồ-đề. Này thiện nam! Đó gọi là nhân duyên phát tâm của Bồ-tát, chẳng phải không nhân duyên. Do ý nghĩa đó nên Đại thừa diệu điển chính là lời nói của Phật. Lại nữa, này thiện nam! Ví như trong hư không nổi lên mây lớn mưa trút xuống đại địa, cây khô, núi đá, vùng cao, gò đống thì nước mưa chẳng trụ lại được mà tuôn chảy vào ruộng thấp, vũng, ao tràn đầy, tạo lợi ích không lường cho tất cả chúng sinh. Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, tuôn xuống mưa pháp lớn thấm nhuần khắp chúng sinh. Còn đối với Nhất-xiển-đề mà phát tâm Bồ-đề thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Ví như hạt giống cháy, tuy gặp mưa dù hàng trăm ngàn vạn kiếp cũng chẳng bao giờ nảy mầm. Mầm nếu mọc ra thì đó là điều không có. Hạng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, tuy nghe kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu như vậy, nhưng nhất định chẳng thể phát tâm Bồ-đề, nếu có thể phát tâm thì đó là điều không có. Vì sao? Vì người đó đoạn diệt tất cả thiện căn như hạt giống cháy kia nên chẳng thể nảy sinh mầm rễ Bồ-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như viên ngọc sáng đặt trong nước đục. Do tác dụng của ngọc nên nước liền lắng trong. Nếu ném bùn vào đó thì chẳng thể làm cho trong được. Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, đặt vào trong nước đục những chúng sinh phạm năm tội vô gián, bốn pháp trọng cấm khác còn có thể lắng trong, phát tâm Bồ-đề. Ném bùn Nhất-xiển-đề vào trong đó thì trăm ngàn vạn năm cũng chẳng thể khiến cho lắng trong, dấy khởi tâm Bồ-đề được. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề đó đoạn diệt các thiện căn, chẳng phải là đồ chứa Bồ-đề. Giả sử người đó đã hàng trăm ngàn vạn năm nghe thọ kinh Đại Niết-bàn như vậy cũng nhất định chẳng thể phát tâm

Bồ-đề. Vì sao? Vì không có tâm thiện.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây thuốc tên là dược vương, ở trong các thuốc nó là tối thắng. Nếu hòa nó với kem sữa, hoặc mật, hoặc bơ sữa, hoặc nước lã, hoặc nước uống, hoặc làm thành bột, hoặc thành hoàn, rồi hoặc dùng bôi vết thương, xông hơi thân thể, thoa vào mắt, hoặc nhìn thấy thuốc hay ngửi mùi thuốc có thể diệt tất cả mọi thứ bệnh của chúng sinh. Cây thuốc như vậy chẳng nghĩ: “Tất cả chúng sinh hoặc lấy rễ chẳng nên lấy lá, hoặc lấy lá thì chẳng nên lấy rễ, hoặc lấy thân thì chẳng nên lấy vỏ, hoặc lấy vỏ thì chẳng nên lấy thân”. Cây đó tuy chẳng nghĩ như vậy mà có thể trừ diệt tất cả bệnh khổ. Này thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, có thể trừ nghiệp ác, bốn Ba-la-di, năm tội vô gián của tất cả chúng sinh, hoặc các ác ở bên trong hay bên ngoài. Những người chưa phát tâm Bồ-đề thì nhân đó được phát tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì kinh điển vi diệu này là vua trong các kinh như cây thuốc kia là vua trong các thuốc. Nếu có người tu tập kinh Đại Niết-bàn này và người chẳng tu, hoặc chỉ nghe có danh tự của kinh điển đó, và nghe rồi kính tín thì tất cả trọng bệnh phiền não đều trừ diệt hết. Nhưng chẳng thể khiến cho bọn Nhất-xiển-đề an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như cây diệu dược kia tuy có thể trị khỏi đủ thứ trọng bệnh nhưng chẳng thể trị được người chết. Lại nữa, này thiện nam! Như người tay bị thương cầm nắm thuốc độc thì độc sẽ theo vào, nếu người không bị thương thì độc chẳng vào. Hạng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, không có nhân Bồ-đề như không có vết thương thì độc chẳng được vào. Cái gọi là vết thương tức là nhân duyên của Bồ-đề vô thượng. Độc tức là đệ nhất diệu dược. Toàn vẹn không vết thương thì gọi là Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như kim cương không gì có thể hủy hoại mà nó có thể phá hoại tất cả mọi vật, chỉ trừ mai rùa và sừng dê trắng. Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, đều có thể an lập vô lượng chúng sinh ở đạo Bồ-đề, chỉ chẳng thể khiến cho hạng Nhất-xiển-đề kiến lập nhân Bồ-đề. Lại nữa, này thiện nam! Như cỏ mã xỉ, cây Ta-la-sí, cây Ni-ca-la tuy chặt cành thân nhưng vẫn tiếp tục sinh ra như cũ, chẳng như cây Đa-la, chặt rồi chẳng sinh ra nữa. Những chúng sinh đó cũng như vậy, nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn này, tuy phạm bốn trọng

cấm, năm tội vô gián nhưng còn có thể sinh nhân duyên Bồ-đề. Hạng Nhất-xiển-đề thì chẳng như vậy, tuy được nghe thọ kinh điển vi diệu này nhưng chẳng thể sinh ra nhân của đạo Bồ-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Như cây Khư-đà-la, cây Trấn-đầu-ca bị chặt rồi chẳng sinh ra nữa. Hạng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, tuy được nghe kinh Đại Niết-bàn này nhưng chẳng thể phát khởi nhân duyên Bồ-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mưa lớn chẳng bao giờ dừng ở trên không. Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng như vậy, tuôn mưa pháp khắp nơi, nhưng đối với Nhất-xiển-đề thì chẳng thể trụ được. Nhất-xiển-đề này khắp thân thể kín mít giống như kim cương, chẳng dung nạp ngoại vật.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói kệ:

*Chẳng thấy thiện chẳng làm
Chỉ thấy ác, đáng làm
Điều này đáng kinh sợ
Như đường ác nguy hiểm.*

Thưa Thế Tôn! Lời nói như vậy có những nghĩa gì?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Chẳng thấy, nghĩa là chẳng thấy Phật tánh. Thiện tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng làm là nói lên việc chẳng thể gần gũi bạn lành. Chỉ thấy là thấy không nhân quả. Ác là gọi sự bài báng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Đáng làm là chỉ cho Nhất-xiển-đề nói không có Phương Đẳng. Do ý nghĩa này nên bọn Nhất-xiển-đề không có tâm hướng đến pháp thiện thanh tịnh. Cái gì là pháp thiện? Đó là Niết-bàn. Hướng đến Niết-bàn là có thể tu tập hạnh hiền thiện mà Nhất-xiển-đề không có hạnh hiền thiện. Vậy nên chẳng thể hướng đến Niết-bàn. Điều này đáng sợ là sự bài báng chánh pháp. Ai nên kinh sợ? Đó là bậc trí giả. Vì sao? Vì người bài báng pháp thì không có lòng thiện và phương tiện thiện. Đường ác nguy hiểm là gọi các hành.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Như Phật đã nói:

*Sao gọi thấy việc làm?
 Sao gọi được pháp thiện?
 Chỗ nào chẳng sợ hãi
 Như đường bằng vua đi?*

Nghĩa này thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thấy việc làm là phát lộ các ác. Từ cõi sinh tử những việc ác đã làm đều phát lộ ra hết, cho đến chỗ rốt ráo. Do ý nghĩa đó nên điều này không sợ. Ví như con đường du hành chính của vua. Trong đường ấy, đạo tặc đều chạy trốn hết. Phát lộ như vậy thì tất cả các ác đều diệt hết, không còn. Lại nữa, chẳng thấy việc làm là, Nhất-xiển-đề tạo ra các việc ác mà chẳng tự thấy. Hàng Nhất-xiển-đề vì tâm kiêu mạn nên tuy làm nhiều điều ác nhưng đối với những việc đó không kinh sợ. Do ý nghĩa đó nên chẳng được Niết-bàn, ví như con vượn bắt vằng trăng trong nước. Này thiện nam! Giả sử tất cả vô lượng chúng sinh cùng một lúc thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì những vị Như Lai này cũng chẳng thấy hàng Nhất-xiển-đề kia thành tựu Bồ-đề. Do ý nghĩa đó nên gọi là chẳng thấy việc làm. Lại nữa, chẳng thấy việc làm của ai? Đó là chẳng thấy việc làm của Như Lai. Lại Phật vì chúng sinh nên nói có Phật tánh, hàng Nhất-xiển-đề trôi lăn trong sinh tử nên không thể thấy biết. Vì nghĩa đó nên không thấy việc làm của Như Lai. Lại hàng Nhất-xiển-đề thấy Như Lai rốt ráo Niết-bàn, cho đó chính là vô thường giống như đèn tắt thì dầu mỡ đều hết. Vì sao? Vì người đó nghiệp ác chẳng tổn giảm. Hoặc có Bồ-tát khi tạo tác nghiệp thiện đều hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tuy hàng Nhất-xiển-đề hủy báng, phá hoại, chẳng tin, nhưng các Bồ-tát vẫn ban cho họ, muốn cho họ cùng thành tựu đạo vô thường. Vì sao? Vì pháp của chư Phật là như vậy.

*Làm ác chẳng thọ liền
 Như sữa thành sữa đặc
 Giống tro phủ trên lửa
 Người ngu khinh đạp vào.*

Nhất-xiển-đề được gọi là kẻ không mắt. Vậy nên chẳng thấy đạo

A-la-hán, như A-la-hán chẳng đi trên đường hiểm ác sinh tử. Vì không mắt nên bài báng Phương Đăng, chẳng muốn tu tập như A-la-hán siêng tu tâm tử. Hạng Nhất-xiển-đề chẳng tu theo Phương Đăng cũng như vậy. Hoặc có người nói: “Ta nay chẳng tin kinh điển của Thanh văn, chỉ tín thọ Đại thừa và đọc tụng giải nói. Nên ta nay là Bồ-tát. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Do Phật tánh nên trong thân chúng sinh đã có mười lực, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Lời nói của ta chẳng khác lời nói của Phật. Ông nay cùng ta đều đã phá vô lượng những phiền não ác như đập vỡ cái bình nước. Do phá được kiết sử nên liền có thể được thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Người đó tuy đã diễn nói như vậy nhưng trong lòng chẳng tin có Phật tánh, chỉ vì lợi dưỡng nên thuận theo lời văn mà nói thôi. Người nói như vậy gọi là người ác. Người ác như vậy thì chẳng sớm chịu quả báo như sữa thành kem sữa. Ví như vị sứ thần của vua giỏi đàm luận, khéo léo phương tiện, vâng mệnh đi sứ nước khác thì thà mất thân mạng, nhất định chẳng làm trái lời dặn bảo của vua. Bậc trí giả cũng vậy, ở trong phạm phu chẳng tiếc thân mạng, cốt để tuyên nói Đại Thừa Phương Đăng, mật tạng của Như Lai, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đây thiện nam! Có Nhất-xiển-đề hóa làm hình dạng La-hán trụ ở chỗ trống mà bài báng kinh điển Phương Đăng Đại Thừa. Những người phạm phu thấy thế rồi đều cho là A-la-hán chân thật, là Đại Bồ-tát. Bọn Tỳ-kheo ác Nhất-xiển-đề này trụ ở chỗ A-lan-nhã, phá hoại pháp A-lan-nhã, thấy người khác được lợi lòng sinh ganh ghét mà nói lên rằng: “Kinh điển Đại Thừa Phương Đăng đều là lời nói của thiên ma Ba-tuần”. Chúng cũng nói: “Như Lai là pháp vô thường” và họ hủy diệt chánh pháp, phá hoại chúng Tăng. Chúng lại nói: “Lời nói của ma Ba-tuần chẳng phải lời nói hợp với điều thiện”. Tuyên nói pháp tà ác này, người làm ác đó chẳng thọ quả báo liền như sữa thành kem sữa, như tro phủ trên lửa, người ngu khinh đạp vào. Người như vậy là chỉ cho Nhất-xiển-đề. Vậy ông phải biết là kinh điển Đại Thừa Phương Đăng vi diệu nhất định thanh tịnh, như ngọc ma-ni ném vào nước đục nước liền được lắng trong. Kinh điển Đại Thừa cũng như vậy. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như hoa sen được sự soi sáng của mặt trời không hoa nào chẳng nở ra. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu được nghe thấy mặt trời Đại

Niết-bàn thì người chưa phát tâm đều phát tâm làm nhân Bồ-đề. Vậy nên ta nói ánh sáng Đại Niết-bàn đã vào lỗ chân lông thì nhất định là nhân duyên vi diệu. Nhất-xiển-đề kia tuy có Phật tánh mà bị sự ràng buộc của vô lượng tội cấu, chẳng thể thoát ra như con tằm ở trong kén. Do nghiệp duyên đó nên chẳng thể được sinh diệu nhân của Bồ-đề mà lưu chuyển sinh tử không cùng tận.

Lại nữa, này thiện nam! Như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng ở trong bùn mà chẳng bị bùn làm ô nhiễm. Nếu có chúng sinh tu học kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu thì cũng như vậy, tuy có phiền não nhưng nhất định chẳng bị phiền não làm ô nhiễm. Vì sao? Vì biết tánh, tướng, lực của Như Lai. Này thiện nam! Ví như ở đất nước kia có nhiều gió mát mẻ, nếu gió chạm vào những lỗ chân lông của thân chúng sinh thì có thể trừ tất cả phiền não nóng bức. Kinh điển Đại Thừa Đại Niết-bàn này cũng như vậy, vào khắp tất cả lỗ chân lông của chúng sinh, vì họ tạo tác nhân duyên vi diệu của Bồ-đề, trừ Nhất-xiển-đề. Vì sao? Vì chẳng phải là pháp khí vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y biết được tám thứ thuốc giảm tất cả bệnh tật mà chẳng thể trừ được bệnh A-tát-xà. Tất cả khế kinh, thiền định Tam-muội cũng như vậy, có thể trị được tất cả những bệnh phiền não, tham dục, sân hận, ngu si, có thể nhổ những mũi tên độc phiền não mà chẳng thể trị kẻ phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián. Này thiện nam! Lại có vị lương y vượt qua tám thứ y thuật, có thể trừ mọi khổ của chúng sinh mà chẳng thể trị được bệnh nhất định chết. Kinh điển Đại Thừa Đại Niết-bàn cũng như vậy, có thể trừ tất cả phiền não của chúng sinh, an trụ họ ở nhân duyên vi diệu thanh tịnh của Như Lai, người chưa phát tâm thì khiến họ được phát tâm. Nhưng chỉ trừ bọn sắp chết Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y có thể dùng diệu dược trị liệu những người mù khiến cho họ thấy mặt trời, mặt trăng, tinh tú, ánh sáng, tất cả sắc tượng mà chẳng thể trị cho người mù bẩm sinh. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, có thể vì hàng Thanh văn, Duyên giác khai phát tuệ nhãn, khiến cho những người ấy an trụ ở vô lượng vô biên kinh điển Đại Thừa, người chưa phát tâm như là kẻ phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián đều có thể khiến cho họ

phát tâm Bồ-đề. Nhưng chỉ trừ bọn mù bầm sinh Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y giỏi biết tám thứ y thuật, trị được tất cả bệnh khổ của chúng sinh với đủ thứ phương dược, tùy bệnh cho thuốc như là: uống thuốc thổ độc ra, xoa thân, nhỏ mũi, hoặc xông hơi, hoặc rửa ráy, hoặc thuốc hoàn, hoặc thuốc tán. Đối với tất cả các vị thuốc đó người nghèo ngu chẳng muốn uống. Vị lương y nghĩ thương liền đem người này về nhà mình, cưỡng ép cho uống thuốc. Nhờ sức của thuốc nên bệnh hoạn đều được khỏi. Người phụ nữ sinh khó, lá nhau chẳng ra, nếu uống thuốc này thì lá nhau liền ra, cũng khiến cho đứa trẻ yên ổn, không bệnh hoạn. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, đến bất cứ chỗ nào, như đến nhà thì có thể trừ vô lượng phiền não của chúng sinh, người phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián chưa phát tâm thì đều khiến cho họ phát tâm, chỉ trừ Nhất-xiển-đề.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phạm bốn trọng cấm và năm tội vô gián thì gọi là ác rất nặng, ví như cắt đứt đầu cây Đa-la thì cây chẳng sống lại. Những người đó chưa phát tâm Bồ-đề thì làm sao có thể cho họ tạo tác nhân Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Những chúng sinh này, nếu ở trong mơ, mơ thấy rơi vào địa ngục, chịu những khổ não liền phát sinh lòng hối hận: “Thương thay! Ta đã tự rước lấy tội này, nếu ta nay được thoát khỏi tội này thì nhất định phát tâm Bồ-đề, những điều ta thấy hôm nay rất là cực ác”. Từ đó thức dậy rồi, người đó liền biết chánh pháp có quả báo lớn. Như đứa trẻ kia dần dần lớn lên, thường nghĩ: “Vị thầy thuốc này rất giỏi về phương dược. Ta xưa ở trong thai, ông cho mẹ ta uống thuốc, mẹ nhờ dùng thuốc nên được yên ổn. Do nhân duyên đó nên mạng ta được an toàn. Lạ thay! Mẹ ta chịu khổ não lớn, hoài bão thân ta đủ đầy mười tháng. Sau khi sinh ra rồi, nhường khô, nằm ướt, dọn dẹp đồ đại tiểu tiện dơ nhớp, rồi cho bú mớm, nuôi dưỡng lớn lên, hộ trì thân ta. Do ý nghĩa này nên ta phải đền ơn mẹ. Phải nuôi dưỡng, hầu hạ, bảo vệ, thuận theo cúng dưỡng”. Người phạm bốn trọng cấm và năm tội vô gián, khi sắp mạng chung liền nghĩ đến kinh điển Đại

Niết-bàn Đại Thừa này thì tuy rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quỷ hoặc lên trời hay ở trong loài người nhưng kinh điển này cũng vẫn vì người đó tạo tác nhân Bồ-đề, trừ Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y và con của vị lương y, hiểu biết thâm diệu vượt hơn các thầy thuốc khác, giỏi biết chú thuật vô thượng trừ độc. Nếu rắn độc như rồng hay rắn đầu tam giác thì họ dùng những chú thuật chú vào thuốc làm cho thêm tác dụng. Rồi họ dùng thứ thuốc hay này bôi lên giày da. Dùng giày da này chạm vào các loài trùng độc thì độc của chúng bị tiêu tan, chỉ trừ một thứ độc tên là Đại Long. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, nếu có chúng sinh phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián thì đều có thể tiêu diệt, khiến cho họ trụ ở Bồ-đề, như giày da bôi thuốc có thể tiêu diệt mọi thứ độc, khiến cho người chưa phát tâm sẽ phát tâm, an trụ ở đạo Bồ-đề vô thượng. Chính là thuốc uy thần của kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa khiến cho các chúng sinh sinh ra an vui, chỉ trừ bọn Nhất-xiển-đề.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người đem thuốc độc mới chế ra dùng bôi vào cái trống lớn. Rồi ở giữa mọi người đánh trống phát ra tiếng, tuy người không có lòng muốn nghe, nhưng đã nghe rồi đều chết. Chỉ trừ một người chẳng chết. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, ở tại khắp nơi nơi, trong các chúng sinh mà có người nghe tiếng thì tham dục, sân hận, ngu si sẵn có đều tiêu diệt hết. Trong số chúng sinh ấy tuy có kẻ không có lòng suy nghĩ đến nhưng do lực nhân duyên có thể diệt phiền não của kinh Đại Niết-bàn này mà phiền não của họ tự diệt. Người phạm bốn trọng cấm và năm tội vô gián nghe kinh này rồi cũng tạo nhân duyên Bồ-đề vô thượng, rồi dần dần đoạn dứt phiền não, chỉ trừ bọn Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như đêm tối tất cả mọi việc làm đều ngưng, nếu có việc chưa xong thì phải đợi đến sáng ngày mai. Người học Đại thừa, tuy tu học kế kinh, tất cả các định, nhưng cần phải đợi mặt trời Đại thừa Đại Niết-bàn để nghe lời dạy vi mật của Như Lai, rồi sau đó mới kiến tạo nghiệp Bồ-đề, an trú ở chánh pháp. Giống như trời mưa thấm nhuần làm tăng trưởng tất cả những giống loại, thành tựu quả hạt, trừ hết đói kém để cho mọi người hưởng thụ nhiều an vui, thịnh vượng. Vô lượng mưa pháp của bí tạng Như Lai cũng như vậy, có thể trừ diệt hết tám thứ

bệnh nhiệt. Kinh này ra đời như những quả hạt kia, có nhiều sự lợi ích an lạc cho tất cả, có thể khiến cho chúng sinh thấy được tánh Như Lai, như trong kinh Pháp Hoa, tám ngàn Thanh văn được thọ ký thành tựu quả vị lớn. Như mùa thu gặt hái, mùa đông tàng trữ rồi lại không làm gì nữa, bọn Nhất-xiển-đề cũng như vậy, đối với các pháp thiện không làm. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y nghe con của người khác bị phi nhân bắt giữ liền đem diệu dược ra và sai một sứ giả dặn bảo: “Ông mang gấp thuốc này cho người kia. Người kia nếu gặp những quỷ thần thì nhờ lực của thuốc này sẽ tránh đi xa. Nếu người chậm trễ thì ta sẽ tự đi, nhất định chẳng để cho người đó chết oan uổng. Nếu người bệnh kia được thấy sứ giả và uy đức của ta thì các khổ sẽ tiêu trừ, được an lạc”. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và những ngoại đạo, người nào có thể thọ trì kinh điển như vậy, đọc tụng thông suốt, lại vì người khác phân biệt giảng nói, hoặc tự ghi chép hoặc khiến người khác ghi chép, những việc ấy đều là nhân duyên Bồ-đề. Hoặc người phạm bốn trọng cấm và tội ngũ nghịch, hay người bị tà quỷ ác độc bắt mà nghe kinh điển này thì những ác đó đều tiêu diệt hết, như thấy vị lương y thì ác quỷ tránh đi xa. Ông phải biết người này là Đại Bồ-tát chân thật. Vì sao? Vì vừa được nghe kinh Đại Niết-bàn này, vì cũng sinh ý niệm Như Lai thường trụ. Vừa được nghe mà còn được như vậy huống gì là ghi chép, thọ trì, đọc tụng! Trừ Nhất-xiển-đề, những người còn lại ấy đều là Đại Bồ-tát. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người điếc chẳng nghe được âm thanh. Bọn Nhất-xiển-đề cũng như vậy, tuy chúng lại muốn nghe kinh điển vi diệu này nhưng mà chẳng được nghe. Vì sao? Vì không có nhân duyên. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y mà tất cả y phương không phương nào chẳng thông đạt, lại thêm rộng biết vô lượng chú thuật. Vị lương y đó yết kiến nhà vua và tâu: “Đại vương nay có bệnh nhất định sẽ chết”. Vị vua ấy đáp: “Khanh chẳng thấy việc trong bụng của ta thì sao mà nói rằng ta nhất định có bệnh sẽ chết”. Vị thầy thuốc liền đáp: “Nếu vua chẳng tin thì nên uống thuốc vào. Sau khi đã uống thuốc nhà vua tự nghiệm xem”. Vua chẳng chịu uống. Bấy giờ, vị lương y dùng sức chú thuật khiến cho chỗ kín của nhà vua sinh ghẻ lở cùng khắp, lại gồm thêm nước máu lẫn

trùng chảy ra. Vua thấy thế rồi vô cùng sợ hãi, khen vị lương y: “Giỏi thay! Giỏi thay! Lời thầy trước của khanh ta chẳng tin dùng, nay mới biết khanh đối với thân ta đã làm việc lợi ích lớn”. Rồi nhà vua cung kính vị thầy thuốc đó giống như cha mẹ. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, đối với các chúng sinh có muốn hay không muốn đều có thể khiến cho phiền não của họ tan vỡ, rơi rụng. Những chúng sinh này thậm chí ở trong mơ mà mơ thấy kinh này cũng cung kính cúng dường ví như vị đại vương cung kính vị lương y. Vị đại lương y này biết người nhất định chết nên nhất định chẳng trị cho. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, nhất định chẳng thể trị cho bọn Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y giỏi tám thứ thuốc, có thể trị liệu hết tất cả các bệnh, chỉ chẳng thể trị được người sắp chết. Các Đức Phật, Bồ-tát cũng như vậy, có thể cứu vớt trị liệu tất cả người có tội, chỉ chẳng thể trị được người sắp chết là bọn Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vị lương y giỏi biết tám thứ kinh thuật vi diệu, lại có thể thông đạt rộng rãi hơn tám thứ đó. Ông đem sự hiểu biết của mình dạy cho con trước: Hoặc nước, hoặc đất, hang núi, thảo dược đều khiến cho con nhận thức hiểu biết. Như vậy ông dần dần dạy xong tám việc. Tiếp theo ông lại dạy những y thuật tối thượng diệu khác. Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng như vậy, trước tiên dạy cho con mình, những Tỳ-kheo v.v... về phương tiện trừ diệt tất cả phiền não, tu tập tịnh thân bằng tư tưởng chẳng kiên cố, như là nước, đất, hang núi. Nước là dụ cho thân thọ khổ như bọt nước. Đất là dụ cho thân chẳng bền như cây chuối. Hang núi là dụ cho ở trong phiền não tu tưởng vô ngã. Do nghĩa đó nên thân gọi là vô ngã. Như Lai đối với các đệ tử như vậy, rồi dần dần dạy họ học chín bộ loại kinh pháp, khiến cho họ giỏi giang thông đạt. Sau đó Phật mới dạy họ học bí tạng của Như Lai, vì đệ tử mình nên nói Như Lai thường trụ. Như Lai nói Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa như vậy là vì những chúng sinh đã phát tâm và chưa phát tâm để tạo nhân duyên Bồ-đề, trừ Nhất-xiển-đề. Như vậy, này thiện nam! Kinh điển Đại Niết Bàn Đại Thừa này vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn, chưa từng có. Ông phải biết, đó tức là lương y vô thượng, là vua trong mọi kinh điển tối tôn tối thắng.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như chiếc thuyền lớn từ bờ biển này đi đến bờ kia, rồi lại từ bờ bên kia quay về bờ bên này. Như Lai Chánh Giác cũng như vậy, ngồi thuyền báu Đại Niết-bàn Đại Thừa xoay vần qua lại tế độ chúng sinh. Ở tại bất cứ nơi nào có người nên độ, Như Lai đều khiến cho được thấy thân Như Lai. Do nghĩa này nên Như Lai gọi là Vô Thượng Thuyền Sư. Ví như có thuyền thì có thuyền sư, mà có thuyền sư thì có chúng sinh đi qua biển cả. Như Lai thường trụ hóa độ chúng sinh cũng như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người ngồi trong thuyền muốn đi qua biển cả. Nếu được gió thuận thì trong chốc lát có thể qua được vô lượng do-tuần. Nếu chẳng được gió thuận thì tuy lâu hàng vô lượng năm nhưng chẳng lìa khỏi chỗ cũ, rồi có lúc thuyền hư, ngập nước mà chết. Chúng sinh cũng như vậy, ở tại biển lớn sinh tử ngu si kia cõi các hành thuyền, nếu gặp được gió mạnh Đại Bát Niết Bàn thì có thể mau chóng đến bờ đạo vô thượng. Nếu chẳng gặp được, phải lưu chuyển trong vô lượng sinh tử, đến khi bị hư hoại rơi vào địa ngục, súc sinh, ngã quỷ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người chẳng gặp gió lớn, trụ lâu ở biển cả liền suy nghĩ: “Chúng ta nay nhất định phải chết tại đây”. Khi nghĩ như vậy thì bỗng nhiên gặp gió thuận theo gió đi qua biển. Người đó lại nghĩ: “Sống thay! Gió này chưa từng có! Nó khiến chúng ta yên ổn qua được nạn biển cả”. Chúng sinh cũng như vậy, ở lâu trong biển cả sinh tử ngu si chịu khổ cùng cực, chưa gặp gió Đại Niết-bàn như vậy nên liền sinh ý niệm: “Chúng ta nhất định phải rơi vào địa ngục, ngã quỷ, súc sinh”. Khi những chúng sinh suy nghĩ thế thì bỗng nhiên gặp gió Đại Niết-bàn Đại thừa, thuận theo chiều gió thổi hướng vào đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới biết được là chân thật, sinh ra tư tưởng kỳ đặc khen: “Sống thay! Ta từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy tạng vi mật của Như Lai như vậy”. Bấy giờ họ mới đối với kinh Đại Niết-bàn sinh niềm tin thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Như con rắn lột da có chết chăng?

–Không, bạch Thế Tôn!

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy. Ta dùng phương tiện thị hiện xả bỏ thân độc hại mà có thể nói rằng, Như Lai vô thường, diệt mất sao?

–Không, bạch Thế Tôn!

–Như Lai ở trong cõi Diêm-phù-đề này thị hiện phương tiện xả thân như con rắn độc kia bỏ đi lớp da cũ. Vậy nên Như Lai gọi là thường trụ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thợ vàng bậc thầy được vàng ròng thì tùy ý tạo tác đủ thứ những đồ dùng. Như Lai cũng vậy, ở trong hai mươi lăm cõi đều có thể thị hiện đủ thứ sắc thân vì giáo hóa chúng sinh, cứu vớt sinh tử. Vậy nên Như Lai gọi là vô biên thân, tuy lại thị hiện đủ loại thân nhưng cũng gọi là thường trụ không có biến dịch.

Lại nữa, này thiện nam! Như cây Am-la và cây Diêm-phù, một năm ba lần biến đổi, có lúc sinh hoa màu sáng khoe tươi, có lúc ra lá sum suê um tùm, có lúc điều tàn rơi rụng giống như khô chết. Này thiện nam! Ý ông thế nào? Có phải là cây khô chết thật không?

–Không, thưa Thế Tôn!

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, ở trong ba cõi thị hiện ba thứ thân, có khi mới sinh, có khi lớn lên, có khi Niết-bàn mà thân Như Lai chẳng phải vô thường!

Bồ-tát Ca-diếp khen:

–Hay thay! Quả đúng như lời dạy của Đức Thánh, như Lai thường trụ không có biến dịch.

–Này thiện nam! Mật ngữ của Như Lai thâm diệu khó hiểu. Ví như vị đại vương bảo các vị đại thần đem Tiên-đà-bà lại. Tiên-đà-bà là một tên bao gồm bốn thứ, một là muối, hai là khí cụ, ba là nước, bốn là ngựa. Như vậy là bốn vật đồng chung một tên. Người bề tôi có trí khéo biết danh xưng này, khi vua tắm nếu đòi Tiên-đà-bà thì liền dâng nước, khi vua ăn đòi Tiên-đà-bà thì liền dâng muối, vua ăn rồi khi muốn uống nước đòi Tiên-đà-bà thì liền dâng đồ đựng nước, khi vua muốn du hành đòi Tiên-đà-bà thì liền dâng ngựa. Như vậy là người bề tôi trí tuệ giỏi hiểu bốn thứ mật ngữ của vị đại vương. Kinh điển này cũng như vậy, có bốn nghĩa vô thường mà vị đại thần trí tuệ Đại thừa cần phải biết rõ. Nếu Phật ra đời vì chúng sinh nói Như Lai Niết-bàn thì người bề tôi trí tuệ phải biết đây là Như Lai vì người chấp thường mà nói tướng vô thường, muốn khiến cho Tỳ-kheo tu tướng vô thường. Hoặc Như Lai lại nói rằng, chánh pháp sẽ diệt thì vị đại thần trí tuệ

nên biết đây là Như Lai vì người chấp lạc mà nói về tướng khổ, muốn khiến cho Tỳ-kheo tu tướng khổ. Hoặc Như Lai lại nói rằng, Ta nay bệnh khổ, chúng Tăng tan hoại thì vị đại thần trí tuệ phải biết đây là Như Lai vì người chấp ngã mà nói tướng vô ngã, muốn khiến cho Tỳ-kheo tu tướng vô ngã. Hoặc Như Lai lại nói rằng, pháp không chính là chánh giải thoát thì vị đại thần trí tuệ phải biết đây là Như Lai nói chánh giải thoát, không có hai mươi lăm cõi, muốn khiến cho Tỳ-kheo tu học tướng không. Do nghĩa này nên chánh giải thoát đó gọi là không, cũng gọi là bất động. Gọi là bất động là trong giải thoát không có khổ. Vậy nên gọi là bất động. Chánh giải thoát này là không có tướng, gọi không tướng là không có sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... nên gọi là không tướng. Chánh giải thoát này thường trụ chẳng biến dịch. Trong giải thoát này không có vô thường, nhiệt não, biến dịch. Vậy nên giải thoát gọi là thường trụ, bất biến, thanh lương. Hoặc lại nói rằng, tất cả chúng sinh có tánh Như Lai thì vị đệ tử trí tuệ phải biết đây là Như Lai nói về thường pháp, muốn khiến cho Tỳ-kheo tu tập chánh thường pháp. Các Tỳ-kheo này nếu có thể thuận theo tu học như vậy thì phải biết người đó là chân đệ tử của Ta, giỏi biết tạng vi mật của Như Lai, như người bề tôi trí tuệ của vị đại vương kia giỏi biết ý của vua. Nay thiện nam! Như vậy vị đại vương mà cũng có pháp mật ngữ như thế huống gì là Như Lai mà lại không có? Nay thiện nam! Vậy nên lời dạy vi mật của Như Lai khó có thể biết được, chỉ có bậc trí giả mới có thể hiểu được pháp Phật sâu xa của ta, chẳng phải là điều có thể tin của hạng phàm phu thế gian.

Lại nữa, này thiện nam! Như cây Ba-la-xa, cây Ca-ni-ca, cây A-thúc-ca gặp trời khô hạn chẳng sinh hoa trái và những vật sống trên đất, trên nước đều khô héo hết, không có nước thấm nhuần thì chẳng thể tăng trưởng. Tất cả các dược thảo không còn hiệu lực nữa. Nay thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, sau khi Ta diệt độ, có những chúng sinh chẳng thể cung kính, không có uy đức. Vì sao? Vì các chúng sinh chẳng biết tạng vi mật của Như Lai. Vì sao? Vì các chúng sinh này bạc phước. Lại nữa, này thiện nam! Chánh pháp của Như Lai khi sắp diệt hết, bấy giờ có hạng Tỳ-kheo làm ác, chẳng biết tạng vi mật của Như Lai, lừa dối biếng chẳng thể đọc tụng,

tuyên dương phân biệt chánh pháp của Như Lai, ví như tên giặc ngu si xả bỏ vật báu để gánh vác cỏ cây. Chẳng hiểu tạng vi mật của Như Lai nên đối với kinh này biếng nhác chẳng tinh cần. Thương thay! Rất nguy hiểm cho đời vị lai, rất là đáng sợ hãi! Khổ thay! Chúng sinh chẳng tinh cần nghe Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này. Chỉ các vị Đại Bồ-tát mới có thể đối với kinh này giữ lấy nghĩa chân thật, chẳng chấp trước văn tự, thuận theo chẳng nghịch mà vì chúng sinh diễn nói. Lại nữa, này thiện nam! Như người con gái chăn bò bán sữa, vì tham muốn lời nhiều nên gia thêm hai phần nước, đem bán cho người con gái chăn bò khác. Người con gái kia mua được sữa rồi lại gia thêm hai phần nước, rồi chuyển bán cho người con gái ở gần thành. Người con gái gần thành đó mua được rồi lại gia thêm hai phần nước, lại chuyển bán cho người con gái ở trong thành. Người con gái ở trong thành đó mua được sữa rồi, lại gia thêm hai phần nước rồi đem đến chợ bán. Khi ấy có một người cưới vợ cho con nên cần gấp sữa tốt để đãi khách nên đến chợ mua sữa. Người bán sữa này đòi giá quá đắt, người mua sữa đó nói: “Sữa này nhiều nước, thật chẳng giá trị. Nhưng ngày hôm nay gặp lúc ta chiêu đãi tân khách nên phải mua lấy thôi”. Mua rồi trở về nhà, người ấy dùng sữa đó nấu cháo mà không còn vị sữa nữa. Tuy không còn vị sữa nhưng đối với vị đắng thì nó còn ngon hơn gấp ngàn lần. Vì sao? Vì sữa là vị tối thắng trong các vị. Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, chánh pháp chưa diệt, còn tám mươi năm, bấy giờ kinh này ở cõi Diêm-phù-đề sẽ lưu hành rộng rãi. Khi đó sẽ có các Tỳ-kheo ác sao chép sơ lược kinh này chia làm nhiều phần, có thể diệt hết sắc hương mỹ vị của chánh pháp. Những người ác này tuy lại đọc tụng kinh điển như vậy nhưng đã làm mất yếu nghĩa thâm diệu của Như Lai, chỉ an trí lời nói vô nghĩa văn vẻ trau chuốt của thế gian mà thôi. Phần sao chép trước đặt sau, phần sao chép sau đặt trước, phần trước sau đặt vào giữa, phần giữa thì đặt ở trước sau. Ông phải biết, những Tỳ-kheo ác này là bạn bè của ma, nhận chứa tất cả vật bất tịnh. Họ nói: “Đức Như Lai cho phép ta cất chứa”. Như người con gái chăn bò gia thêm nhiều nước vào sữa, các Tỳ-kheo ác cũng như vậy, dùng lời lẽ thế gian xen lẫn vào kinh này, khiến cho nhiều chúng sinh chẳng được lời nói chân chính, bản chép chân chính, sự chọn lấy chân chính để tôn trọng khen

ngồi, cúng dường, cung kính. Những Tỳ-kheo ác này vì lợi dưỡng nên chẳng thể tuyên nói, lưu hành rộng rãi kinh đó. Sự phân chia, lưu hành thiếu, lời chẳng đủ, như loại sữa mà người con gái chặn bò bần cùng kia chuyên tay bán cho đến khi nấu thành cháo mà không còn vị sữa nữa. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, dần dần nhạt nhẽo, không còn có khí vị nữa. Tuy kinh này không khí vị nhưng còn hơn kinh khác cả ngàn lần, như vị sữa kia đối với những vị đắng nó ngon hơn ngàn lần. Vì sao? Vì kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này đối với kinh của Thanh văn là đứng đầu, như sữa bò là tối thắng trong các vị. Do nghĩa đó nên gọi là Đại Niết-bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Như thiện nam, thiện nữ v.v... không có ai mà chẳng cầu thân nam tử. Vì sao? Vì tất cả nữ nhân đều là chỗ chứa của mọi thứ ác. Lại nữa, này thiện nam! Như nước tiểu của muối của con ve chẳng thể khiến cho đất đai này thấm nhuần, dâm dục của người con gái ấy khó thỏa mãn cũng như vậy. Ví như đại địa, tất cả viên thành hòn nhỏ như hạt cải, số đàn ông nhiều như vậy cùng một người đàn bà chung làm việc dâm dục còn chẳng thể đủ. Giả sử số đàn ông nhiều như cát sông Hằng cùng với một người đàn bà chung làm việc dâm dục thì cũng lại chẳng đủ. Này thiện nam! Ví như biển cả, tất cả trời mưa, trăm sông, mọi dòng chảy đều rót về, nhưng biển cả kia chưa từng tràn đầy, nữ nhân cũng như vậy. Giả sử tất cả nam tử cùng với một nữ nhân chung làm việc dâm dục mà cũng chẳng đủ. Lại nữa, này thiện nam! Như cây A-thúc-ca, cây Ba-tra-la, cây Ca-ni-ca, mùa xuân nở hoa bày ong hút lấy sắc hương mỹ vị chẳng biết chán. Nữ nhân dâm dục với nam tử cũng như vậy, chẳng biết nhàm chán. Này thiện nam! Do nghĩa này nên các thiện nam, thiện nữ v.v... nghe được kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này thì thường nên chê trách thân tướng nữ nhân, cầu được thân nam tử. Vì sao? Vì kinh điển Đại Thừa này có tướng tượng phu, gọi là Phật tánh. Nếu người chẳng biết Phật tánh này thì không có nam tướng. Vì sao? Vì chẳng thể tự biết có Phật tánh. Nếu có người chẳng thể biết Phật tánh thì ta nói những người đó là nữ nhân. Nếu người có thể tự biết có Phật tánh thì ta nói người đó là đại tượng phu. Nếu có nữ nhân có thể biết thân mình nhất định có Phật tánh thì phải biết những người đó là nam tử. Này thiện nam! Kinh điển

Đại Niết-bàn Đại Thừa gom tụ công đức vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì nói lên tạng bí mật của Như Lai. Vậy nên thiện nam, thiện nữ nào nếu muốn mau chóng biết tạng bí mật của Như Lai thì cần phải phương tiện siêng tu học kinh này.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời của Phật! Con nay đã có tướng trượng phu, được vào tạng vi mật của Như Lai. Ngày hôm nay Như Lai bắt đầu giác ngộ cho con. Nhân đó con liền được hoàn toàn thông đạt.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông nay thuận theo pháp thế gian mà nói lên lời nói này.

Bồ-tát Ca-diếp lại nói:

–Con chẳng thuận theo pháp thế gian!

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Ông nay đối với vị pháp vô thượng thâm diệu khó biết mà có thể biết được, như con ong hút lấy mật hoa, ông cũng như vậy đó. Lại nữa, này thiện nam! Như nước tiểu của con muỗi chẳng thể thấm ướt được mặt đất này, đời vị lai kinh này lưu hành cũng như vậy, như sự thấm ướt nước tiểu của con muỗi kia. Khi chánh pháp sắp diệt thì kinh này trước sẽ chìm mất vào trong đất này, ông phải biết đó tức là tướng suy của chánh pháp. Lại nữa, này thiện nam! Ví như qua khỏi mùa hạ, tháng đầu gọi là mùa thu, mưa thu mưa liên miên. Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng như vậy, được các vị Bồ-tát ở phương Nam kia sẽ lưu hành rộng rãi, tuôn xuống mưa pháp cùng khắp cõi ấy. Chánh pháp sắp diệt, kinh này sẽ đến nước Kế Tân đầy đủ không thiếu, chìm mất vào trong đất, hoặc có người tin, hoặc có người chẳng tin. Như vậy vị cam lồ của kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng đều chìm vào đất. Kinh này mất rồi thì tất cả kinh điển Đại thừa khác đều diệt hết. Nếu người được kinh này đầy đủ không thiếu thì người đó là tượng vương trong loài người. Các Bồ-tát v.v... phải biết là chánh pháp vô thượng của Như Lai chẳng lâu nữa sẽ diệt.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay ông Thuần-đà này còn có lòng nghi hoặc,

nguyện xin Thế Tôn một lần nữa phân biệt khiến cho ông ấy được đoạn trừ.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Lòng nghi ra sao? Ông hãy nói đi! Ta sẽ đoạn trừ cho!

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Lòng ông Thuần-đà hồ nghi về việc Như Lai thường trụ, vì được thấy biết lực Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh là thường thì khi chưa thấy đáng lẽ là vô thường. Nếu trước vô thường thì sau cũng như vậy. Vì sao? Vì như vật của thế gian trước không mà nay có, đã có rồi trở lại không. Như vậy mọi vật đều là vô thường. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác không có sai biệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Trước có nay không
Trước không nay có
Pháp có ba đời
Không có điều đó.*

Này thiện nam! Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cũng có sai biệt, cũng không sai biệt.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi khen:

–Hay thay! Quả đúng như lời dạy của đức Thánh! Con nay mới hiểu được vấn đề các Đức Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cũng có sai biệt, cũng không sai biệt.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tánh của chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác không sai biệt, nguyện xin Như Lai phân biệt diễn nói rộng rãi để cho tất cả chúng sinh được lợi ích, an lạc.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông diễn nói! Này thiện nam! Ví như ông trưởng giả nuôi nhiều bò sữa có đủ thứ màu lông, sai một người chăn giữ, nuôi dưỡng. Có thời gian, vì có việc cúng tế, người đó vắt sữa của những con bò vào trong một cái đồ đựng. Người đó thấy sữa của các con bò đồng một màu trắng liền kinh ngạc lấy làm lạ: Màu sắc của các con bò đều khác mà sao sữa của chúng

đồng một màu? Người đó suy nghĩ: “Như sữa này, tất cả đều là do nhân duyên nghiệp báo của chúng sinh khiến cho màu sữa là một”. Đây thiện nam! Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng như vậy, đồng một Phật tánh, giống như sữa kia. Vì sao? Vì đồng hết lậu. Nhưng mà các chúng sinh nói, Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác có sự sai biệt. Có những Thanh văn, người phàm phu nghi ngờ ba thừa tại sao không có sai biệt? Thời gian lâu về sau, những chúng sinh đó tự hiểu được là tất cả ba thừa đồng một Phật tánh, giống như người chăn bò kia biết tướng sữa là do nhân duyên nghiệp báo. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như quặng vàng đem luyện, gạn bỏ cặn bẩn, sau đó nấu chảy thành vàng ròng, giá trị không lường. Đây thiện nam! Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cũng vậy, đều được thành tựu, đồng một Phật tánh. Vì sao? Vì trừ hết phiền não, như quặng vàng trừ hết những cặn bẩn. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh đồng một Phật tánh không có sai biệt. Do Phật tánh ấy nên trước nghe tạng bí mật của Như Lai thì sau khi thành Phật tự nhiên biết được, như ông trưởng giả kia biết sữa một tướng. Vì sao? Vì đã cắt đứt vô lượng ức phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh có Phật tánh thì Phật cùng chúng sinh có gì sai biệt? Nói như vậy thì có nhiều lầm lỗi. Nếu các chúng sinh đều có Phật tánh thì vì nhân duyên gì mà Tôn giả Xá-lợi-phất dùng Tiểu Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, người Duyên giác ở Trung Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, người Bồ-tát ở Đại Niết-bàn mà nhập Niết-bàn? Những người như vậy nếu đồng Phật tánh thì vì sao chẳng đồng Niết-bàn Như Lai mà nhập Niết-bàn?

–Đây thiện nam! Niết-bàn mà chư Phật Thế Tôn chứng đắc chẳng phải là Niết-bàn mà hàng Thanh văn, Duyên giác chứng đắc. Do nghĩa này nên Đại Bát Niết Bàn gọi là “Thiện hữu”. Đời nếu không có Phật thì chẳng phải không có Nhị thừa chứng được hai loại Niết-bàn?

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Nghĩa đó ra sao?

Đức Phật dạy:

–Vô lượng vô biên vô số kiếp mới có một Đức Phật xuất hiện ở đời để khai thị Tam thừa. Đây thiện nam! Như lời nói của ông, Bồ-tát

và Nhị thừa không có sai biệt, Ta trước ở trong Đại Niết-bàn mật tạng của Như Lai đã nói nghĩa ấy. Các A-la-hán không có “Thiện hữu”. Vì sao? Vì các A-la-hán đều được Đại Niết-bàn này. Do nghĩa đó nên Đại Bát Niết Bàn có niềm vui rất ráo. Vậy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Như lời nói của Phật, con nay mới biết nghĩa sai biệt và nghĩa không sai biệt. Vì sao? Vì tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác vào đời vị lai đều quy về Đại Bát Niết Bàn, ví như mọi dòng sông đều chảy về biển cả. Vậy nên hàng Thanh văn, Duyên giác đều gọi là thường, chẳng phải là vô thường. Do nghĩa này nên cũng có sai biệt và cũng không sai biệt.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Sao gọi là tánh sai biệt?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thanh văn như sữa, Duyên giác như kem sữa, Bồ-tát như bơ, chư Phật Thế Tôn giống như pho mát. Do nghĩa này nên trong Đại Niết-bàn nói bốn chủng tánh có sai biệt.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Tánh tướng của tất cả chúng sinh ra sao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như con bò mới sinh, sữa và máu chưa sai biệt, tánh của phàm phu xen lẫn các phiền não cũng như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Thành Câu-thi-na có người Chiên-đà-la tên là Hoan Hỷ. Phật thọ ký người này, chỉ do một lần phát tâm, sẽ ở trong số một ngàn vị Phật của cõi này, mau chóng thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh chân. Vì lý do gì mà Như Lai chẳng thọ ký cho Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... mau chóng thành Phật đạo?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hoặc có Thanh văn, Duyên giác hay Bồ-tát phát thệ nguyện: “Tôi sẽ mãi mãi hộ trì chánh pháp, sau đó mới thành Phật đạo vô thượng”. Do phát nguyện mau nên thọ ký mau.

Lại nữa, này thiện nam! Ví như người thương nhân có vật báu vô giá đem đến chợ bán. Người ngu thấy rồi chẳng biết vật quý, cười chê.

Người chủ vật báu nói: “Châu báu này của tôi giá trị vô số”. Nghe rồi người ngu lại cười và nói với nhau: “Đây chẳng phải là báu thật chỉ là ngọc pha lê”. Này thiện nam! Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy. Nếu họ nghe mau thọ ký thì liền biếng nhác, khinh cười, chê thấp kém như người ngu kia chẳng biết được báu thật. Vào đời vị lai có những Tỳ-kheo chẳng thể tinh cần tu tập pháp thiện. Họ bị sự bức bách của bần cùng, khốn khổ, đói khát, nhân đó mà xuất gia để nuôi lớn thân mình, còn tâm chí thì khinh suất, thô tháo, tà mạng, dua nịnh, quanh co. Nếu họ nghe Như Lai thọ ký cho Thanh văn mau chóng thành Phật thì liền sẽ chê cười, khinh mạn, hủy báng. Ông phải biết những người đó tức là hạng phá giới, tự nói rằng mình được pháp hơn người. Do nghĩa này nên tùy theo sự phát nguyện mau chóng nên thọ ký mau chóng, còn người hộ chánh pháp được thọ ký lâu xa.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát sao gọi là sẽ được quyền thuộc chẳng hoại?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Nếu các Bồ-tát siêng năng gia tăng tinh tấn muốn hộ chánh pháp thì do nhân duyên này sẽ được quyền thuộc chẳng thể hoại.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà chúng sinh bị môi miệng khô nứt?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nếu có người chẳng nhận thức được Tam bảo thường còn thì do nhân duyên này mà môi miệng khô nứt, như người miệng lở chẳng biết sự khác biệt của sáu vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, lạt. Tất cả chúng sinh ngu si, vô trí chẳng nhận thức được Tam bảo là pháp thường trụ. Vậy nên bị môi miệng khô nứt. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh chẳng biết Như Lai là thường trụ thì nên biết người đó là người mù bẩm sinh. Nếu người biết Như Lai là thường trụ thì người như vậy tuy có nhục nhãn nhưng Ta nói người đó được thiên nhãn. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có người có thể biết Như Lai là thường trụ thì nên biết người này đã tu tập kinh điển như vậy từ lâu. Ta cũng nói những người

đó là có thiên nhãn. Người tuy có thiên nhãn mà chẳng thể biết Như Lai là thường trụ thì Ta nói những người ấy là có nhục nhãn. Người đó thậm chí chẳng nhận biết được chi tiết chân tay của thân mình, cũng lại chẳng thể khiến cho người khác nhận biết. Do nghĩa đó nên gọi là nhục nhãn.

Lại nữa, này thiện nam! Như Lai thường vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh đủ thứ hình loại hai chân có, bốn chân có, nhiều chân có, không chân cũng có. Phật dùng một thứ âm thanh vì chúng nói pháp mà những chủng loại khác nhau kia đều được hiểu rõ và đều hoan hỷ nói rằng: “Đức Như Lai ngày hôm nay vì ta nói pháp”. Do nghĩa này nên gọi là cha mẹ.

Lại nữa, này thiện nam! Như người sinh đứa con mới mười sáu tháng tuổi, tuy biết nói chưa rõ, nhưng cha mẹ kia muốn dạy con mình nói thì trước hòa đồng theo tiếng của đứa con mà dần dần dạy bảo nó. Lời nói của cha mẹ đứa trẻ có thể chẳng đúng đắn sao?

–Bạch Thế Tôn! Không!

–Này thiện nam! Các chư Phật Như Lai cũng như vậy, tùy theo đủ chủng loại âm thanh của các chúng sinh mà vì họ nói pháp, khiến cho họ an trụ ở chánh pháp của Phật. Tùy theo đối tượng cần cho thấy mà thị hiện đủ thứ hình tượng. Như vậy Như Lai đồng ngôn ngữ với những chúng sinh kia, có thể là chẳng đúng đắn sao?

–Bạch Thế Tôn! Không! Vì sao? Vì lời nói của Như Lai như tiếng gầm sư tử, thuận theo đủ thứ âm thanh của thế gian mà vì chúng sinh diễn nói diệu pháp.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN X

Phẩm 17: NHẤT THIẾT ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN

Bấy giờ, từ khuôn mặt Đức Thế Tôn phóng ra đủ thứ ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía v.v... chiếu trên thân của ông Thuần-đà. Ông Thuần-đà gặp ánh sáng ấy rồi, cùng với các quyến thuộc mang những thức ăn ngon lành mau chóng đến chỗ Đức Phật, muốn dâng lên Đức Như Lai và Tỳ-kheo Tăng bữa cúng dường sau cùng. Họ mang đến chỗ Đức Phật đủ chủng loại phẩm vật đựng đầy trong các đồ đựng. Lúc này, có hàng trời, người với oai đức lớn ngăn ông và vây quanh giáp vòng, rồi nói: “Hãy dừng lại, ông Thuần-đà, ông chớ dâng các thức cúng dường”.

Bấy giờ, Đức Như Lai lại phóng ra vô lượng vô biên đủ loại ánh sáng. Chư Thiên, đại chúng gặp ánh sáng ấy rồi liền để cho ông Thuần-đà đến trước chỗ Đức Phật dâng các thức cúng dường. Khi ấy, hàng trời, người và các chúng sinh ai nấy đều tự lấy các thức cúng dường của mình mang theo đến trước Đức Phật, quỳ thẳng bạch:

–Cúi xin Đức Như Lai cho phép các vị Tỳ-kheo nhận những thức cúng dường này.

Các vị Tỳ-kheo biết đã đúng lúc nên sửa áo, mang bát, nhất tâm an tường. Bấy giờ, ông Thuần-đà vì Đức Phật và chúng Tăng bố thí đủ loại tòa sư tử báu, treo cờ phướn báu bằng lụa ngũ sắc, hương hoa, chuỗi ngọc. Khi ấy, ba ngàn đại thiên thế giới trang nghiêm vì diệu giống như đất nước An Lạc ở phương Tây. Lúc này, ông Thuần-đà đứng ở trước Đức Phật, ưu bi buồn bã, bạch Phật một lần nữa:

–Nguyện xin Như Lai rủ lòng thương xót chúng con sống lâu một kiếp hay non một kiếp!

Đức Phật bảo:

–Này Thuần-đà! Ông muốn cho Ta trụ thế lâu dài thì cần phải mau chóng dâng cúng đầy đủ Thí Ba-la-mật sau cùng

Bấy giờ, tất cả Đại Bồ-tát, các hàng trời, người, khác miệng cùng lời xưng lên như vậy: “Lạ thay! Ông Thuần-đà đã thành tựu đại phước đức nên có thể khiến cho Đức Như Lai nhận sự cúng dường vô thượng sau cùng của ông ấy. Chúng ta vô phước nên phẩm vật cúng dường đã sấm sửa trở thành uổng phí”.

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn khiến cho nguyện vọng của tất cả chúng sinh được thỏa mãn nên ở trên thân mình, mỗi một lỗ chân lông hóa ra vô lượng Đức Phật. Mỗi một Đức Phật đều có vô lượng Tỳ-kheo Tăng. Các Đức Thế Tôn và vô lượng chúng này đều thị hiện nhận các thức cúng dường của những người ấy. Đức Thích Ca Như Lai tự thọ nhận phẩm vật cúng dường của ông Thuần-đà. Bấy giờ, thức ăn nấu chín bằng gạo ngon của ông Thuần-đà đựng đầy tám học nước Ma-già-đà, nhờ thần lực của Đức Phật nên đều cung ứng đầy đủ cho tất cả đại hội. Khi ấy, ông Thuần-đà thấy việc đó rồi lòng sinh vui mừng, hớn hở vô cùng. Tất cả đại chúng cũng như vậy. Bấy giờ, đại chúng nương Thánh chỉ của Đức Phật, đều nghĩ: “Đức Như Lai nay đã thọ sự cúng dường của chúng ta thì chẳng bao lâu nữa nhất định sẽ vào Niết-bàn”. Họ nghĩ như thế rồi, lòng phát sinh buồn vui lẫn lộn.

Khi ấy, khu đất nơi rừng cây tuy nhỏ hẹp nhưng do thần lực của Đức Phật nên dù là chỗ nhỏ như đầu mũi kim cũng đều có vô lượng chư Phật Thế Tôn và quyến thuộc ngồi thọ thực mà thức ăn cũng không sai khác.

Lúc đó, hàng trời, người, A-tu-la v.v... buồn than gào khóc: “Đức Như Lai ngày hôm nay đã thọ nhận lễ cúng dường sau cùng của chúng ta, thọ cúng dường rồi thì Như Lai sẽ nhập Niết-bàn. Chúng ta sẽ lại cúng dường cho ai? Chúng ta nay vĩnh viễn biệt ly Đấng Điều Ngự Vô Thượng! Hoàn toàn mù tối chẳng thấy gì!”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn an ủi tất cả đại chúng mà nói kệ:

*Các ông chớ buồn than
Pháp chư Phật phải vậy
Ta đã vào Niết-bàn
Trải qua vô lượng kiếp.*

Thường thọ vui tối thắng
 Mãi ở chỗ yên ổn
 Các ông hết lòng nghe
 Ta sẽ nói Niết-bàn.
 Ta đã lia tưởng ăn
 Trọn không khổ đói khát
 Nay sẽ vì các ông
 Nói nguyện tùy thuận ấy.
 Khiến tất cả chúng sinh
 Đều được vui yên ổn
 Các ông nghe nên tu
 Pháp chư Phật thường trụ.
 Giả sử quạ, cú mèo
 Đồng chung một cây đậu
 Giống như anh em ruột
 Vậy mới Niết-bàn hẳn.
 Như Lai xem tất cả
 Giống như La-hầu-la
 Thường được chúng sinh tôn
 Sao vĩnh viễn Niết-bàn?
 Giả sử rắn, chuột, sói
 Đồng ở chung một hang
 Thương nhau như huynh đệ
 Vậy mới Niết-bàn hẳn.
 Như Lai xem tất cả
 Giống như La-hầu-la
 Thường được chúng sinh kính
 Sao vĩnh viễn Niết-bàn?
 Giả sử hoa Thất diệp
 Chuyển thành Bà-sư hương
 Ca-lưu thành Trấn-đầu
 Vậy mới Niết-bàn hẳn.
 Như Lai xem tất cả
 Giống như La-hầu-la
 Tại sao bỏ từ bi

Vĩnh viễn vào Niết-bàn!
 Giả sử Nhất-xiển-đề
 Hiện thân thành Phật đạo
 Ở chỗ vui bậc nhất
 Vậy mới vào Niết-bàn.
 Như Lai xem tất cả
 Giống như La-hầu-la
 Sao mà bỏ từ bi
 Vào Niết-bàn vĩnh viễn?
 Giả sử tất cả chúng
 Cùng lúc thành Phật đạo
 Xa lìa những tội lỗi
 Vậy mới vào Niết-bàn.
 Như Lai xem tất cả
 Giống như La-hầu-la
 Vì sao bỏ từ bi
 Vào Niết-bàn vĩnh viễn?
 Giả sử nước tiểu muỗi
 Ngấm tan hoại đại địa
 Sông, hang, biển tràn trề
 Vậy mới vào Niết-bàn.
 Lòng bi xem tất cả
 Đều như La-hầu-la
 Thường được chúng sinh kính
 Sao vĩnh viễn Niết-bàn?
 Do đó nên các ông
 Phải ưa sâu chánh pháp
 Chẳng nên sinh ưu phiền
 Mà kêu gào khóc lóc.
 Muốn tự tu hành đúng
 Thì tu Phật thường trụ
 Nên quán pháp như vậy
 Trường tồn chẳng biến dịch.

Lại nên nghĩ như vậy:

*Tam bảo là thường trụ
 Thì thành tựu hộ trì
 Cầu cây khô ra quả.
 Đó gọi là Tam bảo
 Bốn chúng nên lắng nghe
 Nghe rồi nên hoan hỷ
 Liền phát tâm Bồ-đề.
 Nếu cho là Tam bảo
 Thường trụ đồng chân đế
 Thì đó là thệ nguyện
 Tối thượng của chư Phật.*

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có thể dùng thệ nguyện tối thượng của Như Lai mà phát nguyện thì phải biết người đó không có ngu si, có thể nhận cúng dường do quả báo công đức của nguyện lực này, ở đời thì tối thắng như A-la-hán. Nếu có người chẳng thể quan sát rõ Tam bảo thường trụ như vậy thì chính là Chiên-đà-la. Nếu có người có thể biết Tam bảo thường trụ thì do nhân duyên thật pháp nên lìa khỏi khổ được an vui không ai nhiều hại và có thể làm trở ngại được.

Bấy giờ, đại chúng trời, người, A-tu-la v.v... nghe pháp này rồi vui mừng hớn hở vô cùng, tâm ý điều hòa, khéo diệt hết các triền cái, lòng không cao thấp, oai nghi thanh tịnh, dung mạo vui vẻ, biết Phật thường trụ, nên họ thiết bày sự cúng dường theo cách chư Thiên, tung đủ thứ hoa, hương bột, hương xoa, tấu lên kỹ nhạc trời để cúng dường Đức Phật.

Lúc này, Đức Phật lại bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Ông có thấy việc hy hữu của chúng này không?

Bồ-tát Ca-diếp đáp:

–Thấy rồi, bạch Thế Tôn! Con thấy các Như Lai nhiều vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể thọ bữa ăn mà các đại chúng hàng trời, người dâng lên cúng dường. Con còn thấy chỗ ngồi trang nghiêm của đại thân chư Phật như một mũi kim khâu với nhiều chúng vây quanh mà chẳng chướng ngại nhau. Con lại thấy đại chúng đều phát thệ nguyện, nói mười ba bài kệ. Con cũng biết đại chúng, ai cũng nghĩ:

“Đức Như Lai hôm nay riêng thọ phẩm vật cúng dường của một mình ta”. Giả sử thức ăn dâng cúng của ông Thuần-đà nghiền nát như vi trần rồi dâng một vi trần đó cho một Đức Phật thì cũng chẳng cùng khắp được. Nhưng nhờ thần lực của Phật nên phẩm vật cúng của ông Thuần-đà đều làm đầy đủ cho tất cả đại chúng. Chỉ những vị Đại Bồ-tát như Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử v.v... mới có thể biết việc hy hữu như vậy là do Như Lai thị hiện phương tiện. Con biết đại chúng Thanh văn và A-tu-la v.v... đều biết Như Lai là pháp thường trụ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thuần-đà:

–Ông nay có thấy việc này là hy hữu đặc biệt kỳ lạ không?

–Thật vậy, bạch Thế Tôn! Con trước đã thấy vô lượng những Đức Phật với thân trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nay thấy hết những vị Đại Bồ-tát với thân lớn thù diệu, dung mạo không gì sánh. Con chỉ thấy thân Đức Phật ví như cây thuốc, được chư Đại Bồ-tát vây quanh.

Đức Phật bảo Thuần-đà:

–Vô lượng Đức Phật mà ông đã thấy trước đó chính là do sự biến hóa của Ta, vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ được vui mừng. Những Đại Bồ-tát như vậy có thể tu hành chẳng thể nghĩ bàn, có thể làm vô lượng những Phật sự. Nay Thuần-đà! Ông nay đều đã thành tựu hạnh Đại Bồ-tát, được trụ ở Thập địa, việc làm của Bồ-tát đã hoàn thành đầy đủ.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời của Phật, ông Thuần-đà đã tu thành tựu hạnh Bồ-tát, con cũng tùy hỷ! Hôm nay Như Lai vì muốn vô lượng chúng sinh đời vị lai làm ánh sáng lớn nên nói kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này. Thưa Thế Tôn! Tất cả kệ kinh đã nói có nghĩa nào khác hay không có nghĩa khác?

–Này thiện nam! Lời Ta nói thì cũng có nghĩa khác, cũng không có nghĩa khác!

Ông Thuần-đà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói:

Những vật sở hữu

Bố thí hết đi

*Chỉ dạy khen ngợi
Không nên chê bai.*

Thưa Thế Tôn! Nghĩa đó ra sao? Trì giới, hủy giới có gì sai biệt?

Đức Phật dạy:

–Chỉ trừ một người, còn tất cả những người bố thí đều được khen ngợi.

Ông Thuần-đà hỏi:

–Sao gọi là “chỉ trừ một người”?

Đức Phật dạy:

–Như đã nói trong kinh này, là người phá giới.

Ông Thuần-đà lại thưa:

–Con nay chưa hiểu được! Cúi xin Phật nói rõ cho!

Đức Phật bảo ông Thuần-đà:

–Người phá giới gọi là Nhất-xiển-đề. Ngoài ra tất cả sự bố thí của những người khác đều được khen ngợi, thu hoạch được quả báo lớn.

Ông Thuần-đà lại hỏi:

–Nhất-xiển-đề thì nghĩa ấy ra sao?

Đức Phật bảo:

–Này Thuần-đà! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di phát khởi lời thô ác bài báng chánh pháp, đã tạo nghiệp nặng đó mà vĩnh viễn chẳng hối cải, không có hổ thẹn, thì những người như vậy gọi là những kẻ hưởng đến con đường Nhất-xiển-đề. Nếu kẻ phạm bốn trọng cấm, tội ngũ nghịch, tự biết phạm việc nặng như vậy mà lòng không chút kính sợ, tủi thẹn, chẳng chịu phát lộ, đối với chánh pháp của Phật vĩnh viễn không có lòng hộ trì, nuôi tiếc, kiến lập, lời nói hủy báng khinh miệt, nhiều tội lỗi, thì những người như vậy cũng gọi là kẻ hưởng về con đường Nhất-xiển-đề. Nếu người nào nói không có Phật, Pháp, Tăng thì những người ấy cũng gọi là hưởng về con đường Nhất-xiển-đề. Chỉ trừ bọn Nhất-xiển-đề như thế này, ngoài ra những người bố thí khác tất cả đều được khen ngợi.

Bấy giờ, ông Thuần-đà lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Gọi là phá giới, nghĩa ấy thế nào?

Đức Phật bảo ông Thuần-đà:

–Như người phạm bốn trọng cấm và tội ngũ nghịch, bài báng chánh pháp v.v... những người như vậy gọi là phá giới.

Thuần-đà lại hỏi:

–Kẻ phá giới như vậy có thể cứu vớt chăng?

Đức Phật bảo Thuần-đà:

–Nếu có nhân duyên thì có thể cứu vớt. Nếu người mặc pháp phục còn chưa rời bỏ mà lòng thường mang tử thẹn, kinh sợ, tự khảo trách: “Chao ôi, sao ta bị phạm trọng tội ấy! Lạ thay, sao ta lại tạo nghiệp khổ ấy”, rồi tự hối cải sâu xa, sinh lòng hộ pháp, muốn kiến tạo chánh pháp và nghĩ: “Nếu có người hộ pháp thì ta sẽ cúng dường. Nếu có người đọc tụng kinh điển Đại thừa thì ta sẽ thưa hỏi để thọ trì, đọc tụng; đã thông hiểu rồi lại vì người khác phân biệt tuyên nói rộng khắp”, thì ta nói người đó chẳng gọi là phá giới. Vì sao? Nay thiện nam! Ví như mặt trời mọc có thể diệt trừ tất cả tối tăm của bụi che ngăn. Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này xuất hiện, hưng thịnh ở đời cũng như vậy, có thể diệt trừ hết mọi tội đã làm trong vô lượng kiếp của chúng sinh. Vậy nên kinh này nói, hộ trì chánh pháp được quả báo lớn, cứu vớt phá giới. Nếu có người hủy báng chánh pháp này mà có thể tự hối cải quay trở về với pháp, tự nghĩ rằng, tất cả việc làm bất thiện như người tự hại mình, lòng sinh kinh sợ, tử thẹn, trừ chánh pháp này ra không có ai cứu giúp, vậy cần phải quay trở về chánh pháp, nếu người có thể đứng như lời nói như vậy mà quy y, bố thí thì người này được phước không lường, cũng gọi là bậc xứng đáng thọ cúng dường của thế gian. Nếu người phạm tội nghiệp ác như trên mà hoặc qua một tháng hay mười lăm ngày, chẳng phát sinh lòng quy y, phát lộ, mà bố thí cho hạng người này thì quả báo rất ít. Người phạm tội ngũ nghịch cũng như vậy, có thể sinh lòng hối hận, bên trong mang tử thẹn: “Nay ta đã tạo nghiệp bất thiện rất là khổ! Ta sẽ kiến lập và hộ trì chánh pháp” thì đó chẳng gọi là tội ngũ nghịch. Nếu bố thí cho người này thì được phước không lường. Người đã phạm tội ngũ nghịch rồi chẳng sinh lòng hộ pháp, quy y mà bố thí cho người đó thì phước chẳng là bao. Lại nữa, nay thiện nam! Về người phạm trọng tội thì ông nay hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói rộng rãi, ông nên sinh tâm này: “Gọi là chánh pháp tức là tạng vi mật của Như Lai. Vậy nên ta phải hộ

trì kiến lập”. Bồ thí cho người này thì được quả báo thù thắng. Nay thiện nam! Ví như người con gái mang thai gần sinh, gặp nước loạn lạc, tránh xa đến nước khác. Ở tại một ngôi miếu thờ trời, nàng liền sinh con và nuôi dưỡng. Về sau, nghe nước cũ yên ổn, giàu có hưng thịnh, nàng muốn mang con mình trở về quê cũ. Đường đi phải qua sông Hằng, nước lớn chảy xiết mà phải bồng con nên chẳng thể qua sông được, nàng liền tự nghĩ: “Ta thà cùng con chết chung một chỗ, chứ chẳng bỏ con mà qua sông một mình”. Nghĩ thế rồi nàng cùng con đều chìm chết. Sau khi mạng chung nàng liền sinh lên trời. Do lòng thương con, muốn cho con được qua sông mà người con gái vốn tánh tệ ác đó, nhờ lòng thương con nên được sinh lên trời. Người phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián mà sinh lòng hộ pháp cũng như vậy, tuy trước có làm nghiệp bất thiện, nhưng do hộ pháp nên được làm ruộng phước vô thượng của thế gian. Người hộ pháp này có phước báo không lường như vậy v.v...

Thuần-đà lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Nhất-xiển-đề có thể tự hồi cải, cung kính, cúng dường, khen ngợi Tam bảo thì bồ thí cho người như vậy có được đại quả báo không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nay chẳng nên nói lời như vậy! Này thiện nam! Ví như có người ăn trái cây Am-la, nhả hạt xuống đất mà lại nghĩ rằng trong hạt này chắc có vị ngọt, nên hấn liền lấy trở lại, đập vỡ mà ăn, nhưng vị của hạt ấy rất đắng, lòng sinh hối hận. Hấn sợ mất giống trái cây liền thu thập lại những hạt vỡ ấy rồi gieo vào đất, siêng năng gia công chăm bón, dùng váng sữa, dầu và sữa để tùy lúc tưới bón. Ý ông thế nào? Có chắc những hạt ấy mọc được không?

–Bạch Thế Tôn! Không! Giả sử trời mưa xuống nước cam lồ vô thượng cũng chẳng mọc được!

–Này thiện nam! Nhất-xiển-đề kia cũng như vậy, đã thiêu đốt, tiêu diệt hết căn lành thì sẽ ở chỗ nào mà được trừ diệt tội. Này thiện nam! Nếu người sinh lòng thiện thì đó chẳng gọi là Nhất-xiển-đề. Này thiện nam! Do nghĩa này nên tất cả quả báo của sự bồ thí chẳng phải không sai biệt. Vì sao? Vì bồ thí cho Thanh văn thì được quả báo khác,

bố thí cho Phật-bích-chi thì cũng được quả báo khác, chỉ có cúng dường cho Như Lai là thu hoạch được quả vô thượng. Vậy nên nói rằng, tất cả sự bố thí chẳng phải không sai khác.

Thuần-đà lại nói:

–Vì sao Như Lai nói bài kệ này?

Đức Phật bảo Thuần-đà:

–Vì có nhân duyên nên Ta nói bài kệ này. Trong thành Vương-xá có một người Ưu-bà-tắc, lòng không tịnh tín, phụng sự giáo pháp Ni-kiền, ông ấy đến hỏi Ta về ý nghĩa của bố thí. Do nhân duyên này nên Ta nói bài kệ đó, Ta cũng vì những vị Đại Bồ-tát nói nghĩa của tạng bí mật. Bài kệ ấy ý nghĩa thế nào? Tất cả là một phần ít của tất cả, ông phải biết, Đại Bồ-tát là kẻ hùng trong loài người, thâm giữ kẻ trì giới và bố thí sự cần dùng cho họ, xả bỏ kẻ phá giới như trừ bỏ cỏ bông kê.

Lại nữa, này thiện nam! Như Ta thuở xưa đã nói kệ:

*Tất cả sông ngòi
Ắt có khúc quanh
Tất cả rừng rậm
Ắt có cây cối
Tất cả người nữ
Ắt lòng dối quanh
Tất cả tự tại
Ắt thọ an lành.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền đứng dậy, trật áo vai phải, gối phải quỳ xuống đất, trước lễ dưới chân Phật rồi nói kệ:

*Chẳng phải mọi sông
Đều có khúc quanh
Chẳng phải mọi rừng
Đều là cây cối
Chẳng phải nữ nhân
Lòng đều dối quanh
Tất cả tự tại
Chưa chắc an lành.*

Bài kệ Đức Phật đã nói, nghĩa ấy có khác. Nguyên xin Thế Tôn

rủ lòng thương xót nói lên cái nhân duyên ấy! Vì sao? Bạch Thế Tôn! Ở ba ngàn đại thiên thế giới này có châu tên là Câu-gia-ni. Châu ấy có sông ngay thẳng chằng quanh co tên là Ta-bà-gia. Nó giống như sợi dây thẳng, chảy vào biển phía Tây. Như vậy tướng của dòng sông này khác với trong kinh mà Phật đã từng nói. Nguyện xin Như Lai nhân trong kinh Phương Đẳng A Hàm này, nói có nghĩa khác, khiến cho các Bồ-tát tin hiểu sâu xa về vấn đề đó. Thưa Thế Tôn! Ví như có người trước biết quặng vàng mà sau chẳng nhận thức được vàng. Như Lai cũng vậy, biết hết pháp rồi mà sự diễn nói có cái khác chẳng hết. Đức Như Lai tuy nói lời khác như vậy nhưng cần phải phương tiện lý giải ý thú của vấn đề ấy. Tất cả rừng rậm nhất định là có cây cối nhưng rừng đó cũng có cái khác. Vì sao? Vì đủ thứ cây báu như vàng, bạc, lưu ly v.v... đó cũng gọi là rừng. Tất cả nữ nhân nhất định mang lòng đua nịnh quanh co, điều này cũng có khác. Vì sao? Vì cũng có nữ nhân khéo gìn giữ giới cấm, thành tựu công đức, có đại từ bi. Tất cả đấng Tự Tại nhất định thọ hưởng an vui, điều này cũng có khác. Vì sao? Vì có đấng Tự Tại như Chuyển luân Thánh vương, là Pháp vương Như Lai chẳng thuộc phạm vi ma chết, chẳng thể diệt tận. Như còn Phạm vương, Đế Thích, chư Thiên v.v... tuy được tự tại nhưng đều là vô thường. Nếu được thường trụ, không biến dịch thì mới gọi là tự tại như là Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nay biện tài rất khéo. Nhưng ông hãy dừng lại, lắng nghe! Này Văn-thù-sư-lợi! Ví như ông trưởng giả, thân mắc bệnh khổ. Lương y chẩn bệnh, rồi vì ông hòa hợp thuốc cao. Khi đó, người bệnh tham muốn uống nhiều thuốc. Vị lương y nói với người bệnh: “Nếu có thể tiêu hóa thì nên uống tùy ý. Ông nay thân thể gầy yếu, chẳng nên uống nhiều. Ông phải biết thuốc cao này cũng gọi là cam lồ mà cũng gọi là thuốc độc. Nếu uống nhiều mà chẳng tiêu hóa thì gọi là độc dược”. Này thiện nam! Ông nay chớ cho là lời nói của vị thầy thuốc đó trái với nghĩa lý, làm tổn thất thế lực của thuốc cao. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, vì các quốc vương, hậu phi, thái tử, vương tử, đại thần mà nhân cái tâm kiêu mạn của vương tử, hậu phi... của vua Ba-tư-nặc, vì muốn điều phục họ nên thị hiện làm cho sợ hãi

như vị lương y kia nên Ta nói kệ:

*Tất cả sông ngòi
 Ất có khúc quanh
 Tất cả rừng rậm
 Ất có cây cối
 Tất cả người nữ
 Ất lòng dối quanh
 Tất cả tự tại
 Ất họ an lành.*

Này Văn-thù-sư-lợi! Ông nay phải biết, lời nói của Như Lai không có sai lầm. Như đại địa này có thể làm cho lật úp, nhưng lời nói của Như Lai nhất định không sai lầm. Do nghĩa này nên lời nói của Như Lai tất cả có khác.

Bấy giờ, Đức Phật khen ngợi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông biết ý nghĩa như vậy đã lâu nhưng vì thương xót tất cả, muốn khiến cho chúng sinh được trí tuệ nên rộng hỏi Như Lai về ý nghĩa của bài kệ như vậy.

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử lại ở trước Đức Phật mà nói kệ:

*Đối với lời người khác
 Tùy thuận chẳng chống trái
 Cũng chẳng xem người khác
 Làm hay là chẳng làm
 Chỉ tự quán thân mình
 Làm thiện hay bất thiện.*

Bạch Thế Tôn! Như vậy pháp được này chẳng phải là chánh thuyết mà chỉ đối với lời nói người khác thuận theo, chẳng nghịch lại thôi. Cúi xin Như Lai rủ lòng thương xót mà chánh thuyết cho. Vì sao? Thưa Thế Tôn! Vì Thế Tôn thường nói, tất cả chín mươi lăm thứ ngoại học đều hướng đến con đường ác. Các đệ tử Thanh văn đều hướng về đường chánh như hộ trì giới cấm, giữ lấy oai nghi, hộ trì cẩn thận các căn. Những người như vậy rất ưa thích đại pháp, hướng đến thiện đạo mà vì sao Như Lai ở trong chín bộ loại kinh điển thấy có người hủy báng người khác thì liền quở trách? Như vậy ý nghĩa bài kệ là hướng

đến chỗ nào?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Này thiện nam! Ta nói bài kệ này cũng chẳng vì tất cả chúng sinh. Bấy giờ Ta chỉ vì vua A-xà-thế. Chư Phật Thế Tôn, nếu không nhân duyên thì nhất định chẳng nói nghịch, vì có nhân duyên nên mới nói như vậy. Này thiện nam! Vua A-xà-thế hại cha ông ấy rồi đi đến chỗ của Ta, muốn bắt bẻ Ta mà hỏi như vậy: “Thế nào? Thế Tôn là Nhất thiết trí hay chẳng phải là Nhất thiết trí? Nếu là Nhất thiết trí thì ông Điều-đạt thuở xưa, trong vô lượng đời thường mang lòng ác, theo đui Như Lai, muốn làm nghịch hại Như Lai mà vì sao Như Lai còn cho ông ấy xuất gia?”. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta vì vị vua đó mà nói kệ này:

*Đối với lời người khác
Tùy thuận chẳng chống trái
Cũng chẳng xem xét họ
Làm hay là chẳng làm
Chỉ tự quán thân mình
Làm thiện hay bất thiện.*

“Này đại vương! Ông nay hại cha, đã tạo tác tội nghịch vô gián rất nặng, cần phải phát lồ để cầu thanh tịnh, thì dựa vào đâu để thấy tội lỗi của người khác?”.

Này thiện nam! Do nghĩa này nên Ta vì vị vua đó mà nói bài kệ này. Lại nữa, này thiện nam! Cũng vì hộ trì người chẳng hủy giới cấm thành tựu oai nghi, mà thấy lỗi người khác nên Ta nói bài kệ đó. Nếu lại có người lãnh thọ lời dạy bảo của người khác, xa lìa mọi ác, rồi lại dạy cho người khác nữa xa lìa mọi ác thì người như vậy tức là đệ tử của Ta.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ:

*Tất cả sợ gậy, đao
Không ai chẳng yêu mạng
Lấy mình mà suy ra
Chớ giết, chớ đánh đập.*

Lúc ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại ở trước Đức Phật mà nói kệ:

*Chẳng phải tất cả sợ đao, gậy
Chẳng phải tất cả yêu thân mạng
Hãy tự lấy mình mà suy ra
Siêng năng thực hành phương tiện lành.*

Đức Như Lai nói ý nghĩa câu pháp này cũng là chưa rõ ráo. Vì sao? Vì như A-la-hán, Chuyển luân Thánh vương, ngọc nữ, voi, ngựa báu, đại thần chủ kho mà hàng trời, người và A-tu-la cầm gươm bén có thể hại họ được thì đó là điều không có. Dũng sĩ, liệt nữ, ngựa chúa, thú chúa, Tỳ-kheo trì giới, tuy có kẻ nghịch đến hại mà chẳng kinh sợ. Do nghĩa này nên Như Lai nói kệ cũng tương đối. Nếu nói rằng, suy mình để làm điển hình thì cũng là tương đối. Vì sao? Vì nếu A-la-hán lấy mình ví cho người kia thì có tưởng về ngã và cả tưởng về mạng. Nếu có tưởng về ngã và cả tưởng về mạng thì lẽ ra phải giữ gìn và phàm phu lẽ ra cũng thấy A-la-hán là người tu hành. Nếu như vậy tức là tà kiến. Nếu có tà kiến thì mạng chung sẽ sinh vào địa ngục A-tỳ. Lại nữa, giả sử A-la-hán đối với chúng sinh phát sinh lòng hại thì đó là điều không có. Vô lượng chúng sinh cũng không thể hại A-la-hán.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói tưởng về ngã là nói đối với chúng sinh phát sinh lòng đại bi, không có tư tưởng giết hại, là nói A-la-hán có lòng bình đẳng. Ông chớ cho là Thế Tôn không có nhân duyên mà nói nghịch. Ngày xưa ở trong thành Vương-xá này, có người thợ săn bực thầy giết nhiều bầy nai mời Ta ăn thịt. Bấy giờ, Ta tuy nhận lời mời của người đó, nhưng đối với các chúng sinh phát sinh lòng từ bi như thương La-hầu-la mà nói kệ:

*Sẽ khiến người trường thọ
Mãi mãi trụ thế gian
Thọ trì pháp chẳng hại
Như thọ mạng Thế Tôn.*

Do đó nên Ta nói kệ:

*Tất cả sợ gậy đao
Không ai chẳng yêu mạng
Lấy mình mà suy ra
Chớ giết, chớ đánh đập.*

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này Văn-thù-sư-lợi! Ông vì các vị Đại Bồ-tát nên hỏi Như Lai về mật giáo như vậy.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ:

*Sao gọi kính cha mẹ
Thuận theo và tôn trọng
Sao tu tập pháp này
Mà đọa ngục vô gián?*

Đến đây, Đức Như Lai dùng kệ đáp:

*Nếu tham ái là mẹ
Vô minh lấy làm cha
Thuận theo tôn trọng đó
Thì đọa ngục vô gián.*

Khi đó, Đức Như Lai lại vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, một lần nữa nói kệ:

*Tất cả thuộc người khác
Thì gọi đó là khổ
Tất cả đều do mình
Tự tại thì an lạc
Tất cả ai kiêu mạn
Thế lực rất bạo tàn
Những người mà hiền thiện
Tất cả đều yêu thương.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lời nói này của Như Lai cũng chưa rõ ràng. Cúi xin Như Lai lại rủ lòng thương xót nói về nhân duyên ấy. Vì sao? Vì như con ông trưởng giả khi theo thầy học thì có bị lệ thuộc vào thầy không? Nếu lệ thuộc vào thầy thì nghĩa chẳng thành tự, nếu chẳng lệ thuộc thì cũng chẳng thành tự, nếu được tự tại cũng chẳng thành tự. Vậy nên lời nói của Như Lai cũng tương đối. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như vị vương tử không có tập làm quen mọi việc, khi chạm đến việc thì chẳng thành. Đó cũng là tự tại nhưng ngu tối thường khổ. Như vậy vị vương tử đó nếu nói tự tại thì nghĩa cũng chẳng thành, hoặc nói rằng

lệ thuộc vào người khác thì nghĩa cũng chẳng thành. Do đó nên ý nghĩa lời nói của Phật gọi là chưa rốt ráo. Vậy nên tất cả lệ thuộc vào người khác chưa chắc là thọ khổ và tất cả tự tại chưa chắc là thọ lạc. Tất cả kẻ kiêu mạn có thể lực rất bạo ác thì cũng chưa rốt ráo. Bạch Thế Tôn! Như các liệt nữ lòng kiêu mạn nên xuất gia học đạo, hộ trì giới cấm, thành tựu oai nghi, thân giữ các căn chẳng cho giông ruổi tán loạn. Vậy nên tất cả bị kiêu mạn trói buộc chưa chắc là bạo ác. Người hiền thiện được tất cả ái mọi người thương mến cũng chưa phải là điều rốt ráo. Như người, bên trong phạm bốn trọng cấm rồi mà chẳng bỏ pháp phục, kiên trì oai nghi, người hộ trì chánh pháp thấy được rồi thì chẳng ưa thích, người đó sau khi mạng chung nhất định đọa vào địa ngục. Nếu có người hiền phạm bốn trọng cấm, người hộ pháp thấy thì liền đuổi đi, bãi đạo hoàn tục. Do nghĩa này nên tất cả người hiền thiện chưa chắc được mọi người thương mến.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có nhân duyên nên Như Lai đối với điều này nói cũng tương đối. Lại có nhân duyên nên các Đức Phật Như Lai nói pháp này. Ở thành Vương-xá có một người con gái tên là Thiện Hiền, khi trở về nhà cha mẹ, nhân đến chỗ Ta, quy y với Ta và Pháp cùng chúng Tăng rồi nói: “Tất cả nữ nhân chẳng tự do còn tất cả nam tử tự tại vô ngại”. Bấy giờ, Ta biết lòng của người con gái này, liền vì cô ấy tuyên nói bài kệ tụng như vậy. Nay Văn-thù-sư-lợi! Hay thay! Hay thay! Ông nay có thể vì tất cả chúng sinh hỏi Như Lai về mật ngữ như vậy.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại nói kệ:

*Tất cả những chúng sinh
Nhờ ăn uống mà sống
Tất cả người mạnh mẽ
Lòng họ không ghét ghen
Tất cả nhân ăn uống
Mà bệnh khổ phải mang
Tất cả tu tịnh hạnh
Nên được hưởng an lạc.*

Như vậy, bạch Thế Tôn! Hôm nay Thế Tôn thọ bữa cơm cúng dường của ông Thuần-đà phải chăng Như Lai có sự kính sợ?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ:

*Chẳng phải mọi chúng sinh
 Đều nhờ ăn uống sống
 Chẳng phải mọi người mạnh
 Lòng đều không ghét ghen
 Chẳng phải do ăn uống
 Mà bị các bệnh khổ
 Chẳng phải mọi tịnh hạnh
 Đều được hưởng an lạc.*

Này Văn-thù-sư-lợi! Nếu ông bị bệnh thì Ta cũng như vậy, bị bệnh khổ. Vì sao? Vì các A-la-hán và Phật-bích-chi, Bồ-tát, Như Lai thật ra không có sự ăn uống, nhưng vì muốn hóa độ những chúng sinh kia nên thị hiện thọ dụng vô lượng vật bố thí của chúng sinh, khiến cho những người ấy đầy đủ Thí Ba-la-mật, và nhằm cứu vớt địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nếu nói rằng, Như Lai sáu năm khổ hạnh, thân hình gầy còm thì đó là điều không đáng. Chư Phật Thế Tôn một mình cứu vớt các cõi, chẳng đồng với hạng phàm phu thì sao mà tấm thân gầy yếu? Chư Phật Thế Tôn tinh cần tu tập, đạt được thân kim cương chẳng đồng với thân mong manh của người đời. Những đệ tử của Ta cũng như vậy, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng nương vào ăn uống. Nói tất cả người có sức mạnh không ghen ghét thì cũng chưa rất ráo. Như có người thế gian trọn đời không có lòng ganh ghét mà không có sức mạnh. Nói tất cả bệnh khổ nhân ăn uống mà bị thì cũng chưa rất ráo. Vì Ta cũng thấy có người bị bệnh do khách quan như là dao, gươm, mâu, kích đâm chém. Nói tất cả người tịnh hạnh đều thọ yên vui thì cũng chưa rất ráo. Vì trong thế gian cũng có người ngoại đạo tu hành phạm hạnh mà vẫn chịu nhiều khổ não. Do nghĩa này nên bài kệ trước đây mà Như Lai nói là tương đối. Đó gọi là Như Lai do có nhân duyên mà nói kệ này. Nhân duyên đó là, ngày xưa ở nước Ưu-thiên-ni có vị Bà-la-môn tên là Cổ-đê-đức đi đến chỗ Ta, muốn thọ pháp Bát trai giới. Bấy giờ, Ta vì ông ấy nói kệ đó.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là nghĩa tương đối? Sao gọi là nghĩa nhất thiết?

–Này thiện nam! Nhất thiết là, chỉ trừ pháp trợ đạo, còn thường, lạc, pháp thiện là tất cả, cũng gọi là tuyệt đối. Ngoài ra các pháp khác cũng gọi là tương đối, cũng gọi là tuyệt đối, là muốn khiến cho các thiện nam ưa pháp, biết nghĩa tương đối và tuyệt đối này.

Bồ-tát Ca-diếp lòng rất vui mừng, vô cùng phấn khởi, bạch Phật:

–Lạ thay! Thế Tôn bình đẳng xem chúng sinh như La-hầu-la!

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Cái thấy của ông hôm nay thật sâu xa vi diệu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyên xin Như Lai nói về công đức sở đắc của kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nếu có người được nghe tên kinh này thì công đức sở đắc chẳng phải là điều mà các Thanh văn, Phật-bích-chi có thể nói được, chỉ có Phật mới có thể biết. Vì sao? Vì chẳng thể nghĩ bàn, vì chính là cảnh giới của Phật, huống nữa là công đức của người thọ trì, đọc tụng, lưu hành và ghi chép kinh này.

Bấy giờ, chư Thiên, người đời và A-tu-la liền ở trước Đức Phật, khác miệng đồng lời nói kệ:

*Chư Phật khó nghĩ bàn
Pháp, Tăng cũng như vậy
Vậy nên nay kính thỉnh
Phật lưu lại giây lát
Đợi Tôn giả A-nan
Tôn giả Đại Ca-diếp
Quyển thuộc hai chúng trên
Chẳng bao lâu sẽ đến
Cùng vua A-xà-thế
Quốc chủ nước Ma-kiệt
Kính tin Phật hết lòng
Vẫn còn chưa đến đây
Nguyên xin Phật Thế Tôn
Thương xót trụ giây lát*

*Ở trong đại chúng này
Dứt lưới nghi chúng con.*

Lúc này, Đức Như Lai vì các đại chúng mà nói kệ:

*Trưởng tử trong pháp Ta
Tên là Đại Ca-diếp
Và A-nan tinh cần
Hay đoạn mọi nghi hoặc.
Các ông nên biết rõ
A-nan bậc đa văn
Tự nhiên hiểu rõ được
Pháp thường và vô thường
Do vậy mà chẳng nên
Lòng mang ưu não lớn!*

Bấy giờ, đại chúng đem đủ thứ phẩm vật cúng dường Đức Như Lai. Cúng dường Đức Phật rồi, họ liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô lượng vô biên hằng hà sa số những Bồ-tát v.v... được trụ ở bậc sơ địa. Lúc này, Đức Thế Tôn thọ ký cho Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Ca-diếp và ông Thuần-đà. Thọ ký xong, Đức Phật dạy:

–Này các thiện nam! Các ông hãy tự tu tâm mình, cẩn thận chớ buông lung. Nay Ta đau lưng, toàn thân đều đau nhức. Ta nay muốn nằm nghỉ như đứa trẻ và như người bệnh thường. Này Văn-thù! Các ông phải vì bốn bộ chúng diễn nói đại pháp rộng rãi. Nay Ta đem pháp này phó chúc cho ông. Cho đến khi Ca-diếp và A-nan đến thì ông lại phải đem chánh pháp như vậy phó chúc cho họ.

Khi Đức Như Lai nói lời này rồi, vì muốn điều phục các chúng sinh nên Như Lai hiện thân có bệnh, nằm nghiêng hông phải như người bệnh.

**

Phẩm 18: HIỆN BỆNH

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai đã khỏi tất cả bệnh tật, hoạn khổ đều

trừ, không kinh sợ nữa. Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có bốn mũi tên độc tức là nguyên nhân của bệnh. Những gì là bốn? Đó là tham dục, sân hận, ngu si và kiêu mạn. Nếu có nguyên nhân về bệnh thì có bệnh sinh ra. Như là bệnh sốt rét, phổi, da ngứa ngứa, tâm thần mê loạn, bệnh ly, bệnh nôn ọe, bệnh tiểu tiện ra máu, bệnh đau một bên mắt và tai, bệnh lưng, bụng trương đầy, bệnh điên cuồng, táo bón, bị quỷ mỵ bắt. Các thứ bệnh về thân tâm như vậy chư Phật Thế Tôn đều không có. Hôm nay Như Lai vì duyên gì mà gọi Văn-thù-sư-lợi bảo: “Ta nay đau lưng, các ông phải vì đại chúng nói pháp”. Theo con thì có hai nhân duyên mà Như Lai không có bệnh khổ. Những gì là hai? Một là thương xót tất cả chúng sinh. Hai là bố thí cho người bệnh thuốc chữa bệnh. Như Lai thuở xưa đã ở trong vô lượng ức kiếp, tu đạo Bồ-tát, thường hành ái ngữ làm lợi ích cho chúng sinh, chẳng khiến họ khổ não. Ngài đã bố thí cho người bệnh tất đủ thứ thuốc thì vì nhân duyên gì đến hôm nay tự nói có bệnh? Thưa Thế Tôn! Người đời có bệnh, hoặc ngồi, hoặc nằm chẳng yên ổn, hoặc đòi ăn uống, hoặc dặn dò người nhà chăm lo sản nghiệp, còn vì sao Như Lai nằm im, chẳng dạy bảo những người đệ tử Thanh văn về Giới Ba-la-mật, các thiền, giải thoát, Tam-ma-bạt-đề, các chánh cần? Vì nhân duyên gì Như Lai chẳng nói kinh điển Đại thừa thâm diệu như vậy? Vì sao Như Lai chẳng dùng vô lượng phương tiện dạy Bồ-tát Đại Ca-diếp, bậc tượng vương trong loài người và các bậc đại nhân v.v... khiến cho những vị ấy chẳng thoái Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao Như Lai chẳng trách phạt các Tỳ-kheo ác nhận chứa tất cả vật bất tịnh? Thưa Thế Tôn! Quả thật Như Lai không có bệnh mà sao im lặng nằm nghiêng hông bên phải? Các Bồ-tát phàm đã cấp thí cho người bệnh thuốc chữa bệnh, thiện căn có được đều bố thí cho chúng sinh rồi cùng hồi hướng về Nhất thiết chủng trí, để trừ diệt những phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng cho chúng sinh. Phiền não chướng là tham dục, sân hận, ngu si, phẫn nộ, triền cái, bực tức, ganh ghét, keo kiệt, gian trá, dua nịnh, không hổ, không thẹn, mạn, mạn mạn, bất như mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn, tà mạng, kiêu mạn, phóng dật, cao ngạo, oán giận, tranh tụng, nịnh hót, trá hiện tướng khác, lấy lợi cầu lợi, cầu ác, cầu nhiều, không có cung kính, chẳng theo lời dạy bảo, gần gũi bạn

xấu, tham lợi không chán, trói buộc khó mở, ham muốn điều ác, tham lam việc ác, chấp thân, chấp hữu và cả chấp vô, uể oải ưa ngủ, ngáp dài chẳng vui, ham muốn ăn uống, tâm ý tối tăm, lòng duyên tưởng khác, chẳng khéo tư duy, thân miệng nhiều ác, ưa thích nói nhiều, các căn ám độn, phát ngôn rỗng tuếch, thường bị sự che trùm của tướng dục, tướng sân và tướng độc hại. Đó gọi là phiền não chướng. Nghiệp chướng là năm tội vô gián, bệnh nặng hiểm ác. Báo chướng là sinh tại địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, bài báng chánh pháp và Nhất-xiển-đề. Đó gọi là báo chướng. Ba chướng như vậy gọi là đại bệnh nhưng các Bồ-tát ở vô lượng kiếp, khi tu Bồ-đề đã cấp phát cho tất cả người bệnh tật thuốc chữa trị, thường phát nguyện này: “Khiến cho các chúng sinh vĩnh viễn đoạn dứt bệnh nặng ba chướng này”. Lại nữa, Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát khi tu Bồ-đề, cấp phát cho tất cả người bệnh thuốc trị bệnh, thường phát nguyện này: Nguyện khiến cho chúng sinh vĩnh viễn đoạn dứt các bệnh, được thành thân kim cang của Như Lai. Nguyện vì tất cả vô lượng chúng sinh làm thầy thuốc giỏi đoạn trừ tất cả những bệnh nặng hiểm ác. Nguyện cho các chúng sinh được thuốc A-da-đà, nhờ dược lực này có thể trừ tất cả vô lượng độc ác. Nguyện cho chúng sinh đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có thoái chuyển, mau chóng được thành tựu thuốc Phật vô thượng, tiêu trừ tất cả mũi tên độc phiền não. Nguyện cho chúng sinh siêng tu tinh tấn, thành tựu tâm kim cương của Như Lai, làm thuốc vi diệu trị liệu mọi thứ bệnh, khiến cho không còn người sinh tưởng tranh tụng. Cũng nguyện cho chúng sinh làm cây thuốc lớn trị liệu tất cả những trọng bệnh ác hiểm. Lại nguyện cho chúng sinh nhổ ra tên độc, được thành ánh sáng vô thượng của Như Lai. Lại nguyện cho chúng sinh được vào tạng pháp vi mật đại được trí tuệ của Như Lai. Bạch Thế Tôn! Bồ-tát như vậy đã ở vô lượng trăm ngàn vạn ức triệu kiếp phát thệ nguyện này, khiến cho những chúng sinh đều không có các bệnh thì vì duyên cơ gì Đức Như Lai cho đến hôm nay nói là có bệnh! Lại nữa, thưa Thế Tôn! Người đời có bệnh thì chẳng thể ngồi dậy, cúi, ngược, tiến, dừng, ăn uống chẳng thường, nước uống chẳng xuống, cũng lại chẳng thể dạy dỗ các con chăm lo gia nghiệp. Bấy giờ, cha mẹ, vợ con, anh em, thân thuộc, bạn bè đều đối với người này cho là nhất định sẽ chết. Bạch Thế Tôn! Như

Lai hôm nay cũng như vậy, nằm nghiêng bên phải, không có luận nói gì thì những người ngu của cõi Diêm-phù-đề này sẽ nghĩ rằng, Như Lai Chánh Giác ắt sẽ vào Niết-bàn, rồi sinh tướng diệt tận. Nhưng mà tánh của Như Lai thật ra chẳng rớt vào Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai thường trụ không biến dịch. Do nhân duyên này chẳng nên nói rằng Ta nay đau lưng.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Người đời có bệnh thì thân thể hao gầy, hoặc nằm ngửa, hoặc nằm nghiêng trên giường nệm. Bấy giờ lòng mọi người sinh ra khinh rẻ, nghĩ là chắc chết. Đức Như Lai nay cũng như vậy, sẽ bị sự khinh nhờn của chín mươi lăm thứ ngoại đạo và phát sinh tướng vô thường. Những ngoại đạo kia sẽ nói: “Chẳng như chúng ta do tánh của ngã nên người tự tại, thời tiết, vi trần, các pháp là thường trụ, không có biến dịch. Sa-môn Cù-đàm bị vô thường biến chuyển là pháp biến dịch”. Do nghĩa này nên, bạch Thế Tôn! Hôm nay Thế Tôn chẳng nên im lặng nằm nghiêng bên phải. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Người đời có bệnh thì bốn đại tăng giảm chẳng điều hòa, gầy yếu suy kiệt. Vậy nên người bệnh chẳng thể tùy ý ngồi dậy, nằm mẹp trên giường nệm. Như Lai, bốn đại điều hòa, thân lực đầy đủ, cũng không gầy yếu, tổn hao. Thưa Thế Tôn! Như sức của mười con trâu nhỏ chẳng bằng sức của một con trâu lớn. Sức của mười con trâu lớn chẳng bằng sức của một con trâu xanh. Sức của mười con trâu xanh chẳng bằng sức của một con voi thường. Sức của mười con voi thường chẳng bằng sức một con voi hoang. Sức của mười con voi hoang chẳng bằng sức của một con voi hai ngà. Sức của mười con voi hai ngà chẳng bằng sức của một con voi bốn ngà. Sức của mười con voi bốn ngà chẳng bằng sức của một con voi trắng của núi Tuyết. Sức của mười con voi trắng ở núi Tuyết chẳng bằng sức của một con voi hương. Sức của mười con voi hương chẳng bằng sức của một con voi xanh. Sức của mười con voi xanh chẳng bằng sức của một con voi vàng. Sức của mười con voi vàng chẳng bằng sức của một con voi đỏ. Sức của mười con voi đỏ chẳng bằng sức của một con voi trắng. Sức của mười con voi trắng chẳng bằng sức của một con voi núi. Sức của mười con voi núi chẳng bằng sức của một con voi ưu-bát-la. Sức của mười con voi ưu-bát-la chẳng bằng sức của một con voi ba-đầu-ma. Sức của mười con voi ba-đầu-ma

chẳng bằng sức của một con voi câu-vật-đầu. Sức của mười con voi câu-vật-đầu chẳng bằng sức của một con voi phân-đà-lợi. Sức của mười con voi phân-đà-lợi chẳng bằng sức của một lực sĩ trong loài người. Sức của mười lực sĩ trong loài người chẳng bằng sức của một Bát-kiện-đề. Sức của mười Bát-kiện-đề chẳng bằng sức của một Na-la-diên tám tay. Sức của mười Na-la-diên tám tay chẳng bằng sức một chi của một Bồ-tát Thập Trụ. Những đốt xương trong thân của tất cả phàm phu chẳng đụng đến nhau. Đầu đốt xương của lực sĩ trong loài người đụng đến nhau. Các đốt xương trong thân của Bát-kiện-đề tiếp liền nhau. Đầu đốt xương trong thân của Na-la-diên móc vào nhau. Vậy nên sức của Bồ-tát rất lớn. Khi thế giới hình thành, từ cảnh giới kim cương hiện lên tòa ngời kim cương lên đến dưới gốc cây Bồ-đề đạo tràng, đức Bồ-tát ngời rọi, tức thì chứng được mười lực. Như Lai hôm nay chẳng nên như đũa hài nhi kia. Hài nhi ngu si vô trí thì không gì có thể nói. Do nghĩa này nên hài nhi tùy ý nằm nghiêng không người chê trách. Còn Như Lai Thế Tôn có đại trí tuệ soi sáng tất cả, là rồng lớn trong loài người, đầy đủ đại oai đức, thành tựu thân thông, bậc tiên nhân vô thượng đoạn trừ vĩnh viễn lưới nghi, đã nhổ bỏ mũi tên độc, tiến lùi an tường, oai nghi đầy đủ, được vô sở úy, nhưng hôm nay Như Lai vì sao nằm nghiêng hông phải, khiến cho hàng trời, người sáu khi khổ não?

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp liền ở trước Đức Phật mà nói kệ:

*Đấng Cù-dàm thánh đức
 Diệu pháp nguyện nói lên
 Chẳng nên như đũa trẻ
 Người bệnh nằm trên giường
 Điều Ngự, Thiên Nhân Sư
 Nằm tựa giữa Song Thọ
 Phàm phu ngu hèn thấy
 Sẽ nói ất Niết-bàn
 Chẳng biết kinh Phược Đẳng
 Sở hành Phật sâu xa
 Chẳng thấy tạng vi mật
 Như mù chẳng thấy đường*

*Chỉ có các Bồ-tát
 Như Văn-thù vân vân
 Hiểu điều sâu xa đó
 Như người giỏi bắn tên
 Ba đời các Đức Phật
 Đại bi làm cội nguồn
 Đại từ bi như vậy
 Hiện nay ở đâu rồi?
 Nếu đại bi không có
 Thì chẳng gọi Thế Tôn
 Nếu Phật quyết Niết-bàn
 Thì chẳng gọi là thường
 Nguyên xin đấng Vô thượng
 Thương nhận lời con thỉnh
 Chúng sinh được lợi ích
 Hàng phục các ngoại đạo.*

Bây giờ, Đức Thế Tôn với lòng đại bi, biết ý niệm của mỗi chúng sinh, muốn thuận theo để được lợi ích rất ráo, Đức Phật liền trở dậy ngồi kiết già, dung mạo tươi vui như khối vàng ròng, mặt mày đoan nghiêm giống như vầng trăng tròn đầy, hình dung thanh tịnh không có những cấu bẩn, phóng ra ánh sáng lớn soi đầy khắp hư không. Ánh sáng ấy hơn cả trăm ngàn mặt trời, soi đến các thế giới chư Phật ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới, ban cho chúng sinh được đại trí khiến cho họ diệt được hết vô minh hắc ám, khiến cho trăm ngàn ức triệu chúng an trụ tâm Bồ-đề chẳng thoái chuyển. Bây giờ, Đức Thế Tôn không nghi ngờ lo lắng, như sư tử chúa, Ngài dùng ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân mình. Tất cả lỗ chân lông ở trên thân, mỗi lỗ chân lông ấy xuất hiện một đóa hoa sen. Hoa ấy vi diệu đều đủ một ngàn cánh thuần màu vàng ròng, thân bằng lưu ly, tua bằng kim cương, đài bằng ngọc mai khô, hình dáng lớn tròn tựa giống như bánh xe. Những hoa sen đó đều phát ra ánh sáng đủ thứ màu sắc xen nhau như xanh, vàng, đỏ, trắng, tía, pha lê. Những ánh sáng đó đều soi khắp đến địa ngục A-tỳ, địa ngục Tưởng,

địa ngục Hắc Thành, địa ngục Chúng Hợp, địa ngục Khiếu Hoán, địa ngục Đại Khiến Hoán, địa ngục Tiêu Nhiệt, địa ngục Đại Tiêu Nhiệt. Chúng sinh trong tám địa ngục ấy thường bị sự bức thiết của các khổ như là đốt cháy, nung nấu, nướng trên lửa, chặt, đâm, lột da. Họ gặp ánh sáng ấy rồi thì mọi khổ như vậy diệt hết không còn, yên ổn, mát mẻ, sung sướng không cùng cực. Trong ánh sáng ấy tuyên nói tạng bí mật của Như Lai: “Các chúng sinh đều có Phật tánh”. Chúng sinh nghe rồi liền mạng chung sinh vào trong cõi trời, người. Cho đến tám thứ địa ngục lạnh giá như là địa ngục A-ba-ba, địa ngục A-tra-tra, địa ngục A-la-la, địa ngục A-ta-ta, địa ngục Ưu-bát-la, địa ngục Ba-đầu-ma, địa ngục Câu-vật-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi. Chúng sinh trong những địa ngục đó thường bị sự bức bách náo hại của khổ lạnh, như là cắt xé thân thể nát vụn, tàn hại lẫn nhau. Họ gặp ánh sáng ấy rồi thì những khổ như vậy cũng diệt không còn, liền được điều hòa ấm áp, thích hợp với thân thể. Trong ánh sáng này cũng nói tạng bí mật của Như Lai: “Các chúng sinh đều có Phật tánh”. Chúng sinh nghe rồi, liền mạng chung sinh vào trong cõi trời, người. Bấy giờ, ở cõi Diêm-phù-đề này và các thế giới khác hễ có địa ngục thì đều trống không, không có người thọ tội, trừ Nhất-xiển-đề. Ngạ quỷ, súc sinh bị sự bức bách của đói khát, dùng tóc buộc thân, hàng trăm ngàn năm chưa từng nghe danh tự nước uống mà gặp ánh sáng ấy rồi thì đói khát liền tiêu trừ. Trong ánh sáng đó cũng nói tạng bí mật của Như Lai: “Các chúng sinh đều có Phật tánh”. Chúng sinh nghe rồi, liền mạng chung sinh vào trong cõi trời, người, khiến cho loài ngạ quỷ cũng đều trống không, trừ loài quỷ bài báng chánh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Chúng sinh súc sinh giết hại lẫn nhau, tương tàn ăn thịt nhau mà gặp ánh sáng ấy rồi thì lòng sân hận đều diệt. Trong ánh sáng đó cũng nói tạng bí mật của Như Lai: “Các chúng sinh đều có Phật tánh”. Chúng sinh nghe rồi, liền mạng chung sinh vào trong cõi trời, người. Khi ấy loài súc sinh cũng hết, trừ loài bài báng chánh pháp. Mỗi một hoa đó đều có một Đức Phật với hào quang tỏa sáng một tấm màu vàng rực rỡ, vi diệu đoan nghiêm, tối thượng vô tỷ. Thân các Đức Phật đó trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Những Đức Thế Tôn đó, hoặc có vị ngồi, hoặc có vị đi, hoặc có vị nằm, hoặc có vị đứng, hoặc nổi sấm, hoặc tuôn mưa

to, hoặc phóng ra ánh chớp, hoặc quất gió lớn, hoặc phát ra khói lửa, thân như đám lửa, hoặc thị hiện bảy báu, đất nước, thành ấp, xóm làng, cung điện, nhà cửa, hoặc lại thị hiện voi, ngựa, sư tử, cọp, sói, khổng tước, phượng hoàng, các loài chim, hoặc lại thị hiện khiến cho chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đều thấy địa ngục, naga quý, súc sinh, hoặc lại thị hiện sáu cõi trời thuộc Dục giới. Lại có Đức Thế Tôn, hoặc nói ám, giới, nhập có nhiều tội lỗi. Hoặc lại có vị nói pháp bốn Thánh đế. Hoặc lại có vị nói nhân duyên của các pháp. Hoặc có vị nói các nghiệp phiền não đều do nhân duyên sinh. Hoặc có vị nói ngã cùng vô ngã. Hoặc có vị nói hai pháp khổ và vui. Hoặc lại có vị nói thường, vô thường v.v... Hoặc lại có vị nói tịnh cùng bất tịnh. Lại có Đức Thế Tôn vì các vị Bồ-tát diễn nói việc tu hành sáu pháp Ba-la-mật. Hoặc lại có vị nói về công đức sở đắc của các vị Đại Bồ-tát. Hoặc lại có vị nói về công đức sở đắc của các Đức Phật Thế Tôn. Hoặc lại có vị nói về công đức sở đắc của Thanh văn. Hoặc lại có vị nói thuận theo Nhất thừa. Hoặc lại có vị nói về Tam thừa thành đạo. Hoặc có Đức Thế Tôn mà hông trái tuôn ra nước, hông phải phát ra lửa. Hoặc có vị thị hiện: sơ sinh, xuất gia, ngồi ở dưới gốc cây Bồ-đề đạo tràng, chuyển bánh xe diệu pháp, vào đến Niết-bàn. Hoặc có Đức Thế Tôn dùng mãnh thuyết pháp khiến cho trong hội này có người được Quả thứ nhất, Quả thứ hai, Quả thứ ba, cho đến Quả thứ tư. Hoặc lại có vị nói vô lượng nhân duyên lia khỏi sinh tử. Bấy giờ, chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề này gặp ánh sáng ấy rồi thì người mù thấy được hình sắc, người điếc nghe được tiếng, người câm có thể nói, người què có thể đi, người nghèo được của, người tham lam keo kiệt có thể bố thí, người sân hận phát từ tâm, người chẳng tin thì tin. Như vậy thế giới không có một chúng sinh hành pháp ác, trừ Nhất-xiển-đề. Lúc này, tất cả trời, rồng, quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Kiên-đà, Ưu-ma-đà, A-bà-ma-la, người, chẳng phải người v.v... đều cùng đồng thanh xưng lên:

–Hay thay! Hay thay! Đấng Vô Thượng Thiên Tôn ban nhiều sự lợi ích!

Nói lời đó rồi, họ nhảy nhót vui mừng, hoặc ca, hoặc múa, hoặc thân chuyển động, dùng đủ loại hoa tung lên Đức Phật và chúng Tăng.

Những hoa đó là hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi, hoa Mạn-đà-la, hoa Đại Mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Đại Mạn-thù-sa, hoa Tán-đà-na, hoa Đại Tán-đà-na, hoa Lô-chỉ-na, hoa Đại Lô-chỉ-na, hoa Hương, hoa Đại hương, hoa Thích ý, hoa Đại thích ý, hoa Ái kiến, hoa Đại ái kiến, hoa Đoan nghiêm, hoa Đệ nhất đoan nghiêm của cõi trời. Họ lại còn tung lên các thứ hương như hương trầm thủy đa-già-lâu, hương hòa hợp đủ thứ chiên-đàn uất kim, hương hải ngân tụ. Họ lại dùng cờ phướn, lọng báu cõi trời, các kỹ nhạc cõi trời như đàn tranh, sáo, sênh, đàn sắt, đàn không hầu tấu lên để cúng dường Đức Phật rồi nói kệ:

*Con nay cúi lạy Đại Tinh Tấn
 Vô Thượng Chánh Giác Lương Túc Tôn
 Trời, người, đấng chúng đều chẳng biết
 Chỉ có Cù-đàm mới hiểu rõ.
 Phật vì chúng con nên thuở trước
 Tu khổ hạnh nhiều kiếp không lường
 Mà sao một sớm bỏ bản thế
 Liền bỏ thân mạng vào Niết-bàn.
 Tất cả chúng sinh chẳng thể thấy
 Tạng bí mật của Phật Thế Tôn
 Do nhân duyên này khó ra khỏi
 Xoay vần sinh tử trong đường ác.
 Như lời Phật nói, A-la-hán
 Tất cả đều phải đến Niết-bàn
 Hành xứ Phật sâu xa như vậy
 Phàm phu ngu si ai biết được.
 Ban cho chúng sinh pháp cam lồ
 Vì họ đoạn trừ các phiền não
 Nếu có người uống cam lồ ấy
 Thì sinh, già, bệnh, chết chẳng còn.
 Như Lai Thế Tôn đã trị liệu
 Trăm ngàn chúng sinh nhiều không lường
 Khiến cho những trọng bệnh của họ
 Tất cả tiêu diệt hết không còn.*

*Đã lâu Thế Tôn xa bệnh khổ
 Nên được gọi đệ thất Thế Tôn
 Nguyện xin hôm nay mưa mưa pháp
 Thấm nhuần giống công đức chúng con.
 Các đại chúng và trời, người đó
 Thịnh như vậy rồi đứng lặng yên.*

Khi nói bài kệ này thì tất cả các Đức Phật trong đài hoa sen từ cõi Diêm-phù-đề khắp đến cõi trời Tịnh Cư đều nghe hết. Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông đã đầy đủ trí tuệ vi diệu như vậy thì chẳng bị sự phá hoại của những ma ngoại đạo. Này thiện nam! Ông đã an trụ chẳng bị sự khuynh động của tất cả những cơn gió tà ác. Này thiện nam! Ông đã thành tựu biện tài nhạo thuyết, đã từng cúng dường vô lượng hằng hà sa số những Đức Phật Thế Tôn đời quá khứ. Vậy ông có thể hỏi Như Lai Chánh Giác về ý nghĩa như vậy. Này thiện nam! Ta vào thuở xưa, vô lượng vô biên ức triệu trăm ngàn vạn kiếp đã trừ hết bệnh căn, vĩnh viễn lìa dựa, nằm. Này Ca-diếp! Thuở quá khứ vô lượng vô số kiếp, có Đức Phật ra đời, hiệu là Vô Thượng Thắng Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Đức Phật đã vì các Thanh văn nói kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này, khai thị, phân biệt, hiển phát nghĩa của kinh ấy. Ta vào lúc ấy cũng vì Đức Phật đó mà làm Thanh văn, thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn như vậy, đọc tụng thông suốt, ghi chép thành kinh quyển, vì người khác mà khai thị, phân biệt, giảng nói nghĩa của kinh ấy, rồi đem thiện căn này hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Ta từ đó đến nay chưa từng có nghiệp duyên phiền não ác đọa vào cõi ác, bài báng chánh pháp làm Nhất-xiển-đề, thọ thân huỳnh môn, không có căn hay hai căn, phản nghịch cha mẹ, giết A-la-hán, phá tháp, hoại tăng, làm chảy máu thân Phật, phạm bốn trọng cấm. Từ đó đến nay thân tâm ta yên ổn không có các khổ não. Này Ca-diếp! Ta nay quả thật không có các bệnh tật. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn xa lìa tất cả bệnh lâu rồi. Này Ca-diếp! Những chúng sinh chẳng biết lời mật giáo của Đại Thừa Phương Đẳng liền cho

là Như Lai thật sự có bệnh.

Này Ca-diếp! Như nói rằng, Như Lai là sư tử trong loài người mà Như Lai thật chẳng phải là sư tử. Lời nói như vậy tức là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca-diếp! Nếu nói, Như Lai là đại long trong loài người mà ta ở trong vô lượng kiếp đã lìa bỏ nghiệp này. Này Ca-diếp! Như nói, Như Lai là người, là trời, mà ta chân thật chẳng phải là người, chẳng phải là trời, cũng chẳng phải là quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, chẳng phải ngã, chẳng phải mạng, chẳng phải có thể nuôi dưỡng, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải tặc, chẳng phải bất tặc, chẳng phải thọ, chẳng phải chẳng thọ, chẳng phải là Thế Tôn, chẳng phải là Thanh văn, chẳng phải nói, chẳng phải chẳng nói. Những lời nói như vậy đều là lời dạy bí mật của Như Lai.

Này Ca-diếp! Như nói rằng, Như Lai giống như núi Tu-di, như biển cả mà Như Lai thì thật chẳng phải vị mặn, đồng với núi đá. Ông phải biết, lời nói đó cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca-diếp! Như nói rằng, Như Lai như hoa Phân-đà-lợi, mà Ta thật chẳng phải là hoa Phân-đà-lợi. Lời nói như vậy tức là lời nói bí mật của Như Lai. Này Ca-diếp! Như nói rằng, Như Lai giống như cha mẹ, mà Như Lai thì thật chẳng phải là cha mẹ. Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca-diếp! Như nói rằng, Như Lai là đại thuyền sư, mà Như Lai thì thật chẳng phải là thuyền sư. Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca-diếp! Như nói rằng, Như Lai giống như thương chủ, mà Như Lai thì thật chẳng phải là thương chủ. Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca-diếp! Như nói rằng, Như Lai có thể tiêu diệt hàng phục ma, mà Như Lai thì thật không có tâm ác muốn khiến cho người khác hàng phục. Lời nói như vậy đều là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca-diếp! Như nói rằng, Như Lai có thể trị ung thư, ghẻ lở, mà Ta thật chẳng phải là thầy trị ung thư, ghẻ lở. Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Này Ca-diếp! Như lời nói trước đây của Ta, nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể tu sửa nghiệp của thân, miệng, ý thì khi bỏ mạng thì tuy có thân tộc giữ lấy thi hài của mình, hoặc dùng lửa đốt, hoặc ném vào nước lớn, hoặc bỏ vào nghĩa địa, chôn, sỏi, cầm thú tranh nhau ăn nuốt, nhưng tâm ý thức liền sinh vào đường thiện. Thật ra tâm pháp đó

không đi, lại, cũng không chỗ đến, chỉ là trước sau tương tự, nối tiếp nhau, hình mạo như nhau chẳng khác. Lời nói như vậy tức là lời dạy bí mật của Như Lai. Nay Ca-diếp! Hôm nay Ta nói bệnh cũng như vậy, cũng là lời dạy bí mật của Như Lai. Cho nên mới bảo với Văn-thù-sư-lợi, Ta nay đau lưng, các ông hãy vì bốn chúng nói pháp. Nay Ca-diếp! Như Lai Chánh Giác thật không có bệnh, nằm nghiêng hông phải, cũng chẳng rớt cùng vào Niết-bàn. Nay Ca-diếp! Đại Niết-bàn này tức là thiên định sâu xa của chư Phật. Thiên định như vậy chẳng phải là hành xử của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nay Ca-diếp! Trước ông hỏi Ta là vì sao Đức Như Lai dựa nằm, chẳng dậy, chẳng đòi ăn uống, răn bảo gia thuộc chăm sóc sản nghiệp? Nay Ca-diếp! Tánh của hư không cũng không ngồi dậy, đòi ăn uống, dạy bảo gia thuộc chăm sóc sản nghiệp, cũng không đi, không lại, không sinh diệt, không già trẻ, không hiện ra, không mất đi, không tổn thương, không hư hoại, không giải thoát, không trói buộc, cũng chẳng tự nói, cũng chẳng nói người khác, cũng chẳng tự hiểu, cũng chẳng hiểu người khác, chẳng phải an, chẳng phải bệnh. Nay thiện nam! Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, giống như hư không thì làm sao có những bệnh khổ.

Nay Ca-diếp! Người đời có ba bệnh khó trị, một là bài Đại thừa, hai là tội ngũ nghịch, ba là Nhất-xiển-đề. Trong đời, ba thứ bệnh như vậy rất nặng mà chẳng phải Thanh văn, Duyên giác có thể trị liệu được. Ví như có người bị bệnh nan y chắc chắn chết, thì hoặc có người chăm sóc tùy ý thuốc thang, hoặc không có người chăm sóc tùy ý cho thuốc thang thì bệnh như vậy nhất định chẳng thể chữa trị. Ông phải biết, người đó nhất định chết, chẳng nghi ngờ gì. Nay thiện nam! Ba hạng người này cũng như vậy, dù có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát hoặc thuyết pháp, hoặc chẳng thuyết pháp thì cũng chẳng thể khiến cho những người ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Ca-diếp! Ví như người bệnh, nếu có người chăm sóc tùy ý thuốc thang thì có thể hết bệnh, còn nếu không thì người này chẳng thể hết bệnh. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, theo Phật, Bồ-tát được nghe pháp rồi liền có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu họ chẳng nghe pháp thì chẳng thể phát tâm. Nay Ca-diếp! Ví như người bệnh, nếu có người chăm sóc tùy ý thuốc thang, hoặc không có

người chăm sóc tùy ý thuốc thang xem bệnh thì đều có thể hết bệnh. Có một hạng người cũng như vậy, hoặc gặp Thanh văn hay chẳng gặp Thanh văn, hoặc gặp Duyên giác hay chẳng gặp Duyên giác, hoặc gặp Bồ-tát hay chẳng gặp Bồ-tát, hoặc gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, hoặc được nghe pháp hay chẳng được nghe pháp mà tự nhiên thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là người hoặc vì tự thân, hoặc vì người khác, hoặc vì kinh sợ, hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì đua nịnh, hoặc vì lừa dối người khác mà ghi chép Kinh Đại Niết-bàn như vậy rồi thọ trì, đọc tụng, cúng dường, cung kính vì người khác diễn nói.

Này Ca-diếp! Có năm hạng người đối với kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này có bệnh hành xử chẳng phải là Như Lai. Những gì là năm? Một là người đoạn được ba kiết sử chứng quả Tu-đà-hoàn, chẳng còn đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trở lại cõi người, trời bảy lần rồi đoạn trừ vĩnh viễn các khổ mà vào Niết-bàn. Này Ca-diếp! Đó gọi là hạng người thứ nhất có bệnh hành xử. Người này đời vị lai qua tám vạn kiếp sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Ca-diếp! Hạng người thứ hai là người đoạn dứt ba kiết sử, giảm tham, sân, si, chứng quả Tư-đà-hàm, một lần trở lại cõi trời người rồi đoạn dứt hẳn các khổ mà vào Niết-bàn. Này Ca-diếp! Đó gọi là hạng người thứ hai có bệnh hành xử. Người này vào đời vị lai qua sáu vạn kiếp sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hạng người thứ ba là người đoạn dứt năm hạ kiết, chứng quả A-na-hàm, chẳng trở lại cõi này, đoạn trừ vĩnh viễn các khổ vào Niết-bàn. Đó gọi là hạng người thứ ba có bệnh hành xử. Người này vào đời vị lai qua bốn vạn kiếp sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Ca-diếp! Hạng người thứ tư là người đoạn trừ vĩnh viễn tham dục, sân hận, ngu si, chứng quả A-la-hán, phiền não không còn, vào Niết-bàn, cũng chẳng phải là hạnh kỳ lân độc nhất. Đó gọi là hạng người thứ tư có bệnh hành xử. Người này vào đời vị lai qua hai vạn kiếp sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Ca-diếp! Hạng người thứ năm là người đoạn trừ vĩnh viễn tham dục, sân hận, ngu si, chứng được đạo Phật-bích-chi, phiền não không còn, vào Niết-bàn, thật sự là hạnh kỳ lân độc nhất. Đó là hạng người thứ năm có bệnh hành xử. Người này vào đời vị lai qua

mười ngàn kiếp sẽ thành tỳ vụ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay Ca-diếp! Đó gọi là hạng người thứ năm có bệnh hành xứ, chẳng phải là Như Lai.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XI

Phẩm 19: THÁNH HẠNH 1

Bấy giờ, Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát đối với kinh Đại Bát Niết Bàn này phải chuyên tâm suy nghĩ về năm thứ hạnh. Những gì là năm? Một là Thánh hạnh, hai là Phạm hạnh, ba là Thiên hạnh, bốn là Anh nhi hạnh, năm là Bệnh hạnh.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát thường phải tu tập năm thứ hạnh này. Lại có một hạnh nữa là hạnh Như Lai, đó là kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa. Này Ca-diếp! Sao gọi là việc tu Thánh hạnh của Đại Bồ-tát? Đại Bồ-tát hoặc từ Thanh văn, hoặc từ Như Lai, được nghe kinh Đại Niết-bàn như vậy, nghe rồi sinh tin, tin rồi nên suy nghĩ như vậy: “Chư Phật Thế Tôn có đạo vô thượng, có đại chánh pháp, có đại chúng chánh hạnh, lại có kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ta nay vì yêu thích mong cầu kinh Đại Thừa nên lìa bỏ sự thương yêu vợ con, quyến thuộc, chỗ ở, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, chuỗi ngọc đẹp, hương hoa, kỹ nhạc, nô bộc, người giúp việc, trai gái lớn nhỏ, voi, ngựa, xe cộ, trâu, dê, gà, chó, heo v.v...”. Đại Bồ-tát lại nghĩ: “Gia cư bức bách giống như lao ngục. Tất cả phiền não do đó mà sinh ra. Xuất gia ở nơi nhàn tịnh thanh vắng giống như hư không. Tất cả pháp thiện nhân đó mà tăng trưởng. Nếu ở nhà thì chẳng được trọn đời tịnh tu phạm hạnh. Ta nay cần phải cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo”. Lại nghĩ: “Ta nay nhất định phải xuất gia tu học đạo Bồ-đề chân chính vô thượng”. Khi Bồ-tát muốn xuất gia như vậy thì thiên ma Ba-tuần phát sinh khổ não lớn, nói: “Bồ-tát này lại cùng ta dấy cuộc chiến tranh lớn rồi”. Này thiện nam! Bồ-tát như vậy cùng người chiến tranh như thế nào? Lúc đó Bồ-tát liền đi đến tu viện thấy Như Lai và đệ tử của Phật oai nghi đầy đủ, các căn

tịch tĩnh, tâm ý nhu hòa, thanh tịnh, tịch diệt, liền đến chỗ ấy cầu xin xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y. Đã xuất gia rồi thì phụng trì giới cấm, oai nghi chẳng khuyết, đi đứng an tường, không có sai phạm, thậm chí tội dù nhỏ lòng cũng sinh kinh sợ, tâm hộ giới chắc như kim cương. Nay thiện nam! Ví như có người mang phao muốn qua biển cả. Bấy giờ, trong biển có một quỷ La-sát liền theo người này đòi xin cái phao. Người ấy nghe rồi liền nghĩ: “Nếu nay ta cho thì nhất định chìm chết” nên đáp: “Này La-sát! Người thù giết ta, chớ phao nổi chẳng thể cho được”. La-sát lại nói: “Nếu người chẳng thể cho hết thì có thể cho nửa cái”. Người đó do dự chẳng chịu cho. La-sát lại nói: “Nếu người chẳng thể cho ta một nửa thì cho ta một phần ba”. Người đó chẳng chịu, quỷ La-sát lại nói: “Nếu chẳng thể thì cho ta chỗ bằng cánh tay”. Người đó cũng chẳng chịu, La-sát lại nói: “Nếu người lại chẳng thể cho ta chỗ như cánh tay thì nay vì ta quá đói, mọi khổ bức bách, xin người hãy cứu giúp ta một chỗ nhỏ như vi trần”. Người đó lại nói: “Sự đòi hỏi của người nay quả thật chẳng nhiều, nhưng hôm nay ta phải đi qua biển mà chẳng biết đường trước gần xa như thế nào. Nếu ta cho người thì hơi của phao sẽ thoát ra dần, nạn biển cả lấy gì mà thoát qua được, có thể giữa đường chìm xuống nước mà chết”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát hộ trì giới cấm cũng như vậy, như người qua biển kia tiếc giữ cái phao. Khi Bồ-tát giữ gìn giới như vậy thường có các La-sát phiên não nói với Bồ-tát: “Ông phải tin ta, nhất định chẳng lừa dối nhau. Ông chỉ phá bốn trọng cấm, hộ trì những giới còn lại. Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn vào Niết-bàn”. Bấy giờ, Bồ-tát nói: “Ta nay thù giết giới cấm như vậy mà vào ngục A-tỳ, nhất định chẳng chịu hủy phạm để mà sinh lên trời”. La-sát phiên não lại nói: “Nếu ông chẳng thể phá bốn trọng cấm thì có thể phá Tăng tàn. Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn được vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng theo lời nói ấy. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng thể phạm Tăng tàn thì cũng có thể phạm tội Thâu-lan-giá. Do nhân duyên này khiến cho ông yên ổn được vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng thể phạm Thâu-lan-giá thì có thể phạm Xả-đọa. Do nhân duyên này ông có thể yên ổn được vào Niết-bàn”. Bấy giờ Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng thể phạm Xả-đọa thì có thể

phá Ba-dạ-đề. Do nhân duyên này khiến ông yên ổn được vào Niết-bàn”. Bồ-tát cũng chẳng nghe theo. La-sát lại nói: “Nếu ông chẳng thể phạm Ba-dạ-đề thì có thể hủy phá giới Đột-cát-la. Do nhân duyên này ông có thể được yên ổn vào Niết-bàn”. Bồ-tát lòng tự nghĩ: “Ta nay nếu phạm tội Đột-cát-la mà chẳng phát lồ sám hối thì chẳng thể qua bờ kia của sinh tử để được Niết-bàn”. Đại Bồ-tát đối với những giới luật vi tế hộ trì kiên cố, lòng như kim cương. Đại Bồ-tát hộ trì bốn trọng cấm và Đột-cát-la đều kính trọng, kiên cố, bình đẳng không sai khác. Bồ-tát nếu tu hạnh kiên trì như vậy thì tức là hành trì đầy đủ năm chi giới. Đó là đầy đủ: Bồ-tát căn bản nghiệp thanh tịnh giới, tiền hậu quyến thuộc dư thanh tịnh giới, phi chư ác giác thanh tịnh giới, hộ trì chánh niệm niệm thanh tịnh giới, hồi hướng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề giới.

Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát này lại có hai thứ giới: Một là thọ thế giáo giới, hai là đắc chánh pháp giới. Bồ-tát nếu được chánh pháp giới thì nhất định chẳng làm ác. Thọ thế giáo giới là bạch bốn yết-ma, rồi sau đó mới đắc. Lại nữa, này thiện nam! Có hai thứ giới: Một là giới tánh trọng, hai là giới chấm dứt cơ hiểm ở đời. Giới tánh trọng là bốn trọng cấm. Giới dứt cơ hiểm ở đời là chẳng làm những việc buôn bán, cân non, đấu nhỏ, lừa dối người, chẳng nhờ thế lực người khác mà lấy tài vật của người, chẳng có lòng hại, chẳng phá hoại sự thành công của người, chẳng thấp đèn sáng mà nằm, chẳng gieo trồng ruộng đất, chẳng sắm sửa gia nghiệp, chẳng nuôi voi, ngựa, xe cộ, trâu dê, lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ đột, công, anh vũ, chim cộng mạng và chim câu-chỉ-la, sài lang, cọp báo, mèo, chồn, heo v.v... và những ác thú khác, đồng nam, đồng nữ, trai lớn, gái lớn, nô tỳ, đồng bộc v.v..., chẳng tích trữ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, kha cụ v.v... các thứ báu, chẳng chứa đồng đỏ, thiếc, chì, du thạch, chén bát, đồ đựng, phẩm lông, chiếu lông, áo cấm lông vũ, tất cả lúa gạo, đậu mè lớn nhỏ, gạo tẻ, gạo nếp, mè, thức ăn sống hay chín. Đại Bồ-tát thường thọ thực một bữa, chưa từng ăn lần thứ hai. Nếu đi khát thực và ăn trong Tăng chúng, Bồ-tát thường biết đủ, chẳng nhận lời mời riêng, chẳng ăn thịt, chẳng uống rượu, năm vật cay nồng đều chẳng ăn. Vậy nên thân không có mùi xú uế. Bồ-tát thường được sự cung kính, cúng

dường, tôn trọng, khen ngợi của chư Thiên và tất cả người đời. Đi xin mà ăn, nhất định chẳng nhận thức ăn lâu dài. Việc nhận quần áo chỉ đủ che thân. Đi đâu cũng đủ y bát, tọa cụ nhất định chẳng lìa bỏ như hai cánh chim. Chẳng chứa cả thân, đốt lóng, hạt giống, các loại hạt, chẳng tàng chứa hoặc vàng, hoặc bạc, thức ăn, thức uống, nhà bếp, kho lẫm, quần áo, phục sức, đối với giường lớn cao rộng, giường ngà voi, giường vàng đan xen đủ màu đều chẳng ngồi, nằm. Chẳng chứa tất cả những loại chiếu nằm mềm mại. Chẳng ngồi lên cỏ voi, cỏ ngựa. Chẳng dùng y phục thượng diệu mềm mại để trải giường nằm. Giường nghỉ ngơi chẳng để hai gối. Cũng chẳng nhận chứa gối đỡ đẹp đẽ, đặt để gối gỗ vàng. Nhất định chẳng nhìn xem đấu voi, đấu ngựa, đấu xe, đấu binh, hoặc nam, hoặc nữ, trâu, dê, gà, trĩ, anh vũ v.v... đánh nhau. Cũng chẳng cố đến nhìn xem quân trận. Cũng chẳng cố nghe thổi vỏ sò, tù và, đánh trống, đàn cầm, đàn sắt, đàn không hầu, đàn tranh, sáo, tiếng ca xướng kỹ nhạc, trừ khi cúng dường Phật. Trò chơi sư-bồ, cờ vây, ba-la-tắc, đấu sư tử, voi, cờ đàn, lục bác, đá cầu, ném đá, quăng túi, đất đường, đi thành tám đường. Tất cả sự vui chơi đều chẳng nên làm, chẳng nên xem. Nhất định chẳng xem tướng tay, chân, mặt, mắt. Chẳng dùng chân súc vật, gương, cỏ chi, cành dương, bát chén, đầu lâu mà bói quẻ. Cũng chẳng ngược xem hư không tinh tú, trừ khi muốn khỏi buồn ngủ. Chẳng làm sứ mạng qua lại của vương gia, đem đây nói cho đó, đem đó nói cho đây. Nhất định chẳng đua nịnh, tà mạng nuôi sống mình. Cũng chẳng tuyên nói việc vua tôi, đạo tặc, đấu tranh, ăn uống, đất nước, đối kém, kinh sợ hay giàu thịnh an vui. Đây thiện nam! Đó gọi là giới chấm dứt sự chê bai hiềm khích ở đời của Đại Bồ-tát. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát kiên trì giới ngăn cấm cùng giới tánh trọng bình đẳng không sai biệt.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát thọ trì những giới cấm như vậy rồi thì phát nguyện: “Thà đem thân này gieo vào hầm sâu lửa cháy hừng hực, nhất định chẳng hủy phạm giới cấm mà chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai đã chế để cùng con gái của Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ v.v... làm việc bất tịnh”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng sắt nóng quấn quanh thân thể, nhất định chẳng dám đem thân phá giới mà nhận lấy quần áo của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này

thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng miệng này nuốt hòn sắt nóng, nhất định chẳng dám dùng miệng hủy giới mà dùng thức ăn, thức uống của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà thân này nằm trên sắt nóng, nhất định chẳng dám dùng thân phá giới thọ đồ trái giường nằm của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà đem thân này chịu ba trăm giáo nhọn đâm, nhất định chẳng dám đem thân hủy giới mà nhận thuốc chữa bệnh của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà đem thân này gieo vào vạc sắt nóng, nhất định chẳng dám đem thân phá giới nhận phòng xá nhà cửa của đàn-việt tín tâm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng chùy sắt đánh nát thân này từ đầu đến chân nát như vi trần, chẳng đem thân phá giới nhận sự cung kính lễ bái của những Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng que sắt nóng móc đôi mắt của mình, chẳng dùng nhiễm tâm nhìn sắc đẹp người khác”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng dùi sắt đâm thủng tai, chẳng dùng nhiễm tâm nghe âm thanh hay”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng dao bén cắt bỏ mũi, chẳng dùng nhiễm tâm ngửi các mùi thơm”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng dao bén cắt nát lưỡi, chẳng dùng nhiễm tâm tham đắm vị ngon”. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại phát nguyện: “Thà dùng búa bén chém đứt thân mình, chẳng dùng nhiễm tâm tham đắm những xúc chạm”. Vì sao? Vì do nhân duyên này có thể khiến cho hành giả đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Này Ca-diếp! Đó gọi là Đại Bồ-tát hộ trì giới cấm. Đại Bồ-tát hộ trì giới cấm như vậy rồi thì đều đem bố thí cho tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nguyện khiến cho các chúng sinh hộ trì giới cấm được giới thanh tịnh, giới thiện, giới chẳng khuyết, giới chẳng gãy, giới Đại thừa, giới chẳng thoái, giới tùy thuận, giới rốt ráo và thành tựu đầy đủ giới Ba-la-mật. Này thiện nam! Đại Bồ-tát khi tu trì giới thanh tịnh như vậy thì liền trụ ở địa đầu tiên là Bất động. Sao gọi là địa Bất động? Bồ-tát trụ trong địa Bất động này thì chẳng động, chẳng đọa, chẳng thoái, chẳng tan. Này thiện nam! Ví như núi Tu-di, gió mạnh thổi chẳng thể làm cho lay

động, sụp đổ, hoại tan. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, chẳng bị sự lay động của sắc, thanh, hương, vị, xúc, chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chẳng thoái lui địa Thanh văn, Phật-bích-chi, chẳng bị tan theo gió tà kiến khác mà tạo tác tà mạng. Lại nữa, này thiện nam! Chẳng động là, chẳng bị tham dục, sân hận, ngu si làm lay động. Lại, chẳng đọa là, chẳng rơi vào bốn trọng cấm. Lại, chẳng thoái là, chẳng thoái lui, hoàn tục. Lại, chẳng tan là, chẳng bị tan hoại theo người trái nghịch kinh điển Đại Thừa. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng vậy, chẳng bị sự khuynh động của các ma phiến não, chẳng bị sự đày đọa của ám ma cho đến ngồi ở dưới cây Bồ-đề đạo tràng, tuy có thiên ma nhưng chẳng thể làm cho Bồ-tát ấy thoái lui Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng lại chẳng bị ma chết làm tan hoại. Này thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu tập Thánh hạnh. Này thiện nam! Sao gọi là Thánh hạnh? Thánh hạnh là việc làm của Phật và Bồ-tát. Vậy nên gọi là Thánh hạnh. Do những gì mà gọi Phật, Bồ-tát là Thánh nhân? Những vị đó có pháp Thánh, thường quán pháp tánh rỗng lặng, do nghĩa này nên gọi là Thánh nhân, vì có giới Thánh nên gọi là Thánh nhân, vì có định tuệ Thánh nên gọi là Thánh nhân. Người đó có bảy thứ của cải Thánh là tín, giới, tâm, quý, đa văn, trí tuệ, xả ly nên gọi là Thánh nhân. Người đó có bảy Thánh giác nên gọi là Thánh nhân. Do nghĩa này nên lại gọi là Thánh hạnh.

Lại nữa, này thiện nam! Thánh hạnh của Đại Bồ-tát là quan sát thân này từ đầu đến chân, trong ấy chỉ có tóc, lông, móng, răng bất tịnh cấu bẩn, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, bao tử, ruột non, ruột già, đại tiểu tiện, nước mũi, nước dãi, nước mắt, mồ, mô não, tủy xương, mủ, máu, sọ não, các mạch. Khi Bồ-tát chuyên tâm quán như vậy thì có cái gì là ta? Ta thuộc cái gì? Trụ ở chỗ nào? Cái gì thuộc về ta? Bồ-tát lại nghĩ: “Xương là ta chăng? Lìa khỏi xương là gì vậy?”. Khi Bồ-tát trừ khử da thịt, chỉ quán xương trắng thì lại khởi ý niệm này: “Màu xương khác nhau như là màu xanh, vàng, trắng, màu chim câu. Như vậy tướng xương cũng chẳng phải là ta. Vì sao? Vì ta cũng chẳng phải màu xanh, vàng, trắng và cả màu chim câu”. Khi Bồ-tát chuyên tâm quan sát như thế thì liền đoạn trừ được tất cả sắc dục. Bồ-tát lại nghĩ thế này: “Như vậy xương là từ nhân duyên sinh ra.

Nương nhờ xương bàn chân để chống đỡ xương gót chân. Nương nhờ xương gót chân để chống đỡ xương ống chân. Nương nhờ xương ống chân để chống đỡ xương đầu gối. Nương nhờ xương đầu gối để chống đỡ xương đùi vế. Nương nhờ xương đùi vế để chống đỡ xương hông. Nương nhờ xương hông để chống đỡ xương lưng. Nương nhờ xương lưng để chống đỡ xương sống. Nương nhờ xương sống để chống đỡ xương sườn. Nương nhờ phần trên xương sống để chống đỡ xương cổ. Nương nhờ xương cổ để chống đỡ xương hàm. Nương nhờ xương hàm để chống đỡ răng. Trên có đầu lâu. Lại nhân xương cổ để chống đỡ xương vai. Nương nhờ xương vai để chống đỡ xương cánh tay. Nương nhờ xương cánh tay để chống đỡ xương cổ tay. Nương nhờ xương cổ tay để chống đỡ xương bàn tay. Nương nhờ xương bàn tay để chống đỡ xương ngón tay. Khi Đại Bồ-tát quan sát như vậy thì số xương của thân thể tất cả đều chia lìa. Bồ-tát đắc quán này rồi thì liền đoạn trừ ba sự ham muốn, một là ham muốn hình mạo, hai là ham muốn đáng dấp, ba là ham muốn xúc chạm. Khi Đại Bồ-tát quán xương xanh thì thấy đại địa này khắp Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới đều là tướng màu xanh. Như quán màu xanh, quán màu vàng, màu trắng, màu chim câu cũng như vậy. Khi Đại Bồ-tát khởi sự quan sát này thì vùng chân mày liền phát ra ánh sáng màu xanh, vàng, đỏ, trắng, màu chim câu v.v... Ở trong mỗi một những ánh sáng này thấy có tướng Phật. Thấy rồi Bồ-tát liền hỏi: “Như thân này là do nhân duyên bất tịnh hòa hợp mà thành sao lại ngồi, dậy, đi, đứng, co, duỗi, cúi, ngước, nhìn, ngắm, hít thở, buồn khóc, vui cười được? Trong việc này không có chủ thì ai sai khiến?”. Hỏi thế rồi thì các Đức Phật trong ánh sáng bỗng nhiên biến mất. Bồ-tát lại nghĩ thế này: “Hoặc thức chính là ta nên khiến cho các Đức Phật chẳng vì ta nói”. Bồ-tát lại quan sát thức này theo thứ lớp sinh diệt giống như nước chảy thì cũng lại chẳng phải là ta. Bồ-tát lại nghĩ: “Nếu thức chẳng phải là ta thì thở ra, hít vào có thể là ta”. Bồ-tát lại nghĩ: “Thở ra hít vào này chính là tánh của gió mà tánh của gió đó chính là tứ đại thì trong tứ đại cái gì là ta. Tánh của đất chẳng phải là ta. Tánh của nước, lửa, gió cũng chẳng phải là ta”. Bồ-tát lại nghĩ: “Thân này tất cả đều không có ta. Chỉ có nhân duyên gió tâm hòa hợp, hiện ra đủ thứ hạnh nghiệp, ví như sức

chú thuật làm ra điều huyền hóa, cũng như đàn không hầu theo ý phát ra âm thanh. Vậy nên thân này bất tịnh như vậy, nhờ các nhân duyên hòa hợp thành thì chỗ nào mà sinh ra tham dục? Nếu bị mắng chửi hủy nhục thì lại ở chỗ nào mà sinh ra sân hận? Như thân này của ta gồm ba mươi sáu vật bất tịnh dơ bẩn, hôi thối thì có chỗ nào nhận sự mạ nhục. Nếu nghe lời mạ nhục thì Bồ-tát liền suy nghĩ: “Do âm thanh gì mà thấy mạ nhục như vậy? Mỗi một âm thanh riêng lẻ chẳng thể thấy mạ nhục mà nếu một chẳng thấy thì nhiều cũng vậy. Do nghĩa này nên chẳng sinh ra sân hận. Nếu người khác đánh đập thì cũng nên suy nghĩ: “Đánh như vậy là từ đâu mà sinh ra?”. Bồ-tát lại nghĩ: “Nhân có tay, dao gậy và cả thân ta nên được gọi là đánh. Ta nay vì duyên gì mà ngang ngược sân giận với người khác? Chính thân ta tự chuốc lấy lỗi lầm đó là do ta thọ tám thân năm ấm này. Ví như nhân vào cái đích thì mới có trúng tên, thân ta cũng vậy, có thân nên có đánh. Ta nếu chẳng nhẫn thì lòng tán loạn. Nếu lòng tán loạn thì mất chánh niệm. Nếu mất chánh niệm thì chẳng thể quan sát nghĩa thiện và chẳng thiện. Nếu chẳng thể quan sát nghĩa thiện và chẳng thiện thì làm việc ác. Do nhân duyên làm việc ác nên rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Khi Bồ-tát quan sát như vậy rồi thì được bốn niệm xứ. Được bốn niệm xứ rồi thì được trụ ở địa Kham nhẫn. Đại Bồ-tát trụ ở địa này rồi thì có thể nhẫn chịu tham dục, sân hận, ngu si, cũng có thể chịu đựng được lạnh, nóng, đói khát, ruồi, muỗi, rận, rệp, gió bão, va chạm việc dữ, đủ thứ dịch bệnh, ác khẩu, mắng chửi, đánh đập... Thân tâm khổ não, tất cả đều có thể nhịn chịu. Do đó gọi là trụ ở địa Kham nhẫn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát chưa trụ được ở địa Bất động, khi trì tịnh giới, như có nhân duyên thì có được phá giới không?

–Này thiện nam! Bồ-tát chưa trụ ở địa Bất động nếu có nhân duyên thì có thể được phá giới.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Nhân duyên ấy là gì?

Đức Phật dạy:

–Này Ca-diếp! Nếu có Bồ-tát biết dùng nhân duyên phá giới mà có thể khiến cho người thọ trì, yêu thích kinh điển Đại Thừa, lại có thể

khiến cho người ấy đọc tụng thông lợi, ghi chép kinh quyển, vì người khác mà rộng nói chẳng thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì như vậy Bồ-tát được phá giới. Bấy giờ, Bồ-tát nên khởi ý niệm như vậy: “Ta thà một kiếp hay non một kiếp, rơi vào địa ngục A-tỳ thọ tội báo này, chỉ cần khiến cho người đó chẳng thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Nay Ca-diếp! Do nhân duyên này nên Đại Bồ-tát được hủy phạm tịnh giới.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như có Bồ-tát thủ hộ trì người như vậy khiến cho chẳng thoái chuyển tâm Bồ-đề nhưng vì sự hủy giới đó mà đọa vào địa ngục A-tỳ thì đó là điều không có.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

– Hay thay! Hay thay! Đúng như lời ông nói! Ta nhớ thuở xưa ở cõi Diêm-phù-đề, Ta làm đại quốc vương tên là Tiên Dự, yêu thích kính trọng kinh điển Đại Thừa, tâm ý thuần thiện, không có thô ác, ganh ghét, keo kiệt, miệng thường tuyên nói lời thương yêu, lời tốt lành, thân thường ủng hộ kẻ bần cùng, cô độc, bố thí, tinh tấn không có ngưng bỏ. Thời đó đời không có Phật, Thanh văn, Duyên giác. Bấy giờ, Ta ưa thích kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, trong mười hai năm phụng sự Bà-la-môn, cung cấp sự cần dùng cho họ. Qua mười hai năm bố thí xong rồi, Ta liền nói: “Thưa các thầy! Hôm nay các thầy nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bà-la-môn nói: “Này đại vương! Tánh Bồ-đề là không sở hữu. Kinh điển Đại Thừa cũng như vậy thì tại sao đại vương lại muốn khiến cho con người đồng với hư không”. Này thiện nam! Bấy giờ, lòng Ta trọng Đại thừa mà nghe Bà-la-môn bài báng Phương Đẳng nên nghe xong Ta tức thời giết chết người ấy. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên từ đó về sau Ta chẳng rơi vào địa ngục.

Này thiện nam! Ủng hộ giữ gìn kinh điển Đại thừa mới có thể lực không lường như vậy. Lại nữa, này Ca-diếp! Lại có Thánh hạnh, gọi là bốn Thánh đế: nếu có người chăm sóc tùy ý thuốc thang. Này Ca-diếp! Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng có năng lực sinh trưởng. Diệt là tướng tịch diệt. Đạo là tướng Đại thừa. Lại nữa, này thiện nam! Khổ là tướng hiện. Tập là tướng chuyển. Diệt là tướng trừ. Đạo là tướng có

khả năng trừ. Lại nữa, này thiện nam! Khổ thì có ba tướng là tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là diệt hai mươi lăm cõi. Đạo là tu giới, định, tuệ. Lại nữa, này thiện nam! Pháp hữu lậu có hai thứ là có nhân, có quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ là có nhân, có quả. Quả hữu lậu thì gọi là Khổ. Nhân hữu lậu thì gọi là Tập. Quả vô lậu thì gọi là Diệt. Nhân vô thì gọi là Đạo. Lại nữa, này thiện nam! Tám tướng gọi là khổ là: Khổ về sinh, khổ về già, khổ về bệnh, khổ về chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tắng hội, khổ về cầu bất đắc, khổ về năm ấm xí thạnh. Có khả năng sinh ra tám loại khổ như vậy thì gọi là Tập. Không có tám điều khổ như vậy thì đó gọi là Diệt. Mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại bi v.v... đó gọi là Đạo. Này thiện nam! Sinh là tướng hiện ra, có năm thứ, một là mới sinh ra, hai là đến cuối cùng, ba là tăng trưởng, bốn là xuất thai, năm là chủng loại sinh. Già là gì? Già có hai thứ, một là già từng niệm niệm, hai là già chung thân. Lại có hai thứ già nữa, một là già tăng trưởng, hai là già diệt hoại. Đó gọi là già. Sao gọi là bệnh? Bệnh là rần độc bốn đại chẳng điều hòa nhau, cũng có hai thứ, một là bệnh thân, hai là bệnh tâm. Bệnh thân có năm, một là do nước, hai là do gió, ba là do nóng, bốn là tạp bệnh, năm là bệnh do bên ngoài. Bệnh do nguyên nhân khách quan có bốn, một là chẳng phải phận sự mà cưỡng làm, hai là lầm lẫn rơi rụng, ba là dao gậy gạch đá, bốn là quỷ mỵ dựa nhập. Bệnh tâm cũng có bốn thứ, một là quả vui, hai là sợ hãi, ba là ưu sầu, bốn là ngu si. Lại nữa, này thiện nam! Bệnh của thân tâm thường có ba thứ. Những gì là ba? Một là nghiệp báo, hai là đối mặt với điều xấu, ba là thời tiết thay đổi. Do đó sinh ra những nhân duyên tên gọi thọ phân biệt như vậy. Nhân duyên của bệnh là gió v.v... các bệnh. Tên gọi là lòng buồn bực, phổi trưởng, khí lên, ho, tim đập, đi lị v.v... Thọ phân biệt là đau đầu, đau mắt, đau tay chân v.v... Đó gọi là bệnh. Sao gọi là chết? Chết là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân đã thọ cũng có hai thứ: một là chết do mạng hết, hai là chết do ngoại duyên. Chết do mạng hết có ba thứ: một là mạng hết chẳng phải là phước hết, hai là phước hết chẳng phải là mạng hết, ba là phước mạng đều hết. Chết do ngoại duyên cũng có ba thứ: một là chẳng phải số phận mà tự hại chết, hai là bị người khác hại mà chết, ba là do cả hai mà chết. Lại có ba thứ chết:

một là phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết, ba là mạng căn hoại chết. Sao gọi là phóng dật chết? Nếu có bài báng Đại Thừa Phương Đẳng Bát Nhã Ba-la-mật thì gọi là phóng dật chết. Sao gọi là phá giới chết? Hủy phạm giới cấm của chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai, đó gọi là phá giới chết. Sao gọi là mạng căn hoại chết? Bỏ thân năm ấm thì đó gọi là mạng căn hoại chết. Như vậy gọi rằng chết là đại khổ. Sao gọi là khổ ái biệt ly? Vật yêu thích bị hư hoại lìa tan. Vật yêu thích bị hư hoại lìa tan cũng có hai thứ: một là năm ấm trong người hoại, hai là năm ấm trong trời hoại. Sự yêu thích năm ấm của người và trời như vậy phân biệt tính kể có vô lượng thứ. Đó gọi là khổ về ái biệt ly. Sao gọi là khổ về oán tắng hội? Việc chẳng yêu thích mà cứ dồn đến. Việc chẳng yêu thích mà cứ dồn đến cũng có ba thứ. Đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Ba đường ác như vậy phân biệt tính kể có vô lượng thứ. Đó gọi là khổ về oán tắng hội. Sao gọi là khổ về cầu bất đắc? Khổ về cầu bất đắc cũng có hai thứ: một là điều mình hy vọng mà cầu chẳng thể được, hai là dùng nhiều công lực mà chẳng được kết quả. Đó gọi là khổ về cầu bất đắc. Sao gọi là khổ về ngũ ấm thịnh? Khổ về ngũ ấm thịnh là khổ về sinh, khổ về bệnh, khổ về chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tắng hội, khổ về cầu bất đắc. Vậy nên gọi là khổ về ngũ ấm thịnh. Này Ca-diếp! Căn bản của sinh gồm có bảy thứ khổ như vậy: Từ khổ về lão cho đến khổ về ngũ ấm thịnh. Này Ca-diếp! Bàn về lão suy thì chẳng phải tất cả đều có, Phật và chư Thiên nhất định là không, còn trong loài người thì bất định, hoặc có, hoặc không. Này Ca-diếp! Thọ thân trong ba cõi không loài nào mà chẳng có sinh, còn già thì chẳng nhất định. Vậy nên tất cả sinh là căn bản. Này Ca-diếp! Chúng sinh trong thế gian bị điên đảo che tâm mà tham đắm tướng về sinh, nhằm chán lão tử. Bồ-tát cũng vậy, quan sát lúc mới sinh đã thấy có khổ nạn. Này Ca-diếp! Như có người con gái vào ở nhà người khác. Người con gái này đoan chánh, nhan mạo đẹp đẽ, trang nghiêm thân bằng chuỗi ngọc đẹp. Người chủ nhà thấy rồi liền hỏi: “Nàng tên gì? Thuộc về ai?”. Người con gái đáp: “Thân ta tức là Công Đức Thiên”. Người chủ nhà hỏi: “Nàng làm gì ở chỗ của nàng đến?”. Người con gái đáp: “Chỗ ta đến, ta có thể ban cho đủ thứ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, người giúp

việc”. Người chủ nghe rồi, lòng sinh vui mừng vô cùng phấn khởi nói: “Ta nay có phước đức nên khiến cho nàng đến nhà ta”. Người chủ liền đốt hương, tung hoa cúng dường, cung kính lễ bái. Lại ở ngoài cửa, người ấy lại thấy một người con gái hình dung xấu xí, quần áo rách rưới rất dơ bẩn, da dẻ nứt nẻ, mặt mày trắng bệch. Thấy rồi, người chủ hỏi: “Nàng tên gì? Thuộc về ai?”. Người con gái đáp: “Tôi tên là Hắc Ám”. Người chủ lại hỏi: “Vì sao tên là Hắc Ám?”. Người con gái đáp: “Chỗ ta đến có thể khiến cho của báu của nhà ấy, tất cả bị suy hao”. Người chủ nghe rồi liền cầm dao bén mà nói: “Nếu nàng chẳng đi ta sẽ giết nàng”. Người con gái nói: “Ông rất ngu si, không có trí tuệ”. Người chủ hỏi: “Vì sao gọi ta ngu si, không trí tuệ?”. Người con gái đáp: “Người trong nhà của ông tức là chị của ta. Ta và chị ta luôn luôn cùng với nhau. Nếu ông đuổi ta thì cũng sẽ đuổi chị đó”. Người chủ nhà vào hỏi Công Đức Thiên: “Bên ngoài có một người con gái nói là em của nàng. Có thật thế không?”. Công Đức Thiên nói: “Quả thật là em của ta. Ta cùng người em này cùng đi với nhau chưa từng rời nhau ở bất cứ đâu. Ta thường tạo tác cái tốt, cô ta thường tạo tác cái xấu. Ta làm lợi ích, cô ta làm hư hao. Nếu ông yêu ta thì cũng nên yêu cô ấy. Nếu ông cung kính ta thì cũng nên cung kính cô ấy”. Người chủ liền nói: “Nếu có sự tốt xấu như vậy thì ta đều chẳng dùng. Các nàng tùy ý mà đi”. Lúc đó hai người con gái liền cùng đem nhau trở về chỗ ở của họ. Bấy giờ, người chủ thấy họ đã đi trở về lòng sinh vui mừng, phấn khởi không lường. Lúc ấy, hai người con gái lại cùng nhau đến một nhà nghèo. Người nghèo thấy rồi, lòng phát sinh vui mừng, liền mời họ: “Hai nàng đã đến, từ nay nguyện xin hai nàng hãy thường trụ ở nhà tôi”. Công Đức Thiên nói: “Trước đây, chúng tôi đã bị người khác xua đuổi, vì nhân duyên gì ông lại mời chúng tôi ở lại?”. Người nghèo đáp: “Nàng nay nghĩ đến tôi. Tôi nhờ nàng nên lại phải cung kính nàng kia. Vậy nên tôi đều thỉnh hai vị trụ ở nhà tôi”. Này Ca-diếp! Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng nguyện sinh lên trời vì có sinh thì sẽ có lão, bệnh, chết. Do đó đều bỏ hết, từng không có thọ tâm. Người phàm phu ngu si chẳng biết những hoạn nạn của già, bệnh, chết v.v... nên tham thọ hai pháp sinh tử. Lại nữa, này Ca-diếp! Như đứa trẻ con ấu trĩ Bà-la-môn bị sự bức bách của đói khát, thấy trong phân người có trái cây am-la

liền bốc lấy. Có người trí nhìn thấy liền quở trách: “Người là Bà-la-môn, chẳng tánh thanh tịnh vì sao bốc lấy trái cây bần trong phân này?”. Đứa trẻ nghe rồi đỏ mặt thẹn thùng, liền đáp: “Tôi thật chẳng ăn, muốn rửa sạch rồi lại bỏ nó đi”. Người trí nói: “Người rất ngu si. Nếu lại bỏ đi thì trước chẳng nên lấy”. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với phần sinh này chẳng nhận, chẳng bỏ, như người trí kia quở trách đứa trẻ. Người phàm phu thích sinh, ghét chết như đứa trẻ kia lấy quả rồi lại bỏ. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người ở ngã tư đường lớn với dụng cụ đựng đầy thức ăn, đủ sắc hương mỹ vị để bán. Có người từ xa đến, đói lả gầy yếu, thấy thức ăn đó đủ sắc hương mỹ vị liền chỉ mà hỏi: “Đây là vật gì?”. Người chủ thức ăn đáp: “Đây là thức ăn thượng hạng đủ sắc hương mỹ vị. Nếu ăn món ăn này thì được sắc, được lực, có thể trừ đói khát, được thấy chư Thiên, chỉ có bị một họa nạn là mạng chung”. Người đó nghe rồi liền nghĩ: “Ta nay chẳng cần sắc lực hay thấy trời, cũng chẳng cần chết”. Hấn liền nói: “Ăn món này rồi nếu mạng chung thì vì sao ông hôm nay bán nó ở đây?”. Người chủ thức ăn đáp: “Người có trí nhất định chẳng chịu mua, chỉ có người ngu si chẳng biết việc này, trả giá đắt cho tôi, tham lam mà ăn đó thôi”. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng nguyện sinh lên trời, được sắc, được lực và thấy chư Thiên. Vì sao? Vì những điều ấy chẳng khỏi được các khổ não. Kẻ phàm phu ngu si theo chỗ có sinh, đều tham ái vì họ chẳng thấy già, bệnh, chết. Lại nữa, này thiện nam! Ví như cây độc, rễ có thể giết người, cành, gốc, thân, đốt, vỏ, lá, hoa, trái cũng đều có thể giết người. Đây thiện nam! Năm ấm đã thọ ở chỗ thọ sinh trong hai mươi lăm cõi cũng như vậy, tất cả có thể giết hại. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như phân bần dù ít hay nhiều đều thối. Đây thiện nam! Sự sống cũng thế, giả sử sống lâu tám vạn tuổi hay chỉ mười tuổi thì đều thọ khổ. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trên bờ hiểm có cỏ che phủ. Ở bên bờ đó có nhiều cam lồ mà nếu có người ăn thì sống lâu một ngàn tuổi, vĩnh viễn tiêu trừ các bệnh, yên ổn hoan lạc. Người phàm phu ngu si tham ăn vị ấy nên chẳng biết bên dưới bờ ấy có hầm rất sâu, liền bước tới muốn lấy chẳng hay sa chân rơi vào hầm mà chết. Kẻ trí biết rồi liền bỏ đi xa. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng muốn thọ món ăn thượng diệu của trời, hưởng là món ăn của loài

người. Người phàm phu mới ở địa ngục nuốt hòn sắt nóng, thì đối với món ăn ngon lành thượng diệu của người trời sao có thể chẳng ăn. Nay Ca-diếp! Dùng những thí dụ như vậy và vô lượng vô biên thí dụ khác để ông phải biết sinh quả thật là đại khổ. Nay Ca-diếp! Đó gọi là Bồ-tát trụ ở Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa mà quan sát khổ về sinh.

Nay Ca-diếp! Sao gọi là Đại Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này mà quan sát khổ về già? Già thì có thể bị ho, khí lên ngược, hủy hoại sức lực, nhớ nghĩ những hoan lạc, kiêu mạn cao ngạo, yên ổn, tự do của thời trai tráng, già có thể làm lưng còng, lưỡi biếng, bị sự khinh thường của người khác. Nay Ca-diếp! Ví như trong ao nước đầy hoa sen nở tươi đẹp rất đáng yêu thì gặp phải trời mưa đá đều bị tan nát. Nay thiện nam! Già cũng như vậy, đều có thể phá hoại sắc đẹp của thời trai tráng. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như vị quốc vương có một bề tôi trí tuệ, giỏi biết binh pháp. Có vua nước địch chống cự lại chẳng thuận theo. Nhà vua sai vị bề tôi giỏi này đi thảo phạt vị vua đó và ông liền bắt được vị vua ấy dẫn đến cho vua mình. Già cũng như vậy, bắt hình sắc tráng kiện đem giao cho vua chết. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cái trục xe gãy không dùng lại được. Già cũng như vậy, không dùng lại được. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như đại phú gia có nhiều của báu như vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não... có những oán tặc, nếu chúng vào nhà người ấy thì liền có thể cướp đoạt hết khiến cho rỗng không. Nay thiện nam! Sắc đẹp thời trai trẻ cũng như vậy, thường bị sự cướp đoạt của giặc già. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như người nghèo tham đắm món ăn ngon, quần áo mịn màng. Tuy họ mong muốn nhưng mà chẳng thể được. Nay thiện nam! Già cũng như vậy, tuy có lòng tham muốn hưởng giàu có an vui, năm dục thỏa lòng nhưng mà chẳng thể được. Lại nữa, này Ca-diếp! Như rùa ở trên đất thường nghĩ đến nước. Nay thiện nam! Người cũng như vậy, đã bị sự khô héo của già suy thì lòng thường nhớ nghĩ khi tráng kiện đã hưởng thụ thú vui năm dục. Lại nữa, này Ca-diếp! Vào mùa thu, những hoa sen được mọi người ưa ngắm nhìn, đến khi chúng héo vàng thì ai cũng không thích. Nay thiện nam! Tuổi trẻ tráng kiện cũng như vậy, đều được sự yêu thích của tất cả, đến khi già thì bị khinh ghét. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cây mía đã bị ép lấy nước rồi thì không còn vị nữa. Tuổi

trẻ tráng kiện cũng như vậy, đã bị già rồi thì không còn ba thứ vị nữa, một là vị xuất gia, hai là vị độc tụng, ba là vị ngồi thiền. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trăng tròn ban đêm nhiều ánh sáng, ngày thì chẳng vậy. Này thiện nam! Người cũng như vậy, trai tráng thì đoan nghiêm, hình mạo đẹp đẽ; già thì suy yếu, hình mạo, thần thái khô héo, tiêu tụy. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có vị vua thường dùng chánh pháp trị nước, an dân, chân thật không quanh co, từ bi ưa bố thí. Bấy giờ, nhà vua bị nước địch đánh phá phải trốn chạy lưu vong đến nước khác. Muôn dân nước đó thấy mà thương xót vua, đều nói: “Đại vương thuở trước dùng chánh pháp trị nước, chẳng ép uổng bá tánh mà sao một sớm phải lưu lạc đến đây?”. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, đã bị sự bại hoại của già suy rồi thì thường khen việc tạo lập sự nghiệp thời trai tráng. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như bắc đèn chỉ nhờ dầu mỡ, dầu mỡ đã hết thì chẳng bao lâu sẽ tắt. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, chỉ nhờ cậy vào mỡ tráng kiện, mỡ tráng kiện đã hết thì bắc đèn già suy chẳng bao lâu sẽ tắt. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như dòng sông khô chẳng thể làm lợi ích cho con người, chẳng phải người, chim bay, thú chạy. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, bị sự khô cạn của già thì chẳng thể tạo lợi ích cho tất cả. Lại nữa, này Ca-diếp! Cây đại thọ đứng bên bờ sông sắp lở, nếu gặp gió to thì ắt ngã đổ. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, đến bờ hiểm già mà gió chết thổi đến thì chẳng đứng vững được. Lại nữa, này Ca-diếp! Như trục xe gãy thì chẳng đủ sức chở nặng. Này thiện nam! Già cũng như vậy, chẳng thể học, nghe nhận tất cả pháp thiện. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như đứa trẻ con bị người khinh khi. Này thiện nam! Già cũng như vậy, thường bị sự khinh chê của tất cả. Này Ca-diếp! Dùng những ví dụ đó và còn vô lượng vô biên ví dụ nữa để ông phải biết, già thật là đại khổ. Này Ca-diếp! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quan sát khổ về già.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, quan sát khổ về bệnh? Sở dĩ gọi bệnh là có thể phá tan tất cả những việc vui vẻ, yên ổn, ví như mưa đá làm thương tổn hủy hoại cây lúa. Lại nữa, này Ca-diếp! Như người có oán thù, lòng thường lo buồn mà ôm lấy sợ hãi. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như

vậy, thường sợ khổ về bệnh, lòng ôm lo rầu. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người hình mạo đẹp đẽ được hoàng hậu ái mộ, sai sứ đến cưỡng bức tới cung cùng thông dâm. Vị vua bắt được liền sai người móc một mắt, cắt một tai, chặt một tay, một chân của người ấy. Người đó, bấy giờ hình dung đổi khác, bị người khinh ghét. Này thiện nam! Con người cũng vậy, trước tuy đẹp đẽ, tai mắt đầy đủ, nhưng khi đã bị bệnh khổ đeo đẳng bức bách rồi thì bị mọi người gớm ghiếc. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cây chuối, tre, trúc, lau sậy và con la hẽ có con là chết. Này thiện nam! Con người cũng như vậy, hẽ có bệnh thì chết. Lại nữa, này Ca-diếp! Như đại thần chủ binh của vua Chuyển luân thường ở trước dẫn đường, còn vua theo sau mà đi. Cũng như khi cá chúa, kiến chúa, ốc chúa, trâu chúa, lái buôn đi ở trước, các chúng đều đi theo không rời bỏ. Này thiện nam! Vua Chuyển luân chết cũng như vậy, thường theo bấy tôi bệnh, chẳng lìa bỏ. Chúa bệnh cá, kiến, ốc, trâu, lái buôn cũng như vậy, thường bị sự theo đuổi của chúng chết. Này Ca-diếp! Nhân duyên bệnh là sự khổ não, sầu lo, buồn than, thân tâm chẳng yên, hoặc là sự bức hại của oán tặc, phá hư phao nổi, triệt phá cầu cống, cũng có thể cướp đoạt căn bản chánh niệm. Lại có thể phá hoại sắc đẹp, sự tráng kiện, thế lực, an lạc, sự hổ thẹn, lại có thể làm thân tâm bị thiêu nóng rực cháy. Dùng những ví dụ này và còn vô lượng vô biên ví dụ khác để ông phải biết, khổ về bệnh chính là đại khổ. Này Ca-diếp! Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, quan sát khổ về bệnh.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, quan sát khổ về chết? Cái gọi là chết đó có thể thiêu hủy tiêu diệt. Này Ca-diếp! Như tai họa lửa khởi lên thì có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Nhị thiên, sức của lửa chẳng đến được. Này thiện nam! Lửa chết cũng vậy, có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, vì thế lực của lửa chết chẳng đến được. Lại nữa, này Ca-diếp! Như tai họa nước khởi lên thì tất cả trôi dạt chìm mất, chỉ trừ Tam thiên, vì sức nước chẳng đến. Này thiện nam! Nước chết cũng vậy, làm trôi dạt chìm mất tất cả, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Như tai họa gió khởi lên thì có thể thổi tất cả khiến cho tan hoại hết, chỉ trừ Tứ thiên, vì sức gió chẳng đến

được. Nay thiện nam! Gió chết cũng vậy, có thể thổi diệt tất cả sở hữu, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thiên thứ tư kia vì nhân duyên gì mà gió chẳng thể thổi, nước chẳng thể trôi, lửa chẳng thể cháy?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Nay thiện nam! Thiên thứ tư đó, trong ngoài tất cả đều không có họa hoạn. Nay thiện nam! Họa hoạn của Sơ thiên: bên trong có giác quán, bên ngoài có tai họa về lửa. Họa hoạn của Nhị thiên: bên trong có hoan hỷ, bên ngoài có tai họa về nước. Họa hoạn của Tam thiên: bên trong có hít thở, bên ngoài có tai họa về gió. Nay thiện nam! Đệ tứ thiên kia, trong ngoài tất cả đều không có họa hoạn. Vậy nên các tai họa chẳng thể đến được. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, an trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa thì họa hoạn trong ngoài tất cả đều hết. Vậy nên vua chết chẳng thể vào được. Lại nữa, này Ca-diếp! Như con chim cánh vàng có thể nuốt ăn, có thể tiêu hóa tất cả rồng, cá, vàng, bạc, các báu v.v... chỉ trừ kim cương nó chẳng thể nào tiêu hóa. Nay thiện nam! Con chim cánh vàng tử cũng như vậy, có thể nuốt ăn, có thể tiêu hóa tất cả chúng sinh, chỉ chẳng thể tiêu hóa được Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như cỏ cây ở bờ sông, gặp nước lụt thì đều trôi vào biển cả, chỉ trừ cây dương liễu vì cây ấy mềm mại. Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh cũng như vậy, đều trôi vào biển tử, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Như Na-la-diên có thể hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió lớn. Vì sao? Vì không ngăn cản được. Nay thiện nam! Na-la-diên tử cũng như vậy, có thể hàng phục hết tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Vì sao? Vì vô ngại. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người đối với kẻ oán thù mà trá hiện thân thiện, thường theo đuổi như bóng theo hình dò tìm cơ hội thuận tiện để giết chết kẻ oán đó. Kẻ oán kia cẩn thận tự phòng bị chắc chắn nên khiến cho người đó chẳng thể giết được. Nay thiện nam! Oán thù tử cũng vậy, thường theo dõi chúng sinh để giết hại họ, chỉ chẳng thể giết Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Vì sao? Vì Bồ-tát đó chẳng buông lung. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như trời bỗng nhiên tuôn

xuống mưa lớn kim cương, phá hoại hết cây thuốc, cây cối, núi rừng, đất cát, gạch, đá, vàng, bạc, lưu ly v.v... tất cả mọi vật, chỉ chẳng thể hủy hoại chân bảo kim cương. Đây thiện nam! Mưa kim cương tử cũng như vậy, có thể phá hoại hết tất cả chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát Kim cương trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Như chim cánh vàng có thể ăn nuốt các rồng, chỉ chẳng thể ăn nuốt rồng đã thọ Tam quy. Đây thiện nam! Chim cánh vàng tử cũng như vậy, có thể ăn nuốt tất cả vô lượng chúng sinh, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở ba định. Sao gọi là ba định? Đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lại nữa, này Ca-diếp! Như rắn độc Ma-la hễ đã cắn thì tuy có chú hay, thuốc tốt thượng diệu nhưng không cứu được, chỉ có chú A-kiệt-la-tinh mới có thể chữa khỏi. Đây thiện nam! Rắn độc tử cũng như vậy, tất cả phương thuốc trị độc không gì hiệu nghiệm, chỉ trừ Bồ-tát trụ ở chú Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Lại nữa, này Ca-diếp! Ví như có người bị vua giận, người ấy, hoặc có thể dùng lời êm ái khéo léo hay cống dâng của báu thì có thể được thoát chết. Đây thiện nam! Vua tử chẳng vậy, tuy dùng lời êm ái hay tiền của châu báu mà cống dâng nhưng cũng chẳng thoát được. Đây thiện nam! Phàm người chết thì ở chỗ hiểm nạn không có của cải lương thực, đi đến chỗ xa mờ mà không có bạn bè, ngày đêm đi mãi chẳng biết bờ cõi, sâu thăm tối tăm không có ánh sáng. Vào nhà không cửa nẻo mà có nơi chốn, tuy không chỗ đau nhưng chẳng thể trị liệu, đi không ngăn ngại, đến chẳng thoát được, không có sự phá hoại mà người thấy sâu đau, chẳng phải là màu sắc xấu bản mà khiến cho người kinh sợ, phô bày ở bên thân mà chẳng thể hay biết. Đây Ca-diếp! Dùng những thí dụ này và còn vô lượng vô biên thí dụ khác để ông phải biết tử quả thật là đại khổ. Đây Ca-diếp! Đó gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết Bàn Đại Thừa, quan sát khổ về tử.

Này Ca-diếp! Sao gọi là Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa quan sát khổ thương yêu chia lìa nhau? Thương yêu chia lìa nhau có thể là căn bản của tất cả mọi khổ, như kệ nói:

*Nhân ái sinh lo
 Nhân ái sinh sợ
 Nếu xa lìa ái
 Có gì lo sợ.*

Nhân duyên ái mà sinh ra ưu khổ. Do ưu khổ nên khiến cho chúng sinh sinh ra già suy. Khổ về ái biệt ly là mạng chung. Nay thiện nam! Do biệt ly nên có thể sinh ra đủ thứ khổ vi tế. Nay Ta sẽ vì ông phân biệt và chỉ rõ cho. Nay thiện nam! Đời quá khứ, khi con người thọ mạng vô lượng, khi ấy có vị vua tên là Thiện Trụ. Bấy giờ, vị vua ấy làm thân đồng tử, làm thái tử lo liệu việc nước và lên ngôi vua đều trải qua tám vạn bốn ngàn năm. Trên đỉnh đầu của vua sinh ra một bươu thịt. Bươu ấy mềm mại như lụa đầu la, mịn màng như kiếp bối, dần dần lớn lên mà chẳng cho nó là tai họa. Tròn mười tháng cục bươu ấy liền mở ra sinh một đồng tử. Hình dung đồng tử ấy đoan nghiêm kỳ lạ vô song, sắc tướng phân minh số một trong loài người. Vua cha vui mừng đặt tên là Đỉnh Sinh. Vua Thiện Trụ liền đem quốc sự giao phó cho Đỉnh Sinh, xả bỏ cung điện, vợ con, quyến thuộc, vào núi học đạo trọn tám vạn bốn ngàn năm. Bấy giờ, Đỉnh Sinh vào ngày mười lăm, ở tại lầu cao tám gô, thọ trai, tức thời ở phương Đông xuất hiện bánh xe vàng báu. Bánh xe ấy đầy đủ ngàn nan hoa, trục, vành chẳng do thợ chế tạo, tự nhiên thành tựu hiện đến. Đại vương Đỉnh Sinh liền nghĩ: “Ta xưa từng nghe tiên ngữ thông nói, vua Sát-lợi vào ngày mười lăm ở tại lầu cao tám gô, trai giới, nếu có bánh xe vàng ngàn nan hoa chẳng thiếu, đầy đủ trục, vành, chẳng do thợ làm, tự nhiên thành tựu, hiện đến thì phải biết vua này liền được làm Chuyển luân Thánh đế”. Vua lại nghĩ: “Ta nay sẽ thử”. Ông liền dùng tay trái nâng bánh xe báu, tay phải cầm lư hương, quỳ gối phải xuống đất mà phát thệ: “Bánh xe vàng báu này nếu chân thật chẳng hư dối thì nên làm như phép đã làm đối với Chuyển luân Thánh vương đời quá khứ”. Vua phát lời thề này rồi, bánh xe vàng báu đó bay lên hư không, đi khắp mười phương, rồi trở lại trụ ở tay trái của vua Đỉnh Sinh. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lòng phát sinh vui mừng, phấn khởi không lường, lại nghĩ: “Ta nay nhất định làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đấy chẳng bao lâu lại có voi báu hình dáng đoan nghiêm như hoa sen trắng với bảy chi chống đất. Vua Đỉnh Sinh thấy rồi lại nghĩ: “Ta thuở xưa từng nghe tiên ngữ thông nói rằng, vua Chuyển luân vào ngày mười lăm, ở tại lầu cao tám gô, trai giới, nếu có voi báu hình dáng đoan nghiêm như hoa sen trắng, bảy chi chống đất, hiện đến thì phải biết, vị vua này tức là

Thánh đế”. Vua lại nghĩ: “Ta nay sẽ thử”. Ông liền nâng lư hương, quỳ gối phải xuống đất phát thệ: “Voi trắng báu này nếu chân thật, chẳng hư dối thì nên làm như phép đã làm đối với Chuyển luân Thánh vương đời quá khứ”. Vua nói lời này rồi thì voi trắng báu liền bay đi khắp cùng tám phương, đến tận bờ cõi biển cả từ sáng đến chiều rồi trở về chỗ cũ. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lòng rất vui mừng, phấn khởi không lường, lại nghĩ: “Ta nay nhất định làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đó chẳng bao lâu, tiếp theo có ngựa báu, sắc ngựa ấy xanh biếc đẹp đẽ, bờm, đuôi màu vàng, vua Đỉnh Sinh thấy vậy liền nghĩ: “Ta nghe thuở xưa tiên ngũ thông nói, vua Chuyển luân vương vào ngày rằm ở trên lầu cao tám gô, trai tịnh, có ngựa báu sắc xanh, bờm, lông đuôi màu vàng tía đến, thì nên biết đó là Thánh đế”. Vua lại nghĩ: “Ta nay sẽ thử”. Ông liền cầm lư hương, quỳ gối phải xuống đất phát thệ: “Ngựa báu màu xanh biếc này nếu chân thật, chẳng hư dối thì nên làm như phép đã làm đối với Chuyển luân Thánh vương đời quá khứ”. Vua nói lời này rồi thì ngựa báu màu xanh biếc đó, từ sáng đến chiều chạy cùng khắp tám phương đến tận bờ cõi biển cả, rồi trở về chỗ cũ. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lòng rất vui mừng, phấn khởi không lường, lại nói: “Ta nay nhất định làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đó chẳng bao lâu, lại có người con gái báu, hình dung đoan chánh đệ nhất, chẳng cao, chẳng lùn, chẳng trắng, chẳng đen, các lỗ chân lông trên thân thể tỏa ra mùi hương chiên-đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt nhìn thấy xa một do-tuần, tai nghe, mũi ngửi cũng như vậy, lưỡi rộng to, lè ra có thể che cả mặt, hình sắc mịn màng như lá đồng đỏ, tâm thức thông triết có trí tuệ lớn, đối với các chúng sinh thường có lời nói dịu dàng. Người con gái ấy khi dùng tay chạm vào áo vua thì liền biết thân vua an vui hay bệnh hoạn, cũng biết tâm vua duyên vào đâu. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lại nghĩ: “Nếu có người con gái có thể biết được lòng vua tức là người con gái báu”. Sau đó chẳng bao lâu, ở trong cung vua tự nhiên có ngọc báu ma-ni, thuần màu xanh lưu ly, lớn như trục của bánh xe, có thể ở trong tối chiếu sáng đến một do-tuần. Nếu trời tuôn mưa mà giọt nước lớn như trục bánh xe thì lực của ngọc này có thể tạo thành lọng lớn che được một do-tuần, ngăn trận mưa lớn này, chẳng cho nước mưa lọt qua. Lúc này, vua Đỉnh Sinh lại nghĩ:

“Nếu vua Chuyển luân được ngọc báu này thì nhất định là Thánh đế”. Sau đó chẳng bao lâu, có bề tôi chủ kho tàng tự nhiên xuất hiện với nhiều cửa báu, giàu có không lường, kho tàng đầy ắp, không gì thiếu thốn. Chủ kho tàng này được sức nhãn căn có thể thấy suốt tất cả kho tàng ẩn chứa trong lòng đất, theo ý nghĩ của vua đều có thể cung cấp đủ cho vua. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lại muốn thử ông ấy, liền ngồi chung thuyền đi vào biển cả và bảo: “Ta nay muốn được kỳ trân dị bảo”. Ông ta nghe rồi liền dùng hai tay khuấy nước biển cả thì mười đầu ngón tay xuất hiện mười bảo tàng, đem dâng lên Thánh vương, tâu: “Tâu đại vương! Đại vương cần dùng việc gì thì đại vương tùy ý sử dụng. Nếu còn lại thì phải ném trả cho biển cả”. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lòng rất vui mừng, phấn khởi không lường, lại nghĩ: “Ta nay nhất định làm Chuyển luân Thánh vương”. Sau đó chẳng bao lâu, có bề tôi là chủ binh tự nhiên xuất hiện. Ông ấy dũng mãnh, thao lược, kế sách, mưu trí đệ nhất, giỏi biết bốn binh chủng. Nếu ông ấy gánh vác việc chiến đấu thì xuất hiện Thánh vương. Nếu ông ấy chẳng gánh vác việc chiến đấu mà thoái lui thì Thánh vương chẳng xuất hiện. Kể chưa bị hàng phục thì ông ta có thể hàng phục. Người đã hàng phục thì có thể ủng hộ. Bấy giờ, vua Đỉnh Sinh lại nghĩ: “Nếu vua Chuyển luân được chủ binh báu này thì phải biết nhất định là Chuyển luân Thánh vương”. Lúc đó, Chuyển luân Thánh vương Đỉnh Sinh bảo các đại thần: “Các ông phải biết, cõi Diêm-phù-đề này yên ổn, giàu có, hưng thịnh và vui sướng. Ta nay bảy báu đã thành tựu, một ngàn đứa con trai đầy đủ. Ta nên làm gì đây?”. Các bề tôi đáp: “Thưa đại vương! Cõi Phất-bà-đề ở phương Đông còn chưa quy thuận, đại vương nay nên đi đến đó”. Bấy giờ, Thánh vương liền cùng với bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không mà đi đến cõi Phất-bà-đề ở phương Đông. Muôn dân cõi đó vui mừng quy thuận. Vua lại bảo các đại thần: “Cõi Diêm-phù-đề và Phất-bà-đề của ta yên ổn, giàu có, hưng thịnh và vui sướng, dân chúng đông đúc đều đến quy thuận, bảy báu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì nữa?”. Các bề tôi đáp: “Thưa đại vương! Cõi Cù-đà-ni ở phương Tây còn chưa quy thuận”. Bấy giờ, Thánh vương lại cùng với bảy báu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không mà đi đến cõi Cù-đà-ni. Nhà vua đã đến đó và dân chúng cõi đó cũng lại quy

phục. Vua lại bảo các đại thần: “Cõi Diêm-phù-đề, Phất-bà-đề và Cù-đà-ni này của ta đã yên ổn, giàu thịnh, vui sướng, muôn dân đông đúc đều đã quy thuận, bầy bấu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì nữa? Các bề tôi tâu: “Thưa đại vương! Cõi Uất-đan-việt ở phương Bắc còn chưa quy thuận”. Bấy giờ, Bấy giờ, Thánh vương lại cùng với bầy bấu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không mà đi đến cõi Uất-đan-việt ở phương Bắc. Vua đã đến đó thì dân chúng cõi ấy vui mừng quy thuận. Vua lại bảo các đại thần: “Bốn cõi thiên hạ của ta yên ổn, giàu có, hưng thịnh và vui sướng, muôn dân đông đúc đều đã quy thuận, bầy bấu thành tựu, ngàn con đầy đủ. Ta lại làm gì nữa?”. Các bề tôi đáp: “Thưa Thánh vương! Cõi trời Ba Mươi Ba thọ mạng rất dài, yên ổn, diệu lạc. Thân hình cõi trời đó đoan nghiêm không gì sánh, cung điện chỗ ở, giường, ngọa cụ... đều là bầy bấu. Trời ấy tự thị thiên phước chưa đến quy thuận. Nay nhà vua nên đến hỏi tội, khiến cho họ quy phục”. Bấy giờ, Thánh vương lại cùng với bầy bấu, tất cả quân doanh tháp tùng, bay lên hư không lên cõi trời Đao-lợi. Vua thấy có một cây màu xanh biếc. Thánh vương thấy rồi liền hỏi đại thần: “Đây là sắc gì?”. Đại thần đáp: “Đây là cây Ba-lợi-chất-đa-la, vào những ngày tháng ba mùa hạ, chư Thiên của cõi trời Đao-lợi thường ở dưới gốc cây ấy vui sướng thọ hưởng diệu lạc”. Vua lại thấy sắc trắng giống như mây trắng, lại hỏi đại thần: “Đó là sắc gì?”. Đại thần đáp: “Đó là Thiện pháp đường, chư Thiên cõi trời Đao-lợi thường tập họp trong ấy bàn luận việc nhân thiên”. Khi ấy, thiên chúa Thích-đề-hoàn-nhân biết vua Đỉnh Sinh đã đến ở bên ngoài, liền ra nghênh đón, gặp nhau rồi, nắm tay nhau thăng lên Thiện pháp đường, chia tòa mà ngồi. Lúc đó, hai vua hình dung, tướng mạo như nhau, không có sai biệt, chỉ có cái nhìn là sai khác. Lúc này, Thánh vương liền khởi sinh ý nghĩ: “Ta nay chắc có thể phế bỏ vị vua này để trụ trong cõi trời làm vua trời chăng?”. Nay thiện nam! Bấy giờ, Đế Thích vốn có thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại Thừa, khai thị, phân biệt vì người khác diễn nói, chỉ có đối với ý nghĩa sâu xa chưa thông đạt hết. Do sức nhân duyên đọc tụng, thọ trì, phân biệt, vì người khác diễn nói rộng rãi này nên có uy đức lớn. Nay thiện nam! Vua Đỉnh Sinh đó đối vị Đế Thích này sinh tâm ác xong liền đọa lạc trở lại cõi Diêm-phù-đề, nhớ thương trời, người ly

biệt, phát sinh khổ não lớn. Nhà vua lại gặp bệnh dữ liền mạng chung. Để thích bấy giờ là Đức Phật Ca-diếp đó. Vị Chuyển luân Thánh vương là thân Ta đó. Nay thiện nam! Ông phải biết, ái biệt ly như vậy thì rất là đau khổ. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát còn nhớ sự khổ về ái biệt ly như vậy của đời quá khứ, hướng gì là Bồ-tát trụ ở kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa mà chẳng quan sát sự khổ về ái biệt ly của đời hiện tại.

Này thiện nam! Sao gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, quan sát oán tắng hội khổ? Nay thiện nam! Đại Bồ-tát này quan sát ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trong loài người, trên cõi trời đều có oán tắng hội khổ như vậy. Ví như người quan sát lao ngục thấy trói buộc, giam giữ, cùm khóa, xiềng xích v.v... lấy làm khổ lớn. Đại Bồ-tát cũng như vậy, quan sát năm đường, thấy tất cả loài thọ sinh đều là oán ghét hợp hội rất khổ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như có người thường sợ sự cùm khóa, xiềng xích của oán gia mà rời bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, châu báu, sản nghiệp v.v... trốn chạy xa. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát cũng như vậy, kinh sợ sinh tử mà tu hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, vào Niết-bàn. Nay Ca-diếp! Đó gọi là Bồ-tát tu hành kinh Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát oán tắng hội khổ.

Này thiện nam! Sao gọi là Bồ-tát tu hành Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát cầu bất đắc khổ? Cầu là cầu hết tất cả. Cầu hết có hai thứ, một là cầu pháp thiện, hai là cầu pháp bất thiện. Pháp thiện chưa được thì khổ. Pháp ác chưa lìa là khổ. Đó là lược nói khổ về năm ấm thịnh. Nay Ca-diếp! Đó gọi là khổ đế.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời nói của Đức Phật thì nghĩa của khổ về năm ấm thịnh chẳng phải vậy. Vì sao? Như Phật thuở xưa bảo ông Thích-ma-nam: “Nếu sắc khổ thì tất cả chúng sinh đáng lẽ chẳng cầu sắc. Nếu có người cầu thì chẳng gọi là khổ”. Như Phật bảo các Tỳ-kheo: “Có ba thứ thọ là thọ khổ, thọ vui và thọ chẳng khổ chẳng vui”. Như Phật trước đã vì các Tỳ-kheo nói rằng, nếu có người có thể tu hành pháp thiện thì được thọ vui. Lại như Phật nói, ở trong pháp thiện có sáu thứ tiếp xúc hưởng thọ vui, như mắt thấy sắc đẹp thì đó gọi là vui, tai, mũi, lưỡi, thân, ý nghĩ về pháp tốt cũng như vậy. Như Đức Phật đã nói kệ:

Trì giới thì được vui
 Thân chẳng thọ các khổ
 Ngủ nghỉ được bình yên
 Thức dậy lòng hoan hỷ.
 Mặc áo và ăn cơm
 Tu tập và kinh hành
 Một mình ở núi rừng
 Như vậy là rất vui.
 Luôn đối với chúng sinh
 Ngày đêm tu lòng từ
 Nhân đó thường an vui
 Chẳng não hại người khác.
 Vui thiếu dục, tri túc
 Vui phân biệt đa văn
 Không trước A-la-hán
 Cũng gọi là hưởng vui.
 Bồ-tát Ma-ha-tát
 Đến bờ kia rốt cùng
 Mọi việc đã làm xong
 Đó gọi là rất vui.

Thưa Thế Tôn! Như lời nói trong các kinh thì hình tướng của an vui nghĩa nó là như vậy. Như lời Phật hôm nay thì làm sao để cùng với nghĩa này tương ứng?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông có thể khéo léo hỏi Như Lai ý nghĩa này. Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh ở trong cái khổ ít mà trái lại tướng là vui. Vậy nên lời nói của Ta hôm nay về khổ tướng cùng với lời nói cũ chẳng khác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Như lời nói của Phật, ở trong cái khổ ít về sinh tướng vui thì cái khổ ít về lão, bệnh, tử, ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, năm ấm thịnh cũng nên có tướng là vui. Thưa Thế Tôn! Sinh hạng hạ là ba đường ác, sinh đường trung là trong loài người, sinh hạng thượng là trên trời. Nếu lại có người hỏi như vậy: “Nếu đối với cái vui hạng hạ

sinh ra tướng khổ, đối với cái vui hạng trung sinh ra tướng không khổ, đối với cái vui hạng thượng sinh ra tướng vui thì phải đáp ra sao? Thưa Thế Tôn! Nếu trong cái khổ hạng hạ sinh ra tướng vui thì con chưa thấy có người phải chịu một ngàn hình phạt mà ngay khi phạt lần đầu tiên đã sinh ra tướng vui. Nhưng nếu chẳng sinh thì sao nói rằng, ở trong khổ hạng hạ mà sinh ra tướng vui?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Do nghĩa này nên không có tướng vui. Vì sao? Vì giống như người kia phải chịu một ngàn hình phạt mà khi đã chịu một lần rồi liền thoát được thì người đó bấy giờ liền sinh ra tướng vui. Vậy ông phải biết, ở trong không vui vọng sinh ra tướng vui.

Bồ-tát Ca-diếp nói:

–Bạch Thế Tôn! Người đó chẳng do một lần bị phạt mà sinh ra tướng vui mà do thoát được nên sinh ra tướng vui.

–Này Ca-diếp! Vậy nên lúc xưa Ta vì Thích-ma-nam nói rằng, có vui trong năm ấm là thật chẳng phải hư dối. Này Ca-diếp! Có ba thọ, ba khổ. Ba thọ là thọ lạc, thọ khổ, thọ chẳng khổ chẳng lạc. Ba khổ là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Này thiện nam! Thọ khổ là ba khổ, đó là khổ khổ, hành khổ, hoại khổ. Còn hai thọ là hành khổ và hoại khổ. Này thiện nam! Do nhân duyên đó nên trong sinh tử thật có lạc thọ. Đại Bồ-tát vì tính của khổ lạc chẳng rời bỏ nhau nên nói rằng, tất cả đều khổ. Này thiện nam! Trong sinh tử thật không có vui mà chỉ chư Phật, Bồ-tát vì thuận theo thế gian nên nói rằng có vui.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chư Phật, Bồ-tát nếu nói thuận theo thế tục thì tức là hư vọng chẳng? Như lời nói của Phật, người tu hành thiện thì thọ quả báo vui, trì giới thì an lạc, thân chẳng thọ khổ cho đến mọi việc đã hoàn thành thì đó là rất vui. Như vậy việc nói hưởng vui của các kinh là hư dối chẳng? Nếu là hư vọng thì chư Phật Thế Tôn từ lâu ở trong vô lượng trăm ngàn vạn ức vô số kiếp tu đạo Bồ-đề đã lìa khỏi vọng ngữ mà hôm nay nói lời nói đó, ý nghĩa ấy ra sao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như bài kệ nói về những thọ lạc ở trên tức là

căn bản của đạo Bồ-đề, cũng có thể nuôi lớn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên ở trong kinh trước nói về tướng lạc. Đây thiện nam! Ví như cái cần có cho cuộc sống của thế gian có thể là nguyên nhân của sự vui nên gọi là vui. Đó là đắm say nữ sắc, uống rượu, thức ăn ngon, vị ngọt v.v... khi khát được nước, khi lạnh gặp lửa, quần áo, chuỗi ngọc, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, đồng bệ, vàng, bạc, lưu ly, san hô, châu châu, kho tàng, lúa gạo v.v... những vật cần dùng của thế gian như vậy v.v... có thể là nguyên nhân của vui. Đó gọi là vui. Đây thiện nam! Những vật như vậy cũng có thể sinh ra khổ. Do nữ nhân sinh ra khổ của nam tử: ưu sầu buồn khóc, thậm chí mất cả mạng sống. Nhân rượu, vị ngon cho đến kho tàng, lúa gạo cũng có thể khiến cho con người sinh ra ưu bi, khổ não lớn. Do nghĩa này nên tất cả đều khổ, không có tướng vui. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát đối với tám cái khổ này giải thoát khổ, không có khổ. Đây thiện nam! Tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... chẳng biết nguyên nhân của vui. Vì những người như vậy ở trong khổ hạnh hạ nói có tướng của vui, chỉ có Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa mới có thể biết nhân của khổ, nhân của vui này.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XII

Phẩm 19: THÁNH HẠNH 2

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát Tập đế như thế nào? Này thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát Tập đế này chính là nhân duyên của ấm. Cái gọi là Tập là trở lại ái nơi hữu. Ái có hai thứ, một là ái về thân mình, hai là ái những thứ cần dùng. Ái lại có hai thứ, chưa được nắm dục thì chuyên tâm tìm cầu, đã cầu được rồi thì nắm giữ tham đắm. Ái lại có ba thứ là ái cõi Dục, ái cõi Sắc và ái cõi Vô sắc. Ái lại có ba thứ là ái nhân duyên nghiệp, ái nhân duyên phiền não, ái nhân duyên khổ. Người xuất gia có bốn thứ ái. Những gì là bốn? Đó là y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc thang. Ái lại có năm thứ là tham đắm năm ấm, tùy theo những thứ cần dùng, ái trước tất cả, phân biệt tính toán vô lượng vô biên. Này thiện nam! Ái có hai thứ, một là ái thiện, hai là ái bất thiện. Ái bất thiện là sự cầu mong của phàm phu ngu si. Ái pháp thiện là sự cầu mong của các Bồ-tát. Ái pháp thiện lại có hai thứ là bất thiện và thiện. Cầu Nhị thừa thì gọi là bất thiện. Cầu Đại thừa thì gọi là thiện. Này thiện nam! Ái của phàm phu thì gọi là Tập, chẳng gọi là Đế. Ái của Bồ-tát thì gọi là Thật đế, chẳng gọi là Tập. Vì sao? Vì độ chúng sinh nên mới thọ sinh chứ chẳng do ái mà thọ sinh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật Thế Tôn ở trong các kinh khác vì các chúng sinh mà nói nghiệp là nhân duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói sáu xúc chạm, hoặc nói vô minh vì năm thịnh ấm mà tạo tác nhân duyên. Nay Thế Tôn vì nghĩa gì nói bốn Thánh đế chỉ dùng tánh của ái làm nhân của năm ấm?

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Đúng như lời ông nói, các nhân duyên chẳng phải là chẳng phải nhân, nhưng chỉ có năm ấm là nhân duyên chủ yếu đối với ái. Này thiện nam! Ví như vị đại vương, nếu ra đi tuần du thì đại thần, quyến thuộc đều đi theo. Ái cũng như vậy, tùy theo phạm vi hoạt động của ái mà các kiết này v.v... cũng lại đi theo. Ví như áo có mồ hôi thì bụi bám vào, mà bám vào thì dính chắc. Ái cũng như vậy, tùy theo chỗ ở của ái mà nghiệp kiết bám chắc. Lại nữa, này thiện nam! Ví như đất ẩm thì hạt có thể mọc mầm; ái cũng như vậy, có thể nảy sinh mầm phiền não của tất cả nghiệp. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát thâm sâu ái này thì thường có chín thứ, một là như nợ chưa hết, hai là như vợ là La-sát, ba là như cành hoa đẹp có rắn độc quấn quanh, bốn là như thức ăn chẳng ưa thích mà buộc phải ăn, năm là như dâm nữ, sáu là như hạt ma-la-ca, bảy là như thịt thối trong ung nhọt, tám là như gió mạnh, chín là như sao chổi.

Này thiện nam! Sao gọi là như nợ chưa hết? Ví như người nghèo cùng thiếu tiền của người khác, tuy muốn trả nhưng vẫn chưa hết, như bị trói trong ngục mà chẳng thoát được. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, do có dư khí của ái tập nên chẳng thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Đó gọi là như nợ chưa trả hết.

Này thiện nam! Sao gọi là như vợ là La-sát? Ví như có người cưới La-sát làm vợ, gái La-sát này hễ sinh ra con liền ăn con, ăn con đã hết lại ăn luôn cả chồng. Này thiện nam! Nữ La-sát ái cũng như vậy, theo các chúng sinh sinh ra con thiện căn, sinh ra rồi ăn thịt, con thiện căn đã hết, lại ăn luôn chúng sinh, khiến cho họ rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như vợ là La-sát.

Này thiện nam! Sao gọi là như cành hoa đẹp có rắn độc quấn quanh? Ví như có người tính ưa thích hoa, chẳng thấy tai họa rắn độc trên cành hoa liền nắm lấy, nắm rồi bị rắn độc cắn, liền mạng chung. Tất cả phàm phu cũng như vậy, tham hoa nắm lấy, chẳng thấy tai họa của rắn độc ái mà vội nắm lấy, liền bị nọc độc của rắn ái mà mạng chung, đọa vào trong ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như cành hoa đẹp có rắn độc quấn quanh.

Này thiện nam! Sao gọi là thức ăn khó tiêu mà gượng ăn? Ví như

có người đối với thức ăn khó tiêu mà gượng ăn, ăn rồi bị bệnh đau bụng mà chết. Món ăn ái cũng như vậy, chúng sinh trong năm đường do tham đắm mà ăn vào. Do nhân duyên này nên rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là thức ăn chẳng tiêu hóa mà gượng ăn.

Này thiện nam! Sao gọi là như dâm nữ? Ví như người ngu cùng với dâm nữ thông dâm mà dâm nữ kia khéo làm đủ thứ nịnh hót, hiện bày thân mật để đoạt hết tiền tài sở hữu của người đó, tiền tài đã hết liền bị đuổi đi. Dâm nữ ái cũng như vậy, người ngu không trí cùng nó giao du. Dâm nữ ái này đoạt hết tất cả pháp thiện của người ấy, pháp thiện đã hết thì xua đuổi khiến cho rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như dâm nữ.

Này thiện nam! Sao gọi là như hạt ma-lâu-ca? Ví như hạt ma-lâu-ca, nếu chim ăn rồi theo phân rơi xuống đất, hoặc nhân gió thổi đến ở dưới cây ni-câu-la. Nó liền sinh trưởng, quán quanh, trói buộc cây ni-câu-la khiến cho cây ấy chẳng tăng trưởng mà khô chết. Hạt ma-lâu-ca ái cũng như vậy, trói buộc pháp thiện của phàm phu chẳng cho tăng trưởng đi đến khô chết. Đã khô chết rồi thì sau khi mạng chung rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như hạt ma-lâu-ca.

Này thiện nam! Sao gọi là như thịt thối trong ung nhọt? Như người có ung nhọt lâu ngày thì thịt bị thối. Người ấy cần phải siêng năng hết lòng trị liệu, chớ sinh tâm bỏ phế. Nếu sinh lòng bỏ phế thì chỗ thịt lở lớn thêm, trùng lại sinh ra. Do nhân duyên này nên mạng chung. Ghẻ lở năm ấm của người phàm phu ngu si cũng như vậy, ái là thịt thối trong ấy, cần phải dốc lòng siêng trị thịt thối ái. Nếu chẳng trị liệu thì mạng chung liền rơi vào ba đường ác, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như thịt thối trong ung nhọt.

Này thiện nam! Sao gọi là như gió mạnh? Ví như gió mạnh có thể san bằng núi gò, nhổ bật cả rễ sâu. Gió mạnh ái dục cũng như vậy, ở chỗ cha mẹ sinh tâm ác có thể nhổ bật gốc rễ Bồ-đề sâu chắc vô thượng như của bậc đại trí Xá-lợi-phất v.v..., chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như gió mạnh.

Này thiện nam! Sao gọi là như sao chổi? Ví như sao chổi xuất hiện dưới vòm trời thì tất cả dân chúng đói kém, bệnh tật, gầy gò v.v... đủ những khổ não. Sao chổi ái cũng như vậy, có thể đoạn diệt tất cả

hạt giống thiện căn, khiến cho người phàm phu cô độc, khốn cùng, đói kém sinh ra bệnh phiền não, lưu chuyển trong sinh tử, chịu đủ thứ khổ, chỉ trừ Bồ-tát. Đó gọi là như sao chổi.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa quan sát chín thứ ái kiết như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên các người phàm phu có khổ không có đế, Thanh văn, Duyên giác có khổ có khổ đế mà không có chân đế, các Bồ-tát v.v... hiểu rõ khổ, không khổ. Vậy nên không khổ mà có chân đế. Các phàm phu có tập không có đế, Thanh văn, Duyên giác có tập, có tập đế. Các Bồ-tát v.v... hiểu rõ tập, không có tập. Vậy nên không tập mà có chân đế. Thanh văn, Duyên giác có diệt chẳng phải chân. Đại Bồ-tát có diệt có chân đế. Thanh văn, Duyên giác có đạo chẳng phải chân. Đại Bồ-tát có đạo có chân đế.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa thấy diệt, thấy diệt đế? Đó là đoạn trừ tất cả phiền não. Nếu phiền não đoạn trừ thì gọi là thường. Diệt lửa phiền não thì gọi là tịch diệt. Phiền não diệt rồi thì được hưởng thọ lạc. Chư Phật, Bồ-tát cầu nhân duyên nên gọi là tịnh, lại chẳng thọ hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là ngã. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... hoặc nam, hoặc nữ, hoặc sinh, trụ, diệt, hoặc khổ, hoặc vui, chẳng khổ chẳng vui, chẳng giữ lấy tướng mạo v.v... nên gọi là chân đế rốt ráo tịch diệt. Này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa như thế mà quan sát diệt Thánh đế.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, quan sát đạo Thánh đế? Ví như trong tối nhờ đèn mà thấy được vật lớn, nhỏ. Đại Bồ-tát cũng như vậy, trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, nhờ tám Thánh đạo mà thấy tất cả pháp. Đó là thường - vô thường, hữu vi - vô vi, chúng sinh - chẳng phải chúng sinh, vật - chẳng phải vật, khổ - vui, ngã - vô ngã, tịnh - bất tịnh, phiền não - chẳng phải phiền não, nghiệp - chẳng phải nghiệp, thật - chẳng thật, thừa - chẳng phải thừa, tri - vô tri, chủ đế - chẳng phải chủ đế, y chỉ - chẳng phải y chỉ, kiến - chẳng phải kiến, sắc - chẳng phải sắc, đạo - chẳng phải đạo, giải - chẳng phải giải. Này thiện nam! Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa mà quan sát đạo Thánh đế như thế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tám Thánh đạo là đạo Thánh đế thì nghĩa chẳng tương ứng. Vì sao? Vì Như Lai hoặc nói rằng lòng tin là đạo, có thể độ được các lậu. Hoặc có khi Như Lai nói, đạo là chẳng phóng dật. Chư Phật Thế Tôn chẳng phóng dật nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng là pháp trợ đạo của Bồ-tát. Hoặc có khi Như Lai nói, tinh tấn là đạo. Như Như Lai bảo A-nan, nếu có người có thể siêng tu tinh tấn thì được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Như Lai nói, đạo là quán thân niệm xứ, nếu có người chuyên tâm tinh cần tu tập thân niệm xứ này thì được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Đức Phật nói, chánh định là đạo, như Phật bảo Đại đức Đại Ca-diếp, phạm chánh định chân thật là đạo, chẳng phải chẳng chánh định là đạo. Nếu vào chánh định thì mới có thể tư duy sự sinh diệt của năm ấm, chẳng phải chẳng vào định mà có thể tư duy. Hoặc Phật nói, đối với một pháp, nếu người tu tập thì có thể tịnh chúng sinh, diệt trừ tất cả lo buồn khổ não, kiến lập được chánh pháp. Pháp đó gọi là niệm Phật Tam-muội. Hoặc Phật lại nói, tu tưởng về vô thường thì đó gọi là đạo. Như Phật bảo các Tỳ-kheo, có người có thể tu tưởng về vô thường thì có thể thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc Phật nói, ngồi một mình ở chỗ A-lan-nhã không tịch mà tư duy thì có thể mau chóng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Phật nói, vì người diễn nói pháp thì đó gọi là đạo. Nếu nghe pháp rồi lười nghỉ liền đoạn trừ mà lười nghỉ đã đoạn trừ rồi thì thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Phật nói, trì giới là đạo, như Phật bảo Tôn giả A-nan, nếu có người tinh cần tu trì giới cấm thì người đó qua khỏi khổ lớn sinh tử. Hoặc có khi Phật nói, gần gũi bạn lành thì đó gọi là đạo, như Phật bảo Tôn giả A-nan, nếu có người gần gũi bậc thiện tri thức thì an tịnh được giới. Nếu có chúng sinh có thể gần gũi Ta thì được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc có khi Phật nói, tu từ là đạo. Người tu học từ thì đoạn trừ các phiền não, đạt chỗ chẳng động. Hoặc có khi Phật nói, trí tuệ là đạo. Như Phật thuở xưa vì Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề nói: “Này chị em! Như các Thanh văn dùng dao trí tuệ có thể đoạn dứt các dòng lậu phiền não”. Hoặc có khi Phật nói, thí là đạo. Như thuở trước Phật

bảo vua Ba-tư-nặc: “Này đại vương! Ông phải biết, Ta thuở xa xưa làm nhiều việc tuệ thí. Do nghĩa này nên ngày nay thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bạch Thế Tôn! Nếu tám Thánh đạo là đạo đế thì như vậy các kinh điển há chẳng phải là hư vọng! Nếu những kinh đó chẳng phải là hư vọng thì vì duyên gì trong những kinh đó chẳng nói tám Thánh đạo là đạo Thánh đế? Nếu những kinh đó chẳng nói thì thuở xưa vì sao Như Lai lầm lẫn? Nhưng con nhất định biết các Đức Phật Như Lai từ lâu đã lừa sự lầm lẫn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông nay muốn biết bí mật trong kinh điển vi diệu Đại Thừa của Bồ-tát nên hỏi vấn đề đó. Này thiện nam! Đúng vậy, các kinh điển đều thuộc đạo đế. Này thiện nam! Như trước Ta đã nói, nếu có lòng tin là đạo, mà tin đạo như vậy là tin căn bản, là có thể trợ đạo Bồ-đề. Vậy nên lời nói của Ta không có lầm lẫn. Này thiện nam! Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện, muốn hóa độ chúng sinh nên tạo tác đủ thứ pháp như vậy. Này thiện nam! Ví như vị lương y nhận biết nguyên nhân đủ thứ bệnh của các chúng sinh, rồi tùy theo bệnh của họ mà cho thuốc, cũng nói sự cấm kỵ của thuốc, chỉ có một thứ là nước thì chẳng ở trong lệ cấm. Hoặc cho uống nước gừng, hoặc nước cam thảo, hoặc nước tể tân, hoặc nước hắc thạch mật, hoặc nước a-ma-lặc, hoặc nước ni-bà-la, hoặc nước bát-trú-la, hoặc uống nước lạnh, hoặc uống nước nóng, hoặc nước bồ đào, hoặc nước an thạch lựu. Này thiện nam! Như vậy vị lương y giỏi biết đủ thứ thuốc trị bệnh của chúng sinh tuy có nhiều thứ cấm nhưng nước thì chẳng ở trong lệ đó. Như Lai cũng vậy, giỏi biết các phương tiện, nhưng đối với pháp tướng tùy theo các chúng sinh mà phân biệt rộng nói đủ thứ danh tướng. Những chúng sinh kia theo lời nói mà lãnh thọ, thọ rồi tu tập đoạn trừ phiền não, như người bệnh kia theo lời dạy của lương y nên bệnh được tiêu trừ. Lại nữa, này thiện nam! Như có người giỏi hiểu mọi thứ tiếng nói ở trong đại chúng. Đại chúng này bị sự bức bách bởi nóng khát, hoặc phát lên tiếng: “Ta muốn uống nước. Ta muốn uống nước”. Người đó tức thời dùng nước trong mát, tùy theo chủng loại của những người khát ấy mà nói: “Nước đây”, hoặc nói: “Bà-lợi”, hoặc nói: “Bà-gia”, hoặc nói: “Cam lồ”, hoặc nói: “Sữa bò”. Người đó dùng

vô lượng tên của nước như vậy để nói cho đại chúng đó. Đây thiện nam! Như Lai cũng vậy, dùng một Thánh đạo vì các Thanh văn diễn nói đủ thứ, từ tín căn v.v... đến tám Thánh đạo. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như người thợ vàng dùng một thứ vàng mà tùy ý tạo tác đủ thứ vàng, như là kẹp, khóa, vòng, xuyên thoa cài tóc, khoen tai, mào ấn tay v.v... Tuy có sự sai biệt chẳng đồng như vậy nhưng chẳng lia vàng. Đây thiện nam! Như Lai cũng vậy, dùng một Phật đạo tùy theo các chúng sinh phân biệt đủ thứ vì họ mà diễn nói. Hoặc nói một thứ, như là chư Phật một đạo không hai; hoặc lại nói hai thứ, như là định, tuệ; lại nói ba thứ, như là kiến, tuệ, trí; lại nói bốn thứ, như là kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, Phật đạo; lại nói năm thứ, như là tín hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đạo, thân chứng đạo; lại nói sáu thứ, như là Tu-đà-hoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo, Phật-bích-chi đạo, Phật đạo; lại nói bảy thứ, như là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trừ giác phần, định giác phần, xả giác phần; lại nói tám thứ, đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; lại nói chín thứ, đó là tám thánh đạo và tín; lại nói mười thứ, đó là mười lực; lại nói mười một thứ, đó là mười lực và đại từ; lại nói mười hai thứ, đó là mười lực và đại từ, đại bi; lại nói mười ba thứ, đó là mười lực, đại từ, đại bi và niệm Phật Tam-muội; lại nói mười sáu thứ, đó là mười lực, đại từ, đại bi, niệm Phật Tam-muội và ba chánh niệm xứ sở đắc của Phật; lại nói hai mươi đạo, đó là mười lực, bốn vô sở úy, đại từ, đại bi, niệm Phật Tam-muội và ba chánh niệm xứ. Đây thiện nam! Đạo này là một thể, Như Lai ngày xưa vì chúng sinh nên phân biệt đủ thứ. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như nhân từ một thứ lửa đốt cháy lên mà được đủ thứ tên, như là lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa rơm, lửa phân trâu ngựa v.v... Đây thiện nam! Phật đạo cũng vậy, chỉ một không hai, nhưng vì chúng sinh nên phân biệt đủ thứ. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như một thứ thức mà phân biệt nói thành sáu thứ: Nếu đến với mắt thì gọi là nhãn thức... cho đến ý thức cũng như vậy. Đây thiện nam! Đạo cũng như vậy, chỉ một không hai, nhưng Như Lai vì giáo hóa các chúng sinh nên phân biệt ra đủ thứ. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như một sắc pháp mà mắt thấy thì gọi là sắc, tai nghe thì gọi

là thanh, mũi ngửi thì gọi là hương, lưỡi nếm thì gọi là vị, thân biết thì gọi là xúc. Đây thiện nam! Đạo cũng như vậy, chỉ một không hai, nhưng Như Lai vì muốn giáo hóa chúng sinh nên phân biệt ra đủ thứ. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên tám chánh đạo phật gọi là đạo Thánh đế. Đây thiện nam! Bốn Thánh đế này chư Phật Thế Tôn theo thứ lớp mà nói. Do nhân duyên này nên vô lượng chúng sinh đã được ra khỏi sinh tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Một thuở trước đây, Phật ở trong rừng Thi Thủ bên bờ sông Hằng, bấy giờ, Như Lai lấy một ít lá cây rồi bảo các Tỳ-kheo: “Số lá cầm trong tay Ta hôm nay nhiều hay số lá của tất cả cây cỏ mọc trên đất nhiều?”. Các thầy Tỳ-kheo bạch: “Thưa Thế Tôn! Số lá của tất cả cây cỏ mọc trên đất nhiều chẳng thể kể xiết, còn số lá mà Như Lai nắm trong tay thì ít chẳng đáng kể”. “Đây các Tỳ-kheo! Sự hiểu biết của Ta về tất cả pháp như những cỏ cây mọc khắp trên đất, nhưng những điều vì các chúng sinh tuyên nói thì như số lá nắm trong tay”. Bấy giờ, Thế Tôn nói lời như vậy là Ngài đã hiểu rõ vô lượng các pháp, nếu đã nhập vào bốn Thánh đế thì Thế Tôn đã nói, nếu chẳng vào thì cần có năm đế.

Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Điều hỏi của ông hôm nay có thể đem lại lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sinh. Đây thiện nam! Như vậy các pháp đều đã tóm thâu trong bốn Thánh đế.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Những pháp như vậy nếu ở trong bốn Thánh đế thì vì sao Như Lai xưng rằng, chẳng nói?

Đức Phật nói:

–Đây thiện nam! Tuy tóm thâu trong đó nhưng vẫn không gọi là nói. Vì sao? Đây thiện nam! Vì biết bốn Thánh đế có hai thứ trí, một là trung trí, hai là thượng trí. Trung trí là trí của Thanh văn, Duyên giác. Thượng trí là trí của chư Phật, Bồ-tát. Đây thiện nam! Biết các ấm là khổ thì gọi là trung trí. Phân biệt các ấm có vô lượng tướng, đều là các khổ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Đây thiện nam! Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác

Ta hoàn toàn chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết các nhập thì gọi là môn, cũng gọi là khổ, đó gọi là trung trí. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng đều là khổ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chưa nói đến. Nay thiện nam! Biết các giới thì gọi là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ, đó gọi là trung trí. Phân biệt các giới có vô lượng tướng đều là các khổ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, Ta đối với những kinh khác cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tướng hoại của sắc thì gọi là trung trí. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng đều là các khổ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tướng cảm giác của thọ thì gọi là trung trí. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng cảm giác thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tướng thủ của tướng thì gọi là trung trí. Phân biệt tướng đó có vô lượng tướng thủ thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tướng tạo tác của hành thì gọi là trung trí. Phân biệt hành này có vô lượng tướng tạo tác thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tướng phân biệt của thức thì gọi là trung trí. Phân biệt thức đó có vô lượng tướng biết thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết nhân duyên của ái có thể sinh ra năm ấm thì gọi là trung trí. Một người khởi lên vô lượng vô biên ái thì Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết. Nếu có thể biết hết các ái mà tất cả chúng sinh đã khởi lên như vậy thì gọi là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết diệt phiền não thì gọi là trung trí. Phân biệt phiền não chẳng thể xứng kể và diệt cũng như vậy, chẳng thể xứng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh

văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tướng của đạo đó có thể lìa khỏi phiền não thì gọi là trung trí. Phân biệt tướng đạo có vô lượng vô biên và sự xa lìa phiền não cũng vô lượng vô biên thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết thế đế thì gọi là trung trí. Phân biệt thế đế vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy, đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến. Nay thiện nam! Biết tất cả hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt là đệ nhất nghĩa thì gọi là trung trí. Biết đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên chẳng thể xưng kể thì chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác mà đó là thượng trí. Những nghĩa như vậy đối với các kinh khác Ta cũng chẳng nói đến.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đã nói về thế đế, đệ nhất nghĩa đế thì nghĩa ấy ra sao? Thưa Thế Tôn! Trong đệ nhất nghĩa có thế đế không? Trong thế đế có đệ nhất nghĩa không? Như trong ấy có thì tức là nhất đế. Như trong ấy không có thì lời nói của Như Lai chẳng phải là hư dối sao?

–Nay thiện nam! Thế đế tức là đệ nhất nghĩa đế.

–Thưa Thế Tôn! Nếu vậy thì không có hai đế.

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Có phương tiện khéo thuận theo chúng sinh thì nói có hai đế. Nay thiện nam! Nếu tùy thuận mà nói thì có hai thứ, một là pháp thế gian, hai là pháp xuất thế gian. Nay thiện nam! Như pháp mà người xuất thế biết thì gọi là đệ nhất nghĩa đế, mà của người đời biết thì gọi là thế đế. Nay thiện nam! Năm ấm hòa hợp thì với danh xưng gì đó. Phạm phu chúng sinh theo danh xưng ấy thì đó là thế đế. Hiểu rõ các ấm không có tên gọi gì hết, lìa khỏi các ấm cũng không có tên gọi gì hết. Người xuất thế có thể biết đúng như tánh tướng của nó thì gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, nay thiện nam! Hoặc lại có pháp có tên có thật, hoặc lại có pháp có tên không thật. Nay thiện nam!

Pháp có tên không thật tức là thế đế, pháp có tên có thật thì đó là đệ nhất nghĩa đế. Này thiện nam! Như ngã, chúng sinh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, trượng phu, tác giả, thọ giả, ánh nước khi nóng, ảo thành, lông rùa, sừng hổ, vòng lửa xoay, các ấm, giới, nhập v.v... thì gọi là thế đế. Khổ, tập, diệt, đạo gọi là đệ nhất nghĩa đế. Này thiện nam! Thế pháp có năm thứ, một là danh thế, hai là cú thế, ba là phước thế, bốn là pháp thế, năm là chấp trước thế. Này thiện nam! Sao gọi là danh thế? Trai, gái, bình, áo, xe cộ, nhà cửa v.v... những vật như vậy thì đó gọi là danh thế. Sao gọi là cú thế? Một bài kệ bốn câu. Những bài kệ như vậy v.v... thì gọi là cú thế. Sao gọi là phước thế? Vén cuốn, hợp lại, ràng buộc, câu kết, trói buộc, chấp tay v.v... đó gọi là phước thế. Sao gọi là pháp thế? Như đánh chùy tập hợp Tăng, tiếng trống nghiêm răn bảo binh sĩ, thổi tù và báo biết thời gian v.v... đó gọi là pháp thế. Sao gọi là chấp trước thế? Như trông xa thấy có người mặc nhiệm y thì sinh tư tưởng chấp trước rằng, chính là Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn. Thấy người có dây bện đeo ngang trên thân thì liền sinh ý niệm: chính là Bà-la-môn, chẳng phải Sa-môn. Đó gọi là chấp trước thế. Này thiện nam! Như vậy gọi là năm thứ pháp thế. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh đối với năm thứ pháp thế như vậy mà lòng không điên đảo, biết đúng như thật thì đó gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam! Hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại v.v... thì đó gọi là thế đế. Không đốt, không cắt, không chết, không hoại v.v... thì đó gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam! Có tám tướng khổ gọi là thế đế. Không sinh, không già, không bệnh, không chết, không ái biệt ly, không oán tắng hội, không cầu bất đắc, không năm ấm thịnh thì gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam! Ví như mỗi người có nhiều khả năng, nếu khi người ấy chạy thì gọi là người chạy, nếu khi người ấy cắt cỏ thì lại gọi là người cắt cỏ, nếu người ấy làm thức ăn uống thì gọi là người nấu ăn, nếu người ấy chế tác gỗ cây thì gọi là thợ mộc, khi luyện vàng bạc thì gọi là thợ vàng bạc. Như vậy một người có nhiều tên gọi, pháp cũng như vậy, kỳ thật là một mà có nhiều tên. Nương nhân cha mẹ hòa hợp mà sinh ra thì gọi là thế đế. Do mười hai nhân duyên hòa hợp mà sinh ra thì gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cái gọi là thật đế thì nghĩa ấy thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói thật đế thì đó là chân pháp. Này thiện nam! Nếu pháp chẳng phải chân thật thì chẳng gọi là chân đế. Này thiện nam! Thật đế thì không điên đảo mà không điên đảo thì mới gọi là thật đế. Này thiện nam! Thật đế thì không có hư vọng. Nếu có hư vọng thì chẳng gọi là thật đế. Này thiện nam! Thật đế thì đó là Đại thừa. Chẳng phải Đại thừa thì chẳng gọi là thật đế. Này thiện nam! Thật đế là lời nói của Phật, chẳng phải là lời nói của ma. Nếu là lời nói của ma, chẳng phải là lời nói của Phật thì chẳng gọi là Thật đế. Này thiện nam! Thật đế là một đạo thanh tịnh, không có hai. Này thiện nam! Có thường, có lạc, có ngã, có tịnh thì đó gọi là nghĩa của Thật đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu lấy chân thật làm thật đế thì pháp chân thật tức là Như Lai, hư không, Phật tánh. Nếu như vậy thì Như Lai, hư không cùng với Phật tánh không có sai biệt.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Có khổ có đế có thật, có tập có đế có thật, có diệt có đế có thật, có đạo có đế có thật. Này thiện nam! Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải đế mà là thật. Hư không chẳng phải khổ, chẳng phải đế mà là thật. Phật tánh chẳng phải khổ, chẳng phải đế mà là thật. Này Văn-thù-sư-lợi! Cái gọi là khổ là tướng vô thường, là tướng có thể đoạn. Đó là thật đế. Tánh của Như Lai chẳng phải khổ, chẳng phải vô thường, chẳng phải tướng có thể đoạn. Vậy nên Như Lai là thật. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Cái gọi là tập đế là có thể khiến cho năm ấm hòa hợp mà sinh ra, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường, là tướng có thể đoạn. Đó là thật tướng. Này thiện nam! Như Lai chẳng phải là tánh tập, chẳng phải là nhân ấm, chẳng phải tướng có thể đoạn. Vậy nên Như Lai là thật. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Này thiện nam! Cái gọi là diệt là phiền não diệt, cũng thường và vô thường. Sở đắc của Nhị thừa gọi là vô thường. Sở đắc của chư Phật thì gọi là thường, cũng gọi là chứng pháp. Đó là thật đế. Này thiện nam! Tánh của Như Lai chẳng gọi là diệt, có thể diệt phiền não, chẳng phải thường, vô thường, chẳng gọi là chứng biết, thường trụ không biến

đổi. Vậy nên Như Lai là thật. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Đây thiện nam! Đạo có thể đoạn phiền não, cũng thường, vô thường, là pháp có thể tu. Đó gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo có thể đoạn phiền não, chẳng phải thường, vô thường, chẳng phải pháp có thể tu mà thường trụ bất biến. Vậy nên là thật. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Lại nữa, đây thiện nam! Nói rằng chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là chân thật. Chân thật tức là hư không. Hư không tức là Chân thật. Chân thật tức là Phật tánh. Phật tánh tức là Chân thật. Đây Văn-thù-sư-lợi! Có khổ thì có nhân của khổ, có sự hết khổ, có sự đối trị của khổ mà Như Lai chẳng phải khổ... chẳng phải là đối trị của khổ. Vậy nên Như Lai là thật, chẳng gọi là đế. Hư không, Phật tánh cũng như vậy. Khổ là hữu vi, hữu lậu, không vui còn Như Lai chẳng phải hữu vi, chẳng phải hữu lậu, rốt ráo an vui, là thật chẳng phải là đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời nói của Phật, chẳng điên đảo thì gọi là thật đế. Nếu như vậy thì trong bốn đế có bốn điên đảo chẳng? Trong đó nếu có thì tại sao nói không có điên đảo, gọi là thật đế, còn tất cả điên đảo thì chẳng gọi là thật?

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Tất cả điên đảo đều đưa đến khổ đế. Như tất cả chúng sinh có lòng điên đảo thì gọi là điên đảo. Đây thiện nam! Ví như có người chẳng nghe lời dạy bảo của cha mẹ, bậc tôn trưởng, hay tuy có nghe mà chẳng thể thuận làm theo thì người như vậy gọi là điên đảo. Như vậy điên đảo chẳng phải là chẳng khổ mà tức là khổ.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như lời Phật nói, chẳng hư vọng tức là thật đế. Nếu vậy thì phải biết hư vọng chẳng phải thật đế.

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Tất cả hư vọng đều đưa đến khổ đế. Như có chúng sinh lừa dối người khác. Do nhân duyên này nên đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Những pháp như vậy v.v... thì gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng chẳng phải là chẳng khổ mà tức là khổ. Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn xa lìa những hành động đó nên chẳng gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng là đối tượng đoạn trừ của các Đức

Phật và hàng Nhị thừa nên gọi là thật đế.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như lời Phật nói, Đại thừa là thật đế, thì nên biết Thanh văn, Phật-bích-chi thừa là chẳng thật.

Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hàng Nhị thừa kia là thật cũng chẳng thật. Thanh văn, Duyên giác đoạn các phiền não thì gọi là thật. Vô thường chẳng thường trụ là pháp biến dịch thì đó gọi là chẳng thật.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như lời Phật nói, nếu lời nói của Phật gọi là thật thì nên biết lời nói của ma là chẳng thật. Thừa Thế Tôn! Như lời nói của ma thì có thuộc về Thánh đế không?

Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Lời nói của ma thì thuộc về hai đế là khổ và tập. Phạm là tất cả sự phi pháp, phi luật chẳng thể làm cho con người được lợi ích, dù cho trọn ngày tuyên nói cũng không có người thấy khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, thì đó gọi là hư vọng. Như vậy hư vọng thì gọi là lời nói của ma.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Như lời Phật nói, một đạo thanh tịnh, không có hai. Những ngoại đạo v.v... cũng lại nói: “Ta có một đạo thanh tịnh, không có hai”. Nếu nói rằng một đạo là thật đế thì cùng với ngoại đạo kia có gì sai biệt? Nếu không sai biệt thì chẳng nên nói rằng, một đạo thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Các ngoại đạo v.v... có khổ đế, tập đế, không có diệt đế và đạo đế. Chúng ở trong cái chẳng phải diệt mà sinh ra tưởng về diệt, ở trong cái chẳng phải đạo mà sinh ra tưởng về đạo, ở trong cái chẳng phải quả mà sinh ra tưởng về quả, ở trong cái chẳng phải nhân mà sinh ra tưởng về nhân. Do nghĩa này nên ngoại đạo kia không có một đạo thanh tịnh không hai.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Như lời Phật nói, có thường, có lạc, có ngã, có tịnh là thật nghĩa thì các ngoại đạo v.v... nên có thật đế, trong pháp Phật thì không. Vì sao? Vì những hạng ngoại đạo cũng lại nói rằng, các hành là thường.

Sao gọi là thường? Vừa ý hay chẳng vừa ý thì các nghiệp báo đều phải thọ nhận, chẳng mất. Vừa ý là quả báo của mười thiện, chẳng vừa ý là quả báo của mười điều bất thiện. Nếu nói rằng, các hành đều vô thường mà người tạo nghiệp ở đây đã diệt thì còn ai để thọ quả báo? Do nghĩa này nên các hành là thường, nhân duyên sát sinh gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Nếu nói rằng, các hành đều là vô thường thì người giết và đối tượng bị giết cả hai đều vô thường. Nếu vô thường thì ai ở địa ngục mà thọ tội báo. Nếu nói rằng, nhất định có người thọ báo ở địa ngục thì phải biết các hành thật chẳng phải vô thường. Thưa Thế Tôn! Buộc lòng chuyên niệm cũng gọi là thường như là điều nghĩ ngợi mười năm cho đến trăm năm cũng chẳng quên mất. Vậy nên đó là thường. Nếu vô thường thì việc thấy trước kia ai nhớ? Ai nghĩ? Do nghĩa này nên tất cả các hành chẳng phải là vô thường. Bạch Thế Tôn! Tất cả sự nhớ tưởng cũng gọi là thường. Có người lúc trước nhìn thấy các tướng chân, tay, đầu, cổ v.v... của người khác thì về sau nếu gặp liền nhớ biết lại người đó. Nếu vô thường thì tướng cũ nên diệt đi. Thưa Thế Tôn! Những nghiệp đã làm do tu tập lâu, hoặc mới theo học, hoặc trải qua ba năm hay trải qua năm năm v.v... rồi sau đó mới hiểu biết hoàn toàn nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Pháp tính toán, từ một đến hai, từ hai đến ba cho đến trăm ngàn. Nếu vô thường thì số một ban đầu nên diệt mà số một ban đầu nếu diệt thì cái gì lại đến hai? Như vậy là chỉ thường có một, không bao giờ có số hai. Do một chẳng diệt nên được đến hai cho đến trăm ngàn. Vậy nên gọi là thường. Thưa Thế Tôn! Như phép đọc tụng, tụng một A-hàm, đến hai A-hàm cho đến ba, bốn A-hàm. Như A-hàm ấy vô thường thì việc đọc tụng nhất định chẳng đến bốn. Do nhân duyên tăng trưởng việc đọc tụng đó nên gọi là thường. Thưa Thế Tôn! Bình, áo, xe cộ v.v... như người mắc nợ, hình tướng đất đai, núi, sông, cây, rừng, thảo dược, lá cây mà chúng sinh trị bệnh đều là thường cũng như vậy. Thưa Thế Tôn! Tất cả ngoại đạo đều nói lời này: “Các hành là thường”. Nếu đó là thường thì tức là thật đế. Thưa Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Có lạc”. Làm sao mà biết? Người thọ quả báo nhất định được vừa ý. Thưa Thế Tôn! Phạm người thọ lạc nhất định được sự an vui đó. Đó là vua trời Đại Phạm, trời Đại Tự Tại, Thích-đề-hoàn-nhân, trời Tỳ-nụ và những người, trời

khác. Do nghĩa này nên nhất định có lạc. Thưa Thế Tôn! Có các ngoại đạo nói: “Có lạc” có thể khiến cho chúng sinh sinh ra cầu mong, người đói cầu ăn, người khát cầu uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người mệt nhọc cầu nghỉ ngơi, người bệnh cầu khỏi bệnh, người tham dục cầu sắc v.v... Nếu không có lạc thì những người kia vì nhân duyên gì mà cầu? Do có người cầu nên biết là có lạc. Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Bố thí có thể được lạc. Người thế gian ưa bố thí cho Sa-môn, các Bà-la-môn, người bần cùng khốn khổ quần áo, thức ăn, thức uống, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh, voi, ngựa, xe cộ, hương bột, hương xoa, mọi thứ hoa, nhà cửa, chỗ ở, đèn sáng v.v... Họ ban cho đủ thứ như vậy v.v... là để cho đời sau của mình thọ được quả báo vừa ý. Vậy nên phải biết là nhất định có lạc”. Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Do nhân duyên nên phải biết là có lạc. Như là người thọ lạc thì có nhân duyên nên gọi là lạc xúc. Nếu người không có lạc thì làm sao được nhân duyên. Như không có sừng hổ thì không có nhân duyên. Có nhân duyên của lạc thì biết là có lạc”. Thưa Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Thọ lạc có thượng, trung, hạ nên phải biết là có lạc. Thọ lạc cấp thấp là Thích-đề-hoàn-nhân. Thọ lạc cấp trung là vua trời Đại Phạm. Thọ lạc cấp cao là trời Đại Tự Tại. Do có thượng, trung, hạ như vậy nên phải biết là có lạc”. Bạch Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Có tịnh. Vì sao? Nếu không có tịnh thì chẳng nên khởi dục, mà nếu khởi dục thì phải biết là có tịnh”. Họ lại nói: “Vàng, bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, chân châu, bích ngọc, kha bối, suối chảy, ao tắm, thức ăn, thức uống, quần áo, hoa hương, hương bột, hương xoa, ánh sáng đèn đuốc v.v... những vật như vậy đều là pháp tịnh. Lại nữa, có tịnh. Nghĩa là năm ấm là đồ tịnh chứa đựng các tịnh vật như là trời, người, các tiên, A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát, chư Phật. Do nghĩa này nên gọi năm ấm đó là tịnh”. Thưa Thế Tôn! Có các ngoại đạo lại nói: “Có ngã. Vì có sự nhìn thấy thì có thể tạo tác. Ví như có người vào nhà của người thợ gốm, tuy chẳng thấy thân người thợ gốm nhưng vì thấy bánh xe, sợi dây nên nhất định biết nhà ấy là nhà của người thợ gốm. Ngã cũng như vậy, mắt thấy sắc rồi thì nhất định biết có ngã. Nếu không có ngã thì ai có thể thấy sắc; nghe tiếng cho đến xúc pháp cũng như vậy. Lại nữa, làm sao biết được có ngã? Nhân

tướng nên biết, những gì là tướng? Hít thở, nhìn ngắm, thọ mạng, dấy tâm, thọ các khổ vui, tham cầu, sân hận v.v... những pháp như vậy đều là tướng của ngã. Vậy nên biết là nhất định có ngã. Lại nữa, có ngã thì có thể phân biệt vị. Có người ăn trái cây, mới nhìn thấy đã biết vị. Vậy nên phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Do nghề nghiệp chấp tác. Cầm liềm có thể cắt cỏ, cầm búa có thể bửa củi, cầm bình thì đựng nước, cầm xe thì có thể điều khiển v.v... những việc như vậy thì ngã có thể chấp tác. Vậy nên phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Ngay lúc sinh ra là muốn được bú sữa, là do tập khí đời trước. Do đó phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Hòa hợp lợi ích cho chúng sinh khác. Ví như bình, quần áo, xe cộ, ruộng, nhà, núi rừng, cây cối, voi, ngựa, trâu, dê v.v... Những vật như vậy nếu hòa hợp thì có lợi ích. Năm ấm bên trong này cũng như vậy, mắt v.v... các căn có hòa hợp thì tạo lợi ích cho ngã. Vậy phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Vì có pháp ngăn ngại. Như có vật thì có sự ngăn ngại, nếu vật không có thì không có ngăn ngại. Nếu có ngăn ngại thì biết là có ngã. Vậy nên phải biết nhất định là có ngã. Lại nữa, làm sao biết có ngã? Bạn - chẳng phải bạn, thân - chẳng phải thân cũng chẳng phải là bạn bè, chánh pháp - tà pháp cũng chẳng phải là bạn bè, trí cùng chẳng phải trí cũng chẳng phải bạn bè, Sa-môn - chẳng phải Sa-môn, Bà-la-môn - chẳng phải Bà-la-môn, con - chẳng phải con, ngày - chẳng phải ngày, đêm - chẳng phải đêm, ngã - chẳng phải ngã v.v... những pháp như vậy là bạn, chẳng phải bạn. Vậy nên phải biết nhất định là có ngã”. Bạch Thế Tôn! Những ngoại đạo v.v... đã bằng đủ cách để nói lên có thường, lạc, ngã, tịnh thì phải biết nhất định là có thường, lạc, ngã, tịnh. Thưa Thế Tôn! Do nghĩa này nên các ngoại đạo v.v... cũng có thể nói: “Ngã có chân đế”.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn có thường, có lạc, có ngã, có tịnh thì đó chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải Bà-la-môn. Vì sao? Vì mê ở sinh tử xa lìa bậc đại Đạo sư Nhất thiết trí. Những Sa-môn, Bà-la-môn như thế đắm chìm trong các dục, pháp thiện tổn hao. Những ngoại đạo này bị sự trói buộc tại ngục tù tham dục, sân hận, ngu

si mà vẫn cam chịu, yêu thích. Những ngoại đạo này tuy biết nghiệp quả, mình làm mình chịu nhưng mà còn chẳng thể xa lìa pháp ác. Những ngoại đạo này chẳng phải là tự sống bằng chánh pháp, chánh mạng. Vì sao? Vì không có lửa trí tuệ nên chẳng thể tiêu trừ. Những ngoại đạo này tuy tham đắm năm dục thượng diệu nhưng nghèo nàn pháp thiện, chẳng siêng tu tập. Những ngoại đạo này tuy muốn đi đến trong chánh giải thoát mà việc trì giới hoàn toàn chẳng thành tựu. Những ngoại đạo này tuy muốn cầu lạc mà chẳng thể cầu nhân duyên của lạc. Những ngoại đạo này tuy rất ghét tất cả những khổ nhưng hành động của họ chưa có thể xa lìa những nhân duyên của khổ. Những ngoại đạo này tuy bị sự trói buộc của rắn độc bốn đại nhưng còn hành động buông lung, chẳng thể cẩn thận. Những ngoại đạo này bị sự che phủ của vô minh, xa lìa bạn lành, ưa ở trong lửa lớn vô thường rực cháy của ba cõi mà chẳng thể ra khỏi. Những ngoại đạo này gặp những bệnh phiền não khó khởi mà lại chẳng cầu bậc lương y đại trí. Những ngoại đạo này vào đời vị lai sẽ phải lặn lội trên đường xa xôi, nguy hiểm vô biên mà chẳng biết dùng vốn liếng pháp thiện để tự trang nghiêm. Những ngoại đạo này thường bị tai họa thâm độc của dâm dục làm hại mà ngược lại còn ôm giữ rương chất độc năm dục. Những ngoại đạo này sân hận hừng hực mà lại gần gũi bạn ác. Những ngoại đạo này thường bị vô minh che phủ mà lại còn tìm kiếm pháp tà ác. Những ngoại đạo này thường bị tà kiến lừa dối mê hoặc mà lại còn ở trong đó sinh ra tư tưởng thân thiện. Những ngoại đạo này mong được ăn trái ngọt mà lại trồng hạt đắng. Những ngoại đạo này ở trong nhà tối phiền não mà lại xa lìa ánh sáng của ngọn đuốc đại trí. Những ngoại đạo này bị bệnh khát phiền não mà lại uống nước mặn các dục. Những ngoại đạo này chìm nổi trong dòng sông lớn sinh tử vô biên mà lại xa lìa người lái thuyền vô thượng. Những ngoại đạo này mê hoặc, điên đảo nói rằng các hành là thường. Các hành nếu là thường là không có điều đó.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XIII

Phẩm 19: THÁNH HẠNH 3

Này thiện nam! Ta xem các hành đều là vô thường. Làm sao biết được? Vì do nhân duyên. Nếu có các pháp từ nhân duyên sinh ra thì biết là vô thường. Các ngoại đạo đó không có một pháp nào mà chẳng từ nhân duyên sinh. Này thiện nam! Phật tánh không sinh, không diệt, không đi, không lại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng phải do tạo tác, chẳng phải không do tạo tác, chẳng phải tạo tác, chẳng phải tác giả, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải có danh, chẳng phải không danh, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải sự thấu giữ của ấm, giới, nhập. Vậy nên gọi là thường. Này thiện nam! Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là pháp, pháp tức là thường. Này thiện nam! Thường tức là Như Lai, Như Lai tức là Tăng, Tăng tức là thường. Do nghĩa này nên pháp từ nhân duyên sinh chẳng gọi là thường. Các ngoại đạo này không có một pháp nào mà chẳng từ nhân duyên sinh. Này thiện nam! Những ngoại đạo này chẳng thấy Phật tánh, Như Lai và Pháp. Vậy nên lời nói của ngoại đạo này đều là nói dối, không có chân đế. Những người phạm phu trước thấy bình, quần áo, xe cộ, nhà cửa, thành quách, sông nước, núi rừng, nam nữ, voi ngựa, trâu dê v.v... rồi sau thấy tướng tự thì liền nói rằng thường. Phải biết thật ra những cái ấy chẳng phải là thường. Này thiện nam! Tất cả hữu vi đều là vô thường. Hư không thì vô vi, vậy nên là thường. Phật tánh thì vô vi, vậy nên là thường. Hư không tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là vô vi, vô vi tức là thường. Này thiện nam! Pháp hữu vi gồm có hai thứ là sắc pháp và phi sắc pháp. Phi sắc pháp là tâm, tâm số pháp. Sắc pháp là đất, nước, gió, lửa. Này thiện nam! Tâm gọi là vô

thường. Vì sao? Vì tánh của nó vin vào duyên mà tương ứng, phân biệt. Đây thiện nam! Tánh nhân thức khác cho đến tánh ý thức khác. Vậy nên vô thường. Đây thiện nam! Cảnh giới của sắc khác cho đến cảnh giới của pháp khác. Vậy nên vô thường. Đây thiện nam! Tương ứng của nhân thức khác cho đến tương ứng của ý thức khác. Vậy nên vô thường. Đây thiện nam! Tâm nếu thường thì nhân thức đáng lẽ duyên với tất cả các pháp. Đây thiện nam! Nếu nhân thức khác cho đến ý thức khác thì biết là vô thường. Do pháp tương tự mà từng niệm, từng niệm sinh diệt nên người phàm phu thấy rồi cho đó là thường. Đây thiện nam! Các tướng nhân duyên có thể tan hoại nên cũng gọi là vô thường. Như là nhân mắt, nhân màu sắc, nhân ánh sáng, nhân suy nghĩ mà sinh ra nhân thức. Khi nhĩ thức sinh thì các nhân duyên đều khác, chẳng phải là nhân duyên của nhân thức cho đến sự khác của ý thức cũng như vậy. Lại nữa, đây thiện nam! Nhân duyên của các hành hoại nên tâm gọi là vô thường. Như là tâm tu vô thường khác, tâm tu khổ, không, vô ngã khác. Tâm nếu thường thì nên dùng thường tu vô thường mà còn chẳng được dùng để quan sát khổ, không, vô ngã huống là lại được dùng để quan sát thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong pháp của ngoại đạo chẳng thể thâm dụng thường, lạc, ngã, tịnh. Đây thiện nam! Ông phải biết, tâm pháp nhất định là vô thường. Lại nữa, đây thiện nam! Tâm tánh khác nên gọi là vô thường. Như là tâm tánh của Thanh văn khác, tâm tánh của Duyên giác khác, tâm tánh của chư Phật khác. Tâm của tất cả ngoại đạo có ba thứ: một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm tại viễn ly. Tâm tương ứng với lạc khác, tâm tương ứng với khổ khác, tâm tương ứng với chẳng khổ chẳng lạc khác, tâm tương ứng với tham dục khác, tâm tương ứng với sân hận khác, tâm tương ứng với ngu si khác, tâm tương ứng với nghi hoặc khác, tâm tương ứng với tà kiến khác, oai nghi đi đứng tâm ấy cũng khác. Đây thiện nam! Tâm nếu thường thì cũng lại chẳng thể phân biệt các sắc như là màu xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Đây thiện nam! Nếu tâm thường thì các pháp nhớ nghĩ đáng lẽ chẳng quên mất. Đây thiện nam! Tâm nếu thường thì sự đọc tụng đáng lẽ chẳng tăng trưởng. Lại nữa, đây thiện nam! Tâm nếu thường thì chẳng nên nói rằng đã làm, đang làm và sẽ làm. Nếu có cái đã làm, đang làm và sẽ làm thì phải biết rằng là

tâm nhất định vô thường. Nay thiện nam! Tâm nếu thường thì không oán, không thân, chẳng phải oán, chẳng phải thân. Tâm nếu thường thì chẳng nên nói rằng, vật của ta hay vật của người khác, hoặc tử hay sinh. Tâm nếu thường thì tuy có sở tác nhưng chẳng nên tăng trưởng. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên phải biết tánh của tâm mỗi mỗi đều khác biệt, mà có khác biệt thì phải biết là vô thường. Nay thiện nam! Ta nay ở trong pháp chẳng phải sắc này, diễn nói vô thường, nghĩa ấy đã rõ, lại phải vì ông nói sắc vô thường. Sắc này vô thường vốn không có sinh, vì sinh đã diệt. Khi phôi bào ở trong thai thì vốn không có sinh, vì sinh đã biến đổi. Bên ngoài, mầm chồi, thân cây vốn cũng không sinh, vì sinh đã biến đổi. Vậy phải biết tất cả sắc pháp đều vô thường. Nay thiện nam! Cái sắc có bên trong tùy lúc mà biến đổi, khi thai bảy ngày khác, khi thai hai tháng bảy ngày khác, khi thai ba tháng bảy ngày khác, khi thai năm tháng bảy ngày khác, khi thành bào thai khác, khi mới sinh khác, khi con trẻ khác, khi đồng tử khác cho đến khi già, mỗi mỗi đều đổi khác. Cái sắc bên ngoài cũng như vậy, mầm chồi khác, thân khác, cành khác, lá khác, hoa khác, trái khác. Lại nữa, này thiện nam! Bào thai ở trong cũng khác, từ khi phôi bào cho đến già, mỗi mỗi đều biến đổi. Vị bên ngoài cũng vậy, mầm, thân, cành, lá, hoa, quả, vị đều khác. Khi phôi bào thì lực khác cho đến khi già thì lực cũng khác. Khi phôi bào thì hình dáng khác cho đến khi già thì hình dáng cũng khác. Khi phôi bào thì quả báo khác cho đến khi già thì quả báo cũng khác. Khi phôi bào thì tên gọi khác... cho đến khi già thì tên gọi cũng khác. Cái gọi là sắc bên trong hoại rồi thì trở lại hòa hợp nên biết là vô thường. Những cây cối bên ngoài cũng hoại rồi trở lại hợp, nên biết là vô thường. Theo thứ lớp mà sinh ra dần dần, nên biết là vô thường. Theo thứ lớp sinh ra, từ khi phôi bào cho đến khi già, theo thứ lớp sinh ra, từ mầm chồi cho đến trái, hạt. Vậy nên biết là vô thường. Các sắc có thể diệt, nên biết là vô thường. Khi phôi bào diệt khác cho đến khi già diệt khác, khi mầm chồi diệt khác cho đến khi quả trái diệt khác. Vậy nên biết là vô thường. Kẻ phàm phu vô trí thấy tương tự thì chấp cho là thường. Do nghĩa này nên gọi là vô thường, mà nếu vô thường thì tức là khổ, mà nếu là khổ thì tức là bất tịnh. Nay thiện nam! Ta nhân ông Ca-diếp trước hỏi việc này mà trả lời như thế.

Lại nữa, này thiện nam! Các hành vô ngã. Này thiện nam! Tóm lại, tất cả các pháp gọi là sắc chẳng phải sắc, sắc chẳng phải ngã. Vì sao? Vì sắc có thể phá, có thể hoại, có thể xé, có thể bẻ, có sinh ra, có tăng trưởng, còn ngã thì chẳng thể phá, hoại, xé, bẻ và sinh trưởng. Do nghĩa này nên biết sắc chẳng phải ngã. Pháp chẳng phải sắc cũng lại chẳng phải ngã. Vì sao? Vì nhân duyên. Này thiện nam! Nếu các ngoại đạo do chuyên niệm nên biết có ngã thì tánh của chuyên niệm thật chẳng phải là ngã. Nếu dùng chuyên niệm làm tánh của ngã thì việc của quá khứ có quên mất, mà có quên mất nên nhất định biết là vô ngã. Này thiện nam! Nếu các ngoại đạo do tưởng nhớ nên biết có ngã thì không nhớ tưởng nên nhất định biết là vô ngã. Như nói, thấy người tay có sáu ngón liền hỏi, ta trước gặp nhau ở đây vậy? Nếu có ngã thì chẳng nên hỏi, mà đã hỏi nhau nên nhất định biết là vô ngã. Này thiện nam! Nếu các ngoại đạo do có chướng ngại nên biết có ngã thì Này thiện nam! Do có chướng ngại nên nhất định biết là vô ngã. Như nói, Điều-đạt nhất định chẳng nói rằng chẳng phải Điều-đạt. Ngã cũng như vậy, nếu nhất định là ngã thì nhất định chẳng chướng ngại ngã. Do chướng ngại ngã nên nhất định biết là vô ngã. Nếu do chướng ngại nên biết có ngã thì ông hôm nay chẳng chướng ngại nên nhất định vô ngã. Này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là bạn chẳng phải bạn nên biết có ngã thì do không bạn đáng lẽ không có ngã. Có pháp không bạn, như là Như Lai, hư không, Phật tánh. Ngã cũng như vậy, thật không có bạn. Do nghĩa này nên nhất định biết là vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là do tên gọi nên biết có ngã thì trong pháp vô ngã cũng có tên của ngã, như người nghèo hèn có tên gọi là Giàu Sang. Như nói rằng, tôi chết. Nếu tôi chết thì tôi giết tôi, mà thật ra tôi chẳng thể giết tôi, giả gọi giết tôi, cũng như người thấp mà tên là Cao. Do nghĩa này nên nhất định biết là vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là vì khi sinh đời bú nên biết là có ngã, thì này thiện nam, nếu có ngã thì tất cả trẻ con chẳng nên bốc lấy phân bắn, lửa, rắn, thuốc độc. Do nghĩa này nên nhất định biết là vô ngã. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả chúng sinh đối với ba pháp đều có sự hiểu biết như nhau, đó là dâm dục, ăn uống, sợ hãi. Vậy nên có ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là do tưởng mạo nên biết

có ngã thì này thiện nam! Vì có tướng mạo nên vô ngã mà vô tướng nên cũng vô ngã. Như khi người ngủ, chẳng thể tiến, dừng, cúi, ngửa, nhìn ngó, chẳng biết khổ, vui thì lẽ ra chẳng có ngã. Nếu do tiến, dừng, cúi, ngửa, nhìn ngó mà biết có ngã thì người gõ máy lẽ ra cũng có ngã. Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, chẳng tiến, chẳng dừng, chẳng cúi, chẳng ngửa, chẳng nhìn, chẳng ngó, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, chẳng hành. Như Lai như vậy là chân thật có ngã. Lại nữa, này thiện nam! Nếu các ngoại đạo cho là do thấy người khác ăn trái cây mà trong miệng chảy nước miếng nên biết là có ngã. Này thiện nam! Do nhớ nghĩ nên thấy thì chảy nước miếng, mà nước miếng chẳng phải là ngã, ngã cũng chẳng phải nước miếng, chẳng phải vui, chẳng phải buồn, chẳng phải cười, chẳng phải khóc, chẳng phải nằm, chẳng phải dậy, chẳng phải đói, chẳng phải no. Do nghĩa này nên nhất định biết là vô ngã. Này thiện nam! Những ngoại đạo này si dại như đứa trẻ con không phương tiện, trí tuệ, chẳng thể thông đạt thường cùng vô thường, khổ – lạc, tịnh – bất tịnh, ngã – vô ngã, thọ mạng – chẳng phải thọ mạng, chúng sinh – chẳng phải chúng sinh, thật – chẳng phải thật, có – chẳng phải có. Ở trong pháp Phật, họ lấy được chút ít nên hư vọng chấp là có thường, lạc, ngã, tịnh mà thật chẳng biết thường, lạc, ngã, tịnh. Như người mù bầm sinh chẳng biết màu của sữa liền hỏi người khác: “Màu sữa giống màu gì?”. Người khác đáp: “Màu trắng như vỏ sò”. Người mù lại hỏi: “Màu sữa này như tiếng vỏ sò sao?”. Đáp: “Chẳng phải vậy”. Lại hỏi: “Màu vỏ sò giống cái gì?”. Đáp: “Giống như hạt gạo lúa nước”. Người mù lại hỏi: “Màu sữa mềm mại như hạt gạo lúa nước sao? Hạt gạo lúa nước thì lại tương tự cái gì?”. Đáp: “Giống như mưa tuyết”. Người mù lại nói: “Hạt gạo lúa nước kia lạnh như tuyết sao? Tuyết lại tương tự cái gì?”. Đáp: “Giống như con hạc trắng”. Người mù bầm sinh tuy nghe bốn thứ ví dụ như vậy nhưng nhất định chẳng thể biết được màu sắc chân thật của sữa. Những ngoại đạo này cũng như vậy, nhất định chẳng thể nhận thức được thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Do nghĩa này nên ngã, trong pháp Phật, có chân đế chứ chẳng phải ở trong ngoại đạo.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Thế Tôn! Như Lai đến hôm nay sắp Bát-

niết-bàn mới lại chuyển pháp luân vô thượng, mới phân biệt chân đế như vậy.

Đức Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Ông nay sao lại còn đối với Như Lai sinh tưởng Niết-bàn? Đây thiện nam! Như Lai chân thật là thường trụ bất biến, chẳng Bát-niết-bàn. Đây thiện nam! Nếu có người cho Ta là Phật, Ta thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta tức là Pháp, Pháp là của Ta, Ta tức là Đạo, Đạo là của Ta, Ta tức là Thế Tôn, Thế Tôn là của Ta, Ta tức là Thanh văn, Thanh văn là của Ta, Ta có thể nói pháp khiến cho người khác nghe thọ, Ta chuyển pháp luân còn người khác chẳng thể chuyển v.v... thì Như Lai nhất định chẳng chấp như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Hoặc có người vọng chấp như vậy: “Ta tức là mắt, mắt là của ta; tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Ta tức là sắc, sắc là của ta cho đến pháp cũng như vậy. Ta tức là đất, đất là của ta; nước, lửa, gió cũng như vậy. Đây thiện nam! Hoặc có người nói, ta tức là tín, tín là của ta; ta là đa văn, đa văn là của ta; ta là Thí Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật là của ta; ta là Giới Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật là của ta; ta là Nhẫn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật là của ta; ta là Tinh tấn Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật là của ta; ta là Thiền Ba-la-mật, Thiền Ba-la-mật là của ta; ta là Bát nhã Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật là của ta; ta là Bốn niệm xứ, Bốn niệm xứ là của ta; Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, tám thánh đạo cũng như vậy. Đây thiện nam! Như Lai nhất định chẳng chấp như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng chuyển pháp luân. Đây thiện nam! Nếu nói, thường trụ không có biến dịch thì sao nói rằng, Phật chuyển pháp luân? Vậy ông chẳng nên nói rằng, Như Lai theo phương tiện chuyển pháp luân vô thượng. Đây thiện nam! Ví như mắt nhân duyên với sắc, duyên với ánh sáng, duyên với tư duy rồi nhân duyên hòa hợp mà sinh ra nhãn thức. Đây thiện nam! Mắt chẳng nghĩ rằng, ta có thể sinh ra thức. Sắc cho đến tư duy nhất định chẳng nghĩ rằng, ta sinh ra nhãn thức. Nhãn thức cũng chẳng nghĩ rằng, ta có thể tự sinh ra. Đây thiện nam! Những pháp như vậy do nhân duyên hòa hợp được gọi là thấy. Đây thiện nam! Như Lai cũng vậy, nhờ sáu Ba-la-mật, Ba mươi bảy pháp trợ đạo Bồ-đề hiểu biết rõ các pháp, lại nhờ yết hầu, lưỡi, răng, môi,

miệng, lời nói, âm thanh để vì ông Kiều-trần-như nói pháp đầu tiên, gọi là chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng gọi là chuyển pháp luân. Nay thiện nam! Nếu chẳng chuyển thì gọi là Pháp, mà Pháp tức là Như Lai. Nay thiện nam! Ví như nhân đồ lấy lửa, nhân cái dùi, nhân tay, nhân phân bò khô mà sinh ra được lửa, đồ lấy lửa cũng chẳng nói rằng, mình có thể sinh ra lửa. Cái dùi, tay, phân bò khô đều chẳng nghĩ rằng, mình có thể sinh ra lửa. Lửa cũng chẳng nói rằng, mình có thể tự sinh ra. Như Lai cũng vậy, nhân sáu pháp Ba-la-mật cho đến Kiều-trần-như thì gọi là chuyển pháp luân. Như Lai cũng lại chẳng sinh ý nghĩ rằng, Ta chuyển pháp luân. Nay thiện nam! Nếu chẳng sinh ý nghĩ đó thì gọi là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Nay thiện nam! Ví như nhân kem sữa, nhân nước, nhân khuấy đảo, nhân bình, nhân sợi dây, nhân tay người nắm lấy mà được có ra bơ sữa, mà kem sữa cũng chẳng nói rằng, mình có thể tự có ra. Cho đến tay của người cũng chẳng có thể nghĩ rằng mình có thể sinh ra bơ sữa. Bơ sữa cũng chẳng nói rằng mình có thể tự sinh. Do mọi duyên hòa hợp nên được có bơ sữa. Như Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, mình chuyển pháp luân. Nay thiện nam! Nếu chẳng khởi ý nghĩ ấy thì gọi là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Nay thiện nam! Ví như nhân hạt giống, nhân đất, nhân nước, nhân lửa, nhân gió, nhân phân, nhân thời tiết, nhân con người làm việc mà mầm được sinh ra, mà hạt giống cũng chẳng nghĩ rằng, mình có thể sinh ra mầm. Mầm cũng chẳng nghĩ rằng, mình có thể tự sinh ra. Như Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, mình chuyển pháp luân. Nay thiện nam! Nếu chẳng khởi ý nghĩ ấy thì gọi là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân này tức là Như Lai. Nay thiện nam! Ví như nhân cái trống, nhân hư không, nhân da, nhân con người, nhân dùi trống hòa hợp phát ra tiếng, mà trống chẳng nghĩ rằng, mình có thể phát ra tiếng cho đến cái dùi trống cũng như vậy. Tiếng cũng chẳng nghĩ rằng, ta có thể tự sinh ra. Nay thiện nam! Như Lai cũng vậy, nhất định chẳng nghĩ rằng, mình chuyển pháp luân. Nay thiện nam! Chuyển pháp luân thì gọi là chẳng làm, mà chẳng làm thì tức là chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân tức là Như Lai. Nay thiện nam! Chuyển pháp luân thì mới là cảnh giới của chư Phật Thế Tôn, chẳng

phải là sự hiểu biết của các Thanh văn, Duyên giác. Đây thiện nam! Hư không chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tác, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Như Lai cũng vậy, chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tác, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Như Như Lai tánh, Phật tánh cũng vậy, chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải tác, chẳng phải tạo, chẳng phải pháp hữu vi. Đây thiện nam! Lời nói của chư Phật Thế Tôn có hai thứ, một là lời nói thế gian, hai là lời nói xuất thế gian. Đây thiện nam! Như Lai vì những Thanh văn, Duyên giác nói ra lời nói thế gian, vì các Bồ-tát nói lời xuất thế gian. Đây thiện nam! Những đại chúng này lại có hai hạng, một là hạng cầu Tiểu thừa, hai là hạng cầu Đại thừa. Ta ngày trước, ở thành Ba-la-nại vì các Thanh văn chuyển pháp luân. Hôm nay, bắt đầu ở thành Câu-thi-na này ta vì các Bồ-tát chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Lại có hai hạng người là người trung căn và người thượng căn. Ta vì người trung căn ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân. Ta vì người thượng căn, hạng vương tượng trong loài người, như Bồ-tát Ca-diếp v.v... nay ở thành Câu-thi-na chuyển đại pháp luân. Đây thiện nam! Kẻ hạ căn cùng cực thì Như Lai nhất định chẳng vì họ mà chuyển pháp luân. Người hạ căn cùng cực tức là Nhất-xiển-đề. Lại nữa, này thiện nam! Người cầu Phật đạo lại có hai hạng, một là hạng trung tinh tấn, hai là hạng thượng tinh tấn. Ở thành Ba-la-nại, Ta vì hạng trung tinh tấn mà chuyển pháp luân. Hôm nay ở thành Câu-thi-na này, Ta vì hạng thượng tinh tấn mà chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Ngày trước, ở thành Ba-la-nại kia, lần đầu tiên Ta chuyển pháp luân thì tám vạn trời, người được quả Tu-đà-hoàn. Hôm nay, ở thành Câu-thi-na này, có tới tám mươi vạn ức người chẳng thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, này thiện nam! Ở thành Ba-la-nại vua trời Đại Phạm cúi đầu thỉnh Ta chuyển pháp luân. Hôm nay, ở thành Câu-thi-na này, Bồ-tát Ca-diếp cúi đầu thỉnh Ta chuyển đại pháp luân. Lại nữa, này thiện nam! Thuở trước, ở thành Ba-la-nại kia, khi Ta chuyển pháp luân thì nói về vô thường, khổ, không, vô ngã. Hôm nay, ở thành Câu-thi-na này, khi Ta chuyển pháp luân thì nói về thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Thuở trước, ở thành Ba-la-nại kia, khi

Ta chuyển pháp luân thì âm thanh phát ra vang đến cõi trời Đại Phạm. Hôm nay, ở thành Câu-thi-na này, khi Như Lai chuyển pháp luân thì âm thanh phát ra vang khắp thế giới chư Phật nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng ở phương Đông; phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới cũng như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn phàm có nói ra điều gì đều gọi là chuyển pháp luân. Này thiện nam! Ví như Thánh vương có bánh xe báu thì có thể hàng phục người chưa hàng phục, kẻ đã hàng phục thì có thể khiến cho yên ổn. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn phàm đã nói pháp thì cũng giống như vậy, người có vô lượng phiền não chưa điều phục thì có thể khiến cho điều phục, người đã điều phục thì khiến sinh thiện căn. Này thiện nam! Ví như Thánh vương có bánh xe báu thì có thể tiêu diệt tất cả oán tặc. Như Lai diễn pháp cũng như vậy, có thể khiến cho tất cả giặc phiền não đều tịch tịnh hết. Lại nữa, này thiện nam! Ví như Thánh vương có bánh xe báu vận chuyển lên xuống. Như Lai nói pháp cũng như vậy, có thể khiến cho những chúng sinh ác ở cõi dưới sinh lên cõi người, trời cho đến Phật đạo. Này thiện nam! Vậy ông chẳng nên khen, Như Lai ở đây lại chuyển pháp luân.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đối với nghĩa này chẳng phải là chẳng biết. Sở dĩ con hỏi là muốn tạo lợi ích cho các chúng sinh. Thưa Thế Tôn! Con từ lâu đã biết, chuyển pháp luân quả thật là cảnh giới của chư Phật Thế Tôn, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng theo kịp.

Lúc này, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Đó gọi là việc làm Thánh hạnh của Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lại do ý nghĩa gì nên gọi là Thánh hạnh?

–Này thiện nam! Thánh là gọi chư Phật Thế Tôn. Do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh.

–Thưa Thế Tôn! Nếu là sở hành của các Đức Phật thì chẳng phải là hạnh có thể tu hành của hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát.

–Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn đó an trụ ở Đại Bát Niết Bàn này mà làm như vậy là để khai thị, phân biệt, diễn nói nghĩa ấy. Do

nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh. Hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát nghe như vậy rồi có thể phụng hành nên gọi là Thánh hạnh. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát này được hạnh đó rồi thì trụ ở địa không sợ hãi. Nay thiện nam! Nếu có Bồ-tát trụ ở địa không sợ hãi như vậy thì chẳng còn sợ tham dục, sân hận, ngu si, già, bệnh, chết nữa, cũng lại chẳng sợ những đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nay thiện nam! Ác có hai thứ, một là A-tu-la, hai là trong loài người. Trong loài người có ba loại ác, một là Nhất-xiển-đề, hai là bài báng kinh điển Phương Đẳng, ba là phạm bốn trọng cấm. Nay thiện nam! Trụ ở trong địa này, các Bồ-tát v.v... nhất định chẳng sợ rơi vào trong những đường ác như vậy; cũng lại chẳng sợ Sa-môn, Bà-la-môn, ngoại đạo tà kiến, ma Ba-tuần, cũng lại chẳng sợ sinh ở hai mươi lăm cõi. Vậy nên địa này gọi là không sợ hãi. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở địa không sợ hãi được hai mươi lăm Tam-muội làm hoại hai mươi lăm cõi. Nay thiện nam! Các Bồ-tát ấy được Tam-muội Vô cấu có thể hoại cõi Địa ngục, được Tam-muội Vô thoái có thể hoại cõi Súc sinh, được Tam-muội Tâm lạc có thể hoại cõi Ngạ quỷ, được Tam-muội Hoan hỷ có thể hoại cõi A-tu-la, được Tam-muội Nhật quang có thể đoạn cõi Phất-bà-đề, được Tam-muội Nguyệt quang có thể đoạn cõi Cù-đà-ni, được Tam-muội Nhiệt viêm có thể đoạn cõi Uất-đan-việt, được Tam-muội Như huyễn có thể đoạn cõi Diêm-phù-đề, được Tam-muội Nhất thiết pháp bất động có thể đoạn cõi Tứ Thiên Xứ, được Tam-muội Nan phục có thể đoạn cõi trời Tam Thập Tam, được Tam-muội Duyệt ý có thể đoạn cõi trời Diệm Ma, được Tam-muội Thanh sắc có thể đoạn cõi trời Đâu Suất suất, được Tam-muội Hoàng sắc có thể đoạn cõi trời Hóa Lạc, được Tam-muội Xích sắc có thể đoạn cõi trời Tha Hóa Tự Tại, được Tam-muội Bạch sắc có thể đoạn cõi Sơ Thiên, được Tam-muội Chủng chủng có thể đoạn cõi Phạm Thiên Vương, được Tam-muội Song có thể đoạn cõi Nhị Thiên, được Tam-muội Lôi âm có thể đoạn cõi Tam Thiên, được Tam-muội Chú vũ có thể đoạn cõi Tứ Thiên, được Tam-muội Như hư không có thể đoạn cõi Vô Tưởng, được Tam-muội Chiếu cảnh có thể đoạn cõi Tịnh Cư A Na Hàm, được Tam-muội Vô ngại có thể đoạn cõi Không Xứ, được Tam-muội Thường có thể đoạn cõi Thức Xứ, được Tam-muội Lạc có thể đoạn cõi Bất Dụng Xứ, được Tam-muội Ngã có

thể đoạn cõi Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Nay thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát được hai mươi lăm Tam-muội đoạn trừ hai mươi lăm cõi. Nay thiện nam! Hai mươi lăm Tam-muội như vậy gọi là những vua Tam-muội. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát nhập vào những vua Tam-muội như vậy, nếu muốn thổi tan núi Tu-di thì có thể theo ý mình, muốn biết ý nghĩ trong lòng của những chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới cũng có thể biết hết, muốn đem số chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới để vào trong một lỗ chân lông của thân mình thì có thể theo ý mình mà cũng khiến cho chúng sinh không có cảm tưởng bị dồn ép, muốn hóa làm vô lượng chúng sinh khiến cho đầy ấp trong ba ngàn đại thiên thế giới thì cũng có thể làm theo ý mình, có thể phân chia một thân ra làm nhiều thân, rồi lại hợp nhiều thân làm một thân. Bồ-tát tuy làm như vậy nhưng lòng không có sự chấp trước giống như hoa sen. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát được nhập vào những vua Tam-muội như vậy rồi liền được trụ ở địa Tự tại. Bồ-tát trụ ở địa Tự tại này được sức tự tại, tùy theo chỗ muốn sinh liền được vãng sinh. Nay thiện nam! Ví như vị Thánh vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, đi đâu tùy ý không có chướng ngại. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tất cả chỗ nào nếu muốn sinh thì theo ý vãng sinh. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát nếu thấy tất cả chúng sinh của địa ngục có thể giáo hóa khiến cho trụ ở thiện căn thì Bồ-tát liền vãng sinh vào trong ấy. Bồ-tát tuy sinh nhưng chẳng phải do nghiệp quả xưa mà do nhân duyên lực trụ địa Tự tại của Đại Bồ-tát nên sinh ra trong địa ngục ấy. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tuy ở tại địa ngục nhưng chẳng chịu những khổ như thân rục cháy, tan nát v.v... Nay thiện nam! Đại Bồ-tát đã thành tựu công đức vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức như vậy còn chẳng thể kể xiết, huống gì là công đức của chư Phật mà có thể nói được!

Bấy giờ, trong chúng có một vị Bồ-tát tên là Vô Cấu Tạng Vương, có đại oai đức, thành tựu thần thông, được Tam-muội Đại tổng trì đầy đủ, được vô sở úy, liền đứng dậy, trích áo vai phải, gối phải đặt xuống đất, quỳ thẳng, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, công đức, trí tuệ mà chư Phật, Bồ-tát đã thành tựu vô lượng vô biên, trăm ngàn vạn ức thật chẳng thể kể xiết, nhưng theo ý con vẫn cho là chẳng bằng kinh điển Đại Thừa

này. Vì sao? Vì nhân vào sức của kinh Đại Thừa Phương Đẳng này có thể sinh quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật Thế Tôn.

Đức Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng tuy thành tựu vô lượng công đức nhưng muốn sánh kinh này bằng thí dụ thì chẳng được, dù được nhân lên trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn vạn ức lần cho đến thí dụ tính toán thì cũng chẳng thể bì kịp. Này thiện nam! Ví như từ bò cho ra sữa, từ sữa ra váng sữa, từ váng sữa ra kem sữa, từ kem sữa ra bơ, từ bơ sữa ra đề hồ. Đề hồ là tối thượng, nếu có người uống thì mọi bệnh đều tiêu trừ, các thuốc đều sẵn có trong đề hồ ấy. Này thiện nam! Phật cũng như vậy, từ Phật sinh ra mười hai bộ loại kinh điển, từ mười hai bộ loại kinh điển sinh ra Tu-đa-la, từ Tu-đa-la sinh ra kinh Phương Đẳng, từ kinh Phương Đẳng sinh ra Bát nhã Ba-la-mật, từ Bát nhã Ba-la-mật sinh ra Đại Niết-bàn, giống như đề hồ. Đề hồ là dụ cho Phật tánh mà Phật tánh tức là Như Lai. Này thiện nam! Do nghĩa này nên nói rằng, công đức của Như Lai nhiều vô lượng vô biên chẳng thể kể xiết.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật khen, kinh Đại Niết-bàn giống như đề hồ tối thượng vi diệu. Nếu có người được uống thì mọi bệnh đều tiêu trừ, tất cả các thuốc đều có trong ấy. Con nghe thế rồi lại trộm suy nghĩ, nếu có người chẳng thể nghe thọ kinh này thì phải biết rằng, người này là kẻ đại ngu si, không có tâm thiện. Thưa Thế Tôn! Hôm nay con thật có thể chịu lột da làm giấy, chích máu làm mực, dùng tủy làm nước, bẻ xương làm bút để ghi chép kinh Đại Niết-bàn này, chép rồi đọc tụng cho thông suốt. Rồi sau đó vì người khác mà diễn nói rộng rãi nghĩa của kinh ấy. Bạch Thế Tôn! Nếu có chúng sinh tham đắm của cải thì con sẽ cho của cải, rồi sau đó dùng kinh Đại Niết-bàn này khuyên họ đọc tụng. Nếu người tôn quý thì con trước dùng lời ái ngữ, thuận theo ý của họ, rồi sau đó sẽ dần dần đem kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này khuyên họ đọc tụng. Nếu là hạng dân dã thì con sẽ dùng uy thế ép họ đọc tụng. Nếu là người kiêu mạn thì con sẽ vì người ấy mà

làm kẻ sai khiến, thuận theo ý họ khiến cho họ hoan hỷ, rồi sau đó sẽ đem kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa này dạy bảo, dẫn đường cho họ. Nếu có người bài báng kinh điển Đại Thừa thì con sẽ dùng thế lực đánh đổ khiến cho họ phục tùng. Họ đã hàng phục rồi sau đó con khuyên đọc tụng kinh Đại Niết-bàn. Nếu người ưa thích kinh Đại Thừa thì đích thân con sẽ đến cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Ông rất yêu mến kinh điển Đại Thừa, ham thích kinh điển Đại Thừa, thọ trì kinh điển Đại Thừa, nếm vị kinh điển Đại Thừa, tin, kính, tôn trọng, cúng dường kinh điển Đại Thừa. Nay thiện nam! Ông nay do nhân duyên tâm thiện này nên sẽ được siêu việt vô lượng vô biên những Đại Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước họ. Ông cũng chẳng bao lâu lại sẽ như Ta, vì đại chúng diễn nói rộng rãi về Đại Bát Niết Bàn, Như Lai, Phật tánh, tạng bí mật của chư Phật đã dạy như vậy.

Này thiện nam! Đời quá khứ, khi mặt trời Phật chưa xuất hiện, Ta vào lúc đó làm Sa-môn, tu hạnh Bồ-tát, có thể thông đạt hết tất cả kinh luận của ngoại đạo, tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm ý thanh tịnh, chẳng bị dục tưởng ngoại lai phát sinh phá hoại, diệt lửa sân hận, thọ trì pháp thường, lạc, ngã, tịnh, tìm cầu kinh điển Đại Thừa cùng khắp mà thậm chí chẳng nghe đến tên gọi Phương Đẳng. Vào lúc ấy, Ta trụ ở núi Tuyết, núi ấy thanh tịnh với suối chảy, ao tắm, cây rừng, được thảo tràn đầy, nơi nơi xen với đá có dòng nước trong với nhiều loài hoa thơm tô điểm cùng khắp và nhiều loài chim chẳng thể kể xiết, quả ngọt nhiều thứ khó phân biệt kể ra. Nơi ấy lại có vô lượng ngó sen, rễ ngọt, rễ thanh mộc hương. Lúc đó, ta một mình ở trong ấy, chỉ ăn các loại trái cây, ăn rồi chuyên tâm tư duy tọa thiền trải qua vô lượng năm cũng chẳng nghe có Như Lai ra đời và tên kinh Đại Thừa. Này thiện nam! Khi Ta tu hạnh khổ như vậy thì Thích-đề-hoàn-nhân, các trời, người v.v... lòng rất kinh ngạc quái lạ, liền gọi nhau tụ họp rồi nói kệ:

*Cùng chỉ cho nhau thấy
Trong núi Tuyết thanh tịnh
Chúa tịch tĩnh lìa dục*

*Vua công đức trang nghiêm
 Đã lia tham, sân, mạn
 Dứt hẳn siểm, ngu si
 Chưa một lần nói ra
 Các lời nói thô ác.*

Bấy giờ, trong chúng có một Thiên tử tên là Hoan Hỷ lại nói kệ:

*Người lia dục như vậy
 Thanh tịnh siêng tinh tấn
 Sẽ chẳng cầu Đế thích
 Và quả vị chư Thiên
 Người cầu đạo như vậy
 Tu hành các hạnh khổ
 Người này mong cầu nhiều
 Chỗ ngồi của Đế thích.*

Lúc này, lại có một vị Tiên Thiên tử liền vì Đế thích mà nói kệ:

*Kiều-thi-ca thiên chúa
 Chẳng nên sinh lo ngại
 Ngoại đạo tu khổ hạnh
 Hà tất cầu vương vị.*

Nói kệ này rồi, ông lại nói: “Này Kiêu-thi-ca! Ở đời có bậc Đại sĩ vì chúng sinh nên chẳng tham thân mình, vì muốn tạo lợi ích cho các chúng sinh nên tu đủ thứ khổ hạnh không lường. Người như vậy đã thấy những tội lỗi trong sinh tử nên giả sử có thấy châu báu đầy trong đất đai, núi rừng, biển cả này cũng chẳng sinh lòng tham đắm, trái lại như nhìn thấy bãi nước bọt. Bậc Đại sĩ như thế xả bỏ của báu, sự yêu thương vợ con, đầu mắt, não tủy, tay chân, chi tiết, chỗ ở, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, nô tỳ, đồng bộc cũng chẳng nguyện cầu sinh lên cõi trời mà chỉ cầu cho tất cả chúng sinh được thọ hưởng an vui. Đúng như sự lý giải của tôi, Đại sĩ như thế thanh tịnh không nhiễm ô, hết hẳn mọi kiết sử, chỉ muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Thích-đề-hoàn-nhân lại nói: “Như lời ông nói thì người này là người giáo hóa tất cả chúng sinh của thế gian. Này Đại Tiên! Nếu thế gian này có cây Phật thì có thể trừ diệt rắn độc phiền não của tất cả chư Thiên, người

đời và A-tu-la. Nếu những chúng sinh này trụ ở trong bóng mát của cây Phật đó thì những độc phiền não đều bị tiêu diệt hết. Nay Đại Tiên! Người này nếu trong đời vị lai làm bậc Thiện Thệ thì chúng ta đều sẽ được diệt hết vô lượng phiền não thiêu đốt. Việc như vậy thật là khó tin. Vì sao? Vì vô lượng trăm ngàn những chúng sinh v.v... phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thấy chút duyên nhỏ đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên liền động chuyển. Như trăng trong nước, hễ nước động thì động theo, giống như vẽ tượng, khó thành mà dễ hư hoại, tâm Bồ-đề cũng như vậy, khó phát mà dễ hoại. Nay Đại Tiên! Như có nhiều người dùng áo giáp đồng, binh khí tự trang bị chắc chắn, muốn tiến tới trước thảo trừ giặc mà khi lâm trận sợ hãi liền thoái lui tan rã. Vô lượng chúng sinh cũng như vậy, phát tâm Bồ-đề, tự trang bị bền chắc, nhưng thấy tội lỗi sinh tử nên lòng sinh sợ hãi liền thoái lui. Nay Đại Tiên! Tôi thấy vô lượng chúng sinh như vậy, sau khi phát tâm Bồ-đề đều sinh ra chuyển động. Vậy nên tôi nay tuy thấy người này tu khổ hạnh, không nã, không nhiệt, trụ ở hiểm đạo, hạnh người ấy thanh tịnh nhưng chưa có thể tin. Tôi nay cần phải tự đến đó thử thách để biết người ấy thật có thể đủ sức gánh vác gánh nặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không. Nay Đại Tiên! Giống như xe có hai bánh thì có thể sử dụng chuyên chở, con chim có hai cánh thì đủ sức bay đi, người khổ hạnh này cũng như vậy, tôi tuy thấy người ấy kiên trì giới cấm, nhưng chưa biết người ấy có thâm trí không. Nếu có thâm trí thì sẽ biết người ấy có thể đủ sức gánh vác gánh nặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thưa Đại Tiên! Ví như cá mẹ có nhiều trứng cá nhưng thành tựu cá con thì ít. Như hoa của cây Am-la thì nhiều mà thành trái thì ít. Chúng sinh phát tâm có đến vô lượng và số thành tựu thì ít, chẳng đáng kể. Nay Đại Tiên! Tôi cùng ông đều đến thử thách ông ấy. Ví như vàng ròng, sau ba lần thử rồi mới biết vàng ấy chân thật, đó là đốt, đập, mài. Thử thách người khổ hạnh kia thì cũng phải như vậy”.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân tự biến thân mình làm hình dáng La-sát, thân hình rất đáng sợ, xuống đến núi Tuyết, cách người tu ấy chẳng xa liền đứng lại. Lúc đó, La-sát lòng không chút sợ hãi, mạnh mẽ khó đương, biện tài thứ lớp, tiếng rất thanh nhã tuyên nói nửa bài

kệ mà Phật ở đời quá khứ đã nói:

Các hành vô thường

Là pháp sinh diệt...

Nói nửa bài kệ này rồi, La-sát liền đứng trước người tu hành ấy, thị hiện hình mạo rất đáng kính sợ, quay đầu liếc khắp, nhìn xem bốn phương. Người khổ hạnh này nghe nửa bài kệ đó, lòng sinh vui mừng. Ví như khách buôn ở chỗ hiểm nạn, đi đêm lạc bạn, sợ hãi tìm kiếm, gặp lại được bạn đồng hành mà lòng sinh vui mừng, nhảy nhót không lường. Cũng như người bệnh đã lâu mà chưa gặp lương y xem bệnh, cho thuốc tốt, về sau bỗng nhiên gặp được, như người chìm trong biển bỗng gặp thuyền bè, như người khát gặp nước trong mát, như người bị kẻ oán truy đuổi bỗng nhiên được giải thoát, như người bị trói buộc lâu bỗng nghe được thả ra, như người nông phu đang bị hạn hán mà gặp được mưa, như người đi xa trở về người nhà thấy rồi rất hoan hỷ. Nay thiện nam! Bấy giờ ta nghe nửa câu kệ này rồi trong lòng vui mừng cũng như vậy, liền đứng dậy dùng tay vén tóc, quay nhìn bốn phương và nói: “Vừa rồi tôi nghe kệ. Vị nào nói lời kệ ấy?”. Bấy giờ, ta cũng chẳng thấy còn ai khác, chỉ thấy La-sát, liền nói: “Ai mở cánh cửa giải thoát như vậy? Ai có thể nổi sấm âm thanh của chư Phật? Ai ở trong giấc ngủ sinh tử mà một mình tỉnh thức xướng lên lời như vậy? Ai có thể ở đây hiển thị dẫn dắt chúng sinh đói khát sinh tử đạo vị vô thượng? Vô lượng chúng sinh chìm trong biển sinh tử mà ai có thể ở trong đó làm bậc đại thuyền sư? Những chúng sinh này thường bị sự ràng buộc của bệnh nặng phiền não mà ai có thể ở trong đó làm lương y? Người nói nửa bài kệ này đã khai ngộ lòng ta giống như nửa vầng trăng, như hoa sen dần nở”. Nay thiện nam! Lúc ấy, ta lại không thấy gì, chỉ thấy có La-sát, lại nghĩ: “Phải chăng là La-sát nói kệ này?”. Ta lại sinh nghi hoặc: “Chẳng phải là La-sát ấy nói đâu. Vì sao? Vì người này hình dung rất đáng kính sợ. Nếu có người được nghe câu kệ này thì tất cả sự xấu xí kinh tởm liền trừ hết mà sao người này có hình mạo như vậy lại có thể nói bài kệ này. Chẳng lẽ ở trong lửa mọc ra hoa sen, chẳng lẽ trong ánh sáng mặt trời sinh ra nước lạnh?”. Nay thiện nam! Lúc này, ta lại nghĩ: “Ta nay vô trí, La-sát này hoặc có thể được gặp chư Phật ở quá khứ và từ chỗ chư Phật nghe được nửa bài kệ này. Ta

nay phải hỏi”. Ta liền đến trước chỗ La-sát đó mà nói như vậy: “Hay thay! Thưa Đại sĩ! Ở đâu mà ông được nửa bài kệ của bậc Ly Bố Úy đời quá khứ đã nói? Thưa Đại sĩ! Ở đâu mà ông lại được nửa viên ngọc Như ý như vậy? Thưa Đại sĩ! Nghĩa của nửa câu kệ này là chánh đạo của chư Phật Thế Tôn quá khứ, hiện tại và vị lai. Tất cả vô lượng chúng sinh trong thế gian thường bị sự che phủ của màn lưới các kiến, trợn đời ở trong pháp ngoại đạo, ban đầu chẳng được nghe lời nói “nghĩa không” mà đấng Thế Hùng Thập Lực xuất thế đã nói như vậy”. Nay thiện nam! Ta hỏi rồi thì La-sát liền đáp: “Này đại Bà-la-môn! Ông nay chẳng nên hỏi ta ý nghĩa đó. Vì sao? Vì ta chẳng ăn đến nay đã trải qua nhiều ngày, tìm kiếm khắp nơi mà chẳng thể được, đói khát khổ não, lòng rối loạn, nói xằng bậy, chẳng phải là sự hiểu biết của bản thân ta. Ta nay, sức có thể bay đi trong hư không để đến cõi Uất-đan-việt cho đến lên cõi trời. Nhưng ở khắp nơi tìm thức ăn cũng chẳng thể được. Do vậy nên ta nói lời nói đó”. Ta liền nói với La-sát: “Này Đại sĩ! Nếu ông có thể vì tôi nói hết bài kệ này thì tôi sẽ trọn đời làm đệ tử của ông. Thưa Đại sĩ! Lời kệ ông vừa nói danh tự chẳng trọn, ý nghĩa cũng chẳng hết. Vì nhân duyên gì mà chẳng muốn nói? Phạm bố thí của cải thì có sự cạn kiệt, còn nhân duyên về pháp thí thì chẳng thể hết. Pháp thí vô tận đem nhiều lợi ích. Tôi nay nghe nửa bài kệ này rồi, lòng sinh nghi. Xin ông nay có thể vì tôi mà nói trọn bài kệ này để đoạn trừ mối nghi. Tôi sẽ trọn đời làm đệ tử của ông”. La-sát đáp: “Trí của ông lớn quá chỉ tự lo cho thân mà quên chẳng thấy và nghĩ đến tôi đang bị sự bức bách của đói khổ, thật chẳng thể nói được”. Ta liền hỏi: “Thức ăn của ông là những vật gì?”. La-sát đáp: “Ông đừng hỏi nữa, nếu tôi nói thì khiến cho nhiều người sợ”. Ta lại hỏi: “Trong này tôi ở một mình không có ai khác, mà tôi thì chẳng sợ, vì sao ông chẳng nói?”. La-sát đáp: “Thức ăn của tôi chỉ là thịt người còn nóng, thức uống là máu người còn nóng. Tự ta bực phước chỉ ăn thứ này mà khổn đốn tìm kiếm cùng khắp chẳng thể được. Đời tuy có nhiều người nhưng họ đều có phước đức, lại thêm được chư Thiên hộ trì, mà tôi không có sức nên chẳng thể giết được”. Nay thiện nam! Ta lại nói: “Ông nói đầy đủ nửa còn lại của bài kệ này, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng lên cúng dường ông. Thưa Đại sĩ! Giả sử tôi mạng chung thì tất thân

này không dùng vào việc gì được mà sẽ bị sự ăn nuốt của cọp, sói, cú vọ, điều hâu v.v... mà chẳng được một chút phước đức. Tôi nay vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bỏ thân chẳng bền chắc để đổi thân bền chắc”. La-sát đáp: “Ai sẽ tin lời nói như vậy của ông. Vì tám chữ mà bỏ thân yêu thích”. Ta liền đáp: “Ông quả thật là không trí. Ví như có người cho người khác đồ sành mà được đồ bằng bảy báu, tôi cũng như vậy, bỏ thân chẳng bền chắc mà được thân kim cương. Ông nói rằng, ai sẽ tin thì tôi nay đã có chứng. Vua trời Đại Phạm, Thích-đề-hoàn-nhân và vua bốn cõi trời có thể chứng việc này. Lại có những Bồ-tát thiên nhân vì muốn tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh nên tu hành Đại Thừa đủ sáu độ, cũng có thể chứng biết. Lại có chư Phật Thế Tôn trong mười phương làm lợi ích cho chúng sinh cũng có thể chứng cho tôi vì tám chữ nên bỏ thân mạng này”. La-sát lại nói: “Nếu ông có thể xả thân như vậy thì hãy lắng nghe, lắng nghe, tôi sẽ vì ông nói nửa bài kệ còn lại ấy”. Nay thiện nam! Ta vào lúc ấy nghe lời nói này rồi trong lòng vui mừng, liền cởi tấm da nai mặc trên thân mình, vì La-sát này trải làm pháp tòa mà bạch: “Thưa Hòa thượng! Mời Hòa thượng ngồi nơi tòa này”. Ta liền vòng tay quỳ gối thưa: “Ông khéo vì tôi nói nửa bài kệ còn lại ấy cho được đầy đủ”. La-sát liền nói:

... Sinh diệt diệt rồi

Tịch diệt là vui.

Bấy giờ La-sát nói kệ này xong, lại nói: “Này Đại Bồ-tát! Ông nay đã nghe đầy đủ nghĩa bài kệ. Sở nguyện của ông đã được thỏa mãn, chắc chắn muốn tạo lợi ích cho chúng sinh thì hãy bố thí thân cho ta đi”. Nay thiện nam! Ta vào lúc ấy, nghĩ sâu ý nghĩa này, rồi sau đó ghi chép bài kệ này vào khắp nơi, hoặc trên đá, hoặc trên vách, hoặc trên cây, hoặc trên đường. Ta liền buộc lại quần áo đang mặc vì sợ sau khi chết, thân thể bị lộ diện, rồi leo lên cây cao. Bấy giờ, thân cây lại hỏi ta: “Hay thay! Ông muốn làm việc gì?”. Nay thiện nam! Ta liền đáp: “Tôi muốn xả thân để báo đền giá trị bài kệ”. Thân cây hỏi: “Bài kệ đó có lợi ích gì?”. Ta đáp: “Bài kệ như vậy là lời khai thị đạo pháp không của chư Phật đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Ta vì pháp này mà xả bỏ thân mạng. Ta chẳng vì lợi dưỡng, tiếng tăm, của báu, Chuyển luân Thánh vương, Tứ Đại Thiên Vương, Thích-đề-hoàn-nhân, Đại

Phạm Thiên Vương, niềm vui trong trời, người, mà vì muốn tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh nên xả thân này”. Đây thiện nam! Khi ta xả thân này, lại nói: “Nguyện cho tất cả người tham lam keo kiệt đều đến chứng kiến ta lìa bỏ thân này. Nếu có người bố thí ít, khởi cao ngạo thì cũng khiến cho được thấy ta xả thân mạng này vì một bài kệ như bỏ cỏ cây”. Vào lúc ấy, ta nói lời này xong, liền buông mình gieo xuống đất. Khi rơi xuống chưa đến đất thì trong hư không phát ra đủ thứ âm thanh. Những âm thanh ấy vang đến tận trời Sắc Cứu Cánh. Bấy giờ, La-sát hiện lại thân hình Đế Thích, liền ở trong hư không hứng lấy thân ta, đặt xuống đất bằng. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân và những hàng trời, người, Đại Phạm Thiên Vương cúi đầu đánh lễ ở dưới chân ta và khen: “Hay thay! Hay thay! Chân thật là Bồ-tát, có thể đem lợi ích lớn cho vô lượng chúng sinh, muốn ở trong vô minh đen tối thấp ngọn đước đại pháp. Ta do ưa thích đại pháp của Như Lai nên nhiều hại Ngài. Nguyện xin cho ta sám hối tội lỗi. Ngài vào đời vị lai nhất định thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyện xin được tể độ”. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân và các thiên chúng đánh lễ dưới chân ta. Đến đây, họ giả từ ra đi, bỗng nhiên biến mất. Đây thiện nam! Như ta thuở xưa vì nửa bài kệ nên xả bỏ thân này. Do nhân duyên đó nên liền được vượt qua đủ mười hai kiếp, rồi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trước Di-lặc. Đây thiện nam! Ta được vô lượng công đức như vậy là đều do cúng dường chánh pháp của Như Lai. Đây thiện nam! Ông nay cũng vậy, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đã vượt lên trên vô lượng vô biên Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng. Đây thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa tu hành Thánh hạnh.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XIV

Phẩm 20: PHẠM HẠNH 1

Này thiện nam! Sao gọi là Phạm hạnh của Đại Bồ-tát? Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, trụ ở bảy pháp thiện thì được đầy đủ phạm hạnh. Những gì là bảy? Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết thời, bốn là biết đủ, năm là tự biết, sáu là biết mọi người, bảy là biết tôn ti.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát biết pháp? Này thiện nam! Đại Bồ-tát này biết mười hai bộ loại kinh điển là: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ Ký, Da-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đà-na, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá.

Này thiện nam! Những gì gọi là kinh Tu-đa-la? Từ “Tôi nghe như vậy” cho đến “Hoan hỷ phụng hành”, tất cả như vậy gọi là kinh Tu-đa-la.

Những gì gọi là kinh Kỳ-dạ? Đức Phật bảo các vị Tỳ-kheo: “Xưa Ta cùng các ông ngu si không trí tuệ, chẳng thể thấy bốn chân đế như thật. Vậy nên lưu chuyển lâu dài trong sinh tử, chìm đắm trong biển đại khổ. Những gì là Bốn chân đế? Khổ, tập, diệt, đạo. Như Phật ngày xưa vì các Tỳ-kheo nói khế kinh xong rồi. Bấy giờ lại có chúng sinh lợi căn, vì nghe pháp nên về sau đến chỗ Phật hỏi: “Như Lai vừa rồi nói việc gì?”. Phật biết rồi liền nhân vào nội dung kinh cũ mà dùng kệ tụng:

*Ta xưa cùng các ông
Chẳng thấy bốn chân đế
Nên mãi chuyển vần trong
Bể khổ lớn sinh tử.
Nếu thấy bốn chân đế*

*Thì được đoạn sinh tử
Sinh tử đã hết rồi
Lại chẳng thọ các hữu.*

Đó gọi là kinh Kỳ-dạ.

Sao gọi là kinh Thọ Ký? Như có kinh luật, khi Như Lai nói mà vì những hàng trời, người thọ ký làm Phật: “Này A-đạt-đa! Đời vị lai có vị vua tên là Nhưưng Khư sẽ ở đời đó mà thành đạo Phật hiệu là Di-lặc”. Đó gọi là kinh Thọ Ký.

Sao gọi là kinh Già-đà? Trừ Tu-đa-la và các giới luật, ngoài ra còn có nói kệ bốn câu, như là:

*Chớ làm điều ác
Làm các việc lành
Giữ tâm trong sạch
Là chư Phật dạy.*

Đó gọi là kinh Già-đà.

Sao gọi là kinh Ưu-đà-na? Như Phật sau giờ ngọ vào thiền định, vì các thiên chúng rộng nói pháp chính yếu. Khi ấy, các Tỳ-kheo đều nghĩ thế này: “Đức Như Lai hôm nay làm việc gì đây?”. Sáng sớm Đức Như Lai ra khỏi thiền định, không có người hỏi, dùng tha tâm trí, liền tự nói: “Này Tỳ-kheo! Các ông phải biết, tất cả chư Thiên thọ mạng rất dài. Này các Tỳ-kheo! Hay thay! Các ông vì người khác chẳng cầu lợi cho mình. Hay thay thiếu dục! Hay thay tri túc! Hay thay tịch tĩnh!”. Các kinh không ai hỏi mà Đức Phật tự nói như vậy thì đó gọi là kinh Ưu-đà-na.

Sao gọi là kinh Ni-đà-na? Như những kinh kệ mà nguyên nhân căn bản là Phật vì người khác diễn nói. Như ở nước Xá-vệ có một người đàn ông giăng lưới bắt chim, bắt được nhốt vào lồng, rồi tùy loài mà cho uống nước, lúa ăn v.v... rồi lại thả ra. Thế Tôn biết gốc ngọn nhân duyên ấy mà nói kệ:

*Chớ khinh ác nhỏ
Là không tai ương
Giọt nước tuy nhỏ
Dần đầy lu lớn.*

Đó gọi là kinh Ni-đà-na.

Sao gọi là kinh A-ba-đà-na? Như lời nói ví dụ trong giới luật thì đó là kinh A-ba-đà-na.

Sao gọi là kinh Y-đế-mục-đà-na? Như lời Đức Phật nói, các Tỳ-kheo nên biết, khi Ta ra đời thì lời nói của Ta gọi là khế kinh. Khi Đức Phật Cưu-lưu-tôn ra đời thì gọi là cam lồ cổ. Khi Đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni ra đời thì gọi là pháp cảnh. Khi Đức Phật Ca-diếp ra đời thì gọi là phân biệt không. Đó gọi là kinh Y-đế-mục-đà-na.

Sao gọi là kinh Xà-đà-già? Như Phật Thế Tôn, xưa làm Bồ-tát tu những hạnh khổ. Phật gọi: “Này Tỳ-kheo! Các ông nên biết, Ta ở đời quá khứ làm hươu, làm gấu, làm nai, làm thỏ, làm vua nước nhỏ, Chuyển luân Thánh vương, rồng, chim cánh vàng v.v... Khi hành đạo Bồ-tát, Ta đã có thể thọ thân hành những hạnh như vậy”. Đó gọi là kinh Xà-đà-già.

Sao gọi là kinh Tỳ-phật-lược? Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Nghĩa kinh ấy rộng lớn giống như hư không. Đó gọi là kinh Tỳ-phật-lược.

Sao gọi là kinh Vị Tăng Hữu? Như khi Bồ-tát mới sinh ra, không có người phò trì, liền đi bảy bước, phóng ra ánh sáng lớn soi khắp mười phương. Cũng như việc con khỉ, tay bưng lọ đựng mật, dăng lên Như Lai. Cũng như chó cổ trắng ở bên Phật nghe pháp. Như ma Ba-tuần biến làm con trâu xanh đi vào chỗ bát sành, khiến cho những bát sành va chạm lẫn nhau mà không bị thương tổn. Như khi Phật mới sinh vào miếu thờ trời, khiến cho tượng trời kia đứng dậy, xuống làm lễ cung kính. Những kinh như vậy gọi là kinh Vị Tăng Hữu.

Sao gọi là kinh Ưu-ba-đề-xá? Theo các kinh mà Phật Thế Tôn đã nói, nếu tạo tác nghị luận, phân biệt, biện nói rộng rãi tương mạo thì gọi là kinh Ưu-ba-đề-xá. Nếu Bồ-tát có thể rõ biết mười hai bộ loại kinh điển như vậy thì gọi là biết pháp.

Sao gọi là Đại Bồ-tát biết nghĩa? Nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả văn tự, ngôn ngữ mà hiểu biết rộng rãi ý nghĩa của chúng thì đó gọi là biết nghĩa.

Sao gọi là Đại Bồ-tát biết thời? Này thiện nam! Bồ-tát giỏi biết trong lúc như vậy là có thể tu tịch tĩnh, trong lúc như vậy là có thể tu

tinh tấn, trong lúc như vậy là có thể tu xả định, trong lúc như vậy là có thể cúng dường Phật, trong lúc như vậy là có thể cúng dường thầy, trong lúc như vậy là có thể tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Đó gọi là biết thời.

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát biết đủ? Đây thiện nam! Đại Bồ-tát biết đủ là biết đủ về ăn uống, thuốc men, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, thức, nói năng, lặng thinh v.v... Đó gọi là biết đủ.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tự biết? Bồ-tát này tự biết ta có niềm tin như vậy, giới cấm như vậy, đa văn như vậy, xả như vậy, tuệ như vậy, đi, lại như vậy, chánh niệm như vậy, thiện hạnh như vậy, hỏi như vậy, đáp như vậy v.v... Đó gọi là tự biết.

Sao gọi là Đại Bồ-tát biết chúng? Đây thiện nam! Bồ-tát đó biết những chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn, họ đi, lại như vậy, ngồi, đứng dậy như vậy, nói pháp như vậy, hỏi, đáp như vậy. Đó gọi là biết chúng.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát biết tôn ti của người? Người có hai hạng, một là tín, hai là bất tín. Bồ-tát phải biết người tín là thiện, người bất tín là bất thiện. Lại nữa, tín có hai hạng: một là thường đến tăng viện, hai là chẳng đến. Bồ-tát nên biết, người thường đến tăng viện gọi là thiện, người chẳng đến tăng viện thì gọi là bất thiện. Người đến tăng viện lại có hai hạng: một là lễ bái, hai là chẳng lễ bái. Bồ-tát nên biết, người lễ bái gọi là thiện, người chẳng lễ bái thì gọi là bất thiện. Người lễ bái ấy lại có hai hạng: một là nghe pháp, hai là chẳng nghe pháp. Bồ-tát nên biết, người nghe pháp là thiện, người chẳng nghe pháp gọi là bất thiện. Người nghe pháp ấy lại có hai hạng: một là chí tâm nghe, hai là chẳng chí tâm nghe. Bồ-tát nên biết, người chí tâm nghe gọi là thiện, người chẳng chí tâm nghe gọi là bất thiện. Chí tâm nghe pháp lại có hai hạng: một là tư duy về nghĩa, hai là chẳng tư duy về nghĩa. Bồ-tát nên biết, người suy nghĩ về nghĩa gọi là thiện, người chẳng suy nghĩ về nghĩa gọi là bất thiện. Người suy nghĩ về nghĩa lại có hai hạng, một là theo như lời nói tu hành, hai là chẳng theo như lời nói tu hành. Người theo như lời nói tu hành gọi là thiện, người chẳng theo như lời nói tu hành gọi là bất thiện. Người theo như lời nói tu hành lại có hai hạng: một là cầu Thanh văn, chẳng thể đem

lại lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh khổ não; hai là hồi hướng về Đại thừa vô thượng đem lợi ích cho nhiều người, khiến cho họ được an lạc. Bồ-tát nên biết, người có thể tạo lợi ích cho nhiều người khiến cho họ được an lạc thì tối thượng, tối thiện. Này thiện nam! Như trong các báu thì ngọc báu Như ý rất là thắng diệu, như trong các vị thì vị cam lồ là tối thượng. Như vậy Bồ-tát ở trong loài người, trời là tối thắng, tối thượng, chẳng thể ví dụ. Này thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát trụ ở kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa, trụ bảy pháp thiện. Nếu Bồ-tát trụ ở bảy pháp thiện này rồi thì được đầy đủ phạm hạnh.

Lại nữa, này thiện nam! Lại có phạm hạnh gọi là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tu nhiều Từ có thể đoạn sân hận, tu tâm Bi thì cũng đoạn sân hận, thì sao nói bốn tâm vô lượng? Suy theo nghĩa mà nói thì lẽ ra có ba thôi. Thừa Thế Tôn! Từ có ba duyên, một là duyên chúng sinh, hai là duyên pháp, ba là duyên vô. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy. Nếu theo nghĩa này thì lẽ ra chỉ có ba, chẳng nên nói bốn. Duyên chúng sinh là duyên với năm ấm, nguyện ban cho họ niềm vui. Đó gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp là duyên với vật cần dùng của các chúng sinh để rồi ban cho họ. Đó gọi là duyên pháp. Duyên vô là duyên với Như Lai. Đó gọi là duyên vô. Từ là duyên nhiều với chúng sinh bản cùng mà Đại sư Như Lai vĩnh viễn lìa khỏi bản cùng, hưởng thụ đệ nhất lạc. Vậy nếu duyên chúng sinh thì chẳng duyên Phật, Pháp cũng như vậy. Do nghĩa này nên duyên Như Lai thì gọi là duyên vô. Thừa Thế Tôn! Đối tượng duyên của Từ là tất cả chúng sinh, như duyên với cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Do nghĩa này nên gọi là duyên chúng sinh. Duyên pháp là chẳng thấy cha mẹ, vợ con, thân thuộc, chỉ thấy tất cả pháp đều từ duyên sinh. Đó gọi là duyên pháp. Duyên vô là chẳng trụ ở tướng pháp và tướng chúng sinh. Vậy nên gọi là duyên vô. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy. Vậy nên có ba chẳng nên có bốn. Bạch Thế Tôn! Người có hai hạnh: một là kiến hạnh, hai là ái hạnh. Người kiến hạnh tu nhiều Từ, Bi. Người ái hạnh tu nhiều Hỷ, Xả. Vậy nên có hai chẳng nên có bốn. Thừa Thế Tôn! Phạm vô lượng thì gọi là vô biên. Biên chẳng thể nắm bắt được nên gọi là vô lượng. Nếu vô lượng thì nên là một chẳng nên nói bốn. Nếu nói là

bốn thì làm sao được vô lượng. Do đó nên là một, chẳng nên nói là bốn.

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Chư Phật Như Lai vì những chúng sinh đã tuyên nói pháp chính yếu. Pháp ấy bí mật, khó có thể biết rõ. Hoặc vì chúng sinh nói một nhân duyên. Như nói: Những gì là một nhân duyên? Đó là nói tất cả pháp hữu vi. Này thiện nam! Hoặc nói hai thứ, nhân và quả; hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ; hoặc nói bốn thứ là vô minh, các hành, sinh và lão tử; hoặc nói năm thứ là thọ, ái, thủ, hữu và sinh; hoặc nói sáu thứ là nhân quả ba đời; hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái và thủ; hoặc nói tám thứ là mười hai nhân duyên trừ đi vô minh, hành, sinh, lão tử, còn lại là tám pháp; hoặc nói chín thứ như trong Kinh Thành nói: Trừ vô minh, hành, thức, còn lại chín pháp; hoặc nói mười một thứ như trong kinh Tát-già-ni-kiền-tử nói trừ một pháp sinh, còn lại mười một pháp; hoặc có khi nói đủ mười hai nhân duyên, như ở thành Vương-xá, Phật vì Ca-diếp v.v... nói đủ mười hai nhân duyên, từ vô minh cho đến sinh, già, bệnh, chết. Này thiện nam! Như một nhân duyên, nhưng vì chúng sinh nên chư Phật phân biệt đủ thứ. Pháp môn vô lượng cũng như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên đối với những hành xứ bí mật thâm sâu của Như Lai chẳng nên sinh ra nghi hoặc. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn có phương tiện lớn: Vô thường nói thường, thường nói vô thường; nói vui là khổ, nói khổ là vui; bất tịnh nói tịnh, tịnh nói bất tịnh; ngã nói vô ngã, vô ngã nói ngã; chẳng phải chúng sinh nói là chúng sinh, chúng sinh thật thì nói chẳng phải chúng sinh; chẳng phải vật nói là vật, vật nói là chẳng phải vật; chẳng phải thật nói là thật, thật nói là chẳng phải thật; chẳng phải cảnh nói là cảnh, cảnh nói là chẳng phải cảnh; chẳng phải sinh nói là sinh, sinh nói là chẳng phải sinh cho đến vô minh nói là minh, minh nói là vô minh; sắc nói là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc nói là sắc; chẳng phải đạo nói là đạo, đạo nói là chẳng phải đạo. Này thiện nam! Như Lai dùng vô lượng phương tiện như vậy, vì điều phục chúng sinh thì đâu phải là hư dối. Này thiện nam! Hoặc có chúng sinh tham của cải thì đối với người ấy ta tự hóa thân mình làm vua Chuyển luân ở trong vô lượng năm, tùy theo sự cần dùng của người ấy mà cung

cấp đủ thứ. Rồi sau đó Ta mới giáo hóa khiến cho người ấy an trụ vào Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sinh tham đắm năm dục thì ở trong vô lượng năm, Ta dùng năm dục vi diệu thỏa mãn lòng mong muốn của người ấy. Rồi sau đó Ta mới khuyến hóa khiến cho người ấy an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sinh vinh hiển giàu sang thì Ta đối với người ấy ở trong vô lượng năm, nguyện làm người giúp việc, chạy theo cung cấp hầu hạ. Được lòng người ấy rồi, Ta liền khuyến hóa khiến cho người ấy an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có chúng sinh tánh tình ngang ngược tự cho là phải cần có người quở trách, can gián thì Ta ở trong vô lượng trăm ngàn năm, dạy bảo, quở trách, can ngăn, dụ dỗ khiến cho lòng người ấy điều phục. Rồi sau đó Ta mới khuyên bảo khiến cho người ấy an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Như Lai ở trong vô lượng năm dùng đủ thứ phương tiện như vậy khiến cho các chúng sinh an trụ ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đâu phải là hư dối. Chư Phật Như Lai tuy ở trong các ác nhưng không bị nhiễm ô, giống như hoa sen. Đây thiện nam! Ông nên biết ý nghĩa bốn tâm vô lượng như vậy. Đây thiện nam! Thể tánh của tâm vô lượng này có bốn, nếu có người tu hành thì sinh cõi Đại Phạm.

Này thiện nam! Như vậy phụ thuộc vô lượng có bốn. Vậy nên gọi là bốn. Phạm tu Từ thì có thể đoạn tham dục, tu tâm Bi thì có thể đoạn sân hận, tu tâm Hỷ thì có thể đoạn sự chẳng vui, tu tâm Xả thì có thể đoạn tham dục, sân hận của chúng sinh. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên được gọi là bốn, chẳng phải là một, hai, ba. Đây thiện nam! Như lời ông nói, Từ có thể đoạn được sân hận thì lẽ ra nên nói là ba, nay ông chẳng nên nan vấn như vậy. Vì sao? Đây thiện nam! Sân hận có hai thứ, một là đoạt mạng sống, hai là đánh đập. Tu Từ thì có thể dứt được sự đoạt mạng sống. Tu Bi thì có thể trừ sự đánh đập. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên lẽ nào chẳng phải là bốn sao? Lại nữa, sân có hai thứ, một là sân với chúng sinh, hai là sân với chẳng phải chúng sinh. Tu tâm Từ thì đoạn sân với chúng sinh, tu tâm Bi thì đoạn sân với chẳng phải chúng sinh. Lại nữa, sân có hai thứ, một là có nhân duyên, hai là không nhân duyên. Tu tâm Từ thì đoạn sân có nhân duyên, tu tâm Bi thì đoạn sân không nhân duyên. Lại nữa, sân có hai thứ, một là

huân tập lâu ở đời quá khứ, hai là huân tập ở đời hiện tại. Tu tâm Từ thì có thể đoạn sân ở quá khứ, tu tâm Bi thì đoạn sân ở hiện tại. Lại nữa, sân có hai thứ, một là sân thánh nhân, hai là sân phàm phu. Tu tâm Từ thì đoạn sân thánh nhân, tu tâm Bi thì đoạn sân phàm phu. Lại nữa, sân có hai thứ, một là thượng, hai là trung. Tu tâm Từ thì đoạn sân bậc thượng, tu tâm Bi thì đoạn sân bậc trung. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên gọi là bốn, vậy thì sao đặt nạn vấn nên là ba chẳng phải là bốn? Vậy nên, này Ca-diếp! Tâm vô lượng này do tùy thuộc đối đãi nên phân biệt làm bốn. Lại do căn khí nên gọi là bốn. Căn khí nếu có Từ thì chẳng được có tâm Bi, Hỷ, Xả. Do nghĩa này nên có đủ bốn, không giảm. Đây thiện nam! Do hành phân biệt nên có bốn. Nếu khi hành Từ thì không Bi, Hỷ, Xả. Vậy nên có bốn. Đây thiện nam! Do vô lượng nên cũng được gọi là bốn. Nói vô lượng thì có bốn thứ là có tâm vô lượng có duyên chẳng phải tự tại, có tâm vô lượng tự tại chẳng phải duyên, có tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại, có tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng phải tự tại. Thế nào là vô lượng có duyên chẳng phải tự tại? Duyên với vô lượng vô biên chúng sinh mà chẳng thể được Tam-muội Tự tại. Tuy được nhưng bất định hoặc được hoặc mất. Thế nào là vô lượng tự tại chẳng phải duyên? Như duyên với cha mẹ, anh em, chị em mà muốn khiến cho họ an lạc thì chẳng phải vô lượng duyên. Thế nào là vô lượng cũng duyên cũng tự tại? Đó là chư Phật Bồ-tát. Thế nào là vô lượng chẳng phải duyên chẳng phải tự tại? Hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể duyên rộng rãi với vô lượng chúng sinh, cũng chẳng phải tự tại. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên gọi là bốn vô lượng. Đây là cảnh giới của các Đức Phật Như Lai, chẳng phải là điều hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Đây thiện nam! Bốn việc như vậy, Thanh văn, Duyên giác tuy gọi là vô lượng nhưng ít chẳng đáng kể. Các Đức Phật Bồ-tát mới được gọi là vô lượng vô biên.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Thật đúng như lời dạy của đức Thánh. Cảnh giới của các Đức Phật Như Lai chẳng phải là chỗ mà Thanh văn, Duyên giác bì kịp. Thưa Thế Tôn! Có phải có Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa được tâm từ bi mà chẳng phải là tâm đại từ, đại bi chăng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Có Bồ-tát đối với những chúng sinh phân biệt ba phẩm: một là người thân, hai là oán ghét, ba là người bậc giữa. Đối với người thân lại chia làm ba bậc là thượng, trung, hạ; đối với oán ghét cũng vậy. Đại Bồ-tát này đối với người thân bậc thượng thì ban cho niềm vui bậc nhất, đối với bậc trung, hạ thì cũng bình đẳng ban cho niềm vui bậc nhất. Đối với người oán bậc thượng thì cho ít phần vui, đối với người oán bậc trung thì ban cho niềm vui bậc trung, đối với người oán bậc hạ thì ban niềm vui bậc nhất. Bồ-tát tu tập tăng thêm như vậy, đối với người oán bậc thượng thì ban cho niềm vui bậc trung; đối với kẻ oán ghét bậc trung và bậc hạ đều ban cho niềm vui bậc nhất, tu tập thêm nữa, đối với kẻ oán ghét bậc thượng, trung, hạ bình đẳng ban cho niềm vui bậc thượng. Nếu đối với người oán bậc thượng mà cho niềm vui bậc nhất thì bấy giờ được gọi là tâm Từ thành tựu. Bấy giờ, Bồ-tát đối với cha mẹ và người oán bậc thượng được tâm bình đẳng, không có sai biệt. Này thiện nam! Đó gọi là được Từ chẳng phải đại Từ.

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì Bồ-tát được từ như vậy mà còn chẳng được gọi là Đại Từ?

–Này thiện nam! Do khó thành nên chẳng gọi là Đại Từ. Vì sao? Vì lâu rồi, ở trong vô lượng kiếp đời quá khứ đã gom nhiều phiền não, chưa tu tập pháp thiện. Vậy nên chẳng thể ở trong một ngày mà điều phục được tâm ấy. Này thiện nam! Ví như khi hạt đậu khô thì dù đâm nhất định chẳng thể được. Phiền não cứng chắc cũng như vậy, tuy trọn ngày đêm buộc tâm chẳng tán loạn, nhưng khó có thể điều phục. Lại như chó nhà chẳng sợ người, nai hoang ở núi rừng thấy người sợ chạy. Sân hận khó đui như chó giữ nhà, tâm Từ dễ mất như loài nai hoang. Vậy nên tâm này khó có thể điều phục. Do nghĩa này nên chẳng gọi là Đại Từ. Lại nữa, này thiện nam! Ví như vẽ lên đá thì hoa văn thường còn, vẽ lên nước thì mau diệt mất, chẳng trụ lâu. Sân như vẽ trên đá, các căn bản thiện như vẽ vào nước. Vậy nên tâm này khó điều phục được. Như đám lửa lớn thì ánh sáng ấy lâu tàn, ánh sáng của ánh chớp thì thoáng chốc. Sân như đám lửa, Từ như ánh chớp. Vậy nên tâm này khó điều phục được. Do nghĩa này nên chẳng gọi là Đại Từ. Này thiện

nam! Đại Bồ-tát trụ ở sơ địa gọi là Đại Từ. Vì sao? Nay thiện nam! Người tối cực ác là Nhất-xiển-đề. Khi Bồ-tát mới trụ sơ địa tu Đại Từ thì đối với Nhất-xiển-đề tâm không phân biệt, chẳng thấy lỗi của họ nên chẳng sinh ra sân. Do nghĩa này nên được gọi là Đại Từ. Nay thiện nam! Vì các chúng sinh mà trừ bỏ không lợi ích thì gọi là Đại Từ. Muốn ban cho chúng sinh vô lượng lợi lạc thì gọi là Đại Bi. Đối với chúng sinh, tâm sinh hoan hỷ thì gọi là Đại Hỷ. Không thấy có sự hộ trì thì gọi là Đại Xả. Nếu chẳng thấy tướng ngã, pháp và thân mình mà thấy tất cả pháp bình đẳng không hai thì gọi là Đại Xả. Tự bỏ niềm vui của mình, ban cho người khác thì gọi là Đại Xả. Nay thiện nam! Chỉ có bốn tâm vô lượng có thể khiến cho Bồ-tát tăng trưởng đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, còn các hạnh khác nhất định chẳng thể làm được. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát trước được bốn tâm vô lượng của thế gian, rồi sau đó mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, theo thứ lớp mới được ra khỏi thế gian. Nay thiện nam! Nhân vô lượng của thế gian mà được vô lượng của xuất thế gian. Do nghĩa này nên gọi là đại vô lượng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trừ bỏ sự không lợi ích, ban cho lợi lạc thì thật ra không có tác dụng gì. Suy nghĩ như vậy tức là quan sát rỗng không, không có thật lợi ích. Thưa Thế Tôn! Ví như khi Tỳ-kheo quán bất tịnh thấy áo mình mặc đều là tướng da mà thật chẳng phải da, cái có thể ăn uống đều thành ra tướng trùng mà thật chẳng phải là trùng, quán bát canh đậu khởi tướng nước bắn mà thật chẳng phải bắn, quán món ăn sữa đặc giống như não tủy mà thật chẳng phải não tủy, quán xương nát vụn giống như bột gạo mà thật chẳng phải bột gạo. Bốn tâm vô lượng cũng như vậy, chẳng thể chân thật lợi ích chúng sinh, khiến cho họ được vui. Tuy miệng nói rằng, cho chúng sinh niềm vui nhưng thật ra chẳng được. Quán như vậy chẳng phải là hư vọng sao? Thưa Thế Tôn! Nếu chẳng phải hư vọng mà thật sự ban cho niềm vui thì những chúng sinh kia vì sao chẳng do sức uy đức của chư Phật, Bồ-tát mà được hưởng an vui? Nếu quả thật chẳng được vui thì như lời Đức Phật dạy: Ta nhớ thuở xưa, chỉ tu tâm Từ, trải qua bảy lần thành, hoại của kiếp này, Ta chẳng sinh đến đây. Khi thế giới thành thì sinh trong cõi trời Phạm. Khi thế giới hoại thì sinh lên cõi trời Quang Âm. Khi sinh lên

cõi trời Phạm thì thế lực tự tại không ai có thể hàng phục, ở trong hàng ngàn vị Phạm thiên Ta là bậc tối thắng tối thượng, gọi là vua trời Đại Phạm. Có những chúng sinh đối với Ta tưởng là bậc tối thượng. Ta có ba mươi sáu lần làm Thích-đề-hoàn-nhân, vua cõi trời Đao-lợi, có vô lượng trăm ngàn lần làm vua Chuyển luân. Ta chỉ tu tâm Từ mà được quả báo của hàng trời, người như vậy. Nếu chẳng thật thì sao được cùng nghĩa này tương ứng!

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông quả thật dũng mãnh không gì kinh sợ!

Đức Phật vì Bồ-tát Ca-diếp mà nói kệ:

*Đối với một chúng sinh
 Chẳng sinh lòng sân hận
 Nguyên cho họ an vui
 Đó gọi là tâm Từ.
 Đối tất cả chúng sinh
 Nếu khởi lên tâm Bi
 Gọi là chủng tánh thánh
 Được phước báo không lường.
 Giả sử tiên ngũ thông
 Đều đầy đủ đại địa
 Có chúa Đại Tự Tại
 Cung cấp đủ vật dụng
 Voi, ngựa đủ các vật
 Quả phước báo đạt được
 Chẳng bằng phần mười sáu
 Của việc tu tâm Từ.*

Nay thiện nam! Phàm người tu Từ chân thật chẳng phải vọng tưởng thì chắc chắn là chân thật. Nếu lòng Từ của Thanh văn, Duyên giác thì đó gọi là hư vọng. Tâm Từ của chư Phật, Bồ-tát thì chân thật không hư vọng. Vì sao biết được chẳng hư vọng? Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn như vậy thì quán đất là vàng, quán vàng là đất, đất trở thành tướng nước, nước trở thành tướng đất, nước trở thành tướng lửa, lửa trở thành tướng nước, đất trở thành tướng gió, gió trở

thành tướng đất v.v... tùy ý thành tựu, không có hư vọng. Bồ-tát ấy quán chúng sinh thật chẳng phải chúng sinh, quán chẳng phải chúng sinh là chúng sinh thật v.v... đều tự ý thành tựu, không có hư vọng. Đây thiện nam! Ông phải biết bốn tâm vô lượng của Bồ-tát là tư duy chân thật, chẳng phải chẳng chân thật. Lại nữa, đây thiện nam! Sao gọi là tư duy chân thật? Đó là có thể đoạn trừ các phiền não. Đây thiện nam! Phạm người tu tâm Từ thì có thể đoạn được tham dục, tu tâm Bi thì có thể đoạn được sân hận, tu tâm Hỷ thì có thể đoạn được điều chẳng vui, tu tâm Xả thì có thể đoạn được tham dục, sân hận và tướng chúng sinh. Do vậy gọi là tư duy chân thật. Lại nữa, đây thiện nam! Bốn tâm vô lượng của Đại Bồ-tát có thể làm căn bản cho tất cả các thiện. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát nếu chẳng thấy được chúng sinh nghèo cùng thì không có nhân duyên phát sinh từ mà nếu chẳng sinh ra từ thì chẳng thể khởi tâm bố thí. Do nhân duyên bố thí nên khiến cho các chúng sinh được an ổn. Như là bố thí thức ăn, thức uống, xe cộ, quần áo, hương hoa, giường nằm, nhà cửa, đèn sáng v.v... Khi bố thí như vậy lòng không ràng buộc, chẳng sinh tham đắm mà quyết định hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâm ấy, bấy giờ không nương vào đâu, vọng tưởng đoạn diệt vĩnh viễn, không bị sợ hãi, chẳng mong danh xưng, lợi dưỡng, chẳng cầu hưởng thụ hoan lạc của trời, người, chẳng sinh kiêu mạn, chẳng mong đền đáp, chẳng lừa dối người khác, cho nên hành bố thí, chẳng cầu giàu sang. Phạm khi làm bố thí, chẳng thấy người nhận là trì giới hay phá giới, là ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, là tri thức hay chẳng phải tri thức. Khi thì chẳng thấy là pháp khí hay chẳng phải pháp khí, chẳng chọn lựa ngày giờ, là chỗ hay chẳng phải chỗ, cũng lại chẳng kể là đói kém hay giàu có an vui, chẳng thấy nhân quả, là chúng sinh hay chẳng phải là chúng sinh, là phước hay chẳng phải là phước. Tuy lại chẳng thấy người bố thí, người thọ thí và cả tài vật bố thí cho đến chẳng thấy đoạn dứt và quả báo nhưng mà thường làm bố thí, không có đoạn tuyệt.

Này thiện nam! Bồ-tát nếu còn thấy trì giới, phá giới cho đến quả báo thì nhất định chẳng thể bố thí. Mà nếu chẳng bố thí thì chẳng đầy đủ Thí Ba-la-mật. Nếu chẳng đầy đủ Thí Ba-la-mật thì chẳng thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Ví như có người,

thân bị tên độc, quyến thuộc của người ấy vì muốn trừ độc cho người ấy được yên ổn nên mời lương y nhỏ mũi tên độc ra. Người ấy nói: “Hãy khoan chớ đụng vào. Ta nay phải quan sát mũi tên độc như vậy từ phương nào đến? Ai đã bắn nó? Là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá hay Thủ-đà? Lại nghĩ xem cây tên bằng gỗ gì? Bằng tre hay bằng liễu? Sắc bọc đầu mũi tên ấy làm ở chỗ nào? Cứng hay mềm? Lông của tên ấy là lông cánh của loài chim nào? Là của quạ hay của chim ưng? Chất độc có ở mũi tên là do làm ra hay tự nhiên mà có? Là độc của con người hay là độc của rắn? Như vậy người ngu si kia chưa có thể biết hết những điều ấy thì đã mạng chung. Nay thiện nam! Bồ-tát cũng vậy, nếu khi làm bố thí mà phân biệt người thọ thí trì giới hay phá giới cho đến quả báo thì nhất định chẳng có thể bố thí. Nếu chẳng thể bố thí thì chẳng đầy đủ Thí Ba-la-mật. Nếu chẳng đủ Thí Ba-la-mật thì chẳng thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nay thiện nam! Đại Bồ-tát khi làm bố thí, đối với các chúng sinh thì tâm Từ bình đẳng, tướng giống như con. Lại khi hành thí Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi lòng Từ Bi ví như cha mẹ nhìn con bị bệnh. Khi làm bố thí lòng Bồ-tát vui mừng giống như cha mẹ thấy con khỏi bệnh. Sau khi đã bố thí, lòng Bồ-tát buông bỏ giống như cha mẹ thấy con khôn lớn có thể tự sinh sống. Đại Bồ-tát này, ở trong lòng Từ, khi bố thí thức ăn thường phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên nên khiến cho các chúng sinh được thức ăn đại trí, siêng năng tinh tấn, hồi hướng về Đại thừa Vô thượng. Nguyện các chúng sinh được món ăn thiện trí, chẳng cầu món ăn Thanh văn, Duyên giác. Nguyện cho chúng sinh được thức ăn pháp hỷ, chẳng cầu món ăn về ái dục. Nguyện cho các chúng sinh đều được món ăn Bát nhã Ba-la-mật, đều khiến cho họ đầy đủ, thu giữ vô ngại thêm lớn thiện căn. Nguyện cho các chúng sinh hiểu về tướng “không”, được thân vô ngại giống như hư không. Nguyện cho các chúng sinh thường làm người thọ nhận, thương xót tất cả, làm ruộng phước của mọi người”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát khi tu tâm Từ, phạm bố thí thức ăn cần phải phát nguyện kiên cố như vậy. Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí nước uống thì nên phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh.

Do nhân duyên này nên khiến cho các chúng sinh đi theo dòng sông Đại thừa, uống nước tám vị, mau chóng đi trên con đường Bồ-đề vô thượng, lìa khỏi dòng khô cạn Thanh văn, Duyên giác, chí khát ngưỡng Phật thừa vô thượng, đoạn dứt phiền não, khát ngưỡng pháp vị, lìa khỏi ái dục sinh tử, yêu thích Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, đầy đủ pháp thân, được các Tam-muội, vào biển cả trí tuệ thâm sâu. Nguyện cho các chúng sinh được vị cam lồ Bồ-đề xuất thế, lìa các vị dục, được tịch tĩnh. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị. Đủ pháp vị rồi thì thấy được Phật tánh. Thấy Phật tánh rồi thì có thể rưới mưa pháp xuống. Rưới mưa pháp rồi thì Phật tánh che phủ cùng khắp giống như hư không. Lại khiến cho vô lượng chúng sinh được pháp vị duy nhất, đó là Đại Thừa, chẳng phải pháp vị của các Thanh văn, Phật-bích-chi. Nguyện cho các chúng sinh được một vị cam lồ, không có sáu thứ vị sai khác. Nguyện cho các chúng sinh chỉ cầu pháp vị, vị sở hành vô ngại của pháp Phật, chẳng cầu những vị khác”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí nước uống cần phải phát nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí xe cộ thì cần phải phát nguyện: “Của bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này nên khiến cho khắp cả chúng sinh thành tựu Đại thừa, được trụ ở Đại thừa, là thừa chẳng thoái chuyển, thừa chẳng động chuyển, thừa kim cương tòa, chẳng cầu Thanh văn, Phật-bích-chi thừa, mà hướng về Phật thừa, là thừa không thể phục, thừa không thiếu thốn, thừa chẳng thoái mất, thừa vô thượng, thừa mười lực, thừa đại công đức, thừa chưa từng có, thừa hy hữu, thừa khó được, thừa vô biên, thừa biết tất cả”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ khi bố thí xe cộ cần phải phát nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí áo phải phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh được áo hổ thẹn, pháp giới che thân, xé rách áo các kiến, quần áo cách thân một thước sáu tấc, được thân kim sắc, thọ nhận những chạm xúc êm dịu không ngăn ngại, màu sáng tươi nhuận, da dẻ mịn màng, ánh sáng vô lượng không sắc lìa sắc. Nguyện cho các chúng sinh đều khắp được thân

không sắc vượt qua tất cả sắc, được vào Đại Bát Niết Bàn vô sắc”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát khi bố thí áo cần phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong sự tu tâm Từ, khi bố thí hương hoa, hương xoa, hương bột, các hương tạp thì cần phải phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh, tất cả đều được vòng hoa đẹp thất giác của Phật cài trên đầu. Nguyện cho các chúng sinh thân hình như vầng trăng tròn đầy, nhìn thấy những màu sắc vi diệu đệ nhất. Nguyện cho các chúng sinh đều thành một tướng, trăm phước trang nghiêm. Nguyện cho các chúng sinh tùy ý được thấy sắc màu vừa ý. Nguyện cho các chúng sinh thường gặp bạn lành, được hương thơm vô ngại, lìa khỏi những mùi xú ối. Nguyện cho các chúng sinh đủ các căn lành, châu báu vô lượng. Nguyện cho các chúng sinh cùng nhau vui hòa, không có ưu khổ, đầy đủ điều lành, chẳng còn lo nghĩ. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ hương giới. Nguyện cho các chúng sinh giữ giới vô ngại, hơi thơm ngào ngạt tràn đầy mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được giới bền chắc, giới vô hối, giới Nhất thiết trí, lìa khỏi những sự phá giới, được giới không, giới chưa từng có, giới vô sự, giới vô tác, giới không cấu ối, giới không nhiễm ô, giới đã hoàn thành, giới rốt ráo, giới bình đẳng. Đối với việc xoa hương vào thân và việc dùng dao chém thân đều bình đẳng không có thương hay ghét. Nguyện cho các chúng sinh được giới vô thượng, giới Đại thừa, giới chẳng phải Tiểu thừa. Nguyện cho các chúng sinh đều được đầy đủ Giới Ba-la-mật giống như sự thành tựu giới của chư Phật. Nguyện cho các chúng sinh đều được sự huân tập tu hành của bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Nguyện cho các chúng sinh đều được thành tựu hoa sen vi diệu Đại Bát Niết Bàn, hơi thơm của hoa ấy tràn ngập mười phương. Nguyện cho các chúng sinh thuần ăn món ăn hương thơm ngon vô thượng Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, giống như loài ong hút hoa chỉ lấy vị hương thơm. Nguyện cho các chúng sinh đều được thành tựu tám thân huân tập vô lượng công đức”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí hương hoa v.v... thường phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí giường nằm nên phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh được giường nằm của đấng Thiên Trung Thiên, được trí tuệ lớn, ngồi chỗ Tứ thiên, nằm giường nằm của Bồ-tát, chẳng nằm giường của Thanh văn, Phật-bích-chi, lìa khỏi giường nằm ác. Nguyện cho các chúng sinh được nằm giường an lạc, lìa khỏi giường sinh tử, thành tựu giường nằm sư tử Đại Niết-bàn. Nguyện cho các chúng sinh ngồi ở những giường này rồi lại vì vô lượng chúng sinh còn lại thị hiện thần thông sư tử du hý. Nguyện cho các chúng sinh trụ ở trong cung điện lớn Đại thừa này vì các chúng sinh diễn nói Phật tánh. Nguyện cho các chúng sinh ngồi trên giường vô thượng, chẳng bị sự hàng phục của pháp thế gian. Nguyện cho các chúng sinh được giường nhần nhục, lìa khỏi sinh tử thiếu thốn đói rét. Nguyện cho các chúng sinh được giường vô úy, lìa khỏi vĩnh viễn tất cả oán tặc phiền não. Nguyện cho các chúng sinh được giường thanh tịnh, chuyên cầu đạo Chánh chân vô thượng. Nguyện cho các chúng sinh được giường pháp thiện, thường được sự ủng hộ của bạn lành. Nguyện cho các chúng sinh được giường nằm nghiêng hông phải, y theo pháp sở hành của chư Phật”. Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm từ, khi bố thí giường nằm cần phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí nhà cửa thì phải phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh ở nhà Đại thừa, tu hành hạnh của bạn lành đã hành, tu hạnh đại bi, hạnh sáu pháp Ba-la-mật, hạnh đại chánh giác, tất cả đạo hạnh của Bồ-tát đã làm, hạnh rộng lớn vô biên như hư không. Nguyện cho các chúng sinh đều được chánh niệm, xa lìa niệm ác. Nguyện cho các chúng sinh đều được an trụ thường, lạc, ngã, tịnh, vĩnh viễn lìa khỏi bốn điên đảo. Nguyện cho các chúng sinh đều thọ trì văn tự xuất thế. Nguyện cho các chúng sinh nhất định làm khí cụ của Nhất thiết trí Vô thượng. Nguyện cho các chúng sinh đều được vào nhà cam lồ. Nguyện cho các chúng sinh tâm ban đầu, tâm ở đoạn giữa, tâm sau cùng thường vào nhà Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa. Nguyện cho các chúng sinh vào đời vị lai là

thường ở cung điện của Bồ-tát ở”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí nhà cửa thường phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí đèn sáng thì phải phát nguyện: “Vật bố thí của tôi hôm nay đều cho chung tất cả chúng sinh. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh có ánh sáng nhiều không lường, an trụ ở pháp Phật. Nguyện cho các chúng sinh thường được soi sáng. Nguyện cho các chúng sinh được sắc thân vi diệu tươi sáng đệ nhất. Nguyện cho các chúng sinh được mắt thanh tịnh, không có các màn ngăn che. Nguyện cho các chúng sinh được đước đại trí, khéo hiểu tướng vô ngã, vô chúng sinh, vô nhân, vô thọ mạng. Nguyện cho các chúng sinh đều được nhìn thấy Phật tánh thanh tịnh, giống như hư không. Nguyện cho các chúng sinh được nhục nhãn thanh tịnh nhìn suốt hằng hà sa số thế giới trong mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng Phật, soi khắp mười phương. Nguyện cho các chúng sinh được mắt vô ngại, đều được thấy Phật tánh thanh tịnh. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng đại trí phá tan tất cả tối tăm và Nhất-xiển-đề. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng vô lượng, soi khắp vô lượng thế giới của chư Phật. Nguyện cho các chúng sinh thấp ngọn đèn Đại thừa, lìa khỏi đèn Nhị thừa. Nguyện cho các chúng sinh có ánh sáng diệt tan tất cả tối vô minh, hơn cả ngàn mặt trời đồng thời chiếu soi. Nguyện cho các chúng sinh được ánh sáng lớn diệt hết tối tăm của ba ngàn đại thiên thế giới. Nguyện cho các chúng sinh đầy đủ ngũ nhãn, giác ngộ các pháp tướng, thành tựu sự giác ngộ vô sư. Nguyện cho các chúng sinh không thấy vô minh. Nguyện cho các chúng sinh đều được ánh sáng vi diệu của Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa, thị hiện giác ngộ Phật tánh chân thật của chúng sinh”. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tâm Từ, khi bố thí đèn sáng phải phát thệ nguyện kiên cố như vậy.

Nay thiện nam! Tất cả thiện căn của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, các Đức Phật Như Lai đều lấy Từ làm căn bản. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập tâm Từ như vậy có thể sinh ra vô lượng căn lành. Đó là quán bất tịnh, thở ra, hít vào, vô thường, sinh diệt, bốn niệm xứ, bảy phương tiện, ba chỗ quán, mười hai nhân duyên, vô ngã v.v... quán

pháp Noãn, pháp Đảnh, pháp Nhẫn, pháp Thế đệ nhất, thấy đạo, tu đạo, chánh căn, như ý túc, các căn, các lực, bảy Bồ-đề phần, tám thánh đạo, bốn thiền, bốn tâm vô lượng, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười nhất thiết nhập, không, vô tướng, vô nguyện, Tam-muội Vô tránh, trí biết tâm người khác và các thần thông, trí biết bản thể, trí Thanh văn, trí Duyên giác, trí Bồ-tát, trí Phật. Đây thiện nam! Những pháp như vậy Từ là căn bản. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Từ là chân thật, chẳng phải là hư dối. Nếu có người hỏi, cái gì là căn bản của tất cả các căn lành thì phải nói, chính là Từ. Do nghĩa này nên Từ là chân thật, chẳng phải là hư dối.

Này thiện nam! Có thể làm thiện thì gọi là tư duy thật. Tư duy thật tức là Từ. Từ tức là Như Lai. Từ tức là Đại thừa. Đại thừa tức là Từ, mà Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là đạo Bồ-đề, đạo Bồ-đề tức là Như Lai, Như Lai tức là Từ. Đây thiện nam! Từ tức là Đại Phạm, Đại Phạm tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ thì có thể vì tất cả chúng sinh mà làm cha mẹ. Cha mẹ tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ chính là cảnh giới của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới chư Phật chẳng thể nghĩ bàn tức là Từ. Ông phải biết, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là Phật tánh của chúng sinh. Như vậy Phật tánh bị sự che phủ của phiền não từ lâu nên khiến cho chúng sinh chẳng được nhìn thấy. Phật tánh tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là đại không, đại không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là hư không, hư không tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là Thường, Thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là lạc, lạc tức là pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là tịnh, tịnh tức là pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là ngã, ngã tức là pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là cam lồ, cam lồ tức là Từ, Từ tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là đạo vô thượng của tất cả Bồ-tát, mà đạo tức là Từ, Từ tức là Như Lai. Đây thiện nam! Từ tức là cảnh giới không lường của chư Phật Thế Tôn. Cảnh giới không

lượng tức là Từ. Ông phải biết Từ tức là Như Lai.

Này thiện nam! Từ nếu là vô thường, vô thường tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là khổ, khổ tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là bất tịnh, bất tịnh tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là vô ngã, vô ngã tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là vọng tưởng, vọng tưởng tức là Từ, thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu chẳng gọi là Thí Ba-la-mật mà Từ chẳng phải Thí Ba-la-mật thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn cho đến Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Này thiện nam! Từ nếu chẳng thể đem lại lợi ích cho chúng sinh thì Từ như vậy là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu chẳng vào đạo Nhất tướng thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu chẳng hiểu rõ các pháp thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu chẳng thể thấy tánh của Như Lai thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu thấy pháp đều là hữu tướng thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là hữu lậu mà hữu lậu là Từ thì tức là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu là hữu vi thì Từ hữu vi là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu chẳng phải trụ ở sơ trụ, chẳng phải Từ sơ trụ thì phải biết là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ nếu chẳng thể được Mười lực Phật, Bốn vô sở úy thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn. Này thiện nam! Từ có thể được bốn quả Sa-môn thì phải biết Từ này là Từ của Thanh văn.

Này thiện nam! Từ nếu là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, thì Từ như vậy chẳng phải là việc có thể nghĩ bàn của các Thanh văn, Phật-bích-chi. Này thiện nam! Từ nếu chẳng thể nghĩ bàn thì pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở Đại Bát Niết Bàn Đại Thừa tu Từ như vậy, tuy lại an trụ ở trong ngủ nghỉ mà chẳng ngủ nghỉ, siêng năng tinh tấn, tuy thường tỉnh thức mà cũng không tỉnh thức vì không ngủ. Ở trong ngủ nghỉ chư Thiên tuy hộ vệ nhưng cũng không hộ vệ vì chẳng làm ác, ngủ chẳng ác mộng, không có việc chẳng lành, vì lia

ngủ nghỉ, sau khi mạng chung tuy sinh lên cõi trời Phạm, cũng không có chỗ sinh vì được tự tại. Đây thiện nam! Phạm tu Từ thì có thể được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Đây thiện nam! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Chư Phật Như Lai cũng được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những tư duy của Đại Bồ-tát đều là chân thật, còn của Thanh văn, Duyên giác chẳng phải là chân thật, thì tất cả chúng sinh vì sao chẳng do uy lực của Bồ-tát mà đều hưởng an lạc? Nếu các chúng sinh thật chẳng được vui thì phải biết việc tu tâm Từ của Bồ-tát là không lợi ích.

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Từ của Bồ-tát chẳng phải chẳng lợi ích. Đây thiện nam! Có những chúng sinh hoặc nhất định thọ khổ, hoặc có chúng sinh chẳng thọ. Nếu có chúng sinh nhất định thọ khổ thì Từ của Bồ-tát là không lợi ích như là Nhất-xiển-đề. Nếu có thọ khổ nhưng chẳng nhất định thì Từ của Bồ-tát là lợi ích, khiến cho chúng sinh đó đều hưởng an lạc. Đây thiện nam! Ví như có người từ xa thấy sư tử, hổ báo, sài lang, quỷ La-sát v.v... tự nhiên sinh ra sợ, đi đêm thấy gốc cây cũng sinh ra kinh sợ. Đây thiện nam! Như những người tự nhiên sinh sợ này, chúng sinh thấy người tu Từ như vậy thì tự nhiên sinh ra vui. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Bồ-tát tu Từ là thật tư duy, chẳng phải không lợi ích.

Này thiện nam! Ta nói Từ này có vô lượng môn, đó là những thần thông. Đây thiện nam! Như Đề-bà-đạt-đa xúi vua A-xà-thế hại Như Lai. Lúc đó, Ta vào đại thành Vương-xá, theo thứ lớp đi khát thực, vua A-xà-thế liền thả con voi điên Hộ Tài ra, muốn cho nó hại Ta và các đệ tử. Con voi ấy bấy giờ đã đập giết vô lượng trăm ngàn chúng sinh mà chúng sinh chết rồi mùi máu xông lên nên con voi này đã ngủ phải thì cuồng say gấp bội lúc thường. Nó thấy Ta và tùy tùng mặc quần áo màu đỏ nên cho là máu nên nhắm lao vào. Trong số đệ tử của Ta người chưa lìa dục sợ hãi chạy tứ tán, chỉ trừ có A-nan. Bấy giờ, trong thành Vương-xá, tất cả muôn dân đồng thời cất tiếng kêu gào khóc lóc, nói:

“Quái thay! Hôm nay Đức Như Lai chắc chết mất, sao mà đấng Chánh Giác vội vã bị hoại diệt?”. Khi đó, ông Điều-đạt, lòng sinh vui mừng nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm diệt mất, rất hay! Từ nay về sau thật sự là biến mất! Sướng thay! Đây kể như nguyện của ta đã được thỏa”. Này thiện nam! Bấy giờ, Ta vì muốn hàng phục con voi Hộ Tài nên liền nhập vào định Từ, duỗi tay chỉ về phía voi thì liền ở năm ngón tay hiện ra năm con sư tử. Con voi này thấy rồi, lòng nó rất kinh sợ, toàn thân mọp xuống đất, lễ kính dưới chân Ta. Này thiện nam! Lúc này, năm đầu ngón tay Ta thật không có sư tử mà chính là lực thiện căn của sự tu Từ nên khiến cho con voi đó được điều phục. Lại nữa, này thiện nam! Khi Ta muốn vào Niết-bàn, bắt đầu cất bước hướng về thành Câu-thi-na. Trên con đường Ta đi, có năm trăm Lực sĩ đang sửa sang bằng phẳng, quét dọn sạch sẽ, nhưng giữa đường có một tảng đá, mọi người muốn nhấc bỏ, đem hết sức mà chẳng thể được. Ta thương xót liền khởi tâm Từ. Các Lực sĩ đó liền thấy Ta dùng ngón chân cái hất tung tảng đá lớn này lên hư không, rồi lại dùng tay tiếp lấy đặt yên vào bàn tay phải, thổi một cái khiến cho viên đá tan nát, rồi lại tụ hợp trở lại, khiến cho lòng cao ngạo của các Lực sĩ đó dứt ngay. Ta liền vì họ lược nói đủ thứ pháp chính yếu, khiến cho họ đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Bấy giờ, Như Lai thật chẳng dùng ngón chân hất tung viên đá lớn này lên trong hư không và đặt trở lại vào bàn tay phải, thổi khiến cho tan nát, lại hợp lại như cũ. Này thiện nam! Ông phải biết, đó là lực thiện căn của Từ khiến cho các Lực sĩ thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Tại Nam Thiên Trúc này có một ngôi thành lớn tên là Thủ-ba-la, ở trong thành đó có một ông trưởng giả tên là Lô-chí làm chủ dẫn đường mọi người, đã ở chỗ vô lượng Phật đời quá khứ, gieo trồng các gốc thiện. Này thiện nam! Tất cả dân chúng trong thành lớn đó tin phục tà đạo, phụng thờ phái Ni-kiền. Khi ấy, Ta muốn độ ông trưởng giả đó nên từ thành Vương-xá đi đến thành ấp kia, khoảng cách giữa hai thành là sáu mươi lăm do-tuần. Ta đi bộ đến vì muốn hóa độ những người ở đó. Những người Ni-kiền kia nghe Ta sắp đến thành Thủ-ba-la liền nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm đến đây thì dân chúng ở đây sẽ bỏ ta chẳng cung cấp. Chúng ta khốn cùng, nhờ vào

đâu mà tự sống? Phái Ni-kiền đều phân tán đi khắp nơi bảo người trong thành đó: “Sa-môn Cù-đàm nay sắp đến đây, ông Sa-môn đó bỏ bê cha mẹ, giồng ruối đó đây. Ông ta đến chỗ nào thì có thể khiến cho đất đai, lúa gạo chẳng lên nổi, muôn dân đói kém, rất nhiều người chết, tật bệnh liên miên, không thể cứu giải. Ông Cù-đàm vô lại thuận đem những quỷ thần La-sát ác để làm thị tùng. Những người cô quả nghèo cùng, không cha, không mẹ đến học hỏi theo ông ấy làm môn đồ mà lời dạy bảo toàn nói về hư không. Ông ta đi đến chỗ nào thì chỗ ấy trước tiên là không có an vui”. Những người đó nghe rồi liền ôm lòng sợ hãi, đầu mặt lễ kính dưới chân Ni-kiền mà bạch: “Thưa Đại sư! Chúng con hôm nay phải bày kế gì?”. Người Ni-kiền đáp: “Tánh Sa-môn Cù-đàm ưa rừng rậm, suối chảy, nước trong. Giả sử bên ngoài có thì cần phải phá hoại. Các người nên cùng nhau ra khỏi thành, xem chỗ nào có rừng thì chặt phá hết đùng để sót lại. Dòng suối, giếng ao v.v... đều bỏ phân, thây chết, đóng chặt cửa thành, chuẩn bị binh khí, phải dựng vách phòng hộ, siêng năng cố thủ. Giả sử ông Cù-đàm kia đến thì chớ cho đi tới trước. Nếu chẳng cho đi tới trước thì các người sẽ yên ổn. Chúng ta cũng sẽ làm đủ thứ phép thuật khiến cho ông Cù-đàm kia quay trở lại đường đi khỏi”. Dân chúng nghe lời nói này rồi thì kính vâng, thi hành. Họ chặt phá cây cối, làm ô nhiễm các dòng nước, chuẩn bị binh khí, tự phòng hộ chắc chắn. Này thiện nam! Bấy giờ, Ta đến thành đó rồi, chẳng thấy tất cả cây cối, rừng rậm, chỉ thấy mọi người trang bị binh khí, dựng vách tự thủ. Thấy việc đó rồi, Ta liền sinh lòng Từ thương xót hướng về họ thì cây cối mọc trở lại như cũ, lại sinh trưởng những cây khác nhiều chẳng thể xưng kể. Sông, ao, suối, giếng nước trong veo, tràn đầy như lưu ly xanh, mọc lên đủ thứ hoa che dày bên trên, biến vách thành ấy thành lưu ly xanh biếc, dân chúng bên trong thành đều được thấy rõ Ta và đại chúng, cửa thành tự mở ra, không ai có thể giữ được, những binh khí trang bị đều biến thành đủ thứ hoa. Trưởng giả Lô-chí làm người dẫn đầu cùng với dân chúng thành ấy theo nhau đi đến chỗ Ta. Ta liền vì họ nói đủ thứ pháp chính yếu khiến cho những người đó đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Lúc ấy Ta thật ra chẳng hóa làm đủ thứ cây cối, dòng nước trong sạch tràn đầy sông ao, biến vách thành ấy

làm lưu ly xanh biếc khiến cho muôn dân trong đó thấy rõ Ta, mở cửa thành ấy, binh khí thành hoa. Nay thiện nam! Ông phải biết, đều là sức thiện căn của Từ có thể khiến cho những người ở đó thấy được việc như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam! Trong thành Xá-vệ có người nữ Bà-la-môn tên là Bà-tư-tra chỉ có một đứa con hết mực yêu thương nhưng gặp bệnh nặng mạng chung. Bấy giờ, người đàn bà sầu não nhập tâm, cuồng loạn mất tính, khóa thân không thẹn, đi đến ngã tư đường gào khóc thất thanh: “Con ơi! Con đi chỗ nào?”. Đi cùng khắp thành ấp mà không biết mệt mỏi. Người đàn bà này đã ở chỗ các Đức Phật trước gieo trồng các gốc đức. Nay thiện nam! Ta đối với người đàn bà này khởi lòng từ bi. Lúc đó người đàn bà liền được thấy Ta, tưởng là con mình, tâm trí tỉnh lại chạy tới trước ôm lấy thân Ta như kiểu ôm con. Ta liền bảo thị giả A-nan: “Ông hãy đem y phục cho người đàn bà này”. Đã cho y phục rồi, Ta liền vì người đàn bà đó nói đủ những pháp chính yếu. Người đàn bà này nghe pháp, vui mừng phấn khởi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Lúc ấy Ta thật chẳng phải con của người đó, người đó chẳng phải là mẹ Ta, cũng không ôm Ta. Nay thiện nam! Ông phải biết, đó đều là sức thiện căn của Từ đã khiến cho người đàn bà đó thấy việc như vậy.

Lại nữa, nay thiện nam! Thành Ba-la-nại có người Ưu-bà-di tên là Ma-ha Tư-na-đạt-đa, ở đời quá khứ đã ở chỗ vô lượng chư Phật gieo trồng các căn lành. Vị Ưu-bà-di này, trong chín mươi ngày mùa hạ, thỉnh mời chúng Tăng phụng thí thuốc men chữa bệnh. Lúc đó, trong chúng có một vị Tỳ-kheo mắc bệnh nặng, lương y xem bệnh thấy cần phải dùng thuốc có thịt. Nếu có được thịt thì bệnh có thể khỏi, nếu chẳng có được thịt thì tánh mạng chẳng toàn. Người Ưu-bà-di nghe thầy thuốc nói liền mang vàng đến khắp các chợ, xướng lên: “Ai có thịt bán, ta dùng vàng để mua. Nếu ai có thịt thì giá sẽ ngang bằng vàng”. Đi cùng khắp chợ trong thành mà tìm mua chẳng được, người Ưu-bà-di này liền tự lấy dao cắt thịt vế của mình nấu thành canh cho vào đủ thứ hương liệu, đưa đến cho vị Tỳ-kheo bị bệnh. Vị Tỳ-kheo dùng rồi liền khỏi bệnh. Vị Ưu-bà-di bị vết thương khổ não chẳng thể chịu đựng nổi liền lên tiếng: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà”. Lúc ấy, Ta ở tại

thành Xá-vệ, nghe âm thanh ấy, đối với người Ưu-bà-di này khởi lên lòng đại từ. Người này liền thấy Ta đem lương dược xoa lên vết thương ấy, vết thương trở lại lành như cũ. Ta liền vì người ấy nói đủ thứ pháp. Nghe pháp rồi người ấy vui mừng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Lúc ấy Ta thật sự chẳng đi đến thành Ba-la-nại, chẳng đem thuốc thoa vết thương của người Ưu-bà-di này. Nay thiện nam! Ông phải biết, đó đều là sức thiện căn của Từ khiến cho người Ưu-bà-di đó thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Người ác Điều-đạt chẳng biết đủ, uống nhiều váng sữa nên đau đầu, đầy bụng, chịu khổ não lớn, chẳng thể chịu đựng nổi nên phát lên lời như vậy: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà”. Ta khi ấy trụ tại thành Ưu-thiên-ni, nghe âm thanh ấy liền sinh tâm Từ. Bấy giờ, Điều-đạt liền thấy Ta đi đến chỗ đó, tay xoa đầu, bụng, trao cho nước muối mà bảo uống, uống rồi thì bình phục. Nay thiện nam! Ta thật ra chẳng đi đến chỗ ông Điều-đạt xoa đầu, bụng, trao thuốc thang bảo uống. Nay thiện nam! Ông phải biết, đó đều là sức thiện căn của Từ khiến cho Điều-đạt thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Nước Kiền-tát-la có những bọn giặc cướp, số đến năm trăm kết thành bè đảng, cướp bóc làm hại rất nhiều. Vua Ba-tư-nặc lo cho nạn tung hoành hung bạo của bọn ấy, sai lính theo dõi tìm bắt. Bắt được rồi, nhà vua cho móc mắt, rồi đem bỏ chúng trong rừng rậm tối tăm. Những bọn giặc này đã từng ở chỗ Phật đời trước, gieo trồng các gốc đức. Chúng đã mất mắt rồi, chịu khổ não lớn nên đều nói lên lời này: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà! Chúng con hôm nay không người cứu giúp”. Họ khóc lóc kêu gào. Lúc ấy, Ta trụ tại Tinh xá Kỳ Hoàn nghe được âm thanh ấy sinh tâm Từ, liền có luồng gió mát thổi đủ thứ hương dược trong núi Hương đầy mắt các người ấy, mắt những người ấy trở lại như cũ, chẳng khác. Những kẻ giặc mở mắt ra liền thấy Như Lai đang ở trước mặt họ, vì họ nói pháp. Giặc nghe pháp rồi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Lúc ấy, Ta thật chẳng làm gió thổi đủ thứ hương dược trong núi Hương và trụ ở trước những người ấy nói pháp. Nay thiện nam! Ông phải biết, đó đều là sức thiện căn của Từ khiến cho bọn giặc kia thấy việc như vậy.

Lại nữa, này thiện nam! Thái tử Lưu Ly do ngu si nên phế bỏ cha mình tự lập làm vua, lại nhớ hiềm khích xưa, hại nhiều người họ Thích. Ông bắt lấy một vạn hai ngàn người con gái họ Thích, dùng hình phạt cắt tai, mũi, chặt đứt tay, chân rồi xô họ xuống hầm, hào. Những người con gái, thân chịu khổ não, nói lên: “Nam-mô Phật Đà! Nam-mô Phật Đà! Chúng con hôm nay không có ai cứu giúp!”. Họ lại gào khóc. Những người con gái này đã ở chỗ Phật đời trước gieo trồng các căn lành. Lúc ấy, Ta ở trong rừng trúc, nghe được âm thanh đó, liền khởi tâm Từ. Bấy giờ, những người con gái thấy Ta đi đến thành Ca-tỳ-la, dùng nước rửa vết thương và lấy thuốc xoa vào, khổ đau liền tiêu trừ, tai, mũi, tay, chân trở lại như cũ. Ta liền vì họ lược nói pháp chính yếu, khiến cho họ đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những người con gái ấy liền xuất gia thọ giới cụ túc ở chỗ của Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo. Này thiện nam! Bấy giờ, Như Lai thật chẳng đi đến thành Ca-tỳ-la, dùng nước rửa vết thương, thoa thuốc, dứt khổ. Này thiện nam! Ông phải biết, đó đều là lực thiện căn của Từ khiến cho những người con gái đó được việc như vậy. Tâm Bi, Hỷ, Xả cũng như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu tư duy Từ tức là chân thật, chẳng phải là hư dối. Này thiện nam! Phạm vô lượng thì chẳng thể nghĩ bàn, việc làm của Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn, việc làm của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn, Kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này cũng chẳng thể nghĩ bàn.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XV

Phẩm 20: PHẠM HẠNH 2

Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Từ, Bi, Hỷ, Xả rồi được trụ ở địa Cực ái nhất tử. Này thiện nam! Sao địa này gọi là Cực ái, lại gọi là Nhất tử? Này thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con yên ổn, lòng rất vui mừng. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, xem các chúng sinh đồng với con một, thấy người tu thiện thì phát sinh đại hoan hỷ. Vậy nên địa này gọi là Cực ái. Này thiện nam! Ví như cha mẹ thấy con gặp hoạn nạn thì lòng khổ não, xót thương sâu khổ không nỡ lia bỏ. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, thấy các chúng sinh bị sự ràng buộc bức thiết của phiền não, lòng sinh ra sâu khổ, lo nghĩ như lo nghĩ cho con, các lỗ chân lông trên thân đều rướm máu. Vậy nên địa này gọi là Nhất tử. Này thiện nam! Như khi người còn nhỏ nhặt lấy hòn đất, phân dơ, ngói, đá, xương khô, cành cây đặt vào trong miệng. Cha mẹ thấy thế rồi, sợ con bị hoạn nạn nên tay trái nắm lấy đầu, tay phải móc ra. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, thấy pháp thân của các chúng sinh chưa tăng trưởng, hoặc nghiệp thân, miệng, ý làm việc bất thiện. Bồ-tát thấy thế rồi bèn dùng tay trí cứu vớt ra, chẳng muốn cho chúng lưu chuyển sinh tử chịu những khổ não. Vậy nên địa này gọi là Nhất tử. Này thiện nam! Ví như đứa con thân yêu của cha mẹ bỏ đi mà chết mất. Cha mẹ sâu não nguyện cùng chết theo. Bồ-tát cũng vậy, thấy Nhất-xiển-đề đọa vào địa ngục cũng nguyện cùng sinh vào trong địa ngục. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề này khi thọ khổ, hoặc lòng sinh ra một niệm cải hối thì ta liền sẽ vì họ mà nói đủ thứ pháp khiến cho họ được sinh ra một niệm lành. Vậy nên địa này gọi là Nhất tử. Này thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một người con. Người con ấy ngủ, thức, đi, đứng, nằm, ngồi v.v... lòng cha mẹ luôn nghĩ đến. Nếu nó có tội lỗi thì

cha mẹ khéo nói dỗ dành, chẳng ghét bỏ con. Đại Bồ-tát cũng như vậy, thấy các chúng sinh rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc ở trong hàng trời, người làm các việc thiện, ác thì lòng thường nghĩ đến họ, chẳng buông bỏ họ. Nếu họ làm những điều ác nhất định chẳng sinh sân giận mà ghét bỏ họ. Vậy nên địa này lại gọi là Nhất tử.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đúng như lời Phật dạy, lời nói ấy bí mật. Trí con hôm nay cạn cợt làm sao có thể hiểu được. Nếu Bồ-tát trụ ở địa Nhất tử có thể như vậy thì sao thuở xưa Như Lai khi làm quốc vương hành đạo Bồ-tát đã đoạn tuyệt mạng của người Bà-la-môn? Nếu Như Lai xưa được địa này thì nên hộ niệm hần, còn nếu chẳng được thì vì nhân duyên gì mà chẳng đọa vào địa ngục? Giả sử xem tất cả chúng sinh đều bình đẳng như con đồng với La-hầu-la, thì vì sao Như Lai lại hướng về Đề-bà-đạt-đa mà nói: “Người si dại không xấu hổ, ăn nước dãi của người nhỏ ra” khiến cho ông đó nghe rồi phát sinh sân hận, dấy lên lòng bất thiện, làm chảy máu thân Phật? Đề-bà-đạt-đa tạo ác này rồi, Như Lai lại nói rằng, sẽ đọa vào địa ngục một kiếp để chịu tội. Thưa Thế Tôn! Lời nói như vậy thì làm sao đối với nghĩa này chẳng trái ngược nhau? Thưa Thế Tôn! Ông Tu-bồ-đề trụ ở địa Hư không, phạm muốn vào thành cầu xin thức ăn thức uống, trước tiên cần phải quan sát người. Nếu có người đối với mình sinh lòng ngờ vực, ganh ghét thì ông chẳng đi, thậm chí đói cùng cực cũng chẳng đi khát thực. Vì sao? Vì Tôn giả Tu-bồ-đề này luôn nghĩ: “Ta nhớ thuở xưa, ở chỗ ruộng phước đã sinh một niệm ác. Do nhân duyên này nên ta bị đọa vào địa ngục chịu đủ thứ khổ. Ta nay thà chịu đói trọn ngày chẳng ăn, nhất định chẳng khiến cho người đó đối với ta khởi lên ngờ vực mà bị đọa vào địa ngục chịu khổ nào”. Ông ấy lại nghĩ: “Nếu có chúng sinh ngờ vực ta đứng thì ta sẽ trọn ngày ngồi ngay thẳng, chẳng đứng dậy. Nếu có chúng sinh ngờ vực ta ngồi thì ta sẽ trọn ngày đứng, chẳng dời chỗ. Đi, nằm cũng vậy”. Tôn giả Tu-bồ-đề này hộ chúng sinh mà còn dấy khởi lòng như vậy, huống gì là Bồ-tát. Bồ-tát nếu được địa Nhất tử thì vì duyên gì mà Như Lai nói ra lời thô này, khiến cho các chúng sinh khởi lòng trọng ác?

–Ngày thiện nam! Ông nay chẳng nên nạn vấn là Phật Như Lai vì

các chúng sinh tạo nhân duyên phiền não. Nay thiện nam! Giả sử muôn mòng có thể uống hết biển cả, Như Lai nhất định không làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Nay thiện nam! Giả sử làm cho đại địa này đều không còn màu sắc, nước thành tướng khô cứng, lửa thành tướng lạnh, gió thành tướng đứng yên, Tam bảo, Phật tánh và cả hư không trở nên tướng vô thường thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Nay thiện nam! Giả sử người bị tội hủy phạm bốn trọng cấm và Nhất-xiển-đề bài báng chánh pháp mà hiện thân được thành mười lực, bốn vô sở úy, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Nay thiện nam! Giả sử Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... là thường trụ, bất biến thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Nay thiện nam! Giả sử những Bồ-tát Thập Trụ v.v... phạm bốn trọng cấm, làm Nhất-xiển-đề, bài báng chánh pháp thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Nay thiện nam! Giả sử tất cả vô lượng chúng sinh đoạn diệt Phật tánh, Như Lai rót ráo vào Bát-niết-bàn thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Nay thiện nam! Giả sử ném sợi tơ có thể trói buộc được gió, răng có thể phá hoại sắt, móng có thể hủy hoại núi Tu-di thì Như Lai nhất định cũng chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Thà cùng rắn độc ở chung một chỗ, thà đưa hai tay mình vào miệng sư tử, thà dùng than Khư-đà-la tắm rửa thân thể chứ chẳng nên nói rằng, Như Lai Thế Tôn làm nhân duyên phiền não cho chúng sinh. Nay thiện nam! Như Lai chân thật có khả năng vì chúng sinh đoạn trừ phiền não, nhất định chẳng tạo tác nhân duyên phiền não cho họ.

Nay thiện nam! Đúng như lời ông nói, Như Lai thuở xưa đã giết Bà-la-môn. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát thậm chí con kiến còn chẳng giết huống gì là Bà-la-môn. Bồ-tát thường làm đủ thứ phương tiện, ban cho chúng sinh thọ mạng nhiều không lường. Nay thiện nam! Phàm cho người ăn thì tức là cho mạng sống. Khi Đại Bồ-tát hành Thí Ba-la-mật thì thường thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Nay thiện nam! Tu Giới bất sát được sống lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Giới Ba-la-mật thì tức là thí cho tất cả chúng sinh thọ mạng vô lượng. Nay thiện nam!

Thận trọng cửa miệng, không gây tội lỗi thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Nhãn Ba-la-mật, thường khuyên chúng sinh chớ sinh tư tưởng oán giận, đưa cái đúng đến người, đem sai quấy về mình, không có sự tranh tụng, được thọ mạng lâu dài. Vậy khi Bồ-tát hành Nhãn Ba-la-mật thì đã thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Tinh cần tu thiện được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Tinh tấn Ba-la-mật, thường khuyên chúng sinh siêng tu pháp thiện, chúng sinh tu hành rồi được thọ mạng vô lượng. Vậy nên khi Bồ-tát hành Tinh tấn Ba-la-mật, đã thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Tu thân giữ tâm thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật thì khuyên các chúng sinh tu tâm bình đẳng. Chúng sinh tu hành rồi thì được thọ mạng lâu dài. Vậy nên khi Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật rồi thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Đối với các pháp thiện mà chẳng buông lung thì được thọ mạng lâu dài. Khi Đại Bồ-tát hành Bát nhã Ba-la-mật thì khuyên các chúng sinh đối với những pháp thiện chẳng sinh buông lung. Chúng sinh tu hành rồi thì do nhân duyên này mà được thọ mạng lâu dài. Vậy nên khi Bồ-tát hành Bát nhã Ba-la-mật rồi thí cho chúng sinh thọ mạng vô lượng. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh nhất định không đoạt lấy mạng họ. Đây thiện nam! Ông vừa hỏi là khi giết Bà-la-môn thì ta đã được địa Nhất tử này chưa? Đây thiện nam! Khi đó ta đã được rồi. Do thương xót nên ta đoạn dứt mạng căn ông ấy, chứ chẳng phải do tâm ác. Đây thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất nặng tình yêu thương mà đứa con phạm phải pháp luật nhà nước. Khi đó cha mẹ do sợ hãi nên hoặc đuổi đi, hoặc giết chết con. Tuy có sự đuổi đi, hay giết chết nhưng không có tâm ác. Đại Bồ-tát vì hộ chánh pháp cũng như vậy, nếu có chúng sinh bài báng Đại thừa thì liền dùng roi đánh đập nghiêm trị để sửa trị họ, hoặc đoạt mạng của họ là muốn khiến cho họ đổi đời để tuân tu pháp lành. Bồ-tát thường phải suy nghĩ thế này: “Dùng nhân duyên gì có thể khiến cho chúng sinh phát khởi tín tâm?”. Rồi theo phương tiện ấy mà cần phải làm cho họ. Những Bà-la-môn, sau khi mạng chung sinh vào địa ngục A-tỳ liền có ba ý nghĩ: Một là tự nghĩ, ta từ chỗ nào mà sinh đến đây? Liền tự biết từ trong nhân đạo đến. Hai là tự nghĩ, chỗ sinh

của ta hôm nay là chỗ nào? Rồi liền tự biết chính là địa ngục A-tỳ. Ba là tự nghĩ, ta do nghiệp duyên gì mà sinh đến đây? Rồi liền tự biết do việc bài báng kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng chẳng tin nhân duyên nên bị quốc chủ giết chết mà sinh đến đây. Họ nghĩ ra việc này rồi, liền đối với kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng phát sinh lòng tin kính, tức thời mạng chung, sinh vào thế giới của Đức Như Lai Cam Lô Cổ, ở đó thọ mạng đầy đủ mười kiếp. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên vào thuở xa xưa ta mới cho người đó mười kiếp thọ mạng. Sao gọi là giết? Nay thiện nam! Có người đào đất, cắt cỏ, chặt cây, bằm vằm xác chết, mắng chửi, đánh đập v.v... do những nghiệp duyên này có bị đọa vào địa ngục không?

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như sự hiểu biết của con về ý nghĩa lời nói của Phật thì người đó phải đọa vào địa ngục. Vì sao? Vì thuở xưa Phật vì hàng Thanh văn nói pháp: “Này Tỳ-kheo! Vì tất cả chúng sinh nhân tâm ác nên đọa vào địa ngục”.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Đúng như lời ông nói. Ông nên khéo thọ trì. Nay thiện nam! Nếu nhân tâm ác mà đọa vào địa ngục thì Bồ-tát bấy giờ quả thật không có tâm ác. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh thậm chí cả trùng, kiến v.v... đều phát sinh lòng thương xót làm lợi ích. Vì sao? Vì Bồ-tát giỏi biết phương tiện nhân duyên, dùng sức phương tiện muốn khiến cho chúng sinh gieo trồng các thiện căn. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên Ta vào lúc bấy giờ, dùng phương tiện khéo léo, tuy đoạt lấy mạng của Bà-la-môn ấy mà chẳng phải tâm ác. Nay thiện nam! Theo pháp của Bà-la-môn, nếu giết loài kiến dựng đầy mười xe thì không có tội báo. Muỗi, bọ chét, chấy, rận, mèo, chồn, sư tử, cọp, sói, gấu v.v... những loài trùng độc, thú ác và những thứ còn lại có thể làm hại chúng sinh có giết đầy mười xe và các loài quỷ thần, La-sát, Cưu-bàn-trà, Ca-la-phú-đơn-na làm chúng sinh điên cuồng, khờ dại cùng các loài quỷ thần có thể tạo tác sự nhiễu hại cho chúng sinh, cho dù có đoạt mất mạng chúng thì đều không có tội báo. Nếu có thể sám hối, nhịn ăn ba ngày thì tội ấy tiêu diệt, không còn. Nếu giết Hòa thượng, hại cha mẹ mình, nữ nhân và trâu bò thì vô số ngàn năm ở

trong địa ngục. Này thiện nam! Phật và Bồ-tát biết rằng, giết có ba bậc là hạ, trung, thượng. Bậc hạ là giết từ con kiến cho đến tất cả loài súc sinh, chỉ trừ Bồ-tát thị hiện sinh ra. Này thiện nam! Đại Bồ-tát do nhân duyên thệ nguyện thị hiện thọ thân súc sinh. Đó gọi là giết bậc hạ. Do nhân duyên giết bậc hạ nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chịu đủ khổ bậc hạ. Vì sao? Vì các chúng sinh có thiện căn nhỏ nhoi. Vậy nên kẻ giết chịu đủ tội báo. Đó gọi là giết bậc hạ. Giết hại bậc trung là giết từ người phạm phu cho đến A-na-hàm. Đó gọi là giết hại bậc trung. Do nhân duyên nghiệp này nên đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh chịu đủ khổ bậc vừa. Đó gọi là giết hại bậc trung. Giết hại bậc thượng là giết từ cha mẹ cho đến A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát bất thoái chuyển. Đó gọi là giết hại bậc thượng. Do nhân duyên nghiệp này nên đọa vào trong đại địa ngục A-tỳ, chịu đủ khổ bậc thượng. Đó gọi là giết hại bậc thượng. Này thiện nam! Nếu có người có thể giết Nhất-xiển-đề thì chẳng đọa vào trong ba thứ giết hại này. Này thiện nam! Những Bà-la-môn đó v.v... tất cả đều là Nhất-xiển-đề. Ví như đào đất, cắt cỏ, chặt cây, bằm vằm xác chết, mắng chửi, đánh đập v.v... không có tội báo. Giết Nhất-xiển-đề cũng như vậy, không có tội báo. Vì sao? Vì các Bà-la-môn thậm chí không có niềm tin vào năm pháp. Vậy nên tuy giết họ nhưng chẳng đọa vào địa ngục.

Này thiện nam! Trước đây ông hỏi vì sao Đức Như Lai mắng Đề-bà-đạt-đa là người ngu si ăn nước dãi. Ông cũng chẳng nên hỏi câu hỏi như vậy. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn, phạm lời nói ra đều chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Hoặc có lời nói chân thật vì sự yêu thương thế gian mà chẳng phải lúc, chẳng phải pháp, chẳng vì lợi ích thì lời nói như vậy Ta nhất định chẳng nói. Này thiện nam! Hoặc lại có lời nói thô ác hư vọng, chẳng phải lúc, chẳng phải pháp mà người nghe chẳng yêu thương, chẳng thể lợi ích thì ta cũng chẳng nói. Này thiện nam! Nếu có lời nói tuy thô nhưng chân thật, chẳng hư vọng, đúng lúc, đúng pháp, có thể làm cho tất cả chúng sinh được lợi ích, người nghe tuy chẳng vui lòng nhưng ta cần phải nói. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn Ứng Cúng Chánh Biến Tri biết phương tiện. Này thiện nam! Như Ta có một thuở, du hành trong khu rừng ở xóm làng Khoáng Dã. Tại khu rừng ấy, có một quỷ thần tên là Khoáng Dã thuần ăn máu thịt, giết hại nhiều

chúng sinh. Nó lại ở tại xóm làng ấy mỗi ngày ăn thịt một người. Nay thiện nam! Vào lúc đó, Ta vì quỷ thần kia rộng nói pháp chính yếu, nhưng quỷ thần bạo ác ngu si vô trí đó chẳng thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân làm quỷ đại lực lay động cung điện của con quỷ ấy khiến cho chỗ ở chẳng yên. Con quỷ đó liền đem quyến thuộc của nó ra khỏi cung điện, muốn đến chống trả lại. Quỷ thấy Ta, tức thời mất hồn, sợ hãi ngã lăn ra đất mê man bất tỉnh giống như người chết. Ta dùng tay từ bi xoa lên thân quỷ ấy, quỷ liền ngồi dậy mà nói như vậy: “Vui thay! Hôm nay ta được sống lại. Vị đại thần vương này đủ uy đức lớn, có lòng từ bi xả bỏ tội lỗi của ta”. Quỷ ấy liền đối với Ta phát sinh lòng tin thiện. Ta liền trở lại thân Như Lai, rồi vì quỷ ấy nói đủ thứ pháp chính yếu khiến cho quỷ thần đó thọ giới không sát sinh. Vào ngày đó, trong thôn Khoáng Dã có một ông trưởng giả theo thứ tự đáng lẽ phải chết, người trong thôn đã đưa đến giao cho quỷ thần đó. Quỷ thần nhận rồi liền đem giao cho Ta. Ta đã nhận rồi liền vì ông trưởng giả đặt lại tên là Thủ Trưởng Giả. Bấy giờ, quỷ kia liền bạch với Ta: “Bạch Thế Tôn! Con và quyến thuộc chỉ trông chờ vào máu thịt để tự sống còn. Nay đã thọ giới thì nên phải sống ra sao?”. Ta liền đáp: “Từ nay Ta sẽ bảo đệ tử Thanh văn, theo chỗ nào có tu hành pháp Phật thì đều khiến họ cho người ăn uống”. Nay thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta vì các Tỳ-kheo chế giới như vậy: “Các ông từ nay luôn phải cho quỷ Khoáng Dã đó ăn. Nếu có trú xứ nào chẳng bố thí thì phải biết, họ chẳng phải là đệ tử của Ta mà là đồ đảng quyến thuộc của thiên ma”. Nay thiện nam! Như Lai vì muốn điều phục chúng sinh nên thị hiện đủ thứ phương tiện như vậy, chẳng phải là cố làm cho quỷ đó sinh ra kinh sợ. Nay thiện nam! Ta cũng dùng cây đánh quỷ hộ pháp. Lại vào một thuở, trên một ngọn núi, Ta đã xô quỷ đầu dê rơi xuống núi. Lại ở trên ngọn cây Ta đánh ngã quỷ Hộ-di-hầu. Ta khiến cho voi Hộ Tài thấy năm con sư tử, sai thần Kim cương khủng bố Tát-già-ni-kiền, cũng dùng kim đâm vào thân của quỷ Tiểu Mao. Ta tuy làm như vậy nhưng cũng chẳng khiến cho những quỷ thần đó bị diệt mất. Ta chỉ muốn khiến cho những quỷ đó an trụ ở chánh pháp nên thị hiện đủ thứ phương tiện như vậy thôi. Nay thiện nam! Bấy giờ, Ta thật sự chẳng nhục mạ Đề-bà-đạt-đa mà Đề-bà-đạt-đa cũng chẳng ngu si ăn nước dãi

của người, cũng chẳng sinh ở trong đường ác, địa ngục A-tỳ, chịu tội một kiếp, cũng chẳng phá hoại Tăng, làm chảy máu thân Phật, cũng chẳng vi phạm bốn tội nặng, bài báng chánh pháp, kinh điển Đại thừa, chẳng phải Nhất-xiển-đề, cũng chẳng phải là Thanh văn, Phật-bích-chi. Này thiện nam! Việc ông ĐỀ-bà-đạt-đa quả thật chẳng phải là cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác biết được mà chỉ là sự thấy biết của chư Phật. Này thiện nam! Vậy nên ông nay chẳng nên nạn vấn, vì nhân duyên gì Như Lai quở trách, nhục mạ ĐỀ-bà-đạt-đa. Đối với cảnh giới của chư Phật, ông chẳng nên sinh ra lưới nghi ngờ như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ví như mía ngọt luôn luôn chưng nấu thì được đủ thứ vị. Con cũng như vậy, theo Phật luôn nghe nhiều sẽ được vị pháp, như là vị xuất gia, vị lia dục, vị tịch diệt, vị đạo... Thưa Thế Tôn! Ví như vàng ròng đem nung lâu nóng chảy, tôi luyện thì trở nên sáng sạch, điều hòa, mềm mại, màu sắc sáng loáng rực rỡ, giá trị vàng ấy khó lường. Rồi sau đó nó mới là của báu quý trọng của hàng người, trời. Bạch Thế Tôn! Như Lai cũng vậy, có trình trọng hỏi han thì mới được nghe thấy ý nghĩa sâu xa, khiến cho hành giả thọ trì phụng tu sâu sắc, khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Rồi sau đó họ mới được sự tôn trọng, cung kính, cúng dường của hàng trời, người.

Bấy giờ, Đức Phật khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Đại Bồ-tát vì muốn tạo lợi ích cho các chúng sinh nên thưa hỏi Như Lai về nghĩa sâu xa như vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên ta theo ý ông nói về pháp Đại Thừa Phương Đẳng sâu xa bí mật đó là “Cực ái như nhất tử địa”.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ-tát tu Từ, Bi, Hỷ được địa Nhất tử thì khi tu tâm Xả lại được địa gì?

Đức Phật đáp:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông khéo biết thời, biết Ta sắp nói thì ông hỏi đến. Khi Đại Bồ-tát tu tâm Xả thì được trụ ở địa Bình đẳng không như Tôn giả Tu-bồ-đề. Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở địa Bình đẳng không thì chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, vợ

con, thân tộc, bạn bè, kẻ oán người thân cho đến chẳng thấy ấm, giới, các nhập, chúng sinh, thọ mạng. Đây thiện nam! Ví như hư không không có cha mẹ, anh em, vợ con cho đến không có chúng sinh, thọ mạng. Tất cả các pháp cũng như vậy, không có cha mẹ cho đến thọ mạng. Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp cũng như vậy. Tâm Bồ-tát ấy bình đẳng như hư không kia. Vì sao? Vì Bồ-tát khéo có thể tu tập các pháp không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Không?

– Đây thiện nam! Không đó là nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không. Đại Bồ-tát quán nội không thế nào? Đại Bồ-tát này quán sát nội pháp là không. Nội pháp không này là không cha mẹ, kẻ oán, người thân, kẻ không oán không thân, chúng sinh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng, tài vật sở hữu. Trong nội pháp này, tuy có Phật tánh mà Phật tánh đó chẳng phải nội, chẳng phải ngoại. Vì sao? Vì Phật tánh thường trụ, chẳng biến dịch. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán nội không. Ngoại không thì cũng như vậy, không có nội pháp. Nội ngoại không thì cũng như vậy. Đây thiện nam! Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng, Phật tánh là chẳng ở tại hai loại không. Vì sao? Vì bốn pháp như thế là thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên bốn pháp chẳng gọi là không. Đó gọi là nội, ngoại đều không. Đây thiện nam! Hữu vi không là pháp hữu vi đều là không. Đó là nội không, ngoại không, nội ngoại không; thường, lạc, ngã, tịnh không; chúng sinh, thọ mạng, Như Lai, Pháp, Tăng, đệ nhất nghĩa không; trong đó Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi. Vậy nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Đó gọi là hữu vi không. Đây thiện nam! Thế nào là Bồ-tát quán vô vi không? Pháp vô vi này đều là không. Đó là không, vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, ấm, giới, nhập, chúng sinh, thọ mạng, tướng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp, ngoại pháp. Trong pháp vô vi, bốn pháp: Phật v.v... chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi, tánh là thiện nên chẳng phải vô vi, tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đó gọi là Bồ-tát quán vô vi không. Sao gọi là Bồ-tát quán vô thủ không? Đại Bồ-tát này thấy sinh tử vô thủ đều là không

tịch. Cái gọi không là thường, lạc, ngã, tịnh đều không tịch, không có biến dịch. Chúng sinh, thọ mạng, Tam bảo, Phật tánh và pháp vô vi cũng vậy. Đó gọi là Bồ-tát quán vô thủ không. Thế nào là Bồ-tát quán tánh không? Đại Bồ-tát này quan sát bản tánh của tất cả pháp đều không. Những cái gọi là ấm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã và vô ngã v.v... Bồ-tát quan sát tất cả các pháp như vậy mà chẳng thấy bản tánh thì đó gọi là Đại Bồ-tát quán tánh không. Thế nào là Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không? Như người không con nói rằng nhà cửa trống không. Quán không rốt ráo là không có người thân yêu. Người ngu si nói, các phương trống không. Người nghèo cũng nói, tất cả rỗng không. Các kiến chấp như vậy là hoặc không hoặc chẳng phải không. Khi Bồ-tát quan sát như người bần cùng, tất cả đều không, thì đó gọi là Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không. Thế nào là Đại Bồ-tát quán đệ nhất nghĩa không? Đây thiện nam! Khi Đại Bồ-tát quan sát đệ nhất nghĩa thì thấy mắt này khi sinh không từ đâu lại và khi nó diệt cũng không đi về đâu, xưa không nay có, đã có rồi lại không, tìm kiếm thật tánh ấy thì không mất, không chủ. Như mắt, tất cả các pháp cũng như vậy. Sao gọi là đệ nhất nghĩa không? Có nghiệp có báo mà chẳng thấy tác giả, pháp không như vậy gọi là đệ nhất nghĩa không. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán đệ nhất nghĩa không. Thế nào là Đại Bồ-tát quán không không? Trong không không này mới là chỗ mê đắm của Thanh văn, Phật-bích-chi. Đây thiện nam! Có đó, không đó thì đó gọi là không không. Đúng đó, chẳng phải đúng đó thì đó gọi là không không. Đây thiện nam! Bồ-tát Thập Trụ đối với pháp đó còn thông đạt phần ít giống như hạt bụi nhỏ, huống gì là những người khác. Đây thiện nam! Như vậy không không cũng chẳng đồng với Tam-muội Không không mà Thanh văn sở đắc. Đó gọi là Bồ-tát quán không không. Đây thiện nam! Thế nào là Đại Bồ-tát quán đại không? Đây thiện nam! Nói đại không nghĩa pháp môn là Bát nhã Ba-la-mật. Đó gọi là đại không. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát được không như vậy thì được trụ ở địa Hư không đẳng. Đây thiện nam! Ta nay ở trong đại chúng này khi nói những nghĩa không như vậy thì có mười hằng hà sa Đại Bồ-tát liền được trụ ở địa Hư không đẳng. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát trụ ở địa đó rồi thì không có tâm trở ngại, trói buộc, câu chấp, không còn mê muội

đối với tất cả pháp. Do nghĩa này nên gọi là địa Hư không đẳng. Đây thiện nam! Ví như hư không đối với sắc đáng yêu chẳng sinh tham đắm, đối với sắc chẳng yêu thương chẳng sinh sân giận. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, đối với sắc đẹp, tâm xấu không sinh tham đắm hay sân giận. Đây thiện nam! Ví như hư không rộng lớn không trở ngại đều có thể dung chứa tất cả các pháp. Đại Bồ-tát trụ trong địa này cũng như vậy, rộng lớn không trở ngại đều có thể dung chứa tất cả các pháp. Do nghĩa này nên được gọi là địa Hư không đẳng.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong địa này, đối với tất cả pháp đều thấy, đều biết. Hoặc hành, hoặc duyên, hoặc tánh, hoặc tướng, hoặc nhân, hoặc duyên, hoặc tâm chúng sinh, hoặc căn, hoặc thiền định, hoặc thừa, hoặc thiện tri thức, hoặc trì giới cấm, hoặc bố thí v.v... những pháp như vậy, Bồ-tát đều thấy biết tất cả. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát trụ trong địa này, biết mà chẳng thấy. Sao gọi là biết? Biết pháp tự nhin đối, gieo xuống vực sâu, nhảy vào lửa đỏ, tự rơi xuống từ núi cao, thường kiễng một chân, nằm lửa nướng thân, thường nằm trên tro đất, gai nhọn, cành bện, lá cây, cỏ xấu, phân bò, mặc áo vải thô, áo gai, đồ bỏ ở bãi tha ma rách rưới bẩn thỉu, áo vải khâm bà la, quần áo bằng rơm cỏ, da hươu nai, ăn rau, ăn củ rễ, cặn dầu, phân trâu, rễ cây, trái cây v.v... Nếu đi xin ăn thì giới hạn một nhà. Người chủ nhà nếu nói không thì liền bỏ đi. Giả sử người chủ đó gọi lại thì nhất định chẳng quay trở lại, chẳng ăn thịt muối, nắm thứ vị của sữa bò, đồ uống thường là nước trái cây, nước sôi, thọ trì giới của bò, giới của chó gà trĩ, lấy tro bôi thân thể, để tóc dài làm hình tướng, dùng dê khi cúng tế, trước chú nguyện, sau giết thịt, bốn tháng thờ lửa, bảy ngày hớp gió, dùng trăm ngàn ức hoa cúng dường chư Thiên. Những ước muốn nhân những việc này mà thành tựu. Những pháp như vậy mà có thể là nhân của giải thoát vô thượng thì đó là điều không có được. Đó gọi là biết. Sao gọi là chẳng thấy? Đại Bồ-tát chẳng thấy một người tu hành pháp như vậy mà được giải thoát thì đó gọi là chẳng thấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát cũng thấy, cũng biết. Thấy những gì? Thấy các chúng sinh làm những tà pháp đó nhất định đọa vào địa ngục thì đó gọi là thấy. Sao gọi là biết? Biết những chúng sinh từ địa ngục sinh ra ở trong loài người, nếu có thể tu hành Thí Ba-la-mật cho đến

đầy đủ những Nhẫn Ba-la-mật thì người đó nhất định được vào Chánh giải thoát. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại cũng có thấy, cũng có biết. Sao gọi là thấy? Thấy thường, vô thường; khổ, vui; tịnh, bất tịnh; ngã, vô ngã; đó gọi là thấy. Sao gọi là biết? Biết các Đức Như Lai nhất định chẳng rớt ráo vào Niết-bàn, biết thân Như Lai là kim cương chẳng hoại, chẳng phải là thân do phiền não thành tựu, lại chẳng phải là thân xú uế tan rã. Bồ-tát cũng lại có thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại cũng có biết, cũng thấy. Sao gọi là biết? Biết chúng sinh này thành tựu tín tâm, biết chúng sinh kia cầu Đại thừa, người này thuận dòng, người kia nghịch dòng, người này chánh trụ. Bồ-tát biết chúng sinh này đã đến bờ kia, người thuận dòng gọi là người phạm phu, người nghịch dòng là từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến Duyên giác, người Chánh trụ gọi là Bồ-tát v.v..., người đến bờ kia tức là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đó gọi là biết. Sao gọi là thấy? Đại Bồ-tát trụ ở kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa tu tâm phạm hạnh, dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sinh tạo ba nghiệp thân, miệng, ý chẳng lành nên đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thấy những chúng sinh tu nghiệp thiện thì mạng chung sẽ nhất định sinh lên trời hay trong loài người, thấy có các chúng sinh từ tối vào tối, có các chúng sinh từ tối ra sáng, có chúng sinh từ sáng vào tối, có các chúng sinh từ sáng vào sáng. Đó gọi là thấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát lại cũng biết, cũng thấy. Đại Bồ-tát biết các chúng sinh tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ; biết người này đời nay tạo thành nghiệp ác, hoặc nhân tham dục, sân giận, ngu si, nghiệp đó nhất định ứng với việc thọ báo ở địa ngục; biết người này chỉ tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên đời hiện tại thọ báo nhẹ nhàng, chẳng đọa vào địa ngục. Sao gọi là nghiệp có thể hiện báo? Sám hối phát lồ những việc ác của mình. Sau khi đã sám hối rồi lại chẳng dám làm, thành tựu đức hổ thẹn, cúng dường Tam bảo, luôn tự quở trách. Do nhân duyên nghiệp thiện này, người đó chẳng rơi vào địa ngục mà ở đời hiện tại thọ quả báo như là đau đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết bất đắc kỳ tử, bị quở trách, mạ nhục, đánh đập, giam cầm đói khát, khốn khổ v.v... biết thọ những quả báo nhẹ ở đời hiện tại như vậy, đó gọi là biết. Sao gọi là thấy? Đại Bồ-tát thấy

người như vậy chẳng thể tu tập thân, giới, tuệ tạo chút ít nghiệp ác, do nhân duyên nghiệp này nên thọ báo hiện tại. Người này ít ác nhưng chẳng thể sám hối, chẳng tự quở trách, chẳng sinh hổ thẹn, không có sợ sệt. Nghiệp này nếu lớn thêm thì thọ quả báo địa ngục. Đó gọi là thấy. Lại có biết mà chẳng thấy. Sao gọi là biết mà chẳng thấy? Biết các chúng sinh đều có Phật tánh, vì bị sự che phủ của các phiền não nên chẳng thể thấy được. Đó gọi là biết mà chẳng thấy. Lại có biết mà ít thấy. Đại Bồ-tát Thập Trụ v.v... biết các chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng thấy chẳng rõ ràng giống việc nhìn trong đêm tối chẳng rõ ràng. Lại cũng thấy, cũng biết, đó là chư Phật Như Lai cũng thấy, cũng biết. Lại cũng thấy, cũng biết, chẳng thấy, chẳng biết. Cũng thấy cũng biết, đó là văn tự, ngôn ngữ, nam nữ, xe cộ, bình chầu, nhà cửa, thành ấp, quần áo, ăn uống, núi sông, vườn rừng, chúng sinh, thọ mạng v.v... trong thế gian. Đó gọi là cũng biết, cũng thấy. Sao gọi là chẳng thấy, chẳng biết? Lời nói vi mật của Thánh nhân không có trai gái... cho đến vườn rừng. Đó gọi là chẳng thấy chẳng biết. Lại có biết mà chẳng thấy. Biết cái ban cho, biết chỗ cung cấp, biết kẻ thọ nhận, biết nhân quả báo ứng, đó gọi là biết. Sao gọi là chẳng thấy? Chẳng thấy vật cho, chỗ cung cấp, người thọ nhận và cả quả báo, đó gọi là chẳng thấy cái biết của Đại Bồ-tát có tám thứ tức là cái biết bằng ngũ nhãn của Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát có thể biết như vậy được những lợi gì?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát có thể biết như thế được bốn vô ngại là pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là biết tất cả pháp và tên gọi của pháp. Nghĩa vô ngại là, biết những nghĩa của tất cả pháp, có thể tùy theo tên gọi của các pháp mà tạo nghĩa. Từ vô ngại là, luận theo chữ, luận theo chính âm, luận về pháp cú, luận về biện luận ở đời. Nhạo thuyết vô ngại là, nói Đại Bồ-tát phạm có sự diễn nói thì không có chướng ngại, chẳng thể chuyển động, không sợ kinh sợ, khó có thể hàng phục. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát có thể thấy biết như vậy liền được bốn trí vô ngại. Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là Đại Bồ-tát biết cùng khắp pháp của

Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật. Nghĩa vô ngại là, thừa tuy có ba nhưng biết chúng quy về một, nhất định chẳng cho là có tướng sai khác. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát ở trong một pháp tạo tác đủ thứ tên, trải qua vô lượng kiếp, nói chẳng thể cùng tận. Thanh văn, Duyên giác mà có thể nói được như thế thì đó là điều không có. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát ở vô lượng kiếp, vì các chúng sinh diễn nói các pháp mà hoặc tên, hoặc nghĩa, đủ thứ sai khác, nói chẳng thể cùng tận. Lại nữa, này thiện nam! Pháp vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết các pháp mà chẳng chấp trước. Nghĩa vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết các nghĩa mà chẳng chấp trước. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết danh tự mà cũng chẳng chấp trước. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát tuy biết nói thông suốt tối thượng như vậy mà cũng chẳng chấp trước. Vì sao? Này thiện nam! Vì nếu chấp trước thì chẳng gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng chấp trước thì chẳng biết pháp. Nếu biết pháp thì tức là chấp trước. Nếu biết pháp mà chẳng chấp trước thì không có cái để biết làm sao Như Lai nói rằng, biết pháp mà chẳng chấp trước?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phàm đã chấp trước thì chẳng gọi là vô ngại. Không có sự chấp trước mới gọi là vô ngại. Này thiện nam! Vì vậy tất cả các Bồ-tát có chấp trước thì không có vô ngại, mà nếu không có vô ngại thì chẳng gọi là Bồ-tát, phải biết người này gọi là phàm phu. Vì sao chấp trước gọi là phàm phu? Vì tất cả phàm phu chấp trước sắc cho đến chấp trước thức. Do chấp trước sắc nên sinh ra lòng tham, vì sinh lòng tham nên bị sắc trói buộc cho đến bị sự trói buộc của thức. Do bị trói buộc nên chẳng được thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, tất cả phiền não đại khổ. Vậy nên chấp trước gọi là phàm phu. Do nghĩa này nên tất cả phàm phu không có bốn vô ngại. Này thiện nam! Đại Bồ-tát đã ở trong vô lượng vô số kiếp, thấy biết pháp tướng. Do thấy biết nên biết được nghĩa của những pháp ấy. Do thấy pháp tướng và biết cả nghĩa nên ở trong sắc mà chẳng sinh chấp trước ràng buộc cho đến ở trong thức cũng như vậy. Do chẳng chấp trước nên Bồ-tát đối với sắc chẳng sinh lòng tham cho đến ở trong thức cũng chẳng sinh tham. Do

không tham nên chẳng bị sự trói buộc của sắc cho đến chẳng bị sự trói buộc của thức. Do chẳng bị trói buộc nên được thoát khỏi tất cả phiền não sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, đại khổ. Do nghĩa này nên tất cả Bồ-tát được bốn vô ngại. Đây thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta vì đệ tử, trong mười hai bộ loại kinh điển nói rằng chấp trước thì gọi là sự trói buộc của ma. Nếu chẳng chấp trước thì thoát khỏi sự trói buộc của ma. Ví như ở đời có người có tội thì bị vua bắt trói, người không tội thì vua chẳng bắt trói. Đại Bồ-tát cũng như vậy, có chấp trước thì bị sự trói buộc của ma, không có chấp trước thì ma chẳng thể ràng buộc. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát không có sự chấp trước.

Lại nữa, đây thiện nam! Pháp vô ngại là Đại Bồ-tát khéo biết danh tự, gìn giữ chẳng quên mất. Cái mà gọi là giữ gìn là, như đất, như núi, như mắt, như mây, như người, như mẹ. Tất cả các pháp cũng như vậy. Nghĩa vô ngại là, Bồ-tát tuy biết tên gọi các pháp mà chẳng biết nghĩa. Bồ-tát đắc sự vô ngại của nghĩa thì biết nghĩa. Sao gọi là biết nghĩa? Gọi sự giữ gìn của đất là, như đất giữ gìn khắp tất cả chúng sinh và chẳng phải chúng sinh. Do nghĩa này nên gọi là sự giữ gìn của đất. Đây thiện nam! Gọi sự giữ gìn của núi là, Đại Bồ-tát khởi lên suy nghĩ thế này: “Vì sao gọi là sự giữ gìn của núi? Núi có thể giữ gìn đất khiến cho không nghiêng đổ. Vậy nên gọi là giữ gìn. Vì sao lại gọi là sự giữ gìn của mắt? Mắt có thể giữ ánh sáng nên gọi là giữ gìn. Vì sao lại gọi là sự giữ gìn của mây? Mây gọi là hơi rỗng, hơi rỗng giữ nước nên gọi là sự giữ gìn của mây. Vì sao lại gọi là sự giữ gìn của người? Vì người có thể giữ gìn pháp và cả phi pháp nên gọi là sự giữ gìn của người. Vì sao lại gọi là sự giữ gìn của mẹ? Vì mẹ có thể giữ gìn con nên gọi là sự giữ gìn của mẹ. Đại Bồ-tát biết tên gọi câu nghĩa của tất cả pháp cũng như vậy. Từ vô ngại là, Đại Bồ-tát dùng đủ thứ lời để diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa, giống như tên gọi trai, gái, nhà cửa, xe cộ, chúng sinh v.v... Vì sao vô nghĩa? Đây thiện nam! Phạm nói nghĩa chính là cảnh giới của các Đức Phật, Bồ-tát, còn ngôn từ là cảnh giới của phạm phu. Do biết nghĩa nên được từ vô ngại. Nhạo thuyết vô ngại là, Đại Bồ-tát biết từ, biết nghĩa, nên ở trong vô lượng vô số kiếp nói từ nói nghĩa mà chẳng thể cùng tận. Đó gọi là Nhạo thuyết vô ngại. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong vô lượng vô số kiếp đã tu hành thế đế.

Do đã tu hành nên biết pháp là vô ngại. Bồ-tát lại ở vô lượng vô số kiếp tu đệ nhất nghĩa để nên được nghĩa vô ngại, cũng ở vô lượng vô số kiếp tu tập luận Tỳ-dà-la-na nên được từ vô ngại, cũng ở vô lượng vô số kiếp tu tập luận thuyết thế đế nên được nhạo thuyết vô ngại. Đây thiện nam! Thanh văn, Duyên giác nếu có được bốn vô ngại này thì đó là điều không có. Đây thiện nam! Trong chín bộ loại kinh điển Ta nói, hàng Thanh văn, Duyên giác có bốn vô ngại, nhưng hàng Thanh văn, Duyên giác thật ra không có. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát vì độ chúng sinh nên tu Bốn trí vô ngại như vậy. Hàng Duyên giác tu pháp tịch diệt, chỉ ưa ở một mình, nếu giáo hóa chúng sinh thì chỉ hiện thần thông, trọn ngày lặng thinh, không tuyên thuyết điều gì cả thì sao có Bốn trí vô ngại? Vì sao lặng thinh mà không nói điều gì? Vì Duyên giác chẳng thể nói pháp độ người, khiến cho họ được pháp noãn, pháp đánh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi, và Đại Bồ-tát chẳng thể khiến cho người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Đây thiện nam! Duyên giác ra đời, thế gian không có chín bộ loại kinh điển. Vậy nên Duyên giác không có từ vô ngại và nhạo thuyết vô ngại. Đây thiện nam! Hàng Duyên giác tuy biết các pháp nhưng không có pháp vô ngại. Vì sao? Vì pháp vô ngại thì gọi là biết văn tự. Hàng Duyên giác tuy biết văn tự nhưng không có văn tự vô ngại. Vì sao? Vì họ chẳng biết hai chữ thường trụ. Vậy nên hàng Duyên giác chẳng được pháp vô ngại. Hàng Duyên giác tuy biết nghĩa nhưng không có sự vô ngại đối với nghĩa. Người chân thật biết nghĩa là, biết các chúng sinh đều có Phật tánh. Nghĩa của Phật tánh là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên hàng Duyên giác chẳng được gọi là nghĩa vô ngại. Vậy nên tất cả hàng Duyên giác không có bốn trí vô ngại. Sao gọi là hàng Thanh văn không có bốn vô ngại? Vì hàng Thanh văn không có ba thứ phương tiện khéo léo. Những gì là ba? Một là cần phải nói lời dịu dàng, sau đó mới trao truyền giáo pháp. Hai là cần phải nói lời thô tháo, sau đó mới giáo hóa. Ba là chẳng dịu dàng, chẳng thô tháo, sau đó giáo hóa. Hàng Thanh văn không có ba thứ này nên không có bốn vô ngại. Lại nữa, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết rốt ráo từ, nghĩa, không có trí tự tại biết được các cảnh giới, không có Mười lực, Bốn vô sở úy,

chẳng thể rót ráo qua được dòng sông lớn Mười hai nhân duyên; chẳng thể biết các căn lợi, độn sai khác của chúng sinh, chưa thể đoạn trừ vĩnh viễn lòng nghi hoặc hai đế, chẳng biết các loại cảnh giới sở duyên của tâm chúng sinh, chẳng thể khéo nói đệ nhất nghĩa không. Vậy nên hàng Nhị thừa không có bốn vô ngại.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hàng Thanh văn, Duyên giác, tất cả không có bốn vô ngại thì sao Như Lai nói rằng, Xá-lợi-phất trí tuệ đệ nhất, Đại-mục-kiền-liên thần thông đệ nhất, Ma-ha Câu-hy-la bốn vô ngại đệ nhất? Nếu như những vị ấy không có thì vì sao Như Lai nói như vậy?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Bồ-tát Ca-diếp:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ví như sông Hằng có vô lượng nước, nước sông lớn Tân-đầu cũng vô lượng, nước sông lớn Bác-xoa cũng vô lượng, nước sông lớn Tất-đà cũng vô lượng, nước trong ao A-nậu-đạt cũng vô lượng, nước trong biển cả cũng vô lượng. Như vậy, những lượng nước tuy đồng là vô lượng, nhưng nước ấy nhiều ít thật ra chẳng bằng nhau. Bốn trí vô ngại của hàng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát cũng như vậy. Nay thiện nam! Nếu nói ngang bằng thì đó là điều không có. Nay thiện nam! Ta vì phàm phu mà nói rằng bốn trí vô ngại của Ma-ha Câu-hy-la là tối đệ nhất. Về câu hỏi của ông thì nghĩa ấy là như vậy. Nay thiện nam! Hàng Thanh văn hoặc có được một vô ngại, hoặc có được hai, còn nếu đầy đủ cả bốn thì đó là điều không có.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời nói trước đây của Phật trong phẩm Phạm hạnh, Bồ-tát thấy biết được bốn vô ngại. Nếu Bồ-tát thấy biết thì không sợ đắc, cũng không có tâm nói rằng không sợ đắc. Thưa Thế Tôn! Đại Bồ-tát này thật không sợ đắc. Nếu khiến cho tâm Bồ-tát có sợ đắc thì chẳng phải là Bồ-tát mà gọi là phàm phu. Thế sao Như Lai nói rằng Bồ-tát có sợ đắc?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Hay thay! Hay thay! Điều Ta sắp muốn nói thì ông lại hỏi. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có sợ đắc, mà không sợ đắc thì gọi là Bốn vô ngại. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên không

sở đắc thì gọi là vô ngại. Nếu có sở đắc thì gọi là ngại, mà có chướng ngại thì gọi là bốn điên đảo. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát không có bốn điên đảo nên được vô ngại. Vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là tuệ. Đại Bồ-tát được tuệ ấy gọi là vô sở đắc. Có sở đắc gọi là vô minh. Bồ-tát vĩnh viễn đoạn trừ bóng tối vô minh nên gọi là vô sở đắc. Như vậy nên gọi Bồ-tát là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc gọi là Đại Niết-bàn. Đại Bồ-tát an trụ trong Đại Niết-bàn như vậy thì chẳng thấy tánh tướng của tất cả các pháp, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là hai mươi lăm hữu, mà Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn hai mươi lăm hữu, được Đại Niết-bàn, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là Đại thừa. Đại Bồ-tát chẳng trụ các pháp nên được Đại thừa, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là đạo Thanh văn, Phật-bích-chi. Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn đạo Nhị thừa nên được Phật đạo, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là kinh Phương Đẳng. Đại Bồ-tát đọc tụng kinh như vậy nên được Đại Niết-bàn, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là mười hai bộ loại kinh điển. Việc tu hành của Bồ-tát, thuần nói kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là hư không. Thế gian không có vật gọi là hư không. Bồ-tát được Tam-muội hư không này thì không sở kiến, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là luân hồi sinh tử. Tất cả phàm phu luân hồi sinh tử nên có sở kiến. Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn tất cả sinh tử, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát không sở đắc thì gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Đại Bồ-tát thấy Phật tánh nên được thường, lạc, ngã, tịnh, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đại Bồ-tát đoạn trừ vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh này, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là đệ nhất nghĩa không. Đại Bồ-tát quan sát đệ nhất nghĩa không đều không sở kiến, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là năm kiến chấp. Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn năm kiến chấp này nên được đệ nhất nghĩa không, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam! Vô sở đắc thì gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đều không sở kiến, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc thì gọi là Bồ-đề của Thanh văn, Duyên giác. Bồ-tát vĩnh viễn đoạn dứt Bồ-đề của Nhị thừa, vậy nên Bồ-tát gọi là vô sở đắc. Nay thiện nam! Câu hỏi của ông cũng vô sở đắc, lời nói của Ta cũng vô sở đắc. Nếu nói có sở đắc là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của Ta.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khi Thế Tôn vì con mà nói là Bồ-tát vô sở đắc thì vô lượng chúng sinh đoạn trừ tâm hữu tướng. Do việc này nên con mới dám thưa hỏi về nghĩa của vô sở đắc, khiến cho vô lượng chúng sinh như vậy v.v... lìa khỏi quyến thuộc của ma, làm đệ tử của Đức Phật.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai trước đây vì ông Thuần-đà nói kệ:

*Xưa có nay không
Xưa không nay có
Pháp ba đời có
Không có điều đó.*

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Ta vì hóa độ các chúng sinh mà nói lời đó, cũng vì Thanh văn, Phật-bích-chi mà nói lời đó, vì Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử mà nói lời đó, chứ chẳng chỉ vì một mình Thuần-đà mà nói bài kệ đó. Khi ấy Văn-thù-sư-lợi sắp hỏi Ta, Ta biết ý ông ấy nên đã vì ông ấy nói rồi. Ta đã nói xong, Văn-thù-sư-lợi liền được hiểu rõ.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Thưa Thế Tôn! Như Văn-thù-sư-lợi v.v... có bao nhiêu người để có thể rõ nghĩa này? Cúi xin Thế Tôn lại vì đại chúng phân biệt giảng nói rộng rãi.

–Nay thiện nam! Hãy lắng nghe! Nay Ta sẽ vì ông diễn bày vấn đề đó một lần nữa. Nói rằng xưa có là, Ta thuở xưa vốn có vô lượng phiền não. Do phiền não nên hiện tại không có Đại Bát Niết Bàn. Nói rằng xưa không là, vốn không Bát nhã Ba-la-mật. Do không Bát nhã Ba-la-mật nên hiện tại có đủ các phiền não kiết. Nếu có Sa-môn, Bà-

la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai có phiền não, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói xưa có là, Ta thuở xưa vốn có thân cha mẹ hòa hợp. Vậy nên hiện tại không có thân pháp kim cương vi diệu. Nói rằng xưa không là, thân của Ta không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nên hiện tại có đủ bốn trăm linh bốn bệnh. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại, vị lai có bệnh khổ thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta xưa vốn có vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh nên hiện tại không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nói rằng xưa không là, vốn chẳng thấy Phật tánh. Do chẳng thấy Phật tánh nên không có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai không có thường, lạc, ngã, tịnh, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, vốn có tâm phàm phu tu khổ hạnh cho là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do việc này nên hiện tại chẳng thể phá hoại bốn ma. Nói rằng xưa không là, Ta vốn không có sáu pháp Ba-la-mật. Do không có sáu pháp Ba-la-mật nên tâm phàm phu tu hành khổ hạnh, gọi là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai có khổ hạnh, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta xưa vốn có thân tạp thực. Do thân tạp thực nên hiện tại không có thân vô biên. Nói rằng xưa không là, vốn không có ba mươi bảy pháp trợ đạo. Do không có ba mươi bảy phẩm trợ đạo nên hiện tại có đủ thân tạp thực. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai có thân tạp thực, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta xưa vốn có tâm chấp trước tất cả pháp. Do việc này nên hiện tại không có định rốt ráo “Không”. Nói rằng xưa không là, Ta vốn không có nghĩa thật trung đạo. Do không có nghĩa chân thật của trung đạo nên đối với tất cả pháp có tâm chấp trước. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-

môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai nói tất cả pháp là có tướng, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta khi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có các đệ tử Thanh văn độn căn. Do có đệ tử Thanh văn độn căn nên chẳng được diễn nói Nhất thừa chân thật. Nói rằng xưa không là, vốn không có tướng vương trong hạng người lợi căn như Bồ-tát Ca-diếp v.v... Do không có người lợi căn như Ca-diếp v.v... nên tùy nghi dùng phương tiện khai thị ba thừa. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai hoàn toàn diễn nói pháp ba thừa, thì đó là điều không có. Lại nữa, này thiện nam! Nói rằng xưa có là, Ta vốn nói rằng, sau ba tháng nữa, ở Ta-la song thọ sẽ vào Niết-bàn. Vậy nên hiện tại chẳng được nói kinh điển Phương Đẳng Đại Bát Niết Bàn. Nói rằng xưa không là, vốn không có Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v... Do không có nên hiện tại nói rằng, Như Lai vô thường. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc người nói rằng, Như Lai quá khứ, hiện tại và vị lai vô thường, thì đó là điều không có.

Này thiện nam! Như Lai vì các chúng sinh nên tuy biết các pháp nhưng nói rằng chẳng biết, tuy thấy các pháp nhưng nói rằng chẳng thấy, pháp có tướng mà nói rằng không tướng, pháp không tướng nói rằng có tướng, thật có vô thường mà nói rằng thường, thật thường mà nói rằng vô thường. Lạc, ngã, tịnh v.v... cũng như vậy. Pháp ba thừa nói rằng một thừa, pháp một thừa tùy nghi nói ba thừa, tướng lược nói rộng, tướng rộng nói lược, pháp bốn trọng nói là Thâu-lan-giá, pháp Thâu-lan-giá nói pháp bốn trọng, phạm nói chẳng phải phạm, chẳng phải phạm nói phạm, khinh tội nói trọng, trọng tội nói khinh. Vì sao? Vì Như Lai thấy rõ ràng căn của chúng sinh. Này thiện nam! Như Lai tuy nói thế nhưng nhất định không hư vọng. Vì sao? Vì lời nói hư vọng tức là tội lỗi. Như Lai đã đoạn dứt hết tất cả tội lỗi thì làm sao có lời hư vọng? Này thiện nam! Như Lai tuy lời nói không hư vọng nhưng nếu biết chúng sinh nhân nói hư vọng mà được pháp lợi thì Như Lai tùy nghi phương tiện vì họ nói. Này thiện nam! Tất cả thế đế, nếu đối với Như Lai thì tức là đệ nhất nghĩa đế. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn vì đệ

nhất nghĩa đế nên nói đến thế đế, cũng khiến cho chúng sinh được đệ nhất nghĩa đế. Nếu khiến cho chúng sinh chẳng được đệ nhất nghĩa đế như vậy thì các Đức Phật nhất định chẳng tuyên nói thế đế. Nay thiện nam! Có lúc Như Lai diễn nói thế đế mà các chúng sinh gọi là Phật nói đệ nhất nghĩa đế. Có lúc diễn nói đệ nhất nghĩa đế mà các chúng sinh gọi là Phật diễn nói thế đế. Đó là cảnh giới sâu xa vi diệu của các Đức Phật, chẳng phải là đối tượng hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nay thiện nam! Ông trước chẳng nên vấn nạn, Đại Bồ-tát vô sở đắc. Bồ-tát thường đắc đệ nhất nghĩa đế thì sao nạn vấn là vô sở đắc?

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là đạo, cũng gọi là Bồ-đề, Niết-bàn. Nếu có Bồ-tát nói rằng có đắc đạo, Bồ-đề, Niết-bàn thì tức là vô thường. Vì sao? Vì pháp, nếu thường thì không thể đắc, giống như hư không thì ai có đắc. Thưa Thế Tôn! Như vật của thế gian vốn không mà nay có nên gọi là vô thường. Đạo cũng như vậy, đạo có đắc thì gọi là vô thường. Pháp, nếu thường thì không đắc, không sinh, giống như Phật tánh không đắc, không sinh. Thưa Thế Tôn! Phạm là đạo thì chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng sắc, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không v.v... thì sao Đức Như Lai nói rằng có thể đắc Bồ-đề, Niết-bàn cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Nay thiện nam! Đạo có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Tướng Bồ-đề cũng có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Niết-bàn cũng vậy. Đạo của ngoại đạo thì gọi là vô thường. Đạo của nội đạo thì gọi là thường. Bồ-đề của Thanh văn, Duyên giác thì gọi là vô thường. Bồ-đề của các Đức Phật, Bồ-tát thì gọi là thường. Giải thoát bên ngoài thì gọi là vô thường. Giải thoát bên trong thì gọi là thường. Nay thiện nam! Đạo cùng Bồ-đề và cả Niết-bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sinh thường bị sự che phủ của vô lượng phiền não không có mắt tuệ nên chẳng thể thấy được. Nhưng các chúng sinh vì muốn thấy nên tu giới, định, tuệ. Do tu hành nên họ thấy đạo, Bồ-đề và cả Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát đắc đạo, Bồ-đề và Niết-bàn. Tánh tướng

của đạo thật chẳng sinh diệt. Do nghĩa này nên chẳng thể nắm bắt. Này thiện nam! Đạo tuy không hình tướng để có thể thấy, có thể cân lường, có thể biết mà thật hữu dụng. Này thiện nam! Như tâm chúng sinh tuy chẳng phải sắc, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải thô, chẳng phải tế, chẳng phải trói, chẳng phải mở, chẳng phải là pháp có thể thấy mà cũng là có. Do nghĩa này nên Ta vì ông Tu-đạt nói, tâm trưởng giả làm chủ ngôi thành. Nếu trưởng giả chẳng hộ trì tâm thì chẳng hộ trì thân, miệng, nếu đã hộ trì tâm thì hộ trì thân, miệng. Do chẳng khéo hộ trì thân, miệng này nên khiến cho các chúng sinh rơi vào ba đường ác. Hộ trì thân, miệng thì khiến cho chúng sinh được Niết-bàn của hàng trời, người, được gọi là chân thật, nếu chẳng được thì gọi là chẳng chân thật. Này thiện nam! Đạo cùng Bồ-đề và cả Niết-bàn cũng như vậy, cũng có, cũng thường. Như những điều ấy không thì làm sao có thể đoạn tất cả phiền não? Do những điều ấy có nên tất cả Bồ-tát tỏ rõ thấy biết. Này thiện nam! Thấy có hai thứ, một là thấy tướng mạo, hai là thấy tỏ rõ. Sao gọi là thấy tướng mạo? Như từ xa thấy khói thì gọi là thấy lửa mà thật chẳng thấy lửa. Tuy chẳng thấy lửa nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Thấy chim hạc trong không liền nói rằng thấy nước. Tuy chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy hoa lá liền nói thấy rễ cây. Tuy chẳng thấy rễ cây nhưng chẳng phải hư vọng. Như người xa xa thấy sừng trâu ở bờ đậu liền nói thấy trâu. Tuy chẳng thấy trâu nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy nữ nhân mang thai liền nói thấy dục. Tuy chẳng thấy dục nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây sinh lá liền nói thấy nước. Tuy chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Lại như thấy mây liền nói thấy mưa. Tuy chẳng thấy mưa nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy thân nghiệp và cả khẩu nghiệp liền nói thấy tâm. Tuy chẳng thấy tâm nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Đó gọi là thấy tướng mạo. Sao gọi là thấy tỏ rõ? Như mắt thấy sắc. Này thiện nam! Như người mắt sáng chẳng hoại, tự xem trái cây A-ma-lặc trong bàn tay. Đại Bồ-tát thấy tỏ rõ đạo, Bồ-đề, Niết-bàn cũng như vậy. Tuy thấy tướng như vậy nhưng không có tướng thấy. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta thuở trước bảo ông Xá-lợi-phất: “Điều mà tất cả Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc

người trong thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thì chỉ có Như Lai là biết, thấy, hiểu hết và các Bồ-tát cũng như vậy. Nay Xá-lợi-phất! Điều mà thế gian thấy, biết, hiểu thì Ta cùng Bồ-tát cũng biết, thấy, hiểu. Điều mà chúng sinh thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, họ cũng chẳng tự biết là chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Còn điều mà chúng sinh thế gian biết, thấy, hiểu thì liền tự nói, ta biết, ta thấy, ta hiểu. Nay Xá-lợi-phất! Như Lai biết, thấy, hiểu tất cả mà cũng chẳng tự nói rằng, ta biết, thấy, hiểu, tất cả. Bồ-tát cũng như vậy. Vì sao? Vì giả sử Như Lai khởi tướng biết, thấy, hiểu thì phải biết đó chẳng phải là Phật Thế Tôn mà gọi là phàm phu. Bồ-tát cũng vậy”.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVI

Phẩm 20: PHẠM HẠNH 3

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Như Phật Thế Tôn vì Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Điều thế gian biết, Ta cũng biết, điều thế gian không biết, Ta cũng biết hết”. Nghĩa đó như thế nào?

–Này thiện nam! Tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu Phật tánh. Nếu có biết, thấy, hiểu Phật tánh thì chẳng gọi là thế gian mà gọi là Bồ-tát. Người thế gian cũng lại chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu Mười hai bộ loại kinh điển, Mười hai nhân duyên, Bốn điên đảo, Bốn đế, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bát Niết Bàn. Nếu họ biết, thấy, hiểu thì chẳng gọi là thế gian mà phải gọi là Bồ-tát. Này thiện nam! Đó gọi là thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Sao gọi là điều biết, thấy, hiểu của thế gian? Đó là gọi Phạm thiên, Tự Tại thiên, Bát Tý thiên v.v..., tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp là chủ tạo hóa, thế giới chung, thỉ, chấp hai kiến đoạn, thường. Nói rằng, Sơ thiên cho đến Phi tướng phi phi tướng gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Đó gọi là sự biết, thấy, hiểu của thế gian. Đại Bồ-tát đối với việc như vậy cũng biết, thấy, hiểu. Bồ-tát biết, thấy, hiểu như vậy rồi, nếu nói rằng, chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thì đó là hư vọng, mà pháp hư vọng thì là tội lỗi. Vì tội lỗi nên đọa vào địa ngục. Này thiện nam! Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn nói rằng, không có đạo, Bồ-đề, Niết-bàn thì phải biết hạng người này gọi là Nhất-xiển-đề, là quyến thuộc của ma, gọi là bài báng pháp. Bài báng pháp như vậy gọi là bài báng chư Phật. Người như vậy chẳng gọi là thế gian, chẳng gọi là chẳng phải thế gian.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp nghe việc như vậy rồi liền dùng kệ mà

khen ngợi Đức Phật:

*Đáng thương xót chúng sinh
Nên nay con về nương
Khéo nhỏ mọi tên độc
Nên xưng Đại Y Vương.
Thầy thuốc ở thế gian
Trị lành nhưng bệnh lại
Đức Như Lai trị bệnh
Hoàn toàn chẳng tái phát
Thuốc cam lồ của Phật
Dem ban cho chúng sinh
Mà chúng sinh đã uống
Thì chẳng chết, chẳng sinh
Vì con nay Đức Phật
Diễn nói Đại Niết-bàn
Chúng sinh nghe bí tạng
Liên đắc chẳng sinh diệt.*

Bồ-tát Ca-diếp nói bài kệ này rồi, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, điều mà tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, Bồ-tát đều có thể biết, thấy, hiểu. Giả sử Bồ-tát là người thế gian thì không được nói, thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu mà Bồ-tát có thể biết, thấy, hiểu. Nếu chẳng phải là thế gian thì có tướng gì khác?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nói Bồ-tát cũng là thế gian, cũng chẳng phải là thế gian; chẳng biết, thấy, hiểu thì gọi là thế gian, còn biết, thấy, hiểu thì chẳng gọi là thế gian. Ông nói có gì khác, thì Ta nay sẽ nói. Này thiện nam! Hoặc nam hoặc nữ, nếu mới nghe kinh Niết-bàn này mà liền sinh ra kính tín phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó gọi là Bồ-tát thế gian. Mà tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thì như vậy Bồ-tát cũng đồng thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Bồ-tát nghe kinh Niết-bàn này rồi biết có thế gian chẳng biết, thấy, hiểu điều mà Bồ-tát đáng lẽ phải biết, thấy, hiểu. Biết việc đó rồi, Bồ-tát liền tự tư duy: “Ta phải dùng phương tiện gì để tu tập

cho được biết, thấy, hiểu”. Rồi lại tự nghĩ: “Chỉ có chí tâm tu trì tịnh giới”. Nay thiện nam! Bảy giờ, Bồ-tát do nhân duyên này, nên vào đời vị lai sinh đến chỗ nào thì giới thường thanh tịnh. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát do giới thanh tịnh nên sinh đến bất cứ chỗ nào thường không kiêu mạn, tà kiến, nghi hoặc và nhất định chẳng nói, Như Lai rốt ráo vào Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu trì tịnh giới. Giới đã thanh tịnh, tiếp theo là tu thiền định. Do tu định nên sinh ở nơi nào, chẳng mất chánh niệm. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Mười hai bộ loại kinh điển, chư Phật Thế Tôn thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả Bồ-tát an trụ ở kinh Đại Niết-bàn Phương Đẳng, đều thấy Phật tánh. Những việc như vậy v.v... nhớ nghĩ mà chẳng quên. Nhân tu định nên được mười một không. Đó gọi là Bồ-tát tu định thanh tịnh. Giới, định đã đủ, tiếp theo tu tuệ. Do tu tuệ nên chẳng chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân, là thân, là ngã, chẳng phải thân, chẳng phải ngã v.v... Đó gọi là Bồ-tát tu tập tịnh tuệ. Do tu tuệ nên việc thọ trì giới bền chắc chẳng động. Nay thiện nam! Ví như núi Tu-di chẳng bị bốn thứ gió làm rung động. Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng bị bốn điên đảo làm rung động. Nay thiện nam! Bảy giờ Bồ-tát tự biết, thấy, hiểu giới đã thọ trì không bị khuynh động. Đó gọi là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát, chẳng phải thế gian. Nay thiện nam! Bồ-tát thấy sự trì giới bền chắc chẳng động, tâm không hối hận. Vì không hối hận nên tâm được hoan hỷ. Vì được hoan hỷ nên tâm an vui. Vì được an vui nên tâm yên ổn. Vì tâm yên ổn nên được định vô động. Vì được định vô động nên được thật tri kiến. Vì được thật tri kiến nên chán lìa sinh tử. Vì chán lìa sinh tử nên liền được giải thoát. Vì được giải thoát nên thấy ánh sáng Phật tánh. Đó gọi là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát, chẳng phải thế gian. Nay thiện nam! Đó gọi là thế gian chẳng biết, thấy, hiểu mà là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Sao gọi là Bồ-tát tu trì tịnh giới, tâm không hối hận cho đến thấy rõ Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Giới thế gian thì chẳng gọi là thanh tịnh. Vì sao? Vì giới thế gian đối với có nên có tánh bất định, chẳng phải rốt ráo, chẳng thể rộng lớn vì tất cả chúng sinh. Do nghĩa này nên gọi là

bất tịnh. Do bất tịnh nên có tâm hối hận. Do hối hận nên tâm chẳng hoan hỷ. Do không hoan hỷ nên không an vui. Do không an vui nên không yên ổn. Do không yên ổn nên không có định bất động. Do không có định bất động nên không có tri kiến chân thật. Do không có tri kiến chân thật nên không chán lìa. Do không chán lìa nên không giải thoát. Do không giải thoát nên chẳng thấy Phật tánh. Do chẳng thấy Phật tánh nên nhất định chẳng thể được Đại Bát Niết Bàn. Đó gọi là giới thế gian chẳng thanh tịnh. Nay thiện nam! Giới thanh tịnh của Đại Bồ-tát là, giới chẳng phải giới, vì chẳng phải là có, vì nhất định rốt ráo, vì chúng sinh. Đó gọi là giới của Bồ-tát thanh tịnh. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong tịnh giới, tuy chẳng muốn sinh tâm không hối hận, nhưng tâm không hối hận tự nhiên sinh khởi. Nay thiện nam! Ví như có người cầm giữ gương sáng, chẳng mong thấy mặt mà hình dáng mặt tự hiện lên, cũng như người nông phu gieo hạt vào ruộng tốt, chẳng mong mọc mầm mà mầm tự mọc ra, cũng như thắp đèn, chẳng mong tiêu diệt bóng tối mà bóng tối tự diệt. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát giữ vững tịnh giới, tâm không hối hận tự nhiên sinh khởi cũng như vậy. Do tịnh giới nên tâm được hoan hỷ. Nay thiện nam! Như người đẹp đẽ tự thấy diện mạo, lòng sinh hoan hỷ, người trì tịnh giới cũng như vậy. Nay thiện nam! Người phá giới, thấy giới bất tịnh, tâm chẳng hoan hỷ. Như người tàn phế tự thấy diện mạo, chẳng sinh vui vẻ. Nay thiện nam! Ví như hai người con gái chăn bò, một người mang bình đựng váng sữa, một người mang bình đựng nước uống. Cả hai đều cùng đến thành phố để bán, trên đường đi trượt chân ngã, cả hai bình đều vỡ. Một người thì hoan hỷ, một người thì sầu não. Trì giới, phá giới cũng như vậy. Người trì giới thì tâm hoan hỷ, vì tâm hoan hỷ nên liền suy nghĩ: “Các Đức Phật Như Lai ở trong Niết-bàn nói, người có thể trì giới thanh tịnh thì được Niết-bàn. Ta nay tu tập tịnh giới như vậy cũng sẽ được Niết-bàn. Do nhân duyên này nên tâm an vui”.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Hỷ cùng với lạc có gì sai biệt?

–Nay thiện nam! Khi Đại Bồ-tát chẳng làm ác thì gọi là mừng, tâm trì tịnh giới thì gọi là vui. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát sinh tử thì gọi là mừng, thấy Đại Niết-bàn thì gọi là vui. Dưới thì gọi là

mừng, trên thì gọi là vui. Lìa khỏi pháp liên hệ thế gian thì gọi là mừng, được pháp bất cộng thì gọi là vui. Do giới thanh tịnh nên thân thể nhẹ nhàng mềm mại, miệng không thô ác, lỗi lầm. Bấy giờ, Bồ-tát hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc thưởng thức, hoặc xúc chạm, hoặc biết v.v... đều không có các thứ khó chịu. Do không khó chịu nên tâm được yên ổn. Do tâm yên ổn nên được tịch định. Được tịch định nên được thấy biết chân thật. Do thấy biết chân thật nên chán lìa sinh tử. Do chán lìa sinh tử nên được giải thoát. Do được giải thoát nên thấy Phật tánh, thấy Phật tánh nên được Đại Niết-bàn. Đó gọi là trì giới thanh tịnh của Bồ-tát, chẳng phải là giới của thế gian. Vì sao? Đây thiện nam! Vì sự thọ trì tịnh giới của Đại Bồ-tát có năm pháp trợ giúp. Những gì là năm? Một là tín, hai là tầm, ba là quý, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới. Bồ-tát lìa khỏi năm cái nên thấy thanh tịnh, lìa khỏi năm kiến nên tâm không lười nghi, lìa khỏi năm nghi: một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm là nghi chẳng phóng dật. Bấy giờ, Bồ-tát liền được năm căn là tín, niệm, tinh tấn, định, tuệ. Được năm căn nên được năm thứ Niết-bàn là sắc giải thoát cho đến thức giải thoát. Đó gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh chẳng phải giới của thế gian. Đây thiện nam! Đó gọi là sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu của thế gian mà là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát.

Này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói kinh điển Đại Niết-bàn mà có người phá giới, sẽ có người quả trách, khinh chê, hủy nhục mà nói: “Nếu kinh điển Đại Niết-bàn bí tạng có uy lực thì sao khiến cho ông hủy phạm giới đã thọ? Nếu người thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn này mà hủy phạm giới cấm thì phải biết kinh này không có uy lực. Nếu không có uy lực thì tuy lại đọc tụng nhưng không có lợi ích”. Do sự khinh khi, hủy báng kinh Niết-bàn này nên khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh rơi vào địa ngục. Kẻ thọ trì kinh này mà hủy phạm giới thì tức là ác tri thức của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của Ta, mà là quyến thuộc của ma. Người như vậy, Ta cũng chẳng cho thọ trì kinh điển này. Thà khiến cho chẳng thọ, chẳng trì, chẳng tu chứ chẳng để cho người hủy phạm giới thọ trì tu tập. Đây thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói kinh Niết-bàn thì phải nghiêm chính thân tâm, thận trọng chớ có đùa giỡn,

khinh suất, lay động. Về thân thì đùa giỡn, về tâm thì xem thường: Tâm cầu có thì gọi là xem thường, thân tạo các nghiệp thì gọi là đùa giỡn. Nếu đệ tử của Ta cầu có, tạo nghiệp thì chẳng nên thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn Đại Thừa này. Nếu có người thọ trì kinh như vậy thì người ta sẽ khinh chê, quở trách thế này: “Nếu kinh Đại Niết-bàn là bí tạng của Phật có uy lực thì sao lại khiến cho ông cầu có, tạo nghiệp? Nếu người trì kinh mà cầu có, tạo nghiệp thì phải biết kinh này không uy lực. Nếu không uy lực thì tuy thọ trì nhưng không lợi ích”. Duyên vào sự khinh chê, hủy báng kinh Niết-bàn này nên lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh rơi vào địa ngục. Kể thọ trì kinh này mà cầu có, tạo nghiệp thì chính là ác tri thức của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của Ta, mà chính là quyến thuộc của ma. Lại nữa, này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói kinh Đại Niết-bàn thì chớ nói chẳng phải thời, chớ nói chẳng phải chỗ, chớ nói khi chẳng ai thỉnh, chớ nói với tâm coi thường, chớ nói khắp nơi nơi, chớ nói để tự khen, chớ nói để khinh người khác, chớ nói để diệt pháp Phật, chớ nói để làm hưng thịnh pháp thế gian. Này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì kinh này, chẳng phải lúc mà nói cho đến làm hưng thịnh pháp thế gian mà nói thì người ta sẽ khinh khi, quở trách thế này: “Nếu kinh Đại Niết-bàn là tạng bí mật của Đức Phật có uy lực thì sao khiến cho ông chẳng phải lúc mà nói cho đến làm hưng thịnh pháp thế gian mà nói. Nếu người thọ trì kinh nói như vậy thì phải biết kinh này là không uy lực. Nếu kinh không uy lực thì tuy thọ trì nhưng không lợi ích”. Duyên vào sự khinh khi, hủy báng kinh Niết-bàn nên khiến cho vô lượng chúng sinh rơi vào địa ngục. Người thọ trì kinh này chẳng phải lúc mà nói cho đến làm hưng thịnh pháp thế gian mà nói thì chính là ác tri thức của chúng sinh, chẳng phải là đệ tử của Ta, mà là quyến thuộc của ma. Này thiện nam! Nếu người thọ trì muốn nói Đại Niết-bàn, nói Phật tánh, nói tạng bí mật của Như Lai, nói Đại thừa, nói kinh Phương Đẳng, nói thừa Thanh văn, nói thừa Phật-bích-chi, nói giải thoát, thấy Phật tánh thì trước tiên phải thanh tịnh thân mình. Do thân thanh tịnh nên không bị quở trách. Do không bị quở trách nên khiến cho vô lượng người đối với Đại Niết-bàn phát sinh lòng tin thanh tịnh. Lòng tin đã sinh nên cung kính kinh này. Nếu nghe một bài kệ, một

câu, một chữ ở người nói pháp mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải biết người nói pháp đó chính là thiện tri thức chân thật của chúng sinh, chẳng phải ác tri thức, chính là đệ tử của Ta, chẳng phải quyến thuộc của ma. Đó gọi là Bồ-tát, chẳng phải là thế gian. Này thiện nam! Đó gọi là sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu của thế gian mà chính là sự thấy, biết, hiểu của Bồ-tát.

Lại nữa, này thiện nam! Sao lại gọi là sự chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu của tất cả thế gian chính là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát? Đó là sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên. Này thiện nam! Sao gọi là niệm Phật? Là niệm Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn thường trụ chẳng biến dịch, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, đại sư tử hống, gọi là đại Sa-môn, đại Bà-la-môn, đại thanh tịnh rốt ráo đến bờ kia, đấng Vô năng thắng, đấng Vô kiến đỉnh, không có sợ hãi, chẳng kinh, chẳng động, một mình không bạn bè, không thầy tự giác ngộ, thành tựu trí báu như trí nhanh chóng, trí lớn, trí sắc bén, trí thâm sâu, trí giải thoát, trí bất cộng, trí rộng lớn. Tượng vương trong loài người, Ngưu vương trong loài người, Long vương trong loài người, đấng Trượng phu trong loài người, hoa sen Phân-đà-lợi trong loài người, đấng Điều ngự nhân sư, bậc đại Thí chủ, đấng đại Pháp sư. Do biết pháp nên gọi là đại Pháp sư. Do biết nghĩa nên gọi là đại Pháp sư. Do biết thời nên gọi là đại Pháp sư. Do biết đủ nên gọi là đại Pháp sư. Do biết ngã nên gọi là đại Pháp sư. Do biết đại chúng nên gọi là đại Pháp sư. Do biết đủ thứ tánh của chúng sinh nên gọi là đại Pháp sư. Do biết các căn lợi, độn, trung bình nên gọi là đại Pháp sư. Do nói trung đạo nên gọi là đại Pháp sư.

Sao gọi là Như Lai? Như lời nói của chư Phật quá khứ chẳng biến đổi? Sao gọi là chẳng biến đổi? Các Đức Phật ở quá khứ vì độ chúng sinh nên nói Mười hai bộ loại kinh điển, Như Lai cũng vậy nên gọi là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn từ Sáu pháp Ba-la-mật, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Mười một không đi đến Đại Niết-bàn, Như Lai cũng vậy. Vậy nên hiệu Phật là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn vì chúng sinh nên tùy nghi phương tiện khai thị Tam thừa, thọ mạng không lường, chẳng thể

xưng kể, Như Lai cũng vậy. Vậy nên Phật hiệu là Như Lai.

Sao gọi là Ứng? Pháp thế gian đều gọi là oan gia. Phật đối trị lại nên gọi là Ứng. Bốn ma chính là oán địch của Bồ-tát. Các Đức Phật Như Lai khi làm Bồ-tát, có thể dùng trí tuệ phá hoại bốn ma. Vậy nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng gọi là xa lìa. Khi làm Bồ-tát cần phải xa lìa vô lượng phiền não nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng gọi là vui. Các Đức Phật quá khứ khi làm Bồ-tát tuy ở trong vô lượng vô số kiếp, vì chúng sinh nên chịu các khổ não nhưng luôn luôn an lạc. Như Lai cũng vậy, nên gọi là Ứng. Lại nữa, Ứng là, tất cả hàng trời, người nên dùng đủ thứ hương hoa, chuỗi ngọc, cờ phướn, kỹ nhạc mà cúng dường. Vậy nên gọi là Ứng.

Sao gọi là Chánh Biến Tri? Chánh là chẳng điên đảo, Biến Tri là đối với bốn điên đảo không gì chẳng thông đạt. Lại nữa, Chánh gọi là khổ hạnh, Biến Tri là biết nhân khổ hạnh quyết định có khổ quả. Lại nữa, Chánh là trong thế gian, Biến Tri là biết chắc chắn rốt cuộc tu tập trung đạo thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Chánh gọi là có thể tính, có thể lường, có thể cân, Biến Tri là chẳng thể tính, chẳng thể lường, chẳng thể cân. Vậy nên hiệu Phật là Chánh Biến Tri. Đây thiện nam! Thanh văn, Duyên giác cũng có Biến Tri, cũng chẳng Biến Tri. Vì sao? Vì Biến Tri là gọi Năm ấm, Mười hai nhập, Mười tám giới. Thanh văn, Duyên giác cũng được Biến Tri. Đó gọi là Biến Tri. Sao gọi là chẳng Biến Tri? Đây thiện nam! Giả sử hàng Nhị thừa ở vô lượng kiếp, quan sát một sắc ấm mà chẳng thể biết hết. Do nghĩa này nên Thanh văn, Duyên giác không có Biến Tri.

Sao gọi là Minh Hạnh Túc? Minh là được vô lượng quả thiện. Hạnh là bàn chân. Quả thiện là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chân là giới, tuệ. Đi bằng chân giới, tuệ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại nữa, Minh là chú, Hạnh là cát, Túc là quả. Đây thiện nam! Đó là nghĩa của thế gian. Chú là giải thoát, Cát là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Quả là Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại nữa, Minh là ánh sáng, Hạnh là nghiệp, Túc là quả. Đây thiện nam! Đó gọi là nghĩa của thế gian. Ánh sáng là chẳng phóng dật, nghiệp là sáu pháp Ba-la-mật, quả là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Minh là ba minh, một là Bồ-

tát minh, hai là chư Phật minh, ba là vô minh minh. Bồ-tát minh tức là Bát nhã Ba-la-mật. Chư Phật minh tức là Phật nhãn. Vô minh minh tức là rốt ráo không. Hạnh là ở vô lượng kiếp, vì chúng sinh nên tu các nghiệp thiện. Tức là thấy rõ Phật tánh. Do nghĩa này nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Sao gọi là Thiện Thệ? Thiện là cao, Thệ là chẳng cao. Đây thiện nam! Đó gọi là nghĩa của thế gian. Cao là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng cao tức là tâm Như Lai. Đây thiện nam! Tâm nếu cao thì chẳng gọi là Như Lai. Vậy nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, Thiện là thiện tri thức, Thệ là quả của thiện tri thức. Đây thiện nam! Đó là nghĩa của thế gian. Thiện tri thức tức là mới phát tâm. Quả là gọi Đại Bát Niết Bàn. Như Lai chẳng xả bỏ tâm mới phát lúc ban đầu, được Đại Niết-bàn. Vậy nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, Thiện là tốt đẹp, Thệ là có. Đây thiện nam! Đó là nghĩa của thế gian. Tốt đẹp là thấy Phật tánh, có là Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Tánh của Niết-bàn thật chẳng phải có. Chư Phật Thế Tôn nhân thế gian nên nói là có. Đây thiện nam! Ví như người đời thật không có con mà nói có con, thật không có đạo mà nói có đạo, Niết-bàn cũng vậy, nhân thế gian nên nói là có. Chư Phật Thế Tôn thành Đại Niết-bàn nên gọi là Thiện Thệ.

Sao gọi là Thế Gian Giải? Đây thiện nam! Thế Gian là năm ấm, Giải là sự biết. Chư Phật Thế Tôn giỏi biết năm ấm nên gọi là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian là năm dục, Giải là chẳng tham đắm, chẳng tham đắm năm dục nên gọi là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian Giải là tất cả Thanh văn, Duyên giác đối với vô lượng vô số thế giới ở phương Đông chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu mà các Đức Phật đều biết, đều thấy, đều hiểu. Phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bằng, phương trên, phương dưới cũng như vậy. Vậy nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian là tất cả phàm phu. Giải là biết nhân quả thiện ác của các phàm phu, đó chẳng phải là sự biết của Thanh văn, Duyên giác, mà chỉ có Phật mới có thể biết. Vậy nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian là hoa sen, Giải là chẳng bám. Đây thiện nam! Đó là nghĩa của thế gian. Hoa sen tức là Như Lai. Chẳng bám là Như Lai chẳng bị sự ô nhiễm của tám pháp thế gian. Vậy

nên hiệu Phật là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian Giải là chư Phật, Bồ-tát gọi là Thế Gian Giải. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ-tát thấy rõ thế gian nên gọi là Thế Gian Giải. Đây thiện nam! Như nhờ ăn mà được sống nên gọi ăn là mạng. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, thấy rõ thế gian nên gọi là Thế Gian Giải.

Sao gọi là Vô Thượng Sĩ? Thượng Sĩ gọi là đoạn. Không có cái để đoạn gọi là Vô Thượng Sĩ. Chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không có cái để đoạn. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng Sĩ là tranh tụng. Vô Thượng Sĩ là không có tranh tụng, mà Như Lai không có tranh tụng. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng Sĩ là lời nói có thể hoại. Vô Thượng Sĩ là lời nói chẳng thể hoại, mà lời nói của Như Lai là lời nói mà tất cả chúng sinh không thể phá hoại. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng Sĩ là ngôi vị trên hết. Vô Thượng Sĩ là không có ngôi vị nào trên nữa, chư Phật ba đời lại không có ai vượt qua. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ. Thượng là mới, Sĩ là cũ. Thế chư Phật Thế Tôn là Đại Niết-bàn không mới, không cũ. Vậy nên hiệu Phật là Vô Thượng Sĩ.

Sao gọi là Điều Ngự Trượng Phu? Tự mình đã trượng phu, lại điều phục trượng phu. Đây thiện nam! Như Lai thật chẳng phải trượng phu, chẳng phải chẳng trượng phu, nhân điều phục trượng phu nên gọi Như Lai là trượng phu. Đây thiện nam! Tất cả trai gái nếu đủ bốn pháp thì gọi là trượng phu. Những gì là bốn? Một là thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là suy nghĩ về nghĩa, bốn là theo đúng lời nói tu hành. Đây thiện nam! Nếu nam hay nữ đủ bốn pháp này thì gọi là trượng phu. Đây thiện nam! Nếu có người nam nào không có bốn pháp này thì chẳng được gọi là trượng phu. Vì sao? Vì thân tuy là trượng phu nhưng hành động đồng với súc sinh. Như Lai điều phục người nam hoặc người nữ, nên hiệu Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Lại nữa, đây thiện nam! Như người điều khiển ngựa có bốn cách: một là chạm lông, hai là chạm da, ba là chạm thịt, bốn là chạm xương. Tùy theo sự xúc chạm ấy mà ngựa theo ý người điều khiển. Như Lai cũng vậy, dùng bốn phương pháp điều phục chúng sinh: Một là nói về sinh liền khiến cho người nghe lãnh thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông ngựa thì ngựa theo ý người điều khiển. Hai là nói về sinh, già liền khiến cho người

nghe lãnh thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông, da thì ngứa theo ý người điều khiển. Ba là nói về sinh, già và bệnh liền khiến cho người nghe lãnh thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông, da, thịt thì ngứa theo ý người điều khiển. Bốn là nói về sinh, già, bệnh và chết liền khiến cho người nghe lãnh thọ lời Phật dạy, như chạm vào lông, da, thịt và xương thì ngứa theo ý người điều khiển. Nay thiện nam! Người điều khiển điều phục ngựa không có sự cố định, Như Lai Thế Tôn điều phục chúng sinh nhất định chẳng rộng không. Vậy nên hiệu Phật là Điều Ngự Trượng Phu.

Sao gọi là Thiên Nhân Sư? Sư có hai hạng, một là dạy điều thiện, hai là dạy điều ác. Chư Phật, Bồ-tát thường dùng pháp thiện dạy các chúng sinh. Những gì là pháp thiện? Đó là thiện về thân, miệng, ý. Chư Phật, Bồ-tát dạy các chúng sinh đều nói lời như vậy: “Nay thiện nam! Ông phải xa lìa nghiệp thân bất thiện. Vì sao? Vì nghiệp ác của thân có thể xa lìa là được giải thoát. Vậy nên ta dùng pháp này dạy ông. Nếu nghiệp ác này chẳng thể xa lìa mà được giải thoát thì nhất định ta chẳng dạy ông khiến cho xa lìa nó”. Nếu các chúng sinh xa lìa nghiệp ác rồi mà còn rơi vào ba đường ác thì đó là điều không có. Do xa lìa nên thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được Đại Niết-bàn. Vậy nên chư Phật, Bồ-tát thường dùng pháp này giáo hóa chúng sinh. Miệng, ý cũng vậy. Vậy nên hiệu Phật là Thiên Nhân Sư. Lại nữa, xưa chưa đắc đạo, nay đã đắc rồi, đem đạo sở đắc vì chúng sinh giảng nói. Từ xưa đến nay chưa tu phạm hạnh nay đã tu xong, đem điều đã tu vì chúng sinh giảng nói, tự phá vô minh, lại vì chúng sinh phá hoại vô minh, tự được mắt thanh tịnh, lại vì chúng sinh phá trừ mù tối, khiến cho họ được mắt thanh tịnh, tự biết Nhị đế, lại vì chúng sinh diễn nói Nhị đế; đã tự giải thoát, lại vì chúng sinh nói pháp giải thoát; tự qua khỏi vô biên dòng sông lớn sinh tử, lại khiến cho chúng sinh đều được qua khỏi hết; tự được sự không sợ hãi, lại dạy chúng sinh khiến cho họ không kinh sợ; đã tự Niết-bàn, lại vì chúng sinh diễn nói Đại Niết-bàn. Vậy nên hiệu Phật là Thiên Nhân Sư. Thiên là ngày. Trên trời ngày dài đêm ngắn. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là không sâu nảo, thường hưởng thụ an vui. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là đèn sáng, có thể phá bóng tối mà làm nguồn ánh sáng lớn. Vậy nên gọi là

Thiên. Cũng do có thể phá nghiệp ác đen tối, được các nghiệp thiện mà sinh lên trời. Vậy nên gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là tốt. Do tốt lành nên được gọi là Thiên. Lại nữa, Thiên là mặt trời, mặt trời có ánh sáng nên gọi là Thiên. Do những nghĩa đó nên gọi là Thiên. Nhân là có thể nhiều ân nghĩa. Lại nữa, Nhân là thân, miệng, ý dịu dàng. Lại nữa, Nhân là có kiêu mạn. Lại nữa, Nhân là có thể phá kiêu mạn. Đây thiện nam! Chư Phật tuy làm đại sư vô thượng của tất cả chúng sinh, nhưng trong kinh nói làm Thiên Nhân Sư. Vì sao? Đây thiện nam! Trong các chúng sinh chỉ có trời cùng người là có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể tu mười đạo nghiệp thiện, có thể được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Phật-bích-chi, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên hiệu Phật là Thiên Nhân Sư.

Sao gọi là Phật? Phật là giác, đã tự giác ngộ lại có thể giác ngộ người khác. Đây thiện nam! Ví như có người hay biết có giác thì giấc không thể làm gì. Đại Bồ-tát hiểu biết tất cả vô lượng phiền não, mà hiểu rõ rồi thì khiến cho các phiền não không thể làm điều gì được. Vậy nên gọi là Phật. Do sự giác ngộ đó nên chẳng sinh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết. Vậy nên gọi là Phật. Bà-già-bà là, Bà-già là phá, Bà là phiền não. Có khả năng phá phiền não nên gọi là Bà-già-bà. Lại nữa, người có khả năng thành tựu các pháp thiện, lại có khả năng giải nghĩa các pháp, có đại công đức không ai có thể hơn, có danh tiếng lớn vang khắp mười phương. Lại là người có khả năng bố thí đủ thứ, lại ở vô lượng vô số kiếp đã vất bỏ thân nữ. Đây thiện nam! Nếu người nam hay người nữ mà có thể nghĩ đến Phật, niệm Phật như vậy thì hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc sáng, hoặc tối v.v... thường được thấy Phật Thế Tôn. Đây thiện nam! Vì sao gọi là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cho đến Bà-già-bà mà có vô lượng công đức đại danh xưng như vậy? Đây thiện nam! Đại Bồ-tát ở vô lượng vô số kiếp xưa, cung kính cha mẹ, Hòa thượng, các thầy, các trưởng lão thượng tọa, ở vô lượng kiếp thường vì chúng sinh mà làm bố thí, kiên trì giới cấm, tu tập nhẫn nhục, siêng tu hành tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả. Vậy nên hôm nay được thân kim cương với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ

đẹp. Lại nữa, Bồ-tát thuở xưa, ở vô lượng vô số kiếp đã tu tập năm căn tín, tấn, niệm, định, tuệ, đối với các sư trưởng cung kính cúng dường, thường vì pháp lợi, chẳng vì lợi dưỡng. Bồ-tát nếu thọ trì mười hai bộ loại kinh điển, hoặc đọc, hoặc tụng, là luôn vì chúng sinh muốn khiến cho họ giải thoát yên ổn, sung sướng, nhất định chẳng vì mình. Vì sao? Vì Bồ-tát thường tu tâm xuất thế gian và tâm xuất gia, tâm vô vi, tâm không tranh tụng, tâm không cấu uế, tâm không trói buộc, tâm không thủ trước, tâm không ngăn che, tâm không vô ký, tâm không sinh tử, tâm không lưới nghi, tâm không tham dục, tâm không sân hận, tâm không ngu si, tâm không kiêu mạn, tâm không uế trước, tâm không phiền não, tâm không khổ, tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm hư không, tâm vô, tâm vô vô, tâm điều phục, tâm chẳng thủ hộ, tâm không che giấu, tâm không thế gian, tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo trả, tâm vô nguyện, tâm thiện nguyện, tâm không lầm lẫn, tâm dịu dàng, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thoái, tâm vô thường, tâm chính trực, tâm không dua nịnh quanh co, tâm thuần thiện, tâm không nhiều ít, tâm không ngang ngạnh, tâm không phàm phu, tâm không Thanh văn, tâm không Duyên giác, tâm bất thiện, tâm biết cõi, tâm biết sinh cõi nào, tâm biết ở cõi nào, tâm ở cõi tự tại. Vậy nên hôm nay Đại Bồ-tát được mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên Bồ-tát được xưng là Như Lai cho đến Bà-già-bà. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Phật.

Sao gọi là Đại Bồ-tát niệm Pháp? Nay thiện nam! Đại Bồ-tát suy nghĩ pháp tối diệu tối thượng mà chư Phật đã thuyết, nhờ pháp này nên có thể khiến cho chúng sinh được quả hiện tại. Chỉ chánh pháp này không có thời tiết là pháp mà mắt pháp thấy, chẳng phải mắt thịt thấy được, nhưng chẳng thể dùng ví dụ làm so sánh, chẳng sinh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, chẳng thủ, chẳng chung, vô vi, vô số, kẻ không nhà vì họ làm nhà, không chỗ về làm chỗ về, không sáng làm sáng, chưa đến bờ kia khiến cho đến bờ kia, vì chỗ không hương làm hương vô ngại, chẳng thể nhìn thấy làm cho nhìn thấy, chẳng động, chẳng chuyển, chẳng dài, chẳng ngắn, vĩnh viễn đoạn dứt các niềm vui mà vui yên ổn rất ráo, vi diệu, chẳng phải sắc, đoạn dứt sắc mà cũng là sắc

cho đến chẳng phải thức, đoạn dứt thức mà cũng là thức; chẳng phải nghiệp, đoạn nghiệp mà cũng là nghiệp; chẳng phải kết, đoạn kết mà cũng là kết; chẳng phải vật, đoạn vật mà cũng là vật; chẳng phải cõi, đoạn cõi mà cũng là cõi; chẳng phải hữu, đoạn hữu mà cũng là hữu; chẳng phải nhập, đoạn nhập mà cũng là nhập; chẳng phải nhân, đoạn nhân mà cũng là nhân; chẳng phải quả, đoạn quả mà cũng là quả; chẳng phải hư, chẳng phải thật, đoạn tất cả thật mà cũng là thật; chẳng phải sinh, chẳng phải diệt, vĩnh viễn đoạn sinh diệt mà cũng là diệt; chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, đoạn tất cả tướng mà cũng là tướng; chẳng phải dạy, chẳng phải chẳng dạy mà cũng là thầy dạy; chẳng phải sợ, chẳng phải an, đoạn tất cả sợ mà cũng là an; chẳng phải nhãn, chẳng phải chẳng nhãn, vĩnh viễn đoạn chẳng nhãn mà cũng là nhãn; chẳng phải dừng, chẳng phải chẳng dừng, đoạn tất cả dừng mà cũng là dừng; tất cả pháp đỉnh đều có thể vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não, vô tướng thanh tịnh, vĩnh viễn thoát khỏi các tướng, chỗ trụ rốt ráo của vô lượng chúng sinh, có thể diệt tất cả lửa sinh tử bùng cháy, chính là chỗ du cư của chư Phật thường trụ chẳng biến đổi. Đó gọi là Bồ-tát niệm Pháp.

Sao gọi là niệm Tăng? Thánh Tăng của chư Phật theo đúng như pháp mà trụ, thọ pháp chính trực, thuận theo tu hành, chẳng thể nhìn thấy, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể phá hoại, không thể nhiều hại, chẳng thể nghĩ bàn, ruộng phước, thần hiển của tất cả chúng sinh, tuy là ruộng phước nhưng không thọ nhận gì, thanh tịnh, không bẩn, vô lậu, vô vi, rộng khắp vô biên. Lòng Thánh tăng điều hòa, dịu dàng, bình đẳng không hai, không có nhiều hại, ô trược, thường chẳng biến đổi. Đó gọi là niệm Tăng.

Sao gọi là niệm Giới? Bồ-tát suy nghĩ: “Có giới chẳng phá, chẳng lậu, chẳng hoại, chẳng tạp, tuy không hình sắc mà có thể hộ trì, tuy không xúc chạm nhưng khéo tu phương tiện để được đầy đủ, không có lỗi lầm, sự khen ngợi của chư Phật, Bồ-tát chính là nhân của Đại Phương Đẳng Đại Niết Bàn. Này thiện nam! Ví như đất đai, thuyền bè, chuỗi ngọc, biển cả, nước tro, nhà cửa, đao kiếm, cầu kiều, lương y, diệp dước, a-dà-đà dước, ngọc báu như ý, chân cẳng, mắt, cha mẹ, bóng mát v.v... không thể trộm cướp, chẳng thể nhiều hại, lửa chẳng

thể đốt cháy, nước chẳng thể làm trôi, là bậc thang lên núi cao, cờ đẹp bằng diệu bảo của chư Phật, Bồ-tát. Nếu trụ ở giới này thì được quả Tu-đà-hoàn, ta cũng có phần nhưng ta chẳng mong cầu. Vì sao? Vì nếu ta được quả Tu-đà-hoàn này thì chẳng thể độ tất cả chúng sinh. Nếu trụ ở giới này thì chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta cũng có phần, là điều ưa thích của ta. Vì sao? Vì nếu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ta sẽ vì chúng sinh nói diệu pháp mà tạo tác sự cứu hộ. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Giới.

Sao gọi là niệm Thí? Đại Bồ-tát quan sát sâu xa việc bố thí này mới là cái nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật, Bồ-tát thân cận, tu tập bố thí như vậy thì ta cũng thân cận, tu tập như vậy. Nếu chẳng bố thí thì chẳng thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố thí tuy chẳng thể đoạn trừ rốt ráo kiết sử nhưng có thể phá trừ phiền não hiện tại. Do nhân duyên bố thí nên thường được sự khen ngợi của chúng sinh ở vô lượng vô biên thế giới nhiều như cát sông Hằng trong mười phương. Đại Bồ-tát bố thí cho chúng sinh ăn tức là bố thí mạng sống cho họ. Do quả báo này nên khi thành Phật thường trụ chẳng biến đổi. Do sự bố thí an vui nên khi Bồ-tát thành Phật được an lạc. Khi Bồ-tát bố thí đúng như pháp cầu tài thì chẳng xâm phạm của người kia mà cho người này. Vậy nên khi thành Phật được Niết-bàn thanh tịnh. Khi Bồ-tát bố thí khiến cho chúng sinh chẳng cầu mà được, nên khi thành Phật được tự tại. Do nhân duyên bố thí khiến cho người khác được sức lực, nên khi thành Phật đạt được Mười lực. Do nhân duyên bố thí khiến cho người khác nói được, nên khi thành Phật được bốn vô ngại. Chư Phật, Bồ-tát tu tập sự bố thí này làm nhân Niết-bàn, ta cũng tu tập bố thí như vậy để làm nhân Niết-bàn. Rộng nói như trong kinh Tạp Hoa.

Sao gọi là niệm Thiên? Có cõi Tứ thiên vương cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Nếu có lòng tin thì được cõi Tứ thiên vương, ta cũng có phần. Nếu giữ giới, đa văn, bố thí, trí tuệ thì được cõi Tứ thiên vương cho đến được cõi Phi tưởng phi phi tưởng, ta cũng có phần. Nhưng chẳng phải là điều ưa muốn của ta. Vì sao? Vì cõi Tứ thiên vương cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng đều là vô thường. Do vô thường nên sinh, già, bệnh, chết. Do nghĩa này nên chẳng phải là điều ưa muốn của ta. Ví như sự huyễn hóa đối gạt được người ngu, người trí

tuệ thì chẳng mê hoặc họ được. Như huyễn hóa tức là cõi Tứ thiên vương cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng. Người ngu tức là tất cả phàm phu. Ta thì chẳng đồng với phàm phu ngu si. Ta từng nghe có đệ nhất nghĩa thiên là chỉ cho chư Phật, Bồ-tát thường trụ chẳng biến đổi. Do thường trụ nên chẳng sinh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết. Ta vì chúng sinh tinh cần cầu đệ nhất nghĩa thiên. Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa thiên có thể khiến cho chúng sinh đoạn trừ phiền não giống như cây Như ý. Nếu ta có tín cho đến có tuệ thì có thể được đệ nhất nghĩa thiên này. Ta sẽ vì chúng sinh rộng phân biệt, giảng nói đệ nhất nghĩa thiên. Đó gọi là Đại Bồ-tát niệm Thiên.

Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát chẳng phải thế gian. Đó là thế gian chẳng biết, thấy, hiểu mà là sự biết, thấy, hiểu của Bồ-tát. Này thiện nam! Nếu đệ tử của ta cho là thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói Mười hai bộ loại kinh điển và việc thọ trì, đọc tụng, ghi chép, phô diễn, giảng nói kinh Đại Niết-bàn là ngang bằng, không sai biệt thì nghĩa này chẳng vậy. Vì sao? Này thiện nam! Vì kinh Đại Niết-bàn tức là tạng bí mật sâu xa vi diệu của chư Phật Thế Tôn, cho nên tạng bí mật sâu xa vi diệu của chư Phật là hơn hết. Này thiện nam! Do nghĩa này nên kinh Đại Niết-bàn rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng biết kinh Đại Niết-bàn này rất kỳ lạ, rất đặc biệt, chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ-tát, Bồ-đề, kinh Đại Niết-bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Do nghĩa gì mà lại nói, Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn?

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát không có người dạy mà có thể tự phát tâm Bồ-đề. Đã phát tâm rồi thì Bồ-tát siêng tu tinh tấn. Giả sử lửa lớn thiêu đốt thân, đầu, Bồ-tát nhất định chẳng cầu cứu, hay xả bỏ tâm niệm Pháp. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thường tự suy nghĩ: Ta ở trong vô lượng vô số kiếp, hoặc ở tại địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trong loài người, trên cõi trời bị sự thiêu đốt của ngọn lửa các kiết sử, nhưng chưa từng được một pháp quyết định. Pháp quyết định tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhất định chẳng giữ gìn tiếc nuối thân, tâm cùng mạng sống. Ta vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà giả sử thân nát vụn giống như vì

trần nhất định chẳng buông bỏ siêng năng tinh tấn. Vì sao? Vì lòng siêng tinh tấn tức là cái nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Như vậy Bồ-tát chưa thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà có thể chẳng tiếc mạng thân như vậy, huống lại là đã thấy rồi. Vậy nên Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, chẳng thể nghĩ bàn là Đại Bồ-tát thấy vô lượng tội ác của sinh tử, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác sánh kịp. Tuy Bồ-tát biết vô lượng lỗi ác của sinh tử nhưng vì chúng sinh nên ở trong đó chịu khổ chẳng sinh chán nản xa lìa. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát vì chúng sinh nên tuy ở tại địa ngục chịu các khổ não nhưng giống như niềm vui Tam thiên. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam! Ví như nhà ông trưởng giả bị hỏa hoạn. Ông trưởng giả thấy rồi chạy ra khỏi nhà, các con ông ở sau chưa thoát được nạn lửa. Bấy giờ, ông trưởng giả nhất định biết sự tai hại của lửa, nhưng vì các con nên quay trở lại xông vào cứu giúp, chẳng đoái hoài gì đến hiểm nạn ấy. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy biết sinh tử có nhiều lỗi ác nhưng vì chúng sinh nên ở lại đó chẳng chán. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam! Vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề, thấy trong sinh tử có nhiều tội lỗi, lòng liền thoái mất nên hoặc làm Thanh văn, hoặc làm Duyên giác. Nếu có Bồ-tát nghe kinh này thì nhất định chẳng thoái mất tâm Bồ-đề mà làm Thanh văn, Phật-bích-chi. Như vậy Bồ-tát tuy chưa vào bậc sơ địa Bất động mà tâm kiên cố không có thoái mất. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Nay thiện nam! Nếu có người nói, ta có thể bơi qua biển cả. Lời nói như vậy có thể nghĩ bàn chăng?

–Bạch Thế Tôn! Lời nói như vậy, hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì nếu người qua được thì chẳng thể nghĩ bàn. A-tu-la qua được thì có thể nghĩ bàn.

–Nay thiện nam! Ta cũng chẳng nói A-tu-la mà chính là nói người vậy.

–Bạch Thế Tôn! Trong loài người cũng có người có thể nghĩ bàn, có người chẳng thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Người cũng có hai hạng, một là Thánh nhân, hai là phàm phu. Người phàm phu thì chẳng thể nghĩ bàn. Người Thánh nhân thì có thể nghĩ bàn.

–Nay thiện nam! Ta nói phàm phu, chẳng nói Thánh nhân.

–Thưa Thế Tôn! Nếu là phàm phu thì quả thật chẳng thể nghĩ bàn.

–Này thiện nam! Người phàm phu thật chẳng thể qua được nước biển cả. Như vậy Bồ-tát thật có thể qua khỏi biển cả sinh tử. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Nếu có người có thể dùng tơ của ngó sen để treo núi Tu-di lên thì có thể nghĩ bàn chăng?

–Bạch Thế Tôn! Chẳng thể nghĩ bàn.

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong khoảng một niệm có thể tính kể hết tất cả sinh tử. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Đại Bồ-tát đã ở vô lượng vô số kiếp thường quan sát sinh tử, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh nhưng vì chúng sinh mà phân biệt diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh, tuy nói như vậy nhưng chẳng phải là tà kiến. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Như người vào trong nước mà nước chẳng thể nhận chìm, vào trong lửa cháy mà lửa chẳng thể thiêu đốt. Việc như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy ở trong sinh tử nhưng chẳng bị sự náo hại của sinh tử. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Con người có ba hạng là thượng, trung, hạ. Người hạ phẩm khi mới vào thai thì khởi ý nghĩ: “Ta nay ở nơi nhà xí, chỗ mọi dơ bẩn tụ về, vùng bỏ tử thi, trong chỗ nhiều gai nhọn, chỗ rất đen tối”. Khi ra khỏi thai thì họ lại nghĩ rằng: “Ta nay ra khỏi nhà xí, ra khỏi chỗ mọi dơ bẩn cho đến ra khỏi chỗ rất đen tối”. Người trung phẩm khi vào thai thì nghĩ rằng: “Ta nay vào trong rừng cây, trong dòng sông trong sạch, phòng ốc nhà cửa”. Khi ra cũng vậy. Người thượng phẩm khi vào thai thì nghĩ rằng: “Ta thăng lên điện đường, ở tại vùng rừng hoa, cõi ngựa, cõi voi đi lên núi cao”. Khi ra cũng vậy. Đại Bồ-tát khi mới vào thai tự biết vào, khi trụ biết trụ, khi ra biết ra nhất định chẳng sinh ra lòng tham, sân nhưng chưa được bậc trụ địa đầu tiên. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác quả thật chẳng thể dùng thí dụ để so sánh. Này thiện nam! Tâm cũng chẳng thể dùng phương tiện thí dụ để so sánh mà đều có thể nói. Đại Bồ-tát không có thầy để thưa hỏi, thọ học mà có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Được pháp này rồi lòng không keo kiệt, Bồ-tát thường vì chúng sinh mà diễn nói. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này

thiện nam! Đại Bồ-tát có viên thân xa lìa chẳng phải là miệng, có việc miệng xa lìa chẳng phải là thân, có việc chẳng phải thân miệng mà cũng xa lìa. Việc thân xa lìa là xa lìa sát sinh, trộm cắp, dâm dục. Đó gọi là thân xa lìa chẳng phải là miệng. Việc miệng xa lìa là xa lìa nói dối, hai lưỡi, nói ác, nói vô nghĩa. Đó gọi là miệng xa lìa chẳng phải là thân. Việc chẳng phải thân chẳng phải miệng xa lìa là sự xa lìa tham dục, sân hận, tà kiến. Này thiện nam! Đó gọi là việc chẳng phải thân, chẳng phải miệng mà cũng là xa lìa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát chẳng thấy một pháp nào là thân, là nghiệp và cùng chủ xa lìa mà cũng có xa lìa. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Miệng cũng như vậy. Này thiện nam! Từ thân xa lìa thân, từ miệng xa lìa miệng, từ tuệ xa lìa chẳng phải thân, chẳng phải miệng. Này thiện nam! Thật có tuệ này nhưng chẳng thể khiến cho Bồ-tát xa lìa. Vì sao? Này thiện nam! Không có một pháp có thể hủy hoại, có thể tạo tác. Pháp tánh hữu vi sinh khác, diệt khác. Vậy nên tuệ này chẳng thể xa lìa. Này thiện nam! Tuệ này chẳng thể phá, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể làm thối rửa, gió chẳng thể lay động, đất chẳng thể trì giữ, sinh chẳng thể sinh, già chẳng thể già, trụ chẳng thể trụ, hoại chẳng thể hoại, tham chẳng thể tham, sân chẳng thể sân, si chẳng thể si. Do tánh hữu vi sinh khác, diệt khác nên Đại Bồ-tát nhất định chẳng phát sinh ý niệm: “Ta dùng tuệ này phá các phiền não”. Mà tự nói: “Ta phá phiền não”. Bồ-tát tuy nói lời này nhưng chẳng phải là hư dối. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay mới biết Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, kinh Đại Niết-bàn và người thọ trì, Bồ-đề Niết-bàn chẳng thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Pháp Phật vô thượng sẽ trụ thế thời gian bao lâu mới diệt?

–Này thiện nam! Như kinh Đại Niết-bàn cho đến có năm hạnh này là hạnh Thánh, hạnh phạm, hạnh thiên, hạnh bệnh, hạnh anh nhi mà nếu đệ tử của Ta có thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, diễn nói nghĩa của những điều ấy và được sự cung kính, tôn trọng, khen ngợi cúng dường đủ thứ của các chúng sinh thì ông nên biết bấy giờ pháp Phật chưa diệt. Này thiện nam! Nếu kinh Đại Niết-bàn lưu hành đầy đủ, đang lúc ấy mà các đệ tử của Ta phạm giới cấm nhiều, tạo tác mọi

điều ác, chẳng thể kính tín kinh điển như vậy, do chẳng tin nên chẳng thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói nghĩa ấy, chẳng được sự cung kính cho đến cúng dường của mọi người, thấy người thọ trì thì khinh chê, bài báng rằng: “Ông chính là hạng lục sư, chẳng phải đệ tử của Phật”, thì phải biết là pháp Phật sắp diệt, chẳng còn bao lâu.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con gần gũi theo Phật, nghe được nghĩa như vậy: “Pháp của Đức Phật Ca-diếp trụ thế bảy ngày sau đó diệt tận”. Thưa Thế Tôn! Đức Như Lai Ca-diếp có kinh này chăng? Như có kinh ấy thì sao nói rằng diệt? Còn như kinh ấy không có thì sao nói rằng kinh Đại Niết-bàn là tạng bí mật của các Đức Như Lai?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta nói ở trước rằng, chỉ có Văn-thù-sư-lợi mới giải được nghĩa này. Hôm nay Ta sẽ nói một lần nữa, ông hãy chí tâm lắng nghe. Này thiện nam! Chư Phật Thế Tôn có hai thứ pháp, một là pháp thế gian, hai là pháp đệ nhất nghĩa. Pháp thế gian có thể diệt, pháp đệ nhất nghĩa thì chẳng hoại diệt. Lại có hai thứ, một là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; hai là thường, lạc, ngã, tịnh. Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh thì có hoại diệt. Thường, lạc, ngã, tịnh thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là sự trì giữ của Nhị thừa, hai là sự trì giữ của Bồ-tát. Sự trì giữ của Nhị thừa thì có hoại diệt, sự trì giữ của Bồ-tát thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là ngoại, hai là nội. Pháp ngoại thì có hoại diệt, pháp nội thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là hữu vi, hai là vô vi. Pháp hữu vi thì có hoại diệt, pháp vô vi thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là có thể nắm bắt được, hai là chẳng thể nắm bắt được. Pháp có thể nắm bắt được thì có hoại diệt, pháp chẳng thể nắm bắt được thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là pháp cộng, hai là pháp bất cộng. Pháp cộng thì có hoại diệt, pháp bất cộng thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là trong người, hai là trong trời. Pháp trong người thì có hoại diệt, pháp trong trời thì không hoại diệt. Lại có hai thứ, một là Mười một bộ loại kinh điển, hai là kinh Phương Đẳng. Mười một bộ loại kinh điển thì có hoại diệt, kinh Phương Đẳng thì không hoại diệt. Này thiện nam! Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói kinh điển Phương Đẳng, cung kính, tôn trọng, khen

ngợi thì phải biết bấy giờ pháp Phật chẳng diệt. Nay thiện nam! Vừa rồi ông hỏi Đức Như Lai Ca-diếp có kinh này chăng? Nay thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn đều là tạng bí mật của tất cả chư Phật. Vì sao? Vì các Đức Phật tuy có mười một bộ loại kinh điển nhưng chẳng nói Phật tánh, chẳng nói Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Chư Phật Thế Tôn vĩnh viễn chẳng rót vào Niết-bàn. Vậy nên kinh này gọi là tạng bí mật của Như Lai, điều mà chẳng nói ở Mười một bộ loại kinh điển. Vậy nên gọi là tạng. Như người có bảy báu, chẳng đem ra ngoài để dùng nên gọi đó là tạng. Nay thiện nam! Người đó sở dĩ tàng chứa vật này là vì việc chưa đến. Những gì là việc chưa đến? Đó là lúa gạo khan hiếm, giặc đến xâm lấn đất nước, gặp phải vua ác dùng tiền chuộc mạng, nạn nguy cấp trên đường đi, của cải khó được thì mới phải xuất ra để dùng. Nay thiện nam! Tạng bí mật của chư Phật Như Lai cũng như vậy, vì những Tỳ-kheo ác ở đời vị lai cất chứa những vật bất tịnh, vì bốn chúng nói Như Lai rót vào Niết-bàn, đọc tụng thế điển, chẳng kính Phật kinh v.v khi những việc ác như vậy hiện ở đời thì Đức Như Lai vì muốn diệt những việc ác đó, khiến cho họ được xa lìa tà mạng, lợi dưỡng thì Như Lai vì họ diễn nói kinh này. Nếu kinh điển này, tạng bí mật của Như Lai biến mất thì phải biết là bấy giờ pháp Phật diệt. Nay thiện nam! Kinh điển Đại Niết-bàn thường trụ chẳng biến đổi thì sao lại hỏi, thời Đức Phật Ca-diếp có kinh này không? Nay thiện nam! Chúng sinh thời Đức Phật Ca-diếp tham dục rất ít, trí tuệ nhiều, các Đại Bồ-tát điều hòa, mềm mỏng dễ giáo hóa, có uy đức lớn, tổng trì chẳng quên như đại tượng vương, thế giới Phật thì thanh tịnh. Tất cả chúng sinh của thế giới đó đều biết Như Lai chẳng bao giờ rót vào Niết-bàn, mà thường trụ, bất biến, nên tuy có kinh điển này nhưng chẳng cần diễn nói. Nay thiện nam! Đời này, chúng sinh nhiều những phiền não, ngu si, hay quên, không có trí tuệ, nhiều những lưới nghi hoặc, tén căn chẳng thành lập, thế giới bất tịnh, tất cả chúng sinh đều cho là Như Lai vô thường, biến thiên, rót vào Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Như Lai diễn nói kinh điển này. Nay thiện nam! Pháp của các Đức Phật Ca-diếp thật cũng chẳng diệt. Vì sao? Vì thường trụ, bất biến. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh mà ngã thấy vô ngã, vô ngã thấy ngã; thường thấy vô thường, vô thường thấy thường; lạc thấy vô lạc, vô lạc thấy lạc;

tịnh thấy bất tịnh, bất tịnh thấy tịnh; diệt thấy bất diệt, bất diệt thấy diệt; tội thấy chẳng phải tội; chẳng phải tội thấy tội; tội nhẹ thấy nặng, tội nặng thấy nhẹ; thừa thấy chẳng phải thừa, chẳng phải thừa thấy thừa; đạo thấy chẳng phải đạo, chẳng phải đạo thấy đạo; thật là Bồ-đề thấy chẳng phải Bồ-đề, thật chẳng phải Bồ-đề thấy là Bồ-đề; khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, thật thấy chẳng phải thật; thật là thế đế thấy đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa đế thấy là thế đế; quay về thấy chẳng phải quay về, chẳng phải quay về thấy quay về; cho lời Phật chân thật là lời nói của ma, thật là lời nói của ma cho là lời nói của Phật thì khi ấy chư Phật mới nói kinh điển Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Thà nói muối hút cạn biển cả chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói miệng thổi hoại tận núi Tu-di, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói dùng sợi tơ trói được gió mạnh, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói trong lửa Khư-đà-la mọc ra hoa sen, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói thuốc A-dà-đà là độc dược chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói mặt trăng có thể làm cho nóng, mặt trời có thể làm cho lạnh, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Thà nói bốn đại đều bỏ tánh của mình, chứ chẳng thể nói pháp Như Lai diệt. Này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, chưa có đệ tử hiểu rõ nghĩa thâm diệu mà Đức Phật Thế Tôn đó liền nhập Niết-bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu rõ nghĩa thâm diệu thì tuy Phật Niết-bàn, nhưng phải biết là pháp đó trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, tuy có đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, nhưng không có đàn-việt bạch y dốc lòng tin kính trọng pháp Phật mà Phật liền Niết-bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, có nhiều đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật thì tuy Phật Niết-bàn, nhưng phải biết là pháp Phật trụ ở đời lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa

thâm diệu, tuy có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, nhưng mà các đệ tử diễn nói kinh pháp vì tham lợi dưỡng, chẳng vì Niết-bàn, Phật lại diệt độ thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, các đệ tử của Đức Phật đó, phàm diễn nói kinh pháp, chẳng tham lợi dưỡng vì cầu Niết-bàn thì tuy Đức Phật diệt độ nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, tuy có đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, mà các đệ tử dấy lên nhiều tranh cãi phải trái lẫn nhau, Phật lại Niết-bàn thì phải biết là pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, các đệ tử của Đức Phật đó tu pháp hòa kính, chẳng tranh phải trái, tôn trọng lẫn nhau thì Phật tuy Niết-bàn nhưng phải biết pháp đó trụ lâu chẳng diệt. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, tuy có đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, các đệ tử của Đức Phật ấy vì Đại Niết-bàn mà diễn nói pháp, cung kính lẫn nhau, chẳng khởi lên tranh cãi, nhưng cất chứa tất cả vật bất tịnh, lại tự khen rằng, ta được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, mà Đức Phật lại Niết-bàn thì phải biết pháp đó trụ thế chẳng lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử hiểu được nghĩa thâm diệu, lại có đàn-việt bạch y dốc lòng tin, kính trọng pháp Phật, các đệ tử của Đức Phật đó vì Đại Niết-bàn diễn nói kinh pháp, khéo tu hòa kính, tôn trọng lẫn nhau, chẳng cất chứa tất cả vật bất tịnh, cũng chẳng nói rằng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Đức Phật Thế Tôn đó tuy lại diệt độ, nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử cho đến chẳng cất chứa vật

bất tịnh, lại chẳng tự nói rằng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, nhưng đều chấp sở kiến, đủ thứ dị thuyết-mà nói lên rằng: “Thưa trưởng lão! Phật đã chế ra bốn trọng pháp cho đến bảy pháp diệt tránh là vì chúng sinh nên hoặc ngăn hoặc mở, mười hai bộ loại kinh điển cũng như vậy. Vì sao? Vì Phật biết đất nước, thời tiết đều khác, chúng sinh chẳng đồng, độn căn, lợi căn sai biệt. Vậy nên Như Lai hoặc ngăn, hoặc mở, có khinh, có trọng mà nói. Này thiện nam! Ví như vị lương y vì bệnh cho uống sữa, vì bệnh ngăn uống sữa, bệnh nóng thì cho uống, bệnh lạnh thì ngăn. Như Lai cũng vậy, quan sát bệnh căn phiền não của chúng sinh nên cũng mở, cũng ngăn. Thưa trưởng lão! Tôi thân cận theo Đức Phật nghe được nghĩa như vậy. Chỉ có tôi biết nghĩa, còn ông thì chẳng thể biết. Chỉ có tôi giải được luật, còn ông thì chẳng thể giải. Tôi biết các kinh, còn ông thì chẳng thể biết”, và Đức Phật đó lại diệt độ thì phải biết pháp đó chẳng trụ thế lâu dài. Lại nữa, này thiện nam! Nếu Phật mới xuất hiện, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có các đệ tử cho đến chẳng nói ta được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, cũng chẳng nói: “Chư Phật Thế Tôn vì chúng sinh nên hoặc ngăn, hoặc mở. Thưa trưởng lão! Tôi thân cận theo Đức Phật nghe nghĩa như vậy, pháp như vậy, luật như vậy. Thưa trưởng lão! Phải nương vào Mười hai bộ loại kinh điển của Như Lai; nghĩa này như vậy thì tôi thọ trì, như chẳng phải nghĩa ấy thì tôi sẽ xả bỏ”, thì tuy Đức Phật Thế Tôn đó lại Niết-bàn, nhưng phải biết là pháp đó trụ ở đời lâu dài. Này thiện nam! Khi pháp của Ta diệt, có hàng đệ tử Thanh văn, hoặc nói có thần, hoặc nói thần rỗng không, hoặc nói có ấm bên trong, hoặc nói không ấm bên trong, hoặc nói có ba đời, hoặc nói không ba đời, hoặc nói có ba thừa, hoặc nói không ba thừa, hoặc nói tất cả hữu, hoặc nói tất cả không, hoặc nói chúng sinh có tử có chung, hoặc nói chúng sinh vô tử vô chung, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói Như Lai có bệnh khổ hạnh, hoặc nói Như Lai chẳng cho Tỳ-kheo ăn mười thứ thịt. Những gì là mười? Đó là thịt người, rắn, voi, ngựa, lừa, chó, sư tử, heo, chồn, khỉ đột. Những thứ còn lại ấy đều cho ăn. Hoặc nói tất cả chẳng cho ăn. Hoặc nói Tỳ-kheo chẳng làm năm việc. Những gì là năm? Là chẳng bán nô lệ, dao, rượu, cát sông, dầu mè, ngoài ra đều cho làm.

Hoặc nói chẳng cho vào năm thứ nhà. Những gì là năm? Đó là nhà giết mổ, nhà dâm nữ, nhà bán rượu, cung vua, nhà Chiên-đà-la, còn những nhà khác cho vào. Hoặc nói chẳng cho mặc áo Kiều-xa-gia, còn lại tất cả đều cho. Hoặc nói Như Lai cho các Tỳ-kheo nhận cất chứa áo quần, thức ăn, ngọa cụ mà giá trị những đồ ấy đến hàng mười vạn lượng vàng, hoặc nói chẳng cho. Hoặc nói Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Hoặc nói Niết-bàn chính là kiết sử hết, lại không có thứ pháp riêng biệt nào gọi là Niết-bàn. Ví như dệt sợi tơ gọi đó là áo mà áo đã hoại rồi thì gọi là không có áo. Thật ra không có pháp riêng biệt nào gọi là không có áo. Thể của Niết-bàn cũng như vậy. Nay thiện nam! Lúc ấy, đệ tử của Ta, người nói chân chính thì ít, kẻ nói tà bậy thì nhiều, người thọ chánh pháp thì ít, kẻ thọ tà pháp thì nhiều, người thọ lời Phật thì ít, kẻ thọ lời ma thì nhiều. Nay thiện nam! Bấy giờ, nước Câu-diêm-di có hai đệ tử, một là A-la-hán, hai là phá giới. Đồ chúng của người phá giới có đến năm trăm người, đồ chúng của vị A-la-hán có một trăm người. Người phá giới nói: “Đức Như Lai rót ráo vào Niết-bàn, ta gần gũi theo Đức Phật nghe được nghĩa như vậy. Như Lai đã chế ra bốn trọng pháp mà nếu giữ gìn thì cũng có thể phạm, cũng không có tội. Ta nay cũng được quả A-la-hán, bốn trí vô ngại mà A-la-hán cũng phạm bốn trọng cấm như vậy. Bốn trọng pháp nếu thật là tội thì A-la-hán nhất định chẳng nên phạm. Đức Như Lai tại thế chế rằng, kiên trì đến khi Niết-bàn thì đều buông bỏ hết”. Vị Tỳ-kheo A-la-hán nói: “Thưa trưởng lão! Ông chẳng nên nói Như Lai rót ráo vào Niết-bàn. Tôi biết Như Lai thường trụ chẳng biến dịch. Đức Như Lai tại thế và sau khi Niết-bàn, thì người phạm bốn trọng cấm tội không sai biệt. Nếu nói A-la-hán phạm bốn trọng cấm thì nghĩa đó chẳng đúng. Vì sao? Vì người Tu-đà-hoàn chẳng phạm giới cấm, huống gì là A-la-hán. Nếu trưởng lão nói, ta là A-la-hán, thì A-la-hán nhất định chẳng sinh ra tư tưởng ta được A-la-hán. A-la-hán thì chỉ nói pháp thiện, chẳng nói pháp bất thiện. Lời nói của trưởng lão đều thuần là phi pháp. Nếu người có được thấy mười hai bộ loại kinh điển thì nhất định biết trưởng lão chẳng phải là A-la-hán”. Nay thiện nam! Bấy giờ, đồ chúng của Tỳ-kheo phá giới liền cùng nhau giết chết vị A-la-hán. Nay thiện nam! Khi đó Ma vương nhân lòng phẫn hận của hai chúng đó nên làm hại hết sáu trăm vị Tỳ-

kheo này. Bấy giờ, người phàm phu đều cùng nói: “Thương thay! Pháp Phật đến đây đã diệt tận”. Nhưng chánh pháp của Ta thật chẳng diệt. Bấy giờ, nước ấy có mười hai vạn vị Đại Bồ-tát giải hộ trì pháp của Ta thì sao nói pháp của Ta diệt? Khi ấy, trong cõi Diêm-phù-đề không có một vị Tỳ-kheo làm đệ tử của Ta. Bấy giờ, ma Ba-tuần dùng lửa lớn đốt cháy tất cả kinh điển. Trong số kinh điển ấy, nếu có cuốn còn sót lại thì các Bà-la-môn liền trộm lấy, khắp nơi nhặt nhạnh đem xếp vào kinh điển của mình. Do nghĩa này nên khi Phật chưa xuất hiện thì các tiểu Bồ-tát cùng theo tín thọ lời nói của Bà-la-môn. Các Bà-la-môn tuy nói: “Ta có trai giới”. Nhưng các ngoại đạo thật ra không có. Các ngoại đạo v.v... tuy nói rằng, có ngã, lạc, tịnh nhưng thật chẳng thể hiểu được nghĩa ngã, lạc, tịnh. Chỉ dùng một chữ, hai chữ, một câu, hai câu của pháp Phật mà nói là kinh điển của Ta có nghĩa như vậy.

Bấy giờ, trong rừng Ta-la song thọ ở thành Câu-thi-na, vô lượng vô biên vô số chúng nghe lời nói này rồi đều cùng xưng lên: “Thế gian rộng không! Thế gian rộng không!”.

Bồ-tát Ca-diếp bảo các đại chúng:

–Các ông chớ ưu sầu gào khóc. Thế gian chẳng rộng không. Như Lai thường trụ, không có biến đổi. Pháp, Tăng cũng vậy.

Bấy giờ, đại chúng nghe lời này rồi không kêu khóc nữa, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVII

Phẩm 20: PHẠM HẠNH 4

Bấy giờ, vua A-xà-thế của thành lớn Vương-xá, tánh tình hung ác, ưa giết hại, miệng đủ bốn lối ác, tham lam, sân giận, ngu si nung đốt tâm vua. Vua chỉ thấy hiện tại, chẳng thấy vị lai, thuận dùng người ác làm quyến thuộc, tham đắm năm dục đời hiện tại. Phụ vương không tội, vua đang tâm làm hại. Hại cha rồi, lòng sinh hối hận nóng bức, cỏi bỏ chuỗi ngọc nơi thân, chẳng ngưng xem kỹ nhạc. Vì lòng hối hận, nóng bức nên khắp thân thể sinh ra ghẻ lở. Ghẻ lở hôi thối, dơ bẩn, chẳng thể đến gần, vua liền tự nghĩ: “Ta hôm nay thân đã chịu họa báo, còn quả báo địa ngục rất gần chẳng xa”. Bấy giờ, mẹ vua tên là Vi-đề-hy, dùng đủ thứ thuốc thoa thì ghẻ ấy liền tăng thêm, không có giảm bớt. Vua liền thưa mẹ: “Như vậy ghẻ lở từ lòng mà sinh ra chẳng phải do bốn đại khởi lên. Nếu nói rằng, chúng sinh có thể trị được thì đó là điều không có”. Có vị đại thần tên là Nguyệt Xứng, đến chỗ nhà vua, đứng ở một bên, tâu: “Tâu đại vương! Vì sao ưu sầu, tiêu tụy, dung nhan chẳng vui? Vì thân đau, hay vì lòng đau?”. Nhà vua đáp lời bề tôi: “Ta nay thân tâm đều đau. Cha ta không tội mà ngang nhiên làm hại. Ta theo người trí từng nghe nghĩa này: “Đời có năm hạng người chẳng thoát được địa ngục, gọi là tội ngũ nghịch”. Ta nay đã có vô lượng vô biên vô số tội thì sao mà thân tâm chẳng bị đau. Lại không có lương y trị liệu cho thân tâm của ta”. Vị đại thần tâu: “Tâu đại vương! Đại vương chớ sầu khổ”, liền nói kệ:

Nếu thường sầu khổ

Sầu liền lớn lên

Như người ưa ngủ

Thì ngủ nhiều thêm

*Tham dâm thềm rượu
Cũng lại như trên.*

Như lời nhà vua nói, đời có năm hạng người chẳng thoát khỏi địa ngục, ai đến đó thấy mà về nói với vua vậy? Người nói địa ngục chính là người nhiều trí của thế gian nói. Như lời vua nói, đời không có lương y trị thân tâm thì hôm nay có vị đại lương y tên là Phú-lan-na, tất cả đều thấy biết, được định tự tại, rớt ráo tu tập phạm hạnh thanh tịnh, thường vì vô lượng vô biên chúng sinh mà diễn nói đạo Niết-bàn vô thượng. Ông vì các đệ tử nói pháp như vậy: “Không có nghiệp ác, không nghiệp báo ác, không có nghiệp thiện, không nghiệp báo thiện, không có nghiệp vừa ác vừa thiện, không nghiệp báo vừa thiện vừa ác, không có nghiệp trên và cả nghiệp dưới. Vị thầy này nay ở tại trong thành Vương-xá. Nguyên xin đại vương hạ mình, xa giá đến đó, có thể khiến cho vị thầy đó trị liệu thân tâm cho đại vương. Nhà vua đáp: “Xét nếu quả đúng như vậy, diệt trừ được tội của ta thì ta sẽ quy y”.

Lại có một vị bề tôi tên là Tạng Đức, đến chỗ nhà vua tâu: “Thưa đại vương! Vì sao diện mạo của đại vương tiều tụy, môi miệng khô nứt, âm thanh lí nhí giống như người khiếp nhược nhìn thấy oán địch lớn. Nhan sắc đại vương biến đổi thảm hại vì nỗi khổ gì đây? Vì thân đau, hay vì lòng đau?”. Nhà vua liền đáp: “Ta nay thân tâm làm sao chẳng đau? Ta đã ngu si, mù tối, không có mắt tuệ, gần gũi thân thiện với bạn ác mà tưởng là thiện, theo lời người ác Đề-bà-đạt-đa nghịch hại vị vua chánh pháp. Ta xưa từng nghe người trí nói kệ:

*Đối với song thân
Phật và đệ tử
Sinh tâm bất thiện
Khởi lên nghiệp ác
Như vậy quả báo
Tại ngục A-tỳ.*

Do việc này nên khiến cho lòng ta sợ, sinh khổ não lớn, lại không có lương y trị liệu cho”. Vị đại thần lại tâu: “Xin đại vương chớ buồn sợ. Pháp có hai thứ, một là xuất gia, hai là vương pháp. Vương pháp thì gọi là hại cha là vua đất nước. Tuy gọi là nghịch nhưng thật không có

tội, như con tròng ca-la-la cần phải phá hoại bụng của mẹ rồi sau đó mới sinh ra. Phép sinh như vậy, tuy phá hoại thân mẹ nhưng thật cũng không có tội. Con la mang thai v.v... cũng như vậy. Phép trị nước, phương pháp nên như vậy, tuy giết hại cha, anh nhưng thật không có tội. Phép xuất gia thì thậm chí giết con muỗi, con kiến cũng có tội. Xin đại vương an tâm chớ buồn. Vì sao? Vì:

*Nếu thường sầu khổ
Sầu liền lớn lên
Như người ưa ngủ
Thì ngủ nhiều thêm
Tham dâm, thèm rượu
Cũng lại như trên.*

Như lời vua nói, đời không có lương y trị liệu thân tâm, thì nay có Đại sư tên là Mạt-già-lê-câu-xá-ly-tử, tất cả đều hiểu biết, thương xót chúng sinh giống như con đỏ, đã lìa khỏi phiền não, có thể nhổ ba mũi tên bén độc hại của chúng sinh. Tất cả chúng sinh đối với tất cả pháp không biết, không thấy, không hiểu, chỉ một người này độc nhất biết, thấy, hiểu. Đại sư như vậy thường vì đệ tử nói pháp như vậy: Thân của tất cả chúng sinh có bảy thành phần. Những gì là bảy? Đó là đất, nước, gió, lửa, khổ, vui, thọ mạng. Bảy pháp như vậy chẳng phải hóa, chẳng phải tạo tác, chẳng thể hủy hại như cỏ Y-sư-ca, an trụ chẳng động như núi Tu-di, chẳng xả, chẳng tác giống như kem sữa, đều chẳng tranh tụng, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc thiện, hoặc chẳng thiện, lao vào dao bén không bị tổn thương. Vì sao? Vì bảy thành phần rỗng không không có chướng ngại nên mạng cũng không hại. Vì sao? Vì không có hại và chết nên không tạo tác, không thọ nhận, không nói, không nghe, không có niệm và dạy bảo. Vị ấy thường nói pháp này có thể khiến cho chúng sinh diệt trừ tất cả vô lượng tội nặng, hiện nay ở tại đại thành Vương-xá, xin đại vương đi đến nơi ấy. Nếu vua thấy ông ấy thì mọi tội đều tiêu trừ”. Nhà vua đáp: “Xét nếu quả đúng như vậy, trừ diệt được tội của ta thì ta sẽ quy y”.

Lại có một đại thần tên là Thật Đắc, đến chỗ vua, liền nói kệ:

Vì sao đại vương

Thân cởi chuỗi ngọc
Đầu tóc rối tung
Đến nỗi như vậy?
Vì sao thân vua
Run rẩy chẳng yên
Giống như gió mạnh
Thổi động cây hoa?

Đức vua hôm nay vì sao dung nhan ưu sầu tiêu tụy giống như nông phu sau khi xuống giống mà trời chẳng mưa. Đại vương sầu khổ như vậy là chính tâm đau hay là thân đau?”. Nhà vua liền đáp: “Ta hôm nay thân tâm há lại chẳng đau sao? Cha ta từ ái nhân đức, thật không lỗi lầm, nghĩ lại mà thương. Vua cha có lần đến hỏi thầy tướng, thầy tướng đáp, sinh đứa con này rồi, nhất định về sau sẽ hại cha. Tuy nghe lời nói này nhưng vua cha còn nâng niu nuôi dưỡng ta. Ta từng nghe kẻ trí nói rằng, nếu người thông dâm với mẹ và Tỳ-kheo-ni, ăn trộm đồ vật của Tăng, giết người phát tâm Bồ-đề và hại cha của mình, người như vậy nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. Ta nay thân tâm há chẳng đau sao?”. Vị đại thần lại nói: “Xin đại vương chớ sầu khổ. Như phụ vương của vua tu giải thoát mà giết hại ông ấy thì có tội. Nếu theo pháp trị nước mà giết thì không có tội. Tâu đại vương! Chẳng phải pháp thì gọi là vô pháp mà vô pháp thì gọi là vô tội. Ví như không con thì gọi là vô tử, cũng như tử ác cũng gọi là vô tử. Tuy nói rằng, không con nhưng thật chẳng phải là không con. Như ăn không muối gọi là không muối, nếu ăn ít muối cũng gọi là không muối. Như dòng sông không nước gọi là không nước, nếu có ít nước cũng gọi là không nước. Như từng niệm từng niệm diệt gọi là vô thường, tuy trụ một kiếp cũng gọi là vô thường. Như người chịu khổ gọi là không vui, tuy hưởng ít vui cũng gọi là không vui. Như chẳng tự tại gọi là vô ngã, tuy ít tự tại cũng gọi là vô ngã. Như khi đêm tối gọi là không mặt trời, khi mây mù cũng nói rằng không mặt trời. Tâu đại vương! Tuy nói rằng ít pháp gọi là vô pháp nhưng thật chẳng phải không có pháp. Xin đức vua để lòng nghe lời nói của thần, tất cả chúng sinh đều có dư nghiệp. Do nghiệp duyên nên đôi khi thọ sinh tử. Nếu giả sử đấng tiên vương có dư nghiệp mà nay đức vua hại ngài thì có tội gì? Xin đại vương yên tâm chớ ưu sầu.

Vì sao? Vì:

*Nếu thường sâu khổ
Sâu khổ lớn lên
Như người ưa ngủ
Thì ngủ nhiều thêm
Tham dâm, thích rượu
Cũng lại như trên.*

Như lời vua nói, đời không có lương y trị liệu thân tâm thì hôm nay có Đại sư tên là San-xà-gia-tỳ-la-chi-tử, tất cả đều biết, thấy, hiểu, trí tuệ uyên thâm giống như biển cả, có uy đức lớn, đủ đại thần thông, có thể khiến cho chúng sinh lìa khỏi các lưới nghi, tất cả chúng sinh chẳng biết, thấy, hiểu, chỉ độc một người này là biết, thấy, hiểu. Hôm nay vị đại sư này trụ ở gần thành Vương-xá, vì các đệ tử nói pháp như vậy: Trong tất cả chúng, nếu là vương giả thì tự tại tùy ý tạo tác nghiệp ác. Tuy làm mọi ác nhưng đều không có tội. Như lửa thiêu đốt vật không phân biệt tịnh hay chẳng tịnh, vua cũng như vậy, cùng với lửa đồng tánh. Ví như đại địa, sạch, dơ đều chỏ hết. Tuy làm việc đó mà đất không giận hay mừng, vua cũng như vậy, cùng với đất đồng tánh. Ví như tánh của nước, sạch dơ đều tẩy rửa. Tuy làm việc đó mà nước cũng không lo hay mừng, vua cũng như vậy, cùng với nước đồng tánh. Ví như tánh của gió, sạch hay dơ đều thổi. Tuy làm việc đó mà gió cũng không lo hay mừng, vua cũng như vậy, cùng với gió đồng tánh. Như mùa thu cây trụi cành lá, mùa xuân thì trở lại sinh ra. Tuy trụi cành lá nhưng thật không có tội. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, mạng chung chỗ này trở lại sinh ra chỗ kia. Vì sinh ra trở lại nên đâu có tội gì. Quả báo khổ vui của tất cả chúng sinh đều chẳng do nghiệp của đời hiện tại. Nhân tại quá khứ thì hiện tại thọ quả. Hiện tại mà không nhân thì vị lai không quả. Do quả báo hiện tại nên chúng sinh trì giới, siêng tu tinh tấn, ngăn chặn quả ác hiện tại. Do trì giới nên được vô lậu. Được vô lậu nên hết nghiệp hữu lậu. Do hết nghiệp nên mọi khổ được hết mà mọi khổ hết nên được giải thoát. Xin đại vương hãy mau đến chỗ vị đại sư ấy, để cho ông ấy trị liệu sự thống khổ của thân tâm ngài. Đức vua nếu thấy vị đại sư ấy thì mọi tội tiêu trừ”. Nhà vua liền đáp: “Xét nếu đúng có vị đại sư này, có thể trừ được tội của ta thì ta sẽ quy

y”.

Lại nữa, có một đại thần tên là Tất Tri Nghĩa đến chỗ nhà vua tâu: “Đức vua hôm nay vì sao hình dung chẳng đoan nghiêm như người mất nước, như suối khô cạn, ao không hoa sen, cây không hoa lá, như Tỳ-kheo phá giới, thân không uy đức, vì thân đau hay vì tâm đau?”. Nhà vua liền đáp: “Ta nay thân tâm há chẳng đau sao? Cha ta, đức tiên vương từ ái nhân đức, nhưng ta bất hiếu, chẳng biết báo ơn. Cha ta thường dùng sự an lạc để làm cho ta được an lạc mà ta bội ân, phản nghịch cắt đứt niềm an lạc ấy. Đức tiên vương không tội mà ta ngộ ngược giết hại. Ta cũng từng nghe kẻ trí nói, nếu có người hại cha thì sẽ ở trong vô lượng vô số kiếp, thọ khổ não lớn. Ta nay chẳng bao lâu nữa nhất định rơi vào địa ngục mà lại không có lương y cứu tế, trị liệu tội của ta”. Vị đại thần liền tâu: “Xin đại vương buông bỏ sầu khổ. Đức vua chẳng nghe sao? Thuở xưa có một vị vua tên là La-ma hại cha mình, rồi được nối ngôi vua. Đại vương Bạt-đề, vua Tỳ-lâu-chân, vua Na-hầu-sa, vua Ca-đế-ca, vua Tỳ-xá-khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh, vua Ái, vua Trì-đa-nhân v.v... những vua như vậy đều hại cha của mình để được nối ngôi, nhưng không có một vị vua nào vào địa ngục cả. Ở hiện tại vua Tỳ-lưu-ly, vua Ưu-đà-na, vua Ác Tánh, vua Thử, vua Liên Hoa v.v..., những vua như vậy đều hại cha mình mà không một vị vua nào sinh ra sầu não cả. Tuy nói rằng, trong địa ngục, ngạ quỷ, trời nhưng nào có ai thấy đâu? Tâu đại vương! Chỉ thấy có hai cõi, một là cõi người, hai là cõi súc sinh thôi. Tuy có hai cõi đó nhưng chẳng phải là nhân duyên sinh, chẳng phải là nhân duyên chết. Nếu chẳng phải do nhân duyên thì làm gì có thiện ác. Xin đại vương chớ ôm lòng buồn sợ. Vì sao? Vì:

*Nếu thường sầu khổ
Sầu liền tăng lên
Như người ưa ngủ
Thì ngủ nhiều thêm
Tham dâm, thích rượu
Cũng lại như trên.*

Như lời đại vương nói, đời không có lương y trị liệu thân tâm, thì nay có Đại sư tên là A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la, tất cả đều thấy biết,

quán vàng cùng đất bình đẳng không hai, kẻ cầm dao chặt vào hông phải, người trát chiên-đàn vào hông trái, đại sư ấy đối với hai người này lòng không sai khác, bình đẳng, với kẻ oán người thân lòng không phân biệt. Vị thầy này chân thật là lương y của đời, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc nằm, hoặc ngồi luôn ở tại Tam-muội, tâm không phân tán. Vị ấy bảo các đệ tử rằng, hoặc tự làm hoặc dạy người khác làm, hoặc tự chặt hoặc dạy người khác chặt, hoặc tự nướng hoặc dạy người khác nướng, hoặc tự hại hoặc dạy người khác hại, hoặc tự ăn trộm hoặc dạy người khác ăn trộm, hoặc tự dâm dục hoặc dạy người khác dâm dục, hoặc tự nói dối hoặc dạy người khác nói dối, hoặc tự uống rượu hoặc dạy người khác uống rượu, hoặc giết chết một làng, một thành, một nước, hoặc dùng bánh xe dao giết chết tất cả chúng sinh, hoặc ở phía Nam sông Hằng bố thí chúng sinh mà ở phía Bắc sông Hằng thì sát hại chúng sinh đều không có tội phước, không có thí, giới, định. Hiện nay vị đại sư ấy trụ ở gần thành Vương-xá, xin đại vương mau đến đó. Đại vương nếu thấy vị ấy thì mọi tội lỗi đều trừ diệt hết”. Nhà vua nói: “Này đại thần! Xét nếu đúng như vậy, trừ diệt được tội của ta thì ta sẽ quy y”.

Lại có vị đại thần tên là Cát Đức, đến chỗ nhà vua tâu: “Đức vua hôm nay vì sao mặt không ngời sáng? Sao như ánh đèn trong ánh sáng mặt trời? Như mặt trăng lúc ban ngày? Như vua mất nước? Như đất bỏ hoang? Tâu đại vương! Hôm nay, bốn phương thanh bình, không có những oán địch mà vì sao đức vua sầu khổ như vậy? Vì thân khổ hay vì tâm khổ? Có các vương tử thường sinh ý niệm này, ta nay khi nào được tự tại? Tâu đại vương! Hôm nay đại vương đã thỏa nguyện tự tại. Đức vua thống lãnh nước Ma-già-đà, bảo tàng của tiên vương đã được đầy đủ thì chỉ khoái ý mặc tình thọ hưởng lạc thú. Đại vương ôm mãi sầu não như vậy để làm gì?”. Nhà vua đáp: “Ta nay làm sao chẳng sầu não được? Này đại thần! Ví như người ngu chỉ tham vị ngon mà chẳng thấy lưỡi dao bén, như ăn tạp độc mà chẳng thấy cái hại của độc ấy, ta cũng như vậy. Như con hươu thấy cỏ mà chẳng thấy hố sâu, như con chuột tham ăn mà chẳng thấy mèo chồn, ta cũng như vậy. Ta thấy niềm vui hiện tại mà chẳng thấy quả khổ chẳng lành đời sau. Ta từng theo bậc trí giả nghe lời nói như vậy: “Thà trọn ngày chịu đựng ba trăm lần giáo đâm, chớ chẳng đối với cha mẹ sinh ra một ý niệm ác”. Ta nay đã gần

với lửa cháy rực của địa ngục thì làm sao chẳng sâu não được?”. Vị đại thần lại tâu: “Ai đến dối gạt đức vua rằng có địa ngục? Như cây nhọn đâm vào đầu là do ai tạo ra? Chim màu khác do ai làm ra? Tánh của nước thấm nhuần, tánh của đá cứng chắc, như tánh của gió động, như tánh của lửa nóng v.v... tất cả muôn vật tự chết tự sinh, do ai tạo tác? Nói địa ngục thì chỉ là sự tạo tác văn từ của bậc trí giả. Nói địa ngục là có nghĩa gì? Địa gọi là đất, ngục gọi là phá. Phá địa ngục không có tội báo. Đó gọi là địa ngục. Lại nữa, địa là gọi người, ngục là gọi trời. Do hại cha mình nên đến với người, trời. Do nghĩa này nên tiên nhân Bà Tẩu nói: Giết dê được niềm vui người trời. Đó gọi là địa ngục. Lại nữa, địa là gọi mạng, ngục là gọi dài. Do giết sự sống nên được thọ mạng lâu dài, nên gọi là địa ngục. Tâu đại vương! Vậy đại vương phải biết thật không có địa ngục. Tâu đại vương! Như gieo lúa mì được lúa mì, gieo lúa nước được lúa nước, giết địa ngục thì trở lại được địa ngục, giết hại người nên trở lại được làm người. Tâu đại vương! Hôm nay, đại vương phải nghe lời nói của thần là thật không có sự giết hại. Nếu có ngã thì thật cũng không hại. Nếu vô ngã thì lại không có cái bị hại. Vì sao? Vì nếu có ngã thì thường trụ, chẳng biến dịch. Do thường trụ nên chẳng thể giết hại. Chẳng phá, chẳng giữ, chẳng ràng, chẳng buộc, chẳng giận, chẳng mừng giống như hư không thì sao gọi là có tội giết hại? Nếu vô ngã thì các pháp vô thường. Do vô thường nên từng niệm từng niệm hoại diệt, mà nếu từng niệm từng niệm diệt thì cái giết cái chết đều từng niệm từng niệm diệt. Nếu từng niệm từng niệm diệt thì ai phải có tội? Tâu đại vương! Như lửa đốt cây, lửa thì không tội, như búa chặt cây, búa cũng không tội, như liềm cắt cỏ, liềm thật không tội, như dao giết người, dao thật chẳng phải là người, mà dao đã không tội thì người làm sao gọi là tội? Như độc giết người, độc thật chẳng phải là người. Thuốc độc không tội thì người sao gọi là tội? Tất cả muôn vật đều cũng như vậy, thật không giết hại thì sao gọi là có tội? Xin đại vương chớ sinh sâu khổ. Vì sao? Vì:

*Nếu thường sâu khổ
Sâu liền tăng lên
Như người ưa ngủ
Thì ngủ nhiều thêm*

Tham dâm, thích rượu

Cũng lại như trên.

Như lời vua nói, đời không có lương y trị liệu nghiệp ác thì hôm nay có vị Đại sư tên là Ca-là-cưu-đà Ca-chiên-diên, tất cả đều thấy biết, sáng tỏ ba đời, ở trong khoảng một niệm có thể thấy vô lượng vô biên thế giới và nghe tiếng cũng vậy, có thể khiến cho chúng sinh xa lìa tội ác. Ví như sông Hằng, các tội trong, hoặc ngoài đều thanh tịnh hết, vị đại lương y này cũng như vậy, có thể trừ diệt mọi tội trong ngoài của chúng sinh. Vị đại sư ấy vì các đệ tử nói pháp như vậy: Nếu người giết hại tất cả chúng sinh mà lòng không hổ thẹn thì nhất định chẳng đọa vào cõi ác, giống như hư không chẳng thọ bụi, nước. Người có hổ thẹn thì liền vào địa ngục, giống như nước lớn thấm nhuần ở đất. Tất cả chúng sinh đều là sự tạo tác của trời Tự Tại. Trời Tự Tại vui thì chúng sinh an lạc, trời Tự Tại giận thì chúng sinh khổ não. Tất cả chúng sinh hoặc tội, hoặc phước chính là việc làm của trời Tự Tại thì sao phải nói người có tội, phước? Ví như người thợ mộc làm người gỗ máy, đi, đứng, nằm, ngồi chỉ chẳng thể nói được, chúng sinh cũng vậy. Trời Tự Tại là dụ cho người thợ mộc, người gỗ là dụ cho thân chúng sinh. Tạo hóa như vậy thì ai sẽ có tội? Bậc đại sư như vậy hiện nay trụ ở gần thành Vương-xá, xin đại vương hãy mau đến đó. Như đại vương diện kiến vị ấy thì mọi tội lỗi đều tiêu diệt”. nhà vua liền đáp: “Xét quả đúng có người này, có thể diệt tội ác của ta thì ta sẽ quy y”.

Lại có một vị đại thần tên là Vô Sở Úy đi đến chỗ nhà vua tâu như vậy: “Tâu đại vương! Đời có người ngu, trong một ngày, trăm điều mừng, trăm điều buồn, trăm lần ngủ, trăm lần thức, trăm lần kinh hãi, trăm lần khóc lóc. Người có trí thì không có những việc này. Đại vương vì sao lo buồn như mất bạn bè, như rơi vào bùn sâu không người cứu vớt, như người khát chẳng được uống nước, như người đi lạc không có kẻ dẫn đường, như người bệnh khốn không thấy thuốc chữa trị, như thuyền trên biển bị vỡ không người tiếp cứu như vậy? Tâu đại vương! Hôm nay đại vương thân đau hay vì tâm đau?”. Nhà vua liền đáp: “Ta nay thân tâm há chẳng đau sao? Ta gần bạn xấu, chẳng quan sát tội lỗi của miệng. Đức tiên vương không tội mà ta đang tâm giết hại. Ta nay nhất định sẽ vào địa ngục, lại không có lương y để xin cứu giúp”.

Vị đại thần liền tâu: “Xin đại vương chớ sinh sầu não. Phàm Sát-lợi thì gọi là dòng vua. Nếu đại vương vì đất nước, hoặc vì Sa-môn hay Bà-la-môn, vì yêu muôn dân, tuy đại vương giết hại nhưng không có tội. Đức tiên vương tuy lại cung kính Sa-môn nhưng chẳng thể phụng sự các Bà-la-môn, lòng không bình đẳng, mà không bình đẳng nên chẳng phải là Sát-lợi. Tâu đại vương! Nay đại vương vì muốn cúng dường các Bà-la-môn mà giết hại tiên vương thì đâu có tội gì! Tâu đại vương! Quả thật đại vương không giết hại. Phàm giết hại thì giết hại thọ mạng. Mạng gọi là hơi gió, mà tánh của hơi gió chẳng thể giết hại thì sao gọi là hại mạng mà phải có tội? Xin đại vương chớ sầu khổ nữa. Vì sao? Vì:

*Nếu thường sầu khổ
Sầu liền tăng lên
Như người ưa ngủ
Thì ngủ nhiều thêm
Tham dâm, thích rượu
Cũng lại như trên.*

Như lời đức vua nói, đời không có lương y có thể trị liệu thì nay có vị đại sư tên là Ni-càn-đà Nhã-đề-tử, tất cả đều thấy biết, thương xót chúng sinh, giỏi biết các căn lợi hay độn của chúng sinh, hiểu thấu tất cả tùy nghi phương tiện, tám pháp thế gian đã chẳng thể nhiễm ô, tịch tĩnh, tu tập phạm hạnh thanh tịnh, vì các đệ tử nói pháp như vậy: “Không thí, không thiện, không cha, không mẹ, không đời nay, đời sau, không A-la-hán, không tu, không đạo. Tất cả chúng sinh trải qua tám vạn kiếp ở trong vòng sinh tử, rồi tự nhiên được giải thoát dù có tội hay không tội đều cũng như vậy. Như bốn dòng sông lớn là Tân-đầu, Hằng Hà, Bác-xoa, Từ-đà đều chảy vào biển cả không có sai biệt, tất cả chúng sinh cũng như vậy, khi được giải thoát họ đều không sai biệt. Vị thầy này, nay ở tại thành Vương-xá, xin đại vương mau chóng đi đến chỗ vị ấy. Nếu được diện kiến vị ấy thì mọi tội của vua đều tiêu diệt”. Nhà vua liền đáp: “Xét nếu đúng có vị thầy này, có thể trừ tội của ta thì ta sẽ quy y”.

Bấy giờ, vị đại y tên Kỳ-bà đi đến chỗ nhà vua tâu: “Tâu đại vương! Đại vương được ngủ yên không?”. Nhà vua dùng kệ đáp:

Nếu có thể đoạn hẳn
 Tất cả các não phiền
 Chẳng tham nhiễm ba cõi
 Thì mới được ngủ yên.
 Đại Niết-bàn nếu được
 Dẫn nói nghĩa thâm diệu
 Gọi Bà-la-môn thật
 Thì mới được ngủ yên.
 Thân không các nghiệp ác
 Miệng lìa bốn lỗi lầm
 Lòng không có nghi hoặc
 Thì mới được ngủ yên.
 Thân tâm không nóng bức
 An trụ chỗ tịch tĩnh
 Thu hoạch vui vô thượng
 Thì mới được ngủ yên.
 Lòng không có vướng bận
 Các oán thù lìa tan
 Thường hòa không tranh cãi
 Thì mới được ngủ yên.
 Nếu chẳng tạo nghiệp ác
 Hồ thẹn lòng thường mang
 Tin ác có quả báo
 Thì mới được ngủ yên.
 Cung kính dưỡng cha mẹ
 Chẳng hại một chúng sinh
 Chẳng trộm của người khác
 Thì mới được ngủ yên.
 Với các căn điều phục
 Thân cận với bạn lành
 Phá hoại bốn chúng ma
 Thì mới được ngủ yên.
 Chẳng thấy tốt, chẳng tốt
 Và khổ, vui vân vân...
 Vì tất cả sinh chúng

Xoay vần trong sinh tử
 Nếu có thể như vậy
 Thì mới được ngủ yên.
 Ai được ngủ yên ổn
 Đó là Phật Thế Tôn
 Quán sâu Tam-muội Không
 Chẳng động, yên thân tâm.
 Ai được ngủ yên ổn
 Đó là đấng Từ Bi
 Thường tu chẳng phóng dật
 Xem mọi người như con.
 Chúng sinh vô minh tối
 Chẳng thấy quả phiền não
 Thường tạo các nghiệp ác
 Chẳng được giấc ngủ yên.
 Nếu vì tự thân mình
 Và thân của người khác
 Tạo tác mười nghiệp ác
 Thì chẳng được ngủ yên.
 Nếu nói rằng vì vui
 Hại cha không lỗi lầm
 Thuận theo ác tri thức
 Thì chẳng được ngủ yên.
 Nếu ăn quá tiết độ
 Uống lạnh mà quá mức
 Như vậy thì bệnh khổ
 Chẳng được ngủ yên giấc
 Nếu với vua có lỗi
 Tà niệm vợ tha nhân
 Và đi đường trống vắng
 Thì chẳng được ngủ yên.
 Trì giới chưa thành thực
 Thái tử, ngôi chưa lên
 Kẻ trộm chưa được của
 Thì chẳng được ngủ yên.

Này Kỳ-bà! Ta nay bệnh nặng, đối với vua chánh pháp khởi ác nghịch hại. Tất cả lương y dùng diệu dược, chú thuật khéo léo xem bệnh đều chẳng thể trị liệu được. Vì sao? Vì cha ta, vị Pháp vương, đúng như pháp trị nước, thật không có tội lỗi mà ta đang tâm nghịch hại, như cá ở trên đất có gì mà vui? Như loài hươu mắc bẫy không có lòng vui, như người tự biết mạng sống chẳng còn trọn ngày, như vua mất nước chạy trốn sang đất khác, như người nghe bệnh chẳng thể trị liệu, như người phá giới nghe nói tội lỗi Ta thuở trước từng nghe bậc trí giả nói rằng, nghiệp thân, miệng, ý nếu chẳng thanh tịnh thì phải biết người này nhất định đọa vào địa ngục. Ta cũng như vậy thì làm sao được ngủ yên? Nay ta lại không có bậc đại y vô thượng diễn nói pháp dược diệt trừ bệnh khổ của ta”. Ông Kỳ-bà đáp: “Hay thay! Hay thay! Đức vua tuy gây nên tội nhưng lòng sinh hối hận vô cùng mà mang lòng hổ thẹn. Tâu đại vương! Chư Phật Thế Tôn thường nói lời này, có hai pháp thiện có thể cứu chúng sinh, một là hổ, hai là thẹn. Hổ là tự chẳng làm nên tội. Thẹn là chẳng dạy người khác làm. Hổ là bên trong tự xấu hổ. Thẹn là phát lộ hướng về người. Hổ là xấu hổ với người, thẹn là thẹn với trời. Đó gọi là hổ thẹn. Không hổ thẹn thì chẳng gọi là người mà gọi là súc sinh. Có hổ thẹn thì có thể cung kính cha mẹ, sư trưởng. Có hổ thẹn nên nói có cha mẹ, anh em, chị em. Hay thay! Tâu đại vương! Đại vương có đủ hổ thẹn. Tâu đại vương! Đại vương hãy lắng nghe. Thần có nghe Đức Phật nói, kẻ trí có hai, một là chẳng tạo cái ác, hai là đã tạo rồi mà sám hối. Người ngu cũng có hai, một là tạo tội, hai là che giấu. Tuy trước làm ác nhưng sau có thể phát lộ, hối lỗi rồi hổ thẹn chẳng dám làm nữa. Giống như nước đục, đặt vào đó viên minh châu, do uy lực của viên ngọc nên nước liền lắng trong, như khói mây tan thì trăng trong sáng, làm ác mà có thể hối hận thì cũng như vậy. Đức vua nếu sám hối, mang lòng hổ thẹn thì tội liền trừ diệt, thanh tịnh như cũ.

Tâu đại vương! Giàu có hai thứ, một là voi, ngựa đủ thứ súc sinh; hai là vàng, bạc đủ thứ châu báu. Voi, ngựa tuy nhiều nhưng chẳng địch lại một viên ngọc. Tâu đại vương! Chúng sinh cũng vậy, một là giàu ác, hai là giàu thiện. làm nhiều những ác chẳng bằng một điều thiện. Thần nghe Đức Phật nói, tu một điều thiện, lòng phá trăm thứ

ác. Tâu đại vương! Như một chút kim cương có thể phá hoại núi Tu-di, cũng như chút xíu lửa có thể đốt cháy tất cả, như ít thuốc độc có thể hại chúng sinh v.v... chút ít thiện cũng vậy, có thể phá tan đại ác. Tuy gọi là chút thiện nhưng thật ra thiện ấy là lớn. Vì sao? Vì nó phá được đại ác. Tâu đại vương! Như lời Đức Phật nói, che giấu thì có sơ hở, chẳng che giấu thì không có sơ hở. Phát lồ hối lỗi vậy nên chẳng có sơ hở. Nếu làm mọi tội mà chẳng che chẳng giấu thì do chẳng che nên tội rất nhỏ, nếu còn mang lòng hổ thẹn thì tội tiêu diệt. Tâu đại vương! Như giọt nước tuy nhỏ nhưng dần dần tràn đầy đồ đựng lớn. Lòng thiện cũng vậy, mỗi một lòng thiện có thể phá tan ác lớn. Nếu che giấu tội thì tội lớn thêm, còn phát lồ, hối thẹn thì tội tiêu diệt. Vậy nên các Đức Phật nói người có trí thì chẳng che giấu tội. Hay thay! Tâu đại vương! Đại vương có thể tin nhân quả, tin nghiệp, tin báo. Xin đại vương chớ ôm lòng sầu lo. Nếu có chúng sinh tạo tác các tội mà che giấu, chẳng sám hối, lòng không hổ thẹn, chẳng thấy nhân quả và cả nghiệp báo, chẳng thể thưa hỏi người có trí, chẳng gần bạn lành thì người như vậy, tất cả lương y dù cho đến xem bệnh cũng chẳng thể trị liệu được. Như bệnh Ca-ma-la thì thầy thuốc của đời đành bó tay, người che giấu tội cũng như vậy. Sao gọi là tội nhân? Là Nhất-xiển-đề? Nhất-xiển-đề là người chẳng tin nhân quả, không có hổ thẹn, chẳng tin nghiệp báo, chẳng thấy hiện tại và đời vị lai, chẳng thân cận bạn lành, chẳng theo lời dạy răn của chư Phật. Người như vậy gọi là Nhất-xiển-đề mà chư Phật Thế Tôn chẳng thể trị liệu. Vì sao? Vì như thầy chết của thế gian thầy thuốc chẳng thể trị liệu. Người Nhất-xiển-đề cũng như vậy, chư Phật Thế Tôn chẳng thể trị liệu được. Tâu đại vương! Đại vương nay chẳng phải là Nhất-xiển-đề thì sao nói rằng chẳng thể cứu giúp, trị liệu?

Như lời đức vua nói, không người có thể trị liệu thì đại vương nên biết là tại thành Ca-tỳ-la có vương tử của vua Tịnh Phạm, dòng họ Cù-đàm tên là Tất-đạt-đa, vô sư tự ngộ mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm bản thân, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, tất cả đều thấy biết, đại từ, đại bi, thương xót tất cả như La-hầu-la, theo chúng sinh như ghé con theo trâu mẹ, biết lúc mà nói pháp, phi thời thì chẳng nói, lời vị ấy nói

là lời chân thật, lời thanh tịnh, lời vi diệu, lời đúng nghĩa, lời đúng pháp, lời duy nhất có thể khiến cho chúng sinh vĩnh viễn lìa khỏi phiền não, giải biết căn cơ tâm tánh của chúng sinh, tùy nghi phương tiện, không gì chẳng thông đạt. Trí của vị ấy cao như núi Tu-di, sâu thăm mênh mông giống như biển cả. Chính là Phật Thế Tôn có trí kim cương có thể phá tất cả tội ác của chúng sinh. Nếu nói rằng vị ấy chẳng thể thì không có điều này. Hôm nay vị ấy ở cách đây hai mươi do-tuần, trong rừng Ta-la song thọ của thành Câu-thi-na, rộng vì vô lượng vô số chúng Tăng, Bồ-tát v.v... mà diễn nói đủ thứ pháp: hoặc có hay không, hoặc hữu vi hay vô vi, hoặc hữu lậu hay vô lậu, hoặc quả phiền não hay quả pháp thiện, hoặc sắc pháp hay phi sắc pháp hay phi sắc phi sắc pháp, hoặc ngã hay phi ngã hay phi ngã phi phi ngã, hoặc thường hay phi thường hay phi thường phi phi thường, hoặc lạc hay phi lạc hay phi lạc phi phi lạc, hoặc tưởng hay phi tưởng hay phi tưởng phi phi tưởng, hoặc đoạn hay phi đoạn hay phi đoạn phi phi đoạn, hoặc thế hay xuất thế hay phi thế phi xuất thế, hoặc thừa hay phi thừa hay phi thừa phi phi thừa, hoặc tự tác tự thọ, hoặc tự tác người khác thọ, hoặc không tác không thọ. Tâu đại vương! Nếu đại vương đang ở chỗ Đức Phật nghe vấn đề không tác không thọ thì những trọng tội của đức vua liền tiêu diệt. Đức vua hôm nay hãy lắng nghe. Có ông Thích-đề-hoàn-nhân nhân mạng mình sắp hết nên có năm tướng xuất hiện, một là quần áo bẩn thỉu, hai là hoa trên đầu héo úa, ba là thân thể hôi thối, bốn là dưới nách ra mồ hôi, năm là chẳng ưa tòa ngồi. Khi ấy trời Đế Thích hoặc ở chỗ yên lặng nếu thấy Sa-môn hay Bà-la-môn thì liền đi đến chỗ những vị ấy mà phát sinh Phật tướng. Bấy giờ, Sa-môn và Bà-la-môn thấy Đế Thích đến thì tự cho là may mắn, mừng vui vô hạn. Họ liền nói lời này: “Thưa Thiên chúa! Tôi nay xin quy y với ngài”. Đế Thích nghe rồi mới biết chẳng phải Phật, lại tự nghĩ: “Những vị đó, nếu chẳng phải Phật thì chẳng thể trị liệu năm tướng suy thoái của ta”. Lúc đó có vị ngự thần tên là Bát-già-thi nói với Đế Thích: “Thưa Kiều-thi-ca! Vua Càn-thát-bà tên là Đôn-phù-lâu, có người con gái tên là Tu-bạt-đà. Đại vương nếu có thể đem người con gái này ban cho hạ thần thì hạ thần sẽ chỉ đức vua chỗ diệt trừ tướng suy”. Đế Thích liền đáp: “Này thiện nam! Vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la có người con gái Xá-

chỉ là người yêu của ta. Khanh nếu nhất định có thể chỉ cho ta chỗ tiêu diệt tướng ác thì ta còn ban cho được, huống gì là Tu-bạt-đà”. Vị ngự thần thưa: “Thưa Kiều-thi-ca! Có Đức Phật Thế Tôn tự là Thích Ca Mâu Ni, nay đang ở tại đại thành Vương-xá, nếu đại vương có thể đến đó thưa hỏi điều chưa nghe thì tướng suy nhất định được tiêu trừ”. Đế thích bảo: “Này thiện nam! Nếu Đức Phật Thế Tôn xét quả có thể diệt được thì hãy quay xa giá đi đến chỗ ấy ngay”. Vị ngự thần vâng lệnh, liền quay xa giá trở lại, đi đến chỗ Đức Phật trong núi Kỳ-xà-quật ở thành Vương-xá, Đế thích đầu mặt lễ dưới chân Phật, lui về ngồi một bên, bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Trong cõi trời người, cái gì là ràng buộc?”. Đức Phật đáp: “Này Kiều-thi-ca! Keo kiệt, tham lam, ganh ghét”. Lại hỏi: “Keo kiệt, tham lam, ganh ghét nhân đâu mà sinh ra?”. Đáp: “Nhân vô minh sinh ra”. Lại hỏi: “Vô minh do nhân đâu sinh ra?”. Đáp: “Nhân phóng dật sinh ra”. Lại hỏi: “Phóng dật nhân đâu sinh ra?”. Đáp: “Nhân điên đảo sinh ra”. Lại hỏi: “Điên đảo lại do nhân đâu sinh ra?”. Đáp: “Nhân lòng nghi hoặc sinh ra”. Đế thích bạch: “Bạch Thế Tôn! Pháp điên đảo nhân nghi hoặc sinh ra, thật đúng như lời dạy của đức Thánh. Vì sao? Vì con có tâm nghi, mà do tâm nghi nên sinh ra điên đảo, đối với người chẳng phải Thế Tôn mà sinh ra tướng Thế Tôn. Con nay thấy Đức Phật, thì lười nghi hoặc liền trừ diệt. Lười nghi trừ diệt nên điên đảo cũng hết. Diên đảo đã hết nên không có lòng keo kiệt, tham lam cho đến lòng ganh ghét”. Đức Phật dạy: “Ông nói không có tham lam, keo kiệt, ganh ghét thì ông hôm nay đã được A-na-hàm rồi chẳng? A-na-hàm thì không có lòng tham. Nếu ông không có lòng tham thì tại sao vì mạng sống mà đi đến chỗ Ta? Như A-na-hàm thì quả thật chẳng cầu mạng sống”. Đế thích bạch: “Bạch Thế Tôn! Có điên đảo thì có cầu mạng sống, không điên đảo thì chẳng cầu mạng sống. Nhưng con hôm nay quả thật chẳng cầu mạng sống. Điều con muốn cầu là chỉ cầu pháp thân của Phật và trí tuệ của Phật”. Đức Phật dạy: “Này Kiều-thi-ca! Cầu pháp thân của Phật và trí tuệ của Phật thì đời vị lai nhất định sẽ được”. Bấy giờ, Đế thích nghe lời Phật nói rồi thì năm tướng suy mất tức thời tiêu diệt, liền đứng dậy làm lễ, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, chấp tay cung kính bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Con nay dù tử, dù sinh, mất mạng hay được mạng mà

lại nghe Đức Phật thọ ký sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chính là tái sinh, lại được mạng. Bạch Thế Tôn! Tất cả hàng trời, người làm sao được tăng ích? Lại do nhân duyên gì đi đến tổn giảm?”. Đức Phật dạy: “Này Kiều-thi-ca! Do nhân duyên đấu tranh mà hàng trời, người tổn giảm. Khéo tu hòa kính thì được tăng ích”. Để thích bạch: “Bạch Thế Tôn! Nếu do đấu tranh mà tổn giảm thì từ hôm nay con chẳng cùng với A-tu-la đánh nhau nữa”. Đức Phật dạy: “Hay thay! Hay thay! Này Kiều-thi-ca! Chư Phật Thế Tôn nói pháp hiển nhục chính là nhân của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân liền lễ trước Phật rồi trở về. Tâu đại vương! Như Lai do có thể trừ các tướng ác nên xưng là Phật chẳng thể nghĩ bàn. Đức vua nếu đến đó thì trọng tội của đại vương nhất định sẽ được tiêu trừ. Đại vương hãy nghe đây: Có đứa con của vị Bà-la-môn tên là Bất Hại, do giết chết vô lượng những chúng sinh nên mang danh là Ưng-quật-Ma. Ông ấy lại muốn hại mẹ, khi tâm ác dấy lên thì thân cũng động theo. Thân tâm động tức là nhân của ngũ nghịch, mà nhân là ngũ nghịch nên nhất định đọa vào địa ngục. Sau đó khi thấy Phật thì thân tâm của ông ta đều động muốn giết hại. Thân tâm động tức là nhân của ngũ nghịch, mà nhân là ngũ nghịch nên sẽ đọa vào địa ngục. Người này được gặp đấng Đại sư Như Lai tức thời được diệt nhân duyên địa ngục, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên xưng Phật là đấng thầy thuốc Vô thượng, chẳng phải là hàng lục sư. Tâu đại vương! Lại có vương tử Tu-tỳ-la. Cha ông ấy giận, chặt tay chân ông rồi xô xuống giếng sâu. Mẹ ông ấy thương xót sai người kéo lên đem đến chỗ Đức Phật, vừa thấy Đức Phật thì tay chân lành trở lại. Ông liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâu đại vương! Do thấy Phật nên được quả báo hiện tiền. Vậy nên xưng Phật là thầy thuốc Vô thượng, chẳng phải là lục sư. Tâu đại vương! Như bên bờ sông Hằng có những quý đỏi, số quý ấy có đến năm trăm. Chúng ở đây đã vô lượng năm mà chẳng hề thấy nước, tuy có đến trên dòng sông nhưng thuận thấy lửa cháy. Sự bức bách của đỏi khát khiến chúng lên tiếng gào khóc. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang ngồi ở bên một gốc cây ở tại rừng Uất-đàm-bát bên dòng sông ấy, các quý đỏi đi đến chỗ Đức Phật bạch: “Bạch Thế Tôn! Chúng con đói khát, mạng chẳng còn lâu”. Đức Phật

dạy: “Sông Hằng nước chảy sao các người chẳng uống?”. Quỷ liền đáp: “Đức Như Lai thấy nước còn chúng con thì thấy lửa”. Đức Phật dạy: “Dòng nước sông Hằng trong sạch, thật không có lửa. Do nghiệp ác nên lòng tự điên đảo mà gọi đó là lửa. Ta sẽ vì các người trừ diệt điên đảo khiến cho các người thấy nước”. Bấy giờ, Đức Thế Tôn rộng vì các quỷ nói về tội lỗi của tham lam keo kiệt. Các quỷ liền nói: “Chúng con nay đói khát, tuy nghe lời nói pháp nhưng đều chẳng vào lòng”. Đức Phật dạy: “Các người nếu khát quá thì trước hãy vào dòng sông mặc lòng uống nước đi”. Những quỷ đó nhờ thần lực của Đức Phật nên liền được uống nước. Chúng đã uống nước rồi, Đức Như Lai lại vì chúng mà nói đủ thứ pháp. Đã nghe pháp rồi, chúng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bỏ hình thể quỷ đói mà được thân trời. Tâu đại vương! Vậy nên xưng Phật là thầy thuốc vô thượng, chẳng phải là lục sư. Tâu đại vương! Bọn giặc ở nước Xá-bà-đề có năm trăm tên bị vua Ba-tư-nặc móc hết mắt của chúng. Chúng bị mù mà không người dẫn đường nên chẳng thể đi đến chỗ Đức Phật. Đức Phật thương xót chúng nên liền đến chỗ bọn giặc an ủi dỗ dành: “Này thiện nam! Hãy khéo hộ trì thân, miệng. Chớ lại tạo ác”. Bấy giờ, bọn giặc nghe âm thanh của Đức Như Lai vi diệu trong suốt, mắt liền được sáng trở lại. Chúng ở trước Đức Phật chấp tay lễ Phật, bạch: “Bạch Thế Tôn! Chúng con nay biết từ tâm của Đức Phật che khắp tất cả chúng sinh, chẳng phải chỉ có người, trời”. Lúc này, Đức Như Lai liền vì chúng mà nói pháp, đã nghe pháp rồi thì đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Đức Như Lai chân thật là đáng lương y vô thượng của thế gian, chẳng phải là lục sư. Tâu đại vương! Nước Xá-bà-đề có Chiên-đà-la tên là Khí Hư, giết vô lượng người, thấy vị đại đệ tử của Đức Phật là Tôn giả Đại Mục-kiền-liên tức thời được phá nhân duyên địa ngục mà được sinh lên trời thứ Ba Mười Ba. Do có đệ tử Thánh như vậy nên xưng Phật Như Lai là thầy thuốc vô thượng, chẳng phải là hạng lục sư. Tâu đại vương! Thành Ba-la-nại có đứa con ông trưởng giả tên A-dật-đa lén dâm với mẹ, do nhân duyên đó nên giết chết cha mình. Rồi mẹ hấn lại cùng với người ngoài thông dâm, hấn biết được liền giết chết luôn. Có vị A-la-hán là bạn của hấn, đối với người bạn này hấn lại sinh hổ thẹn nên giết luôn người đó. Giết rồi, hấn liền đến

tin xá Kỳ Hoàn cầu xin xuất gia. Khi ấy, các vị Tỳ-kheo đều biết người này có ba tội nghịch, không dám cho xuất gia. Do không cho xuất gia nên phát sinh sân giận bội phần, ngay trong đêm ấy, hấn phóng hỏa đốt cháy Tăng viện, giết chết nhiều người vô tội. Rồi sau đó hấn lại đến trong thành Vương-xá, đi tới chỗ Đức Như Lai cầu xin xuất gia. Đức Như Lai liền cho phép và vì người đó nói pháp chính yếu khiến cho tội nặng ấy dần dần nhẹ bớt đi, rồi phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên xưng Phật là lương y của thế gian, chẳng phải là lục sư. Tâu đại vương! Đại vương vốn tánh bạo ác, tin theo người ác Đề-bà-đạt-đa, thả voi lớn say, muốn khiến cho nó giẫm lên Đức Phật. Voi thấy Đức Phật tức thời tỉnh ngộ, Đức Phật liền duỗi tay ra xoa trên đầu voi, lại vì nó nói pháp, khiến cho nó được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâu đại vương! Súc sinh thấy Phật còn được phá hoại nghiệp quả súc sinh, huống lại là người. Đại vương phải biết, nếu thấy Đức Phật thì dầu có trọng tội nhất định sẽ được diệt trừ. Tâu đại vương! Khi Đức Thế Tôn chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì ma cùng vô lượng vô biên quyến thuộc đến chỗ đức Bồ-tát, bấy giờ Bồ-tát dùng sức nhẫn nhục phá hoại lòng ác của ma, khiến cho ma thọ pháp và liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đức Phật có lực đại công đức như vậy đó. Tâu đại vương! Có loài quỷ Khoáng Dã hại nhiều chúng sinh. Đức Như Lai bấy giờ vì ông trưởng giả Thiện Hiện nên đi đến thôn Khoáng Dã nói pháp cho loài quỷ ấy. Quỷ nghe nói pháp thì vui mừng, liền đem ông trưởng giả trao cho Đức Như Lai, rồi sau đó mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâu đại vương! Thành Ba-la-nại có người đồ tể tên là Quảng Ngạch, ngày ngày giết vô lượng dê, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất liền thọ tám giới, trải qua một ngày đêm. Do nhân duyên này nên khi mạng chung được làm con vua trời Tỳ-sa-môn ở phương Bắc. Đệ tử của Đức Như Lai còn có quả công đức lớn như vậy, huống lại là Đức Phật. Tâu đại vương! Ở Bắc Thiên Trúc có thành tên là Tế Thạch. Thành ấy có vị vua tên là Long Ấn, vì tham đất nước, trọng ngôi vị nên giết hại cha mình. Giết cha mình rồi, lòng sinh hối hận, liền bỏ quốc chính đi đến chỗ Đức Phật, khẩn cầu xin xuất gia. Đức Phật dạy: “Thiện lai!”. Ông liền thành Tỳ-kheo, trọng tội tiêu diệt, rồi phát tâm

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại vương nên biết, Đức Phật có vô lượng vô biên quả công đức lớn như vậy đó. Tâu đại vương! Đức Như Lai có em là Đề-bà-đạt-đa, phá hoại chúng Tăng, làm chảy máu thân Phật, hại Tỳ-kheo-ni Liên Hoa, làm ba tội nghịch. Đức Như Lai vì ông ấy nói đủ thứ pháp chính yếu khiến cho trọng tội ấy liền được giảm nhẹ. Vậy nên Đức Như Lai là vị đại lương y, chẳng phải là hàng lục sư. Tâu đại vương! Nếu đại vương có thể tin lời nói của thần thì xin đại vương hãy mau chóng đi đến chỗ Đức Như Lai. Nếu chẳng tin thì xin đại vương suy nghĩ kỹ những điều thần nói đó. Tâu đại vương! Chư Phật Thế Tôn đại bi che khắp, chẳng giới hạn ở một người nào, chánh pháp rộng lớn không chỗ nào chẳng bao phủ, kẻ oán người thân đều bình đẳng, lòng không yêu ghét, nhất định chẳng thiên vị một người nào khiến cho được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn người khác thì chẳng được. Đức Như Lai chẳng phải chỉ là thầy riêng của bốn bộ chúng mà là thầy của khắp tất cả trời, người, rồng, quỷ thần, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v... Tất cả chúng sinh cũng sẽ xem Đức Phật tưởng như cha mẹ. Đại vương nên biết, Đức Như Lai chẳng vì hạng người giàu sang như vua Bạt-đề-ca mà diễn nói pháp. Ngài cũng vì hạng hạ tiện như Ưu-ba-ly v.v... Đức Như Lai chẳng thiên lệch nhận bữa ăn dâng cúng của ông Tu-đạt-đa A-na-bân-đề mà cũng nhận bữa ăn của người nghèo Tu-đạt-đa. Đức Như Lai chẳng vì người lợi căn như Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... nói pháp mà cũng vì kẻ độn căn như ông Châu-lợi-bàn-đặc. Đức Như Lai không chỉ cho phép người tánh không tham như Tôn giả Đại Ca-diếp xuất gia cầu đạo mà cũng cho phép kẻ đại tham như Tôn giả Nan-đà xuất gia. Đức Như Lai không chỉ cho phép người ít phiền não như Tôn giả Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp v.v... xuất gia cầu đạo mà cũng cho phép kẻ phiền não sâu dày, tạo tội nặng như em vua Ba-tư-nặc là Ưu-đà-gia xuất gia cầu đạo. Đức Như Lai chẳng vì Sa Thảo cung kính cúng dường mà cứu vớt căn sân ông ấy, còn Ương-quật-ma-la lòng ác muốn hại nên bỏ mà chẳng cứu. Đức Như Lai không chỉ vì nam tử có trí mà diễn nói pháp, còn vì người nữ cực ngu, cũng như người nữ có trí nói pháp. Đức Như Lai không chỉ khiến cho người xuất gia được bốn đạo quả mà cũng khiến cho kẻ tại gia được ba đạo quả. Đức Như Lai không chỉ vì người bỏ các việc phiền hà, nhàn

tịch tư duy như Phú-đa-la v.v... nói pháp chính yếu, mà Ngài cũng vì vua Tần-bà-ta-la v.v... thống lãnh việc nước, xử lý việc vua mà nói pháp chính yếu. Đức Như Lai không chỉ vì người bỏ dứt rượu mà cũng vì kẻ đam mê rượu như ông trưởng giả Úc-già say mềm nói pháp, không chỉ vì người nhập thiền định như Ly-bà-da v.v... mà cũng vì người chôn con loạn tâm như nữ Bà-la-môn Bà-tư-tra mà nói pháp. Đức Như Lai không chỉ vì đệ tử của mình mà cũng vì ngoại đạo Ni-kiền-tử mà nói pháp, không chỉ vì người tuổi trai tráng hai mươi lăm mà cũng vì người lão suy tám mươi nói pháp, không chỉ vì người căn thuần thực mà cũng vì người thiện căn chưa thuần thực nói pháp, không chỉ vì phu nhân Mạt-lợi mà cũng vì dâm nữ Liên Hoa nói pháp, không những chỉ thọ bữa ăn thịnh soạn lành của vua Ba-tư-nặc mà cũng thọ bữa ăn tạp độc của ông Thi-lợi-cúc-đa. Đại vương nên biết, ông Thi-lợi-cúc-đa thuở trước cũng tạo tác nhân duyên tội nghịch. Rồi do gặp Đức Phật, nghe pháp nên ông liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâu đại vương! Giả sử một tháng thường dùng y thực cung kính cúng dường tất cả chúng sinh chẳng bằng một phần mười sáu công đức của người niệm Phật trong một niệm. Tâu đại vương! Giả sử đúc vàng thành người, dùng xe ngựa chở đầy vật báu số đến hàng trăm thứ dùng bố thí thì chẳng bằng có người phát tâm hướng về Phật trong thời gian nhấc một bước chân. Tâu đại vương! Giả sử dùng xe voi trăm chiếc chở đủ thứ châu báu của nước Đại Tần và những nữ nhân thân đeo chuỗi ngọc mà số cũng cả trăm người, đem dùng bố thí cũng còn chẳng bằng người phát tâm hướng về Đức Phật trong thời gian nhấc một bước chân. Giả sử lại có việc này, nếu có người dùng tứ sự cúng dường cung cấp cho chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới cũng còn chẳng bằng người phát tâm hướng về Đức Phật trong thời gian nhấc một bước chân. Giả sử lại có việc này, nếu khiến cho vị đại vương cúng dường cung kính vô lượng chúng sinh nhiều như cát sông Hằng thì cũng chẳng bằng một lần đi đến chỗ Đức Như Lai tại Ta-la song thọ mà thành tâm nghe pháp”. Bấy giờ, đại vương đáp: “Này Kỳ-bà! Đức Như Lai Thế Tôn tánh đã điều nhu nên được người điều nhu làm quyến thuộc, như rừng cây chiên-đàn thì thuận dùng cây chiên-đàn mà vây quanh. Đức Như Lai thanh tịnh nên quyến thuộc của Ngài cũng thanh

tịnh, giống như con rồng lớn thì thuần lấy các rồng mà làm quyến thuộc. Đức Như Lai tịch tĩnh nên quyến thuộc của Ngài cũng tịch tĩnh. Đức Như Lai không tham nên quyến thuộc của Ngài cũng không tham. Đức Như Lai không phiền não nên quyến thuộc của Ngài cũng không phiền não. Ta nay đã là người cực ác bị nghiệp ác trói buộc, thân mình hôi thối, thuộc về địa ngục thì sao đáng được đến chỗ Đức Như Lai! Giả sử ta đi đến thì sợ Ngài chẳng đoái hoài tiếp xúc nói năng. Ông tuy khuyên ta, bảo đến chỗ Đức Phật, nhưng ta hôm nay tự thấy thấp hèn rất đáng thương nên không có lòng nào để đi đến đó”. Lúc này, trên hư không liền phát ra tiếng nói: “Pháp Phật vô thượng sắp muốn suy tàn! Dòng sông pháp sâu rộng đến đây muốn cạn! Đèn sáng đại pháp sắp tắt! Chẳng bao lâu núi pháp sụp lở! Thuyền pháp sắp chìm! Cây cầu pháp sắp hoại! Ngôi điện pháp sắp tan! Cờ pháp sắp ngã! Cây pháp sắp gãy! Bàn lành sắp ra đi! Sự sợ hãi lớn sắp đến! Chúng sinh đói pháp sắp đến kề! Phiền não dịch bệnh sắp sửa lưu hành! Thời tối tăm đến! Thời khát pháp lại! Ma vương mừng vui cởi bỏ giáp trụ! Vàng mặt trời Phật sẽ lặn xuống núi Đại Niết-bàn! Đây đại vương! Nếu Đức Phật ra đi thì trọng ác của vua không có người trị liệu. Đây đại vương! Nay đại vương đã tạo nghiệp địa ngục A-tỳ rất nặng. Do nhân duyên duyên này nhất định đại vương phải chịu, chẳng nghi ngờ gì nữa. Đây đại vương! Chữ A là không. Chữ Tỳ là Gián. Vô gián là không tạm vui nên gọi là vô gián. Đây đại vương! Giả sử một người, một mình rơi vào địa ngục này thì thân người ấy to lớn đến tám vạn do-tuần, tràn đầy khắp trong địa ngục ấy, không có chỗ trống. Chung quanh thân người ấy chịu đủ thứ khổ. Giả sử có nhiều người thì thân họ cũng đầy khắp chẳng chướng ngại nhau. Đây đại vương! Trong địa ngục lạnh tạm gặp gió nóng nên lấy đó làm vui. Trong địa ngục nóng tạm gặp gió lạnh cũng gọi là vui. Có địa ngục, người trong đó mạng chung rồi, nếu nghe tiếng “sống” thì liền sống trở lại. Địa ngục A-tỳ đều không có những việc này. Đây đại vương! Địa ngục A-tỳ bốn mặt đều có cửa. Bên ngoài mỗi một cửa đều có lửa mạnh, Đông, Tây, Nam, Bắc qua lại thông suốt, tám vạn do-tuần tường sắt bao bọc chung quanh, lưới sắt che khắp bên trên, đất địa ngục ấy cũng bằng sắt, lửa bên trên cháy suốt xuống dưới, lửa bên dưới cháy suốt lên trên. Đây đại vương! Như

cá trong lò sấy mỡ bị đốt cháy, tội nhân trong địa ngục này cũng như vậy. Nay đại vương! Kẻ tạo tác một tội nghịch thì liền thọ đủ một tội như vậy, nếu tạo hai tội nghịch thì liền chịu gấp đôi, người đủ năm tội nghịch cũng chịu gấp năm lần. Nay đại vương! Ta nay đã biết nghiệp ác của vua nhất định chẳng được miễn. Xin đại vương mau chóng đi đến chỗ Đức Phật. Ngoài trừ Đức Phật Thế Tôn không còn ai khác có thể cứu đại vương. Ta nay thương xót đại vương nên khuyên bảo và chỉ dẫn nhau”. Bấy giờ, nhà vua nghe lời nói đó rồi, mang nỗi kinh sợ, toàn thân run rẩy, năm vóc lắc động như cây chuối, ngược lên mà đáp: “Ông là ai? Chẳng hiện ra hình dáng mà chỉ có âm thanh”. Trên không đáp: “Ta là cha người, Tần-bà-ta-la đây. Nay người phải nghe theo lời nói của ông Kỳ-bà. Chớ theo lời nói của sáu người bề tôi tà kiến”. Nhà vua nghe xong, ngất xỉu ngã lăn ra đất, gẻ trên thân càng nhiều, hôi thối gấp bội hơn trước. Tuy dùng thuốc lạnh bôi lên để điều trị nhưng gẻ bốc nhiệt độ, chỉ tăng không giảm.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XVIII

Phẩm 20: PHẠM HẠNH 5

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại vùng Ta-la song thọ, thấy vua A-xà-thế ngất xỉu ngã lăn ra đất, liền bảo đại chúng:

–Ta nay sẽ vì vị vua này mà trụ thế đến vô lượng kiếp, chẳng vào Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai phải vì vô lượng chúng sinh mà chẳng vào Niết-bàn chớ vì sao chỉ vì vua A-xà-thế?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Trong đại chúng này không có một người nào cho là Ta nhất định vào Niết-bàn, còn vua A-xà-thế thì nhất định cho là Ta sẽ rốt ráo diệt mãi. Vậy nên ông ấy ngất xỉu tự lăn ra đất. Này thiện nam! Như lời Ta nói, vì vua A-xà-thế Ta chẳng vào Niết-bàn. Ý nghĩa bí mật như vậy ông chưa có thể hiểu được. Vì sao? Vì Ta nói là vì tất cả phàm phu như A-xà-thế và khắp tất cả người tạo tội ngũ nghịch. Lại nữa tức là vì tất cả chúng sinh hữu vi. Ta nhất định chẳng vì chúng sinh vô vi mà trụ ở đời. Vì sao? Vì phàm là vô vi thì chẳng phải chúng sinh. A-xà-thế tức là người đầy đủ phiền não v.v... Lại nữa, tức là vì chúng sinh chẳng thấy Phật tánh. Nếu chúng sinh thấy Phật tánh thì Ta nhất định chẳng vì họ trụ ở đời lâu dài. Vì sao? Vì người thấy Phật tánh chẳng phải là chúng sinh. A-xà-thế tức là tất cả những người chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, tức là vì hai chúng của A-nan và Ca-diếp. A-xà-thế tức là phi hậu ở hậu cung của vua A-xà-thế và tất cả phụ nữ của thành Vương-xá. Lại nữa, vì là Phật tánh. A-xà là bất sinh. Thế là oán. Do chẳng sinh Phật tánh nên oán phiền não sinh, mà oán phiền não sinh nên chẳng thấy Phật

tánh. Do chẳng sinh phiền não nên thấy Phật tánh, mà thấy Phật tánh thì được an trụ ở Đại Bát Niết Bàn. Đó gọi là bất sinh. Vậy nên gọi là A-xà-thế. Nay thiện nam! A-xà thì gọi là bất sinh, mà bất sinh thì gọi là Niết-bàn. Thế gọi là thế pháp. Vì là bất nhiễm ô. Do việc chẳng nhiễm ô tám pháp thế gian nên vô lượng vô biên vô số kiếp chẳng vào Niết-bàn. Vậy nên Ta nói, vì A-xà-thế nên vô lượng ức kiếp chẳng vào Niết-bàn. Nay thiện nam! Mật ngữ của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Pháp Phật, chúng Tăng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát cũng chẳng thể nghĩ bàn. Kinh điển Đại Niết-bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, đấng Đạo sư Đại Bi, vì vua A-xà-thế vào Tam-muội Nguyệt ái, vào Tam-muội rồi, phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng thanh lương ấy đến chiếu vào thân vua thì ghê trên thân liền khỏi hết mùi hôi thối. Nhà vua biết ghê đã khỏi, thân thể thanh lương, nói với ông Kỳ-bà:

–Ta từng nghe người nói, khi kiếp sắp hết thì ba mặt trăng đồng thời hiện lên. Lúc đó thì hoạn khổ của tất cả chúng sinh đều trừ hết. Thời đó chưa đến mà ánh sáng này từ đâu đến soi vào một mình thân ta, sự khổ của ghê lở trừ khỏi, thân được an vui.

Ông Kỳ-đà đáp:

–Đây chẳng phải là kiếp hết, ba mặt trăng soi cùng một lúc, cũng chẳng phải là ánh sáng của lửa, mặt trời, tinh tú, thảo dược, ngọc báu.

Nhà vua lại hỏi:

–Ánh sáng này nếu chẳng phải là ánh sáng của ba mặt trăng cùng soi, của ngọc báu thì đó là ánh sáng của ai?

–Tâu đại vương! Đại vương nên biết, đó là ánh sáng của đấng Thiên Trung Thiên phóng ra. Ánh sáng này vô hạn, không có bờ cõi, chẳng phải nóng, chẳng phải lạnh, chẳng phải thường, chẳng phải diệt, chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng. Vì muốn độ chúng sinh nên khiến cho họ có thể thấy có tướng, có thể nói có hạn, có biên, có nóng, có lạnh, có xanh, vàng, đỏ, trắng. Tâu đại vương! Ánh sáng này tuy vậy, thật ra chẳng thể nói, chẳng thể nhìn thấy, thậm chí không có xanh, vàng, đỏ, trắng.

Nhà vua nói:

–Này Kỳ-bà! Đấng Thiên Trung Thiên đó vì nhân duyên gì mà phóng ra ánh sáng ấy?

Ông Kỳ-bà đáp:

–Tướng điềm này hôm nay là vì đại vương. Do đại vương trước nói, đời không có lương y trị liệu thân tâm, nên Đức Phật phóng ra ánh sáng này để trị thân vua trước, sau đó trị đến tâm.

Nhà vua nói:

–Này Kỳ-bà! Đức Như Lai Thế Tôn cũng thấy được ý niệm sao?

Ông Kỳ-bà đáp:

–Ví như một người mà có bảy đứa con. Một đứa trong bảy đứa con đó gặp bệnh. Lòng cha mẹ chẳng phải không bình đẳng, nhưng đối với đứa con bệnh thì lòng thiên về nhiều hơn. Tâu đại vương! Đức Như Lai cũng vậy, đối với các chúng sinh chẳng phải không bình đẳng, nhưng đối với người có tội thì lòng thiên về nhiều hơn, với người phóng dật thì từ niệm, với người chẳng phóng dật thì lòng buông bỏ. Những ai gọi là người chẳng phóng dật? Đó là Lục trụ Bồ-tát. Tâu đại vương! Chư Phật Thế Tôn đối với chúng sinh chẳng quan sát chủng tánh, già trẻ, trung niên, giàu, nghèo, thời tiết, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, nghề khéo, hạ tiện, đồng bộc, nô tỳ mà chỉ quan sát chúng sinh nào có tâm thiện. Nếu họ có tâm thiện thì Đức Như Lai liền từ niệm. Đại vương phải biết, tướng điềm như vậy tức là Đức Như Lai vào Tam-muội Nguyệt ái mà phóng ra ánh sáng.

Nhà vua liền hỏi:

–Sao gọi là Tam-muội Nguyệt ái?

Ông Kỳ-bà đáp:

–Ví như ánh sáng của vầng trăng có thể khiến cho tất cả hoa Ưu-bát-la nở tươi thắm. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể khiến cho tâm thiện của chúng sinh khai mở. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của vầng trăng có thể khiến cho tất cả người đi đường lòng sinh vui mừng. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể khiến cho người tu tập đạo Niết-bàn, lòng sinh hoan hỷ. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của vầng trăng, từ ngày mồng một đến ngày mười lăm thì hình sắc, ánh sáng dần dần tăng trưởng. Tam-muội Nguyệt ái cũng như

vậy, khiến cho người mới phát tâm, các thiện căn bản dần dần tăng trưởng... cho đến đầy đủ Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như ánh sáng của vầng trăng, từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi thì hình sắc ánh sáng dần dần giảm xuống. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, nơi nào ánh sáng này soi đến có thể khiến cho dần dần giảm hết phiền não. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái. Tâu đại vương! Ví như khi nóng lắmm thì tất cả chúng sinh thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng, mà ánh sáng mặt trăng đã soi thì uất nhiệt liền diệt trừ. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, có thể khiến cho chúng sinh trừ diệt phiền não của tham. Tâu đại vương! Ví như vầng trăng tròn đầy là vua trong mọi tinh tú, là vị cam lồ được sự yêu thích của tất cả chúng sinh. Tam-muội Nguyệt ái cũng như vậy, là vua trong các điều thiện, là vị cam lồ được sự yêu thích của tất cả chúng sinh. Vậy nên gọi là Tam-muội Nguyệt ái.

Nhà vua nói:

–Này Kỳ-bà! Ta nghe Đức Như Lai chẳng cùng với người ác đồng dừng, đồng ngồi, đồng đứng dậy, đồng nói năng đàm luận giống như biển cả chẳng chứa thây chết, như chim uyên ương chẳng trụ ở nhà xí, như Thích-đề-hoàn-nhân chẳng cùng ở với quỷ, như chim cưu sí la chẳng đậu cây khô v.v... Đức Như Lai cũng vậy thì ta làm sao đến gặp được? Giả sử gặp được thì thân ta sẽ chẳng bị hãm vào địa ngục sao? Ta nghĩ là Đức Như Lai tà gần voi say, sư tử, cọp, sói, lửa mạnh bùng cháy chứ nhất định chẳng gần gũi với người nghiệp ác nặng nề. Ta nay suy nghĩ thế rồi thì lòng nào mà đến gặp Đức Như Lai.

Ông Kỳ-bà đáp:

–Tâu đại vương! Ví như người khát nước thì phải mau chóng đi đến dòng suối trong, người đói thì cầu xin thức ăn, người sợ thì cầu người cứu, người bệnh thì cầu lương y, nóng thì cầu bóng mát, lạnh thì cầu lửa v.v... Nhà vua nay cầu Đức Phật cũng nên như vậy. Tâu đại vương! Đức Như Lai còn vì Nhất-xiển-đề mà diễn nói pháp chính yếu, huống gì là đại vương, chẳng phải là Nhất-xiển-đề mà chẳng nhờ ơn từ bi cứu tế sao?

Nhà vua nói:

–Này Ông Kỳ-bà! Ta trước đã từng nghe, Nhất-xiển-đề chẳng

tin, chẳng nghe, chẳng thể quan sát, chẳng được nghĩa lý thì vì sao Đức Như Lai vì họ nói pháp?

Ông Kỳ-bà đáp:

–Tâu đại vương! Ví như có người, thân mang bệnh nặng. Người này đêm nằm mơ thấy bay lên trên điện một cột, uống váng sữa, dầu, mỡ và dùng xoa vào thân, nằm trên tro, ăn tro, leo lên cây khô, hoặc cùng với loài vượn du hành, ngồi, nằm, chìm xuống nước, ngập trong bùn, rơi xuống từ lầu điện, núi cao, cây cối, voi ngựa, trâu dê v.v... thân mặc áo màu xanh, vàng, đỏ, đen mà vui cười, ca múa. Hoặc mơ thấy cùng bọn với quạ, chim thú, hồ ly v.v... Mơ thấy răng, tóc rơi rụng, thân hình trần truồng, gói đầu vào chó, nằm trong phân dơ. Lại mơ cùng với người đã chết đi, đứng, nằm, ngồi, nắm tay nhau, ăn uống v.v... Mơ thấy rắn độc đầy đường và đi trên đó. Hoặc mơ cùng với người nữ bôi tóc ôm nhau, lấy lá cây Đa-la làm quần áo, cỡi xe lửa hư nát, nhắm hướng Nam mà đi. Người đó mơ rồi, lòng sinh sầu não. Do sầu não nên thân bệnh càng tăng. Do bệnh tăng nên những người thân thuộc sai người đi mời thầy thuốc. Hình thể người được sai đi mời thầy thuốc khiếm khuyết, lùn, các căn chẳng đầy đủ, đầu lấm lem bụi đất, mặc áo rách rưới, xe chở cũ nát. Người đó nói với thầy thuốc: “Hãy mau mau lên xe”. Bấy giờ, vị lương y liền nghĩ: “Nay thấy người đi mời thầy, tướng mạo chẳng tốt thì phải biết người bệnh khó có thể trị liệu”. Nhưng lại nghĩ: “Người đi mời thầy tuy chẳng tốt, nhưng lại phải xem ngày, có thể trị được không? Nếu là ngày bốn, ngày sáu, ngày tám, ngày mười hai, ngày mười bốn v.v... những ngày như vậy thì bệnh cũng khó trị”. Ông lại nghĩ: “Ngày tuy chẳng tốt nhưng còn phải xem sao coi có thể trị được không? Nếu là sao Hỏa, sao Kim, sao Mão, sao Diêm la vương, sao Thấp, sao Mãn v.v... những sao như vậy thì bệnh cũng khó trị”. Ông lại nghĩ: “Sao tuy chẳng tốt nhưng lại phải xem thời tiết. Nếu là thời tiết mùa thu, thời tiết mùa đông và thời tiết khi mặt trời lặn, thời tiết nửa đêm, thời tiết khi mặt trăng lặn thì phải biết là bệnh cũng khó có thể trị”. Ông lại nghĩ: “Như vậy mọi tướng tuy chẳng tốt nhưng hoặc định hay chẳng định thì phải quan sát người bệnh. Người bệnh, nếu có phước đức thì có thể trị liệu, nếu không có phước đức thì tuy tốt nhưng nào ích gì?”. Suy nghĩ thế rồi, ông liền cùng đi

với người mời thầy. Trên đường đi, ông lại nghĩ: “Nếu người bệnh kia có tướng trường thọ thì có thể trị liệu được, còn nếu tướng đoán mệnh thì chẳng thể trị liệu”. Ông liền thấy trên đường phía trước có hai đứa trẻ đang ra sức đánh nhau. Chúng nắm đầu, bứt tóc, dùng ngói đá, dao, gậy v.v... ném, đánh lẫn nhau. Hoặc thấy người giữ lửa tự nhiên tắt hết. Hoặc thấy người chặt cây cối. Hoặc lại thấy người tay kéo tấm da thuộc, theo đường mà đi. Hoặc thấy trên đường đi có vật đánh rơi. Hoặc thấy có người cầm giữ đồ đựng rỗng. Hoặc thấy Sa-môn đi một mình không bạn bè. Hoặc lại thấy cọp, sói, quạ, chim thú, chồn hoang v.v... Ông thấy những việc đó rồi lại nghĩ: “Việc người được sai đi mời thầy cho đến việc thấy các tướng trên đường đi đều là chẳng tốt thì phải biết người bệnh chắc khó trị liệu lắm”. Ông lại nghĩ: “Nếu ta chẳng đến thì chẳng phải là lương y. Còn như đến nơi ấy thì cũng chẳng thể cứu chữa”. Ông lại nghĩ: “Mọi tướng như vậy tuy lại chẳng lành, nhưng hãy bỏ hết để đi đến chỗ người bệnh”. Suy nghĩ thế rồi, ở phía trước trên đường đi ông lại nghe tiếng như vậy: “Mất, chết, táng, băng, phá hoại, chặt, lột, cởi, rơi rụng, thiêu đốt v.v... chẳng đến, chẳng thể trị liệu, chẳng thể cứu vớt”. Ông lại nghe ở phương Nam có tiếng chim, thú, như là tiếng chim quạ, chim thú, chim xá lợi, hoặc tiếng chó, tiếng chuột, tiếng chồn hoang, heo, thỏ v.v... Nghe những tiếng đó rồi ông lại nghĩ: “Phải biết, người bệnh này khó có thể trị liệu”. Bấy giờ, ông đã vào đến nhà người bệnh, thấy người bệnh đó lúc nóng lúc lạnh, đốt xương đau đớn, mắt đỏ chảy lệ, tai không nghe tiếng, yết hầu thất lại đau đớn, trên lưỡi rách nát, hình sắc đen sạm, đầu không cử động được, thân thể khô đét, không có mồ hôi, đại tiểu tiện bế tắc chẳng thông. Thân bỗng phì to hồng đỏ khác thường, tiếng nói chẳng đều, hoặc to hoặc nhỏ, toàn thân loang lổ, xanh, vàng khác màu. Bụng người ấy trương đầy, lời nói chẳng rõ. Thầy thuốc thấy thế rồi, hỏi người chăm sóc bệnh: “Người bệnh từ hôm qua đến nay ý chí ra sao?”. Đáp: “Thưa đại sư! Người ấy từ trước kính tín Tam bảo và chư Thiên, còn nay thì đổi khác, dứt lòng kính tín; xưa ưa bố thí nay thì keo kiệt, xưa ít ăn nay thì ăn quá nhiều, xưa tánh tình hòa thiện nay thì tệ ác, xưa tánh từ hiếu, cung kính cha mẹ nay đối với cha mẹ lòng không cung kính”. Thầy thuốc nghe rồi liền ngửi người bệnh, nghe được mùi

hương Ưu-bát-la, hương trầm thủy tạp, hương tất-ca-đa, hương đa-dà-la, hương đa-ma-la-bạt, hương uất kim, hương chiêm-đàn, mùi thịt nướng, mùi rượu bồ đào, mùi gân cốt cháy, mùi cá, mùi phân. Biết được mùi rồi, thầy thuốc liền chạm vào thân, biết thân mềm mại giống như tơ lụa, hoa kiếp bối ta, hoặc cứng như đá, hoặc lạnh như băng, hoặc nóng như lửa, hoặc nhám như cát. Bấy giờ, vị lương y thấy đủ thứ tướng như vậy rồi, định biết người bệnh ắt chết, chẳng còn nghi ngờ gì. Nhưng thầy thuốc chẳng nói là người này sẽ chết, mà nói với người chăm sóc bệnh: “Tôi nay có việc vội, ngày mai sẽ lại đến. Người bệnh ấy cần gì thì cứ theo ý chớ ngăn cản”. Rồi ông liền quay về nhà. Sáng hôm sau người nhà bệnh nhân đến, ông lại nói với người đó: “Việc của ta chưa xong, lại chưa hòa thuốc”. Người trí phải biết, như vậy là người bệnh nhất định chết, chẳng gì nghi ngờ. Tâu đại vương! Đức Thế Tôn cũng vậy, đối với bọn Nhất-xiển-đề giỏi biết căn tánh của chúng mà vì chúng nói pháp. Vì sao? Vì nếu chẳng vì chúng nói thì tất cả phàm phu sẽ nói, Như Lai không đại từ bi. Người có từ bi thì gọi là Nhất thiết trí. Nếu không từ bi thì sao nói rằng người Nhất thiết trí. Vậy nên Đức Như Lai vì Nhất-xiển-đề mà diễn nói pháp. Tâu đại vương! Đức Như Lai Thế Tôn thấy những người bệnh thường ban cho pháp dược mà người bệnh chẳng uống thì chẳng phải lỗi của Đức Như Lai. Tâu đại vương! Bọn Nhất-xiển-đề phân biệt có hai hạng, một là được thiện căn hiện tại, hai là được thiện căn đời sau. Đức Như Lai biết rõ bọn Nhất-xiển-đề, người có thể ở hiện tại được thiện căn thì vì họ nói pháp, người ở đời sau được thì cũng vì họ nói pháp, hôm nay tuy không có ích nhưng tạo tác nhân duyên đời sau. Vậy nên Đức Như Lai vì Nhất-xiển-đề diễn nói pháp chính yếu. Nhất-xiển-đề lại có hai thứ, một là lợi căn, hai là trung căn. Người lợi căn ở đời hiện tại có thể được thiện căn. Người trung căn thì sẽ được ở đời sau. Chư Phật Thế Tôn chẳng nói pháp rộng không. Tâu đại vương! Ví như người sạch sẽ bị rơi xuống hố xí, có thiện tri thức thấy thương xót mà nắm tóc kéo ra khỏi. Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, thấy các chúng sinh rơi vào ba đường ác, dùng phương tiện cứu tế, khiến cho họ ra khỏi. Vậy nên Đức Như Lai vì Nhất-xiển-đề mà diễn nói pháp.

Nhà vua nói với Kỳ-bà:

–Nếu Đức Như Lai quả đúng như vậy thì ta phải chọn lựa ngày lành sao tốt, rồi sau đó mới đi đến.

Ông Kỳ-bà tâu vua:

–Tâu đại vương! Trong pháp của Đức Như Lai không có việc chọn lựa ngày lành, sao tốt. Tâu đại vương! Như người bệnh nặng còn chẳng xem ngày, thời tiết cát hung mà chỉ cầu thầy thuốc giỏi. Nhà vua hôm nay bệnh nặng cầu vị thầy thuốc giỏi Phật, chẳng nên chọn lựa giờ lành, ngày tốt. Tâu đại vương! Như lửa chiêm-đàn và lửa y lan, cả hai đều là tướng thiêu đốt không có khác. Ngày cát, ngày hung cũng như vậy, nếu đi đến chỗ Đức Phật đều được diệt tội. Xin đại vương ngay ngày hôm nay mau đi đến đó.

Bấy giờ, nhà vua liền ra lệnh cho một bề tôi tên là Cát Tường:

–Này đại thần! Ông phải biết, ta nay muốn đi đến chỗ Đức Phật Thế Tôn. Ông hãy mau chóng chuẩn bị phẩm vật cúng dường cần thiết.

Vị đại thần tâu:

–Tâu đại vương! Hay thay! Hay thay! Phẩm vật cúng dường cần thiết tất cả đều có.

Vua A-xà-thế cùng phu nhân cho trang bị một vạn hai ngàn chiếc xe với năm vạn con voi lớn mạnh mẽ. Trên mỗi một con voi đều chở ba người, đem theo cờ phướn, lọng báu, hoa hương, kỹ nhạc đủ thứ phẩm vật cúng dường, không thiếu thứ gì. Kỵ sĩ theo dẫn đường có đến mười tám vạn người. Dân chúng của nước Ma-già-đà tháp tùng nhà vua, số ấy đầy đủ năm mươi tám vạn người. Bấy giờ, đại chúng của thành Câu-thi-na chiếm cả mười hai do-tuần, đều nhìn thấy vua A-xà-thế cùng với quyến thuộc từ xa đi đến. Lúc này, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Tất cả chúng sinh được nhân duyên gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không gì bằng có bạn lành trước tiên. Vì sao? Vì vua A-xà-thế nếu chẳng thuận theo lời nói của ông Kỳ-bà thì ngày mùng bảy tháng đến nhất định mạng chung, đọa vào địa ngục A-tỳ. Vậy nên nhân duyên gần không gì bằng bạn lành.

Vua A-xà-thế trên đường đi nghe chuyện vua Xá-bà-đề Tỳ-lưu-ly đi thuyền vào biển gặp lửa mà chết, Tỳ-kheo Cù-già-ly còn sống mà thân lún vào đất, đến địa ngục A-tỳ, Tu-na-sát-na làm đủ thứ ác mà đi

đến chỗ Đức Phật thì mọi tội được diệt v.v... Nghe những lời nói này xong, nhà vua nói với Ông Kỳ-bà:

–Ta nay tuy nghe hai lời nói như vậy nhưng còn chưa thẩm định được. Nay Kỳ-bà! Ông đến đây. Ta muốn cùng ông đồng đi một con voi. Giả sử ta phải vào địa ngục A-tỳ thì nhờ ông nắm lấy đuôi để cho ta rơi. Vì sao? Vì ta trước đã từng nghe, người đắc đạo chẳng vào địa ngục.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Vua A-xà-thế còn có lòng nghi ngờ. Ta nay sẽ vì ông ấy tạo tâm quyết định.

Bấy giờ, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Trì Nhất Thiết, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như trước đây Phật nói, tất cả các pháp đều không định tướng, như là sắc không định tướng cho đến Niết-bàn cũng không định tướng, thì vì sao hôm nay Như Lai nói rằng, vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ta nay nhất định vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định. Vì sao? Vì tâm nghi ngờ của vua có thể phá hoại được thì phải biết là các pháp không có định tướng. Vậy nên Ta vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định. Ông phải biết, tâm này là không quyết định. Nay thiện nam! Nếu tâm của vua đó là quyết định thì tội nghịch của vua làm sao có thể hoại. Do không định tướng nên tội ấy có thể hoại. Vậy nên Ta vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định.

Bấy giờ, vị đại vương đã đến rừng Ta-la song thọ, tới chỗ Đức Phật, chiêm ngưỡng Đức Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp giống như núi vàng ròng vi diệu. Lúc này, Đức Thế Tôn phát ra tám thứ tiếng, bảo:

–Này đại vương!

A-xà-thế quay nhìn bên trái, bên phải và nghĩ: “Trong đại chúng này ai là đại vương? Ta đã phạm tội nghịch, lại không có phước đức, Đức Như Lai chẳng nên xưng ta là đại vương”. Bấy giờ Đức Như Lai lại liền kêu lên:

–Này đại vương A-xà-thế!

Nhà vua nghe rồi lòng rất hoan hỷ, liền nghĩ như vậy: “Đức Như Lai hôm nay hạ cố dùng lời ái ngữ. Ta biết quả thật Đức Như Lai đối với các chúng sinh đại bi thương xót bình đẳng không sai biệt”. Vua liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Lòng nghi ngờ của con hôm nay vĩnh viễn không còn nữa. Con nhất định biết Như Lai chân thật là đáng Vô thượng Đại sư của chúng sinh.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp nói với Bồ-tát Trì Nhất Thiết:

–Đức Như Lai đã vì vua A-xà-thế tạo tâm quyết định.

Vua A-xà-thế liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Giả sử hôm nay con được cùng với Phạm vương, Thích-đề-hoàn-nhân ngồi đứng, ăn uống còn chẳng hân hoan bằng được gặp Như Lai với một lời đóai tưởng đến con, con rất lấy làm vui mừng.

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền đem cờ phướn, lọng báu, hương hoa, kỹ nhạc đã mang theo để cúng dường, trước làm lễ dưới chân Phật, đi quanh bên phải ba vòng. Lễ kính xong rồi, lui về ngồi một bên.

Lúc này, Đức Phật bảo vua A-xà-thế:

–Này đại vương! Hôm nay Ta sẽ vì ông nói pháp chính yếu. Ông phải một lòng lắng nghe! Lắng nghe! Người phàm phu thường phải thấu giữ tâm quán thân có hai mươi việc: Một là trong thân này của ta rỗng không, không có vô lậu. Hai là không có các căn lành. Ba là sinh tử này của ta chưa được điều thuận. Bốn là rơi rớt xuống hầm sâu, không chỗ nào chẳng sợ. Năm là dùng phương tiện gì để được thấy Phật tánh. Sáu là làm sao tu định để được thấy Phật tánh. Bảy là sinh tử luôn khổ, không có thường, lạc, ngã, tịnh. Tám là về tám nạn khó được xa lìa. Chín là thường bị sự truy đuổi của oan gia. Mười là không có một pháp nào có thể ngăn chặn các hữu. Mười một là đối với ba đường ác chưa được giải thoát. Mười hai là đầy đủ chủng loại những tà kiến ác. Mười ba là cũng chưa tạo lập bến bờ vượt qua khỏi ngũ nghịch. Mười bốn là sinh tử vô cùng mà chưa đến được bến bờ. Mười lăm là chẳng tạo tác các nghiệp thì chẳng bị quả báo. Mười sáu là không có việc ta làm mà người khác thọ quả. Mười bảy là chẳng tạo nhân duyên vui thì nhất định không có kết quả vui. Mười tám là nếu có

tạo nghiệp thì quả nhất định chẳng mất. Mười chín là do vô minh mà sinh thì cũng do vô minh mà chết. Hai mươi là quá khứ, hiện tại, vị lai thường phóng dật.

Này thiện nam! Người phạm phu phải đối với thân này thường phát khởi hai mươi thứ quan sát như vậy. Khởi quan sát này rồi thì chẳng ưa sinh tử, mà chẳng ưa sinh tử thì được chỉ quán. Bảy giờ, theo thứ lớp quan sát tướng tâm sinh, tướng trụ, tướng diệt. Theo thứ lớp quan sát tướng tâm sinh, trụ, diệt và định, tuệ, tấn, giới cũng như vậy. Quan sát sinh, trụ, diệt rồi, biết tướng tâm cho đến tướng giới thì nhất định chẳng làm ác, không có nỗi sợ chết, nỗi sợ ba đường ác. Nếu hành giả chẳng thấu giữ tâm quan sát hai mươi việc như vậy thì lòng buông lung, không việc ác nào chẳng làm.

Vua A-xà-thế thưa:

–Như con hiểu được ý nghĩa câu nói của Phật là con từ xưa đến giờ chưa từng quan sát hai mươi việc này nên đã tạo nên mọi nghiệp ác. Đã tạo mọi nghiệp ác nên con có nỗi sợ chết, nỗi sợ ba đường ác. Bạch Thế Tôn! Tự con đã rước lấy tai ương, tạo tác tội ác nặng nề ấy, phụ vương không có tội mà con ngỗ ngược bức hại. Hai mươi việc quán này mà giả sử quán hay chẳng quán thì nhất định cũng phải đọa vào địa ngục A-tỳ.

Đức Phật bảo:

–Này đại vương! Tánh tướng của tất cả các pháp vô thường, không có quyết định thì sao nhà vua nói rằng, nhất định phải đọa vào địa ngục A-tỳ?

Vua A-xà-thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không định tướng thì tội giết cha của con cũng nên chẳng định. Nếu tội giết định thì tất cả các pháp chẳng phải bất định.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Hay thay! Hay thay! Chư Phật Thế Tôn nói rằng, tất cả các pháp đều không định tướng, nhà vua lại có thể biết giết cũng chẳng định. Vậy nên biết giết không định tướng. Này đại vương! Như lời ông nói, vua cha không tội mà ngỗ ngược bức hại, thì ai là cha? Chỉ đối với năm ấm giả danh chúng sinh mà vọng sinh ra tư tưởng cha.

Ở trong mười hai nhập, mười tám giới thì cái gì là cha? Nếu sắc là cha thì bốn ấm còn lại lẽ ra chẳng phải. Nếu bốn ấm còn lại là cha thì sắc lẽ ra cũng chẳng phải. Nếu sắc và chẳng phải sắc hợp lại là cha thì không có điều này. Vì sao? Vì sắc cùng chẳng phải sắc, tánh chúng không hợp. Nay đại vương! Chúng sinh phàm phu đối với sắc ấm này vọng sinh ra tư tưởng cha. Như vậy thì sắc ấm cũng chẳng thể hại. Vì sao? Vì sắc có mười thứ mà trong mười thứ này chỉ có một thứ sắc là có thể thấy, có thể nắm, có thể quán, có thể đo lường, có thể điều khiển, có thể trói buộc. Tuy có thể thấy, có thể trói buộc nhưng tánh của sắc ấy chẳng trụ. Do tánh chẳng trụ nên chẳng thể được thấy, chẳng thể nắm bắt, chẳng thể cân lường, chẳng thể điều khiển, trói buộc. Sắc tướng như vậy thì làm sao có thể giết? Nếu sắc là cha có thể giết có thể hại mà bị tội báo thì chín thứ còn lại chẳng phải. Nếu chín thứ còn lại chẳng phải thì đáng lẽ không có tội. Nay đại vương! Sắc có ba thứ là sắc quá khứ, hiện tại và vị lai. Sắc quá khứ và hiện tại thì chẳng thể hại. Vì sao? Vì quá khứ qua đi, còn hiện tại thì từng niệm từng niệm diệt mất, ngăn chặn vị lai nên gọi đó là giết. Như vậy một sắc, hoặc có thể giết, hoặc chẳng thể giết. Có giết hay chẳng giết thì sắc cũng là bất định. Nếu sắc bất định thì giết cũng bất định, mà giết bất định nên báo cũng bất định thì sao nói rằng, nhất định vào địa ngục? Nay đại vương! Tội nghiệp của tất cả chúng sinh đã tạo thường có hai thứ, một là khinh, hai là trọng. Nếu tâm với miệng làm thì gọi là khinh. Nếu thân, miệng, tâm cùng làm thì gọi là trọng. Nay đại vương! Tâm nghĩ, miệng nói mà thân chẳng làm thì bị quả báo nhẹ. Nay đại vương! Ngày xưa miệng đại vương chẳng ra lệnh giết mà chỉ nói là hình phạt là đủ. Nay đại vương! Nếu đại vương ra lệnh cho thị thần lập đài chém đầu vua và khi đại vương ngồi xem mới chém mà còn chẳng bị tội, huống gì là vua chẳng ra lệnh thì sao gọi là tội? Nhà vua nếu bị tội thì chư Phật Thế Tôn đáng lẽ cũng bị tội. Vì sao? Vì cha đại vương, vị tiên vương Tần-bà-ta-la đã từng ở chỗ chư Phật gieo trồng các căn lành nên ngày hôm nay được ở ngôi vua. Nếu chư Phật chẳng thọ sự cúng dường của ông ấy thì ông ấy chẳng được làm vua. Nếu ông ấy chẳng làm vua thì đại vương chẳng vì muốn được nước nên sinh lòng giết hại. Vậy nếu đại vương giết cha mà có tội thì chúng tôi, chư Phật, đáng lẽ cũng có tội.

Nếu chư Phật Thế Tôn không có tội thì sao một mình đại vương có tội được? Nay đại vương! Vua Tần-bà-ta-la thuở trước có tâm ác, du hành ở trong núi Tỳ-phú-la săn nai. Ông đi cùng khắp vùng hoang vắng đều không được gì mà chỉ thấy một vị Tiên nhân đầy đủ năm thần thông. Thấy rồi, ông liền sinh lòng ác sân giận nghĩ: “Ta nay đi săn, sở dĩ chẳng được gì chính là do người này, phải xua đuổi hẳn đi khỏi”. Ông liền ra lệnh cho tả hữu giết người đó. Vị tiên ấy lâm chung sinh tâm ác sân giận, mất hết thần thông mà thề: “Ta thật vô tội, người dùng tâm, miệng ngang nhiên giết chết ta. Vào đời vị lai, ta cũng sẽ trở lại dùng tâm, miệng mà hại người như vậy”. Vua Tần-bà-ta-la nghe rồi liền sinh lòng hối hận, cúng dường tử thi. Vua Tần-bà-ta-la như vậy còn được khinh tội, chẳng bị đọa vào địa ngục, huống gì là đại vương chẳng vậy mà phải đọa vào địa ngục, thọ quả báo sao? Đức tiên vương đã tự tạo ra, rồi trở lại tự nhận lấy thì làm sao khiến cho đại vương bị tội giết được? Như lời đại vương đã nói, phụ vương không tội thì sao gọi rằng không? Nay đại vương! Phạm người có tội thì có tội báo, người không nghiệp ác thì không tội báo. Cha của đại vương, nếu không tội thì sao có quả báo? Vua Tần-bà-ta-la ở trong hiện thế cũng được quả thiện và cả quả ác. Vậy nên tiên vương cũng lại bất định, mà do bất định nên giết cũng bất định. Giết bất định thì làm sao mà nói rằng nhất định vào địa ngục.

Nay đại vương! Sự cuồng hoặc của chúng sinh phạm có bốn thứ, một là tham cuồng, hai là dục cuồng, ba là chú cuồng, bốn là bản nghiệp duyên cuồng. Nay đại vương! Trong đệ tử của Ta có bốn thứ cuồng này, tuy họ làm nhiều điều ác nhưng nhất định chẳng ghi nhận là người này phạm giới. Việc làm của người đó chẳng đến ba đường ác. Nếu họ trở lại bình thường thì cũng chẳng nói rằng phạm. Nhà vua vốn tham đất nước, nghịch hại phụ vương, do tâm tham cuồng làm thì làm sao bị tội. Nay đại vương! Như người say rượu, nghịch hại cha hấn, khi tỉnh dậy rồi thì lòng sinh hối hận. Ông phải biết nghiệp này cũng chẳng bị quả báo. Nhà vua hôm nay say tham, chẳng phải bản tâm làm, mà nếu chẳng phải bản tâm thì sao gọi là bị tội. Nay đại vương! Ví như vị huyễn sư ở ngã tư đường, huyễn hóa làm ra đủ trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, quần áo. Người ngu cho đó là thật. Người có trí biết đó

chẳng phải thật có. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Ví như tiếng vang trong núi, người ngu si cho là tiếng thật, kẻ có trí biết tiếng ấy chẳng phải chân thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Như người có kẻ oán giả trá đến cận kề, người ngu si cho là thật thân, kẻ trí thông đạt mới biết là dối trá. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Như người cầm gương soi, tự thấy dáng mặt của mình, người ngu si cho là mặt chân thật, kẻ trí rõ thông biết mặt ấy chẳng phải chân thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Như bóng nước khi trời nắng nóng, người ngu si cho đó là nước, kẻ trí thông đạt biết đó chẳng phải là nước. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Như thành của Càn-thát-bà, người ngu si cho là chân thật, kẻ trí rõ biết thành ấy chẳng phải là chân thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Như người trong mơ hưởng thụ niềm vui năm dục, người ngu si cho đó là thật, kẻ trí rõ biết việc ấy chẳng phải là chân thật. Giết cũng như vậy, hạng phạm phu cho là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy chẳng phải chân thật. Nay đại vương! Cách giết, hành động giết, người giết, quả báo giết và cả giải thoát. Ta đều biết rõ chúng nhưng không có tội thì sao nhà vua biết giết mà có tội. Nay đại vương! Ví như có người giỏi biết về rượu nhưng người ấy chẳng uống thì cũng chẳng say, tuy lại biết lửa nhưng cũng chẳng đốt cháy. Nhà vua cũng như vậy, tuy biết giết nhưng sao gọi rằng có tội? Nay đại vương! Có các chúng sinh vào lúc mặt trời mọc làm đủ thứ tội, vào lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp; mặt trời, mặt trăng chẳng mọc thì chẳng làm nên tội. Tuy nhân mặt trời, mặt trăng khiến cho họ làm nên tội nhưng mặt trời, mặt trăng này thật chẳng đắc tội. Giết cũng như vậy, tuy lại nhân nơi vua, nhưng nhà vua thật không có tội. Nay đại vương! Như trong cung vua thường lệnh bảo làm thịt dê, tâm ban đầu không sợ thì sao riêng đối với vua cha sinh ra lòng sợ. Tuy người và

súc sinh sự tôn ty có khác biệt nhưng ham sống, sợ chết cả hai đều không khác thì vì sao đối với dê tâm xem nhẹ không sợ, còn đối với vua cha sinh ưu khổ nặng nề? Nay đại vương! Người thế gian làm tội tở cho ái nên chẳng được tự tại. Vì ái sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo thì đó chính là tội của ái. Nhà vua chẳng tự tại thì phải tội gì? Nay đại vương! Ví như Niết-bàn chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Giết cũng như vậy, tuy chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Người hổ thẹn thì chẳng phải có, người không hổ thẹn thì chẳng phải không. Người thọ quả báo thì gọi đó là có. Người thấy rõ không thì chẳng phải có, người thấy có thì chẳng phải rõ không. Có người thấy có thì cũng gọi là có. Vì sao? Vì có người thấy có thì bị quả báo, người thấy không có thì không quả báo. Người thấy thường thì chẳng phải không, người thấy vô thường thì chẳng phải có. Người thường thấy thường thì chẳng gọi là không. Vì sao? Vì người thường thấy thường có quả báo của nghiệp ác. Vậy nên người thường thấy thường thì chẳng được là không. Do nghĩa này nên tuy chẳng phải có, chẳng phải không mà cũng là có. Nay đại vương! Hễ là chúng sinh thì còn hơi thở ra vào, đoạn dứt hơi thở ra vào nên gọi là giết. Chư Phật Thế Tôn theo thế tục cũng nói là giết. Nay đại vương! Sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường. Từ nhân duyên vô thường sinh ra sắc thì sao gọi là thường? Cho đến thức là vô thường, nhân duyên của thức cũng là vô thường. Từ nhân duyên vô thường sinh ra thức thì sao gọi là thường? Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, không, vô ngã thì là giết cái gì? Giết vô thường thì được Niết-bàn thường, giết khổ được lạc, giết không được thật, giết vô ngã được chân ngã. Nay đại vương! Nếu ông giết vô thường, khổ, không, vô ngã thì cũng như ta. Ta cũng giết vô thường, khổ, không, vô ngã mà chẳng vào địa ngục thì sao ông lại vào?

Bấy giờ, vua A-xà-thế theo đúng như lời Đức Phật nói mà quan sát sắc cho đến quan sát thức. Thực hiện sự quan sát này rồi, ông liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay con mới biết sắc là vô thường cho đến thức là vô thường. Con trước nếu có thể biết như vậy thì đã chẳng làm

nên tội. Thưa Thế Tôn! Con trước từng nghe chư Phật Thế Tôn thường vì chúng sinh mà làm cha mẹ. Tuy nghe lời nói đó nhưng còn chưa thẩm định, hôm nay thì nhất định biết. Thưa Thế Tôn! Con cũng từng nghe núi chúa Tu-di là do bốn thứ báu tạo thành, đó là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có các con chim đậu vào thì đồng màu với núi ấy. Tuy nghe lời nói này, nhưng con cũng chẳng thẩm định. Hôm nay, con đi đến núi Tu-di Phật thì cùng đồng màu, mà cùng đồng màu thì biết các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Bạch Thế Tôn! Con thấy ở thế gian, từ hạt y lan sinh ra cây y lan, chẳng thấy hạt y lan sinh ra cây chiên-đàn. Hôm nay con mới thấy từ hạt y lan sinh ra cây chiên-đàn. Hạt y lan là thân con đó. Cây chiên-đàn tức là lòng tin vô căn của con. Vô căn là con ban đầu chẳng biết cung kính Như Lai, chẳng tin Pháp, Tăng, nên gọi là vô căn. Thưa Thế Tôn! Con nếu chẳng gặp được Như Lai Thế Tôn thì phải ở tại đại địa ngục trong vô lượng vô số kiếp chịu vô lượng khổ. Con hôm nay may mắn được gặp Phật. Do công đức được gặp Phật này mà phá hoại tất cả tâm ác phiền não của chúng sinh.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Hay thay! Hay thay! Ta nay biết ông nhất định có thể phá hoại tâm ác của chúng sinh.

–Bạch Thế Tôn! Nếu con thật có thể phá hoại các tâm ác của chúng sinh thì khiến cho con luôn ở tại địa ngục A-tỳ, trong vô lượng kiếp, vì các chúng sinh chịu khổ não lớn mà chẳng lấy làm khổ.

Bấy giờ, vô lượng dân chúng của nước Ma-già-đà đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do vô lượng dân chúng phát đại tâm như vậy v.v... nên trọng tội của vua A-xà-thế liền được nhẹ bớt. Nhà vua và phu nhân, hậu cung thể nữ đều đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc này, vua A-xà-thế nói với Kỳ-bà:

–Ta nay chưa chết đã được thân trời, bỏ đi mạng ngắn ngủi mà được mạng dài lâu, bỏ thân vô thường mà được thân thường trụ; khiến cho những chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là thân trời; mạng dài lâu, thân thường trụ, tức là đệ tử của tất cả chư Phật.

Nói lời này xong, ông liền dùng đủ thứ cờ phướn, lọng báu,

hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc vi diệu cúng dường Phật và dùng kệ tụng khen ngợi:

Lời thật rất vi diệu
 Câu nghĩa đều khéo léo
 Tạng bí mật sâu xa
 Vì chúng nên hiển thị
 Lời quảng bác sẵn có
 Vì chúng lược tuyên dương
 Lời đầy đủ như vậy
 Khéo trị liệu chúng sinh
 Nếu có các chúng sinh
 Được nghe lời này rồi
 Hoặc tin hoặc chẳng tin
 Biết chắc là lời Phật
 Lời Phật thường êm dịu
 Vì chúng mà nói lớn
 Nói lớn hay dịu dàng
 Đều về đệ nhất nghĩa
 Nên con hôm nay nguyện
 Quy y với Thế Tôn
 Lời Như Lai một vị
 Giống như nước biển cả
 Đó gọi đệ nhất nghĩa
 Không có lời vô nghĩa
 Hôm nay Đức Phật nói
 Vô lượng các loại pháp
 Trai gái lớn nhỏ nghe
 Đều đạt đệ nhất nghĩa
 Không nhân cũng không quả
 Không sinh cũng không diệt
 Gọi là Niết-bàn lớn
 Người nghe phá các kiết
 Như Lai vì tất cả
 Thường làm cha mẹ lành

Phải biết các chúng sinh
 Đều là con Thế Tôn
 Như Lai từ bi lớn
 Vì chúng nên khổ hạnh
 Như người bị quỷ dựa
 Làm nhiều việc loạn cuồng
 Con nay được gặp Phật
 Có được ba nghiệp lành
 Nguyện đem công đức này
 Hồi hướng đạo vô thượng
 Phẩm vật con dâng cúng
 Phật, Pháp và chúng Tăng
 Nguyện đem công đức này
 Cầu Tam bảo thường trụ
 Con hôm nay sẽ được
 Đủ thứ công đức lành
 Nguyện đem công đức này
 Phá tan bốn loại ma
 Con gặp ác tri thức
 Tạo tác tội ba đời
 Nay sám hối trước Phật
 Nguyện sau không dám làm.
 Nguyện cho các chúng sinh
 Đều phát tâm Bồ-đề
 Thâu tâm thường nhớ nghĩ
 Tất cả Phật mười phương.
 Lại nguyện các chúng sinh
 Phá tan hẳn phiền não
 Được thấy rõ Phật tánh
 Như Bồ-tát Văn Thù.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen vua A-xà-thế:

–Hay thay! Hay thay! Nếu có người có thể phát tâm Bồ-đề thì phải biết người này làm trang nghiêm đại chúng của chư Phật. Nay đại vương! Ông thuở xưa đã ở chỗ Đức Phật Tỳ Bà Thi, đầu tiên phát tâm

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đó về sau cho đến khi Ta ra đời, trong khoảng thời gian ấy, ông chưa từng đọa vào địa ngục, chịu khổ. Đại vương phải biết tâm Bồ-đề mới có quả báo không lường như vậy. Nay đại vương! Từ nay về sau thường phải siêng tu tâm Bồ-đề. Vì sao? Vì từ nhân duyên này sẽ tiêu diệt được vô lượng nghiệp ác.

Lúc này, vua A-xà-thế và dân chúng toàn nước Ma-già-đà đứng dậy, đi quanh Đức Phật ba vòng, rồi từ tạ lui về cung.

Phẩm Thiên Hành, như kinh Tạp Hoa đã nói.

*
**

Phẩm 21: HẠNH ANH NHI

–Này thiện nam! Sao gọi là hạnh anh nhi?

Này thiện nam! Chẳng thể đứng dậy, đi lại, nói năng thì đó gọi là anh nhi. Như Lai cũng vậy. Chẳng thể đứng dậy là, Như Lai nhất định chẳng khởi dậy các pháp tướng. Chẳng thể đứng là, Như Lai chẳng chấp trước tất cả các pháp. Chẳng thể lại là, thân lành của Như Lai không có lay động. Chẳng thể đi là, Như Lai đã đi đến Đại Bát Niết Bàn. Chẳng thể nói năng là, Như Lai tuy vì tất cả chúng sinh diễn nói các pháp nhưng thật không có điều gì để nói. Vì sao? Vì có điều để nói thì gọi là pháp hữu vi, mà Như Lai Thế Tôn chẳng phải là hữu vi, vậy nên không nói. Lại nữa, không lời là, giống như đứa trẻ con nói năng chưa rõ. Tuy nó có nói nhưng thật cũng không có lời. Như Lai cũng vậy, lời nói chưa rõ tức là lời bí mật của các Đức Phật. Các Đức Phật tuy có lời nói ra nhưng chúng sinh chẳng hiểu được nên gọi là không lời. Lại nữa, anh nhi là, gọi vật bất nhất, chưa biết nói cho đúng. Tuy gọi là vật bất nhất, chưa biết nói cho đúng nhưng chẳng phải chẳng nhân vào đây mà nhận thức được sự việc. Như Lai cũng vậy, nơi chốn chủng loại của tất cả chúng sinh đều khác, lời nói chẳng đồng, Như Lai dùng phương tiện tùy theo họ mà nói cũng khiến cho tất cả bọn họ nhân đó mà hiểu được. Lại nữa, anh nhi là, có thể nói đại tự. Như Lai cũng vậy, nói đến đại tự như là Bà, Hòa. Hòa là hữu vi, Bà là vô vi. Đó gọi là anh nhi. Hòa thì gọi là vô thường, Bà thì gọi là hữu thường. Như Lai nói thường, chúng sinh nghe rồi cho là thường pháp nên đoạn dứt

với pháp vô thường. Đó gọi là hạnh anh nhi. Lại nữa, anh nhi thì chẳng biết khổ, vui, ngày đêm, cha mẹ v.v... Đại Bồ-tát cũng như vậy, vì chúng sinh nên chẳng thấy khổ, vui, không có tướng ngày đêm. Đối với các chúng sinh tâm Bồ-tát bình đẳng nên không có tướng cha mẹ, thân sơ v.v... Lại nữa, anh nhi thì chẳng thể tạo tác những việc lớn nhỏ. Đại Bồ-tát cũng như vậy, chẳng tạo tác nghiệp sinh tử. Đó gọi là chẳng tạo tác đại sự, mà đại sự tức là ngũ nghịch. Đại Bồ-tát thì nhất định chẳng tạo tác tội nặng ngũ nghịch. Việc nhỏ tức là tâm Nhị thừa mà Bồ-tát thì nhất định chẳng thoái tâm Bồ-đề mà tạo tác Thanh văn, Phật-bích-chi thừa. Lại nữa, hạnh anh nhi là, như lúc đứa trẻ con kia kêu khóc thì cha mẹ liền dùng lá vàng của cây dương mà dỗ rằng: “Chớ khóc! Chớ khóc! Ta cho con vàng đây”. Đứa trẻ thấy rồi, tưởng là vàng ròng liền nín khóc, nhưng lá dương này thật chẳng phải vàng. Trâu gỗ, ngựa gỗ, con trai gỗ, con gái gỗ v.v... đứa trẻ nhìn thấy rồi cũng lại tưởng là con trai, con gái thật v.v... liền nín khóc, nhưng thật chẳng phải là con trai, con gái. Do tạo nên tư tưởng về con trai, con gái như vậy nên gọi là anh nhi. Như Lai cũng vậy, nếu có chúng sinh muốn tạo mọi việc ác thì Như Lai vì họ nói về trời Tam Thập Tam thường, lạc, ngã, tịnh, đoạn chánh, tự do với cung điện đẹp, hưởng thụ niềm vui năm dục, đối tượng của sáu căn không gì chẳng phải là vui. Chúng sinh nghe có niềm vui như vậy nên lòng sinh tham vui, dừng lại chẳng làm ác, siêng năng làm nghiệp thiện của trời Tam Thập Tam. Thật ra đó là sinh tử, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh nhưng vì độ chúng sinh nên phương tiện nói rằng, thường, lạc, ngã, tịnh. Lại nữa, anh nhi là, nếu có chúng sinh khi chán sinh tử thì Như Lai vì họ nói về Nhị thừa nhưng thật ra không có Nhị thừa chân thật. Do Nhị thừa nên biết được lỗi hoạn của sinh tử, thấy được niềm vui Niết-bàn. Do thấy việc này nên có thể tự biết có đoạn, chẳng đoạn; có chân, chẳng chân; có tu, chẳng tu; có đắc, chẳng đắc. Nay thiện nam! Như đứa trẻ kia đối với cái chẳng phải vàng mà sinh ra ý tưởng vàng. Như Lai cũng vậy, ở trong bất tịnh mà nói là tịnh. Như Lai đã được đệ nhất nghĩa thì không có hư dối. Như đứa trẻ kia đối với vật chẳng phải trâu, ngựa mà tưởng là trâu, ngựa. Nếu có chúng sinh ở trong cái chẳng phải đạo mà tưởng là chân đạo thì Như Lai cũng nói chẳng phải đạo là đạo. Trong cái chẳng phải đạo thật không có

đạo, nhưng do có thể làm sinh chút nhân duyên đạo nên Như Lai nói chẳng phải đạo là đạo. Như đứa trẻ kia đối với trai, gái bằng gỗ tưởng là con trai, con gái thật. Như Lai cũng vậy, biết chẳng phải chúng sinh mà nói tưởng chúng sinh, nhưng thật không có tướng chúng sinh. Nếu Phật Như Lai nói không chúng sinh thì tất cả chúng sinh rơi vào tà kiến. Vậy nên Như Lai nói có chúng sinh. Ở trong chúng sinh khởi tướng chúng sinh thì chẳng thể phá tướng chúng sinh. Nếu ở trong chúng sinh mà phá tướng chúng sinh thì người đó có thể đắc Đại Bát Niết Bàn. Do đắc Đại Niết-bàn như vậy nên ngừng kêu khóc. Đó gọi là hạnh anh nhi. Nay thiện nam! Nếu có người nam, người nữ nào thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói năm hạnh này thì ông phải biết, người này nhất định sẽ được năm hạnh như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu, theo ý nghĩa lời nói của Ngài thì con cũng nhất định sẽ được năm hạnh này.

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Chẳng chỉ một mình ông được năm hạnh như vậy mà hôm nay trong hội này, có chín mươi ba vạn người cũng đồng với ông được năm hạnh này.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XIX

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Này thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát tu hành kinh điển Đại Niết-bàn như vậy thì được mười việc công đức, chẳng thể nghĩ bàn mà hàng Thanh văn, Phật-bích-chi chẳng có, người nghe kinh ngạc. Công đức này chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải khó, chẳng phải dễ, chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, chẳng phải là pháp thế gian, không có tướng mạo, thế gian không có. Những gì là mười:

Công đức thứ nhất có năm. Những gì là năm? Một là điều chẳng nghe mà có thể được nghe, hai là nghe rồi có thể làm lợi ích, ba là có thể đoạn dứt tâm nghi hoặc, bốn là tâm tuệ chính trực không quanh co, năm là có thể biết tạng bí mật của Như Lai. Đó là năm. Những gì chẳng nghe mà có thể được nghe? Đó là tạng bí mật vi diệu sâu xa, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, pháp Phật, chúng Tăng không có sai biệt, tánh tướng Tam bảo thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả các Đức Phật không có rớt ráo vào Niết-bàn mà thường trụ bất biến, Như Lai Niết-bàn chẳng phải có, chẳng phải không; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu; chẳng phải sắc, chẳng phải vô sắc; chẳng phải danh, chẳng phải chẳng danh; chẳng phải tướng, chẳng phải chẳng tướng; chẳng phải có, chẳng phải chẳng có; chẳng phải vật, chẳng phải chẳng vật; chẳng phải nhân, chẳng phải quả; chẳng phải đơi, chẳng phải chẳng đơi; chẳng phải sáng, chẳng phải tối; chẳng phải xuất, chẳng phải chẳng xuất; chẳng phải thường, chẳng phải chẳng thường; chẳng phải đoạn, chẳng phải chẳng đoạn;

chẳng phải thi, chẳng phải chung; chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai; chẳng phải ấm, chẳng phải chẳng ấm; chẳng phải nhập, chẳng phải chẳng nhập; chẳng phải giới, chẳng phải chẳng giới; chẳng phải mười hai nhân duyên, chẳng phải chẳng mười hai nhân duyên. Những pháp vi diệu sâu xa như vậy v.v... xưa chẳng được nghe mà nay mới có thể được nghe. Lại có cái chẳng được nghe như là kinh sách của tất cả ngoại đạo, bốn luận Tỳ-đà, luận Tỳ-già-la, luận Vệ-thế-sư, luận Ca-tỳ-la, tất cả chú thuật, phương thuốc trị bệnh, kỹ nghệ, nhật nguyệt thực, tinh tú vận chuyển, đồ thư, sách ký v.v... Những kinh như vậy ban đầu chưa từng nghe ý nghĩa bí mật, hôm nay đối với kinh này mới được biết. Lại có mười một bộ loại kinh, trừ bộ Tỳ-phật-lược, cũng không có nghĩa vi diệu sâu xa như vậy, nay nhân kinh này mà được biết. Nay thiện nam! Đó gọi là chẳng nghe mà có thể được nghe. Nghe rồi lợi ích là, nếu có thể nghe thọ kinh Đại Niết-bàn thì đều có thể biết đủ nghĩa vi diệu sâu xa của tất cả kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ví như trai gái ở trước tấm gương sáng sạch nhìn thấy hình dáng của họ tỏ rõ phân minh. Gương Đại Niết-bàn cũng như vậy, Bồ-tát cầm lấy đều được thấy rõ ý nghĩa vi diệu sâu xa của kinh điển Đại thừa. Cũng như có người ở trong nhà tối, cầm đuốc lửa sáng thấy hết mọi vật, đuốc Đại Niết-bàn cũng như vậy. Bồ-tát cầm đuốc ấy thì được thấy nghĩa thâm diệu của Đại thừa. Cũng như mặt trời mọc có hàng ngàn ánh sáng đều có thể soi rõ những núi u tối, khiến cho tất cả mọi người từ xa nhìn thấy mọi vật. Mặt trời trí tuệ thanh tịnh Đại Niết-bàn này cũng như vậy, soi rõ chỗ thâm diệu của Đại thừa, khiến cho người Nhị thừa từ xa thấy Phật đạo. Vì sao? Vì có thể nghe thọ kinh vi diệu Đại Niết-bàn này. Nay thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát nghe thọ kinh điển Đại Niết-bàn như vậy thì được biết danh tự của tất cả các pháp. Nếu họ có thể ghi chép, đọc tụng thông lợi, vì người khác diễn nói rộng rãi, suy nghĩ ý nghĩa kinh ấy thì biết nghĩa lý của tất cả các pháp. Nay thiện nam! Người nghe thọ kinh ấy chỉ biết danh tự, chẳng biết nghĩa lý kinh ấy mà nếu có thể ghi chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì có thể biết được nghĩa lý. Lại nữa, nay thiện nam! Người nghe kinh này, nghe có Phật tánh, chưa có thể được thấy, nếu ghi chép, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy

nghe nghĩa kinh ấy thì được thấy Phật tánh. Người nghe kinh này, nghe có danh từ bố thí chưa thể thấy Bố thí Ba-la-mật, nếu ghi chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì có thể thấy Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát, nếu có thể nghe kinh điển Đại Niết-bàn này thì biết pháp, biết nghĩa, đầy đủ hai vô ngại. Các vị Bồ-tát này đối với các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... hoặc trời, ma, phạm trong tất cả đời không sợ hãi, khai thị, phân biệt Mười hai bộ loại kinh văn, diễn nói nghĩa những kinh ấy không có sai trái. Các vị ấy chẳng theo nghe người khác mà có thể tự biết gần với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Đó gọi là nghe rồi có thể làm lợi ích. Đoạn tâm nghi là, nghi có hai thứ, một là nghi danh, hai là nghi nghĩa. Người nghe kinh này đoạn dứt được tâm nghi danh, người suy nghĩ về nghĩa thì đoạn được tâm nghi về nghĩa. Lại nữa, này thiện nam! Nghi có năm thứ, một là nghi Phật có nhất định Niết-bàn không. Hai là nghi Phật có thường trụ không. Ba là nghi Phật có chân lạc không. Bốn là nghi Phật có chân tịnh không. Năm là nghi Phật có thật ngã không. Người nghe kinh này rồi thì việc nghi Phật Niết-bàn được đoạn dứt vĩnh viễn. Nếu ghi chép, đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì bốn nghi còn lại cũng đoạn dứt vĩnh viễn. Lại nữa, này thiện nam! Nghi có ba thứ, một là nghi Thanh văn là có hay là không. Hai là nghi Duyên giác là có hay là không. Ba là nghi Phật thừa là có hay là không. Người nghe kinh này thì ba nghi như vậy trừ diệt vĩnh viễn. Nếu người ấy ghi chép, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì có thể rõ biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh chẳng nghe kinh điển Đại Niết-bàn như vậy thì tâm nghi rất nhiều. Như là hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay chẳng lạc, hoặc tịnh hay chẳng tịnh, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc mạng hay chẳng phải mạng, hoặc chúng sinh hay chẳng phải chúng sinh, hoặc rốt ráo hay chẳng rốt ráo, hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc khổ hay chẳng phải khổ, hoặc tập hay chẳng phải tập, hoặc đạo hay chẳng phải đạo, hoặc diệt hay chẳng phải diệt, hoặc pháp hay chẳng phải pháp, hoặc thiện hay chẳng phải thiện, hoặc không hay chẳng phải không... người nghe kinh này thì các nghi như vậy đều được

đoạn trừ vĩnh viễn. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có người chẳng nghe kinh như vậy thì lại có đủ thứ tâm nghi. Như sắc là ngã chẳng? Thọ, tưởng, hành, thức là ngã chẳng? Mắt có thể thấy chẳng? Ngã có thể thấy chẳng? Cho đến thức có thể biết chẳng? Ngã có thể biết chẳng? Sắc thọ báo chẳng? Ngã thọ báo chẳng? Cho đến thức thọ báo chẳng? Ngã thọ báo chẳng? Sắc đến đời khác chẳng? Ngã đến đời khác chẳng? Cho đến thức cũng như vậy. Pháp sinh tử có đầu có cuối chẳng? Không đầu không cuối chẳng? Người nghe kinh này thì những nghi như vậy cũng được trừ diệt vĩnh viễn. Lại có người nghi Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng cấm làm tội ngũ nghịch, bài báng kinh Phương Đẳng v.v... những hạng như vậy có Phật tánh chẳng? Không có Phật tánh chẳng? Người nghe kinh này thì những nghi như vậy đều được đoạn trừ vĩnh viễn. Lại có người nghi, thế gian hữu biên chẳng? Thế gian vô biên chẳng? Có thế giới mười phương chẳng? Không có thế giới mười phương chẳng? Người nghe kinh này thì những nghi như vậy cũng được đoạn trừ vĩnh viễn. Đó gọi là có thể đoạn trừ tâm nghi hoặc. Tuệ tâm chính trực không tà vạy quanh co là, nếu tâm có nghi hoặc thì sở kiến chẳng chính trực. Tất cả phàm phu nếu chẳng được nghe kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này thì sở kiến tà vạy quanh co, thậm chí sở kiến của người Thanh văn, Phật-bích-chi cũng quanh co. Sao gọi là sở kiến của tất cả phàm phu là tà vạy quanh co? Ở trong hữu lậu thấy thường, lạc, ngã, tịnh; đối với Như Lai thấy vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã; thấy có chúng sinh, thọ mạng, tri kiến; chấp cõi phi hữu tướng phi vô tướng cho là Niết-bàn; thấy trời Tự Tại có tám thánh đạo, hữu kiến, đoạn kiến... những sự thấy như vậy gọi là tà vạy, quanh co. Đại Bồ-tát nếu được nghe kinh điển Đại Niết-bàn này, tu hành hạnh thánh thì đoạn trừ những tà vạy quanh co như vậy. Sao gọi là cái thấy tà vạy quanh co của Thanh văn, Duyên giác? Thấy Bồ-tát từ cõi Đâu-suất hóa thân xuống, cõi voi trắng, giáng thân vào thai mẹ. Cha tên là Tịnh Phạn, mẹ tên là Ma-da, ở tại thành Ca-tỳ-la. Ở trong thai đầy đủ mười tháng sinh ra, sinh ra chưa đến đất thì Đế thích đã tiếp bông, vua rồng Nan-đà và Bà-nan-đà phun nước tắm Bồ-tát, vua quỷ thần lớn Ma-ni-bạt-đà cầm lọng báu theo sau đứng hầu, thần đất hóa ra hoa sen để đỡ chân, bốn phương đều đi đầy đủ bảy bước. Đến miếu thờ trời khiến cho

tượng chư Thiên đều đứng dậy nghinh đón. Tiên A-tư-đà ẵm để xem tướng. Xem tướng xong, ông rất buồn khổ, tự thương mình sẽ mạng chung chẳng nhìn thấy Phật. Đến thầy học văn chương, toán số, bắn cung, cỡi ngựa, vẽ tranh, sấm ký, kỹ nghệ. Ở tại thâm cung với sáu vạn thể nữ vui sướng hưởng lạc. Ra thành du ngoạn, đến vườn Ca-tỳ-la, trên đường thấy người già cho đến vị Sa-môn mặc pháp phục mà đi. Trở về đến trong cung, thấy các thể nữ, hình thể dung mạo giống như xương khô, cung điện như mồ mả không khác, nhằm chán xuất gia, nửa đêm vượt thành, đến chỗ các vị đại tiên Uất-đà-già, A-la-la v.v... nghe nói Thức xứ và Phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Đã nghe vậy rồi quan sát kỹ thấy xứ này là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã. Bỏ đi đến dưới cây, tu đủ hạnh khổ đầy đủ sáu năm, biết khổ hạnh này chẳng thể thành được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, Bồ-tát lại đến trong dòng sông A-di-la-bạt tắm gội, thọ sự dâng cúng cháo sữa của người con gái chăn bò, thọ dụng rồi đi đến nơi cây Bồ-đề, phá ma Ba-tuần, được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ở thành Ba-la-nại vì năm vị Tỳ-kheo lần đầu tiên chuyển bánh xe pháp cho đến ở thành Câu-thi-na này vào Bát-niết-bàn. Thấy những việc như vậy thì đó gọi là sự thấy quanh co của Thanh văn, Duyên giác. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát nghe thọ kinh Đại Niết-bàn này thì đều được đoạn trừ những cái thấy như vậy. Nếu có thể ghi chép, đọc tụng thông lợi, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì được cái thấy chính trực không tà vạy quanh co. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như vậy thì chắc chắn biết là Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay chẳng từ cõi trời Đâu-suất giáng thân vào thai mẹ cho đến vào Bát-niết-bàn ở thành Câu-thi-na. Đó gọi là cái thấy chính trực của Đại Bồ-tát. Có thể biết nghĩa thâm diệu của Như Lai là, đó tức là Đại Bát Niết Bàn, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, sám hối bốn trọng cấm, dứt trừ tâm bài báng pháp, hết tội ngũ nghịch, diệt Nhất-xiển-đề, rồi sau đó được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là nghĩa bí mật thâm diệu. Lại nữa, Đây thiện nam! Sao lại gọi là nghĩa thâm diệu? Tuy biết chúng sinh thật không có ngã nhưng ở đời vị lai chẳng mất nghiệp quả. Tuy biết năm ấm đến đây diệt hết nhưng nghiệp thiện ác nhất định chẳng hết. Tuy có các nghiệp nhưng chẳng nắm bắt được

tác giả. Tuy có chỗ đến nhưng không có người đi. Tuy có trói buộc nhưng không người chịu trói. Tuy có Niết-bàn nhưng cũng không người tịch diệt. Đó gọi là nghĩa bí mật thâm diệu.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như con hiểu, nghĩa nghe và chẳng nghe mà Phật đã nói thì nghĩa này chẳng vậy. Vì sao? Vì pháp, nếu có thì phải nhất định có. Pháp, nếu không thì phải nhất định không. Không chẳng nên sinh ra, có chẳng nên diệt đi. Như người nghe tức là nghe, nếu người chẳng nghe tức là chẳng nghe. Vì sao mà nói rằng, nghe điều chẳng nghe? Thưa Thế Tôn! Nếu chẳng thể nghe thì đó là chẳng nghe. Nếu đã nghe thì lại cũng chẳng nghe. Vì sao? Vì đã được nghe thì sao mà nói rằng, nghe điều chẳng nghe. Ví như người đi đã đến thì chẳng còn đi, mà còn đi thì chẳng đến. Cũng như sinh ra rồi thì chẳng còn sinh, chẳng còn sinh thì chẳng sinh. Được rồi thì chẳng còn được, mà chẳng được thì chẳng được. Nghe rồi thì chẳng còn nghe, mà chẳng nghe thì chẳng nghe cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng nghe mà nghe thì tất cả chúng sinh chưa có Bồ-đề tức là có Bồ-đề, chưa được Niết-bàn tức là được Niết-bàn, chưa thấy Phật tánh tức là thấy Phật tánh, vì sao lại nói rằng, Bồ-tát Thập Trụ tuy thấy Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng? Bạch Thế Tôn! Nếu người chẳng nghe mà nghe thì Như Lai thuở xưa theo ai được nghe? Nếu nói được nghe thì vì sao Như Lai, ở trong kinh A-hàm lại nói rằng, vô sư? Nếu chẳng nghe thì chẳng nghe mà Như Lai được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sinh chẳng nghe thì chẳng nghe cũng phải được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thưa Thế Tôn! Nếu Thế Tôn chẳng nghe kinh Đại Niết-bàn này mà thấy Phật tánh thì tất cả chúng sinh chẳng nghe kinh này cũng phải được thấy. Bạch Thế Tôn! Phạm là sắc thì hoặc có thể thấy, hoặc chẳng thể thấy. Thanh cũng như thế, hoặc có thể thấy, hoặc chẳng thể thấy. Đại Niết-bàn này chẳng phải sắc, chẳng phải thanh thì sao nói rằng có thể được thấy nghe? Thưa Thế Tôn! Quá khứ đã diệt thì chẳng thể nghe, vị lai chưa đến cũng chẳng thể nghe và hiện tại khi nghe thì chẳng gọi là nghe, khi nghe rồi thanh diệt lại chẳng thể nghe. Kinh điển Đại Niết-bàn này

cũng chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai, mà nếu chẳng phải ba đời thì chẳng thể nói. Nếu chẳng thể nói thì chẳng thể nghe thì sao mà nói rằng, Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn này nghe điều chẳng nghe.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông nay giỏi biết tất cả các pháp như huyễn, như bóng nước, như thành của Càn-thát-bà, như dấu vẽ trong nước, như bong bóng nước, như cây chuối v.v... rỗng không không có thật, chẳng phải mạng, chẳng phải ngã, không có khổ vui, đúng như sự thấy biết của Bồ-tát Thập Trụ.

Khi ấy, trong đại chúng bỗng nhiên phút chốc có ánh sáng lớn, chẳng phải xanh thấy xanh, chẳng phải vàng thấy vàng, chẳng phải đỏ thấy đỏ, chẳng phải trắng thấy trắng, chẳng phải sắc thấy sắc, chẳng phải sáng thấy sáng, chẳng phải thấy mà thấy. Bấy giờ, đại chúng gặp ánh sáng ấy rồi thì thân tâm diệu lạc, ví như Tỳ-kheo vào định Sư tử vương. Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay ánh sáng này do ai phóng ra?

Khi ấy, Đức Như Lai mặc nhiên chẳng nói. Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Vì nhân duyên gì mà có ánh sáng này soi đến đại chúng?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lặng thinh chẳng đáp. Bấy giờ, Bồ-tát Vô Biên Thân lại hỏi Bồ-tát Ca-diếp:

–Hôm nay ánh sáng này là của ai?

Bồ-tát Ca-diếp lặng thinh chẳng nói. Bồ-tát Tịnh Trụ Vương Tử lại hỏi Bồ-tát Vô Biên Thân:

–Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Bồ-tát Vô Biên Thân lặng thinh chẳng nói. Cứ như vậy, năm trăm vị Bồ-tát đều cũng hỏi như vậy. Tuy các vị hỏi nhau nhưng không có người trả lời. Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Nay Văn-thù-sư-lợi! Vì nhân duyên gì trong đại chúng có ánh sáng này?

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đáp:

–Thưa Thế Tôn! Ánh sáng như vậy gọi là trí tuệ. Trí tuệ tức là thường trụ, mà pháp thường trụ là không có nhân duyên thì vì sao Phật

hỏi, vì nhân duyên gì có ánh sáng này? Ánh sáng này gọi là Đại Niết-bàn, mà Đại Niết-bàn thì gọi là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Phật hỏi rằng, vì nhân duyên gì có ánh sáng này? Ánh sáng này tức là Như Lai, mà Như Lai tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Như Lai hỏi nhân duyên? Ánh sáng này gọi là đại từ đại bi, mà đại từ đại bi thì gọi là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Như Lai hỏi nhân duyên? Ánh sáng này tức là niệm Phật, mà niệm Phật tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Như Lai hỏi nhân duyên? Ánh sáng này tức là đạo Bất cộng của tất cả Thanh văn, Duyên giác, mà đạo Bất cộng của Thanh văn, Duyên giác tức là thường trụ. Pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên thì sao Như Lai hỏi nhân duyên? Thế Tôn cũng có nhân duyên. Nhân diệt vô minh thì ngọn đèn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được cháy sáng.

Đức Phật dạy:

–Này Văn-thù-sư-lợi! Hôm nay ông chớ vào đệ nhất nghĩa để thâm diệu của các pháp. Ông nên dùng thế đế mà giảng nói điều đó.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa:

–Thưa Thế Tôn! Ở phương Đông này, qua khỏi số thế giới nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng, có thế giới Phật tên là Bất Động, trụ xứ của Đức Phật ấy ngang dọc bằng nhau, đầy đủ một vạn hai ngàn do-tuần. Đất nơi ấy bằng bảy thứ báu, không có đất đá, bằng phẳng mềm mại, không có các ngòi rãnh, hầm hố. Những cây cối của cõi ấy do bốn thứ báu tạo thành là vàng, bạc, lưu ly và pha lê, hoa trái sum suê, không lúc nào chẳng có. Nếu có chúng sinh nghe mùi hương hoa ấy thì thân tâm an lạc, ví như Tỳ-kheo vào thiền thứ ba. Chung quanh cõi ấy lại có ba ngàn dòng sông lớn, nước sông đầy đủ tám vị vi diệu. Nếu có chúng sinh nào tắm gội ở trong nước ấy thì được niềm hỷ lạc, ví như Tỳ-kheo vào thiền thứ hai. Những dòng sông ấy có đủ những loài hoa như hoa sen xanh, hoa sen vàng, hoa sen đỏ, hoa sen trắng, hoa hương, hoa đại hương, hoa diệu hương, hoa thường, hoa tất cả chúng sinh không chăm sóc. Hai bên bờ sông cũng có nhiều loài hoa, như là hoa a-đề-mục-đa-dà, hoa chiêm-bà, hoa ba-tra-la, hoa bà-sư-la, hoa ma-lợi-ca, hoa đại-ma-lợi-ca, hoa tân-ma-lợi-ca, hoa tu-ma-na, hoa do-đề-ca,

hoa đàn-miền-ca-lợi, hoa thường, hoa tất cả chúng sinh không chăm sóc. Đáy sông trải cát vàng, có bốn bậc bệ bằng vàng, bạc, lưu ly và pha lê đủ màu. Có nhiều loài chim tập hợp bơi dạo trong những dòng sông ấy. Lại có vô lượng cọp, sói, sư tử v.v... những loài chim, thú dữ xem nhau giống như con đò. Trong thế giới đó, tất cả không có kẻ phạm bốn trọng cấm, bài báng chánh pháp và Nhất-xiển-đề, tội ngũ nghịch v.v... Cõi ấy điều hòa thích hợp, không có lạnh nóng, đói khát, khổ não, không có tham dục, sân hận, phóng dật, ganh ghét, không có mặt trời, mặt trăng, ngày đêm, thời tiết, giống như trên cõi trời thứ hai là Dao-lợi. Dân chúng cõi ấy đều có ánh sáng, không ai có tâm kiêu mạn, tất cả đều là bậc Đại sĩ Bồ-tát, đều được thần thông, đầy đủ công đức lớn. Tâm họ đều tôn trọng chánh pháp, theo về Đại thừa, ái niệm Đại thừa, ham thích Đại thừa, hộ trì Đại thừa, thành tựu đại tuệ, được đại tổng trì, thường thương xót tất cả chúng sinh. Đức Phật của thế giới ấy hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, tùy theo chỗ ở mà thuyết giảng. Chúng sinh của cõi ấy không ai mà chẳng được nghe. Đức Phật ấy vì Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang tuyên giảng kinh Đại Niết-bàn, nói: “Này thiện nam! Đại Bồ-tát nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn thì điều chẳng nghe đều được nghe hết”. Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang đó hỏi Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cũng đúng như lời hỏi của Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương ở cõi này không khác. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh kia liền bảo Bồ-tát Lưu Ly Quang: “Này thiện nam! Phương Tây cách đây hai mươi lần cát sông Hằng cõi Phật, ở đó có thế giới tên là Ta-bà. Cõi ấy có nhiều núi đồi, gò đồng, đất cát, sỏi đá, gai góc bén nhọn v.v... tràn đầy cùng khắp, thường có đói khát, lạnh nóng, khổ não. Muôn dân cõi ấy chẳng cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, sư trưởng. Họ tham đắm phi pháp, muốn ở trong phi pháp, tu hành tà pháp, chẳng tin chánh pháp, có thọ mạng ngắn ngủi, có hành động gian trá. Vua trừng trị họ. Vua tuy có nước, nhưng chẳng biết thỏa mãn, đối với vật sở hữu của người khác sinh lòng tham lợi, dấy binh chinh phạt nhau, kẻ chết oan uổng là dân chúng. Vua thì làm việc phi pháp như vậy, nên thiện thần của Tứ

Thiên Vương lòng không hoan hỷ nên giáng xuống tai họa, hạn hán, ngũ cốc chẳng mọc, dân chúng nhiều bệnh, khổ não không lường. Trong cõi đó có Đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, đại bi thuần hậu, thương xót chúng sinh, Đức Phật ấy đang ở rừng Ta-la song thọ, tại thành Câu-thi-na vì các đại chúng phô diễn kinh Đại Niết-bàn như vậy. Ở đó có vị Bồ-tát tên Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đã hỏi việc ấy như ông không khác. Đức Phật hôm nay đang giải đáp vấn đề đó. Ông hãy mau chóng đi đến thì tự sẽ được nghe”. Bồ-tát Lưu Ly Quang kia nghe việc đó rồi, cùng với tám vạn bốn ngàn Đại Bồ-tát muốn đến cõi này, nên trước hết hiện những điềm lành. Do nhân duyên đó nên có ánh sáng này. Đó gọi là nhân duyên, cũng chẳng phải là nhân duyên. Bấy giờ, Bồ-tát Lưu Ly Quang cùng với tám vạn bốn ngàn các Bồ-tát đều mang những cờ, lọng, hương hoa, chuỗi ngọc, đủ thứ kỹ nhạc gấp bội hơn những người trước, cùng đi đến rừng Ta-la song thọ ở Câu-thi-na, mang theo phẩm vật cúng dường của mình mà cúng dường Đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân Ngài, chấp tay cung kính, đi quanh bên phải ba vòng. Họ cúng dường xong, lui về ngồi một bên.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hỏi vị Bồ-tát kia:

–Này thiện nam! Ông vì đến mà đến hay vì chẳng đến mà đến?

Bồ-tát Lưu Ly Quang đáp:

–Bạch Thế Tôn! Đến cũng chẳng đến, chẳng đến cũng chẳng đến. Con quan sát nghĩa này đều không có đến. Thưa Thế Tôn! Các hành nếu thường cũng chẳng đến, nếu là vô thường cũng chẳng đến. Nếu người thấy có tánh chúng sinh thì có đến, chẳng đến. Con nay chẳng thấy định tánh của chúng sinh thì sao phải nói rằng, có đến hay chẳng đến? Người có kiêu mạn thì thấy có đi, đến; người không kiêu mạn thì không đi, đến. Người có chấp hành thì thấy có đi, đến; người không chấp hành thì không đi, đến. Nếu thấy Như Lai rốt ráo Niết-bàn thì không đi, đến. Người chẳng nghe Phật tánh thì có đi, đến; người nghe Phật tánh thì không đi, đến. Nếu người thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi có Niết-bàn thì có đi, đến; người chẳng thấy hàng Thanh

văn, Phật-bích-chi có Niết-bàn thì không đi, đến. Nếu người thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi, đến; nếu người chẳng thấy hàng Thanh văn, Phật-bích-chi thường, lạc, ngã, tịnh thì không đi, đến. Nếu người thấy Như Lai không thường, lạc, ngã, tịnh thì có đi, đến; nếu người thấy Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh thì không đi, đến. Thưa Thế Tôn! Xin để việc ấy lại, con có điều muốn thưa hỏi. Con nguyện xin Thế Tôn rủ lòng thương xót mà hứa cho.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ông cứ tùy ý đặt vấn đề, nay đã đúng lúc! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Vì sao? Vì chư Phật khó gặp như loài hoa Ưu-đàm. Pháp cũng như vậy, khó có thể được nghe. Trong Mười hai bộ loại kinh điển, kinh Phương Đẳng lại khó hơn. Vậy ông cần phải chuyên tâm nghe nhận.

Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang đã được Đức Phật chấp thuận và được dạy bảo, liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Đại Bồ-tát có thể tu hành kinh điển Đại Niết-bàn thì nghe điều chẳng nghe?

Bấy giờ, Đức Phật khen:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông nay muốn hiểu tận cùng biển Đại Niết-bàn Đại Thừa như vậy mà lại gặp được chính Ta. Ta có thể giảng nói cho ông. Tên độc, lưới nghi của ông hôm nay, Ta sẽ làm đại lương y có thể khéo nhổ ra hết. Ông đối với Phật tánh còn chưa sáng tỏ thì Ta có đuốc tuệ, có thể vì ông soi sáng. Ông nay muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử, Ta có thể vì ông làm đại thuyền sư. Ông đối với ta sinh tưởng như cha mẹ, ta đối với ông cũng sinh lòng thương như con đở. Tâm ông hôm nay tham báu chánh pháp mà gặp Ta có nhiều thì có thể ban cho nhau. Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Hãy suy nghĩ khéo léo! Ta sẽ vì ông phân biệt, tuyên nói, giải thích cho. Này thiện nam! Ông muốn nghe pháp thì hôm nay chính là lúc đó. Nếu nghe pháp rồi thì ông phải sinh niềm kính tin, chí tâm nghe thọ, cung kính tôn trọng. Đối với chánh pháp chớ tìm kiếm lỗi lầm, chớ nghĩ tham dục, sân giận, ngu si, chớ tìm xem dòng họ pháp sư tốt xấu. Đã nghe pháp rồi, ông chớ sinh kiêu mạn, chớ vì sự cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì pháp lợi cam lồ độ thế, cũng chớ sinh ra ý nghĩ: “Ta

nghe pháp rồi thì trước tự độ thân sau đó độ người, trước tự giải thoát thân sau đó giải thoát người, trước tự an thân sau đó an người, trước tự Niết-bàn sau đó khiến cho người được Niết-bàn. Đối với Phật, Pháp, Tăng nên sinh tướng bình đẳng. Ở trong sinh tử thì sinh tướng về đại khổ. Đối với Đại Niết-bàn nên sinh tướng về thường, lạc, ngã, tịnh. Trước vì người khác sau đó vì bản thân. Phải vì Đại thừa chớ vì Nhị thừa. Đối với tất cả các pháp đừng bám víu vào pháp nào, cũng chớ chuyên chấp tất cả tướng. Ở trong các pháp chớ sinh tướng về tham mà thường sinh tướng về biết pháp, thấy pháp. Đây thiện nam! Ông có thể chí tâm như vậy mà nghe pháp. Đó gọi là nghe điều chẳng nghe. Đây thiện nam! Có điều chẳng nghe mà nghe, có điều chẳng nghe chẳng nghe, có điều nghe mà chẳng nghe, có điều nghe mà nghe. Đây thiện nam! Như chẳng sinh mà sinh, chẳng sinh chẳng sinh, sinh mà chẳng sinh, sinh mà sinh. Như chẳng đến mà đến, chẳng đến chẳng đến, đến mà chẳng đến, đến mà đến.

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là chẳng sinh mà sinh?

– Đây thiện nam! An trụ ở thế đế, khi mới ra khỏi thai thì đó gọi là chẳng sinh mà sinh.

– Sao gọi là chẳng sinh, chẳng sinh?

– Đây thiện nam! Đại Niết-bàn này không có tướng sinh. Đó gọi là chẳng sinh chẳng sinh.

– Sao gọi là sinh mà chẳng sinh?

– Đây thiện nam! Theo thế đế, khi chết thì đó gọi là sinh mà chẳng sinh.

– Sao gọi là sinh sinh?

– Đây thiện nam! Tất cả phàm phu thì gọi là sinh sinh. Vì sao? Vì sinh sinh chẳng gián đoạn. Tất cả hữu lậu từng niệm từng niệm sinh ra. Đó gọi là sinh sinh. Bồ-tát tử trụ gọi sinh mà chẳng sinh. Vì sao? Vì sinh tự tại nên đó gọi sinh chẳng sinh. Đây thiện nam! Đó gọi là nội pháp. Sao gọi là ngoại pháp? Chưa sinh mà sinh, chưa sinh chưa sinh, sinh mà chưa sinh, sinh sinh. Đây thiện nam! Ví như hạt giống khi chưa nảy mầm, nó được bốn đại hòa hợp, công sức người gieo trồng sau đó mới mọc. Đó gọi là chưa sinh mà sinh. Sao gọi là chưa sinh chưa sinh? Ví như hạt giống hư và chưa gặp duyên. Những nhóm như vậy gọi là

chưa sinh chưa sinh. Sao gọi là sinh mà chưa sinh? Như mầm đã sinh ra rồi mà chẳng tăng trưởng. Đó gọi là sinh mà chưa sinh. Sao gọi là sinh sinh? Ví như mầm cây tăng trưởng. Nếu sinh mà chẳng sinh thì không tăng trưởng. Như vậy tất cả hữu lậu gọi là ngoại pháp sinh sinh.

Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp hữu lậu nếu có sinh thì là thường hay là vô thường? Sinh nếu là thường thì pháp hữu lậu không có sinh. Sinh nếu vô thường thì hữu lậu là thường. Thưa Thế Tôn! Nếu sinh mà có thể tự sinh thì sinh không tự tánh. Nếu nó có thể sinh ra cái khác thì vì nhân duyên gì chẳng sinh ra hữu lậu? Thưa Thế Tôn! Nếu khi chưa sinh mà có sinh thì sao đến hôm nay mới gọi là sinh? Nếu khi chưa sinh mà không sinh thì vì sao chẳng nói hư không là sinh?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Chẳng sinh mà sinh chẳng thể nói. Sinh mà sinh cũng chẳng thể nói. Sinh mà chẳng sinh cũng chẳng thể nói. Chẳng sinh mà chẳng sinh cũng chẳng thể nói. Sinh cũng chẳng thể nói. Chẳng sinh cũng chẳng thể nói. Có nhân duyên nên cũng có thể nói được. Sao gọi là chẳng sinh mà sinh chẳng thể nói? Chẳng sinh mà gọi là sinh thì sao có thể nói. Vì sao? Vì nó sinh. Sao gọi là sinh mà sinh chẳng thể nói? Vì sinh mà sinh nên sinh, sinh mà sinh nên chẳng sinh, cũng chẳng thể nói. Sao gọi là sinh mà chẳng sinh chẳng thể nói? Vì sinh tức là sinh, sinh chẳng tự sinh nên chẳng thể nói. Sao gọi là chẳng sinh chẳng sinh chẳng thể nói? Chẳng sinh thì gọi là Niết-bàn. Niết-bàn chẳng sinh nên chẳng thể nói. Vì sao? Vì do tu đạo mà được. Sao gọi là sinh cũng chẳng thể nói? Do sinh không có vậy. Sao gọi là chẳng sinh chẳng thể nói? Do có chứng đắc. Sao gọi là có nhân duyên nên cũng có thể nói được? Vì mười pháp nhân duyên làm tác nhân của sinh. Do nghĩa này nên cũng có thể nói được. Đây thiện nam! Ông nay chớ vào định “không” thâm diệu. Vì sao? Vì đại chúng trì độn. Đây thiện nam! Pháp hữu vi sinh cũng là thường nhưng do trụ vô thường nên sinh cũng vô thường. Trụ cũng là thường nhưng sinh mà sinh nên trụ cũng vô thường. Dị cũng là thường nhưng do pháp vô thường nên dị cũng vô thường. Hoại cũng là thường nhưng do xưa không nay có nên hoại cũng vô thường. Đây thiện nam! Do tánh nên

sinh, trụ, di, hoại đều là thường. Nhưng từng niệm, niệm diệt nên chẳng thể nói thường. Đại Niết-bàn này có khả năng đoạn diệt nên gọi là vô thường. Đây thiện nam! Pháp hữu lậu khi chưa sinh đã có tánh sinh nên sinh có thể sinh. Pháp vô lậu vốn không có tánh sinh nên sinh chẳng thể sinh. Như lửa có bản tánh cháy, gặp duyên thì phát khởi. Mắt có tánh thấy, nhân màu sắc, nhân ánh sáng, nhân tâm nên thấy. Pháp sinh của chúng sinh cũng như vậy, do vốn có tánh nên gặp nghiệp nhân duyên, cha mẹ hòa hợp thì liền có sinh.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Lưu Ly Quang và tám vạn bốn ngàn Đại Bồ-tát nghe pháp này xong, liền vọt lên hư không cao bằng bảy cây Đa-la, cung kính chắp tay mà bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nhờ Như Lai ân cần dạy bảo và nhân Đại Niết-bàn mới được hiểu về vấn đề nghe điều chẳng nghe, cũng khiến cho tám vạn bốn ngàn Bồ-tát hiểu sâu về các pháp chẳng sinh mà sinh v.v... Thưa Thế Tôn! Con nay đã hiểu, đoạn dứt các lưới nghi hoặc. Nhưng trong hội này có một Bồ-tát tên là Vô Úy lại muốn thưa hỏi, nguyện xin Thế Tôn rủ lòng hứa cho.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Úy:

–Đây thiện nam! Ông cứ tùy ý hỏi, Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói.

Lúc này, Bồ-tát Vô Úy cùng tám vạn bốn ngàn các vị Bồ-tát v.v... đều đứng dậy, sửa lại y phục, quỳ thẳng, chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh cõi này tạo nghiệp gì mà được sinh về thế giới Bất động kia? Bồ-tát cõi ấy làm sao mà thành tựu được trí tuệ, làm bậc tôn quý trong loài người, có uy đức lớn, tu đủ các hạnh, trí sắc bén nhanh nhẹn nghe thì có thể hiểu được?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói kệ:

*Chẳng hại mạng chúng sinh
Giữ vững các giới cấm
Hành pháp Phật vì diệu
Thì sinh nước Bất Động.
Chẳng đoạt của tha nhân
Thường bố thí tất cả
Lập tinh xá bốn phương*

Thì sinh nước Bất Động.
 Chẳng phạm vợ tha nhân
 Chẳng phi thời với vợ
 Trì giới, thí đồ nằm
 Thì sinh nước Bất Động.
 Chẳng vì mình hoặc người
 Cầu lợi và khủng bố
 Cẩn thận, đừng nói dối
 Thì sinh nước Bất Động.
 Chớ hủy hoại bạn lành
 Xa lìa quyến thuộc ác
 Miệng nói lời hòa hợp
 Thì sinh nước Bất Động.
 Như các bậc Bồ-tát
 Thường xa lìa ác khẩu
 Nói người nghe vui lòng
 Thì sinh nước Bất Động.
 Lúc cười đùa cũng nên
 Chẳng nói lời chẳng hợp
 Cẩn thận lời lúc thường
 Thì sinh nước Bất Động.
 Thấy người được lợi dưỡng
 Thường sinh lòng hoan hỷ
 Chẳng khởi lòng ghét ghen
 Thì sinh nước Bất Động.
 Chẳng nảo hại chúng sinh
 Thường sinh lòng từ ái
 Chẳng nghĩ cách làm ác
 Thì sinh nước Bất Động.
 Tà kiến nói không thí
 Cha mẹ và đi lại
 Chẳng khởi kiến như trên
 Thì sinh nước Bất Động.
 Đường trồng làm giếng tốt
 Gieo trồng rừng cây trái

Thường thí người xin ăn
 Thì sinh nước Bất Động.
 Đối với Phật, Pháp, Tăng
 Cúng một cây hương, đèn
 Cho đến hiến cành bông
 Thì sinh nước Bất Động.
 Nếu vì tâm lo sợ
 Lợi dưỡng và phước đức
 Chép một kệ kinh này
 Thì sinh nước Bất Động.
 Vì cầu mong phước lợi
 Trong một ngày có thể
 Đọc tụng kinh điển này
 Thì sinh nước Bất Động.
 Nếu vì đạo vô thượng
 Trong một ngày một đêm
 Tám giới trai giữ gìn
 Thì sinh nước Bất Động.
 Chẳng cùng ở một chỗ
 Với người phạm trọng cấm
 Chê bai kinh Phương Đẳng
 Thì sinh nước Bất Động.
 Nếu hay cho bệnh nhân
 Thậm chí một trái cây
 Hoan hỷ mà chăm sóc
 Thì sinh nước Bất Động.
 Chẳng phạm vật chúng Tăng
 Khéo giữ vật cúng Phật
 Dọn quét chỗ Phật, Tăng
 Thì sinh nước Bất Động.
 Tạo tháp tượng Thế Tôn
 Dù bằng ngón tay cái
 Thường sinh lòng vui mừng
 Thì sinh nước Bất Động.
 Nếu vì kinh Niết-bàn

*Tự thân và của báu
Cúng dường người nói pháp
Thì sinh nước Bát Động.
Nếu nghe và ghi chép
Thọ trì và đọc tụng
Mật tạng các Thế Tôn
Thì sinh nước Bát Động.*

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Vô Úy bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã biết sự tạo tác nghiệp duyên để được sinh đến nước Bát Động kia. Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương này vì thương xót tất cả chúng sinh nên trước đã thưa hỏi. Đức Như Lai nếu nói thì có thể đem lại lợi ích an lạc cho hàng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v...

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền bảo Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ông nay ở đây phải chí tâm lắng nghe. Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Vì có nhân duyên nên chưa đến chẳng đến, có nhân duyên nên chẳng đến mà đến, có nhân duyên nên đến mà chẳng đến, có nhân duyên nên đến mà đến. Vì nhân duyên gì chưa đến chẳng đến? Nay thiện nam! Phạm chẳng đến là, Đại Niết-bàn thì phạm phu chưa đến, do có tham dục, sân giận, ngu si, vì nghiệp thân, miệng, ý chẳng thanh tịnh và vì thọ tất cả vật bất tịnh, vì phạm bốn trọng cấm, vì bài báng Phương Đẳng, vì Nhất-xiển-đề, vì năm tội nghịch, do nghĩa này nên chưa đến chẳng đến. Nay thiện nam! Vì nhân duyên gì chẳng đến mà đến? Chẳng đến là gọi Đại Niết-bàn. Vì nghĩa gì nên đến? Vĩnh viễn đoạn tham dục, sân hận, ngu si, thân, miệng ác, chẳng thọ tất cả vật bất tịnh, chẳng phạm bốn trọng cấm, chẳng bài báng kinh Phương Đẳng, chẳng làm Nhất-xiển-đề, chẳng phạm tội ngũ nghịch, do nghĩa này nên gọi là chẳng đến mà đến. Tu-đà-hoàn thì tám vạn kiếp đến, Tư-đà-hàm thì sáu vạn kiếp đến, A-na-hàm thì bốn vạn kiếp đến, A-la-hán thì hai vạn kiếp đến, Phật-bích-chi thì mười ngàn kiếp đến. Do nghĩa này nên gọi là chẳng đến mà đến. Nay thiện nam! Vì nhân duyên gì đến mà chẳng đến? Đến là gọi hai

mười lăm cõi. Tất cả chúng sinh thường bị sự che phủ của vô lượng những phiền não kiết sử, qua lại chẳng rời, giống như bánh xe quay. Đó gọi là đến. Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát đã được vĩnh viễn lìa khỏi nên gọi là chẳng đến. Vì muốn hóa độ các chúng sinh nên thị hiện ở trong đó nên cũng gọi là đến. Này thiện nam! Vì nhân duyên gì nên gọi là đến mà đến? Đến tức là hai mươi lăm hữu. Do nhân duyên phiền não của tất cả phàm phu, Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm nên gọi là đến mà đến. Này thiện nam! Nghe điều chẳng nghe cũng như vậy, có điều chẳng nghe mà nghe, có điều chẳng nghe mà chẳng nghe, có điều nghe mà chẳng nghe, có điều nghe mà nghe. Sao gọi là chẳng nghe mà nghe? Này thiện nam! Chẳng nghe là gọi Đại Niết-bàn. Vì sao chẳng nghe? Vì chẳng phải hữu vi, chẳng phải âm thanh, chẳng thể nói. Sao gọi là cũng nghe? Được nghe danh như là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên gọi là chẳng nghe mà nghe.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, Đại Niết-bàn là chẳng thể nghe được thì sao lại nói thường, lạc, ngã, tịnh có thể nghe được? Bạch Thế Tôn! Vì sao người đoạn phiền não thì gọi là đắc Niết-bàn, nếu chưa đoạn thì gọi là chẳng đắc? Do nghĩa này nên tánh của Niết-bàn trước không nay có. Nếu pháp thế gian trước không nay có thì gọi là vô thường, ví như cái bình v.v... trước không nay có, đã có rồi trở lại không nên gọi là vô thường. Niết-bàn nếu vậy thì sao nói rằng, thường, lạc, ngã, tịnh? Lại nữa, bạch Thế Tôn! Phàm cái gì do trang nghiêm mà thành thì đều gọi là vô thường. Niết-bàn nếu vậy thì đáng lẽ là vô thường. Những gì là nhân duyên? Đó là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, Sáu pháp Ba-la-mật, Bốn tâm vô lượng, quán đến tướng xương, hơi thở ra vào, sáu niệm xứ, phá gãy sáu đại v.v... Những pháp như vậy đều là nhân duyên thành tựu Niết-bàn nên gọi là vô thường. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Có gọi là vô thường, nếu Niết-bàn là có nên cũng vô thường. Như Đức Phật, trước ở trong kinh A-hàm nói rằng, Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn đều có Niết-bàn. Do nghĩa này nên gọi là vô thường. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Pháp có thể thấy gọi là vô thường. Như Đức Phật trước đã nói, thấy Niết-bàn thì đoạn trừ được tất cả

phiền não. Lại nữa, bạch Thế Tôn! Ví như hư không đối với các chúng sinh đều không ngăn ngại nên gọi là vô thường. Giả sử Niết-bàn là thường thì vì sao chúng sinh có người được, có người chẳng được? Niết-bàn nếu vậy, đối với các chúng sinh chẳng bình đẳng thì chẳng gọi là thường. Thưa Thế Tôn! Ví như một trăm người có chung một oán thù. Nếu hại được kẻ oán thù này thì nhiều người được vui. Giả sử Niết-bàn là pháp bình đẳng thì khi một người được nên có nhiều người được, một người đoạn kiết phiền não nên có nhiều người cũng đoạn trừ. Nếu chẳng như vậy thì làm sao gọi là thường. Ví như có người cung kính, cúng dường, tôn trọng, ngợi khen quốc vương, vương tử, cha mẹ, sư trưởng thì được lợi dưỡng. Đó chẳng gọi là thường. Niết-bàn cũng vậy, chẳng gọi là thường. Vì sao? Vì như lúc trước Đức Phật ở trong kinh A-hàm, bảo Tôn giả A-nan rằng, nếu có người cung kính Niết-bàn thì được đoạn trừ kiết sử, thọ vô lượng an lạc. Do nghĩa này nên chẳng gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Nếu trong Niết-bàn có tên thường, lạc, ngã, tịnh thì chẳng gọi là thường. Như nó không có thì sao có thể nói?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Thể của Niết-bàn chẳng phải vốn không mà nay có. Nếu thể của Niết-bàn vốn không mà nay có thì chẳng phải là pháp vô lậu thường trụ. Có Phật, không Phật tánh tướng thường trụ nhưng vì các chúng sinh bị phiền não che phủ nên chẳng thấy Niết-bàn liền cho là không có. Đại Bồ-tát dùng giới, định, tuệ huân tập tu sửa tâm mình, đoạn trừ phiền não rồi sẽ được thấy Niết-bàn. Ông phải biết rằng, Niết-bàn là pháp thường trụ, chẳng phải vốn không mà nay có. Vậy nên Niết-bàn là thường. Nay thiện nam! Ví như trong ngôi nhà tối có cái giếng chứa đủ bảy báu mà ai cũng biết nhưng vì tối nên chẳng thấy. Có người trí giỏi biết phương tiện, thắp đèn sáng lớn, đem đến soi sáng, thấy được hết những báu đó. Người trí ấy đối với sự việc này chẳng bao giờ nghĩ là nước và bảy báu trước không nay có. Niết-bàn cũng vậy, vốn tự đã có, chẳng phải hôm nay mới có. Vì phiền não tối tăm nên chúng sinh chẳng thấy, Đức Như Lai đại trí, dùng phương tiện khéo léo thắp đèn trí tuệ, khiến cho các Bồ-tát được thấy Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên kẻ trí đối với Niết-bàn này chẳng nên nói rằng, vốn

không mà nay có. Nay thiện nam! Ông nói rằng, do trang nghiêm mà được thành Niết-bàn nên lẽ ra là vô thường thì điều đó cũng chẳng đúng. Vì sao? Nay thiện nam! Thể của Niết-bàn chẳng phải sinh, chẳng phải xuất, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải do tác nghiệp sinh, chẳng phải là pháp hữu lậu, hữu vi, chẳng phải nghe, chẳng phải thấy, chẳng phải đọa, chẳng phải chết, chẳng phải tướng riêng khác, cũng chẳng phải tướng đồng, chẳng phải trụ, chẳng phải qua, chẳng phải lại; chẳng phải quá khứ, hiện tại và vị lai; chẳng phải một, chẳng phải nhiều, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải tròn, chẳng phải vuông, chẳng phải nhọn, chẳng phải tà, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải danh, chẳng phải sắc, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chẳng phải ngã và ngã sở. Do nghĩa này nên Niết-bàn là thường hằng chẳng biến đổi. Đó là do vô lượng vô số kiếp tu tập pháp thiện để tự trang nghiêm, rồi sau đó mới thấy. Nay thiện nam! Ví như trong lòng đất có nước tám vị mà tất cả chúng sinh chẳng thể thấy được. Có người trí thi công đào xuyên qua thì liền được nước đó. Niết-bàn cũng vậy. Ví như người mù chẳng thấy mặt trời, mặt trăng, được lương y trị liệu cho thì liền được thấy, mà mặt trời, mặt trăng này chẳng phải là vốn không mà nay có. Niết-bàn cũng vậy, trước đã tự có rồi, chẳng phải vừa mới có hôm nay. Nay thiện nam! Ví như người có tội bị giam giữ lâu trong ngục mới được ra, trở về nhà được thấy cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, Niết-bàn cũng vậy. Nay thiện nam! Ông nói rằng, vì là nhân duyên nên pháp Niết-bàn phải là vô thường, điều này cũng chẳng đúng. Vì sao? Nay thiện nam! Vì nhân có năm thứ. Những gì là năm? Một là sinh nhân, hai là hòa hợp nhân, ba là trụ nhân, bốn là tăng trưởng nhân, năm là nhân xa. Sao gọi là sinh nhân? Sinh nhân tức là nghiệp phiền não v.v... như bên ngoài là hạt giống cỏ cây... Đó gọi là sinh nhân. Sao gọi là hòa hợp nhân? Như cái thiện cùng tâm thiện hòa hợp, cái chẳng thiện cùng với tâm chẳng thiện hòa hợp, cái vô ký cùng với tâm vô ký hòa hợp. Đó gọi là nhân hòa hợp. Sao gọi là trụ nhân? Như bên dưới có trụ chống thì nhà chẳng sập; núi, sông, cây cối nhờ đất đai mà được đứng vững. Bên trong có bốn đại, vô lượng phiền não nên chúng sinh được trụ. Đó gọi là trụ nhân. Sao gọi là tăng trưởng nhân? Nhân duyên quần áo, ăn

uống v.v... nên khiến cho chúng sinh tăng trưởng. Như bên ngoài, hạt giống chẳng bị lửa đốt cháy, chẳng bị chim ăn mất thì nó được tăng trưởng. Như các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... nương vào nhân Hòa thượng, thiện tri thức v.v... mà được tăng trưởng. Như nhân cha mẹ thì con được tăng trưởng. Đó gọi là nhân tăng trưởng. Sao gọi là nhân xa? Ví như nhân thân chú mà quý chẳng thể hại được, độc chẳng thể trúng được. Nương tựa quốc vương thì không có đạo tặc. Như mầm cây nương nhờ đất, nước, gió, lửa v.v... Như nước sữa cùng người khuấy là nhân xa của kem sữa. Như ánh sáng cảnh sắc v.v... là nhân xa của nhận thức. Tinh huyết cha mẹ là nhân xa của chúng sinh. Như thời tiết v.v... đều gọi là nhân xa. Nay thiện nam! Thể của Niết-bàn chẳng phải là sự tạo thành của năm thứ nhân như vậy thì sao phải nói rằng, đó là nhân vô thường? Lại nữa, nay thiện nam! Lại có hai thứ nhân, một là tác nhân, hai là liễu nhân. Như bánh xe, sợi dây của người thợ gốm thì đó gọi là tác nhân. Như đèn đuốc v.v... chiếu soi vật trong tối thì đó gọi là liễu nhân. Nay thiện nam! Đại Niết-bàn thì chẳng từ tác nhân mà có, chỉ từ liễu nhân thôi. Liễu nhân đó là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba-la-mật. Đó gọi là liễu nhân. Nay thiện nam! Bồ thí là nhân của Niết-bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết-bàn. Thí Ba-la-mật mới được gọi là nhân của Đại Niết-bàn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhân của Niết-bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết-bàn. Vô lượng vô biên vô số kiếp tu hành pháp Bồ-đề thì mới được gọi là nhân của Đại Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Bồ thí thế nào chẳng được gọi là Thí Ba-la-mật? Bồ thí thế nào được gọi là Thí Ba-la-mật? Cho đến Bát nhã thế nào chẳng được gọi là Bát nhã Ba-la-mật? Bát nhã thế nào được gọi là Bát nhã Ba-la-mật? Thế nào gọi là Niết-bàn? Thế nào gọi là Đại Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

– Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn Phương Đẳng thì chẳng nghe bồ thí, chẳng thấy bồ thí, chẳng nghe Thí Ba-la-mật, chẳng thấy Thí Ba-la-mật cho đến chẳng nghe Bát nhã, chẳng thấy Bát nhã, chẳng nghe Bát nhã Ba-la-mật, chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật, chẳng nghe Niết-bàn, chẳng thấy Niết-bàn, chẳng nghe Đại Niết-bàn, chẳng thấy

Đại Niết-bàn. Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn thì thấy biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng rỗng không, không sở hữu, không có tướng hiểu biết hòa hợp, được tướng vô lậu, tướng không sở tác, tướng như huyền hóa, tướng bóng nước khi nắng nóng, tướng rỗng không của thành Càn-thát-bà. Bấy giờ, được những tướng như vậy Bồ-tát không tham, sân, si, chẳng nghe, chẳng thấy. Đó gọi là tướng chân thật của Bồ-tát. An trụ thật tướng, Đại Bồ-tát tự biết đây là Thí, đây là Thí Ba-la-mật cho đến đây là Bát nhã, đây là Bát nhã Ba-la-mật, đây là Niết-bàn, đây là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Thế nào là Thí chẳng phải là Ba-la-mật? Thấy có người xin, sau đó mới cho thì đó gọi là Thí, chẳng phải là Ba-la-mật. Nếu không có người xin mà mở lòng tự thí thì đó gọi là Thí Ba-la-mật. Nếu thí từng lúc từng lúc thì đó gọi là Thí chẳng phải là Ba-la-mật. Nếu tu thí luôn luôn thì gọi là Thí Ba-la-mật. Nếu thí cho người rồi trở lại sinh lòng hối thì gọi là Thí, chẳng phải là Ba-la-mật. Thí rồi chẳng hối thì đó gọi là Thí Ba-la-mật. Đại Bồ-tát đối với của cải sinh ra bốn tâm lo sợ là vua, giặc, nước, lửa mà hoan hỷ thí cho thì đó gọi là Thí Ba-la-mật, còn nếu hy vọng quả báo mà bố thí thì gọi là Thí, chẳng phải là Ba-la-mật. Bố thí chẳng mong báo đáp thì gọi là Thí Ba-la-mật. Nếu bố thí vì sợ hãi, vì danh tiếng, vì lợi dưỡng, vì tiếp nối phép nhà, vì năm dục trên trời, vì kiêu mạn, vì thắng mạn, vì quen biết, vì quả báo đời sau thì như phép trao đổi ở chợ. Này thiện nam! Như người tu trồng cây vì được bóng mát, vì được hoa trái và cây gỗ, nếu người tu hành thí như vậy v.v... thì gọi là Thí chẳng phải là Ba-la-mật.

Đại Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn thế này: chẳng thấy người thí, người nhận và của bố thí, chẳng thấy thời tiết, chẳng thấy ruộng phước và chẳng phải ruộng phước, chẳng thấy nhân, chẳng thấy duyên, chẳng thấy quả báo, chẳng thấy người làm, chẳng thấy người nhận, chẳng thấy nhiều, chẳng thấy ít, chẳng thấy tịnh, chẳng thấy bất tịnh, chẳng khinh người nhận tài vật của mình, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy người chẳng thấy, chẳng chấp mình, người mà chỉ vì pháp thường trụ của Đại Niết-bàn Phương Đẳng nên tu hành bố thí, vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh mà làm việc bố thí, vì đoạn trừ phiền não cho tất cả chúng sinh nên làm bố thí, vì các chúng sinh chẳng thấy người nhận,

người cho tài vật cho nên làm bố thí. Đây thiện nam! Ví như có người rơi xuống biển cả bám lấy cây chết mà được thoát chết. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn khi làm bố thí cũng như vậy, như tử thi kia. Đây thiện nam! Ví như có người bị giam ở tại ngục sâu, cửa ngõ chắc chắn, chỉ có lỗ nhà xí, liền từ trong đó thoát ra, đến chỗ tự do. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn khi làm bố thí cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như người cao quý bị khủng bố nguy cấp lại không chỗi nhờ cậy, nương nhờ Chiên-đà-la. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn làm bố thí cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như người bệnh vì trừ khỏi bệnh khổ nên ăn uống bất tịnh. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn làm bố thí cũng như vậy. Đây thiện nam! Như Bà-la-môn gặp lúc lương thực khan hiếm, vì thọ mạng nên ăn thịt chó. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn làm bố thí cũng như vậy. Đây thiện nam! Trong Đại Niết-bàn, những việc như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay chẳng nghe mà nghe. Trì giới, Trì giới Ba-la-mật cho đến Bát nhã, Bát nhã Ba-la-mật... như Phật đã rộng nói trong kinh Tạp Hoa.

Này thiện nam! Thế nào gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn chẳng nghe mà nghe? Mười hai bộ loại kinh điển, ý nghĩa thâm diệu, từ xưa đến giờ chẳng nghe, nay nhân kinh này được nghe đầy đủ. Trước tuy được nghe nhưng chỉ nghe danh tự, nay ở kinh Đại Niết-bàn này mới được nghe nghĩa. Thanh văn, Duyên giác chỉ nghe danh tự mười hai bộ loại kinh điển mà chẳng nghe được nghĩa của kinh ấy thì nay nhân kinh này được nghe đầy đủ. Đó gọi là chẳng nghe mà nghe. Đây thiện nam! Trong tất cả kinh của Thanh văn, Duyên giác, chẳng từng nghe Phật có thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng rốt ráo nhập diệt, Tam bảo, Phật tánh không có tướng sai biệt, phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch, Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh. Hôm nay ở kinh này được nghe những điều đó. Đó gọi là chẳng nghe mà nghe.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XX

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 2

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu người phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch, Nhất-xiển-đề v.v... mà có Phật tánh thì những người đó tại sao lại đọa vào địa ngục? Thưa Thế Tôn! Giả sử những người này có Phật tánh thì sao lại nói rằng họ không có thường, lạc, ngã, tịnh? Bạch Thế Tôn! Nếu đoạn dứt thiện căn gọi là Nhất-xiển-đề thì khi đoạn thiện căn sao chẳng đoạn Phật tánh? Phật tánh nếu đoạn thì sao nói thường, lạc, ngã, tịnh? Như Phật tánh chẳng đoạn thì vì sao gọi là Nhất-xiển-đề? Thưa Thế Tôn! Phạm bốn trọng cấm gọi là bất định. Bài báng kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch và Nhất-xiển-đề đều gọi là bất định. Những loại như vậy, nếu quyết định thì làm sao được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi cũng gọi là bất định. Nếu từ Tu-đà-hoàn đến Phật-bích-chi là quyết định thì cũng chẳng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thưa Thế Tôn! Nếu người phạm bốn trọng cấm là bất định thì từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi cũng bất định. Bất định như vậy thì chư Phật Như Lai cũng lại bất định. Nếu Phật bất định thì thể tánh Niết-bàn cũng lại bất định, đến tất cả các pháp cũng lại bất định. Sao gọi là bất định? Nếu Nhất-xiển-đề trừ Nhất-xiển-đề thì thành Phật đạo. Chư Phật Như Lai lẽ ra cũng như vậy, vào Niết-bàn rồi thì đáng lẽ cũng nên trở ra, chẳng vào Niết-bàn. Nếu như vậy thì tánh của Niết-bàn là bất định, vì bất định nên phải biết không có thường, lạc, ngã, tịnh thì sao nói Nhất-xiển-đề v.v... sẽ được Niết-bàn?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Vì muốn tạo lợi ích cho vô lượng chúng sinh, khiến cho họ được an vui, thương xót nhớ nghĩ các thế gian, vì muốn tăng thêm chư Bồ-tát phát tâm Bồ-đề nên ông đã đặt câu hỏi như vậy. Này thiện nam! Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật Thế Tôn đời quá khứ, ở chỗ chư Phật ấy gieo trồng các căn lành. Ông đã thành tựu công đức Bồ-đề lâu rồi, đã hàng phục chúng ma khiến cho chúng tan rã. Ông đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sinh đều khiến cho họ được đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông đã thông đạt tạng bí mật thâm diệu của chư Phật Như Lai lâu rồi, đã hỏi nghĩa vi mật thâm diệu như vậy với vô lượng vô biên hàng hà sa số chư Phật Thế Tôn đời quá khứ. Ta chẳng thấy tất cả thế gian, hoặc trời, hoặc người, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc ma, hoặc Phạm v.v ... có thể thưa hỏi Như Lai về nghĩa này. Hôm nay ông phải thành tâm lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Này thiện nam! Nhất-xiển-đề cũng bất định. Nếu quyết định thì Nhất-xiển-đề này trọn chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà do bất định nên có thể được. Như lời ông hỏi, Phật tánh chẳng đoạn thì làm sao Nhất-xiển-đề đoạn thiện căn? Này thiện nam! Thiện căn có hai thứ, một là nội, hai là ngoại. Phật tánh chẳng phải nội, chẳng phải ngoại. Do nghĩa này nên Phật tánh chẳng đoạn. Thiện căn lại có hai thứ, một là hữu lậu, hai là vô lậu. Phật tánh chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu. Vậy nên Phật tánh chẳng đoạn. Thiện căn lại có hai thứ, một là thường, hai là vô thường. Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vậy nên Phật tánh chẳng đoạn. Nếu là đoạn được thì lẽ ra trở lại được, nếu chẳng trở lại được thì gọi là chẳng đoạn. Nếu đoạn rồi thì gọi là Nhất-xiển-đề. Phạm bốn trọng cấm cũng là bất định. Nếu quyết định thì phạm bốn trọng cấm nhất định chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bài báng kinh Phương Đẳng cũng lại bất định. Nếu quyết định thì người bài báng chánh pháp nhất định chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tạo tội ngũ nghịch cũng lại bất định. Nếu quyết định thì người tạo tội ngũ nghịch nhất định chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sắc và tướng của sắc cả hai đều

bất định. Tướng của hương, vị, xúc, tướng của sinh cho đến tướng của vô minh, tướng của ấm, giới, nhập, tướng của hai mươi lăm hữu, bốn loài chúng sinh cho đến tất cả các pháp cũng đều bất định. Đây thiện nam! Ví như nhà huyền thuật, ở trong đại chúng hóa làm bốn thứ binh là xe, bộ, voi, ngựa, tạo tác những chuỗi ngọc, đồ trang sức nơi thân, tạo ra thành ấp, xóm làng, núi rừng, cây cối, suối ao, sông giếng. Ở trong chúng đó có các tiểu nhi, không có trí tuệ, khi nhìn thấy những thứ đó đều cho là thật. Kẻ trí trong chúng ấy biết những thứ kia là hư dối, do sức huyền thuật nên mê hoặc mắt người. Đây thiện nam! Tất cả phàm phu cho đến Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... đối với tất cả pháp thấy có định tướng cũng như vậy. Chư Phật Bồ-tát đối với tất cả pháp không thấy định tướng. Đây thiện nam! Ví như đứa trẻ con vào mùa hè khi thấy sóng nắng dợn thì gọi đó là nước. Người có trí đối với sóng nắng này nhất định chẳng sinh ra tư tưởng nước thật mà chỉ là sóng nắng làm làm lóa mắt người chẳng phải thật là nước. Tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả các pháp cũng như vậy, đều cho là thật. Chư Phật, Bồ-tát đối với tất cả pháp chẳng thấy định tướng. Đây thiện nam! Ví như hang núi, nhân tiếng mà có âm vang. Trẻ con nghe âm vang cho là tiếng thật. Người có trí biết được đó không thật mà chỉ có tướng của tiếng lừa dối nhận thức của tai. Đây thiện nam! Tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đối với tất cả các pháp cũng như vậy, thấy có định tướng. Các vị Bồ-tát hiểu rõ các pháp đều không định tướng mà là tướng vô thường, tướng không tịch, tướng không sinh diệt v.v... Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp là tướng vô thường. Đây thiện nam! Cũng có định tướng. Sao gọi là định? Thường, lạc, ngã, tịnh. Ở tại đâu? Đó là Niết-bàn. Đây thiện nam! Quả Tu-đà-hoàn cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua tám vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả Tư-đà-hàm cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua sáu vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả A-na-hàm cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua bốn vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả A-la-hán cũng lại bất định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua hai vạn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đạo Phật-bích-chi cũng lại bất

định. Vì chẳng quyết định nên họ trải qua mười ngàn kiếp mới được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Như Lai hôm nay ở trong rừng Ta-la song thọ tại thành Câu-thi-na nầy thị hiện nằm tựa vào giường sư tử, muống vào Niết-bàn khiến cho những chúng đệ tử chưa được quả A-la-hán và các lực sĩ sinh ra khổ não lớn, cũng khiến cho hàng trời, người, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... thiết đại lễ cúng dường và muống khiến cho mọi người dùng một ngàn tấm vải trắng quấn bọc thân Như Lai, dùng bảy báu làm áo quan đựng đầy dầu thơm, gom chứa gỗ thơm, dùng lửa để thiêu đốt, chỉ trừ hai tấm chẳng thể đốt được, một là tấm bọc xác thân, hai là tấm ở ngoài cùng, cũng vì các chúng sinh phân tán xá lợi làm tám phần. Tất cả đệ tử Thanh văn có mặt đều cho rằng, Như Lai vào Niết-bàn. Ông phải biết Như Lai cũng chẳng nhất định vào Niết-bàn. Vì sao? Vì Như Lai thường trụ bất biến. Do nghĩa này nên Như Lai Niết-bàn cũng lại bất định. Nay thiện nam! Ông phải biết là, Như Lai cũng lại bất định. Như Lai chẳng phải trời. Vì sao? Vì có bốn thứ trời, một là trời thế gian, hai là trời sinh, ba là trời tịnh, bốn là trời nghĩa. Trời thế gian là như các quốc vương. Trời sinh là, từ Tứ thiên vương cho đến trời Phi hữu tướng phi vô tướng. Trời tịnh là, từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi. Trời nghĩa là Đại Bồ-tát Thập Trụ v.v... Vì nghĩa gì mà Bồ-tát Thập Trụ gọi là trời nghĩa? Do Bồ-tát Thập Trụ có thể giải nghĩa các pháp. Sao gọi là nghĩa? Thấy tất cả pháp chính là nghĩa không. Nay thiện nam! Như Lai chẳng phải vua, cũng chẳng phải bốn loại trời cho đến trời Phi hữu tướng phi vô tướng, chẳng phải từ Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi, Bồ-tát Thập Trụ. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải là trời. Nhưng các chúng sinh cũng lại xưng Phật đấng Thiên Trung Thiên. Vậy nên Như Lai chẳng phải trời chẳng phải là chẳng phải trời, chẳng phải người chẳng phải là chẳng phải người, chẳng phải quý chẳng phải là chẳng phải quý; chẳng phải địa ngục ngục quý súc sinh, chẳng phải là chẳng phải địa ngục ngục quý súc sinh; chẳng phải chúng sinh chẳng phải là chẳng phải chúng sinh, chẳng phải pháp chẳng phải là chẳng phải pháp, chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc, chẳng phải dài chẳng phải là chẳng phải dài, chẳng phải ngắn chẳng phải là chẳng phải ngắn, chẳng phải tướng chẳng phải

là chẳng phải tướng, chẳng phải tâm chẳng phải là chẳng phải tâm, chẳng phải hữu lậu chẳng phải vô lậu, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải huyễn chẳng phải là chẳng phải huyễn, chẳng phải danh chẳng phải là chẳng phải danh, chẳng phải định chẳng phải là chẳng phải định, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải thuyết chẳng phải là chẳng phải thuyết, chẳng phải Như Lai chẳng phải là chẳng phải Như Lai v.v... Do nghĩa này nên Như Lai bất định. Nay thiện nam! Vì sao Như Lai chẳng gọi là trời thế gian? Trời thế gian tức là các vì vua. Như Lai từ lâu ở trong vô lượng kiếp đã bỏ vương vị. Vậy nên Như Lai chẳng phải là vua. Chẳng phải chẳng phải là vua là, Như Lai sinh ra trong vương gia Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la. Vậy nên Như Lai chẳng phải chẳng phải là vua. Chẳng phải trời sinh là, Như Lai từ lâu đã lìa khỏi các hữu. Vậy nên Như Lai chẳng phải trời sinh. Chẳng phải chẳng phải là trời sinh. Vì sao? Vì Như Lai lên trời Đâu-suất, xuống cõi Diêm-phù-đề. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải trời sinh. Cũng chẳng phải trời tịnh. Vì sao? Vì Như Lai chẳng phải là Tu-đà-hoàn cho đến Phạt-bích-chi. Vậy nên Như Lai chẳng phải là trời tịnh. Cũng chẳng phải là chẳng phải trời tịnh. Vì sao? Vì chẳng thể bị nhiễm tám pháp của thế gian, giống như hoa sen chẳng dính nước vẫn đục. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải trời tịnh. Cũng chẳng phải trời nghĩa. Vì sao? Vì Như Lai chẳng phải là Bồ-tát Thập Trụ. Vậy nên Như Lai chẳng phải là trời nghĩa. Cũng chẳng phải là chẳng phải trời nghĩa. Vì sao? Vì Như Lai thường tụ mười tám nghĩa không. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải trời nghĩa. Như Lai chẳng phải người. Vì sao? Vì Như Lai từ lâu ở trong vô lượng kiếp đã xa lìa cõi của loài người. Vậy nên Như Lai chẳng phải là người. Cũng chẳng phải là chẳng phải người. Vì sao? Vì Như Lai sinh ra ở thành Ca-tỳ-la nên chẳng phải là chẳng phải người. Như Lai chẳng phải quý. Vì sao? Vì chẳng hại tất cả chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải quý. Cũng chẳng phải là chẳng phải quý. Vì sao? Vì cũng dùng hình dạng quý để giáo hóa chúng sinh nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải quý. Như Lai cũng chẳng phải là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Vì sao? Vì Như Lai từ lâu đã xa lìa các nghiệp ác. Vậy nên Như Lai chẳng phải là địa ngục ngạ quỷ súc sinh, cũng

chẳng phải là chẳng phải địa ngục ngã quỷ súc sinh. Vì sao? Vì Như Lai cũng thị hiện thọ thân của ba đường ác để hóa độ chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải địa ngục ngã quỷ súc sinh, cũng chẳng phải chúng sinh. Vì sao? Vì Như Lai từ lâu xa lìa tánh của chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chúng sinh. Cũng chẳng phải là chẳng phải chúng sinh. Vì sao? Vì khi diễn nói Như Lai mang tướng chúng sinh. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải chúng sinh. Như Lai chẳng phải pháp. Vì sao? Vì các pháp mỗi mỗi đều có tướng sai biệt mà Như Lai chẳng vậy, chỉ có một tướng. Vậy nên Như Lai chẳng phải pháp. Cũng chẳng phải là chẳng phải pháp. Vì sao? Vì Như Lai là pháp giới nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải pháp. Như Lai chẳng phải sắc. Vì sao? Vì đối với mười sắc nhập Như Lai chẳng thủ giữ. Vậy nên Như Lai chẳng phải sắc. Cũng chẳng phải là chẳng phải sắc. Vì sao? Vì thân có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải sắc. Như Lai chẳng phải cao. Vì sao? Vì đoạn trừ các sắc nên Như Lai chẳng phải cao. Cũng chẳng phải là chẳng phải cao. Vì sao? Vì tất cả thế gian không có ai có thể thấy tướng đánh kể. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải cao. Như Lai chẳng phải thấp. Vì sao? Vì từ lâu Như Lai đã xa lìa kiết sử kiêu mạn nên Như Lai chẳng phải thấp. Cũng chẳng phải là chẳng phải thấp. Vì sao? Vì Như Lai vì ông trưởng giả Cù-la-sư thị hiện thân ba thước nên chẳng phải là chẳng phải thấp. Như Lai chẳng phải tướng. Vì sao? Vì từ lâu Như Lai đã xa lìa các tướng của tướng. Vậy nên Như Lai chẳng phải tướng. Cũng chẳng phải là chẳng phải tướng. Vì sao? Vì Như Lai giỏi biết các tướng nên chẳng phải là chẳng phải tướng. Như Lai chẳng phải tâm. Vì sao? Vì là tướng hư không. Vậy nên Như Lai chẳng phải tâm. Cũng chẳng phải là chẳng phải tâm. Vì sao? Vì có tâm pháp mười lực, cũng có thể biết tâm của chúng sinh khác. Vậy nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải tâm. Như Lai chẳng phải hữu vi. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên Như Lai chẳng phải hữu vi. Cũng chẳng phải vô vi. Vì sao? Vì Như Lai có đến, đi, nằm, ngồi và thị hiện Niết-bàn. Vậy nên Như Lai chẳng phải vô vi. Như Lai chẳng phải thường. Vì sao? Vì thân có phần đoạn nên chẳng phải thường. Sao gọi là chẳng phải thường? Vì có biết, mà pháp thường thì không biết giống

như hư không. Như Lai có biết nên chẳng phải thường. Sao gọi là chẳng phải thường? Vì nói năng mà pháp thường thì không nói năng giống như hư không. Như Lai có nói năng nên là vô thường, có dòng họ nên gọi là vô thường, có tên họ nên gọi là vô thường. Pháp không dòng họ mới gọi là thường. Hư không thường nên không có dòng họ. Như Lai có họ là Cù-đàm nên vô thường, có cha mẹ nên gọi là vô thường, không cha mẹ thì mới gọi là thường. Hư không thường nên không có cha mẹ. Phật có cha mẹ nên là vô thường. Có bốn oai nghi gọi là vô thường, không có bốn oai nghi mới gọi là thường. Hư không thường nên không có bốn oai nghi, Phật có bốn oai nghi nên là vô thường. Pháp thường trụ không có phương sở. Hư không thường nên không có phương sở. Như Lai xuất hiện tại đất Đông Thiên Trúc, trụ ở thành Xá-bà-đề hay thành Vương-xá nên vô thường. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải thường. Cũng chẳng phải là chẳng phải thường. Vì sao? Vì sự sinh đoạn trừ vĩnh viễn. Pháp có sinh gọi là vô thường. Pháp không sinh mới gọi là thường. Như Lai không sinh vậy nên là thường. Pháp thường không tánh, pháp có tánh thì gọi là vô thường. Như Lai không sinh, không tánh, mà không sinh, không tánh nên là thường. Pháp hữu thường cùng khắp tất cả chỗ giống như hư không không chỗ nào mà không có. Như Lai cũng vậy, cùng khắp tất cả chỗ. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp vô thường, hoặc nói đây có, hoặc nói kia không. Như Lai chẳng vậy, chẳng thể nói rằng, chỗ này có, chỗ kia không. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp vô thường có khi là có, có khi là không. Như Lai chẳng phải vậy, có khi là có, có khi là không. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp thường trụ không danh, không sắc. Hư không thường nên không danh, không sắc. Như Lai cũng vậy, không danh, không sắc. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp thường trụ không nhân không quả. Hư không thường nên không nhân không quả. Như Lai cũng vậy, không nhân không quả. Vậy nên Như Lai là thường. Pháp thường trụ chẳng thuộc ba đời. Như Lai cũng vậy, chẳng thuộc ba đời. Vậy nên Như Lai là thường. Như Lai chẳng phải huyễn. Vì sao? Vì vĩnh viễn đoạn trừ tất cả lòng hư dối. Vậy nên Như Lai chẳng phải huyễn, cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn. Vì sao? Vì Như Lai, hoặc khi phân một thân này làm vô lượng thân. Rồi vô lượng thân lại làm thành một

thân, đi xuyên qua tường vách mà không có chướng ngại, đi trên nước như trên đất, vào trong đất như trong nước, đi trên không như trên mặt đất, thân tuôn ra khói lửa như đám lửa lớn, mây sấm chấn động, âm thanh đáng sợ. Hoặc làm ra thành ấp, xóm làng, nhà cửa, núi sông, cây cối, hoặc tạo nên thân lớn, hoặc hóa làm thân nhỏ, thân trai, thân gái, thân bé trai, thân bé gái. Vậy nên Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn. Như Lai chẳng phải định. Vì sao? Vì Như Lai ở rừng Ta-la song thọ tại thành Câu-thi-na thị hiện vào Niết-bàn. Vậy nên Như Lai chẳng phải định. Cũng chẳng phải là chẳng phải định. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải định. Như Lai chẳng phải hữu lậu. Vì sao? Vì Như Lai đoạn trừ ba lậu nên chẳng phải là hữu lậu. Ba lậu là, tất cả phiền não của Dục giới trừ vô minh thì đó gọi là dục lậu. Tất cả phiền não của Sắc giới và Vô sắc giới trừ vô minh thì đó gọi là Hữu lậu. Vô minh của ba cõi gọi là vô minh lậu. Như Lai đoạn trừ vĩnh viễn ba lậu, vậy nên chẳng phải lậu. Lại nữa, tất cả phàm phu chẳng thấy hữu lậu. Sao gọi là phàm phu chẳng thấy hữu lậu? Tất cả phàm phu đối với đời vị lai đều có tâm nghi là trong đời vị lai sẽ có thân chẳng? Chẳng có thân chẳng? Trong đời quá khứ, thân vốn có chẳng? Vốn không chẳng? Trong đời hiện tại, thân này có chẳng? Thân này không chẳng? Nếu có ngã thì là sắc chẳng? Chẳng phải sắc chẳng? Sắc chẳng phải sắc chẳng? Chẳng phải sắc chẳng phải chẳng phải sắc chẳng? Tưởng chẳng? Chẳng phải tưởng chẳng? Tưởng chẳng phải tưởng chẳng? Chẳng phải tưởng chẳng phải chẳng phải tưởng chẳng? Thân này thuộc về người khác chẳng? Chẳng thuộc về người khác chẳng? Thuộc chẳng phải chẳng phải thuộc về người khác chẳng? Có mạng không thân chẳng? Có thân không mạng chẳng? Có thân có mạng chẳng? Không thân không mạng chẳng? Thân cùng với mạng có thường chẳng? Vô thường chẳng? Thường vô thường chẳng? Chẳng phải thường chẳng phải vô thường chẳng? Thân cùng với mạng tự tại tạo tác chẳng? Thời tiết tạo tác chẳng? Vô nhân tạo tác chẳng? Thế tánh tạo tác chẳng? Vi trần tạo tác chẳng? Pháp chẳng phải pháp tạo tác chẳng? Sĩ phu tạo tác chẳng? Phiền não tạo tác chẳng? Cha mẹ tạo tác chẳng? Trụ ở tâm chẳng trụ trong mắt chẳng? Đây khắp trong thân

chăng? Từ đâu đến? Rồi đi về đâu? Ai sinh? Ai chết? Ở quá khứ là dòng Bà-la-môn chăng? Là dòng Sát-lợi chăng? Là dòng Tỳ-xá chăng? Là dòng Thủ-đà-la chăng? Ở đời vị lai sẽ được dòng gì? Thân này của ta, lúc quá khứ là thân nam, là thân nữ, là thân súc sinh chăng? Nếu ta sát sinh thì sẽ có tội hay không có tội? Cho đến uống rượu thì sẽ có tội hay không có tội? Ta tự làm hay vì người khác làm? Ta thọ báo hay thân thọ báo? Vô lượng phiền não của những nghi kiến như vậy che phủ tâm của chúng sinh. Nhân những nghi kiến này nên sinh ra sáu thứ tâm: Quyết định có ngã, quyết định không ngã, ngã thấy là ngã ngã, ngã thấy là vô ngã, vô ngã thấy là ngã, ngã tác, ngã thọ, ngã tri. Đó gọi là tà kiến. Như Lai vĩnh viễn bứng bỏ cội rễ của vô lượng kiến lậu như vậy. Vậy nên Như Lai chẳng phải lậu. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát ở trong Đại Niết-bàn tu Thánh hạnh thì cũng được vĩnh viễn đoạn trừ những lậu như vậy. Chư Phật Như Lai thường tu Thánh hạnh nên vô lậu.

Này thiện nam! Phạm phu chẳng thể khéo thủ giữ năm căn nên có ba lậu, bị sự dẫn dắt của ác đến chỗ bất tịnh. Đây thiện nam! Ví như con ngựa dữ, tánh ngang bướng của nó có thể đưa người cỡi đến chỗ hiểm nguy. Người chẳng thể khéo thủ giữ năm căn cũng như vậy, khiến cho người xa lìa đường thiện Niết-bàn đi đến các chỗ ác. Ví như con voi dữ, chưa thuần mà có người cỡi nó thì chẳng đi theo ý mình mà nó sẽ lìa xa thành ấp, đi đến chỗ trống không. Người chẳng thể khéo thủ giữ năm căn này cũng như vậy, sẽ đem người rời xa thành ấp Niết-bàn đi đến chỗ đồng hoang sinh tử. Đây thiện nam! Ví như người nịnh thần xúi vua làm ác. Nịnh thần năm căn cũng như vậy, thường sử chúng sinh tạo ác không lường. Đây thiện nam! Ví như người con ác chẳng chịu nghe lời dạy bảo của cha mẹ, sư trưởng, thì không ác nào chẳng làm. Chẳng điều phục năm căn cũng như vậy, chẳng chịu nghe lời dạy bảo thiện của sư trưởng thì không ác nào chẳng làm. Đây thiện nam! Người phạm phu chẳng thủ giữ năm căn thường bị giặc địa ngục, ngựa quỷ và súc sinh làm hại, cũng như giặc cướp hại người tốt. Đây thiện nam! Người phạm phu chẳng thủ giữ năm căn để giống ruồi theo năm trần thì ví như người chăn trâu chẳng khéo giữ gìn để trâu xâm phạm lúa má của người. Người phạm phu chẳng thủ giữ năm căn

thường ở tại các cõi, chịu nhiều khổ não. Nay thiện nam! Khi Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn hành Thánh hạnh thì thường có thể giải điều phục thâu giữ năm căn, kinh sợ tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn, ganh ghét... để được tất cả pháp thiện. Nay thiện nam! Nếu người có thể khéo giữ năm căn này thì có thể thâu giữ tâm. Nếu có thể thâu giữ tâm thì thâu giữ được năm căn. Ví như có người ủng hộ vua thì ủng hộ đất nước, người ủng hộ đất nước thì ủng hộ nhà vua. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn thì được trí tuệ, mà được trí tuệ thì được chuyên niệm. Năm căn nếu tán loạn thì chánh niệm có thể dừng. Vì sao? Vì niệm là tuệ. Nay thiện nam! Ví như người chăn trâu giỏi, giả sử trâu chạy đây đó ăn lúa má của người khác thì liền có thể ngăn chặn lại, chẳng cho xâm phạm. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nhân duyên niệm tuệ nên thâu giữ năm căn chẳng cho giống ruồi, tán loạn. Đại Bồ-tát có niệm tuệ thì chẳng thấy tướng của ngã, chẳng thấy tướng của ngã sở, chẳng thấy chúng sinh và sự thọ dụng, thấy tất cả pháp đồng tướng pháp tánh sinh ra tướng đất, đá, sành, sỏi. Ví như nhà cửa từ mọi duyên sinh ra, không có định tánh. Đại Bồ-tát thấy các chúng sinh là sự hợp thành của bốn đại, năm ấm, truy tìm không có định tánh. Vì không định tánh nên Bồ-tát ở trong đó chẳng sinh tham đắm. Tất cả phàm phu thấy có chúng sinh nên khởi lên phiền não. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn có niệm tuệ nên đối với các chúng sinh chẳng sinh tham đắm. Lại nữa, Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn thì chẳng tham đắm tướng chúng sinh khởi lên đủ thứ pháp tướng. Nay thiện nam! Ví như họa sĩ dùng mọi thứ màu sắc vẽ ra mọi hình tượng, hoặc nam hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Kẻ phàm phu không biết, nhìn thấy những hình tượng đó thì sinh ra tướng trai gái v.v... Còn họa sĩ rõ biết là không có tướng trai, gái. Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với tướng sai khác của pháp vẫn xem thấy một tướng, chẳng bao giờ sinh ra tướng chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát có niệm tuệ. Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, hoặc khi nhìn thấy người con gái đẹp chẳng bao giờ sinh lòng tham đắm. Vì sao? Vì khéo quan sát tướng. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát biết pháp năm dục không có niềm vui, chẳng được tạm dừng như chớ gặm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc trong hòm, như cửa được trong mơ, như cây trái ven đường bị nhiều người hái, như miếng thịt bị bầy chim

tranh giành nhau, như bọt nước, như nét vẽ trên nước, như dẹt hết chỉ, như người tù đi đến chợ, giống như mượn thế lực chẳng được lâu dài. Quan sát dục có nhiều những lỗi xấu như vậy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát các chúng sinh vì nhân duyên sắc, hương, vị, xúc nên từ vô lượng vô số kiếp đến nay thường chịu khổ não. Mỗi một chúng sinh, trong một kiếp đã tích góp xương của bản thân như núi Tỳ-phú-la ở thành Vương-xá, đã uống nước sữa như nước bốn biển, máu của thân chảy ra lại nhiều như nước bốn biển, nước mắt chảy ra khi khóc cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc mạng chung nhiều như nước bốn biển lớn, chặt hết cỏ cây trên đất làm thẻ để tính số cha mẹ cũng chẳng thể hết, từ vô lượng kiếp đến nay, hoặc ở tại địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh đã chịu hành khổ chẳng thể kể xiết. Vô đại địa này thành hòn giống như quả táo thì dễ có thể hết được, nhưng sinh tử vô lượng chẳng thể hết được. Đại Bồ-tát quán sâu tất cả chúng sinh như thế vì nhân duyên dục nên thọ khổ không lường. Bồ-tát quan sát hành khổ sinh tử này nên chẳng mất niệm tuệ. Này thiện nam! Ví như thế gian có một số người rất đông, đứng đầy cả hai mươi lăm dặm. Nhà vua ra lệnh một người bề tôi bưng một bát dầu, đi qua số người ấy mà không cho nghiêng đổ. Nếu người đó làm rớt ra một giọt dầu thì bị chém. Vua lại sai một người cầm đao theo sau mà khủng bố người bưng dầu. Người bề tôi nhận lệnh của vua hết lòng kiên trì, đi qua giữa đại chúng ấy. Tuy thấy năm dục vừa ý nhưng lòng luôn nghĩ: “Nếu ta buông lung tham đắm những tà dục kia, phải bỏ sự kiên trì thì mạng chẳng được an toàn”. Người đó nhờ nhân duyên sợ này nên chẳng làm rớt một giọt dầu. Đại Bồ-tát cũng như vậy, ở trong sinh tử chẳng đánh mất niệm tuệ. Do chẳng đánh mất nên Bồ-tát tuy thấy năm dục nhưng lòng chẳng tham đắm, hoặc thấy sắc đẹp chẳng sinh tướng sắc, chỉ quan sát tướng khổ cho đến tướng thức cũng như vậy, chẳng tạo tác tướng sinh, chẳng tạo tác tướng diệt, chẳng tạo tác tướng nhân duyên mà chỉ quan sát tướng hòa hợp. Bấy giờ, Bồ-tát năm căn thanh tịnh mà căn thanh tịnh thì hộ căn giới đầy đủ. Tất cả phàm phu, năm căn chẳng tịnh, chẳng khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ-tát đoạn trừ vĩnh viễn điều đó nên vô lậu. Như Lai nhỏ bật cội rễ, đoạn trừ vĩnh viễn, vậy nên chẳng phải lậu. Lại nữa, này thiện nam! Lại có xa lìa khỏi lậu. Đại Bồ-tát vì muốn

quả Phật cam lồ vô thượng nên lia khỏi lậu ác. Thế nào là lia? Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn, ghi chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, tư duy ý nghĩa thì đó gọi là lia. Vì sao? Đây thiện nam! Vì ta đều chẳng thấy mười hai bộ loại kinh điển có thể lia khỏi lậu ác như kinh Đại Niết-bàn Phương Đẳng này. Đây thiện nam! Ví như vị lương y dạy các đệ tử. Trong các đệ tử có người thọ giáo, lòng chẳng tạo ác. Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn cũng như vậy, lòng chẳng tạo ác. Đây thiện nam! Ví như thế gian có thứ chú thuật hay, nếu có người nghe một lần thì bảy năm sau đó chẳng bị trúng tất cả thuốc độc, rắn độc chẳng thể cắn. Nếu có người tụng chú ấy thì cho đến trọn đời, không có mọi thứ ác. Đây thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này cũng như vậy, nếu có chúng sinh, một lần nghe kinh này thì bảy kiếp về sau chẳng rơi vào đường ác. Nếu có người ghi chép, đọc tụng, giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy thì nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được thấy Phật tánh, như vị Thánh vương kia được vị cam lồ. Đây thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này có vô lượng công đức như vậy v.v. Đây thiện nam! Nếu có người có thể sao chép kinh này, đọc tụng, giảng nói, vì người khác trình bày và suy nghĩ về nghĩa của kinh thì phải biết người đó chân thật là đệ tử của Ta, khéo nghe lời dạy bảo của Ta. Đó là sở kiến của Ta, sở niệm của Ta. Người đó biết chắc chắn là Ta chẳng Niết-bàn. Tùy theo chỗ ở của người này, hoặc thành ấp, xóm làng, núi rừng, đồng hoang, nhà cửa, ruộng đất, lầu gác, cung điện v.v... Ta cũng thường trụ ở trong những chỗ đó, chẳng di dời. Ta đối với người này thường làm người thọ thí, hoặc làm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, Phạm chí, người đi xin nghèo cùng. Làm thế nào khiến cho người đó biết được Như Lai nhận phẩm vật bố thí ấy? Đây thiện nam! Người đó, ở trong đêm ngủ nằm mơ, mơ thấy hình dáng Đức Phật, hoặc thấy hình dáng trời, hình dáng Sa-môn, hình dáng quốc chủ, hình dáng Thánh vương, hình dáng sư tử chúa, hình dáng hoa sen, hình dáng hoa Ưu-đàm, hoặc thấy núi lớn hay nước biển cả, hoặc thấy mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy hình dáng voi trắng, hình dáng ngựa trắng, hoặc thấy cha mẹ, hoặc thấy được hoa, được trái, được vàng, được bạc, lưu ly, pha lê v.v... các thứ báu, được năm thứ vị của sữa bò. Bấy giờ thì biết là Như Lai đã nhận sự bố thí của người ấy.

Người đó tỉnh dậy rồi, liền được đủ thứ vật cần dùng, lòng chẳng nghĩ ác, ưa tu pháp thiện. Nay thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn này có thể thành tựu vô lượng vô biên vô số công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy. Nay thiện nam! Ông nay nên phải tin thọ lời nói của Ta. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Ta, muốn cung kính Ta, muốn đồng pháp tánh mà thấy được Ta, muốn được định không, muốn thấy thật tướng, muốn được tu tập định Thủ-lăng-nghiêm, định Sư tử vương, muốn phá tan tám ma: đó là bốn ma và vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; muốn được niềm vui trong loài người trên cõi trời, thì thấy có người thọ trì kinh Đại Niết-bàn, sao chép, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa lý, phải đi đến thân cận, nương kê, hỏi han thính thọ, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, vì người đó rửa tay chân, bố trí giường chiếu, cung cấp bốn sự cúng dường khiến cho người đó không thiếu thốn thứ gì. Nếu người đó từ xa đi lại thì nên nghênh đón trước mười do-tuần trên đường đi. Vì kinh này nên phải dùng những vật quý trọng để dâng cúng. Nếu như không có gì thì nên tự bán thân. Vì sao? Vì kinh này khó gặp hơn cả hoa Ưu-đàm. Nay thiện nam! Ta nhớ ở đời quá khứ vô lượng vô biên na-do-tha kiếp, bấy giờ có thế giới tên là Ta-bà, có Đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, vì các đại chúng tuyên nói kinh Đại Niết-bàn này. Ta, bấy giờ, từ chỗ bạn lành nghe được Đức Phật đó sẽ vì đại chúng nói kinh Đại Niết-bàn. Ta nghe thế rồi, trong lòng hoan hỷ, muốn thiết lễ cúng dường nhưng nhà nghèo không có vật gì. Ta muốn tự bán thân nhưng bạc phước chẳng bán được, liền muốn trở về nhà. Trên đường về gặp một người, Ta liền nói: “Tôi muốn bán thân, ông có thể mua chăng?”. Người ấy đáp: “Việc làm của nhà ta, không ai kham được. Nếu người có thể làm thì ta sẽ mua”. Ta liền đáp: “Phải làm việc gì mà người không thể làm được?”. Người ấy đáp: “Ta có bệnh ác, lương y xử lý thuốc là cần phải mỗi ngày ăn ba lạng thịt người. Nếu người có thể ngày ngày lấy ba lạng thịt của thân cung cấp cho ta thì ta sẽ cho người năm xâu tiền vàng”. Khi Ta nghe rồi, trong lòng hoan hỷ, liền nói: “Ông cho tôi tiền và cho tôi hẹn lại sau bảy ngày, khi công việc cần làm xong, tôi sẽ trở

lại”. Người ấy nói: “Bảy ngày thì không thể. Có thể xét lại cho ông một ngày”. Này thiện nam! Khi ấy, Ta liền nhận lấy tiền, trở lại đến chỗ Đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân Ngài, đem hết tiền sẵn có ấy mà dâng cúng, rồi sau đó thành tâm thỉnh thọ kinh này. Lúc ấy, Ta ám độn, tuy được nghe kinh nhưng chỉ có thể thọ trì một bài kệ:

*Như Lai chứng Niết-bàn
Vĩnh viễn đoạn sinh tử
Nếu lắng nghe hết lòng
Thường được vui vô lượng.*

Nhận bài kệ này rồi, Ta liền trở lại đến nhà người bệnh kia. Này thiện nam! Khi ấy tuy ngày ngày cho ba lạng thịt nhưng do nhân duyên niệm kệ nên chẳng lấy làm đau đớn, ngày ngày chẳng bỏ, đủ đầy một tháng. Này thiện nam! Do nhân duyên này mà bệnh ông ấy được chữa khỏi, thân Ta bình phục, cũng không lở loét. Ta thấy thân đầy đủ, nguyên vẹn, liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hiệu lực của một bài kệ mà còn như vậy, huống gì là thọ trì, đọc tụng đầy đủ. Ta thấy kinh này có lợi như vậy lại phát tâm bội phần. Ta nguyện vào đời vị lai, thành Phật đạo hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Này thiện nam! Do nhân duyên diệu lực của một bài kệ nên khiến cho Ta ngày hôm nay, ở trong đại chúng, vì những hàng trời, người tuyên nói đầy đủ kinh này. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên kinh Đại Niết-bàn chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu vô lượng vô biên công đức và chính là tạng bí mật thâm diệu của chư Phật Như Lai. Do ý nghĩa này nên người hay thọ trì thì đoạn lìa lậu ác. Những điều mà gọi là ác đó là voi dữ, ngựa chướng, bò dữ, chó dữ, rắn độc..., gai độc, vực núi cheo leo, bờ hiểm, nước xoáy chảy mạnh, người ác, nước ác, thành ác, nhà ác, bạn ác v.v... Những thứ ác như vậy, nếu làm nhân hữu lậu thì Bồ-tát liền lìa khỏi, nếu chẳng thể làm thì chẳng xa lìa. Nếu tăng thêm hữu lậu thì liền lìa khỏi, nếu chẳng tăng thêm thì chẳng xa lìa. Nếu làm pháp ác thì liền lìa khỏi, nếu có thể làm pháp thiện thì chẳng xa lìa. Sao gọi là lìa? Chẳng nắm giữ dao gậy, thường dùng phương tiện chánh tuệ mà xa lìa những chỗ đó. Vậy nên gọi là chánh tuệ xa lìa, vì sinh pháp thiện thì xa lìa pháp ác. Đại Bồ-tát tự quan sát thân mình như bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như oán thù, như tên cắm vào thân thể chính là khối

khố lớn, chính là căn bản của tất cả thiện ác. Thân này tuy bất tịnh như vậy nhưng Bồ-tát vẫn chăm sóc nuôi dưỡng. Vì sao? Chẳng phải vì tham thân mà vì pháp thiện, vì đến với Niết-bàn chẳng vì sinh tử; vì thường, lạc, ngã, tịnh mà chẳng vì vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; vì đạo Bồ-đề chẳng vì đạo hữu vi, vì Nhất thừa chẳng vì Tam thừa, vì thân vi diệu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà chẳng vì cho đến thân của trời Phi hữu tướng phi vô tướng, vì Pháp luân vương chẳng vì Chuyển luân vương. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát luôn phải hộ thân. Vì sao? Vì nếu chẳng hộ thân thì chẳng toàn mạng. Mạng nếu chẳng toàn thì chẳng thể được sao chép kinh này để thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, suy nghĩ về nghĩa kinh ấy. Vậy Bồ-tát nên khéo hộ thân. Do nghĩa này nên Bồ-tát lìa khỏi được tất cả lậu ác. Nay thiện nam! Như muốn qua sông thì phải khéo giữ gìn thuyền bè, người đi đường khéo chăm lo ngựa tốt, nhà nông gieo trồng khéo giữ gìn phân bón, như vì chữa khỏi độc thì khéo giữ gìn rắn độc, như người vì của cải nên bảo hộ Chiên-đà-la, vì phá giặc nên nuôi kiện tướng, cũng như người lạnh thích giữ lửa, như người bệnh hủi thì cầu thuốc độc. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy thấy thân này đầy đủ vô lượng bất tịnh, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết-bàn nên vẫn chăm sóc tốt chẳng để thiếu thốn. Đại Bồ-tát quan sát con voi dữ và bạn xấu ngang bằng nhau không có hai. Vì sao? Vì chúng đều hủy hoại thân. Đại Bồ-tát đối với voi dữ lòng không kinh sợ, nhưng đối với bạn xấu thì sinh lòng kinh sợ. Vì sao? Vì voi dữ này chỉ có thể hoại thân, chẳng có thể hoại tâm, còn bạn xấu ác thì hủy hoại cả hai. Voi dữ này chỉ hoại một thân, còn người bạn xấu thì hủy hoại vô lượng thân, vô lượng tâm. Voi dữ này chỉ có thể phá hoại tám thân hôi thối bất tịnh, còn người bạn xấu thì có thể hoại thân thanh tịnh và cả tâm thanh tịnh. Voi dữ này có thể hoại nhục thân, còn bạn xấu thì hoại đến pháp thân. Bị voi dữ giết chết thì chẳng đến ba đường, còn bị bạn xấu giết thì nhất định đến ba đường. Voi dữ chỉ là oán của thân, còn bạn xấu là kẻ oán của pháp thiện. Vậy nên Bồ-tát thường phải xa lìa những bạn ác. Những lậu như vậy v.v... phạm phu chẳng lìa khỏi, nên họ sinh ra lậu hoặc. Bồ-tát lìa khỏi những lậu đó thì chẳng sinh ra lậu hoặc. Như vậy Bồ-tát còn không có lậu hoặc, huống gì là Như Lai. Vậy nên Như Lai chẳng còn lậu hoặc. Sao gọi là

thân cận lậu? Tất cả phạm phu thọ nhận y phục, thức ăn, ngọa cụ, y dược là vì sự ưa thích của thân tâm. Vì cầu những vật như vậy, nên tạo ra đủ thứ ác, chẳng biết tội lỗi luân hồi ba đường. Vậy nên gọi là lậu. Đại Bồ-tát thấy tội lỗi như vậy thì liền lìa xa. Nếu khi cần y phục thì Bồ-tát liền nhận lấy, chẳng vì bản thân mà chỉ vì pháp, chẳng tăng trưởng kiêu mạn, lòng thường khiêm hạ, chẳng vì nghiêm sức chỉ vì xấu hổ, ngăn sự lạnh nóng, gió độc, mưa dữ, trùng độc, muỗi, nhặng, ruồi, bọ chết, rắn độc. Bồ-tát tuy nhận thức ăn uống nhưng lòng không tham đắm, chẳng vì thân thường chỉ vì chánh pháp, chẳng vì hình thể bề ngoài chỉ vì chúng sinh, chẳng vì kiêu mạn mà vì thân lực, chẳng vì oán hại mà vì trị bệnh đói. Tuy được vị ngon nhưng lòng không tham đắm. Bồ-tát thọ nhận phòng nhà cũng như vậy, tâm không còn những kiết sử tham đắm, kiêu mạn. Vì nhà Bồ-đề ngăn chặn giặc kiết sử, vì ngăn gió mưa dữ nên Bồ-tát nhận lấy nhà cửa. Bồ-tát tuy cầu y dược mà lòng không tham đắm, kiêu mạn, chỉ vì chánh pháp, chẳng vì thọ mạng, chẳng vì mạng sống bình thường. Đây thiện nam! Như người bệnh ghẻ lở, lấy thuốc bột đắp lên, dùng vải bó lại. Vì rút máu mủ nên dùng bột khô đắp lên, vì muốn ghẻ lở lành nên dùng bột thuốc bôi vào, vì gió dữ nên ở tận trong nhà sâu. Đại Bồ-tát cũng như vậy, quan sát thân là đồ ghẻ lở nên dùng áo che đậy, vì chín lỗ rỉ chảy nên tìm kiếm ăn uống, vì gió mưa hung dữ nên nhận lấy nhà cửa, vì bốn độc phát ra nên tìm cầu y dược. Bồ-tát nhận lấy bốn sự cúng dường là vì đạo Bồ-đề, chẳng phải vì thọ mạng. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát nghĩ thế này: “Ta, nếu chẳng nhận bốn việc cúng dường này thì thân bị tiêu mòn, chẳng được bền chắc. Nếu thân chẳng bền chắc thì chẳng nhin được khổ. Nếu chẳng nhin được khổ thì chẳng thể tu tập pháp thiện. Nếu có thể chịu đựng được khổ thì có thể tu tập được vô lượng pháp thiện. Nếu ta chẳng thể đủ sức chịu đựng mọi khổ thì đối với việc thọ khổ sinh lòng sân giận, đối với việc thọ lạc sinh lòng tham đắm. Nếu cầu lạc chẳng được thì sinh ra vô minh. Vậy nên phạm phu đối với bốn việc cúng dường sinh ra hữu lậu”. Đại Bồ-tát có thể quan sát sâu nên chẳng sinh ra hữu lậu. Vậy nên Bồ-tát gọi là vô lậu thì sao gọi Như Lai là hữu lậu được? Vậy nên Như Lai chẳng gọi là hữu lậu.

Lại nữa, đây thiện nam! Tất cả phạm phu tuy khéo hộ thân nhưng

tâm vẫn còn sinh ra ba thứ ý tưởng ác. Do nhân duyên này nên tuy đoạn trừ phiền não, được sinh lên cõi Phi tưởng phi phi tưởng, nhưng còn phải trở lại rơi vào ba đường ác. Nay thiện nam! Ví như có người qua biển cả, sắp đến bờ bên kia mà bị chết đuối. Người phàm phu cũng như vậy, sắp tận cùng ba cõi nhưng trở lại rơi vào ba đường. Vì sao? Vì không có ý tưởng thiện. Những gì là ý tưởng thiện? Đó là sáu niệm xứ. Người phàm phu tâm thiện còm cõi, bất thiện bùng bùng. Tâm thiện còm cõi nên tâm tuệ mỏng manh. Tâm tuệ mỏng manh nên tăng trưởng các lậu. Đại Bồ-tát mất tuệ thanh tịnh thấy lỗi lầm của ba ý tưởng ác. Biết ba ý tưởng ác này có đủ thứ tai họa, thường cùng với chúng sinh tạo tác oán kết đối với ba thừa. Do ba ý tưởng ác mới khiến cho vô lượng chúng sinh phàm phu chẳng thấy Phật tánh, ở trong vô lượng kiếp sinh tâm điên đảo, cho là Phật Thế Tôn không thường, lạc, ngã mà chỉ có một tịnh thôi, Như Lai rớt ráo vào Niết-bàn. Tất cả chúng sinh vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, nhưng lòng họ điên đảo nên cho rằng có thường, lạc, ngã, tịnh. Thật ra không có Tam thừa nhưng do tâm điên đảo nên nói rằng có Tam thừa. Đạo Nhất thật là chân thật chẳng hư dối, nhưng do tâm điên đảo nên nói rằng không có đạo Nhất thật. Ba ý tưởng ác này thường bị sự quở trách của chư Phật và các vị Bồ-tát. Ba ý tưởng ác này thường hại mình và cũng hại đến người khác. Có ba ý tưởng ác này thì tất cả các ác thường đến làm tùy tùng. Ba ý tưởng ác này tức là ba sự trói buộc, nối liền chúng sinh với vô biên sinh tử. Đại Bồ-tát thường tạo tác sự quan sát ba ý tưởng ác như vậy. Hoặc khi Bồ-tát có nhân duyên đáng lẽ sinh ý tưởng dục thì mặc nhiên chẳng thọ. Ví như người đoan chánh tịnh khiết chẳng nhận tất cả phân bần bất tịnh, như không ai nhận lấy hòn sắt nóng, như dòng Bà-la-môn chẳng nhận thịt bò, như người no đủ chẳng nhận thức ăn dở, như vua Chuyển luân chẳng cùng với tất cả Chiên-đà-la ngồi trên một giường. Đại Bồ-tát đối với giấc ba ý tưởng ác chẳng nhận, chẳng tham cũng như vậy. Vì sao? Vì Bồ-tát suy nghĩ: “Chúng sinh biết ta là ruộng phước tốt thì sao ta lại thọ nhận những pháp ác này. Nếu ta thọ ý tưởng ác thì chẳng nhận làm ruộng phước của chúng sinh. Ta tự chẳng nói là ruộng phước tốt mà chúng sinh thấy tướng liền nói, ta là ruộng phước tốt. Nếu nay ta khởi lên ý tưởng ác như vậy tức là lừa dối tất cả chúng sinh. Ta vào

thuở xa xưa, vì lừa dối nên đã ở trong vô lượng kiếp lưu chuyển sinh tử, rơi vào ba đường ác. Nếu ta dùng tâm ác để thọ của tín thí thì tất cả hàng trời, người, Tiên nhân ngũ thông đều sẽ chứng biết mà quả trách. Nếu ta có ý tưởng ác mà thọ của tín thí thì hoặc khiến cho quả báo của thí chủ giảm thiểu, hoặc rộng không, không có quả báo. Nếu ta tâm ác mà thọ của đàn-việt bố thí thì cùng với thí chủ kết làm oán thù. Tất cả thí chủ luôn đối với ta khởi tưởng như đứa con yêu thì ta làm sao lừa dối họ mà sinh tưởng oán thù. Vì sao? Vì hoặc khiến cho thí chủ chẳng được quả báo, hoặc quả báo ít. Ta thường tự xưng là người xuất gia, mà xuất gia thì chẳng nên khởi ác, nếu khởi ác thì chẳng phải là xuất gia. Người xuất gia thì thân, miệng tương ứng, nếu chẳng tương ứng thì chẳng phải là xuất gia. Ta bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè v.v... xuất gia tu đạo chính là tu tập các ý tưởng thiện, chẳng phải là tu tập ý tưởng bất thiện. Ví như có người vào biển tìm châu báu chẳng chọn lấy chân châu mà chọn lấy thủy tinh, cũng như có người bỏ nghe âm nhạc vi diệu mà vui chơi chỗ phân đờ bản, như bỏ đi người con gái quý báu mà yêu hạng thấp hèn, như bỏ đồ bằng vàng mà dùng chén sành, như bỏ cam lồ mà uống thuốc độc, như bỏ thầy thuốc giỏi hiền lành thân thiết mà lại theo kẻ oán ghét xin thuốc trị liệu cho mình. Ta cũng như vậy, lìa bỏ cam lồ pháp vị của Đại sư Như Lai Thế Tôn mà uống đủ thứ ý tưởng ác của ma oán. Thân người khó được như hoa Ưu-đàm, ta nay đã được. Như Lai khó gặp hơn cả hoa Ưu-đàm, ta nay đã gặp. Pháp bảo thanh tịnh khó được thấy nghe, ta nay đã được nghe, giống như con rùa mù gặp lỗ hổng nơi miếng gỗ nổi trên biển. Mạng người chẳng dừng, qua nhanh như thác đổ. Ngày hôm nay tuy còn nhưng ngày mai cũng khó bảo tồn. Như thế thì sao ta lại buông lòng khiến trụ ở pháp ác? Hình sắc khỏe mạnh chẳng dừng, giống như ngựa chạy nhanh thì sao ỷ lại mà sinh kiêu mạn? Giống như loài quỷ ác rình tìm lỗi lầm của người, quỷ ác bốn đại cũng như vậy, thường đến rình tìm lỗi lầm của ta thì sao lại để cho ý tưởng ác phát khởi. Ví như ngôi nhà mục nát, nóc nhà sắp đổ vỡ, mạng ta cũng vậy thì sao lại khởi ác? Ta mang danh là Sa-môn, mà người Sa-môn gọi là học ý tưởng thiện. Ta nay dấy khởi ý tưởng bất thiện thì làm sao được gọi là Sa-môn? Ta mang danh là xuất gia, mà người xuất gia gọi là người tu đạo thiện. Ta

nay làm ác thì sao được gọi là xuất gia? Ta nay mang danh là chân Bà-la-môn, mà Bà-la-môn là người tu tịnh hạnh. Ta nay lại khởi ý tưởng ác bất tịnh thì sao được gọi là Bà-la-môn? Ta nay cũng mang danh là dòng họ lớn Sát-lợi, mà dòng Sát-lợi thì có thể diệt trừ oán địch. Ta nay chẳng thể trừ diệt oán địch ác thì làm sao được gọi là dòng Sát-lợi? Ta mang danh là Tỳ-kheo, mà người Tỳ-kheo thì gọi là người phá phiền não. Ta nay chẳng phá được phiền não ý tưởng ác thì sao được gọi là Tỳ-kheo? Đời có sáu việc khó có thể gặp gỡ được mà ta nay đã được thì sao còn để cho ý tưởng ác ở trong lòng? Những gì là sáu việc? Một là đời có Phật khó gặp, hai là chánh pháp khó được nghe, ba là tâm lo sợ khó khởi, bốn là khó sinh vào đất nước văn minh, năm là thân người khó được, sáu là các căn khó đủ. Sáu việc khó được như vậy mà đã được, vậy chẳng nên khởi lên ý tưởng ác”. Bấy giờ Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn như vậy, thường siêng quan sát những tâm ác này. Tất cả phàm phu chẳng thấy tội lỗi của tâm ác như vậy nên thọ ba ý tưởng ác, gọi là thọ lậu. Bồ-tát thấy rồi nên chẳng thọ, chẳng tham đắm, buông bỏ, chẳng hộ trì mà nương vào tám thánh đạo xô đuổi chúng đi, chặt đứt chúng. Vậy nên Bồ-tát không có thọ lậu thì tại sao lại nói, Như Lai hữu lậu? Do nghĩa này nên Như Lai Thế Tôn chẳng phải hữu lậu.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXI

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 3

Lại nữa, này thiện nam! Kẻ phạm phu nếu gặp thân tâm khổ não thì khởi lên đủ thứ ác. Nếu bị thân bệnh hay bị tâm bệnh thì khiến cho thân, miệng, ý tạo tác đủ thứ ác. Do tạo tác ác nên luân chuyển trong ba đường, chịu đủ các khổ. Vì sao? Vì người phạm phu không có niệm tuệ. Vậy nên họ sinh ra đủ thứ lậu, đó gọi là niệm lậu. Đại Bồ-tát thường tự suy nghĩ: “Ta từ thuở xa xưa, vô số kiếp đến nay, vì chính thân tâm này tạo ra đủ thứ ác, do nhân duyên này nên lưu chuyển sinh tử ở trong ba đường ác, chịu đủ mọi thứ khổ, khiến cho ta rời xa đường chánh tam thừa”. Bồ-tát do nhân duyên ác này nên đối với thân tâm của mình vô cùng kính sợ, liả bỏ mọi nẻo ác, hướng về đường thiện. Này thiện nam! Ví như có vị vua đem bốn con rắn độc đựng trong một cái hòm nhỏ, sai người nuôi dưỡng trông nom, ngủ dậy xoa rửa thân chúng. Nếu khiến cho một con rắn nổi giận thì vua sẽ theo đúng pháp hành hình tại chỗ. Bấy giờ, người ấy nghe lệnh bức bách của vua thì lòng sinh hoảng sợ, bỏ hòm rắn chạy trốn. Nhà vua lại sai năm người Chiên-đà-la vung đao đuổi theo. Người ấy quay nhìn lại thấy năm người đuổi theo sau thì bỏ chạy nhanh hơn. Lúc đó, năm người dùng phương tiện ác, giấu dao kín đáo, sai một người trá làm thân thiện mà nói với kẻ trốn đó rằng: “Ông nên trở về lại!” Người ấy chẳng tin, lao vào một xóm làng để trốn. Đã vào trong xóm rồi, người ấy nhìn thấy mọi nhà đều không có người, cầm các dụng cụ đựng đồ lên xem đều không có vật. Đã chẳng thấy người, vật chẳng tìm được, người ấy liền ngồi xuống đất thì nghe trong hư không có tiếng nói: “Này thiện nam! Xóm này trống rỗng, không có dân cư, đêm nay sẽ có sáu tên giặc lớn

đến, nếu gặp phải họ thì mạng người sẽ chẳng toàn. Người hãy tìm cách trốn đi”. Bấy giờ, nỗi kinh sợ của người ấy càng tăng thêm, liền bỏ đi. Trên đường đi, lại gặp một dòng sông, nước sông chảy mạnh, lại không có thuyền bè. Vì kinh sợ nên người ấy liền lấy đủ thứ cỏ cây kết bè và lại suy nghĩ: “Giả sử ta đứng ở đây thì sẽ bị rắn độc, năm Chiên-đà-la mà trong đó có một tên giả thân thiện và sáu tên giặc lớn làm nguy hại. Nếu qua sông này mà bè chẳng bảo đảm thì ta sẽ phải chết dưới nước. Ta thà chết đuối dưới nước, nhất định chẳng để rắn độc và giặc kia làm hại”. Người ấy liền đẩy bè cỏ xuống nước, thân dựa trên bè đó, vận động tay chân, rẽ nước mà đi. Đã đến bờ bên kia rồi, người ấy yên ổn, không còn hoạn nạn, lòng dạ thư thái, sợ hãi tiêu trừ.

Đại Bồ-tát được nghe, thọ trì kinh Đại Niết-bàn, quán thân như cái hòm nhỏ, đất nước lửa gió như bốn con rắn độc. Nhìn độc, chạm độc, hơi độc, cắn độc, tất cả chúng sinh gặp bốn thứ độc này nên mất mạng. Bốn đại của chúng sinh cũng như vậy, hoặc thấy là ác, hoặc chạm là ác, hoặc hơi là ác, hoặc cắn là ác. Do những nhân duyên này nên xa lìa mọi thiện. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát bốn con rắn độc có bốn dòng giống là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Rắn bốn đại này cũng như vậy, có bốn thứ tánh là tánh cứng, tánh ẩm ướt, tánh nóng, tánh động. Vậy nên Bồ-tát quán bốn đại cùng bốn độc xà đồng chung chủng tánh ấy. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quán bốn đại này như bốn con rắn độc. Sao gọi là quán? Bốn con rắn độc này thường rình rập chỗ sơ hở của con người, khi nào phải nhìn, khi nào phải chạm, khi nào phải hà hơi, khi nào phải cắn. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, thường rình chúng sinh tìm chỗ sơ hở, thiếu sót của họ. Nếu bị bốn con rắn độc giết hại thì nhất định chẳng đến trong ba đường ác, còn nếu bị bốn đại giết hại thì ắt đến ba đường ác, chẳng có gì nghi ngờ. Bốn con rắn độc này tuy được trông nom nuôi dưỡng nhưng cũng muốn giết người. Bốn đại cũng vậy, tuy thường được cung cấp nhưng cũng thường dẫn dắt con người làm mọi việc ác. Bốn con rắn độc này, nếu một con giận dữ lên thì có thể hại người. Tánh của bốn đại cũng như vậy, nếu một đại bộc phát cũng có thể hại người. Bốn con rắn độc này tuy ở đồng một chỗ nhưng tánh đều khác nhau. Rắn độc bốn đại cũng như vậy, tuy đồng một chỗ nhưng tánh đều khác biệt. Bốn con rắn

độc này tuy lại tuân phục nhưng cũng khó thân cận. Rắn độc bốn đại cũng vậy, tuy lại tuân phục nhưng cũng khó thân cận. Bốn con rắn độc này nếu khi hại người mà hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... dùng chú hay thuốc thì có thể trị liệu được. Bốn đại giết hại người, tuy có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... dùng thần chú, thuốc hay đều chẳng thể trị liệu. Như người đang vui vẻ nghe hơi thối của bốn con rắn độc thì liền xa lìa. Các Đức Phật, Bồ-tát cũng như vậy, nghe mùi của bốn đại thì liền lìa xa. Bấy giờ, Bồ-tát lại suy nghĩ về rắn độc bốn đại rồi sinh ra kinh sợ, quay lưng chạy nhanh, lo tu tám Thánh đạo.

Chiên-đà-la tức là năm ấm. Thế nào là Bồ-tát quán năm ấm như Chiên-đà-la? Người Chiên-đà-la thường có thể khiến cho con người ân ái biệt ly, oán ghét gặp gỡ. Năm ấm cũng vậy, khiến cho con người tham lam, thân cận với pháp bất thiện, xa lìa tất cả pháp thiện. Lại nữa, này thiện nam! Như Chiên-đà-la tự trang nghiêm đủ thứ binh khí như dao, hoặc thuẫn, cung, hoặc tên, hoặc áo giáp đồng, hoặc giáo dài v.v... để có thể hại người. Năm ấm cũng vậy, dùng các phiền não tự trang nghiêm chắc chắn, hại những người si dại, khiến cho họ rơi vào các cõi hữu. Này thiện nam! Như Chiên-đà-la đối với người có tội lỗi thì được giết hại. Năm ấm cũng vậy, có những lỗi kiết sử thường có thể hại người. Vậy Bồ-tát nên quán sâu năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa, Bồ-tát quan sát năm ấm như Chiên-đà-la là vì người Chiên-đà-la không có lòng từ bi, kẻ oán người thân đều hại. Năm ấm cũng vậy, không có lòng từ bi thiện ác đều hại. Như Chiên-đà-la làm não hại tất cả mọi người. Năm ấm cũng vậy, do những phiền não thường làm não hại tất cả chúng sinh sinh tử. Vậy Bồ-tát nên quán năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa, Bồ-tát quan sát năm ấm như Chiên-đà-la là vì người Chiên-đà-la thường ôm lòng hại. Năm ấm cũng vậy, thường mang các kết sử não hại tâm. Như người mà không có chân, dao, gậy, thị tùng thì phải biết, nhất định bị người Chiên-đà-la giết hại. Chúng sinh cũng vậy, không có chân, dao, không có thị tùng thì bị giặc năm ấm giết hại. Chân là giới, dao là tuệ, thị tùng là thiện tri thức. Không có ba việc này nên bị giặc năm ấm giết hại. Vậy Bồ-tát nên quán năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát năm ấm như Chiên-đà-la. Vì sao? Vì nếu chúng sinh bị Chiên-đà-la giết hại thì chẳng rơi

vào địa ngục, còn người bị năm ấm giết thì rơi vào địa ngục. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán năm ấm hơn Chiên-đà-la. Bồ-tát phát khởi sự quan sát này rồi, phát thệ nguyện: “Ta thà trọn đời gấn Chiên-đà-la, chẳng thể gấn gũ năm ấm trong giây lát”. Người Chiên-đà-la chỉ có thể hại người ngu si của cõi Dục, còn giặc năm ấm này hại khắp chúng sinh phàm phu của ba cõi. Người Chiên-đà-la chỉ có thể giết chết người có tội, còn giặc năm ấm chẳng hỏi chúng sinh có tội hay không có tội, đều có thể hại hết. Người Chiên-đà-la chẳng hại người già yếu, phụ nữ, trẻ con, còn giặc năm ấm này chẳng cần hỏi chúng sinh ai già cả, phụ nữ, trẻ con yếu đuối, tất cả đều hại hết. Vậy Bồ-tát nên quan sát sâu năm ấm này còn hơn Chiên-đà-la, nên Bồ-tát phát nguyện rằng, thà trọn đời gấn Chiên-đà-la, chẳng thể gấn gũ năm ấm trong giây lát. Lại nữa, này thiện nam! Người Chiên-đà-la chỉ hại người khác, nhất định chẳng hại mình. Giặc năm ấm thì hại mình và hại cả người khác. Người Chiên-đà-la có thể dùng lời nói khéo, tiền tài, của báu để cầu xin thì được thoát. Năm ấm chẳng vậy, chẳng thể miễn cưỡng dùng lời nói khéo dụ dỗ, tiền tài, của báu để cầu xin mà được thoát. Người Chiên-đà-la ở trong bốn mùa, chẳng nhất định phải thường giết hại. Năm ấm chẳng vậy, luôn ở trong từng niệm, từng niệm hại chúng sinh. Người Chiên-đà-la chỉ ở tại một chỗ nên có thể chạy trốn. Năm ấm chẳng vậy, ở khắp mọi chỗ nên không thể chạy trốn. Người Chiên-đà-la tuy hại người, hại mình rồi nhưng chẳng theo đuổi. Năm ấm chẳng vậy, giết hại chúng sinh rồi còn theo đuổi chẳng rời. Vậy Bồ-tát thà trọn đời gấn Chiên-đà-la, chẳng thể trong giây lát gấn gũ năm ấm. Người có trí dùng phương tiện khéo léo được thoát khỏi năm ấm, phương tiện khéo léo tức là tám Thánh đạo, sáu Ba-la-mật, bốn tâm vô lượng. Nhờ phương tiện này mà kẻ trí được giải thoát, thân tâm chẳng bị năm ấm giết hại. Vì sao? Vì thân như kim cương, tâm như hư không. Nên thân tâm khó có thể ngăn trở, hủy hoại. Do nghĩa này, Bồ-tát quan sát thấy năm ấm thành tựu đủ các thứ pháp bất thiện nên sinh ra kinh sợ mà tu tám Thánh đạo, cũng như người kia sợ bốn con rắn độc, năm Chiên-đà-la mà lặn lội trên đường đi không quay nhìn lại.

Người trá thân thiện là tham ái. Đại Bồ-tát quán sâu ái kết như kẻ oán trá hiện người thân. Nếu biết sự thật thì nó không thể làm gì,

nếu chẳng biết thì nhất định bị hại. Tham ái cũng vậy, nếu biết tánh của chúng thì chẳng thể khiến cho chúng sinh luân chuyển trong khổ sinh tử, như chẳng biết tánh ấy thì luân chuyển sáu đường, chịu đủ mọi khổ. Vì sao? Vì ái là bệnh khó lìa bỏ như kẻ oán trá hiện người thân khó có thể xa lìa. Kẻ oán trá hiện thân thiện thường rình rập chỗ sơ hở của người, khiến cho họ xa lìa người thương yêu, gặp gỡ kẻ oán ghét. Ái cũng như vậy, khiến cho con người xa lìa tất cả pháp thiện, gần gũi với tất cả pháp bất thiện. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát quán sâu tham ái như oán trá hiện thân thiện. Vì thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, nên như người phạm phu thấy lỗi sinh tử, tuy có trí tuệ nhưng vì ngu si che phủ nên về sau trở lại chẳng thấy. Thanh văn, Duyên giác cũng như vậy, tuy thấy nhưng chẳng thấy, tuy nghe nhưng chẳng nghe. Vì sao? Vì do tâm ái vậy. Vì sao? Vì thấy lỗi sinh tử nhưng chẳng thể mau chóng đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát quán ái kết này như oán trá hiện thân thiện. Sao gọi là tướng oán trá hiện thân thiện? Như oán, chẳng thật mà trá hiện tướng thật, chẳng thể thân cận mà trá hiện tướng thân cận, thật là chẳng thiện mà trá hiện tướng thiện, thật là chẳng ái mà trá hiện tướng ái. Vì sao? Vì luôn rình rập chỗ sơ hở của người muốn làm hại họ. Ái cũng như vậy, thường vì chúng sinh, chẳng phải thật mà trá hiện thật, chẳng phải thân cận mà trá hiện thân cận, chẳng phải thiện mà trá hiện thiện, chẳng phải ái mà trá hiện ái, luôn lừa dối tất cả sinh tử luân hồi. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán sát ái như oán trá hiện thân thiện. Kẻ oán trá hiện thân thiện thì chỉ thấy thân miệng, chẳng nhìn thấy lòng họ. Vậy nên họ có thể lừa dối. Ái cũng như vậy, chỉ là hư dối, thật chẳng thể nắm bắt. Vậy nên có thể mê hoặc tất cả chúng sinh. Kẻ oán trá hiện thân thiện thì có thì có chung, dễ có thể xa lìa. Ái chẳng như vậy, không thì không chung, khó có thể lìa xa. Kẻ oán trá hiện thân thiện ở xa thì khó biết, đến gần thì dễ biết. Ái chẳng như vậy, gần còn khó biết, huống chi là xa. Do nghĩa này nên Bồ-tát quán ái hơn oán trá hiện thân thiện. Tất cả chúng sinh do ái kết nên xa Đại Niết-bàn, gần với sinh tử, xa thường, lạc, ngã, tịnh, gần vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Vậy nên ở mọi chỗ trong kinh, Ta nói là ba cấu uế đối với việc hiện tại do vô minh, nên chẳng thấy tội lỗi, chẳng thể lìa bỏ. Oán ái mà trá

hiện thân thiện nhất định chẳng thể hại người có trí. Vậy nên Bồ-tát quán sâu ái này vô cùng kinh sợ nên tu tám Thánh đạo giống như người kia sợ bốn con rắn độc, năm Chiên-đà-la và một người trá hiện thân thiện mà chạy thẳng chẳng quay lại.

Xóm làng trống không tức là sáu nhập bên trong. Đại Bồ-tát quán sáu nhập này rỗng không, không sở hữu, giống như xóm làng trống rỗng, như người sợ kia đã vào xóm làng rồi thậm chí chẳng thấy có một người ở, tìm hết trong các đồ đựng chẳng được một vật gì. Bồ-tát cũng vậy, quan sát kỹ sáu nhập trống rỗng, không có gì, chẳng thấy một vật thật nào là chúng sinh. Vậy nên Bồ-tát quan sát sáu nhập bên trong trống không, không có ginhư xóm làng trống rỗng kia. Đây thiện nam! Xóm làng trống rỗng kia, bọn giặc nhìn từ xa nhất định chẳng tưởng là rỗng không. Người phạm phu cũng như vậy, đối với xóm làng sáu nhập chẳng sinh tưởng về không. Do họ chẳng thể sinh tưởng về không nên sinh tử luân hồi, chịu khổ không lường. Đây thiện nam! Bọn giặc đã đến nơi mới sinh ra tưởng về không, sinh ra tưởng về không thì chẳng sinh tử luân hồi, chịu khổ. Đại Bồ-tát đối với sáu nhập này thường không điên đảo. Không điên đảo nên chẳng sinh tử luân hồi. Lại nữa, đây thiện nam! Như có bọn giặc vào xóm làng trống rỗng này thì được an vui. Các giặc phiền não cũng như vậy, vào sáu nhập này thì được an vui. Như giặc trụ ở xóm làng trống không, lòng không sợ hãi. Bọn giặc phiền não cũng như vậy, trụ ở sáu nhập này cũng không sợ gì. Như xóm làng trống rỗng kia chính là chỗ ở của sư tử, cọp, sói v.v... đủ thứ ác thú, sáu nhập bên trong này cũng như vậy, là chỗ trụ của tất cả loài ác thú phiền não. Vậy nên Bồ-tát quán sâu sáu nhập trống không, không có gì, thuần là chỗ trú của tất cả điều bất thiện. Lại nữa, đây thiện nam! Đại Bồ-tát quan sát sáu nhập bên trong trống không, không có gì như xóm làng trống rỗng kia. Vì sao? Vì nó hư dối chẳng thật, rỗng không không có gì mà tưởng là có, thật không có vui mà tưởng là vui, thật không có người mà tưởng là có. Sáu nhập bên trong cũng như vậy, rỗng không không có gì mà tưởng là có, thật không có vui mà tưởng là vui, thật không có người mà tưởng là có. Chỉ có người trí mới có thể biết được sự thật ấy. Lại nữa, đây thiện nam! Như xóm làng trống rỗng, hoặc khi có người, hoặc khi không có người. Sáu nhập

chẳng vậy, chỉ một hướng là không người. Vì sao? Vì tánh luôn rỗng không. Sự nhận biết của người trí chẳng phải là mắt thấy. Vậy nên Bồ-tát quan sát sáu nhập bên trong có nhiều oán hại nên tu tám Thánh đạo chẳng ngưng nghỉ, giống như người kia sợ bốn con rắn độc, năm Chiên-đà-la, một kẻ trá hiện thân thiện và sáu tên đại tặc khủng bố mà chạy thẳng.

Sáu đại tặc tức là sáu trần bên ngoài. Đại Bồ-tát quan sát sáu trần này như sáu tên giặc. Vì sao? Vì có thể cướp tất cả pháp thiện. Như sáu tên đại tặc có thể cướp tất cả của báu của dân chúng. Giặc sáu trần này cũng như vậy, có thể cướp tất cả của cải thiện của chúng sinh. Như sáu tên đại tặc, nếu vào nhà người thì có thể cướp đoạt vật hiện có trong nhà, chẳng phân biệt tốt xấu, khiến cho người cự phú bỗng nhiên thành bần cùng. Giặc sáu trần này cũng như vậy, nếu vào căn cửa người thì cũng có thể cướp đoạt tất cả pháp thiện. Pháp thiện đã hết thì trở nên bần cùng cô lộ, thành Nhất-xiển-đề. Vậy nên Bồ-tát quan sát kỹ sáu trần như sáu tên đại tặc. Lại nữa, này thiện nam! Như sáu tên đại tặc khi muốn cướp đoạt của người thì cốt yếu nhờ người ở bên trong. Nếu không có người bên trong thì liền trở về không. Giặc sáu trần này cũng như vậy, muốn cướp pháp thiện cốt yếu bên trong có chúng sinh thấy biết tướng thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng rỗng không v.v... Nếu bên trong không có những tướng như vậy thì giặc ác sáu trần chẳng thể cướp được tất cả pháp thiện. Người có trí bên trong không có tướng này mà kẻ phàm phu thì có. Vậy nên sáu trần thường đến chiếm đoạt của cải pháp thiện. Vì chẳng khéo hộ trì nên kẻ phàm phu bị sự cướp đoạt ấy. Người hộ trì gọi là có trí tuệ. Người có trí tuệ có thể khéo phòng hộ nên chẳng bị cướp. Vậy nên Bồ-tát quán sáu trần này như sáu tên đại tặc ngang bằng không sai khác. Lại nữa, này thiện nam! Như sáu tên đại tặc có thể làm cho thân tâm muôn dân khổ não. Giặc sáu trần này cũng như vậy, thường làm cho thân tâm chúng sinh khổ não. Sáu tên đại tặc thì chỉ có thể cướp tài vật hiện tại của con người, còn giặc sáu trần này thường cướp tài sản thiện của chúng sinh ba đời. Sáu tên đại tặc ban đêm thì vui sướng. Giặc ác sáu trần này cũng như vậy, ở chỗ vô minh tối tăm thì được hoan lạc. Sáu tên đại tặc này chỉ có các vị vua mới có thể ngăn chặn. Giặc ác sáu trần này cũng như vậy, chỉ có Phật, Bồ-tát

mới có thể ngăn chặn. Sáu tên đại tặc này phàm muốn cướp đoạt thì chẳng lựa chọn dòng họ, đoan chánh, thông triết, đa văn, bác học, giàu sang, nghèo hèn v.v... Giặc ác sáu trần cũng như vậy, muốn cướp pháp thiện cũng chẳng chọn đoan chánh cho đến nghèo hèn. Sáu tên đại tặc này tuy bị nhà vua chặt tay chân chúng nhưng còn chẳng thể khiến cho lòng chúng dứt hết tâm ác. Giặc ác sáu trần cũng như vậy, tuy Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm chặt tay chân chúng cũng chẳng thể khiến cho chúng chẳng cướp pháp thiện. Như người mạnh mẽ mới có thể tiêu diệt hàng phục sáu tên đại tặc này. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, mới có thể tiêu diệt hàng phục giặc ác sáu trần. Ví như có người có nhiều họ hàng, bè bạn đông đúc thì chẳng thể bị sự cướp đoạt của sáu tên giặc. Chúng sinh cũng vậy, có thiện tri thức thì chẳng bị giặc ác sáu trần cướp đoạt. Sáu tên giặc lớn này nếu thấy vật của người thì có thể trộm cướp. Giặc ác sáu trần chẳng vậy, hoặc thấy, hoặc biết, hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc xúc chạm, hoặc hay biết chúng đều có thể cướp. Sáu tên đại tặc thì chỉ có thể cướp đoạt của cải người Dục giới, chẳng thể cướp đoạt ở Sắc giới và Vô sắc giới. Giặc ác sáu trần thì chẳng như vậy, chúng có thể cướp đoạt tất cả của báu thiện trong ba cõi. Vậy nên Bồ-tát quán sát chắc chắn sáu trần hơn cả sáu tên đại tặc kia. Quán tưởng như vậy rồi, Bồ-tát tu tám Thánh đạo, đi thẳng chẳng trở lại. Như người kia sợ bốn con rắn độc, năm tên Chiên-đà-la, một kẻ trá hiện thân thiện và sáu tên đại tặc, bỏ xóm làng trống không, thẳng đường mà đi.

Trên đường gặp một dòng sông tức là phiến não. Sao gọi là Bồ-tát quán phiến não này giống như dòng sông lớn? Như dòng sông chảy xiết đó có thể cuốn trôi con hương tượng. Dòng sông phiến não chảy xiết cũng như vậy, có thể cuốn trôi Duyên giác. Vậy nên Bồ-tát quán sâu phiến não giống như dòng sông chảy xiết. Sâu khó đến được đáy nên gọi là sông. Bờ chẳng thể đến được nên gọi là lớn. Trong sông lớn ấy có nhiều loài cá dữ. Dòng sông lớn phiến não cũng như vậy, chỉ Phật, Bồ-tát mới có thể đến được đáy nên gọi rất sâu; chỉ Phật, Bồ-tát mới đến được bờ kia nên gọi là rộng lớn, thường hại tất cả chúng sinh ngu si nên gọi là cá dữ. Vậy nên Bồ-tát quán phiến não này giống như dòng sông lớn. Như nước dòng sông lớn có thể nuôi lớn tất cả cỏ cây,

rừng rậm. Dòng sông lớn phiền não cũng như vậy, có thể làm lớn hai mươi lăm cõi của chúng sinh. Vậy nên Bồ-tát quán phiền não này giống như dòng sông lớn. Ví như có người rơi xuống dòng sông lớn mà không xấu hổ. Chúng sinh cũng vậy, rơi vào dòng sông phiền não mà không có hổ thẹn. Như người rơi vào dòng sông chưa đến được đáy sông liền mạng chung. Rơi vào dòng sông phiền não cũng như vậy, chưa đến tận đáy sông đã quay trở lại luân chuyển hai mươi lăm cõi. Cái gọi là đáy tức là tướng không. Nếu có người chẳng tu tướng không như vậy thì phải biết người này chẳng ra khỏi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sinh chẳng thể khéo tu không, vô tướng nên thường bị dòng sông phiền não chảy xiết cuốn trôi. Như dòng sông lớn kia chỉ có thể hoại thân, chẳng thể cuốn trôi mất tất cả pháp thiện. Dòng sông lớn phiền não thì chẳng như vậy, có thể hoại tất cả pháp thiện của thân và tâm. Dòng sông lớn hung dữ chỉ có thể cuốn trôi, nhận chìm con người trong cõi Dục. Dòng sông lớn phiền não mới có thể cuốn trôi, nhận chìm hàng trời, người của ba cõi. Dòng sông lớn thế gian vận động tay chân thì đến bờ kia, còn dòng sông lớn phiền não chỉ có Bồ-tát nhờ vào sáu pháp Ba-la-mật mới có thể qua được. Như dòng sông lớn thì khó có thể qua được, dòng sông lớn phiền não cũng như vậy, khó có thể qua được. Sao gọi là khó có thể qua được? Cho đến chư Đại Bồ-tát hàng Thập Trụ còn chưa có thể qua được rốt ráo, chỉ có chư Phật mới qua khỏi rốt ráo. Vậy nên gọi là khó có thể qua được. Ví như có người bị dòng sông cuốn trôi chẳng thể tu tập một chút xíu pháp thiện, chúng sinh cũng vậy, bị dòng sông phiền não cuốn trôi thì cũng chẳng thể tu tập pháp thiện. Như người rơi xuống sông bị nước cuốn trôi, thì người nào có sức có thể cứu vớt được. Người rơi vào dòng sông phiền não làm Nhất-xiển-đề thì Thanh văn, Duyên giác cho đến các Đức Phật cũng chẳng thể cứu vớt được. Những dòng sông lớn thế gian khi kiếp tận, bầy mặt trời cùng chiếu thì có thể khiến cho khô cạn. Dòng sông lớn phiền não thì chẳng như vậy, Thanh văn, Duyên giác tuy tu bảy giác ý nhưng còn chẳng thể làm khô cạn được. Vậy nên Bồ-tát quán tưởng các phiền não giống như dòng sông chảy xiết.

Ví như người kia sợ bốn con rắn độc, năm người Chiên-đà-la, một kẻ trá hiện thân thiện và sáu tên đại tặc mà bỏ xóm làng trốn không,

thẳng đường mà đi, khi đến bên dòng sông, gom cỏ làm bè. Bồ-tát cũng vậy, sợ rắn bốn đại, Chiên-đà-la năm ấm, ái trá hiện thân thiện, xóm làng trống không sáu nhập, giặc ác sáu trần, đi đến dòng sông phiền não, tu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo v.v... dùng làm thuyền bè. Rồi Bồ-tát nương theo bè này qua dòng sông phiền não đi đến bờ thường lạc Niết-bàn kia. Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn thì khởi lên suy nghĩ này: “Ta, nếu chẳng thể nhẫn thọ thân khổ, tâm khổ như vậy thì chẳng thể khiến cho tất cả chúng sinh qua khỏi dòng sông phiền não”. Do suy nghĩ này, Bồ-tát tuy có thân tâm khổ não như thế, nhưng mặc nhiên nhẫn thọ. Do nhẫn thọ nên chẳng sinh ra lậu hoặc. Bồ-tát như vậy còn không có các lậu hoặc, huống gì là Phật Như Lai mà phải có lậu hoặc sao? Vậy nên chư Phật chẳng gọi là hữu lậu. Sao gọi là Như Lai chẳng phải vô lậu? Như Lai thường hành trong hữu lậu mà hữu lậu tức là hai mươi lăm cõi. Vậy nên người phàm phu, Thanh văn nói rằng, Phật có lậu hoặc. Nhưng chư Phật Như Lai chân thật vô lậu.

Này thiện nam! Do nhân duyên này, chư Phật Như Lai không có tướng nhất định. Này thiện nam! Vậy nên việc phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng và Nhất-xiển-đề đều bất định.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương nói:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời dạy của Đức Thánh. Tất cả các pháp đều bất định. Vì bất định nên phải biết, Như Lai cũng chẳng rớt ráo vào Niết-bàn. Như trước Đức Phật đã nói, Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, nghe mà chẳng nghe, trong đó có Niết-bàn, có Đại Niết-bàn. Sao gọi là Niết-bàn? Sao gọi là Đại Niết-bàn?

Bấy giờ, Đức Phật khen Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát được niệm tổng trì thì mới có thể thưa hỏi được như ông. Này thiện nam! Như người đời thường nói, có biển thì có biển lớn, có sông thì có sông lớn, có núi thì có núi lớn, có đất thì có đất lớn, có thành thì có thành lớn, có chúng sinh thì có chúng sinh lớn, có vua thì có vua lớn, có người thì có các người lớn, có trời thì có đấng Thiên Trung Thiên, có đạo thì có đạo

lớn. Niết-bàn cũng vậy, có Niết-bàn thì có Đại Niết-bàn. Sao gọi là Niết-bàn? Đây thiện nam! Như người đói được ít cơm ăn thì gọi là an vui mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người bệnh được khỏi thì gọi là an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người sợ hãi được chỗ nương về thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người nghèo cùng nhặt được vật bầy báu thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Như người quan sát xương khô chẳng khởi lên tham dục thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn. Những Niết-bàn như vậy chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì đói khát, vì bệnh, vì sợ, vì nghèo, vì sinh tham đắm nên đó gọi là Niết-bàn chẳng phải là Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Nếu người phạm phu và tất cả Thanh văn hoặc nhân thế tục, hoặc nhân Thánh đạo đoạn được kiết sử cõi Dục thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn, chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Họ có thể đoạn những kiết sử từ sơ thiền cho đến cõi Phi tưởng phi phi tưởng thì được an vui, mà an vui như vậy cũng gọi là Niết-bàn, chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì còn trở lại sinh phiền não, có tập khí. Sao gọi là tập khí phiền não? Thanh văn, Duyên giác có phiền não tập khí như cho là thân ta, áo ta, ta đi, ta lại, ta nói, ta nghe, chư Phật Như Lai vào Niết-bàn, tánh của Niết-bàn là vô ngã, vô lạc, chỉ có thường tịnh. Đó gọi là tập khí phiền não. Phật, Pháp, Tăng có tướng sai khác, Như Lai rớt rảo vào Niết-bàn, Niết-bàn sở đắc của Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Như Lai bình đẳng không sai biệt... Do nghĩa này nên sở đắc của hàng Nhị thừa chẳng phải là Đại Niết-bàn. Vì sao? Vì không thường, lạc, ngã, tịnh. Thường, lạc, ngã, tịnh mới được gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Ví như có nơi có thể nhận mọi dòng nước gọi là biển cả. Theo đó, có chỗ chứng nhập của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, chư Phật Như Lai thì gọi là Đại Niết-bàn. Bốn thiền, ba Tam-muội, tám bố xứ, tám thắng xứ, mười Nhất thiết xứ v.v... nơi có thể gồm thâu vô lượng những pháp thiện như vậy thì gọi là Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như có dòng sông mà con voi lớn đê nhất chẳng thể lội đến được đáy thì gọi là sông lớn. Thanh văn, Duyên giác đến Bồ-tát Thập Trụ chẳng thấy Phật tánh gọi là Niết-bàn, chẳng phải là Đại Niết-bàn.

Nếu có thể thấy rõ Phật tánh thì được gọi là Đại Niết-bàn. Đại Niết-bàn này chỉ đại tượng vương có thể đến tận cùng đáy. Đại tượng vương tức là chư Phật. Đây thiện nam! Như các đại Lực sĩ như Ma-ha Na-già và Bát-kiền-đà v.v... trải qua nhiều thời gian mà chẳng thể lên đến đỉnh mới gọi là núi lớn. Cảnh giới mà Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát, đại Lực sĩ Ma-ha Na-già v.v... chẳng thể thấy được thì như vậy mới gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, đây thiện nam! Chỗ ở của Tiểu vương thì gọi là thành nhỏ, chỗ ở của Chuyển luân Thánh vương mới gọi là thành lớn. Cảnh giới của tám vạn, sáu vạn, bốn vạn, hai vạn, một vạn Thanh văn, Duyên giác gọi là Niết-bàn. Chỗ ở của đấng Pháp chủ Thánh vương vô thượng mới được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Do vậy, nên gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam! Ví như có người thấy bốn thứ binh chẳng sinh kinh sợ thì phải biết người đó gọi là đại chúng sinh. Nếu có chúng sinh đối với nghiệp ác phiền não của ba đường ác, chẳng sinh ra sợ hãi mà có thể ở trong đó rộng độ chúng sinh thì phải biết người đó được Đại Niết-bàn. Nếu có người có thể cúng dường cha mẹ, cung kính Sa-môn và Bà-la-môn, tu hành pháp thiện, lời nói thành thật không có lừa dối, có thể nhận thức các ác, bố thí người nghèo thiếu thì gọi là đại trượng phu. Bồ-tát cũng vậy, có đại từ bi, thương xót tất cả, đối với chúng sinh giống như cha mẹ, có thể đưa chúng sinh qua khỏi dòng sông sinh tử, chỉ bày khắp chúng sinh đạo Nhất thật, đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam! Đại là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng thể nghĩ bàn là điều tất cả chúng sinh chẳng thể tin thì đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Chỉ là sở kiến của Phật, Bồ-tát nên gọi là Đại Niết-bàn. Do nhân duyên gì lại gọi là đại? Do vô lượng nhân duyên, sau đó mới được gọi là đại. Đây thiện nam! Như người thế gian, điều mà do nhiều nhân duyên mới đạt được nên gọi là đại. Sao lại gọi là Đại Niết-bàn? Có đại ngã nên gọi là Đại Niết-bàn, có Niết-bàn thì vô ngã. Có đại tự tại nên gọi là đại ngã. Sao gọi là đại tự tại? Có tám tự tại thì gọi là ngã. Những gì là tám? Một là có thể thị hiện một thân làm nhiều thân. Số thân lớn nhỏ giống như vi trần tràn đầy mười phương vô lượng thế giới. Thân Như Lai thật chẳng phải vi trần, do tự tại nên hiện thân vi trần. Tự tại như vậy tức là đại ngã. Hai là thị hiện một thân vi trần tràn đầy ở ba

ngàn đại thiên thế giới. Thân Như Lai thật chẳng đầy ba ngàn đại thiên thế giới. Vì sao? Vì vô ngại, chỉ do tự tại nên thân đầy ba ngàn đại thiên thế giới. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Ba là có thể dùng thân đầy ba ngàn đại thiên thế giới nhẹ nhàng bay lên hư không, vượt qua số thế giới chư Phật nhiều bằng hai mươi lần cát sông Hằng mà không ngăn ngại. Thân Như Lai thật không nặng, nhẹ, do tự tại nên có thể làm nặng, nhẹ. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Bốn là do tự tại nên được tự tại. Sao gọi là tự tại? Như Lai nhất tâm an trụ chẳng động, có thể thị hiện hóa ra vô lượng hình loại đều khiến cho chúng có tâm. Như Lai có khi, hoặc tạo ra một việc mà khiến cho mọi chúng sinh đều thành tựu. Thân Như Lai thường trụ ở một cõi mà khiến cho cõi khác tất cả đều thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Năm là căn tự tại. Sao gọi là căn tự tại? Một căn của Như Lai cũng có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi hương, phân biệt vị, cảm xúc, biết pháp. Sáu căn của Như Lai cũng chẳng thấy sắc, nghe tiếng, ngửi hương, phân biệt vị, cảm xúc, biết pháp. Do tự tại nên khiến cho căn tự tại. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Sáu là do tự tại nên chứng đắc tất cả các pháp. Tâm Như Lai cũng không có tướng chứng đắc. Vì sao? Vì không sở đắc. Nếu là có thì có thể gọi là chứng đắc, nhưng thật ra không có thì sao gọi là chứng đắc? Nếu Như Lai có tướng chứng đắc tức là chư Phật chẳng đắc Niết-bàn. Do không đắc nên gọi là đắc Niết-bàn. Do tự tại nên chứng đắc tất cả pháp, mà chứng đắc tất cả pháp nên gọi là đại ngã. Bảy là diễn nói tự tại nên Như Lai diễn nói ý nghĩa một bài kệ trải qua vô lượng kiếp mà ý nghĩa cũng chẳng thể hết, đó là hoặc nói về giới, hoặc định, hoặc trí, hoặc tuệ v.v... nhưng Như Lai bấy giờ hoàn toàn chẳng phát ý niệm Ta nói, người kia nghe, cũng lại chẳng sinh ý tưởng về một bài kệ. Theo người thế gian thì bốn câu là một bài kệ, Như Lai theo thế tục nói ra nên gọi là kệ. Tất cả pháp tánh cũng không có điều để nói nhưng do tự tại nên Như Lai diễn nói. Do diễn nói nên gọi là đại ngã. Tám là Như Lai cùng khắp tất cả mọi nơi giống như hư không. Tánh của hư không chẳng thể thấy được. Như Lai cũng vậy, chẳng thể thấy. Do tự tại nên khiến cho tất cả đều thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã. Như vậy đại ngã gọi là Đại Niết-bàn. Do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, này thiện nam! Ví như kho báu với nhiều đồ trân quý kỳ lạ, hàng trăm thứ

đầy đủ nên gọi là kho tàng lớn. Kho tàng rất thâm diệu của chư Phật Như Lai cũng như vậy, có nhiều thứ kỳ lạ, đầy đủ không thiếu sót nên gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, này thiện nam! Vật vô biên mới gọi là đại. Niết-bàn vô biên, vậy nên gọi là đại. Lại nữa, này thiện nam! Có vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn, còn Niết-bàn thì không vui. Do bốn thứ vui nên gọi là Đại Niết-bàn. Những gì là bốn? Một là đoạn dứt những niềm vui. Chẳng đoạn dứt vui tức là khổ, mà nếu có khổ thì chẳng gọi là vui lớn. Do đoạn dứt vui thì không có khổ, mà không khổ, không vui mới gọi là vui lớn. Tánh của Niết-bàn không khổ, không vui. Vậy nên Niết-bàn gọi là vui lớn. Do nghĩa này nên gọi là Đại Niết-bàn. Lại nữa, này thiện nam! Vui có hai thứ, một là vui của phàm phu, hai là vui của chư Phật. Vui của phàm phu thì vô thường, bại hoại. Vậy nên không vui. Chư Phật thì thường vui không có biến đổi nên gọi là vui lớn. Lại nữa, này thiện nam! Có ba thứ thọ, một là khổ thọ, hai là lạc thọ, ba là bất khổ bất lạc thọ. Chẳng khổ chẳng vui cũng là khổ. Niết-bàn tuy đồng chẳng khổ, chẳng vui, nhưng gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Hai là đại tịch tĩnh nên gọi là vui lớn. Tánh của Niết-bàn là đại tịch tĩnh. Vì sao? Vì xa lìa tất cả pháp rối loạn, ồn ào. Do đại tịch tĩnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Ba là biết tất cả nên gọi là vui lớn. Chẳng phải biết tất cả thì chẳng gọi là vui lớn. Chư Phật Như Lai biết tất cả nên gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Bốn là thân chẳng hoại nên gọi là vui lớn. Thân nếu có thể hoại thì chẳng gọi là vui. Thân của Như Lai là thân kim cương không hoại, chẳng phải là thân phiến não, là thân vô thường nên gọi là vui lớn. Do vui lớn nên gọi là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Tên của thế gian, hoặc có nhân duyên, hoặc không nhân duyên. Có nhân duyên là như Tôn giả Xá-lợi-phất có mẹ tên là Xá-lợi rồi nhân tên mẹ đặt tên con nên gọi là Xá-lợi-phất. Như đạo nhân Ma-du-la sinh ra ở nước Ma-du-la, rồi nhân nước mà đặt tên nên gọi là đạo nhân Ma-du-la. Như Tôn giả Mục-kiền-liên, Mục-kiền-liên tức là họ, rồi nhân họ đặt tên nên gọi là Mục-kiền-liên. Như Ta sinh ra ở dòng họ Cù-đàm, rồi nhân họ đặt tên, xưng là Cù-đàm. Như đạo nhân Tỳ-xá-khư, Tỳ-xá-khư tức là tên một vì sao. Nhân lấy sao làm tên nên gọi là Tỳ-xá-khư. Như tay có sáu ngón, nhân sáu ngón nên gọi là người sáu ngón. Như kẻ làm tôi

cho Phật, làm tôi cho trời, nhân Phật, nhân trời nên gọi kẻ đó Phật nô, Thiên nô. Nhân ẩm thấp sinh ra nên gọi là thấp sinh. Như nhân âm thanh nên tên là Ca-la-la, tên Cửu-cửu-la, Đát-đát-la. Những tên như vậy v.v... gọi là tên nhân duyên. Tên không nhân duyên là như: hoa sen, đất, nước, gió, lửa, hư không. Như Mạn-đà-bà thì một là tên, hai là thật. Một là gọi nhà, hai là gọi nước uống. Nhà chẳng uống nước cũng lại được gọi là Mạn-đà-bà. Như Tát-ba-xa-đa gọi là Xà-cái mà thật chẳng phải là Xà-cái. Đó gọi là tên không nhân duyên mà chỉ miễn cưỡng đặt tên gọi. Như ĐỂ-la-bà-di gọi là dầu ăn nhưng thật ra chẳng phải dầu ăn, chỉ là khiên cưỡng đặt tên gọi là dầu ăn. Đó gọi là không có nhân duyên mà gượng đặt tên. Này thiện nam! Đại Niết-bàn này cũng như vậy, không có nhân duyên mà gượng đặt tên gọi. Này thiện nam! Ví như hư không chẳng nhân cái tiểu không mà gọi là đại không. Niết-bàn cũng thế, chẳng nhân tiểu tướng mà gọi Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như có pháp chẳng thể tính kể, chẳng thể nghĩ bàn nên được gọi là đại. Niết-bàn cũng vậy, chẳng thể tính kể, chẳng thể nghĩ bàn nên được gọi là Đại Bát Niết Bàn. Do thuần tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn. Sao gọi là thuần tịnh? Tịnh có bốn thứ? Những gì là bốn?

Một là hai mươi lăm cõi gọi là bất tịnh mà có thể vĩnh viễn đoạn tuyệt nên được gọi là tịnh. Tịnh tức là Niết-bàn, mà Niết-bàn như vậy cũng được gọi là có. Nhưng Niết-bàn này thật chẳng phải là có. Chư Phật Như Lai theo thế tục nên nói Niết-bàn có. Ví như người đời, chẳng phải cha mà nói rằng cha, chẳng phải mẹ mà nói rằng mẹ. Thật chẳng phải là cha mẹ mà nói rằng cha mẹ. Niết-bàn cũng vậy, theo thế tục nên nói chư Phật có Đại Niết-bàn.

Hai là nghiệp thanh tịnh. Nghiệp của tất cả phàm phu chẳng thanh tịnh nên không có Niết-bàn. Chư Phật Như Lai thanh tịnh nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

Ba là thân thanh tịnh. Thân nếu vô thường thì gọi là bất tịnh. Thân Như Lai thường nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

Bốn là tâm thanh tịnh. Tâm nếu có lậu hoặc thì gọi là bất tịnh. Tâm Phật vô lậu nên gọi là đại tịnh. Do đại tịnh nên gọi là Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Đó gọi là thiện nam, thiện nữ tu hành Kinh Đại Niết Bàn này thành tựu đầy đủ công đức thứ nhất.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXII

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 4

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ hai? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì cái xưa chẳng được nay được, cái xưa chẳng thấy nay thấy, cái xưa chẳng nghe nay nghe, cái xưa chẳng đến nay đến, cái xưa chẳng biết nay biết. Sao gọi là cái xưa chẳng được mà nay được? Đó là thần thông, xưa chẳng được mà nay mới được. Thần thông có hai thứ, một là nội, hai là ngoại. Thần thông ngoại thì cùng chung với ngoại đạo. Thần thông nội lại có hai: Một là thần thông của Nhị thừa, hai là thần thông của Bồ-tát. Thần thông mà Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn chứng đắc chẳng giống với thần thông của Thanh văn, Phật-bích-chi. Sao gọi là chẳng giống với Thanh văn, Phật-bích-chi? Sự biến hóa thần thông của Nhị thừa là một tâm chỉ biến ra một, chẳng biến được nhiều. Bồ-tát chẳng vậy, ở trong một tâm thì có thể biến đầy đủ thân năm đường. Vì sao? Vì do thế lực của kinh Đại Niết-bàn nên như vậy. Đó gọi là cái xưa chẳng được mà nay được. Lại nữa, sao gọi là cái xưa chẳng được mà nay được? Đó là thân được tự tại, tâm được tự tại. Vì sao? Vì thân tâm của tất cả hàng phàm phu chẳng được tự tại, hoặc tâm theo thân, hoặc thân theo tâm. Sao gọi là tâm theo thân? Ví như người say thì rượu ở trong thân, bấy giờ thân động thì tâm cũng động theo. Cũng như thân lười thì tâm cũng lười theo. Đó gọi là tâm theo thân. Lại như, trẻ con, thân nó trẻ nhỏ thì tâm cũng nhỏ theo, còn người lớn thì thân lớn nên tâm cũng lớn theo. Lại như có người thân thể thô rít, lòng thường suy nghĩ muốn được dầu mỡ thấm nhuần làm cho mịn màng. Đó gọi là tâm tùy theo thân. Sao gọi là thân tùy theo tâm?

Đó là đi, lại, ngồi, nằm, tu hành Thí, Giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, hễ người sâu não thì thân gầy còm, tiêu tụy; người hoan hỷ thì thân béo mập, tươi tốt; người kinh sợ thì thân run rẩy, chao động; người chuyên tâm nghe pháp thì thân tươi vui, người buồn khổ thì nước mắt tuôn rơi. Đó gọi là thân tùy theo tâm. Bồ-tát chẳng vậy, đối với thân tâm đều được tự tại. Đó gọi là cái xưa chẳng được mà nay được. Lại nữa, này thiện nam! Thân tướng thị hiện của Đại Bồ-tát giống như vi trần. Do thân vi trần này nên đều có thể đến khắp vô lượng vô biên những thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng, không có sự ngăn ngại mà tâm thường định như lúc ban đầu chẳng di động. Đó gọi là tâm chẳng tùy theo thân. Đó cũng gọi là cái xưa chẳng đến mà nay có thể đến. Sao gọi là xưa chẳng đến mà nay có thể đến? Chỗ mà tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... chẳng thể đến, thì Bồ-tát có thể đến. Vậy nên gọi là cái xưa chẳng đến mà nay có thể đến. Tất cả Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... tuy dùng thần thông nhưng chẳng thể biến thân nhỏ như vi trần đến khắp vô lượng những thế giới Phật nhiều như cát sông Hằng. Thân của Thanh văn, Duyên giác nếu khi động thì tâm cũng động theo. Bồ-tát chẳng vậy, tâm tuy chẳng động nhưng thân thì không đâu chẳng đến. Đó gọi là tâm Bồ-tát chẳng tùy theo thân. Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát hóa thân lớn như ba ngàn đại thiên thế giới, rồi dùng thân lớn này vào thân một vi trần mà tâm Bồ-tát ấy, bấy giờ cũng chẳng nhỏ theo. Thanh văn, Duyên giác tuy có thể hóa thân khiến cho lớn như ba ngàn đại thiên thế giới nhưng mà chẳng thể dùng thân lớn này vào thân vi trần. Đối với việc này còn tự chẳng thể được, huống chi là có thể khiến cho tâm chẳng động theo. Đó gọi là tâm Bồ-tát chẳng tùy theo thân. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát dùng một âm thanh có thể khiến cho chúng sinh của ba ngàn đại thiên thế giới đều nghe mà tâm chẳng nghĩ, làm cho âm thanh này khắp các thế giới, khiến cho điều các chúng sinh xưa chẳng nghe nay được nghe. Bồ-tát này cũng chẳng cho rằng, ta khiến cho chúng sinh điều mà xưa chẳng nghe nay được nghe. Bồ-tát, nếu nói rằng, nhờ ta nói pháp nên khiến cho các chúng sinh chẳng nghe được nghe, thì phải biết người này nhất định chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh chẳng nghe điều ta nói cho họ. Tâm như thế là tâm sinh tử, tất cả tâm

Bồ-tát đã đoạn hết. Do nghĩa này nên thân, tâm của Đại Bồ-tát chẳng theo đuổi nhau. Nay thiện nam! Thân, tâm của tất cả phàm phu theo nhau. Bồ-tát chẳng vậy, vì hóa độ chúng sinh nên tuy hiện thân nhỏ nhưng tâm cũng chẳng nhỏ. Vì sao? Vì tâm tánh của các Bồ-tát thường rộng lớn nên tuy hiện thân lớn nhưng tâm cũng chẳng lớn. Sao gọi là thân lớn? Thân như ba ngàn đại thiên thế giới. Sao gọi là tâm nhỏ? Là hành hạnh anh nhi. Do nghĩa này nên tâm chẳng tùy theo thân. Đại Bồ-tát đã ở vô lượng vô số kiếp xa lìa rượu chẳng uống mà tâm cũng động, lòng không bi khổ mà thân cũng chảy nước mắt, thật không kinh sợ mà thân cũng run rẩy. Do nghĩa này nên phải biết là, thân tâm của Bồ-tát tự tại chẳng theo nhau. Đại Bồ-tát chỉ hiện một thân mà các chúng sinh ai cũng đều thấy khác. Lại nữa, nay thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì điều xưa chẳng nghe mà nay nghe được? Đại Bồ-tát trước tiên chọn tướng của tiếng như là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng tiêu, tiếng sáo, tiếng ca, tiếng khóc v.v... mà tu tập. Do tu tập nên Bồ-tát có thể nghe âm thanh của địa ngục ở trong ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ-tát lại tu tập chuyển đổi được nhĩ căn khác, khác với thiên nhĩ của Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì nhĩ căn thanh tịnh mà Nhị thừa sở đắc, nếu nương vào bốn đại tịnh diệu của Sơ thiên thì chỉ nghe Sơ thiên, chẳng nghe Nhị thiên, cho đến Tứ thiên cũng như vậy. Họ tuy có thể cùng một lúc nghe được âm thanh của ba ngàn đại thiên thế giới mà chẳng thể nghe được âm thanh của vô lượng vô biên hằng hà sa số thế giới. Do nghĩa này nên nhĩ căn của Bồ-tát khác với nhĩ căn của Thanh văn, Duyên giác. Do sự khác này nên điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe, tuy nghe âm thanh mà tâm ban đầu không nghe tướng của âm thanh, chẳng khởi tướng có, tướng thường, tướng lạc, chẳng ngã, tướng tịnh, tướng chủ, tướng y, tướng tác, tướng nhân, tướng định, tướng quả. Do nghĩa này nên các Bồ-tát, điều xưa chẳng nghe nay được nghe.

Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương thưa:

–Như lời Phật nói, chẳng khởi tướng định, chẳng khởi tướng quả thì ý nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì Như Lai trước đã nói rằng, nếu người nghe được một câu, một chữ của Kinh Đại Niết-bàn này thì nhất định được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Lai hôm

nay sao lại nói rằng, không định, không quả? Nếu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là tướng định, tức là tướng quả thì sao nói rằng, không định, không quả? Nghe tiếng ác thì sinh tâm ác. Sinh tâm ác thì đến ba đường dữ. Nếu đến ba đường dữ tức định là quả thì sao nói rằng không định, không quả?

Bấy giờ, Đức Như Lai khen:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Chỉ có ông mới có thể hỏi câu hỏi này. Giả sử nếu các Đức Phật nói, các âm thanh có tướng định, quả, thì chẳng phải là tướng của chư Phật Thế Tôn mà là tướng Ma vương, tướng sinh tử, tướng xa Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả chư Phật phàm nói ra điều gì thì đều không có tướng định, quả. Đây thiện nam! Ví như trong lưỡi dao phẫn chiếu dáng mặt người, dựng đứng dao thì thấy mặt người dài, cầm dao ngang thì thấy mặt người rộng. Nếu có tướng định thì sao khi dựng đứng thì thấy dài, khi cầm ngang thì thấy rộng? Do nghĩa này nên phàm sự diễn nói của chư Phật Thế Tôn không có tướng định, quả. Đây thiện nam! Niết-bàn thì chân thật chẳng phải là quả của âm thanh. Giả sử nếu Niết-bàn là quả của âm thanh thì phải biết Niết-bàn chẳng phải là pháp thường. Đây thiện nam! Ví như thế gian, từ nhân sinh ra pháp, có nhân thì có quả, không nhân thì không quả. Nhân vô thường nên quả cũng vô thường. Vì sao? Vì nhân cũng tạo ra quả mà quả cũng tạo ra nhân. Do nghĩa này nên tất cả các pháp không có tướng định. Giả sử Niết-bàn từ nhân sinh ra mà nhân vô thường thì quả cũng vô thường. Nhưng Niết-bàn này chẳng từ nhân sinh ra nên thể của Niết-bàn này chẳng phải là quả. Vậy nên Niết-bàn này là thường. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên thể của Niết-bàn không định, không quả. Đây thiện nam! Luận về Niết-bàn thì cũng có thể nói định, cũng có thể nói quả. Sao gọi là định? Niết-bàn của tất cả chư Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, nên là định; không sinh, lão, hoại nên là định. Nhất-xiển-đề, những kẻ phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh Phương Đẳng tạo tác tội ngũ nghịch mà trừ bỏ bản tâm thì nhất định được Niết-bàn, vậy nên là định. Đây thiện nam! Như lời ông nói, nếu người nghe Ta nói một chữ, một câu của Đại Niết-bàn thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ông đối với nghĩa lời nói này còn chưa hiểu rõ. Ông hãy lắng nghe, Ta sẽ vì ông lại phân biệt, giảng nói.

Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe một chữ, một câu của Kinh Đại Niết-bàn mà chẳng khởi tướng chữ, chẳng khởi tướng câu, chẳng khởi tướng nghe, chẳng khởi tướng Phật, chẳng khởi tướng nói thì như vậy gọi là tướng vô tướng. Do tướng vô tướng nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Như lời ông nói, nghe tiếng ác nên đến ba đường, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì chẳng phải do tiếng ác mà đến ba đường. Ông phải biết, quả này chính là do tâm ác. Vì sao? Vì có thiện nam, thiện nữ v.v... tuy nghe tiếng ác nhưng tâm chẳng sinh ác. Vậy nên ông phải biết chẳng phải nhân tiếng ác mà sinh ra trong ba đường. Các chúng sinh nhân phiền não kiết, tâm ác nhiều thêm nên sinh vào ba đường ác, chẳng phải nhân tiếng ác. Nếu tiếng có tướng nhất định thì những người có nghe đáng lẽ sinh ra tâm ác, nhưng lại có người sinh, có người không sinh. Vậy phải biết, tiếng không có tướng nhất định. Vì không có tướng nhất định nên tuy lại nhân vào đó nhưng chẳng sinh ra tâm ác.

–Bạch Thế Tôn! Tiếng nếu không nhất định thì vì sao điều Bồ-tát xưa chẳng nghe mà nay được nghe?

–Này thiện nam! Tướng không tướng nhất định nên điều xưa chẳng nghe mà khiến cho các Bồ-tát nay được nghe. Do nghĩa này nên Ta nói lời này, điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Này thiện nam! Sao gọi là điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn vi diệu thì trước tiên chọn lấy tướng ánh sáng như là ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lửa nhà, đèn, đuốc, hỏa châu, dược thảo v.v... Do tu tập ánh sáng ấy nên được nhãn căn khác, khác với sở đắc của Thanh văn, Duyên giác. Thế nào là khác? Thiên nhãn thanh tịnh mà hàng Nhị thừa chứng đắc, nếu nương vào nhãn căn bốn đại của Dục giới thì chẳng thấy Sơ thiên, nếu nương vào Sơ thiên thì chẳng thấy cõi trên, thậm chí mắt của mình còn chẳng thể thấy. Nếu muốn thấy nhiều, đến cùng cực ba ngàn đại thiên thế giới thì Đại Bồ-tát chẳng tu thiên nhãn, mà quán thấy sắc thân đẹp đều là tướng xương. Bồ-tát tuy thấy sắc tướng của hàng hà sa số thế giới ở phương khác nhưng chẳng khởi tướng sắc, chẳng khởi tướng thường, tướng hữu, tướng vật, tướng danh tự, tướng tạo tác nhân duyên, chẳng khởi tướng thấy, chẳng nói rằng, tướng mắt vi diệu thanh tịnh mà chỉ

thấy tướng nhân duyên chẳng phải nhân duyên. Sao gọi là nhân duyên? Sắc là duyên của mắt. Giả sử nếu sắc này chẳng phải nhân duyên thì tất cả phàm phu lẽ ra chẳng sinh tướng sắc. Do nghĩa này nên sắc gọi là nhân duyên. Chẳng phải nhân duyên là, Đại Bồ-tát tuy lại thấy sắc nhưng chẳng sinh khởi tướng sắc. Vậy nên chẳng phải là duyên. Do nghĩa này nên thiên nhãn thanh tịnh mà Bồ-tát sở đắc khác với sở đắc của Thanh văn, Duyên giác. Do sự khác này nên Bồ-tát cùng một lúc thấy khắp chư Phật hiện tại trong mười phương thế giới. Đó gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng thấy mà nay được thấy. Do sự khác này nên có thể thấy vi trần, cái mà Thanh văn, Duyên giác chẳng thể thấy. Do sự khác này nên Bồ-tát tuy thấy mắt mình đầu tiên nhưng không có tướng thấy, thấy tướng vô thường, thấy thân phàm phu tràn đầy ba mươi sáu vật bất tịnh như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên nói điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy. Nếu thấy tướng sắc của chúng sinh thì biết căn người ấy là Đại thừa hay Tiểu thừa. Nếu chạm vào áo cũng biết tướng sai biệt của các căn thiện, ác của người đó. Do nghĩa này nên nói điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Do sự biết này nên điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Do sự biết này nên điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy. Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng biết mà nay được biết? Đại Bồ-tát tuy biết tâm của phàm phu tham, sân, si nhưng ban đầu chẳng khởi tướng tâm và tâm sở, chẳng khởi tướng chúng sinh và cả tướng vật, tu tướng không rốt ráo đệ nhất nghĩa. Vì sao? Vì tất cả Bồ-tát thường khéo tu tập tướng không tánh. Do tu tập không nên điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Sao gọi là biết? Biết không có ngã, không có ngã sở, biết các chúng sinh đều có Phật tánh. Do Phật tánh nên Nhất-xiển-đề v.v... lìa bỏ bản tâm thì đều sẽ được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những điều này đều là điều chẳng thể biết của Thanh văn, Duyên giác mà Bồ-tát lại biết. Do nghĩa này nên nói, điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là điều xưa chẳng biết mà nay được biết? Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu, nghĩ đến đời sống, dòng họ, cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè, kẻ oán ghét của tất cả chúng sinh đời quá khứ. Ở trong một niệm Bồ-tát được trí khác lạ, khác với trí tuệ của Thanh văn,

Duyên giác. Sao gọi là khác? Trí tuệ của Thanh văn, Duyên giác nghĩ đến dòng họ, cha mẹ cho đến kẻ oán ghét của chúng sinh trong đời quá khứ, khởi tướng chủng tánh... cho đến tướng oán ghét. Bồ-tát chẳng vậy, tuy nghĩ đến dòng họ, cha mẹ cho đến kẻ oán ghét ở đời quá khứ nhưng nhất định chẳng sinh tướng dòng họ, tướng cha mẹ, tướng oán ghét, thường khởi tướng pháp, tướng không tịch. Đó gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là điều xưa chẳng biết mà nay được biết? Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu được trí tha tâm khác với sở đắc của Thanh văn, Duyên giác. Sao gọi là khác? Khi Thanh văn, Duyên giác dùng trí nhất niệm để biết tâm người thì chẳng thể biết tâm của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và trời. Bồ-tát chẳng vậy, ở trong một niệm biết khắp tâm của chúng sinh trong sáu đường. Đó gọi là điều xưa Bồ-tát chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam! Lại có sự biết khác. Đại Bồ-tát ở trong một tâm, biết từ tâm đầu tiên của Tu-đà-hoàn, rồi lần lượt đến tâm thứ mười sáu. Do nghĩa này nên nói, điều xưa chẳng biết mà nay được biết. Đó là Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ hai.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ ba? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn bỏ tâm từ được tâm từ, khi được tâm từ chẳng do nhân duyên. Sao gọi là bỏ tâm từ được tâm từ? Này thiện nam! Tâm từ đó là thế đế. Đại Bồ-tát bỏ Từ thế đế được Từ đệ nhất nghĩa. Từ đệ nhất nghĩa chẳng từ duyên mà được. Lại nữa, sao gọi là bỏ tâm từ được tâm từ? Tâm từ nếu có thể bỏ thì gọi là tâm từ phạm phu. Tâm từ nếu có thể được tức là tâm từ không duyên của Bồ-tát. Bỏ tâm từ Nhất-xiển-đề, tâm từ phạm bốn trọng cấm, tâm từ bài báng Phương Đẳng, tâm từ tạo tội ngũ nghịch để được tâm từ thương xót, tâm từ Như Lai, tâm từ Thế Tôn, tâm từ không nhân duyên. Sao lại gọi là bỏ tâm từ được tâm từ? Bỏ tâm từ của hạng huỳnh môn, tâm từ của người không căn, người hai căn, người nữ, tâm từ của đồ tể, thợ săn, người chăn nuôi gà, heo v.v... cũng bỏ tâm từ của Thanh văn, Phật-bích-chi để được tâm từ không nhân duyên của những Bồ-tát. Hành giả chẳng thấy tâm từ của mình, chẳng thấy tâm từ của người khác, chẳng thấy trì giới, chẳng

thấy phá giới. Tuy thấy tâm bi nhưng chẳng thấy chúng sinh. Tuy có khổ thọ nhưng chẳng thấy người thọ. Vì sao? Vì do tu đệ nhất chân thật nghĩa. Đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư có mười việc. Những gì là mười? Một là căn sâu khó có thể nhỏ bớt. Hai là tự thân sinh tướng quyết định. Ba là chẳng quan sát phước điền và chẳng phải phước điền. Bốn là tu làm thanh tịnh cõi Phật. Năm là diệt trừ hữu dư. Sáu là đoạn trừ nghiệp duyên. Bảy là tu thân thanh tịnh. Tám là rõ biết các duyên. Chín là lia các oán địch. Mười là đoạn trừ nhị biên. Sao gọi là căn sâu khó nhỏ bớt? Cái gọi là căn tức là chẳng phóng dật. Chẳng phóng dật là căn gì? Đó là căn của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Những căn bản thiện của tất cả chư Phật đều là chẳng phóng dật. Chẳng phóng dật nên các thiện căn khác lần lượt thêm lớn. Do nó có thể làm tăng trưởng các thiện căn nên ở trong các thiện nó là tối thù thắng. Này thiện nam! Như trong các dấu chân thì dấu chân voi là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các thứ ánh sáng thì ánh sáng mặt trời là trên hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các vì vua thì Chuyển luân Thánh vương là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các dòng chảy thì bốn dòng sông là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các núi thì núi Tu-di là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Này thiện nam! Như các loài hoa sinh trong nước thì hoa sen xanh là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Này thiện nam! Như loài hoa sinh trên đất thì hoa Bà-lợi-sư là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Này thiện nam! Như trong các loài thú thì sư tử là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Này thiện nam! Như trong loài chim bay thì

chim cánh vàng chúa là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong loài thân lớn thì vua A-tu-la La-hầu là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong tất cả chúng sinh, hoặc loài hai chân, bốn chân, nhiều chân hay không chân, thì Như Lai là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, ở trong các pháp thiện, là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong các chúng thì Phật, Tăng là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, ở trong các pháp thiện là hơn hết. Nay thiện nam! Như trong pháp Phật thì pháp Đại Niết-bàn này là hơn hết. Pháp chẳng phóng dật cũng như vậy, đối với các pháp thiện là hơn hết. Nay thiện nam! Do nghĩa này nên căn chẳng phóng dật thâm sâu, bền chắc khó búng lên được. Những gì do chẳng phóng dật mà được tăng trưởng? Đó là tín căn, giới căn, thí căn, tuệ căn, nhẫn căn, văn căn, tấn căn, niệm căn, định căn, thiện tri thức căn, những căn như vậy mà chẳng phóng dật thì được tăng trưởng. Do chúng tăng trưởng nên thâm sâu bền chắc khó búng lên được. Do nghĩa này nên gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì căn thâm sâu khó búng lên được.

Sao gọi là đối với thân khởi tưởng quyết định? Đối với tự thân sinh tâm quyết định: “Thân này của ta hôm nay ở đời vị lai, nhất định sẽ làm pháp khí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâm cũng như vậy, chẳng khởi nhỏ hẹp, chẳng khởi thay đổi, chẳng khởi tâm Thanh văn, Phật-bích-chi, chẳng khởi tâm ma và tâm tự lạc, tâm ưa sinh tử. Ta luôn vì chúng sinh cầu tâm từ bi”, đó gọi là Bồ-tát đối với tự thân sinh tâm quyết định: “Ta ở đời vị lai sẽ làm pháp khí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn đối với tự thân sinh tưởng quyết định.

Sao gọi là Bồ-tát chẳng quán phước điền và chẳng phải phước điền? Sao gọi là phước điền? Kẻ ngoại đạo trì giới lên đến chư Phật, đó gọi là phước điền. Nếu có người nghĩ rằng, những vị như vậy là chân phước điền thì nên biết, tâm này là hẹp hòi, kém cỏi. Đại Bồ-tát đều quán tất cả vô lượng chúng sinh đều là phước điền. Vì sao? Vì khéo tu tập niệm xứ khác. Có niệm xứ khác khéo tu tập là: Quán các chúng sinh không có trì giới và cả hủy giới, thường quán lời nói của chư Phật

Thế Tôn. Thí tuy có bốn thứ nhưng đều được quả báo thanh tịnh. Những gì là bốn? Một là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh. Hai là thí chủ bất tịnh, người thọ thí thanh tịnh. Ba là người thí, kẻ thọ thí đều thanh tịnh. Bốn là cả hai đều bất tịnh. Sao gọi là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh? Thí chủ có đủ giới, đa văn, trí tuệ, biết có tuệ thí và cả quả báo. Kẻ thọ thí phá giới, chuyên chấp trước tà kiến, nói không có tuệ thí, không quả báo. Đó gọi là thí chủ thanh tịnh, người thọ thí bất tịnh. Sao gọi là thí chủ bất tịnh, người thọ thí thanh tịnh? Thí chủ phá giới, chuyên chấp trước tà kiến, nói rằng không có tuệ thí và cả quả báo. Kẻ thọ thí trì giới, đa văn, trí tuệ, biết có tuệ thí và quả báo của thí. Đó gọi là thí chủ bất tịnh, người thọ thí thanh tịnh. Sao gọi là người thí, kẻ thọ thí đều thanh tịnh? Người thí, kẻ thọ đều có trì giới, đa văn, trí tuệ, biết có tuệ thí và quả báo của thí. Đó gọi là người thí, kẻ thọ thí đều thanh tịnh. Sao gọi là cả hai đều bất tịnh? Người thí, kẻ thọ đều phá giới, tà kiến và nói rằng, không có thí và quả báo của thí. Nếu như vậy thì sao lại gọi rằng, được quả báo thanh tịnh? Do không thí, không quả báo nên gọi là thanh tịnh. Này thiện nam! Nếu có người chẳng thấy bố thí và quả báo của thí thì phải biết người này chẳng gọi phá giới, chuyên chấp trước tà kiến. Nếu nương vào Thanh văn mà nói, chẳng thấy bố thí và quả báo của thí thì đó gọi là phá giới, tà kiến. Nếu y vào kinh Đại Niết-bàn như vậy mà chẳng thấy tuệ thí và quả báo của thí thì đó gọi là trì giới, chánh kiến. Đại Bồ-tát có niệm xứ khác để tu tập nên chẳng thấy chúng sinh trì giới, phá giới, người thí, kẻ thọ và quả báo của thí. Vậy nên được gọi là trì giới, chánh kiến. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát chẳng quán phước điền và chẳng phải phước điền.

Sao gọi là làm thanh tịnh cõi Phật? Đại Bồ-tát tu Kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi tâm giết hại. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho các chúng sinh được thọ mạng lâu dài, có thể lực lớn, được đại thần thông. Do sức của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của đất nước đó được thọ mạng lâu dài, có đại thế lực, được đại thần thông. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên lìa khỏi tâm trộm

cấp. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho quốc độ của chư Phật thuần là bảy báu, chúng sinh giàu có đầy đủ, điều mong muốn được như ý. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì đất nước thuần là bảy báu, chúng sinh giàu có đầy đủ, điều mong muốn đều như ý. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên liả khỏi tâm dâm dục. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật không có tâm tham dục, sân hận, ngu si, cũng không có hoạn nạn đói khát khổ não. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì chúng sinh trong đất nước mình xa liả tâm tham dục, sân hận, ngu si và tất cả không có đói khát khổ não. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên liả khỏi tâm vọng ngữ. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật thường có rừng rậm cây thơm hoa trái, chúng sinh được âm thanh vi diệu. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì có được đất nước thường có rừng rậm, cây thơm hoa trái. Chúng sinh trong cõi ấy đều được âm thanh thượng diệu thanh tịnh. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa liả lời nói hai lưỡi. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật thường chung hòa hợp giảng nói chánh pháp. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của đất nước mình đều chung hòa hợp giảng luận pháp chính yếu. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa liả lời nói ác khẩu. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho đất của các cõi Phật bằng phẳng như lòng bàn tay, không cát đá, gai góc bén nhọn. Chúng sinh của những cõi ấy lòng bình đẳng. Do lực của nhân duyên thế nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì đất nước bằng như bàn tay không có cát đá, gai góc bén nhọn và chúng sinh thì lòng bình đẳng. Lại nữa, này

thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên lia khỏi lời nói vô nghĩa. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho tất cả chúng sinh của các cõi Phật không có khổ não. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của đất nước không có khổ não. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa lia tham lam ganh ghét. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho tất cả chúng sinh của các cõi Phật không có tham lam, ganh ghét. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên ở đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của đất nước đều không tham lam, ganh ghét. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa lia não hại. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật đều chung tu tập đại từ, đại bi, được địa Nhất tử. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì tất cả chúng sinh của thế giới đó đều cùng tu tập đại từ đại bi, được địa Nhất tử. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì độ chúng sinh nên xa lia tà kiến. Rồi đem thiện căn này nguyện ban cho tất cả chúng sinh, nguyện cho chúng sinh của các cõi Phật đều được Đại Bát nhã Ba-la-mật. Do lực của nhân duyên thệ nguyện này nên vào đời vị lai, khi thành Phật thì chúng sinh của thế giới đó đều được thọ trì Đại Bát nhã Ba-la-mật. Đó gọi là Bồ-tát tu tập làm tịnh cõi Phật.

Sao gọi là Đại Bồ-tát diệt trừ hữu dư? Hữu dư có ba: một là phiền não dư báo, hai là dư nghiệp, ba là dư hữu. Này thiện nam! Sao gọi là phiền não dư báo? Nếu có chúng sinh quen gần tham dục mà quả báo này thành thực thì đọa vào địa ngục. Từ địa ngục ra thọ thân súc sinh như là bồ câu, chim sẻ, uyên ương, anh vũ, Kỳ-bà Kỳ-bà, xá-lợi-già, thanh tước, cá, rùa, khỉ, hươu nai v.v... Nếu được thân người thì thọ thân huỳnh môn, nữ nhân, người hai căn hay không căn, dâm nữ. Nếu được xuất gia thì phạm giới nặng đầu tiên. Đó gọi là dư báo.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh đem lòng sâu nặng

quen gần thân hận, thì khi báo này thành thực, rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra, thọ thân súc sinh như là rắn độc đủ bốn thứ độc: thấy độc, chạm độc, cắn độc, hơi độc; hoặc là sư tử, cọp, sói, gấu, mèo, chồn, chim ưng, diều hâu v.v... Nếu được thân người thì đầy đủ mười sáu thứ luật nghi ác. Nếu được xuất gia thì phạm trọng giới thứ hai. Đó gọi là dư báo.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu có người tu tập ngu si thì khi quả báo này thành thực, rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra, thọ thân súc sinh như là voi, heo, bò, dê, trâu, rận, bọ chét, ruồi, muỗi, kiến v.v... Nếu được thân người thì điếc, mù, câm, ngọng, tàn phế, lưng gù v.v... các căn chẳng đủ, chẳng thể thọ pháp. Nếu được xuất gia thì các căn ám độn, ưa phạm trọng giới cho đến tội thấp hèn. Đó gọi là dư báo.

Lại nữa, này thiện nam! Nếu có người tu tập kiêu mạn thì khi quả báo này thành thực, rơi vào địa ngục. Từ địa ngục ra, thọ thân súc sinh như là trùng phân, lạc đà, lừa, chó, ngựa. Nếu sinh ra trong loài người thì thọ thân nô tỳ, nghèo cùng, ăn xin. Hoặc được xuất gia thì thường bị sự khinh miệt của chúng sinh và phá giới thứ tư. Đó gọi là dư báo. Những điều như vậy gọi là phiền não dư báo. Những dư báo như vậy, Đại Bồ-tát nhờ tu tập kinh Đại Niết-bàn nên đều được trừ diệt. Sao gọi là dư nghiệp? Đó là gọi nghiệp của tất cả phàm phu, nghiệp của tất cả Thanh văn, nghiệp thọ thân bảy lần của Tu-đà-hoàn, nghiệp thọ thân hai lần của Tư-đà-hàm, nghiệp thọ thân cõi Sắc của A-na-hàm. Đó gọi là dư nghiệp. Những dư nghiệp như vậy, Đại Bồ-tát nhờ khả năng tu tập kinh Đại Niết-bàn nên đều được đoạn trừ. Sao gọi là dư hữu? A-la-hán đắc quả A-la-hán, Phật-bích-chi đắc quả Phật-bích-chi, không nghiệp không kết mà chuyển thành hai quả. Đó gọi là dư hữu. Ba thứ pháp hữu dư này, Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa nên được diệt trừ. Đó gọi là Đại Bồ-tát diệt trừ hữu dư.

Sao gọi là Đại Bồ-tát tu thân thanh tịnh? Đại Bồ-tát tu giới bát sát có năm thứ tâm đó là hạ, trung, thượng, thượng trung và thượng thượng cho đến tu chánh kiến cũng như vậy. Năm mươi thứ tâm này gọi là tâm mới phát đầu tiên. Đầy đủ quyết định thành tựu năm mươi tâm thì gọi là mãn túc. Một trăm tâm như vậy gọi là một trăm phước đức. Đầy đủ một trăm phước đức thì thành được một tướng. Cứ như vậy

lần lượt thành tựu đầy đủ ba mươi hai tướng thì gọi là thân thanh tịnh, cho nên lại tu tám mươi vẻ đẹp. Đời có chúng sinh thờ tám mươi vị thần. Những gì là tám mươi? Đó là mười hai mặt trời, mười hai đại thiên, năm vì tinh tú lớn là sao Bắc Đẩu, sao Mã Thiên, sao Hành Đạo Thiên, sao Bà-la-đọa-bạt-xà Thiên, sao Công Đức Thiên, hai mươi tám vì sao, Địa thiên, Phong thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phạm thiên, Lâu-dà thiên, Nhân-đề thiên, Câu-ma-la thiên, Bát Tý thiên, Ma-hê-thủ-la thiên, Bán-xà-la thiên, Quỷ tử mẫu thiên, Tứ thiên vương thiên, Tạo-thơ thiên, Bà-tẩu thiên. Đó gọi là tám mươi. Bồ-tát vì chúng sinh này tu tám mươi vẻ đẹp để tự trang nghiêm. Đó gọi là thân thanh tịnh của Bồ-tát. Vì sao? Vì tám mươi trời đó được sự tín phục của tất cả chúng sinh. Vậy nên Bồ-tát tu tám mươi vẻ đẹp mà thân chẳng động, khiến cho chúng sinh kia theo lòng tin của họ đều được thấy. Thấy rồi họ đều tôn kính và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu thân thanh tịnh. Này thiện nam! Ví như có người muốn thỉnh vị vua lớn thì cần phải trang nghiêm nhà cửa cho cực kỳ thanh tịnh, bày biện đủ trăm món ăn ngon lành, rồi sau đó mới thỉnh vua đến. Đại Bồ-tát cũng như vậy, muốn thỉnh vua pháp luân Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trước phải sửa thân cho cực kỳ thanh tịnh, rồi vua pháp Vô thượng mới đến ở đó. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát cần phải tu thân thanh tịnh. Này thiện nam! Ví như có người muốn uống cam lồ thì trước phải tịnh thân. Đại Bồ-tát cũng như vậy, muốn uống pháp vị cam lồ vô thượng Bát nhã Ba-la-mật thì trước cần phải dùng tám mươi vẻ đẹp mà thanh tịnh thân ấy. Này thiện nam! Ví như đồ đựng báu bằng vàng bạc tốt đẹp đựng nước sạch thì trong ngoài đều sạch. Thân thanh tịnh ấy của Đại Bồ-tát cũng như vậy, đựng nước Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trong ngoài đều thanh tịnh. Này thiện nam! Như áo lụa trắng Ba-la-nại dễ nhuộm màu. Vì sao? Vì tánh trắng sạch. Đại Bồ-tát cũng như vậy, do thân thanh tịnh nên mau chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu thân thanh tịnh. Sao gọi là Đại Bồ-tát rõ biết các duyên? Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc tướng, chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể, chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy tướng một, chẳng thấy tướng khác, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy

người thọ. Vì sao? Vì rõ nhân duyên. Như sắc, tất cả pháp cũng như vậy. Đó gọi là Bồ-tát rõ biết các duyên.

Sao gọi là Bồ-tát lìa các oán địch? Tất cả phiền não là oán địch của Bồ-tát nên Đại Bồ-tát thường xa lìa. Đó gọi là Bồ-tát hoại diệt các oán địch. Bồ-tát trụ địa thứ năm nhìn thấy các phiền não chẳng gọi là oán địch. Vì sao? Vì nhân có phiền não nên Bồ-tát mới sinh, do có sinh nên có thể lần lượt giáo hóa chúng sinh. Do nghĩa này nên chẳng gọi là oán. Những gì là oán? Đó là người bài báng kinh Phương Đẳng. Bồ-tát tùy theo chỗ sinh ra, chẳng sợ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh mà chỉ sợ người bài báng kinh Phương Đẳng như vậy. Tất cả Bồ-tát có tám thứ ma gọi là oán gia, xa lìa tám ma này gọi là lìa khỏi oan gia. Đó gọi là Bồ-tát lìa các oán địch.

Sao gọi là Bồ-tát xa lìa nhị biên? Nói nhị biên là gọi hai mươi lăm cõi và phiền não ái. Bồ-tát thường lìa khỏi hai mươi lăm cõi và phiền não ái thì đó gọi là Bồ-tát lìa nhị biên.

Đó gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, nếu có Bồ-tát tu tập kinh điển Đại Niết-bàn thì đều tạo tác mười việc công đức như vậy thì sao Như Lai chỉ tu chín việc mà chẳng tu cõi thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta, vào thuở xưa, cũng thường tu đủ mười việc như vậy. Tất cả Bồ-tát và các Đức Như Lai không ai chẳng tu mười việc như thế. Giả sử nếu thế giới bất tịnh tràn đầy mà chư Phật Thế Tôn xuất hiện trong đó thì đó là điều không có. Này thiện nam! Ông nay cho rằng, chư Phật xuất hiện ở thế giới bất tịnh thì ông phải biết tâm ấy chẳng tốt mà hẹp hòi, thấp hèn. Ông nay phải biết, Ta thật chẳng xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề. Ví như có người nói, cõi này độc nhất có mặt trời, mặt trăng, thế giới phương khác không có mặt trời, mặt trăng. Lời nói như vậy không có nghĩa lý. Nếu có Bồ-tát phát ngôn như vậy: “Thế giới Phật này ô uế bất tịnh, cõi Phật phương khác thanh tịnh trang nghiêm” thì cũng như vậy. Này thiện nam! Phương Tây,

cách thế giới Ta-bà này ba mươi hai lần cát sông Hằng những cõi Phật, tại đó có thế giới tên là Vô Thắng. Cõi đó vì sao tên là Vô Thắng? Vì việc trang nghiêm của cõi ấy đều bình đẳng, không có sai biệt, giống như thế giới An Lạc ở phương Tây, cũng như thế giới Mãn Nguyệt ở phương Đông. Ta ở cõi Vô Thắng đó xuất hiện ở đời. Vì hóa độ chúng sinh nên Ta ở trong cõi Diêm-phù-đề này thị chuyển bánh xe pháp. Chẳng phải chỉ độ một mình thân Ta ở trong cõi này thị hiện chuyển pháp luân, mà tất cả chư Phật cũng ở trong cõi này mà chuyển bánh xe pháp. Do nghĩa này nên chư Phật Thế Tôn chẳng phải chẳng tu hành mười việc như vậy. Nay thiện nam! Bồ-tát Từ Thị do thệ nguyện nên đời đương lai sẽ khiến cho thế giới này thanh tịnh trang nghiêm. Do nghĩa này nên tất cả thế giới của chư Phật không đâu chẳng trang nghiêm tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vì diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ năm? Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ năm có năm việc. Những gì là năm? Một là các căn đầy đủ, hai là chẳng sinh ở vùng biên địa, ba là chư Thiên ái niệm, bốn là thường được sự cung kính của Trời, Ma, Sa-môn, Sát-lợi, Bà-la-môn v.v..., năm là được trí túc mạng. Bồ-tát do lực của nhân duyên Đại Niết-bàn này nên đầy đủ năm việc công đức như vậy.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch:

–Như lời Phật nói, nếu có thiện nam, thiện nữ nào tu bố thí thì được thành tựu đầy đủ năm việc công đức, vậy sao hôm nay Phật nói nhân Đại Niết-bàn được năm việc này?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Việc như vậy, ý nghĩa của nó đều khác. Hôm nay Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng nói. Bố thí được năm việc là chẳng định, chẳng thường, chẳng tịnh, chẳng thắng và chẳng khác. Đó chẳng phải là vô lậu, chẳng thể lợi ích, an lạc, thương xót tất cả chúng sinh. Nếu nương vào Kinh Đại Niết-bàn như vậy thì năm việc sở đắc là định, là thường, là tịnh, là thắng, là khác. Đó là vô lậu, có thể lợi ích, an lạc, thương xót tất cả chúng sinh. Này thiện nam! Luận về bố thí thì được lìa khỏi đói khát. Kinh Đại Niết-bàn có thể

khiến cho chúng sinh đều được lìa khỏi bệnh khát ái của hai mươi lăm cõi. Nhân duyên bố thí khiến cho sinh tử nối tiếp. Kinh Đại Niết-bàn có thể khiến cho sinh tử đoạn trừ, chẳng nối tiếp. Nhân bố thí nên nhận pháp phàm phu, nhân Đại Niết-bàn được làm Bồ-tát. Nhân duyên bố thí có thể đoạn trừ tất cả bần cùng khổ não, kinh Đại Niết-bàn có thể đoạn trừ tất cả sự nghèo thiếu pháp thiện. Nhân duyên bố thí có phân biệt, có quả báo; nhân duyên Đại Niết-bàn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không phân biệt, không quả báo. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu thành tựu đầy đủ công đức thứ năm.

Này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu? Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn được Tam-muội Kim cương. Bồ-tát an trụ trong Tam-muội này đều có thể phá tan tất cả các pháp, thấy tất cả pháp đều là vô thường, đều là tướng động, nhân duyên của khủng bố, bệnh khổ, trộm cướp, từng niệm từng niệm diệt hoại không có chân thật, tất cả đều là cảnh giới của ma, không thể thấy tướng. Đại Bồ-tát trụ ở Tam-muội này, tuy bố thí cho chúng sinh nhưng thậm chí chẳng thấy một chúng sinh thật. Vì chúng sinh nên tinh cần tu tập Giới Ba-la-mật cho đến tu tập Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy. Nếu Bồ-tát thấy có một chúng sinh thì chẳng thể rớt ráo thành tựu đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật. Này thiện nam! Ví như chỗ kim cương va chạm vào, không có gì chẳng tan nát mà kim cương thì không bị trầy xước. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, pháp nào bị va chạm thì không gì chẳng tan nát mà Tam-muội không có tổn hại. Này thiện nam! Như trong các báu, kim cương là hơn hết. Tam-muội Kim cương mà Bồ-tát sở đắc cũng như vậy, đối với các Tam-muội là hơn hết. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tu Tam-muội này thì tất cả Tam-muội đều quy phục. Này thiện nam! Như các tiểu vương đều đến quy phục Chuyển luân Thánh vương. Tất cả Tam-muội cũng như vậy, đều đến quy phục Tam-muội Kim cương. Này thiện nam! Ví như có người là oán thù của đất nước, bị mọi người chán ghét, nếu có người giết hấn thì tất cả người đời không ai chẳng xưng tán công đức người này. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, Bồ-tát tu tập có thể hoại oán địch của tất cả chúng sinh. Vậy nên thường được sự

tôn kính của tất cả Tam-muội. Đây thiện nam! Ví như có người sức rất mạnh không ai đương cự được. Nhưng lại có người sức có thể hàng phục được người đó thì phải biết người này được đời khen ngợi. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, sức có thể hàng phục pháp khó hàng phục. Do nghĩa này nên tất cả Tam-muội đều đến quy phục. Đây thiện nam! Ví như có người tắm ở biển lớn thì phải biết người này đã sử dụng nước của những dòng sông, dòng suối và ao. Đại Bồ-tát cũng như vậy, tu tập Tam-muội Kim cương như thế thì phải biết là đã tu tập tất cả Tam-muội khác. Đây thiện nam! Như trong núi Hương có một dòng nước suối tên là A-nậu-đạt. Suối ấy đầy đủ nước tám vị. Có người uống nước suối ấy thì không có các bệnh khổ. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, dù tám chánh đạo mà Bồ-tát tu tập thì đoạn trừ những trọng bệnh ghê lở phiền não. Đây thiện nam! Như người cúng dường trời Ma-hê-thủ-la thì phải biết người này đã cúng dường tất cả chư Thiên. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, nếu có người tu tập thì phải biết người này đã tu tập tất cả các Tam-muội khác. Đây thiện nam! Nếu có Bồ-tát an trụ ở Tam-muội kim cương như vậy thì thấy tất cả pháp không có chướng ngại như xem quả A-ma-lặc ở trong lòng bàn tay. Bồ-tát tuy lại được thấy như vậy nhưng nhất định chẳng khởi tưởng thấy tất cả pháp. Đây thiện nam! Ví như có người ngồi ngã tư đường thấy các chúng sinh đi, đứng, nằm, ngồi. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, thấy tất cả pháp sinh diệt hiện ra, mất đi. Đây thiện nam! Ví như núi cao có người leo lên đó, trông xa các phương đều rõ. Núi định kim cương cũng như vậy, Bồ-tát leo lên đó xa trông các pháp, không pháp nào chẳng sáng tỏ. Đây thiện nam! Ví như mùa xuân trời đổ mưa. Những giọt mưa ấy ly ti không chỗ trống, người mắt sáng thấy chúng rõ ràng. Bồ-tát cũng vậy, được mắt thanh tịnh định kim cương, thấy từ xa những thế giới của phương Đông. Trong số ấy, hoặc có đất nước thành hay hoại, tất cả đều thấy rõ ràng không ngăn ngại cho đến mười phương cũng như vậy. Đây thiện nam! Như núi Do-càn-đà, khi bảy mặt trời đồng thời xuất hiện thì cây cối, rừng rậm của núi ấy, tất cả đều cháy hết. Bồ-tát tu tập Tam-muội Kim cương cũng như vậy, tất cả rừng rậm phiền não tức thời tiêu diệt. Đây thiện nam! Ví như kim cương tuy có thể phá vỡ tất cả vật nhưng chẳng bao giờ sinh ra ý nghĩ là ta có thể

phá vỡ Tam-muội Kim cương cũng như vậy, Bồ-tát tu rồi có thể phá phiền não nhưng chẳng bao giờ sinh ý nghĩ là: Ta có thể phá tan kiết sử. Nay thiện nam! Ví như đại địa có thể giữ gìn vạn vật, nhưng chẳng bao giờ sinh ý nghĩ là sức ta có thể giữ gìn. Lửa cũng chẳng nghĩ là ta có thể đốt cháy vật. Nước cũng chẳng nghĩ là ta có thể thấm nhuần. Gió cũng chẳng nghĩ là ta có thể lay động vật. Không cũng chẳng nghĩ là ta có thể dung thọ hết. Niết-bàn cũng chẳng sinh ý nghĩ là ta khiến cho chúng sinh được diệt độ. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, tuy có thể diệt trừ tất cả phiền não mà không cho là ta có thể diệt. Nếu có Bồ-tát an trụ vào Tam-muội Kim cương như vậy thì ở trong một niệm, biến thân như Phật mà số ấy vô lượng, cùng khắp hằng hà sa thế giới chư Phật trong mười phương. Bồ-tát này tuy làm sự biến hóa này nhưng tâm Bồ-tát ấy không có tư tưởng kiêu mạn. Vì sao? Vì Bồ-tát thường nghĩ là hễ ai có định này thì có thể biến hóa như thế. Chỉ có Bồ-tát an trụ ở Tam-muội Kim cương như vậy mới có thể biến hóa. Đại Bồ-tát an trụ ở Tam-muội Kim cương như vậy thì ở trong một niệm, đi đến khắp hằng hà sa số thế giới của chư Phật trong mười phương, rồi trở lại chỗ cũ của mình. Bồ-tát tuy có năng lực này nhưng cũng chẳng nghĩ là ta có năng lực như vậy. Vì sao? Vì đó là do năng lực của nhân duyên Tam-muội. Đại Bồ-tát an trụ Tam-muội Kim cương như vậy, ở trong một niệm có thể đoạn trừ phiền não của chúng sinh trong hằng hà sa số thế giới khắp mười phương mà tâm không có tư tưởng đoạn trừ phiền não của các chúng sinh. Vì sao? Vì do năng lực của nhân duyên Tam-muội này. Bồ-tát trụ Tam-muội Kim cương này, dùng một thứ âm thanh của mình để diễn nói mà tất cả chúng sinh tùy theo chủng loại đều được hiểu rõ, thị hiện một sắc mà tất cả chúng sinh đều thấy đủ thứ sắc tướng, an trụ một chỗ, thân chẳng di dịch mà có thể khiến cho chúng sinh tùy theo nơi chốn của mình, đều thấy, diễn nói một pháp hoặc là giới hay nhập thì tất cả chúng sinh đều tùy theo sự hiểu biết của mình mà được nghe hết. Bồ-tát an trụ ở Tam-muội như vậy, tuy thấy chúng sinh mà tâm không có tướng chúng sinh, tuy thấy nam nữ mà không có tướng nam nữ, tuy thấy sắc pháp mà không có tướng sắc cho đến thấy thức cũng không có tướng thức, tuy thấy ngày đêm mà không có tướng ngày đêm, tuy thấy tất cả mà không có tướng tất cả, tuy thấy các kết

của tất cả phiền não mà cũng không có tướng của tất cả phiền não, tuy thấy tám Thánh đạo mà không có tướng tám Thánh đạo, tuy thấy Bồ-đề mà không có tướng Bồ-đề, tuy thấy Niết-bàn mà không có tướng Niết-bàn. Vì sao? Đây thiện nam! Vì tất cả các pháp vốn không có tướng. Bồ-tát do năng lực của Tam-muội này nên thấy tất cả pháp vốn không có tướng. Vì sao gọi là Tam-muội Kim cương? Đây thiện nam! Ví như kim cương ở giữa trưa thì màu sắc chẳng định. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, ở trong đại chúng thì sắc cũng chẳng định. Vậy nên gọi là Tam-muội Kim cương. Đây thiện nam! Ví như kim cương, tất cả người đời chẳng thể đánh giá. Tam-muội Kim cương cũng như vậy, công đức của Tam-muội này, tất cả hàng trời, người chẳng thể đánh giá, đo lường. Vậy nên gọi là Tam-muội Kim cương. Đây thiện nam! Ví như người nghèo được báu kim cương thì được thoát khỏi bần cùng khốn khổ, quỷ ác tà độc. Đại Bồ-tát cũng như vậy, được Tam-muội này thì có thể xa lìa phiền não, các khổ, các ma tà độc. Vậy nên lại gọi là Tam-muội Kim cương. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXIII

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 5

Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy? Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn suy nghĩ thế này: “Pháp nào có thể làm nhân gần cho Đại Niết-bàn?”. Bồ-tát liền biết có bốn thứ pháp có thể làm nhân gần cho Đại Niết-bàn. Nếu nói siêng tu tất cả khổ hạnh là nhân gần của Đại Niết-bàn thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu lìa khỏi bốn pháp mà đắc Niết-bàn thì đó là điều không có. Những gì là bốn pháp? Một là thân cận bạn lành, hai là chuyên tâm nghe pháp, ba là buộc ý niệm tư duy, bốn là như pháp tu hành. Nay thiện nam! Ví như có người, thân mắc mọi thứ bệnh hoặc nóng, hoặc lạnh, ho lao, sốt rét và mọi thứ tà quỷ độc hại, đi đến chỗ thầy thuốc giỏi. Thầy thuốc giỏi liền vì người ấy theo bệnh cho toa. Người này chí tâm khéo theo lời dặn của thầy thuốc, rồi theo lời dặn mà pha chế thuốc, theo đúng như pháp uống thuốc, uống xong bệnh khỏi, thân được an vui. Người có bệnh là ví các Bồ-tát. Vị đại lương y là ví cho thiện tri thức. Lời dặn của lương y là ví kinh Phương Đẳng. Khéo thọ lời dặn của thầy thuốc là ví cho sự khéo suy nghĩ nghĩa của kinh Phương Đẳng. Theo lời dặn pha chế thuốc là ví cho việc theo đúng như pháp tu hành Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Bệnh trừ khỏi là ví cho việc diệt phiền não. Được an vui là ví cho việc được Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Nay thiện nam! Ví như có vị vua muốn theo đúng như pháp cai trị khiến cho dân an vui, bèn hỏi các bề tôi trí tuệ, pháp ấy là gì. Các bề tôi liền đem pháp xưa của tiên vương mà nói cho vua nghe. Vua đã nghe rồi, chí tâm tin làm, đúng như pháp trị nước, không có các oán địch, nên khiến cho dân an

vui, không có hoạn nạn. Đây thiện nam! Vua là ví cho các vị Bồ-tát. Các bề tôi trí tuệ là ví thiện tri thức. Lời nói pháp trị của bề tôi trí tuệ vì vua là ví mười hai bộ loại kinh điển. Vua đã nghe rồi chí tâm tin làm là ví các vị Bồ-tát ràng buộc tâm suy nghĩ nghĩa thâm diệu của mười hai bộ loại kinh điển. Theo đúng như pháp trị nước là ví các Bồ-tát theo đúng như pháp tu hành như sáu pháp Ba-la-mật. Do có thể tu tập sáu pháp Ba-la-mật nên không có oán địch là ví các Bồ-tát đã lìa khỏi những tặc ác phiền não kiết. Được an vui là ví các Bồ-tát được Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Đây thiện nam! Ví như có người mắc bệnh hủi, có thiện tri thức nói với ông ta: “Nếu ông có thể đến bên núi Tu-di thì bệnh có thể được khỏi. Vì sao? Vì ở đó có thuốc hay, ví như cam lồ. Nếu có thể được uống thì không gì chẳng khỏi”. Người bệnh ấy chí tâm tin việc này, rồi liền đi đến núi đó, tìm uống cam lồ thì bệnh ấy trừ khỏi, thân được an vui. Người bệnh hủi ví cho các phàm phu. Thiện tri thức ví cho các Bồ-tát v.v... chí tâm tín thọ ví cho bốn tâm vô lượng. Núi Tu-di ví cho tám Thánh đạo. Vị cam lồ ví cho Phật tánh. Bệnh hủi trừ khỏi ví cho diệt phiền não. Được yên vui ví cho được Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Đây thiện nam! Ví như có người nuôi các đệ tử thông minh đại trí. Người này ngày đêm thường dạy bảo họ chẳng mệt mỏi. Các Bồ-tát v.v... cũng như vậy, tất cả chúng sinh có tin hay chẳng tin đều thường giáo hóa không có mệt mỏi. Đây thiện nam! Thiện tri thức là Phật, Bồ-tát, Phật-bích-chi, Thanh văn, kẻ tin kinh Phương Đẳng trong loài người. Vì sao gọi là thiện tri thức? Thiện tri thức thì có thể dạy bảo các chúng sinh xa lìa mười ác, tu hành mười thiện. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, thiện tri thức là nói đúng như pháp, làm đúng như lời nói. Sao gọi là nói đúng như pháp, làm đúng như lời nói? Tự chẳng sát sinh, dạy người chẳng sát sinh cho đến tự làm theo chánh kiến, dạy người chánh kiến. Nếu có thể như vậy thì được gọi là chân thiện tri thức. Tự tu Bồ-đề, cũng dạy người tu hạnh Bồ-đề, do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Tự có thể tu hành tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, cũng có thể dạy người tín, giới, bố thí, đa văn, trí tuệ, lại do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Người thiện tri thức thì có pháp thiện. Những gì là pháp thiện? Việc của mình làm chẳng cầu vui cho mình, thường vì chúng sinh mà cầu an vui. Thấy

người khác có lỗi chẳng nói ra sở đoản của họ. Miệng thường tuyên nói toàn việc thiện. Do những nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Đây thiện nam! Như vầng trăng trong không, từ ngày mùng một đến ngày mười lăm tăng trưởng dần dần. Thiện tri thức cũng như vậy, khiến cho những người học xa dần pháp ác, tăng trưởng pháp thiện. Đây thiện nam! Nếu có người thân cận thiện tri thức mà vốn chưa có giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến thì liền có những thứ đó, chưa đầy đủ thì được rộng thêm. Vì sao? Vì do thân cận thiện tri thức ấy. Nhân sự thân cận này được thấu rõ nghĩa thâm diệu của Mười hai bộ loại kinh điển. Nếu người có thể nghe nghĩa thâm diệu của Mười hai bộ loại kinh điển này thì gọi là nghe pháp.

Nghe pháp tức là nghe kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng này. Nghe kinh Phương Đẳng thì gọi là nghe pháp một cách chân chánh. Nghe pháp một cách chân chánh tức là nghe thọ kinh Đại Niết-bàn. Trong kinh Đại Niết-bàn nghe có Phật tánh, Như Lai rốt ráo không nhập Niết-bàn. Vậy nên gọi là chuyên tâm nghe pháp, mà chuyên tâm nghe pháp gọi là tám Thánh đạo. Do tám Thánh đạo có thể đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si nên gọi là nghe pháp. Luận về nghe pháp là gọi mười một pháp không. Vì những pháp không này đối với tất cả pháp chẳng tạo tác tướng mạo. Luận về nghe pháp là gọi tâm mới phát cho đến tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rốt ráo. Vì do tâm ban đầu mà đắc Đại Niết-bàn, chẳng do nghe đắc Đại Niết-bàn, mà do tu tập nên đắc Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như người bệnh tuy nghe lời dạy bảo của thầy thuốc và tên các vị thuốc thì chẳng thể khỏi bệnh mà cần phải uống thuốc mới trừ khỏi bệnh. Tuy nghe pháp mười hai nhân duyên thâm diệu nhưng chẳng thể đoạn diệt tất cả phiền não mà cần phải buộc niệm khéo tư duy mới có thể đoạn trừ được. Đó gọi là pháp thứ ba nhiếp niệm tư duy.

Lại nữa, do nghĩa gì gọi là nhiếp niệm tư duy? Đó gọi là ba Tam-muội: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Không là đối với hai mươi lăm cõi chẳng thấy một cái gì thật cả. Vô tác là đối với hai mươi lăm cõi chẳng khởi sự mong cầu. Vô tướng là không có mười tướng, đó là tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng sinh, tướng trụ, tướng diệt, tướng nam, tướng nữ. Tu tập ba Tam-muội như vậy thì đó

gọi là Bồ-tát nhiếp niệm tư duy.

Sao gọi là đúng như pháp tu hành? Như pháp tu hành tức là tu Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật, biết tướng chân thật của ấm, giới, nhập, cũng biết Thanh văn, Duyên giác và chư Phật đồng một đạo, mà pháp Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng sinh, chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết, chẳng đói, chẳng khát, chẳng khổ, chẳng não, chẳng thoái, chẳng mất. Đây thiện nam! Hiểu được nghĩa thâm diệu của Đại Niết-bàn thì biết chư Phật nhất định chẳng rớt vào Niết-bàn.

Này thiện nam! Thiện tri thức chân thật đệ nhất là gọi Bồ-tát, chư Phật Thế Tôn. Vì sao? Vì các vị thường dùng ba thứ thiện để điều ngự. Những gì là ba? Một là lời nói êm dịu rất ráo, hai là lời quở trách rất ráo, ba là lời quở trách êm dịu. Do nghĩa này nên Bồ-tát, chư Phật tức là thiện tri thức rất ráo. Lại nữa, đây thiện nam! Phật và Bồ-tát là bậc đại y nên gọi là thiện tri thức. Vì sao? Vì các vị biết bệnh, biết thuốc và tùy bệnh mà cho thuốc. Ví như vị lương y giỏi tám thứ y thuật, trước tiên xem tướng bệnh. Tướng bệnh có ba thứ. Những gì là ba? Đó là phong, nhiệt, thủy. Người bệnh về phong thì trao cho tô du. Người bệnh về nhiệt thì trao cho thạch mật (đường tắng). Người bệnh về nước thì trao cho nước gừng nóng. Do biết căn bệnh cho thuốc được khỏi nên gọi là lương y. Phật và Bồ-tát cũng như vậy, biết bệnh của các phàm phu có ba thứ, một là tham dục, hai là sân hận, ba là ngu si. Người bệnh về tham dục thì dạy quán tướng xương khô. Người bệnh về sân hận thì dạy quán tướng từ bi. Người bệnh về ngu si thì dạy quán tướng mười hai nhân duyên. Do nghĩa này nên chư Phật Bồ-tát được gọi là thiện tri thức. Đây thiện nam! Ví như vị thuyền sư giỏi đưa người nên gọi là đại thuyền sư. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, đưa các chúng sinh qua biển lớn sinh tử. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, đây thiện nam! Nhờ Phật, Bồ-tát làm cho các chúng sinh tu hành đạt được đầy đủ căn bản pháp thiện. Đây thiện nam! Ví như núi Tuyết mới là chỗ cội gốc của đủ thứ thuốc hay vi diệu. Phật và Bồ-tát cũng như vậy, đều là chỗ nguồn gốc của tất cả thiện căn. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Đây thiện nam! Trong núi Tuyết có thứ thuốc rất thơm tên là Ta-ha mà có người nhìn thấy nó thì được sống lâu không

lường, không có bệnh khổ, tuy có bốn thứ độc nhưng chẳng thể gây tổn thương. Nếu có người chạm đến nó thì tăng trưởng thọ mạng đầy một trăm hai mươi năm. Nếu có người nghĩ đến nó thì được trí tức mạng. Vì sao? Vì hiệu lực của thuốc. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, nếu có người thấy liền đoạn trừ tất cả phiền não, tuy có bốn ma nhưng chẳng thể gây rối loạn. Nếu có người tiếp xúc thì mạng chẳng thể chết yếu, chẳng sinh, chẳng chết, chẳng thoái, chẳng chìm đắm. Nghĩa là người tiếp xúc, hoặc ở bên Phật nghe thọ diệu pháp. Nếu có người nghĩ đến thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Đây thiện nam! Như trong núi Hương có ao A-nậu-đạt. Do ao này nên có bốn dòng sông lớn, đó là sông Hằng, Tân-đầu, Tư-đà, Bác-xoa. Chúng sinh ở thế gian thường nói: “Nếu người có tội tắm ở bốn dòng sông này thì mọi tội được trừ diệt”. Ông phải biết lời nói này là hư dối chẳng thật. Trừ việc này ra, thì những gì là thật? Chư Phật, Bồ-tát mới chính là thật. Vì sao? Vì nếu người thân cận chư Phật Bồ-tát thì được diệt trừ tất cả mọi tội. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, đây thiện nam! Ví như những cây thuốc, tất cả rừng rậm, trăm thứ lúa, mía đường, hoa quả trên đại địa, gặp thời tiết nóng hạn lớn, sắp khô chết, vua rồng Nan-đà và Bà-nan-đà thương xót chúng sinh, từ biển cả xuất hiện, tuôn xuống mưa cam lồ thì tất cả rừng rậm, trăm thứ lúa, cỏ cây thấm nhuần mà sống trở lại. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, thiện căn của họ sắp muốn tiêu diệt, chư Phật, Bồ-tát phát sinh đại từ bi, từ biển trí tuệ tuôn mưa cam lồ khiến cho các chúng sinh trở lại được đầy đủ mười pháp thiện. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Đây thiện nam! Ví như vị lương y giỏi tám thứ phương thuật, thấy các người bệnh, chẳng phân biệt dòng họ, đoan chánh, xấu hèn, tiền tài, của báu mà đều vì họ trị liệu. Vậy nên đời xưng tụng là bậc đại lương y. Chư Phật, Bồ-tát cũng như vậy, thấy các chúng sinh có bệnh phiền não, chẳng cần quan sát dòng họ, đẹp đẽ, xấu hèn, tiền tài, của báu mà đều sinh lòng thương xót vì họ nói pháp. Chúng sinh nghe rồi, bệnh phiền não tiêu trừ. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Do nhân duyên gần gũi bạn lành này nên được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là nhờ nhân duyên nghe pháp mà Bồ-tát được gần với

Đại Bát Niết Bàn? Tất cả chúng sinh do nghe pháp nên đủ tín căn, mà được tín căn nên ưa hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Phật. Vậy phải biết, được các pháp thiện đều là do diệu lực của nhân duyên nghe pháp này. Nay thiện nam! Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con. Ông sai con đi đến nước khác để trao đổi buôn bán. Ông chỉ cho con chỗ thông thương, ách tắc trên đường đi và dặn: “Nếu gặp dâm nữ thì dè chừng chớ thân ái. Nếu thân ái thì chôn thân mất mạng và mất cả của báu. Với người xấu ác cũng chớ giao du”. Người con ấy kính thuận lời dạy bảo của cha nên thân tâm yên ổn, thu hoạch được nhiều của cải quý báu. Đại Bồ-tát vì các chúng sinh phô diễn pháp chính yếu cũng như vậy, chỉ bày cho các chúng sinh và bốn bộ chúng sự thông suốt hay trở ngại của các con đường để những chúng này, do nghe pháp nên xa lìa các ác, đầy đủ pháp thiện. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Ví như gương sáng soi dáng mặt người thì không hình dáng nào mà chẳng sáng rõ. Gương sáng nghe pháp cũng lại như thế, có người soi vào đó thì thấy thiện, ác rõ ràng, không bị ngăn che. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Ví như thương nhân muốn đến chỗ của báu mà chẳng biết đường đi, có người chỉ đường, người ấy theo lời chỉ liền đến được chỗ có của báu, thu hoạch được nhiều châu báu chẳng thể kể xiết. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, muốn đến chỗ thiện để thu nhận lấy sự quý báu của đạo mà chẳng biết tướng thông suốt hay trở ngại của con đường ấy, Bồ-tát chỉ bày cho chúng sinh đi theo được đến chỗ thiện, thu hoạch được báu Đại Niết-bàn vô thượng. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Nay thiện nam! Ví như con voi say điên cuồng lồng lộn, bạo ác muốn giết hại nhiều. Có người quản tượng dùng móc sắt lớn, khéo léo móc vào đỉnh đầu voi ấy, tức thời nó bị điều phục, lòng ác hết sạch. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, vì say mê tham dục, sân hận, ngu si nên muốn tạo nhiều việc ác. Các Bồ-tát dùng móc nghe pháp, khéo léo móc lấy khiến cho họ dừng lại, chẳng khởi tâm tạo các việc ác. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên ở khắp nơi

trong kinh, Ta nói rằng, đệ tử của Ta chuyên tâm nghe thọ Mười hai bộ loại kinh điển thì lìa khỏi năm cái, tu bảy giác phần. Do tu tập bảy giác phần nên được gần Đại Bát Niết Bàn. Do nghe pháp nên bậc Tu-đà-hoàn lìa khỏi các sự sợ hãi. Vì sao? Vì như ông trưởng giả Tu-đạt, thân gặp bệnh nặng, lòng buồn rầu lo sợ. Ông nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói về Tu-đà-hoàn có bốn công đức và mười thứ an ủi. Nghe những điều này rồi, thì sự sợ hãi liền trừ diệt. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vì sao? Vì được mở pháp nhãn. Đời có ba hạng người, một là người đui mù, hai là người một mắt, ba là người hai mắt. Người đui mù thì thường chẳng nghe pháp. Người một mắt thì tuy nghe pháp nhưng lòng họ chẳng ghi nhớ. Người hai mắt thì chuyên tâm nghe thọ, theo đúng điều đã nghe mà thực hành. Do nghe pháp nên được biết ba hạng người như vậy của thế gian. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Đây thiện nam! Như Ta thuở trước khi ở thành Câu-thi-na, khi ấy Xá-lợi-phất thân gặp bệnh khổ. Ta dặn dò Tỳ-kheo A-nan rộng vì mọi người nói pháp. Xá-lợi-phất nghe việc này rồi, bảo bốn đệ tử: “Các ông hãy khiêng giường của ta đi đến chỗ Đức Phật, ta muốn nghe pháp”. Bốn người đệ tử vâng lệnh khiêng đến, ông đã nghe được pháp, nhờ lực nghe pháp nên bệnh khổ trừ khỏi, thân được yên ổn. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên nghe pháp mà được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là Bồ-tát nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn? Nhân tư duy này mà tâm được giải thoát. Vì sao? Vì tất cả chúng sinh thường bị sự trói buộc của năm dục, nhờ tư duy nên được giải thoát. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, đây thiện nam! Tất cả chúng sinh thường bị bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh làm điên đảo. Do tư duy nên được thấy các pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Thấy như vậy rồi thì bốn điên đảo liền đoạn trừ. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, đây thiện nam! Tất cả các pháp có bốn thứ tướng. Những gì là bốn? Một là tướng sinh, hai là tướng già, ba là tướng bệnh, bốn là tướng diệt. Do bốn tướng này có thể khiến cho tất cả chúng sinh phàm phu cho đến Tu-đà-

hoàn sinh ra khổ não lớn. Nếu người có thể nhiếp ý niệm khéo tư duy thì tuy gặp bốn tướng này nhưng chẳng sinh mọi khổ. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Tất cả pháp thiện không gì chẳng nhân tư duy này mà được. Vì sao? Vì có người tuy ở vô lượng vô biên vô số kiếp chuyên tâm nghe pháp, nhưng nếu chẳng tư duy thì nhất định chẳng thể chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh tin Phật, Pháp, Tăng không có biến đổi mà sinh lòng cung kính thì phải biết đều chính là sức của nhân duyên nhiếp niệm tư duy và nhân đó được đoạn trừ tất cả phiền não. Do nghĩa này nên nói nhờ nhân duyên tư duy mà được gần với Đại Bát Niết Bàn.

Sao gọi là Bồ-tát như pháp tu hành? Này thiện nam! Đoạn trừ pháp ác, tu tập pháp thiện. Đó gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, sao gọi là như pháp tu hành? Thấy tất cả pháp trống rỗng, không sở hữu, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do sự thấy này nên thà xả bỏ thân mạng, chẳng phạm giới cấm. Đó gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, thế nào gọi là như pháp tu hành? Tu có hai thứ, một là chân thật, hai là chẳng chân thật. Chẳng thật thì chẳng biết Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không v.v... Đó gọi là chẳng thật. Thế nào gọi là chân thật? Có thể biết Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không v.v... Đó gọi là chân thật. Thế nào gọi là biết tướng Niết-bàn? Tướng Niết-bàn có tám tính chất. Những gì là tám? Một là tận, hai là tánh thiện, ba là thật, bốn là chân, năm là thường, sáu là lạc, bảy là ngã, tám là tịnh. Đó gọi là Niết-bàn. Lại có tám tính chất. Những gì là tám? Một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chân, năm là vô thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã, tám là vô tịnh. Lại có sáu tướng, một là giải thoát, hai là tánh thiện, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chân, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh. Nếu có chúng sinh nương theo đạo thế tục, đoạn trừ phiền não thì Niết-bàn như vậy có tám việc giải thoát chẳng thật. Vì sao? Vì vô thường. Do vô thường nên không có thật, vì không có thật nên không có chân; tuy đoạn phiền não nhưng rồi sẽ khởi trở lại

nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đó gọi là tám việc giải thoát của Niết-bàn. Sao gọi là sáu tướng? Thanh văn, Duyên giác đoạn được phiền não nên gọi là giải thoát mà chưa có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là chẳng thật. Do chẳng thật nên gọi là chẳng chân, đời vị lai sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi là vô thường. Do được tám chánh đạo vô lậu nên gọi là tịnh lạc. Này thiện nam! Nếu biết như vậy thì chính là biết Niết-bàn, chẳng gọi là Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng hư không. Thế nào là Bồ-tát biết Phật tánh? Phật tánh có sáu. Những gì là sáu? Một là thường, hai là tịnh, ba là thật, bốn là thiện, năm là đương kiến, sáu là chân. Lại có bảy việc, một là khả năng chứng, sáu cái còn lại như trên. Đó gọi là Bồ-tát biết đến Phật tánh. Thế nào là Bồ-tát biết tướng Như Lai? Như Lai tức là tướng giác, tướng thiện, thường, lạc, ngã, tịnh, giải thoát, chân thật thị hiện đạo có thể thấy. Đó gọi là Bồ-tát biết tướng Như Lai. Thế nào là Bồ-tát biết tướng của pháp? Pháp thì hoặc thiện hay chẳng thiện, hoặc thường hay vô thường, hoặc vui hay chẳng vui, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc tịnh hay bất tịnh, hoặc biết hay chẳng biết, hoặc hiểu hay chẳng hiểu, hoặc chân hay chẳng chân, hoặc tu hay chẳng tu, hoặc thấy hay chẳng phải thấy, hoặc thật hay chẳng thật. Đó gọi là Bồ-tát biết đến tướng của pháp. Thế nào là Bồ-tát biết đến tướng của Tăng? Tăng thì hoặc là thường, lạc, ngã, tịnh, là tướng đệ tử, tướng có thể thấy, thiện, chân, chẳng thật. Vì sao? Vì tất cả Thanh văn đều đắc Phật đạo. Thế nào là chân? Vì giác ngộ pháp tánh. Đó gọi là Bồ-tát biết đến tướng của Tăng. Thế nào là Bồ-tát biết tướng thật? Tướng thật thì hoặc thường hay vô thường, hoặc vui hay không vui, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc tịnh hay bất tịnh, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc có hay không, hoặc Niết-bàn hay chẳng phải Niết-bàn, hoặc giải thoát hay chẳng phải giải thoát, hoặc biết hay chẳng biết, hoặc đoạn hay chẳng đoạn, hoặc chứng hay chẳng chứng, hoặc tu hay chẳng tu, hoặc thấy hay chẳng thấy. Đó gọi là tướng thật, chẳng phải Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không. Đó gọi là Bồ-tát nhờ tu Đại Niết-bàn như vậy mà biết được Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, tướng thật, tướng các pháp sai biệt như hư không v.v... Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn chẳng thấy hư không. Vì

sao? Vì Phật và Bồ-tát tuy có năm nhãn nhưng chẳng thấy. Chỉ có tuệ nhãn mới có thể thấy hư không đó. Cái thấy của tuệ nhãn là không có pháp có thể thấy. Vậy nên gọi là thấy. Nếu thấy không có vật gọi là hư không thì hư không như vậy mới gọi là thật. Do sự thật này nên gọi là thường không có. Do thường không có nên không có lạc, ngã, tịnh. Đây thiện nam! Trống không gọi là không có pháp, không có pháp gọi là trống không. Ví như thế gian không có vật gọi là trống không. Tánh hư không cũng như vậy, không sở hữu nên gọi là hư không. Đây thiện nam! Tánh của chúng sinh cùng tánh hư không đều không thật tánh. Vì sao? Vì như người nói, trừ diệt vật có, sau đó thành ra không, nhưng mà hư không này thật chẳng thể tạo thành. Vì sao? Vì không sở hữu. Do không có nên phải biết là không có không. Tánh của hư không này nếu có tạo tác thì gọi là vô thường, mà nếu vô thường thì chẳng gọi là hư không. Đây thiện nam! Như người thế gian nói, hư không không sắc, không ngăn ngại, thường trụ chẳng biến dịch. Vậy nên đời xưng pháp hư không là “đại” thứ năm. Đây thiện nam! Nhưng hư không này thật không có tánh. Do ánh sáng nên gọi là hư không, thật ra không có hư không. Giống như thế đế thật ra không có tánh ấy, nhưng vì chúng sinh nên nói có thế đế. Đây thiện nam! Thể của Niết-bàn cũng như vậy, không có trụ xứ, chỉ là chỗ đoạn phiền não của các Đức Phật nên gọi là Niết-bàn. Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Niết-bàn tuy lạc nhưng chẳng phải thọ lạc mới là niềm vui tịch diệt thượng diệu. Chư Phật Như Lai có hai thứ lạc, một là tịch diệt lạc, hai là giác tri lạc. Thể của thật tướng có ba thứ lạc, một là thọ lạc, hai là tịch diệt lạc, ba là giác tri lạc. Phật tánh có một lạc, do thường kiến nên khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì gọi là Bồ-đề lạc.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu chỗ đoạn phiền não là Niết-bàn thì việc này chẳng phải vậy. Vì sao? Vì Như Lai thọ trước mới thành Phật, đến bên dòng sông Ni-liên-thiền. Lúc này, Ma vương cùng quyến thuộc đến chỗ Đức Phật nói: “Thưa Thế Tôn! Thời gian Niết-bàn đến rồi. Vì sao Phật chẳng vào Niết-bàn?”. Đức Phật bảo: “Đây Ma vương! Ta nay chưa có nhiều đệ tử đa văn, giỏi giữ gìn giới cấm, trí tuệ thông

minh, lanh lợi có thể giáo hóa chúng sinh. Vậy nên ta chẳng vào”. Nếu nói, chỗ đoạn phiền não là Niết-bàn thì các Bồ-tát v.v... ở vô lượng kiếp đã đoạn dứt phiền não thì vì sao chẳng được gọi là Niết-bàn? Cùng đều là chỗ đoạn nhưng vì duyên gì chỉ nói chư Phật có Niết-bàn còn Bồ-tát thì không? Nếu đoạn phiền não chẳng phải Niết-bàn thì vì sao Như Lai thuở trước bảo Bà-la-môn Sinh Danh rằng: “Thân này của Ta hôm nay tức là Niết-bàn”. Lại nữa, khi Như Lai ở tại nước Tỳ-xá-ly, Ma vương lại thưa thỉnh Như Lai: “Thuở xưa vì chưa có đệ tử đa văn, trì giới, trí tuệ thông minh, lanh lợi có thể giáo hóa chúng sinh nên chẳng vào Niết-bàn, nay đã đầy đủ vì sao chẳng vào?”. Bấy giờ, Đức Như Lai liền bảo Ma vương: “Ông nay chớ sinh tư tưởng chậm trễ. Sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn”. Bạch Thế Tôn! Giả sử diệt độ chẳng phải là Niết-bàn thì vì sao Như Lai tự hẹn sau ba tháng sẽ vào Niết-bàn? Bạch Thế Tôn! Nếu đoạn trừ phiền não là Niết-bàn thì Như Lai thuở trước mới ở tại dưới đạo tràng Bồ-đề, khi đoạn trừ phiền não liền chính là Niết-bàn thì vì sao nay lại nói sau ba tháng nữa sẽ vào Niết-bàn? Thưa Thế Tôn! Giả sử, bấy giờ Niết-bàn thì sao nói với các Lục sĩ của thành Câu-thi-na, cuối đêm sẽ vào Niết-bàn? Như Lai thành thật mà sao phát lời nói hư dối này?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Này thiện nam! Nếu nói, Như Lai được tướng lưỡi rộng dài thì phải biết Như Lai ở vô lượng kiếp đã lìa khỏi vọng ngữ. Tất cả chư Phật và các vị Bồ-tát, phàm đã nói ra là thành thật chắc chắn, không hư dối. Này thiện nam! Như lời ông nói, ma Ba-tuần thuở trước thưa thỉnh Ta vào Niết-bàn, nhưng này thiện nam! Ma vương này thật ra chẳng biết tướng định của Niết-bàn. Vì sao? Vì ý của ma Ba-tuần cho là chẳng giáo hóa chúng sinh mặc nhiên mà trụ tức là Niết-bàn. Này thiện nam! Ví như người đời thấy người chẳng nói, không làm liền cho là người này như chết, không khác. Ma Ba-tuần cũng như vậy, cho là Như Lai chẳng hóa độ chúng sinh, lặng thinh không nói là Như Lai đã vào Niết-bàn. Này thiện nam! Như Lai chẳng nói Phật, Pháp, Tăng không có tướng sai biệt mà chỉ nói hai pháp thường trụ, thanh tịnh không sai biệt. Này thiện nam! Như Lai cũng chẳng nói, Phật và Phật

tánh, Niết-bàn không có tướng sai biệt mà chỉ nói, thường hằng, bất biến không sai biệt. Nay thiện nam! Phật cũng chẳng nói Niết-bàn thật tướng không có tướng sai biệt mà chỉ nói, thường trụ thật chẳng biến dịch không sai biệt. Nay thiện nam! Bấy giờ, các đệ tử Thanh văn của Ta sinh ra tranh tụng như các Tỳ-kheo ác Câu-diêm-di làm trái lời dạy của Ta, phạm nhiều giới cấm, nhận vật bất tịnh, tham cầu lợi dưỡng, hướng về những người bạch y mà tự ngợi khen: “Ta được vô lậu, gọi là quả Tu-đà-hoàn cho đến được quả A-la-hán”, hủy nhục người khác, đối với Phật, Pháp, Tăng, giới luật, Hòa thượng chẳng sinh lòng cung kính. Công khai ở trước Ta nói, những vật như vậy Đức Phật cho phép cất chứa, những vật như vậy Đức Phật không cho phép cất chứa. Ta cũng nói, những vật như vậy Ta quả thật chẳng cho phép. Những người ác như vậy chẳng tin lời nói của Ta. Vì những người này nên Ta bảo ma Ba-tuần: “Người chớ cho là chậm trễ, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn”. Nay thiện nam! Nhân những Tỳ-kheo ác khiến cho những đệ tử Thanh văn thọ học chẳng thấy thân Ta, chẳng nghe pháp của Ta, liền nói, Đức Như Lai vào Niết-bàn. Chỉ có các Bồ-tát có thể thấy thân Ta thường trụ, nghe pháp của Ta nên chẳng nói, Ta vào Niết-bàn. Đệ tử Thanh văn tuy lại phát ra lời, Như Lai Niết-bàn, nhưng mà Ta thật chẳng vào Niết-bàn. Nay thiện nam! Nếu đệ tử Thanh văn của Ta, có người nói, Như Lai vào Niết-bàn thì phải biết người này chẳng phải là đệ tử của Ta, đó là bè đảng của ma, là người ác tà kiến, chẳng phải là chánh kiến. Nếu có người nói, Như Lai chẳng vào Niết-bàn thì phải biết đó là đệ tử chân thật của Ta, chẳng phải là bè đảng của ma, là người chánh kiến, chẳng phải là tà kiến. Nay thiện nam! Ta trước kia chẳng thấy trong hàng đệ tử có người nói, Như Lai chẳng giáo hóa chúng sinh, mặc nhiên mà an trụ gọi là Bát-niết-bàn. Nay thiện nam! Ví như ông trưởng giả có nhiều con, bỏ đi đến phương khác mà chưa trở về được. Các con đều cho là người cha đã chết mà ông trưởng giả này thật chẳng chết. Các con của ông đều sinh tưởng điên đảo cho là đã chết. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, chẳng thấy Ta nên liền cho là Như Lai đã nhập Niết-bàn ở vùng Ta-la song thọ của thành Câu-thi-na, nhưng Ta thật chẳng nhập Niết-bàn mà đệ tử Thanh văn sinh ra tưởng Niết-bàn. Nay thiện nam! Ví như đèn sáng, có người che nó, người

khác không biết cho là đèn đã tắt. Nhưng ánh sáng đèn này thật ra chẳng tắt mà do chẳng biết nên sinh tưởng về đèn tắt đó thôi. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, tuy có tuệ nhãn nhưng do phiền não che khuất nên khiến cho tâm điên đảo, chẳng thấy chân thân mà liền vọng sinh ra tư tưởng diệt độ. Nhưng Ta thật chẳng rốt ráo diệt độ. Nay thiện nam! Như người mù bẩm sinh chẳng thấy mặt trời, mặt trăng. Vì chẳng thấy nên họ chẳng biết tướng ngày đêm, sáng tối. Vì chẳng biết nên họ liền nói thật không có mặt trời, mặt trăng. Thật sự có mặt trời, mặt trăng mà do người mù chẳng thấy. Do chẳng thấy mà sinh tư tưởng điên đảo nên họ nói, không có mặt trời, không có mặt trăng. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, như người mù bẩm sinh kia, chẳng thấy Như Lai liền cho là Như Lai vào Niết-bàn. Nhưng Như Lai thật chẳng vào Niết-bàn, do tưởng điên đảo nên họ sinh tâm như vậy. Nay thiện nam! Ví như mây mù che khuất mặt trời, mặt trăng. Người ngu si liền nói, không có mặt trời, mặt trăng mà mặt trời, mặt trăng là thật có, nhưng vì bị che khuất nên chúng sinh chẳng thấy đó thôi. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, vì các phiền não che khuất mắt trí tuệ nên chẳng thấy Như Lai, liền nói Như Lai diệt độ. Nay thiện nam! Chính là Như Lai thị hiện hạnh anh nhi chẳng phải là diệt độ. Nay thiện nam! Như khi mặt trời của cõi Diêm-phù-đề lặn thì chúng sinh chẳng thấy vì núi Đen ngăn che. Nhưng mặt trời này tánh chân thật, không lặn mất, do chúng sinh chẳng thấy nên sinh tư tưởng lặn mất. Đệ tử Thanh văn cũng như vậy, bị sự che phủ của những núi phiền não nên chẳng thấy thân Ta. Do chẳng thấy nên họ liền đối với Như Lai sinh tư tưởng diệt độ, mà Ta chân thật chẳng rốt ráo diệt độ. Vậy nên, ở thành Tỳ-xá-ly, Ta bảo ma Ba-tuần: “Sau ba tháng nữa, Ta sẽ Niết-bàn”. Nay thiện nam! Như Lai thấy trước Bồ-tát Ca-diếp sau ba tháng nữa thì căn lành sẽ thành thực, cũng thấy trước ông Tu-bạt-đà-la ở núi Hương an cư xong rồi sẽ đến chỗ Ta. Vậy nên Ta bảo Ma vương Ba-tuần, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Nay thiện nam! Có các Lực sĩ mà số đến năm trăm người, ba tháng nữa cũng sẽ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta vì những điều đó nên bảo với ma Ba-tuần, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Nay thiện nam! Như ông Thuần-đà và năm trăm người con gái Ly-xa-am-la-quả, sau ba tháng nữa thì thiện căn của đạo

tâm vô thượng sẽ thành thực. Vì những người đó nên Ta bảo ma Ba-tuần, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Này thiện nam! Ông Tu-na-sát-đa gần gũi ngoại đạo Ni-kiền-tử v.v... Ta vì người đó nói pháp trọn mười hai năm mà người tà kiến đó chẳng tin, chẳng thọ. Ta biết gốc rễ tà kiến của người này sau ba tháng nữa nhất định có thể nhỏ đứt. Ta vì việc này nên bảo với ma Ba-tuần, sau ba tháng nữa Ta sẽ vào Niết-bàn. Này thiện nam! Vì nhân duyên gì mà thuở trước, ở bên dòng sông Ni Liên, Ta bảo với ma Ba-tuần, Ta nay chưa có đệ tử nhiều trí tuệ, nên chẳng vào Niết-bàn. Khi đó Ta vì muốn năm vị Tỳ-kheo ở thành Ba-la-nại chuyển pháp luân. Tiếp theo Ta lại vì muốn năm Tỳ-kheo như là Gia-xa, Phú-na, Tỳ-ma-la-xà, Kiều-phạm-ba-đề, Tu-bà-hầu, tiếp theo lại vì muốn các ông trưởng giả Úc-già gồm năm mươi người v.v... thứ đến lại vì muốn vua Tân-bà-ta-la của nước Ma-già-đà cùng vô lượng hàng trời, người v.v... thứ đến lại vì muốn Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp với môn đồ gồm năm trăm Tỳ-kheo, thứ đến lại vì muốn hai anh em Na-đề Ca-diếp, Đà-già Ca-diếp và năm trăm đệ tử, thứ đến lại vì muốn Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên với hai trăm năm mươi Tỳ-kheo v.v... chuyển bánh xe diệu pháp. Vậy nên Ta bảo Ma vương Ba-tuần, chẳng nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Có cái tên là Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn. Sao gọi là Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn? Do chẳng thấy Phật tánh mà đoạn phiền não gọi đó là Niết-bàn, chẳng phải Đại Niết-bàn. Do chẳng thấy Phật tánh nên vô thượng, vô ngã, chỉ có lạc và tịnh. Do nghĩa này nên tuy đoạn phiền não nhưng chẳng được gọi là Đại Niết-bàn. Nếu thấy Phật tánh có thể đoạn phiền não thì đó gọi là Đại Bát Niết Bàn. Do thấy Phật tánh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên đoạn trừ phiền não thì cũng được xưng là Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Niết là “chẳng”. Bàn là “diệt”. Nghĩa chẳng diệt gọi là Niết-bàn. Lại nữa, chữ bàn nghĩa là che. Nghĩa chẳng che là Niết-bàn. Bàn nghĩa là khứ lai, chẳng khứ, chẳng lai là Niết-bàn. Bàn nghĩa là nắm bắt, chẳng nắm bắt là Niết-bàn. Bàn nghĩa là bất định, định không bất định mới gọi là Niết-bàn. Bàn nghĩa là mới, không mới nên gọi là Niết-bàn. Bàn nghĩa là chướng ngại, nghĩa không chướng ngại nên mới gọi là Niết-bàn. Này thiện nam! Có đệ tử của Ưu-lâu-ca, Ca-tỳ-la v.v... nói, Bàn là tướng, nghĩa vô tướng thì mới gọi

là Niết-bàn. Đây thiện nam! Bàn là có, nghĩa không có mới gọi là Niết-bàn. Bàn là hòa hợp, nghĩa không hòa hợp mới gọi là Niết-bàn. Bàn là khổ, nghĩa không khổ mới gọi là Niết-bàn. Đây thiện nam! Đoạn trừ phiền não thì chẳng gọi là Niết-bàn, chẳng sinh ra phiền não mới gọi là Niết-bàn. Đây thiện nam! Chư Phật Như Lai chẳng khởi phiền não thì đó gọi là Niết-bàn. Có trí tuệ đối với pháp không ngăn ngại thì đó là Như Lai. Như Lai chẳng phải là phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát mà đó gọi là Phật tánh. Thân tâm trí tuệ của Như Lai đầy khắp vô lượng vô biên vô số cõi, không có sự chướng ngại thì đó gọi là hư không. Như Lai thường trụ không biến dịch thì gọi là thật tướng. Do nghĩa này nên Như Lai chân thật chẳng rốt ráo Niết-bàn. Đó gọi là Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ bảy.

Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tám? Đây thiện nam! Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì đoạn trừ năm việc, lìa xa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, giữ gìn một việc, thân cận bốn việc, tin thuận một sự thật, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát. Đây thiện nam! Thế nào là Bồ-tát đoạn trừ năm việc? Đó là đoạn trừ năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thế nào là ấm? Có thể khiến cho chúng sinh sinh tử nối tiếp nhau, chẳng lìa khỏi gánh nặng, phân tán tụ hợp thuộc về ba đời, tìm cầu nghĩa thật của nó rõ ràng chẳng thể được, do những nghĩa này nên gọi là ấm. Đại Bồ-tát tuy thấy sắc ấm nhưng chẳng thấy tướng của sắc ấy. Vì sao? Vì ở trong mười sắc mà tìm kiếm tánh của nó đều chẳng thể được. Vì thế giới nên nói là ấm. Thọ có một trăm lẻ tám. Tuy thấy thọ ấm nhưng đầu tiên không có tướng thọ. Vì sao? Thọ tuy một trăm lẻ tám nhưng lý không nhất định chân thật. Vậy nên Bồ-tát chẳng thấy thọ ấm. Tưởng, hành, thức v.v... cũng như vậy. Đại Bồ-tát thấy sáu năm ấm chính là cội gốc phát sinh phiền não. Do nghĩa này nên dùng phương tiện khiến cho chúng đoạn trừ. Sao gọi là Bồ-tát xa lìa năm việc? Đó là xa lìa năm kiến. Những gì là năm? Một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là tà kiến, bốn là giới thủ, năm là kiến thủ. Nhân năm kiến này sinh ra sáu mươi hai kiến. Nhân những kiến này mà sinh tử chẳng dứt. Vậy nên Bồ-tát phòng hộ chẳng gần gũi. Sao gọi là Bồ-tát

thành tựu sáu việc? Đó là sáu niệm xứ. Những gì là sáu? Một là niệm Phật, hai là niệm Pháp, ba là niệm Tăng, bốn là niệm Thiên, năm là niệm Thí, sáu là niệm Giới. Đó gọi là Bồ-tát thành tựu sáu việc. Sao gọi là Bồ-tát tu tập năm việc? Đó là tu tập năm định, một là định tri, hai là định tịch, ba là định thân tâm thọ an lạc, bốn là định vô lạc, năm là định Thủ-lăng-nghiêm. Tu tập năm thứ định tâm như vậy thì được gần với Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Bồ-tát phải siêng năng tu tập. Thế nào là Bồ-tát giữ gìn một việc? Đó là giữ gìn tâm Bồ-đề. Đại Bồ-tát thường phải siêng giữ gìn tâm Bồ-đề, giống như người đời giữ gìn con một, cũng như kẻ chột giữ gìn con mắt còn lại, như người đi giữa chốn hoang vắng giữ gìn kẻ dẫn đường. Bồ-tát giữ gìn tâm Bồ-đề cũng như vậy. Nhân giữ gìn tâm Bồ-đề như vậy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhân được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên có đầy đủ thường, lạc, ngã, tịnh, tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Vậy nên Bồ-tát giữ gìn một pháp. Thế nào là Bồ-tát thân cận bốn việc? Đó là bốn tâm vô lượng. Những gì là bốn? Một là đại từ, hai là đại bi, ba là đại hỷ, bốn là đại xả. Nhân bốn tâm này có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Vậy nên Bồ-tát chuyên tâm gần gũi. Thế nào là Bồ-tát tin thuận một sự thật? Bồ-tát biết rõ tất cả chúng sinh đều về một đạo. Một đạo là Đại Thừa. Chư Phật, Bồ-tát vì chúng sinh nên phân thừa đó làm ba. Vậy nên Bồ-tát tin thuận chẳng nghịch lại. Thế nào là tâm Bồ-tát hoàn toàn giải thoát? Tâm tham, sân, si đoạn diệt vĩnh viễn thì đó gọi là tâm Bồ-tát hoàn toàn giải thoát. Thế nào là tuệ Bồ-tát hoàn toàn giải thoát? Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp biết không có chướng ngại. Đó gọi là tuệ Bồ-tát hoàn toàn giải thoát. Nhờ tuệ giải thoát nên điều xưa chẳng nghe mà nay được nghe, điều xưa chẳng thấy mà nay được thấy, nơi xưa chẳng đến mà nay được đến.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tâm giải thoát thì nghĩa chẳng vậy. Vì sao? Vì tâm vốn không trói buộc. Vì sao như thế? Vì bản tánh của tâm không có sự trói buộc của các kiết tham dục, sân hận, ngu si. Nếu vốn không trói buộc thì sao nói tâm hoàn toàn giải thoát? Thưa Thế Tôn! Nếu bản tánh của tâm chẳng bị sự ràng buộc của tham kiết

thì do nhân duyên gì mà có thể buộc? Như người vắt vào sừng vốn không có tướng sữa thì tuy thêm công lực, sữa cũng không từ đó ra. Người vắt vào vú thì chẳng như vậy, sữa tuy ít nhưng thêm công lực thì ra nhiều. Tâm cũng như vậy, vốn không tham thì sao nay lại có? Nếu tâm vốn không tham mà sau mới có thì chư Phật, Bồ-tát vốn không tướng tham thì nay đều nên có. Bạch Thế Tôn! Ví như người con gái bằng đá vốn không tướng con, tuy thêm nhiều công lực với vô lượng nhân duyên nhưng con chẳng thể có được. Tâm cũng như vậy, vốn không tướng tham thì tuy tạo đủ mọi duyên nhưng tham không từ đó sinh ra. Bạch Thế Tôn! Như dùi gỗ ẩm ướt thì lửa chẳng thể phát. Tâm cũng như vậy, tuy dùi cầu tham nhưng chẳng thể được, vậy sao gọi là tham kiết có thể ràng buộc tâm? Bạch Thế Tôn! Ví như ép cát thì chẳng thể được dầu. Tâm cũng như vậy, tuy lại ép tâm nhưng tham chẳng thể có được. Phải biết, tham và tâm hai lý đều khác mà giả sử lại có tham thì sao có thể làm bản tâm? Bạch Thế Tôn! Ví như có người cầm cọc giữa hư không thì nhất định chẳng đứng được, đặt tham vào tâm cũng như vậy, dù cho đủ thứ nhân duyên cũng chẳng thể khiến cho tham ràng buộc được tâm. Bạch Thế Tôn! Nếu tâm không tham gọi là giải thoát thì chư Phật, Bồ-tát vì sao chẳng nhổ gai nhọn trong hư không? Thưa Thế Tôn! Tâm đời quá khứ chẳng gọi là giải thoát, tâm đời vị lai cũng không gọi là giải thoát, tâm đời hiện tại chẳng cùng với đạo thì tâm của đời nào gọi là được giải thoát? Thưa Thế Tôn! Như vậy đèn quá khứ chẳng thể diệt tối, đèn vị lai cũng chẳng thể diệt tối, đèn hiện tại lại chẳng diệt tối. Vì sao? Vì ánh sáng cùng bóng tối, cả hai chẳng tồn tại đồng thời. Tâm cũng như vậy, thì làm sao mà nói tâm được giải thoát? Bạch Thế Tôn! Tham cũng là có, nếu tham không có thì khi thấy tướng nữ chẳng nên sinh tham. Nếu nhân tướng nữ mà được sinh ra thì phải biết là tham chân thật là có và do có tham nên đọa vào ba đường ác. Bạch Thế Tôn! Ví như có người thấy bức vẽ hình người con gái cũng lại sinh tham. Do sinh tham nên bị đủ thứ tội. Nếu vốn không tham thì sao thấy bức họa mà sinh ra tham? Nếu tâm không tham thì sao Như Lai nói, tâm Bồ-tát được giải thoát? Nếu tâm có tham thì sao thấy tướng rồi sau đó mới sinh? Còn chẳng thấy tướng thì chẳng sinh? Con nay hiện thấy có quả báo ác thì phải biết là có tham dục; sân

hận, ngu si cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Ví như chúng sinh có thân vô ngã mà các phàm phu chấp tướng là ngã, tuy có tướng về ngã nhưng chẳng đọa vào ba đường ác thì sao người tham đối với tướng không nữ mà khởi lên tướng nữ bị đọa vào ba đường ác? Thưa Thế Tôn! Ví như dùi cây sinh ra lửa. Nhưng tánh lửa này trong mọi duyên không có thì do nhân duyên gì mà được sinh ra? Bạch Thế Tôn! Tham cũng như vậy, trong sắc không có tham và hương, vị, xúc, pháp cũng lại không tham thì sao đối với sắc, hương, vị, xúc, pháp mà sinh ra tham? Nếu trong mọi duyên đều không tham thì sao chỉ một mình chúng sinh sinh ra tham, còn chư Phật, Bồ-tát chẳng sinh? Bạch Thế Tôn! Tâm cũng chẳng định. Nếu tâm định thì không có tham dục, sân hận, ngu si. Nếu tâm chẳng định thì làm sao mà nói tâm được giải thoát? Tham cũng chẳng định, mà nếu chẳng định thì làm sao nhân đó sinh ra ba đường ác? Tham và cảnh giới, cả hai đều bất định. Vì sao? Vì đều duyên vào một sắc rồi hoặc sinh ra tham, hoặc sinh ra sân, hoặc sinh ra ngu si. Vậy nên cùng với cảnh giới, cả hai đều bất định. Nếu chúng đều bất định thì vì sao Như Lai nói Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thì tâm được giải thoát?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Tâm cũng chẳng bị sự trói buộc của tham kiết, cũng chẳng phải chẳng trói buộc, chẳng phải là giải thoát, chẳng phải chẳng giải thoát, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai. Vì sao? Nay thiện nam! Vì tất cả các pháp không tự tánh. Nay thiện nam! Có các ngoại đạo nói: “Nhân duyên hòa hợp thì có kết quả sinh. Nếu trong mọi duyên vốn không có tánh sinh mà có thể sinh ra quả thì hư không chẳng sinh đáng lẽ sinh ra quả. Hư không chẳng sinh chẳng phải là nhân mà do trong mọi duyên vốn có tánh quả. Vậy nên tập hợp mà được sinh ra quả. Vì sao? Vì như Đê-bà-đạt muốn tạo tường vách thì lấy bùn đất chẳng lấy màu sắc, muốn tạo bức tượng vẽ thì gom màu chẳng lấy cỏ cây, may áo thì lấy vải lụa chẳng lấy bùn cây, làm nhà thì lấy bùn chẳng lấy vải lụa. Do người lấy nên phải biết là trong đó đều có thể sinh ra quả. Do có thể sinh ra quả nên phải biết là trong nhân

nhất định trước có tánh. Nếu không tánh thì trong một vật cần phải sinh ra tất cả các vật. Nếu nó có thể lấy, có thể tạo tác, có thể sinh ra thì phải biết là trong đó nhất định trước đã có quả. Nếu không có quả thì người chẳng lấy, chẳng làm, chẳng sinh ra mà chỉ có hư không không lấy, không làm nên có thể sinh ra tất cả vạn vật. Do có nhân nên hạt Ni-câu-đà ở cây Ni-câu-đà, trong sữa có đề hồ, trong tơ có vải, trong bùn có bình”. Nay thiện nam! Tất cả phàm phu bị vô minh làm mờ tối tạo tác ra định thuyết này: Sắc có nghĩa tham đắm, tâm có tánh tham, lại nói, tâm phàm phu có tánh tham, cũng có tánh giải thoát, gặp nhân duyên tham thì tâm sinh ra tham, nếu gặp giải thoát thì tâm giải thoát. Tuy họ tạo ra lý thuyết này nhưng nghĩa đó chẳng đúng. Có những phàm phu lại nói: “Trong tất cả nhân đều không có quả. Nhân có hai thứ, một là vi tế, hai là thô. Tế tức là thường, thô thì vô thường. Từ nhân vi tế chuyển thành nhân thô, rồi từ nhân thô này chuyển lại thành quả. Nhân thô vô thường nên quả cũng vô thường”. Nay thiện nam! Có các phàm phu lại nói: “Tâm cũng không nhân, tham cũng không nhân. Do thời tiết nên sinh ra tâm tham”. Hạng người như vậy do chẳng thể biết nhân duyên của tâm nên luân hồi trong sáu đường, chịu đủ sinh tử. Nay thiện nam! Ví như con chó bị cột vào trụ, trợn ngày chạy quanh cây trụ, chẳng thể rời khỏi. Tất cả phàm phu cũng như vậy, bị gông vô minh trói buộc vào trụ sinh tử, chạy quanh hai mươi lăm cõi, chẳng thể rời khỏi. Nay thiện nam! Ví như có người rơi vào nhà xí đã được ra khỏi rồi mà lại trở vào, như người khỏi bệnh mà lại gây nhân bệnh, như người đi đường gặp nơi hoang vắng, đã qua được rồi mà lại quay trở lại, lại như rửa sạch rồi trở lại trét bùn đất. Tất cả phàm phu cũng như vậy, đã được giải thoát vô sở hữu xứ, chỉ chưa được thoát khỏi phi tưởng phi tưởng xứ mà lại đi trở lại ba đường ác. Vì sao? Vì tất cả phàm phu chỉ quan sát ở kết quả, chẳng quan sát nhân duyên. Như con chó đuổi theo hòn đất, chẳng đuổi theo người. Người phàm phu cũng như vậy, chỉ quan sát kết quả, chẳng quan sát nhân duyên. Do chẳng quan sát nhân duyên nên từ phi tưởng lùi trở lại ba đường ác. Nay thiện nam! Chư Phật, Bồ-tát chẳng bao giờ nói chắc chắn là trong nhân có quả, trong nhân không quả, và vừa có quả vừa không có quả, chẳng phải có chẳng phải không quả. Nếu nói, trong nhân trước đã chắc chắn

có quả và chắc chắn không quả, chắc chắn vừa có quả vừa không quả, chắc chắn chẳng phải có chẳng phải không quả, thì phải biết những người này đều là bè đảng của ma, hệ thuộc với ma, tức là người tham ái, người tham ái như vậy thì chẳng thể đoạn trừ vĩnh viễn sự ràng buộc của sinh tử, chẳng biết tướng của tâm và cả tướng của tham. Đây thiện nam! Chư Phật, Bồ-tát hiển bày trung đạo. Vì sao? Vì các vị tuy nói các pháp chẳng phải có, chẳng phải không mà chẳng quyết định. Vì sao? Vì nhân mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tâm, nhân niệm mà thức được sinh ra. Thức này quyết định chẳng ở trong mắt, trong sắc, trong ánh sáng, trong tâm, trong niệm, cũng chẳng phải trung gian, chẳng phải có, chẳng phải không, từ duyên sinh ra nên gọi đó là có, không tự tánh nên gọi đó là không. Vậy nên Như Lai nói, các pháp chẳng phải có, chẳng phải không. Đây thiện nam! Chư Phật, Bồ-tát chẳng bao giờ nói xác định là tâm có tánh tịnh và tánh bất tịnh. Tâm tịnh hay bất tịnh không có chỗ trụ. Từ duyên sinh ra tham nên nói, chẳng phải không; vốn không có tánh tham nên nói, chẳng phải có. Đây thiện nam! Từ nhân duyên nên tâm sinh ra tham, từ nhân duyên nên tâm giải thoát. Đây thiện nam! Nhân duyên có hai, một là theo sinh tử, hai là theo Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Có nhân duyên nên tâm cùng với tham sinh ra, cùng với tham diệt hết. Có nhân duyên cùng với tham sinh ra, chẳng cùng với tham diệt. Có nhân duyên chẳng cùng tham sinh mà cùng tham diệt. Có nhân duyên chẳng cùng tham sinh, chẳng cùng tham diệt. Sao gọi là tâm cùng với tham sinh ra, cùng với tham đều diệt? Đây thiện nam! Nếu có phàm phu chưa đoạn trừ tâm tham, tu tập tâm tham thì người như vậy, tâm cùng với tham sinh ra, tâm cùng với tham diệt. Tất cả chúng sinh chẳng đoạn tâm tham thì tâm cùng với tham sinh ra, tâm cùng với tham diệt. Như chúng sinh cõi Dục, tất cả đều có vị thiền Sơ địa, hoặc tu hay chẳng tu thường được thành tựu, gặp nhân duyên nên liền được ngay, nói nhân duyên là gọi hỏa tai. Tất cả phàm phu cũng như vậy, hoặc tu hay chẳng tu, thì tâm cùng với tham sinh, tâm cùng với tham diệt. Vì sao? Vì chẳng đoạn trừ tham. Sao gọi là tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt? Đệ tử Thanh văn có nhân duyên nên sinh ra tâm tham. Rồi họ sợ tâm tham nên tu quán tưởng xương trắng. Đó gọi là tâm cùng với tham sinh,

chẳng cùng với tham diệt. Lại có tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Như hàng Thanh văn chưa chứng được bốn quả, có nhân duyên nên sinh ra tâm tham, khi chứng bốn quả thì tâm tham được diệt. Đó gọi là tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Bậc Đại Bồ-tát khi được địa Bất động thì tâm cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Sao gọi là tâm chẳng cùng với tham sinh mà cùng với tham diệt? Nếu Đại Bồ-tát đoạn trừ tâm tham, rồi vì chúng sinh nên thị hiện có tham, do thị hiện nên có thể khiến cho vô lượng vô biên chúng sinh thưa hỏi nghe thọ pháp thiện, thành tựu đầy đủ, thì đó gọi là chẳng cùng với tham sinh mà cùng với tham diệt. Sao gọi là chẳng cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt? Đó là A-la-hán, Duyên giác, chư Phật, trừ hàng địa Bất động. Ngoài ra còn các vị Bồ-tát. Đó gọi là chẳng cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-tát chẳng quyết định nói, tâm tánh vốn tịnh, tánh vốn chẳng tịnh. Đây thiện nam! Tâm này chẳng cùng với tham kết hòa hợp, cũng lại chẳng cùng với sân si hòa hợp. Đây thiện nam! Ví như mặt trời, mặt trăng bị sự che phủ của khói, bụi, mây, mù và A-tu-la. Do nhân duyên này khiến cho các chúng sinh chẳng thể thấy được. Tuy họ chẳng thể thấy tánh của mặt trời, mặt trăng nhưng chẳng bao giờ hòa hợp với năm sự che ngăn kia. Tâm cũng như vậy, do nhân duyên nên sinh ra tham kiết. Chúng sinh tuy nói tâm cùng với tham hòa hợp nhưng mà tánh của tâm này thật chẳng cùng hòa hợp. Nếu tâm tham này tức là tánh tham hay tâm chẳng tham này tức là tánh chẳng tham thì tâm chẳng tham chẳng thể là tham và tâm tham kết chẳng thể chẳng tham. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên tham dục kết chẳng thể làm bản tâm. Chư Phật, Bồ-tát phá hoại vĩnh viễn tham kiết. Vậy nên nói, tâm được giải thoát. Tất cả chúng sinh từ nhân duyên nên sinh ra tham kết, từ nhân duyên nên tâm được giải thoát. Đây thiện nam! Ví như núi Tuyết, chỗ cheo leo chót vót, người cùng vượn đều chẳng thể đi; hoặc lại có chỗ vượn có thể đi, người chẳng thể đi; hoặc lại có chỗ người cùng vượn cả hai có thể đi. Đây thiện nam! Chỗ người cùng vượn có thể đi là như nơi các thợ săn thuần dùng nhựa keo đặt lên đó để bắt vượn. Con vượn dại nên đưa tay chạm vào, chạm rồi dính tay. Vượn muốn thoát tay nên lấy chân đạp thì chân lại mắc theo. Muốn thoát

thân nên vượn dùng miệng cắn vào đó thì miệng lại dính luôn. Như vậy năm chỗ đều không thoát được. Đến đây, người thợ săn dùng gậy xâu qua con vượn khiêng về. Chỗ cao của núi Tuyết ví cho sự được chánh đạo của Phật, Bồ-tát. Vượn là ví các phàm phu. Thợ săn là ví ma Ba-tuần. Nhựa keo là ví tham dục kết. Người cùng vượn đều chẳng thể đi là ví những phàm phu, Ma vương Ba-tuần đều chẳng thể đi. Vượn có thể đi, người chẳng thể đi là ví những người có trí tuệ của ngoại đạo, những ma ác v.v... tuy do năm dục nhưng chẳng thể ràng buộc. Người cùng vượn đều có thể đi là ví tất cả phàm phu và ma Ba-tuần thường ở trong sinh tử, chẳng thể tu hành. Người phàm phu bị năm dục trói buộc, khiến cho ma Ba-tuần tự tại đem đi như người thợ săn kia đánh bẫy nhựa bắt vượn khiêng về nhà. Này thiện nam! Ví như vị quốc vương an trụ ở nước mình thì thân tâm an vui, nếu đến cõi khác thì bị mọi khổ sở. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu có thể tự trụ ở cảnh giới của mình thì được an vui, nếu đến cảnh giới khác thì gặp ma ác chịu những khổ não. Cảnh giới của mình là bốn niệm xứ. Cảnh giới khác là năm dục. Sao gọi là hệ thuộc ma? Có những chúng sinh vô thường thấy thường, thường thấy vô thường; khổ thấy vui, vui thấy khổ; chẳng tịnh thấy tịnh, tịnh thấy chẳng tịnh; vô ngã thấy ngã, ngã thấy vô ngã; chẳng phải thật giải thoát vọng thấy giải thoát, chân thật giải thoát thấy chẳng phải giải thoát; chẳng phải thừa thấy thừa, thừa thấy chẳng phải thừa... Người như vậy gọi là hệ thuộc ma, mà hệ thuộc ma thì lòng chẳng thanh tịnh. Lại nữa, này thiện nam! Nếu thấy các pháp chân thật là có định tướng tổng biệt thì phải biết người này khi thấy sắc thì liền tạo ra sắc tướng cho đến thấy thức cũng tạo ra tướng thức, thấy nam tạo ra tướng nam, thấy nữ tạo ra tướng nữ, thấy ngày tạo ra tướng ngày, thấy tháng tạo ra tướng tháng, thấy năm tạo ra tướng năm, thấy ấm tạo ra tướng ấm, thấy nhập tạo ra tướng nhập, thấy giới tạo ra tướng giới. Người thấy như vậy thì gọi hệ thuộc ma, mà hệ thuộc ma thì tâm chẳng thanh tịnh. Lại nữa, này thiện nam! Nếu thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc và sắc thuộc về ngã cho đến thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức và thức thuộc về ngã... thì người thấy như vậy là hệ thuộc ma, chẳng phải là đệ tử của Ta. Này thiện nam! Đệ tử Thanh văn của Ta xa lìa Mười hai bộ loại kinh điển của

Như Lai, tu tập đủ thứ kinh sách của ngoại đạo, chẳng tu nghiệp xuất gia tịch tĩnh, toàn kinh doanh việc tại gia thế tục. Những gì gọi là việc tại gia? Nhận nuôi chứa tất cả vật bất tịnh như nô tỳ, ruộng, nhà, voi, ngựa, xe cộ, la, lừa, gà, chó, vượn, heo, dê, đủ thứ lúa mì v.v... xa lìa chúng Tăng, gần gũi bạch y, trái nghịch lời dạy của Thánh và hướng về những người bạch y nói: “Đức Phật cho phép Tỳ-kheo nhận nuôi chứa đủ thứ vật bất tịnh”. Đó gọi là tu tập việc tại gia. Có các đệ tử chẳng vì Niết-bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà thân cận nghe thọ mười hai bộ loại kinh điển. Dùng vật của Tăng bốn phương và y phục của Tăng, ăn mặc như tự của mình có, tham tiếc vật của nhà người khác, khen ngợi gần gũi quốc vương và các vương tử, bói quẻ cát hung, đoán vận thịnh suy, chơi cờ vây, đánh bạc, đánh xu bồ, ném bầu, gần gũi Tỳ-kheo-ni và những gái chưa chồng, nuôi hai hạng Sa-di, thường giao du với nhà thợ săn, đồ tể, bán rượu và chỗ ở của bọn Chiên-đà-la, buôn bán đủ thứ, tay tự làm thức ăn, làm sứ giả lân quốc, thông báo tin tức. Những người như vậy thì phải biết là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Ta. Do nhân duyên này nên tâm cùng với tham sinh, tâm cùng với tham diệt. Cho đến tâm cùng với si sinh, tâm cùng với si diệt cũng như vậy. Nay thiện nam! Do nhân duyên này nên tánh của tâm chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh. Vậy nên Ta nói, tâm được giải thoát. Nếu có người chẳng nhận, chẳng nuôi chứa tất cả vật bất tịnh, vì Đại Niết-bàn thọ trì, đọc tụng mười hai bộ loại kinh điển, sao chép, giảng nói thì phải biết những người đó là đệ tử chân thật của Ta, chẳng làm theo cảnh giới của ma ác Ba-tuần, tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Do tu tập nên họ chẳng cùng với tham sinh, chẳng cùng với tham diệt. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tám.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXIV

Phẩm 22: BỒ TÁT QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG 6

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ chín? Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, đầu tiên phát khởi năm việc đều được thành tựu. Những gì là năm? Một là tín, hai là trực tâm, ba là giới, bốn là thân cận bạn lành, năm là học rộng. Sao gọi là tín? Đại Bồ-tát tin vào sự bố thí Tam bảo có quả báo, tin vào con đường Nhất thừa Nhị đế, lại không đường khác, nhưng vì muốn cho chúng sinh mau được giải thoát nên chư Phật, Bồ-tát phân biệt làm ba, tin đệ nhất nghĩa đế, tin phương tiện thiện. Đó gọi là tín. Người tin như vậy thì hoặc các Samôn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên ma, Phạm thiên, tất cả chúng sinh chẳng thể phá hoại họ. Nhân đức tin này nên được tánh của Thánh nhân, tu hành bố thí hoặc nhiều hay ít đều được gần với Đại Bát Niết Bàn, chẳng rơi vào sinh tử. Giới cấm, đa văn, trí tuệ cũng như vậy. Đó gọi là tín. Tuy có tín này mà cũng chẳng chấp thì đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu việc đầu tiên.

Sao gọi là trực tâm? Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh khởi tâm chất trực. Tất cả chúng sinh nếu gặp nhân duyên thì sinh ra nịnh hót quanh co còn Bồ-tát chẳng vậy. Vì sao? Vì khéo hiểu các pháp đều do nhân duyên. Đại Bồ-tát tuy thấy những tội lỗi ác của chúng sinh nhưng nhất định chẳng nói ra. Vì sao? Vì sợ họ sinh ra phiền não, mà nếu sinh phiền não thì rơi vào đường ác. Như vậy Bồ-tát nếu thấy chúng sinh có ít việc thiện thì khen ngợi họ. Sao gọi là thiện? Đó gọi là Phật tánh, do khen ngợi Phật tánh nên khiến cho các chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, Bồ-tát khen ngợi Phật tánh khiến cho vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì nghĩa này chẳng phải vậy. Vì sao? Vì Như Lai ban đầu khai kinh Đại Niết-bàn, nói có ba hạng. Một là, nếu có người bệnh mà được lương y, thuốc hay và người chăm sóc thì bệnh dễ khỏi. Như người bệnh ấy chẳng được như vậy thì chẳng thể lành bệnh. Hai là, nếu được hay chẳng được đều chẳng thể khỏi bệnh. Ba là, nếu được hay chẳng được đều có thể khỏi bệnh. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu gặp bạn lành, các Đức Phật, Bồ-tát nghe nói diệu pháp thì có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như những chúng sinh chẳng gặp thì chẳng thể phát tâm như là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi. Hai là, tuy họ gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe nói diệu pháp cũng chẳng thể phát tâm, hoặc họ chẳng gặp nên cũng chẳng thể phát tâm như là bọn Nhất-xiển-đề. Ba là, hoặc gặp hay chẳng gặp, tất cả đều có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như là Bồ-tát. Nếu nói, gặp cùng chẳng gặp đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Đức Như Lai hôm nay làm sao nói, nhân khen Phật tánh khiến cho các chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Thưa Thế Tôn! Nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe nói diệu pháp và cả chẳng gặp đều chẳng thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải biết nghĩa này cũng lại chẳng phải. Vì sao? Vì người như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bọn Nhất-xiển-đề do có Phật tánh nên hoặc nghe hay chẳng nghe đều cũng sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói: “Thế nào gọi là Nhất-xiển-đề? Đó là kẻ đoạn dứt thiện căn”, thì nghĩa như vậy cũng lại chẳng đúng. Vì sao? Vì chẳng đoạn dứt Phật tánh. Như vậy là Phật tánh, lý chẳng thể đoạn thì sao Phật nói đoạn các thiện căn? Như Phật thuở trước nói trong Mười hai bộ loại kinh điển, thiện có hai thứ: một là thường, hai là vô thường. Thường là chẳng đoạn, vô thường là đoạn, vô thường có thể đoạn nên đọa vào địa ngục. Thường chẳng thể đoạn thì vì sao chẳng ngăn chặn? Phật tánh chẳng đoạn thì chẳng phải Nhất-xiển-đề mà vì sao Đức Như

Lai nói như vậy là Nhất-xiển-đề? Bạch Thế Tôn! Nếu nhân Phật tánh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì vì sao Đức Như Lai rộng vì chúng sinh nói Mười hai bộ loại kinh điển? Thưa Thế Tôn! Ví như bốn dòng sông, xuất phát từ ao A-nậu-đạt. Nếu có hàng trời, người, chư Phật Thế Tôn nói những dòng sông này chẳng chảy vào biển cả mà sẽ trở lại nguồn cũ thì không có điều này. Tâm Bồ-đề cũng như vậy, nếu người có Phật tánh thì hoặc nghe hay chẳng nghe, hoặc giới hay chẳng phải giới, hoặc thí hay chẳng phải thí, hoặc tu hay chẳng phải tu, hoặc trí hay chẳng phải trí đều nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Thế Tôn! Như mặt trời từ trong núi Ưu-đà-diên mọc lên, đi đến hướng chánh Nam. Nếu mặt trời nghĩ rằng, ta chẳng đến phương Tây mà trở lại phương Đông thì không có điều này. Phật tánh cũng vậy, nếu chẳng nghe, chẳng trì giới, chẳng bố thí, chẳng tu, chẳng trí tuệ, chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không có điều này. Bạch Thế Tôn! Chư Phật Như Lai nói, tánh của nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không, nghĩa như vậy cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì như trong sữa ấy không có tánh váng sữa thì không có váng sữa, hạt Ni-câu-đà không tánh năm trượng thì chẳng thể sinh cây năm trượng. Nếu trong Phật tánh không cây Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì làm sao sinh ra cây Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Do nghĩa này nên nói, nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không thì nghĩa này như vậy làm sao tương ứng?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Đời có hai hạng người rất là hiếm có như hoa Ưu-đàm. Một là người chẳng làm điều ác, hai là người có tội mà biết sám hối. Người như vậy rất là hiếm có. Lại có hai hạng người, một là làm ơn, hai là nhớ ơn. Lại có hai hạng người, một là người học hỏi thọ nhận pháp mới, hai là người ôn cũ chẳng quên. Lại có hai hạng người, một là người tạo ra cái mới, hai là người ôn sửa cái cũ. Lại có hai hạng người, một là người ưa nghe pháp, hai là người ưa nói pháp. Lại có hai hạng người, một là người giỏi vấn nạn, hai là người giỏi giải đáp. Người giỏi vấn nạn là thân ông đó. Người giỏi giải đáp là Như Lai. Nay thiện nam! Nhân sự khéo hỏi này, Ta liền được chuyển bánh xe pháp vô thượng, có thể làm khô cây đại thọ mười hai

nhân duyên, có thể qua khỏi vô biên dòng sông lớn sinh tử, có thể cùng Ma vương Ba-tuần chiến đấu, có thể xô ngã sự kiến lập cờ thắng của ma Ba-tuần. Đây thiện nam! Như trước Ta đã nói, ba thứ mà người bệnh gặp là lương y, người chăm sóc, thuốc tốt và cả việc chẳng gặp được thì bệnh đều được khỏi. Nghĩa này thế nào? Nghĩa này là, nếu gặp được hay chẳng gặp được gọi là thọ mạng nhất định. Vì sao? Vì người này đã ở trong vô lượng đời, tu ba thứ thiện là thượng, trung, hạ. Do tu ba thứ thiện như vậy nên được thọ mạng nhất định, như người nơi cõi Uất-đan-việt thọ mạng một ngàn năm. Có người bị bệnh, nếu gặp được lương y, thuốc tốt, người chăm sóc và cả việc chẳng được đều khỏi bệnh. Vì sao? Vì đã có thọ mạng nhất định. Đây thiện nam! Như lời Ta nói, nếu có người bệnh được gặp lương y, thuốc tốt, người chăm sóc thì bệnh được trừ khỏi, nếu chẳng gặp thì chẳng được khỏi. Nghĩa này ra sao? Đây thiện nam! Người như vậy thọ mạng chẳng nhất định, mạng tuy chưa hết nhưng có chín nhân duyên có thể làm chết yếu. Những gì là chín? Một là biết ăn chẳng an ổn mà cứ ăn. Hai là ăn nhiều. Ba là thức ăn trước chưa tiêu mà lại ăn nữa. Bốn là đi đại tiểu tiện chẳng đúng lúc. Năm là khi bệnh chẳng theo lời dạy của thầy thuốc. Sáu là chẳng theo lời dạy bảo của người chăm sóc. Bảy là cố cưỡng lại chẳng mưa ra. Tám là đi đêm, do đi đêm nên bị quỷ ác đánh. Chín là việc phòng the quá độ. Do những nhân duyên này nên Ta nói người bệnh nếu gặp lương y, thuốc tốt, người chăm sóc thì bệnh có thể khỏi, còn nếu chẳng gặp thì chẳng thể bớt. Đây thiện nam! Như trước Ta đã nói, nếu gặp hay chẳng gặp đều chẳng thể khỏi. Nghĩa này thế nào? Có người mạng hết, nếu gặp hay chẳng gặp đều chẳng thể khỏi. Vì sao? Vì mạng đã hết. Do nghĩa này nên Ta nói người bệnh, nếu gặp lương y, thuốc tốt, người chăm sóc và cả chẳng gặp đều chẳng thể khỏi được. Chúng sinh cũng vậy, người phát tâm Bồ-đề nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát thưa hỏi nghe thọ pháp sâu xa hay chẳng gặp được thì đều thành tựu. Vì sao? Vì người ấy có thể phát tâm Bồ-đề như người ở cõi Uất-đan-việt được thọ mạng nhất định. Như lời Ta nói, từ Tu-đà-hoàn đến Phật-bích-chi nếu nghe pháp sâu xa mà chư Phật, Bồ-tát và bạn lành đã nói thì phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn nếu chẳng gặp chư Phật, Bồ-tát nghe nói pháp sâu xa thì chẳng thể

phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như người mạng bất định vì chín nhân duyên nên chết yểu. Như người bệnh đó gặp lương y, thuốc tốt thì bệnh sẽ khỏi, còn nếu chẳng gặp thì bệnh chẳng khỏi. Vậy nên Ta nói gặp Phật, Bồ-tát, nghe nói pháp sâu xa thì có thể phát tâm, còn nếu chẳng gặp thì chẳng thể phát tâm. Như trước Ta đã nói, nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát, nghe nói pháp sâu xa và nếu chẳng gặp cũng đều chẳng thể phát tâm nghĩa này thế nào? Nay thiện nam! Hạng Nhất-xiển-đề nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ-tát nghe nói pháp sâu xa và cả chẳng gặp đều chẳng được lìa khỏi tâm Nhất-xiển-đề. Vì sao? Vì đoạn pháp thiện. Còn vì sao bọn Nhất-xiển-đề cũng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Nếu chúng có thể phát tâm Bồ-đề thì chẳng gọi là Nhất-xiển-đề. Nay thiện nam! Do nhân duyên gì nói, Nhất-xiển-đề được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bọn Nhất-xiển-đề thật chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như người mạng hết tuy gặp lương y, thuốc tốt, có người chăm sóc nhưng chẳng thể khỏi được. Vì sao? Vì mạng hết. Nay thiện nam! Nhất-xiển gọi là tin, đề gọi là chẳng đủ. Tin chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tin, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là phương tiện thiện, đề gọi là chẳng đủ. Tu phương tiện thiện chẳng đầy đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải là tu phương tiện thiện, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là tấn, đề gọi là chẳng đủ. Tấn chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tấn, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là niệm, đề gọi là chẳng đủ. Niệm chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải niệm, chúng sinh chẳng đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là định, đề gọi là chẳng đủ. Định chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải định, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là tuệ, đề gọi là chẳng đủ. Tuệ chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tuệ, chúng sinh chẳng phải đủ. Vì chẳng đủ nên làm sao có thể đoạn? Nhất-xiển gọi là thiện vô thường, đề gọi là chẳng đủ. Vì thiện vô thường chẳng đủ nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải vô thường, chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện. Vì

sao? Vì pháp thiện cần phải từ phương tiện mà được, mà Phật tánh này chẳng phải phương tiện được. Vậy nên chẳng phải thiện. Vì sao lại gọi là chẳng phải bất thiện? Vì có thể được quả thiện. Quả thiện tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại, pháp thiện thì sinh rồi được mà Phật tánh này chẳng phải sinh rồi được. Vậy nên chẳng phải thiện. Do đoạn trừ sinh mà được các pháp thiện nên gọi là Nhất-xiển-đề. Đây thiện nam! Như lời ông nói, nếu Nhất-xiển-đề có Phật tánh thì sao chẳng ngăn chặn tội địa ngục? Đây thiện nam! Trong Nhất-xiển-đề không có Phật tánh. Đây thiện nam! Ví như có vị vua nghe tiếng đàn không hầu. Âm thanh đàn ấy trong trẻo vi diệu, lòng liền tham đắm, thích thú đam mê, ý không rời bỏ, liền bảo vị đại thần: “Âm thanh vi diệu như vậy từ đâu phát ra?”. Vị đại thần đáp: “Âm thanh vi diệu như vậy từ cây đàn không hầu phát ra”. Nhà vua lại nói: “Hãy đem âm thanh đó lại đây”. Bấy giờ vị đại thần liền mang cây đàn không hầu đặt ở trước đức vua mà nói: “Tâu đại vương! Đại vương nên biết, đây tức là âm thanh”. Nhà vua nói: “Đây không hầu! Hãy phát ra tiếng! Hãy phát ra tiếng!”. Nhưng tiếng đàn không hầu cũng chẳng phát ra. Lúc này, vị đại vương liền cắt đứt dây của đàn ấy mà tiếng cũng chẳng phát ra. Ông đem da, gỗ của đàn ấy chẻ, xé ra hết để tìm kiếm tiếng đàn ấy mà cuối cùng chẳng thể được. Bấy giờ, vị đại vương liền giận trách vị đại thần: “Sao mà nói dối như vậy?”. Vị đại thần tâu: “Nói về cách lấy âm thanh thì phương pháp chẳng như vậy mà nên dùng mọi duyên và phương tiện khéo léo thì âm thanh mới phát ra”. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, không có trụ xứ, do phương tiện khéo léo nên có thể thấy được. Do có thể thấy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bọn Nhất-xiển-đề chẳng thấy Phật tánh thì làm sao có thể ngăn chặn tội của ba đường ác? Đây thiện nam! Nếu Nhất-xiển-đề tin có Phật tánh thì phải biết người này chẳng đến ba đường, người này cũng chẳng gọi là Nhất-xiển-đề. Do chẳng tự tin có Phật tánh nên liền rơi vào ba đường ác mà rơi vào ba đường ác nên gọi là Nhất-xiển-đề.

Này thiện nam! Như lời ông nói, nếu sữa không có tánh của váng sữa thì đáng lẽ chẳng sinh váng sữa, hạt cây ni-câu-đà không có tánh năm trượng thì đáng lẽ chẳng có cây năm trượng? Người ngu si nói lời như vậy, còn kể trí thì nhất định chẳng phát ngôn như vậy. Vì sao? Vì

do vô tánh. Đây thiện nam! Như trong sữa có tánh váng sữa thì chẳng cần lại nhờ sức mọi duyên. Đây thiện nam! Như sữa và nước đá nằm xen nhau đến cả tháng cũng nhất định chẳng thành váng sữa. Dùng một giọt nước nhựa cây pha cầu cho vào trong sữa liền trở thành váng sữa. Nếu sữa vốn có váng sữa thì vì sao phải đợi duyên. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, nhờ mọi duyên nên liền có thể thấy, nhờ mọi duyên nên được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu đợi mọi duyên, rồi sau đó mới thành tức là vô tánh. Do vô tánh nên có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát thường khen cái thiện của con người và chẳng trách cái khiếm khuyết của họ. Đó gọi là tâm chất trực.

Lại nữa, đây thiện nam! Sao gọi là tâm chất trực của Bồ-tát? Đại Bồ-tát thường chẳng phạm việc ác. Giả sử có lỗi lầm thì tức thời sám hối, đối với thầy, bạn đồng học chẳng bao giờ che giấu, hổ thẹn tự trách, chẳng dám làm nữa, đối với tội nhẹ sinh tư tưởng tội rất nặng, nếu có người cật vấn thì đáp, thật sự phạm tội. Người lại hỏi: “Tội này là tốt hay chẳng tốt?”. Đáp: “Chẳng tốt!”. Người lại hỏi: “Tội này là thiện hay bất thiện?”. Đáp: “Bất thiện”. Người lại hỏi: “Tội này là quả thiện hay quả bất thiện?”. Đáp: “Tội ấy thật chẳng phải là quả thiện!”. Lại hỏi: “Ai đã tạo ra tội này? Chắc chẳng phải là việc làm của Phật, Pháp, Tăng?”. Đáp: “Chẳng phải việc làm của Phật, Pháp, Tăng, mà là việc làm của tôi. Đó là sự tập hợp của phiền não”. Do tâm chất trực nên tin có Phật tánh, mà tin Phật tánh thì chẳng gọi là Nhất-xiển-đề. Do trực tâm nên gọi là đệ tử của Phật. Nếu thọ y phục, thực phẩm, đồ nằm, thuốc thang của chúng sinh, mỗi thứ ngàn vạn chẳng đủ cho là nhiều, thì đó là tâm chất trực của Bồ-tát.

Sao gọi là Bồ-tát tu trì giới? Đại Bồ-tát thọ trì giới cấm chẳng vì để sinh lên trời, chẳng vì sợ hãi... cho đến chẳng thọ giới chó, giới gà, giới bò, giới trĩ, chẳng tạo tác sự phá giới, chẳng làm khuyết giới, chẳng làm giới có tỳ vết, chẳng làm giới tạp, chẳng hành giới Thanh văn, mà thọ trì giới Đại Bồ-tát, Giới Ba-la-mật, giới Cụ túc, chẳng sinh kiêu mạn, đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn đủ giới thứ ba.

Sao gọi là Bồ-tát thân cận bạn lành? Đại Bồ-tát thường vì chúng sinh nói về đạo thiện, chẳng nói đạo ác, nói đạo ác chẳng phải là quả

báo thiện. Nay thiện nam! Thân Ta tức là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh. Vậy nên Ta có thể đoạn trừ tà kiến của Bà-la-môn Phú đà la. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh thân cận Ta thì tuy có nhân duyên đáng lẽ sinh vào địa ngục, nhưng liền được sinh lên trời. Như Tu-na-sát-đa v.v... đáng lẽ đọa vào địa ngục, do thấy Ta nên liền được đoạn trừ nhân duyên địa ngục, sinh lên cõi trời Sắc. Tuy có Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... nhưng chẳng gọi là thiện tri thức chân thật của chúng sinh. Vì sao? Vì họ là nhân duyên sinh tâm Nhất-xiển-đề. Nay thiện nam! Thuở trước, Ta trụ ở nước Ba-la-nại, Xá-lợi-phất dạy hai người đệ tử, một người quán tưởng xương trắng, một người dạy cho quán số tức. Trải qua nhiều năm cả hai đều chẳng được định. Do nhân duyên này liền sinh ra tà kiến nên họ nói: “Không có pháp Niết-bàn vô lậu. Nếu pháp ấy có thì lẽ ra chúng tôi đã chứng đắc. Vì sao? Vì chúng tôi có thể khéo trì giới đã thọ”. Lúc ấy, Ta thấy những Tỳ-kheo đó sinh ra tà tâm này nên gọi Xá-lợi-phất mà quở trách: “Ông chẳng khéo dạy! Vì sao nói pháp đảo ngược cho hai đệ tử này? Hai người đệ tử của ông tánh của họ đều khác. Một người là chuyên giặt quần áo, một người là thợ vàng. Người thợ vàng nên dạy họ số tức, người giặt quần áo nên dạy họ quán tưởng bạch cốt. Do ông dạy nhầm nên khiến cho hai người này sinh ra tà kiến ác”. Bấy giờ, Ta vì hai người này, đúng như căn cơ của họ mà nói pháp. Hai người nghe rồi, được quả A-la-hán. Vậy nên ta là chân thiện tri thức của tất cả chúng sinh, chứ chẳng phải Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... Giả sử chúng sinh có kết rất nặng mà được gặp Ta thì Ta dùng phương tiện liền vì họ đoạn trừ. Như Nan-đà em Ta có ái dục rất nặng, Ta dùng đủ thứ phương tiện khéo léo để đoạn trừ. Ương-quật-ma-la có sân hận nặng nhờ thấy Ta nên sân hận liền đoạn trừ. Vua A-xà-thế có ngu si nặng, nhờ thấy Ta nên lòng ngu si liền diệt. Như trưởng giả Bà-hy-già, từ trong vô lượng kiếp, tích tập, thành tựu phiền não rất nặng, nhờ thấy Ta nên liền đoạn diệt. Giả sử có người hạ tiện tệ ác mà gần gũi và làm đệ tử Ta thì do nhân duyên này nên được tất cả hàng trời, người cung kính, thương tưởng. Tà kiến của Thi-lợi-cúc-đa rất nặng, nhân thấy Ta nên tà kiến liền diệt, nhân thấy Ta nên đoạn trừ nhân của địa ngục, tạo duyên sinh lên trời. Như người Chiên-đà-la Khí hư, khi mạng sắp hết, nhân thấy Ta nên lại được sống

lâu. Như Kiều-thi-ca, cuồng tâm thác loạn, nhân thấy Ta nên tâm tánh tĩnh lại. Như Cù-đàm-di gây ốm, con của nhà đồ tể, thường làm nghiệp ác, nhờ thấy Ta nên liền lìa bỏ. Như Tỳ-kheo Xiển đề nhân thấy Ta nên thà bỏ thân mạng, chẳng hủy phạm giới cấm. Như Tỳ-kheo nghiêm trì giới cấm, như Tỳ-kheo cột cỏ. Do nghĩa này nên Tỳ-kheo A-nan nói là bán phạm hạnh, gọi là thiện tri thức. Ta nói, chẳng vậy. Phải đầy đủ phạm hạnh mới gọi là thiện tri thức. Đó là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu việc thứ tư là gần gũi thiện tri thức.

Sao gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn? Đại Bồ-tát vì kinh Đại Niết-bàn, Mười hai bộ loại kinh điển mà sao chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói thì đó gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ Mười một bộ loại kinh điển, chỉ thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói kinh Tỳ-phật-lược thì cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ Mười hai bộ loại kinh điển, nếu Bồ-tát có thể thọ trì kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn, ghi chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói thì đó cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Trừ hết toàn thể kinh điển này, nếu Bồ-tát có thể thọ trì một bài kệ bốn câu, lại trừ luôn bài kệ này, nếu Bồ-tát có thể thọ trì câu: “Như Lai thường trụ, tánh không biến dịch”, thì đó cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Lại trừ luôn việc này mà nếu hành giả biết là: Như Lai thường chẳng nói pháp, thì cũng gọi là Bồ-tát đầy đủ đa văn. Vì sao? Vì pháp vô tánh. Như Lai tuy nói tất cả các pháp nhưng thường không có điều gì để nói. Đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu việc thứ năm là đầy đủ đa văn.

Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào vì Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ năm việc như vậy thì việc khó làm có thể làm, điều khó nhẫn có thể nhẫn, của khó thí có thể thí. Sao gọi là việc khó làm Bồ-tát có thể làm? Như nghe có người ăn một hạt mè mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tin lời nói này nên cho đến vô lượng vô số kiếp, thường ăn một hạt mè. Hoặc nghe nói, vào lửa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trong vô lượng kiếp, ở tại địa ngục A-tỳ, vào đám lửa đỏ rực. Đó gọi là việc khó làm Bồ-tát có thể làm. Sao gọi là điều khó nhẫn Bồ-tát có thể nhẫn? Nếu nghe nói chịu đựng nhân duyên gây khổ như do tay, gậy, dao, đá, chặt, đánh mà đắc Đại Niết-bàn thì liền ở vô lượng vô số kiếp, thân chịu đủ những thứ đó mà chẳng lấy làm khổ sở, đó gọi là việc khó nhẫn Bồ-tát có thể nhẫn. Sao

gọi là cửa khó thì Bồ-tát có thể thì? Như nghe nói, có thể dùng đất nước, thành quách, vợ con, đầu mắt, não tủy ban cho người thì sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền ở vô lượng vô số kiếp, dùng đất nước, thành quách, vợ con, đầu mắt, não tủy của mình mà ban cho người, đó gọi là cửa khó thì Bồ-tát có thể thì. Bồ-tát tuy lại có thể làm việc khó làm nhưng chẳng bao giờ nghĩ rằng chính là việc làm của ta cho đến cửa khó cho có thể cho cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con yêu thương rất nặng tình, dùng quần áo đẹp, thức ăn ngon thượng diệu, tùy thời nuôi dưỡng, không gì thiếu thốn. Giả sử đứa con ấy đối với cha mẹ đã dấy khởi lòng khinh mạn, ác khẩu mạ nhục, nhưng cha mẹ vì yêu thương nên chẳng sinh ra sân hận, cũng chẳng nghĩ rằng: Ta cho đứa trẻ này quần áo, thức ăn, thức uống. Đại Bồ-tát cũng như vậy, nhìn các chúng sinh giống như con một. Nếu đứa con gặp bệnh thì cha mẹ cũng bệnh theo. Vì con mà cầu thầy thuốc, siêng năng gia công trị liệu, cứu chữa. Khi bệnh đã khỏi rồi, cha mẹ chẳng bao giờ sinh ý niệm là ta vì đứa trẻ này trị liệu bệnh khổ. Bồ-tát cũng vậy, thấy các chúng sinh gặp bệnh phiền não sinh lòng thương yêu mà vì họ nói pháp. Chúng sinh nhờ nghe pháp nên các phiền não được đoạn trừ. Phiền não đoạn rồi, Bồ-tát nhất định chẳng nghĩ rằng ta vì chúng sinh đoạn trừ phiền não. Nếu Bồ-tát phát sinh ý niệm này thì nhất định chẳng được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát khởi ý niệm này: “Không một chúng sinh nào được ta nói pháp khiến cho họ được đoạn trừ phiền não”. Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh chẳng giận, chẳng mừng. Vì sao? Vì có khả năng khéo tu tập Tam-muội Không. Bồ-tát nếu tu Tam-muội Không thì sẽ sinh giận, sinh mừng với ai đây? Nay thiện nam! Ví như rừng núi bị lửa dữ đốt cháy, hoặc con người đốn chặt, hay bị nước cuốn trôi thì rừng cây này sẽ sinh ra giận, sinh ra mừng với ai đây? Đại Bồ-tát cũng như vậy, đối với các chúng sinh không giận, không mừng. Vì sao? Vì tu Tam-muội Không.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tánh của tất cả các pháp tự nó là không chẳng? Vì không không cho nên không chẳng? Nếu tánh tự không thì chẳng

cần tu không, rồi sau đó thấy không. Sao Như Lai nói rằng, do tu không mà thấy không? Nếu tánh tự chẳng không thì tuy tu Không nhưng chẳng thể khiến cho nó không.

Này thiện nam! Tánh của tất cả các pháp vốn tự không. Vì sao? Vì tánh của tất cả pháp chẳng thể nắm bắt được. Này thiện nam! Tánh của sắc cũng chẳng thể nắm bắt được. Sao gọi là tánh của sắc? Tánh của sắc chẳng phải là đất, nước, gió, lửa; chẳng lìa đất, nước, gió, lửa; chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải lìa xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải có, chẳng phải không thì sao sẽ nói là sắc có tự tánh? Do tánh chẳng thể nắm bắt được nên nói là không. Tất cả các pháp cũng như vậy. Do sự giống nhau, tiếp nối nhau nên các phàm phu thấy rồi nói là, tánh của các pháp chẳng rõ ràng. Đại Bồ-tát đầy đủ năm việc nên thấy tánh của pháp vốn rõ ràng. Này thiện nam! Nếu Sa-môn, Bà-la-môn thấy tánh của tất cả pháp chẳng không thì phải biết người đó chẳng phải là Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được vào Đại Bát Niết Bàn, chẳng được hiện thấy chư Phật, Bồ-tát mà họ là quyến thuộc của ma. Này thiện nam! Tánh của tất cả các pháp vốn tự không và cũng nhân Bồ-tát tu tập không nên thấy các pháp không. Này thiện nam! Như tánh của tất cả pháp vô thường nên diệt có thể diệt nó. Nếu nó chẳng phải vô thường thì diệt chẳng thể diệt. Pháp hữu vi có tướng sinh nên sinh có thể sinh ra nó, có tướng diệt nên diệt có thể diệt nó. Tất cả các pháp có tướng khổ nên khổ có thể khiến cho nó khổ. Này thiện nam! Như tánh của muối là mặn có thể làm mặn vật khác, tánh của đường ngọt có thể làm ngọt vật khác, tánh của dấm chua có thể làm chua vật khác, tánh gừng là cay có thể làm cay vật khác, quả ha-lê-lặc đắng có thể làm đắng vật khác, quả am-la nhạt có thể làm nhạt vật khác, tánh độc có thể hại nên khiến cho vật khác bị hại, tánh của cam lồ khiến cho người chẳng chết, nếu đem hòa hợp với vật khác cũng có thể chẳng chết. Bồ-tát tu không cũng như vậy, do tu không nên thấy tánh của tất cả pháp đều rõ ràng.

Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại nói:

–Bạch Thế Tôn! Nếu muối có thể khiến cho vật chẳng mặn trở thành mặn, tu Tam-muội Không nếu như vậy thì phải biết định này

chẳng phải thiện, chẳng phải diệu, tánh định ấy điên đảo. Nếu Tam-muội Không chỉ thấy rõng không thì không là không có pháp vậy thấy cái gì?

–Này thiện nam! Tam-muội Không này thấy pháp chẳng không có thể khiến cho nó rõng lạng nhưng chẳng phải điên đảo. Như muối làm cho vật chẳng phải mặn trở thành mặn, Tam-muội Không này cũng như vậy, pháp chẳng không làm trở thành không. Này thiện nam! Tham là hữu tánh, chẳng phải là không tánh. Tham nếu là không thì chúng sinh chẳng nên vì nhân duyên này mà rơi vào địa ngục. Nếu rơi vào địa ngục thì sao gọi tánh tham là không được? Này thiện nam! Tánh của sắc là có thì những tánh nào gọi là điên đảo? Do điên đảo nên chúng sinh sinh ra tham. Nếu tánh của sắc này chẳng phải điên đảo thì sao có thể khiến cho chúng sinh sinh ra tham? Do sinh ra tham nên phải biết tánh của sắc chẳng phải chẳng có. Do nghĩa này nên tu Tam-muội Không chẳng phải là điên đảo. Này thiện nam! Tất cả phàm phu nếu thấy nữ nhân liền sinh ra tướng nữ. Bồ-tát chẳng vậy, tuy thấy nữ nhân nhưng chẳng sinh tướng nữ. Do chẳng sinh ra tướng nữ nên tham chẳng sinh ra, mà tham chẳng sinh nên chẳng phải điên đảo. Do người thế gian thấy có nữ nên Bồ-tát theo đó nói có nữ nhân. Còn nếu khi thấy nam mà nói là nữ thì đó là điên đảo. Vậy nên Ta vì ông Xà-đề nói: “Này Bà-la-môn! Nếu lấy ngày làm đêm thì là điên đảo, lấy đêm làm ngày thì cũng là điên đảo. Ngày là tướng ngày, đêm là tướng đêm thì sao gọi điên đảo?”. Này thiện nam! Tất cả Bồ-tát trụ ở địa thứ chín thấy pháp có tánh, do sự thấy này nên chẳng thấy Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh thì chẳng thấy tánh của tất cả pháp. Do tu Tam-muội Không như vậy nên chẳng thấy tánh của pháp, mà do chẳng thấy nên thấy Phật tánh. Chư Phật, Bồ-tát có hai thứ pháp tánh, một là hữu tánh, hai là vô tánh. Vì chúng sinh nên nói có pháp tánh, vì các Hiền thánh nên nói không có pháp tánh. Vì người chẳng không thấy pháp không nên tu Tam-muội Không khiến cho được thấy không. Vì người không thấy pháp tánh thì cũng tu không nên không. Do nghĩa này nên tu không thì thấy không. Này thiện nam! Ông hỏi rằng, thấy không mà không là không có pháp thì thấy cái gì? Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đại Bồ-tát quả thật không thấy gì. Không thấy gì tức là không có gì,

mà không có gì tức là tất cả pháp. Đại Bồ-tát tu Đại Bát Niết Bàn thì đối với tất cả pháp đều không thấy gì. Nếu có thấy thì chẳng thấy Phật tánh, chẳng thể tu tập Bát nhã Ba-la-mật, chẳng được vào Đại Bát Niết Bàn. Vậy nên Bồ-tát thấy tánh của tất cả pháp không có gì. Nay thiện nam! Bồ-tát chẳng những chỉ nhân thấy Tam-muội mà thấy không, mà Bát nhã Ba-la-mật cũng không, Thiền Ba-la-mật cũng không, Tinh tấn Ba-la-mật cũng không, Nhẫn Ba-la-mật cũng không, Giới Ba-la-mật cũng không, Thí Ba-la-mật cũng không, sắc cũng không, nhãn cũng không, thức cũng không, Như Lai cũng không, Đại Bát Niết Bàn cũng không. Vậy nên Bồ-tát thấy tất cả pháp đều là không. Nên khi Ta ở thành Ca-tỳ-la có bảo A-nan: “Ông chớ sầu não kêu gào khóc lóc!”. A-nan liền đáp: “Thưa Thế Tôn! Thân thuộc của con hôm nay đều bị diệt hết thì con làm sao chẳng buồn khóc được? Như Lai cùng con đều sinh ra ở thành này, cùng đồng họ Thích, thân thích, quyến thuộc mà sao Như Lai một mình chẳng sầu não, nét mặt sáng ngời?”. Nay thiện nam! Ta bảo: “Nay A-nan! Ông thấy thành Ca-tỳ-la chân thật là có, còn Ta thấy rỗng không, không có gì. Ông thấy dòng họ Thích là thân thích, còn Ta tu không nên đều không thấy gì. Do nhân duyên này nên ông sinh ra sầu khổ, còn thân Ta thì dung nhan lại sáng ngời”. Chư Phật, Bồ-tát tu tập Tam-muội Không như vậy nên chẳng sinh sầu não. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ chín.

Nay thiện nam! Sao gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ mười sau cùng? Nay thiện nam! Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, vào Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh, vì các chúng sinh phân biệt giảng nói kinh Đại Niết-bàn, hiển bày Phật tánh. Nếu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát tin lời nói này thì đều được vào Đại Bát Niết Bàn. Nếu họ chẳng tin thì luân hồi sinh tử.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Những chúng sinh nào đối với kinh này chẳng sinh lòng cung kính?

– Nay thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, có đệ tử Thanh văn ngu si,

phá giới, ưa sinh ra tranh cãi, bỏ Mười hai bộ loại kinh điển mà đi đọc tụng đủ thứ điển tịch của ngoại đạo, làm văn khen ngợi, tự tay ghi chép. Họ nhận nuôi chứa tất cả vật bất tịnh mà nói là Phật cho phép. Người như vậy đem chiên-đàn tốt đổi lấy gỗ thường, đem vàng đổi lấy đá quặng, bạc đổi lấy bạch lạp, lụa đổi vải thô, đem vị cam lồ đổi lấy chất độc. Sao gọi là đem chiên-đàn đổi lấy gỗ thường? Như đệ tử của Ta vì sự cúng dường nên hưởng về những người bạch y, điển nói kinh pháp bạch y thì tánh tình buông thả, chẳng ưa nghe pháp, bạch y ở trên cao, Tỳ-kheo ở dưới thấp, thêm dùng đủ thứ thức ăn ngon mà cung cấp cho họ, họ còn chẳng chịu nghe. Đó gọi là đem chiên-đàn đổi lấy gỗ thường. Sao gọi là đem vàng đổi lấy đá quặng? Đá quặng ví cho sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vàng ví cho giới. Các đệ tử của Ta do nhân duyên sắc mà phá giới đã thọ. Đó gọi là đem vàng đổi lấy đá quặng. Sao gọi là đem bạc đổi lấy bạch lạp? Bạc ví cho mười thiện, bạch lạp ví cho mười ác. Các đệ tử của Ta buông bỏ mười thiện, làm mười pháp ác. Đó gọi là đem bạc đổi lấy bạch lạp. Sao gọi là đem lụa đổi vải thô? Vải thô ví cho không hổ không thẹn, lụa ví cho hổ thẹn. Các đệ tử của Ta buông bỏ hổ thẹn, tập quen không hổ thẹn. Đó gọi là đem lụa đổi vải thô. Sao gọi là đem vị cam lồ đổi lấy độc dược? Độc dược là ví cho đủ thứ lợi dưỡng, cam lồ là ví cho các pháp vô lậu. Các đệ tử của Ta vì lợi dưỡng nên hưởng về các bạch y mà tự khen mình được vô lậu. Đó gọi là đem vị cam lồ đổi lấy độc dược. Do những Tỳ-kheo ác như vậy nên đang khi kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này lưu hành trải rộng cõi Diêm-phù-đề, có các đệ tử thọ trì, đọc tụng, sao chép điển nói, lưu hành thì bị những Tỳ-kheo ác như vậy giết hại họ. Những Tỳ-kheo ác đó cùng nhau tụ hội, chung nhau lập định chế nghiêm ngặt: “Nếu có người thọ trì kinh Đại Niết-bàn, sao chép, đọc tụng, phân biệt, giảng nói thì tất cả chẳng được ở chung, ngồi chung đàm luận nói năng. Vì sao? Vì Kinh Đại Niết-bàn chẳng phải là của Phật, là sự tạo ra của tà kiến, mà người tà kiến tức là Lục sư ngoại đạo. Lời nói của Lục sư thì chẳng phải là kinh điển của Phật. Vì sao? Vì tất cả chư Phật đều nói các pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Nếu nói, các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh thì đâu phải là kinh của Phật nói. Chư Phật, Bồ-tát cho phép các Tỳ-kheo nuôi chứa đủ thứ vật, còn lời nói của Lục sư

thì chẳng cho phép đệ tử nuôi chứa tất cả vật. Nghĩa như vậy thì đâu phải là lời nói của Phật. Chư Phật, Bồ-tát chẳng cấm chế đệ tử đoạn dứt năm vị của sữa bò và cả việc ăn thịt, còn Lục sư chẳng cho phép ăn năm thứ muối, năm thứ vị của sữa bò và cả mỡ, máu. Nếu đoạn dứt điều đó thì đâu phải là chánh điển của Phật. Chư Phật, Bồ-tát diễn nói ba thừa mà trong kinh này thuần nói Nhất thừa, gọi là Đại Niết-bàn. Lời nói như thế thì đâu phải là chánh điển của Phật. Chư Phật rớt ráo vào Niết-bàn, còn kinh này nói, Phật thường, lạc, ngã, tịnh chẳng vào Niết-bàn. Kinh này chẳng ở trong số Mười hai bộ loại kinh điển tức là lời nói của ma, chẳng phải là lời nói của Phật”. Nay thiện nam! Người như vậy tuy là đệ tử của Ta nhưng chẳng thể tin thuận kinh Niết-bàn này. Nay thiện nam! Lúc ấy, nếu có chúng sinh tin kinh điển này, thậm chí chỉ nửa câu kệ thì phải biết người này là đệ tử chân thật của Ta. Nhân họ tin như vậy nên liền thấy Phật tánh vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hay thay! Hay thay! Ngày hôm nay Như Lai khéo khai thị kinh Đại Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Con nhân việc này liền được hiểu rõ từng nửa câu, từng câu của kinh Đại Niết-bàn. Do hiểu được một câu đến nửa câu nên thấy chút Phật tánh. Như lời Đức Phật nói thì con cũng sẽ được vào Đại Niết-bàn. Đó gọi là Đại Bồ-tát tu kinh điển vì diệu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ mười.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXV

Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG 1

Bấy giờ, Đức Phật bảo tất cả đại chúng:

–Này các Thiện nam! Nếu các ông nghi ngờ có Phật hay không có Phật, có Pháp hay không có Pháp, có Tăng hay không có Tăng, có Khổ hay không có Khổ, có Tập hay không có Tập, có Diệt hay không có Diệt, có Đạo hay không có Đạo, có thật hay không có thật, có ngã hay không có ngã, có lạc hay không có lạc, có tịnh hay không có tịnh, có thường hay không có thường, có thừa hay không có thừa, có tánh hay không có tánh, có chúng sinh hay không có chúng sinh, có hữu hay không có hữu, có chân hay không có chân, có nhân hay không có nhân, có quả hay không có quả, có tác hay không có tác, có nghiệp hay không có nghiệp, có báo hay không có báo, thì nay Ta cho các ông mặc ý hỏi. Ta sẽ vì các ông phân biệt giảng nói. Này thiện nam! Ta thật chẳng thấy hoặc trời, hoặc người, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có đến hỏi mà Ta chẳng thể đáp.

Lúc này, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Sư Tử Hống, liền đứng dậy, nghiêm sắc mặt, sửa y phục đến trước lễ dưới chân Phật, quỳ dài, vòng tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con vừa muốn hỏi thì Như Lai đại bi đại từ rủ lòng thương cho phép.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Này các thiện nam! Nay các ông đối với vị Bồ-tát này phải sinh lòng cung kính sâu xa, tôn trọng, khen ngợi, phải dùng đủ thứ hương hoa, kỹ nhạc, chuỗi ngọc, cờ phướn, lọng báu, y phục, thức ăn, thức uống, đồ nằm, thuốc men, phòng nhà, cung điện mà cúng dường, rước đến, đưa đi. Vì sao? Vì người này đã ở chỗ các Đức Phật quá khứ trông

sâu căn lành, thành tựu phước đức. Vậy nên hôm nay ở trước Ta, ông muốn rống tiếng rống sư tử. Đây thiện nam! Như sư tử chúa tự biết sức lực, nanh vuốt bén nhọn, bốn chân chống đất, đứng vững trong hang, đập đuôi phát tiếng. Nếu sư tử có đủ các tướng như vậy thì phải biết nó có thể rống tiếng rống sư tử. Sư tử chúa thật, sáng sớm ra khỏi hang, vươn vai ngáp dài, quay nhìn bốn hướng, phát ra tiếng rống chấn động vì mười một việc. Những gì là mười một? Một là vì muốn hoại loài chẳng phải sư tử thật mà giả làm sư tử. Hai là muốn thử sức lực của mình. Ba là vì muốn chỗ ở sạch. Bốn là vì muốn các con biết chỗ ở. Năm là vì muốn bầy đàn không kinh sợ. Sáu là vì muốn những loài ngủ được thức tỉnh. Bảy là vì muốn tất cả các loài thú buông lung chẳng buông lung. Tám là vì muốn các loài thú đến châu hầu. Chín là vì muốn điều phục các con hương tượng. Mười là vì muốn dạy bảo con cái. Mười một là vì muốn trang nghiêm quyền thuộc của mình. Tất cả loài cầm thú nghe tiếng rống sư tử thì loài sống dưới nước lặn xuống vực sâu, loài đi trên đất giấu mình trong hang động, loài bay trên không rơi xuống đất. Những con hương tượng lớn sợ chạy vãi phân. Đây thiện nam! Như loài dã can kia cho dù có theo sư tử đến hàng trăm năm thì chẳng bao giờ có thể rống được tiếng rống của sư tử. Nếu sư tử bắt đầu tròn ba tuổi thì có thể rống như sư tử chúa. Đây thiện nam! Như Lai có móng vuốt trí tuệ, chân bốn như ý, thân đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, sức mạnh mười lực, đuôi đại bi, an trụ trong hang thanh tịnh Tứ thiên, vì các chúng sinh mà rống tiếng rống sư tử, dẹp phá quân ma, mười lực thị chúng, mở hành xứ của Phật, làm chỗ quy y cho các tà kiến, an ủi vỗ về chúng sinh kinh sợ sinh tử, thức tỉnh chúng sinh trong giấc ngủ vô minh, làm cho người làm điều ác sinh lòng hối hận, khai thị tất cả chúng sinh tà kiến, khiến cho họ biết hàng Lục sư chẳng phải là sư tử hống, phá lòng kiêu mạn của Phú-lan-na v.v... Vì khiến cho hàng Nhị thừa sinh lòng hối hận, vì dạy các Bồ-tát ở địa thứ năm sinh tâm đại lực, vì khiến cho bốn bộ chúng chánh kiến đối với bốn bộ đồ đảng tà kiến kia chẳng sinh sợ hãi, nên từ trong hang động Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh vươn vai mà ra. Vì muốn khiến cho những chúng sinh đó phá kiêu mạn nên ngáp dài. Vì khiến cho những chúng sinh đó sinh ra pháp thiện nên quay nhìn bốn hướng. Vì khiến

cho những chúng sinh đó được bốn vô ngại nên bốn chân chống đất. Vì khiến cho những chúng sinh an trụ đầy đủ ở Giới Ba-la-mật nên rống tiếng rống sư tử. Tiếng rống sư tử là nói quyết định rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến dịch. Này thiện nam! Thanh văn, Duyên giác tuy lại theo Như Lai Thế Tôn đến vô lượng trăm ngàn vô số kiếp mà cũng chẳng thể làm nên tiếng rống sư tử. Bồ-tát Thập Trụ nếu có thể tu hành ba hành xứ này thì phải biết là có thể rống tiếng rống sư tử. Này các Thiện nam! Đại Bồ-tát Sư Tử Hống này hôm nay muốn rống lên tiếng rống sư tử lớn như vậy. Vậy nên các ông cần phải hết lòng cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Sư Tử Hống:

–Này thiện nam! Nếu ông muốn hỏi thì hôm nay có thể tùy ý.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Phật tánh? Do ý nghĩa gì nên gọi là Phật tánh? Vì sao lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu tất cả chúng sinh có Phật tánh thì vì sao chẳng thấy Phật tánh của tất cả chúng sinh? Bồ-tát Thập Trụ trụ ở những pháp gì mà chẳng thấy rõ ràng? Phật trụ ở những pháp gì mà thấy rõ ràng? Bồ-tát Thập Trụ dùng những mắt gì mà chẳng thấy rõ ràng? Phật dùng mắt gì mà thấy rõ ràng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hay thay! Hay thay! Nếu có người có thể vì pháp thưa hỏi thì được đầy đủ hai thứ trang nghiêm, một là trí tuệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thì biết được Phật tánh và cũng hiểu biết sao gọi là Phật tánh cho đến có thể biết Bồ-tát Thập Trụ dùng mắt gì để thấy, chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì để thấy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là trí tuệ trang nghiêm? Sao gọi là phước đức trang nghiêm?

–Này thiện nam! Tuệ trang nghiêm là gọi từ địa thứ nhất cho đến địa thứ mười. Đó gọi là tuệ trang nghiêm. Phước đức trang nghiêm là gọi từ Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã, chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, này thiện nam! Tuệ trang nghiêm là gọi chư Phật, Bồ-tát.

Phước đức trang nghiêm là gọi Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát Cửu trụ.

Lại nữa, này thiện nam! Phước đức trang nghiêm là hữu vi, hữu lậu, có hữu, có quả báo, có ngăn ngại, chẳng phải thường là những pháp phạm phư. Tuệ trang nghiêm là vô vi, vô lậu, không hữu, không quả báo, không ngăn ngại, thường trụ. Này thiện nam! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể hỏi diệu nghĩa thâm diệu. Ta cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể đáp nghĩa đó.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy, thì chẳng nên hỏi một thứ, hai thứ... thì sao Đức Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ, hai thứ. Vì sao? Vì tất cả các pháp không một, hai thứ. Một thứ, hai thứ là tướng của phạm phư.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát không có hai thứ trang nghiêm thì chẳng thể biết một thứ, hai thứ. Nếu có Bồ-tát đủ hai thứ trang nghiêm thì có thể hiểu biết một thứ, hai thứ. Nếu nói rằng các pháp không một, hai thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Nếu không một, hai thì làm sao được nói tất cả các pháp không một, không hai. Này thiện nam! Nếu nói rằng, một, hai là tướng của phạm phư thì đó mới gọi là Bồ-tát Thập Trụ, chẳng phải phạm phư. Vì sao? Vì một là gọi Niết-bàn, hai là gọi sinh tử. Vì sao một gọi là Niết-bàn? Vì một ấy thường. Vì sao hai gọi là sinh tử? Vì ái, vô minh. Cái thường của Niết-bàn chẳng phải tướng phạm phư. Sinh tử là hai thì cũng chẳng phải tướng phạm phư. Do nghĩa này nên người đủ hai thứ trang nghiêm thì có thể hỏi, có thể đáp. Này thiện nam! Ông hỏi, sao gọi là Phật tánh? Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Này thiện nam! Phật tánh là gọi đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là trí tuệ. Cái nói là không thì chẳng thấy không cùng chẳng không. Người trí tuệ thấy không cùng chẳng không, thường cùng vô thường, khổ cùng lạc, ngã cùng vô ngã. Không là tất cả sinh tử, chẳng không thì gọi là Đại Niết-bàn cho đến vô ngã tức là sinh tử. Ngã thì gọi là Đại Niết-bàn. Thấy tất cả không, chẳng thấy chẳng không chẳng gọi là trung đạo cho đến thấy tất cả vô ngã, chẳng thấy ngã thì chẳng gọi là trung đạo. Trung đạo thì gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật tánh

thường hằng không có biến dịch, vì vô minh che nên khiến cho chúng sinh chẳng thể thấy. Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả không, chẳng thấy chẳng không cho đến thấy tất cả vô ngã, chẳng thấy ngã. Do nghĩa này nên họ chẳng được đệ nhất nghĩa không. Chẳng được đệ nhất nghĩa không nên chẳng hành Trung đạo. Không hành Trung đạo nên chẳng thấy Phật tánh. Này thiện nam! Người chẳng thấy Trung đạo gồm có ba hạng: Một là định lạc hạnh, hai là định khổ hạnh, ba là khổ lạc hạnh. Định lạc hạnh là gọi Đại Bồ-tát thương xót tất cả chúng sinh nên tuy ở tại địa ngục A-tỳ nhưng như niềm vui Tam thiên. Định khổ hạnh là gọi các phàm phu. Khổ lạc hạnh là gọi Thanh văn, Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác hành theo khổ lạc, khởi tư tưởng Trung đạo. Do nghĩa này nên tuy có Phật tánh mà chẳng thể thấy. Như lời ông đã hỏi, do nghĩa gì nên gọi là Phật tánh? Này thiện nam! Phật tánh tức là chủng tử trung đạo của tất cả các Đức Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, này thiện nam! Đạo có ba bậc là hạ, trung, thượng. Hạ là Phạm thiên, vô thường lầm thấy là thường. Thượng là sinh tử vô thường lầm thấy là thường, Tam bảo là thường mà chấp là vô thường. Sao gọi là thượng? Có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trung gọi là đệ nhất nghĩa không: vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhất nghĩa không chẳng gọi là hạ. Vì sao? Vì điều mà tất cả phàm phu không đạt được nên chẳng gọi là thượng. Vì sao? Vì đó chính là thượng. Đạo tu hành của chư Phật, Bồ-tát chẳng thượng, chẳng hạ. Do nghĩa này nên gọi là trung đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Bản tế của sinh tử có hai thứ: một là vô minh, hai là hữu ái. Trung gian của hai thứ này thì có khổ của sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là trung đạo. Như vậy trung đạo có thể phá sinh tử nên gọi là trung. Do nghĩa này nên pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vậy nên Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh. Do các chúng sinh chẳng thể thấy nên cho là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Phật tánh thật chẳng phải vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Này thiện nam! Ví như người nghèo nhà có kho báu mà người đó chẳng thấy. Do chẳng thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Có thiện tri thức nói với người đó: “Trong nhà ông có kho vàng mà vì sao ông bần cùng khốn khổ, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh như vậy?”. Người này liền dùng phương

tiện khiến cho người nghèo kia thấy được. Do thấy được kho báu nên người đó liền được thường, lạc, ngã, tịnh. Phật tánh cũng vậy, chúng sinh chẳng thấy mà do chẳng thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Có thiện tri thức là chư Phật, Bồ-tát dùng sức phương tiện, đủ thứ lời dạy bảo khiến cho những chúng sinh đó thấy được. Do thấy được Phật tánh nên chúng sinh liền được thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Chúng sinh khởi kiến chấp có hai thứ: một là thường kiến, hai là đoạn kiến. Hai kiến như vậy chẳng gọi là trung đạo; vô thường, vô đoạn mới gọi là Trung đạo. Vô thường, vô đoạn tức là trí quán chiếu mười hai nhân duyên. Trí quán như vậy gọi là Phật tánh. Hàng Nhị thừa tuy quán nhân duyên nhưng cũng chẳng được gọi là Phật tánh. Phật tánh tuy thường do vô minh của chúng sinh che lấp nên chẳng thể thấy được, lại chưa có thể qua khỏi dòng sông mười hai nhân duyên, giống như con thỏ, con ngựa. Vì sao? Vì chẳng thấy Phật tánh. Này thiện nam! Trí tuệ quán mười hai nhân duyên này tức là hạt giống Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Này thiện nam! Ví như dưa hấu gọi là bệnh nóng. Vì sao? Vì nó có thể làm nhân duyên cho bệnh nóng. Mười hai nhân duyên cũng như vậy. Này thiện nam! Phật tánh có nhân, có nhân của nhân, có quả, có quả của quả. Có nhân tức là mười hai nhân duyên. Nhân của nhân tức là trí tuệ. Có quả tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả của quả tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Này thiện nam! Ví như vô minh là nhân, các hành là quả, hành là nhân, thức là quả. Do nghĩa này nên thể của vô minh đó cũng là nhân, cũng là nhân của nhân và thức cũng là quả, cũng là quả của quả. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng lại, chẳng đi, chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Này thiện nam! Nhân này chẳng phải quả. Như Phật tánh là quả chẳng phải nhân. Như Đại Niết-bàn là nhân, là quả. Như các pháp do mười hai nhân duyên sinh ra chẳng phải nhân, chẳng phải quả nên gọi là Phật tánh, chẳng phải nhân quả nên thường hằng không biến dịch. Do nghĩa này nên trong kinh Ta nói mười hai nhân duyên, nghĩa ấy thâm diệu, không biết, không thấy, chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới

của chư Phật, Bồ-tát, chẳng phải là chỗ với đến của hàng Thanh văn, Duyên giác. Do nghĩa gì nên vô cùng sâu xa? Nghiệp hành của chúng sinh chẳng thường, chẳng đoạn mà bị quả báo, tuy niệm niệm diệt mà không có gì mất, tuy không tác giả mà có tạo nghiệp, tuy không người thọ mà có quả báo. Người thọ tuy diệt nhưng quả chẳng hư mất, không có nghĩ biết, hòa hợp mà có, tất cả chúng sinh tuy cùng mười hai nhân duyên đồng hành mà chẳng thấy chẳng biết, vì chẳng thấy chẳng biết nên không có chung thủy. Bồ-tát Thập Trụ chỉ thấy sự kết thúc của nó mà chẳng thấy sự bắt đầu. Chư Phật Thế Tôn thì thấy đầu, thấy cuối. Do nghĩa này nên chư Phật thấy được Phật tánh rõ ràng. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh chẳng thể thấy mười hai nhân duyên nên bị luân chuyển. Đây thiện nam! Như con tằm làm kén tự sinh, tự chết. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, chẳng thấy Phật tánh nên tự tạo kết nghiệp lưu chuyển sinh tử giống như đá cầu. Đây thiện nam! Vậy nên ở trong các kinh Ta nói rằng, nếu có người thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, mà thấy pháp tức là thấy Phật. Phật tức là Phật tánh. Vì sao? Vì tất cả chư Phật lấy đây làm tánh. Đây thiện nam! Trí quán mười hai nhân duyên có bốn thứ: một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng. Người hạ trí quán chẳng thấy Phật tánh, do chẳng thấy nên họ đắc đạo Thanh văn. Người trung trí quán chẳng thấy Phật tánh, do chẳng thấy nên đắc đạo Duyên giác. Người thượng trí quán thì thấy Phật tánh chẳng rõ ràng, vì thấy chẳng rõ ràng nên trụ ở địa Thập trụ. Người thượng thượng trí quán thì thấy Phật tánh rõ ràng nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là Trung đạo. Trung đạo tức là Phật, mà Phật gọi là Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nếu Phật cùng Phật tánh không sai khác thì tất cả chúng sinh cần gì phải tu đạo?

Đức Phật dạy:

– Đây thiện nam! Như lời ông hỏi thì nghĩa này chẳng đúng. Phật cùng Phật tánh tuy không sai khác, nhưng các chúng sinh đều chưa đầy đủ. Đây thiện nam! Ví như có người ác tâm hại mẹ, hại rồi sinh ra hối

hận. Nghiệp thứ hai tuy tốt nhưng người vẫn gọi là người địa ngục. Vì sao? Vì người này nhất định phải đọa vào địa ngục. Người này tuy không đọa vào địa ngục, âm, giới, nhập nhưng vẫn gọi là người địa ngục. Đây thiện nam! Vậy nên ở trong các kinh Ta nói, nếu thấy có người tu hành thiện thì gọi là thấy hàng trời, người, người tu hành ác thì gọi là thấy địa ngục. Vì sao? Vì nhất định thọ báo. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh nhất định đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng tất cả chúng sinh thật chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa này nên ở kinh này Ta nói bài kệ:

*Trước có nay không
Trước không nay có
Pháp ba đời có
Là điều không có.*

Này thiện nam! Có thì gồm có ba thứ: một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có. Tất cả chúng sinh đời vị lai sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sinh hiện tại đều có những kiết phiến não nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sinh đời quá khứ có đoạn trừ phiến não nên hiện tại thấy được Phật tánh. Do nghĩa này nên Ta thường tuyên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, thậm chí Nhất-xiển-đề v.v... cũng có Phật tánh. Nhất-xiển-đề v.v... không có pháp thiện mà Phật tánh là pháp thiện. Do đời vị lai sẽ có nên Nhất-xiển-đề v.v... đều có Phật tánh. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề v.v... nhất định sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Ví như có người, trong nhà có sữa đặc. Có người hỏi: “Ông có váng sữa không?”. Đáp: “Ta có váng sữa”. Thật chẳng phải váng sữa, nhưng dùng phương tiện khéo léo thì nhất định sẽ có được nên nói có váng sữa. Chúng sinh cũng vậy, họ đều có tâm mà phàm có tâm thì nhất định sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Ta thường tuyên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đây thiện nam! Rốt ráo có hai thứ: một là trang nghiêm rốt ráo, hai là cứu cánh rốt ráo. Một là thế gian rốt ráo, hai là xuất thế gian rốt ráo. Trang nghiêm rốt ráo là sáu Ba-la-mật. Cứu cánh rốt ráo là tất cả chúng sinh

đắc Nhất thừa. Nhất thừa thì gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên ta nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa, nhưng vì vô minh che lấp nên chẳng thể thấy được. Nay thiện nam! Như cõi Uất-đan-việt, cõi trời Tam Thập Tam, vì bị quả báo che lấp nên chúng sinh ở cõi này chẳng thể thấy được. Phật tánh cũng vậy, các kiết sử che lấp nên chúng sinh chẳng thấy. Lại nữa, nay thiện nam! Phật tánh tức là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, tánh như đề hồ tức là mẹ của tất cả chư Phật. Do năng lực của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm mà khiến cho chư Phật thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, nhưng vì chẳng tu hành nên chẳng thấy được. Vậy nên chẳng thể thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nay thiện nam! Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm có năm thứ tên: một là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, hai là Bát nhã Ba-la-mật, ba là Tam-muội Kim cương, bốn là Tam-muội Sư Tử Hống, năm là Phật tánh. Tùy theo chỗ tác dụng của Tam-muội ấy mà được gọi tên. Nay thiện nam! Như một Tam-muội được đủ thứ tên: Như thiền gọi là Tứ thiền, căn gọi là định căn, lực gọi là định lực, giác gọi là định giác, chánh gọi là chánh định, bát đại nhân giác gọi là định giác. Định Thủ-lăng-nghiêm cũng như vậy. Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh đầy đủ ba định là thượng, trung, hạ. Định thượng thì gọi là Phật tánh. Do đó nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Định trung là tất cả chúng sinh đầy đủ sơ thiền, khi có nhân duyên thì có thể tu tập, nếu không có nhân duyên thì chẳng thể tu tập. Nhân duyên có hai thứ: một gọi là tai họa về lửa, hai gọi là phá kiết sử của Dục giới. Do đó nên nói, tất cả chúng sinh đều đủ định trung. Định hạ là định tâm sở trong mười đại địa. Do đó nên nói tất cả chúng sinh đều đủ định hạ. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nhưng vì phiền não che lấp nên chẳng thể thấy được. Bồ-tát Thập Trụ tuy thấy Nhất thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ. Do đó nên nói Bồ-tát Thập Trụ tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Nay thiện nam! Thủ-lăng là tất cả việc đều rốt ráo. Nghiêm gọi là kiên cố. Tất cả rốt ráo mà được kiên cố thì gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Do đó nên nói định Thủ-lăng-nghiêm là Phật tánh.

Nay thiện nam! Một thuở nọ, Ta ở bên sông Ni-liên-thiên bảo Anan: “Nay Ta muốn tắm, ông hãy lấy y và cả bệ đậu”. Ta đã vào nước

rồi, tất cả loài chim bay, các loài thuộc dưới nước, trên đất đều đến xem Ta”. Bấy giờ, lại có năm trăm vị Phạm chí đến bên bờ sông. Nhân đến chỗ Ta tắm, họ đều nói với nhau: “Làm sao mà được thân kim cương? Giả sử nếu Cù-đàm chẳng nói đoạn kiến thì ta sẽ theo ông để thỉnh thọ trai”. Này thiện nam! Lúc này, Ta dùng trí tha tâm biết được ý nghĩ của Phạm chí này nên bảo: “Sao bảo là Ta nói đoạn kiến?”. Phạm chí đó nói: “Thưa Cù-đàm! Trước đây ở mọi chỗ trong kinh, ông nói các chúng sinh đều không có ngã. Đã nói vô ngã thì sao gọi là chẳng phải đoạn kiến? Nếu vô ngã thì người trì giới là ai? Người phá giới là ai?”. Ta nói: “Ta cũng chẳng nói tất cả chúng sinh đều không có ngã, mà Ta thường tuyên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Phật tánh thì lẽ nào chẳng phải là ngã sao? Do nghĩa này nên Ta chẳng nói đoạn. Tất cả chúng sinh chẳng thấy Phật tánh nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Như thế thì gọi là nói đoạn kiến”. Các Phạm chí nghe nói Phật tánh tức là ngã nên liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ-đề. Tất cả các loài thuộc loại chim bay, loài sống dưới nước, ở trên đất cũng phát tâm Bồ-đề Vô thượng. Đã phát tâm rồi, chúng liền được xả thân. Này thiện nam! Phật tánh này thật ra chẳng phải ngã, nhưng vì chúng sinh nên Ta nói là ngã. Này thiện nam! Như Lai có nhân duyên nên nói vô ngã là ngã mà chân thật là vô ngã. Tuy Ta nói lời này nhưng không có hư vọng. Này thiện nam! vì có nhân duyên nên nói ngã là vô ngã mà thật có ngã. Vì thế giới nên tuy nói vô ngã mà không hư vọng. Phật tánh vô ngã, Như Lai nói là ngã vì Phật tánh là thường. Như Lai là ngã mà nói vô ngã vì được tự tại.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh như Lực sĩ Kim cương thì vì nghĩa gì mà tất cả chúng sinh chẳng thể thấy được?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như sắc pháp tuy có khác về màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, về tính chất hình dáng dài ngắn, nhưng người mù chẳng thấy. Tuy họ chẳng thấy nhưng cũng chẳng thể nói, sắc pháp không có tính chất, hình dáng dài, ngắn, xanh, vàng, đỏ, trắng. Vì sao? Vì tuy người mù chẳng thấy, nhưng người mắt sáng thì thấy. Phật tánh

cũng vậy, tất cả chúng sinh tuy chẳng thể thấy nhưng Bồ-tát Thập Trụ thấy một phần ít, Như Lai thấy hoàn toàn. Bồ-tát Thập Trụ thấy Phật tánh như ban đêm thấy sắc. Như Lai thấy Phật tánh thì như ban ngày thấy sắc. Nay thiện nam! Ví như người mù lòa thấy sắc chẳng rõ. Có vị lương y trị liệu cho ông ấy, nhờ hiệu lực của thuốc nên thấy được rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ cũng như vậy, tuy thấy Phật tánh chẳng thể rõ ràng nhưng do lực của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm nên có thể được rõ ràng. Nay thiện nam! Nếu có người thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh và thấy cái chẳng phải tất cả pháp cũng vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh thì người như vậy chẳng thấy Phật tánh. Tất cả là sinh tử. Chẳng phải tất cả là Tam bảo. Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Cái chẳng phải pháp cũng thấy là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Do nghĩa này nên họ chẳng thấy Phật tánh. Bồ-tát Thập Trụ thấy tất cả pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; thấy một phần của chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong mười phần thấy được một phần. Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, thấy cái chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên thấy Phật tánh, như xem trái A-ma-lạc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên định Thủ-lăng-nghiêm gọi là rốt ráo. Nay thiện nam! Ví như trăng ngày đầu tiên tuy chẳng thể thấy nhưng chẳng thể nói là không có. Phật tánh cũng vậy, tất cả phàm phu tuy chẳng thấy được nhưng cũng chẳng thể nói là không có Phật tánh.

Nay thiện nam! Phật tánh đó là mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Tất cả chúng sinh đều có ba pháp phá trừ phiền não nên về sau mới được thấy Nhất-xiển-đề. Phá Nhất-xiển-đề, rồi sau đó được mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Do nghĩa này nên Ta thường tuyên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Nay thiện nam! Mười hai nhân duyên, tất cả chúng sinh đều có, cả bên trong lẫn bên ngoài. Những gì là mười hai? Phiền não quá khứ gọi là vô minh, nghiệp quá khứ gọi là hành. Trong đời hiện tại khi bắt đầu thọ thai thì gọi là thức. Vào thai mà năm phần bốn căn chưa đủ gọi là danh sắc. Đầy đủ bốn căn khi chưa gọi là xúc thì đó gọi là lục nhập. Chưa phân biệt khổ vui gọi là xúc. Nhiệm tập một ái gọi là thọ. Quen

gần năm dục gọi là ái. Tham cầu trong ngoài gọi là thủ. Vì việc trong ngoài mà khởi lên nghiệp thân, miệng, ý gọi là hữu. Thức của đời hiện tại gọi là vị lai sinh. Danh sắc, lục nhập, xúc, thọ hiện tại gọi là lão bệnh tử đời vị lai. Đó gọi là mười hai nhân duyên. Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh tuy có mười hai nhân duyên như vậy, hoặc có loại có nhưng chưa đủ. Như khi Ca-lâu-la chết thì không có mười hai, từ sinh cho đến già chết, được kể đủ mười hai. Chúng sinh cõi Sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái, không có lão bệnh, thì cũng được gọi là đầy đủ mười hai. Chúng sinh cõi Vô sắc, không sắc cho đến không có lão tử mà cũng được gọi là đầy đủ là mười hai. Do họ nhất định được nên gọi là chúng sinh bình đẳng có đủ mười hai nhân duyên. Nay thiện nam! Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sinh nhất định sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Nay thiện nam! Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhẫn nhục, bò ăn vào thì cho ra đề hồ. Ở đó lại có thứ cỏ khác, nếu bò ăn thì không có đề hồ. Tuy không có đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng, trong núi Tuyết không có cỏ Nhẫn nhục. Phật tánh cũng vậy, núi Tuyết là gọi Như Lai, cỏ Nhẫn nhục là gọi Đại Niết-bàn, cỏ khác là mười hai bộ loại kinh điển. Chúng sinh nếu có thể nghe, thọ trì, thưa hỏi, gọi mở Đại Bát Niết Bàn thì thấy Phật tánh. Trong mười hai bộ loại kinh điển, tuy chẳng nghe nói có nhưng chẳng thể nói rằng không Phật tánh.

Nay thiện nam! Phật tánh là sắc, phi sắc, phi sắc phi phi sắc, cũng tướng, phi tướng, phi tướng phi phi tướng, cũng nhất, phi nhất, phi nhất phi phi nhất, phi thường, phi đoạn, phi phi thường, phi phi đoạn, cũng hữu, cũng vô, phi hữu, phi vô, cũng tận, phi tận, phi tận phi phi tận, cũng nhân, cũng quả, phi nhân, phi quả, cũng nghĩa, phi nghĩa, phi nghĩa phi phi nghĩa, cũng tự, phi tự, phi tự phi phi tự. Sao gọi là sắc? Vì thân kim cương. Sao gọi là phi sắc? Vì mười tám pháp bất cộng chẳng phải là sắc pháp. Sao gọi là phi sắc phi phi sắc? Vì sắc chẳng phải sắc, không có định tướng. Sao gọi là tướng? Ba mươi hai tướng. Sao gọi là phi tướng? Tướng của tất cả chúng sinh chẳng hiện ra. Sao gọi là phi tướng phi phi tướng? Tướng chẳng phải tướng chẳng quyết định. Sao gọi là nhất? Tất cả chúng sinh đều là Nhất thừa. Sao gọi là phi nhất? Nói về ba thừa. Sao gọi là phi nhất phi phi nhất? Vô số pháp. Sao gọi

là phi thường? Từ nhân duyên mà thấy. Sao gọi là phi đoạn? Là khỏi đoạn kiến. Sao gọi là phi phi thường, phi phi đoạn? Không thí chung. Sao gọi là hữu? Tất cả chúng sinh đều là hữu. Sao gọi là vô? Từ phương tiện khéo léo mà thấy được. Sao gọi là phi hữu, phi vô? Tánh của hư không. Sao gọi là tận? Vì đắc Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Sao gọi là phi tận? Vì nó thường trụ. Sao gọi là phi tận phi phi tận? Tất cả tướng tận đoạn hết. Sao gọi là nhân? Vì rõ nhân. Sao gọi là quả? Vì quả quyết định. Sao gọi là phi nhân phi quả? Vì nó thường tại. Sao gọi là nghĩa? Có thể thâm tóm hết nghĩa không ngại. Sao gọi là phi nghĩa? Chẳng thể nói. Sao gọi là phi nghĩa phi phi nghĩa? Rốt ráo rỗng không. Sao gọi là tự? Có danh xưng. Sao gọi là phi tự? Tên không tên. Sao gọi là phi tự phi phi tự? Đoạn dứt tất cả tự. Sao gọi là phi khổ phi lạc? Đoạn dứt tất cả thọ. Sao gọi là phi ngã? Chưa có thể đủ được tám tự tại. Sao gọi là phi phi ngã? Do nó thường trụ. Sao gọi là phi ngã phi phi ngã? Chẳng tác, chẳng thọ. Sao gọi là không? Đệ nhất nghĩa không. Sao gọi là phi không? Do nó thường trụ. Sao gọi là phi không phi phi không? Có thể vì pháp thiện tạo tác chủng tử. Này thiện nam! Nếu có người có thể suy nghĩ hiểu rõ nghĩa của kinh Đại Niết-bàn như vậy thì phải biết người này thấy được Phật tánh. Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn mới chính là cảnh giới của chư Phật Như Lai, chẳng phải là điều hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Này thiện nam! Phật tánh chẳng phải là ấm, giới, nhập, chẳng phải vốn không nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, từ nhân duyên thiện mà chúng sinh thấy được. Ví như sắt đem cho vào lửa thì đỏ, lấy ra nguội thì trở lại màu đen, màu đen này chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài mà do nhân duyên nên có. Phật tánh cũng vậy, lửa phiền não của tất cả chúng sinh diệt thì được nghe thấy. Này thiện nam! Như hạt giống diệt rồi thì mầm được sinh mà tánh của mầm này chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài cho đến hoa quả cũng như vậy, từ duyên nên có. Này thiện nam! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng vậy, đều là sự thành tựu của vô lượng vô biên công đức.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp để được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng? Các Đức Phật thành tựu bao nhiêu

pháp mà được thấy rõ ràng?

–Này thiện nam! BỒ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Những gì là mười? Một là thiếu dục, hai là tri túc, ba là tịch tĩnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh tuệ, tám là giải thoát, chín là khen ngợi giải thoát, mười là dùng Đại Niết-bàn giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thiếu dục và tri túc có gì sai biệt?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thiếu dục là chẳng cầu, chẳng lấy. Tri túc là khi được ít lòng chẳng hối hận. Thiếu dục là ít có sự ham muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự, lòng chẳng sâu nã. Này thiện nam! Dục có ba thứ: một là dục ác, hai là đại dục, ba là dục dục. Dục ác là nếu có Tỳ-kheo, lòng sinh tham dục muốn làm thượng thủ của tất cả đại chúng, khiến cho tất cả chúng Tăng theo sau mình, khiến cho những bốn bộ chúng đều cúng dường, cung kính, khen ngợi, tôn trọng mình, muốn ở trước bốn bộ chúng nói pháp đều khiến cho tất cả tin thọ lời của mình, cũng muốn khiến cho quốc vương, đại thần, trưởng giả đều cung kính mình, khiến cho mình được nhiều y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, nhà cửa đẹp đẽ, đó là dục của sinh tử, nên gọi là dục ác. Sao gọi là đại dục? Nếu có Tỳ-kheo sinh ra dục tâm: “Làm sao khiến cho bốn bộ chúng đều biết ta được địa Sơ trụ cho đến địa Thập trụ, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, được Tứ thiên cho đến trí vô ngại”, để được lợi dưỡng, thì đó gọi là đại dục. Dục dục là, nếu có Tỳ-kheo muốn sinh làm Phạm thiên, Ma thiên, Tự Tại thiên, Chuyển luân Thánh vương, hoặc Sát-lợi, hoặc Bà-la-môn để được tự tại, thì đó là vì lợi dưỡng nên gọi là dục dục. Nếu chẳng bị ba thứ ác dục này làm hại thì đó gọi là thiếu dục. Dục là gọi hai mươi lăm thứ yêu thích. Không có hai mươi lăm thứ yêu thích như vậy thì đó gọi là thiếu dục. Chẳng cầu việc mong muốn ở vị lai thì đó gọi là thiếu dục. Được mà chẳng tham đắm thì đó gọi là tri túc. Chẳng cầu cung kính, đó gọi là thiếu dục. Được chẳng cất chứa, đó gọi là tri túc. Này thiện nam! Cũng có người thiếu dục nhưng chẳng gọi là tri túc, có người tri túc nhưng chẳng gọi là thiếu dục, cũng có người thiếu dục

cũng là tri túc, có người chẳng tri túc chẳng thiếu dục. Thiếu dục là Tu-đà-hoàn, tri túc là Phật-bích-chi, thiếu dục tri túc là A-la-hán, chẳng thiếu dục chẳng tri túc là Bồ-tát. Nay thiện nam! Thiếu dục tri túc lại có hai thứ, một là thiện, hai là chẳng thiện. Chẳng thiện là phàm phu. Thiện là Thánh nhân Bồ-tát. Tất cả Thánh nhân tuy được đạo quả nhưng chẳng tự xưng, vì chẳng tự xưng nên lòng chẳng hối hận. Đó gọi là tri túc. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa muốn thấy Phật tánh nên tu tập thiếu dục tri túc. Sao gọi là tịch tĩnh? Tịch tĩnh có hai, một là tâm tịch tĩnh, hai là thân tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh thì chẳng bao giờ tạo tác ba thứ ác của thân. Tâm tịch tĩnh thì cũng chẳng bao giờ tạo tác ba thứ ác của ý. Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh thì chẳng bao giờ thân cận bốn chúng, chẳng can dự vào việc làm của bốn chúng. Tâm tịch tĩnh thì chẳng bao giờ tu tập tham dục, sân hận, ngu si. Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh. Hoặc có Tỳ-kheo, thân tuy tịch tĩnh mà tâm chẳng tịch tĩnh, có Tỳ-kheo tâm tịch tĩnh mà thân chẳng tịch tĩnh, có Tỳ-kheo thân tâm đều tịch tĩnh, lại có Tỳ-kheo thân tâm đều chẳng tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh, tâm chẳng tịch tĩnh là, hoặc có Tỳ-kheo ngồi thiền chỗ tịch tĩnh, xa lìa bốn chúng mà tâm thường tích tập tham dục, sân hận, ngu si. Đó gọi là thân tịch tĩnh, tâm chẳng tịch tĩnh. Tâm tịch tĩnh, thân chẳng tịch tĩnh là, hoặc có Tỳ-kheo thân cận bốn chúng, quốc vương, đại thần mà đoạn trừ tham, sân, si. Đó gọi là tâm tịch tĩnh, thân chẳng tịch tĩnh. Thân tâm đều tịch tĩnh là chư Phật, Bồ-tát. Thân tâm chẳng tịch tĩnh là các phàm phu. Vì sao? Vì người phàm phu tuy thân tâm có tịch tĩnh nhưng chẳng thể quan sát sâu vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do nghĩa này nên người phàm phu chẳng thể tịch tĩnh nghiệp của thân, miệng, ý. Hạng Nhất-xiển-đề phạm bốn trọng cấm, tạo nên tội ngũ nghịch v.v... người như vậy cũng chẳng được gọi là thân tâm tịch tĩnh. Sao gọi là tinh tấn? Nếu có Tỳ-kheo muốn khiến cho nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, xa lìa tất cả các nghiệp bất thiện, tu tập tất cả các nghiệp thiện thì đó gọi là tinh tấn. Người đủ tinh tấn thì luôn nghĩ đến sáu chỗ đó là Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Trời. Đó gọi là chánh niệm. Người đủ chánh niệm thì sở đắc Tam-muội. Đó gọi là chánh định. Người đủ chánh định thì xem thấy các pháp giống như hư không. Đó gọi là chánh tuệ. Người đủ

chánh tuệ thì xa lìa các kết của tất cả phiền não. Đó gọi là giải thoát. Người được giải thoát thì vì các chúng sinh khen ngợi giải thoát rằng, giải thoát này thường hằng bất biến. Đó gọi là tán thán giải thoát. Giải thoát tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Niết-bàn tức là lửa các kiết sử phiền não diệt. Lại nữa, Niết-bàn gọi là nhà cửa. Vì sao? Vì có thể ngăn chặn gió mưa phiền não ác. Lại nữa, Niết-bàn gọi là quy y. Vì sao? Vì có thể vượt qua các sự sợ hãi. Lại, Niết-bàn gọi là bến bãi. Vì sao? Vì bốn dòng sông chảy xiết chẳng thể cuốn trôi. Những gì là bốn? Một là dòng sông Dục, hai là dòng sông Hữu, ba là dòng sông Kiến, bốn là dòng sông Vô minh. Vậy nên Niết-bàn gọi là bến bãi. Lại, Niết-bàn gọi là chỗ về rốt ráo. Vì sao? Vì có thể được tất cả niềm vui rốt ráo. Nếu có Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên chẳng được bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn bệnh? Đó là bốn sự ham muốn xấu: một là ham muốn y phục, hai là tham ăn, ba là ham thích ngọa cụ, bốn là ham muốn hữu. Đó gọi là bốn dục ác, là bệnh của người xuất gia. Có bốn thứ thuốc có thể trị liệu các chứng bệnh ấy. Đó là, y phẩn táo có thể trị liệu Tỳ-kheo bị bệnh ham muốn y phục, khát thực có thể phá bệnh ham muốn ăn uống, ở dưới cây có thể phá bệnh ham muốn ngọa cụ, thân tâm tịch tĩnh có thể phá trừ bệnh ham muốn hữu của Tỳ-kheo. Nhờ bốn thứ thuốc này trừ được bốn bệnh đó. Bốn thứ thuốc này gọi là hạnh Thánh. Những hạnh Thánh như vậy được gọi là thiếu dục tri túc. Tịch tĩnh thì có bốn niềm vui. Những gì là bốn? Một là niềm vui xuất gia, hai là niềm vui tịch tĩnh, ba là niềm vui vĩnh diệt, bốn là niềm vui rốt ráo. Được bốn niềm vui này gọi là tịch tĩnh. Đủ bốn tịnh tấn nên gọi là tinh tấn. Đủ bốn niệm xứ nên gọi là chánh niệm. Đủ bốn thiền nên gọi là chánh định. Thấy bốn sự thật cao thượng nên gọi là chánh tuệ. Đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não kiết nên gọi là giải thoát. Quả trách tất cả lỗi phiền não nên gọi là khen ngợi giải thoát. Này thiện nam! Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát nghe kinh này rồi thì gần gũi tu tập, xa lìa tất cả việc của thế gian, đó gọi là thiếu dục. Đã xuất gia rồi thì chẳng sinh lòng hối hận, đó gọi là tri túc. Đã tri túc rồi thì gần chỗ trống vắng, xa

lìa ồn ào, đó gọi là tịch tĩnh. Người chẳng biết tri túc thì chẳng ưa chỗ trống vắng. Phàm người tri túc thì thường ưa không tịch. Họ ở chỗ trống vắng thường khởi ý niệm này: “Tất cả thế gian đều cho là ta được đạo quả Sa-môn, nhưng nay ta thật sự chưa được thì sao lại lừa dối, mê hoặc mọi người”. Khởi ý niệm này rồi, họ tinh cần tu tập đạo quả Sa-môn, đó gọi là tinh tấn, Thân cận tu tập Đại Niết-bàn thì đó gọi là chánh niệm. Thuận theo thiên hạnh thì đó gọi là chánh định. An trụ ở định này mà chánh kiến, chánh tri thì đó gọi là chánh tuệ. Thấy biết chân chánh thì có thể được xa lìa sự trói buộc của phiền não. Đó gọi là giải thoát. Bồ-tát Thập Trụ vì chúng sinh nên xưng tán Niết-bàn thì đó gọi là khen ngợi giải thoát. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, nay thiện nam! Nói về thiếu dục thì như có Tỳ-kheo trụ ở chỗ trống vắng, ngồi ngay ngắn, chẳng nằm. Hoặc Tỳ-kheo trụ ở gốc cây, hoặc tại bãi tha ma, hoặc tại chỗ trống trải, tùy theo chỗ đất có cỏ mà ngồi lên, xin thức ăn mà ăn, tùy theo thức ăn xin được mà cho là đủ, hoặc chỉ một lần ngồi ăn chẳng quá một lần, chỉ cất giữ ba y mà là y phần tảo cũ mục, đó gọi là thiếu dục. Đã làm việc này mà lòng chẳng sinh hối hận thì đó gọi là tri túc. Tu Tam-muội Không, đó gọi là tịch tĩnh. Được bốn quả rồi mà đối với tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng ngưng nghỉ thì đó gọi là tinh tấn. Lòng luôn luôn suy nghĩ, Như Lai thường hằng không có biến dịch thì đó gọi là chánh niệm. Tu tám giải thoát thì đó gọi là chánh định. Được bốn vô ngại thì đó gọi là chánh tuệ. Xa lìa bảy lậu thì đó gọi là giải thoát. Khen ngợi Niết-bàn không có mười tướng thì gọi là khen ngợi giải thoát. Mười tướng là sinh, lão, bệnh, tử, sắc, thanh, hương, vị, xúc, vô thường. Xa lìa mười tướng thì gọi là Đại Niết-bàn. Nay thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, nay thiện nam! Vì thiếu dục nên gần gũi quốc vương, đại thần, Trưởng giả, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và tự xưng là: “Ta được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán”. Vì lợi dưỡng nên đi, đứng, nằm, ngồi thậm chí cả khi đi đại tiểu tiện mà nếu thấy đàn-việt thì vẫn tỏ vẻ cung kính, tiếp dẫn, chuyện trò. Phá dục ác thì gọi là thiếu dục. Tuy chưa có thể phá hoại hết các kiết phiền não mà có thể

đồng việc làm với Như Lai thì đó gọi là tri túc. Này thiện nam! Hai pháp như vậy mới là nhân duyên gần của niệ định thường được thấy, bạn học khen ngợi. Ta cũng thường ở khắp nơi trong kinh, xưng dương, khen ngợi hai pháp như vậy. Nếu người có thể đầy đủ hai pháp này thì được gần với cửa Đại Niết-bàn và năm thứ vui. Đó gọi là tịch tĩnh. Người kiên trì giới thì gọi là tinh tấn. Người có hổ thẹn thì gọi là chánh niệ. Chẳng thấy tâm tướng thì gọi là chánh định. Chẳng cầu nhân duyên tánh tướng của các pháp thì gọi là chánh tuệ. Không có tướng thì phiền não đoạn trừ. Đó gọi là giải thoát. Khen ngợi Kinh Đại Niết-bàn như vậy thì gọi là tán thán giải thoát. Này thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ ở mười pháp, tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, Bồ-tát Thập Trụ dùng mắt gì, tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng? Chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì mà thấy Phật tánh rõ ràng? Này thiện nam! Các Bồ-tát đó dùng tuệ nhãn thấy nên chẳng được rõ ràng. Chư Phật dùng Phật nhãn thấy nên được rõ ràng. Vì hạnh Bồ-đề nên chẳng rõ ràng, nếu không có hạnh thì được rõ ràng. Trụ ở thập trụ nên tuy thấy mà chẳng rõ, chẳng trụ, chẳng bỏ thì được rõ ràng. Nhân trí tuệ của Đại Bồ-tát nên thấy chẳng rõ ràng. Chư Phật Thế Tôn đoạn trừ nhân quả nên thấy rõ ràng. Giác ngộ tất cả thì gọi là Phật tánh. Bồ-tát Thập Trụ chẳng được gọi là giác ngộ tất cả. Vậy nên Bồ-tát đó tuy thấy mà chẳng rõ ràng. Này thiện nam! Thấy có hai thứ, một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Chư Phật Thế Tôn mắt thấy Phật tánh như xem quả A-ma-lặc ở trong lòng bàn tay. Bồ-tát Thập Trụ nghe thấy Phật tánh nên chẳng rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ chỉ có thể tự biết nhất định đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXVI

Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 2

Này thiện nam! Lại có mắt thấy, chư Phật Như Lai và Bồ-tát Thập Trụ mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy, tất cả chúng sinh cho đến Bồ-tát Cửu Địa nghe thấy Phật tánh. Bồ-tát nếu nghe tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà lòng chẳng tin thì chẳng gọi là nghe thấy.

Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai thì cần phải tu tập mười hai bộ loại kinh điển, thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh chẳng thể biết được tâm tướng của Như Lai thì phải quan sát thế nào để được biết?

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh thật chẳng thể biết tâm tướng của Như Lai. Nếu muốn quan sát để biết được thì có hai nhân duyên: một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu quan sát khẩu nghiệp của Như Lai thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mạo mà tất cả chúng sinh không ai bằng thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Nếu nghe âm thanh vi diệu tối thắng mà âm thanh của chúng sinh chẳng bằng thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy thần thông Như Lai biểu hiện thì xem có phải là vì chúng sinh hay vì lợi dưỡng, nếu vì chúng sinh chẳng vì lợi dưỡng thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Khi xem Như Lai dùng tha tâm trí quan sát chúng sinh là vì lợi dưỡng hay vì chúng sinh nói pháp, nếu vì chúng sinh, chẳng vì lợi dưỡng thì phải biết đó chính là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Như Lai thọ thân như thế nào, vì sao thọ thân, vì ai thọ thân, thì đó gọi là mắt

thấy. Nếu quan sát Như Lai thuyết pháp như thế nào, vì sao nói pháp, vì ai nói pháp, thì đó gọi là nghe thấy. Dùng nghiệp ác của thân gia hại mà chẳng sân hận thì phải biết đó là Như Lai. Đó gọi là mắt thấy. Dùng nghiệp ác nơi miệng gia hại mà chẳng sân hận thì phải biết đó là Như Lai. Đó gọi là nghe thấy. Nếu thấy Bồ-tát khi mới sinh, đối với mười phương mỗi phương đều đi bảy bước, đại tướng quý thần Ma-ni-bạt-đà, Phú-na-bạt-nan-đà cầm cờ phướn, lọng báu, chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói sáng cùng khắp trong hư không, vua rồng Nan-đà và Bạt-nan-đà dùng sức thần thông tắm rửa thân Bồ-tát, hình tượng chư Thiên nghênh đón, lễ bái, tiên A-từ-đà chấp tay cung kính, tuổi trẻ bỏ dục như nhỏ bỏ nước bọt, chẳng bị sự mê hoặc của cái vui thế tục, xuất gia tu đạo, ưa thích nhàn tịch, vì phá tà kiến, sáu năm khổ hạnh, đối với các chúng sinh bình đẳng không hai, tâm thường tại định, không bị tán loạn, tướng tốt trang nghiêm, trang sức thân mình, đi qua chỗ nào gò đồng đều bằng phẳng, y phục rời thân bốn tác chẳng rơi, khi đi nhìn thẳng, chẳng quay nhìn trái, phải, thức ăn là vật không có tội lỗi, rời khỏi chỗ ngồi cỏ chẳng động chẳng rối, vì điều phục chúng sinh nên đến nói pháp mà lòng không kiêu mạn thì đó gọi là mắt thấy. Hoặc nghe Bồ-tát đi bảy bước đã xướng lên: “Thân này của ta hôm nay là thân sau cùng”. Nghe tiên A-từ-đà chấp tay nói: “Đại vương phải biết, Thái tử Tất Đạt nhất định được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhất định chẳng ở nhà làm Chuyển luân vương. Vì sao? Vì tướng sáng tỏ, còn tướng của Chuyển luân Thánh vương chẳng sáng tỏ. Thân tướng của Thái tử Tất Đạt sáng tỏ. Vậy nên nhất định đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bồ-tát thấy lão, bệnh, tử nói: “Tất cả chúng sinh rất đáng thương xót. Họ thường cùng với sinh, già, bệnh, chết như vậy đuổi theo nhau mà chẳng thể quan sát. Họ thường đi với khổ, ta sẽ đoạn trừ”. Từ tiên nhân ngũ thông A-la-la thọ định Vô tướng, sau khi đã thành tựu rồi thì nói: “Định ấy chẳng phải”. Từ tiên nhân Uất-đà thọ định Phi hữu tướng phi vô tướng, khi đã thành tựu rồi thì nói: “Chẳng phải Niết-bàn mà là pháp sinh tử”. Sáu năm khổ hạnh không đạt được gì, liền nói: “Tu hạnh khổ này rộng không không sở đắc. Nếu là thật thì ta đáng lẽ đã đắc. Nhưng do hư vọng nên ta không sở đắc. Đó là tà thuật, chẳng phải

chánh đạo”. Bồ-tát đã thành đạo rồi, Phạm thiên khuyến thỉnh: “Nguyện xin Như Lai vì chúng sinh khai mở cam lộ, nói pháp vô thượng”. Đức Phật nói: “Này Phạm vương! Tất cả chúng sinh thường bị sự ngăn che của phiền não, chẳng thể thọ nhận lời nói chánh pháp của Ta”. Phạm vương lại nói: “Thưa Thế Tôn! Tất cả chúng sinh thường có ba loại là lợi căn, trung căn và độn căn. Hạng lợi căn có thể thọ, nguyện xin Như Lai vì họ diễn nói!”. Đức Phật dạy: “Này Phạm vương! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta nay sẽ vì tất cả chúng sinh mở cửa cam lộ”. Phật liền ở nước Ba-la-nại, chuyển bánh xe chánh pháp, tuyên nói trung đạo: “Tất cả chúng sinh chẳng phải phá các kiết, chẳng phải chẳng thể phá, chẳng phải phá chẳng phải chẳng phá nên gọi là trung đạo; chẳng độ chúng sinh, chẳng phải chẳng độ thì đó gọi là trung đạo; chẳng phải tất cả thành, cũng chẳng phải chẳng thành thì đó gọi là trung đạo; phạm có nói điều gì chẳng tự nói là thầy, chẳng nói là đệ tử thì đó gọi là trung đạo; nói chẳng vì lợi mà chẳng phải chẳng được quả thì đó gọi là trung đạo; nói đúng nói thật, nói phải lúc, nói chân thật, nói chẳng hư dối mà vi diệu đệ nhất”. Những pháp như vậy gọi là nghe thấy. Này thiện nam! Tướng của tâm Như Lai thật không thể thấy. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy Như Lai thì nên nương vào hai thứ nhân duyên này.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Như Lai đã nói, quả Am-la dụ cho bốn thứ người v.v... Có người hành động tinh tế mà lòng chẳng chánh thật, có người lòng không tinh tế mà hành động chánh thật, có người lòng tinh tế mà hành động cũng chánh thật, có người lòng chẳng tinh tế mà hành động cũng chẳng chánh thật. Hai thứ người này làm sao có thể biết? Như lời Phật nói, chỉ nương vào hai thứ nhân duyên đó chẳng thể biết được.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Quả Am-la dụ cho hai hạng người v.v... thì thật khó có thể biết. Do khó nên biết trong kinh Ta nói, phải cùng ở chung. Nếu ở chung mà chẳng biết thì phải cùng ở lâu. Ở lâu mà chẳng biết thì phải dùng trí tuệ. Trí tuệ mà chẳng biết thì phải quan sát sâu. Do quan sát sâu nên biết kẻ trì giới và người phá

giới. Này thiện nam! Đủ bốn việc này: Ở chung, ở lâu, trí tuệ, quan sát, sau đó biết được trì giới hay phá giới. Này thiện nam! Giới có hai thứ, người trì giới cũng có hai thứ, một là cứu cánh, hai là chẳng cứu cánh. Có người do nhân duyên nên thọ trì giới cấm. Người trí phải quan sát, người này trì giới là vì lợi dưỡng hay là vì cứu cánh? Này thiện nam! Giới cấm của Như Lai thì không có nhân duyên. Vậy nên được gọi là giới cứu cánh. Do nghĩa này nên Bồ-tát tuy bị các chúng sinh ác làm tổn hại nhưng không sinh sân si. Vậy nên Như Lai được gọi là thành tựu trì giới rất ráo, trì giới cứu cánh. Này thiện nam! Một thuở trước đây, Ta cùng Tôn giả Xá-lợi-phất và năm trăm đệ tử đều cùng dừng chân tại đại thành Chiêm-bà của nước Ma-già-đà, có người thợ săn truy đuổi một con bò câu. Con bò câu này kinh sợ đến núp dưới bóng Tôn giả Xá-lợi-phất mà còn run lẩy bẩy như cây chuối. Nó đến núp trong bóng của Ta thì thân tâm yên ổn, nỗi kinh sợ không còn nữa. Vậy phải biết, Như Lai Thế Tôn rất ráo trì giới, thậm chí bóng của thân còn có sức lực này. Này thiện nam! Chẳng rất ráo trì giới còn chẳng thể đắc Thanh văn, Duyên giác, huống gì là có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có hai thứ, một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng nên thọ trì giới cấm thì phải biết giới này chẳng thấy Phật tánh và Như Lai. Tuy chỉ nghe danh Phật tánh và Như Lai thôi mà còn chẳng được gọi là nghe thấy. Nếu vì chánh pháp thọ trì giới cấm thì phải biết người trì giới này có thể thấy Phật tánh và Như Lai. Đó gọi là mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy. Lại có hai thứ: một là rễ sâu khó nhổ, hai là rễ cạn dễ lay. Nếu có thể tu Không, Vô tướng, Vô nguyện thì đó gọi là rễ sâu khó nhổ. Nếu chẳng tu tập ba Tam-muội này, tuy có tu tập vì thoát hai mươi lăm cõi thì đó gọi là rễ cạn dễ lay. Lại có hai thứ: một là vì tự thân, hai là vì chúng sinh. Vì chúng sinh thì có thể thấy Phật tánh và Như Lai. Người trì giới lại có hai thứ: một là tánh tự có thể trì, hai là cần sự dạy bảo của người khác. Nếu thọ giới rồi mà trải qua vô lượng đời, chẳng khiếm khuyết, hoặc gặp đất nước ác, gặp ác tri thức, lúc ác, đời ác, nghe pháp tà ác, ở chung với tà kiến, dù bấy giờ tuy không thọ giới pháp, nhưng vẫn tu trì như cũ, không có sự hủy phạm, thì đó gọi là tánh tự có thể trì. Nếu gặp Sư tăng, bạch Tứ yết-ma, rồi sau đó đắc giới, tuy đắc giới rồi nhưng cần nhờ

Hòa thượng, chư Tăng, bạn lành đồng học dạy bảo khuyên nhủ mới biết tiến dừng, nghe pháp, nói pháp để hoàn bị các oai nghi thì đó gọi là cần sự dạy bảo của người khác. Đây thiện nam! Tánh có thể trì là, mắt thấy Phật tánh và Như Lai, cũng gọi là nghe thấy. Giới lại có hai, một là Thanh văn giới, hai là Bồ-tát giới. Từ lúc mới phát tâm cho đến khi đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó gọi là Bồ-tát giới. Từ khi quan sát xương trắng cho đến chứng đắc quả A-la-hán thì đó gọi là Thanh văn giới. Nếu có người thọ trì Thanh văn giới thì phải biết người đó chẳng thấy Phật tánh và Như Lai. Nếu có người thọ trì Bồ-tát giới thì phải biết người đó sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể thấy Phật tánh, Như Lai, Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà thọ trì giới cấm?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Vì tâm chẳng hối. Vì sao chẳng hối? Vì thọ hưởng an lạc. Vì sao thọ hưởng an lạc? Vì xa lìa. Vì sao xa lìa? Vì yên ổn. Vì sao yên ổn? Vì thiền định. Vì sao thiền định? Vì tri kiến chân thật. Vì sao tri kiến chân thật? Vì thấy những tội lỗi hoạn nạn của sinh tử. Vì sao thấy tội lỗi hoạn nạn của sinh tử? Vì tâm chẳng tham đắm. Vì sao tâm chẳng tham đắm? Vì được giải thoát. Vì sao được giải thoát? Vì đắc Đại Niết-bàn vô thượng. Vì sao đắc Đại Niết-bàn vô thượng? Vì được pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Vì sao được pháp thường, lạc, ngã, tịnh? Vì được chẳng sinh, chẳng diệt. Vì sao được chẳng sinh, chẳng diệt? Vì thấy Phật tánh. Vậy nên Bồ-tát tự tánh có thể trì giới thanh tịnh cứu cánh. Đây thiện nam! Tỳ-kheo trì giới tuy chẳng phát nguyện cầu tâm chẳng hối, nhưng tâm chẳng hối tự nhiên có được. Vì sao? Vì pháp tánh như vậy. Tuy Tỳ-kheo trì giới chẳng cầu an lạc, xa lìa, yên ổn, chân thật tri kiến, thấy lỗi sinh tử, tâm chẳng tham đắm giải thoát, Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng sinh chẳng diệt, thấy Phật tánh tự nhiên mà được. Vì sao? Vì pháp tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nhân trì giới được quả bất hối, nhân giải thoát được quả Niết-bàn thì giới không có nhân, Niết-bàn không có quả. Giới nếu không có nhân thì gọi là thường. Niết-bàn không có nhân

thì gọi là vô thường. Nếu vậy thì Niết-bàn trước không nay có. Nếu là trước không nay có thì chính là vô thường, giống như thấp đèn. Niết-bàn nếu vậy thì làm sao được gọi là ngã, lạc, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hay thay! Hay thay! Ông đã từng ở chỗ vô lượng Phật, gieo trồng căn lành, mới có thể hỏi Như Lai nghĩa lý sâu như vậy. Này thiện nam! Ông chẳng quên mất việc xưa mới hỏi được như vậy. Ta nhớ thuở xưa, qua vô lượng kiếp, tại thành Ba-la-nại, có Đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đắc. Bấy giờ, Đức Phật đó diễn nói kinh Đại Niết-bàn này trong ba ức năm. Ta cùng với ông đều ở tại pháp hội đó, Ta đem sự việc này mà thưa hỏi Đức Phật ấy. Bấy giờ Đức Như Lai vì chúng sinh nên nhập Tam-muội Chánh thọ, chưa giải đáp nghĩa này. Hay thay! Này Đại sĩ! Chỉ ông mới có thể nhớ nghĩ việc cũ như vậy. Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông diễn nói. Giới cũng có nhân gọi là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp cũng có nhân gọi là gần bạn lành. Gần bạn lành cũng có nhân gọi là tín tâm. Có tín tâm cũng có nhân. Nhân có hai thứ: một là nghe pháp, hai là suy nghĩ về nghĩa. Này thiện nam! Tín tâm là nhân đối với thánh pháp. Thánh pháp là nhân đối với tín tâm. Hai pháp như vậy cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Này thiện nam! Ví như hạng Ni-càn dựng đứng cái bình, làm nhân quả cho nhau chẳng được lia nhau. Này thiện nam! Như vô minh duyên hành, hành duyên vô minh. Vô minh, hành này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả cho đến sinh duyên lão tử, lão tử duyên sinh. Sinh, lão tử này cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Này thiện nam! Sinh có thể sinh ra pháp nhưng chẳng thể tự sinh. Chẳng tự sinh nên do sinh mà sinh ra sinh. Sinh ra sinh chẳng tự sinh mà nhờ sinh nên sinh. Vậy nên hai sinh cũng là nhân mà cũng là nhân của nhân, cũng là quả mà cũng là quả của quả. Này thiện nam! Tín tâm và nghe pháp cũng như vậy. Này thiện nam! Quả này chẳng phải nhân, gọi là Đại Niết-bàn. Vì sao gọi là quả? Vì quả trên hết, quả của Sa-môn, quả của Bà-la-môn, vì đoạn trừ sinh tử, vì phá tan phiền não, nên gọi là quả. Bị các phiền não quở trách, vậy nên Niết-bàn gọi là quả. Phiền não thì gọi là tội lỗi của tội

lỗi. Đây thiện nam! Niết-bàn không nhân mà thể chính là quả. Vì sao? Vì không sinh diệt, không sở đắc, chẳng phải hữu vi, chính là vô vi, thường trụ bất biến, không xứ sở, không chung thỉ. Đây thiện nam! Nếu Niết-bàn có nhân thì chẳng được xưng là Niết-bàn. Bàn là nói nhân. Niết là nói không. Không có nhân nên xưng là Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Như lời Đức Phật nói, Niết-bàn không nhân thì nghĩa này chẳng đúng. Nếu nói rằng không thì phải hợp sáu nghĩa. Một là rốt ráo không nên gọi đó là không, như tất cả pháp không ngã, không ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, sông ao không nước, không có mặt trời, mặt trăng. Ba là ít nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, trong thức ăn ít mặn nên gọi là không mặn, nước uống ít ngọt nên gọi là không ngọt. Bốn là không thọ nhận nên gọi đó là không, như Chiên-đà-la chẳng thể thọ trì pháp của Bà-la-môn nên gọi là không Bà-la-môn. Năm là thọ pháp ác nên gọi đó là không, như người đời nói rằng, người thọ pháp ác thì chẳng gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Vậy nên gọi là không có Sa-môn và Bà-la-môn. Sáu là chẳng đối nên gọi đó là không. Ví như không trắng thì gọi đó là đen, không có sáng nên gọi đó là vô minh. Thưa Thế Tôn! Niết-bàn cũng vậy, có lúc không nhân nên gọi là Niết-bàn.

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Nay ông đã nói sáu nghĩa như vậy, vì sao ông chẳng dẫn rốt ráo không để dụ cho Niết-bàn mà chọn lấy “có lúc không”? Đây thiện nam! Thể của Niết-bàn là rốt ráo không nhân, giống như không ngã và không ngã sở. Đây thiện nam! Thể pháp và Niết-bàn chẳng bao giờ đối nhau. Vậy nên dùng sáu việc chẳng được làm ví dụ. Đây thiện nam! Tất cả các pháp đều không có ngã mà Niết-bàn này chân thật có ngã. Do nghĩa này nên Niết-bàn không nhân mà thể là quả. Nhân này chẳng phải quả mà gọi là Phật tánh. Chẳng phải nhân sinh ra nên nhân này chẳng phải quả. Chẳng phải quả của Sa-môn nên gọi là chẳng phải quả. Vì sao gọi là nhân? Vì do rõ nhân này. Đây thiện nam! Nhân có hai thứ: một là sinh nhân, hai là liễu nhân. Có thể sinh ra pháp thì gọi là sinh nhân. Đền có thể làm rõ vật nên gọi là liễu nhân. Các kiết phiền não gọi là sinh nhân, cha mẹ chúng sinh gọi

là liễu nhân. Như hạt lúa gọi là sinh nhân, đất, nước, phân v.v... thì gọi là liễu nhân. Lại có sinh nhân là sáu pháp Ba-la-mật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có liễu nhân là Phật tánh, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có sinh nhân là sáu pháp Ba-la-mật, Phật tánh. Lại có sinh nhân là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có liễu nhân là tám thánh đạo, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có sinh nhân là tín tâm, sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Thế Tôn nói, thấy Như Lai và Phật tánh là nghĩa thế nào? Thưa Thế Tôn! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải trắng, chẳng phải đen, không có địa phương, xứ sở, chẳng ở tại ba cõi, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải sự nhận biết của nhãn thức thì làm sao có thể thấy Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Thân Phật có hai: một là thường, hai là vô thường. Thân vô thường là vì muốn độ thoát tất cả chúng sinh nên phương tiện thị hiện. Đó gọi là thân mắt thấy. Thân thường là thân giải thoát của Như Lai Thế Tôn, cũng gọi là thân mắt thấy, cũng gọi là thân nghe thấy. Phật tánh cũng có hai: một là có thể thấy, hai là chẳng thể thấy. Có thể thấy là Bồ-tát Thập Trụ, chư Phật Thế Tôn. Chẳng thể thấy là tất cả chúng sinh. Mắt thấy là, mắt của Bồ-tát Thập Trụ, chư Phật Như Lai thấy chúng sinh có Phật tánh. Nghe thấy là tất cả chúng sinh, Bồ-tát Cửu Trụ nghe có Phật tánh. Thân Như Lai lại có hai: một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là Như Lai giải thoát. Chẳng phải sắc là Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ các sắc tướng. Phật tánh có hai thứ: một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng phải sắc là từ phạm phu cho đến Bồ-tát Thập Trụ. Bồ-tát Thập Trụ thấy Phật tánh chẳng rõ ràng nên gọi là chẳng phải sắc. Nay thiện nam! Phật tánh lại có hai: một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Sắc là Phật, Bồ-tát. Chẳng phải sắc là tất cả chúng sinh. Sắc thì gọi là mắt thấy. Chẳng phải sắc thì gọi là nghe thấy. Phật tánh thì chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài. Tuy chẳng phải bên trong bên ngoài nhưng Phật tánh chẳng phải hoại mất nên gọi là chúng sinh đều có

Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh như trong sữa có sữa đặc. Phật tánh của chư Phật và Lực sĩ Kim cương như đề hồ trong sạch thì sao Như Lai nói rằng, Phật tánh chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta cũng chẳng nói trong sữa có sữa đặc, sữa đặc từ sữa sinh ra nên nói rằng có sữa đặc.

–Bạch Thế Tôn! Tất cả pháp sinh đều có thời tiết.

–Này thiện nam! Khi sữa không có sữa đặc cũng không sinh ra váng sữa, bơ và đề hồ, thì tất cả chúng sinh cũng gọi là sữa. Vậy nên Ta nói rằng, trong sữa không có sữa đặc. Như trong sữa ấy có thì vì sao chẳng được gọi tên hai thứ như người làm được hai việc thì có thể nói rằng, thợ vàng, thiết. Khi sữa đặc không có sữa, váng sữa, bơ và cả đề hồ thì chúng sinh cũng gọi là sữa đặc chẳng phải sữa, váng sữa, bơ và cả đề hồ cho đến đề hồ cũng như vậy. Này thiện nam! Nhân có hai thứ: một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là như sữa sinh ra sữa đặc. Duyên nhân là như men, hơi ấm v.v... từ sữa sinh ra nên nói rằng, trong sữa có tánh của sữa đặc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sữa không có tánh của sữa đặc như trong sừng cũng không thì vì sao sữa đặc chẳng từ trong sừng sinh ra?

–Này thiện nam! Sừng cũng sinh ra sữa đặc. Vì sao? Vì ta cũng nói rằng, duyên nhân có hai thứ, một là men, hai là hơi ấm. Tánh của sừng ấm nên cũng có thể sinh ra sữa đặc.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu sừng có thể sinh ra sữa đặc thì người tìm sữa đặc sao tìm ở sữa mà chẳng chọn lấy ở sừng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vậy nên Ta nói, chánh nhân và duyên nhân.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Giả sử trong sữa vốn không có tánh của sữa đặc mà nay mới có thì trong sữa vốn không có cây A ma la, vì sao nay chẳng sinh ra? Vì

cả hai đều không.

–Này thiện nam! Sữa cũng có thể sinh ra cây A-ma-la, nếu dùng sữa tươi thì trong một đêm tăng trưởng năm thước. Do nghĩa này nên Ta nói có hai nhân. Này thiện nam! Nếu tất cả pháp do một nhân sinh ra thì có thể nói rằng, trong sữa vì sao chẳng thể sinh ra cây A-ma-la. Này thiện nam! Giống như bốn đại làm nhân duyên cho tất cả sắc duyên, nhưng sắc đều khác biệt, chẳng đồng. Do nghĩa này nên trong sữa chẳng sinh cây A-ma-la.

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, có hai thứ nhân, chánh nhân và duyên nhân, vậy Phật tánh của chúng sinh là nhân gì?

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh cũng có hai thứ nhân: một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là các chúng sinh, duyên nhân là sáu pháp Ba-la-mật.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay biết chắc chắn sữa có tánh của sữa đặc. Vì sao? Vì con thấy người cầu sữa đặc ở thế gian chỉ chọn lấy sữa nhất định chẳng chọn lấy nước. Vậy nên phải biết sữa có tánh của sữa đặc.

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì ví như có người muốn thấy hình dáng của mặt mình liền dùng lưỡi dao.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do nghĩa này nên sữa có tánh của sữa đặc. Nếu dao không có hình dáng của mặt thì vì sao người ta chọn lấy dao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu trong dao này nhất định có hình dáng của mặt thì vì sao bị đảo lộn, dựng đứng thì thấy mặt dài ra, để ngang thì thấy mặt rộng bành ra? Nếu là mặt mình thì vì sao thấy dài? Nếu là mặt người khác thì sao gọi là hình dáng của mặt mình? Nếu nhân mặt mình thấy mặt khác thì vì sao chẳng thấy hình dáng mặt lửa, mặt ngựa?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ánh sáng của mắt đến đó nên thấy mặt dài.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ánh sáng mắt này thật ra chẳng đến đó. Vì sao? Vì gần hay xa cùng một lúc đều nhìn thấy mà chẳng thấy vật trung

gian. Này thiện nam! Ánh sáng nếu đến đó mà thấy được thì tất cả chúng sinh đều thấy lửa vì sao lửa chẳng đốt cháy? Như người từ xa thấy vật trắng thì chẳng nên sinh nghi là ngỗng trời chẳng? Phướn chẳng? Người chẳng? Cây chẳng? Nếu ánh sáng đến kia thì sao thấy được vật trong thủy tinh, cá và đá trong vực sâu? Nếu ánh sáng chẳng đến thì vì sao thấy được vật trong thủy tinh mà chẳng thấy được hình sắc ngoài tường vách? Vậy nên nếu nói rằng, ánh sáng của mắt đến đó mà thấy dài ra thì nghĩa này chẳng đúng. Này thiện nam! Như lời ông nói, sữa có sữa đặc, thì vì sao người bán sữa chỉ chọn lấy giá trị của sữa, chẳng kể đến giá trị của sữa đặc? Người buôn bán ngựa chỉ chọn lấy giá trị của ngựa chẳng kể đến giá trị của ngựa con. Này thiện nam! Người thế gian không vợ con nên cưới vợ. Người vợ nếu mang thai chẳng được nói là con gái. Nếu nói rằng, người con gái này có tánh con nên cần cưới thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu có tánh con thì cũng nên có cháu, mà nếu có cháu tức là anh em. Vì sao? Vì một bụng sinh ra. Vậy nên ta nói người con gái không có tánh con. Nếu trong sữa ấy có tánh váng sữa thì vì sao chẳng thấy năm vị cùng một lúc? Nếu trong hạt cây có chất năm trượng của cây Ni-câu-đà thì vì sao cùng lúc chẳng thấy những hình sắc khác của mầm, thân, cành, lá, hoa, trái? Này thiện nam! Khi màu sữa khác, vị khác, quả khác cho đến đề hồ cũng như vậy thì làm sao có thể nói sữa có tánh của sữa đặc? Này thiện nam! Ví như có người sáng mai dùng váng sữa nhưng nay đã lo hôi. Nếu nói rằng, trong sữa nhất định có sữa đặc cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người có bút giấy mực kết hợp viết ra chữ mà trong giấy này vốn không có chữ. Do vốn không nên mượn duyên mà thành. Nếu vốn có thì sao cần đến các duyên. Ví như xanh, vàng hợp thành duyên sắc. Phải biết rằng, hai cái này vốn không có tánh duyên. Nếu chúng vốn có thì đâu cần phải hợp thành. Này thiện nam! Ví như chúng sinh do ăn mà được thọ mạng nhưng trong thức ăn này thật không có mạng. Nếu vốn có mạng thì khi chưa ăn, thức ăn nên có mạng này. Này thiện nam! Tất cả các pháp vốn không có tánh. Do nghĩa này nên ta nói kệ:

Trước không nay có

Trước có nay không

*Ba đời hữu pháp
Không có điều đó.*

Này thiện nam! Tất cả các pháp do nhân duyên nên sinh, do nhân duyên nên diệt. Này thiện nam! Nếu bên trong chúng sinh có Phật tánh thì tất cả chúng sinh nên có thân Phật như ta hôm nay. Phật tánh của chúng sinh chẳng phá, chẳng hoại, chẳng lôi kéo, chẳng nắm bắt, chẳng trói, chẳng buộc như hư không trong chúng sinh. Tất cả chúng sinh đều có hư không, không ngăn ngại mà đều chẳng tự thấy có hư không này. Giả sử nếu chúng sinh không có hư không thì không lui tới, đi, đứng, nằm, ngồi, chẳng sinh, chẳng lớn. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói, tất cả chúng sinh có cảnh giới hư không. Cảnh giới hư không thì gọi là hư không. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Bồ-tát Thập Trụ có thể thấy được chút ít. Phật tánh đó như viên ngọc kim cương. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh, cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là sự hiểu biết của Thanh văn, Duyên giác. Tất cả chúng sinh chẳng thấy Phật tánh. Vậy nên họ thường bị sự trói buộc của phiền não nên lưu chuyển trong sinh tử. Thấy được Phật tánh rồi thì các kiết phiền não đã chẳng thể trói buộc, giải thoát sinh tử, được Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có Phật tánh như tánh sữa đặc trong sữa. Nếu sữa không có tánh sữa đặc thì vì sao Phật nói có hai thứ nhân, một là chánh nhân, hai là duyên nhân? Duyên nhân thì một là men, hai là hơi ấm? Hư không không có tánh nên không có duyên nhân.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Giả sử trong sữa nhất định có tánh sữa đặc thì đâu cần duyên nhân.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do có tánh nên cần duyên nhân. Vì sao? Vì muốn thấy rõ. Duyên nhân tức là liễu nhân. Thưa Thế Tôn! Ví như trong tối có các đồ vật, vì muốn thấy nên dùng đèn soi rõ. Nếu trước không có thì đèn soi cái gì? Như trong bùn có bình nên cần có người, nước, bánh xe, sợi dây, cây gậy v.v... để làm liễu nhân. Như hạt Ni-

câu-đà cần có đất nước, phân để làm liễu nhân. Trong sữa cần có men, hơi ấm cũng như vậy để làm liễu nhân. Vậy nên tuy trước có tánh nhưng cần nhờ liễu nhân, rồi sau đó thấy được. Do nghĩa này nên nhất định biết trong sữa vốn có tánh của sữa đặc.

–Này thiện nam! Giả sử trong sữa nhất định có tánh sữa đặc thì tánh này là liễu nhân. Nếu là liễu nhân thì đâu cần làm rõ. Này thiện nam! Nếu tánh của liễu nhân này là rõ thì thường nên tự rõ. Nếu tự chẳng rõ thì sao có thể rõ cái khác! Nếu nói rằng, liễu nhân có hai thứ tánh: một là tự rõ, hai là rõ cái khác thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì liễu nhân một pháp thì làm sao có hai được. Nếu có hai thì sữa cũng nên có hai. Giả sử nếu trong sữa không hai tướng thì làm sao một mình liễu nhân có hai tướng?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như người đời nói rằng, ta cùng tám người. Liễu nhân cũng vậy, tự liễu và liễu tha.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Liễu nhân nếu vậy thì chẳng phải liễu nhân. Vì sao? Vì tính toán thì có thể tính sắc của mình, sắc của người khác nên nói được là tám, mà tánh của sắc này tự không rõ tướng. Vì không rõ tướng nên cần phải có tánh của trí mới tính được mình và người khác. Vậy nên liễu nhân chẳng thể tự liễu, cũng chẳng liễu tha. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh thì vì sao phải tu tập vô lượng công đức? Nếu nói, tu tập liễu nhân này thì đã đồng với hư không của sữa đặc. Nếu nói, trong nhân nhất định có quả thì giới, định, tuệ không tăng trưởng. Ta thấy người đời vốn không có giới cấm, thiền định, trí tuệ, rồi theo thầy thọ lấy mà dần dần tăng trưởng. Nếu nói, thầy dạy là liễu nhân thì ngay khi thầy dạy, người thọ phải chưa có giới, định, trí tuệ. Nếu là liễu thì lẽ ra liễu cái chưa có, sao mới liễu giới, định, tuệ khiến cho chúng được tăng trưởng?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu liễu nhân là không thì làm sao được gọi là có sữa thì có sữa đặc?

–Này thiện nam! Trả lời vấn nạn của thế gian gồm có ba cách: Một là chuyển đáp: Như trước Ta đã nói, vì sao gọi là giới? Do chẳng

hối hận cho đến vì được Đại Niết-bàn. Hai là mặc nhiên đáp: Như có vị Phạm chí đến hỏi Ta: “Ngã là thường chăng?” thì Ta mặc nhiên. Ba là nghi đáp: Như trong kinh này, nếu liễu nhân có hai thì vì sao trong sữa chẳng được có hai? Đây thiện nam! Ta nay chuyển đáp, như người đời nói rằng, có sữa thì có sữa đặc. Vì nhất định được nên gọi là có sữa đặc. Phật tánh cũng vậy, có chúng sinh, có Phật tánh rồi vì sẽ thấy.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói thì nghĩa này chẳng phải vậy. Quá khứ diệt rồi, vị lai chưa đến thì vì sao gọi là có? Nếu nói sẽ có gọi là có thì nghĩa này chẳng đúng. Như người thế gian thấy không vợ con liền nói không con. Tất cả chúng sinh không Phật tánh thì làm sao nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Quá khứ gọi là có. Ví như trồng cây quít, mầm mọc ra thì hạt diệt mất. Mầm cũng vị ngọt cho đến quả xanh vị cũng như vậy, quả chín rồi mới thành chua. Đây thiện nam! Mà vị chua này, từ hạt, mầm cho đến trái xanh đều không theo gốc. Khi chín thì hình sắc, tướng mạo của nó sinh ra vị chua, mà vị này trước không nay có. Tuy vị chua này trước không nay có nhưng chẳng phải là chẳng do gốc. Như vậy hạt giống gốc này tuy lại là quá khứ nhưng được gọi là có. Do nghĩa này nên quá khứ gọi là có. Sao gọi là vị lai có? Ví như có người gieo trồng mè. Có người hỏi: “Vì sao trồng thứ này?”. Đáp: “Vì có dầu”. Thật ra chưa có dầu. Mè chín rồi lấy hạt, hấp, giã, ép mới được dầu. Nên biết lời người này chẳng phải là hư vọng. Do nghĩa này nên gọi là vị lai có. Sao gọi là quá khứ có? Đây thiện nam! Ví như có người lén lút mắng vua mà trải qua nhiều năm vua mới nghe được. Vua nghe rồi liền hỏi: “Vì sao dám mắng?”. Người đó đáp: “Tâu đại vương! Thần chẳng mắng. Vì sao? Vì người mắng đã diệt”. Nhà vua nói: “Người mắng và thân ta cả hai đều tồn tại mà sao nói rằng diệt?”. Do nhân duyên này nên người đó mất thân mạng. Đây thiện nam! Hai điều này thật không có mà quả chẳng diệt. Đó gọi là quá khứ có. Sao gọi là vị lai có? Ví như có người đi đến chỗ thợ gốm hỏi: “Có bình không?”. Đáp: “Có bình”, mà người thợ gốm này thật chưa có bình. Nhưng do có bùn nên thợ gốm nói có bình. Phải biết là người này chẳng phải nói

đối. Trong sữa có sữa đặc, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, muốn thấy Phật tánh cần phải quan sát thời tiết, hình sắc. Vậy nên ta nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, là chân thật chẳng hư dối.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Tất cả chúng sinh không có Phật tánh thì làm sao mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Do nhờ chánh nhân nên khiến cho chúng sinh được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cái gì là chánh nhân? Đó là Phật tánh. Bạch Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà không có cây Ni-câu-đà thì vì sao gọi là hạt Ni-câu-đà mà chẳng gọi là hạt Khư-đà-la? Thưa Thế Tôn! Như họ Cù-đàm chẳng được gọi là họ A-để-gia, họ A-để-gia cũng lại chẳng được gọi là họ Cù-đàm. Hạt Ni-câu-đà cũng như vậy, chẳng được gọi là hạt Khư-đà-la, hạt Khư-đà-la chẳng được gọi là hạt Ni-câu-đà, giống như Đức Thế Tôn chẳng được lìa bỏ dòng họ Cù-đàm. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do nghĩa này nên phải biết, chúng sinh đều có Phật tánh.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói, trong hạt có cây Ni-câu-đà thì nghĩa này chẳng đúng. Như có thì vì sao chẳng thấy? Này thiện nam! Như vật của thế gian có nhân duyên nên chẳng thể thấy được. Sao gọi là nhân duyên? Nghĩa là xa chẳng thể thấy như dấu chim trong không, gần chẳng thể thấy như người nhắm mắt, vì hư hoại nên chẳng thấy, như căn của mắt bị hư, vì loạn tưởng nên chẳng thấy, như lòng chẳng chuyên nhất, vì nhỏ nên chẳng thấy như tiểu vi trần, vì ngăn nên chẳng thấy như mây che sao, vì nhiều nên chẳng thấy như hạt mè trong đồng gạo, vì tương tự nên chẳng thấy như đậu ở tại đồng đậu. Cây Ni-câu-đà chẳng giống như tám thứ nhân duyên như vậy. Như cây ấy có thì vì sao chẳng thấy? Nếu nói rằng, nhỏ nên chẳng thấy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì tướng của cây thô. Nếu nói rằng, tánh nhỏ thì làm sao tăng trưởng? Nếu nói rằng, ngăn che nên chẳng thể thấy, thì lẽ ra luôn luôn chẳng thấy. Nếu vốn không có tướng thô mà nay thấy thô thì phải biết thô này vốn không có tánh thấy. Vốn không tánh thấy mà nay có thể thấy thì phải biết sự thấy này cũng vốn không có tánh. Hạt cũng như vậy, vốn không có cây mà nay có thì có lỗi gì?

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, có hai thứ nhân: một là chánh nhân, hai là liễu nhân. Hạt Ni-câu-đà lấy đất, nước, phân làm liễu nhân nên khiến cho nhỏ được to.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu đã vốn có thì đâu cần liễu nhân. Nếu vốn không có tánh thì chỗ nào để liễu? Nếu trong Ni-câu-đà vốn không có tướng to mà do liễu nhân nên mới sinh to thì vì sao chẳng sinh ra cây Khư-đà-la? Vì cả hai đều không. Này thiện nam! Nếu nhỏ chẳng thể thấy thì to đáng lẽ có thể thấy, ví như một hạt bụi chẳng thể thấy thì nhiều bụi hòa hợp lại thì có thể thấy. Như vậy trong hạt có thô có thể thấy. Vì sao? Vì trong hạt này đã có mầm, thân, hoa, trái. Trong mỗi một trái có vô lượng hạt, trong mỗi một hạt có vô lượng cây. Vậy nên gọi là thô, mà có cái thô này nên có thể thấy. Này thiện nam! Nếu hạt Ni-câu-đà có tánh Ni-câu-đà mà sinh ra cây thì mắt thấy hạt này bị lửa đốt cháy, vậy tánh đốt lẽ ra cũng vốn có. Nếu vốn có thì cây chẳng nên sinh ra. Nếu tất cả pháp vốn có sinh diệt thì vì sao trước sinh sau diệt chẳng cùng một lúc? Do nghĩa này nên biết là không có tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà vốn không có tánh cây mà sinh ra cây thì hạt này vì sao chẳng cho ra dầu? Cả hai đều không.

–Này thiện nam! Trong hạt này cũng có thể sinh ra dầu vì tuy không có tánh nhưng do nhân duyên nên có.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao chẳng gọi là dầu mè?

–Này thiện nam! Vì chẳng phải mè. Này thiện nam! Như duyên lửa sinh ra lửa, duyên nước sinh ra nước, tuy đều từ duyên nhưng chẳng thể có nhau. Hạt Ni-câu-đà và dầu mè cũng như vậy, tuy đều từ duyên nhưng đều chẳng sinh ra nhau. Tánh của hạt Ni-câu-đà có thể trị lạnh. Dầu mè thì tánh có thể trị gió. Này thiện nam! Ví như mía nhờ nhân duyên nên sinh ra đường cát, đường đen. Tuy chúng đều một duyên nhưng sắc tướng đều khác. Đường cát trị nóng, đường đen trị lạnh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như trong sữa ấy không có tánh của sữa đặc, mè không có tánh của dầu, hạt Ni-câu-đà không có tánh của cây, bèn

không có tánh của bình, tất cả chúng sinh không có Phật tánh nhưng như lời Đức Phật trước đã nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, cho nên sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì hàng trời, người không có tánh. Do không có tánh nên người có thể làm trời, trời có thể làm người. Do nghiệp duyên nên chẳng thể do tánh. Đại Bồ-tát do nghiệp duyên nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu các chúng sinh có Phật tánh thì vì nhân duyên gì Nhất-xiển-đề đoạn dứt các thiện căn, đọa vào địa ngục? Nếu tâm Bồ-đề là Phật tánh thì Nhất-xiển-đề lẽ ra chẳng có thể đoạn, mà nếu có thể đoạn thì làm sao có thể nói, Phật tánh là thường? Nếu chẳng phải thường thì chẳng gọi là Phật tánh. Nếu các chúng sinh có Phật tánh thì vì sao gọi là mới phát tâm? Vì sao mà nói là thoái chuyển và không thoái chuyển? Thoái chuyển thì phải biết người này không có Phật tánh. Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát một lòng hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đại từ đại bi, thấy tội lỗi phiền não sinh lão tử, quan sát Đại Niết-bàn không có các tội lỗi phiền não sinh lão tử, tin vào Tam bảo và quả báo của nghiệp, thọ trì giới cấm. Những pháp như vậy gọi là Phật tánh. Nếu lìa khỏi những pháp này mà có Phật tánh thì đâu cần pháp này mà tạo tác nhân duyên? Bạch Thế Tôn! Như sữa chẳng mượn duyên nhất định sẽ thành sữa đặc, nhưng váng sữa chẳng vậy, cần phải đợi nhân duyên, đó là nhân công, nước, bình, xoay, sợi dây. Chúng sinh cũng vậy, người có Phật tánh nên lìa khỏi nhân duyên để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu nhất định có thì vì sao hành nhân thấy ba ác khổ, sinh, lão, bệnh, tử mà sinh ra thoái tâm? Cũng chẳng cần tu sáu pháp Ba-la-mật vẫn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như sữa chẳng phải nhờ duyên mà được thành sữa đặc. Nhưng chẳng phải chẳng nhờ sáu pháp Ba-la-mật mà được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên biết, chúng sinh đều không có Phật tánh. Như Phật trước đã nói, Tăng bảo là thường. Như thường ấy tức là chẳng phải vô thường, mà chẳng phải vô thường thì làm sao đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Tăng bảo nếu thường thì làm sao lại nói rằng, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh? Bạch Thế Tôn! Giả sử chúng sinh từ trước đến nay không có tâm Bồ-đề cũng không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà sau mới

có thì Phật tánh của chúng sinh đáng lẽ cũng trước không sau có như vậy. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh không có Phật tánh.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Ông biết nghĩa lý của Phật tánh đã lâu, nhưng vì chúng sinh nên đặt câu hỏi như vậy. Tất cả chúng sinh thật có Phật tánh. Ông nói rằng, chúng sinh nếu có Phật tánh thì chẳng nên nói rằng, có người mới phát tâm. Đây thiện nam! Tâm chẳng phải Phật tánh. Vì sao? Vì tâm là vô thường, Phật tánh là thường. Ông nói rằng, vì sao có người thoái tâm? Thật ra tâm không thoái vì nếu tâm có thoái thì chẳng bao giờ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do chậm được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên gọi đó là thoái. Tâm Bồ-đề này thật chẳng phải Phật tánh. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề đoạn dứt căn lành, rơi vào địa ngục. Nếu tâm Bồ-đề là Phật tánh thì bọn Nhất-xiển-đề chẳng gọi là Nhất-xiển-đề và tâm Bồ-đề cũng chẳng gọi là vô thường. Vậy nên biết chắc là tâm Bồ-đề thật chẳng phải là Phật tánh.

Này thiện nam! Ông nói rằng, chúng sinh nếu có Phật tánh thì chẳng nên mượn nhờ duyên, như sữa thành sữa đặc thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu nói rằng, do năm duyên thành vàng sữa thì phải biết, Phật tánh cũng như vậy. Ví như các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt đều là gốc từ bốn đại, một tên, một vật thật, mà cái chúng cho ra mỗi mỗi chẳng đồng. Chúng phải nhờ đến mọi duyên như phước đức chúng sinh, lò đúc, nhân công... rồi sau đó mới sinh ra. Vậy phải biết, vốn không có tánh vàng, Phật tánh của chúng sinh chẳng gọi là Phật mà do các công đức nhân duyên hòa hợp nên được thấy Phật tánh, rồi sau đó mới đắc Phật.

Ông nói rằng, chúng sinh đều có Phật tánh, vì sao chẳng thấy? Nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì do các nhân duyên chưa hòa hợp. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên ta nói hai nhân: chánh nhân và duyên nhân. Chánh nhân thì gọi là Phật tánh, duyên nhân là phát tâm Bồ-đề. Do hai nhân duyên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như đá cho ra vàng.

Này thiện nam! Ông nói rằng, Tăng thường thì tất cả chúng sinh không Phật tánh. Đây thiện nam! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp có hai:

một là thế gian hòa hợp, hai là đệ nhất nghĩa hòa hợp. Thế gian hòa hợp là gọi Tăng Thanh văn, đệ nhất nghĩa hòa hợp là gọi Tăng Bồ-tát. Tăng thế gian thì vô thường mà Phật tánh là thường. Như Phật tánh thường thì đệ nhất nghĩa Tăng cũng vậy. Lại nữa, có Tăng gọi là pháp hòa hợp. Pháp hòa hợp là gọi Mười hai bộ loại kinh điển, mà Mười hai bộ loại kinh điển thường, nên ta nói rằng, Pháp, Tăng là thường. Này thiện nam! Tăng gọi là hòa hợp. Hòa hợp là gọi mười hai nhân duyên. Trong mười hai nhân duyên cũng có Phật tánh. Mười hai nhân duyên thường, Phật tánh cũng vậy. Vậy nên Ta nói, tăng có Phật tánh. Lại nữa, Tăng là chư Phật hòa hợp. Vậy nên Ta nói, Tăng có Phật tánh.

Này thiện nam! Ông nói, chúng sinh nếu có Phật tánh thì sao có người thoái, người chẳng thoái? Ông hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng nói. Này thiện nam! Đại Bồ-tát có mười ba pháp làm cho thoái chuyển. Những gì là mười ba? Một là tâm chẳng tin, hai là tâm bất tác, ba là tâm nghi, bốn là tham tiếc thân mạng của cải, năm là ở trong Niết-bàn sinh ra sợ hãi lớn, làm sao khiến cho chúng sinh diệt độ hoàn toàn, sáu là lòng chẳng kham nhẫn, bảy là lòng chẳng mềm mỏng, tám là sầu não, chín là chẳng vui, mười là phóng dật, mười một là tự khinh thân mình, mười hai là tự thấy phiền não, không thể hoại, mười ba là chẳng ưa tiến đến pháp Bồ-đề. Này thiện nam! Đó là mười ba pháp khiến cho các Bồ-tát thoái chuyển Bồ-đề. Lại có sáu pháp hoại tâm Bồ-đề. Những gì là sáu? Một là keo kiệt pháp, hai là đối với các chúng sinh lòng bất thiện, ba là thân cận bạn ác, bốn là chẳng siêng tinh tấn, năm là tự đại kiêu mạn, sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian. Sáu pháp như vậy có thể phá hoại tâm Bồ-đề. Này thiện nam! Có người được nghe chư Phật Thế Tôn là thầy của hàng trời, người, ở trong chúng sinh là bậc Tối Thượng Vô Tỷ, vượt hơn Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... pháp nhãn sáng tỏ, thấy pháp không ngăn ngại, có thể độ chúng sinh qua biển khổ lớn. Nghe rồi liền lại phát đại thệ nguyện: “Như thế gian có người như vậy thì ta cũng sẽ được”. Do nhân duyên ấy mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hoặc lại có người được sự dạy bảo của người khác mà phát tâm Bồ-đề. Hoặc nghe Bồ-tát qua vô số kiếp tu hành khổ hạnh, người ấy suy nghĩ: “Ta nay chẳng kham được những hạnh khổ như vậy thì làm

sao có thể được”. Vậy nên thoái lui. Này thiện nam! Lại có năm pháp làm thoái tâm Bồ-đề. Những gì là năm? Một là ưa theo ngoại đạo xuất gia, hai là chẳng tu tâm đại từ, ba là ưa cầu tìm lỗi của pháp sư, bốn là thường ưa ở tại sinh tử, năm là chẳng thích thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển. Đó gọi là năm pháp thoái tâm Bồ-đề. Lại có hai pháp thoái tâm Bồ-đề. Những gì là hai? Một là tham ưa năm dục, hai là chẳng thể cung kính tôn trọng Tam bảo. Do những nhân duyên như vậy nên thoái tâm Bồ-đề.

Sao gọi là tâm chẳng thoái? Có người nghe Phật có thể độ sinh, già, bệnh, chết của chúng sinh, chẳng theo thầy học hỏi mà tự nhiên tu tập được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi nghĩ: “Nếu đạo Bồ-đề là có thể được thì ta sẽ tu tập nhất định làm cho được”. Do nhân duyên này nên phát tâm Bồ-đề. Công đức tạo được hoặc nhiều hay ít đều đem hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người đó khởi thệ nguyện: “Nguyện cho tôi thường được gần gũi chư Phật và đệ tử của Phật, thường nghe pháp thâm diệu, năm căn đầy đủ, nếu gặp khổ nạn, chẳng mất tâm này”. Lại nguyện: “Chư Phật và đệ tử của Phật thường ở chỗ tôi sinh tâm hoan hỷ, đủ năm căn lành. Nếu các chúng sinh chặt thân tôi, chém đứt tay chân đầu mắt, chi tiết thì tôi sẽ đối với người này sinh tâm đại từ, tự mừng vui sâu sắc. Những người như vậy đã vì tôi làm tăng trưởng nhân duyên Bồ-đề. Nếu không có người này thì tôi sẽ nhờ duyên gì mà được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Lại phát nguyện: “Chớ khiến cho tôi bị không căn, hai căn và thân nữ nhân, chẳng bị hệ thuộc người, chẳng gặp người chủ ác, chẳng thuộc về vua ác, chẳng sinh vào nước ác. Nếu được thân đẹp, dòng họ chân chánh, có nhiều của báu thì chẳng sinh ra kiêu mạn, nguyện khiến cho tôi thường được nghe mười hai bộ loại kinh điển và thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói. Nếu vì chúng sinh diễn nói thì nguyện khiến cho người nghe thọ kính tin không nghi hoặc, thường ở chỗ của tôi chẳng sinh ra tâm ác. Tôi thà nghe ít mà lý giải được nghĩa vị nhiều, chẳng cần nghe nhiều mà đối với nghĩa chẳng rõ. Nguyện làm thầy của tâm, chẳng học theo tâm. Nghiệp thân, miệng, ý chẳng cùng với ác giao du. Có thể ban cho tất cả chúng sinh niềm an lạc. Thân giới, tâm tuệ chẳng động như núi. Vì muốn thọ trì chánh pháp vô

thượng, đối với thân mạng của cải chẳng sinh lòng keo kiệt. Chẳng dùng vật bất tịnh làm phước. Tự sinh sống bằng chánh mạng, lòng không tà vạy, dua nịnh. Thọ ơn luôn nghĩ: ơn nhỏ phải báo đền lớn. Giỏi biết nghề khéo trong đời. Khéo hiểu lời nói phương tục của chúng sinh. Đọc tụng, ghi chép mười hai bộ loại kinh điển chẳng sinh lòng lưỡi biếng. Nếu các chúng sinh chẳng ưa lắng nghe thì dùng phương tiện tiếp dẫn khiến cho họ thích nghe. Lời nói thường mềm mỏng, miệng chẳng phát ra điều ác. Chúng chẳng hòa hợp có thể làm cho hòa hợp. Có người lo sợ thì làm sao lìa khỏi lo sợ. Đời đói kém thì khiến cho được giàu có no đủ. Đời dịch bệnh thì làm đại y vương với thuốc bệnh cần dùng, của cải, vật báu v.v... khiến cho tật bệnh đều được trừ khỏi. Ở kiếp đao binh thì có thể lực lớn đoạn dứt sự tàn hại, khiến cho không còn nữa. Có thể đoạn diệt đủ thứ sự sợ hãi của chúng sinh như là: sợ chết, giam cầm, trói buộc, đánh đập, ném, nước, lửa, giặc, vua, nghèo cùng, phá giới, danh ác, đạo ác v.v... những việc kinh sợ như vậy đều sẽ đoạn trừ hết. Đối với cha mẹ, sư trưởng tâm rất cung kính. Ở trong oán ghét phát sinh lòng đại từ. Thường tu môn Tam-muội sáu niệm không, sự sinh diệt của mười hai nhân duyên v.v... Quán hơi thở ra vào, tu tập Thiên hạnh, Phạm hạnh và Thánh hạnh, Tam-muội Kim cương, định Thủ-lăng-nghiêm v.v... Ở chỗ không có Tam bảo thì khiến cho tâm được tịch tĩnh. Nếu khi thân tâm chịu khổ lớn vẫn không mất tâm Bồ-đề vô thượng, không vì tâm Thanh văn, Phật-bích-chi mà sinh ra tri túc. Ở chỗ không có Tam bảo, thường ở trong pháp ngoại đạo xuất gia nhưng vì phá tà kiến nên chẳng tu tập đạo ấy, mong được pháp tự tại, được tâm tự tại. Đối với pháp hữu vi thấy lỗi rõ ràng khiến cho tôi kinh sợ đạo quả Nhị thừa như người tiếc mạng sống kinh sợ xả thân. Vì chúng sinh nên ưa ở ba đường ác như chúng sinh ưa cõi trời Đao-lợi. Vì mọi người mà ở vô lượng kiếp thọ khổ địa ngục lòng không hề sinh hối hận. Thấy người khác được lợi chẳng sinh lòng ganh ghét, thường sinh vui mừng như tự mình được niềm vui. Nếu gặp Tam bảo thì sẽ dùng y phục, ẩm thực, ngọa cụ, nhà cửa, thuốc men, đèn sáng, hoa hương, kỹ nhạc, cờ phướn, lọng báu, bửu báu cúng dường. Nếu thọ giới cấm của Phật thì kiên cố hộ trì nhất định chẳng sinh tư tưởng hủy phạm. Nếu nghe hạnh khổ khó làm của Bồ-tát thì lòng vui mừng chẳng

sinh hối hận. Tự biết được việc đời trước nhất định chẳng tạo tác nghiệp tham, sân, si, chẳng vì quả báo mà tu tập nhân duyên. Đối với niềm vui hiện tại chẳng sinh lòng tham đắm. Này thiện nam! Nếu có người có thể phát nguyện như vậy thì đó gọi là Bồ-tát chẳng bao giờ thoái mất tâm Bồ-đề, cũng gọi là thí chủ, có thể thấy Phật ánh sáng tỏ của Như Lai, có thể điều phục chúng sinh, độ thoát sinh tử, khéo có thể hộ trì chánh pháp vô thượng, có thể được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Này thiện nam! Do nghĩa này nên tâm chẳng thoái chẳng gọi là Phật tánh.

Này thiện nam! Ông chẳng thể căn cứ vào tâm có thoái chuyển mà nói rằng các chúng sinh không có Phật tánh. Ví như hai người đều nghe ở phương khác có núi bảy báu, núi ấy có dòng suối trong, vị ngon ngọt. Người có thể đến đó thì đoạn dứt vĩnh viễn sự nghèo cùng và uống nước suối ấy thì tăng tuổi thọ vạn năm. Nhưng chỉ có điều là đường đi xa xôi, hiểm trở nhiều khó khăn. Khi ấy, hai người kia đều muốn cùng chung đi đến đó. Một người thì trang bị đủ thứ đồ đi đường, còn một người thì đi tay không, không mang theo thứ gì cả. Trên đường cùng nhau tiến về phía trước, họ gặp một người mang theo nhiều của báu, đầy đủ bảy thứ trân quý. Hai người liền hỏi trước: “Thưa ông! Cõi đó thật có núi bảy báu sao?”. Người kia đáp: “Thật có chẳng hư dối. Ta đã thu hoạch được của báu, đã uống nước dòng suối ấy. Nhưng chỉ lo đường đi hiểm trở, có nhiều đạo tặc, cát sỏi, gai nhọn, thiếu thốn nước cỏ. Người đi đến có hàng ngàn vạn mà người đạt được rất ít”. Nghe việc đó rồi, một người liền hối hận, mà nói: “Đường đi xa xôi, gian nan chẳng phải một, người đi đến nhiều không lường mà người đạt được không bao nhiêu, thì ta làm sao có thể đến đó được? Sản nghiệp của ta hôm nay tự cung cấp đủ. Nếu ta lặn lội trên con đường ấy, hoặc mất thân mạng mà thân mạng chẳng toàn thì trường thọ chỗ nào?”. Một người lại nói: “Có người có thể qua thì ta cũng có thể qua được. Nếu kết quả đạt được thì ta được đúng như nguyện, thu lấy châu báu, uống nước suối ngọt. Như nguyện ấy chẳng đạt thì dù chết cũng thỏa nguyện”. Lúc đó, hai người, một người thì hối hận thoái lui, một người thì nhắm đường trước tiến tới. Đi đến núi đó, người này thu hoạch được nhiều châu báu. Đúng như nguyện, người này uống nước suối, mang

theo nhiều châu báu trở về chỗ ở của mình để phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp cho bà con. Người hối hận trở về thấy việc này rồi thì nóng ruột, nghĩ: “Người kia đi đã trở về thì ta làm sao ở yên được?”. Người đó liền trang bị đồ đi đường rồi ra đi. Núi bảy báu là ví cho Đại Niết-bàn. Nước ngon ngọt là ví cho Phật tánh. Hai người ấy là dụ cho hai vị Bồ-tát mới phát tâm. Đường hiểm ác là ví cho sinh tử. Người gặp trên đường đi là ví cho Phật Thế Tôn. Có đạo tặc là dụ cho bốn ma. Cát sỏi, gai nhọn là dụ cho các phiền não. Không nước cỏ là dụ cho chẳng tu tập đạo Bồ-đề. Một người trở về là dụ cho Bồ-tát thoái chuyển. Người đi thẳng đến là dụ cho Bồ-tát chẳng thoái chuyển. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh thường trụ bất biến. Còn con đường hiểm kia chẳng thể nói rằng, do người hối hận quay trở lại nên khiến cho con đường vô thường. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam! Trong đạo Bồ-đề nhất định không có người thoái chuyển. Này thiện nam! Như người hối hận quay về thấy người bạn trước kia thu hoạch báu trở về giàu có tự tại, cung phụng cha mẹ, cung cấp đủ cho bà con, thụ hưởng nhiều vui sướng, thấy việc này rồi, nóng lòng, người này liền trang bị, rồi ra đi, chẳng tiếc thân mạng, chịu đựng gian nan, người này liền đến được núi bảy báu kia. Bồ-tát thoái chuyển cũng như vậy. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh quyết định sẽ đắc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên trong kinh Ta nói rằng, tất cả chúng sinh thậm chí tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn trọng cấm và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát có thoái chuyển và chẳng thoái chuyển?

–Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát tu tập nhân duyên nghiệp của ba mươi hai tướng Như Lai thì được gọi là chẳng thoái chuyển, được gọi là Đại Bồ-tát, gọi là bậc chẳng động chuyển, gọi là bậc thương xót tất cả chúng sinh, gọi là bậc thắng tất cả Thanh văn, Duyên giác, gọi là A-bệ-bạt-trí (Bất thoái chuyển). Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát trì giới chẳng động, thí tâm chẳng đời, an trụ ở thật ngữ như núi Tu-di. Do duyên nghiệp này nên được dưới chân bằng như tướng của đáy hộp gương. Nếu Đại Bồ-tát ở chỗ cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng cho đến

súc sinh dùng của cải đúng như pháp cúng dường cung cấp thì do duyên nghiệp này sẽ được thành tướng ngàn nan hoa bánh xe dưới chân.

Nếu Đại Bồ-tát chẳng sát sinh, chẳng trộm cắp, đối với cha mẹ, sư trưởng thường sinh tâm vui mừng thì do duyên nghiệp này được thành ba tướng, một là ngón tay nhỏ dài, hai là gót chân dài, ba là thân thể cân đối ngay thẳng. Ba tướng như vậy đồng một duyên nghiệp. Nếu Đại Bồ-tát tu bốn nhiếp pháp, giáo hóa chúng sinh thì do duyên nghiệp này nên được ngón tay có màn lưới như ngỗng trắng chúa. Nếu Đại Bồ-tát, khi cha mẹ, sư trưởng bị bệnh khổ mà tự tắm rửa, lau chùi, điu đỡ, xoa bóp thì do duyên nghiệp này nên được tay chân mềm mại. Nếu Đại Bồ-tát trì giới, bố thí, nghe pháp không chán thì do duyên nghiệp này nên được đốt xương, các khớp đầy đặn, lông trên thân đẹp đẽ. Nếu Đại Bồ-tát chuyên tâm nghe pháp, diễn nói chánh giáo thì do duyên nghiệp này nên được tướng đùi nai chúa. Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh chẳng sinh lòng giết hại, ăn uống tri túc, thường ưa ban tặng, xem bệnh cấp thuốc thì do duyên nghiệp này nên được thân viên mãn như cây Ni-câu-đà, đứng lên tay quá gối, đỉnh đầu có nhục kế, không ai thấy đỉnh tướng. Nếu Đại Bồ-tát thấy người sợ hãi mà vì họ tạo sự cứu hộ, thấy kẻ không có y phục ban cho y phục thì do duyên nghiệp này nên được tướng mã âm tàng. Nếu Đại Bồ-tát thân cận người trí, xa lìa người ngu, khéo ưa hỏi đáp, quét dọn đường đi, do những duyên nghiệp này nên được da dẻ mịn màng, lông trên thân xoáy về bên phải. Nếu Đại Bồ-tát thường dùng y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, hương hoa, đèn sáng cho người thì do duyên nghiệp này nên được thân kim sắc, thường phát ánh sáng rực rỡ. Nếu Đại Bồ-tát khi hành thí, vật châu báu có thể xả bỏ chẳng tiếc nuối, chẳng cần quan sát là phước điền hay chẳng phải phước điền thì do duyên nghiệp này nên được tướng bảy chỗ đầy đặn. Nếu Đại Bồ-tát, khi bố thí mà lòng chẳng sinh nghi ngờ thì do duyên nghiệp này nên được âm thanh êm dịu. Nếu Đại Bồ-tát theo đúng như pháp tìm cầu của cải rồi đem dùng bố thí thì do duyên nghiệp này nên chỗ xương khuyết được đầy đủ, thân phần trên như sư tử, cánh tay thon dài. Nếu Bồ-tát xa lìa lưỡng thiệt, ác khẩu, tâm sân giận thì do duyên nghiệp này nên được bốn

mười cái răng trắng, sạch, bằng và kín. Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sinh tu đại từ bi thì do duyên nghiệp này nên được tướng hai răng. Nếu Đại Bồ-tát thường khởi lời nguyện này, có người đến cầu xin, cấp cho theo ý thì do duyên nghiệp này nên được tướng hai má sư tử. Nếu Đại Bồ-tát tùy theo sự ăn uống cần dùng của chúng sinh mà đều ban cho cả thì do duyên nghiệp này nên được tướng vị trong các vị ngon. Nếu Đại Bồ-tát tự tu mười điều thiện, kiêm giáo hóa cho người thì do duyên nghiệp này nên được tướng lưỡi rộng dài. Nếu Đại Bồ-tát chẳng nói lên sở đoản của người khác, chẳng bài báng chánh pháp thì do duyên nghiệp này nên được âm thanh của trời Phạm. Nếu Đại Bồ-tát thấy các điều oán ghét mà sinh tâm vui mừng thì do duyên nghiệp này nên được lông mi màu xanh biếc. Nếu Đại Bồ-tát chẳng che giấu đức của người khác mà xưng dương cái tốt của họ thì do duyên nghiệp này nên được tướng bạch hào. Nay thiện nam! Khi Đại Bồ-tát tu tập nhân duyên nghiệp của ba mươi hai tướng thì được tâm Bồ-đề bất thoái.

Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh chẳng thể nghĩ bàn, cảnh giới của chư Phật, nghiệp quả và Phật tánh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì bốn pháp như vậy đều là thường, mà do thường này nên chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh bị phiền não ngăn che nên gọi là thường, vì đoạn dứt phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói, tất cả chúng sinh thường thì vì sao tu tập tám Thánh đạo phận để đoạn được mọi khổ. Mọi sự khổ nếu đoạn thì gọi là vô thường. Niềm vui đã thọ thì gọi là thường. Vậy nên ta nói rằng tất cả chúng sinh bị phiền não ngăn che, chẳng thấy Phật tánh, mà do chẳng thấy nên chẳng được Niết-bàn.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXVII

Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG 3

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tất cả các pháp có hai thứ nhân, một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Do hai nhân này nên không có trói hay mở. Năm ấm này từng niệm từng niệm sinh diệt. Như sự sinh diệt ấy thì ai trói? Ai mở? Bạch Thế Tôn! Nhân năm ấm này sinh ra năm ấm sau. Ấm này tự diệt chẳng đến ấm kia. Tuy chẳng đến ấm kia nhưng có thể sinh ra ấm kia. Như nhân hạt sinh ra mầm mà hạt chẳng đến mầm. Tuy hạt chẳng đến mầm mà có thể sinh ra mầm. Chúng sinh cũng vậy thì sao gọi là trói hay mở?

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt, giảng nói. Này thiện nam! Như khi người bỏ mạng chịu khổ lớn thì bà con vây quanh gào khóc. Người ấy sợ hãi không biết nương tựa kêu cứu vào đâu. Tuy có năm căn nhưng người ấy không hay không biết gì, chân tay run rẩy, chẳng thể tự giữ gìn, thân thể lạnh ngắt, hơi ấm sắp hết, thấy tướng báo ứng của việc thiện, ác đã tạo từ trước. Này thiện nam! Như mặt trời lặn xuống thì bóng núi, đồi, gò, đồng hiện ngã về đông, không ngã về tây. Nghiệp quả chúng sinh cũng như vậy, khi ấm này diệt thì ấm kia nối tiếp sinh, như đèn tắt lên thì bóng tối diệt, đèn tắt thì bóng tối sinh ra. Này thiện nam! Như dấu sấp in vào đất sét, con dấu cùng đất sét hợp lại, nếu con dấu diệt thì hoa văn hiện thành. Nhưng con dấu sấp chẳng biến mất vào đất sét, hoa văn chẳng phải do đất sét sinh ra, chẳng ở chỗ khác đến mà do nhân duyên dấu sấp sinh ra hoa văn này. Ấm hiện tại diệt thì ấm của trung ấm sinh. Ấm hiện tại này nhất định chẳng biến làm năm ấm của trung ấm. Năm ấm của trung ấm cũng chẳng phải tự sinh, chẳng từ chỗ khác đến mà nhân ấm

hiện tại sinh ra ấm trung ấm, như dấu sấp in vào đất sét, dấu hoại thì hoa vãn thành. Tên gọi tuy không sai mà thời tiết đều khác. Vậy nên ta nói, năm ấm của trung ấm chẳng phải mắt thịt nhìn thấy mà là cái thấy của mắt trời. Trong trung ấm này có ba thứ ăn, một là tư thực (ăn bằng tư tưởng), hai là xúc thực (ăn bằng chạm xúc), ba là ý thực. Trung ấm có hai thứ, một là nghiệp quả thiện, hai là nghiệp quả ác. Nhân nghiệp thiện nên được giác quán thiện. Nhân nghiệp ác nên bị giác quán ác. Khi cha mẹ giao hợp thì tùy theo nhân duyên nghiệp, chỉ hưởng về chỗ thọ sinh, đối với mẹ sinh yêu thương thì đối với cha sinh sân giận. Khi tinh cha xuất ra thì cho là của mình. Đã thấy rồi, lòng mừng mà sinh ra hoan hỷ. Do ba thứ nhân duyên phiền não này nên ấm của trung ấm hoại đi mà sinh ra năm ấm sau, như dấu in vào đất sét in xong thì hoa vãn sinh. Khi sinh ra, các căn có đủ hay chẳng đủ. Người đủ thì thấy sắc nên sinh ra tham, mà sinh ra tham thì gọi là ái. Cuồng dại nên sinh ra tham thì đó gọi là vô minh. Do hai nhân duyên tham ái, vô minh nên những cảnh giới đã thấy đều điên đảo: vô thường thấy thường, vô ngã thấy ngã, vô lạc thấy lạc, vô tịnh thấy tịnh. Do Bốn điên đảo nên tạo tác hạnh thiện, ác, phiền não tạo tác nghiệp, nghiệp tạo tác phiền não v.v... Đó gọi là trói buộc. Do nghĩa này nên gọi là năm ấm sinh. Người này nếu được thân cận với Phật và đệ tử của Phật, các thiện tri thức thì liền được nghe thọ Mười hai bộ loại kinh điển. Do được nghe pháp nên quan sát cảnh giới thiện. Quan sát cảnh giới thiện nên được trí tuệ lớn. Trí tuệ lớn thì gọi là chánh tri kiến. Được chánh tri kiến nên ở trong sinh tử sinh lòng hối hận. Do sinh lòng hối hận nên chẳng sinh hoan lạc. Chẳng sinh hoan lạc nên có thể phá được lòng tham. Phá lòng tham nên tu tám chánh đạo. Tu tám chánh đạo nên không sinh tử, mà không sinh tử nên gọi là được giải thoát. Như lửa chẳng gặp được củi gọi là lửa tắt, diệt sinh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là năm ấm diệt.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Trong hư không không có gai sao nói là nhỏ? Ấm không ràng buộc thì sao gọi là trói buộc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Do khóa phiền não trói buộc năm ấm, là năm

Ấm rồi không có phiền não riêng, lìa phiền não rồi không có năm ấm riêng. Đây thiện nam! Như cây trụ chống giữ nhà, lìa nhà không có cột, lìa cột không có nhà. Năm ấm của chúng sinh cũng như vậy, có phiền não nên gọi là trói buộc, không phiền não nên gọi là giải thoát. Đây thiện nam! Như nắm tay, chấp tay, trói buộc v.v... cả ba hợp tan, sinh diệt lại không có pháp riêng. Năm ấm của chúng sinh cũng như vậy, có phiền não nên gọi là trói buộc, không phiền não nên gọi là giải thoát. Đây thiện nam! Như nói danh sắc trói buộc chúng sinh. Danh sắc nếu diệt thì không có chúng sinh, lìa danh sắc rồi không có chúng sinh riêng, lìa chúng sinh rồi không có danh sắc riêng, nên cũng gọi là danh sắc trói buộc chúng sinh, cũng gọi là chúng sinh trói buộc danh sắc.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như mắt chẳng tự thấy, ngón tay chẳng tự chạm xúc, lưỡi dao chẳng tự cắt, thọ chẳng tự thọ thì tại sao Như Lai nói, danh sắc trói buộc danh sắc? Vì sao? Vì nói danh sắc tức là chúng sinh, nói chúng sinh tức là danh sắc. Nếu nói danh sắc trói buộc chúng sinh tức là danh sắc trói buộc danh sắc.

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Như khi hai tay hợp lại thì không có pháp khác đến hợp. Danh cùng với sắc cũng như vậy. Do nghĩa này nên ta nói, danh sắc trói buộc chúng sinh. Nếu lìa khỏi danh sắc thì được giải thoát nên ta nói chúng sinh giải thoát.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có danh sắc trói buộc thì các A-la-hán chưa lìa khỏi danh sắc đáng lẽ cũng bị ràng buộc chẳng?

–Đây thiện nam! Giải thoát có hai thứ: một là tử đoạn, hai là quả đoạn. Nói tử đoạn là đoạn phiền não. A-la-hán v.v... đã đoạn phiền não, mọi kết tan rã hủy hoại. Vậy nên kết của hạt nhân chẳng thể trói buộc. Chưa đoạn kết quả nên gọi là quả trói buộc. Các A-la-hán chẳng thấy Phật tánh, do chẳng thấy nên chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên có thể nói quả ràng buộc, chẳng thể nói danh sắc ràng buộc. Đây thiện nam! Ví như khi thắp đèn mà dầu chưa hết thì ánh sáng chẳng diệt, nhưng nếu dầu hết thì ánh sáng diệt không gì nghi ngờ. Đây thiện nam! Cái gọi là dầu là dụ cho các phiền não,

đèn lại dụ cho chúng sinh. Tất cả chúng sinh vì dầu phiền não nên chẳng vào Niết-bàn. Nếu có người đoạn được thì vào Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đèn với dầu cả hai tánh đều khác, còn chúng sinh, phiền não thì chẳng như vậy. Chúng sinh tức là phiền não, phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh gọi là năm ấm, năm ấm gọi là chúng sinh, năm ấm gọi là phiền não, phiền não gọi là năm ấm thì làm sao Như Lai đem dụ nó với đèn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Dụ có tám thứ, một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Sao gọi là thuận dụ? Như trong kinh nói, trời tuôn mưa lớn ngòi rãnh tràn đầy, ngòi rãnh đầy nên hầm nhỏ đầy, hầm nhỏ đầy nên hầm lớn đầy, hầm lớn đầy nên suối nhỏ đầy, suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy, suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy, sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, sông lớn đầy nên biển cả đầy. Mưa pháp của Như Lai cũng như vậy, giới của chúng sinh đầy, giới đầy đủ nên lòng chẳng hối hận đầy, lòng chẳng hối hận đầy nên hoan hỷ đầy, hoan hỷ đầy nên xa lìa đầy, xa lìa đầy nên yên ổn đầy, yên ổn đầy nên Tam-muội đầy, Tam-muội đầy nên chánh tri kiến đầy, chánh tri kiến đầy nên chán lìa đầy, chán lìa đầy nên quở trách đầy, quở trách đầy nên giải thoát đầy, giải thoát đầy nên Niết-bàn đầy. Đó gọi là thuận dụ.

Sao gọi là nghịch dụ? Biển cả có gốc là sông lớn, sông lớn có gốc là sông nhỏ, sông nhỏ có gốc là ao lớn, ao lớn có gốc là ao nhỏ, ao nhỏ có gốc là suối lớn, suối lớn có gốc là suối nhỏ, suối nhỏ có gốc là hầm lớn, hầm lớn có gốc là hầm nhỏ, hầm nhỏ có gốc là suối khe, suối khe có gốc là mưa lớn. Niết-bàn có gốc là giải thoát, giải thoát có gốc là quở trách, quở trách có gốc là chán lìa, chán lìa có gốc là chánh tri kiến, chánh tri kiến có gốc là Tam-muội, Tam-muội có gốc là yên ổn, yên ổn có gốc là xa lìa, xa lìa có gốc là tâm hỷ, tâm hỷ có gốc là chẳng hối, chẳng hối có gốc là trì giới, trì giới có gốc là mưa pháp. Đó gọi là nghịch dụ.

Sao gọi là hiện dụ? Như trong kinh nói tâm tánh chúng sinh giống như con khỉ đột. Tánh của khỉ đột chuyển mãi không dừng. Tâm tánh của chúng sinh cũng như vậy, tham luyến sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp không khi nào tạm đứng lại. Đó gọi là hiện dụ.

Sao gọi là phi dụ? Như thuở trước Ta bảo vua Ba-tư-nặc: “Này đại vương! Có người thân tín từ bốn phương đến đều nói lời này: Tâu đại vương! Có bốn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại dân chúng”. Nếu nhà vua nghe thì phải thiết lập kế gì?. Nhà vua đáp: “Thưa Thế Tôn! Giả sử có điều này đến, không tìm chỗ chạy trốn, chỉ phải chuyên tâm trì giới, bố thí”. Ta liền khen ngợi: “Hay thay! Hay thay! Này đại vương! Ta nói bốn núi tức là sự sinh, già, bệnh, chết của chúng sinh. Sinh, già, bệnh, chết thường đến bức bách con người thì tại sao đại vương chẳng tu trì giới, bố thí?”. Vua bạch: “Thưa Thế Tôn! Trì giới, bố thí thì được những quả gì?”. Ta đáp: “Này đại vương! Ở trong hàng trời, người hưởng thọ nhiều hoan lạc”. Vua bạch: “Bạch Thế Tôn! Cây Ni-câu-đà có trì giới, bố thí cũng ở với hàng trời, người hưởng thụ an lạc chăng?”. Ta nói: “Thưa đại vương! Cây Ni-câu-đà chẳng thể trì giới, tu hành bố thí. Như cây ấy có thể trì giới, bố thí thì hưởng thọ hoan lạc không khác hàng trời, người”. Đó gọi là phi dụ.

Sao gọi là tiên dụ? Trong kinh Ta nói, ví như có người tham đắm hoa đẹp, khi hái hoa bị nước cuốn trôi. Chúng sinh cũng vậy, tham đắm năm dục bị sinh, già, bệnh, chết cuốn trôi. Đó gọi là tiên dụ.

Sao gọi là hậu dụ? Như kinh Pháp Cú nói:

*Chớ khinh ác nhỏ
Là không tai ương
Giọt nước tuy nhỏ
Chậu lớn dần tràn.*

Đó gọi là hậu dụ.

Sao gọi là tiên hậu dụ? Ví như cây chuối ra trái thì chết. Người ngu được lợi dưỡng cũng như vậy, như con la mang thai thì sinh mạng chẳng an toàn lâu.

Sao gọi là biến dụ? Như trong kinh nói, trời Tam Thập Tam có cây Ba-lợi-chất-đa, rễ của nó ăn sâu vào trong đất đến năm do-tuần, cao đến hàng trăm do-tuần, cành lá trải rộng bốn phía đến năm mươi

do-tuần. Lá chín thì vàng, chư Thiên thấy rồi lòng sinh hoan hỷ, vì lá này chẳng bao lâu ắt rơi rụng. Lá ấy đã rơi rụng thì chư Thiên lại sinh hoan hỷ, vì cành cây này chẳng bao lâu ắt đổi sắc. Cành đã đổi sắc chư Thiên lại sinh hoan hỷ, vì sắc này chẳng bao lâu sẽ sinh nụ. Chư Thiên thấy rồi lại sinh hoan hỷ, vì nụ này chẳng bao lâu ắt sẽ sinh búp. Chư Thiên thấy rồi lại mừng, vì búp này chẳng bao lâu ắt sẽ nở ra, mà khi nó nở ra thì hơi thơm lan cùng khắp năm mươi do-tuần, ánh sáng chiếu xa đến tám mươi do-tuần. Bấy giờ là thời gian ba tháng mùa hạ, chư Thiên ở dưới cây này hưởng thụ hoan lạc. Đây thiện nam! Các đệ tử của Ta cũng như vậy, màu lá vàng là dụ cho ý muốn xuất gia của đệ tử Ta. Lá ấy rụng là dụ cho đệ tử của Ta cạo bỏ râu tóc. Sắc ấy biến đổi là dụ cho đệ tử của Ta bạch tứ yết-ma, thọ giới Cụ túc. Nụ mới sinh là dụ cho đệ tử của Ta mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Búp là dụ cho Bồ-tát Thập Trụ thấy được Phật tánh. Nở ra là dụ cho Bồ-tát chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hương thơm là dụ cho vô lượng chúng sinh ở mười phương thọ trì giới cấm. Ánh sáng là dụ cho danh hiệu của Như Lai cùng khắp mười phương không ngăn ngại. Ba tháng hạ là dụ cho Tam-muội. Trời Tam Thập Tam hưởng thụ hoan lạc là dụ cho các Đức Phật tại Đại Niết-bàn được thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là biến dụ.

Này thiện nam! Phạm việc dẫn dụ thì chẳng nhất định phải lấy hết mà hoặc lấy một phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lại lấy toàn phần. Như nói, mặt Như Lai như trăng tròn thì đó gọi là phần ít. Đây thiện nam! Ví như có người, đầu tiên chẳng thấy sữa mà hỏi người khác, sữa là loại gì? Người kia đáp: “Như nước, mật và vỏ sò”. Nước thì tướng ẩm ướt, mật thì tướng ngọt, vỏ sò thì tướng màu. Tuy dẫn ba dụ nhưng chưa là sữa thật. Đây thiện nam! Ta nói ví dụ đèn để dụ cho chúng sinh cũng như vậy. Đây thiện nam! Rời khỏi nước thì không có sông, chúng sinh cũng vậy, lìa khỏi năm ấm rồi không có chúng sinh riêng khác. Đây thiện nam! Như tách rời thùng xe, bánh xe, nan hoa gọng xe, trục xe, vành xe thì lại không có cái xe riêng biệt, chúng sinh cũng vậy. Đây thiện nam! Nếu muốn hợp cái ví dụ đèn với pháp thì ông hãy lắng nghe, Ta nay sẽ vì ông giảng nói. Tim đèn là dụ cho hai mươi lăm cõi, dầu là dụ cho ái, ánh sáng dụ cho trí tuệ, phá trừ đen tối

là dụ cho phá vô minh, hơi ám dụ cho Thánh đạo. Như đèn hết dầu thì ánh sáng diệt, chúng sinh hết ái thì thấy Phật tánh. Tuy có danh sắc nhưng chẳng thể trói buộc. Tuy lại ở tại hai mươi lăm cõi nhưng chẳng bị các hữu làm nhiễm ô.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Năm ấm của chúng sinh rỗng không, không sở hữu thì ai thọ giáo tu tập đạo?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh đều có tâm niệm, tâm tuệ, tâm phát khởi, tâm tinh tấn, tâm tín, tâm định. Những tâm như vậy tuy từng niệm từng niệm sinh diệt nhưng giống như cũ, tương tự nối tiếp nhau, chẳng đoạn dứt nên gọi là tu đạo.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những pháp như vậy từng niệm từng niệm đều diệt. Từng niệm từng niệm diệt này cũng tương tự nối tiếp nhau thì làm sao tu tập?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đèn tuy từng niệm từng niệm diệt mà có ánh sáng phá trừ tối tăm. Các pháp từng niệm từng niệm diệt cũng như vậy. Này thiện nam! Như chúng sinh ăn, tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng khiến cho người đói được no. Ví như thuốc tốt nhất tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng có thể làm khỏi bệnh. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng cũng có thể làm tăng trưởng rừng cây, thảo mộc. Này thiện nam! Ông nói, từng niệm từng niệm diệt thì làm sao tăng trưởng? Thì tâm chẳng đoạn nên gọi là tăng trưởng. Này thiện nam! Ví như người đọc sách, việc đọc chữ câu chẳng được cùng một lúc, trước chẳng đến giữa, giữa chẳng đến sau. Người đọc cùng chữ và cả tâm tưởng đều từng niệm từng niệm diệt, nhưng do rèn luyện lâu nên được thông suốt. Này thiện nam! Ví như người thợ vàng, từ lúc mới tập cho đến lúc bạc đầu, tuy từng niệm từng niệm diệt trước chẳng đến sau, nhưng do tích tập nên việc làm trở nên tinh xảo. Vậy nên được xưng là thợ vàng khéo tay. Đọc tụng kinh sách cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như hạt giống, đất cũng chẳng dạy nó: “Người phải nảy mầm”, nhưng do tánh của pháp nên mầm tự

sinh ra. Cho đến hoa, đất cũng chẳng dạy: “Người phải kết trái”, nhưng do tánh của pháp nên trái tự sinh ra. Chúng sinh tu đạo cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như phép tính, một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, tuy niệm niệm diệt mà đến ngàn vạn. Chúng sinh tu đạo cũng như vậy. Nay thiện nam! Đèn từng niệm từng niệm diệt, ánh sáng mới diệt chẳng bảo ánh sáng sau rằng: “Ta diệt, người sinh ra phải phá các tối tăm”. Nay thiện nam! Ví như con nghé sinh ra liền tìm sữa. Trí tìm sữa thật không có người dạy, tuy từng niệm từng niệm diệt mà ban đầu đói, về sau no. Vậy nên phải biết chẳng tương tự. Nếu tương tự thì chẳng sinh khác. Chúng sinh tu đạo cũng như vậy, ban đầu tuy chưa tăng trưởng nhưng do tu lâu nên có thể phá hoại tất cả phiền não.

Bồ-tát Sư Tử Hống nói:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, hàng Tu-đà-hoàn được quả chứng rồi, tuy sinh vào đất nước ác nhưng còn cố giữ giới, chẳng sát sinh, trộm cắp, dâm dục, lưỡng thiệt, uống rượu thì ấm của Tu-đà-hoàn liền ở chỗ này diệt, chẳng đến đất nước ác. Tu đạo cũng vậy, chẳng đến đất nước ác. Nếu tương tự thì vì sao chẳng sinh đến đất nước thanh tịnh vi diệu? Nếu ấm của đất nước ác chẳng phải là ấm của Tu-đà-hoàn thì làm sao mà chẳng tạo tác nghiệp ác?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Người Tu-đà-hoàn tuy sinh ở nước ác nhưng nhất định chẳng mất danh xưng là Tu-đà-hoàn và ấm chẳng tương tự nên ta dẫn con nghé làm ví dụ. Người Tu-đà-hoàn tuy sinh ở nước ác nhưng do đạo lực nên chẳng tạo tác nghiệp ác. Nay thiện nam! Ví như núi Hương có sư tử chúa, nên tất cả loài chim bay, thú chạy tuyệt tích ở núi này, chẳng dám đến gần. Có lúc sư tử chúa này đến trong núi Tuyết nhưng tất cả loài chim thú vẫn chẳng dám ở. Người Tu-đà-hoàn cũng như vậy, tuy chẳng tu đạo nhưng do đạo lực nên chẳng làm ác. Nay thiện nam! Ví như có người ăn uống cam lồ, cam lồ tuy diệt nhưng nhờ thế lực của nó nên khiến cho người này chẳng sinh, chẳng chết. Nay thiện nam! Như núi Tu-di có thuốc thượng diệu tên là Lăng-già-lợi, có người uống nó, tuy từng niệm từng niệm diệt nhưng do được lực nên chẳng gặp hoạn khổ. Nay thiện nam! Như chỗ ngồi của vua Chuyển luân, tuy nhà vua chẳng ở tại đó nhưng không ai dám gần. Vì

sao? Vì uy lực của nhà vua. Người Tu-đà-hoàn cũng như vậy, tuy sinh ở nước ác, chẳng tu tập đạo nhưng do đạo lực nên chẳng làm nghiệp ác. Này thiện nam! Ấm của người Tu-đà-hoàn ở đây mà diệt thì tuy sinh ra ấm khác chẳng mất ấm của Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Ví như chúng sinh vì quả trái nên đối với hạt giống đã làm nhiều việc như bón phân, tưới nước. Chưa được quả trái mà hạt lại diệt và cũng được gọi là nhân hạt được quả. Ấm của Tu-đà-hoàn cũng như vậy. Này thiện nam! Ví như có người của cải giàu to chỉ có một người con mà đã chết trước, người con ấy có con nhưng lại ở nước khác. Người nhà giàu ấy bỗng nhiên qua đời, người cháu nghe tin này đã trở về thu lấy sản nghiệp. Tuy biết của cải chẳng phải là của người ấy làm ra, nhưng người ấy thân lấy không ai ngăn giữ. Vì sao? Vì do cùng một họ. Ấm của Tu-đà-hoàn cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Như bài kệ Đức Phật đã nói:

*Tỳ-kheo nếu tu tập
Ba giới, định và trí tuệ
Phải biết là chẳng thoái
Gần gũi Đại Niết-bàn..*

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tu giới? Sao gọi là tu định? Sao gọi là tu tuệ?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có người thọ trì giới cấm chỉ vì tự lợi, làm người trời thọ hưởng an vui, chẳng vì độ thoát tất cả chúng sinh, chẳng vì hộ trì chánh pháp vô thượng, chỉ vì lợi dưỡng, sợ ba đường ác, vì sắc đẹp, sức lực, vì sự sống, vì an ổn, vì tự do biện tài, vì sợ vương pháp, danh xấu, tiếng dơ, vì sự nghiệp thế gian, hộ trì giới như vậy thì chẳng được gọi là tu tập giới. Này thiện nam! Sao gọi là tu tập giới chân thật? Khi thọ trì giới, nếu vì độ thoát tất cả chúng sinh, vì hộ trì chánh pháp, vì độ người chưa độ, giải thoát kẻ chưa giải thoát, đưa về người chưa về, người chưa vào Niết-bàn khiến cho vào và khi tu như vậy chẳng thấy giới, chẳng thấy tướng của giới, chẳng thấy người trì giới, chẳng thấy quả báo, chẳng quan sát kẻ hủy phạm, thì này thiện nam! Như vậy gọi là tu tập giới.

Sao gọi là tu tập Tam-muội? Khi tu Tam-muội mà vì tự độ, vì lợi dưỡng, chẳng vì chúng sinh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy tội lỗi tham dục, ăn uống v.v... vì thấy các căn nam nữ, chín lỗ bất tịnh, vì đấu tranh, kiện tụng, đánh đâm, sát hại lẫn nhau, nếu vì những việc này mà tu Tam-muội thì đó chẳng gọi là tu tập Tam-muội. Nay thiện nam! Sao gọi là tu tập Tam-muội chân thật? Nếu vì chúng sinh tu tập Tam-muội, ở trong chúng sinh có tâm bình đẳng, vì khiến cho chúng sinh được pháp bất thoái, vì khiến cho chúng sinh được tâm của Thánh, vì khiến cho chúng sinh được Đại thừa, vì muốn hộ trì pháp vô thượng, vì khiến cho chúng sinh chẳng thoái tâm Bồ-đề, vì khiến cho chúng sinh được Thủ-lăng-nghiêm, vì khiến cho chúng sinh được Tam-muội kim cương, vì khiến cho chúng sinh được Đà-la-ni, vì khiến cho chúng sinh được Bốn vô ngại, vì khiến cho chúng sinh được thấy Phật tánh, khi làm hạnh này chẳng thấy Tam-muội, chẳng thấy tướng Tam-muội, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, thì nay thiện nam, đó gọi là tu tập Tam-muội.

Sao gọi là tu trí tuệ? Nếu có người suy nghĩ: “Ta nếu tu tập trí tuệ như vậy thì được giải thoát, qua khỏi ba đường ác. Ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sinh? Ai có thể độ người nơi đường sinh tử? Phật ra đời khó như hoa Ưu-đàm, ta nay có thể đoạn các kết phiền não, nhất định được giải thoát. Vậy nên ta phải siêng tu trí tuệ, mau chóng đoạn phiền não, sớm được độ thoát” thì người tu như vậy chẳng được gọi là tu trí tuệ. Sao gọi là người tu tập trí tuệ chân thật? Nếu người đó quan sát khổ sinh già chết, tất cả chúng sinh bị vô minh che phủ, chẳng biết tu tập đạo vô thượng chân chính mà phát nguyện: “Ta nguyện đem thân này thay cho chúng sinh thọ khổ não lớn. Tâm bản cùng, hạ tiện, phá giới và nghiệp tham, sân, si sẵn có của chúng sinh, nguyện gom hết về thân ta. Nguyện các chúng sinh chẳng sinh ra tham đắm, chẳng bị sự trói buộc của danh sắc. Nguyện cho các chúng sinh sớm qua khỏi sinh tử, khiến cho ta ở đó một mình mà chẳng chán. Nguyện cho tất cả đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác” và khi tu như vậy, hành giả chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy tướng của trí tuệ, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, thì đó gọi là tu tập trí tuệ.

Nay thiện nam! Tu tập giới, định, tuệ như vậy thì đó gọi là Bồ-

tát. Chẳng thể tu tập giới, định, tuệ như vậy thì đó gọi là Thanh văn.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là tu tập giới? Đó là có thể phá hoại mười sáu luật nghi ác của tất cả chúng sinh. Những gì là mười sáu? Một là vì lợi mà nuôi dê con cho béo rồi đem bán. Hai là vì lợi mà mua nó về giết mổ. Ba là vì lợi mà nuôi dưỡng heo cho béo rồi đem bán. Bốn là vì lợi mua nó về giết mổ. Năm là vì lợi mà nuôi dưỡng nghé cho béo rồi đem bán. Sáu là vì lợi mua nó về giết mổ. Bảy là vì lợi nuôi gà cho mập béo rồi đem bán. Tám là vì lợi mua nó về giết mổ. Chín là câu cá. Mười là làm thợ săn. Mười một là cướp đoạt. Mười hai là làm kẻ đầu nậu bán thịt. Mười ba là giăng lưới bắt loài chim bay. Mười bốn là nói hai lưỡi. Mười lăm là làm ngục tốt. Mười sáu là nguyên rửa loài rồng. Nếu hành giả có thể vì chúng sinh đoạn trừ vĩnh viễn mười sáu nghiệp ác như vậy thì đó gọi là tu giới.

Sao gọi là tu định? Nếu có thể đoạn tất cả Tam-muội của thế gian, như là Tam-muội vô thân, có thể khiến cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết-bàn. Lại như là Tam-muội vô biên, Tam-muội tịnh tu, Tam-muội thế biên, Tam-muội thế đoạn, Tam-muội thế tính, Tam-muội thế trạng phu, Tam-muội phi tướng phi phi tướng. Những định như vậy có thể khiến cho chúng sinh sinh tâm điên đảo cho là Niết-bàn. Nếu có thể đoạn trừ vĩnh viễn những Tam-muội như vậy thì đó gọi là tu tập Tam-muội.

Sao gọi là tu tập trí tuệ? Là có thể phá hết hết ác kiến của thế gian. Tất cả chúng sinh đều có ác kiến, như gọi sắc tức là ngã cũng là ngã sở, trong sắc có ngã trong ngã có sắc cho đến thức cũng như vậy, sắc tức là ngã mà sắc diệt ngã tồn tại, sắc tức là ngã mà sắc diệt ngã diệt. Lại có người nói, tác giả gọi là ngã, người thọ nhận gọi là sắc. Lại có người nói, tác giả gọi là sắc, người thọ nhận gọi là ngã. Lại có người nói, không làm, không thọ tự sinh, tự sinh đều chẳng phải là nhân duyên. Lại có người nói không tác, không thọ mà đều là do tự tại tạo. Lại có người nói, không có người làm, không có người thọ, tất cả đều là sự tạo tác của thời tiết. Lại có người nói, tác giả thọ giả đều không sở hữu, địa, thủy, hỏa, phong, không, năm đại gọi là chúng sinh. Này thiện nam! Nếu có thể phá hoại tất cả những ác kiến như vậy của chúng sinh thì đó gọi là tu tập trí tuệ.

Này thiện nam! Tu tập giới là vì tâm tịch tĩnh. Tu tập Tam-muội là vì tâm tịch tĩnh. Tu tập trí tuệ là vì phá hoại tâm nghi hoặc. Hủy hoại tâm nghi hoặc là vì tu tập đạo. Tu tập đạo là để thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh là được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là để được Đại Niết-bàn vô thượng. Được Đại Niết-bàn là để đoạn trừ tất cả sinh tử, tất cả phiền não, tất cả các hữu, tất cả các giới, tất cả các đế của chúng sinh. Đoạn trừ được sinh tử... cho đến đoạn các đế là được pháp thường, lạc, ngã, tịnh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, nếu chẳng sinh diệt thì gọi là Đại Niết-bàn. Sinh cũng như vậy, chẳng sinh chẳng diệt thì vì sao chẳng được gọi là Niết-bàn?

–Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói! Sinh này tuy lại chẳng sinh, chẳng diệt mà có đầu có cuối.

–Thưa Thế Tôn! Pháp sinh tử này cũng không đầu cuối. Nếu nó không đầu cuối thì gọi là thường, mà thường tức là Niết-bàn thì vì sao chẳng gọi sinh tử là Niết-bàn?

–Này thiện nam! Pháp sinh tử này đều có nhân quả, mà có nhân quả nên chẳng được gọi là Niết-bàn. Vì sao? Vì thể của Niết-bàn không có nhân quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Luận về Niết-bàn thì cũng có nhân quả, như lời Phật nói:

*Từ nhân nên sinh thiên
 Từ nhân rời đường ác
 Từ nhân nên Niết-bàn
 Vậy nên đều có nhân.*

Như thuở trước, Phật bảo các Tỳ-kheo: “Ta nay sẽ nói về đạo quả Sa-môn!”. Nói Sa-môn là gọi người có thể tu đủ giới, định, tuệ. Đạo là gọi tám thánh đạo. Quả Sa-môn là gọi Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Niết-bàn như vậy chẳng phải là quả sao? Sao Phật nói, thể của Niết-bàn không nhân, không quả?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nhân của Niết-bàn mà Ta đã nói gọi là Phật

tánh. Nhưng tánh của Phật tánh chẳng sinh ra Niết-bàn, nên Ta nói, Niết-bàn không nhân, có thể phá hoại phiền não nên gọi là đại quả, chẳng từ đạo sinh ra nên gọi là không quả. Vậy nên Niết-bàn không nhân, không quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh của chúng sinh là đều chung hay là mỗi mỗi có riêng? Nếu là chung thì một người khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sinh đáng lẽ cũng đồng được hết. Thưa Thế Tôn! Như hai mươi người đồng có một kẻ oán, nếu một người có thể diệt trừ thì mười chín người còn lại đều cũng diệt trừ. Phật tánh nếu vậy thì khi một người được thì những người còn lại đáng lẽ cũng được. Nếu mỗi mỗi đều có riêng tức là vô thường. Vì sao? Vì có thể tính toán. Nhưng lời Phật nói, chúng sinh Phật tánh chẳng một, chẳng hai. Nếu mỗi mỗi đều có riêng thì chẳng nên nói các Đức Phật bình đẳng. Cũng chẳng nên nói Phật tánh như hư không.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh chẳng một, chẳng hai, các Đức Phật bình đẳng giống như hư không, tất cả chúng sinh đồng có chung Phật tánh đó. Nếu có người có thể tu tám Thánh đạo thì phải biết người này đã được thấy rõ. Này thiện nam! Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhẫn nhục. Nếu bò ăn cỏ đó thì thành đê hồ, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Như lời Phật nói, cỏ Nhẫn nhục là một hay nhiều vậy? Như cỏ ấy một thì bò ăn hết. Như cỏ ấy nhiều thì làm sao mà nói rằng, Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy được? Như lời Phật nói, nếu có người tu tập tám Thánh đạo thì thấy Phật tánh, nghĩa này chẳng phải vậy. Vì sao? Vì nếu đạo là một như cỏ Nhẫn nhục thì đáng lẽ phải hết. Như đạo ấy có hết thì một người tu rồi, những kẻ còn lại không có phần. Đạo nếu nhiều thì làm sao nói là tu tập đầy đủ, cũng chẳng được gọi là Nhất thiết chủng trí?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như đường đi bằng phẳng. Tất cả chúng sinh đều đi ở trong đó không chướng ngại gì. Giữa đường có cây tỏa bóng

mát mẻ. Người đi đường dừng xe ngựa nghỉ ngơi ở dưới bóng cây. Nhưng bóng cây ấy thường trụ chẳng dời, cũng chẳng tiêu hoại, không giữ người đi. Đường đi dụ cho Thánh đạo, cây dụ cho Phật tánh. Đây thiện nam! Ví như ngôi thành lớn có một cửa, tuy có nhiều người vào ra qua đó mà không ai có thể làm chướng ngại, cũng lại không có người phá hủy mà mang đi theo. Đây thiện nam! Ví như cây cầu, người đi ngang qua đó cũng không có người ngăn chặn làm trở ngại, hủy hoại đem đi. Đây thiện nam! Ví như vị lương y trị liệu mọi thứ bệnh, cũng không ai có thể ngăn chặn vị lương y này trị người này bỏ người kia. Thánh đạo Phật tánh cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Các ví dụ đã dẫn ý nghĩa chẳng như vậy. Vì sao? Vì người trước ở tại đường thì người sau bị trở ngại thì làm sao mà nói không có chướng ngại được. Các ví dụ còn lại cũng đều như vậy. Thánh đạo Phật tánh nếu như vậy thì khi một người tu thì làm cản trở những người còn lại.

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Như lời ông nói thì nghĩa chẳng thích hợp. Con đường mà Ta thí dụ là thiếu phần dụ, chẳng phải tất cả. Đây thiện nam! Con đường của thế gian thì có chướng ngại, đây, đó khác biệt, không có bằng phẳng. Con đường vô lậu thì chẳng như vậy, có thể khiến cho chúng sinh không có chướng ngại, bình đẳng không hai, không có địa phương, đây, kia khác biệt. Chánh đạo như vậy có thể vì Phật tánh của tất cả chúng sinh mà làm liễu nhân, chẳng làm sinh nhân giống như đèn sáng soi rõ được vật. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh đều đồng vô minh làm duyên cho hành nên chẳng thể nói rằng, một người vô minh làm nhân duyên cho hành rồi thì những người còn lại không có. Tất cả chúng sinh đều có vô minh làm nhân duyên cho hành. Vậy nên nói rằng, mười hai nhân duyên tất cả bình đẳng. Việc tu chánh đạo vô lậu của chúng sinh cũng như vậy, đều đoạn tuyệt phiền não của chúng sinh, các cõi hữu lậu của bốn loài. Do nghĩa này nên gọi là bình đẳng. Người có chứng đắc thì sự thấy biết đó, đây không có chướng ngại. Vậy nên được gọi là Nhất thiết trí.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thân của tất cả chúng sinh chẳng cùng một chủng loại, hoặc có thân trời, hoặc có thân người, thân súc sinh, thân ngạ quỷ, thân địa ngục. Như vậy là nhiều thân sai khác, chẳng phải là một thì làm sao mà nói rằng, Phật tánh là một?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như có người bỏ độc vào trong sữa thì cho đến đê hồ đều có độc. Sữa chẳng gọi là sữa đặc, sữa đặc chẳng gọi là sữa cho đến đê hồ cũng như vậy, danh tự tuy biến đổi nhưng tánh độc chẳng mất mà ở khắp trong năm vị đều như vậy. Nếu uống đê hồ đó cũng có thể chết người mà thật ra chẳng bỏ độc ở trong đê hồ. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, tuy chúng sinh năm đường thọ thân khác biệt mà Phật tánh này thường một không biến đổi.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Mười sáu nước lớn, có sáu thành lớn như là: thành Xá-bà-đê, thành Bà-chỉ-đa, thành Chiêm-bà, thành Tỳ-xá-ly, thành Ba-la-nại, thành Vương-xá. Sáu thành như vậy rất lớn trong đời vì sao Như Lai bỏ hết mà ở tại ngôi thành nhỏ Câu-thi-na nơi vùng biên địa xấu xí nhỏ hẹp này để vào Niết-bàn?

–Này thiện nam! Ông chẳng nên nói rằng, thành Câu-thi-na là nơi biên địa xấu xí chật hẹp mà nên nói rằng, thành này được trang nghiêm công đức vi diệu. Vì sao? Vì là chỗ tối lui của chư Phật, Bồ-tát. Này thiện nam! Ví như nhà người hèn mọn mà nếu vua ghé qua thì nên khen ngợi là nhà này nghiêm lệ, thành tựu phước đức mới khiến cho đại vương chiếu cố giá lâm. Này thiện nam! Như người bệnh nặng uống thuốc dở xấu mà uống xong thì bệnh khỏi liền nên vui mừng, khen ngợi là thuốc tối thượng, tối diệu có thể trị khỏi bệnh của mình. Này thiện nam! Như người đi thuyền ở trong biển lớn, thuyền ấy bỗng nhiên hư hoại, không có gì nương tựa nhân nhờ vào thầy chết mà được đến bờ kia. Đến bờ kia rồi, người ấy rất vui mừng khen ngợi thầy chết này rằng: “Ta nhờ gặp được người mà được yên ổn”. Thành Câu-thi-na cũng như vậy, nơi đó mới chính là chỗ tối lui của chư Phật, Bồ-tát thì làm sao mà nói rằng, thành nhỏ nơi biên địa xấu xí chật hẹp được? Này thiện nam! Ta nhớ thuở xa xưa qua hằng hà sa số kiếp, có kiếp tên là Thiện Giác, có vị Thánh vương họ Kiều-thi-ca, bảy báu thành tựu,

ngàn đứa con đầy đủ. Vị vua ấy, người đầu tiên tạo lập ngôi thành này, giáp vòng ngang dọc mười hai do-tuần, đất trang nghiêm bằng bảy báu, có nhiều dòng sông nước trong sạch, ngon ngọt, êm đềm. Đó là sông Ni-liên-thiên, sông Y-la-bạt-đề, sông Hy-liên-thiên, sông Y-sư-mạt-đề, sông Tỳ-bà-xá-na v.v... Những sông như vậy có đến năm trăm dòng. Bờ của những con sông này cây cối rậm rạp, hoa trái tươi tốt. Bảy giờ thọ mạng của dân chúng vô lượng, lúc vị Chuyển luân Thánh vương qua tuổi một trăm rồi thì tuyên bố: “Như lời Phật nói, tất cả các pháp đều vô thường, nếu ai có thể tu tập mười pháp thiện thì có thể đoạn trừ đại khổ vô thường như vậy”. Dân chúng nghe rồi cùng tu theo mười pháp thiện. Bảy giờ, ta nghe danh hiệu Đức Phật, thọ trì mười pháp thiện, suy nghĩ tu tập, mới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phát tâm này rồi, ta lại đem pháp này dạy lại cho vô lượng vô biên chúng sinh, nói rằng, tất cả pháp vô thường, biến hoại. Vậy nên ta hôm nay tiếp tục ở chỗ này cũng nói về các pháp vô thường biến hoại, chỉ nói rằng, thân Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ nhân duyên đã làm thối xa xưa nên hôm nay đến tại đây mà nhập Niết-bàn và cũng muốn báo đáp ơn xưa của đất này. Do nghĩa này nên trong kinh này ta nói rằng, quyến thuộc của ta thọ ân có thể báo đáp. Lại nữa, này thiện nam! Thuở xưa, khi chúng sinh thọ mạng vô lượng, bảy giờ thành này tên là Câu-xá-bạt-đề, giáp vòng ngang dọc năm mươi do-tuần, cư dân cõi Diêm-phù-đề sống gần gũi tiếp giáp nhau gà bay đến được, có vị vua Chuyển luân tên là Thiện Kiến, bảy báu thành tựu, ngàn người con đầy đủ, làm vua bốn thiên hạ. Vị thái tử thứ nhất tư duy về chánh pháp được thành Phật-bích-chi. Vua Chuyển luân thấy vị thái tử ấy thành Phật-bích-chi với oai nghi mực thước, thần thông hiếm có. Thấy việc này rồi, ông liền bỏ ngôi vua như bỏ bãi nước bọt, xuất gia ở tại vùng Ta-la song thọ này, trong tám vạn năm tu tập tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả mỗi pháp tám vạn năm. Này thiện nam! Ông muốn biết Thánh vương Thiện Kiến bảy giờ? Chính là thân Ta đó. Vậy nên Ta nay thường tu tập bốn pháp như vậy. Bốn pháp này gọi là Tam-muội. Do nghĩa này nên thân Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Này thiện nam! Do nhân duyên này nên hôm nay Ta đến tại vùng Ta-la song thọ của thành Câu-thi-na này mà Tam-muội chánh thọ. Này thiện nam! Ta nhớ thuở

xa xưa qua vô lượng kiếp, thành này bấy giờ tên là Ca-tỳ-la-vệ. Thành ấy có vị vua tên là Bạch Phạm. Phu nhân của vua ấy tên là Ma-da. Nhà vua có một người con tên là Tất-đạt-đa. Bấy giờ, vị Vương tử chẳng do thầy dạy, tự nhiên tư duy mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có hai vị đệ tử: một tên là Xá-lợi-phất, hai tên là Mục-kiền-liên và người đệ tử hầu hạ tên là A-nan. Lúc ấy, Đức Thế Tôn ở tại vùng Ta-la song thọ diễn nói kinh Đại Niết-bàn như vậy. Ta khi đó ở tại pháp hội được dự việc ấy, nghe nói các chúng sinh đều có Phật tánh. Nghe điều này rồi, Ta liền đối với Bồ-đề được Bất thoái chuyển, liền tự phát nguyện: “Nguyện vào đời vị lai, khi thành Phật thì cha mẹ, đất nước, tên họ, đệ tử, người thị giả, nói pháp, giáo hóa v.v... đều như Đức Thế Tôn hôm nay, không có khác”. Do nhân duyên này nên hôm nay Ta đến tại đây tuyên dương diễn nói kinh Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Khi Ta mới xuất gia chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vua Tần-bà-ta-la sai sứ đến nói: “Thưa Thái tử Tất Đạt! Nếu Ngài làm Thánh vương thì tôi sẽ thần phục. Nếu Ngài chẳng ưa ngôi vua, xuất gia đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nguyện xin Ngài đi đến thành Vương-xá này trước để nói pháp độ người, thọ sự cúng dường của tôi”. Ta mặc nhiên nhận lời mời của vị vua đó.

Này thiện nam! Khi Ta mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Ta đã hương về nước Kiệt-xà, khi ấy ở dòng sông Ni-liên-thiên, có vị Bà-la-môn dòng họ Ca-diếp cùng với năm trăm đệ tử ở bên dòng sông đó, cầu đạo vô thượng. Ta vì người này nên đến nói pháp. Ca-diếp nói: “Này Ngài Cù-đàm! Tôi nay tuổi đã hơn một trăm hai mươi. Muôn dân trong nước Ma-già-đà và đại vương Tần-bà-ta-la của nước ấy đều cho là tôi đã chứng quả La-hán. Tôi nay nếu ở trước ông nghe thọ pháp thì tất cả dân chúng sinh lòng điên đảo nghĩ rằng: “Đại đức Ca-diếp chẳng phải là La-hán sao?”. Xin Ngài Cù-đàm mau chóng đi đến chỗ khác. Nếu dân chúng ở đây biết chắc là công đức của Ngài Cù-đàm hơn tôi thì chúng tôi không được họ cúng dường nữa”. Ta đáp: “Này Ca-diếp! Nếu ông đối với Ta chẳng sinh sân hận sâu nặng thì hãy cho Ta nghỉ lại một đêm, sáng mai sẽ đi sớm”. Ca-diếp nói: “Này Ngài Cù-đàm! Lòng tôi không có gì khác mà rất thương kính, nhưng vì

chỗ ở của tôi có một con độc long tánh khí hung dữ, sợ làm nguy hại Ngài mà thôi”. Ta nói: “Này Ca-diếp! Độc trong các độc chẳng gì hơn ba độc mà Ta nay đã đoạn trừ thì độc của thế gian Ta chẳng sợ gì”. Ca-diếp lại nói: “Nếu ông chẳng sợ thì hay lắm. Xin mời ông ở lại”. Này thiện nam! Ta vào lúc ấy cố vì Ca-diếp thị hiện mười tám sự biến hóa, như trong kinh đã nói. Bảy giờ, Ca-diếp và năm trăm quyến thuộc của ông ấy đã thấy nghe thế rồi chứng quả La-hán. Lúc đó, Ca-diếp lại có hai người em, một người tên là Già-da Ca-diếp, hai tên là Na-đề Ca-diếp. Thầy trò quyến thuộc lại có năm trăm người, cũng đều chứng được quả A-la-hán. Đồ chúng của Lục sư trong thành Vương-xá nghe việc này rồi liền đối với Ta sinh lòng đại ác. Khi ta nhận lời mời thỉnh của vua đến thành Vương-xá, chưa đến giữa đường thì nhà vua cùng với vô lượng trăm ngàn chúng đều đến phụng nghinh. Ta vì họ nói pháp. Nghe pháp rồi thì tám vạn sáu ngàn chư Thiên nơi Dục giới phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mười hai vạn người tháp tùng vua Tần-bà-ta-la đều được quả Tu-đà-hoàn. Vô lượng chúng sinh thành tựu tâm nhẫn. Đã vào thành rồi, Ta độ cho ông Xá-lợi-phất, ông Đại Mục-kiền-liên và hai trăm năm mươi người quyến thuộc của họ, khiến cho những người ấy bỏ tâm xưa, xuất gia học đạo. Ta liền trụ ở thành đó nhận sự cúng dường của nhà vua. Hạng Lục sư ngoại đạo cùng nhau tụ tập, đi đến thành Xá-vệ.

Trong thành đó có một ông trưởng giả tên là Tu-đạt-đa, nhân vì đi hỏi vợ cho con nên đến thành Vương-xá. Đã đến thành đó rồi, ông ở nhờ nhà của trưởng giả San-đàn-na. Ông trưởng giả này nửa đêm thức dậy bảo các quyến thuộc: “Các ông hãy dậy đi! Hãy mau chóng cùng nhau trang hoàng, quét dọn nhà cửa, bày biện đủ thức ăn ngon lành”. Tu-đạt-đa nghe rồi liền suy nghĩ: “Chẳng phải họ sắp muốn thỉnh vua Ma-già-đà sao? Hay là có lễ cưới hỏi vui vẻ?”. Suy nghĩ vậy rồi liền hỏi: “Thưa Đại sĩ! Ông muốn thỉnh đức vua nước Ma-già-đà là Tần-bà-ta-la chăng? Hay là có lễ cưới hỏi vui vẻ? Việc gì mà gấp gáp chẳng an đến như vậy?”. Ông trưởng giả đáp: “Chẳng phải vậy! Thưa Cư sĩ! Ngày mai tôi thỉnh Đức Phật, đấng Pháp Vương vô thượng!”. Ông trưởng giả Tu-đạt mới nghe đến danh hiệu Phật thì sỏm tóc gáy, lại liền hỏi: “Sao gọi là Phật?”. Ông trưởng giả đáp: “Ông chẳng nghe

sao? Ở thành Ca-tỳ-la có người con dòng họ Thích, tự là Tất Đạt Đa, dòng họ Cù-đàm, cha tên là Bạch Phạm. Vị ấy sinh chưa lâu, thầy tướng xem tướng quyết định Ngài sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, như quả Am-la đã ở trong tay. Nếu tâm nguyện Ngài chẳng ưa mà bỏ đi xuất gia thì không thầy dạy bảo, tự giác ngộ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tận diệt tham, sân, si, thường trụ không biến đổi, chẳng sinh, chẳng diệt, không có lo sợ, đối với các chúng sinh lòng Ngài bình đẳng, giống như cha mẹ đối với con một, đối với thân tâm mọi người, Ngài là tối thắng, tuy hơn tất cả mà không kiêu mạn, đối với hai việc: giúp đỡ, làm tổn hại Ngài không phân biệt, trí tuệ thông đạt, đối với pháp không ngại, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, năm trí tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ. Vậy nên hiệu là Phật. Sáng mai này Ngài nhận lời mời của tôi đến đây. Vậy nên vội vội vàng vàng chưa rảnh rồi thăm hỏi nhau”. Tu-đạt-đa nói: “Hay thay! Hay thay! Thưa Đại sĩ! Đáng gọi là Phật công đức vô thượng nay ở chỗ nào?”. Ông trưởng giả đáp: “Nay ở tại đại thành Vương-xá này. Ngài đang trụ ở Tinh xá Trúc Lâm Ca-lan-đà”. Khi ấy, ông Tu-đạt-đa một lòng nghĩ đến công đức của Phật: Mười lực, bốn vô sở úy, năm trí tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ. Khi khởi niệm này, ông bỗng nhiên thấy ánh sáng lớn. Ánh sáng ấy mạnh mẽ giống như mặt trời, ông liền tìm theo ánh sáng, ra đến dưới cửa thành. Nhờ thần lực của Phật nên cửa tự nhiên mở ra. Đã ra khỏi cửa rồi, trên đường đi có miếu thờ trời, ông Tu-đạt-đa đi qua lễ bái cung kính thì liền trở lại tối đen, lòng sinh kinh sợ, lại muốn quay trở về chỗ nghỉ. Ở cửa thành đó, có một vị thiên thần bảo ông Tu-đạt-đa: “Nếu ông đến chỗ của Đức Như Lai thì được nhiều lợi ích tốt đẹp”. Tu-đạt-đa nói: “Sao gọi là lợi ích tốt đẹp?”. Vị trời nói: “Này trưởng giả! Giả sử có người dùng châu báu kết thành trăm con tuần mã, trăm đầu hương tượng, trăm cỗ xe báu, đúc vàng làm người số ấy lại cả trăm, nữ nhân đoan chánh thân đeo chuỗi ngọc với mọi thứ báu xen lẫn, cung điện, nhà cửa thượng diệu, chạm khắc hoa văn, chậu vàng đựng gạo bạc, chậu bạc đựng gạo vàng, số ấy mỗi thứ một trăm đem thí cho một người. Cứ như vậy mà lần lượt thí cho hết người cõi Diêm-phù-đề thì công đức đạt được chẳng bằng có người phát tâm bước một bước đi đến chỗ Đức Như Lai”. Tu-đạt-đa nói: “Này thiện

nam! Ông là ai vậy?”. Vị trời đáp: “Này trưởng giả! Ta là con của Bà-la-môn Thắng Tướng, là thiện tri thức của ông thuở xưa. Ta nhân ngày trước gặp được Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên, lòng sinh vui mừng nên khi xả thân được làm con của vua trời Tỳ-sa-môn phương Bắc, chuyên coi việc bảo vệ thành Vương-xá này. Ta nhân lễ bái Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... sinh lòng vui mừng mà còn được thân diêu bảo như vậy, huống gì là sẽ được diện kiến Đại sư Như Lai để lễ bái cúng dường”. Trưởng giả Tu-đạt-đa nghe việc này rồi liền quay trở lại đường đi đến chỗ của Ta. Đến nơi rồi, ông ấy đầu mặt kính lễ dưới chân Ta, Ta liền vì ông mà nói pháp. Ông trưởng giả nghe rồi đắc quả Tu-đà-hoàn, đã đắc quả chứng, lại thỉnh Ta: “Đức Như Lai đại từ! Cúi xin Như Lai chiếu cố quang lâm thành Xá-vệ thọ nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của con”. Ta liền hỏi: “Thành Xá-vệ của ông đã có Tinh xá dung thọ chăng?”. Tu-đạt-đa đáp: “Nếu Đức Phật thương xót quyết định rủ lòng chiếu cố đến thì con sẽ tự hết sức kiến tạo thành lập”. Này thiện nam! Bấy giờ, Ta mặc nhiên thọ thỉnh. Ông trưởng giả Tu-đạt-đa đã được hứa rồi liền bạch với Ta: “Con từ xưa đến nay chưa làm việc ấy! Cúi xin Như Lai sai Tôn giả Xá-lợi-phất chỉ dẫn cách thức cho con”. Ta liền ra lệnh bảo Tôn giả Xá-lợi-phất đi giúp đỡ xây dựng. Tôn giả Xá-lợi-phất cùng ông Tu-đạt-đa ngồi chung một xe, đi đến thành Xá-vệ. Nhờ thần lực của Ta nên trải qua một ngày đêm đã đến nơi, ông Tu-đạt-đa bạch Tôn giả Xá-lợi-phất: “Thưa Đại đức! Ở bên ngoài thành này, chỗ nào có đất chẳng gầy, chẳng xa, lắm suối nhiều ao, có rừng cây đẹp, hoa quả sum suê, thanh tịnh, trống vắng, khoáng dãng thì ở nơi đó con sẽ vì Phật Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng mà tạo lập Tinh xá?”. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Có vườn cây ông Kỳ-đà là chẳng gầy, chẳng xa, thanh tịnh tịch tịch, có nhiều dòng suối, cây cối, hoa trái theo mùa mà có. Chỗ này thích hợp nhất có thể tạo lập Tinh xá”. Ông Tu-đạt-đa nghe lời nói này rồi liền đến chỗ của trưởng giả Kỳ-đà, nói với ông Kỳ-đà: “Nay tôi muốn vì đấng Pháp Vương vô thượng tạo lập tăng xá mà chỉ có khu đất vườn của ông là có thể tạo lập được. Tôi nay muốn mua, ông có thể bán chăng?”. Ông Kỳ-đà đáp: “Giả sử ông dùng vàng trải khắp đất ấy ta còn chẳng bán”. Ông Tu-đạt-đa nói: “Hay thay! Thưa ông Kỳ-đà! Đất rừng thuộc về tôi, còn ông thì nhận lấy

vàng”. Ông Kỳ-đà đáp: “Vườn tôi chẳng bán thì làm sao nhận lấy vàng?”. Ông Tu-đạt-đa nói: “Nếu ý ông chẳng rõ thì chúng ta sẽ cùng đi đến chỗ của người quyết đoán việc”. Hai ông trưởng giả liền cùng đi đến nơi quan phân xử. Quan phân xử nói: “Vườn thuộc về ông Tu-đạt-đa, ông Kỳ-đà nhận lấy vàng”. Ông trưởng giả Tu-đạt-đa tức thời sai người dùng xe ngựa chở vàng lót khắp mặt đất, trong một ngày mà chỉ còn năm trăm bước là vàng chưa rải khắp. Ông Kỳ-đà nói: “Trưởng giả! Nếu ông hối hận thì tùy ý, ông được dừng lại!”. Ông Tu-đạt-đa nói: “Tôi chẳng hối hận! Đang tự suy nghĩ sẽ xuất kho nào cho đủ vàng đây?”. Ông Kỳ-đà nghĩ: “Đấng Như Lai Pháp Vương chân thật là vô thượng. Diệu pháp của Ngài nói thanh tịnh vô nhiễm nên đã khiến cho người ấy khinh của báu đến vậy”, nên liền nói với ông Tu-đạt-đa: “Chỗ còn chưa rải khắp, ông chẳng cần lấy vàng nữa. Mời ông nhận lấy đất. Tôi tự vì Đức Phật tạo lập cổng có lầu để Đức Như Lai thường ra vào cửa ấy”. Ông trưởng giả Kỳ-đà tự tạo lập cổng. Ông trưởng giả Tu-đạt-đa thì trong bảy ngày, thành lập một căn nhà lớn đủ ba trăm gian, thiền phòng, tịnh xứ, sáu mươi ba chỗ, nhà mùa đông, nhà mùa hạ mỗi mỗi đều khác biệt, nhà bếp, nhà tắm, nơi rửa chân, nhà xí đại tiểu tiện v.v... tất cả đều đầy đủ. Xây dựng xong rồi, ông liền bưng lư hương, hương về thành Vương-xá, từ xa nói: “Việc xây dựng đã xong rồi, con nguyện xin Như Lai từ bi thương xót vì các chúng sinh thọ nhận trú xứ này”. Ta biết được lòng của ông trưởng giả này nên liền cùng với đại chúng bắt đầu đi khởi thành Vương-xá, ví như người tráng sĩ co duỗi cánh tay, khoảnh khắc đã đến Tinh xá của Tu-đạt-đa trong vườn cây của ông Kỳ-đà ở tại thành Xá-vệ. Khi Ta đã đến rồi thì trưởng giả Tu-đạt-đa đem cơ sở ấy dâng cho Ta. Khi ấy Ta nhận và cư trú tại đó.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXVIII

Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG 4

Bấy giờ, Lục sư ngoại đạo sinh ra ganh ghét nên chúng đều tập hợp lại đi đến chỗ của vua Ba-tư-nặc nói:

–Tâu đại vương! Đại vương nên biết, đất nước của vua thanh bình, nhân tịnh, đúng là chỗ trú ngụ của người xuất gia. Vậy nên chúng tôi vì việc ấy mà đi đến đây. Tâu đại vương! Đại vương dùng chánh pháp cai trị, vì dân trừ hoạn nạn. Sa-môn Cù-đàm tuổi còn nhỏ, thời gian học lại ít, đạo thuật không biểu hiện. Đất nước này trước có những bậc túc đức kỳ cựu, nhưng ông ấy tự cậy vào dòng giống vua, chẳng sinh lòng cung kính. Nếu là dòng giống vua thì theo pháp nên cai trị dân, còn như ông ấy xuất gia thì nên cung kính bậc túc đức. Đại vương minh xét! Sa-môn Cù-đàm chân thật chẳng sinh trong dòng dõi vua. Sa-môn Cù-đàm nếu có cha mẹ thì vì sao cướp đoạt cha mẹ người khác? Tâu đại vương! Trong kinh của chúng tôi nói, qua một ngàn năm, có một điềm quái lạ, huyền hóa xuất hiện”. Đó là Sa-môn Cù-đàm. Vậy nên phải biết là Sa-môn Cù-đàm không cha không mẹ. Nếu có cha mẹ thì làm sao ông nói, các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, vô tác, vô thọ. Ông dùng huyền thuật lừa dối mê hoặc chúng sinh, kẻ ngu tín thọ, người trí bỏ đi. Tâu đại vương! Phạm là nhân vương thì từ trời xuống làm cha mẹ. Như cái cân, như đất, như gió, như lửa, như đường, như sông, như cầu, như đèn, như mặt trời, như mặt trăng v.v... cứ như pháp mà quyết đoán sự việc, chẳng chọn lựa kẻ oán, người thân. Sa-môn Cù-đàm chẳng cho chúng tôi sống, theo chỗ chúng tôi đi mà truy đuổi chẳng bỏ. Cúi xin đại vương cho phép chúng tôi cùng ông ấy thi đấu đạo lực. Nếu ông ấy thắng thì chúng tôi sẽ thuộc về ông ấy. Nếu chúng tôi thắng thì ông ấy sẽ thuộc về chúng tôi.

Nhà vua nói: “Thưa chư Đại đức! Các ông ai ai cũng đều tự có pháp tu hành, chỗ cư trú cũng đều chẳng đồng. Ta nay biết chắc chắn là Đức Như Lai Thế Tôn đối với các ông không phượng hại gì”. Lục sư đáp: “Sao gọi là không phượng hại gì? Sa-môn Cù-đàm dùng phép huyền thuật dụ dỗ lừa dối mọi người và Bà-la-môn quy phục hết rồi. Nhà vua nếu cho phép chúng tôi cùng ông ấy thi đấu đạo lực thì danh tốt của nhà vua sẽ lưu hành tám phương. Như ông ấy chẳng thi đấu thì tiếng xấu đầy đường”. Nhà vua nói: “Này chư Đại đức! Các ông chưa biết đạo lực của Đức Như Lai uy thần lồng lộng nên cầu xin thi đấu. Nếu các ông biết chắc rồi thì sợ chẳng thể cầu xin đâu”. “Tâu đại vương! Đại vương nay đã thọ nhận sự huyền hóa của Sa-môn Cù-đàm rồi sao? Cúi xin đại vương quan tâm cho phép và giám sát, chớ khinh chúng tôi. Việc chưa rõ mà nói suông chẳng bằng kiểm nghiệm sự thật”. Nhà vua nói: “Hay thay! Hay thay!”. Lục sư vui mừng mà ra về. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc liền ra lệnh chuẩn bị xa giá và đi đến chỗ Ta, đầu mặt lễ kính, nhiễu quanh bên phải ba vòng, lui về ngồi một bên mà bạch với Ta: “Thưa Thế Tôn! Lục sư hướng đến chỗ con cầu thi đấu đạo lực với Thế Tôn mà con chẳng biết tính sao đành hứa với họ rồi”. Ta bảo: “Này đại vương! Hay thay! Hay thay! Chỉ có điều là ở nước này, khắp nơi sẽ tạo lập thêm tăng viện. Vì sao? Vì nếu Ta cùng họ thi đấu thần lực thì trong chúng đó, người chịu sự giáo hóa nhiều lên mà chỗ này nhỏ hẹp thì làm sao dung thọ hết”.

Này thiện nam! Bấy giờ, Ta vì hạng Lục sư này nên từ ngày mừng một đến ngày mười lăm thị hiện thần thông biến hóa rất hy hữu. Đang khi đó thì vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vô lượng chúng sinh đối với Tam bảo phát sinh niềm tin, chẳng nghi ngờ. Số đồ chúng của Lục sư ấy nhiều vô lượng, phá tâm tà kiến, theo chánh pháp xuất gia. Vô lượng chúng sinh ở trong đạo Bồ-đề được tâm bất thoái. Vô lượng chúng sinh được Đà-la-ni, các môn Tam-muội. Vô lượng chúng sinh được từ quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán.

Bấy giờ, Lục sư cảm thấy xấu hổ, cùng nhau vây quanh kéo đến thành Bà-chỉ-đa, dạy dân chúng ở đó tín thọ tà pháp là: “Sa-môn Cù-đàm chỉ nói về việc rộng không”. Này thiện nam! Khi Ta vì mẹ ở dưới

cây Ba-lợi-chất-đa trên trời Đao-lợi an cư nói pháp thì lúc đó tâm trạng của hạng Lục sư rất vui mừng, xướng lên: “Hay thay! Huyền thuật của Sa-môn Cù-đàm nay đã diệt mất”. Chúng lại dạy cho vô lượng vô số chúng sinh tăng trưởng tà kiến. Lúc ấy, vua Tần-bà-ta-la, vua Ba-tư-nặc và bốn bộ chúng bạch Tôn giả Mục-kiền-liên: “Thưa Đại đức! Cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, chúng sinh có thể lo làm những việc rất đen tối. Cúi xin Đại đức đi lên cõi trời đó, cúi đầu trước đấng Thế Tôn và bạch như lời chúng tôi: “Ví như con trâu nghe mới sinh chưa lâu, nếu chẳng được sữa thì nhất định phải chết không gì nghi ngờ. Chúng sinh chúng con cũng như vậy, cúi xin Như Lai thương xót chúng sinh trở về đến trụ nơi đây”. Tôn giả Mục-kiền-liên lặng thinh nhận lời, rồi trong khoảnh khắc như vị đại Lục sĩ co duỗi cánh tay, ông đi lên cõi trời đó, đến chỗ Ta, bạch: “Bốn chúng trong cõi Diêm-phù-đề khát khao, ngưỡng mộ Như Lai, nhớ nghĩ mong gặp Như Lai để nghe pháp. Vua Tần-bà-ta-la, vua Ba-tư-nặc và bốn bộ chúng v.v... xin đánh lễ dưới chân Như Lai gửi lời thưa thỉnh: “Chúng sinh của cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng, hành động rất đen tối, rất đáng thương xót. Ví như con nghé sinh ra chưa lâu, nếu chẳng được sữa thì nhất định phải chết, chẳng nghi ngờ gì. Chúng con cũng vậy, cúi xin Như Lai vì chúng sinh mà trở lại ở trong cõi Diêm-phù-đề”. Ta bảo Tôn giả Mục-kiền-liên: “Tôn giả hãy mau trở về cõi Diêm-phù-đề bảo các vị quốc vương và bốn bộ chúng là sau bảy ngày Ta sẽ trở xuống. Nhưng vì bọn Lục sư nên Ta lại phải đến thành Bà-chỉ-đa kia”. Qua bảy ngày rồi, Ta cùng với Thích, Phạm, Ma, vô lượng Thiên tử và tất cả thiên nhân cõi Thủ-đà-hội vây quanh trước sau đi đến thành Bà-chỉ-đa đồng dạy tuyên bố: “Chỉ độc nhất trong pháp của Ta mới có Sa-môn và Bà-la-môn. Tất cả các pháp vô thường, vô ngã, còn Niết-bàn thì tịch tĩnh, lia các tội lỗi khổ đau. Nếu nói, pháp khác cũng có Sa-môn, Bà-la-môn, có thường, có ngã, có Niết-bàn thì không có điều này”. Bấy giờ, vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi đó Lục sư đều nói với nhau: “Nếu trong pháp ta thật không có Sa-môn, Bà-la-môn thì làm sao mà được sự cúng dường của thế gian”. Khi ấy Lục sư lại tụ tập cùng nhau đi đến Tỳ-xá-ly.

Này thiện nam! Vào một thuở, Ta trụ ở vùng rừng Am-la của

thành Tỳ-xá-ly, có người con gái Am-la biết Ta ở trong đó nên muốn đến chỗ Ta. Lúc ấy, Ta bảo các Tỳ-kheo: “Nên quán niệm xứ, khéo tu trí tuệ, theo pháp tu tập, tâm chớ buông lung. Sao gọi là quán niệm xứ? Nếu có Tỳ-kheo quan sát nội thân chẳng thấy ngã và cả ngã sở, quan sát ngoại thân và nội ngoại thân chẳng thấy ngã và ngã sở, quan sát thọ, tâm, pháp cũng như vậy, thì đó gọi là niệm xứ. Sao gọi là tu tập trí tuệ? Nếu có Tỳ-kheo chân thật thấy khổ, tập, diệt, đạo thì đó gọi là Tỳ-kheo tu tập trí tuệ. Sao gọi là tâm chẳng phóng dật? Nếu có Tỳ-kheo-niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên thì đó gọi là Tỳ-kheo tâm chẳng phóng dật”. Ngay khi đó thì người con gái Am-la liền đến chỗ Ta đầu mặt làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, xong rồi lui về ngồi một phía. Đây thiện nam! Ta vào lúc ấy vì người con gái Am-la theo căn cơ mà nói pháp. Người con gái này nghe rồi liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong thành đó có năm trăm Lê-xa tử đi đến chỗ Ta đầu mặt làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, xong rồi lui về ngồi một phía. Ta lại vì các Lê-xa tử theo căn cơ mà nói pháp như vậy: “Đây các Thiện nam! Phóng dật có năm quả báo. Những gì là năm? Một là chẳng được tự tại về tài lợi. Hai là tiếng xấu lan truyền ra bên ngoài. Ba là chẳng ưa bố thí cho người bản cùng thiếu thốn. Bốn là chẳng ưa thấy bốn chúng. Năm là chẳng được thân chư Thiên. Đây các Thiện nam! Do chẳng phóng dật có thể sinh ra pháp thế gian, pháp xuất thế gian. Nếu có người muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải nên siêng tu pháp chẳng phóng dật. Phàm người phóng dật lại bị mười ba quả báo. Những gì là mười ba? Một là ưa làm việc thế gian. Hai là ưa nói lời nói vô ích. Ba là thường ưa ngủ nghỉ lâu. Bốn là ưa nói việc thế gian. Năm là thường ưa gần gũi bạn xấu. Sáu là lười biếng uể oải. Bảy là thường bị sự khinh rẻ của người khác. Tám là tuy có điều nghe biết nhưng lại liền quên mất. Chín là ưa ở chỗ biên địa. Mười là chẳng thể điều phục các căn. Mười một là ăn chẳng biết đủ. Mười hai là chẳng ưa vắng lặng. Mười ba là điều thấy biết chẳng chân chính. Đây thiện nam! Phàm người phóng dật tuy được gần Phật và đệ tử của Phật nhưng vẫn còn rất xa”. Các Lê-xa tử bạch: “Chúng con tự biết là người phóng dật. Vì sao? Vì như chúng con chẳng phóng dật thì đáng Như Lai Pháp

Vương đã xuất hiện ở cõi của chúng con”. Trong đại hội có con của một Bà-la-môn tên là Vô Thắng nói với các Lê-xa tử: “Hay thay! Hay thay! Đúng như lời ông nói. Vua Tần-bà-ta-la đã được lợi ích lớn. Đức Như Lai Thế Tôn xuất hiện ở đất nước vua ấy giống như ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, tuy mọc lên từ trong nước nhưng nước chẳng thể làm dơ bẩn. Nay các Lê-xa tử! Phật cũng như vậy, tuy sinh ở nước đó nhưng chẳng bị trở ngại bởi pháp thế gian. Chư Phật Thế Tôn không ra không vào nhưng vì chúng sinh nên xuất hiện ở đời mà chẳng bị pháp thế gian làm trở ngại. Các ông tự đam mê phóng túng theo năm dục, chẳng biết đến thân cận chỗ Như Lai nên mới gọi là người phóng dật, chứ chẳng phải Phật xuất hiện ở nước Ma-già-đà mà cho mình phóng dật. Vì sao? Vì Như Lai Thế Tôn giống như mặt trời, mặt trăng chẳng phải vì một người, hai người mà ra đời”. Các Lê-xa tử nghe lời nói đó rồi liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Họ lại nói lên: “Hay thay! Hay thay! Thưa đồng tử Vô Thắng, ông khéo nói lời tuyệt vời như vậy”. Khi ấy, các Lê-xa tử từng người từng người đều cởi một cái áo đang mặc trên người, đem hiến thí cho đồng tử Vô Thắng. Vô Thắng nhận rồi chuyển dâng lên cho Ta và lại nói: “Thưa Thế Tôn! Con từ Lê-xa tử được số áo này, nguyện xin Như Lai thương xót chúng sinh mà nhận sự dâng cúng của con”. Lúc ấy, Ta thương đồng tử Vô Thắng đó nên liền thọ nhận. Các Lê-xa tử đồng thời chấp tay nói như vậy: “Cúi xin Như Lai ở đất nước này mà an cư một thời gian, nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của chúng con”. Ta mặc nhiên nhận lời mời của các Lê-xa.

Lúc đó, bọn Lục sư nghe như vậy rồi thì thầy trò cùng nhau đi đến thành Ba-la-nại. Bấy giờ, Ta lại sang thành Ba-la-nại, trụ ở bên dòng sông Ba la. Ở Ba-la-nại có con ông trưởng giả tên là Bảo Xứng đam mê phóng túng theo năm dục mà chẳng biết là sai quấy. Do Ta đến nên ông ấy tự nhiên đắc pháp bạch cốt quán. Ông thấy cung điện, nhà cửa, cung nhân, thể nữ đều là xương trắng, lòng sinh kinh sợ như thấy dao bén, rắn độc, như giặc, như lửa nên liền ra khỏi nhà đi đến chỗ Ta. Dọc đường ông kêu lên: “Sa-môn Cù-đàm ơi! Tôi nay như bị giặc truy đuổi rất là kinh sợ! Nguyện xin Ngài cứu tế cho”. Ta nói: “Này thiện nam! Phật, Pháp, Tăng yên ổn, không có sự sợ hãi”. Con

ông trưởng giả nói: “Nếu trong Tam bảo không có sự sợ hãi thì con hôm nay cũng sẽ được không sợ hãi”. Ta liền cho ông ấy xuất gia tu đạo. Con ông trưởng giả lại có năm mươi người đồng bạn, từ xa nghe tin bạn Bảo Xứng chán lìa xuất gia liền thỏa thuận cùng nhau xuất gia.

Hàng Lục sư nghe rồi, lại lần lượt đi đến đại thành Chiêm-bà. Tất cả dân chúng nước Chiêm bà đều cùng phụng sự đồ chúng Lục sư. Ban đầu chưa nghe tên Phật, Pháp, Tăng, có nhiều người tạo tác nghiệp cực ác. Lúc ấy, Ta vì chúng sinh nên đến thành Chiêm-bà. Trong thành đó có ông đại trưởng giả không có người nối dõi nên cúng dường phụng sự Lục sư để cầu con. Về sau chẳng bao lâu, vợ ông ấy mang thai, ông trưởng giả biết rồi đi đến chỗ của Lục sư, vui mừng mà nói: “Vợ tôi mang thai là trai hay gái?”. Lục sư đáp: “Sinh ra nhất định là gái!”. Ông trưởng giả nghe rồi, lòng sinh sầu não. Lại có người bạn đến hỏi ông trưởng giả: “Vì sao mà sầu não đến như vậy?”. Ông trưởng giả đáp: “Vợ tôi mang thai chưa biết trai hay gái nên đến hỏi Lục sư thì Lục sư thấy nói là như pháp tướng của ta, sinh ra nhất định là con gái. Tôi nghe lời nói này rồi tự nghĩ mình tuổi già, của cải giàu có không lường, như đứa bé ấy chẳng phải là con trai thì không biết phó chúc cho ai nên tôi buồn”. Người bạn lại nói: “Ông không có trí tuệ, trước chẳng nghe sao? Anh em ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp là đệ tử của ai? Của Phật hay là của Lục sư? Nếu Lục sư là Nhất thiết trí thì ông Ca-diếp vì sao bỏ đi làm đệ tử của Phật. Lại nữa, ông Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên v.v... và các quốc vương như Tần-bà-ta-la v.v... các phu nhân của vua như phu nhân Mạt-lợi v.v... trưởng giả các nước như ông Tu-đạt-đa v.v... Những người như vậy chẳng phải là đệ tử của Phật sao? Quỷ thần Khoáng dã, vua A-xà-thế, voi say Hộ Tài, Ương-quật-ma-la ác, tâm sôi sục muốn hại mẹ mình. Những bọn như vậy chẳng phải đã được Như Lai điều phục rồi sao? Thưa trưởng giả! Như Lai Thế Tôn đối với tất cả pháp thấy biết không ngại nên gọi là Phật, lời nói không hai nên gọi là Như Lai, đã đoạn trừ phiền não nên gọi là A-la-ha. Lời nói của Đức Thế Tôn nhất định không sai khác, còn Lục sư chẳng vậy, nên làm sao có thể tin được. Đức Như Lai nay ở gần đây, nếu muốn biết sự thật thì phải đến chỗ Đức Phật”. Bấy giờ, ông trưởng giả liền cùng với bạn đi đến chỗ Ta, đầu mặt làm lễ, đi quanh bên phải

ba vòng, chấp tay, quỳ dài, bạch: “Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đối với các chúng sinh bình đẳng không hai, oán thân một tướng. Con bị sự trói buộc của ái kết nên đối với kẻ oán người thân chưa thể không phân biệt. Nay con muốn hỏi Như Lai việc đời mà tự thấy thẹn và sợ nên chưa dám nói ra. Thưa Thế Tôn! Vợ con mang thai, thầy tướng Lục sư nói, sinh ra nhất định là con gái, việc này ra sao?”. Ta nói: “Này trưởng giả! Vợ ông mang thai là con trai, không gì nghi ngờ. Đứa bé ấy sinh ra rồi thì phước đức không ai sánh kịp”. Bấy giờ, ông trưởng giả nghe lời nói này rồi, phát sinh hoan hỷ lớn liền lui ra, quay về nhà. Lúc này, bọn Lục sư nghe Ta báo trước đứa bé sinh ra nhất định là con trai, có phước đức lớn thì lòng họ phát sinh ganh ghét, dùng quả Am-la hòa hợp với thuốc độc, mang đến nhà ông trưởng giả ấy và nói với ông ta: “Giỏi thay! Ngài Cù-đàm khéo nói tướng của con ông. Vợ ông tới tháng sinh có thể uống thứ thuốc này. Uống thuốc này rồi thì đứa bé đẹp đẽ, sản phụ không hoạn nạn”. Ông trưởng giả vui mừng nhận thứ thuốc độc ấy, đem cho vợ mình bảo uống. Vợ ông trưởng giả uống xong liền chết, bọn Lục sư vui mừng đi cùng khắp thành thị, cao giọng xưng lên: “Ông Sa-môn Cù-đàm dự báo là vợ ông trưởng giả kia sẽ sinh con trai. Đứa trẻ ấy phước đức cả thiên hạ không ai hơn. Nay đứa trẻ chưa sinh mà người mẹ đã mất mạng”. Bấy giờ ông trưởng giả lại đối với Ta, sinh lòng chẳng tin, liền y theo phép thế gian tẩm liệm vợ vào áo quan, đưa đến bên ngoài thành, chất nhiều củi khô dùng lửa đốt. Ta dùng đạo nhãn thấy rõ việc này, bảo A-nan lấy y lại cho Ta, Ta muốn đến chỗ đó tiêu diệt tà kiến. Vua trời Tỳ-sa-môn bảo đại tướng Ma-ni-bạt-đà: “Đức Như Lai hôm nay muốn đến bãi tha ma kia. Ông hãy mau đến đó dọn quét sạch sẽ, làm bằng phẳng, đặt tòa ngai sư tử, tìm kiếm hương hoa đẹp mà trang nghiêm đất ấy”. Bấy giờ, bọn Lục sư từ xa thấy Ta đến, đều nói với nhau: “Ông Sa-môn Cù-đàm đến bãi tha ma này muốn ăn thịt sao?”. Lúc này, có nhiều Ưu-bà-tắc chưa được pháp nhãn, nên lo ngại với Ta: “Người đàn bà đó đã chết rồi, xin Thế Tôn chẳng nên đến đó”. Lúc ấy, ông A-nan nói với mọi người: “Hãy đợi giây lát! Chẳng bao lâu nữa, Như Lai sẽ khai mở rộng cảnh giới của chư Phật”. Khi Ta đến rồi, ngồi vào tòa sư tử thì ông trưởng giả nạn vấn Ta: “Lời nói không hai nên gọi là Thế Tôn, nay người mẹ đã

chết thì làm sao sinh con đây?”. Ta nói: “Này trưởng giả! Lúc ấy, Ta chẳng thấy ông hỏi về mạng người mẹ gần hay dài mà chỉ hỏi thai đang mang là trai hay gái thôi. Các Đức Phật Như Lai lời nói không sai khác. Vậy nên ông phải biết, nhất định được con trai”. Lúc đó tử thi bị lửa đốt cháy, bụng nứt ra, đứa con từ trong đó xuất hiện ngồi ngay thẳng trong đám lửa giống như chim uyên ương ở trên đài hoa sen. Bọn Lục sư thấy rồi lại nói: “Yêu mị thay! Ông Cù-đàm khéo làm huyền thuật”. Ông trưởng giả thấy rồi, lòng lại vui mừng, quở trách bọn Lục sư: “Nếu nói là huyền thì sao các ông chẳng làm được”. Lúc ấy, Ta liền bảo ông Kỳ-đà: “Ông đến trong đám lửa bồng đứa bé đó lại đây”. Ông Kỳ-đà sắp đi đến thì bọn Lục sư trước đã mở lời nói với ông Kỳ-đà: “Việc tạo tác huyền thuật của ông Cù-đàm chưa chắc là luôn luôn được. Hoặc có thể hay chẳng thể bồng ra, nếu đứa trẻ ấy chẳng thể thoát được thì có thể ông bị cháy hại lây. Ông nay làm sao có thể tin thọ lời nói của ông ấy?”. Ông Kỳ-đà đáp: “Đức Như Lai sai vào địa ngục A-tỳ, lửa dữ ở đó còn chẳng thiêu đốt huống nữa là lửa của thế gian”. Bấy giờ, ông Kỳ-đà bước vào đám lửa như là vào trong dòng sông lớn mát mẻ, bồng đứa trẻ đó trở về đến chỗ của Ta và trao đứa bé cho Ta. Ta nhận đứa bé rồi bảo ông trưởng giả: “Thọ mạng của tất cả chúng sinh mong manh như bọt nước. Chúng sinh nếu có quả báo của nghiệp sâu dày thì lửa chẳng thể đốt, độc chẳng thể hại. Quả báo về nghiệp của đứa bé này chẳng phải do Ta tạo tác”. Ông trưởng giả bạch: “Hay thay! Hay thay! Thưa Thế Tôn! Đứa trẻ này đã được hưởng mệnh trời, cúi xin Như Lai vì nó mà đặt tên cho”. Ta bảo: “Đứa trẻ này sinh ra trong lửa mạnh, mà lửa gọi là thọ đề nên tên là Thọ Đề”.

Bấy giờ, trong chúng hội thấy thân hóa của Ta, vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi ấy, bọn Lục sư đi cùng khắp sáu thành mà chẳng được dừng chân, cúi đầu xấu hổ, lại đi đến thành Câu-thi-na này. Đã đến đây rồi, họ rao truyền: “Mọi người phải biết, Sa-môn Cù-đàm là một nhà đại huyền thuật, lừa dối mê hoặc thiên hạ khắp sáu ngôi đại thành. Ví như nhà huyền thuật tạo bốn thứ binh như là binh xe, binh ngựa, binh voi, binh bộ. Lại còn làm ra đủ thứ chuỗi ngọc, thành quách, cung điện, nhà cửa, sông ao, cây cối v.v... Cù-đàm cũng như vậy, biến hóa làm thân

vua rồi vì vua nói pháp. Hoặc làm ra thân Sa-môn, Bà-la-môn, thân nam, thân nữ, thân lớn, thân nhỏ, hoặc làm ra thân súc sinh, thân quỷ thần. Ông ấy hoặc nói vô thường, hoặc nói có thường, hoặc nói khổ hay nói vui, hoặc nói có ngã hay nói vô ngã, hoặc nói tịnh hay nói bất tịnh, hoặc nói có hay nói không. Những điều đó là hư vọng nên gọi là huyễn. Ví như nhân là hạt, tùy theo hạt mà được trái, Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, người mẹ sinh ra ông ấy là Ma-da đã là huyễn thì ông ấy là con chẳng được coi là chẳng phải huyễn. Sa-môn Cù-đàm không có tri kiến chân thật. Các thầy Bà-la-môn từng trải nhiều năm tháng, tu tập khổ hạnh, hộ trì giới cấm, còn nói ra chưa có tri kiến chân thật, huống gì là Cù-đàm tuổi trẻ, học cạn, chẳng tu khổ hạnh thì làm sao mà có tri kiến chân thật. Nếu ông ấy có thể đầy đủ bảy năm khổ hạnh, thì cái thấy còn chẳng nhiều, huống gì là việc tu tập chẳng trọn sáu năm. Người ngu không trí mới tin thọ lời dạy của ông ấy. Như bậc thầy lớn về huyễn thuật lừa dối mê hoặc kẻ ngu, Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy”. Nay thiện nam! Như vậy bọn Lục sư ở trong thành lớn này làm tăng trưởng tà kiến cho chúng sinh. Nay thiện nam! Ta thấy việc này lòng sinh thương xót, dùng thần lực triệu thỉnh những Đại Bồ-tát trong mười phương vân tập về khu rừng này, đầy khắp cả bốn mươi do-tuần. Hôm nay, ở trong rừng này Ta đồng dạy tuyên thuyết đại pháp như tiếng rống của đại sư tử. Nay thiện nam! Ở chỗ trống vắng tuy có nói nhiều pháp nhưng cũng chẳng được gọi là Sư tử hống. Nhưng ở trong đại chúng gồm những người trí này thì chân thật được gọi là đại Sư tử hống. Sư tử hống là nói tất cả pháp đều vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh và chỉ nói Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh.

Bấy giờ, bọn Lục sư lại nói lời này: “Nếu Cù-đàm có ngã thì ta cũng có ngã. Cái gọi là ngã là cái thấy đó gọi là ngã. Nay Cù-đàm! Ví như có người hướng về trong thấy vật thì ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho mắt, thấy là dụ cho ngã”. Ta bảo: “Nay Lục sư! Nếu nói rằng thấy gọi là ngã thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì sự dẫn dụ của các ông là nhân hướng mà thấy thì con người ở tại một hướng, sáu căn đều sử dụng, nếu nhất định có ngã, do mắt thấy thì sao trong một căn đó chẳng nhận biết hết các trần. Nếu trong một căn chẳng thể cùng một lúc nghe thấy sáu trần thì phải biết là vô ngã. Cái dụ hướng dẫn ra đó,

tuy trải qua trăm năm mà người thấy dựa vào thì sự thấy không khác và nhãn căn trải qua ngàn ấy năm thì căn thực cũng nên không khác. Con người hưởng khác nên thấy trong, thấy ngoài. Nhãn căn nếu vậy thì cũng nên trong ngoài cùng một lúc đều thấy. Nếu chẳng thấy thì sao gọi là có ngã?”. Bọn Lục sư lại nói: “Này Cù-đàm! Nếu không ngã thì ai có thể thấy?”. Ta đáp: “Có hình sắc, có ánh sáng, có tâm, có mắt, bốn thứ này hòa hợp nên gọi là thấy. Trong đó thật không có người thấy và cái để thấy. Chúng sinh điên đảo nói rằng, có người thấy và cái để thấy. Do nghĩa này nên đối tượng nhận thức của tất cả chúng sinh là điên đảo, còn đối tượng nhận thức của chư Phật, Bồ-tát là chân thật. Này Lục sư! Nếu nói sắc là ngã thì điều đó cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì sắc thật chẳng phải ngã. Sắc nếu là ngã thì chẳng nên có hình mạo xấu xí. Vì sao lại có bốn dòng họ sai biệt mà chẳng đều một dòng Bà-la-môn? Vì sao lệ thuộc vào người khác chẳng được tự tại, các căn khiếm khuyết sinh ra chẳng đầy đủ? Vì sao chẳng làm thân chư Thiên mà thọ đủ thứ các thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh? Nếu chẳng thể tạo tác tùy ý thì phải biết nhất định không có ngã. Do không ngã nên gọi là vô thường, mà vô thường nên khổ. Do khổ nên là rỗng không, mà rỗng không nên điên đảo. Do điên đảo nên tất cả chúng sinh luân chuyển nơi sinh tử. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này Lục sư! Như Lai Thế Tôn đoạn tuyệt vĩnh viễn sự trói buộc của sắc cho đến sự trói buộc của thức. Vậy nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Lại nữa, sắc tức là nhân duyên, mà nếu là nhân duyên thì gọi là vô ngã. Vô ngã thì gọi là khổ, không. Thân của Như Lai chẳng phải là nhân duyên, mà chẳng phải nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thì có thường, lạc, ngã, tịnh”. Bọn Lục sư lại nói: “Này Cù-đàm! Sắc cũng chẳng phải ngã cho đến thức cũng chẳng phải ngã. Ngã cùng khắp tất cả mọi nơi giống như hư không”. Ta nói: “Nếu khắp nơi có ngã thì chẳng nên nói, ngã ban đầu chẳng thấy. Nếu ban đầu chẳng thấy thì biết là cái thấy đó vốn không mà nay có. Nếu vốn không mà nay có thì đó gọi là vô thường. Nếu vô thường thì làm sao nói rằng, có khắp. Nếu có khắp thì trong năm đường nên có đủ thân. Nếu có thân thì đều thọ báo. Nếu đều thọ báo thì vì sao mà nói chuyển thọ thân trời, người. Ông nói cùng khắp là một hay là nhiều? Ngã nếu là một thì không cha, con, kẻ oán, người

thân, người không oán không thân. Ngã nếu là nhiều thì năm căn của tất cả chúng sinh đều bình đẳng và nghiệp tuệ của họ cũng nên như vậy. Nếu như vậy thì làm sao nói rằng, căn có người đầy đủ, có người không đầy đủ. Và nghiệp thiện, nghiệp ác, người ngu, kẻ trí sai biệt?”. “Này Cù-đàm! Ngã của chúng sinh thì không có bờ cõi. Pháp cùng phi pháp thì có phân ra nhiều thứ. Chúng sinh tu pháp thì được thân đẹp, nếu làm phi pháp thì được thân xấu. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sinh chẳng được không sai khác”. Ta nói: “Này Lục sư! Pháp cùng phi pháp nếu như vậy thì ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã cùng khắp thì lẽ ra đều đến tất cả. Như ngã ấy đều đến khắp nơi thì người tu thiện cũng nên có ác, người làm ác cũng nên có thiện. Nếu chẳng vậy thì làm sao nói rằng cùng khắp?”. “Này Cù-đàm! Ví như ngôi nhà thấp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi mỗi đều tự sáng, chẳng tổn hại lẫn nhau. Ngã của chúng sinh cũng như vậy. Việc tu thiện, làm ác của họ chẳng hòa hợp xen lẫn vào nhau”. “Các ông nếu nói ngã như ngọn đèn thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì ánh sáng của đèn kia từ nhân duyên mà có. Đèn tăng trưởng nên ánh sáng cũng tăng trưởng, còn ngã của chúng sinh thì chẳng như vậy. Ánh sáng từ đèn phát ra trụ tại chỗ khác, còn ngã của chúng sinh thì chẳng được như vậy là từ thân ra trụ tại chỗ khác. Ánh sáng của đèn kia ở chung cùng với bóng tối. Vì sao? Vì như trong nhà tối thấp một ngọn đèn thì chẳng soi sáng, thấp lên nhiều ngọn đèn mới được sáng rõ. Nếu ngọn đèn ban đầu xua tan bóng tối thì chẳng cần những ngọn đèn sau. Nếu cần những ngọn đèn sau thì phải biết ánh sáng ban đầu ở chung cùng bóng tối”. “Này Cù-đàm! Nếu không ngã thì ai tạo tác thiện, ác?”. Ta nói: “Nếu ngã tạo tác thì sao gọi là thường. Như ngã ấy thường thì làm sao mà có khi làm thiện, có khi làm ác? Nếu nói có khi làm thiện, có khi làm ác thì làm sao lại nói rằng ngã là vô biên? Nếu ngã tạo tác thì vì sao mà lại tập làm pháp ác? Như ngã ấy chính là người làm, người biết thì vì sao sinh ra nghi ngờ chúng sinh vô ngã? Do nghĩa này nên trong pháp của ngoại đạo nhất định không có ngã. Nếu nói ngã, tức là Như Lai. Vì sao? Vì thân Như Lai vô biên không có lưới nghi hoặc. Chẳng tác, chẳng thọ nên gọi là thường. Chẳng sinh, chẳng diệt nên gọi là lạc. Không cấu bẩn phiền não nên gọi là tịnh. Không có mười tướng nên gọi là không. Vậy nên

Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, rỗng không, không có các tướng”. Các ngoại đạo nói: “Nếu nói, Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, vô tướng nên rỗng không thì phải biết pháp của Cù-đàm nói là chẳng phải rỗng không. Vậy nên chúng tôi hôm nay cung kính nhận lấy mà hộ trì”. Bấy giờ, vô số ngoại đạo đối với pháp Phật đều khởi lòng tin xuất gia theo Phật.

Này thiện nam! Do nhân duyên này nên Ta ở rừng Ta-la song thọ này mà thuyết pháp như đại Sư tử hống. Sư tử hống là Đại Niết-bàn. Này thiện nam! Song thọ ở phương Đông là phá hoại vô thường, để đạt được thường cho đến song thọ ở phương Bắc là phá bất tịnh mà được tịnh. Này thiện nam! Chúng sinh trong này vì song thọ nên hộ trì rừng Ta-la, đừng để cho người ngoài lấy cành lá, chặt đốn phá hoại. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp nên khiến cho các đệ tử hộ trì pháp Phật. Những gì là bốn? Là thường, lạc, ngã, tịnh. Đây là bốn song thọ, bốn vua trông coi. Ta vì bốn vua hộ trì pháp của cải ta nên Ta ở trong đó mà nhập Niết-bàn. Này thiện nam! Ta-la song thọ hoa trái luôn sum suê, luôn có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh. Ta cũng như vậy, luôn có thể làm lợi ích cho hàng Thanh văn, Duyên giác. Hoa là dụ cho ngã, quả là dụ cho lạc. Do nghĩa này nên ta ở vùng Ta-la song thọ này mà vào đại tịch định. Đại tịch định là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai vì sao Niết-bàn vào tháng hai?

–Này thiện nam! Tháng hai gọi là mùa xuân, tháng của xuân, muôn vật sinh trưởng, gieo trồng cây cối, hoa trái phát triển tươi tốt, sông nước tràn đầy, trăm loài thú sinh sôi. Lúc đó chúng sinh sinh ra nhiều tưởng về thường. Vì muốn phá tâm tưởng về thường như vậy của chúng sinh nên Ta nói tất cả pháp đều là vô thường mà chỉ nói Như Lai thường trụ bất biến. Này thiện nam! Ở trong sáu thời: Tiết mạnh đông khô khan xơ xác mọi người chẳng ưa thích. Tiết xuân ôn hòa mọi người ưa thích. Vì phá sự ưa thích thế gian của chúng sinh nên Ta diễn nói thường lạc ngã tịnh cũng vậy, Như Lai vì phá ngã của thế gian, tịnh của thế gian nên nói ngã tịnh chân thật của Như Lai. Nói tháng hai là dụ cho hai thứ pháp thân của Như Lai. Kể chẳng ưa mùa đông là người trí chẳng ưa Như Lai vô thường vào Niết-bàn. Kể ưa thích tháng hai là

dụ cho người trí ưa thích Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Người gieo trồng là dụ cho các chúng sinh nghe pháp vui mừng, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà gieo trồng các căn lành. Sông là dụ cho những Đại Bồ-tát ở mười phương đến chỗ của Ta thưa hỏi nghe thọ kinh điển Đại Niết-bàn này. Trăm loài thú sinh sôi là dụ cho đệ tử của Ta phát sinh các thiện căn. Hoa dụ cho bảy giác chi. Quả dụ cho bốn thứ quả. Do nghĩa này nên Ta ở trong tháng hai vào Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

– Bạch Thế Tôn! Như Lai từ lúc đản sinh, xuất gia, thành đạo, chuyển diệu pháp luân đều lấy ngày mừng tám mà vì sao riêng Thế Tôn lấy ngày mười lăm để Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

– Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Ngày mười lăm, vầng trăng không khuyết, tròn đầy. Chư Phật Như Lai cũng như vậy, vào Đại Niết-bàn không có khuyết, tròn đầy. Do nghĩa này nên ở trong ngày mười lăm vào Niết-bàn. Nay thiện nam! Như ngày mười lăm, khi vầng trăng tròn đầy thì có mười một việc. Những gì là mười một? Một là có thể phá bóng tối. Hai là khiến cho chúng sinh thấy đường hay chẳng phải đường. Ba là khiến cho chúng sinh thấy đường tà hay chánh. Bốn là trừ uất kết nung nấu được niềm vui thanh lương. Năm là có thể phá hoại lòng cao ngạo. Sáu là dứt tất cả tư tưởng đạo tặc. Bảy là trừ lòng sợ thú dữ của chúng sinh. Tám là có thể làm nở hoa Ưu-bát-la. Chín là khép lại hoa sen. Mười là làm phát khởi tâm lên đường của hành nhân. Mười một là khiến cho các chúng sinh ưa thích thọ năm dục thu hoạch nhiều hoan lạc. Nay thiện nam! Vầng trăng tròn đầy Như Lai cũng như vậy: Một là phá hoại bóng tối lớn vô minh. Hai là diễn nói về chánh đạo, tà đạo. Ba là chỉ rõ đường tà hiểm sinh tử, đường bằng phẳng Niết-bàn. Bốn là khiến cho con người xa lìa lửa nóng tham dục, sân hận, ngu si. Năm là phá trừ vô minh của ngoại đạo. Sáu là phá hoại giặc ác phiền não kết. Bảy là trừ diệt tâm sợ năm cái. Tám là khai mở lòng gieo trồng căn lành của chúng sinh. Chín là che phủ tâm năm dục của chúng sinh. Mười là phát khởi hạnh tiến tu hướng đến Đại Niết-bàn của chúng sinh. Mười một là khiến cho chúng sinh ưa tu giải thoát. Do ý nghĩa này nên vào ngày mười lăm Ta vào Đại Niết-bàn mà chân thật

Ta chẳng vào Niết-bàn. Người ác ngu si trong hàng đệ tử của Ta thì nhất định cho là Như Lai vào Niết-bàn. Ví như người mẹ có nhiều con, người mẹ ấy bỏ đi đến đất nước khác, trong khoảng thời gian chưa trở lại, các con đều nói, mẹ ta đã chết, nhưng mà người mẹ này thật chẳng chết.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo nào có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ này?

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo thọ trì, đọc tụng mười hai bộ loại kinh điển đúng với câu văn kinh ấy, thông đạt nghĩa lý sâu xa, vì người giảng nói mà lời đầu, giữa, cuối đều tốt. Rồi vì muốn làm lợi ích cho vô lượng chúng sinh mà diễn nói phạm hạnh. Những Tỳ-kheo như vậy thì có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Theo con hiểu được ý nghĩa lời Phật nói thì Tỳ-kheo A-nan tức là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo A-nan thọ trì, đọc tụng mười hai bộ loại kinh điển, vì người khác khai thị, diễn nói chính ngữ, chính nghĩa giống như rót nước vào đồ đựng khác, Tỳ-kheo A-nan cũng như vậy, từ điều được nghe Phật nói, ông truyền lại đúng như đã nghe.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo được thiên nhãn thanh tịnh nhìn thấu tam thiên đại thiên thế giới trong mười phương như xem quả A-ma-lặc trong lòng bàn tay thì Tỳ-kheo như vậy cũng có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo A-ni-lâu-đà là người ấy. Vì sao? Vì thiên nhãn của A-ni-lâu-đà thấy đến tam thiên đại thiên thế giới ở mười phương cho đến trung ấm đều rõ ràng không chướng ngại.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo thiếu dục tri túc, lòng ưa tịch tĩnh, siêng hành tinh tấn, hiểu rõ niêm, định, tuệ thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy Tỳ-kheo Ca-diếp tức là người ấy. Vì sao? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp giỏi tu pháp thiếu dục, tri túc v.v...

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo vì tạo lợi ích cho chúng sinh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt Tam-muội Vô tránh, Thánh hạnh, Không hạnh thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Tu-bồ-đề tức là người ấy. Vì sao? Vì Tu-bồ-đề giỏi tu Tam-muội Vô tránh, Thánh hạnh, Không hạnh.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo giỏi tu thần thông, trong một niệm có thể tạo tác đủ thứ thần thông biến hóa, một tâm một định mà có thể tạo tác hai kết quả như là nước và lửa thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Mục-kiền-liên tức là người ấy. Vì sao? Vì Mục-kiền-liên giỏi tu thần thông, biến hóa không lường.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo giỏi tu đại trí, lợi trí, trang nghiêm trí, giải thoát trí, thâm diệu trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí v.v... thành tựu đầy đủ tuệ căn như vậy, đối với oán thân lòng không sai khác, nghe Như Lai Niết-bàn vô thường lòng không lo buồn, nghe Như Lai thường trụ chẳng vào Niết-bàn chẳng sinh vui mừng thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tức là người ấy. Vì sao? Vì Xá-lợi-phất giỏi có thể thành tựu đầy đủ đại trí tuệ như vậy.

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo có thể nói chúng sinh đều có Phật tánh, được thân kim cương, không có bờ cõi, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại, được tám tự tại thì Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì chỉ có Như Lai chính là người ấy. Vì sao? Vì thân của Như Lai là thân kim cương, vô biên, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại, đủ tám tự tại. Thưa Thế Tôn! Chỉ có

Như Lai mới có thể trang nghiêm Ta-la song thọ. Như không có Như Lai thì chẳng đoan nghiêm. Nguyên xin đấng Đại từ vì trang nghiêm nên thường trụ ở rừng cây Ta-la này.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tánh của tất cả các pháp trụ ở vô trụ mà sao ông nói, nguyên xin Như Lai trụ? Này thiện nam! Phạm nói trụ tức là gọi sắc pháp. Các pháp từ nhân duyên sinh ra nên gọi là trụ. Nhân duyên không nơi chốn nên gọi là vô trụ. Như Lai đã đoan tất cả sự ràng buộc của sắc thì sao nói là Như Lai trụ? Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này thiện nam! Trụ gọi là kiêu mạn, do kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn? Từ đâu đến? Vậy nên được gọi là trụ ở vô trụ. Như Lai đoan trừ vĩnh viễn tất cả kiêu mạn thì vì sao nói xin Như Lai trụ? Trụ là pháp hữu vi. Như Lai đã đoan pháp hữu vi, vậy nên chẳng trụ. Trụ là pháp không. Như Lai đã đoan pháp không nên Như Lai đạt được thường, lạc, ngã, tịnh thì vì sao mà nói xin Như Lai trụ? Trụ là hai mươi lăm cõi. Như Lai đã đoan hai mươi lăm cõi thì làm sao mà nói xin Như Lai trụ? Trụ tức là tất cả phạm phu. Các bậc Thánh thì vô khứ, vô lai, vô trụ. Như Lai đã đoan tướng khứ, lai, trụ thì làm sao mà nói rằng trụ? Nói vô trụ là gọi thân vô biên, mà thân vô biên thì làm sao nói xin Như Lai trụ ở rừng Ta-la? Nếu trụ ở rừng này tức là thân có biên. Nếu có biên thì đó là vô thường, mà Như Lai là thường thì sao nói rằng trụ? Phạm vô trụ là gọi hư không. Tánh của Như Lai đồng với hư không thì sao nói rằng trụ? Lại nữa, vô trụ là gọi Tam-muội kim cương, mà Tam-muội kim cương hoại tất cả trụ. Tam-muội kim cương tức là Như Lai thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ tức là huyễn. Như Lai đồng với huyễn thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi vô thủ, vô chung. Tánh của Như Lai vô thủ vô chung thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi pháp giới vô biên, mà pháp giới vô biên tức là Như Lai thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm biết tất cả pháp mà không chấp trước. Do không chấp trước nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Như Lai đầy đủ tánh Thủ-lăng-nghiêm thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi xứ phi xứ lực, mà Như Lai thành tựu xứ phi xứ lực thì sao nói rằng trụ? Lại, vô trụ là gọi Thí Ba-la-mật, mà Thí Ba-la-mật

nếu có trụ thì chẳng đạt đến Trì giới Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật. Do nghĩa này nên Thí Ba-la-mật gọi là vô trụ. Như Lai cho đến chẳng trụ Bát nhã Ba-la-mật thì sao xin Như Lai thường trụ ở rừng cây Ta-la. Lại, vô trụ là gọi tu Bốn niệm xứ. Như Lai nếu trụ ở Bốn niệm xứ thì chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gọi là trụ chẳng trụ. Lại, vô trụ là cõi chúng sinh vô biên. Như Lai đều đến cảnh giới vô biên của tất cả chúng sinh mà không chỗ trụ. Lại, vô trụ là gọi không nhà cửa. Không nhà cửa gọi là không có. Không có thì gọi là vô sinh. Vô sinh thì gọi là vô tử. Vô tử thì gọi là vô tướng. Vô tướng thì gọi là không ràng buộc. Không ràng buộc thì gọi là vô trước. Vô trước thì gọi là vô lậu. Vô lậu tức là thiện. Thiện tức là vô vi. Vô vi tức là thường của Đại Niết-bàn. Thường của Đại Niết-bàn tức là ngã. Ngã tức là tịnh. Tịnh tức là lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh tức là Như Lai. Đây thiện nam! Ví như hư không chẳng trụ ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới. Như Lai cũng vậy, chẳng trụ ở phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn phương bàng, phương trên, phương dưới. Đây thiện nam! Nếu có người nói rằng, thân, miệng, ý ác được quả thiện thì đó là điều không có. Thân, miệng, ý thiện được quả ác thì cũng không có điều đó. Nếu nói, phạm phu thấy được Phật tánh còn Bồ-tát Thập Trụ chẳng thấy được thì cũng không có điều đó. Bọn Nhất-xiển-đề, phạm tội ngũ nghịch, bài báng kinh Phương Đẳng, hủy phạm bốn trọng cấm được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng không có điều đó. Bồ-tát Lục Trụ do nhân duyên phiền não mà rơi vào ba đường ác thì cũng không có điều đó. Đại Bồ-tát dùng ngay thân nữ để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng không có điều đó. Nhất-xiển-đề thường trụ còn Tam bảo vô thường thì cũng không có điều đó. Như Lai trụ ở thành Câu-thi-na thì cũng không có điều đó. Đây thiện nam! Như Lai hôm nay ở thành Câu-thi-na, vào Đại Niết-bàn, hang thiền định sâu mà chúng chẳng thấy nên gọi là Đại Niết-bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Đức Như Lai vì sao mà vào hang thiền định?

–Đây thiện nam! Vì muốn độ thoát các chúng sinh nên đối với người chưa gieo trồng thiện căn khiến cho họ gieo trồng. Kể đã gieo

trông thiện căn thì được tăng trưởng. Kẻ mà quả thiện chưa thành thực thì khiến cho được thành thực. Người đã thành thực thì nói về việc hưởng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kẻ khinh chê pháp thiện thì khiến cho họ sinh lòng tôn quý. Những kẻ phóng dật thì khiến cho họ lìa khỏi phóng dật. Ta vì muốn cùng với Văn-thù-sư-lợi v.v... các đại Hương tượng cùng chung luận nghị, vì muốn giáo hóa người ưa đọc tụng thâm ái thiền định, vì muốn dùng Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh để giáo hóa chúng sinh, vì quan sát pháp tạng thâm diệu bất cộng, vì muốn quả trách đệ tử phóng dật v.v Như Lai thường tịch tĩnh mà còn ưa thiền định hướng gì là bọn các ông phiền não chưa hết mà sinh phóng dật. Ta vì muốn quả trách các Tỳ-kheo ác nhận chứa tám thứ vật bất tịnh và chẳng thiếu dục, chẳng tri túc, vì khiến cho chúng sinh tôn trọng pháp thiền định đã nghe v.v... Do những nhân duyên này nên Ta vào hang thiền định.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Định vô tướng này là gọi Đại Niết-bàn. Vậy nên Niết-bàn gọi là vô tướng. Do nhân duyên gì gọi là vô tướng?

–Này thiện nam! Vì không có mười tướng. Những gì là mười? Đó là tướng sắc, tướng thanh, tướng hương, tướng vị, tướng xúc, tướng sinh, tướng trụ, tướng hoại, tướng nam, tướng nữ. Đó là mười tướng. Không có những tướng như vậy nên gọi là vô tướng. Này thiện nam! Phạm chấp trước tướng nên sinh ra si, do si nên sinh ra ái, do ái nên bị trói buộc, do bị trói buộc nên thọ sinh, do đã sinh nên có chết, do có chết nên vô thường. Nếu chẳng chấp trước tướng thì chẳng sinh ra si, chẳng sinh si thì không có ái, không có ái thì không trói buộc, không trói buộc thì chẳng thọ sinh, chẳng thọ sinh thì không có chết, không có chết thì gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết-bàn gọi là thường.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo nào có thể đoạn được mười tướng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo lúc nào cũng tu tập ba thứ tướng thì đoạn được mười tướng. Lúc nào cũng tu tập tướng Tam-muội định. Lúc nào cũng tu tập tướng trí tuệ. Lúc nào cũng tu tập tướng xả.

Đó gọi là ba tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

– Bạch Thế Tôn! Sao gọi là tướng định, tướng tuệ, tướng xả? Định là Tam-muội. Tất cả chúng sinh đều có Tam-muội thì sao nói rằng, tu tập Tam-muội? Nếu tâm tại một cảnh thì gọi là Tam-muội, nếu thay đổi theo duyên khác thì chẳng gọi là Tam-muội. Như bất định kia chẳng phải Nhất thiết trí, mà chẳng phải Nhất thiết trí thì sao gọi là định? Nếu do một hạnh được Tam-muội thì các hạnh còn lại ấy cũng chẳng phải là Tam-muội. Nếu chẳng phải Tam-muội thì chẳng phải Nhất thiết trí. Nếu chẳng phải Nhất thiết trí thì sao gọi là Tam-muội? Hai tướng tuệ và xả cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

– Này thiện nam! Như lời ông nói, duyên với một cảnh được gọi là Tam-muội, các duyên khác chẳng gọi là Tam-muội thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì duyên khác như vậy cũng một cảnh. Hạnh cũng như vậy. Ông lại nói, chúng sinh có Tam-muội trước, chẳng cần tu hành thì điều này cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì khi nói Tam-muội là gọi Tam-muội thiện mà tất cả chúng sinh thật chưa có thì sao nói rằng, chẳng cần tu tập? Do trụ ở trong Tam-muội thiện như vậy mà quan sát tất cả pháp nên gọi là tướng thiện tuệ. Chẳng thấy tướng khác của Tam-muội và trí tuệ thì đó gọi là tướng xả. Lại nữa, này thiện nam! Nếu chấp lấy tướng sắc, chẳng có thể quán tướng sắc thường hay vô thường, thì đó gọi là Tam-muội. Nếu có thể quan sát tướng sắc thường hay vô thường thì đó gọi là tướng tuệ. Tam-muội và tuệ bình đẳng quán tất cả các pháp thì đó gọi là tướng xả. Này thiện nam! Như người giỏi điều khiển chiếc xe bốn ngựa chậm, nhanh theo ý, vì nhanh chậm theo ý nên gọi là tướng xả. Bồ-tát cũng vậy, nếu Tam-muội nhiều thì tu tập tuệ. Nếu tuệ nhiều thì tu tập Tam-muội. Tam-muội và tuệ bình đẳng thì gọi là xả. Này thiện nam! Bồ-tát Thập Trụ lực trí tuệ nhiều, lực Tam-muội ít, vậy nên chẳng được thấy Phật tánh rõ ràng. Thanh văn, Duyên giác lực Tam-muội nhiều, lực trí tuệ ít. Do nhân duyên này nên chẳng thấy Phật tánh. Chư Phật Thế Tôn thì định và tuệ bình đẳng nên thấy rõ Phật tánh thông suốt không ngăn ngại như xem quả A-ma-lặc trong bàn tay. Thấy Phật tánh gọi là tướng xả.

Xa-ma-tha gọi là năng diệt, hay diệt trừ tất cả phiền não. Lại, Xa-ma-tha gọi là năng điều, hay điều phục việc ác, bất thiện của các căn. Lại, Xa-ma-tha gọi là tịch tĩnh, có thể khiến cho ba nghiệp trở nên tịch tĩnh. Lại, Xa-ma-tha gọi là xa lìa, có thể khiến cho chúng sinh lìa khỏi năm dục. Lại, Xa-ma-tha gọi là năng thanh, có thể làm trong sạch ba pháp trước là tham dục, sân hận và ngu si. Do nghĩa này nên gọi là định tướng. Tỳ-bà-xá-na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, gọi là năng kiến, gọi là biến kiến, gọi là thứ đệ kiến, gọi là biệt tướng kiến. Đó gọi là tuệ. Ưu-tất-xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là bất tranh, lại gọi là bất quán, cũng gọi là bất hành. Đó gọi là xả. Này thiện nam! Xa-ma-tha có hai thứ: một là thế gian, hai là xuất thế gian. Lại có hai thứ: một là thành tựu, hai là chẳng thành tựu. Thành tựu là gọi chư Phật, Bồ-tát; chẳng thành tựu là gọi Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... Lại có ba thứ là hạ, trung, thượng. Hạ là gọi các phàm phu; trung là Thanh văn, Duyên giác; thượng là chư Phật, Bồ-tát. Lại có bốn thứ: một là thoái, hai là trụ, ba là tiến, bốn là có thể đạt lợi ích. Lại có năm thứ, đó là gọi năm trí Tam-muội. Những gì là năm? Một là Tam-muội vô thực, hai là Tam-muội vô quá, ba là Tam-muội thân ý thanh tịnh nhất tâm, bốn là Tam-muội nhân quả đều an lạc, năm là Tam-muội thường niệm. Lại có sáu thứ: một là Tam-muội quán cốt, hai là Tam-muội từ, ba là Tam-muội quán mười hai nhân duyên, bốn là Tam-muội quán hơi thở ra vào, năm là Tam-muội niệm giác quán, sáu là Tam-muội quán sinh diệt. Lại có bảy thứ, đó là bảy giác phần: một là niệm giác phần, hai là trạch pháp giác phần, ba là tinh tấn giác phần, bốn là hỷ giác phần, năm là trừ giác phần, sáu là định giác phần, bảy là xả giác phần. Lại có bảy thứ: một là Tam-muội Tu-đà-hoàn, hai là Tam-muội Tư-đà-hàm, ba là Tam-muội A-na-hàm, bốn là Tam-muội A-la-hán, năm là Tam-muội Phật-bích-chi, sáu là Tam-muội Bồ-tát, bảy là Tam-muội Như Lai giác tri. Lại có tám thứ là tám Tam-muội giải thoát: Một là Tam-muội Nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc giải thoát. Hai là Tam-muội Nội vô sắc tướng ngoại quán sắc giải thoát. Ba là Tam-muội Tịnh giải thoát thân chứng. Bốn là Tam-muội Không xứ giải thoát. Năm là Tam-muội Thức xứ giải thoát. Sáu là Tam-muội Vô sở hữu xứ giải thoát. Bảy là Tam-muội Phi hữu tướng phi vô tướng xứ giải thoát. Tám là

Tam-muội Diệt tận định giải thoát. Lại có chín thứ, đó là chín định thứ lớp: Bốn thiền, Bốn không và Tam-muội diệt tận định. Lại có mười thứ đó là mười Tam-muội Nhất thiết xứ. Những gì là mười? Một là Tam-muội Địa nhất thiết xứ. Hai là Tam-muội Thủy nhất thiết xứ. Ba là Tam-muội Phong nhất thiết xứ. Bốn là Tam-muội Thanh nhất thiết xứ. Năm là Tam-muội Hoàng nhất thiết xứ. Sáu là Tam-muội Xích nhất thiết xứ. Bảy là Tam-muội Bạch nhất thiết xứ. Tám là Tam-muội Không nhất thiết xứ. Chín là Tam-muội Thức nhất thiết xứ. Mười là Tam-muội Vô sở hữu nhất thiết xứ. Lại có vô số thứ đó là Tam-muội của chư Phật, Bồ-tát. Nay thiện nam! Đó gọi là tướng Tam-muội.

Nay thiện nam! Tuệ có hai thứ: một là thế gian, hai là xuất thế gian. Lại có ba thứ: một là Bát nhã, hai là Tỳ-bà-xá-na, ba là Xà-na. Bát nhã là gọi tất cả chúng sinh. Tỳ-bà-xá-na là gọi tất cả Thánh nhân. Xà-na là chư Phật, Bồ-tát. Lại, Bát nhã thì gọi là Biệt tướng. Tỳ-bà-xá-na thì gọi là Tổng tướng. Xà-na thì gọi là Phá tướng. Lại có bốn thứ, đó là quan sát bốn chân đế. Nay thiện nam! Vì ba việc nên tu Xa-ma-tha. Những gì là ba? Một là chẳng phóng dật, hai là trang nghiêm đại trí, ba là được tự tại. Lại nữa, vì ba việc nên tu Tỳ-bà-xá-na. Những gì là ba? Một là vì quan sát quả báo ác của sinh tử. Hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành. Ba là vì phá tất cả các phiền não.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXIX

Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG 5

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như trong kinh nói, nếu tu quán có thể phá phiền não thì vì sao lại tu chỉ?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nói, tu quán phá phiền não thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì khi có trí tuệ thì không phiền não, khi có phiền não thì không trí tuệ thì sao nói tu quán có thể phá phiền não? Này thiện nam! Ví như khi sáng thì không có tối, khi tối thì không có sáng. Nếu có người nói rằng, sáng có thể phá tối thì đó là điều không có. Này thiện nam! Ai có trí tuệ? Ai có phiền não mà nói trí tuệ có thể phá phiền não? Như không có thì không bị phá. Này thiện nam! Nếu nói trí tuệ có thể phá phiền não thì vì đến nên phá hay chẳng đến nên phá. Nếu chẳng vì đến mà phá thì phạm phu chúng sinh đáng lẽ có thể phá. Nếu vì đến nên phá thì ý niệm đầu tiên đáng lẽ phá. Nếu ý niệm đầu tiên chẳng phá thì sau cũng chẳng phá. Nếu mới đến liền phá thì đó là chẳng đến vậy tại sao nói rằng, trí tuệ có thể phá. Nếu nói đến cùng chẳng đến có thể phá thì nghĩa này chẳng đúng. Lại nữa, tu quán phá phiền não là một mình có thể phá hay là cùng bạn bè phá? Nếu một mình có thể phá thì Bồ-tát vì sao tu tám chánh đạo? Nếu cùng bạn bè phá thì nên biết rằng, một mình chẳng thể phá. Nếu một mình chẳng thể thì bạn bè cũng chẳng thể. Như một người mù chẳng thể thấy sắc thì tuy nhiều bạn mù cũng chẳng thể thấy. Tu quán cũng như vậy. Này thiện nam! Như tánh cứng của đất, tánh nóng của lửa, tánh ẩm ướt của nước, tánh chuyển động của gió, mà tánh cứng của đất cho đến tánh động của gió chẳng phải nhân duyên tạo tác mà tánh của chúng tự như

vậy. Như tánh của bốn đại, tánh của phiền não cũng vậy, là tự đoạn. Nếu là đoạn thì sao mà nói rằng, trí tuệ có thể đoạn. Do nghĩa này nên tu quán quyết định chẳng thể phá các phiền não. Đây thiện nam! Như tánh của muối là mặn khiến cho vật khác mặn, mật vốn tánh ngọt khiến cho vật khác ngọt, nước vốn tánh ẩm ướt khiến cho vật khác ẩm ướt, tánh của trí tuệ là diệt nên khiến cho các pháp diệt thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu pháp không diệt thì làm sao trí tuệ có thể cưỡng ép khiến cho diệt được? Nếu nói muối mặn khiến cho vật khác mặn, tuệ diệt cũng vậy, có thể khiến cho pháp khác diệt thì điều này cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì tánh của trí tuệ là từng niệm từng niệm diệt. Nếu từng niệm từng niệm diệt thì sao nói có thể diệt pháp khác. Do nghĩa này nên tánh của trí tuệ chẳng phá phiền não. Đây thiện nam! Tất cả các pháp có hai thứ diệt, một là tánh diệt, hai là rốt ráo diệt. Nếu tánh diệt thì sao nói trí tuệ có thể diệt? Nếu nói trí tuệ có thể diệt phiền não như lửa thiêu đốt vật thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì như lửa thiêu đốt vật thì có để lại tàn lửa. Trí tuệ như vậy đáng lẽ để lại dư tàn. Như búa chặt cây thì chỗ chặt ra có thể thấy. Trí tuệ nếu vậy thì có gì có thể thấy? Tuệ nếu có thể khiến cho phiền não lìa khỏi thì như vậy phiền não đáng lẽ nên hiện bày chỗ khác. Như các ngoại đạo rời khỏi sáu đại thành thì hiện diện ở thành Câu-thi-na. Nếu phiền não đó chẳng hiện nơi chỗ khác thì biết rằng, trí tuệ chẳng thể khiến cho phiền não lìa khỏi. Đây thiện nam! Tánh của tất cả các pháp nếu tự rỗng không thì ai có thể khiến cho sinh ra? Ai có thể khiến cho diệt đi? Sinh khác, diệt khác, không người tạo tác. Đây thiện nam! Nếu tu tập định thì được chánh trí, chánh kiến như vậy. Do nghĩa này nên trong kinh của ta nói, nếu có Tỳ-kheo tu tập định thì có thể thấy tướng sinh diệt của năm ấm. Đây thiện nam! Nếu chẳng tu định thì việc thế gian còn chẳng thể rõ, huống nữa là đối với việc xuất thế. Nếu người không định thì chỗ bằng cũng ngã lặn, tâm duyên pháp khác, miệng tuyên nói lời khác, tai nghe tiếng khác, tâm hiểu nghĩa khác, muốn tạo chữ khác, tay viết văn khác, muốn đi đường khác, thân lặn lội lối khác. Nếu người có tu tập Tam-muội định thì được lợi ích lớn cho đến đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát đầy đủ hai pháp có thể lợi ích lớn:

Một là định, hai là trí. Đây thiện nam! Như cắt cỏ may vôi vãi thì đứt, Đại Bồ-tát tu hai pháp này cũng như vậy. Đây thiện nam! Như nhổ cây cứng trước dùng tay lay động thì sau dễ nhổ lên. Bồ-tát tu định tuệ cũng như vậy, trước dùng định khởi động, sau dùng tuệ nhổ lên. Đây thiện nam! Như giặt áo bẩn, trước dùng nước tro, sau dùng nước trong thì áo sẽ sạch sẽ. Bồ-tát tu định tuệ cũng như vậy. Đây thiện nam! Như trước đọc tụng, sau thì hiểu nghĩa. Bồ-tát tu định tuệ cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như người dùng mảnh, trước dùng giáp đồng, binh khí tự trang bị chắc chắn, sau đó ra trận mới có thể phá tan được giặc oán thù. Bồ-tát tu định tuệ cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như người thợ khéo với cây kềm, chiếc búa đập vào thỏi kim loại, tự tại theo ý nhào nặn nấu chảy. Bồ-tát tu định tuệ cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như tấm gương sáng soi rõ hình dáng của mặt. Bồ-tát tu định tuệ cũng như vậy. Đây thiện nam! Như trước làm bằng phẳng đất rồi sau đó mới xuống giống. Trước theo thầy thọ giáo rồi sau tư duy nghĩa lý, Bồ-tát tu định tuệ cũng như vậy. Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát tu hai pháp này, được ích lợi lớn. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát tu hai pháp này điều phục thân giữ năm căn, gắng nhẫn mọi khổ như là đói khát, nóng lạnh, đánh đập, mạ nhục, sự cắn xé của ác thú, sự chích hút của muỗi mòng v.v... Bồ-tát luôn thân giữ tâm chẳng để cho phóng dật, chẳng vì lợi dưỡng mà làm việc phi pháp, khách trần phiền não chẳng thể làm ô nhiễm, chẳng bị sự mê hoặc của các tà kiến, dị kiến, thường có thể xa lìa các giác quán ác, chẳng bao lâu sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì muốn thành tựu lợi ích cho chúng sinh. Đây thiện nam! Đại Bồ-tát tu hai pháp này thì bốn luồng gió dữ điên đảo chẳng thể thổi động như núi Tu-di tuy bị gió thổi mạnh nhưng chẳng thể làm cho lay động, chẳng bị tà sư ngoại đạo dẹp trừ, như cờ Đế thích chẳng thể di động, mọi thuật tà dị chẳng thể lừa dối mê hoặc, thường thọ an lạc vi diệu đệ nhất, có thể hiểu được nghĩa bí mật sâu xa của Như Lai, hưởng thụ niềm vui chẳng mừng, gặp phải nỗi khổ chẳng buồn, chư Thiên, người đời cung kính khen ngợi, thấy rõ sinh tử và chẳng phải sinh tử, giỏi biết rõ pháp giới và pháp tánh, thân có pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là niềm vui Đại Niết-bàn.

Này thiện nam! Tướng định là Tam-muội Không. Tướng tuệ là

Tam-muội Vô nguyện. Tướng xả là Tam-muội Vô tướng. Đây thiện nam! Nếu có Đại Bồ-tát khéo biết lúc nào định, lúc nào tuệ, lúc nào xả và biết chẳng phải lúc thì đó gọi là Đại Bồ-tát hành đạo Bồ-đề.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch đấng Thiên Trung Thiên! Sao gọi là Bồ-tát biết đúng lúc và chẳng phải lúc?

–Đây thiện nam! Đại Bồ-tát do được thọ lạc mà sinh ra kiêu mạn, hoặc do nói pháp mà sinh ra kiêu mạn, hoặc do tinh cần mà sinh ra kiêu mạn, hoặc lúc hiểu nghĩa khéo hỏi đáp mà sinh ra kiêu mạn, hoặc do gần gũi ác tri thức mà sinh ra kiêu mạn, hoặc do bố thí vật ái trọng của mình mà sinh ra kiêu mạn, hoặc do công đức của pháp thiện thế gian mà sinh ra kiêu mạn, hoặc do sự cung kính của người giàu sang ở thế gian mà sinh ra kiêu mạn thì phải biết những lúc như vậy chẳng nên tu trí mà phải nên tu định. Đó gọi là Bồ-tát biết thời và phi thời. Như có Bồ-tát siêng tu tinh tấn chưa được lợi ích an lạc của Niết-bàn, rồi do chẳng được nên sinh tâm hối tiếc, do độn căn nên chẳng thể điều phục năm tình, các căn, do thế lực của các phiền não cấu uế mạnh mẽ nên tự nghi ngờ giới luật có suy tổn thì phải biết những lúc như vậy chẳng nên tu định mà phải nên tu trí. Đó gọi là Bồ-tát biết thời và phi thời. Đây thiện nam! Nếu có Bồ-tát mà hai pháp định tuệ chẳng bình đẳng thì phải biết lúc ấy chẳng nên tu xả, còn hai pháp nếu bình đẳng thì nên tu. Đó gọi là Bồ-tát biết thời và phi thời. Đây thiện nam! Nếu có Bồ-tát tu định tuệ mà khởi lên phiền não thì phải biết lúc ấy chẳng nên tu xả, cần nên đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiện, niệm Xả. Đó gọi là tu xả. Đây thiện nam! Nếu có Bồ-tát tu tập ba pháp tướng như vậy thì do nhân duyên này mà được Niết-bàn vô tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Không có mười tướng nên gọi Đại Niết-bàn là vô tướng, vậy do nhân duyên gì mà gọi là vô sinh, vô xuất, vô tác, nhà cửa, đất liền, quy y, yên ổn, diệt độ, Niết-bàn, tịch tĩnh, không có các bệnh khổ, không sở hữu?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Không có nhân duyên nên gọi là vô sinh. Do vô

vi nên gọi là vô xuất. Không tạo nghiệp nên gọi là vô tác. Chẳng vào năm kiến nên gọi là nhà cửa. Lìa khỏi bốn dòng nước dữ nên gọi là đất liền. Điều phục chúng sinh nên gọi là quy y. Phá hoại giặc kiết sử nên gọi là yên ổn. Các lửa kiết diệt nên gọi là diệt độ. Lìa khỏi giác quán nên gọi là Niết-bàn. Xa nơi rối loạn ồn ào nên gọi là tịch tĩnh. Đoạn vĩnh viễn việc phải chết nên gọi là không có các bệnh khổ. Tất cả không nên gọi là không sở hữu. Đây thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát khi khởi sự quan sát này liền được thấy rõ Phật tánh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

– Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp thì có thể thấy được Niết-bàn vô tướng cho đến không sở hữu như vậy?

Đức Phật dạy:

– Đây thiện nam! Đại Bồ-tát thành tựu mười pháp thì có thể thấy rõ Niết-bàn vô tướng cho đến không sở hữu. Những gì là mười?

Một là lòng tin đầy đủ. Sao gọi là lòng tin đầy đủ? Tin sâu xa Phật, Pháp, Tăng là thường, chư Phật mười phương phương tiện thị hiện, tất cả chúng sinh và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh. Chẳng tin: Như Lai sinh, già, bệnh, chết và tu khổ hạnh, Đề-bà-đạt-đa đứng là người phá Tăng, làm chảy máu thân Phật, Như Lai rớt ráo vào Niết-bàn, chánh pháp diệt tận. Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ tín tâm.

Hai là đầy đủ giới thanh tịnh. Sao gọi là đầy đủ giới thanh tịnh? Đây thiện nam! Nếu có Bồ-tát tự nói là trì giới thanh tịnh, tuy chẳng cùng người nữ kia giao hợp nhưng khi gặp người nữ thì cùng nói cười đùa giỡn thì Bồ-tát như vậy là tạo nên pháp dục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới nhiễm ô, chẳng được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói là trì giới thanh tịnh, tuy chẳng cùng người nữ kia giao hợp, nói cười đùa giỡn, nhưng ở ngoài tường vách, vẫn nghe đủ những tiếng va chạm của chuỗi ngọc, vòng xuyên của người nữ mà lòng sinh ái nhiễm thì Bồ-tát như vậy là tạo nên pháp dục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới nhiễm ô, chẳng được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói là trì giới thanh tịnh, tuy lại chẳng cùng với nữ nhân giao hợp, nói cười đùa giỡn và nghe âm thanh đồ trang sức ấy, nhưng khi thấy người con trai theo đuổi người con gái hay khi thấy người con gái theo đuổi người con trai liền

sinh ra tham đắm thì Bồ-tát như vậy là tạo nên pháp dục, hủy phá giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới bị ô nhiễm, chẳng được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Lại có Bồ-tát tự nói là trì giới thanh tịnh, tuy lại chẳng cùng nữ nhân giao hợp, nói cười đùa giỡn và nghe âm thanh đồ trang sức, thấy nam nữ theo nhau mà không đắm nhiễm, nhưng vì muốn sinh lên trời hưởng thụ niềm vui năm dục thì Bồ-tát như vậy là tạo nên pháp dục, hủy phá giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh khiến cho giới bị ô nhiễm, chẳng được gọi là đầy đủ giới thanh tịnh. Nay thiện nam! Nếu có Bồ-tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì giới, chẳng vì Giới Ba-la-mật, chẳng vì chúng sinh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Bồ-đề, chẳng vì Niết-bàn, chẳng vì Thanh văn, Phật-bích-chi mà chỉ vì tối thượng đệ nhất nghĩa nên hộ trì giới cấm thì Nay thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ giới thanh tịnh.

Ba là thân cận các thiện tri thức. Thiện tri thức là, nếu có người có thể nói về tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ khiến cho người thọ nhận, tu hành thì đó gọi là Bồ-tát thiện tri thức.

Bốn là ưa thích tịch tĩnh. Tịch tĩnh là thân tâm tịch tĩnh. Quan sát pháp giới sâu xa của các pháp thì đó gọi là tịch tĩnh.

Năm là tinh tấn. Tinh tấn là hết lòng quan sát bốn Thánh đế, giả sử lửa cháy trên đầu cũng nhất định chẳng buông bỏ. Đó gọi là tinh tấn.

Sáu là niệm đầy đủ. Niệm đầy đủ là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Thiên, niệm Xả. Đó gọi là niệm đầy đủ.

Bảy là lời nói dịu dàng. Lời nói dịu dàng là lời nói chân thật, lời nói tốt đẹp, lời nói có ý thăm hỏi, lời nói chân chánh. Đó gọi là lời nói dịu dàng.

Tám là hộ pháp. Hộ pháp là sự yêu thích chánh pháp, thường ưa diễn nói, đọc tụng, ghi chép, suy nghĩ về ý nghĩa của pháp ấy, tuyên dương phô bày rộng rãi khiến cho pháp ấy được lưu hành. Nếu thấy có người ghi chép, đọc tụng, khen ngợi, suy nghĩ về kinh ấy mà có nhu cầu về vật dụng cho đời sống thì cúng dường cho họ những thứ như là y phục, thức ăn, thức uống, đồ nằm, y dục, vì hộ pháp nên chẳng tiếc thân mạng. Đó gọi là hộ pháp.

Chín là Đại Bồ-tát thấy có người đồng học, người đồng giới có sự thiếu thốn thì đi theo người khác xin bát nung, áo nhuộm, thuốc men, y

phục, thức ăn, thức uống, đồ nằm, phòng nhà, những thứ cần dùng mà cung cấp cho họ.

Mười là đầy đủ trí tuệ. Trí tuệ là sự quan sát Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, quan sát được hai tướng của pháp như là không hay chẳng không, thường hay vô thường, lạc hay vô lạc, ngã hay vô ngã, tịnh hay bất tịnh, pháp khác có thể đoạn, pháp khác chẳng thể đoạn, pháp khác từ duyên sinh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên quả, pháp khác chẳng phải từ duyên quả. Đó gọi là đầy đủ trí tuệ. Này thiện nam! Đó gọi là Bồ-tát đầy đủ mười pháp, liền có thể thấy rõ Niết-bàn vô tướng.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật trước đã bảo Thuần-đà, ông nay đã được thấy Phật tánh, được Đại Niết-bàn, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nghĩa này như thế nào? Thưa Thế Tôn! Như trong kinh nói, nếu bố thí cho súc sinh thì được phước báo gấp trăm lần. Bố thí cho Nhất-xiển-đề được phước báo gấp ngàn lần. Bố thí cho người trì giới thì phước báo gấp trăm ngàn lần. Nếu bố thí cho kẻ ngoại đạo đoạn trừ phiền não thì được phước báo không lường. Bố thí cho bốn bậc đạo hướng và cả bốn quả đến Phật-bích-chi được phước báo không lường. Bố thí cho hàng Bồ-tát bất thoái và các Đại Bồ-tát tối hậu thân, Như Lai Thế Tôn thì được phước báo vô lượng vô biên, chẳng thể xưng kể, chẳng thể nghĩ bàn. Đại sĩ Thuần-đà nếu thọ phước báo vô lượng như vậy mà phước báo đó vô tận thì khi nào ông sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói, nếu người trọng tâm tạo nghiệp thiện hoặc ác thì nhất định thọ quả báo, hoặc đời này thọ, hoặc đời kế thọ, hoặc đời sau thọ. Ông Thuần-đà trọng tâm tạo tác nghiệp thiện thì phải biết nghiệp này nhất định thọ báo. Nếu nhất định thọ báo thì làm sao thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Làm sao lại thấy được Phật tánh? Thưa Thế Tôn! Trong kinh lại nói, bố thí ba hạng người được quả báo vô tận, một là người bệnh, hai là cha mẹ, ba là Như Lai. Thưa Thế Tôn! Trong kinh lại nói, Phật bảo Tôn giả A-nan là tất cả chúng sinh nếu như họ không có nghiệp nơi cõi Dục thì liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghiệp cõi Sắc và cõi Vô sắc cũng như vậy. Bạch Thế Tôn! Như câu

kệ pháp nói:

*Chẳng phải trong không dưới biển
Chẳng phải vào trong núi đá
Không có ở địa phương nào
Mà thoát khỏi chẳng thọ nghiệp.*

Lại, ông A-ni-lâu-đà nói: “Bạch Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa nhờ thí một bữa ăn mà trong tám vạn kiếp chẳng rơi vào ba đường ác. Thưa Thế Tôn! BỐ thí một bữa ăn còn được quả báo như thế, huống gì là Thuần-đà tín tâm cúng dường Đức Phật, thành tựu đầy đủ Thí Ba-la-mật? Bạch Thế Tôn! Nếu quả báo thiện chẳng thể tận thì bài bán kinh Phương Đẳng, phạm tội ngũ nghịch, hủy phạm bốn trọng cấm, tội Nhất-xiển-đề làm sao có thể tận? Nếu không thể tận thì làm sao có thể thấy được Phật tánh, thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?”.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam! Chỉ có hai hạng người được vô lượng vô biên công đức chẳng thể xưng kể, chẳng thể tuyên nói, có thể làm cạn kiệt dòng sông cuồng bạo sinh tử, hàng phục ma oán địch, xô ngã cờ ma, có thể chuyển pháp luân vô thượng của Như Lai: Một là người giỏi hỏi, hai là người giỏi trả lời. Nay thiện nam! Trong mười lực của Đức Phật thì nghiệp lực là sâu nhất. Nay thiện nam! Có các chúng sinh đối với nghiệp duyên, lòng khinh dễ chẳng tin, vì hóa độ họ nên Ta nói lời như vậy. Nay thiện nam! Tất cả nghiệp tạo tác có khinh, có trọng. Hai nghiệp trọng và khinh lại đều có hai, một là quyết định, hai là chẳng quyết định. Nay thiện nam! Hoặc có người nói nghiệp ác không có quả. Hoặc có người nói, nghiệp ác nhất định có quả. Vậy thì sao Chiên-đà-la khí hư mà được sinh lên trời và Ương-quật-ma-la được quả giải thoát? Do nghĩa này nên phải biết là, tạo tác nghiệp có định thì được quả, chẳng định cũng được quả. Ta vì đoạn trừ tà kiến như vậy nên ở trong kinh nói lời như vậy, tất cả mọi tác nghiệp đều có quả báo. Nay thiện nam! Hoặc có nghiệp nặng có thể được làm thành nhẹ. Hoặc có nghiệp nhẹ có thể được làm thành nặng. Chẳng phải tất cả mọi người chỉ có ngu và trí. Vậy phải biết là chẳng phải tất cả nghiệp đều nhất định có quả báo. Tuy nhiên chẳng nhất định có quả nhưng chẳng phải chẳng có. Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh phàm

có hai hạng, một là người trí, hai là người ngu. Người có trí do lực của trí tuệ nên có thể khiến cho nghiệp rất nặng ở địa ngục ở hiện thế thọ nhẹ. Người ngu si làm cho nghiệp nhẹ hiện thế phải thọ nặng ở địa ngục.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy thì chẳng nên cầu phạm hạnh thanh tịnh và quả giải thoát?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu tất cả nghiệp nhất định có quả thì chẳng nên cầu phạm hạnh giải thoát. Do chẳng định thì tu phạm hạnh và quả giải thoát. Này thiện nam! Nếu có thể xa lìa tất cả nghiệp ác thì được quả thiện. Nếu xa nghiệp thiện thì bị quả ác. Nếu tất cả nghiệp nhất định có quả thì chẳng nên cầu tu tập Thánh đạo. Nếu chẳng tu Thánh đạo thì không giải thoát. Tất cả Thánh nhân sở dĩ tu đạo là vì hoại nghiệp định, được quả báo nhẹ, nghiệp bất định không quả báo. Nếu tất cả nghiệp định được báo thì chẳng nên cầu tu tập Thánh đạo. Nếu người xa lìa tu tập Thánh đạo được giải thoát thì đó là điều không có. Chẳng được giải thoát mà được Niết-bàn thì cũng không có điều đó. Này thiện nam! Nếu tất cả nghiệp nhất định có quả thì việc làm cả đời thuần là nghiệp thiện, đáng lẽ vĩnh viễn phải thọ an lạc. Cả đời tạo nghiệp ác rất nặng đáng lẽ cũng phải vĩnh viễn thọ khổ não lớn. Nghiệp quả nếu vậy thì không tu đạo giải thoát Niết-bàn. Người làm người thọ, Bà-la-môn làm Bà-la-môn thọ. Nếu như vậy thì chẳng nên có dòng họ hạ đẳng. Nếu hạ đẳng có thì nên luôn là người hạ đẳng. Bà-la-môn nên luôn là Bà-la-môn, lúc nhỏ tạo nghiệp nên lúc nhỏ chịu quả báo, chẳng đến lúc trung niên, lúc già mới chịu quả báo. Lúc già tạo tác nghiệp ác, sinh vào trong địa ngục thì thân đầu tiên ở địa ngục, chẳng nên thọ báo liền mà nên đợi khi già rồi sau đó mới thọ. Nếu khi già chẳng giết hại thì chẳng nên lúc tráng niên được sống lâu. Nếu không sống được thời trẻ thì làm sao đến già để nghiệp không mất? Nếu nghiệp không mất thì làm sao mà tu đạo Niết-bàn? Này thiện nam! Nghiệp có hai thứ: định và bất định. Nghiệp định có hai, một là báo định, hai là thời định. Hoặc có báo định mà thời chẳng định, duyên hòa hợp thì thọ. Hoặc ba thời thọ đó là hiện thọ, sinh thọ và hậu thọ.

Này thiện nam! Nếu định tâm tạo nghiệp thiện, ác v.v... tạo tác rồi sinh lòng tin sâu sắc vui mừng và nếu phát lên thệ nguyện cúng dường Tam bảo thì đó gọi là nghiệp định. Này thiện nam! Người trí thì thiện căn sâu bền khó chuyển động. Vậy nên họ có thể khiến cho nghiệp nặng thành nhẹ. Kẻ ngu si thì căn bất thiện sâu dày nên có thể khiến cho nghiệp nhẹ trở thành quả báo nặng. Do nghĩa này nên tất cả các nghiệp chẳng gọi là quyết định. Đại Bồ-tát không có nghiệp địa ngục nhưng vì chúng sinh nên phát đại thệ nguyện sinh vào trong địa ngục.

Này thiện nam! Thuở xưa, lúc chúng sinh sống lâu trăm tuổi thì hằng hà sa số chúng sinh thọ quả báo địa ngục. Ta thấy thế rồi liền phát đại thệ nguyện, thọ thân địa ngục. Bồ-tát bấy giờ thật không có nghiệp đó, vì chúng sinh nên thọ quả địa ngục. Lúc ấy Ta ở trong địa ngục trải qua vô lượng năm, vì các tội nhân rộng mở, phân biệt Mười hai bộ loại kinh điển. Mọi người nghe rồi, hủy hoại quả báo ác khiến cho địa ngục trống không, trừ bọn Nhất-xiển-đề. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Lại nữa, này thiện nam! Trong Hiền kiếp này, có vô lượng chúng sinh rơi vào trong loài súc sinh thọ quả báo của nghiệp ác. Ta thấy thế rồi lại phát thệ nguyện, vì muốn nói pháp độ chúng sinh, hoặc làm thân hươu nai, gấu, bò câu, vượn, rồng, rắn, chim cánh vàng, cá, rùa, chồn, thỏ, bò, ngựa. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có nghiệp ác súc sinh như vậy nhưng do lực đại nguyện, vì chúng sinh nên thị hiện thọ những thân này. Đó gọi là đại Bồ chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Lại nữa, này thiện nam! Trong Hiền kiếp này, lại có vô lượng vô biên chúng sinh trong loài ngựa quý, hoặc ăn nuốt, ói ra, mỡ, thịt, máu mủ, đồ đại tiểu tiện, mũi dãi v.v... sống lâu không lường, hàng trăm ngàn vạn năm mà chưa từng nghe đến danh từ nước uống, huống lại là tận mắt nhìn thấy và được uống. Giả sử từ xa thấy nước, sinh tâm đi đến thì đến nơi nước biến thành lửa mạnh và mủ máu. Hoặc khi chẳng biến đổi thì có nhiều người tay cầm mâu, kích ngăn giữ, tóm bắt khiến cho chúng chẳng đi tới trước được. Hoặc khi trời tuôn mưa thì nước mưa đến thân chúng hóa thành lửa. Đó gọi là quả báo của nghiệp ác. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có các quả báo của nghiệp ác như vậy, nhưng vì giáo hóa chúng sinh khiến cho họ được giải thoát

nên phát thệ nguyện thọ thân như vậy. Đó gọi là đại Bồ chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Lại nữa, này thiện nam! Ta ở Hiền kiếp, sinh vào nhà giết mổ, nuôi chứa gà, heo, bò, dê, làm người săn bắn, làm ngư phủ đánh cá, sinh vào nhà Chiên-đà-la làm giặc, trộm cướp v.v... Bồ-tát thật không làm những nghiệp ác như vậy, nhưng vì độ chúng sinh khiến cho họ được giải thoát, dùng lực đại nguyện mà thọ thân như vậy. Đó gọi là đại Bồ-tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Lại nữa, này thiện nam! Trong Hiền kiếp này, Ta lại sinh ra ở vùng biên địa, tạo tác nhiều tham dục, sân hận, ngu si, quen làm việc phi pháp, chẳng tin Tam bảo, quả báo đời sau, chẳng cung kính cha mẹ, người già, kỳ cựu, trưởng túc v.v... Này thiện nam! Bồ-tát, lúc ấy thật không có những nghiệp này, nhưng vì khiến cho chúng sinh được giải thoát nên dùng lực đại nguyện mà sinh ra trong chỗ ấy. Đó gọi là đại Bồ-tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Lại nữa, này thiện nam! Trong Hiền kiếp này, Ta lại thọ thân nữ, thân ác, thân tham, thân si, thân ganh ghét, thân keo kiệt, thân huyễn hóa, thân lừa dối, thân trói buộc v.v... Này thiện nam! Lúc ấy Bồ-tát cũng không có những nghiệp này mà chỉ vì làm cho chúng sinh được giải thoát nên dùng lực đại nguyện để sinh ra những thân ấy. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Lại nữa, này thiện nam! Ở Hiền kiếp ta thọ thân huỳnh môn, không căn, hai căn và căn chẳng định. Này thiện nam! Đại Bồ-tát thật không có các nghiệp thân ác như vậy, nhưng vì khiến cho chúng sinh được giải thoát nên dùng lực đại nguyện mà sinh trong thân ấy. Đó gọi là đại Bồ-tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này. Lại nữa, này thiện nam! Ở Hiền kiếp, Ta lại tu tập pháp của ngoại đạo Ni-kiền-tử, tín thọ pháp ấy: không bố thí, không cúng tế, không quả báo bố thí cúng tế, không nghiệp thiện ác, không quả báo thiện ác, không đời hiện tại và vị lai, không đây không đó, không có Thánh nhân, không thân biến hóa, không đạo Niết-bàn v.v... Này thiện nam! Bồ-tát thật không có những nghiệp ác như vậy, chỉ vì khiến cho chúng sinh được giải thoát nên dùng lực đại nguyện để thọ những pháp tà này. Đó gọi là đại Bồ-tát chẳng phải hiện thọ, sinh thọ, hậu thọ nghiệp ác này.

Này thiện nam! Ta nhớ thuở xưa, cùng với Đề-bà-đạt-đa đều làm

thương chủ, mỗi người đều có năm trăm người theo buôn bán, vì tài lợi nên đi vào trong biển tìm châu báu. Do nghiệp duyên ác nên trên đường đi gặp phải gió dữ phá tan thuyền bè, bạn buôn chết hết. Bấy giờ, Ta cùng với Đề-bà-đạt-đa nhờ quả báo chẳng giết hại nên sống lâu, được gió thổi đưa đến đất liền. Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa tham tiếc của báu, sinh ưu khổ lớn, lên tiếng gào khóc. Ta nói: “Này Đề-bà-đạt-đa! Chẳng nên gào khóc!”. Đề-bà-đạt-đa liền nói với Ta: “Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ví như có người nghèo cùng khốn khổ đi đến vùng nghĩa địa, tay nắm lấy cây chết mà nói lời này: “Xin người hôm nay cho ta niềm vui của sự chết thì ta sẽ cho người mạng sống hẳn cùng”. Bấy giờ cây chết liền ngỗi dậy nói với người nghèo: “Này thiện nam! Mạng sống hẳn cùng người hãy tự nhận lấy đi. Ta nay rất thích niềm vui của sự chết như vậy, thật chẳng thích đời sống nghèo cùng như người”. Còn tôi hôm nay đã không có niềm vui của sự chết lại thêm thêm hẳn cùng thì làm sao mà chẳng gào khóc được?”. Ta lại an ủi dỗ dành: “Người chớ buồn, nay tôi có hai viên ngọc giá trị vô số sẽ chia cho ông một viên”. Ta liền chia cho Đề-bà-đạt-đa và nói với ông ta: “Người còn mạng sống thì có thể có được báu này. Như những người không còn mạng sống thì ai có thể có được?”. Khi ấy Ta mệt mỏi lắm, đi đến dưới một cây nằm ngủ. Lòng tham của Đề-bà-đạt-đa bùng phát, vì viên ngọc còn lại liền sinh tâm ác, đâm mù mắt Ta, cướp đoạt viên ngọc. Lúc này Ta đau đớn phát ra tiếng rên, có một người con gái đi đến chỗ Ta và hỏi: “Ông vì sao mà rên rỉ như vậy?”. Ta liền đem việc của mình nói cho người con gái ấy. Người con gái nghe rồi lại hỏi Ta: “Ông tên là gì?”. Ta liền đáp: “Tên là Thật Ngữ!”. Người con gái nói: “Làm sao biết ông là Thật Ngữ?”. Ta liền lập lời thề: “Nếu Ta nay đối với Đề-bà-đạt-đa có tâm ác thì mắt Ta vĩnh viễn bị mù lòa như vậy. Như tâm ác ấy không có thì mắt được sáng trở lại”. Ta nói rồi thì mắt ấy bình phục như cũ. Này thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát nói quả báo đời hiện tại. Này thiện nam! Ta nhớ, thuở xưa, sinh vào nhà Bà-la-môn tại thành Phú-đan-na ở Nam Thiên Trúc. Lúc đó có vị vua tên là Ca-la-phú. Tánh vua bạo ác, kiêu mạn, tự đại, tuổi trẻ, tham đắm năm dục. Lúc ấy Ta vì độ chúng sinh, ở bên ngoài thành đó mà yên lặng thiền tư. Bấy giờ, vào vào mùa xuân cây cối trở hoa, vị vua đó cùng với quyến

thuộc, cung nhân, thể nữ ra khỏi thành du ngoạn, ở dưới rừng cây, vui hưởng năm dục. Các thể nữ bỏ vua đi chơi, đến chỗ của Ta. Ta vì muốn họ đoạn trừ tham dục nên đã nói pháp cho họ. Khi ấy, vị vua tìm đến thấy Ta tức thời sinh tâm ác hỏi Ta: “Ông nay đã đắc quả A-la-hán rồi chăng?”. Ta nói: “Chẳng được!”. Vua lại nói: “Đạt được quả Bất hoàn rồi chăng?”. Ta nói: “Chẳng được!”. Vua lại nói: “Ông nay nếu chưa được hai quả này tức là còn đầy đủ tham dục phiền não thì sao buông tâm ngắm nhìn thể nữ của ta?”. Ta liền đáp: “Thưa đại vương! Đại vương phải biết, tôi nay tuy chưa đoạn tham dục nhưng nội tâm của tôi thật không tham đắm”. Vua nói: “Người ngu si kia! Trên đời có các tiên nhân uống hơi, ăn trái mà thấy sắc còn tham, huống gì là ông tuổi trẻ, chưa đoạn dứt tham dục thì làm sao thấy sắc mà chẳng tham đắm?”. Ta nói: “Thưa đại vương! Thấy sắc chẳng tham đắm thật ra chẳng nhờ vào việc uống hơi, ăn trái mà đều do buộc tâm vào vô thường, bất tịnh”. Vị vua nói: “Nếu có tâm khinh chê người khác mà sinh ra bài báng thì làm sao được gọi là tu trì tịnh giới?”. Ta nói: “Thưa đại vương! Nếu có lòng ganh ghét thì có bài báng. Tôi không có lòng ganh ghét thì làm sao nói bài báng?”. Vị vua nói: “Này Đại đức! Sao gọi là giới?”. “Thưa đại vương! Nhẫn gọi là giới”. Vua nói: “Nếu nhẫn là giới thì ta sẽ cắt tai của ông. Nếu ông có thể nhẫn thì biết là ông trì giới”. Vua liền cắt tai của Ta. Ta bị cắt tai mà nhan sắc chẳng biến đổi. Quần thần của vua thấy việc này rồi, liền can vua: “Vị Đại sĩ như vậy chẳng nên hại”. Vua bảo các bề tôi: “Các khanh làm sao biết là Đại sĩ?”. Các bề tôi đáp: “Thấy người này khi thọ khổ mà sắc mặt chẳng biến đổi”. Vua lại nói: “Ta sẽ lại thử thách để biết có biến đổi hay không biến đổi”. Vua liền cho cắt mũi Ta, chặt tay chân Ta. Bấy giờ Bồ-tát vì đã ở trong vô lượng vô biên đời, tu tập từ bi thương xót chúng sinh khổ nên không sân giận. Khi đó, Tứ thiên vương nổi giận, mưa xuống cát, sỏi, đá. Vua thấy thế rồi, lòng rất kinh sợ, lại đến chỗ của Ta quỳ dài nói: “Cúi xin Ngài thương xót cho tôi sám hối”. Ta nói: “Thưa đại vương! Lòng Ta không sân cũng như không tham”. Vua nói: “Thưa Đại đức! Làm sao biết được lòng Ngài không sân hận?”. Ta liền lập thệ nguyện: “Ta nếu chân thật không sân hận thì khiến cho thân này của Ta bình phục như cũ”. Phát nguyện xong, thân Ta liền bình

phục. Đó gọi là Đại Bồ-tát nói hiện thế báo.

Này thiện nam! Sinh báo, hậu báo của nghiệp thiện và nghiệp bất thiện cũng như vậy. Khi Đại Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả các nghiệp đều được hiện báo. Nghiệp ác bất thiện bị hiện báo như vị vua làm ác bị trời tuôn mưa dữ, cũng như có người chỉ cho thợ săn chỗ của gấu và nai sặc bấu thì tay hắn bị rơi rụng. Đó gọi là quả báo hiện thọ của nghiệp ác. Sinh báo thì như Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng cấm và tội ngũ nghịch. Hậu báo thì như người trì giới phát thệ nguyện sâu sắc: “Nguyện đời vị lai luôn được giới thân thanh tịnh như vậy. Nếu có chúng sinh lúc thọ trăm năm, lúc thọ tám mươi năm thì nguyện ở trong họ làm Chuyển luân Thánh vương để giáo hóa chúng sinh.

Này thiện nam! Nếu nghiệp nhất định thọ quả báo hiện thế thì chẳng thể thọ sinh báo và hậu báo. Đại Bồ-tát tu nghiệp của ba mươi hai tướng đại nhân thì chẳng thể thọ báo hiện thế. Nếu nghiệp chẳng thọ ba thứ báo thì chẳng tu tập được phạm hạnh, giải thoát, Niết-bàn. Ông phải biết người này chẳng phải đệ tử của Ta, chính là quyến thuộc của ma. Nếu nói các nghiệp có định và bất định, định thì hiện báo, sinh báo, hậu báo, bất định thì duyên hòa hợp thì thọ, chẳng hòa hợp thì chẳng thọ, do nghĩa này nên có phạm hạnh, giải thoát, Niết-bàn, thì ông phải biết người này là đệ tử chân chính của Ta, chẳng phải quyến thuộc của ma. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh, nghiệp bất định thì nhiều, nghiệp định thì ít. Do nghĩa này nên có sự tu tập đạo. Có tu tập đạo nên nghiệp nặng quyết định có thể khiến cho thọ báo nhẹ, nghiệp bất định chẳng phải thọ sinh báo.

Này thiện nam! Có hai hạng người: Một là quả báo bất định tạo thành quả báo nhất định, hiện báo tạo thành sinh báo, quả báo nhẹ tạo thành quả báo nặng, đáng nên thọ báo trong loài người thì thọ tại địa ngục. Hai là quả báo nhất định tạo thành bất định, sinh thọ thì trở lại là hiện thọ, quả báo nặng tạo thành quả báo nhẹ, đáng lẽ thọ báo tại địa ngục thì thọ báo nhẹ trong loài người. Hai hạng người như vậy, một là ngu, hai là trí. Người trí thì làm cho nhẹ báo đi, người ngu thì khiến cho báo nặng thêm. Này thiện nam! Ví như hai người có tội đối với vua. Người quyến thuộc nhiều thì tội sẽ nhẹ, kẻ quyến thuộc ít thì tội đáng

nhẹ lại thành nặng. Kẻ ngu, người trí cũng như vậy. Người trí nghiệp thiện nhiều nên nghiệp nặng thì thọ báo nhẹ. Kẻ ngu nghiệp thiện ít nên nghiệp nhẹ thì thọ báo nặng. Đây thiện nam! Ví như hai người, một người thì mập mạnh, một người thì gầy yếu. Họ đều chìm vào bùn sâu thì người mập mạnh có thể ra khỏi, còn người gầy yếu thì chìm mất. Đây thiện nam! Ví như hai người đều uống phải thuốc độc mà một người có chú lực và thuốc A-dà-đà, một người thì không có. Người có chú và thuốc thì độc chẳng thể làm thương tổn. Người không có chú và thuốc thì khi uống liền chết. Đây thiện nam! Ví như hai người đều uống nhiều nước mà một người hỏa thể thịnh, một người yếu ớt. Người hỏa thể nhiều thì có thể tiêu hóa, người hỏa thể yếu thì bị bệnh hoạn. Đây thiện nam! Ví như hai người bị vua trói, một người có trí tuệ, một người ngu si. Người có trí thì có thể giải thoát, người ngu si thì không hạn kỳ thoát khỏi. Đây thiện nam! Ví như hai người đều lặn lội trên con đường hiểm trở mà một người thì sáng mắt còn một người thì mù lòa. Người mắt sáng đi thẳng qua không có hoạn nạn, còn người mù lòa thì rơi xuống hầm sâu nguy hiểm. Đây thiện nam! Ví như hai người đều cùng uống rượu mà một người uống được nhiều rượu, còn một người thì uống được ít rượu. Người uống được nhiều thì khi uống không hại gì, còn kẻ uống được ít thì khi uống thành bệnh hoạn. Đây thiện nam! Ví như hai người ra trận đánh địch mà một người thì trang bị đầy đủ áo giáp, binh khí, còn một người thì thân trần không trang bị gì cả. Người có binh khí thì có thể phá tan oán địch, còn người thân trần thì chẳng thể tự tránh khỏi họa. Lại có hai người quần áo dính phân dơ bẩn mà một người biết liền giặt, một người biết nhưng chẳng giặt. Người giặt thì quần áo sạch sẽ, còn người chẳng giặt thì cấu bẩn mỗi ngày một thêm. Lại có hai người đều cùng đi bằng xe mà một người xe có trục có nan hoa, còn một người thì xe không trục không nan hoa. Người đi xe có trục có nan hoa thì theo ý mà đi, còn người đi xe không trục không nan hoa thì chẳng rời khỏi chỗ. Lại có hai người cùng đi trên con đường trống vắng mà một người có lương thực, còn một người thì đi không. Người có lương thực thì qua được hiểm nghèo, còn người đi không thì chẳng thể qua khỏi. Lại có hai người bị giặc cướp mà một người có kho báu còn một người thì không có kho báu. Người có kho

báu lòng không lo buồn, còn người không có kho báu thì lòng sâu não. Kẻ ngu, người trí cũng như vậy, người có kho báu thiện thì nghiệp nặng được thọ báo nhẹ, người không có kho báu thiện thì nghiệp nhẹ phải thọ báo nặng.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, chẳng phải tất cả nghiệp đều có quả báo nhất định, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh đều nhất định thọ báo. Bạch Thế Tôn! Vì sao chúng sinh khiến cho quả báo nhẹ đời hiện tại phải thọ nặng ở địa ngục? Quả báo nặng ở địa ngục được thọ nhẹ ở đời hiện tại?

Đức Phật dạy:

–Tất cả chúng sinh thường có hai hạng, một là có trí, hai là ngu si. Nếu người có thể tu tập thân giới, tâm tuệ thì đó gọi là người trí. Nếu kẻ chẳng thể tu tập thân giới, tâm tuệ thì đó gọi là kẻ ngu si. Sao gọi là chẳng tu thân? Nếu chẳng thể thâm giữ năm tình, các căn thì gọi là chẳng tu thân, chẳng thể thọ trì bảy thứ tịnh giới thì gọi là chẳng tu giới, chẳng điều phục tâm thì gọi là chẳng tu tâm, chẳng tu Thánh hạnh thì gọi là chẳng tu tuệ. Lại nữa, chẳng tu thân là chẳng thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Chẳng tu giới là nhận chứa tám thứ vật bất tịnh. Chẳng tu tâm là chẳng thể tu tập ba thứ tướng. Chẳng tu tuệ là chẳng tu phạm hạnh. Lại nữa, chẳng tu thân là chẳng thể quan sát thân, chẳng thể quan sát sắc và quan sát tướng của sắc, chẳng quan sát tướng của thân, chẳng biết sở hữu của thân, chẳng biết thân này từ đây đến đó, đối với cái chẳng phải thân mà sinh tướng thân, đối với cái chẳng phải sắc mà khởi tướng sắc. Vậy nên tham đắm thân và sở hữu của thân. Đó gọi là chẳng tu thân. Chẳng tu giới là, nếu thọ giới bậc thấp thì chẳng gọi là tu giới. Thọ trì biên giới, giới tự lợi, giới tự điều, chẳng thể vì chúng sinh làm cho an lạc, chẳng phải là hộ trì chánh pháp vô thượng. Nếu vì sinh lên trời thọ niềm vui năm dục thì chẳng gọi là tu giới. Chẳng tu tâm là, nếu tâm tán loạn thì chẳng thể chuyên nhất giữ cảnh giới của mình. Cảnh giới của mình là bốn niệm xứ. Cảnh giới khác là năm dục. Nếu chẳng thể tu bốn niệm xứ thì gọi là chẳng tu tâm. Ở trong nghiệp ác mà chẳng khéo hộ trì tâm thì gọi là chẳng tu tuệ. Lại nữa, chẳng tu thân là chẳng thể quan sát sâu sắc thân này vô thường, vô trụ, dễ tan

vỡ, từng niệm từng niệm hoại diệt, chính là cảnh giới của ma. Chẳng tu giới là chẳng thể đầy đủ Giới Ba-la-mật. Chẳng tu tâm là chẳng thể đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Chẳng tu tuệ là chẳng thể đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, chẳng tu thân thì tham đắm thân và sở hữu của thân, cho thân của mình là thường hằng không có biến dịch. Chẳng tu giới thì vì thân mình nên làm mười nghiệp ác. Chẳng tu tâm thì ở trong nghiệp ác chẳng thể thâm giữ tâm. Chẳng tu tuệ thì do chẳng thâm giữ tâm nên chẳng thể phân biệt pháp thiện, ác v.v... Lại nữa, chẳng tu thân thì chẳng cắt đứt ngã kiến. Chẳng tu giới thì chẳng cắt đứt được giới thủ. Chẳng tu tâm thì tạo nghiệp tham, sân hướng đến địa ngục. Chẳng tu tuệ thì chẳng cắt đứt tâm si. Lại nữa, chẳng tu thân thì chẳng thể quan sát thân tuy không tội lỗi mà luôn là oán. Này thiện nam! Ví như người con trai có kẻ oán luôn theo dò tìm sơ hở. Người trí hay biết đã hết lòng thận trọng giữ gìn, nếu chẳng thận trọng giữ gìn thì bị hại. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, thường do ăn uống, lạnh nóng nuôi dưỡng. Nếu chẳng nuôi dưỡng, giữ gìn thận trọng như vậy thì liền tan hoại. Này thiện nam! Như Bà-la-môn phụng sự thần lửa, thường dùng hương hoa khen ngợi, lễ bái, cúng dường, thừa sự v.v... suốt cả trăm năm. Nhưng nếu một khi chạm vào lửa thì liền cháy tay. Lửa này tuy được cúng dường như vậy nhưng nhất định không một ý niệm đền ơn người phụng sự. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, tuy trong nhiều năm, dùng hương hoa tốt, chuỗi ngọc, quần áo, thức ăn, thức uống, đồ nằm, thuốc men chữa bệnh v.v... mà cung cấp cho thân, nhưng nếu nó gặp phải những nhân duyên xấu ở trong hay ở ngoài tức thời diệt hoại, chẳng nhớ nghĩ đến cái ơn cung cấp y thực... ngày trước.

Này thiện nam! Ví như có vị vua nuôi bốn con rắn độc, nhốt chúng vào một cái hòm nhỏ, đem giao cho một người, lệnh cho trông nom nuôi dưỡng. Trong bốn con rắn này, giả sử một con sinh ra sân hận thì có thể hại người. Người này kinh sợ, luôn tìm thức uống tùy thời giữ hộ. Rắn độc bốn đại của tất cả chúng sinh cũng như vậy, nếu một đại nổi sân thì có thể hoại thân. Này thiện nam! Như người bệnh lâu cần phải hết lòng tìm thuốc trị liệu. Nếu chẳng gấp tìm cầu thì nhất định phải chết chẳng nghi ngờ gì. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, phải thường thâm giữ tâm chẳng để cho nó buông lung. Nếu buông

lung thì liền bị hoại diệt. Nay thiện nam! Ví như cái bình đất chẳng chịu đựng được gió, mưa, đánh, đập, xô đẩy, đè nén. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, chẳng chịu đựng được đói khát, lạnh, nóng, gió, mưa, đánh đập, trói buộc, mắng chửi v.v... Nay thiện nam! Ví như hạt gạo chưa muối thì luôn phải khéo giữ gìn, chẳng cho người đụng vào. Giả sử có người đụng vào thì rất đau khổ. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Nay thiện nam! Như con la mang thai là tự hại thân của nó. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy, bên trong có gió lạnh thì thân liền chịu khổ. Nay thiện nam! Ví như cây chuối sinh ra quả thì khô. Thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Nay thiện nam! Cũng như cây chuối, bên trong không cứng, thân của tất cả chúng sinh cũng như vậy. Nay thiện nam! Như rắn, chuột, chó sói mỗi mỗi đối với nhau luôn sinh lòng oán. Bốn đại của chúng sinh cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như con ngỗng chúa chẳng ưa chỗ mồ mã. Bồ-tát cũng vậy, đối với thân mồ mã cũng chẳng tham ưa. Nay thiện nam! Như Chiên-đà-la bảy đời nối tiếp nhau chẳng bỏ nghiệp mình. Vậy nên họ bị người đời khinh rẻ. Chủng tử của thân này cũng như vậy, chủng tử tinh huyết rốt ráo bất tịnh. Do bất tịnh nên chư Phật, Bồ-tát chê trách. Nay thiện nam! Thân này chẳng như núi Ma-la-gia sinh ra chiêm-đàn, cũng chẳng thể sinh ra hoa Ưu-bát-la, hoa Phân-đà-lợi, hoa Chiêm-ba, hoa Ma-lợi-ca, hoa Bà-sư-ca mà cửu khiêu thường chảy ra mũ máu bất tịnh, chỗ sinh sống dơ bẩn, xấu xí đáng tởm, thường cùng với loài trùng ở chung một chỗ. Nay thiện nam! Ví như thế gian tuy có vườn rừng thanh tịnh đẹp đẽ nhưng có cây chết trong đó thì thành bất tịnh, mọi người đều xả bỏ, chẳng sinh lòng tham đắm. Cõi Sắc cũng vậy, tuy thanh tịnh đẹp đẽ nhưng do có thân nên chư Phật, Bồ-tát đều xả bỏ. Nay thiện nam! Nếu có người chẳng thể quan sát như vậy thì gọi là chẳng tu thân. Nay thiện nam! Chẳng tu giới là, chẳng thể quan sát giới chính là thêm bậc của tất cả pháp thiện, cũng chính là căn bản của tất cả pháp thiện, như đất chính là chỗ sinh ra tất cả cây cối, chính các thiện căn là dẫn đầu pháp thiện, như vị thương chủ kia dẫn đường các thương nhân, giới chính là lá cờ chiến thắng của tất cả pháp thiện, như cờ chiến thắng mà trời Đế Thích đã dựng. Giới có thể đoạn dứt vĩnh viễn tất cả nghiệp ác và ba đường ác, có thể trị liệu bệnh hiểm nghèo

giống như cây thuốc, giới chính là lương thực để đi trên đường nguy hiểm sinh tử, giới chính là áo giáp, binh khí tiêu diệt giặc kiết sử, giới chính là thần chú hay diệt rắn độc kiết sử, giới chính là cây cầu để qua khỏi nghiệp ác. Nếu có người chẳng thể quan sát như vậy thì gọi là chẳng tu tịnh giới. Chẳng tu tâm là, chẳng thể quan sát sự chuyển động lăn xả, khó nắm bắt, khó điều phục của tâm. Nó chạy rong như con voi hung dữ, từng niệm từng niệm qua nhanh như ánh chớp, xao động nhiều loạn chẳng trụ giống như con vượn, như huyễn hóa, như ngọn lửa, chính là căn bản của các ác. Năm dục khó thỏa mãn như lửa gặp củi khô, cũng như biển cả nuốt lấy các dòng sông, như núi Mạn đà cở cây rậm rạp chẳng thể quan sát sinh tử hư vọng, đắm chìm mê hoặc dẫn đến hoạn nạn như cá cắn câu, thường đi trước dẫn đường các nghiệp đi theo giống như mẹ sò dẫn đường các con. Tham đắm năm dục chẳng ưa Niết-bàn, như lạc đà ăn mật cho đến chết chẳng đoái hoài để cỏ non, quá tham đắm vui hiện tại mà chẳng thấy lỗi lầm ngày sau như trâu ăn lúa chẳng sợ gây độc, giông ruồi cùng khắp hai mươi lăm cõi giống như gió mạnh thổi bông Đậu-la, điều chẳng nên cầu mà cầu không nhằm chán như người không trí mong lửa không nóng, thường ưa sinh tử chẳng thích giải thoát như con sâu Nhiệm-bà ưa cây Nhiệm-bà, mê hoặc tham đắm sinh tử hôi thối, giống như người tù trong ngục thích gái ngục tốt, cũng như heo trong chuồng ưa chỗ bất tịnh. Nếu có người chẳng thể quan sát như vậy thì gọi là chẳng tu tâm. Chẳng tu tuệ là, chẳng quan sát trí tuệ có thể lực lớn như con chim cánh vàng, có thể hủy hoại nghiệp ác, hủy hoại bóng tối vô minh giống như ánh sáng mặt trời, có thể nhổ cây như nước cuốn trôi vật, đốt cháy tà kiến giống như lửa mạnh. Tuệ chính là căn bản của tất cả pháp thiện, là chủng tử của Phật, Bồ-tát. Nếu có người chẳng thể quan sát như vậy thì gọi là chẳng tu tuệ. Nay thiện nam! Trong đệ nhất nghĩa, nếu thấy thân, tướng của thân, nhân của thân, quả của thân, nhiều thân, một thân, hai thân, thân này, thân kia, sự diệt của thân, sự bình đẳng của thân, sự hành của thân, người tu, nếu có người thấy như vậy thì gọi là chẳng tu thân. Nay thiện nam! Nếu thấy giới, tướng của giới, nhân của giới, quả của giới, giới bậc thượng, giới bậc hạ, nhiều giới, một giới, hai giới, giới này, giới kia, sự diệt của giới, sự bình đẳng của giới,

tu giới và người tu giới Ba-la-mật, nếu có người thấy như vậy thì gọi là chẳng tu giới. Nếu thấy tâm, tướng của tâm, nhân của tâm, quả của tâm, nhiều tâm, tâm và tâm sở, một tâm, hai tâm, tâm này, tâm kia, sự diệt của tâm, sự bình đẳng của tâm, tu tâm, người tu, tâm thượng, trung, hạ, tâm thiện, tâm ác, nếu có người thấy như vậy thì gọi là chẳng tu tâm. Nay thiện nam! Nếu thấy tuệ, tướng của tuệ, nhân của tuệ, quả của tuệ, nhiều tuệ, một tuệ, hai tuệ, tuệ này, tuệ kia, sự diệt của tuệ, sự bình đẳng của tuệ, tuệ thượng, trung, hạ, tuệ độn, tuệ lợi, tu tuệ, người tu, nếu có người thấy như vậy thì gọi là chẳng tu tuệ. Nay thiện nam! Nếu có người chẳng tu thân, giới, tâm, tuệ thì người như vậy đối với nghiệp ác nhỏ bị quả báo ác lớn. Do kinh sợ nên họ thường nghĩ: “Ta thuộc địa ngục nên tạo tác hạnh địa ngục”. Tuy nghe người trí nói về khổ của địa ngục nhưng thường nghĩ: “Như sắt đánh vào sắt, đá lại đánh vào đá, cây tự đánh vào cây, con trùng lửa ưa lửa, thân địa ngục trở lại tương tự địa ngục có việc gì là khổ?”. Ví như con nhặng xanh bị dính nước dãi chẳng thể bay được. Người này cũng vậy, ở trong tội nhỏ chẳng thể tự ra, tâm không ăn năn, chẳng thể tu thiện, che giấu lỗi lầm. Tuy họ có tất cả nghiệp thiện trong quá khứ nhưng đều bị tội đó làm cấu bẩn nên quả báo nhẹ hiện thọ của người này chuyển thành quả ác cực nặng ở địa ngục. Nay thiện nam! Như nước chứa trong đồ đựng nhỏ mà cho vào một đấu muối thì nước ấy rất mặn, khó có thể uống được. Nghiệp tội của người này cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như có người nợ người khác một tiền mà chẳng thể trả nên thân bị trói buộc chịu nhiều khổ sở. Nghiệp tội của người này cũng như vậy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Người này vì sao khiến cho quả báo nhẹ hiện tại trở thành quả báo ở địa ngục?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh nếu đủ năm việc thì khiến cho quả báo nhẹ hiện tại chuyển thành quả báo ở địa ngục. Những gì là năm? Một là ngu si, hai là thiện căn nhỏ ít, ba là nghiệp ác sâu nặng, bốn là chẳng sám hối, năm là chẳng tu nghiệp thiện căn bản. Lại có năm việc: Một là tu tập nghiệp ác, hai là không giới đức, ba là xa lìa các thiện căn, bốn là chẳng tu thân, giới, tâm, tuệ, năm là gần gũi ác tri

thức. Này thiện nam! Do vậy nên có thể khiến cho quả báo nhẹ hiện tại chuyển thành quả báo nặng ở đời hiện tại.

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những người nào có thể chuyển được quả báo địa ngục thành quả báo nhẹ ở đời hiện tại?

–Này thiện nam! Nếu có người tu tập thân, giới, tâm, tuệ thì như trước đã nói, có thể quan sát các pháp đồng như hư không, chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si, chẳng thấy người ngu, chẳng thấy tu tập và người tu tập. Đó gọi là người trí. Người như vậy thì có thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ. Người này có thể khiến cho quả báo địa ngục thành quả báo nhẹ ở đời hiện tại. Người này giả sử tạo tác nghiệp ác rất nặng mà tư duy quan sát có thể khiến cho thành nhẹ. Họ nghĩ: Nghiệp của ta tuy nặng nhưng chẳng bằng nghiệp thiện. Ví như bông vải tuy đến hàng trăm cân nhưng nhất định chẳng thể địch nổi một lượng vàng ròng, như ném một thúng muối vào sông Hằng thì nước vẫn không mặn, người uống chẳng hay biết, như kẻ giàu có lớn tuy nợ nhiều người đến hàng ngàn vạn vật báu, nhưng không thể trói buộc khiến cho ông ấy thọ khổ. Như con đại hương tượng có thể phá khóa sắt, tự tại mà đi, người trí tuệ cũng như vậy, thường tư duy: Sức thiện của ta nhiều, nghiệp ác yếu kém. Ta có thể phát lồ sám hối diệt trừ ác, có thể tu trí tuệ. Lực trí tuệ nhiều, lực vô minh ít. Nghĩ như vậy rồi, họ gần gũi bạn lành, tu tập chánh kiến, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói Mười hai bộ loại kinh điển, thấy có người thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói thì cung kính, đem y thực, phòng xá, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh, hương hoa để cúng dường, khen ngợi, tôn trọng người đó, đi đến chỗ nào cũng ca ngợi điều tốt của người đó, chẳng nói sớ đoán, cúng dường Tam bảo, kính tín kinh Phương Đẳng Đại Niết-bàn, tin Như Lai thường hằng không có biến dịch, tin tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Người này có thể khiến cho quả báo nặng ở địa ngục trở thành quả báo nhẹ ở đời hiện tại. Này thiện nam! Do nghĩa này nên chẳng phải tất cả nghiệp đều có quả cố định, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh đều thọ quả báo cố định.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXX

Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG 6

Bồ-tát Sư Tử Hồng bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả nghiệp chẳng định được quả, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà cần phải tu tập tám Thánh đạo thì vì nhân duyên gì tất cả chúng sinh đều chẳng thể đắc Đại Bát Niết Bàn này? Thưa Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh có Phật tánh thì nhất định đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cần gì tu tập Thánh đạo? Bạch Thế Tôn! Như trong kinh này nói, người có bệnh nếu được thuốc men và người chăm sóc tùy theo bệnh mà cho ăn uống, nhưng hoặc giả sử chẳng được như thế cũng đều có thể khỏi. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, hoặc gặp Thanh văn, Phật-bích-chi, chư Phật, Bồ-tát và các thiện tri thức mà nghe nói pháp tu tập Thánh đạo, hoặc chẳng gặp, chẳng nghe, chẳng tu tập Thánh đạo đều thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có Phật tánh. Bạch Thế Tôn! Ví như không gì có thể ngăn mặt trời, mặt trăng khiến cho chẳng đến được ven sườn núi Ngạch đà, nước bốn dòng sông lớn chẳng đến biển cả, Nhất-xiển-đề v.v... chẳng đến địa ngục. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, không gì có thể ngăn khiến cho chẳng đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì có Phật tánh. Thưa Thế Tôn! Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng cần tu Thánh đạo. Do lực của Phật tánh nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ chẳng do sức tu tập Thánh đạo. Bạch Thế Tôn! Nếu Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng cấm, tội ngũ nghịch v.v... chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đáng lẽ cần phải tu tập, nhưng vì nhân Phật tánh nên nhất định sẽ đắc, chẳng phải nhân tu tập, sau đó mới đạt được. Thưa Thế Tôn! Ví như đá nam châm khử sắt, tuy ở xa nhưng do lực của đá ấy nên sắt bị cuốn hút theo.

Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Vậy chẳng cần siêng tu tập Thánh đạo.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Như bên bờ sông Hằng có bảy hạng người, hoặc vì tắm gội, hoặc sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa nên vào trong dòng sông ấy. Hạng người thứ nhất vào nước chìm mất. Vì sao? Vì yếu đuối không thể lực, chẳng tập bơi. Hạng người thứ hai tuy chìm nhưng trôi lên lại, trôi lên rồi lại chìm. Vì sao? Vì thân lực lớn nên có thể nổi lên nhưng chẳng tập bơi nên nổi lên rồi lại chìm. Hạng người thứ ba chìm rồi liền nổi, nổi lại chẳng chìm nữa. Vì sao? Vì thân nặng nên chìm nhưng có sức mạnh nên nổi và trước có tập bơi nên nổi lên rồi liền đứng vững. Hạng người thứ tư thì vào rồi liền chìm, chìm rồi lại nổi, nổi rồi liền đứng vững và quan sát khắp bốn phương. Vì sao? Vì nặng nên chìm, có sức mạnh nên nổi lên, do tập bơi nên đứng vững, chẳng biết chỗ lên nên quan sát bốn phương. Hạng người thứ năm thì vào rồi liền chìm, chìm rồi liền nổi lên lại, nổi lên liền đứng vững, đứng vững rồi quan sát bốn phương, quan sát rồi liền bơi đi. Vì sao? Vì lo sợ. Hạng người thứ sáu thì vào rồi liền bơi đến chỗ cạn rồi đứng lại. Vì sao? Vì để xem giặc gần hay xa. Hạng người thứ bảy thì đã đi đến bờ kia, leo lên ngọn núi lớn, không lo sợ nữa, lìa khỏi các giặc dữ, hưởng thọ hoan lạc lớn. Này thiện nam! Dòng sông lớn sinh tử cũng như vậy, có bảy hạng người sợ giặc phiền não nên phát khởi ý muốn qua khỏi dòng sông lớn sinh tử, xuất gia, cạo tóc, thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi mà họ còn gần gũi bạn ác, nghe theo lời dạy của chúng, lãnh thọ tà pháp như cho là thân chúng sinh tức là năm ấm, năm ấm thì gọi là năm đại. Chúng sinh nếu chết là đoạn dứt vĩnh viễn năm đại. Đã đoạn dứt năm đại rồi thì cần gì tu tập các nghiệp thiện, ác? Vậy nên phải biết không có thiện, ác và quả báo thiện ác. Như vậy gọi là Nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề gọi là đoạn thiện căn, mà đoạn thiện căn nên chìm vào dòng sông sinh tử chẳng thể ra được. Vì sao? Vì nghiệp ác nặng, không có tín lực giống như hạng người thứ nhất bên bờ sông Hằng. Này thiện nam! Hạng Nhất-xiển-đề có sáu nhân duyên chìm vào ba đường ác, chẳng thể ra được. Những gì là sáu? Một là tâm ác sục sôi, hai là chẳng thấy đời sau, ba là ưa tập phiền não, bốn là xa lìa

thiện căn, năm là nghiệp ác ngăn cản, sáu là gần gũi ác tri thức.

Lại có năm việc chìm vào ba đường ác. Những gì là năm? Một là ở bên Tỳ-kheo làm việc phi pháp, hai là ở bên Tỳ-kheo-ni làm việc phi pháp, ba là tự tại sử dụng vật của tăng, bốn là ở bên mẹ làm việc phi pháp, năm là đối với năm bộ Tăng làm phát sinh thị phi với nhau.

Lại có năm việc chìm vào ba đường ác. Những gì là năm? Một là thường nói không quả báo thiện ác, hai là giết hại chúng sinh phát tâm Bồ-đề, ba là ưa nói lỗi lầm của pháp sư, bốn là pháp nói là phi pháp, phi pháp nói là pháp, năm là vì tìm lỗi của pháp nên nghe thọ.

Lại có ba việc chìm vào ba đường ác. Những gì là ba? Một là gọi Như Lai vô thường, diệt vĩnh viễn, hai là chánh pháp vô thường biến đổi, ba là Tăng bảo có thể hoại diệt. Vậy nên họ thường chìm vào trong ba đường ác. Người thứ hai phát ý muốn qua khỏi dòng sông lớn sinh tử mà đoạn thiện căn nên chìm đắm chẳng thể ra. Sở dĩ nói rằng ra là nói gần gũi bạn lành thì được tín tâm. Người tín tâm là người tin bố thí và quả báo của bố thí, tin điều thiện và quả báo của điều thiện, tin điều ác và quả báo của điều ác, tin sinh tử, khổ, vô thường, bại hoại. Đó gọi là tin. Đã được tín tâm, tu tập tịnh giới, thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói, thường làm việc bố thí, khéo tu trí tuệ nhưng do căn tánh chậm lụt nên lại gặp bạn ác, chẳng thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ, lại nghe thọ tà pháp, hoặc gặp lúc ác, ở đất nước ác, đoạn dứt các căn lành, do đoạn căn lành nên thường chìm vào sinh tử như người thứ hai bên bờ sông Hằng. Người thứ ba phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử mà đoạn căn lành nên chìm đắm ở trong đó. Gần gũi bạn lành thì gọi là ra. Tin Như Lai chính là Nhất thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sinh nên nói đạo vô thường, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai chẳng phải diệt, Pháp, Tăng cũng vậy, không có hoại diệt, Nhất-xiển-đề chẳng đoạn pháp ác thì nhất định chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cần phải xa lìa thì sau đó mới được. Do tín tâm nên tu tập tịnh giới, tu tịnh giới rồi thì thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, vì các chúng sinh tuyên dương lưu hành rộng rãi, ưa thích bố thí, tu tập trí tuệ. Do căn tánh lanh lợi nên trụ vững ở tín tuệ, tâm không thoái chuyển như người thứ ba ở bên bờ sông Hằng. Người thứ tư là người phát ý muốn vượt

qua dòng sông lớn sinh tử nhưng đoạn thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm, đó gọi là ra. Được tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu hành rộng rãi, ưa làm bố thí, tu tập trí tuệ. Do căn tánh lạnh lợi nên trụ vững ở tín tuệ, tâm không thoái chuyển, người này quan sát khắp bốn phương, bốn phương là bốn quả Sa-môn, như người thứ tư ở bên bờ sông Hằng. Người thứ năm là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử nhưng đoạn dứt thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm, đó gọi là ra. Do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu hành rộng rãi. Người này ưa làm việc bố thí, tu tập trí tuệ, do căn tánh lạnh lợi nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển. Không thoái chuyển rồi thì người này liền tiến tới trước. Người tiến tới trước gọi là Phật-bích-chi. Phật-bích-chi tuy có thể tự lợi qua nhưng chẳng đem theo chúng sinh. Vậy nên gọi là đi như người thứ năm bên bờ sông Hằng. Người thứ sáu là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử nhưng đoạn dứt thiện căn nên chìm đắm ở trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên có được tín tâm. Được tín tâm nên gọi là ra. Do tín tâm nên người đó thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển, vì chúng sinh nên tuyên dương lưu hành rộng rãi. Người đó ưa làm việc bố thí, tu tập trí tuệ và do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển. Không thoái chuyển rồi liền tiến tới chỗ cạn, đến chỗ cạn rồi liền trụ lại chẳng đi. Người trụ lại chẳng đi gọi là Bồ-tát. Bồ-tát vì muốn độ thoát các chúng sinh nên trụ lại quan sát phiền não như người thứ sáu bên bờ sông Hằng. Người thứ bảy là người phát ý muốn vượt qua dòng sông lớn sinh tử nhưng đoạn dứt thiện căn nên chìm đắm trong đó, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm. Được tín tâm rồi thì đó gọi là ra. Do có tín tâm nên người đó thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói mười hai bộ loại kinh điển và vì chúng sinh nên tuyên dương lưu hành rộng rãi. Người đó ưa bố thí, tu tập trí tuệ và do lợi căn nên trụ vững ở tín tuệ, lòng không thoái chuyển. Không thoái chuyển rồi liền tiến tới trước, đã tiến tới trước rồi thì được đến bờ kia, leo lên núi cao, lìa khỏi các sợ hãi, thọ nhiều an vui. Nay thiện nam! Núi ở bờ kia là dụ cho Như Lai,

thọ an lạc là dụ cho Phật thường trụ, núi cao lớn là dụ cho Đại Niết-bàn. Đây thiện nam! Những người như vậy ở bên bờ sông Hằng này đều đủ tay chân mà chẳng thể vượt qua, tất cả chúng sinh cũng như vậy, thật có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Như Lai thường nói các nghĩa chính yếu của pháp, có tám Thánh đạo, Đại Bát Niết Bàn mà chúng sinh đều chẳng thể đạt được. Đây chẳng phải lỗi của Ta, cũng chẳng phải lỗi của Thánh đạo và chúng sinh, mà phải biết đều chính là tội ác của phiền não. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng được Niết-bàn. Đây thiện nam! Ví như vị lương y biết bệnh cho thuốc, người bệnh chẳng uống thì chẳng phải lỗi của thầy thuốc. Đây thiện nam! Như có vị thí chủ đem của cải của mình thí cho tất cả mọi người mà có người chẳng nhận thì chẳng phải là lỗi của thí chủ. Đây thiện nam! Ví như mặt trời mọc, mọi u tối đều sáng mà người mù lòa chẳng thấy đường đi thì chẳng phải là lỗi của mặt trời. Đây thiện nam! Như nước sông Hằng có thể trừ được khát mà người khát chẳng uống thì chẳng phải là lỗi của nước. Đây thiện nam! Ví như đất đai sinh ra quả trái bình đẳng không phân biệt nhưng nông dân chẳng gieo trồng thì chẳng phải lỗi của đất. Đây thiện nam! Như Lai vì tất cả chúng sinh khai mở, phân biệt rộng rãi Mười hai bộ loại kinh điển mà chúng sinh chẳng thọ nhận thì chẳng phải là lỗi của Như Lai.

Này thiện nam! Nếu tu đạo thì liền đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Ông nói rằng, chúng sinh đều có Phật tánh nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như đá có từ tính. Rất hay, rất hay! Do có lực nhân duyên Phật tánh nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu nói rằng chẳng cần tu Thánh đạo thì nghĩa này chẳng đúng. Đây thiện nam! Ví như có người đi trên đồng vắng khát nước gặp được giếng. Giếng ấy rất sâu, tuy chẳng thấy nước nhưng nhất định là có. Người này tìm cách múc nước, dùng dây buộc vào lọ mà múc thì thấy có nước. Phật tánh cũng vậy, tuy tất cả chúng sinh đều có nhưng cần phải tu tập Thánh đạo vô lậu rồi sau đó mới thấy được. Đây thiện nam! Như có hạt mè thì thấy được dầu, nhưng nếu lia các phương tiện thì chẳng thấy được. Cây mía cũng vậy. Đây thiện nam! Như cõi Uất-đan-việt ở phương Bắc của trời Ba Mươi Ba, tuy là có pháp nhưng nếu không có đạo lực thần thông nghiệp thiện thì

chẳng thể thấy. Như rễ cỏ trong đất và nước dưới đất vì đất phủ lên nên chúng sinh chẳng thể thấy. Phật tánh cũng vậy, vì chẳng tu Thánh đạo nên chẳng thấy được. Nay thiện nam! Như ông đã nói, ở đời có người bệnh nếu gặp lương y và người chăm sóc, thuốc hay, tùy bệnh cho ăn uống và cả trường hợp nếu chẳng gặp được thì cũng đều khỏi bệnh. Nay thiện nam! Ta vì Bồ-tát Lục Trụ mà nói nghĩa như vậy. Nay thiện nam! Ví như hư không đối với các chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải trong ngoài nên cũng không ngăn ngại. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Nay thiện nam! Ví như có người mà của cải ở tại nơi khác, tuy chẳng hiện tiền nhưng được tùy ý thọ dụng. Có người hỏi xin thì người đó nói: “Ta hứa. Vì sao? Vì nhất định có”. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, chẳng phải đây, chẳng phải đó mà do nhất định được nên nói rằng, tất cả đều có. Nay thiện nam! Ví như chúng sinh tạo tác các nghiệp hoặc thiện hoặc ác, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài thì tánh của nghiệp như vậy chẳng phải có, chẳng phải không, cũng lại chẳng phải là vốn không mà nay có, chẳng phải không nhân sinh ra, chẳng phải đây làm đây chịu, đây làm đó chịu, đó làm đó chịu, không làm, không chịu, mà thời tiết hòa hợp thì gặt quả báo. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, cũng lại chẳng phải vốn không mà nay có, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải đây, chẳng phải đó, chẳng phải chỗ khác lại, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng phải tất cả chúng sinh chẳng thấy. Có các Bồ-tát mà thời tiết, nhân duyên hòa hợp thì được thấy. Thời tiết là nói các Đại Bồ-tát Thập Trụ tu tám Thánh đạo, đối với các chúng sinh được tâm bình đẳng mà bấy giờ được thấy thì chẳng gọi là tạo tác. Nay thiện nam! Ông nói, như đá nam châm thì nghĩa đó chẳng đúng. Vì sao? Vì đá chẳng hút sắt. Vì sao? Vì không có tâm nghiệp. Nay thiện nam! Pháp khác có nên pháp khác sinh ra, pháp khác không nên pháp khác hoại diệt, không có người làm, không có kẻ hoại. Nay thiện nam! Giống như lửa mạnh chẳng thể đốt củi. Lửa phát củi hoại tan thì gọi là đốt củi. Nay thiện nam! Ví như cây bông quỳ theo mặt trời mà chuyển. Nhưng cây quỳ này cũng không có lòng cung kính, không có thức, không có nghiệp, do tánh chất riêng của nó nên tự xoay chuyển. Nay thiện nam! Như cây chuối nhân tiếng sấm mà tăng

trưởng. Cây này không có tai, không tâm, ý, thức nhưng do pháp này có nên pháp kia tăng trưởng, vì pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Đây thiện nam! Như cây A-thúc-ca, người con gái chạm vào là hoa nở. Cây này không có tâm cũng không hay biết chạm xúc nhưng do pháp này có nên pháp kia sinh, pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Đây thiện nam! Như cây quýt được bón xác chết thì trái nhiều thêm mà cây quýt đó không tâm, không chạm xúc, nhưng do pháp này có nên pháp kia sinh ra, pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Đây thiện nam! Như cây an-thạch-lựu nhờ bón xương, phân nên quả trái sum suê mà cây an-thạch-lựu cũng không tâm, không chạm xúc nhưng do pháp này có nên pháp kia sinh, pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Đây thiện nam! Đá nam châm hút sắt cũng như vậy, do pháp này có nên pháp kia sinh, pháp này không nên pháp kia hoại diệt. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, chẳng thể hút được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Vô minh chẳng thể hút các hành, hành cũng chẳng thể hút thức, cũng được gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức. Có Phật, không Phật, pháp giới vẫn thường trụ.

Này thiện nam! Nếu nói Phật tánh trụ trong chúng sinh thì, đây thiện nam! Pháp thường không trụ. Nếu có chỗ trụ tức là pháp vô thường. Đây thiện nam! Như mười hai nhân duyên không có trụ xứ nhất định. Nếu có trụ xứ thì mười hai nhân duyên chẳng được gọi là thường. Pháp thân của Như Lai cũng không có trụ xứ. Pháp giới, pháp nhập, pháp ẩm, hư không đều không có trụ xứ. Phật tánh cũng vậy, đều không có trụ xứ. Đây thiện nam! Ví như lực của bốn đại tuy quân bình có cứng, có nóng, có ẩm ướt, có chuyển động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen nhưng bốn đại này cũng không có nghiệp, do pháp giới khác nên đều chẳng tương tự. Phật tánh cũng vậy, pháp giới khác nên thời đến thì hiện ra. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh chẳng thoái mất Phật tánh nên gọi đó là có, vì không thoái chuyển. Do có nên quyết được, quyết định sẽ thấy. Vậy nên gọi là tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Ví như có vị vua bảo một đại thần: “Ông hãy dắt một con voi để cho người mù xem”. Bấy giờ vị đại thần nhận sắc lệnh của vua rồi tập trung nhiều người mù, đem voi cho họ xem. Lúc đó mọi

người mù đều dùng tay sờ. Vị đại thần liền trở lại tâu vua: “Thân đã cho họ xem rồi”. Bấy giờ vị đại vương liền kêu những người mù đến hỏi: “Các người có thấy voi không?”. Những người mù đều đáp: “Chúng thân đã được thấy”. Nhà vua nói: “Voi như thế nào?”. Người sờ ngà voi liền nói: “Hình voi như củ cải”. Người sờ tai voi thì nói: “Voi như cái sàng”. Người sờ đầu voi thì nói: “Voi như tảng đá”. Người sờ vòi voi thì nói: “Voi như cái chày”. Người sờ chân voi thì nói: “Voi như cái cối bằng gỗ”. Người sờ sống lưng voi thì nói: “Voi như cái giường”. Người sờ bụng voi thì nói: “Voi như cái vò”. Người sờ đuôi voi thì nói: “Voi như sợi dây”. Đây thiện nam! Như những người mù kia chẳng nói đúng hình thể con voi, nhưng cũng chẳng phải là không. Các tướng ấy đều chẳng phải con voi nhưng bỏ ngoài những tướng đó thì không có con voi riêng khác. Đây thiện nam! Vua là dụ cho Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đại thần dụ cho kinh Phương Đăng Đại Niết-bàn. Voi dụ cho Phật tánh. Người mù dụ cho tất cả chúng sinh vô minh. Những chúng sinh này nghe Phật nói rồi, hoặc nói rằng sắc chính là Phật tánh. Vì sao? Vì sắc này tuy diệt nhưng thứ lớp nối tiếp nhau, nên đạt được ba mươi tướng của Như Lai vô thượng, vì sắc của Như Lai thường hằng chẳng đoạn, nên nói sắc là Phật tánh. Ví như chất vàng ròng tuy biến đổi nhưng sắc thường chẳng khác. Hoặc khi làm xuyên, làm thoa cài tóc, làm mâm v.v... nhưng màu vàng ấy vẫn như ban đầu không biến đổi. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy, hình chất tuy vô thường nhưng mà sắc là thường. Do vậy nên nói sắc là Phật tánh. Hoặc có người nói, thọ là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên thọ nên đạt được niềm vui chân thật của Như Lai. Thọ của Như Lai là thọ rốt ráo, thọ đệ nhất nghĩa. Thọ của chúng sinh, tánh tuy vô thường nhưng thọ ấy theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt, cho nên đạt được thọ thường hằng của Như Lai. Ví như có người họ Kiều-thi-ca. Người tuy vô thường mà dòng họ là thường, dù trải qua ngàn vạn đời cũng không có thay đổi. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do vậy nên nói thọ là Phật tánh. Lại có người nói tướng chính là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên tướng nên đạt được tướng chân thật của Như Lai. Tướng Như Lai là gọi tướng vô tướng. Tướng vô tướng thì chẳng phải tướng về chúng sinh, chẳng phải tướng về nam nữ, cũng chẳng phải tướng về sắc thọ tướng

hành thức, chẳng phải tướng tướng đoạn. Tướng của chúng sinh tuy vô thường nhưng do tướng theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt nên đạt được tướng thường hằng của Như Lai. Đây thiện nam! Ví như mười hai nhân duyên của chúng sinh. Chúng sinh tuy diệt mà nhân duyên thì thường. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do vậy nên nói tướng là Phật tánh. Lại có người nói hành là Phật tánh. Vì sao? Vì hành gọi là thọ mạng mà do nhân duyên thọ mạng nên đạt được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sinh tuy vô thường nhưng mà thọ mạng theo thứ lớp nối tiếp nhau chẳng dứt nên đạt được thọ mạng thường hằng chân thật của Như Lai. Đây thiện nam! Ví như Mười hai bộ loại kinh điển mà người nghe người nói kinh thì tuy vô thường nhưng kinh điển đó lại thường tồn bất biến. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do vậy nên nói hành là Phật tánh. Lại có người nói thức là Phật tánh. Do nhân duyên thức nên đạt được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sinh tuy vô thường nhưng thức theo thứ lớp nối tiếp nhau nên đạt được tâm thường hằng chân thật của Như Lai. Như tánh nóng của lửa, lửa tuy vô thường nhưng nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Do vậy nên nói thức là Phật tánh. Lại có người nói lìa khỏi ấm thì có ngã. Ngã chính là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân duyên ngã nên đạt được tám ngã tự tại của Như Lai. Có các ngoại đạo nói đi lại, nghe thấy, buồn vui, nói năng là ngã. Như vậy tướng của ngã tuy lại vô thường nhưng mà ngã chân thật của Như Lai là thường. Đây thiện nam! Như ấm, nhập, giới tuy là vô thường mà gọi là thường. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Đây thiện nam! Như những người mù kia, mỗi mỗi đều nói về voi, tuy chẳng được chân thật nhưng chẳng phải chẳng nói về voi. Người nói về Phật tánh cũng như vậy, chẳng phải mà cũng tức là sáu pháp, chẳng lìa khỏi sáu pháp. Đây thiện nam! Vậy nên ta nói Phật tánh của chúng sinh chẳng phải sắc, chẳng lìa khỏi sắc cho đến chẳng phải ngã, chẳng lìa ngã. Đây thiện nam! Có các ngoại đạo tuy nói có ngã mà thật không có ngã. Ngã của chúng sinh tức là năm ấm mà bỏ ngoài năm ấm thì không có ngã riêng biệt. Đây thiện nam! Ví như thân, cánh hoa, tua hoa, đài hoa hợp làm hoa sen mà bỏ ngoài những yếu tố này thì không có hoa sen. Ngã của chúng sinh cũng như vậy. Đây thiện nam! Ví như tường vách, cỏ cây

hòa hợp thì đó gọi là nhà, mà bỏ ngoài những yếu tố đó thì không có nhà. Như cây Khư-đà-la, cây Ba-la-xa, cây Ni-câu-đà, cây Uất-đàm-bát v.v... hòa hợp làm thành rừng mà bỏ ngoài những cây đó thì không có rừng. Ví như binh xa, binh tượng, binh mã, binh bộ hòa hợp làm quân đội mà bỏ ngoài những binh chủng đó thì không có quân đội. Ví như năm màu dệt vào nhau hòa hợp gọi là lụa hoa, mà bỏ ngoài năm màu đó thì không có lụa hoa. Như bốn dòng họ hòa hợp lại gọi là đại chúng mà bỏ ngoài bốn dòng họ đó thì không có đại chúng. Ngã của chúng sinh cũng như vậy, bỏ ngoài năm ấm ra thì không có ngã. Nay thiện nam! Như Lai thường trụ thì gọi là ngã. Pháp thân của Như Lai vô biên, vô ngại, chẳng sinh, chẳng diệt, được tám tự tại thì gọi là ngã. Chúng sinh chân thật không có ngã và ngã sở như vậy. Chỉ vì chúng sinh nhất định sẽ được rốt ráo đệ nhất nghĩa không nên gọi là Phật tánh.

Nay thiện nam! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì đại từ đại bi thường theo Bồ-tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sinh nhất định sẽ được đại từ đại bi nên nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, mà Phật tánh thì gọi là Như Lai. Đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát nếu chẳng thể xả bỏ hai mươi lăm cõi thì chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà vì các chúng sinh nhất định sẽ được nên nói rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi đại tín tâm. Vì sao? Vì tín tâm nên Đại Bồ-tát có thể đầy đủ Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật mà tất cả chúng sinh nhất định sẽ được đại tín tâm. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đại tín tâm tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi quả vị con một. Vì sao? Vì do nhân duyên quả vị con một nên Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh được tâm bình đẳng. Tất cả chúng sinh nhất định sẽ được quả vị con một. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Quả vị con một tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi lực thứ tư. Vì sao? Vì do nhân duyên lực thứ tư nên Bồ-tát có thể giáo hóa chúng sinh. Tất cả chúng sinh nhất định được lực thứ tư. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Lực thứ tư tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như

Lai. Phật tánh là gọi mười hai nhân duyên. Vì sao? Vì do nhân duyên nên Như Lai thường trụ. Tất cả chúng sinh nhất định có mười hai nhân duyên như vậy. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi bốn trí vô ngại. Do nhân duyên bốn trí vô ngại nên nói chữ, nghĩa không ngăn ngại. Chữ nghĩa không ngăn ngại nên có thể giáo hóa chúng sinh. Bốn trí vô ngại tức là Phật tánh, mà Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh là gọi đỉnh Tam-muội. Do tu đỉnh Tam-muội như vậy nên có thể thâm giữ tất cả pháp Phật. Vậy nên nói, đỉnh Tam-muội là Phật tánh. Bồ-tát Thập Trụ tu Tam-muội này chưa được đầy đủ nên tuy thấy Phật tánh nhưng mà chẳng rõ ràng. Tất cả chúng sinh nhất định đắc Tam-muội đó. Vậy nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Nay thiện nam! Như nói ở trên, đủ thứ các pháp mà tất cả chúng sinh nhất định đạt được. Vậy nên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Nay thiện nam! Nếu Ta nói sắc chính là Phật tánh thì chúng sinh nghe rồi liền sinh ra tà kiến điên đảo. Do tà kiến điên đảo nên mạng chung, họ phải sinh vào địa ngục A-tỳ, mà Như Lai nói pháp là vì họ dứt địa ngục. Vậy nên Như Lai chẳng nói sắc là Phật tánh cho đến nói thức cũng như vậy.

Này thiện nam! Nếu các chúng sinh hiểu rõ Phật tánh thì chẳng cần tu đạo. Bồ-tát Thập Trụ tu tám Thánh đạo mà còn thấy ít Phật tánh, huống gì là người chẳng tu mà được thấy? Nay thiện nam! Như các Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v... đã vô lượng đời tu tập Thánh đạo mới rõ biết Phật tánh thì làm sao Thanh văn, Phật-bích-chi v.v... lại có thể biết Phật tánh. Nếu các chúng sinh muốn được biết rõ ràng Phật tánh thì nên một lòng thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi kinh Niết-bàn này. Nếu thấy có người thọ trì cho đến khen ngợi kinh này như vậy thì nên dùng phòng nhà đẹp, y phục, ẩm thực, ngọc cụ, thuốc men chữa bệnh mà cúng dường họ, lại thêm khen ngợi, lễ bái, hỏi thăm họ. Nay thiện nam! Nếu có người đã ở trong vô lượng vô biên đời quá khứ, gần gũi cúng dường vô lượng các Đức Phật, gieo trồng sâu căn lành thì sau đó mới được nghe tên của kinh này. Nay thiện nam! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn! Phật, Pháp, Tăng bảo cũng chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh đều có

Phật tánh mà chẳng thể biết, cũng chẳng thể nghĩ bàn. Pháp của Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sinh có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, tất cả chúng sinh có thể tin kinh Đại Niết-bàn như vậy chẳng thể nghĩ bàn. Thưa Thế Tôn! Trong đại chúng này có tám vạn năm ngàn ức người đối với kinh này chẳng sinh lòng tin. Vậy nên có người có thể tin kinh này thì gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

–Này thiện nam! Đúng vậy! Những người như vậy ở đời vị lai cũng sẽ nhất định tin kinh điển này, thấy được Phật tánh, đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Làm sao Bồ-tát bất thoái tự biết chắc chắn là có tâm bất thoái?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát sẽ dùng khổ hạnh để tự thử lòng mình. Mỗi ngày ăn một hạt mè, trải qua bảy ngày. Với hạt gạo nếp, hạt đậu xanh, hạt vừng, hạt gạo tẻ cho đến đậu trắng cũng như vậy. Mỗi một lần bảy ngày mỗi khi ăn một hạt mè thì khởi suy nghĩ này: “Khổ hạnh như vậy đều không lợi ích. Việc không lợi ích mà còn có thể làm hướng gì là việc có lợi ích mà chẳng làm?”. Đối với việc không lợi ích mà tâm có thể gắng nhẫn, chẳng thoái, chẳng chuyển. Vậy nên nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những ngày như vậy khi tu khổ hạnh, tất cả da thịt khô dần dần, nhăn nheo như cắt trái bầu phơi giữa trưa nắng. Mắt của Bồ-tát hõm sâu như sao đáy giếng. Thịt hết, xương sườn bày ra như mái nhà tranh mục nát, xương sống nối liền hiện ra như đường chỉ khâu trùng lấp, chỗ ngồi như vết móng ngựa, muốn ngồi thì nằm phục xuống, muốn đứng dậy thì nằm lăn ra. Tuy thọ khổ không ích lợi như vậy nhưng chẳng thoái tâm Bồ-đề. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát vì phá mọi khổ, ban an vui cho chúng sinh nên thậm chí có thể xả bỏ tài vật trong ngoài và thân mạng của mình như bỏ rơm cỏ. Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng này như vậy thì Bồ-tát tự biết nhất định có tâm bất thoái, Bồ-tát ấy nhất định sẽ đạt được Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Bồ-tát vì nhân duyên pháp mà khoét thân làm đèn rồi quán bông vào da thịt, đổ dầu vào đó đốt cháy lên làm tim đèn. Bồ-tát bảy giờ chịu khổ lớn này tự nhủ: “Khổ như vậy so với khổ ở địa ngục trăm ngàn vạn phần còn chưa bằng một. Người ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, thọ khổ nào lớn đều không lợi ích. Người nếu chẳng thể thọ cái khổ nhẹ nhàng này thì làm sao mà có thể ở trong địa ngục cứu khổ chúng sinh”. Đại Bồ-tát khi nghĩ như vậy thì thân chẳng còn thấy khổ, tâm Bồ-tát chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển. Bồ-tát bảy giờ tự biết sâu sắc rằng, mình nhất định sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Bồ-tát, bảy giờ phiền não vẫn còn đầy đủ chưa đoạn dứt nhưng vì pháp nhân duyên có thể đem đầu, mắt, tủy, não, tay, chân, máu, thịt bố thí cho chúng sinh, dùng đinh đóng vào thân, nhảy xuống từ núi cao ngất, gieo mình vào lửa đỏ. Bảy giờ, Bồ-tát tuy thọ vô lượng những khổ như vậy mà lòng chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển. Bồ-tát biết rằng, mình nay nhất định có tâm chẳng thoái, chẳng chuyển, sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này thiện nam! Đại Bồ-tát vì phá phiền não của tất cả chúng sinh nên nguyện làm thân súc sinh to lớn, đem máu thịt bố thí cho chúng sinh, khi chúng sinh nhận lấy lại sinh lòng thương xót. Lúc này, Bồ-tát nín hơi chẳng thở, thị hiện làm tướng chết khiến cho những người lấy máu thịt đó chẳng sinh tư tưởng nghi ngờ giết hại. Bồ-tát tuy thọ thân súc sinh nhưng nhất định chẳng tạo tác nghiệp súc sinh. Vì sao? Này thiện nam! Vì Bồ-tát đã được tâm bất thoái rồi thì nhất định chẳng tạo tác nghiệp ba đường ác. Đại Bồ-tát, nếu đời vị lai có quả báo nghiệp ác nhỏ như vi trần thì chẳng quyết định thọ. Nhưng do lực đại nguyện, vì chúng sinh nên đều thọ hết. Ví như người bệnh bị quỷ ẩn nấu ở trong thân. Do lực thần chú nên nó tức thời hiện tướng. Hoặc nói năng, hoặc mừng, hoặc giận, hoặc mắng chửi, hoặc kêu gào, hoặc khóc lóc. Nghiệp ba đường ác đời vị lai của Đại Bồ-tát cũng như vậy. Khi Đại Bồ-tát thọ thân loài gấu thường vì chúng sinh diễn nói chánh pháp. Hoặc thọ thân chim Ca-tần-xà-la vì các chúng sinh nói chánh pháp. Hoặc thọ thân Cù-đà, thân nai, thân thỏ, thân voi, thân dê, thân vượn, thân bồ câu trắng, thân chim cánh vàng, thân rồng, thân rắn v.v... khi Bồ-tát thọ những thân súc sinh như

vậy thì nhất định chẳng tạo tác nghiệp ác súc sinh mà thường vì súc sinh khác diễn nói chánh pháp khiến cho những chúng sinh đó nghe pháp mau được chuyển khỏi thân súc sinh. Bấy giờ, Bồ-tát tuy thọ thân súc sinh nhưng chẳng tạo tác nghiệp ác thì nên biết là Bồ-tát nhất định có tâm bất thoái. Đại Bồ-tát ở vào đời đối kém, thấy chúng sinh đói khát thì hiện làm thân rùa, cá to lớn vô lượng do-tuần. Bồ-tát lại phát nguyện: “Nguyện cho các chúng sinh khi lấy thịt của tôi thì tùy ý theo sự sống của mình và nhân ăn thịt của tôi mà được lìa nỗi khổ đói khát, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bồ-tát lại phát nguyện: “Nếu có người nào nhân ăn thịt của tôi được lìa đói khát thì đời vị lai mau chóng được xa lìa khổ hoạn đói khát trong hai mươi lăm cõi. Đại Bồ-tát chịu khổ như vậy mà tâm chẳng thoái chuyển thì nên biết nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, Bồ-tát ở vào đời dịch bệnh, thấy bệnh khổ thì suy nghĩ như vậy: “Như cây thuốc tốt nhất, nếu có người bệnh lấy rễ, lấy thân, lấy cành, lấy lá, lấy hoa, lấy quả, lấy vỏ, lấy phần ngoài của vỏ v.v... mà uống thì đều khỏi bệnh, nguyện thân này của tôi cũng như vậy. Nếu có người bệnh nghe tiếng, chạm vào thân, ăn uống máu thịt cho đến xương tủy của tôi thì bệnh đều trừ khỏi. Nguyện cho các chúng sinh khi ăn thịt của tôi thì chẳng sinh lòng ác như ăn thịt con”. Ta trị bệnh cho họ rồi thường vì họ mà nói pháp, nguyện cho họ tín thọ, tư duy, rồi dạy lại cho người khác. Lại nữa, này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ phiền não, tuy thọ thân khổ nhưng tâm Bồ-tát chẳng thoái, chẳng động, chẳng chuyển thì phải biết Bồ-tát nhất định được tâm bất thoái, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh bị bệnh quỷ ám, Bồ-tát thấy rồi liền nói rằng: “Nguyện làm thân quỷ, thân lớn, thân khỏe mạnh, thân nhiều quyến thuộc v.v... khiến cho người bệnh kia nghe thấy thì bệnh được trừ khỏi”. Đại Bồ-tát vì chúng sinh nên siêng tu khổ hạnh, tuy có phiền não nhưng không làm ô nhiễm tâm Bồ-tát. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát tuy lại tu hành sáu Ba-la-mật nhưng cũng lại chẳng cầu quả báo sáu độ. Khi Bồ-tát tu hành sáu Ba-la-mật vô thượng thì phát nguyện: “Tôi nay dùng sáu Ba-la-mật này thí cho tất cả chúng sinh. Mỗi một chúng sinh thọ nhận sự bố thí của tôi rồi đều khiến cho được thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôi

cũng vì sáu Ba-la-mật, siêng tu khổ hạnh, thọ các khổ não. Khi phải thọ khổ thì nguyện cho tôi chẳng thoái tâm Bồ-đề”. Nay thiện nam! Khi Đại Bồ-tát phát nguyện này thì đó gọi là tướng Bồ-đề bất thoái.

Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát biết sâu nhiều tội lỗi của sinh tử, quan sát Đại Niết-bàn có công đức lớn mà vì chúng sinh nên ở tại sinh tử chịu đủ thứ khổ, lòng không thoái chuyển. Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, nay thiện nam! Đại Bồ-tát không có nhân duyên mà sinh thương xót, thật chẳng thọ ân mà thường thi ân, tuy thường thi ân mà chẳng cầu đền đáp. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, nay thiện nam! Hoặc có chúng sinh vì sự lợi ích của mình mà tu các khổ hạnh, còn Đại Bồ-tát vì lợi ích người khác nên tu hành khổ hạnh, đó gọi là tự lợi. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ phiền não, nhưng vì phá bỏ sự oán thân thọ nhận những khổ não nên tu tâm bình đẳng. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát nếu thấy các chúng sinh ác, bất thiện thì hoặc quở trách, hoặc nói lời dịu dàng, hoặc xua đuổi, hoặc buông bỏ v.v... Người có tánh ác thì hiện làm người nói lời dịu dàng. Người có tánh kiêu mạn thì hiện làm người đại kiêu mạn mà kỳ thật bên trong lòng không kiêu mạn. Đó gọi là Bồ-tát phương tiện chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ phiền não khi ít của cải mà người đến cầu xin nhiều nhưng lòng chẳng hạn hẹp. Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát ở vào lúc Phật ra đời, biết công đức của Phật. Nhưng vì chúng sinh nên ở chỗ không có Phật, thọ thân nơi biên địa như mù, như điếc, như thọt, như què v.v... Đó gọi là Bồ-tát chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát biết tội lỗi của chúng sinh nhưng vì độ thoát họ nên thường cùng hành động với họ. Bồ-tát tuy hành động theo ý họ nhưng tội cấu chẳng ô nhiễm. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ-tát thấy biết rõ ràng, không có tướng chúng sinh không ô nhiễm phiền não, không đạo tu tập, xa lìa phiền não, tuy là Bồ-đề nhưng không hạnh Bồ-đề, cũng không thành tựu hạnh Bồ-đề, không có người thọ khổ, người phá khổ, mà cũng có thể vì chúng sinh phá hoại hạnh khổ, hạnh Bồ-đề. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát thọ thân sau cùng ở trên trời Đâu-suất thì đó cũng gọi

là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì trời Đâu-suất là cõi tối thẳm trong đục giới. Người ở trời dưới thì lòng họ buồn lung. Người ở trời trên thì các căn ám độn. Vậy nên gọi là thẳm. Tu thí, tu giới thì được thọ thân trời trên, trời dưới. Tu thí giới định thì được thân trời Đâu-suất. Tất cả Bồ-tát hủy báng các hữu, phá hoại các hữu, nhất định chẳng tạo tác nghiệp của trời Đâu-suất để thọ thân của cõi trời đó. Vì sao? Vì Bồ-tát, nếu ở các cõi khác thì cũng có thể giáo hóa thành tựu chúng sinh. Bồ-tát chân thật không có đục tâm mà sinh ra ở đục giới. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát sinh lên trời Đâu-suất có ba việc thù thẳm: Một là mạng, hai là sắc, ba là danh. Đại Bồ-tát chân thật chẳng cầu lấy mạng, sắc và danh. Tuy tâm Bồ-tát không cầu mà sở đắc tốt đẹp. Đại Bồ-tát rất ưa thích Niết-bàn nhưng có nhân duyên còn hơn nữa. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát có ba việc tuy tốt đẹp hơn chư Thiên như vậy nhưng chư Thiên ở chỗ Bồ-tát nhất định chẳng sinh tâm sân giận, tâm ganh ghét, tâm kiêu mạn mà thường sinh tâm vui mừng. Bồ-tát đối với chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát chẳng tạo nghiệp thọ mạng mà đối với các trời kia được thọ mạng rất ráo. Đó gọi là hơn về thọ. Bồ-tát cũng không tạo nghiệp sắc mà thân diệu sắc sáng ngời đầy khắp. Đó gọi là hơn về danh sắc. Đại Bồ-tát ở cung trời kia chẳng ưa năm đục mà chỉ vì việc pháp. Vậy nên danh xưng vang khắp mười phương. Đó gọi là hơn về danh. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát từ trời Đâu-suất giáng sinh, khi đó đại địa chấn động sáu cách. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao? Vì Bồ-tát khi xuống cõi Dục, cõi Sắc, chư Thiên đều đến hầu đưa tiễn, phát ra âm thanh lớn khen ngợi Bồ-tát. Do hơi gió trong miệng nên khiến cho đất rung động. Lại có Bồ-tát là voi chúa trong loài người. Voi chúa trong loài người gọi là Long vương. Long vương khi bắt đầu vào thai thì có các Long vương ở bên dưới đất này, hoặc sợ, hoặc thức dậy nên đại địa chấn động sáu cách. Vậy nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ-tát khi vào thai, khi trụ thai, khi sinh ra, biết cha, biết mẹ chẳng sạch, chẳng ô nhiễm như châu báu màu xanh trên tóc Đế Thích. Vậy nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này thiện nam! Kinh Đại Niết-bàn cũng như vậy, chẳng thể nghĩ

bàn. Nay thiện nam! Ví như biển lớn có tám điều chẳng nghĩ bàn. Những gì là tám? Một là dần dần trở nên sâu. Hai là sâu khó dò được đáy. Ba là đồng một vị mặn. Bốn là nước triều chẳng quá giới hạn. Năm là đủ thứ bảo tàng. Sáu là chúng sinh thân lớn cư trú ở trong đó. Bảy là chẳng chứa chấp thân chết. Tám là tất cả muôn dòng nước, mưa lớn v.v... trút vào trong đó mà chẳng tăng, chẳng giảm. Nay thiện nam! Dần dần trở thành sâu có ba việc. Những gì là ba? Một là phước lực của chúng sinh, hai là thuận gió mà cháy, ba là nước sông vào cho đến việc chẳng tăng chẳng giảm cũng đều có ba việc. Kinh điển Đại Niết-bàn vì điều này cũng như vậy, có tám điều chẳng thể nghĩ bàn. Một là dần dần sâu như là năm giới, mười giới, hai trăm năm mươi giới, Bồ-tát giới v.v... như là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Phật-bích-chi, quả Bồ-tát, quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, kinh Niết-bàn này nói những pháp đó. Đó gọi là sâu dần dần. Vậy nên kinh này gọi là sâu dần dần. Hai là sâu khó dò được đáy: Như Lai Thế Tôn chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn, chẳng thọ, chẳng bố thí. Vậy nên gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Phật tánh chẳng phải là sắc, chẳng lìa khỏi sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức cho đến chẳng lìa khỏi thức, là thường có thể thấy rõ nhân, chẳng phải tác nhân. Tu-đà-hoàn cho đến Phật-bích-chi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không phiền não, cũng không trụ xứ, tuy không có phiền não nhưng chẳng gọi là thường. Vậy nên gọi là sâu. Lại có chỗ rất sâu ở trong kinh này. Hoặc khi nói ngã hoặc nói vô ngã, hoặc khi nói thường hoặc nói vô thường, hoặc khi nói tịnh hoặc nói bất tịnh, hoặc khi nói vui hoặc nói khổ, hoặc khi nói không hoặc nói chẳng không, hoặc nói tất cả có, hoặc nói tất cả không, hoặc nói ba thừa, hoặc nói một thừa, hoặc nói năm ấm tức là Phật tánh, Tam-muội kim cương và cả trung đạo, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, mười hai nhân duyên, đệ nhất nghĩa không, từ bi bình đẳng với các chúng sinh, nguyện trí, lín tâm, biết các căn, lực, trong tất cả pháp trí không ngăn ngại, tuy có Phật tánh nhưng chẳng nói quyết định. Vậy nên gọi là sâu. Ba là một vị: Tất cả chúng sinh đồng có Phật tánh, đều đồng một thừa, đồng một giải thoát, một nhân một quả, đồng một cam

lồ. Tất cả sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh. Đó gọi là một vị. Bốn là nước triều chẳng quá giới hạn: Như trong kinh này hạn chế các Tỳ-kheo chẳng được nhận nuôi chứa tám vật bất tịnh. Nếu đệ tử của ta có thể thọ trì, đọc tụng, ghi chép, giảng nói, phân biệt kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này thì thà mất thân mạng chớ nhất định chẳng hủy phạm kinh đó. Đó gọi là nước triều chẳng quá giới hạn. Năm là có đủ thứ bảo tàng. Kinh này tức là vô lượng bảo tàng. Nói là báu đó là bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo, hạnh anh nhi, hạnh thánh, hạnh phạm, hạnh trời, các thiện phương tiện, Phật tánh của chúng sinh, công đức của Bồ-tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh văn, công đức của Duyên giác, sáu pháp Ba-la-mật, vô lượng Tam-muội, vô lượng trí tuệ. Đó gọi là bảo tàng. Sáu là chỗ cư trú của chúng sinh thân lớn. Chúng sinh thân lớn là gọi Phật, Bồ-tát. Vì Phật, Bồ-tát có trí tuệ lớn nên gọi là chúng sinh lớn. Vì có thân lớn, tâm lớn, trang nghiêm lớn, điều phục lớn, phương tiện lớn, nói pháp lớn, thế lực lớn, đồ chúng lớn, thần thông lớn, từ bi lớn, thường hằng chẳng biến đổi, tất cả chúng sinh không ngăn ngại, dung thọ tất cả các chúng sinh, nên gọi là chỗ cư trú của chúng sinh thân lớn. Bảy là chẳng chứa chấp thân chết. Thân chết là gọi Nhất-xiển-đề, phạm bốn trọng cấm, năm tội vô gián, bài báng kinh Phương Đẳng, chẳng phải pháp nói là pháp, pháp nói là chẳng phải pháp, thọ nhận nuôi chứa tám thứ vật bất tịnh, vật của Phật, vật của Tăng sử dụng tùy ý, hoặc ở chỗ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni làm việc phi pháp. Đó gọi là thân chết. Kinh Niết-bàn này lia những điều như vậy. Vậy nên gọi là chẳng chứa chấp thân chết. Tám là chẳng tăng, chẳng giảm: không bờ cõi nên không thủ chung, chẳng phải sắc nên chẳng phải tạo tác, thường trụ nên chẳng sinh diệt, tất cả chúng sinh đều bình đẳng, tất cả pháp tánh đồng một tánh. Đó gọi là không tăng giảm. Vậy nên kinh này như biển cả kia, có tám điều chẳng nghĩ bàn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói Như Lai chẳng sinh chẳng diệt là sâu thì tất cả chúng sinh có bốn loại sinh là noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh. Bốn loại sinh này trong loài người có đủ: Như Tỳ-kheo Thích-bà-la, Tỳ-kheo Ưu-bà-thí-bà-la, mẹ trưởng giả Di-ca-la, mẹ trưởng giả

Ni-câu-đà, mẹ trưởng giả Bán-xà-la đều có năm trăm con đồng là do noãn sinh thì phải biết là trong loài người có sinh ra từ trứng. Thấp sinh thì như lời Phật nói, Ta vào thuở xưa, khi làm Bồ-tát từng làm vua sinh ra từ đỉnh đầu và làm vua sinh ra từ tay. Như hôm nay Phật nói, người con gái Am-la-thọ, con gái Bát-đa-thọ thì phải biết trong loài người có thấp sinh. Khi kiếp bắt đầu thì tất cả chúng sinh đều hóa sinh hết. Như Lai Thế Tôn được tám tự tại, vì nhân duyên gì mà chẳng hóa sinh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tất cả chúng sinh có bốn loại thọ sinh, nhưng người được thánh pháp rồi thì chẳng sinh từ trứng, từ chỗ ẩm thấp như trước. Này thiện nam! Ban đầu kiếp chúng sinh đều hóa sinh. Trong thời kỳ ấy, Phật chẳng ra đời. Này thiện nam! Nếu có chúng sinh khi gặp bệnh khổ thì cần thầy thuốc, cần thuốc. Lúc đầu kiếp chúng sinh đều hóa sinh, tuy có phiền não mà bệnh ấy chưa phát. Vậy nên Như Lai chẳng xuất hiện ở đời ấy. Đầu kiếp, thân chúng sinh chẳng phải pháp khí. Vậy nên Như Lai chẳng xuất hiện ở đời ấy. Này thiện nam! Sự nghiệp của Như Lai Thế Tôn hơn các chúng sinh như là về chủng tánh, quyến thuộc, cha mẹ. Do thù thắng nên lời nói pháp của Như Lai mọi người đều tín thọ. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa sinh. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh, hoặc cha làm theo nghề nghiệp con, con tạo tác nghiệp cha. Như Lai Thế Tôn nếu thọ hóa thân thì không cha mẹ. Nếu không cha mẹ thì làm sao có thể khiến cho tất cả chúng sinh tạo tác các nghiệp lành. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Này thiện nam! Trong chánh pháp của Phật có hai thứ hộ, một là nội, hai là ngoại. Nội hộ là gọi giới cấm. Ngoại hộ là gọi thân tộc quyến thuộc. Nếu Phật Như Lai thọ hóa thân thì không ngoại hộ. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Này thiện nam! Có người ỷ vào dòng họ mà sinh kiêu mạn, Như Lai vì phá sự kiêu mạn như vậy nên sinh ở dòng họ tôn quý, chẳng thọ hóa thân. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn có cha mẹ chân thật. Cha tên là Tịnh Phạm, mẹ tên là Ma-da mà các chúng sinh còn nói là huyễn thì làm sao mà thọ thân hóa sinh? Nếu thọ hóa thân thì làm sao được có xá lợi khi thân hoại. Như Lai vì thêm phước đức cho chúng sinh nên làm vụn nát thân ấy để cho họ cúng dường. Vậy nên Như Lai chẳng thọ hóa thân. Tất cả các Đức Phật đều không hóa

sinh thì sao khiến một mình là thọ hóa thân?

Bấy giờ, Bồ-tát Sư Tử Hống chấp tay, quỳ dài, gối phải đặt xuống đất, dùng kệ khen Đức Phật:

*Như Lai công đức thật không lường
 Con nay chẳng thể rộng tuyên nói
 Nay vì chúng sinh diễn một phần
 Nguyện xin thương xót cho con nói!
 Chúng sinh đi trong tối vô minh
 Thọ đủ vô minh trăm thứ khổ
 Thế Tôn có thể khiến xa lìa
 Nên đời xưng đáng Từ Bi lớn!
 Chúng sinh qua lại dây sinh tử
 Phóng dật mê man không an lạc
 Như Lai hay cho mọi an lạc
 Vậy nên cắt đứt dây sinh tử.
 Phật hay ban bố mọi an lạc
 Tự vui với mình, chẳng tham lạc
 Tu khổ hạnh vì các chúng sinh
 Nên thế gian cung kính cúng dường.
 Thấy người thọ khổ rúng động thân
 Ở tại địa ngục chẳng biết khổ
 Chịu khổ lớn vì các chúng sinh
 Vậy nên vô lượng không ai hơn.
 Phật tu khổ hạnh vì chúng sinh
 Thành tựu đầy đủ trọn lục độ
 Tâm ở gió tà chẳng chao đảo
 Nên có thể thắng bậc Đại sĩ.
 Chúng sinh thường muốn được an lạc
 Mà chẳng biết tu nhân an lạc
 Như Lai hay dạy khiến tu hành
 Giống như cha lành yêu con một.
 Phật thấy chúng sinh bệnh phiền não
 Lòng khổ như mẹ lo con bệnh
 Phương tiện khỏi bệnh nghĩ tới luôn*

Vậy nên thân này thuộc người khác.
 Các khổ, tất cả chúng sinh làm
 Mà lòng điên đảo cho là vui
 Như Lai diễn nói khổ, vui thật
 Nên xưng hiệu là Từ Bi lớn.
 Thế gian đều ở trướng vô minh
 Không có mở trí có thể phá
 Mở trí Như Lai mở phá tan
 Vậy nên gọi là tối đại tử.
 Chẳng bị phụ thuộc trong ba đời
 Không có tên gọi mà giả gọi
 Hiểu biết nghĩa thâm diệu Niết-bàn
 Vậy nên xưng Phật là Đại Giác.
 Có sông cuộn cuộn chìm chúng sinh
 Vô minh mù tối chẳng biết ra
 Như Lai tự độ, độ chúng sinh
 Vậy nên xưng Phật, Thuyền Sư Lớn.
 Có thể biết tất cả quả, nhân
 Cũng lại thông đạt hết diệt đạo
 Thường ban thuốc bệnh khổ chúng sinh
 Vậy nên đời xưng: Y Vương Lớn.
 Khổ hạnh, ngoại đạo thường tuyên dương
 Nhân đó hay được vui vô thượng
 Như Lai diễn nói hạnh chân lạc
 Hay khiến chúng sinh thọ an vui.
 Như Lai Thế Tôn phá tà đạo
 Khai thị chúng sinh đường chân chính
 Người đi đường đó được an lạc
 Nên xưng Phật là thầy dẫn dắt.
 Chẳng phải người và mình tạo tác
 Chẳng phải cùng làm, không nhân làm
 Việc thọ khổ theo lời Thế Tôn
 Còn hơn tất cả các ngoại đạo.
 Thành tựu giới, định, tuệ hoàn toàn
 Cũng đem pháp này dạy chúng sinh

*Khi đem pháp thí không tham tiếc
Cho nên Phật hiệu Vô Duyên Bi
Không sự tạo tác, không nhân duyên
Đạt được không nhân, không quả báo
Vậy nên tất cả các người trí
Khen ngợi Như Lai chẳng cầu báo.
Thường cùng đời làm việc buông lung
Mà chẳng bị buông lung ô nhiễm
Vậy nên gọi là chẳng nghĩ bàn
Tám pháp thế gian chẳng thể nhiễm.
Như Lai Thế Tôn không oán thân
Vậy nên tâm ấy thường bình đẳng
Sư tử hống con khen đại bi
Hay rống vô lượng Sư tử hống.*



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXI

Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 1

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thương xót tất cả chúng sinh. Đối với người chẳng điều phục có thể điều phục, người bất tịnh có thể làm cho tịnh, người không quy y có thể làm cho quy y, người chưa giải thoát có thể khiến cho giải thoát, được tám tự tại, làm đại y sư, làm đại được vương. Tỳ-kheo Thiện Tinh là đệ tử của Phật, khi làm Bồ-tát, sau khi xuất gia, thọ trì, đọc tụng, phân biệt, giảng Mười hai bộ loại kinh văn, hoại tan kết sử cõi Dục, đạt được tứ thiên mà sao Như Lai nói, Thiện Tinh chính là Nhất-xiển-đề, người thấp hèn, ở địa ngục suốt kiếp, người chẳng thể sửa trị? Như Lai vì sao chẳng trước vì ông ấy diễn nói chánh pháp, rồi sau mới vì Bồ-tát? Như Lai Thế Tôn nếu chẳng thể cứu Tỳ-kheo Thiện Tinh thì làm sao được gọi là đáng có đại từ, đại bi, có đại phương tiện?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ví như cha mẹ chỉ có ba người con. Người con thứ nhất có lòng tín thuận, cung kính cha mẹ, căn tánh lành lợi, có trí tuệ, đối với việc thế gian có thể mau biết rõ. Người con thứ hai chẳng kính cha mẹ, không có lòng tín thuận, căn tánh lành lợi, có trí tuệ, đối với việc thế gian có thể mau rõ biết. Người con thứ ba chẳng kính cha mẹ, không có lòng tín thuận, căn tánh ám độn, không có trí tuệ. Cha mẹ nếu khi muốn dạy bảo chúng thì nên dạy ai trước? Thân ái với ai trước? Phải dạy cho ai biết việc thế gian trước?

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước nên dạy trao cho người con có lòng tín thuận, cung kính cha mẹ, căn tánh lành lợi, có trí tuệ, hiểu biết việc

đời. Tiếp theo dạy người con thứ hai, rồi mới đến người con thứ ba. Nhưng mà hai người con kia tuy không có lòng tin thuận, cung kính nhưng vì thương yêu nên tiếp theo phải dạy bảo họ.

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy. Ba người con kia, người đầu tiên là dụ cho Bồ-tát, người ở giữa là dụ cho Thanh văn, người sau cùng là dụ cho Nhất-xiển-đề. Như ý nghĩa vi tế trong các kinh của Mười hai bộ loại kinh văn, Ta trước đã vì các Bồ-tát mà nói. Ý nghĩa thiển cận của kinh thì Ta vì hàng Thanh văn mà nói. Còn ý nghĩa thế gian thì Ta vì bọn Nhất-xiển-đề, tạo tội ngũ nghịch mà nói, trong đời hiện tại tuy không có lợi ích nhưng do lòng thương xót nên làm phát sinh những chủng tử thiện cho đời sau. Này thiện nam! Như có ba thứ ruộng: Một là ruộng có kênh mương lưu thông tiện lợi dễ dàng, không có những cát, đất mặn, sành, đá, gai góc v.v... thì gieo trồng một thu được cả trăm. Hai là ruộng tuy không có cát, đất mặn, sành đá, gai góc nhưng kênh mương hiểm trở khó khăn thì thu hoạch giảm đi một nửa. Ba là ruộng mà kênh mương hiểm trở khó khăn, có nhiều cát, đất mặn, sành, đá, gai góc thì gieo trồng một chỉ thu hoạch được cỏ khô. Này thiện nam! Người nông phu, trong tháng mùa xuân, nên gieo trồng ruộng nào trước?

–Bạch Thế Tôn! Họ nên gieo trồng ruộng đầu tiên trước, tiếp đến là ruộng thứ hai, rồi sau mới đến ruộng thứ ba.

–Ruộng đầu tiên là dụ cho Bồ-tát, ruộng tiếp theo là dụ cho Thanh văn, ruộng sau cùng là dụ cho Nhất-xiển-đề. Này thiện nam! Ví như ba cái đồ đựng: cái thứ nhất lành lặn, cái thứ hai bị rò rỉ, cái thứ ba bị vỡ. Nếu muốn đựng đầy sữa tươi, sữa đặc, kem sữa thì dùng cái nào trước?

–Bạch Thế Tôn! Nên dùng cái lành lặn, tiếp đến dùng cái rò rỉ, sau mới dùng đến cái bị vỡ.

–Cái lành lặn sạch sẽ ấy là dụ cho Bồ-tát Tăng, cái rò rỉ là dụ cho Thanh văn, cái bị vỡ là dụ cho Nhất-xiển-đề. Này thiện nam! Như có ba người bệnh đều đi đến chỗ thầy thuốc: Người thứ nhất dễ điều trị, người thứ hai khó điều trị, người thứ ba thì chẳng thể điều trị. Này thiện nam! Thầy thuốc nếu trị thì phải trị ai trước?

–Bạch Thế Tôn! Nên điều trị cho người dễ trước, tiếp đến là

người thứ hai, sau mới đến người thứ ba.

–Người dễ trị là dụ cho Bồ-tát Tăng. Người khó trị là dụ cho Thanh văn Tăng. Người chẳng thể trị là dụ cho Nhất-xiển-đề. Với hạng người này trong đời hiện tại tuy không có kết quả tốt nhưng vì thương xót nên Ta vì họ gieo trồng những hạt giống lành cho đời sau. Đây thiện nam! Ví như vị đại vương có ba con ngựa giống: Một là ngựa đã điều phục trẻ khỏe đầy sức mạnh. Hai là ngựa chẳng điều phục, trẻ khỏe, nhiều sức mạnh. Ba là ngựa chẳng điều phục, gầy yếu, không có sức mạnh. Nếu nhà vua cưới ngựa thì phải cưới con nào trước?

–Thưa Thế Tôn! Nên cưới con ngựa điều phục trẻ khỏe nhiều sức mạnh, tiếp đến cưới con thứ hai, sau mới cưới đến con thứ ba.

–Đây thiện nam! Con ngựa điều phục trẻ khỏe nhiều sức mạnh là dụ cho Bồ-tát Tăng, con ngựa thứ hai là dụ cho Thanh văn Tăng, con ngựa thứ ba là dụ cho Nhất-xiển-đề. Trong đời hiện tại hạng người này tuy không có ích lợi nhưng vì thương xót nên Ta vì họ gieo trồng hạt giống lành cho đời sau. Đây thiện nam! Như khi đại thí có ba người đến: Một là người quý tộc, thông minh, trì giới. Hai là người thuộc dòng họ bậc trung, độn căn, trì giới. Ba là người thuộc dòng họ thấp hèn, độn căn, phá giới. Đây thiện nam! Vị đại thí chủ này nên bố thí cho ai trước?

–Bạch Thế Tôn! Nên bố thí trước cho người quý tộc, lợi căn, trì giới, tiếp đến là người thứ hai, rồi sau mới đến người thứ ba.

–Người thứ nhất là dụ cho Bồ-tát Tăng, người thứ hai là dụ cho Thanh văn Tăng người thứ ba là dụ cho Nhất-xiển-đề. Đây thiện nam! Như con sư tử lớn khi giết chết con hương tượng phải dùng hết sức của nó, giết chết một con thỏ cũng vậy, chẳng sinh ý tưởng khinh thường. Các Đức Phật Như Lai cũng như vậy, khi vì các Bồ-tát và Nhất-xiển-đề diễn nói pháp công dụng không khác nhau.

–Đây thiện nam! Vào một thuở, Ta trụ ở thành Vương-xá, Tỳ-kheo Thiện Tinh là thị giả của Ta. Ở đầu đêm, Ta vì trời Đế Thích diễn nói pháp chính yếu. Theo phép làm đệ tử là nên ngủ sau thầy. Bấy giờ, do Ta ngồi lâu nên lòng Thiện Tinh sinh ý niệm ác. Trẻ con trai gái của thành Vương-xá thời đó nếu khóc không nín thì cha mẹ hay dọa rằng: “Nếu con chẳng nín thì sẽ đem con giao cho quỷ Bạc-câu-la”.

Lúc ấy, Thiện Tinh chấp lấy lời ấy mà nói với Ta: “Hãy mau vào thiên thất! Quỷ Bạc-câu-la đến”. Ta nói: “Này người ngu si! Ông thường chẳng nghe, Như Lai Thế Tôn chẳng sợ gì sao?”. Bấy giờ, Đế Thích liền nói với Ta: “Thưa Thế Tôn! Những người như vậy cũng được vào trong pháp Phật sao?”. Ta liền nói: “Này Kiều-thi-ca! Người như vậy được vào pháp Phật, cũng có Phật tánh, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Ta tuy vì Thiện Tinh nói pháp nhưng ông này hoàn toàn không có lòng tín thọ. Này thiện nam! Vào một thuở, Ta ở tại thành Thi-bà-phú-la của nước Ca-thi, Tỳ-kheo Thiện Tinh là thị giả của Ta. Khi Ta muốn vào thành đó khát thực có vô lượng chúng sinh hết lòng khao khát, ngưỡng mộ muốn thấy dấu chân của Ta nhưng Tỳ-kheo Thiện Tinh liền theo sau Ta mà xóa sạch dấu chân. Ông ấy đã chẳng những xóa hết mà còn khiến cho chúng sinh sinh lòng bất thiện. Ta vào thành rồi, ở quán rượu, thấy một Ni-kiền còng lưng ngồi chồm hỏm dưới đất ăn bã rượu. Tỳ-kheo Thiện Tinh thấy rồi nói: “Thưa Thế Tôn! Thế gian nếu có A-la-hán thì người này là tối thắng. Vì sao? Vì người này đã nói, không nhân không quả”. Ta nói: “Này người ngu si! Ông có thường nghe, A-la-hán thì chẳng uống rượu, chẳng hại người, chẳng lừa dối, chẳng trộm cắp, chẳng dâm dục chẳng? Còn như người này giết hại cha mẹ, ăn nuốt bã rượu thì sao mà nói là A-la-hán? Người này sau khi xả thân ngu si sẽ rơi vào địa ngục A-tỳ, còn A-la-hán đoạn tuyệt vĩnh viễn ba đường ác thì làm sao mà nói là A-la-hán?”. Thiện Tinh liền nói: “Tánh của bốn đại còn có thể chuyển dịch, muốn khiến cho người này nhất định rơi vào địa ngục A-tỳ thì đó là điều không có”. Ta nói: “Này người ngu si! Ông thường chẳng nghe lời nói thành thật của các Đức Phật Như Lai là không có hai sao?”. Ta tuy vì Thiện Tinh này nói pháp mà ông ta tuyệt không có lòng tín thọ. Này thiện nam! Vào một thuở, Ta cùng với Tỳ-kheo Thiện Tinh trụ ở thành Vương-xá. Bấy giờ, trong thành có một Ni càn tên là Khổ Đắc, thường nói: “Phiền não của chúng sinh không nhân không duyên. Giải thoát của chúng sinh cũng không nhân không duyên”. Tỳ-kheo Thiện Tinh lại nói: “Bạch Thế Tôn! Thế gian, nếu có A-la-hán thì Khổ Đắc là bậc hơn hết”. Ta nói: “Này người ngu si! Ni càn Khổ Đắc thật chẳng phải là A-la-hán, chẳng thể hiểu rõ đạo A-la-hán”. Thiện Tinh lại nói: “Vì sao

A-la-hán đối với A-la-hán mà sinh ra ganh ghét?”. Ta nói: “Này người ngu si! Ta đối với La-hán chẳng sinh ganh ghét mà ông tự sinh ra tà kiến ác. Nếu nói Khổ Đắc là La-hán thì sau bảy ngày ông ấy sẽ bị bệnh tức thực ăn không tiêu hóa, đau bụng mà chết, chết rồi sinh vào loài quỷ Thực thổ. Hạng đồng học của ông ấy sẽ đem thi thể ông ấy bỏ trong rừng lạnh”. Bấy giờ, Thiện Tinh liền đi đến chỗ của Ni-càn-tử Khổ Đắc nói: “Thưa trưởng lão! Trưởng lão có biết gì không? Sa-môn Cù-đàm đã nói ông sau bảy ngày sẽ bị bệnh tức thực, đau bụng mà chết, chết rồi sinh vào trong loài quỷ Thực thổ. Những người đồng học, đồng sư sẽ đem thi thể của ông bỏ trong rừng lạnh. Thưa trưởng lão, ông hãy tư duy khéo léo tạo mọi phương tiện tốt thì sẽ khiến cho Sa-môn Cù-đàm rơi vào trong tình trạng nói dối”. Lúc này, ông Khổ Đắc nghe lời đó xong thì liền nhịn ăn từ ngày thứ nhất cho đến ngày thứ sáu. Đủ bảy ngày rồi ông liền ăn đường đen. Ăn đường đen rồi lại uống nước lạnh. Uống nước lạnh rồi đau bụng mà mạng chung. Ông chết rồi bạn đồng học đem thi hài ông để trong rừng lạnh. Ông liền thọ hình thể loài quỷ đói thực thổ ở bên thi hài của mình. Tỳ-kheo Thiện Tinh nghe việc này rồi, đi đến trong rừng lạnh, thấy Khổ Đắc thọ thân hình loài quỷ thực thổ ở tại bên thi hài ông ấy, đang khom lưng ngồi xỏm trên đất. Thiện Tinh nói với ông ấy: “Thưa Đại đức! Ông chết rồi sao?”. Khổ Đắc đáp: “Ta đã chết rồi!”. Hỏi: “Vì sao chết vậy?”. Đáp: “Nhân đau bụng mà chết!”. Hỏi: “Ai đưa thi hài ông ra đây?”. Đáp: “Bạn đồng học đưa ra!”. Hỏi: “Đặt ở đâu?”. Đáp: “Người ngu si ơi! Ông nay chẳng biết rừng lạnh này sao?”. Hỏi: “Được thân gì?”. Đáp: “Ta được thân của loài quỷ thực thổ! Này Thiện Tinh! Ông đã lắng nghe! Như Lai nói lời thiện, lời đúng lúc, lời nghĩa, lời pháp. Này Thiện Tinh! Như Lai nói ra lời chân thật như vậy, tại sao lúc bấy giờ ông chẳng tin? Nếu có chúng sinh chẳng tin lời nói chân thật của Như Lai thì người đó cũng sẽ thọ thân này như ta”. Lúc này Thiện Tinh liền trở lại chỗ của Ta mà nói: “Bạch Thế Tôn! Ni-càn Khổ Đắc sau khi mạng chung sinh lên trời Ba Mười Ba”. Ta nói: “Này người ngu si! A-la-hán thì không có chỗ sinh làm sao mà nói Khổ Đắc sinh lên cõi trời Ba Mười Ba?”. Thiện Tinh nói: “Thưa Thế Tôn! Thật đúng như lời Thế Tôn, Ni-càn Khổ Đắc thật chẳng sinh lên cõi trời Ba Mười Ba mà nay đang thọ thân

loài quỷ đốit Thực thổ”. Ta nói: “Này người ngu si! Chư Phật Thế Tôn nói lời thành thật không sai khác. Nếu nói, Như Lai có nói hai lời thì đó là điều không có”. Thiện Tinh liền nói: “Lúc ấy Như Lai tuy nói lời nói đó nhưng con đốit với việc này chẳng tin”. Này thiện nam! Ta cũng vì Tỳ-kheo Thiện Tinh nói pháp chân thật mà ông ấy tuyệt nhiên không có lòng tín thọ. Này thiện nam! Tỳ-kheo Thiện Tinh tuy đọc tụng Mười hai bộ loại kinh văn, đạt được Tứ thiền nhưng thậm chí chẳng hiểu được ý nghĩa của một bài kệ, một câu, một chữ, lại còn gần gũi bạn ác làm thoái mất Tứ thiền. Mất Tứ thiền rồi thì sinh ra tà kiến, như vậy: “Không Phật, không Pháp, không có Niết-bàn! Sa-môn Cù-đàm giỏi biết phép xem tướng nên có thể biết được tâm của người khác!”. Ta vào lúc ấy, bảo Tỳ-kheo Thiện Tinh: “Pháp của Ta nói đầu thiện, giữa thiện và về sau cũng thiện. Lời nói ấy xảo diệu, chữ nghĩa chân chính. Lời nói không xen tạp, thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh!”. Tỳ-kheo Thiện Tinh lại nói: “Như Lai tuy lại vì con nói pháp nhưng con thật cho là không có nhân quả!”. Này thiện nam! Nếu ông chẳng tin việc như vậy thì hiện nay Tỳ-kheo Thiện Tinh ở gần sông Ni-liên-thiền, có thể cùng đi đến đó hỏi.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền cùng với Bồ-tát Ca-diếp đi đến chỗ của Thiện Tinh. Tỳ-kheo Thiện Tinh từ xa thấy Đức Phật đến, thấy rồi liền sinh lòng tà ác. Do lòng ác nên thân sống của ông bị hãm vào địa ngục A-tỳ.

–Này thiện nam! Tỳ-kheo Thiện Tinh tuy vào kho báu vô lượng của pháp Phật mà tay trắng, không thu hoạch được gì, thậm chí chẳng được sự lợi ích của một pháp, vì buông lung và theo ác tri thức. Ví như có người tuy vào biển cả, thấy nhiều thứ báu mà không được gì vì buông lung. Lại như vào được biển tuy thấy vật báu, rồi tự giết nhau mà chết, hoặc bị quỷ ác La-sát giết chết. Tỳ-kheo Thiện Tinh cũng như vậy, vào pháp Phật rồi mà bị đại quỷ La-sát ác tri thức giết hại. Này thiện nam! Vậy nên Như Lai do thương xót nên thường nói nhiều những sự buông lung của Tỳ-kheo Thiện Tinh. Này thiện nam! Nếu vốn là người bần cùng thì đốit với người này tuy thương xót nhưng không tha thiết lắm. Nếu vốn là người giàu có lớn mà bị phá sản thì đốit với người này sinh thương xót sâu đậm hơn. Tỳ-kheo Thiện Tinh cũng

như vậy, tuy thọ trì, đọc tụng Mười hai bộ loại kinh văn, đạt được Tứ thiền nhưng về sau thoái mất, rất đáng thương xót. Vậy nên Ta nói nhiều về những phóng dật của Tỳ-kheo Thiện Tinh. Vì nhiều phóng dật nên cắt đứt các căn lành. Những đệ tử của Ta, người có thấy nghe thì đối với người này không ai chẳng sinh lòng thương xót sâu đậm như người giàu có lúc đói, về sau phá sản. Đã nhiều năm Thiện Tinh thường theo Ta nhưng ông ấy tự sinh lòng tà ác, mà do tà ác nên chẳng bỏ ác kiến. Nay thiện nam! Ta từ trước đến nay nếu thấy ông Thiện Tinh này có một chút căn lành như sợi lông cọng tóc thì nhất định Ta chẳng nói, nhưng ông ấy đã đoạn tuyệt căn lành, là Nhất-xiển-đề, hạng người thấp kém, trụ kiếp địa ngục. Do ông ấy tuyên nói không nhân, không quả, không có tác nghiệp nên Ta mới nói, ông ấy vĩnh viễn cắt đứt thiện căn, là Nhất-xiển-đề, hạng người thấp hèn, trụ kiếp địa ngục. Nay thiện nam! Ví như có các người chìm trong nhà xí, có bậc thiện tri thức dùng tay kéo lên mà nếu được đầu tóc thì liền kéo ra khỏi, nhưng tìm lâu chẳng được vậy mới ngưng ý tìm kiếm. Ta cũng như vậy, tìm thấy chút xíu căn lành của Thiện Tinh thì liền muốn cứu vớt. Nhưng Ta trọn ngày tìm kiếm mà thậm chí chẳng được chút xíu căn lành như sợi lông cọng tóc. Vậy nên ông ấy chẳng được cứu vớt ra khỏi địa ngục.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai vì sao nói trước ông đó sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ?

–Nay thiện nam! Có nhiều quyến thuộc của Tỳ-kheo Thiện Tinh đều gọi Thiện Tinh là A-la-hán, là được đạo quả. Ta muốn hủy hoại lòng tà ác đó nên nói: “Ông Thiện Tinh đó do phóng dật nên đọa vào địa ngục. Nay thiện nam! Ông nay phải biết, lời nói của Như Lai chân thật không hai. Vì sao? Vì nếu lời nói của Phật là sẽ đọa vào địa ngục, mà nếu chẳng đọa thì không có điều này. Lời dự toán của Thanh văn, Duyên giác thì có hai trường hợp: hoặc sai hoặc đúng. Như Tôn giả Mục-kiền-liên, ở tại nước Ma-già-đà, bảo khắp mọi người, sau bảy ngày trời sẽ tuôn mưa, mà hết thời hạn trời chẳng mưa. Ông lại dự đoán rằng, con trâu cái sẽ sinh con nghé trắng, đến khi con trâu ấy sinh thì sinh ra con nghé loang lỗ, dự đoán sinh nam thì sau sinh ra nữ. Nay thiện nam! Tỳ-kheo Thiện Tinh thường nói với vô lượng chúng sinh, tất

cả không quả báo thiện ác. Khi ấy ông đã cắt đứt vĩnh viễn tất cả căn lành, thậm chí không còn chút xíu như sợi lông cọng tóc. Nay thiện nam! Ta biết từ lâu Tỳ-kheo Thiện Tinh này sẽ cắt đứt căn lành. Do vậy nên trọn hai mươi năm Ta chăm sóc cùng ở chung, cùng du hành. Nếu Ta rời xa chẳng gần gũi bên cạnh thì người này sẽ dạy cho vô lượng chúng sinh tạo tác nghiệp ác. Đó gọi là lực giải thứ năm của Như Lai.

–Thưa Thế Tôn! Hạng Nhất-xiển-đề vì nhân duyên gì mà không có pháp thiện?

–Này thiện nam! Hạng Nhất-xiển-đề đoạn tuyệt căn lành. Chúng sinh có năm căn như Tín v.v... mà Nhất-xiển-đề thì đoạn diệt vĩnh viễn. Do nghĩa này nên giết hại một con kiến còn bị tội sát sinh nhưng giết chết Nhất-xiển-đề thì không bị tội sát sinh.

–Bạch Thế Tôn! Nhất-xiển-đề thì nhất định không có pháp thiện. Vậy nên gọi là Nhất-xiển-đề sao?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy!

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh có ba thứ thiện. Đó là quá khứ thiện, hiện tại thiện và vị lai thiện. Nhất-xiển-đề cũng chẳng thể đoạn dứt pháp thiện của vị lai thì sao nói, đoạn các pháp thiện gọi là Nhất-xiển-đề?

–Này thiện nam! Đoạn có hai thứ: Một là hiện tại diệt. Hai là hiện tại chướng ngại đến vị lai. Hạng Nhất-xiển-đề đủ cả hai thứ đoạn này. Vậy nên Ta nói, đoạn dứt các căn lành. Nay thiện nam! Ví như có người chìm trong hầm xí chỉ có đầu một sợi tóc chưa chìm. Tuy đầu còn một sợi tóc chưa chìm nhưng một sợi tóc trên đầu thì chẳng thể thấy được thân. Hạng Nhất-xiển-đề cũng như vậy, tuy đời vị lai sẽ có thiện căn mà chẳng thể cứu thoát khỏi khổ của địa ngục. Đời vị lai tuy có thể cứu vớt nhưng đời hiện tại thì điều đó không có. Vậy nên gọi là chẳng thể cứu tế. Do nhân duyên Phật tánh nên có thể được cứu. Phật tánh thì chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Vậy nên Phật tánh chẳng thể đoạn được. Như hạt giống mục nát thì chẳng thể mọc mầm. Nhất-xiển-đề cũng như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Hạng Nhất-xiển-đề chẳng đoạn dứt Phật tánh

mà Phật tánh cũng thiện thì làm sao nói, đoạn dứt tất cả pháp thiện?

–Này thiện nam! Nếu các chúng sinh trong đời hiện tại có Phật tánh thì chẳng được gọi là Nhất-xiển-đề. Như tánh ngã của chúng sinh trong thế gian, Phật tánh là thường, chẳng hệ thuộc vào ba đời. Nếu hệ thuộc vào ba đời thì gọi là vô thường. Phật tánh do vị lai sẽ thấy nên nói, chúng sinh đều có Phật tánh. Do nghĩa này nên Bồ-tát Thập Trụ trang nghiêm đầy đủ mới được thấy chút ít.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật tánh thường giống như hư không thì vì sao Như Lai nói vị lai? Nếu Như Lai nói Nhất-xiển-đề không có pháp thiện thì Nhất-xiển-đề đối với người đồng học, đồng sư, cha mẹ, thân tộc, vợ con của họ lẽ nào chẳng sinh lòng ái niệm sao? Nếu hạng ấy sinh lòng đó thì chẳng phải là thiện chăng?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông hỏi hay lắm. Phật tánh giống như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Tất cả chúng sinh có ba thứ thân. Đó là thân quá khứ, thân hiện tại và thân vị lai. Thân chúng sinh vị lai đầy đủ trang nghiêm thanh tịnh thì được thấy Phật tánh. Vậy nên Ta nói Phật tánh vị lai. Này thiện nam! Ta vì chúng sinh hoặc khi nói nhân là quả, hoặc khi nói quả là nhân. Vậy nên trong kinh nói mạng là ăn, thấy sắc là xúc. Thân vị lai thanh tịnh nên nói Phật tánh.

–Bạch Thế Tôn! Như lời Đức Phật nói nghĩa như vậy thì vì sao nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh?

–Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh tuy hiện tại không nhưng chẳng thể nói là không. Như tánh hư không tuy hiện tại không nhưng chẳng được nói là không. Tất cả chúng sinh tuy lại vô thường mà Phật tánh này thường trụ không biến đổi. Vậy nên ở trong kinh này Ta nói, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, giống như hư không chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Như hư không ấy có trong ngoài thì hư không chẳng gọi là một, là thường, cũng chẳng được nói, tất cả chỗ đều có. Hư không tuy lại chẳng phải trong, chẳng phải ngoài mà các chúng sinh đều có nó. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Như lời ông nói, hạng Nhất-xiển-đề có pháp thiện thì

nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hạng Nhất-xiển-đề nếu có nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý, nghiệp thủ, nghiệp cầu, nghiệp thí, nghiệp giải v.v... những nghiệp như vậy thì đều là nghiệp tà. Vì sao? Vì chẳng cầu nhân quả. Nay thiện nam! Như quả, rễ, thân, cành, lá, hoa... của cây Ha lê lặc đều đấng, nghiệp của Nhất-xiển-đề cũng như vậy.

Nay thiện nam! Như Lai biết đầy đủ các căn, lực. Vậy nên Như Lai khéo có thể phân biệt chúng sinh thượng căn, trung căn, hạ căn. Như Lai có thể biết người này chuyển đổi hạ căn trở thành trung căn, có thể biết người này chuyển đổi trung căn trở thành thượng căn, có thể biết người này chuyển đổi thượng căn trở thành trung căn, có thể biết người này chuyển đổi trung căn trở thành hạ căn. Vậy nên ông phải biết là căn tánh của chúng sinh không có quyết định. Do không quyết định nên hoặc đoạn dứt thiện căn mà đoạn rồi thì sinh trở lại. Nếu căn tánh của những chúng sinh định thì nhất định trước chẳng đoạn dứt và đoạn rồi thì sinh ra, cũng chẳng nên nói, hạng Nhất-xiển-đề rơi vào địa ngục sống lâu một kiếp. Nay thiện nam! Vậy nên Như Lai nói, tất cả pháp không có tướng quyết định.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai biết đầy đủ các căn, lực thì nhất định biết Tỳ-kheo Thiện Tinh sẽ đoạn dứt thiện căn. Do nhân duyên gì mà Thế Tôn cho phép ông ấy xuất gia?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Vào thuở trước, khi Ta mới xuất gia thì em Ta là Nan-đà, từng đệ là A-nan, ĐỀ-bà-đạt-đa, con Ta là La-hầu-la, những người như vậy đều theo Ta xuất gia tu đạo. Nếu Ta chẳng cho ông Thiện Tinh xuất gia thì người ấy theo thứ tự sẽ được nối ngôi vua. Thế lực ông ấy tự tại thì sẽ hủy hoại pháp Phật. Do nhân duyên này nên Ta cho ông ấy xuất gia tu đạo. Nay thiện nam! Tỳ-kheo Thiện Tinh nếu chẳng xuất gia cũng đoạn dứt thiện căn, ở vô lượng đời đều không có lợi ích. Nay ông ấy xuất gia rồi, tuy đoạn thiện căn nhưng có thể thọ trì giới, cúng dường cung kính bậc kỳ cựu trưởng túc và người có đức, tu tập Sơ thiền cho đến Tứ thiền. Đó gọi là nhân duyên thiện. Nhân duyên thiện như vậy có thể sinh ra pháp thiện. Pháp thiện đã sinh thì có thể tu đạo. Đã tu tập đạo thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác. Vậy nên Ta cho Tỳ-kheo Thiện Tinh xuất gia. Nay thiện nam! Nếu Ta chẳng cho Tỳ-kheo Thiện Tinh xuất gia thọ giới thì Ta chẳng được xưng là Như Lai đầy đủ mười lực. Nay thiện nam! Phật quan sát chúng sinh đầy đủ pháp thiện và pháp bất thiện. Người này tuy đủ hai pháp như vậy nhưng chẳng bao lâu có thể đoạn dứt tất cả thiện căn mà đầy đủ căn bất thiện. Vì sao? Vì chúng sinh như vậy chẳng gần gũi bạn tốt, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng theo đúng như pháp tu hành. Do nhân duyên này người ấy có thể cắt đứt thiện căn, đầy đủ căn bất thiện. Nay thiện nam! Như Lai lại biết người này đời hiện tại hay đời vị lai lúc nhỏ, lúc lớn, khi già sẽ gần gũi bạn tốt, thính thọ chánh pháp: Khổ, tập, diệt, đạo thì lúc ấy có thể lại sinh ra căn lành. Nay thiện nam! Ví như có dòng suối cách xóm làng chẳng xa. Nước suối ấy ngon ngọt, đủ tám vị công đức. Có người nóng khát muốn đi đến suối. Có người trí ở bên cạnh quan sát biết người khát đó nhất định sẽ đi đến chỗ nước không gì nghi ngờ. Vì sao? Vì không có con đường nào khác. Như Lai Thế Tôn quan sát các chúng sinh cũng như vậy. Vậy nên Như Lai gọi là biết đầy đủ các căn lực.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn lấy ít đất ở dưới đất đặt lên móng tay rồi bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Đất này nhiều hay đất của thế giới mười phương nhiều?

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đất trên móng tay thì chẳng thể sánh với đất của mười phương được.

–Nay thiện nam! Có người xả thân trở lại được thân người, xả thân ba đường ác, được thọ thân người, các căn đầy đủ lành lặn, sinh ra ở trung tâm đất nước, đầy đủ chánh tín, có thể tu tập đạo, đã tu đạo là có thể được giải thoát, được giải thoát rồi là có thể vào Niết-bàn thì như đất trên móng tay. Còn chúng sinh xả thân người rồi thọ thân ba đường ác, xả thân ba đường ác rồi lại thọ thân ba đường ác, các căn chẳng đủ, sinh ra nơi biên địa, tin tà kiến điên đảo, tu tập tà đạo, chẳng được giải thoát, Niết-bàn thường lạc thì như đất đai của thế giới mười phương. Nay thiện nam! Hộ trì giới cấm, tinh cần chẳng biếng trễ, chẳng phạm bốn trọng cấm, chẳng tạo tội ngũ nghịch, chẳng dùng đồ vật của Tăng chúng, chẳng làm Nhất-xiển-đề, chẳng cắt đứt căn lành,

tin kinh điển Niết-bàn v.v... những người như vậy như đất trên móng tay. Phá hủy giới, biếng trễ, phạm bốn trọng cấm, tạo tội ngũ nghịch, dùng độ vật của Tăng chúng, làm Nhất-xiển-đề, cắt đứt các căn lành, chẳng tin kinh điển Niết-bàn v.v... những người như vậy như đất đai của thế giới mười phương. Nay thiện nam! Như Lai khéo biết chúng sinh thượng căn, trung căn và hạ căn như vậy. Vậy nên xưng Phật là bậc biết đầy đủ căn lực.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai đầy đủ sự biết căn lực này nên có thể biết sự sai biệt về ngu độn, lanh lợi, hạ căn, trung căn, thượng căn của tất cả chúng sinh, biết các căn của chúng sinh đời hiện tại, cũng biết các căn của chúng sinh đời vị lai. Sau khi Phật diệt độ, những chúng sinh như vậy sẽ nói lên như vậy: Như Lai vào Niết-bàn rốt ráo hoặc chẳng vào Niết-bàn rốt ráo, hoặc nói có ngã, hoặc nói vô ngã, hoặc có trung ấm, hoặc không trung ấm, hoặc nói có thoái, hoặc nói không thoái, hoặc nói thân Như Lai là hữu vi, hoặc nói thân Như Lai là vô vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói tâm là hữu thường, hoặc nói tâm là vô thường, hoặc nói thọ năm dục lạc có thể chướng ngại Thánh đạo, hoặc nói chẳng ngăn ngại, hoặc nói pháp đệ nhất của đời chỉ là dục giới, hoặc nói là tam giới, hoặc nói bố thí chỉ là nghiệp của ý, hoặc nói chính là của năm ấm. Hoặc có người nói, có ba vô vi. Hoặc có người nói, không có ba vô vi. Lại có người nói, có tạo sắc. Lại có người nói, không tạo sắc. Hoặc có người nói, có không tạo tác sắc. Hoặc có người nói, không không tạo tác sắc. Hoặc có người nói, có pháp tâm sở. Hoặc có người nói, không có pháp tâm sở. Hoặc có người nói, có năm thứ hữu. Hoặc có người nói, có sáu thứ hữu. Hoặc có người nói, tám pháp trai giới, người đầy đủ giới Ưu-bà-tắc thọ được. Hoặc có người nói, người chẳng đủ thọ được. Hoặc có người nói, Tỳ-kheo phạm bốn trọng cấm rồi thì giới Tỳ-kheo vẫn tồn tại, hoặc nói chẳng tồn tại. Hoặc có người nói, bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán đều được Phật đạo, hoặc nói chẳng được. Hoặc có người nói, Phật tánh tức là cõi chúng sinh, hoặc nói Phật tánh lìa khỏi cõi chúng sinh. Hoặc có người nói, người phạm bốn trọng cấm, tạo tội ngũ nghịch, Nhất-xiển-đề v.v....

đều có Phật tánh, hoặc nói không. Hoặc có người nói, có Phật mười phương, hoặc nói không có Phật mười phương. Như Đức Như Lai thành tựu đầy đủ việc biết căn lực ấy thì vì sao ngày hôm nay chẳng quyết định nói?

Đức Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp:

–Này thiện nam! Nghĩa như vậy chẳng phải là cái biết của nhãn thức, cho đến chẳng phải là cái biết của ý thức, mà đó là cái biết của trí tuệ. Nếu người có trí tuệ thì Ta đối với người này nhất định chẳng nói sai khác. Đó cũng gọi là Ta chẳng nói hai lời. Đối với kẻ vô trí thì Ta nói lời nói bất định, mà kẻ vô trí này cũng lại cho là Ta nói lời nói bất định. Này thiện nam! Tất cả hạnh lành của Như Lai đều vì điều phục các chúng sinh. Ví như những phương thuốc của vị y vương đều vì trị liệu tất cả bệnh khổ. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn vì đất nước, vì thời tiết, vì ngôn ngữ khác, vì mọi người, vì mọi căn tánh nên ở trong một pháp nói hai cách nói, đối với pháp một tên nói ra vô lượng tên, ở trong một nghĩa nói ra vô lượng tên, ở vô lượng nghĩa nói ra vô lượng tên. Sao gọi là một tên nói ra vô lượng tên? Giống như Niết-bàn, cũng tên là Niết-bàn, cũng tên là Vô Sinh, cũng tên là Vô Xuất, cũng gọi là Vô Tác, cũng gọi là Vô Vi, cũng gọi là Quy Y, cũng gọi là Hang Ổ, cũng gọi là Giải Thoát, cũng gọi là Quang Minh, cũng gọi là Đăng Minh, cũng gọi là Bỉ Ngạn, cũng gọi là Vô Úy, cũng gọi là Vô Thoái, cũng gọi là An Xứ, cũng gọi là Tịch Tĩnh, cũng gọi là Vô Tướng, cũng gọi là Vô Nhị, cũng gọi là Nhất Hạnh, cũng gọi là Thanh Lương, cũng gọi là Vô Âm, cũng gọi là Vô Ngại, cũng gọi là Vô Tránh, cũng gọi là Vô Trước, cũng gọi là Quảng Đại, cũng gọi là Cam Lồ, cũng gọi là Cát Tường v.v... Đó gọi là một tên tạo ra vô lượng tên.

Sao gọi là một nghĩa nói ra vô lượng tên? Giống như Đế thích. Cũng gọi là Đế thích, cũng gọi là Kiêu-thi-ca, cũng gọi là Bà-tha-bà, cũng gọi là Phú-lan-đà-la, cũng gọi là Ma-khư-bà, cũng gọi là Nhân-đà-la, cũng gọi là Thiên nhân, cũng gọi là Xá-chỉ-phù, cũng gọi là Kim Cương, cũng gọi là Bảo Đỉnh, cũng gọi là Bảo Tràng. Đó là một nghĩa nói ra vô lượng tên.

Sao gọi là vô lượng nghĩa nói ra vô lượng tên? Như Phật Như Lai gọi là Như Lai thì nghĩa khác tên khác, cũng gọi là A-la-ha thì nghĩa

khác tên khác, cũng gọi là Tam-miêu-tam-phật-đà thì nghĩa khác tên khác, cũng gọi là Thuyền Sư, cũng gọi là Đạo Sư, cũng gọi là Chánh Giác, cũng gọi là Minh Hành Túc, cũng gọi là Đại Sư Tử Vương, cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là Bà-la-môn, cũng gọi là Tịch Tĩnh, cũng gọi là Thí Chủ, cũng gọi là Đáo Bỉ Ngạn, cũng gọi là Đại Y Vương, cũng gọi là Đại Tượng Vương, cũng gọi là Đại Long Vương, cũng gọi là Thí Nhân, cũng gọi là Đại Lực Sĩ, cũng gọi là Đại Vô Úy, cũng gọi là Bảo Tụ, cũng gọi là Thương Chủ, cũng gọi là Đắc Thoát, cũng gọi là Đại Trượng Phu, cũng gọi là Thiên Nhân Sư, cũng gọi là Đại Phân Đà Lợi, cũng gọi là Độc Vô Đẳng Lữ, cũng gọi là Đại Phước Điền, cũng gọi là Đại Trí Tuệ Hải, cũng gọi là Vô Tướng, cũng gọi là Cụ Túc Bát Trí. Như vậy tất cả nghĩa khác, tên khác. Này thiện nam! Đó gọi là trong vô lượng nghĩa nói vô lượng tên.

Lại có một nghĩa nói vô lượng tên. Đó là như Ấm, cũng gọi là ấm, cũng gọi là điền đảo, cũng gọi là đế, cũng gọi là Tứ niệm xứ, cũng gọi là Tứ thực, cũng gọi là Tứ thức trụ xứ, cũng gọi là hữu, cũng gọi là đạo, cũng gọi là thời, cũng gọi là chúng sinh, cũng gọi là thế, cũng gọi là đệ nhất nghĩa; cũng gọi là tam tu thân, giới, tâm; cũng gọi là nhân quả, cũng gọi là phiền não, cũng gọi là giải thoát, cũng gọi là mười hai nhân duyên; cũng gọi là Thanh văn, Phật-bích-chi; cũng gọi là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, nhân thiên; cũng gọi là quá khứ, hiện tại, vị lai. Đó gọi là một nghĩa mà gọi vô lượng tên. Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn vì chúng sinh nên trong rộng nói lược, trong lược nói rộng. Đệ nhất nghĩa đế nói là Thế đế, nói Thế đế pháp là Đệ nhất nghĩa đế.

Sao gọi là trong rộng nói lược? Như bảo các Tỳ-kheo: “Ta nay tuyên nói mười hai nhân duyên. Sao gọi là mười hai nhân duyên? Đó là nhân quả.

Sao gọi là trong lược nói rộng? Như bảo các Tỳ-kheo: “Ta nay tuyên nói Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ nghĩa là vô lượng khổ, Tập nghĩa là vô lượng phiền não, Diệt nghĩa là vô lượng giải thoát, Đạo nghĩa là vô lượng phương tiện.

Sao gọi là Đệ nhất nghĩa đế là Thế đế? Như bảo các Tỳ-kheo: “Thân này của Ta hôm nay có già, bệnh, chết”. Sao gọi Thế đế là Đệ nhất nghĩa đế? Như Ta bảo ông Kiều-trần-như: “Ông được pháp nên

được gọi là A-nhã Kiều-trần-như”. Vậy nên tùy người, tùy ý, tùy lúc nên gọi là Như Lai biết các căn lực. Nay thiện nam! Ta nếu phải đối với những nghĩa như vậy mà nói lời nói quyết định thì Ta chẳng được tôn xưng là Như Lai biết đầy đủ căn lực. Nay thiện nam! Người có trí phải biết: Sức chở của con Hương tượng chẳng phải sức chở của con lừa mà hơn được. Việc làm của tất cả chúng sinh vô lượng vậy nên Như Lai vì họ nói đủ vô lượng pháp. Vì sao? Vì chúng sinh có nhiều phiền não. Nếu giả sử Như Lai chỉ nói về một hạnh thì chẳng gọi là Như Lai thành tựu đầy đủ sự hiểu biết các căn lực. Vậy nên ở trong kinh khác của Ta nói, năm loài chúng sinh chẳng nên trở lại vì họ nói năm thứ pháp: Vì người chẳng tin thì chẳng khen chánh tín, vì người hủy phạm giới cấm thì chẳng khen trì giới, vì người tham lam keo kiệt thì chẳng khen bố thí, vì người biếng trễ thì chẳng khen đa văn, vì người ngu si chẳng khen trí tuệ. Vì sao? Vì người trí nếu vì năm hạng người này mà nói năm việc đó thì phải biết là người này chẳng được đầy đủ sự biết các căn lực, cũng chẳng được gọi là thương xót chúng sinh. Vì sao? Vì năm hạng người này nghe năm việc đó rồi thì sinh lòng bất tín, lòng ác, lòng sân. Do nhân duyên này mà chúng sinh đó ở trong vô lượng đời chịu quả báo khổ. Vậy nên chẳng gọi là thương xót chúng sinh, biết đầy đủ căn lực. Do đó trước đây, ở trong kinh khác, Ta bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: “Thận trọng không vì người lợi căn rộng nói pháp ngữ, còn người độn căn thì nói pháp tóm lược”. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Thưa Thế Tôn! Con chỉ vì thương xót nên nói, chẳng phải là đầy đủ căn lực nên nói”. Nay thiện nam! Nói pháp rộng hay lược là cảnh giới của Phật, chẳng phải sự hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nay thiện nam! Như lời ông nói, sau khi Phật Niết-bàn, các đệ tử v.v... đều nói khác thì những người đó đều do nhân duyên điên đảo, chẳng được chánh kiến. Vậy nên họ chẳng thể tự lợi và lợi tha. Nay thiện nam! Những chúng sinh đó chẳng phải chỉ một tánh, một hạnh, một căn, một thứ đất nước, một thiện tri thức. Vậy nên Như Lai vì đủ hạng người đó mà tuyên nói pháp chính yếu. Do nhân duyên này mà các Đức Phật Như Lai ba đời trong mười phương vì chúng sinh khai thị diễn nói Mười hai bộ loại kinh văn. Nay thiện nam! Như Lai nói Mười hai bộ loại kinh văn đó chẳng phải vì tự lợi mà chỉ vì lợi tha. Vậy nên lực

thứ năm của Như Lai gọi là Giải lực. Nhờ hai lực này mà Như Lai biết sâu: Người này hiện tại có thể cắt đứt thiện căn, người này đời sau có thể cắt đứt thiện căn, Người này hiện tại có thể được giải thoát, người này đời sau có thể được giải thoát... Vậy nên Như Lai gọi là Lực sĩ vô thường.

Này thiện nam! Nếu có người nói, Như Lai Niết-bàn rất ráo hay chẳng Niết-bàn rất ráo thì người này chẳng hiểu được ý của Như Lai nên nói lời như vậy. Này thiện nam! Trong núi Hương này có năm vạn ba ngàn tiên nhân, họ đều ở chỗ Đức Phật Ca-diếp đời quá khứ, tu các công đức nhưng chưa được chánh đạo và gần gũi chư Phật nghe chánh pháp. Như Lai vì muốn độ những người đó nên bảo Tôn giả A-nan: “Qua ba tháng Ta sẽ Niết-bàn”. Chư Thiên nghe rồi, tiếng ấy lần lần vang vọng đến tận núi Hương, các tiên nhân nghe rồi liền sinh lòng hối tiếc, nói như vậy: “Sao chúng ta được sinh ra trong loài người mà chẳng thân cận Đức Phật. Các Đức Phật Như Lai ra đời rất khó như hoa Ưu-đàm. Chúng ta nay phải đi đến chỗ Đức Thế Tôn để nghe thọ chánh pháp”. Này thiện nam! Bấy giờ năm vạn ba ngàn tiên nhân liền đến chỗ Ta. Ta liền vì họ tùy cơ nói pháp: “Này các Đại sĩ! Sắc là vô thường. Vì sao? Vì nhân duyên của sắc là vô thường. Nhân vô thường sinh ra sắc thì sao gọi là thường được? Cho đến thức Ta cũng nói như vậy”. Lúc này, các tiên nhân nghe pháp này rồi tức thời chứng được quả A-la-hán.

Này thiện nam! Thành Câu-thi-na có các Lực sĩ nhiều đến ba mươi vạn người mà không có sự ràng buộc. Họ tự thị kiêu mạn, phóng túng sắc lực, thân mạng, của cải, lòng loạn cuồng say. Này thiện nam! Ta vì điều phục các Lực sĩ nên bảo Tôn giả Mục-kiền-liên: “Ông phải điều phục những Lực sĩ như vậy”. Tôn giả Mục-kiền-liên cung kính thuận theo lời dạy của Ta, trong năm năm, dùng đủ cách giáo hóa nhưng thậm chí chẳng thể khiến cho một Lực sĩ điều phục thọ pháp. Vậy nên Ta lại vì những Lực sĩ kia mà bảo Tôn giả A-nan: “Qua ba tháng, Ta sẽ Niết-bàn”. Này thiện nam! Khi ấy, các Lực sĩ nghe lời nói này rồi thì tập hợp nhau lại, sửa sang đường xá bằng phẳng. Qua ba tháng rồi, Ta liền từ nước Tỳ-xá-ly đi đến thành Câu-thi-na. Giữa đường, từ xa thấy một nhóm những Lực sĩ, Ta liền tự hóa thân làm hình

dáng Sa-môn, đi đến chỗ Lực sĩ, nói như vậy: “Các đồng tử làm việc gì vậy?”. Các Lực sĩ nghe rồi đều nổi sân giận mà nói như vậy: “Này Sa-môn! Nay tại sao ông gọi bọn chúng tôi là đồng tử?”. Ta nói: “Các người rất đông người, đến ba mươi vạn người đem hết sức lực của thân mình mà chẳng thể dời được tảng đá nhỏ xíu này thì sao chẳng gọi là đồng tử?”. Các Lực sĩ nói: “Nếu ông gọi chúng tôi là đồng tử thì phải biết ông tức là người lớn vậy”. Này thiện nam! Lúc ấy, Ta dùng hai ngón chân đào tảng đá này ra. Các Lực sĩ này thấy việc đó rồi liền đối với thân mình phát sinh ý tưởng yếu kém, lại nói: “Này ông Sa-môn! Ông có thể dời tảng đá này ra khỏi đường đi không?”. Ta nói: “Này các đồng tử! Vì nhân duyên gì mà các ông sửa sang con đường này?”. Các Lực sĩ nói: “Này ông Sa-môn! Ông chẳng biết sao? Đức Như Lai Thích Ca sẽ theo con đường này đi đến rừng Ta-la để vào Niết-bàn. Do nhân duyên đó nên chúng tôi sửa sang”. Ta khen: “Hay thay! Hay thay! Này các đồng tử! Các ông đã phát lòng lành như vậy thì Ta sẽ vì các ông dẹp bỏ tảng đá này”. Rồi Ta dùng tay nâng tảng đá ném lên cao đến tận cõi trời A-ca-ni-sắc. Các Lực sĩ thấy tảng đá ở tại hư không đều sinh kinh sợ, liền muốn chạy tứ tán. Ta lại bảo: “Này các Lực sĩ! Các ông nay chẳng nên sinh lòng sợ hãi mà toan chạy đi”. Các Lực sĩ nói: “Này ông Sa-môn! Nếu có thể cứu giúp chúng tôi thì chúng tôi sẽ ở yên”. Bấy giờ Ta lại dùng tay tiếp lấy tảng đá đặt nó vào bàn tay phải. Lực sĩ thấy rồi thì lòng sinh vui mừng, lại nói: “Thưa ông Sa-môn! Tảng đá này là thường hay vô thường vậy?”. Lúc ấy, Ta dùng miệng thổi tảng đá thì tảng đá liền tan hoại giống như vi trần. Lực sĩ thấy xong liền nói: “Thưa ông Sa-môn! Tảng đá này vô thường”. Họ liền sinh lòng hổ thẹn mà tự trách: “Tại sao chúng ta cậy vào sự tự do, sắc lực, thân mạng, của cải mà sinh ra kiêu mạn?”. Ta biết lòng của họ, liền xả bỏ hóa thân trở lại hình dáng cũ mà vì họ nói pháp. Các Lực sĩ thấy rồi thì tất cả đều phát tâm Bồ-đề.

Này thiện nam! Thành Câu-thi-na có một người thợ khéo tên là Thuần-đà. Người này đời trước ở chỗ Đức Phật Ca-diếp phát thệ nguyện lớn: “Khi Đức Như Lai Thích Ca vào Niết-bàn thì con sẽ cúng dường bữa ăn sau cùng”. Vậy nên Ta đang ở nước Tỳ-xá-ly, lệnh cho Tỳ-kheo Ưu-bà-ma-na: “Này thiện nam! Qua ba tháng nữa thì Ta ở

rừng Ta-la song thọ tại thành Câu-thi-na vào Niết-bàn. Ông hãy đến bảo cho ông Thuần-đà biết”.

Này thiện nam! Trong thành Vương-xá có vị Tiên nhân chứng năm thông tên là Tu-bạt-đà một trăm hai mươi tuổi, thường tự xưng là người Nhất thiết trí, sinh lòng kiêu mạn lớn. Ông này đã từng ở chỗ vô lượng Phật đời quá khứ gieo trồng các căn lành. Ta cũng vì muốn điều phục người đó nên bảo Tôn giả A-nan: “Qua ba tháng, Ta sẽ vào Niết-bàn, ông Tu Bạt nghe rồi sẽ đến chỗ Ta, phát sinh lòng tin kính, Ta sẽ vì ông ấy nói đủ thứ pháp. Ông ta nghe rồi sẽ được lậu tận”.

Này thiện nam! Vua nước La-duyệt-kỳ là Tần-bà-ta-la. Thái tử của vua ấy tên là Thiện Kiến, do nghiệp nhân duyên nên sinh lòng nghịch ác muốn hại cha mình mà chẳng có cơ hội. Bấy giờ, người ác Đề-bà-đạt-đa cũng do nhân duyên nghiệp quá khứ nên ở chỗ Ta sinh lòng bất thiện muốn hại Ta, liền tu ngũ thông, chẳng bao lâu thì đạt được kết quả. Ông cùng với Thái tử Thiện Kiến giao du thân mật, vì Thái tử nên hiện làm đủ thứ việc thần thông như: từ chỗ chẳng có cửa mà ra rồi từ cửa mà vào, từ cửa mà ra rồi từ chỗ chẳng phải cửa mà vào, hoặc có khi thị hiện thân voi, ngựa, trâu, dê, trai, gái v.v... Thái tử Thiện Kiến thấy rồi liền sinh lòng ưa thích, lòng vui mừng, lòng kính tín. Vì những việc này nên Thái tử sắm sửa đủ thứ đồ cúng dường mà cúng dường cho ông ta. Lại nữa, Thái tử bạch: “Thưa Đại sư Thánh nhân! Tôi nay muốn thấy hoa Mạn-đà-la”. Đề-bà-đạt-đa liền đi đến trời Ba Mươi Ba, theo người trời đó mà tìm kiếm hoa. Nhưng phước của ông ấy hết nên không có ai cho. Đã chẳng được hoa nên ông suy nghĩ: “Cây Mạn-đà-la không ngã và ngã sở. Nếu ta tự lấy thì sẽ có tội gì!”. Trước khi ý ông muốn lấy hoa thì liền mất hết thần thông và trở lại thấy thân mình ở tại thành Vương-xá, lòng xấu hổ chẳng thể gặp lại thái tử Thiện Kiến nên lại nghĩ: “Ta nay phải đi đến chỗ Đức Như Lai cầu xin đại chúng. Đức Phật nếu cho phép thì ta sẽ tùy ý dạy bảo, kêu gọi, sai bảo Tôn giả Xá-lợi-phất v.v...”. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ Ta nói như vậy: “Cúi xin Thế Tôn đem đại chúng này giao phó cho con. Con sẽ nói đủ thứ pháp giáo hóa khiến cho họ điều phục”. Ta nói: “Này người ngu si! Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... là những bậc thông minh đại trí, được đời tin phục mà Ta còn chẳng đem đại chúng giao phó,

huống hồ là ông, người ngu si, kẻ ăn đồ nhỏ bỏ chẳng?”. ĐỀ-bà-đạt-đa lại đối với Ta sinh ra tâm ác bội phần và nói như vậy: “Này Cù-đàm! Ông nay tuy điều phục được đại chúng nhưng thế lực chẳng bao lâu sẽ bị tiêu diệt”. Ông ta nói lời đó rồi, đại địa tức thời chấn động sáu cách, ĐỀ-bà-đạt-đa liền ngã lăn ra đất. Ở bên thân ông ấy, gió rất mạnh nổi lên thổi tung những bụi đất làm như bắn ông ta. ĐỀ-bà-đạt-đa thấy tướng ác rồi lại nói: “Nếu đời hiện tại thân này của ta nhất định vào địa ngục A-tỳ thì ta cần phải báo cái oán lớn này”. ĐỀ-bà-đạt-đa liền đứng dậy đi đến chỗ của Thái tử Thiện Kiến. Thái tử Thiện Kiến thấy rồi liền hỏi: “Thưa Thánh nhân! Vì sao dung nhan của ông tiêu tụy có vẻ lo âu như vậy?”. ĐỀ-bà-đạt-đa nói: “Tôi nay cùng ông đã trở thành rất thân ái. Người ngoài mừng ông rất là phi lý mà tôi nghe được việc này thì há chẳng lo chẳng?”. Thái tử Thiện Kiến lại hỏi: “Người trong nước nhục mạ ta thế nào?”. ĐỀ-bà-đạt-đa nói: “Người trong nước mừng ông là vị sinh oán”. Thiện Kiến lại hỏi: “Vì sao gọi ta là Vị sinh oán? Ai đặt ra cái tên này?”. ĐỀ-bà-đạt-đa nói: “Khi ông chưa sinh ra, tất cả thầy tướng đều nói, đứa trẻ này sinh ra rồi sẽ giết cha của nó. Vậy nên người bên ngoài đều gọi ông là vị sinh oán. Tất cả người bên trong một lòng ủng hộ ông nên gọi ông là Thiện Kiến. Phu nhân Vi Đề nghe lời nói này, khi sinh ra thân ông rồi, ở trên lầu cao ném ông xuống đất, làm ông gãy một ngón tay. Do nhân duyên này mà mọi người lại gọi ông là Ba-la-lưu-chỉ. Ta nghe những điều đó rồi lòng sinh ra lo rầu mà lại chẳng thể nói cho ông biết”, ĐỀ-bà-đạt-đa dùng đủ thứ lời lẽ ác như vậy rồi xúi thái tử giết cha và nói: “Nếu cha ông chết thì ta cũng có thể giết chết ông Sa-môn Cù-đàm”. Thái tử Thiện Kiến hỏi một vị đại thần tên là Vũ Hành: “Đại vương vì sao đặt tên ta là Vị sinh oán?”. Vị đại thần liền vì thái tử nói hết đầu đuôi chuyện ấy đúng như lời của ĐỀ-bà-đạt-đa không khác. Thái tử Thiện Kiến nghe rồi liền cùng với đại thần bắt vua cha giam ở bên ngoài thành. Ông dùng bốn thứ binh chủng canh giữ. Phu nhân Vi Đề nghe được việc này liền đi đến chỗ vua thì bị người canh giữ vua ngăn chẳng cho vào. Bấy giờ phu nhân sinh lòng sân hận liền trách mắng họ. Những người canh giữ liền báo cho thái tử: “Tâu đại vương! Phu nhân của vua cha muốn gặp vua cha, chẳng biết có nên cho không?”. Thiện Kiến nghe lại nổi giận, liền đến chỗ của

mẹ, kéo tóc mẹ về trước, vung dao muốn chém. Bấy giờ, ông Kỳ-bà tâu: “Thưa đại vương! Từ khi lập quốc đến nay, tuy có những tội rất nặng nhưng chẳng liên quan đến nữ nhân, huống gì là mẹ đẻ mình”. Thái tử Thiện Kiến nghe lời nói đó rồi, vì Kỳ-bà nên liền buông tha. Ông ngăn cấm cung cấp cho vua cha quần áo, đồ nằm, ăn uống, thuốc thang, qua bảy ngày, nhà vua băng hà. Thái tử Thiện Kiến thấy vua cha chết rồi mới sinh lòng hối hận. Đại thần Vũ Hành lại dùng đủ thứ pháp tà ác để nói cho vua nghe: “Tâu đại vương! Tất cả nghiệp hạnh đều không có tội thì hôm nay vì sao vua lại sinh lòng hối hận?”. Kỳ-bà tâu: “Tâu đại vương! Đại vương phải biết là nghiệp như vậy thì tội gồm hai thứ, một là giết vua cha, hai là giết Tu-đà-hoàn. Tội như vậy, ngoại trừ Đức Phật thì không ai có thể trừ diệt được”. Vua Thiện Kiến nói: “Đức Như Lai thanh tịnh không có uế trước, còn người có tội như chúng ta thì làm sao thấy được?”. Này thiện nam! Ta biết việc như vậy nên bảo Tôn giả A-nan: “Qua ba tháng, Ta sẽ Niết-bàn”. Vua Thiện Kiến nghe được liền đến chỗ Ta. Ta vì nhà vua nói pháp tội nặng được nhẹ, nhà vua đạt được niềm vui vô căn. Này thiện nam! Những đệ tử của Ta nghe lời nói này rồi chẳng hiểu được ý của Ta nên nói, Như Lai quyết định nói Niết-bàn rất ráo.

Này thiện nam! Bồ-tát có hai thứ, một là thật nghĩa, hai là giả danh. Bồ-tát giả danh nghe Ta ba tháng sẽ vào Niết-bàn thì đều sinh thoái tâm mà nói: “Như Đức Như Lai kia mà còn vô thường, chẳng tồn tại thì chúng ta làm gì được? Vì việc này nên ở trong vô lượng đời chịu khổ não lớn. Đức Như Lai Thế Tôn thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà còn chẳng thể hủy hoại được loài ma chết như vậy, huống gì là bọn chúng ta có thể hoại được sao?”. Này thiện nam! Vậy nên Ta vì những Bồ-tát như vậy mà nói, Như Lai thường trụ không có biến đổi. Này thiện nam! Những đệ tử của Ta nghe lời này rồi chẳng hiểu được ý của Ta nên quyết định nói, Như Lai nhất định chẳng rút vào Niết-bàn.

Này thiện nam! Có những chúng sinh khởi đoạn kiến nói như vậy: “Thân của tất cả chúng sinh sau khi diệt thì nghiệp quả thiện ác không có người thọ”. Ta vì những người đó nói như vậy: “Quả báo thiện ác thật có người thọ”. Làm sao biết là có? Này thiện nam! Đời

quá khứ tại thành Câu-thi-na, có vị vua tên là Thiện Kiến, khi làm đồng tử trải qua tám vạn bốn ngàn năm, khi làm thái tử trải qua tám vạn bốn ngàn năm và khi lên ngôi vua cũng trải qua tám vạn bốn ngàn năm. Vua ngồi chỗ vắng suy nghĩ: “Chúng sinh bạc phước, thọ mạng ngắn ngủi, thường có bốn oán đuổi theo mà chẳng tự biết còn buông lung. Vậy nên Ta phải xuất gia, tu đạo, đoạn tuyệt bốn oán sinh, già, bệnh, chết”. Vua liền ra lệnh cho quan Hữu Ty làm ngôi nhà bảy báu ở bên ngoài thành ấy. Nhà xây dựng xong, nhà vua liền bảo quần thần bá quan, phi, hậu, các con, quyến thuộc ở nội cung: “Các người phải biết, ta muốn xuất gia. Các người có đồng ý không?”. Bấy giờ đại thần và quyến thuộc của vua đều nói: “Hay thay! Hay thay! Tàu đại vương! Hôm nay chính là lúc đó”. Vua Thiện Kiến đem theo một người sai bảo, rồi một mình vào nhà báu ấy. Nhà vua lại trải qua tám vạn bốn ngàn năm tu tập tâm từ. Nhờ nhân duyên của lòng từ đó mà về sau tám vạn bốn ngàn đời tuần tự được làm Chuyển luân Thánh vương, trong ba mươi đời làm Thích-đề-hoàn-nhân, trong vô lượng đời làm các Tiểu vương. Này thiện nam! Vua Thiện Kiến bây giờ đâu phải ai khác mà chính là thân Ta đó. Này thiện nam! Những đệ tử của Ta nghe lời này rồi chẳng hiểu được ý Ta nên nói: “Như Lai nói nhất định có ngã và ngã sở”. Lại, một thuở, Ta vì các chúng sinh nói: “Ngã tức là tánh. Như là nhân duyên trong ngoài, mười hai nhân duyên, chúng sinh, năm ấm, tâm, giới, thế gian, công đức, nghiệp hạnh, trời Tự Tại, đời v.v..., đó gọi là ngã”. Những đệ tử của Ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý Ta nên nói: “Đức Như Lai nói nhất định có ngã”.

Này thiện nam! Vào một lúc khác, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Ta nói như vậy: “Thưa Thế Tôn! Sao gọi là ngã? Ai là ngã? Do duyên gì có ngã?”. Ta liền vị Tỳ-kheo mà nói: “Này Tỳ-kheo! Không ngã và ngã sở. Mất thì vốn không nay có, đã có lại hoàn không. Khi mất ấy sinh thì không từ đâu đến và khi mất ấy diệt cũng không đi về đâu. Tuy có nghiệp quả nhưng không có tác giả, không có người thọ ấm và xả ấm. Như lời ông hỏi: Ai là ngã, thì là nghiệp vậy. Ngã duyên gì, tức là ái vậy. Này Tỳ-kheo! Ví như hai tay vỗ vào nhau thì tiếng phát ra trong ấy. Ngã cũng như vậy. Do ba nhân duyên chúng sinh, nghiệp, ái nên gọi là ngã. Này Tỳ-kheo! Sắc của tất cả chúng sinh chẳng phải

ngã, trong ngã không sắc, trong sắc không ngã. Cho đến thức cũng như vậy. Nay Tỳ-kheo! Những hạng ngoại đạo tuy nói có ngã nhưng nhất định chẳng lìa khỏi ấm. Nếu nói lìa khỏi ấm mà riêng có ngã thì không có điều này. Hành của tất cả chúng sinh như huyễn hóa, như sóng năng. Nay Tỳ-kheo! Năm ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nay thiện nam! Bấy giờ, có vô lượng Tỳ-kheo quan sát năm ấm này không có ngã và ngã sở mà đắc quả A-la-hán. Nay thiện nam! Những đệ tử của Ta nghe nói vậy rồi chẳng hiểu được ý của Ta nên cho rằng, Như Lai nói nhất định vô ngã.

Nay thiện nam! Ở trong kinh Ta lại nói: “Ba việc hòa hợp thì được thọ thân này. Một là cha, hai là mẹ, ba là trung ấm. Ba yếu tố đó hòa hợp thì được thọ thân này”. Hoặc khi lại nói: “Hàng A-na-hàm hiện nhập Niết-bàn, hoặc ở trung ấm nhập Niết-bàn”. Hoặc lại nói: “Thân căn trung ấm đầy đủ sáng suốt đều nhân nghiệp đời trước như đề hồ sạch sẽ”. Nay thiện nam! Ta hoặc có khi nói: “Chúng sinh tệ ác thọ trung ấm như tấm vải thô nhám trong thế gian, còn chúng sinh thuần thiện thọ trung ấm như tấm vải trắng mịn sản xuất ở thành Ba-la-nại”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói có trung ấm”.

Nay thiện nam! Ta lại vì những chúng sinh tội nghịch kia mà nói thế này: “Người tạo ngũ nghịch, khi xả thân vào thẳng địa ngục A-tỳ”. Ta lại nói: “Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi xả thân vào thẳng địa ngục A-tỳ, ở khoảng giữa không có chỗ dừng nghỉ”. Ta lại vì Phạm chí Độc Tử kia nói: “Này Phạm chí! Nếu có trung ấm thì có sáu hữu”. Ta lại nói: “Chúng sinh cõi Vô sắc không có trung ấm”. Nay thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Phật nói nhất định không có trung ấm”.

Nay thiện nam! Ở trong kinh, Ta lại nói có thoái lui. Vì sao? Vì đối với vô lượng các Tỳ-kheo lười biếng, trễ nãi, chẳng tu đạo, nên nói thoái là có năm thứ: một là ưa nhiều chuyện, hai là ưa nói việc đời, ba là ưa ngủ nghỉ, bốn là ưa gần kẻ tại gia, năm là ưa du hành nhiều. Do những nhân duyên này nên khiến cho các Tỳ-kheo thoái lui. Nói về nhân duyên thoái lui có hai thứ, một là trong, hai là ngoài. Hàng A-la-hán tuy lìa khỏi nhân duyên bên trong nhưng chẳng lìa khỏi nhân

duyên bên ngoài. Do nhân duyên bên ngoài nên sinh ra phiền não, mà sinh ra phiền não thì liền thoái lui. Lại có Tỳ-kheo tên là Cù-chỉ có đến sáu lần thoái lui. Thoái rồi thì xấu hổ trở lại tiến tu, đến lần thứ bảy mới được. Được rồi lại sợ mất nên ông dùng dao tự hại mình. Ta lại có lúc nói giải thoát, hoặc nói có sáu thứ A-la-hán v.v... Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói nhất định có thoái lui”.

Này thiện nam! Trong kinh lại nói, ví như đốt than thì than chẳng trở lại như cũ, cũng như bình vỡ là bình vô dụng. Phiền não cũng vậy, A-la-hán đoạn xong thì chẳng sinh trở lại. Kinh cũng nói, chúng sinh sinh ra phiền não, nhân duyên có ba thứ: Một là chưa đoạn phiền não, hai là chẳng đoạn nhân duyên, ba là chẳng khéo suy nghĩ. Nhưng mà A-la-hán không có hai nhân duyên là đoạn phiền não và khéo suy nghĩ. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói nhất định không thoái”.

Này thiện nam! Ở trong kinh Ta nói, thân Như Lai có hai thứ: một là sinh thân, hai là pháp thân. Nói sinh thân tức là thân phương tiện ứng hóa. Như thân này thì có thể được nói rằng là sinh, già, bệnh, chết, dài, ngắn, đen, trắng, là đây, là đó, là học hay vô học. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói nhất định thân Phật là pháp hữu vi”.

Pháp thân tức là thường, lạc, ngã, tịnh, vĩnh viễn lìa khỏi tất cả sinh, già, bệnh, chết, chẳng phải trắng, chẳng phải đen, chẳng phải dài, chẳng phải ngắn, chẳng phải đây, chẳng phải đó, chẳng phải học, chẳng phải vô học. Nếu Phật ra đời và chẳng ra đời thì vẫn thường trụ chẳng động, không có biến dịch. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói nhất định thân Phật là pháp vô vi”.

Này thiện nam! Trong kinh của Ta nói, sao gọi là mười hai nhân duyên? Từ vô minh sinh ra hành, từ hành sinh ra thức, từ thức sinh ra danh sắc, từ danh sắc sinh ra lục nhập, từ lục nhập sinh ra xúc, từ xúc sinh ra thọ, từ thọ sinh ra ái, từ ái sinh ra thủ, từ thủ sinh ra hữu, từ hữu sinh ra sinh, từ sinh thì có lão tử ưu khổ. Này thiện nam! Các đệ tử của

Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói mười hai nhân duyên nhất định là hữu vi”.

Có lúc Ta lại các Tỳ-kheo: “Mười hai nhân duyên dù có Phật hay không có Phật, tánh tướng thường trụ”. Này thiện nam! Có mười hai nhân duyên chẳng từ duyên sinh. Có pháp từ duyên sinh chẳng phải mười hai nhân duyên. Có pháp từ duyên sinh cũng là mười hai nhân duyên. Có pháp chẳng phải duyên sinh cũng chẳng phải mười hai nhân duyên. Có pháp mười hai nhân duyên chẳng phải duyên sinh, đó là mười hai chi của đời vị lai. Có pháp từ duyên sinh chẳng phải mười hai nhân duyên, đó là năm ấm của A-la-hán. Có pháp từ duyên sinh cũng là mười hai nhân duyên, đó là năm ấm, mười hai nhân duyên của người phàm phu. Có pháp chẳng phải duyên sinh chẳng phải mười hai nhân duyên, đó là hư không, Niết-bàn”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói mười hai nhân duyên nhất định là vô vi”.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói: “Tất cả chúng sinh tạo tác nghiệp thiện ác, khi xả thân thì bốn đại ở đây tức thời tan hoại. Người nghiệp thuần thiện thì tâm liền đi lên. Kẻ nghiệp thuần ác thì tâm đi xuống”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói tâm nhất định thường”.

Này thiện nam! Vào một thuở, Ta vì vua Tần-bà-ta-la mà nói: “Này đại vương! Ông phải biết, sắc là vô thường. Vì sao? Vì nó từ nhân vô thường mà sinh ra. Sắc đó nếu từ nhân vô thường sinh ra thì người trí vì sao nói là thường? Nếu sắc là thường thì đáng lẽ chẳng hoại diệt, sinh ra các khổ não. Nay ông thấy sắc này tan diệt hư hoại. Vậy nên ông phải biết sắc là vô thường... cho đến thức cũng như vậy”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói tâm nhất định đoạn”.

Này thiện nam! Trong kinh Ta nói, những đệ tử của Ta thọ nhận những hương hoa, vàng bạc, vật báu, vợ con, nô tỳ v.v... trăm thứ vật bất tịnh vẫn đạt được chánh đạo, mà được chánh đạo rồi cũng chẳng rời bỏ. Những đệ tử của Ta nghe lời nói đó rồi, chẳng hiểu ý của Ta mà nói chắc rằng: “Như Lai nói thọ năm dục chẳng phương hại Thánh

đạo”.

Lại có một thuở, Ta lại nói: “Người tại gia mà được chánh đạo thì không có điều này”. Nay thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói người thọ năm dục quyết định ngăn trở đạo chân chánh”.

Nay thiện nam! Trong kinh Ta nói, xa lìa phiền não chưa được giải thoát giống như ở Dục giới tu tập pháp đệ nhất của thế gian. Nay thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói pháp đệ nhất chỉ là Dục giới”.

Lại nữa, Ta nói, pháp noãn, pháp đỉnh, pháp nhãn, pháp thế đệ nhất ở tại Sơ thiên đến Tứ thiên. Nay thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói những pháp như vậy ở tại Sắc giới”.

Lại nữa, Ta nói, các ngoại đạo v.v... trước đã đoạn phiền não của bốn thiên, tu tập pháp noãn, pháp đỉnh, pháp nhãn, pháp thế đệ nhất mà quan sát bốn chân đế thì được quả A-na-hàm. Nay thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói pháp đệ nhất ở tại Vô sắc giới”.

Nay thiện nam! Trong kinh Ta nói, trong bốn thứ thí có ba thứ tịnh: Một là thí chủ tin nhân, tin quả, tin thí mà người thọ chẳng tin. Hai là người thọ thí tin nhân, quả, thí mà thí chủ chẳng tin. Ba là thí chủ và người thọ cả hai đều tin. Bốn là thí chủ và người thọ cả hai chẳng tin. Đó là bốn thứ thí mà ba thứ đầu là tịnh. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói thí chỉ do ý”.

Nay thiện nam! Ta có thuở lại nói, người bố thí khi bố thí dùng năm thứ để bố thí. Những gì là năm? Một là thí sắc, hai là thí lực, ba là thí an, bốn là thí mạng, năm là thí biện. Do nhân duyên này nên thí chủ trở lại được năm quả báo. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Phật nói thí tức là năm ấm”.

Nay thiện nam! Ta có thuở tuyên nói, Niết-bàn tức là xa lìa phiền não, tận diệt vĩnh viễn không còn pháp gì sinh trở lại, giống như đèn tắt. Nói hư không tức là không sở hữu. Ví như thế gian không sở hữu nên gọi là hư không. Chẳng phải do duyên trí mà diệt, tức là không sở

hữu. Như hư không kia có thì đáng lẽ có nhân duyên. Có nhân duyên đáng lẽ có tận diệt. Do hư không kia không nên không có tận diệt. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói không có ba vô vi”.

Này thiện nam! Có một thuở, Ta vì Tôn giả Mục-kiền-liên mà nói: “Này Mục-kiền-liên! Luận về Niết-bàn tức là chương cú, tức là dấu chân, là chỗ rốt ráo, là chỗ không sợ hãi, tức là đại sư, là đại quả, là trí rốt ráo, tức là Tam-muội Đại nhẫn vô ngại, là đại pháp giới, là vị cam lồ, tức là khó thấy. Này Mục-kiền-liên! Nếu nói không Niết-bàn thì làm sao có người bài báng thì rơi vào địa ngục”. Này thiện nam! Những đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói có Niết-bàn”.

Lại vào một thuở nọ, Ta vì Tôn giả Mục-kiền-liên nói: “Này Mục-kiền-liên! Mắt chẳng bền chắc cho đến thân cũng vậy, chúng đều chẳng bền chắc. Vì chẳng bền chắc nên gọi là hư không. Như ăn uống xuống rồi thì tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều giải thoát hư không”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta cho là: “Như Lai nói nhất định có hư không vô vi”.

Lại vào một thuở nọ, Ta vì Tôn giả Mục-kiền-liên nói: “Này Mục-kiền-liên! Có người chưa được quả Tu-đà-hoàn, khi trụ ở pháp nhẫn thì đoạn được vô lượng quả báo của ba đường ác. Ông phải biết, chẳng từ trí duyên mà diệt”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói nhất định “có” chẳng phải do trí mà diệt”.

Này thiện nam! Ta lại vào một thuở nọ vì Tỳ-kheo Bạt-ba nói: “Nếu Tỳ-kheo quan sát sắc hoặc quá khứ, hoặc hiện tại, hoặc vị lai, hoặc gần, hoặc xa, hoặc lớn, hoặc nhỏ v.v... những sắc như vậy chẳng phải ngã và ngã sở. Nếu Tỳ-kheo quan sát như vậy rồi thì có thể cắt đứt sắc ái”. Bạt Ba lại nói: “Sao gọi là sắc?”. Ta nói: “Bốn đại gọi là sắc, bốn ấm gọi là danh”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói nhất định sắc chính là bốn đại”.

Này thiện nam! Ta lại nói: “Ví như nhân tấm gương mà có hình dáng hiện ra. Sắc cũng như vậy, nhân bốn đại tạo ra. Nào là to, nhỏ,

nhám, trơn, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, xiêng, góc, nhẹ, nặng, lạnh, nóng, đói, khát, mây, bụi, mù. Đó gọi là tạo sắc giống như tiếng vang và hình dáng”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói có bốn đại thì có tạo sắc thành ra không bốn đại, không có tạo sắc”.

Này thiện nam! Thuở xưa có vương tử Bồ-đề nói lời như vậy: “Nếu có Tỳ-kheo hộ trì giới cấm mà phát lòng ác thì phải biết lúc đó đã mất giới Tỳ-kheo”. Khi ấy Ta nói: “Này vương tử Bồ-đề! Giới có bảy thứ, từ ở thân miệng có vô tác sắc. Do nhân duyên vô tác sắc này nên tâm ấy tuy ở trong ác, vô ký nhưng chẳng gọi là mất giới mà còn gọi là trì giới. Vì nhân duyên gì gọi là vô tác sắc? Chẳng phải nhân sắc khác mà chẳng tạo tác quả sắc khác”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Phật nói có vô tác sắc”.

Này thiện nam! Ở kinh khác Ta lại nói như vậy: “Giới tức là ngăn chặn, chế ngự pháp ác. Nếu chẳng làm ác thì đó gọi là trì giới”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói nhất định không có vô tác sắc”.

Này thiện nam! Ở trong kinh Ta nói như vậy: “Sắc ấm cho đến thức ấm của Thánh nhân đều là sự phát xuất của nhân duyên vô minh. Tất cả phàm phu cũng như vậy. Từ vô minh sinh ra ái thì phải biết ái này tức là vô minh. Từ ái sinh ra thủ thì phải biết thủ này tức là vô minh ái. Từ thủ sinh ra hữu thì phải biết hữu này tức là vô minh ái thủ. Từ hữu sinh ra thọ thì phải biết thọ này tức là hành hữu. Từ thọ nhân duyên sinh ra danh sắc, vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, lục nhập v.v... Vậy nên thọ tức là mười hai chi”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói không có tâm sở”.

Này thiện nam! Ở trong kinh Ta nói như vậy: “Từ bốn pháp mắt, sắc, ánh sáng, ái dục sinh ra nhãn thức. Nói dục ác tức là nói vô minh. Khi tánh dục cầu thì gọi là ái. Ái nhân duyên thủ. Thủ gọi là nghiệp. Nghiệp nhân duyên thức. Thức duyên danh sắc. Danh sắc duyên lục nhập. Lục nhập duyên xúc. Xúc duyên tưởng, thọ, ái tín, tinh tấn, định, tuệ v.v... Những pháp như vậy nhân xúc mà sinh ra, nhưng chẳng phải

là xúc”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Phật nói có tâm sở”.

Này thiện nam! Hoặc có khi Ta nói, chỉ có một hữu. Hoặc nói, có hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín cho đến hai mươi lăm hữu. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên cho là: “Như Lai nói có năm hữu, hoặc nói có sáu hữu”.

Này thiện nam! Một thuở trước đây, khi Ta trụ ở rừng Ni-câu-đà tại thành Ca-tỳ-la-vệ, ông Thích Ma-nam đi đến chỗ Ta mà nói như vậy: “Sao gọi là Ưu-bà-tắc?”. Ta liền vì ông ấy mà trả lời: “Nếu có thiện nam, thiện nữ nào các căn hoàn bị, thọ ba quy y thì đó gọi là Ưu-bà-tắc”. Ông Thích Ma-nam nói: “Bạch Thế Tôn! Sao gọi là một phần Ưu-bà-tắc?”. Ta đáp: “Nếu thọ ba quy y và thọ một giới thì đó gọi là một phần Ưu-bà-tắc”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói giới Ưu-bà-tắc chẳng thọ đủ được”.

Này thiện nam! Vào một thuở, Ta trụ ở bên sông Hằng, bấy giờ ông Ca-chiên-diên đi đến chỗ Ta mà nói như vậy: “Bạch Thế Tôn! Con dạy chúng sinh bảo họ thọ trai pháp hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm. Người như vậy có thành trai giới không?”. Ta đáp: “Này Tỳ-kheo! Người này được việc thiện chớ chẳng gọi là được trai giới”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói Bát giới trai thọ đầy đủ mới được”.

Này thiện nam! Ở trong kinh Ta nói như vậy: “Nếu có Tỳ-kheo phạm bốn trọng cấm rồi thì chẳng gọi là Tỳ-kheo mà gọi là Tỳ-kheo phá, Tỳ-kheo vong thất, lại chẳng có thể sinh ra hạt giống mầm thiện. Ví như hạt giống cháy chẳng sinh ra kết quả. Như đầu cây Đa-la nếu bị chặt phá thì chẳng sinh ra trái, Tỳ-kheo phạm bốn trọng cấm cũng như vậy”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói các Tỳ-kheo phạm bốn trọng cấm rồi thì mất giới Tỳ-kheo”.

Này thiện nam! Ở trong kinh Ta vì ông Thuần-đà mà nói về bốn thứ Tỳ-kheo, một là rốt ráo đến đạo, hai là thị đạo, ba là thọ đạo, bốn là ô đạo. Phạm bốn trọng cấm tức là ô đạo. Các đệ tử của Ta nghe

những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói các Tỳ-kheo phạm bốn trọng cấm rồi chẳng mất giới cấm”.

Này thiện nam! Ở trong kinh Ta bảo các Tỳ-kheo: “Một thừa, một đạo, một hạnh, một duyên, một thừa cho đến một duyên như vậy có thể vì chúng sinh tạo tác đại tịch tĩnh, đoạn vĩnh viễn tất cả khổ của sự trói buộc, sâu khổ và nhân của khổ, khiến cho tất cả chúng sinh đến nhất hữu”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán đều đắc Phật đạo”.

Này thiện nam! Ở trong kinh Ta nói: “Hàng Tu-đà-hoàn lên trời xuống nhân gian, qua lại bảy lần thì liền Bát-niết-bàn. Hàng Tư-đà-hàm một lần thọ thân người, trời thì liền Bát-niết-bàn. Hàng A-na-hàm thường có năm thứ, hoặc có người trung gian Bát-niết-bàn cho đến người thượng lưu Bát-niết-bàn. Hàng A-la-hán thường có hai thứ, một là hiện tại, hai là vị lai. Hiện tại cũng đoạn phiền não năm ấm, vị lai cũng đoạn phiền não năm ấm”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà nói là: “Như Lai nói Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm chẳng được Phật đạo”.

Này thiện nam! Ở trong kinh này Ta nói: “Phật tánh có đủ sáu việc, một là thường, hai là thật, ba là chân, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là khả kiến”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói Phật tánh của chúng sinh lìa khỏi chúng sinh mà có”.

Này thiện nam! Ta lại nói: “Phật tánh của chúng sinh giống như hư không. Hư không thì chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng phải nội, chẳng phải ngoại, chẳng phải thuộc về sắc, thanh, hương, vị, xúc. Phật tánh cũng vậy”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói Phật tánh của chúng sinh lìa khỏi chúng sinh mà có”.

Này thiện nam! Ta lại nói nữa: “Phật tánh của chúng sinh giống như kho báu trong nhà người con gái nghèo, như viên ngọc báu kim cương trên trán vị lực sĩ, như dòng suối cam lồ của vị Chuyển luân Thánh vương”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Như Lai nói Phật tánh của chúng sinh lìa

khỏi chúng sinh mà có”.

Này thiện nam! Ta lại nói: “Người phạm bốn trọng cấm, Nhất-xiển-đề, người bài báng kinh Phương Đẳng, người tạo tác tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Những chúng sinh như vậy đều không có pháp thiện mà Phật tánh chính là thiện”. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta nên xướng lên: “Như Lai nói Phật tánh của chúng sinh là khỏi chúng sinh mà có”.

Này thiện nam! Ta lại nói: “Chúng sinh tức là Phật tánh. Vì sao? Vì nếu là khỏi chúng sinh thì chúng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta cùng với vua Ba-tư-nặc nói về bài dụ con voi. Như người mù nói về voi tuy chẳng được voi nhưng chẳng là khỏi voi. Chúng sinh nói sắc cho đến nói thức chính là Phật tánh thì cũng như vậy, tuy chẳng phải Phật tánh nhưng chẳng phải chẳng Phật tánh. Như Ta vì nhà vua nói bài dụ về cây đàn không hầu, Phật tánh cũng vậy”. Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà phát biểu đủ thứ ý kiến, như việc người mù hỏi về sữa, mà Phật tánh cũng vậy. Do nhân duyên này nên hoặc có người nói, người phạm bốn trọng cấm, bài báng kinh phương đẳng, tạo tội ngũ nghịch, Nhất-xiển-đề v.v... đều có Phật tánh, hoặc nói không. Này thiện nam! Ở khắp nơi nơi trong kinh Ta nói: “Một người ra đời nhiều người lợi ích, trong một đất nước có hai vua Chuyển luân, trong một thế giới có hai Phật ra đời thì không có điều này. Một Tứ thiên hạ có tám Tứ thiên vương cho đến hai trời Tha Hóa Tự Tại cũng không có điều này. Nhưng Ta mới nói từ địa ngục A-tỳ của cõi Diêm-phù-đề lên đến cõi trời A-ca-ni-tra. Các đệ tử của Ta nghe những lời nói đó rồi, chẳng hiểu được ý của Ta mà cho là: “Đức Phật nói không có mười phương Phật”. Nhưng ở trong những kinh Đại Thừa, Ta cũng nói có mười phương Phật.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXII

Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 2

Này thiện nam! Tranh luận như vậy là cảnh giới của Phật, chẳng phải là sự hiểu biết của các Thanh văn, Duyên giác. Nếu người đối với vấn đề này sinh lòng nghi ngờ thì còn có thể tiêu hoại vô lượng phiền não như núi Tu-di. Nếu người ở trong vấn đề này sinh ra quyết định thì đó gọi là chấp trước.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là chấp trước?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người như vậy, hoặc theo người khác nghe, hoặc tự tìm ở kinh điển, hoặc người khác dạy bảo cho, mà đối với những việc đã nhận được chẳng thể buông bỏ thì đó gọi là chấp trước.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy chấp trước là thiện hay bất thiện?

–Này thiện nam! Chấp trước chẳng gọi là thiện. Vì sao? Vì chẳng thể tiêu hoại các lười nghi.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy con người vốn tự chẳng nghi ngờ thì làm sao mà nói rằng chẳng hoại lười nghi?

–Này thiện nam! Phàm chẳng nghi tức là nghi.

–Thưa Thế Tôn! Nếu có người cho là hàng Tu-đà-hoàn chẳng rơi vào ba ác thì người đó cũng phải gọi là chấp trước, gọi là nghi?

–Này thiện nam! Đó có thể gọi là định, chẳng được gọi là nghi. Vì sao? Này thiện nam! Ví như có người trước thấy người và cây. Sau đó đi đêm từ xa thấy gốc cây liền sinh tưởng nghi ngờ là người hay là cây? Này thiện nam! Như người trước thấy Tỳ-kheo và Phạm chí, sau

đó trên đường từ xa thấy Tỳ-kheo liền sinh tưởng nghi ngờ là Sa-môn hay là Phạm chí? Nay thiện nam! Như người trước thấy bò và trâu, lúc sau từ xa thấy bò liền sinh tưởng nghi ngờ là bò hay là trâu? Nay thiện nam! Tất cả chúng sinh trước thấy hai vật thì về sau liền sinh ra nghi ngờ. Vì sao? Vì tâm chẳng hiểu rõ. Ta cũng chẳng nói hàng Tu-đà-hoàn có đọa vào ba ác, chẳng đọa vào ba ác thì người đó vì sao sinh lòng nghi?

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, cần phải trước thấy rồi sau đó mới nghi. Nhưng có người chưa thấy hai thứ vật cũng sinh nghi là sao? Như là Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Ví như có người trên đường đi gặp vũng nước đục, nhưng chưa từng thấy, mà vẫn sinh nghi ngờ, nước như vậy là sâu hay là cạn? Người này chưa thấy thì làm sao sinh nghi?

–Nay thiện nam! Phạm Niết-bàn tức là đoạn khổ, chẳng phải Niết-bàn tức là khổ. Cái thấy của tất cả chúng sinh có hai thứ: Khổ, chẳng phải khổ. Khổ, chẳng phải khổ tức là đối khát, nóng lạnh, sân giận, vui mừng, bệnh ốm, yên ổn, già, trẻ, sinh, chết, trói buộc, giải thoát, ân ái biệt ly, oán ghét tụ hội. Chúng sinh thấy rồi liền sinh nghi ngờ: “Phải chăng có sự xa lìa rốt ráo khổ não như vậy?”. Vậy nên chúng sinh đối với Niết-bàn mà sinh ra nghi vậy. Theo ý ông nếu cho rằng, người này trước khi đến chưa thấy vũng nước đục mà làm sao sinh nghi ngờ thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì người đó đã thấy ở chỗ khác rồi. Vậy nên ở chỗ này chưa từng đến mà lại sinh nghi.

–Bạch Thế Tôn! Người này khi trước thấy chỗ sâu, cạn rồi chẳng sinh nghi, đến nay vì sao mà lại sinh nghi?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Vì trước kia chưa đi nên đã sinh nghi. Vậy nên Ta nói, chẳng rõ nên nghi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, nghi tức là chấp trước, chấp trước tức là nghi, là ai vậy?

–Nay thiện nam! Là người đoạn thiện căn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Những hạng người nào có thể đoạn thiện căn?

–Này thiện nam! Nếu có người thông minh, trí tuệ, căn tánh lạnh lợi, có thể giỏi phân biệt mà xa lìa bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng theo đúng như pháp mà trụ thì người như vậy có thể cắt đứt căn lành. Người lìa khỏi bốn việc đó thì lòng tự suy nghĩ: “Không có vật bố thí. Vì sao? Vì thí tức là xả bỏ của cải. Nếu bố thí có quả báo thì phải biết thí chủ đáng lẽ thường nghèo cùng. Vì sao? Vì hạt với quả tương tự. Vậy nên nói, không nhân không quả”. Nếu nói không nhân không quả như vậy thì đó gọi là cắt đứt căn lành. Người đó lại khởi ý nghĩ: “Thí chủ, người nhận và cả tài vật ba việc đều vô thường, không có đình trụ. Nếu không đình trụ thì làm sao nói, đây là thí chủ, người nhận, tài vật? Nếu không người nhận thì làm sao được quả báo? Do nghĩa này nên không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Người bố thí khi thí có năm việc thí. Người nhận đã nhận rồi hoặc có khi làm thiện, hoặc làm bất thiện mà thí chủ này cũng lại chẳng được quả thiện hay bất thiện. Như pháp thế gian, từ hạt sinh ra quả, rồi quả trở lại làm hạt. Nhân tức là thí chủ, quả tức là người nhận mà người nhận này chẳng thể dùng pháp thiện hay bất thiện này để khiến cho thí chủ được. Do nghĩa này nên không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Không có vật thí. Vì sao? Vì vật thí vô ký. Nếu là vô ký thì làm sao được quả báo thiện? Không quả báo thiện ác tức là vô ký. Của cải nếu vô ký thì phải biết là không quả báo thiện ác. Vậy nên không thí, không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Thí tức là ý. Nếu là ý thì không thấy, không đối, chẳng phải là sắc pháp. Nếu chẳng phải là sắc pháp thì làm sao có thể thí. Vậy nên không thí, không nhân không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người này có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ: “Thí chủ nếu vì tượng Phật, tượng trời, cha mẹ quá cố mà hành thí tức là không người nhận. Nếu không người nhận thì không quả báo. Nếu không quả báo thì đó là không nhân. Nếu không nhân thì không quả”. Nếu người nói không nhân không quả như vậy thì phải biết người này có thể cắt đứt căn lành. Người đó lại nghĩ:

“Không cha, không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh sinh ra chúng sinh thì đáng lẽ thường sinh không có đoạn tuyệt. Vì sao? Vì nhân thường có vậy. Nhưng mà chẳng thường sinh. Vậy nên phải biết là không có cha mẹ”. Lại nghĩ: “Không cha không mẹ. Vì sao? Vì nếu thân chúng sinh nhân cha mẹ mà có thì một người nên đủ hai căn nam và nữ. Nhưng mà không đủ thì phải biết là chúng sinh chẳng phải nhân cha mẹ”. Lại nghĩ: “Chẳng phải nhân cha mẹ mà sinh ra chúng sinh. Vì sao? Vì mắt thấy chúng sinh chẳng giống cha mẹ như là thân sắc, tâm, oai nghi, lùì tối. Vậy nên cha mẹ chẳng phải là nhân của chúng sinh”. Lại nghĩ: “Tất cả thế gian có bốn thứ không: Một là chưa sinh ra gọi là không như khi cục bùn chưa có công dụng của cái bình. Hai là diệt rồi gọi là không như khi bình vỡ rồi thì đó gọi là không. Ba là đều khác nhau không có trong nhau như trong bò không ngựa, trong ngựa không bò. Bốn là rớt ráo là không như sừng thỏ, lông rùa. Cha mẹ của chúng sinh cũng như vậy, đồng với bốn không này. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh thì khi cha mẹ chết mà con chẳng nhất định chết? Vậy nên cha mẹ chẳng phải nhân của chúng sinh”. Lại nghĩ: “Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sinh thì đáng lẽ nhân cha mẹ thường sinh ra chúng sinh. Nhưng lại có hóa sinh, thấp sinh. Vậy nên phải biết chẳng phải nhân cha mẹ sinh ra chúng sinh”. Lại nghĩ: “Tự có chúng sinh, chẳng phải nhân cha mẹ mà được sinh trưởng. Ví như chim khổng tước nghe tiếng sấm mà có thai. Lại như con sẻ xanh uống nước mắt con sẻ đực mà có thai. Như loài chim mạng mạng thấy con trống thì múa mà có thai”. Khi khởi những ý niệm này mà người ấy chẳng gặp thiện tri thức thì phải biết người đó có thể cắt đứt căn lành. Có người lại nghĩ: “Tất cả thế gian không có quả báo thiện ác. Vì sao? Vì có những chúng sinh đủ mười pháp thiện, ưa bố thí, siêng tu công đức mà người này cũng lại bị bệnh tật, chết yếu, tài vật tổn thất, chịu nhiều ưu khổ. Có chúng sinh làm mười điều ác, tham lam keo kiệt, ganh ghét, lưỡi biếng, chẳng tu các điều thiện mà họ được thân yên ổn không bệnh, sống lâu trọn đời, thừa thừa của báu, không có các sầu khổ. Vậy phải biết là không có quả báo thiện ác”. Họ lại nghĩ: “Ta cũng từng nghe các bậc Thánh nhân nói, có người tu thiện khi mạng chung đọa vào ba đường ác, có người làm ác khi mạng chung được sinh lên cõi trời, người. Vậy

phải biết là không có quả báo thiện ác”. Họ lại nghĩ: “Tất cả Thánh nhân có hai lối nói, hoặc nói sát sinh được quả báo thiện, hoặc nói sát sinh bị quả báo ác. Vậy phải biết lời nói của thánh bất định. Thánh nếu bất định thì ta làm sao định được? Vậy nên biết là không có quả báo thiện ác”. Họ lại nghĩ: “Tất cả thế gian không có Thánh nhân. Vì sao? Vì nếu nói là Thánh nhân thì đáng lẽ được chánh đạo. Khi tất cả chúng sinh đầy đủ phiền não mà tu chánh đạo thì phải biết người tu đó đều có chánh đạo và phiền não cùng một lúc. Nếu có cùng một lúc thì phải biết là chánh đạo chẳng thể phá kết. Nếu không phiền não mà tu chánh đạo thì như vậy việc làm của chánh đạo là gì? Vậy người đủ phiền não thì đạo chẳng thể hoại, chẳng đủ phiền não thì đạo vô dụng. Vậy phải biết là tất cả thế gian không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ: “Vô minh duyên hành cho đến sinh duyên lão tử, mười hai nhân duyên này, tất cả chúng sinh đều cùng có. Tám thánh đạo thì tánh của chúng sinh bình đẳng cũng nên như vậy: Khi một người được thì đáng lẽ tất cả đều được, khi một người tu thì đáng lẽ tất cả khổ diệt. Vì sao? Vì phiền não bình đẳng. Nhưng mà nay thì chẳng được. Vậy nên phải biết là không có chánh đạo”. Họ lại nghĩ: “Thánh nhân đều có việc đồng với phàm phu như là ăn uống, đi, đứng, nằm, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, nóng lạnh, ưu sầu, sợ hãi. Nếu họ đồng với phàm phu trong những việc như vậy thì phải biết Thánh nhân chẳng được đạo Thánh. Nếu được đạo thánh thì các vị ấy cần phải cắt đứt vĩnh viễn những việc như vậy. Những việc như vậy mà các vị ấy chẳng cắt đứt thì phải biết không có Thánh đạo”. Họ lại nghĩ: “Thánh nhân có thân hưởng thọ niềm vui năm dục, cũng lại nhục mạ đánh đập người, ganh ghét, kiêu mạn, chịu khổ vui, tạo tác nghiệp thiện ác. Do nhân duyên này nên biết không có Thánh nhân. Nếu có đạo thì nên cắt đứt việc này. Việc này chẳng cắt đứt thì phải biết là không có đạo”. Họ lại nghĩ: “Người nhiều thương xót thì gọi là Thánh nhân. Vì nhân duyên gì gọi là Thánh nhân? Vì nhân duyên đạo nên gọi là Thánh nhân. Nếu tánh của đạo là thương xót thì nên thương nghĩ đến tất cả chúng sinh chẳng đợi tu rồi sau đó mới được. Như đạo ấy không thương xót thì vì sao Thánh nhân nhận được đạo Thánh có thể thương xót? Vậy phải biết là đời không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ: “Tất cả bốn đại chẳng từ nhân mà sinh,

chúng sinh đều có tánh bốn đại này thì chẳng quan sát chúng sinh bên này nên đến, bên kia chẳng nên đến. Nếu có tánh Thánh đạo thì nên như vậy. Nhưng mà nay chẳng vậy. Vậy nên biết là đời không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ: “Nếu các Thánh nhân có một Niết-bàn thì phải biết là không có Thánh nhân. Vì sao? Vì chẳng thể đắc. Theo lý của pháp thường trụ thì chẳng thể được, chẳng thể lấy hay bỏ. Nếu các Thánh nhân Niết-bàn nhiều tức là vô thường. Vì sao? Vì pháp có thể tánh. Niết-bàn nếu khi mỗi một người được thì tất cả nên được. Niết-bàn nếu nhiều tức là có giới hạn mà có giới hạn thì làm sao gọi là thường? Nếu có người nói, thể của Niết-bàn là một mà giải thoát thì nhiều như vòm miệng thì một mà răng, lưỡi thì nhiều. Nghĩa lý này chẳng đúng. Vì sao? Vì mỗi một đều sở đắc riêng, chẳng phải tất cả được. Vì cũng có giới hạn nên phải là vô thường. Nếu đã vô thường thì làm sao được gọi là Niết-bàn? Niết-bàn nếu không thì ai là Thánh nhân? Vậy nên biết là không có Thánh nhân”. Họ lại nghĩ: “Đạo Thánh nhân chẳng phải nhân duyên được. Nếu đạo Thánh nhân chẳng phải nhân duyên được thì vì sao tất cả chẳng làm Thánh nhân? Nếu tất cả người chẳng phải Thánh nhân thì phải biết là không có Thánh nhân và cả Thánh đạo”. Họ lại nghĩ: “Đức Thánh nói, chánh kiến có hai nhân duyên, một là từ người khác nghe pháp, hai là bên trong tự suy nghĩ. Hai nhân duyên này nếu từ duyên sinh ra thì cái mà từ đó sinh ra lại cũng từ duyên sinh ra. Như vậy đáp đối cho đến vô cùng. Còn nếu hai việc này chẳng từ duyên sinh ra thì tất cả chúng sinh vì sao chẳng được”. Khi khởi những sự quan sát này thì có thể cắt đứt căn lành. Đây thiện nam! Nếu có chúng sinh thấy sâu không nhân không quả như vậy thì người đó có thể cắt đứt năm căn như tìn căn v.v... Đây thiện nam! Người cắt đứt căn lành chẳng phải là người thấp hèn ngu độn, cũng chẳng phải ở trong cõi trời và ba đường ác. Kẻ phá Tăng cũng vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người như vậy thì khi nào trở lại thiện căn?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Người như vậy có hai trường hợp sinh trở lại thiện căn. Đó là khi mới vào địa ngục và khi ra khỏi địa ngục.

Này thiện nam! Thiện có ba thứ, quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu là

quá khứ thì tánh của nó tự diệt. Nhân tuy diệt mà quả báo chưa chín, vậy nên không gọi là đoạn quả của quá khứ, đoạn nhân của ba đời, nên gọi là đoạn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu đoạn nhân của ba đời thì gọi là đoạn thiện căn, mà người đoạn thiện căn thì có Phật tánh. Như vậy Phật tánh chính là quá khứ hay chính là hiện tại hay chính là vị lai hay là khắp ba đời? Nếu là quá khứ thì làm sao gọi là thường? Phật tánh chính là thường. Vậy nên phải biết chẳng phải là quá khứ. Nếu là vị lai thì làm sao gọi là thường? Vì sao Phật nói tất cả chúng sinh nhất định sẽ được? Nếu nhất định được thì làm sao nói là đoạn? Nếu là hiện tại thì làm sao lại thường? Vì sao lại nói nhất định sẽ thấy? Như Lai cũng nói Phật tánh có sáu, một là thường, hai là chân, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người đoạn thiện căn có Phật tánh thì chẳng được gọi là đoạn thiện căn. Nếu không có Phật tánh thì tại sao lại nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh? Nếu nói, Phật tánh cũng có, cũng đoạn thì sao Như Lai lại nói là thường?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn đối với chúng sinh nên có bốn cách đáp, một là định đáp, hai là phân biệt đáp, ba là tùy vấn đáp, bốn là trí đáp.

Này thiện nam! Sao gọi là định đáp? Nếu hỏi: “Nghiệp ác được quả thiện hay quả bất thiện?” thì nên quyết định đáp, bị quả bất thiện và thiện cũng như vậy mà đáp. Nếu hỏi: “Như Lai có Nhất thiết trí không?” thì nên quyết định đáp, chính là Nhất thiết trí. Nếu hỏi: “Pháp Phật có thanh tịnh chăng?” thì nên quyết định đáp, nhất định thanh tịnh. Nếu hỏi: “Đệ tử của Như Lai có đúng như pháp mà trụ không?” thì nên quyết định đáp, có đúng như pháp mà trụ. Đó gọi là định đáp.

Sao gọi là phân biệt đáp? Như lời nói về pháp bốn chân đế của Ta. Những gì là bốn? Khổ, tập, diệt, đạo. Sao gọi là Khổ đế? Có tám khổ nên gọi là Khổ đế. Sao gọi là Tập đế? Nhân của năm ấm nên gọi là Tập đế. Sao gọi là Diệt đế? Tham dục, sân, si hết rồi ráo nên gọi là Diệt đế. Sao gọi là Đạo đế? Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gọi là Đạo đế. Đó gọi là phân biệt đáp.

Sao gọi là tùy vấn đáp? Như lời Ta nói, tất cả các pháp vô thường. Lại có người hỏi: “Đức Như Lai Thế Tôn vì pháp gì mà nói đến vô thường?” thì đáp: “Như Lai vì pháp hữu vi nên nói vô thường”. Đối đáp về vô ngã cũng vậy. Như lời Ta nói, tất cả các pháp đều thiêu đốt. Lại hỏi: “Đức Như Lai Thế Tôn nhằm vào pháp nào mà nói tất cả đều thiêu đốt?” thì đáp: “Như Lai vì tham, sân, si nên nói tất cả thiêu đốt”.

Này thiện nam! Mười lực Như Lai, bốn vô sở úy, đại từ, đại bi, ba niệm xứ, tám muôn ức các môn Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, ba vạn năm ngàn các môn Tam-muội ngũ trí ấn v.v... bốn ngàn hai trăm các môn Tam-muội kim cang định v.v..., phương tiện Tam-muội nhiều vô lượng vô biên v.v... những pháp như vậy là Phật tánh của Phật. Phật tánh như vậy thì có bảy tính chất: Một là thường, hai là ngã, ba là lạc, bốn là tịnh, năm là chân, sáu là thật, bảy là thiện. Đó gọi là phân biệt đáp. Này thiện nam! Phật tánh của Bồ-tát thân sau có sáu việc: Một là thường, hai là tịnh, ba là chân, bốn là thật, năm là thiện, sáu là ít thấy. Đó là phân biệt đáp. Như trước ông hỏi, người đoạn thiện căn có Phật tánh thì người đó cũng có Phật tánh Như Lai, cũng có Phật tánh thân sau. Hai Phật tánh này chướng ngại vị lai nên được gọi là không rốt ráo được, nên được gọi là có. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh của Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Phật tánh của thân sau thì hiện tại, vị lai ít có thể thấy nên được gọi là hiện tại. Chưa thấy đủ nên gọi là vị lai. Khi Như Lai chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nhân của Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, còn quả thì chẳng vậy, có quả là ba đời, có quả chẳng ba đời. Nhân Phật tánh của Bồ-tát thân sau cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh của Bồ-tát Cửu Trụ có sáu tính chất. Một là thường, hai là thiện, ba là chân, bốn là thật, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nhân của Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh của Bồ-tát Bát Trụ xuống đến Lục Trụ có năm tính chất: Một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là thiện, năm là có thể thấy. Nhân của Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh của

Bồ-tát Ngũ Trụ xuống đến Sơ Trụ có năm tính chất: Một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là có thể thấy, năm là thiện hay bất thiện. Đây thiện nam! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh này thì người đoạn thiện căn nhất định sẽ được nên được nói rằng có. Đó gọi là phân biệt đáp.

Nếu có người nói: “Người đoạn thiện căn thì quyết định có Phật tánh, quyết định không có Phật tánh. Đó gọi là trí đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe mà không trả lời mới gọi là trí đáp. Như Lai dùng nhân duyên gì để đáp, mà gọi là trí đáp.

–Đây thiện nam! Ta cũng không nói trí mà chẳng đáp, mới gọi là trí đáp. Đây thiện nam! Như vậy trí đáp lại có hai thứ: một là chận đứng, hai là không để ý, theo nghĩa này nên gọi là trí đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói thì sao gọi là nhân cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai? Quả cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai? Chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Năm ấm có hai thứ, một là nhân, hai là quả. Là nhân thì năm ấm là quá khứ, hiện tại, vị lai. Là quả thì năm ấm cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai và cũng chẳng phải quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây thiện nam! Kiết sử của tất cả vô minh phiền não đều là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân của Phật tánh. Từ vô minh, hành v.v... và các phiền não được năm ấm thiện thì đó gọi là Phật tánh. Từ năm ấm thiện mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên ở trong kinh trước Ta đã nói, Phật tánh của chúng sinh như máu với sữa hòa lẫn. Máu tức là vô minh, hành v.v... tất cả phiền não. Sữa tức là năm ấm thiện. Vậy nên Ta nói, từ các phiền não và năm ấm thiện được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như thân chúng sinh đều từ tinh huyết-mà được thành tựu, Phật tánh cũng vậy. Hàng Tu-đà-hoàn, hàng Tư-đà-hàm vì đoạn ít phiền não nên Phật tánh như sữa. Phật tánh của hàng A-na-hàm như sữa đặc, của hàng A-la-hán giống như váng sữa, của hàng Phật-bích-chi cho đến Bồ-tát Thập Trụ giống như bơ. Phật tánh của Như Lai giống như đề hồ. Đây thiện nam! Phiền não hiện tại

làm chướng ngại nên khiến cho các chúng sinh chẳng được nhìn thấy. Như trong núi Hương có loại cỏ Nhãn nhục mà chẳng phải tất cả bò đều có thể ăn được, Phật tánh cũng vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu vị lai có thì vì sao nói, người đoạn thiện căn có Phật tánh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như các chúng sinh có nghiệp quá khứ mà nhân nghiệp này nên chúng sinh hiện tại thọ quả báo. Còn chúng sinh có nghiệp vị lai, do chưa sinh ra nên nhất định chẳng sinh quả báo. Có phiền não hiện tại hoặc không phiền não thì tất cả chúng sinh nên rõ ràng thấy Phật tánh. Vậy nên người đoạn thiện căn do nhân duyên phiền não đời hiện tại có thể cắt đứt căn lành. Những đời vị lai nhờ nhân duyên của lực Phật tánh nên trở lại sinh ra thiện căn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vị lai làm sao có thể sinh ra thiện căn?

–Này thiện nam! Giống như đèn và mặt trời tuy lại chưa sinh ra nhưng cũng có thể phá bóng tối, thì sự sinh của vị lai có thể sinh ra chúng sinh. Phật tánh vị lai cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói năm ấm là Phật tánh thì vì sao nói, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì nhân duyên gì mà ông quên như vậy? Ta trước chẳng đã nói Phật tánh của chúng sinh là trung đạo đó sao?

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con thật chẳng quên. Nhưng do việc chúng sinh đối với trung đạo này chẳng thể hiểu nên con hỏi mà thôi.

–Này thiện nam! Chúng sinh chẳng hiểu tức là trung đạo: Hoặc khi có hiểu, hoặc có khi chẳng hiểu. Này thiện nam! Ta vì chúng sinh được khai giải mà nói, Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì sao? Vì chúng sinh phạm phu hoặc nói, Phật tánh trụ ở trong năm ấm như trong đồ đựng có trái cây. Hoặc nói, lìa năm ấm có Phật tánh giống như hư không. Vậy nên Như Lai nói trung đạo, Phật tánh của

chúng sinh chẳng phải trong sáu nhập, chẳng phải ngoài sáu nhập mà trong ngoài hợp lại nên gọi là trung đạo. Vậy nên Như Lai tuyên nói Phật tánh tức là trung đạo, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài nên gọi là trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Sao gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài? Này thiện nam! Hoặc nói, Phật tánh tức là ngoại đạo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ở vô lượng kiếp, ở trong ngoại đạo, cắt đứt các phiền não, điều phục tâm mình, giáo hóa chúng sinh rồi sau đó mới đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó Phật tánh tức là ngoại đạo. Hoặc nói, Phật tánh tức là nội đạo. Vì sao? Vì Bồ-tát tuy ở trong vô lượng kiếp, tu tập ngoại đạo nhưng nếu lìa khỏi nội đạo thì chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó Phật tánh tức là nội đạo. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc nói, Phật tánh tức là thân kim cương của Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao? Vì chẳng hư dối. Hoặc nói, Phật tánh tức là Mười lực, Bốn vô sở úy, Đại từ đại bi và Bốn niệm xứ, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Vì sao? Vì nhân Tam-muội này mà sinh ra thân kim cương ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người nói, Phật tánh tức là bên trong tư duy tốt. Vì sao? Vì lìa khỏi tư duy tốt thì chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Phật tánh tức là bên trong tư duy tốt. Hoặc có người nói, Phật tánh tức là theo người khác nghe pháp. Vì sao? Vì theo người khác nghe pháp thì có thể bên trong tư duy tốt. Nếu chẳng nghe pháp thì không có tư duy. Do đó Phật tánh tức là theo người khác nghe pháp. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo. Lại nữa, này thiện nam! Lại có người nói, Phật tánh là ngoài như Đàn Ba-la-mật mà từ Đàn Ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó nói, Đàn Ba-la-

mật tức là Phật tánh. Hoặc có người nói, Phật tánh là bên trong như là năm Ba-la-mật (còn lại). Vì sao? Vì lìa khỏi năm việc này thì phải biết là không có nhân quả Phật tánh. Do đó nói, năm Ba-la-mật tức là Phật tánh. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo. Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người nói, Phật tánh ở trong ví như viên ngọc báu trên trán của lực sĩ. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh như viên ngọc báu. Do đó nói, Phật tánh ở bên trong. Hoặc có người nói, Phật tánh ở bên ngoài như bảo tàng của người nghèo. Vì sao? Vì do phương tiện nên mới được thấy. Phật tánh cũng vậy, ở bên ngoài chúng sinh, phải dùng phương tiện mới được thấy nó. Vậy nên Như Lai ngăn chặn quan niệm nhị biên này mà nói, Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, gọi là trung đạo.

Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có chẳng phải không. Vì sao? Vì Phật tánh tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Vì sao? Vì hư không của thế gian tuy dùng vô lượng phương tiện khéo léo nhưng chẳng thể thấy được mà Phật tánh có thể thấy. Vậy nên tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Phật tánh tuy không nhưng chẳng đồng với sừng thỏ. Vì sao? Vì lông rùa, sừng thỏ dùng vô lượng phương tiện khéo léo vẫn chẳng thể sinh được mà Phật tánh có thể sinh ra. Vậy nên Phật tánh tuy không nhưng chẳng đồng với sừng thỏ. Nên Phật tánh chẳng phải có chẳng phải không mà cũng có cũng không. Sao gọi là có? Tất cả đều có. Những chúng sinh này chẳng đoạn, chẳng diệt như ngọn đèn cháy sáng, cho đến đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là có. Sao gọi là không? Tất cả chúng sinh hiện tại chưa có tất cả pháp Phật thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy nên gọi là không. Có không hợp lại tức là trung đạo. Vậy nên Phật nói, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có chẳng phải không. Này thiện nam! Nếu có người hỏi: “Trong chúng tử này có quả hay không có quả?” thì nên đáp chắc chắn: “Cũng có cũng không”. Vì sao? Vì lìa hạt thì chẳng thể sinh ra quả. Vậy nên gọi là có. Hạt chưa mọc mầm nên gọi là không. Do nghĩa này nên cũng có cũng không. Vì sao? Vì thời tiết có khác nhưng thể ấy là một. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Nếu nói, trong chúng sinh có Phật tánh riêng khác thì nghĩa đó

chẳng đúng. Vì sao? Vì chúng sinh tức là Phật tánh, Phật tánh tức là chúng sinh chỉ vì thời tiết khác mà có tịnh hay bất tịnh. Nay thiện nam! Nếu có người hỏi: “Hạt giống này có thể sinh ra quả không? Quả này có thể sinh ra hạt không?” thì nên quyết đáp chắc chắn: “Cũng sinh, cũng chẳng sinh”.

–Bạch Thế Tôn! Như người đời nói trong sữa có sữa đặc, thì nghĩa đó ra sao?

–Nay thiện nam! Nếu có người nói, trong sữa có sữa đặc thì đó gọi là chấp trước. Nếu nói không có sữa đặc thì gọi là hư vọng. Lìa khỏi hai việc này thì nên nói chắc chắn, cũng có cũng không. Vì sao gọi là có? Vì từ sữa sinh ra sữa đặc. Nhân tức là sữa, quả tức là sữa đặc. Đó gọi là có. Sao gọi là không? Sắc vị đều khác, cách dùng chẳng đồng: Bệnh nóng uống sữa, bệnh lạnh uống sữa đặc. Sữa sinh ra bệnh lạnh, sữa đặc sinh ra bệnh nóng. Nay thiện nam! Nếu nói trong sữa có tánh sữa đặc thì sữa tức là sữa đặc, sữa đặc tức là sữa. Nếu tánh của chúng là một thì vì nhân duyên gì sữa xuất hiện trước mà sữa đặc chẳng sinh ra trước? Nếu có nhân duyên thì tất cả người đời vì sao chẳng nói. Còn nếu không nhân duyên thì vì sao sữa đặc chẳng xuất hiện trước? Nếu sữa đặc chẳng xuất hiện trước thì ai tạo tác thứ lớp sữa, sữa đặc, váng sữa, bơ, đề hồ? Vậy nên biết là, sữa đặc trước không nay có. Nếu trước không nay có tức là pháp vô thường. Nay thiện nam! Nếu có người nói, sữa có tánh sữa đặc nên có thể sinh ra sữa đặc. Nước không có tánh của sữa đặc nên chẳng sinh ra sữa đặc, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nước và cỏ cũng có tánh của sữa và sữa đặc. Vì sao? Vì nhân nước và cỏ thì sinh ra sữa và sữa đặc. Nếu nói trong sữa quyết định có tánh của sữa đặc mà nước và cỏ không thì đó gọi là hư vọng. Vì sao? Vì lòng chẳng bình đẳng nên nói hư vọng. Nay thiện nam! Nếu nói trong sữa quyết định có sữa đặc thì trong sữa đặc cũng nên quyết định có tánh của sữa. Vậy vì nhân duyên gì trong sữa sinh ra sữa đặc mà trong sữa đặc chẳng sinh ra sữa? Nếu không nhân duyên thì phải biết là sữa đặc trước không nay có. Vậy nên người trí nên nói, trong sữa chẳng phải có tánh của sữa đặc, chẳng phải không có tánh của sữa đặc. Nay thiện nam! Vậy nên Như Lai ở trong kinh nói lời như vậy: “Tất cả chúng sinh quyết có Phật tánh”. Đó gọi là chấp trước. Nếu

nói không Phật tánh thì đó gọi là hư vọng. Người trí nên nói Phật tánh của chúng sinh cũng có cũng không.

Này thiện nam! Bốn việc hòa hợp sinh ra nhãn thức. Những gì là bốn? Đó là nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý. Tánh của nhãn thức này chẳng phải nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý mà từ sự hòa hợp nên liền được sinh ra. Như vậy nhãn thức trước không nay có, đã có rồi lại hoàn không. Vậy phải biết nhãn thức không có bản tánh. Tánh của sữa đặc trong sữa cũng như vậy. Hoặc có người nói, nước không có tánh của sữa đặc nên chẳng sinh ra sữa đặc, vậy nên trong sữa nhất định có tánh của sữa đặc thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì tất cả các pháp nhân khác quả khác, cũng chẳng phải một nhân sinh tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhân sinh ra. Này thiện nam! Như từ bốn yếu tố sinh ra nhãn thức thì chẳng thể lại nói từ bốn yếu tố này đáng lẽ sinh ra nhãn thức. Này thiện nam! Lìa khỏi phương tiện, trong sữa được sữa đặc, sữa đặc sinh ra váng sữa, hay không được mà cần phải có phương tiện? Này thiện nam! Kẻ trí chẳng thể thấy, lìa khỏi phương tiện mà từ sữa được sữa đặc, váng sữa cũng vậy, không lìa khỏi phương tiện như vậy mà được. Này thiện nam! Vậy nên ở trong kinh này, Ta nói: “Nhân sinh nên pháp có, nhân diệt nên pháp không. Này thiện nam! Như tánh của muối là mặn, có thể khiến cho vật chẳng phải mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn trước có tánh mặn thì người đời vì sao lại cầu mặn? Nếu trước không tánh mặn thì phải biết là trước không nay có, do duyên khác mà được mặn vậy. Nếu nói tất cả vật chẳng mặn đều có tánh mặn mà vì quá ít nên chẳng biết, thì do tánh mặn quá ít này có thể khiến cho mặn. Nếu vốn không tánh mặn thì tuy có muối nhưng chẳng thể khiến cho nó mặn được. Ví như hạt giống tự có bốn đại duyên với bốn đại bên ngoài mà được tăng trưởng mầm chồi, thân cây, cành lá. Tánh của muối cũng vậy thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì vật chẳng mặn, trước có tánh mặn thì muối đáng lẽ cũng có ít tánh chẳng mặn. Muối này nếu có hai tánh như vậy thì vì nhân duyên gì mà lìa khỏi vật chẳng mặn, chẳng thể dùng một mình muối thôi? Vậy nên biết là muối vốn không hai tánh. Như muối, tất cả vật chẳng mặn cũng như vậy. Nếu nói sức bốn đại bên ngoài có thể làm tăng trưởng bốn đại bên

trong thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nói theo thứ lớp. Chẳng từ phương tiện mà trong sữa có sữa đặc, váng sữa, cho đến tất cả các pháp đều chẳng như vậy, chẳng phải do phương tiện mà được. Bốn đại cũng như vậy. Nếu nói từ bốn đại bên ngoài làm tăng trưởng bốn đại bên trong, chẳng thấy từ bốn đại bên trong làm tăng trưởng bốn đại bên ngoài, như trái cây Thi-lợi-sa, trước không hình chất nhưng khi có sao Mão thì trái sinh ra lớn đủ năm tấc, thì như vậy thật chẳng nhân vào bốn đại bên ngoài mà lớn.

Này thiện nam! Như lời Ta nói, Mười hai bộ loại kinh văn, hoặc Ta theo ý mình mà nói, hoặc theo ý người khác mà nói, hoặc theo ý mình và ý người khác mà nói.

Sao gọi là theo ý mình nói? Như năm trăm vị Tỳ-kheo hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất: “Thưa Đại đức! Đức Phật nói, nhân của thân là gì?”. Tôn giả Xá-lợi-phất nói: “Này các Đại đức! Các ông cũng đều được chánh giải thoát thì tự nên biết. Vì duyên gì mà hỏi như vậy?”. Có Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức! Khi tôi chưa chứng được chánh giải thoát thì cho là ý vô minh tức là nhân của thân. Khi tôi khởi quán này thì đắc quả A-la-hán”. Lại có Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức! Khi tôi chưa chứng được giải thoát chân chánh thì cho áy vô minh tức là nhân của thân. Khi tôi khởi quán này thì đắc quả A-la-hán”. Hoặc có vị nói, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, ảm thực, năm dục v.v... tức là nhân của thân. Bấy giờ năm trăm vị Tỳ-kheo, ai cũng đều tự nói sự hiểu biết của mình, rồi cùng đi đến chỗ Ta, cúi đầu dưới chân Ta, đi quanh về bên phải ba vòng, lễ bái xong rồi họ lui ngồi một bên, rồi ai cũng đem ý nghĩa hiểu biết của mình như trên, hướng về Ta mà trình bày. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: “Bạch Thế Tôn! Những người như vậy thì ai nói đúng? Ai nói chẳng đúng?”. Ta bảo: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Hay thay! Hay thay! Tất cả Tỳ-kheo ai cũng nói đúng cả”. Tôn giả Xá-lợi-phất bạch: “Bạch Thế Tôn! Ý Phật thế nào?”. Ta bảo: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ta vì chúng sinh cõi Dục nói, cha mẹ tức là nhân của thân”. Những kinh như vậy gọi là theo ý của mình mà nói.

Sao gọi là theo ý người khác nói? Như ông trưởng giả Ba-tra-la đi đến chỗ của Ta nói thế này: “Thưa Sa-môn Cù-đàm! Ngài biết huyễn không? Nếu Ngài biết huyễn tức là người đại huyễn. Nếu Ngài chẳng

biết thì chẳng phải là Nhất thiết trí”. Ta nói: “Này Trưởng giả! Người biết huyền gọi là người huyền sao?”. Ông Trưởng giả nói: “Đúng vậy! Đúng vậy! Người biết huyền tức là người huyền”. Phật nói: “Này trưởng giả! Bên trong nước Xá-vệ của vua Ba-tư-nặc, có người Chiên-đà-la tên là Khí Hư. Ông có biết không?”. Ông Trưởng giả đáp: “Thưa Cù-đàm! Tôi biết ông đó đã lâu”. Ta nói: “Ông biết lâu thì có thể trở thành Chiên-đà-la chẳng?”. Ông Trưởng giả nói: “Thưa Cù-đàm! Tôi tuy biết người Chiên-đà-la đó nhưng thân này của tôi chẳng phải Chiên-đà-la”. Đức Phật nói: “Này trưởng giả! Ông đã nắm được nghĩa này, biết Chiên-đà-la thì chẳng phải là Chiên-đà-la, thì Ta nay vì sao chẳng được biết huyền mà chẳng phải huyền? Này Trưởng giả! Ta thật biết huyền, biết người huyền, biết quả báo huyền, biết kỹ thuật huyền. Ta biết giết, biết người giết, biết quả báo của giết, biết giải thoát sự giết cho đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến. Này trưởng giả! Nếu nói người chẳng phải huyền gọi là người huyền, người chẳng phải tà kiến nói là người tà kiến thì bị tội không lường”. Trưởng giả nói: “Thưa Cù-đàm! Như lời Ngài nói thì tôi bị tội lớn. Nay của cải của tôi đều đem dâng lên Ngài, mong Ngài chớ cho vua Ba-tư-nặc kia biết việc này của tôi”. Phật nói: “Này trưởng giả! Nhân duyên của tội đó chẳng phải là mất của cải mà nhân đó bị rơi vào ba đường ác”. Khi đó trưởng giả nghe đến tên cõi ác thì lòng sinh kinh sợ, thưa với Ta: “Bạch Thế Tôn! Tôi nay thất ý chuốc lấy tội lớn! Thưa Thế Tôn! Thế Tôn là đấng Nhất Thiết Trí nên phải biết rõ, chứng được giải thoát. Tôi phải làm sao để được thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh?”. Bấy giờ, Ta vì ông đó nói bốn chân đế. Ông trưởng giả nghe rồi thì được quả Tu-đà-hoàn, lòng sinh hổ thẹn, hướng về Ta sám hối: “Con vốn ngu si, Phật chẳng phải người huyền mà nói là huyền. Con từ hôm nay quy y Tam bảo”. Ta bảo: “Hay thay! Hay thay! Này Trưởng giả!”. Đó gọi là theo ý người khác mà nói.

Sao gọi là theo ý mình và ý người khác nói? Như lời Ta nói, tất cả kể trí của thế gian nói có thì Ta cũng nói có. Kể trí nói không thì Ta cũng nói không. Người trí thế gian nói năm dục lạc có vô thường, khổ, không, vô ngã, có thể đoạn thì Ta cũng nói là có. Người trí thế gian nói năm dục lạc có thường ngã tịnh thì đó là điều không có. Ta cũng nói

như vậy, không có điều đó. Đó gọi là theo ý mình ý người mà nói. Nay thiện nam! Như lời Ta nói, Bồ-tát Thập Trụ thấy ít Phật tánh. Đó gọi là theo ý người khác mà nói. Vì sao gọi là thấy ít? Vì Bồ-tát Thập Trụ được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm v.v... ba ngàn pháp môn. Vậy nên tự biết rõ ràng họ sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng thấy tất cả chúng sinh nhất định được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta nói, Bồ-tát Thập Trụ thấy phần ít Phật tánh. Nay thiện nam! Ta tuy thường nói “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”. Đó gọi là theo ý mình nói. “Tất cả chúng sinh chẳng đoạn chẳng diệt cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Đó gọi là theo ý mình nói. “Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vì phiền não che nên chẳng thể thấy được”, Ta nói như vậy, ông nói như vậy. Đó gọi là theo ý mình ý người mà nói.

Nay thiện nam! Như Lai, hoặc khi vì một pháp mà nói vô lượng pháp, như trong kinh nói, tất cả nhân phạm hạnh là thiện tri thức. Nhân của tất cả phạm hạnh tuy không lường, nhưng nói thiện tri thức thì đã bao gồm hết. Như lời Ta nói, tất cả hạnh ác thì tà kiến là nhân. Nhân của tất cả hạnh ác tuy không lường nhưng nếu nói tà kiến thì đã bao gồm hết. Hoặc nói: Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lấy tín tâm làm nhân. Nhân của Bồ-đề này tuy lại không lường nhưng nếu nói tín tâm thì đã bao gồm hết. Nay thiện nam! Như Lai tuy nói vô lượng các pháp để làm rõ Phật tánh, nhưng chẳng lia ấm nhập và giới.

Nay thiện nam! Như Lai nói pháp cho chúng sinh, có bảy cách nói: Một là nói nhân, hai là nói quả, ba là nói nhân quả, bốn là nói dụ, năm là nói điều chẳng có, sáu là nói điều thông thường ở đời, bảy là nói như ý.

Sao gọi là nói nhân? Trong nhân hiện tại nói quả vị lai. Như Ta nói: “Nay thiện nam! Ông thấy chúng sinh ưa giết hại cho đến ưa hành tà kiến, thì phải biết người đó tức là người của địa ngục. Nay thiện nam! Nếu có chúng sinh chẳng ưa giết hại cho đến tà kiến thì phải biết người đó tức là hàng trời, người. Đó gọi là nói nhân.

Sao gọi là nói quả? Trong quả hiện tại nói nhân quá khứ. Như trong kinh nói: “Nay thiện nam! Như ông đã thấy, chúng sinh nghèo cùng, hình dung xấu xí, chẳng được tự tại, thì phải biết người đó chắc

chấn có phá giới, lòng ganh ghét, lòng sân hận, lòng không hổ thẹn. Nếu thấy chúng sinh nhiều của cải, giàu có, các căn đầy đủ, uy đức tự tại thì phải biết người đó có trì giới, bố thí, tinh cần, hổ thẹn, không có ganh ghét, sân hận”. Đó gọi là nói quả.

Sao gọi là nói nhân quả? Như trong kinh nói: “Này thiện nam! Nhân tiếp xúc sáu nhập của chúng sinh hiện tại thì đó gọi là nghiệp quả của quá khứ”. Như Lai cũng nói, tên đó là nghiệp. Nhân duyên của nghiệp này được quả vị lai. Đó gọi là nói nhân quả.

Sao gọi là nói dụ? Như nói: Vua sư tử tức là dụ cho thân Ta, hay là Đại Tượng vương, Đại Long vương, cây Ba-lợi-chất-đa-la, Thất bảo tụ, Đại hải, Tu-di sơn, Đại địa, Mưa lớn, Thuyền sư, Đạo sư, Điều ngự, Trượng phu, Lực sĩ, Ngưu vương, Bà-la-môn, Sa-môn, Đại thành, cây Đa-la v.v... những dụ như vậy, kinh gọi là nói dụ.

Sao gọi là nói điều chẳng có? Trong kinh Ta nói: “Trời đất có thể hợp lại, sông chẳng chảy vào biển”. Như vì vua Ba-tư-nặc nói: “Bốn phương núi đến”. Như vì Ưu-bà-di Lộc Mẫu nói: “Nếu cây Ta-la có thể thọ tám giới thì được thọ hưởng niềm vui của người trời”. Như nói: “Thà nói Bồ-tát Thập Trụ có tâm thoái chuyển, chứ chẳng nói Như Lai có nói hai lời. Thà nói người Tu-đà-hoàn đọa vào ba đường ác, chứ chẳng nói Bồ-tát Thập Trụ có tâm thoái chuyển”. Đó gọi là nói điều chẳng có.

Sao gọi là nói điều thông thường? Như Ta nói: “Trai gái, lớn nhỏ, đi lại ngồi nằm, xe cộ, phòng xá, bình áo, chúng sinh, thường, lạc, ngã, tịnh, quân đội, rừng, thành ấp, huyện hóa, hợp tan v.v... Đó gọi là nói điều thông thường ở đời.

Sao gọi là nói như ý? Như Ta quả trách người hủy giới cấm khiến cho người đó tự trách mà hộ trì giới cấm. Như Ta khen ngợi người Tu-đà-hoàn khiến cho các phàm phu sinh ra lòng thiện. Ta khen ngợi Bồ-tát khiến cho chúng sinh phát tâm Bồ-đề. Ta nói sự khổ não của ba đường ác khiến mọi người tu tập các pháp thiện. Ta nói tất cả đều bị đốt cháy là chỉ cho tất cả pháp hữu vi, vô ngã cũng vậy. Ta nói, các chúng sinh đều có Phật tánh là vì khiến cho tất cả chẳng buông lung. Đó gọi là lời như ý.

Này thiện nam! Như Lai lại có lời nói theo ý mình: Phật tánh của

Như Lai có hai: một là có, hai là không. Có, đó là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, Mười lực, Bốn vô sở úy, Ba niệm xứ, đại từ đại bi, vô lượng Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, vô lượng Tam-muội Kim cương, vô lượng Tam-muội Phương tiện, vô lượng Tam-muội Ngũ trí ấn. Đó gọi là có. Không, đó là Như Lai, trong quá khứ không có thiện, chẳng thiện, vô ký, nghiệp, nhân, quả báo, phiền não, năm ấm, mười hai nhân duyên. Đó gọi là không.

Này thiện nam! Như có không, thiện chẳng thiện, có lậu không lậu, thế gian chẳng phải thế gian, thánh chẳng phải thánh, hữu vi vô vi, thật chẳng thật, tịch tĩnh chẳng phải tịch tĩnh, tranh cãi chẳng phải tranh cãi, cỗi chẳng phải cỗi, phiền não chẳng phải phiền não, thủ chẳng phải thủ, thọ ký chẳng phải thọ ký, có chẳng phải có, ba đời chẳng phải ba đời, thời chẳng phải thời, thường vô thường, ngã vô ngã, lạc vô lạc, tịnh vô tịnh, sắc thọ tưởng hành thức chẳng phải sắc thọ tưởng hành thức, nội nhập chẳng phải nội nhập, ngoại nhập chẳng phải ngoại nhập, mười hai nhân duyên chẳng phải mười hai nhân duyên, đó gọi là có, không có Phật tánh của Như Lai... cho đến có, không có Phật tánh của Nhất-xiển-đề cũng như vậy.

Này thiện nam! Ta tuy nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà chúng sinh chẳng hiểu được những lời nói theo ý mình như vậy của Ta.

Này thiện nam! Những lời nói như vậy của Bồ-tát thân sau còn chẳng thể hiểu huống gì là đối với hàng Nhị thừa và các hạng Bồ-tát khác. Này thiện nam! Một thuở nọ, Ta ở tại núi Kỳ-xà-quật, cùng với Bồ-tát Di-lặc chung luận bàn thế đế. Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... năm trăm Thanh văn đối với việc này đều chẳng hay biết, huống gì là đệ nhất nghĩa đế xuất thế.

Này thiện nam! Hoặc có Phật tánh, Nhất-xiển-đề thì có mà người thiện căn thì không. Hoặc có Phật tánh, người thiện căn có mà Nhất-xiển-đề thì không. Hoặc có Phật tánh, cả hai đều có. Hoặc có Phật tánh, cả hai đều không.

Này thiện nam! Các đệ tử của Ta nếu hiểu được ý nghĩa của bốn câu như vậy thì chẳng nên nạn vấn, người Nhất-xiển-đề nhất định có Phật tánh, hay nhất định không có Phật tánh? Nếu nói chúng sinh đều có Phật tánh thì đó gọi là theo lời nói tự ý của Như Lai. Lời nói tự theo

ý như vậy của Như Lai thì chúng sinh làm sao hiểu một hướng được.

Này thiện nam! Như trong sông Hằng có bảy loài chúng sinh: Một là thường chìm, hai là tạm nổi rồi trở lại chìm, ba là nổi rồi dừng lại, bốn là nổi rồi quan sát khắp bốn phương, năm là quan sát khắp rồi đi, sáu là đi rồi dừng lại, bảy là trên nước trên đất đều đi. Chúng sinh thường chìm là gọi loài cá lớn thọ nghiệp ác lớn, thân nặng ở sâu. Vậy nên thường chìm. Chúng sinh tạm nổi rồi chìm trở lại như loài cá lớn thọ nghiệp ác, thân nặng ở cạn, tạm thấy ánh sáng. Nhân ánh sáng nên nó tạm nổi nhưng vì nặng nên chìm trở lại. Chúng sinh nổi rồi liền dừng là gọi loài cá Chỉ di, thân ở nước cạn, ưa thấy ánh sáng nên nổi rồi dừng lại. Chúng sinh dừng lại nhìn khắp bốn phương là gọi loài cá tích, vì kiếm tìm thức ăn nên quan sát khắp bốn phương. Chúng sinh quan sát rồi đi là gọi loài cá tích, từ xa thấy vật khác cho là có thể ăn nên mau chóng đi đến đó. Chúng sinh quan sát rồi đi, đi rồi dừng lại là loài cá này đi đến rồi, đã được mỗi có thể ăn thì liền dừng lại nên gọi là đi rồi dừng lại. Chúng sinh trên nước, đất đều đi tức là loài rùa.

Này thiện nam! Dòng sông Đại Niết-bàn vi diệu cũng vậy, trong sông ấy cũng có bảy loài chúng sinh: Từ loài đầu tiên thường chìm cho đến loài thứ bảy hoặc vào hoặc ra. Nói thường chìm là, có người nghe kinh Đại Niết-bàn này, nói là Như Lai thường trụ không có biến dịch, thường, lạc, ngã, tịnh, nhất định chẳng rớt ráo vào Niết-bàn. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, người Nhất-xiển-đề bài báng kinh Phương Đẳng, tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn trọng cấm nhất định sẽ được thành đạo Bồ-đề, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật-bích-chi v.v... nhất định sẽ được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe những lời nói này rồi, họ sinh ra lòng bất tín liền nghĩ và nói thế này: “Kinh điển Niết-bàn này là sách ngoại đạo, chẳng phải là kinh Phật”. Người này, bấy giờ xa lìa bạn tốt, chẳng nghe chánh pháp. Tuy có lúc họ được nghe nhưng chẳng thể tư duy. Tuy họ lại tư duy nhưng chẳng tư duy thiện, mà chẳng tư duy thiện nên như trụ ở pháp ác. Người trụ ở pháp ác có sáu thứ: Một là ác, hai là không thiện, ba là làm ô nhiễm pháp, bốn là tăng hữu, năm là não nhiệt, sáu là thọ quả báo ác. Đó gọi là chìm. Vì sao bị chìm? Vì không lòng thiện, thường làm ác, chẳng tu đối trị. Đó gọi là chìm. Sở dĩ gọi rằng ác là bị Thánh nhân

quả trách, lòng sinh bố úy, người thiện xa lìa chẳng ích chúng sinh. Đó gọi là ác. Nói không thiện là, có thể sinh ra vô lượng quả báo ác, thường bị sự trói buộc của vô minh, ưa cùng người ác làm bạn bè, không có tu các phương tiện tốt, lòng điên đảo, thường lầm lẫn. Đó gọi là không thiện. Nói rằng làm ô nhiễm pháp là, thường làm ô nhiễm thân miệng, làm ô nhiễm chúng sinh thanh tịnh, tăng thêm nghiệp bất thiện, xa lìa pháp thiện. Đó gọi là làm ô nhiễm pháp. Nói tăng hữu là, làm những điều như ba người trên đã làm, có thể tăng thêm địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chẳng thể tu tập pháp giải thoát, nghiệp thân, miệng, ý chẳng chán các hữu. Đó gọi là tăng hữu. Nói não nhiệt là, người ấy làm đủ bốn việc như trên có thể khiến cho thân tâm có hai việc phiền não. Xa lìa tịch tĩnh thì gọi là nhiệt. Thọ quả báo địa ngục nên gọi là nhiệt. Đốt cháy các chúng sinh nên gọi là nhiệt. Đốt cháy các pháp thiện nên gọi là nhiệt. Đây thiện nam! Lòng tin thanh lương thì người này chẳng đủ, nên gọi là nhiệt. Nói người thọ quả báo ác là, người đầy đủ năm việc trên, chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đây thiện nam! Có ba việc ác, lại gọi là quả báo ác: Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là báo ác. Đó gọi là thọ quả báo ác.

Này thiện nam! Người này đầy đủ sáu việc như trên thì có thể cắt đứt căn lành, tạo tác năm tội ngũ nghịch, có thể phạm bốn trọng cấm, có thể hủy báng Tam bảo, sử dụng vật của chúng Tăng, có thể làm đủ thứ việc phi pháp. Do nhân duyên này nên chìm đắm ở tại địa ngục A-tỳ, phải thọ thân hình dọc ngang tám vạn bốn ngàn do diên. Nghiệp thân, miệng, ý của người này nặng nên chẳng thể thoát ra. Vì sao? Vì tâm người ấy chẳng thể sinh ra pháp thiện nên tuy có vô lượng những Đức Phật ra đời mà chẳng nghe chẳng thấy nên gọi là thường chìm mất như con cá lớn trong dòng sông Hằng.

Này thiện nam! Ta tuy nói Nhất-xiển-đề v.v... gọi là thường chìm nhưng lại có người thường chìm mà chẳng phải Nhất-xiển-đề. Đó là ai vậy? Như người vì cõi giới mà tu thí, giới, thiện. Đó gọi là thường chìm.

Này thiện nam! Có bốn việc thiện mà gặt lấy quả ác. Những gì là bốn? Một là vì muốn hơn người khác nên đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng nên thọ trì giới cấm, ba là vì lệ thuộc người khác mà làm bố

thí, bốn là vì phi tướng phi phi tướng xứ nên lắng lòng tư duy. Đó là bốn việc thiện bị quả báo ác. Nếu người tu tập bốn việc này thì đó gọi là chìm rồi trở lại nổi, nổi rồi trở lại chìm. Vì sao gọi là chìm? Vì ưa ba hữu. Vì sao gọi là nổi? Vì do thấy ánh sáng. Ánh sáng tức là nghe thí, giới, định. Vì sao trở lại chìm? Vì tăng trưởng tà kiến, sinh ra kiêu mạn. Vậy nên ở trong kinh Ta nói kệ:

*Nếu có chúng sinh ưa các hữu
 Vì có tạo tác nghiệp thiện ác
 Người này liền mất đạo Niết-bàn
 Đó gọi tạm nổi trở lại chìm.
 Đi trong biển sinh tử hắc ám
 Tuy được giải thoát xen phiền não
 Người này trở lại thọ quả ác
 Đó gọi tạm nổi trở lại chìm.*

Này thiện nam! Như con cá lớn kia nhân thấy ánh sáng nên tạm được nổi lên mặt nước. Nhưng cá ấy nặng nên trở lại chìm đắm. Như hai người trên cũng như vậy.

Này thiện nam! Lại hoặc có người đam mê ba hữu thì đó gọi là chìm. Được nghe kinh Đại Niết-bàn này sinh ra lòng tin thì đó gọi là nổi. Vì nhân duyên gì gọi đó là nổi? Vì nghe kinh này rồi, xa lìa pháp ác, tu tập pháp thiện nên đó gọi là nổi. Người này tuy tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Vì nhân duyên gì mà tin chẳng đầy đủ? Vì người này tuy tin Đại Bát Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh nhưng nói thân Như Lai vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Như Lai thì có hai thứ Niết-bàn, một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết-bàn không thường, lạc, ngã, tịnh; vô vi Niết-bàn có thường, lạc, ngã, tịnh. Họ tuy tin chúng sinh có Phật tánh nhưng nhất định chẳng phải tất cả đều có Phật tánh. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ.

Này thiện nam! Tin có hai thứ, một là tin, hai là cầu. Người như vậy tuy lại có tin nhưng chẳng thể tìm cầu. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ: một là từ nghe sinh ra, hai là từ nghĩ sinh ra. Lòng tin của người này từ nghe mà sinh ra, chẳng từ nghĩ sinh ra. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ: một là tin có đạo, hai là tin người đắc đạo. Lòng tin người này chỉ tin có đạo, hoàn toàn chẳng

tin có người đắc đạo. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Tin lại có hai thứ: một là tin chánh, hai là tin tà. Nói có nhân quả, có Phật, Pháp, Tăng thì đó gọi là tin chánh. Nói không có nhân quả, tánh Tam bảo khác, tin các lời nói tà vạy, Phú-đan-na v.v.... thì đó gọi là tin tà. Người này tuy tin Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, nhưng chẳng tin Tam bảo đồng một tánh tướng. Họ tuy tin nhân quả nhưng chẳng tin người thọ quả báo. Vậy nên gọi là tin chẳng đầy đủ. Người đó thành tựu lòng tin chẳng đầy đủ, việc thọ giới cấm cũng chẳng đầy đủ. Vì nhân duyên gì gọi là chẳng đầy đủ? Vì nhân chẳng đủ nên giới cấm đã đắc cũng chẳng đầy đủ. Lại vì nhân duyên gì gọi là chẳng đầy đủ? Vì giới cấm có hai thứ: một là giới oai nghi, hai là giới tòng giới. Người đó tuy đầy đủ giới oai nghi nhưng chẳng đủ giới tòng giới. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Lại, giới có hai thứ: một là tác giới, hai là không tác giới. Người đó chỉ đủ tác giới chẳng đủ không tác giới. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ: một là từ thân miệng được chánh mạng, hai là từ thân miệng chẳng được chánh mạng. Người đó từ thân miệng chẳng được chánh mạng nên gọi đó là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ: một là giới cầu, hai là giới xả. Người đó chỉ đủ giới cầu, chẳng được giới xả. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ: một là tùy hữu, hai là tùy đạo. Người đó chỉ đủ giới tùy hữu, chẳng đủ giới tùy đạo. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ. Giới lại có hai thứ: một là giới thiện, hai là giới ác. Thân, miệng, ý thiện thì đó gọi là giới thiện. Giới của trâu, giới của chó thì đó gọi là giới ác. Người đó tin sâu hai thứ giới này đều có quả báo thiện. Vậy nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Người đó chẳng đầy đủ hai việc là tín và giới. Việc tu học đa văn cũng chẳng đầy đủ thì làm sao gọi là nghe chẳng đầy đủ? Mười hai bộ loại kinh văn mà Như Lai đã nói chỉ tin sáu bộ, chẳng tin sáu bộ. Vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Tuy thọ trì sáu bộ loại kinh văn này nhưng chẳng thể đọc tụng, vì người khác giảng nói, không có sự lợi ích. Vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Lại nữa, thọ nhận sáu bộ kinh này rồi vì luận nghị, vì hơn kẻ khác, vì lợi dưỡng, vì các hữu nên thọ trì, đọc tụng, giảng nói, vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ. Nay thiện nam! Ở trong kinh Ta nói, nghe đầy đủ thì thế nào là đầy đủ? Nếu có Tỳ-

kheo, thân, miệng, ý thiện, trước có thể cúng dường Hòa thượng, các sư trưởng, người có đức. Những vị sư trưởng đó v.v... đối với người này sinh lòng ái niệm. Do nhân duyên này nên các vị dạy trao kinh pháp, người đó hết lòng thọ trì, đọc tụng, tu tập. Thọ trì, đọc tụng, tu tập rồi thì thu được trí tuệ, được trí tuệ rồi thì có thể khéo suy nghĩ, theo đúng như pháp mà trụ. Khéo suy nghĩ rồi thì được chánh nghĩa, được chánh nghĩa rồi thì thân tâm tịch tĩnh, thân tâm tịch tĩnh rồi thì sinh tâm hoan hỷ. Do tâm hoan hỷ nên tâm được định, nhân được định nên được chánh tri kiến. Có chánh tri kiến rồi thì đối với các hữu, lòng sinh nhàm chán, mà nhàm chán các hữu nên có thể được giải thoát. Người đó không có những việc như vậy nên gọi là nghe chẳng đầy đủ.

Người chẳng đủ ba việc như vậy thì thí cũng chẳng đầy đủ. Thí có hai thứ, một là tài thí, hai là pháp thí. Người đó tuy thực hiện tài thí mà vì cầu có nên tuy hành pháp thí nhưng cũng chẳng đầy đủ. Vì sao? Vì còn giữ kín chẳng nói hết sợ người khác hơn. Vậy nên gọi là thí chẳng đầy đủ. Tài, pháp hai thứ thí đều có hai thứ, một là thánh, hai là chẳng phải thánh. Thánh thì thí rồi chẳng cầu quả báo. Chẳng phải thánh thì thí rồi cầu quả báo. Bạc Thánh thí pháp làm tăng trưởng pháp. Kẻ chẳng phải thánh thí pháp làm tăng trưởng các hữu. Những người như vậy vì thêm của cải mà hành tài thí, vì thêm các hữu mà hành pháp thí. Vậy nên gọi là thí chẳng đầy đủ. Lại nữa, người đó thọ nhận sáu bộ kinh văn mà thấy người thọ pháp thì cung cấp, còn người chẳng thọ thì chẳng cung cấp. Đó gọi là thí chẳng đầy đủ.

Người chẳng đủ bốn việc như trên thì việc tu trí tuệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí tuệ là tánh có thể phân biệt. Người đó chẳng thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Ở trong kinh Niết-bàn này Như Lai nói, Như Lai tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là giải thoát. Ở trong nghĩa này người đó chẳng thể phân biệt. Phạm hạnh tức là Như Lai, Như Lai tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Từ, Bi, Hỷ, Xả tức là giải thoát, giải thoát tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là Từ, Bi, Hỷ, Xả. Đối với nghĩa này người đó chẳng thể phân biệt. Vậy nên gọi là trí chẳng đầy đủ. Lại nữa, chẳng thể phân biệt được Phật tánh. Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là tất cả pháp bất cộng, pháp bất cộng tức là giải thoát, giải thoát tức là Niết-

bàn, Niết-bàn tức là pháp bất cộng. Đối với nghĩa này họ chẳng thể phân biệt. Vậy nên gọi là trí chẳng đầy đủ. Lại nữa, chẳng thể phân biệt bốn đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Chẳng thể phân biệt bốn chân đế nên chẳng biết thánh hạnh, chẳng biết thánh hạnh nên chẳng biết Như Lai, chẳng biết Như Lai nên chẳng biết giải thoát, chẳng biết giải thoát nên chẳng biết Niết-bàn. Vậy nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người chẳng đủ năm việc như vậy thì có hai thứ, một là tăng trưởng pháp thiện, hai là tăng trưởng pháp ác. Sao gọi là tăng trưởng pháp ác? Người đó chẳng thấy mình chẳng đầy đủ mà tự nói đầy đủ và sinh lòng chấp trước, đối với người đồng hành tự cho mình hơn. Vậy nên họ thân cận bạn ác đồng với mình. Đã thân cận rồi lại còn được nghe pháp chẳng đầy đủ, nghe rồi lòng vui mừng và lòng họ nhiễm trước khởi lên kiêu mạn, hành động nhiều phóng dật, rồi nhân phóng dật nên gần gũi với hàng tại gia, cũng ưa nghe nói việc tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh. Do nhân duyên này nên thêm lớn pháp ác, pháp ác tăng nên thân, miệng, ý khởi nghiệp bất tịnh. Vì ba nghiệp bất tịnh nên thêm lớn quả báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Đó gọi là tạm nổi rồi trở lại chìm. Tạm nổi rồi trở lại chìm thì trong pháp Phật của Ta người ấy là ai? Là Đề-bà-đạt-đa, Tỳ-kheo Cù-già-ly, Tỳ-kheo Uyển Thủ, Tỳ-kheo Thiện Tinh, Tỳ-kheo Chỉ-đề-xá, Tỳ-kheo Mãn Túc, Tỳ-kheo-ni Từ Địa, Tỳ-kheo-ni Khoáng Dã, Tỳ-kheo-ni Phương, Tỳ-kheo-ni Mạn, trưởng giả Tịnh Khiết, Ưu-bà-tắc Cầu Hữu, Xá Lặc Thích Chung, Trưởng giả Tượng, Ưu-bà-di Danh Xưng, Ưu-bà-di Quang Minh, Ưu-bà-di Nan-đà, Ưu-bà-di Quân, Ưu-bà-di Linh v.v... Những người như vậy gọi là tạm nổi rồi trở lại chìm ví như con cá lớn thấy ánh sáng nên nổi lên mà thân nặng nên chìm.

Người thứ hai tự thấy biết sâu xa là sự tu hành chẳng đầy đủ, chẳng đầy đủ nên cầu gần gũi bạn lành, gần gũi bạn lành nên ưa hỏi han điều chưa nghe, nghe rồi ưa thọ, thọ rồi ưa suy nghĩ tốt, suy nghĩ tốt rồi có thể trụ đúng như pháp, trụ đúng như pháp nên thêm lớn căn lành, thêm lớn căn lành nên nhất định chẳng chìm. Đó gọi là trụ. Trong pháp Phật của Ta, những người ấy là ai? Đó là Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-nhã Kiêu-trần-như v.v... năm vị Tỳ-kheo, Gia-xá v.v... năm trăm vị Tỳ-kheo, đồng tử A-nâu-lâu-đà, Ca-diếp, Ma-ha Ca-diếp, Thập

lực Ca-diếp, Tỳ-kheo-ni Cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Ba-tra-la-hoa, Tỳ-kheo-ni Thắng, Tỳ-kheo-ni Thật Nghĩa, Tỳ-kheo-ni Ý, Tỳ-kheo-ni Bạt-đà, Tỳ-kheo-ni Tịnh, Tỳ-kheo-ni Bất Thoái Chuyển, Vua Tần-bà-ta-la, Trưởng giả Úc-già, Trưởng giả Tu-đạt-đa, Thích Ma-nam, Bần-tu-đạt-đa, con ông Trưởng giả Thử Lang, Trưởng giả Danh Xưng, Trưởng giả Cụ Túc, Tướng quân Sư Tử, Trưởng giả Ưu-ba-ly, Trưởng giả Đao, Ưu-bà-di Vô Úy, Ưu-bà-di Thiện Trụ, Ưu-bà-di Ái Pháp, Ưu-bà-di Dũng Kiện, Ưu-bà-di Thiên Đắc, Ưu-bà-di Thiện Sinh, Ưu-bà-di Cụ Thân, Ưu-bà-di Ngưu Đắc, Ưu-bà-di Khoáng Dã, Ưu-bà-di Ma-ha-tư-na v.v... Những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di như vậy được gọi là trụ. Sao gọi là trụ? Thường ưa nhìn thấy ánh sáng thiện. Do nhân duyên này nếu Phật ra đời, hoặc chẳng ra đời thì những người như vậy nhất định chẳng tạo ác. Đó gọi là trụ. Như loài cá Chỉ-di ưa thấy ánh sáng chẳng đắm chẳng chìm, những chúng như trên cũng như vậy. Vậy nên, ở trong kinh Ta nói kệ:

*Người khéo có thể phân biệt nghĩa
Hết lòng cầu quả vị Sa-môn
Và hay quở trách tất cả hữu
Người ấy gọi là trụ như pháp.
Nếu hay cúng dường vô lượng Phật
Có thể tu đạo vô lượng đời
Hưởng vui thế gian chẳng buông lung
Người đó gọi là trụ như pháp.
Thân cận bạn lành nghe chánh pháp
Trong khéo tư duy, trụ như pháp
Tu tập đạo, ưa thấy quang minh
Chúng được giải thoát trụ yên ổn.*



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXIII

Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 3

Này thiện nam! Trí chẳng đầy đủ gồm có năm việc. Người đó biết rồi cầu gần bạn lành. Bạn lành ấy phải biết quan sát người này về tham dục, sân hận, ngu si và suy nghĩ để biết người này thiên về cái gì nhiều. Nếu biết người đó tham dục nhiều thì liền nên vì họ nói pháp quán bất tịnh. Người sân hận nhiều thì vì họ nói từ bi. Người suy nghĩ hiểu biết nhiều thì dạy cho họ phép đếm hơi thở. Người chấp trước ngã nhiều thì phải vì họ phân tích mười tám giới v.v... Người đó nghe rồi chí tâm thọ trì, chí tâm thọ trì rồi theo đúng như pháp tu hành, theo đúng như pháp tu hành rồi theo thứ lớp chứng được Bốn niệm xứ, quán thân thọ, tâm, pháp. Đắc pháp quán này rồi thì theo thứ lớp quán mười hai nhân duyên. Quán như vậy rồi thì người đó được pháp noãn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều có pháp noãn. Vì sao? Vì như lời Phật nói, ba pháp hòa hợp gọi là chúng sinh: một là thọ mạng, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này thì tất cả chúng sinh đáng lẽ trước có noãn mà vì sao Như Lai nói, pháp noãn nhân bạn lành sinh ra?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Pháp noãn mà như lời ông hỏi thì tất cả chúng sinh cho đến Nhất-xiển-đề đều có hết. Còn pháp noãn mà hôm nay Ta nói là pháp noãn cần phải nhân phương tiện, rồi sau đó mới được thì nó vốn không nay có. Do nghĩa này nên chẳng phải các chúng sinh, tất cả trước đã có. Vậy nên hôm nay, ông chẳng nên nạn vấn Ta là tất cả chúng sinh đều có pháp noãn. Này thiện nam! Pháp noãn như vậy là pháp của Sắc giới, chẳng phải Dục giới có được. Nếu nói, tất cả chúng

sinh có thì chúng sinh Dục giới đáng lẽ cũng có, nhưng Dục giới không có nên phải biết là chẳng phải tất cả có. Vì sao? Vì đệ tử của Ta có, còn ngoại đạo thì không. Do nghĩa này nên tất cả chúng sinh chẳng nhất định đều có. Nay thiện nam! Tất cả ngoại đạo chỉ quán sáu hạnh, còn đệ tử của Ta đầy đủ mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh này không hẳn là tất cả chúng sinh đều có.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cái nói là pháp noãn thì sao gọi là noãn? Vì tự tánh noãn hay vì người khác nên noãn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Pháp noãn như vậy, tự tánh noãn, chẳng phải vì người khác nên noãn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai trước đã nói, mã sư Mãn Túc không có pháp noãn. Vì sao? Vì ở chỗ Tam bảo không tín tâm. Vậy nên không có noãn thì phải biết tín tâm tức là pháp noãn.

–Này thiện nam! Tín chẳng phải pháp noãn. Vì sao? Vì nhân ở tín tâm rồi sau mới được noãn. Nay thiện nam! Luận về pháp noãn tức là trí tuệ. Vì sao? Vì quan sát bốn đế. Vậy nên gọi đó là mười sáu hạnh mà hạnh tức là trí. Nay thiện nam! Như câu hỏi của ông, nhân duyên gì nên gọi là noãn? Nay thiện nam! Luận về pháp noãn tức là tướng lửa của tám Thánh đạo. Vậy nên gọi là noãn. Nay thiện nam! Ví như dùi lửa thì trước có hơi ấm, tiếp đến có lửa sinh ra và sau cùng thì bốc khói. Đạo vô lậu này cũng như vậy. Hơi ấm tức là mười sáu hạnh, lửa tức là quả Tu-đà-hoàn, khói tức là tu đạo, cắt đứt kiết sử.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như vậy pháp noãn cũng là pháp hữu, cũng là hữu vi. Quả báo pháp này được năm ấm của Sắc giới nên gọi là hữu. Do nhân duyên này nên lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi thì làm sao có thể là tướng của đạo vô lậu được?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Nay thiện nam! Như vậy pháp noãn tuy là pháp hữu, hữu vi, nhưng trở lại có thể phá hoại pháp hữu hữu vi. Vậy nên nó có thể là tướng của

đạo vô lậu. Này thiện nam! Như người cỡi ngựa cũng yêu ngựa nhưng cũng thúc giục ngựa. Noãn tâm cũng vậy, vì ưa thích nên thọ sinh, vì nhàm chán nên quan sát hạnh. Vậy nên tuy lại là pháp hữu, hữu vi mà có thể cùng làm tướng cho chánh đạo kia đặc pháp noãn. Có bảy mươi ba hạng người, Dục giới có mười hạng người. Hạng người này đầy đủ tất cả phiền não, từ đoạn một phần cho đến chín phần. Như ở Dục giới, từ Sơ thiên cho đến Vô sở hữu xứ cũng như vậy. Đó gọi là bảy mươi ba hạng. Những người như vậy được pháp noãn rồi chẳng có thể cắt đứt căn lành, làm tội ngũ nghịch, phạm bốn trọng cấm. Hai hạng người này, một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác. Người gặp bạn ác thì tạm nổi trở lại chìm. Người gặp bạn lành thì quan sát khắp bốn phương, quan sát bốn phương tức là pháp đỉnh. Pháp này tuy tánh là năm ấm nhưng cũng duyên bốn đế. Vậy nên được gọi là quan sát khắp bốn phương. Được pháp đỉnh rồi tiếp đến được pháp nhẫn. Nhẫn này cũng vậy, tánh cũng năm ấm, cũng duyên bốn đế. Người này tiếp đến được pháp thế đệ nhất. Pháp này tánh là năm ấm, cũng duyên bốn đế. Người này tiếp đến được pháp khở nhẫn mà tánh của nhẫn là tuệ duyên với một đế. Như vậy pháp nhẫn duyên một đế rồi cho đến thấy đạo đoạn phiền não, được quả Tu-đà-hoàn. Đó gọi là loại thứ tư quan sát khắp bốn phương. Bốn phương tức là bốn đế.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Phật trước đã nói, việc đoạn phiền não của hàng Tu-đà-hoàn giống như dòng nước dọc ngang bốn mươi dặm, cái còn lại ấy thì như một giọt nước trên đầu sợi lông. Trong giọt nước nhỏ này thì sao nói là đoạn ba kết? Gọi là Tu-đà-hoàn thì một là chấp ngã, hai là chẳng phải nhân chấp là nhân, ba là nghi vọng. Thưa Thế Tôn! Vì nhân duyên gì gọi Tu-đà-hoàn quan sát khắp bốn phương? Lại vì nhân duyên gì gọi Tu-đà-hoàn? Lại vì nhân duyên gì dùng cá Tích dụ cho Tu-đà-hoàn?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hàng Tu-đà-hoàn tuy lại có thể đoạn vô lượng phiền não nhưng ba thứ nặng này cũng thuộc về tất cả kiết sử phải đoạn của hàng Tu-đà-hoàn. Này thiện nam! Ví như vị đại vương khi ra đi tuần du tuy có bốn binh chủng nhưng người đời chỉ nói vua đến vua

đi. Vì sao? Vì thế gian xem trọng vua. Ba phiền não này cũng như vậy. Vì nhân duyên gì mà gọi đó là nặng? Vì tất cả chúng sinh thường sinh khởi, vì vi tế khó nhận biết nên gọi là nặng. Vì ba kết này khó có thể đoạn trừ, vì có thể là nhân của tất cả phiền não, vì là oán địch của ba thứ đối trị là giới, định, tuệ. Nay thiện nam! Có các chúng sinh nghe Tu-đà-hoàn có thể đoạn vô lượng phiền não như vậy thì sinh tâm thoái chuyển, liền nói lên: “Chúng sinh làm sao có thể đoạn vô lượng phiền não như vậy?”. Vậy nên Như Lai thị hiện phương tiện nói có ba. Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì mà hàng Tu-đà-hoàn dụ cho sự quan sát bốn phương?

Nay thiện nam! Hàng Tu-đà-hoàn quan sát bốn để đạt được bốn việc: Một là trụ ở đạo kiên cố, hai là có thể quan sát khắp, ba là có thể thấy như thật, bốn là có thể hoại oán lớn. Đạo kiên cố nghĩa là năm căn của Tu-đà-hoàn không thể động. Vậy nên gọi là trụ đạo kiên cố. Quan sát cùng khắp nghĩa là Tu-đà-hoàn có thể quả trách phiền não trong ngoài. Thấy như thật tức là nhãn trí. Hoại oán lớn nghĩa là hoại bốn điên đảo. Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn? Nay thiện nam! Tu là gọi vô lậu, đà-hoàn là gọi tu tập. Tu tập vô lậu nên gọi là Tu-đà-hoàn. Nay thiện nam! Lại nữa, Tu gọi là dòng. Dòng có hai thứ: một là thuận dòng, hai là ngược dòng. Do ngược dòng nên gọi là Tu-đà-hoàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu từ ý nghĩa này thì vì nhân duyên gì mà hàng Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán chẳng được gọi là Tu-đà-hoàn?

–Nay thiện nam! Từ Tu-đà-hoàn cho đến các Đức Phật cũng được gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu từ Tư-đà-hàm cho đến chư Phật không Tu-đà-hoàn thì làm sao được gọi là Tư-đà-hàm cho đến Phật? Tên của tất cả chúng sinh có hai thứ: một là cựu, hai là khách. Khi còn là phàm phu thì có tên gọi của đời. Đã đắc đạo rồi thì đổi tên gọi là Tu-đà-hoàn. Do trước đắc đạo nên tên là Tu-đà-hoàn, rồi sau đắc tiếp nên gọi là Tư-đà-hàm. Người đó cũng tên là Tu-đà-hoàn, cũng tên là Tư-đà-hàm cho đến Phật cũng như vậy.

Nay thiện nam! Lưu có hai thứ: Một là giải thoát, hai là Niết-bàn. Tất cả Thánh nhân đều có hai thứ này, cũng có thể được gọi là Tu-đà-

hoàn, cũng gọi là Tư-đà-hàm cho đến Phật cũng như vậy.

Này thiện nam! Tu-đà-hoàn cũng gọi là Bồ-tát. Vì sao? Vì Bồ-tát tức là tận trí và vô sinh trí mà hàng Tu-đà-hoàn cũng lại mong cầu hai thứ trí như thế. Vậy nên phải biết hàng Tu-đà-hoàn được gọi là Bồ-tát. Hàng Tu-đà-hoàn cũng được gọi là giác. Vì sao? Vì chánh giác thì thấy đạo, cắt đứt phiền não. Do nhân quả của chánh giác nên chánh giác chung với đạo và chẳng chung với đạo. Tư-đà-hàm cho đến A-la-hán cũng như vậy.

Này thiện nam! Tu-đà-hoàn này thường có hai hạng: Một là lợi căn, hai là độn căn. Người độn căn thì qua lại cõi người, trời bảy lần. Người độn căn đó lại có năm thứ: hoặc người có sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần qua lại trời, người. Người lợi căn thì hiện tại chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

Này thiện nam! Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì dùng loài cá Tích dụ cho hàng Tu-đà-hoàn? Này thiện nam! Loài cá Tích có bốn đặc tính: Một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là ưa thấy ánh sáng, bốn là ngậm vật giữ chặt. Hàng Tu-đà-hoàn cũng có bốn đặc tính: phiền não vi tế dụ cho xương nhỏ, có chỉ và quán nên dụ cho có cánh, thấy đạo dụ cho ưa thấy ánh sáng, ngậm vật giữ chặt là dụ cho nghe. Như Lai nói vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì giữ chặt chẳng bỏ dụ cho ngậm vật giữ chặt. Giống như Ma vương hóa làm hình dáng Phật, trưởng giả Thủ-la nhìn thấy rồi lòng kinh hãi. Ma thấy lòng ông trưởng giả ấy động rồi, liền nói với ông Trưởng giả: “Ta trước nói có bốn chân đế là lời nói chẳng chân thật. Nay ta sẽ vì ông nói lại có năm đế, sáu ấm, mười ba nhập, mười chín giới”. Ông trưởng giả nghe rồi liền quan sát pháp tướng, nhưng đều không có cái lý này. Vậy nên kiên trì lòng mình chẳng động.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tu-đà-hoàn này trước đã được đạo nên gọi là Tu-đà-hoàn. Vì sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu trước đã đắc đạo gọi là Tu-đà-hoàn thì khi đắc pháp khổ nhẫn vì sao chẳng được gọi là Tu-đà-hoàn mà gọi là Hương? Nếu vì sơ quả mà gọi là Tu-đà-hoàn thì người ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, đến được Vô sở hữu xứ mà tu đạo vô lậu lại được quả A-na-hàm, thì vì sao chẳng gọi họ là Tu-đà-

hoàn?

–Này thiện nam! Do sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn. Như lời ông hỏi, người ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, đến được Vô sở hữu xứ mà tu đạo vô lậu đắc quả A-na-hàm thì vì sao chẳng gọi họ là Tu-đà-hoàn? Này thiện nam! Do sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn. Người này khi ấy đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Người được A-na-hàm cũng như vậy, cũng được tám trí, đủ mười sáu hạnh mà vì sao chẳng được gọi là Tu-đà-hoàn?

–Này thiện nam! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ: Một là chung, hai là không chung. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai thứ: Một là hưởng quả, hai là đắc quả. Tám trí cũng có hai: Một là hưởng quả, hai là đắc quả. Người Tu-đà-hoàn xả mười sáu hạnh chung, đắc mười sáu hạnh không chung, bỏ tám trí hưởng quả, đắc tám trí đắc quả. A-na-hàm thì chẳng như vậy. Vậy nên sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn.

Này thiện nam! Hàng Tu-đà-hoàn duyên với bốn đế, còn hàng A-na-hàm chỉ duyên một đế. Vậy nên sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn. Do nhân duyên này nên dùng loài cá Tích để dụ. Người quan sát khắp rồi đi tức là Tư-đà-hàm hết lòng tu đạo vì đoạn trừ tham, sân, si, kiêu mạn như con cá Tích kia quan sát khắp bốn phương rồi vì mỗi ăn nên đi. Đi rồi dừng lại là dụ cho A-na-hàm được thức ăn rồi dừng lại. A-na-hàm này thường có hai thứ: Một là hiện tại đắc A-na-hàm rồi tiến tu liền được quả A-la-hán. Hai là tham đắm Tam-muội Tịch tĩnh trong Sắc giới, Vô sắc giới mà người này chẳng thọ thân Dục giới nên gọi là A-na-hàm. A-na-hàm này lại có năm thứ: Một là Trung Bát-niết-bàn, hai là Thọ thân Bát-niết-bàn, ba là Hành Bát-niết-bàn, bốn là Vô hành Bát-niết-bàn, năm là Thượng lưu Bát-niết-bàn. A-na-hàm lại có sáu thứ: năm thứ nêu trên, thêm sáu là Hiện tại Bát-niết-bàn. Lại có bảy thứ: sáu thứ như trên, thêm bảy là Vô sắc giới Bát-niết-bàn. Hành Bát-niết-bàn lại có hai thứ: Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thì đó gọi là lợi căn. Nếu thọ bốn thân thì đó gọi là độn căn. Lại có hai thứ: Một là tinh tấn không tự tại định, hai là biếng trễ có tự tại định. Lại có hai thứ: Một là cụ tinh tấn, hai là bất cụ.

Này thiện nam! Chúng sinh nơi Dục giới có hai thứ nghiệp: Một

là tác nghiệp, hai là thọ sinh nghiệp. Trung Niết-bàn thì chỉ có tác nghiệp không có thọ sinh nghiệp. Vậy nên ở khoảng giữa mà Bát-niết-bàn, đó là xả thân Dục giới, chưa đến Sắc giới. Do lợi căn nên ở Trung Niết-bàn. Hàng A-na-hàm Trung Niết-bàn này có bốn thứ tâm: Một là phi học phi vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là phi học phi vô học. Vào Niết-bàn thì sao lại gọi là Trung Bát-niết-bàn? Đây thiện nam! Vì trong bốn thứ tâm của A-na-hàm này có hai: Một là Niết-bàn và hai là phi Niết-bàn. Vậy nên gọi là Trung Bát-niết-bàn. Thọ thân Niết-bàn có hai thứ: Một là tác nghiệp, hai là sinh nghiệp. Người xả thân Dục giới thọ thân Sắc giới, tinh cần tu đạo, hết thọ mạng ấy thì vào Niết-bàn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu nói hết thọ mạng vào Niết-bàn thì sao nói thọ thân Niết-bàn?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Người này thọ thân rồi sau đó mới đoạn trừ phiền não của ba cõi nên gọi là Thọ thân Niết-bàn. Đây thiện nam! Hành Bát-niết-bàn thì thường tu hành đạo. Do có sức của Tam-muội hữu vi nên có thể đoạn trừ phiền não mà vào Niết-bàn. Đó gọi là Hành Bát-niết-bàn. Vô hành Niết-bàn là, người này quyết định biết sẽ được Niết-bàn nên biếng trễ. Cũng do lực của Tam-muội hữu vi nên hết thọ mạng thì được vào Niết-bàn. Đó gọi là Vô hành Niết-bàn. Thượng lưu Bát-niết-bàn là, nếu có người được đệ Tứ thiên rồi mà sinh ra ái tâm ở Sơ thiên thì do nhân duyên này sinh lùi lại ở Sơ thiên. Hạng này có hai dòng: Một là dòng phiền não, hai là dòng đạo. Nhờ dòng đạo nên người này thọ mạng hết sinh ra thích Nhị thiên. Do nhân duyên này nên họ sinh ra ở Nhị thiên cho đến đệ Tứ thiên cũng như vậy. Trong bốn thiên này lại có hai thứ: Một là vào Vô sắc giới, hai là vào Ngũ tịnh cư. Hai hạng người như vậy thì một hạng ưa Tam-muội và hạng thứ hai ưa trí tuệ. Hạng ưa trí tuệ thì vào Ngũ tịnh cư còn hạng ưa Tam-muội thì vào Vô sắc giới. Như vậy hai hạng người: Một là tu đệ Tứ thiên thì có năm bậc sai khác, hai là chẳng tu. Những gì là năm? Đó là hạ, trung, thượng, thượng trung và thượng thượng. Người tu thượng thượng thì ở trời Vô Tiểu. Người tu thượng trung thì ở trời Thiện Kiến. Người tu thượng phẩm thì ở trời Thiện Khả Kiến. Người tu trung phẩm

thì ở trời Vô Nhiệt. Người tu hạ phẩm thì ở trời Thiểu Quang. Hai hạng người như vậy, một là ưa luận nghị, hai là ưa tịch tĩnh. Người ưa tịch tĩnh thì vào Vô sắc giới. Người ưa luận nghị thì ở Ngũ tịnh cư. Lại có hai hạng người, một là tu tập thiền, hai là chẳng tu tập thiền. Người tu tập thiền thì vào Ngũ tịnh cư. Người chẳng tu tập thiền thì sinh ở Vô sắc giới. Hết thọ mạng thì người ấy Bát-niết-bàn, nên gọi là Thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu muốn vào cõi Vô sắc thì chẳng thể tu tập năm cấp bậc của Tứ thiền. Nếu tu năm cấp bậc của Tứ thiền thì có thể quả trách định của cõi Vô sắc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bậc Trung Niết-bàn là người lợi căn. Nếu là người lợi căn thì vì sao hiện tại chẳng vào Niết-bàn? Vì sao Dục giới có Trung Niết-bàn mà Sắc giới thì không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người đó hiện tại bốn đại gây yếu chẳng thể tu đạo, tuy có Tỳ-kheo với bốn đại mạnh khỏe nhưng không có phòng nhà, thức ăn thức uống, quần áo, ngọa cụ, thuốc chữa bệnh v.v... mọi duyên chẳng đủ, nên chẳng được hiện tại Niết-bàn. Này thiện nam! Vào một thuở nọ, Ta ở tại Tinh xá A-na-bàn-đề nước Xá-vệ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ Ta nói như vậy: “Thưa Thế Tôn! Con thường tu đạo mà chẳng thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán”. Ta tức thời bảo Tôn giả A-nan: “Nay Tôn giả phải vì vị Tỳ-kheo này cấp đủ những sự cần dùng”. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đem vị Tỳ-kheo này đến rừng Kỳ-đà cấp cho phòng nhà tốt. Khi đó vị Tỳ-kheo nói với Tôn giả A-nan: “Thưa Đại đức! Xin Đại đức vì tôi trang hoàng phòng nhà, sửa sang sạch sẽ, làm đẹp bằng bảy báu, treo lọng báu, cờ phướn bằng lụa”. Tôn giả A-nan nói: “Thế gian, người nghèo mới gọi là Sa-môn thì tôi sao có thể bày biện những việc đó?”. Vị Tỳ-kheo này nói: “Thưa Đại đức! Nếu Đại đức có thể vì tôi làm thì tốt. Nếu chẳng thể thì tôi sẽ trở lại đi đến chỗ Đức Thế Tôn”. Lúc này, Tôn giả A-nan liền đi đến chỗ Phật thưa: “Thưa Thế Tôn! Vừa rồi Tỳ-kheo theo con yêu cầu đủ thứ bằng bảy báu, cờ, lọng, chẳng xem xét việc này sẽ như thế nào”. Lúc ấy, Ta lại bảo Tôn giả A-nan: “Nay Tôn giả trở lại theo ý của Tỳ-kheo, bày biện đủ những vật cần dùng”. Bấy giờ, Tôn giả A-nan trở lại

phòng đó, vì vị Tỳ-kheo này bày biện đầy đủ mọi thứ. Tỳ-kheo được như ý rồi thì hết lòng tu đạo, chẳng bao lâu ông ta liền được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

Này thiện nam! Vô lượng chúng sinh đáng lẽ vào Niết-bàn nhưng vì thiếu thốn làm loạn lòng họ nên chẳng vào được. Này thiện nam! Lại có chúng sinh rất ưa giáo hóa nên lòng họ rộn ràng chẳng thể định được. Vậy nên chẳng được Hiện tại Niết-bàn. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, vì nhân duyên gì xả thân Dục giới có Trung Niết-bàn mà Sắc giới thì không?

Này thiện nam! Người này quan sát ở Dục giới, nhân duyên phiền não có hai: Một là nội, hai là ngoại, mà trong Sắc giới không có ngoại nhân duyên. Dục giới lại có hai thứ ái tâm, một là dục ái, hai là thực ái. Quán sát hai ái này, hết lòng quở trách, quở trách rồi thì được vào Niết-bàn. Trong Dục giới này có thể quở trách các phiền não thô như là tham lam keo kiệt, sân hận, ganh ghét, không hổ, không thẹn. Do nhân duyên này nên có thể được Niết-bàn. Lại, đạo của Dục giới, tánh của đạo ấy dừng kiên. Vì sao? Vì được bốn quả. Vậy nên Dục giới có Trung Niết-bàn mà trong Sắc giới thì không. Này thiện nam! Trung Niết-bàn thì thường có ba thứ. Đó là thượng, trung, hạ. Thượng là xả thân chưa rời khỏi Dục giới liền được Niết-bàn. Trung là bắt đầu rời khỏi Dục giới chưa đến Sắc giới liền được Niết-bàn. Hạ là rời khỏi Dục giới rồi đến biên giới Sắc giới mới được Niết-bàn. Dụ dùng loài cá Tích được mỗi ăn rồi dừng lại, người này cũng vậy. Sao gọi là dừng lại? Ở tại Sắc giới và Vô sắc giới được thọ thân. Vậy nên gọi là dừng lại. Chẳng thọ thân trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh của Dục giới, nên gọi là dừng lại. Đã đoạn trừ vô lượng các phiền não kết, còn lại chút ít, nên gọi là dừng lại. Lại vì nhân duyên gì mà gọi đó là dừng lại? Vì chẳng bao giờ tạo tác việc của phàm phu, nên gọi là dừng lại. Mình không sợ gì, chẳng khiến người khác sợ, nên gọi là dừng lại. Xa lìa hai ái, xan tham, sân hận nên gọi là dừng lại.

Này thiện nam! Người đến bờ kia là dụ cho A-la-hán, Phật-bích-chi, Bồ-tát, Phật, giống như rùa thần trên nước trên đất đều đi được cả. Vì nhân duyên gì mà dùng rùa làm thí dụ? Vì khéo che giấu năm chi. Những bậc A-la-hán này cho đến chư Phật cũng như vậy, khéo che

nằm căn nên dụ cho rùa. Nói nước và đất thì nước dụ cho thế gian, đất dụ cho xuất thế gian. Các vị Thánh này cũng như vậy, có thể quan sát tất cả phiền não ác nên đến bờ kia. Vậy nên dụ cho đến dưới nước, trên đất đều đi.

Này thiện nam! Như bầy loài chúng sinh trong sông Hằng, tuy có tên là cá, rùa nhưng chẳng lìa khỏi nước. Như vậy trong Đại Niết-bàn vi diệu, từ Nhất-xiển-đề lên đến chư Phật tuy có tên khác nhau nhưng cũng chẳng lìa khỏi nước Phật tánh. Này thiện nam! Bầy loại chúng sinh này hoặc pháp thiện, hoặc pháp bất thiện, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ đệ, hoặc nhân, hoặc quả... hết thấy đều là Phật tánh. Đó gọi là ngôn ngữ Tùy tự ý của Như Lai.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có nhân thì có quả, nếu không nhân thì không quả. Niết-bàn gọi là quả nên thường không có nhân. Nếu không nhân thì sao gọi là quả? Nhưng mà Niết-bàn này cũng gọi là Sa-môn và gọi là quả Sa-môn thì thế nào là Sa-môn? Thế nào là quả Sa-môn?

–Này thiện nam! Tất cả thế gian có bảy thứ quả: Một là quả phương tiện, hai là quả báo ân, ba là quả thân cận, bốn là quả tàn dư, năm là quả bình đẳng, sáu là quả quả báo, bảy là quả viễn ly. Quả phương tiện là, như người thế gian, mùa thu, thu hoạch nhiều lúa, đều nói với nhau, được quả phương tiện. Quả phương tiện còn gọi là quả nghiệp hành. Quả như vậy thì có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần là gọi hạt giống. Nhân xa là gọi nước, phân bón, công sức của người. Đó gọi là quả phương tiện. Quả báo ân là, người thế gian cung phụng cha mẹ, cha mẹ đều nói, ta nay đã được quả báo ân dưỡng. Con có thể báo đền ơn cha mẹ thì đó gọi là quả. Quả như vậy thì nhân cũng có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là nghiệp thuần thiện đời quá khứ của cha mẹ. Nhân xa tức là cha mẹ đã sinh ra con hiếu. Đó gọi là quả báo ân. Quả thân cận thì ví như có người gần gũi bạn lành hoặc đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Người đó xưng lên: “Ta nay được quả thân cận”. Quả như vậy thì nhân có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần là lòng tin, nhân xa là bạn lành. Đó gọi là quả thân cận. Quả dư tàn thì như nhân chẳng sát hại được thân thứ ba kéo dài thêm thọ mạng. Đó

gọi là quả dư tàn. Quả như vậy thì có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là thân, miệng, ý thanh tịnh. Nhân xa tức là kéo dài thêm thọ mạng. Đó gọi là quả tàn dư. Quả bình đẳng nghĩa là khí thế giới. Quả như vậy thì cũng có hai thứ nhân: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần như là chúng sinh tu mười nghiệp thiện. Nhân xa như là tam tai. Đó gọi là quả bình đẳng. Quả quả báo thì như người chứng được thân thanh tịnh rồi tu nghiệp thanh tịnh của thân, miệng, ý. Người đó liền nói, ta đắc quả quả báo. Quả như vậy thì nhân có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần thì như là thân, miệng, ý hiện tại thanh tịnh. Nhân xa thì như là thân, miệng, ý quá khứ thanh tịnh. Đó gọi là quả quả báo. Quả viễn ly tức là Niết-bàn là các khổ não. Tất cả nghiệp thiện là nhân của Niết-bàn. Nó lại có hai thứ: Một là nhân gần, hai là nhân xa. Nhân gần tức là ba cửa giải thoát. Nhân xa tức là việc tu hành pháp thiện của vô lượng đời.

Này thiện nam! Như pháp thế gian, hoặc nói sinh nhân, hoặc nói liễu nhân. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sinh nhân, cũng nói liễu nhân. Này thiện nam! Ba cửa giải thoát, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể vì tất cả phiền não làm chẳng sinh ra sinh thân, cũng vì Niết-bàn mà làm liễu nhân. Này thiện nam! Liìa xa phiền não thì được thấy rõ ràng Niết-bàn. Vậy nên Niết-bàn chỉ có liễu nhân, không có sinh nhân. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, thế nào là Sa-môn na? Thế nào là Sa-môn quả? Này thiện nam! Sa-môn na tức là tám chánh đạo. Sa-môn quả là từ đạo diệt trừ vĩnh viễn tất cả tham, sân, si v.v... Đó gọi là Sa-môn na và Sa-môn quả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà tám chánh đạo gọi là Sa-môn na?

–Này thiện nam! Đời gọi Sa-môn là thiếu. Na gọi là đạo. Như vậy đạo là đoạn tất cả thiếu, đoạn tất cả đạo. Do nghĩa này nên gọi tám chánh đạo là Sa-môn na. Từ trong đạo này chứng được quả nên gọi là Sa-môn quả. Này thiện nam! Lại, Sa-môn na là, như người thế gian có người vui với sự tịch tĩnh yên lặng thì cũng gọi là Sa-môn. Như vậy thì đạo cũng thế, có thể khiến cho hành giả liìa khỏi các ác của thân, miệng, ý và tà mạng v.v... mà được vui tịch tĩnh, nên gọi là Sa-

môn na. Nay thiện nam! Như hạng hạ nhân của đời có thể làm bậc thượng nhân, nên gọi là Sa-môn na. Như vậy đạo cũng như vậy, có thể khiến cho hạng hạ nhân làm bậc thượng nhân, nên gọi là Sa-môn na. Nay thiện nam! Hàng A-la-hán tu đạo này thì được Sa-môn quả. Vậy nên được gọi là đến bờ kia. Quả A-la-hán tức là năm phần pháp thân vô học: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, nhân năm phần này được đến bờ kia. Vậy nên gọi là đến bờ kia. Đến bờ kia rồi tự nói: “Ta, sự sinh đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã hoàn thành, lại chẳng thọ thân sau”. Nay thiện nam! A-la-hán này đã đoạn trừ vĩnh viễn nhân duyên sinh ba đời, nên tự nói: “Ta sự sinh đã hết”, cũng cắt đứt thân năm ấm của ba cõi, nên lại nói: “Ta, sự sinh đã hết”, việc tu phạm hạnh đã rốt ráo, nên nói: “Phạm hạnh đã lập”. Lại xả bỏ học đạo nên cũng gọi là đã lập. Như sở cầu thuở trước, ngày nay đã được, vậy nên nói: “Việc làm đã hoàn thành”. Tu đạo đắc quả cũng nói, đã hoàn thành. Chứng được Tận trí, Vô sinh trí nên nói: “Ta, sự sinh đã hết, tận diệt các hữu kết”. Do những nghĩa này nên gọi là A-la-hán được đến bờ kia. Như A-la-hán, Phật-bích-chi cũng như vậy. Bồ-tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nên gọi là đến bờ kia. Phật và Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì gọi là đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì được quả của sáu pháp Ba-la-mật. Do được quả nên gọi là đầy đủ.

Nay thiện nam! Bấy loại chúng sinh này chẳng tu thân, chẳng tu giới, chẳng tu tâm, chẳng tu tuệ, chẳng thể tu tập bốn việc như vậy thì có thể tạo tác tội nặng ngũ nghịch, có thể cắt đứt căn lành, phạm bốn trọng cấm, bài báng Phật, Pháp, Tăng. Vậy nên họ được gọi là thường đắm chìm.

Nay thiện nam! Trong bảy hạng người này nếu có người có thể thân cận thiện tri thức, hết lòng nghe thọ chánh pháp của Như Lai, nội tâm khéo tư duy, theo đúng như pháp mà trụ, tinh cần tu tập thân, giới, tâm, tuệ thì được gọi là qua khỏi dòng sông sinh tử, đến được bờ kia. Nếu có người nói, người Nhất-xiển-đề được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đó gọi là nhiệm trước, còn nếu nói, chẳng được thì đó gọi là hư vọng.

Nay thiện nam! Bấy hạng người này, hoặc có một hạng đủ cả

bảy, hoặc bảy hạng mỗi hạng chỉ có một. Nay thiện nam! Nếu hạng người mà tâm miệng tưởng khác, nói khác, cho là Nhất-xiển-đề đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu hạng người mà tâm miệng tưởng khác, nói khác, cho là Nhất-xiển-đề chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Nếu có người nói Bát thánh đạo phận là sở đắc của phàm phu thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói, Bát thánh đạo phận chẳng phải là sở đắc của phàm phu thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Nếu có người nói, tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh, nhất định không có Phật tánh, thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Vậy nên ở trong khế kinh Ta nói có hai hạng người bài báng Phật, Pháp, Tăng: Một là chẳng tin vì lòng sân hận, hai là tuy tin nhưng chẳng hiểu nghĩa.

Này thiện nam! Nếu người có lòng tin mà không có trí tuệ thì người đó có thể thêm lớn vô minh. Nếu có trí tuệ mà không có lòng tin thì người đó có thể thêm lớn tà kiến.

Này thiện nam! Người chẳng tin vì lòng sân hận nên nói, không có Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Người tin mà không tuệ thì giải nghĩa điên đảo khiến cho người nghe pháp bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Vậy nên Ta nói, người chẳng tin vì lòng sân hận, người có tin mà không trí tuệ là những người có thể bài báng Phật, Pháp, Tăng.

Này thiện nam! Nếu có người nói, Nhất-xiển-đề v.v... chưa sinh ra pháp thiện liền đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người nói, Nhất-xiển-đề bỏ Nhất-xiển-đề, ở trong thân khác đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì người đó cũng gọi là bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu lại có người nói, Nhất-xiển-đề có thể sinh ra thiện căn, sinh thiện căn rồi nối nhau chẳng đoạn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên nói, Nhất-xiển-đề đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải biết người đó chẳng bài báng Tam bảo.

Này thiện nam! Nếu có người nói, tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh, thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng tạo tác, chẳng sinh khởi nhưng vì nhân duyên phiền não nên chẳng thấy thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói, tất cả chúng sinh đều không có Phật tánh giống như sừng thỏ, từ phương tiện sinh ra, vốn không nay có, có rồi trở lại không, thì phải biết người đó bài báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu có người nói, Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì sao? Vì hư không thì thường, sừng thỏ thì không có. Vậy nên nói, cũng có cũng không. Nếu có thì nên phá sừng thỏ, còn không thì nên phá hư không. Người nói như vậy thì chẳng bài báng Tam bảo.

Này thiện nam! Luận về Phật tánh thì chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là vạn pháp. Khi chưa đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả thiện, bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh. Như Lai, hoặc khi trong nhân nói quả, trong quả nói nhân. Đó gọi là lời nói tùy ý của Như Lai. Vì lời nói tùy ý nên gọi là Như Lai, lời nói tùy ý nên gọi là A-la-ha, lời nói tùy ý nên gọi là Tam-miệu-tam-phật-đà.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, Phật tánh của chúng sinh giống như hư không, thì sao gọi là như hư không?

–Này thiện nam! Tánh của hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Phật tánh cũng vậy.

Này thiện nam! Hư không chẳng phải quá khứ. Vì sao? Vì không có hiện tại. Nếu có pháp hiện tại thì có thể nói quá khứ. Nhưng do không có hiện tại nên không có quá khứ, cũng không có hiện tại. Vì sao? Vì không có vị lai. Nếu có pháp vị lai thì có thể nói hiện tại. Nhưng do không có vị lai nên không có hiện tại, cũng không có vị lai. Vì sao? Vì không có hiện tại và quá khứ. Nếu có hiện tại, quá khứ thì có vị lai, nhưng do không có hiện tại, quá khứ nên không có vị lai. Do nghĩa này nên tánh của hư không chẳng phải thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Do hư không không có nên không có ba đời, chẳng phải là có nên không có ba đời. Như hoa hư không chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng vậy, chẳng phải là có nên

không có ba đời.

Này thiện nam! Không có vật tức là hư không, Phật tánh cũng vậy.

Này thiện nam! Hư không không có nên chẳng phải thuộc về ba đời. Phật tánh thường nên chẳng phải thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Như Lai đã đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên Phật tánh và tất cả pháp Phật của Như Lai thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời giống như hư không.

Này thiện nam! Hư không không có nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, Phật tánh thường nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên nói Phật tánh giống như hư không.

Này thiện nam! Như trong thế gian, không chỗ ngăn ngại gọi là hư không. Như Lai đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì đối với tất cả pháp không có ngăn ngại nên nói, Phật tánh giống như hư không. Do nhân duyên này Ta nói, Phật tánh giống như hư không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai, Phật tánh, Niết-bàn chẳng phải thuộc về ba đời mà gọi là hữu. Hư không cũng chẳng phải thuộc về ba đời mà vì sao chẳng được gọi là hữu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì chẳng phải Niết-bàn gọi là Niết-bàn. Vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai. Vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh. Sao gọi là chẳng phải Niết-bàn? Đó là tất cả pháp hữu vi phiền não. Vì phá phiền não hữu vi như vậy nên gọi là Niết-bàn. Chẳng phải Như Lai là gọi từ hàng Nhất-xiển-đề đến Phật-bích-chi. Vì phá Nhất-xiển-đề đến Phật-bích-chi như vậy nên gọi là Như Lai. Chẳng phải Phật tánh là, gọi tất cả những vật vô tình như tường vách, sành, đá v.v... Là những vật vô tình như vậy thì đó gọi là Phật tánh. Này thiện nam! Tất cả thế gian đều tiếp xúc với hư không, ở trong hư không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế gian cũng đều tiếp xúc với bốn đại mà vẫn gọi bốn đại là có, nhưng vì sao tiếp xúc với hư không mà chẳng gọi là có?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói Niết-bàn chẳng phải thuộc về ba đời mà hư không cũng vậy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì Niết-bàn là có, có thể thấy, có thể chứng, là sắc với đủ dấu vết, chương cú, là có, là tướng, là duyên, là chỗ quy y, là ánh sáng tịch tĩnh, là bờ bên kia yên ổn, sáng trong, vắng lặng. Vậy nên được gọi là chẳng phải thuộc về ba đời. Còn tánh của hư không là không có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu có cái xa lìa những pháp như vậy mà lại có pháp thì nên thuộc về ba đời. Hư không nếu đồng với pháp có này thì chẳng thể chẳng phải thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Như người đời nói, hư không là không sắc, không đối, chẳng thể nhìn thấy. Nếu không sắc, không đối, chẳng thể nhìn thấy thì tức là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng với tâm sở pháp thì chẳng thể chẳng thuộc về ba đời. Vì nếu thuộc về ba đời thì là bốn ấm. Vậy nên lìa khỏi bốn ấm rồi thì không có hư không.

Lại nữa, này thiện nam! Các ngoại đạo nói, hư không tức là ánh sáng. Nếu là ánh sáng thì là sắc pháp. Hư không nếu là sắc pháp thì là vô thường. Đã là vô thường thì thuộc về ba đời, vậy làm sao ngoại đạo nói là chẳng phải ba đời? Nếu thuộc về ba đời thì chẳng phải hư không, cũng có thể nói, hư không là thường.

Này thiện nam! Lại có người nói, hư không tức là trụ xứ. Hư không nếu có trụ xứ tức là sắc pháp, mà tất cả chỗ trụ đều là vô thường thuộc về ba đời. Hư không cũng thường, chẳng phải thuộc về ba đời. Nếu nói có chỗ thì biết là không có hư không. Lại có người nói, hư không tức là thứ lớp. Nếu là thứ lớp tức là pháp số. Nếu là có thể tính đếm tức là thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời thì làm sao nói là thường?

Này thiện nam! Nếu lại nói hư không chẳng lìa khỏi ba pháp: Một là không, hai là thật, ba là không thật. Nếu nói không là đúng thì phải biết hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì không có chỗ thật. Nếu nói là thật đúng thì phải biết hư không cũng là vô thường. Vì sao? Vì chỗ không là không. Nếu không, thật thì phải biết hư không cũng là vô thường. Vì sao? Vì cả hai chỗ là không. Vậy nên gọi hư không là vô vi.

Này thiện nam! Như nói, hư không là pháp có thể tạo tác. Như nói bỏ cây cối, bỏ nhà cửa làm cho trống không, làm bằng phẳng trống không, che phủ hư không, vọt lên hư không, vẽ màu sắc hư không như nước biển cả. Vậy nên hư không là pháp có tạo tác. Tất cả pháp tạo tác đều là vô thường, giống như chiếc bình gốm. Hư không nếu vậy thì nên là vô thường.

Này thiện nam! Người thế gian nói, chỗ không ngăn ngại trong tất cả pháp gọi là hư không. Chỗ không ngăn ngại này đối với tất cả chỗ là có đầy đủ hay là có từng phần? Nếu có đầy đủ thì phải biết chỗ còn lại không có hư không. Nếu có từng phần thì là pháp đó, đây có thể tính đếm. Nếu là có thể tính đếm thì phải biết là vô thường.

Này thiện nam! Nếu có người nói, hư không, không ngăn ngại cùng với có, hòa hợp. Lại có người nói, hư không ở tại sự vật như trái cây ở trong đồ đựng. Cả hai đều chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu nói cùng hòa hợp thì có ba thứ: Một là khác nghiệp hợp như loài chim bay tập hợp trên cây. Hai là cộng nghiệp hợp như hai con dê tiếp xúc nhau. Ba là đã hợp rồi cùng hợp như hai ngón tay hợp ở một chỗ. Nếu nói, khác nghiệp hợp chung mà khác thì có hai, một là nghiệp của vật, hai là nghiệp của hư không. Nếu nghiệp không hợp với vật thì không là vô thường. Nếu nghiệp vật hợp với không thì vật là bất biến, bất biến ấy cũng là vô thường. Nhưng nếu nói hư không là thường mà tánh hư không ấy chẳng động, cùng với vật động hợp thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì hư không nếu thường thì vật cũng nên thường. Vật nếu không thường thì hư không cũng không thường. Nếu nói hư không cũng thường cũng vô thường thì đó là điều không có. Nếu cộng nghiệp hợp thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hư không gọi là cùng khắp nên nếu cùng nghiệp hợp thì nghiệp cũng nên cùng khắp. Nếu nghiệp này cùng khắp thì tất cả nên cùng khắp. Nếu tất cả cùng khắp thì tất cả nên hợp, chẳng nên nói có hợp cùng chẳng hợp. Nếu nói đã hợp cùng với hợp như hai ngón hợp thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì trước không có hợp về sau mới hợp. Trước không, sau có là pháp vô thường. Vậy nên chẳng thể nói, hư không đã hợp rồi cùng hợp như pháp thế gian trước không sau có là vật vô thường. Hư không nếu vậy thì cũng nên vô thường. Nếu nói hư không ở tại sự vật như trái cây ở trong đồ

đựng thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì như vậy thì hư không trước lúc không đồ chứa, ở đâu? Nếu có chỗ trụ thì có nhiều hư không. Như hư không ấy nhiều thì làm sao nói là thường, là một, là cùng khắp? Nếu giả sử hư không lìa khỏi không mà có chỗ trụ thì vật cũng nên lìa khỏi hư không mà trụ. Vậy nên biết là không có hư không. Đây thiện nam! Nếu có người nói, chỗ trụ của ngón tay gọi là hư không thì phải biết hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì ngón tay có bốn phương. Nếu có bốn phương thì phải biết hư không cũng có bốn phương. Nhưng tất cả pháp thường đều không địa phương xứ sở, do có phương sở nên hư không vô thường. Nếu là vô thường thì chẳng lìa khỏi năm ấm, mà lìa khỏi năm ấm là không có gì.

Này thiện nam! Có pháp, nếu từ nhân duyên trụ thì phải biết pháp đó gọi là vô thường.

Này thiện nam! Ví như tất cả chúng sinh, cây cối, nhờ đất mà trụ, mà đất vô thường nên những vật nhờ ở đất theo thứ lớp cũng vô thường.

Này thiện nam! Như đất nương vào nước mà nước vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nương vào gió mà gió vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương hư không mà hư không vô thường nên gió cũng vô thường. Nếu vô thường thì làm sao nói, hư không là thường, cùng khắp tất cả chỗ? Vì hư không là không nên chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng như sừng thỏ là vật không có nên chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai. Vậy nên Ta nói, Phật tánh là thường nên chẳng phải thuộc về ba đời. Hư không là không nên chẳng phải thuộc về ba đời.

Này thiện nam! Ta nhất định chẳng cùng thế gian tranh cãi. Vì sao? Vì người trí thế gian nói có, Ta cũng nói có, người trí thế gian nói không, Ta cũng nói không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát đầy đủ bao nhiêu pháp để chẳng cùng với đời tranh cãi, chẳng bị thế pháp làm ô nhiễm?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát đầy đủ mười pháp thì chẳng cùng với đời tranh cãi và chẳng bị thế pháp làm ô nhiễm. Những gì là mười? Một là tín tâm, hai là có giới, ba là thân cận bạn lành, bốn là bên trong

giỏi tư duy, năm là đầy đủ tinh tấn, sáu là đầy đủ chánh niệm, bảy là đầy đủ trí tuệ, tám là đầy đủ chánh ngữ, chín là ưa thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sinh.

Này thiện nam! Bồ-tát đầy đủ mười pháp như vậy thì chẳng cùng với đời tranh cãi, chẳng bị thế pháp làm ô nhiễm, như hoa Ưu-bát-la.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, người trí ở đời nói có, Ta cũng nói có, người trí ở đời nói không, Ta cũng nói không, thì những gì mà người trí ở đời gọi là có, không?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người trí ở đời nếu nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã cho đến thức cũng như vậy thì, này thiện nam! Đó gọi là người trí ở đời nói có, Ta cũng nói có.

Này thiện nam! Người trí ở đời nói sắc không có thường, lạc, ngã, tịnh và thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy thì, này thiện nam! Đó gọi là người trí ở đời nói không, Ta cũng nói không.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người trí thế gian tức là Phật, Bồ-tát, tất cả Thánh nhân. Nếu sắc của các Thánh nhân là vô thường, khổ, không, vô ngã thì sao Như Lai nói sắc thân của Phật thường hằng không biến đổi? Người trí thế gian đã nói là không có pháp, sao Như Lai lại nói là có? Như Lai đã nói như thế, tại sao lại nói là không cùng thế gian tranh cãi, không bị thế pháp làm nhiễm ô? Như Lai đã lìa ba thứ điên đảo là tưởng đảo, tâm đảo và kiến đảo thì đáng lẽ nói sắc thân Phật thật là vô thường, nhưng nay nói thường thì sao được gọi là xa lìa điên đảo, chẳng cùng với đời tranh cãi?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sắc của phàm phu từ phiền não sinh ra. Vậy nên kẻ trí nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc của Như Lai thì xa lìa phiền não. Vậy nên nói là thường hằng, không biến đổi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là sắc từ phiền não sinh?

–Này thiện nam! Phiền não có ba thứ là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Kẻ trí phải nên quan sát tội lỗi của ba lậu này. Vì sao? Vì

biết tội lỗi rồi có thể xa lìa. Ví như thầy thuốc trước xem mạch bệnh nhân, biết bệnh tại đâu, rồi sau đó mới trao cho thuốc.

Này thiện nam! Như có người đem người mù đến trong rừng gai rồi bỏ đó trở về. Người mù về sau rất khó ra khỏi được mà giả sử có ra khỏi được thì thân thể cũng rách nát hết. Phàm phu thế gian cũng như vậy, chẳng thể thấy biết tội lỗi của ba lậu nên chạy đuổi theo. Như người thấy được tội lỗi ấy thì có thể xa lìa. Biết tội lỗi rồi thì tuy có thọ quả báo nhưng là quả báo nhỏ, nhẹ.

Này thiện nam! Có bốn hạng người: Một là khi tạo nghiệp thì nặng, khi thọ báo thì nhẹ. Hai là khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi thọ báo thì nặng. Ba là khi tạo nghiệp thì nặng, khi thọ báo cũng nặng. Bốn là khi tạo nghiệp thì nhẹ, khi thọ báo cũng nhẹ.

Này thiện nam! Nếu người có thể quan sát tội lỗi của phiền não thì người này tạo nghiệp, thọ quả đều nhẹ.

Này thiện nam! Người có trí có ý nghĩ như vậy: “Ta nên xa lìa các lậu như vậy. Lại nữa, chẳng nên làm những việc xấu xa thô bỉ như vậy. Vì sao? Vì Ta nay chưa được giải thoát khỏi quả báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Ta nếu tu đạo thì sẽ nhờ cái lực đó mà phá hoại các khổ”. Người này quan sát rồi thì tham dục, sân hận, ngu si nhỏ yếu dần đi. Đã thấy tham dục, sân hận, ngu si nhẹ rồi thì lòng người ấy vui mừng mà khởi ý nghĩ này: “Ta nay như vậy đều do lực nhân duyên tu đạo nên khiến cho ta được lìa khỏi pháp bất thiện, gần gũi pháp thiện. Vậy nên hiện tại được thấy chánh đạo thì cần phải siêng năng tu tập đạo thêm lên”. Người này nhân sức siêng tu đạo đó mà xa lìa vô lượng những phiền não ác và lìa khỏi quả báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Vậy nên ở trong kệ kinh Ta nói, phải quan sát tất cả phiền não hữu lậu và nhân của hữu lậu. Vì sao? Vì người có trí nếu chỉ quan sát lậu, chẳng quan sát nhân của lậu thì chẳng thể cắt đứt các phiền não. Vì sao? Vì kẻ trí quan sát: “Lậu từ nhân này sinh ra, Ta nay cắt đứt nhân thì lậu chẳng sinh ra”.

Này thiện nam! Như vị thầy thuốc kia, trước cắt đứt nhân của bệnh thì bệnh chẳng sinh ra. Kẻ trí, trước cắt đứt nhân của phiền não thì cũng như vậy. Người có trí trước phải quan sát nhân, tiếp đến quan sát quả báo, biết từ nhân thiện sinh ra quả thiện, biết từ nhân ác sinh ra

quả ác, quan sát quả báo rồi xa lìa nhân ác. Quan sát quả báo rồi lại phải tiếp đến quan sát sự nặng nhẹ của phiền não. Quan sát được nặng nhẹ rồi thì trước lìa khỏi phiền não nặng. Đã lìa khỏi phiền não nặng rồi thì phiền não nhẹ tự tiêu mất.

Này thiện nam! Người trí nếu biết phiền não, nhân của phiền não, quả của phiền não, phiền não nặng nhẹ thì người này lúc ấy, tinh cần tu đạo chẳng dừng chẳng hối, gần gũi bạn lành, hết lòng nghe pháp vì diệt các phiền não như vậy.

Này thiện nam! Ví như người bệnh tự biết bệnh nhẹ thì nhất định có thể trừ khỏi, tuy uống thuốc đắng nhưng uống vào chẳng hối. Người có trí cũng như vậy, siêng tu Thánh đạo, hoan hỷ, chẳng buồn, chẳng dừng chẳng hối.

Này thiện nam! Nếu người có thể biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nhẹ nặng mà vì trừ phiền não nên siêng tu Thánh đạo thì người này chẳng từ phiền não sinh ra sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu người chẳng thể biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nặng nhẹ nên chẳng siêng tu tập Thánh đạo thì người đó từ phiền não sinh ra sắc và thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Này thiện nam! Người biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nặng nhẹ rồi vì cắt đứt phiền não mà tu hành Thánh đạo tức là Như Lai. Do nhân duyên này nên sắc của Như Lai thường cho đến thức thường.

Này thiện nam! Kẻ chẳng biết phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não và phiền não nặng nhẹ, chẳng tu tập đạo tức là phàm phu. Vậy nên sắc của phàm phu vô thường và thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

Này thiện nam! Người trí của thế gian, tất cả Thánh nhân, Bồ-tát, chư Phật nói hai nghĩa này. Ta cũng như vậy nói hai nghĩa này. Vậy nên Ta nói, chẳng cùng với người trí của thế gian tranh cãi, chẳng bị thế pháp làm ô nhiễm.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, có ba thứ lậu thì sao gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Dục lậu là giác quán ác bên trong nhân duyên bên ngoài mà sinh ra dục lậu. Vậy nên thuở trước, Ta ở tại thành Vương-xá, bảo Tôn giả A-nan: “Này Tôn giả A-nan! Ông nay hãy nhận bài kệ tụng của người con gái này! Bài kệ này chính là lời tuyên thuyết của chư Phật đời quá khứ”. Vậy nên tất cả giác quán ác bên trong và các nhân duyên bên ngoài gọi là dục. Đó gọi là dục lậu. Hữu lậu là, các pháp ác bên trong và các nhân duyên bên ngoài của Sắc giới và Vô sắc giới trừ các nhân duyên bên ngoài và các giác quán bên trong của Dục giới. Đó gọi là hữu lậu. Vô minh lậu là, chẳng thể rõ biết ngã và ngã sở, chẳng phân biệt trong ngoài thì gọi là vô minh lậu.

Này thiện nam! Vô minh tức là căn bản của tất cả các lậu. Vì sao? Vì nhân vô minh của tất cả chúng sinh duyên với ám, giới, nhập nhớ tưởng, khởi tưởng gọi là chúng sinh. Đó gọi là tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Do nhân duyên này sinh ra tất cả lậu. Vậy nên ở mười hai bộ loại kinh văn, Ta nói, vô minh tức là nhân của tham, nhân của sân, nhân của si.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai thuở trước ở trong Mười hai bộ loại kinh văn có nói: “Chẳng khéo suy nghĩ nhân duyên sinh ra tham, sân, si”. Vì nhân duyên gì đến nay nói là vô minh?

–Này thiện nam! Hai pháp như vậy giúp nhau làm nhân quả, giúp nhau tăng trưởng: Tư duy bất thiện sinh ra vô minh, nhân duyên vô minh sinh ra tư duy bất thiện.

Này thiện nam! Những điều ấy có thể sinh trưởng các phiền não nên đều gọi là nhân duyên của phiền não. Thân cận nhân duyên phiền não như vậy thì gọi là vô minh, tư duy bất thiện. Như hạt sinh ra mầm thì hạt là nhân gần, bốn đại là nhân xa, phiền não cũng vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, vô minh tức là lậu, thì sao lại nói, nhân vô minh nên sinh ra các lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời Ta nói, vô minh lậu tức là nội vô minh. Do vô minh sinh ra các lậu thì đó là nhân nội ngoại. Nếu nói vô minh

lậu là gọi sự điên đảo ở bên trong, thì chẳng nhận thức được vô thường, khổ, không, vô ngã. Nếu nói tất cả phiền não là nhân duyên thì đó gọi là chẳng biết ngã và ngã sở bên ngoài. Nếu nói vô minh lậu là vô thì vô chung, thì từ vô minh sinh ra ấm, giới, nhập.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, người có trí biết được nhân của lậu, thì sao gọi là biết được nhân của lậu?

–Này thiện nam! Người trí phải quan sát, vì nhân duyên gì mà sinh ra phiền não này? Làm việc gì mà sinh ra phiền não? Vào lúc nào mà sinh ra phiền não? Khi ở chung với ai mà sinh ra phiền não? Ở đâu mà sinh ra phiền não? Quan sát việc gì rồi sinh ra phiền não? Thọ nhận phòng nhà, ngọa cụ, ẩm thực, y phục, thuốc thang của ai mà sinh ra phiền não? Vì nhân duyên gì nên chuyển từ hạ lên trung, chuyển từ trung lên thượng, từ hạ nghiệp lên trung, từ trung nghiệp lên thượng? Khi Đại Bồ-tát khởi sự quan sát này thì được xa lìa nhân duyên sinh ra lậu. Khi quan sát như vậy phiền não chưa sinh thì ngăn chặn khiến cho chẳng sinh, phiền não đã sinh thì liền trừ diệt. Vậy nên ở trong khế kinh, Ta nói, kẻ trí phải quan sát nhân sinh ra phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Chúng sinh có một thân thì làm sao có thể khởi đủ thứ phiền não?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như trong một đồ vật đựng đủ thứ hạt, khi gặp được nước mưa rồi thì loại nào cũng đều tự mọc lên. Chúng sinh cũng vậy, đồ chứa tuy là một, nhưng do nhân duyên ái mà có thể sinh trưởng đủ thứ phiền não.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kẻ trí làm sao quan sát được quả báo?

–Này thiện nam! Người trí phải quan sát: Các nhân duyên của lậu có thể sinh ra địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; nhân duyên của lậu này được thân người, trời tức là vô thường, khổ, không, vô ngã; trong đồ chứa thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường; nhân duyên của lậu này có thể khiến cho chúng sinh tạo tác tội ngũ nghịch, thọ các báo ác, có thể cắt đứt căn lành, phạm bốn trọng cấm, bài báng Tam bảo. Người trí

phải quan sát: Ta đã thọ được thân như vậy thì chẳng nên sinh khởi những phiền não như vậy mà bị thọ các quả ác.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Có quả vô lậu. Thế Tôn lại nói, kể trí đoạn trừ các quả báo thì quả vô lậu có ở trong sự đoạn trừ này không? Những người đắc đạo có quả vô lậu, cũng như kể trí ấy cầu quả vô lậu thì sao Đức Phật nói, tất cả kể trí nên đoạn trừ quả báo? Nếu người ấy đoạn thì các Thánh nhân hôm nay làm sao có được?

–Này thiện nam! Như Lai, hoặc khi trong nhân nói quả, trong quả nói nhân. Như người thế gian nói, bần tức là bình, lụa tức là áo. Đó gọi là trong nhân nói quả. Trong quả nói nhân thì như con bò tức là nước cỏ, người tức là thức ăn. Ta cũng như vậy, trong nhân nói quả. Ở trước, trong kinh đã nói: “Ta do tâm thân đi đến biên giới của Phạm thiên”. Đó gọi là trong nhân nói quả. Trong quả nói nhân thì như lục nhập này gọi là nghiệp quá khứ. Đó gọi là trong quả nói nhân.

Này thiện nam! Tất cả Thánh nhân chân thật không có quả báo vô lậu. Quả báo tu đạo của tất cả Thánh nhân lại chẳng sinh ra lậu. Vậy nên gọi là quả báo vô lậu.

Này thiện nam! Người có trí khi quan sát như vậy thì quả báo phiền não liền được tiêu diệt vĩnh viễn. Này thiện nam! Người trí quan sát rồi, vì đoạn trừ quả báo phiền não như vậy nên tu tập Thánh đạo. Thánh đạo tức là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Tu đạo này rồi có thể diệt quả báo của tất cả phiền não.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXIV

Phẩm 24: BỒ TÁT CA DIẾP 4

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sinh đều từ phiền não mà bị quả báo. Nói phiền não tức cái ác. Phiền não từ phiền não ác sinh ra cũng gọi là ác. Phiền não như thế có hai thứ: Một là nhân, hai là quả. Nhân ác nên quả ác, quả ác nên chủng tử ác. Như trái cây Nhiệm-bà, hạt của nó đắng nên hoa trái, thân, lá v.v... tất cả đều đắng. Giống như cây độc thì hạt của nó độc nên trái cũng độc. Nhân cũng chúng sinh, quả cũng chúng sinh, nhân cũng phiền não, quả cũng phiền não, nhân quả phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh tức là nhân quả phiền não. Nếu theo nghĩa này thì sao Như Lai trước đây dụ rằng, núi Tuyết có cỏ độc, cũng có cây thuốc vi diệu? Nếu nói, phiền não tức là chúng sinh, chúng sinh tức là phiền não thì sao nói trong thân chúng sinh có thuốc vi diệu?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Đây thiện nam! Có vô lượng chúng sinh đều đồng với sự nghi ngờ này. Ông nay có thể vì họ trình bày và thỉnh cầu giảng giải. Ta cũng có thể cắt đứt sự nghi ngờ ấy. Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Hãy suy nghĩ kỹ càng. Ta nay sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Đây thiện nam! Dụ núi Tuyết tức là chúng sinh. Nói cỏ độc tức là phiền não. Thuốc vi diệu tức là phạm hạnh thanh tịnh. Đây thiện nam! Nếu có chúng sinh có thể tu phạm hạnh thanh tịnh như vậy thì đó gọi là trong thân có thuốc vi diệu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là chúng sinh có phạm hạnh thanh tịnh?

–Đây thiện nam! Giống như thế gian, từ hạt sinh ra quả và quả này có thứ có thể cho hạt làm nhân hay có quả chẳng thể cho. Có thứ

có thể cho hạt làm nhân thì đó là hạt của quả. Nếu trái chẳng thể cho hạt làm nhân thì chỉ được gọi là quả chẳng được gọi là hạt. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, đều có hai thứ: Một là có quả phiền não là nhân của phiền não. Hai là có quả phiền não chẳng phải nhân của phiền não. Quả phiền não này chẳng phải nhân của phiền não thì đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Này thiện nam! Chúng sinh quan sát thọ biết được nhân gần của tất cả phiền não gọi chung là nội ngoại phiền não. Vì thọ nhân duyên nên chẳng thể đoạn tuyệt tất cả các phiền não, cũng chẳng thể ra khỏi ngục tù ba cõi. Chúng sinh nhân thọ mà chấp trước ngã và ngã sở rồi sinh ra tâm điên đảo, tướng điên đảo, kiến điên đảo. Vậy nên chúng sinh trước phải quan sát thọ. Thọ như thế là vì tất cả ái mà tạo tác nhân gần. Vậy nên kẻ trí muốn đoạn tuyệt ái thì trước phải quan sát thọ.

Này thiện nam! Việc làm thiện ác của mười hai nhân duyên của tất cả chúng sinh đều nhân lúc thọ. Vậy nên Ta vì A-nan nói: “Này Tôn giả A-nan! Việc làm thiện ác của tất cả chúng sinh đều là do khi thọ”. Vậy nên kẻ trí trước phải quan sát thọ. Đã quan sát thọ rồi lại phải quan sát lại thọ như vậy là do nhân duyên nào sinh ra? Nếu có nhân duyên sinh ra thì nhân duyên như vậy lại từ đâu sinh ra? Nếu không nhân sinh ra thì vì sao chẳng sinh ra không thọ? Lại quan sát thọ này chẳng nhân trời Tự Tại sinh, chẳng nhân sĩ phu sinh, chẳng nhân vi trần sinh, chẳng phải thời tiết sinh, chẳng nhân tướng sinh, chẳng nhân tánh sinh, chẳng từ tự sinh, chẳng từ người khác sinh, chẳng phải mình và người khác sinh, chẳng phải không nhân sinh. Thọ này đều từ duyên hợp mà sinh ra. Nhân duyên tức là ái. Trong sự hòa hợp này chẳng phải có thọ, chẳng phải không thọ. Vậy nên Ta phải cắt đứt sự hòa hợp này. Cắt đứt sự hòa hợp thì chẳng sinh ra thọ.

Này thiện nam! Người trí đã quan sát nhân rồi thì tiếp đến quan sát quả báo. Chúng sinh nhân thọ mà thọ vô lượng khổ não của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cho đến ba cõi. Do nhân duyên thọ nên thọ niềm vui vô thường, do nhân duyên thọ nên cắt đứt căn lành, do nhân duyên thọ nên chứng được giải thoát. Khi khởi sự quan sát này thì chẳng tạo tác nhân của thọ. Sao gọi là chẳng tạo tác nhân của thọ? Nghĩa là phân biệt thọ: những thọ nào có thể làm nhân của ái? Những

ái nào có thể làm nhân của thọ?

Này thiện nam! Chúng sinh nếu có thể quan sát sâu như vậy về nhân của ái và nhân của thọ thì liền có thể đoạn tuyệt ngã và ngã sở.

Này thiện nam! Nếu người có thể khởi những quan sát như vậy thì nên phân biệt ái cùng thọ diệt tại chỗ nào? Rồi liền thấy ái thọ có chỗ diệt ít thì cũng nên biết có rốt ráo diệt. Bấy giờ liền đối với giải thoát sinh lòng tin. Sinh lòng tin rồi thì biết chỗ giải thoát này do đâu mà được? Biết là từ tám chánh đạo thì liền tu tập. Sao gọi là tám chánh đạo? Đạo này quan sát thọ có ba thứ tướng: Một là khổ, hai là lạc, ba là chẳng khổ chẳng lạc. Ba thứ như vậy đều có thể tăng trưởng thân cùng với tâm. Vì nhân duyên gì có thể tăng trưởng? Nhân duyên xúc. Xúc này có ba thứ: Một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là chẳng phải minh và vô minh xúc. Nói minh xúc tức là tám chánh đạo. Hai xúc còn lại ấy tăng trưởng thân tâm và ba thứ thọ. Vậy Ta nên đoạn tuyệt nhân duyên của hai xúc. Xúc đã cắt đứt thì chẳng sinh ra ba thọ.

Này thiện nam! Như vậy thọ cũng là nhân, cũng gọi là quả. Người trí phải quan sát vừa là nhân, vừa là quả. Sao gọi là nhân? Nhân thọ mà sinh ra ái thì gọi là nhân. Sao gọi là quả? Nhân nơi xúc mà sinh ra nên gọi đó là quả. Vậy nên thọ này cũng là nhân, cũng là quả. Người trí quán thọ như vậy rồi, tiếp đến lại quan sát việc thọ quả báo của ái đó gọi là ái. Người trí quan sát ái lại có hai thứ: Một là tạp thực, hai là vô thực. Tạp thực ái là nhân sinh ra già bệnh chết và tất cả các hữu. Vô thực ái là đoạn tuyệt sinh, già, bệnh, chết và tất cả các hữu, tham đạo vô lậu. Người trí lại phải khởi ý niệm như vậy: “Nếu ta sinh ra ái tạp thực này thì chẳng thể đoạn tuyệt sinh, già, bệnh, chết. Ta nay tuy tham đạo vô lậu nhưng chẳng đoạn nhân của thọ thì chẳng thể được đạo quả vô lậu. Vậy nên trước cần phải đoạn trừ xúc này. Xúc đã đoạn rồi thì thọ tự diệt. Thọ đã diệt rồi thì ái cũng diệt theo”. Đó gọi là tám chánh đạo.

Này thiện nam! Nếu có chúng sinh có thể quan sát như vậy thì tuy có thân độc nhưng trong thân ấy cũng có thuốc vi diệu, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diệu dược.

Này thiện nam! Như vậy chúng sinh tuy từ phiền não mà được quả báo, nhưng quả báo này chẳng phải phiền não làm nhân, nên gọi

là phạm hạnh thanh tịnh.

Lại nữa, này thiện nam! Người trí phải quan sát hai thứ thọ, ái do nhân duyên gì sinh ra? Biết là nhân tướng sinh ra. Vì sao? Vì chúng sinh thấy sắc cũng chẳng sinh tham và khi quan sát thọ cũng chẳng sinh ra tham. Nếu đối với sắc sinh ra tưởng điên đảo, thì gọi sắc là thường, lạc, ngã, tịnh; thọ là thường hằng không có biến đổi. Nhân tướng điên đảo này sinh ra tham, sân, si. Vậy nên người trí cần phải quan sát tướng. Quan sát tướng như thế nào? Phải khởi ý niệm này: “Tất cả chúng sinh chưa được chánh đạo đều có tướng điên đảo. Tướng điên đảo là thế nào? Là đối với cái chẳng phải thường sinh ra tưởng thường, đối với cái chẳng vui sinh ra tưởng vui, đối với cái chẳng phải tịnh sinh ra tưởng tịnh, đối với pháp không sinh ra tưởng ngã, đối với cái chẳng phải trai gái, lớn nhỏ, ngày đêm, năm tháng, y phục, phòng xá, ngọa cụ mà sinh tưởng là nam nữ cho đến ngọa cụ. Tướng này có ba thứ, một là nhỏ, hai là lớn, ba là vô lượng. Nhân duyên nhỏ nên sinh ra tưởng nhỏ, nhân duyên lớn nên sinh ra tưởng lớn, nhân duyên vô lượng nên sinh ra tưởng vô lượng. Lại có tướng nhỏ gọi là chưa vào định. Lại có tướng lớn gọi là đã vào định. Lại có tướng vô lượng gọi là thập nhất thiết nhập. Lại có tướng nhỏ là gọi tất cả tướng của Dục giới. Lại có tướng lớn là gọi tất cả tướng của Sắc giới. Lại có tướng vô lượng là gọi tất cả tướng của Vô sắc giới. Ba tướng diệt thì thọ tự diệt. Tướng, thọ diệt thì gọi là giải thoát.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, Như Lai tại sao nói tướng, thọ diệt gọi là giải thoát?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như Lai, hoặc khi nhân chúng sinh mà nói pháp, người nghe hiểu được pháp, hoặc khi nhân pháp mà nói chúng sinh, người nghe cũng hiểu nói cho chúng sinh. Sao gọi là nhân chúng sinh mà nói người nghe hiểu pháp? Như Ta trước vì Tôn giả Ca-diếp nói: “Này Tôn giả Ca-diếp! Khi chúng sinh diệt thì pháp thiện diệt”. Đó gọi là nhân chúng sinh mà nói, người nghe hiểu pháp. Sao gọi là nhân pháp nói chúng sinh mà người nghe cũng hiểu là nói chúng sinh? Như Ta trước vì Tôn giả A-nan nói: “Này Tôn giả A-nan! Ta cũng

chẳng nói thân cận tất cả pháp, cũng lại chẳng nói chẳng thân cận tất cả pháp. Nếu pháp thân cận rồi mà pháp thiện suy yếu, pháp bất thiện tăng trưởng thì pháp như vậy chẳng nên thân cận. Nếu thân cận pháp rồi mà pháp bất thiện suy yếu, pháp thiện tăng trưởng thì pháp như vậy nên thân cận”. Đó gọi là nhân pháp nói chúng sinh mà người nghe cũng hiểu là nói chúng sinh.

Này thiện nam! Như Lai tuy nói tướng, thọ cả hai diệt, nhưng đã nói thấu tóm tất cả có thể đoạn trừ. Người trí đã quan sát tướng như vậy rồi tiếp đến quan sát nhân của tướng. Vô lượng tướng này nhân đâu mà sinh ra? Biết là nhân xúc sinh ra. Xúc này có hai thứ: Một là xúc nhân phiền não, hai là xúc nhân giải thoát. Nhân vô minh sinh ra gọi là xúc phiền não. Nhân minh sinh ra gọi là xúc giải thoát. Nhân xúc phiền não sinh ra tướng điên đảo. Nhân xúc giải thoát sinh ra tướng bất điên đảo. Quan sát nhân của tướng rồi, tiếp đến quan sát quả báo.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu do nhân tướng phiền não này mà sinh ra tướng điên đảo thì tất cả Thánh nhân thật có tướng điên đảo mà không có phiền não, nghĩa này thế nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Thánh nhân có tướng điên đảo như thế nào?

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả Thánh nhân đối với bò thì khởi tướng bò và cũng nói là bò, với ngựa khởi tướng là ngựa và cũng nói là ngựa, trai gái, lớn nhỏ, nhà cửa, xe cộ, đi lại cũng vậy. Đó gọi là tướng điên đảo.

Này thiện nam! Tất cả phàm phu có hai thứ tướng: Một là tướng thế lưu hành, hai là tướng chấp trước. Tất cả Thánh nhân chỉ có tướng thế lưu hành mà không có tướng chấp trước. Tất cả phàm phu do giác quán ác nên đối với tướng thế lưu hành sinh ra tướng chấp trước. Tất cả Thánh nhân do giác quán thiện nên đối với tướng thế lưu hành chẳng sinh ra tướng chấp trước. Vậy nên phàm phu gọi là tướng điên đảo. Bậc Thánh nhân tuy biết nhưng chẳng gọi là tướng điên đảo. Người trí quan sát nhân của tướng như vậy rồi tiếp đến quan sát quả báo. Quả báo của tướng ác này thọ nhận ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Như Ta nhân cắt đứt giác quán ác nên vô minh xúc đoạn trừ, nên tướng

đoạn diệt. Nhân tướng đoạn trừ nên quả báo cũng đoạn diệt. Kẻ trí vì đoạn trừ nhân của tướng như vậy mà tu tám chánh đạo.

Này thiện nam! Nếu có thể khởi sự quan sát như vậy thì được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam! Đó là trong thân độc của chúng sinh có thuốc vi diệu, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diệu dược.

Lại nữa, này thiện nam! Người trí quan sát dục, mà dục tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Này thiện nam! Đó là trong nhân Như Lai nói quả, từ năm việc này sinh ra dục chứ thật chẳng phải dục.

Này thiện nam! Người ngu si tham cầu thọ dục đó, nên đối với sắc sinh tưởng điên đảo cho đến đối với xúc cũng sinh ra tưởng điên đảo. Nhân duyên tưởng điên đảo liền sinh ra thọ. Vậy nên thế gian nói, nhân tưởng điên đảo sinh ra mười thứ tưởng. Nhân duyên dục nên ở tại thế gian thọ quả báo ác, đem điều ác gia hại cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn v.v... Việc chẳng nên làm mà làm, chẳng tiếc thân mạng. Vậy nên kẻ trí quan sát biết nhân duyên tưởng ác này sinh ra tâm dục. Kẻ trí quan sát nhân của dục như vậy rồi tiếp đến quan sát quả báo. Dục này có nhiều quả báo ác như là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, cõi trời. Đó gọi là quan sát quả báo. Nếu tưởng ác đó được trừ diệt thì nhất định chẳng sinh ra lòng dục này. Không có lòng dục nên chẳng thọ thọ ác. Không thọ ác thì không quả ác. Do vậy Ta nên trước đoạn trừ tưởng ác. Đoạn tưởng ác rồi thì những pháp như vậy tự nhiên tiêu diệt. Do vậy kẻ trí vì diệt tưởng ác nên tu tám chánh đạo. Đó gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có diệu dược, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diệu dược.

Lại nữa, này thiện nam! Kẻ trí quan sát dục đó như vậy rồi tiếp đến phải quan sát nghiệp. Vì sao? Vì người có trí phải khởi ý niệm này: “Thọ, tưởng, xúc, dục tức là phiền não, mà phiền não này có thể tạo tác sinh nghiệp, chẳng tạo tác thọ nghiệp. Phiền não như vậy cùng đi với nghiệp thì có hai thứ: Một là tạo tác sinh nghiệp, hai là tạo tác thọ nghiệp. Vậy nên kẻ trí phải quan sát nghiệp. Nghiệp này có ba thứ là thân, miệng, ý.

Này thiện nam! Thân, miệng hai nghiệp cũng gọi là nghiệp, cũng gọi là nghiệp quả, chỉ còn ý gọi là nghiệp, chẳng gọi là quả. Vì nhân

duyên của nghiệp nên gọi là nghiệp. Này thiện nam! Hai nghiệp thân và miệng gọi là ngoại nghiệp. Nghiệp ý gọi là nội nghiệp. Ba thứ nghiệp này đi chung với phiền não nên tạo ra hai thứ nghiệp: Một là sinh nghiệp, hai là thọ nghiệp. Này thiện nam! Chính nghiệp tức là ý nghiệp. Kỳ nghiệp (nghiệp có kỳ hẹn) là nghiệp thân và miệng. Phát ra trước nên gọi là nghiệp ý. Từ nghiệp ý sinh ra gọi là nghiệp thân và miệng. Vậy nên nghiệp ý được gọi là chính. Kể trí quan sát nghiệp rồi tiếp đến quan sát nhân của nghiệp. Nhân của nghiệp tức là vô minh xúc. Nhân vô minh xúc mà chúng sinh cầu hữu, nhân duyên của cầu hữu tức là ái. Nhân duyên ái nên tạo tác ba thứ nghiệp thân, miệng, ý.

Này thiện nam! Kể trí quan sát nhân của nghiệp như vậy rồi, tiếp đến quan sát quả báo. Quả báo có bốn thứ: Một là đen thì quả báo đen, hai là trắng thì quả báo trắng, ba là tạp thì quả báo tạp, bốn là chẳng đen chẳng trắng thì quả báo chẳng đen chẳng trắng. Đen quả báo đen là, khi tạo tác nghiệp cấu bẩn thì quả báo cũng cấu bẩn. Trắng quả báo trắng là, khi tạo tác các nghiệp sạch thì quả báo cũng sạch. Tạp quả báo tạp là, khi tạo tác nghiệp tạp thì quả báo cũng tạp. Chẳng trắng chẳng đen quả báo cũng chẳng trắng chẳng đen là gọi nghiệp vô lậu.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trước nói vô lậu không có quả báo, nay sao nói có quả báo chẳng trắng chẳng đen?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nghĩa này có hai: Một là vừa quả vừa báo, hai là chỉ là quả chẳng phải báo. Đen thì quả báo đen cũng gọi là quả, cũng gọi là báo. Nhân của đen sinh ra nên được gọi là quả, mà quả này có thể làm nhân nên lại gọi là báo. Tịnh, tạp cũng vậy. Quả vô lậu là, nhân hữu lậu sinh ra nên gọi là quả, mà chẳng làm nhân cho cái khác nên chẳng gọi là báo. Vậy nên gọi là quả mà chẳng gọi là báo.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nghiệp vô lậu này chẳng phải là hắc pháp thì vì nhân duyên gì chẳng gọi là bạch?

–Này thiện nam! Không có báo nên chẳng gọi là bạch. Đối trị với hắc nên gọi là bạch. Ta nay nói thọ quả báo thì gọi hắc là bạch. Nghiệp vô lậu này chẳng thọ báo nên chẳng gọi là bạch mà gọi là tịch

tĩnh. Như vậy nghiệp là có quyết định chỗ thọ báo. Như mười pháp ác thì nhất định tại địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh; mười nghiệp thiện thì nhất định tại người và trời. Mười pháp bất thiện có thượng, trung, hạ. Nhân duyên thượng nên thọ thân địa ngục. Nhân duyên trung nên thọ thân súc sinh. Nhân duyên hạ nên thọ thân ngạ quỷ. Nghiệp con người về mười thiện lại có bốn thứ: Một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng. Nhân duyên hạ nên sinh ra ở cõi Uất-đan-việt. Nhân duyên trung nên sinh ra ở cõi Phất-bà-đề. Nhân duyên thượng nên sinh ra ở cõi Cù-đà-ni. Nhân duyên thượng thượng nên sinh ra ở cõi Diêm-phù-đề. Người có trí khởi sự quan sát này rồi liền khởi ý niệm này: “Ta phải làm sao đoạn trừ quả báo này”. Lại khởi ý niệm này: “Nghiệp đó nhân duyên vô minh xúc sinh ra, ta nếu đoạn trừ vô minh cùng xúc thì như vậy nghiệp quả diệt, chẳng sinh ra”. Vậy nên kẻ trí vì đoạn trừ nhân duyên vô minh, xúc nên tu tám chánh đạo. Đó gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Đây thiện nam! Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có diệu dược, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có diệu dược.

Lại nữa, đây thiện nam! Người trí quan sát nghiệp, quan sát phiền não rồi, tiếp đến quan sát hai quả báo sở đắc này. Hai quả báo này tức là khổ. Đã biết là khổ thì có thể lìa bỏ tất cả thọ sinh. Người trí lại quan sát nhân duyên phiền não sinh ra phiền não, nhân duyên nghiệp cũng sinh ra phiền não, nhân duyên phiền não lại sinh ra nghiệp, nhân duyên nghiệp sinh ra khổ, nhân duyên khổ nên sinh ra phiền não, nhân duyên phiền não sinh ra hữu, nhân duyên hữu sinh ra khổ, nhân duyên hữu sinh ra hữu, nhân duyên hữu sinh ra nghiệp, nhân duyên nghiệp sinh ra phiền não, nhân duyên phiền não sinh ra khổ, nhân duyên khổ sinh ra khổ.

Này thiện nam! Kẻ trí nếu có thể khởi sự quan sát như vậy thì phải biết người đó có thể quan sát nghiệp khổ. Vì sao? Vì sự quan sát như trên tức là mười hai nhân duyên sinh tử. Nếu người có thể quan sát mười hai nhân duyên sinh tử như vậy thì phải biết người đó chẳng tạo ra nghiệp mới, có thể phá hoại nghiệp cũ.

Này thiện nam! Người có trí quan sát khổ của địa ngục. Quan sát từ một địa ngục cho đến một trăm ba mươi sáu chỗ. Mỗi một địa ngục có đủ thứ khổ mà đều là nhân duyên nghiệp phiền não sinh ra. Quan

sát địa ngục rồi, tiếp đến quan sát khổ của ngựa quỷ và súc sinh v.v... Khởi sự quan sát này rồi, lại quan sát những khổ của người và trời. Như vậy mọi thứ khổ đều từ nhân duyên nghiệp phiền não sinh ra.

Này thiện nam! Trên trời tuy không có việc khổ nào lớn nhưng thân thể mềm mại mịn màng ấy, khi thấy năm tướng suy thì chịu khổ vô cùng như khổ địa ngục, không sai khác. Này thiện nam! Kể trí quan sát sâu những khổ của ba cõi đều từ nhân duyên nghiệp phiền não sinh ra.

Này thiện nam! Ví như đồ vật bằng đất thô rất dễ bị vỡ. Chúng sinh thọ thân cũng như vậy. Đã thọ thân rồi tức là đồ chứa mọi khổ, ví như cây lớn hoa trái sum suê mọi loài chim có thể phá hoại, như nhiều cỏ khô chút lửa nhỏ có thể đốt cháy. Chúng sinh thọ thân bị sự phá hoại của khổ cũng như vậy.

Này thiện nam! Kể trí nếu có thể quan sát khổ tám thứ như trong hạnh thánh thì phải biết người đó có thể đoạn trừ mọi khổ. Này thiện nam! Kể trí quan sát sâu tám khổ này, rồi tiếp đến quan sát nhân của khổ. Nhân của khổ tức là ái vô minh. Ái vô minh này có hai thứ: Một là cầu thân mạng, hai là cầu của cải. Cầu thân, cầu tài cả hai đều là khổ. Vậy nên phải biết ái vô minh tức là nhân của khổ.

Này thiện nam! Ái vô minh này có hai thứ: Một là nội, hai là ngoại. Nội thì có thể tạo tác nghiệp, ngoại thì có thể làm tăng trưởng. Lại nữa, nội có thể tạo tác nghiệp, ngoại có thể tạo tác quả của nghiệp. Đoạn nội ái rồi thì nghiệp được đoạn, đoạn ngoại ái rồi thì quả được đoạn. Nội ái có thể sinh ra khổ của đời vị lai. Ngoại ái có thể sinh ra khổ của đời hiện tại. Kể trí quan sát ái tức là nhân của khổ. Đã quan sát nhân của khổ rồi, tiếp đến quan sát quả báo của khổ. Quả báo của khổ tức là thủ, quả báo của ái gọi là thủ. Nhân duyên thủ này là nội ngoại ái mà ái thì có ái khổ.

Này thiện nam! Kể trí phải quan sát nhân duyên của ái là thủ, nhân duyên của thủ là ái. Nếu ta có thể cắt đứt hai việc ái và thủ thì chẳng tạo nghiệp mà thọ mọi sự khổ. Vậy nên kể trí vì đoạn ái khổ nên tu tám chánh đạo. Này thiện nam! Nếu có người có thể quan sát như vậy thì gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Đó gọi là trong thân độc của chúng sinh có thuốc vi diệu, như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng

cũng có diệu được.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là phạm hạnh thanh tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Là tất cả các pháp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tất cả các pháp thì nghĩa chẳng quyết định. Vì sao? Vì Như Lai, hoặc nói là thiện hay chẳng thiện, hoặc khi nói là bốn niệm xứ quán, hoặc nói mười hai nhập, hoặc nói là thiện tri thức, hoặc nói là mười hai nhân duyên, hoặc nói là chúng sinh, hoặc nói là chánh kiến hay tà kiến, hoặc nói mười hai bộ loại kinh văn, hoặc nói chính là nhị đế, nhưng hôm nay Như Lai nói tất cả pháp là phạm hạnh thanh tịnh thì những gì là tất cả pháp?

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Như vậy kinh Đại Niết-bàn vì diệu mới chính là bảo tàng của tất cả pháp. Ví như biển lớn chính là kho tàng của mọi báu, kinh Niết-bàn này cũng như vậy, tức là kho tàng bí mật của tất cả chữ nghĩa.

Này thiện nam! Như núi Tu-di là cội nguồn của mọi thứ thuốc, kinh Niết-bàn này cũng vậy, tức là căn bản của giới Bồ-tát. Này thiện nam! Ví như hư không là trú xứ của tất cả vật, kinh này cũng vậy, là trú xứ của tất cả pháp thiện. Này thiện nam! Ví như gió mạnh, không thể trói buộc, tất cả hạnh Bồ-tát là kinh này cũng như vậy, chẳng bị sự trói buộc của tất cả pháp ác phiền não. Này thiện nam! Ví như kim cương không thể phá vỡ, kinh này cũng vậy, tuy có người tà ác ngoại đạo nhưng chẳng thể phá hoại. Này thiện nam! Như cát của sông Hằng không thể tính đếm, nghĩa của kinh này cũng như vậy, không thể tính đếm.

Này thiện nam! Kinh điển này vì các Bồ-tát mà làm cờ pháp như cờ Đế thích.

Này thiện nam! Kinh này tức là thương chủ đi đến thành Niết-bàn, như vị thầy dẫn đường lớn dẫn các thương nhân đi vào biển cả.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì các Bồ-tát làm ánh sáng pháp, như mặt trời, mặt trăng của thế gian có thể phá các tối tăm.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì chúng sinh bệnh khổ làm thuốc tốt nhất, như thuốc vi diệu trong núi Hương có thể trị mọi bệnh.

Này thiện nam! Kinh này có thể là cây gậy của Nhất-xiển-đề giống như người yếu nhờ gậy mà đứng lên được.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì tất cả người ác mà làm cây cầu, giống như cây cầu của đời có thể đưa tất cả đi qua.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì người đi trong ba cõi gặp nóng bức phiền não mà làm sự che mát như cái dù của thế gian ngăn che sức nóng của mặt trời.

Này thiện nam! Kinh này tức là vua đại vô úy có thể hủy hoại tất cả ma ác phiền não, như sư tử chúa hàng phục mọi loài thú.

Này thiện nam! Kinh này tức là thầy đại thần chú có thể hoại tất cả ma quỷ phiền não như thầy thần chú của đời có thể trừ khử yêu quái.

Này thiện nam! Kinh này tức là mưa đá vô thượng có thể hoại tất cả quả báo sinh tử như mưa đá của đời phá hoại cây trái.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì người hư con mắt giới làm đại lương dược giống như thuốc An-xà-đà của thế gian trị lành bệnh đau mắt.

Này thiện nam! Kinh này có thể an trụ tất cả pháp thiện như đất thế gian mọi vật có thể an trụ.

Này thiện nam! Kinh này tức là gương sáng của chúng sinh hủy giới như gương soi của thế gian nhìn thấy các cảnh vật.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì người không hổ thẹn mà làm y phục như áo quần của đời che đậy hình thể.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì người nghèo pháp thiện làm của báu lớn như vị trời Công Đức làm lợi ích cho người nghèo.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì chúng sinh khao khát pháp làm nước uống cam lồ như nước tắm vị làm sung túc người khát.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì người phiền não mà làm giường pháp, như người đời gặp được giường yên ổn.

Này thiện nam! Kinh này có thể vì Bồ-tát Sơ địa cho đến Bồ-tát Thập địa mà làm chuỗi ngọc, hương hoa, hương bột, hương đốt v.v... chiếc xe đầy đủ chủng tánh thanh tịnh hơn tất cả chỗ thọ diệu lạc của

sáu pháp Ba-la-mật như cây Ba-lợi-chất-đa-la của trời Dao-lợi.

Này thiện nam! Kinh này tức là búa bén kim cương có thể chặt tất cả cây lớn phiền não, là dao bén có thể cắt đứt tập khí, là sức mạnh có thể tiêu diệt ma oán, là lửa trí đốt cháy củi phiền não, là kho nhân duyên xuất ra Phật-bích-chi, là tạng Thanh văn sinh ra người Thanh văn, là mắt của tất cả chư Thiên, là chánh đạo của tất cả mọi người, là chỗ nương cậy của tất cả loài súc sinh, là chỗ giải thoát của loài ngựa quý, là đấng Vô Thượng Tôn của địa ngục, là đồ dùng vô thượng của tất cả chúng sinh trong mười phương, là cha mẹ của các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại trong mười phương.

Này thiện nam! Vậy nên kinh này thâm giữ tất cả pháp. Như lời Ta trước đã nói, kinh này tuy thâm giữ tất cả các pháp, nhưng Ta nói, phạm hạnh tức là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Này thiện nam! Nếu lìa ba mươi bảy phẩm trợ đạo như vậy thì nhất định chẳng thể được chánh quả Thanh văn cho đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng thấy Phật tánh và quả Phật tánh. Do nhân duyên này nên phạm hạnh tức là Ba mươi bảy phẩm. Vì sao? Vì tánh của Ba mươi bảy phẩm chẳng phải điên đảo mà có thể hủy hoại điên đảo. Tánh ấy chẳng phải ác kiến mà có thể hủy hoại ác kiến. Tánh ấy chẳng phải bố úy mà có thể hủy hoại bố úy. Tánh ấy chính là tịnh hạnh có thể khiến cho chúng sinh rốt ráo tạo tác phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp hữu lậu cũng lại có thể làm nhân của pháp vô lậu thì vì sao Như Lai chẳng nói hữu lậu là phạm hạnh thanh tịnh?

–Này thiện nam! Tất cả hữu lậu tức là điên đảo. Vậy nên hữu lậu chẳng được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đệ nhất pháp thế gian chính là hữu lậu hay là vô lậu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Chính là hữu lậu.

–Thưa Thế Tôn! Tuy là hữu lậu nhưng tánh chẳng phải điên đảo mà vì sao chẳng gọi là phạm hạnh thanh tịnh?

–Này thiện nam! Đệ nhất pháp thế gian là nhân của vô lậu nên tựa như vô lậu, hưởng về vô lậu nên chẳng gọi là điên đảo. Này thiện nam! Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm nối tiếp nhau cho đến rốt ráo, còn đệ nhất pháp của thế gian chỉ là một niệm. Vậy nên chẳng được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm thức của chúng sinh cũng là hữu lậu, chẳng phải là điên đảo, lại chẳng phải một niệm thì vì sao chẳng gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

–Này thiện nam! Năm thức của chúng sinh tuy chẳng phải là một niệm nhưng là hữu lậu, lại là điên đảo, làm tăng thêm các lậu nên gọi là hữu lậu. Thế của nó chẳng phải chân thật, chấp trước tướng nên điên đảo. Thế nào gọi là thế chẳng phải chân thật, chấp trước nên sinh điên đảo? Chẳng phải trong nam nữ sinh ra tướng nam nữ cho đến nhà cửa, xe cộ, cái bình, quần áo cũng như vậy. Đó gọi là điên đảo. Này thiện nam! Tánh của ba mươi bảy phẩm không điên đảo. Vậy nên được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát đối với ba mươi bảy phẩm mà biết căn, biết nhân, biết thân lấy, biết tăng thêm, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật, biết rốt ráo thì như vậy Bồ-tát được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là biết căn cho đến biết rốt ráo?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hay thay! Hay thay! Bồ-tát nêu ra câu hỏi vì hai việc: Một là vì sự hiểu biết của mình, hai là vì sự hiểu biết của người khác. Ông nay đã biết rồi, chỉ vì vô lượng chúng sinh chưa hiểu biết mà thưa thỉnh việc này. Vậy nên Ta nay một lần nữa khen ngợi ông: “Hay thay! Hay thay!”. Này thiện nam! Căn bản của ba mươi bảy phẩm chính là dục, mà nhân là minh xúc, thân lấy gọi là thọ, tăng thêm gọi là khéo suy tư, chủ gọi là niệm, đạo gọi là định, thắng gọi là trí tuệ, thật gọi là giải thoát, rốt ráo gọi là Đại Bát Niết Bàn. Này thiện nam! Thiện dục tức là căn bản của sự mới phát tâm đạo cho đến căn bản của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta nói dục là căn bản.

Này thiện nam! Như thế gian nói, tất cả khổ não thì ái là căn bản,

tất cả bệnh tật thì ăn chính là căn bản, tất cả sự chia ly thì đấu tranh là gốc, tất cả việc ác thì hư dối là gốc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai trước ở trong kinh này đã nói, tất cả pháp thiện thì chẳng phóng dật là gốc, đến nay mới nói tới dục là nghĩa làm sao?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói sinh nhân thì tức là thiện dục. Nếu nói liễu nhân thì tức là chẳng phóng dật đó. Như thế gian nói tất cả quả thì hạt là nhân của quả ấy. Hoặc lại nói có hạt là sinh nhân, đất là liễu nhân. Nghĩa này cũng vậy.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai trước ở trong kinh khác nói ba mươi bảy phẩm thì Phật là căn bản là nghĩa làm sao?

–Này thiện nam! Như Lai trước nói chúng sinh bắt đầu biết Ba mươi bảy phẩm thì Phật chính là căn bản. Nếu tự chứng được thì dục là căn bản.

–Thưa Thế Tôn! Sao mình xúc gọi dục là nhân?

–Này thiện nam! Như Lai hoặc khi nói mình là tuệ, hoặc nói là tín. Này thiện nam! Nhân duyên tín nên gần gũi bạn lành thì đó gọi là xúc. Nhân duyên gần gũi được nghe chánh pháp thì đó gọi là xúc. Nhân nghe chánh pháp mà thân, miệng, ý thanh tịnh thì đó gọi là xúc. Nhân ba nghiệp thanh tịnh nên thu hoạch được chánh mạng thì đó gọi là xúc. Nhân chánh mạng nên được căn giới thanh tịnh. Nhân tịnh căn giới nên ưa chỗ tịch tĩnh. Nhân ưa tịch tĩnh nên có thể khéo tư duy. Nhân khéo tư duy nên được như pháp trụ. Nhân như pháp trụ nên được ba mươi bảy phẩm, có thể hoại phá vô lượng những phiền não ác. Đó gọi là xúc.

Này thiện nam! Thọ gọi là thân lấy. Khi chúng sinh thọ thì có thể tạo tác thiện hay ác. Vậy nên gọi thọ là thân lấy. Này thiện nam! Nhân duyên thọ nên sinh ra các phiền não mà ba mươi bảy phẩm có thể phá hoại. Vậy nên gọi thọ là thân lấy. Nhân khéo tư duy có thể phá phiền não. Vậy nên gọi là tăng thêm. Vì sao? Vì siêng tu tập nên được ba mươi bảy phẩm như vậy. Nếu quán có thể phá các phiền não ác thì cần

nhờ vào chuyên niệm. Vậy nên lấy niệm làm chủ. Như trong thế gian, tất cả bốn binh chủng đều theo ý của chủ tướng. Ba mươi bảy phẩm cũng như vậy, đều theo niệm chủ.

Này thiện nam! Đã vào định rồi, Ba mươi bảy phẩm có thể giải phân biệt tất cả pháp tướng. Vậy nên lấy định làm dẫn đường. Phân biệt pháp tướng của ba mươi bảy phẩm này thì trí là hơn hết. Vậy nên lấy tuệ làm đầu. Như vậy trí tuệ biết phiền não rồi thì nhờ lực trí tuệ nên phiền não tiêu diệt. Như trong thế gian, bốn binh phá hoại oán tặc, hoặc một, hoặc hai người dũng kiện có thể phá. Ba mươi bảy phẩm cũng như vậy, lực trí tuệ có thể phá hoại phiền não. Vậy nên dùng tuệ làm đầu.

Này thiện nam! Tuy nhân tu tập ba mươi bảy phẩm chứng được tứ thiên thần thông an lạc nhưng cũng chẳng gọi là thật. Nếu khi phá hoại phiền não chứng được giải thoát thì mới gọi là thật. Đối với Ba mươi bảy phẩm này phát tâm tu đạo thì tuy được cái vui thế gian và cái vui xuất thế gian, bốn quả Sa-môn và cả giải thoát nhưng cũng chẳng được gọi là rốt ráo. Nếu có thể đoạn trừ việc sở hành của Ba mươi bảy phẩm thì đó gọi là Niết-bàn. Vậy nên Ta nói rốt ráo tức là Đại Niết-bàn.

Lại nữa, này thiện nam! Tâm ái niệm thiện tức là dục. Nhân ái niệm thiện mà gần gũi bạn lành nên gọi là xúc. Đó gọi là nhân. Nhân gần gũi bạn lành nên gọi là thọ. Đó gọi là thân lấy. Nhân gần gũi bạn lành có thể khéo tư duy nên gọi là tăng thêm. Nhân bốn pháp này có thể sinh trưởng đạo, đó là dục, niệm, định, trí. Đó tức là chủ, đạo, thắng. Nhân ba pháp này được hai giải thoát, do đoạn trừ ái nên được tâm giải thoát, do cắt đứt vô minh nên được tuệ giải thoát. Đó gọi là thật. Tám pháp rốt ráo như vậy đặc quả gọi là Niết-bàn nên gọi là rốt ráo.

Lại nữa, này thiện nam! Dục tức là phát tâm xuất gia. Xúc tức là bạch bốn yết-ma. Đó gọi là nhân. Nhiếp tức là thọ hai thứ giới: Một là Ba-la-đề-mộc-xoa giới, hai là Tịnh căn giới. Đó gọi là thọ. Đó gọi là thân lấy. Tăng thêm tức là tu tập bốn thiền, chủ tức là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, đạo tức là quả A-na-hàm, thắng tức là quả A-la-hán, thật tức là quả Phật-bích-chi, rốt ráo tức là quả Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác.

Lại nữa, này thiện nam! Dục là thức, xúc là lục nhập, thân giữ là thọ, tăng thêm là vô minh, chủ là danh sắc, đạo là ái, thắng là thủ, thật gọi là hữu, rốt ráo là sinh già bệnh chết.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Căn bản, nhân, tăng, ba pháp như vậy có gì sai khác?

–Này thiện nam! Cái gọi là căn tức là mối phát, nhân tức là tương tự chẳng đoạn, tăng tức là diệt tương tự rồi có thể sinh ra tương tự.

Lại nữa, này thiện nam! Căn tức là tác, nhân tức là quả, tăng tức là có thể dùng. Này thiện nam! Đời vị lai tuy có quả báo nhưng do chưa thọ nên gọi là nhân và khi thọ quả ấy thì đó gọi là tăng.

Lại nữa, này thiện nam! Căn tức là cầu, đắc tức là nhân, dùng tức là tăng. Này thiện nam! Trong kinh này thì căn tức là thấy đạo, nhân tức là tu đạo, tăng tức là vô học đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Căn tức là chánh nhân, nhân tức là phương tiện nhân. Từ hai nhân này thu hoạch được quả báo gọi là tăng trưởng.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, rốt ráo tức là Niết-bàn. Như vậy Niết-bàn làm sao có thể đắc?

–Này thiện nam! Nếu Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có thể tu mười tướng thì phải biết người đó có thể đắc Niết-bàn. Những gì là mười? Một là tướng vô thường. Hai là tướng về khổ. Ba là tướng vô ngã. Bốn là tướng về nhàm chán xa lìa ăn uống. Năm là tướng tất cả thế gian chẳng thể vui. Sáu là tướng về chết. Bảy là tướng nhiều tội lỗi. Tám là tướng xa lìa. Chín là tướng diệt. Mười là tướng vô ái.

Này thiện nam! Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tu tập mười thứ tướng như vậy thì người đó rốt ráo nhất định được Niết-bàn, chẳng theo người khác mà tự mình có thể phân biệt thiện hay bất thiện. Đó gọi là chân thật xứng với nghĩa Tỳ-kheo, cho đến được xứng với nghĩa Ưu-bà-di.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát cho đến Ưu-bà-di tu tướng vô thường?

–Này thiện nam! Bồ-tát có hai hạng: Một là mới phát tâm, hai là đã hành đạo. Tướng vô thường cũng lại có hai thứ: Một là thô, hai là tế. Bồ-tát mới phát tâm khi quán tướng vô thường khởi suy nghĩ này: “Vật của thế gian có hai thứ, một là nội, hai là ngoại. Như vậy nội vật vô thường biến dị. Ta thấy lúc sinh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc trai trẻ, lúc già nua, lúc chết, những thời gian này mỗi mỗi đều chẳng đồng. Vậy nên phải biết nội vật vô thường”. Bồ-tát lại khởi ý niệm này: “Ta thấy chúng sinh, hoặc có người mập mạp, đầy đủ sắc lực, đi lại tiến dừng tự tại không trở ngại. Hoặc thấy có người bệnh khổ, sắc lực tiêu tụy, nhan mạo hao tổn, chẳng được tự tại. Hoặc thấy có người giàu có, của cải, kho tàng đầy ắp. Hoặc thấy có người nghèo cùng, đụng việc thì thiếu thốn. Hoặc thấy có người thành tựu vô lượng công đức. Hoặc thấy có người đầy đủ vô lượng pháp ác. Vậy nên chắc chắn biết là nội pháp vô thường”. Bồ-tát lại quan sát ngoại pháp: Khi hạt, khi mầm, khi thân, khi lá, khi hoa, khi quả v.v... những thời gian như vậy mỗi mỗi đều chẳng đồng. Như vậy ngoại pháp hoặc có đầy đủ, hoặc chẳng đầy đủ. Vậy nên phải biết tất cả ngoại vật nhất định là vô thường. Đã quán pháp thấy là vô thường rồi thì lại quán pháp nghe: Ta nghe chư Thiên thành tựu đầy đủ hoan lạc cực diệu, thân thông tự tại mà cũng có năm tướng. Vậy nên phải biết là vô thường. Lại nghe kiếp ban đầu có các chúng sinh, mỗi mỗi đều đầy đủ công đức thượng diệu, ánh sáng nơi thân tự chiếu soi chẳng nhờ mặt trời, mặt trăng. Nhưng do lực vô thường nên ánh sáng diệt, công đức tổn. Lại nghe: Ngày xưa có vị Chuyển luân Thánh vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, thành tựu bảy báu, được đại tự tại nhưng chẳng thể phá hoại tướng vô thường. Bồ-tát lại quan sát đại địa: Thuở xưa, là chỗ ở của vô lượng chúng sinh, không có chỗ trống bằng bánh xe, sinh trưởng đầy đủ tất cả diệu được, rừng rậm, cây cối hoa trái sum suê. Nhưng chúng sinh bạc phước khiến cho đại địa này không còn thế lực, vật sinh ra trở nên hư hao. Vậy nên phải biết pháp trong ngoài, tất cả vô thường. Đó gọi là thô vô thường. Đã quán thô rồi, Bồ-tát tiếp đến quán tế. Sao gọi là tế? Đại Bồ-tát quán tất cả vật nội ngoại cho đến vi trần ở tại thời vị lai đã là vô thường. Vì

sao? Vì thành tựu đầy đủ tướng phá hoại. Nếu sắc vị lai chẳng phải vô thường thì chẳng thể nói, sắc có mười thời sai khác. Những gì là mười? Một là thời kỳ màng, hai là thời kỳ phôi bào, ba là thời kỳ bào thai, bốn là thời kỳ cục thịt, năm là thời kỳ hình thành các chi, sáu là thời kỳ trẻ sơ sinh, bảy là thời kỳ trẻ thơ, tám là thời kỳ thiếu niên, chín là thời kỳ thanh niên, mười là thời kỳ suy lão. Bồ-tát quán màng, nếu chẳng phải vô thường thì đáng lẽ chẳng đến phôi bào, cho đến thanh niên, nếu chẳng phải vô thường thì chẳng bao giờ đến già. Nếu những thời đó chẳng phải từng niệm từng niệm diệt thì chẳng bao giờ lớn dần mà đáng lẽ phải một lúc trở thành lớn đầy đủ. Do việc này nên phải biết là nhất định có từng niệm từng niệm vô thường vi tế. Lại thấy có người với các căn đầy đủ, nhan mạo rực rỡ mà về sau thấy khô khốc tiêu tụy, lại nghĩ: “Người đó quyết định có từng niệm từng niệm vô thường”. Lại quán bốn đại và bốn oai nghi, lại quán trong ngoài đều có hai nhân của khổ là đói khát, nóng lạnh, lại quán là bốn. Nếu không niệm vô thường vi tế thì cũng chẳng thể nói bốn khổ như vậy. Nếu có Bồ-tát có thể khởi ý niệm này thì đó gọi là Bồ-tát quán vô thường vi tế. Như nội ngoại sắc, tâm pháp cũng vậy. Vì sao? Vì sáu căn duyên sáu trần. Khi căn duyên trần thì hoặc sinh ra tâm hỷ, hoặc sinh ra tâm sân, hoặc sinh ra tâm ái, hoặc sinh ra tâm tham, lần lượt sinh ra tâm khác, chẳng phải một thứ. Vậy nên phải biết, tất cả sắc pháp và chẳng phải sắc pháp đều là vô thường. Nay thiện nam! Bồ-tát nếu có thể ở trong một niệm thấy tất cả pháp sinh diệt vô thường thì đó gọi là Bồ-tát đủ tướng vô thường. Nay thiện nam! Kể trí tu tập tướng vô thường rồi thì xa lìa tướng điên đảo về thường.

Tiếp đến tu tướng khổ. Vì nhân duyên gì nên có khổ như vậy? Biết sâu sắc khổ này là do vô thường, do vô thường nên thọ sinh, già, bệnh, chết, do sinh, già, bệnh, chết nên gọi là vô thường, do duyên vô thường nên thọ nội ngoại khổ. Đói khát, nóng lạnh, đánh đập, nhục mạ v.v... những khổ như vậy đều do vô thường. Lại nữa, kể trí quán sát sâu sắc thân này tức là đồ đựng vô thường. Đồ đựng vô thường tức là khổ. Do đồ đựng khổ nên pháp được chứa đựng cũng lại là khổ. Nay thiện nam! Kể trí lại quán sinh tức là khổ, diệt tức là khổ. Vì sinh, diệt khổ nên gọi là vô thường, chẳng phải ngã và ngã sở. Tu tướng vô ngã, kể trí

lại quán khổ tức là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu khổ vô thường thì người trí vì sao nói có ngã? Khổ chẳng phải là ngã, vô thường cũng vậy. Như vậy năm ấm cũng khổ, vô thường thì chúng sinh vì sao nói có ngã? Lại nữa, quán tất cả pháp có sự hòa hợp khác, chẳng từ một hòa hợp sinh ra tất cả pháp, cũng chẳng phải một pháp là quả của tất cả hòa hợp. Tất cả hòa hợp đều không tự tánh, cũng không một tánh, cũng không tánh khác, cũng không tánh của vật, cũng không tự tại. Các pháp nếu có những tướng như vậy thì người trí làm sao nói có ngã? Lại nghĩ: Trong tất cả pháp không có một pháp nào có thể làm tác giả. Nếu giả sử một pháp chẳng thể làm thì mọi pháp hòa hợp cũng chẳng thể làm. Tánh của tất cả các pháp nhất định chẳng thể một mình sinh một mình diệt mà hòa hợp nên diệt, hòa hợp nên sinh. Pháp này sinh ra rồi thì chúng sinh tưởng điên đảo nói, hòa hợp này từ hòa hợp sinh ra. Tưởng của chúng sinh điên đảo, không có chân thật thì sao mà có ngã chân thật được? Vậy nên kẻ trí quán là vô ngã. Lại nữa, quán kỹ càng vì nhân duyên gì mà chúng sinh nói có ngã? Ngã này nếu có thì một hay là nhiều? Ngã nếu là một thì tại sao mà có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, lớn nhỏ, già trẻ? Vậy nên biết ngã chẳng phải là một. Ngã nếu là nhiều thì tại sao nói, ngã của chúng sinh là một, là cùng khắp, không có bờ cõi? Hoặc một, hoặc nhiều, hoặc cả hai đều vô ngã.

Người trí quán vô ngã như vậy rồi, tiếp đến lại quán tưởng về sự nhàm chán, xa lìa ăn uống. Bồ-tát nghĩ: “Nếu tất cả pháp vô thường, khổ, không, vô ngã thì vì sao do ăn uống mà khởi lên ba thứ nghiệp ác của thân, miệng, ý? Nếu có chúng sinh vì tham ăn uống nên khởi lên ba thứ nghiệp ác của thân, miệng, ý mà của cải kiếm được mọi người đều cùng hưởng, nhưng về sau chịu quả báo khổ thì không ai cùng chia sẻ”.

Này thiện nam! Kẻ trí lại quán tất cả chúng sinh vì ăn uống nên thân tâm chịu khổ. Nếu do các khổ mà được ăn thì vì sao đối với việc ăn uống này ta lại sinh ra tham chấp? Vậy nên đối với việc ăn uống chẳng sinh ra lòng tham. Lại nữa, kẻ trí phải quán nhân ăn uống mà thân được tăng trưởng, ta nay xuất gia, thọ giới, tu đạo vì muốn xả thân, nhưng nay tham việc ăn uống này thì làm sao được xả thân này?

Quán như vậy rồi, tuy có thọ sự ăn uống nhưng coi như quỷ Khoáng đã ăn thịt con mình, lòng chán ghét thấy chẳng ngon lành. Quán sát sâu xa sự ăn uống có lỗi như vậy. Tiếp đến quán xúc thực như bò bị lột da, bị vô lượng loài trùng bu ăn. Tiếp đến quán tư thực như đám lửa lớn, thức thực giống như ba trăm mũi nhọn.

Này thiện nam! Người trí quán bốn thứ ăn như vậy rồi thì đối với sự ăn uống chẳng bao giờ sinh tưởng ham thích. Nếu còn sinh tham thì phải quán bất tịnh. Vì sao? Vì lìa khỏi tham ái nên đối với tất cả loại ăn uống có thể khéo phân biệt, tưởng bất tịnh, và tùy theo các bất tịnh đó mà khiến cho thức ăn uống cùng tương tự. Quán như vậy rồi, nếu được thức ăn ngon và cả thức ăn dở thì khi thọ giống như bôi thuốc lên ung nhọt, chẳng bao giờ sinh lòng tham ái. Này thiện nam! Kẻ trí nếu có thể quán như vậy thì đó gọi là thành tựu được tưởng nhằm chán xa lìa ăn uống.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kẻ trí quán ăn uống khởi tưởng bất tịnh thì chính là quán chân thật hay quán hư giả? Nếu là quán chân thật thì thức ăn được quán đó thật chẳng phải bất tịnh. Nếu là hư giả thì pháp đó sao gọi là tưởng thiện?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Người quán như vậy cũng là thực quán, cũng là hư giả. Có thể dứt trừ được lòng tham ăn nên gọi là thật. Chẳng phải là trùng mà thấy trùng nên gọi là hư giả. Này thiện nam! Tất cả hữu lậu đều gọi là hư mà cũng có thể là thật. Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo phát tâm xin ăn mà khởi ý niệm: “Ta sẽ xin ăn, nguyện được thức ăn ngon, chớ được đồ thô xấu. Nguyện được nhiều, chớ được ít. Cũng nguyện cho mau được chớ cho chậm trễ”. Tỳ-kheo như vậy chẳng gọi là đối với việc ăn được tưởng chán lìa mà việc tu tập pháp thiện ngày đêm hao suy, pháp bất thiện sẽ tăng trưởng dần.

Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo khi muốn xin ăn thì trước phải nguyện: “Nguyện cho những người xin ăn đều được no đủ và người cho được phước không lường. Ta nếu được ăn là để trị liệu thân độc hại, tu tập pháp lành, lợi ích cho thí chủ”. Khi khởi nguyện này thì sự tu hành pháp thiện ngày đêm tăng trưởng, pháp bất thiện sẽ tiêu diệt dần.

Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo có thể tu như vậy thì phải biết người đó chẳng ăn không của tín thí ở trong nước.

Này thiện nam! Kể trí đầy đủ bốn tướng như vậy thì có thể tu tướng thế gian chẳng thể vui, vị ấy nghĩ thế này: “Tất cả thế gian không chỗ nào chẳng có sinh, lão, bệnh, tử mà thân nầy của ta không chỗ nào mà chẳng sinh ra. Nếu trong thế gian không có một chỗ được lìa khỏi sinh, già, bệnh, chết thì ta sẽ làm sao mà vui với thế gian. Tất cả thế gian không có gì được mà chẳng mất. Vậy nên thế gian nhất định là vô thường. Nếu là vô thường thì sao kể trí vui với đời được? Mỗi một chúng sinh trải qua cùng khắp tất cả thế gian thọ đủ khổ vui. Tuy lại được thọ thân Phạm thiên cho đến trời Phi tướng phi phi tướng, nhưng mạng chung rồi trở lại rơi vào trong ba đường ác. Tuy làm thân Tứ thiên vương cho đến thân trời Tha Hóa Tự Tại, nhưng khi mạng chung rồi sinh ra trong đường súc sinh, hoặc làm sư tử, hổ báo, sài lang, voi ngựa, bò lừa. Tiếp đến Bồ-tát quán thân của Chuyển luân Thánh vương, thống lãnh bốn cõi thiên hạ, giàu sang tự tại, nhưng khi phước hết nghèo cùng khốn khổ, ăn mặc chẳng ai cung cấp. Người trí quán sâu những việc như vậy rồi thì đối với thế gian chẳng thể sinh tưởng ưa thích. Kể trí quán hữu pháp của thế gian như là nhà cửa, quần áo, ăn uống, ngọc cù, thuốc thang, hương hoa, chuỗi ngọc, đủ thứ kỹ nhạc, của cải, vật báu, những việc như vậy đều vì để lìa khỏi khổ mà thể của những vật đó tức là khổ thì làm sao dùng khổ mà muốn lìa khỏi khổ?”

Này thiện nam! Người trí quán như vậy rồi thì đối với vật của thế gian chẳng sinh ưa thích.

Này thiện nam! Ví như có người thân mắc bệnh nặng, tuy có đủ thứ âm nhạc, ca hát, hương hoa, chuỗi ngọc nhưng không bao giờ đối với những vật ấy sinh ưa thích. Người trí quán rồi cũng như vậy.

Này thiện nam! Người trí quán sâu, tất cả thế gian chẳng phải chỗ quy y, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ tịch tĩnh, chẳng phải chỗ khả ái, chẳng phải chỗ bờ kia, chẳng phải pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu ta tham ưa thế gian như vậy thì ta làm sao được lìa khỏi pháp đó. Như người chẳng ưa chỗ tối tăm mà cầu ánh sáng, lại trở lại về với tối tăm. Tối tăm tức là thế gian, ánh sáng tức là xuất thế gian. Nếu ta ưa thế gian thì tăng trưởng tối tăm, xa lìa ánh sáng. Tối tăm tức

là vô minh, ánh sáng tức là trí minh. Nhân của trí minh này tức là tướng thế gian không đáng ưa. Tất cả tham kết tuy là ràng buộc nhưng hôm nay tham trí minh chẳng tham thế gian. Kẻ trí quán sâu pháp như vậy rồi thì đầy đủ tướng thế gian không đáng ưa.

Này thiện nam! Người có trí đã tu tập tướng thế gian không đáng ưa, tiếp đến tu tướng chết. Quán thọ mạng này thường bị sự nhiễu hại của vô lượng oán thù, từng niệm từng niệm tổn giảm, không có tăng trưởng giống như nước chảy xiết từ núi xuống chẳng được dừng, cũng như sương buổi sớm thế chẳng tồn tại lâu dài, như người tù bị dẫn đến chợ mỗi bước mỗi bước đi gần tới chỗ chết, như dốt bò, dê đi đến chỗ giết thịt.

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Kẻ trí quán từng niệm từng niệm diệt như thế nào?

–Này thiện nam! Ví như bốn người đều giỏi thuật bắn tên tụ lại ở một chỗ, đều bắn về một phương, đều nghĩ thế này: “Bốn mũi tên của chúng ta đều phát ra, đều rơi xuống”. Lại có một người nghĩ: “Bốn mũi tên ấy khi chúng chưa rơi xuống, ta có thể cùng một lúc dùng tay bắt lấy hết”. Này thiện nam! Người như vậy có thể nói là nhanh không?

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sự nhanh nhẹn của quỷ Địa hành lại càng nhanh hơn người ấy. Có quỷ Phi hành lại nhanh hơn quỷ Địa hành. Tứ thiên vương lại nhanh hơn quỷ Phi hành. Thiên thần Nhật nguyệt lại nhanh hơn Tứ thiên vương. Trời Hành Kiên Tật lại nhanh hơn Nhật nguyệt. Thọ mạng của chúng sinh lại nhanh hơn trời Kiên Tật.

Này thiện nam! Một hơi thở, một nháy mắt mà thọ mạng của chúng sinh bốn trăm lần sinh diệt. Kẻ trí nếu có thể quán mạng như vậy thì đó gọi là có thể quán niệm niệm diệt.

Này thiện nam! Kẻ trí quán mạng hệ thuộc vua chết: Ta nếu có thể lìa khỏi vua chết thì vĩnh viễn đoạn trừ được thọ mạng vô thường. Lại nữa, kẻ trí quán thọ mạng này giống như cây cao lớn bên bờ sông, cũng như có người tạo tội đại nghịch chịu tội chết không ai thương tiếc,

như khi sư tử chúa đói khát cùng khốn, cũng như khi độc xà hợp gió lớn, giống như con ngựa khát giữ gìn nước, như con ác quỷ lớn khi sân hận phát khởi, vua chết của chúng sinh cũng như vậy.

–Bạch Thế Tôn! Kẻ trí nếu có thể khởi quán như vậy thì đó gọi là tu tập tưởng về chết.

–Này thiện nam! Kẻ trí lại quán: Ta nay xuất gia, giả sử được thọ mạng, bảy ngày bảy đêm thì ta sẽ ở trong thời gian đó, tinh cần tu đạo, hộ trì giới cấm, nói pháp giáo hóa lợi ích cho chúng sinh. Đó gọi là kẻ trí tu tưởng về chết. Lại cho bảy ngày bảy đêm là nhiều thì nếu được sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ cho đến khoảnh khắc thở hít vào ta cũng sẽ ở trong thời gian đó tinh cần tu đạo, hộ trì giới cấm, nói pháp giáo hóa lợi ích cho chúng sinh. Đó gọi là kẻ trí giỏi tu tưởng về chết. Kẻ trí đầy đủ sáu tướng như trên thì liền được bảy tướng nhân. Những gì là bảy? Một là thường tưởng tu. Hai là ưa tưởng tu. Ba là tưởng vô sân. Bốn là tưởng không ganh ghét. Năm là tưởng thiện nguyện. Sáu là tưởng vô mạn. Bảy là tướng Tam-muội tự tại. Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo đầy đủ bảy tướng thì đó gọi là Sa-môn, gọi là Bà-la-môn, đó gọi là tịch tĩnh, gọi là tịnh khiết, gọi là giải thoát, gọi là người trí, gọi là chánh kiến, gọi là đến bờ kia, gọi là đại y vương, gọi là đại thương chủ, gọi là giỏi hiểu bí mật của Như Lai. Tỳ-kheo này cũng biết bảy thứ lời nói của chư Phật, gọi là chánh kiến, biết đoạn trừ bảy thứ lời nói làm phát sinh nghi hoặc.

Này thiện nam! Nếu người đầy đủ sáu tướng như trên thì phải biết là người đó có thể quở trách ba cõi, xa lìa ba cõi, diệt trừ ba cõi, ở trong ba cõi mà chẳng sinh ra ái trước. Đó gọi là kẻ trí đầy đủ mười tướng. Nếu có vị Tỳ-kheo đầy đủ mười tướng thì xứng đáng được tướng Sa-môn.

Bấy giờ, Bồ-tát Ca-diếp liền ở trước Đức Phật, dùng kệ khen ngợi Đức Phật:

*Đại y vương thương xót thế gian
Thân và trí tuệ đều tịch tĩnh
Trong pháp vô ngã có chân ngã
Vậy nên kính lễ đáng Vô thượng.
Phát tâm rồi ráo chẳng phân biệt*

Hai tâm như vậy, tâm trước khó
 Tự chưa được độ, độ người trước
 Nên con lễ đấng mới phát tâm.
 Mới phát rồi làm thầy nhân thiên
 Hơn hẳn Thanh văn và Duyên giác
 Phát tâm như vậy vượt ba cõi
 Vậy nên được gọi Tối Vô Thượng.
 Cứu thế cần cầu, sau mới được
 Như Lai không thỉnh mà làm thầy
 Phật như ghé con theo thế gian
 Vậy nên được gọi Đại Bi Ngưu.
 Công đức Như Lai đầy mười phương
 Phàm phu vô trí chẳng thể khen
 Con nay khen ngợi tâm từ bi
 Ví báo hai nghiệp miệng và thân.
 Thế gian thương ưa tự lợi mình
 Như Lai trọn chẳng làm việc đó
 Đoạn báo thế gian cho chúng sinh
 Nên con lễ đấng Tự Tha Lợi.
 Thế gian làm lợi ích người thân
 Như Lai lợi ích không thân, oán
 Phật không tâm này như thế nhân
 Nên tâm Phật bình đẳng không hai.
 Thế gian nói khác, lại làm khác
 Như Lai nói như làm không hai
 Phàm tu hành là đoạn các hành
 Nên được gọi là Như Lai vậy.
 Trước đã biết rõ lỗi phiền não
 Thị hiện khắp nơi vì chúng sinh
 Giải thoát rồi, ở mãi thế gian
 Vì từ bi ưa ở sinh tử.
 Tuy hiện thân trời và thân người
 Theo đuổi từ bi như bò ghé
 Như Lai tức là mẹ chúng sinh
 Lòng từ tức là bò ghé vậy.

Tự thọ mọi khổ vì chúng sinh
 Khi nghĩ xót thương lòng chẳng hối
 Đây tâm từ bi chẳng biết khổ
 Nên con cúi lạy đấng Bạt Khổ.
 Như Lai tuy làm phước không lường
 Nghiệp thân, miệng, ý hằng thanh tịnh
 Thường vì chúng sinh, chẳng vì mình
 Nên con lễ đấng Nghiệp Thanh Tịnh.
 Như Lai thọ khổ, khổ chẳng màng
 Thấy chúng sinh khổ như mình khổ
 Tuy làm chúng sinh ở địa ngục
 Chẳng sinh tưởng khổ và tâm hối.
 Thọ hết các khổ của chúng sinh
 Điều là Như Lai, một mình chịu
 Biết rồi tâm ấy càng vững bền
 Nên hay siêng tu đạo vô thượng.
 Phật đủ một vị tâm đại từ
 Thương nghĩ chúng sinh tưởng như con
 Chúng sinh chẳng biết Phật cứu mình
 Cho nên bài báng Phật, Pháp, Tăng.
 Thế gian tuy đủ mọi nỗi phiền
 Cũng có vô lượng những tội ác
 Mọi kết và tội khiến như vậy
 Khi mới phát tâm Phật đã dứt.
 Chỉ có chư Phật khen ngợi Phật
 Trừ Phật không ai có thể khen
 Con nay chỉ dùng một pháp khen
 Dem tâm từ đi khắp thế gian.
 Từ là đại pháp của Thế Tôn
 Từ này có thể độ chúng sinh
 Là Giải thoát chân thật vô thượng
 Giải thoát tức là Đại Niết-bàn.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXV

Phẩm 25: KIỀU TRẦN NHƯ 1

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Sắc là vô thường. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát thường trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Do diệt thức này nên chứng được thức giải thoát thường trụ. Nay Kiều-trần-như! Sắc tức là khổ. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát an lạc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc tức là không. Do diệt sắc không này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc là vô ngã. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát chân ngã. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc là bất tịnh. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc là tướng của sinh, già, bệnh, chết. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải tướng của sinh, già, bệnh, chết. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc là nhân của vô minh. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải nhân của vô minh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Cho đến sắc là sinh nhân. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải sinh nhân. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc là nhân của bốn điên đảo. Do diệt sắc điên đảo này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải nhân của bốn điên đảo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc là nhân của vô lượng pháp ác như là thân trai gái, thực ái, dục ái, tham, sân, si, ganh ghét, tâm keo kiệt, tâm ác, đoàn thực, thức thực, tư thực, xúc thực, noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, năm dục, năm cái v.v... Những pháp như

vậy đều do nơi sắc. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát không có vô lượng những ác như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc tức là trói buộc. Do diệt sắc trói buộc này nên chứng được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc tức là chuyển động. Do diệt sắc chuyển động này nên chứng được sắc giải thoát chẳng phải chuyển động. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc chẳng phải quy y. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc là ghẻ lở. Do diệt sắc này nên chứng được sắc giải thoát không ghẻ lở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc chẳng phải là tịch tĩnh. Do diệt sắc này nên chứng được sắc Niết-bàn tịch tĩnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Kiều-trần-như! Nếu có người có thể biết như vậy thì gọi là Sa-môn, gọi là Bà-la-môn, đầy đủ pháp Sa-môn, Bà-la-môn. Nay Kiều-trần-như! Nếu lìa khỏi pháp Phật thì không có Sa-môn và Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn, Bà-la-môn. Tất cả ngoại đạo hư dối trá xưng đều là hạnh không thật. Tuy họ tạo tác tướng mạo nói có hai thứ này, nhưng thật không có điều đó. Vì sao? Vì nếu không có pháp Sa-môn, Bà-la-môn thì sao mà nói có Sa-môn và Bà-la-môn? Ta thường ở trong đại chúng này phát ra tiếng oai hùng như tiếng rống sư tử. Các người cũng phải ở trong đại chúng cũng phát ra tiếng như tiếng rống sư tử.

Bấy giờ, có vô lượng người ngoại đạo nghe lời nói đó rồi lòng sinh ra sân hận nói: “Ông Cù-đàm nay nói trong chúng của chúng ta không có Sa-môn và Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn, Bà-la-môn thì chúng ta phải làm sao thiết lập phương tiện rộng rãi để nói với Ông Cù-đàm rằng, trong chúng của chúng ta cũng có Sa-môn, có pháp Sa-môn, có Bà-la-môn, có pháp Bà-la-môn”. Trong chúng đó có một Phạm chí nói như vậy: “Thưa các vị! Lời nói của Ông Cù-đàm như lời cuồng điên không khác, sao có thể kiểm nghiệm? Người cuồng của thế gian hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng, hoặc khen ngợi, đối với người thân kẻ oán đã chẳng thể phân biệt. Ông Sa-môn Cù-đàm cũng như vậy, hoặc nói ta sinh ở nhà vua Tịnh Phạm, hoặc nói chẳng sinh, hoặc nói sinh rồi đi bảy bước, hoặc nói chẳng đi, hoặc nói

từ nhỏ học tập thế sự, hoặc nói ta là người Nhất thiết trí, hoặc khi ở cung hưởng lạc sinh con, hoặc khi chán ghét thì chê là xấu xa thấp hèn, hoặc khi gần gũi tu khổ hạnh sáu năm, hoặc khi chê trách ngoại đạo khổ hạnh, hoặc nói từ ông Uất-đầu-lam-phất, ông A-la-la v.v... nhận được điều chưa nghe, hoặc khi nói những ông ấy không có sự hiểu biết, hoặc khi nói nơi cây Bồ-đề được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc khi nói ta chẳng đến cây, không đạt được gì, hoặc khi nói thân này của ta hôm nay tức là Niết-bàn, hoặc nói thân diệt mới là Niết-bàn. Lời nói của Ông Cù-đàm như cuồng điên không khác thì tại sao vì những lời này mà buồn lo bối rối?”. Các Bà-la-môn liền đáp: “Thưa Đại sĩ! Chúng tôi hôm nay sao chẳng buồn được? Ông Sa-môn Cù-đàm trước đây khi xuất gia rồi, nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Các đệ tử của chúng ta nghe được sinh ra sợ hãi thì làm sao chúng sinh vô thường, khổ, không, vô ngã, bất thiện mà chẳng thọ nhận lời nói của ông ấy? Hôm nay Ông Cù-đàm lại đến rừng Ta-la này vì những đại chúng nói pháp có thường, lạc, ngã, tịnh. Các đệ tử của chúng ta nghe lời này rồi đều bỏ chúng ta mà đi, thọ nhận lời nói của Ông Cù-đàm. Do những nhân duyên đó nên chúng tôi sinh ra sầu khổ lớn”. Bấy giờ lại có một Bà-la-môn nói: “Thưa các vị! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Sa-môn Cù-đàm gọi là tu từ bi. Lời nói này hư vọng chẳng phải chân thật. Nếu có từ bi thì làm sao dạy các đệ tử của chúng ta tự thọ pháp của ông ta? Từ bi đúng là thuận theo ý người khác, nay lại trái ý nguyện của chúng ta thì sao nói rằng có? Nếu có người nói, Sa-môn Cù-đàm chẳng bị nhiễm tám pháp của thế gian thì đó cũng là lời hư vọng. Nếu nói Cù-đàm thiếu dục tri túc thì hôm nay sao lại đoạt lấy lợi ích của chúng ta? Nếu nói dòng họ là thượng tộc thì đó cũng là hư vọng. Vì sao? Vì từ xưa đến nay chẳng thấy chẳng nghe đại sư tử chúa tàn hại loài chuột nhắt. Nếu giả sử Cù-đàm là dòng giống trên thì làm sao hôm nay lại náo loạn chúng ta? Nếu nói Cù-đàm đủ thế lực lớn thì đó cũng là hư vọng. Vì sao? Vì từ xưa đến nay cũng chẳng thấy nghe chim cánh vàng chúa cùng với quạ tranh nhau. Nếu nói lực ông ấy lớn thì lại vì việc gì cùng với chúng ta tranh giành? Nếu nói Cù-đàm đủ tha tâm trí thì đó cũng là hư vọng. Vì sao? Vì nếu đủ trí này thì vì nhân duyên gì chẳng biết lòng chúng ta? Thưa các vị! Tôi, khi xưa đã từ

người trí tuệ kỳ cựu, nghe nói việc này, qua trăm năm rồi thì có một kẻ yêu huyền xuất hiện, tức là Ông Cù-đàm. Như vậy kẻ yêu mị huyền hoặc hôm nay đang ở trong rừng Ta-la này sắp diệt chẳng lâu nữa. Các vị hôm nay chẳng nên sầu não”.

Lúc ấy lại có Ni-kiền-tử đáp: “Thưa các vị! Tôi nay sầu khổ chẳng phải vì tự thân chẳng được sự cúng dường của đệ tử mà chỉ vì thế gian tối tăm không có mắt, chẳng nhận thức được ruộng phước hay chẳng phải ruộng phước, xả bỏ những vị Bà-la-môn trí tuệ kỳ cựu, cúng dường cho hạng thiếu niên nên lấy làm buồn. Ông Sa-môn Cù-đàm biết cả chú thuật, nhân lực của chú thuật có thể khiến cho một thân làm ra vô lượng thân rồi khiến cho vô lượng thân trở lại thành một thân, hoặc dùng thân mình hóa làm hình dáng nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể tiêu diệt thứ chú thuật như vậy. Chú thuật của ông Sa-môn Cù-đàm đã diệt rồi thì chúng ta sẽ trở lại được nhiều sự cúng dường hưởng thụ an lạc”. Bấy giờ, lại có một người Bà-la-môn nói: “Thưa các vị! Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Vậy quý vị chẳng nên cùng ông ấy đấu tranh”. Đại chúng đáp: “Này người ngu si! Sao nói Sa-môn Cù-đàm đầy đủ công đức lớn? Ông ấy sinh ra được bảy ngày thì mẹ mạng chung, đó có thể được gọi là tướng phước đức sao?”. Vị Bà-la-môn đáp: “Khi bị mắng chửi sân hận, khi bị đánh chửi đánh lại thì phải biết là người đó có tướng phước đức lớn. Thân ông ấy đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp và vô lượng thần thông. Vậy phải biết đó là tướng phước đức. Lòng không kiêu mạn, có ý thăm hỏi trước, lời nói dịu dàng, chưa từng thô tháo, tuổi tác ý chí đều mạnh mẽ, lòng chẳng bạo ngược, vương quốc nhiều của cải mà không có sự luyến ái, bỏ hết tất cả mà xuất gia như nhổ bỏ nước dãi. Vậy nên tôi nói Sa-môn Cù-đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức”. Đại chúng đáp: “Hay thay! Sa-môn Cù-đàm thật đúng như lời ông ta nói, thành tựu vô lượng thần thông biến hóa, chúng ta chẳng cùng với ông ấy thi đấu việc này được. Sa-môn Cù-đàm bẩm tánh mềm yếu, chẳng kham khổ hạnh, sinh trưởng ở thâm cung, chẳng nắm được việc bên ngoài. Ông ấy chỉ có thể dùng lời nói dịu ngọt, chứ chẳng biết kỹ nghệ, thư tịch, nghị luận... Hãy mời ông ấy cùng biện luận tường tận điều cốt yếu của chánh pháp. Ông ấy nếu thắng tôi thì tôi sẽ làm người

hầu cho ông ấy. Nếu tôi thắng ông ấy thì ông ấy sẽ làm người hầu cho tôi”.

Bấy giờ, có ngoại đạo nhiều vô lượng cùng nhau đồng lòng kéo đến chỗ của A-xà-thế, vua nước Ma-già-đà. Nhà vua thấy họ liền hỏi: “Này các vị! Các vị ai cũng đều tu tập Thánh đạo, là người xuất gia, lia bỏ của cải và việc tại gia, dân chúng của nước ta đều chung cúng dường, cung kính chiêm ngưỡng, không hề xúc phạm thì vì sao các vị cùng nhau đồng lòng kéo đến đây? Này các vị! Các vị đều thọ pháp khác, giới khác, xuất gia chẳng đồng. Các vị ai cũng tự theo giới pháp, xuất gia tu đạo mà vì nhân duyên gì hôm nay cùng nhau đồng một lòng giống như lá rụng cuốn theo chiều gió tụ về một chỗ? Hãy nói vì nhân duyên gì mà các vị đi đến đây? Ta thường ủng hộ người xuất gia, thậm chí chẳng tiếc thân cùng mạng”. Bấy giờ, tất cả các chúng ngoại đạo đều nói: “Tâu đại vương! Xin đại vương hãy lắng nghe! Đại vương, hôm nay chính là cây cầu của đại pháp, là viên đá mài đại pháp, là cái cấp của đại pháp tức là khí cụ của tất cả công đức, tánh chân thật của tất cả công đức, đường lối của chánh pháp, tức là ruộng tốt của hạt giống, căn bản của tất cả đất nước, gương sáng của tất cả đất nước, hình tượng của tất cả chư Thiên, cha mẹ của tất cả người trong nước. Tâu đại vương! Kho tàng công đức của tất cả thế gian tức là thân của nhà vua. Vì sao? Gọi là kho công đức là vì nhà vua quyết đoán việc nước chẳng lựa kẻ oán người thân. Lòng đại vương bình đẳng như đất, nước, gió, lửa. Vậy nên gọi vua là kho công đức. Tâu đại vương! Chúng sinh hiện tại tuy thọ mạng ngắn ngủi, nhưng công đức của vua thì như của các vua thời sống lâu an lạc thuở xưa. Đại vương cũng như vua Đánh Sinh, vua Thiện Kiến, vua Nhân Nhục, vua Na-hầu-sa, vua Da-da-đế, vua Thi-tỳ, vua Nhất-xoa-cưu v.v... những vị vua như vậy đầy đủ pháp thiện. Đại vương hôm nay cũng như vậy. Tâu đại vương! Nhờ vua nên đất nước an lạc, dân chúng đông đúc nên người xuất gia hâm mộ ưa thích đất nước này, trì giới tinh tấn tu tập chánh đạo. Tâu đại vương! Trong kinh của chúng tôi nói, nếu người xuất gia theo đất nước mình ở mà trì giới tinh tấn, siêng tu chánh đạo thì vua nước ấy cũng có phần tu thiện. Tâu đại vương! Tất cả đạo tặc, nhà vua đã dẹp yên, người xuất gia đều không có gì kinh sợ. Nay đây chỉ có một người

đại ác là Sa-môn Cù-đàm. Nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất sợ. Người ấy tự cậy vào dòng giống hào tộc và sắc thân đầy đủ, lại do quả báo bố thí đời quá khứ được nhiều sự cúng dường, ông ấy ỷ thị vào những việc này mà sinh ra đại kiêu mạn, hoặc dựa vào chú thuật mà sinh kiêu mạn. Do nhân duyên đó nên chẳng thể tu khổ hạnh mà thâm nhận chứa chấp đồ tế huyễn, y phục, ngọa cụ. Vậy nên tất cả người ác của thế gian vì lợi dưỡng nên đến tụ tập ở chỗ ông ấy làm quyến thuộc, chẳng thể tu khổ hạnh. Nhờ sức chú thuật nên điều phục được ông Ca-diếp, ông Xá-lợi-phất và ông Mục-kiền-liên. Hôm nay ông ấy lại đến chỗ trú xứ của chúng tôi trong rừng Ta-la, tuyên nói, thân này thường, lạc, ngã, tịnh để dụ dỗ các đệ tử của chúng tôi. Tâu đại vương! Sa-môn Cù-đàm trước nói vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh thì chúng tôi có thể nhận được. Nhưng nay ông tuyên nói thường, lạc, ngã, tịnh thì chúng tôi thật chẳng nhận được. Xin đại vương cho phép tôi cùng Sa-môn Cù-đàm kia luận nghị”. Nhà vua liền đáp: “Này các Đại sĩ! Các ông hôm nay bị ai xúi giục dẫn dắt mà khiến cho tâm mình cuồng loạn bất định như nước nổi ba đào, như vòng lửa xoay, như vượn khỉ chuyền cành? Việc này đáng xấu hổ! Kẻ trí nếu nghe được tức thời sinh thương xót, kẻ ngu nghe được liền sinh ra chê cười. Lời các ông nói ra chẳng phải tướng xuất gia. Các ông nếu bị bệnh phong hoàng thủy hoạn thì ta đều có thuốc có thể trị liệu cho. Còn như các ông bị quỷ bệnh thì gia huynh là Kỳ-bà có thể trị khỏi được. Các ông hôm nay muốn dùng móng tay bào mòn núi Tu-di, muốn dùng răng miệng cắn vỡ kim cương. Này các Đại sĩ! Ví như người ngu thấy sư tử chúa đối nằm ngủ mà muốn đánh thức nó dậy, như người dùng ngón tay đặt vào miệng rắn độc, như người muốn lấy tay sờ trong đám tro phủ trên lửa. Các ông hôm nay cũng như vậy.

Này các Đại sĩ! Ví như con cáo hoang làm tiếng rống sư tử, giống như con muỗi cùng với chim cánh vàng thi đấu đi mau chậm, như con thỏ qua biển muốn lặn đến tận đáy biển. Các ông hôm nay cũng như vậy. Các ông nếu mơ thấy thắng Sa-môn Cù-đàm thì giấc mơ này cuồng hoặc chưa đáng tin. Này các Đại sĩ! Các ông hôm nay dấy lên ý này, giống như loài phù du gieo mình vào đám lửa lớn. Các ông theo lời nói của ta chẳng cần nói nữa. Các ông tuy khen ta bình đẳng như

cái cân nhưng chớ để cho người ngoài nghe lời nói này”. Bấy giờ ngoại đạo lại nói: “Tâu đại vương! Sa-môn Cù-đàm đã làm huyền thuật đến bên đại vương chưa mà khiến cho lòng đại vương nghi ngờ chẳng tin những Thánh nhân này? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nên khinh miệt các vị Đại sĩ như vậy. Tâu đại vương! Vầng trăng kia tăng giảm, vị mặn của biển cả, núi Ma-la-diên, những việc như vậy là sự tạo tác của ai? Lẽ nào chẳng phải là Bà-la-môn chúng tôi sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe vị tiên A-kiệt-đa, trong mười hai năm, chặn đứng nước của sông Hằng trong tai sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe vị tiên nhân Cù-đàm đại hiện thần thông, trong mười hai năm, biến làm thân Đế thích, đồng thời khiến cho thân Đế thích trở thành hình dáng con dê đực và làm ra một ngàn nữ căn trên thân Đế thích sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe tiên nhân Kỳ-nậu, trong một ngày, uống cạn nước bốn biển khiến cho đại địa khô cạn sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe tiên nhân Bà tẩu vì trời Tự Tại làm ba con mắt sao? Tâu đại vương! Đại vương chẳng nghe tiên nhân La-la biến thành Ca-phú-la trở thành vùng đất mặn sao? Tâu đại vương! Trong hàng Bà-la-môn có những vị tiên lực lớn như vậy v.v... hiện có thể kiểm nghiệm. Tâu đại vương! Tại sao đại vương khinh miệt chúng tôi như vậy?”. Nhà vua đáp: “Này các vị! Nếu các vị chẳng tin và muốn làm gì thì Đức Như Lai Chánh Giác nay ở gần đây, tại trong rừng Ta-la, các ông có thể đến tùy ý vấn nạn. Đức Như Lai cũng sẽ vì các ông mà phân biệt, trả lời vừa ý của các ông.

Bấy giờ, vua A-xà-thế cùng các ngoại đạo và đồ chúng, quyến thuộc của họ đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lễ, đi quanh bên phải ba vòng, lễ kính đã xong, lui đứng một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những ngoại đạo này muốn được tùy ý vấn nạn. Cúi xin Như Lai tùy ý đáp lại họ.

Đức Phật dạy:

–Này đại vương! Được rồi! Ta tự biết lúc.

Bấy giờ, trong chúng hội có Bà-la-môn tên là Xà-đề-thủ-na nói:

–Thưa Ngài Cù-đàm! Ông nói Niết-bàn là pháp thường, lạc, ngã, tịnh chẳng?

–Đúng vậy! Đúng vậy! Thưa đại Bà-la-môn!

Vị Bà-la-môn nói:

–Thưa Ngài Cù-đàm! Nếu nói Niết-bàn thường thì nghĩa đó chẳng đúng. Vì sao? Vì pháp của thế gian thì từ hạt sinh ra quả, nối tiếp nhau chẳng đoạn dứt như từ bùn làm ra bình, từ lụa được áo. Sa-môn Cù-đàm thường nói tu tưởng vô thường chứng được Niết-bàn. Nhân là vô thường thì quả làm sao mà thường được? Sa-môn Cù-đàm lại nói, giải thoát dục tham tức là Niết-bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham tức là Niết-bàn, diệt tất cả phiền não như vô minh v.v... tức là Niết-bàn. Từ dục cho đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhân là vô thường thì Niết-bàn đạt được lẽ ra cũng vô thường. Sa-môn Cù-đàm lại nói, từ nhân nên sinh lên trời, từ nhân nên đọa vào địa ngục, từ nhân nên được giải thoát. Vậy nên các pháp đều từ nhân sinh ra. Nếu từ nhân nên được giải thoát thì vì sao nói là thường? Sa-môn Cù-đàm cũng nói, sắc từ duyên sinh nên gọi là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Như vậy, giải thoát nếu là sắc thì phải biết nó là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nếu lìa năm ấm có giải thoát, thì phải biết tức là hư không. Nếu là hư không thì chẳng được nói, từ nhân duyên sinh. Vì sao? Vì là thường, là một mà cùng khắp tất cả chỗ. Sa-môn Cù-đàm cũng nói từ nhân sinh tức là khổ. Nếu là khổ thì sao lại nói giải thoát là vui? Sa-môn Cù-đàm lại nói, vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã. Nếu là vô thường, khổ, vô ngã thì là bất tịnh. Tất cả các pháp sinh ra từ nhân đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh thì sao lại nói Niết-bàn tức là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu Sa-môn Cù-đàm nói cũng thường, cũng vô thường, cũng khổ cũng lạc, cũng ngã, cũng vô ngã, cũng tịnh và cũng bất tịnh thì như vậy lẽ nào chẳng phải là lời nói hàng hai sao? Tôi cũng từng từ người trí kỳ cựu trước đây nghe nói đến lời nói này: Phật nếu ra đời thì lời nói không hai. Sa-môn Cù-đàm hôm nay nói lời nói hàng hai, lại còn nói Phật tức là thân ta đó vậy. Ý nghĩa này ra sao?

Đức Phật dạy:

–Này Bà-la-môn! Như lời ông nói, Ta nay hỏi ông thì ông cứ theo ý của mình mà trả lời.

Bà-la-môn nói:

–Hay thay! Thưa Cù-đàm!

Đức Phật nói:

–Này Bà-la-môn! Tánh của ông thường hay vô thường?

Bà-la-môn đáp:

–Tánh của tôi là thường.

–Này Bà-la-môn! Tánh đó có thể tạo tác nhân của tất cả pháp nội ngoại chăng?

–Đúng vậy! Thưa Cù-đàm!

Đức Phật nói:

–Này Bà-la-môn! Sao gọi là tác nhân?

–Thưa Ngài Cù-đàm! Từ tánh sinh ra đại, từ đại sinh ra mạn, từ mạn sinh ra mười sáu pháp. Đó là: đất, nước, gió, lửa, không; năm trí căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; năm nghiệp căn: tay, chân, miệng, tiếng, nam nữ hai căn; tâm bình đẳng căn. Mười sáu pháp đó từ năm pháp sinh ra là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Căn bản của hai mươi một pháp này có ba: Một là nhiễm, hai là thô, ba là đen. Nhiễm gọi là ái, thô gọi là sân, đen gọi là vô minh. Này Sa-môn Cù-đàm! Hai mươi bốn pháp này đều nhân tánh sinh ra.

–Này Bà-la-môn! Những pháp như đại v.v... thường hay vô thường?

–Thưa Cù-đàm! Theo giáo pháp của tôi thì tánh là thường, còn các pháp như đại v.v... đều vô thường.

–Này Bà-la-môn! Như trong pháp của ông thì nhân thường mà quả vô thường. Nhưng trong pháp của Ta nhân tuy vô thường nhưng quả là thường thì có gì lỗi? Này Bà-la-môn! Trong pháp của các ông có hai nhân chăng?

Đáp:

–Có.

Đức Phật hỏi:

–Cái gì là hai?

Bà-la-môn đáp:

–Một là sinh nhân, hai là liễu nhân.

Đức Phật hỏi:

–Thế nào là sinh nhân? Thế nào là liễu nhân?

Bà-la-môn đáp:

– Sinh nhân thì như đất bùn làm ra cái bình. Liễu nhân thì như đèn soi vật.

Đức Phật nói:

– Tánh của hai thứ nhân này là một. Nếu là một thì có thể khiến cho sinh nhân làm liễu nhân và có thể khiến cho liễu nhân làm sinh nhân chẳng?

– Thưa Ngài Cù-đàm! Không!

Đức Phật nói:

– Nếu sinh nhân chẳng làm liễu nhân và liễu nhân làm sinh nhân thì có thể nói là tướng của nhân không?

Bà-la-môn đáp:

– Tuy hai nhân không tương tác nhưng có tướng của nhân.

– Nay Bà-la-môn! Cái mà liễu nhân biết có đồng với biết chẳng?

– Chẳng đồng! Thưa Ngài Cù-đàm!

Đức Phật nói:

– Pháp của Ta tuy từ vô thường chứng được Niết-bàn mà chẳng phải vô thường. Nay Bà-la-môn! Niết-bàn được từ liễu nhân nên thường, lạc, ngã, tịnh, còn cái được từ sinh nhân nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Vậy nên lời nói của Như Lai có sai khác. Tuy có nói sai khác như thế nhưng không có sự sai khác. Vậy nên Như Lai không nói hàng hai. Như lời ông nói, từng nghe từ bên những người trí kỳ cựu trước, Phật ra đời không có lời nói hàng hai, lời nói này hay lắm. Lời nói của tất cả các Đức Phật ba đời mười phương không sai khác. Vậy nên nói, lời của Phật không hai. Không sai là sao? Là có thì nói có, không thì nói không, nên gọi là đồng một nghĩa. Nay Bà-la-môn! Như Lai Thế Tôn tuy nói sai khác nhưng được hiểu là một. Sao nói là hai mà hiểu là một? Như mắt thấy sắc là hai, sinh ra thức là một, cho đến ý và pháp cũng như vậy.

Bà-la-môn nói:

– Thưa Cù-đàm! Ngài khéo có thể phân biệt nghĩa của lời nói như vậy mà tôi nay chưa hiểu phát ra hai lời mà hiểu một lời.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền vì ông ấy tuyên nói pháp bốn chân đế:

– Nay Bà-la-môn! Khổ đế thì cũng hai cũng một, cho đến đạo đế

cũng hai cũng một.

Bà-la-môn bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con đã biết rồi.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Biết như thế nào?

Vị Bà-la-môn bạch:

–Bạch Thế Tôn! Khổ đế thì tất cả phàm phu hai, Thánh nhân một, cho đến đạo đế cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Ông đã hiểu rồi.

Vị Bà-la-môn bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay nghe pháp rồi, được chánh kiến. Hôm nay con quy y Phật, Pháp, Tăng. Cúi xin đấng Đại Từ cho con xuất gia.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ông Kiều-trần-như:

–Ông nên vì ông Xà-đề-thủ-na này cạo bỏ râu tóc, cho ông ấy xuất gia.

Kiều-trần-như liền vâng lời dạy bảo của Đức Phật, vì ông ấy xuống tóc. Khi ông Kiều-trần-như xuống tóc thì có hai thứ rơi xuống theo: Một là râu tóc, hai là phiền não. Tức thời ở tại chỗ ngồi ông Xà-đề-thủ-na đắc quả A-la-hán.

Lại có Phạm chí họ Bà-tư-tra, lại nói:

–Thưa Ngài Cù-đàm! Ngài nói Niết-bàn là thường sao?

–Đúng vậy! Thưa Phạm chí!

Bà-tư-tra nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài sẽ chẳng nói không phiền não là Niết-bàn chăng?

–Đúng vậy! Thưa Phạm chí!

Bà-tư-tra nói:

–Thưa Cù-đàm! Thế gian có bốn thứ gọi là không: Một là pháp chưa xuất hiện thì gọi đó là không, như bình mà khi đất bùn chưa làm ra thì gọi là không có bình. Hai là pháp đã diệt thì gọi đó là không, như bình vỡ rồi thì gọi là không có bình. Ba là cái tướng khác nhau, không lẫn lộn gọi là không, như trong trâu không có ngựa, trong ngựa không có trâu. Bốn là rốt ráo không nên gọi đó là không, như lông rùa, sừng

thỏ. Thưa Cù-đàm! Nếu vì trừ phiền não rồi mà gọi là Niết-bàn thì Niết-bàn tức là không. Nếu đó là không thì sao nói có thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như vậy Niết-bàn chẳng phải trước không đồng với khi đất bùn chưa là bình. Cũng chẳng phải “diệt không” đồng với cái không của bình vỡ. Cũng chẳng phải rớt ráo không như lông rùa sừng thỏ. Niết-bàn đồng với “khác không”. Này thiện nam! Như lời ông nói, thì tuy trong trâu không có ngựa, nhưng chẳng thể nói, trâu cũng không. Tuy trong ngựa không có trâu nhưng cũng chẳng thể nói ngựa cũng là không. Niết-bàn cũng vậy, trong phiền não không Niết-bàn, trong Niết-bàn không phiền não. Vậy nên gọi là không lẫn lộn tướng khác.

Bà-tư-tra nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu cho cái khác không là Niết-bàn thì phạm khác không là không thường, lạc, ngã, tịnh. Vậy sao Ngài nói Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói thì cái khác không này có ba thứ không: Trâu, ngựa đều là trước không sau có, đó gọi là trước không. Đã có rồi trở lại không, đó gọi là hoại không. Còn cái tướng khác không thì như lời ông nói. Này thiện nam! Ba thứ không này, trong Niết-bàn không có. Vậy nên Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh. Như người bệnh của thế gian: Một là bệnh nóng, hai là bệnh gió, ba là bệnh lạnh. Ba thứ bệnh này có ba thứ thuốc có thể trị liệu. Người có bệnh nóng thì váng sữa có thể trị khỏi. Người có bệnh gió thì dầu có thể trị khỏi. Người có bệnh lạnh thì mật có thể trị khỏi. Ba thứ thuốc này có thể trị liệu ba thứ bệnh như vậy.

Này thiện nam! Trong gió không có dầu, trong dầu không có gió, cho đến trong mật không có lạnh, trong lạnh không có mật. Vậy nên có thể trị. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, có ba thứ bệnh: Một là tham, hai là sân, ba là si. Ba bệnh như vậy thì có ba thứ thuốc: Quán bất tịnh có thể trị bệnh tham, quán tâm tử có thể trị bệnh sân, quán trí nhân duyên có thể trừ bệnh si. Này thiện nam! Vì trừ tham nên quán phi

tham, vì trừ sân nên quán phi sân, vì trừ si nên quán phi si. Trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc, trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh. Nay thiện nam! Trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh, vậy nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Bà-tư-tra bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai vì con nói thường và vô thường. Sao gọi là thường? Sao gọi là vô thường?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Sắc là vô thường, giải thoát sắc là thường, cho đến thức là vô thường, giải thoát thức là thường. Này thiện nam! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có thể quán từ sắc cho đến thức chính là vô thường thì phải biết người đó chứng được pháp thường.

Bà-tư-tra bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã biết pháp thường và vô thường.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông biết pháp thường và vô thường như thế nào?

Bà-tư-tra bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay biết sắc của con là vô thường, được giải thoát là thường, cho đến thức cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hay thay! Ông nay đã báo đáp thân này.

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Bà-tư-tra này đã chứng quả A-la-hán. Ông hãy đem cho ông ấy ba y và bình bát.

Kiều-trần-như theo đúng lời của Đức Phật dạy, mang cho ông ấy y bát. Bà-tư-tra nhận y bát rồi, nói:

–Thưa Đại đức Kiều-trần-như! Tôi hôm nay nhân tắm thân tỳ ác này được quả báo thiện, cúi xin Đại đức chiều theo ý tôi mà đi đến chỗ Đức Thế Tôn, trình bày đầy đủ nỗi lòng của tôi. Tôi đã là người xấu, xúc phạm đến Đức Như Lai, gọi họ Cù-đàm. Cúi xin Đại đức vì tôi sám hối tội này. Tôi cũng chẳng thể trụ lâu trong tắm thân độc hại. Hôm nay xin vào Niết-bàn.

Kiều-trần-như liền đến chỗ Đức Phật nói như vậy:

–Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo Bà-tư-tra sinh lòng hổ thẹn tự nói mình ngu dại xúc phạm đến Như Lai, gọi họ Cù-đàm, chẳng thể trụ lâu ở tâm thân rắn độc này, hôm nay muốn diệt thân và nhờ con sám hối hộ.

Đức Phật nói:

–Này Kiêu-trần-như! Tỳ-kheo Bà-tư-tra đã ở chỗ của vô lượng Đức Phật quá khứ, thành tựu căn lành, hôm nay tiếp nhận lời nói của Ta, theo đúng như pháp mà trụ. Do theo đúng như pháp mà trụ nên chứng được chánh quả. Các ông nên cúng dường thân của ông ấy.

Bấy giờ, Kiêu-trần-như nghe Phật dạy rồi, trở lại chỗ thân Bà-tư-tra thiết lễ cúng dường. Vào lúc thiêu đốt thân, Bà-tư-tra làm đủ thứ thân tức. Những ngoại đạo thấy việc này rồi, cao giọng xưng lên: Ông Bà-tư-tra này đã được chú thuật của Sa-môn Cù-đàm. Người này chẳng bao lâu sẽ hơn Sa-môn Cù-đàm kia.

Lúc này, trong chúng lại có ông Phạm chí tên là Tiên Ni nói:

–Thưa Ngài Cù-đàm! Có ngã chẳng?

Đức Như Lai lặng im.

–Thưa Cù-đàm! Không ngã chẳng?

Đức Như Lai im lặng.

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng hỏi như vậy. Đức Phật đều im lặng.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu tất cả chúng sinh có ngã khắp mọi chỗ tức là một tác giả. Thưa Cù-đàm! Vì sao Ngài im lặng chẳng đáp?

Đức Phật nói:

–Này Tiên Ni! Ông nói ngã cùng khắp tất cả chỗ chẳng?

Tiên Ni đáp:

–Thưa Cù-đàm! Chẳng chỉ mình tôi nói mà tất cả kẻ trí cũng nói như vậy.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu ngã cùng khắp tất cả chỗ thì đáng lẽ phải năm đường thọ báo cùng một lúc. Nếu có năm đường thọ báo một lúc thì Phạm chí các ông vì nhân duyên gì chẳng tạo tác mọi sự ác để ngăn chặn địa ngục? Tu các pháp thiện để thọ thân trời?

Tiên Ni đáp:

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp của chúng tôi thì ngã có hai thứ: một là ngã của thân tạo tác, hai là ngã của thân thường hằng. Vì ngã của thân tạo tác nên tu lìa khỏi pháp ác để chẳng vào địa ngục, tu các pháp thiện để sinh lên trời.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Như ông nói ngã khắp tất cả chỗ. Ngã như vậy nếu ở trong thân tạo tác thì phải biết là vô thường, còn nếu thân tạo tác không có thì làm sao nói khắp được?

–Thưa Cù-đàm! Ngã mà chúng tôi lập nên, ngã cũng ở trong đó tạo tác, cũng là pháp thường. Thưa Cù-đàm! Như người khi bị cháy nhà, người chủ nhà ấy ra khỏi thì chẳng thể nói là nhà cửa bị cháy, thì chủ cũng bị thiêu. Pháp của tôi cũng vậy, thân tạo tác này tuy là vô thường nhưng ngay khi đang vô thường thì ngã ra khỏi. Vậy nên ngã của tôi cũng cùng khắp cũng thường hằng.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, ngã cũng cùng khắp, cũng thường hằng, thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì cùng khắp có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Lại có hai thứ nữa: Một là sắc, hai là vô sắc. Vậy nếu nói, có khắp tất cả, thì cũng là thường, cũng vô thường, cũng sắc, cũng vô sắc. Nếu nói chủ nhà được ra khỏi nên chẳng gọi là vô thường thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nhà chẳng gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà. Vì cái cháy khác, cái ra khỏi khác nên được như vậy, ngã thì chẳng vậy. Vì sao? Vì ngã tức là sắc, sắc tức là ngã, vô sắc tức là ngã, ngã tức là vô sắc thì làm sao mà nói khi sắc vô thường thì ngã được ra? Này thiện nam! Ý ông nếu cho là tất cả chúng sinh đồng một ngã thì như vậy tức là trái với pháp thế gian và pháp xuất thế gian. Vì sao? Vì pháp thế gian gọi cha, mẹ, con trai, con gái mà nếu ngã là một thì cha tức là con trai, con trai tức là cha, mẹ tức là con gái, con gái tức là mẹ, oán tức là thân, thân tức là oán, đây tức là đó, đó tức là đây. Vậy nếu nói tất cả chúng sinh đồng một ngã thì điều đó liền trái ngược với pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Tiên Ni thưa:

–Tôi cũng chẳng nói tất cả chúng sinh đồng một ngã mà nói mỗi người đều có một ngã.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Nếu nói mỗi người đều có một ngã thì đó là nhiều ngã. Nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì như ông trước đã nói, ngã cùng khắp tất cả. Nếu ngã cùng khắp tất cả thì gốc nghiệp của tất cả chúng sinh đáng lẽ đồng nhau: Khi trời thấy được thì Phật cũng thấy được, khi trời làm được thì Phật cũng làm được, khi trời nghe được thì Phật cũng nghe được. Tất cả các pháp đều cũng như vậy. Còn nếu trời thấy được chẳng phải Phật thấy được thì chẳng nên nói ngã cùng khắp tất cả chỗ, nếu chẳng cùng khắp thì đó là vô thường.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngã của tất cả chúng sinh cùng khắp tất cả, pháp cùng phi pháp chẳng cùng khắp tất cả. Do nghĩa này nên Phật làm được khác, trời làm được khác. Vậy nên thưa Cù-đàm! Chẳng nên nói, khi Phật thấy được thì đáng lẽ trời cũng thấy được, khi Phật nghe được thì trời đáng lẽ cũng nghe được.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Pháp cùng phi pháp chẳng phải là nghiệp tạo tác chăng?

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Chính là do nghiệp tạo tác.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu pháp và phi pháp là do nghiệp tạo tác tức là đồng pháp thì sao nói khác? Vì sao? Vì chỗ nghiệp Phật được thì có ngã của trời, chỗ nghiệp của trời được thì có ngã của Phật. Vậy nên khi làm Phật thì cũng làm trời. Pháp và phi pháp lẽ ra cũng như vậy. Này thiện nam! Vậy nên tất cả chúng sinh, pháp cùng phi pháp nếu như vậy thì quả báo thọ nhận cũng nên chẳng khác. Này thiện nam! Từ hạt sinh ra quả thì hạt này nhất định chẳng suy nghĩ phân biệt: Ta chỉ tạo tác quả Bà-la-môn, chẳng tạo tác quả Sát-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà. Vì sao? Vì từ hạt sinh ra quả thì hoàn toàn chẳng ngăn ngại. Bốn dòng họ như vậy thì pháp cùng phi pháp cũng như vậy, chẳng thể phân biệt, ta chỉ tạo tác quả Phật, chẳng tạo tác quả cùng được trời tác quả, hay tạo tác quả trời, chẳng tạo tác quả Phật. Vì sao? Vì nghiệp bình đẳng.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ví như một ngôi nhà có trăm ngàn ngọn đèn. Bấc đèn tuy có khác nhưng ánh sáng thì không sai khác. Bấc đèn khác biệt dụ cho pháp và phi pháp. Ánh sáng những ngọn đèn ấy không sai khác dụ cho ngã của chúng sinh.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ông nói ánh sáng của đèn dụ cho ngã thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nhà khác và đèn khác. Ánh sáng của đèn này cũng ở tại bấc đèn, mà cũng sáng cùng khắp trong nhà. Theo lời nói của ông, ngã nếu như vậy thì bên pháp và phi pháp đều nên có ngã và trong ngã cũng nên có pháp và phi pháp. Nếu pháp và phi pháp không có ngã thì chẳng thể nói ngã cùng khắp tất cả chỗ, mà nếu có thì sao lại dùng ánh sáng của bấc đèn làm ví dụ? Này thiện nam! Nếu ý ông cho là bấc đèn cùng ánh sáng thật khác biệt thì vì nhân duyên gì bấc đèn tăng thì ánh sáng tỏ, bấc đèn khô thì ánh sáng tắt. Vậy chẳng nên đem pháp và phi pháp dụ cho bấc đèn, ánh sáng không sai khác dụ cho ngã. Vì sao? Vì pháp, phi pháp và ngã ba việc tức là một.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài dẫn ra cái ví dụ về đèn thì việc này chẳng tốt. Vì sao? Vì cái dụ về đèn nếu tốt thì tôi đã dẫn ra trước rồi. Như dụ ấy chẳng tốt thì vì sao Ngài lại nói?

–Này thiện nam! Sự dẫn dụ của Ta đều chẳng làm cho tốt, vì chẳng tốt nên theo ý của ông nói. Dụ này cũng nói lìa khỏi bấc đèn có ánh sáng tức là bấc đèn có ánh sáng. Tâm ông chẳng bình đẳng nên nói bấc đèn dụ cho pháp và phi pháp, ánh sáng dụ cho ngã. Vậy nên Ta trách ông về điểm bấc đèn tức là ánh sáng, lìa bấc đèn có ánh sáng. Pháp tức có ngã, ngã tức có pháp, phi pháp tức ngã, ngã tức phi pháp. Ông nay vì sao chỉ thọ nhận một bên, còn một bên chẳng thọ nhận? Dụ như vậy thì đối với ông chẳng tốt. Vậy nên Ta nay trở lại lấy nó để dạy ông. Này thiện nam! Dụ như vậy tức là chẳng phải dụ. Cái chẳng phải dụ này đối với Ta thì tốt còn đối với ông chẳng tốt. Này thiện nam! Theo ý của ông cho là nếu Ta chẳng tốt thì ông cũng chẳng tốt, nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì thấy người thế gian dùng dao mình hại mình, mình làm người khác hưởng. Sự dẫn dụ của ông cũng như vậy, đối với Ta thì tốt còn đối với ông chẳng tốt.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Trước Ngài trách tôi, lòng chẳng bình đẳng, nay lời nói của Ngài cũng chẳng bình đẳng. Vì sao? Thưa Ngài Cù-đàm! Vì hôm nay Ngài đem cái tốt hướng về mình, đem cái chẳng tốt hướng về phía tôi. Do đó suy ra quả thật là chẳng bình đẳng.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Như cái bất bình đẳng của Ta có thể phá cái bất bình đẳng của ông. Vậy nên ông bình đẳng mà Ta bất bình đẳng là tốt. Sự bất bình đẳng của Ta phá sự bất bình đẳng của ông khiến cho ông được bình đẳng tức là Ta bình đẳng. Vì sao? Vì đồng với các Thánh nhân được bình đẳng.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi luôn là bình đẳng mà sao Ngài nói, phá hoại cái bất bình đẳng của tôi. Tất cả chúng sinh bình đẳng có ngã mà sao Ngài nói, tôi là bất bình đẳng?

–Này thiện nam! Ông cũng nói, sẽ thọ địa ngục, sẽ thọ ngã quý, sẽ thọ súc sinh, sẽ thọ trời, người. Nếu ngã trước đã cùng khắp trong năm đường thì vì sao nói là sẽ thọ các đường? Ông cũng nói, cha mẹ hòa hợp sau đó sinh ra con. Nếu con trước đã có thì sao lại nói, hòa hợp rồi mới có? Vậy nên một người có thân ở năm đường. Nếu năm chỗ này trước đã có thân thì vì nhân duyên gì mà vì thân tạo nghiệp? Vậy nên chẳng bình đẳng. Này thiện nam! Theo ý ông nếu cho ngã chính là tác giả thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu ngã là tác giả thì vì nhân duyên gì tự tạo ra việc khổ? Nhưng nay chúng sinh quả thật có chịu khổ, vậy nên phải biết ngã chẳng phải là tác giả. Nếu nói, khổ này chẳng phải là do ngã tạo ra, chẳng từ nhân duyên sinh thì tất cả các pháp cũng phải như vậy, chẳng từ nhân duyên sinh, vậy vì nhân duyên gì mà nói ngã tạo tác? Này thiện nam! Khổ vui của chúng sinh quả thật từ nhân duyên. Như vậy khổ vui có thể tạo ra lo, mừng. Khi lo thì không có mừng, khi mừng thì không lo. Hoặc lo, hoặc mừng thì người trí sao nói là thường được? Này thiện nam! Ông nói ngã là thường. Nếu là thường thì sao nói có mười thời gian khác biệt. Pháp thường chẳng nên có thời thụ thai cho đến lúc già. Pháp thường như hư không còn không một thời kỳ hưởng gì là có mười thời. Này thiện nam! Ngã

chẳng phải là thời thụ thai cho đến lúc già thì làm sao nói có mười thời khác biệt? Nay thiện nam! Nếu ngã là tác giả thì ngã này cũng có lúc thịnh, lúc suy, chúng sinh cũng có lúc thịnh lúc suy. Nếu ngã là vậy thì sao gọi là thường? Nay thiện nam! Nếu ngã là tác giả thì sao mỗi người có sanh lợi, có ngu độn khác nhau? Nay thiện nam! Ngã nếu là tác giả thì ngã này có thể tạo tác nghiệp thân, nghiệp miệng, nghiệp ý. Nếu ngã là cái được tạo tác thì sao miệng nói không có ngã? Sao tự nghi ngờ có hay không có ngã? Nay thiện nam! Theo ý ông nếu cho là lia khỏi mắt có sự thấy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu lia khỏi mắt riêng có sự thấy thì cần gì đến mắt này? Cho đến thân căn cũng như vậy. Theo ý ông, nếu cho là ngã tuy có thể thấy nhưng cần phải nhân vào sự thấy của mắt thì nghĩa này cũng chẳng đúng. Vì sao? Vì như có người nói, hoa Tu-mạn-na có thể đốt cháy cả thôn lớn thì làm sao có thể đốt? Nhân lửa có thể đốt. Ông lập ngã có thể chấp cũng như vậy.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Như người cầm liềm thì có thể cắt cỏ. Ngã nhân nắm căn để thấy, nghe, đến chạm xúc cũng như vậy.

–Nay thiện nam! Người và liềm đều khác. Vậy nên cầm liềm có thể cắt cỏ nhưng rời khỏi căn lại không có ngã khác, thì sao nói ngã nhân các căn có thể có sở tác? Nay thiện nam! Theo ý ông, nếu cho là cầm liềm có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy thì ngã này có tay hay là không có tay? Nếu có tay thì sao chẳng tự cầm, nếu không tay thì sao nói, ngã chính là tác giả? Nay thiện nam! Cái có thể cắt cỏ tức là liềm, chẳng phải ngã, chẳng phải người. Nếu ngã và người có thể cắt thì vì sao phải nhờ vào cái liềm? Nay thiện nam! Người có hai việc làm: Một là nắm cỏ, hai là cầm liềm. Liềm này chỉ có công dụng là cắt. Chúng sinh thấy pháp cũng như vậy, mắt có thể thấy sắc là từ sự hòa hợp sinh ra. Nếu từ nhân duyên hòa hợp mà thấy thì kẻ trí sao lại nói có ngã? Nay thiện nam! Theo ý ông, nếu cho là thân làm, ngã thọ thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì thế gian chẳng thấy trời tạo nghiệp mà Phật thọ quả. Nếu nói, chẳng phải là thân tạo tác, ngã chẳng phải là nhân thọ thì các ông vì sao từ nhân duyên cầu giải thoát? Thân này của ông trước chẳng phải nhân duyên sinh ra thì được giải thoát rồi đáng lẽ

cũng chẳng phải do nhân sinh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng nên như vậy.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngã có hai thứ: Một là biết, hai là không biết. Ngã không biết có thể được thân. Ngã có biết có thể lìa bỏ thân, giống như cái bình đất đã bị nung rồi mất đi màu sắc cũ lại chẳng sinh trở lại. Phiền não của kẻ trí cũng như vậy, đã hoại diệt rồi nhất định chẳng sinh trở lại.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Cái nói là biết đó là trí có thể biết hay ngã có thể biết? Nếu trí có thể biết thì vì sao nói, ngã là biết? Nếu ngã biết thì vì sao dùng phương tiện cầu đến trí? Theo ý ông, nếu cho là ngã do trí mà biết thì đồng với cái dụ về hoa hư hoại. Này thiện nam! Ví như tánh của cây gai là tự có thể đâm, thì chẳng thể nói, cầm cây gai đâm. Trí cũng như vậy, trí tự có thể biết làm sao nói, ngã nắm trí để biết? Này thiện nam! Như trong pháp của ông, ngã được giải thoát mà không biết ngã có được biết là ngã được giải thoát không? Nếu không biết được thì nên biết vẫn còn như cũ với đầy đủ phiền não. Nếu biết được thì nên biết đã có năm căn. Vì sao? Vì lìa khỏi năm căn lại không có cái biết khác. Nếu đủ các căn thì sao lại gọi là được giải thoát? Nếu nói, ngã này, tánh của nó thanh tịnh lìa khỏi năm căn thì vì sao nói, ngã cùng khắp năm đường? Vì nhân duyên gì mà vì giải thoát nên tu các pháp thiện? Này thiện nam! Ví như có người nhổ gai hư không, ông cũng như vậy. Ngã nếu thanh tịnh thì sao lại nói cắt đứt các phiền não? Theo ý ông, nếu cho là chẳng từ nhân duyên mà chứng được giải thoát thì tất cả súc sinh vì sao chẳng được?

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai có thể nhớ nghĩ?

Đức Phật bảo Tiên Ni:

–Nếu có ngã thì vì nhân duyên gì lại quên? Này thiện nam! Nếu nhớ nghĩ là ngã thì vì nhân duyên gì mà nhớ nghĩ đến niệm ác? Nhớ điều chẳng nên nhớ, chẳng nhớ điều nên nhớ.

Tiên Ni lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì ai thấy? Ai nghe?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Bên trong có sáu nhập, bên ngoài có sáu trần, trong ngoài hòa hợp sinh ra sáu thứ thức. Sáu thứ thức này do nhân duyên mà được tên gọi. Này thiện nam! Ví như lửa nhân cây mà được nên gọi là lửa cây, nhân cỏ mà được nên gọi là lửa cỏ, nhân trấu mà được nên gọi là lửa trấu, nhân phân bò mà được nên gọi là lửa phân bò. Ý thức của chúng sinh cũng như vậy, nhân mắt, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tác ý gọi là nhãn thức. Này thiện nam! Như vậy nhãn thức chẳng ở trong mắt cho đến trong tác ý, mà do bốn việc hòa hợp nên sinh ra thức này, cho đến ý thức cũng như vậy. Nếu là nhân duyên hòa hợp nên sinh ra trí thì chẳng nên nói thấy tức là ngã, cho đến xúc tức là ngã. Này thiện nam! Vậy nên Ta nói, nhãn thức cho đến ý thức, tất cả các pháp tức là huyễn. Sao gọi là như huyễn? Đó là vốn không nay có, đã có rồi trở lại không. Này thiện nam! Ví như tía tô, bột, mật, gừng, hồ tiêu, cây tất bạt (cây lá lốt) nhỏ, thạch lựu, hạt quỳ hòa hợp lại gọi là viên hoan hỷ. Lìa khỏi sự hòa này thì không có viên hoan hỷ; sáu nhập trong ngoài gọi là chúng sinh, ngã, nhân, sĩ phu, lìa sáu nhập trong ngoài thì không có chúng sinh, ngã, nhân, sĩ phu nào khác.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu không có ngã thì sao nói ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu nói: Ta thấy, ta nghe mà gọi là có ngã thì vì nhân duyên gì thế gian lại nói, tội của ông làm chẳng phải việc thấy nghe của tôi? Này thiện nam! Ví như bốn thứ binh hòa hợp gọi là quân. Bốn binh chẳng như vậy chẳng gọi là một mà cũng nói là quân ta đồng kiện, quân ta thắng quân kia. Việc tạo tác của sáu nhập trong ngoài hòa hợp cũng như vậy, tuy chẳng là một nhưng cũng được nói, ta làm, ta chịu, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

Tiên Ni nói:

–Thưa Cù-đàm! Như lời ông nói, trong ngoài hòa hợp thì ai phát ra tiếng: “Ta làm, ta chịu v.v...?”

Đức Phật nói:

–Này Tiên Ni! Từ nhân duyên vô minh ái sinh ra nghiệp, từ

nghiệp sinh ra hữu, từ hữu sinh ra vô lượng tâm sở, tâm sinh ra giác quán, giác quán lay động gió, gió theo tâm chạm xúc yết hầu, lưỡi, răng, môi. Chúng sinh điên đảo mà phát ra tiếng: “Ta làm, ta chịu, ta thấy, ta nghe...”. Nay thiện nam! Như cái chuông nhỏ trên đầu cây cờ, do nhân duyên gió nên phát ra âm thanh, gió lớn tiếng lớn, gió nhỏ tiếng nhỏ, không có tác giả. Nay thiện nam! Ví như sắt nóng ném vào trong nước phát ra đủ thứ âm thanh mà trong đó chân thật không có tác giả. Nay thiện nam! Phạm phu chẳng thể suy nghĩ phân biệt việc như vậy nên nói có ta và của ta, ta làm, ta chịu.

Tiên Ni nói:

–Như lời Cù-đàm nói, không có ngã và ngã sở thì vì duyên gì lại nói thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật nói:

–Nay thiện nam! Ta cũng chẳng nói sáu nhập trong ngoài và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Ta đã tuyên nói, diệt sáu thức do nội ngoại nhập sinh ra thì gọi là thường. Do thường này nên gọi là ngã. Có thường có ngã nên gọi đó là lạc. Thường, ngã, lạc nên gọi đó là tịnh. Nay thiện nam! Chúng sinh chán khổ, đoạn trừ nhân của khổ này, tự tại xa lìa thì đó gọi là ngã. Do nhân duyên này nên ta nay tuyên nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên Ni nói:

–Thưa Thế Tôn! Cúi xin đấng Đại Từ vì con tuyên nói. Con phải làm sao để chứng được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Tất cả thế gian từ trước đến nay đầy đủ đại ngã mạn, luôn tăng trưởng mạn, cũng lại tạo tác nhân của mạn, nghiệp của mạn. Vậy nên hôm nay họ chịu quả báo của mạn, chẳng thể xa lìa tất cả phiền não, được thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu các chúng sinh muốn được xa lìa tất cả phiền não thì trước phải lìa khỏi mạn.

Tiên Ni bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Đúng vậy! Quả đúng như lời dạy của đức Thánh! Con trước có ngã mạn. Do ngã mạn nên xưng hô Đức Như Lai bằng họ Cù-đàm như vậy. Con nay đã lìa khỏi ngã mạn đó nên thành tâm thỉnh cầu pháp. Con làm sao để được thường, lạc, ngã, tịnh?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Ta nay sẽ vì ông phân biệt giảng nói. Này thiện nam! Nếu chẳng phải tự mình, chẳng phải người khác, chẳng phải chúng sinh thì xa lìa được pháp đó.

Tiên Ni bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con nay đã hiểu biết được chánh pháp nhãn.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông đã biết đã hiểu được chánh pháp nhãn như thế nào?

–Bạch Thế Tôn!! Cái gọi là sắc thì chẳng phải tự mình, chẳng phải người khác, chẳng phải các chúng sinh cho đến thức cũng như vậy. Con quan sát như vậy nên được chánh pháp nhãn. Thưa Thế Tôn! Con nay rất muốn xuất gia tu đạo, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Đức Phật dạy:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Tiên Ni tức thời đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, chứng quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm chí họ Ca-diếp lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Thân tức là mạng, thân khác, mạng khác.

Đức Như Lai mặc nhiên. Nói lần thứ hai, lần thứ ba, Đức Như Lai cũng như vậy. Phạm chí lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Nếu người xả thân mà chưa được thân sau thì ở khoảng trung gian ấy đâu có thể chẳng gọi là thân khác, mạng khác? Nếu là khác thì vì sao Cù-đàm lặng im chẳng đáp?

–Này thiện nam! Ta nói, thân mạng đều từ nhân duyên, chẳng phải chẳng nhân duyên. Như thân mạng, tất cả các pháp cũng như vậy.

Phạm chí lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi thấy thế gian có pháp chẳng từ nhân duyên sinh.

Đức Phật nói:

–Này ông Phạm chí! Ông thấy thế gian có pháp chẳng từ nhân duyên như thế nào?

Phạm chí nói:

–Tôi thấy lửa lớn đốt cháy bụi cây, gió thổi ngọn lửa rơi ở chỗ

khác. Đó há chẳng gọi là không nhân duyên sao?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ta nói lửa này cũng từ nhân duyên sinh, chẳng phải chẳng từ nhân duyên sinh.

Ông Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Khi ngọn lửa lan đi chẳng nhân vào củi than thì vì sao nói, nhân vào nhân duyên được?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Tuy không củi than nhưng nhân theo gió mà đi. Do nhân duyên gió nên lửa ấy chẳng tắt.

–Thưa Cù-đàm! Nếu người xả thân mà chưa được thân sau thì thọ mạng trung gian lấy cái gì làm nhân duyên?

Đức Phật nói:

–Này Phạm chí! Lấy vô minh cùng ái làm nhân duyên. Nhờ hai nhân duyên vô minh và ái nên thọ mạng được trụ. Này thiện nam! Có nhân duyên nên thân tức là mạng, mạng tức là thân. Có nhân duyên nên thân khác, mạng khác. Kể trí chẳng nên theo một hướng mà nói là thân khác, mạng khác.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì con phân biệt giảng nói, khiến cho con biết được nhân quả rõ ràng.

Đức Phật dạy:

–Này Phạm chí! Nhân tức là năm ấm, quả cũng là năm ấm. Này thiện nam! Nếu chúng sinh chẳng đốt lửa thì không có khói.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Con đã biết rồi! Con đã hiểu rồi!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông biết ra sao và hiểu thế nào?

–Thưa Thế Tôn! Lửa tức là phiền não, có thể đốt cháy ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người. Khói tức là quả báo của phiền não. Nó vô thường, bất tịnh, xú uế đáng ghét nên gọi là khói. Nếu có chúng sinh chẳng khởi phiền não thì người đó không có quả báo phiền não. Vậy nên Như Lai nói, chẳng đốt lửa thì không có khói.

Thưa Thế Tôn! Con đã thấy đúng, cúi xin đức Từ Bi cho phép

con xuất gia!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Kiều-trần-như:

–Cho ông Phạm chí này xuất gia thọ giới.

Ông Kiều-trần-như nhận lệnh của Đức Phật rồi, nhóm họp chúng Tăng lại làm lễ cho ông ấy xuất gia, thọ giới Cụ túc, qua năm ngày rồi, đắc quả A-la-hán.

Trong chúng ngoại đạo có ông Phạm chí tên là Phú-na lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Ông thấy thế gian là pháp thường nên nói thường chăng? Nghĩa như vậy thật hay hư? Thường hay vô thường? Hay cũng thường cũng vô thường? Hay chẳng phải thường, chẳng phải vô thường? Hữu biên hay vô biên? Hay cũng hữu biên cũng vô biên? Hay chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên? Thân này là mạng hay thân khác mạng khác? Đức Như Lai sau khi diệt độ đi như vậy hay chẳng đi như vậy? Cũng đi như vậy cũng chẳng đi như vậy? Hay chẳng phải đi như vậy, chẳng phải chẳng đi như vậy?

Đức Phật dạy:

–Này Phú-na! Ta chẳng nói thế gian thường, hư hay thật, là thường hay vô thường, cũng thường cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Hữu biên vô biên, cũng hữu biên cũng vô biên, chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên. Là thân là mạng, thân khác mạng khác. Như Lai sau khi diệt độ, đi như vậy hay chẳng đi như vậy, cũng đi như vậy, cũng chẳng đi như vậy, chẳng phải đi như vậy, chẳng phải chẳng đi như vậy.

Ông Phú-na lại bạch:

–Thưa Cù-đàm! Hôm nay thấy tội lỗi gì mà chẳng nói?

Đức Phật nói:

–Này ông Phú-na! Nếu có người nói, thế gian là thường và chỉ lời này là thật còn những lời nói khác là hư dối thì đó gọi là kiến. Thấy cái chỗ thấy thì đó gọi là kiến hành, đó gọi là kiến nghiệp, đó gọi là kiến trước, đó gọi là kiến phược, đó gọi là kiến khổ, đó gọi là kiến thủ, đó gọi là kiến bố, đó gọi là kiến nhiệt, đó gọi là kiến triền. Này Phú-na! Người phạm phu bị kiến trói buộc nên chẳng thể xa lìa sinh, già, bệnh, chết, trôi lăn trong sáu đường, chịu khổ không lường, cho đến chẳng phải đi như vậy, chẳng phải chẳng đi như vậy cũng như vậy. Này Phú-

na! Ta thấy cái kiến này có những lỗi như vậy, vậy nên Ta chẳng chấp trước, chẳng nói cho người.

–Thưa Cù-đàm! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà chẳng chấp trước, chẳng nói ra, thì thưa Cù-đàm, hôm nay thấy gì, chấp trước gì, và nói điều gì?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Đã là kiến chấp thì gọi là pháp sinh tử. Như Lai đã lìa khỏi pháp sinh tử nên chẳng chấp trước. Này thiện nam! Như Lai gọi là chủ thể nhận thức, chủ thể thuyết giảng, chẳng gọi là chấp trước.

–Thưa Cù-đàm! Sao gọi là năng kiến? Sao gọi là năng thuyết?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Ta có thể thấy rõ Khổ, Tập, Diệt, Đạo và phân biệt tuyên nói bốn đế này. Ta thấy như vậy nên có thể xa lìa tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất cả lưu, tất cả mạn. Vậy nên Ta đầy đủ phạm hạnh thanh, tịnh tịch tĩnh vô thượng, chứng được thân thường trụ. Thân này cũng chẳng phải là Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú-na nói:

–Thưa Cù-đàm! Vì nhân duyên gì mà thân thường trụ chẳng phải là Đông, Tây, Nam, Bắc?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta nay hỏi ông, ông cứ theo ý của mình mà đáp. Ý ông thế nào? Này thiện nam! Như ở trước ông đốt một đồng lửa lớn thì khi đang nhóm đồng lửa ấy, ông có biết nó đang cháy không?

–Biết, thưa Cù-đàm!

–Khi lửa này tắt thì ông có biết nó tắt không?

–Biết, thưa Cù-đàm!

–Này Phú-na! Nếu có người hỏi ông, đồng lửa trước khi đốt từ đâu đến, sau khi tắt đi về đâu thì ông sẽ trả lời như thế nào?

–Thưa Cù-đàm! Nếu có người hỏi thế thì tôi sẽ đáp: “Lửa này khi sinh thì nhờ vào mọi duyên. Duyên cũ đã hết, duyên mới chưa đến thì lửa sẽ tắt”.

–Nếu lại có người hỏi: “Lửa này tắt rồi đi đến phương nào thì ông trả lời như thế nào?”.

–Thưa Cù-đàm! Tôi sẽ đáp: “Duyên hết thì tắt chẳng đến phương

nào cả”.

–Này thiện nam! Như Lai cũng vậy, nếu có sắc vô thường cho đến thức vô thường nhân vào ái mà hình thành. Mà hình thành nghĩa là thọ hai mươi lăm cõi. Vậy nên khi hình thành thì có thể nói là lửa ấy ở Đông, Tây, Nam, Bắc. Hiện tại ái diệt thì quả báo của hai mươi lăm cõi chẳng hình thành. Do chẳng hình thành nên chẳng thể nói lửa có ở Đông, Tây, Nam, Bắc. Này thiện nam! Như Lai đã diệt sắc vô thường cho đến thức vô thường, nên thân thường hằng. Thân nếu là thường thì chẳng nói có Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú-na nói:

–Tôi muốn nói một thí dụ. Xin Ngài cho phép!

Đức Phật nói:

–Hay thay! Hay thay! Tùy ý ông! Hãy nói đi!

–Thưa Thế Tôn! Như bên ngoài ngôi làng có rừng cây Ta-la. Trong rừng có một cây sinh trước, sống đủ một trăm năm. Lúc đó người chủ rừng dùng nước tưới cây này, tùy thời chăm sóc. Khi cây ấy cối mục, da dẻ, cành lá đều rơi rụng hết, chỉ phần cốt lõi tồn tại. Như Lai cũng vậy, những thứ cũ mục vốn có đều đã trừ hết, chỉ còn có tất cả pháp chân thật tồn tại. Thưa Thế Tôn! Con nay rất thích xuất gia tu đạo.

Đức Phật dạy:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Phật nói lời này xong, Phú-na tức thời được xuất gia, lậu tận, chứng được quả A-la-hán.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXXVI

Phẩm 25: KIỀU TRẦN NHƯ 2

Lại có Phạm chí tên là Thanh Tịnh Phù nói:

–Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh chẳng biết pháp gì mà thấy thế gian thường vô thường, cũng thường cũng vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải chẳng “đi như vậy”.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Chúng sinh chẳng biết sắc cho đến chẳng biết thức nên thấy thế gian thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải chẳng “đi như vậy”.

Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Chúng sinh biết pháp gì nên chẳng thấy thế gian thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải chẳng “đi như vậy”?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Chúng sinh biết sắc cho đến biết thức nên chẳng thấy thế gian thường cho đến chẳng phải “đi như vậy”, chẳng phải chẳng “đi như vậy”.

Phạm chí nói:

–Thưa Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì con phân biệt giảng nói thế gian thường, vô thường.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu người bỏ nghiệp cũ chẳng tạo nghiệp mới thì người đó có thể biết thường cùng vô thường.

Phạm chí bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy biết rồi!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông thấy thế nào? Ông biết thế nào?

–Thưa Thế Tôn! Nghiệp cũ là gọi vô minh cùng với ái. Nghiệp mới là gọi thủ, hữu. Nếu người xa lìa vô minh, ái đó, chẳng tạo tác thủ, hữu thì người đó chân thật biết thường, vô thường. Con nay đã được mắt tịnh chánh pháp, quy y Tam bảo, cúi xin Đức Như Lai cho phép con xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều-trần-như:

–Cho ông Phạm chí này xuất gia, thọ giới.

Ông Kiều-trần-như nhận lệnh của Đức Phật rồi, đem Phú-na đến trong chúng Tăng, vì ông ấy làm phép yết-ma, cho xuất gia. Mười lăm ngày sau, ông ấy hết lậu vĩnh viễn, đắc quả A-la-hán.

Phạm chí Độc Tử lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi nay muốn hỏi, có thể được phép chăng?

Đức Như Lai lặng thinh. Hỏi lần thứ hai, lần thứ ba, Đức Như Lai cũng như vậy. Độc Tử lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Tôi từ lâu đã cùng ông làm bạn thân. Ông cùng tôi tình nghĩa không có hai, tôi muốn thưa hỏi, vì sao ông lặng thinh?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn suy nghĩ: Phạm chí này tánh tình nhu hòa, thuần thiện, chất trực, thường vì sự hiểu biết mà đến thưa hỏi, chứ chẳng vì muốn náo loạn. Nếu ông đó hỏi thì sẽ theo ý mà đáp. Đức Phật nói:

–Này Độc Tử! Hay thay! Hay thay! Theo điều ông hỏi, Ta sẽ giải đáp cho.

Ông Độc Tử bạch:

–Thưa Cù-đàm! Đồi có thiện chăng?

–Đúng vậy! Phạm chí!

–Có bất thiện chăng?

–Đúng vậy! Phạm chí!

–Thưa Cù-đàm! Xin Ngài vì tôi giảng nói cho tôi được biết pháp thiện và bất thiện.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ta có thể phân biệt, giảng nói rộng rãi nghĩa ấy. Nhưng nay Ta sẽ vì ông nói giản lược vấn đề này. Này thiện nam!

Dục gọi là bất thiện. Dục giải thoát thì gọi là thiện. Sân hận, ngu si cũng như vậy. Giết hại gọi là bất thiện, không giết hại thì gọi là thiện, cho đến tà kiến cũng như vậy. Nay thiện nam! Ta nay đã vì ông nói ba loại pháp thiện, bất thiện và nói mười loại pháp thiện, bất thiện. Nếu đệ tử của Ta có thể phân biệt như vậy về ba thứ pháp thiện và bất thiện cho đến mười thứ pháp thiện và bất thiện thì phải biết người này có thể hết tham dục, sân hận, ngu si, tất cả các lậu, cắt đứt tất cả hữu.

Ông Phạm chí nói:

–Thưa Cù-đàm! Trong pháp Phật này có một Tỳ-kheo nào có thể hết tham dục, sân hận, ngu si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy chăng?

Đức Phật nói:

–Nay thiện nam! Trong pháp Phật này chẳng phải là một, hai, ba, mà cho đến năm trăm, thậm chí có vô lượng những Tỳ-kheo v.v.... có thể hết tham dục, sân hận, ngu si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy.

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo ra, trong pháp Phật này có một Tỳ-kheo-ni nào có thể hết tham, sân, si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy chăng?

Đức Phật nói:

–Nay thiện nam! Trong pháp Phật này chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Tỳ-kheo-ni có thể đoạn trừ tham, sân, si, tất cả các lậu, tất cả các hữu như vậy.

Ông Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ra, trong pháp Phật này có Ưu-bà-tắc nào trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, qua khỏi bờ nghi, đoạn trừ lưới nghi chăng?

Đức Phật nói:

–Nay thiện nam! Trong pháp Phật của Ta chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu-bà-tắc trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn trừ năm kết dưới, được quả A-na-hàm, qua được bờ nghi, cắt đứt lưới nghi.

Ông Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc ra, trong

pháp Phật này có một Ưu-bà-di nào trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, qua được bờ nghi, cắt đứt lưới nghi chăng?

Đức Phật đáp:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật của Ta chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu-bà-di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, đoạn trừ năm kết dưới, được quả A-na-hàm, qua được bờ nghi, cắt đứt lưới nghi.

Ông Độc Tử nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngoài Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hết tất cả các lậu, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di trì giới tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, cắt đứt lưới nghi, trong pháp Phật này có một Ưu-bà-tắc nào thọ niềm vui năm dục mà lòng không lưới nghi chăng?

Đức Phật đáp:

–Này thiện nam! Trong pháp Phật này chẳng phải một, hai, ba cho đến năm trăm mà có đến vô lượng những Ưu-bà-tắc đoạn trừ ba kết, được Tu-đà-hoàn, tham, sân, si mỏng được Tư-đà-hàm. Như các Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng như vậy.

–Thưa Thế Tôn! Con nay muốn nói thí dụ.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Thích nói thì nói đi!

–Thưa Thế Tôn! Ví như vua rồng Nan-đà, Bà-nan-đà tuôn xuống mưa lớn. Mưa pháp của Đức Như Lai cũng như vậy, bình đẳng mưa xuống cho Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Thưa Thế Tôn! Nếu các ngoại đạo muốn đến xuất gia thì chẳng rõ Như Lai thử thách bao nhiêu tháng?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Họ đều qua bốn tháng thử thách nhưng chẳng nhất định cùng một cách như vậy.

–Thưa Thế Tôn! Nếu chẳng cùng một cách như vậy thì cúi xin đức Đại Từ cho phép con xuất gia!

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo ông Kiều-trần-như cho ông Độc Tử này xuất gia thọ giới. Ông Kiều-trần-như nhận lệnh của Đức Phật rồi, đứng trong chúng Tăng, vì ông ấy làm phép yết-ma cho xuất gia. Sau đủ mười lăm ngày thì Độc Tử đắc quả Tu-đà-hoàn. Đã đắc quả rồi, ông lại nghĩ: “Nếu người có trí tuệ do học mà được, thì ta nay đã có thể gặp

Đức Phật”. Ông liền đi đến chỗ Đức Phật, đầu mặt làm lễ, kính lễ xong rồi lùi đứng một bên, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Những người có trí tuệ là do từ học mà có được thì con nay đã được. Cúi xin Phật vì con một lần nữa phân biệt giảng nói, khiến cho con chứng được trí tuệ vô học.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông siêng tinh tấn tu tập hai pháp, một là chỉ, hai là quán. Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo muốn đắc quả Tu-đà-hoàn thì cũng phải siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu lại muốn được quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán thì cũng phải tu tập hai pháp như vậy. Này thiện nam! Nếu có Tỳ-kheo muốn được bốn thiền, bốn tâm vô lượng, sáu thần thông, tám bối xả, tám thắng xứ, trí vô tránh, trí đỉnh, trí rốt ráo, bốn trí vô ngại, Tam-muội kim cương, tận trí, vô sinh trí v.v... cũng phải tu tập hai pháp như vậy. Này thiện nam! Nếu muốn đắc địa Thập trụ, pháp nhãn Vô sinh, pháp nhãn Vô tướng, pháp nhãn Bất khả tư nghì, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ-tát hạnh, Tam-muội Hư không, Tam-muội Trí ấn, Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác, Tam-muội Địa, Tam-muội Bất thoái, Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Kim cương, hạnh Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe rồi, lễ bái Đức Phật mà lui ra, ở tại trong rừng Ta-la, tu hai pháp này, chẳng bao lâu liền được quả A-la-hán. Lúc đó, lại có vô lượng Tỳ-kheo muốn đi đến chỗ Đức Phật, Độc Tử thấy họ rồi hỏi:

–Thưa các Đại đức! Các vị muốn đi đến đâu?

Các vị Tỳ-kheo đáp:

–Chúng tôi muốn đến chỗ Đức Phật!

Độc Tử lại nói:

–Thưa các Đại đức! Nếu các vị đi đến chỗ Đức Phật thì xin các vị vì tôi bày tỏ với Đức Phật: “Phạm chí Độc Tử tu hai pháp đã được trí vô học. Nay để báo ơn Đức Phật, xin vào Niết-bàn”.

Các vị Tỳ-kheo đến nơi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Độc Tử gửi lời cho chúng con thưa: “Thưa Thế Tôn! Phạm chí Độc Tử tu tập hai pháp được trí vô học. Nay

để báo ơn Đức Phật xin vào Niết-bàn!”.

Đức Phật nói:

–Này các Thiện nam! Phạm chí Độc Tử đã đắc quả A-la-hán. Các ông có thể đến đó cúng dường thân ông ấy.

Các Tỳ-kheo vâng lời Đức Phật, trở lại chỗ thi thể ông ấy, thiết đại lễ cúng dường.

Phạm chí Nạp Y lại nói:

–Như lời Cù-đàm nói, trong vô lượng đời làm việc thiện hay bất thiện thì đời vị lai trở lại được thân thiện hay bất thiện. Nghĩa lý này chẳng đúng. Vì sao? Vì như lời nói của Cù-đàm, nhân phiền não nên có được thân này. Nếu nhân phiền não có được thân này thì thân có trước hay phiền não có trước? Ai tạo ra? Trụ ở chỗ nào? Nếu thân có trước thì sao nói, nhân phiền não được? Vậy nên nếu nói phiền não có trước thì điều đó chẳng thể. Nếu nói thân có trước thì điều đó cũng chẳng thể. Nếu nói có cùng một lúc thì lại cũng chẳng thể. Trước, sau, cùng một lúc thì nghĩa lý đều chẳng thể. Vậy nên tôi nói tất cả các pháp đều có tự tánh, chẳng từ nhân duyên.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Cứng là tánh của đất, ẩm thấp là tánh của nước, nóng là tánh của lửa, động là tánh của gió, không có gì trở ngại là tánh của hư không, đó là tánh của năm đại, chẳng phải do nhân duyên mà có. Giả dụ trong thế gian có một pháp tánh, chẳng phải do nhân duyên mà có, thì tất cả các pháp tánh cũng nên như vậy, chẳng phải do nhân duyên mà có. Nếu có một pháp từ nhân duyên mà có, thì tại sao do nhân duyên mà tánh của năm đại không từ nhân duyên?

Thưa Cù-đàm! Chúng sinh thân thiện và thân bất thiện đều được giải thoát, đều là tự tánh, chẳng từ nhân duyên, vậy nên tôi nói tất cả các pháp tự tánh vốn có, chẳng phải từ nhân duyên sinh.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Pháp của thế gian có chỗ định dụng của nó. Ví như người thợ mộc giỏi định rằng, gỗ như vậy dùng làm trục xe, gỗ như vậy dùng làm cửa, giường, ghế. Cũng như khả năng chế tác của người thợ vàng giỏi: cái đặt trên trán thì gọi là vòng cài tóc, cái đeo dưới cổ thì gọi là chuỗi, cái đeo trên cánh tay thì gọi là xuyên, cái đeo ở trên ngón tay thì gọi là nhẫn. Tùy theo chỗ sử dụng mà quyết định nên gọi là định tánh. Thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh cũng như vậy,

có tánh của năm đường nên có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời. Nếu như vậy thì vì sao nói, từ nhân duyên được?

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Tất cả chúng sinh, tánh của họ đều khác. Vậy nên gọi là tất cả tự tánh. Thưa Cù-đàm! Như rùa sống trên đất mà tự có thể vào trong nước. Con trâu ghé sinh ra rồi có thể tự bú sữa. Con cá thấy mỗi câu tự nhiên đớp ăn. Con rắn độc sinh ra rồi tự nhiên ăn đất. Những việc như vậy có ai dạy bảo đâu. Như cây gai sinh ra rồi thì tự nhiên nhọn đầu. Lông vũ loài chim bay tự nhiên có màu sắc riêng biệt. Chúng sinh ở thế gian cũng như vậy, có người lanh lợi, có người ngu độn, có người giàu, có người nghèo, có người đẹp, có người xấu, có người được giải thoát, có người không được. Vậy nên phải biết, trong tất cả các pháp đều có tự tánh.

Lại nữa, như lời Cù-đàm nói, tham, sân, si từ nhân duyên sinh. Ba độc như vậy do năm trần làm duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì khi chúng sinh ngủ thì lìa xa năm trần mà cũng lại sinh ra tham, sân, si. Ở trong thai cũng vậy. Khi thai mới sinh ra chưa thể phân biệt năm trần tốt đẹp xấu mà cũng lại sinh ra tham, sân, si. Chư tiên, Thánh hiền ở chỗ vắng vẻ không có năm trần mà cũng có thể sinh ra tham, sân, si. Nhưng cũng lại có người nhân vào năm trần mà sinh ra chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Như vậy nhất định chẳng phải là từ ở nhân duyên sinh ra tất cả pháp mà do tự tánh.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Tôi thấy người đời, có kẻ năm căn chẳng đủ mà rất nhiều của báu, được tự tại lớn, có người các căn đầy đủ mà nghèo cùng hạ tiện, chẳng được tự tại, làm nô bộc cho kẻ khác. Nếu có nhân duyên thì vì sao như vậy? Vậy nên các pháp đều có tự tánh, chẳng do nhân duyên.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Trẻ con ở thế gian cũng lại chưa có thể phân biệt năm trần, hoặc cười, hoặc khóc, khi cười biết mừng, khi khóc biết buồn. Vậy phải biết tất cả các pháp đều có tự tánh.

Lại nữa, thưa Cù-đàm! Pháp thế gian có hai: một là có, hai là không. Có tức là hư không, không tức là sừng thỏ. Hai pháp như vậy, một là có nên chẳng từ nhân duyên, hai là không nên cũng chẳng phải nhân duyên. Vậy nên các pháp có tự tánh, chẳng từ nhân duyên.

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Như lời ông nói, như tánh của năm đại, tất cả các pháp cũng như vậy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì trong pháp của ông cho năm đại là thường thì vì nhân duyên gì mà tất cả các pháp đều chẳng là thường? Nếu vật của thế gian là vô thường thì tánh của năm đại này vì nhân duyên gì mà chẳng là vô thường? Nếu năm đại thường thì vật của thế gian cũng phải là thường. Vậy nên ông nói tánh của năm đại có tự tánh nên chẳng từ nhân duyên khiến cho tất cả các pháp đồng với năm đại thì điều này không có.

Này thiện nam! Ông nói chỗ dùng đã định nên có tự tánh thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì đều từ nhân duyên mà có được tên gọi. Nếu từ nhân duyên mà có được tên gọi thì cũng từ nhân duyên có được nghĩa. Sao gọi là từ nhân duyên có được tên gọi? Như cái ở trên trán thì gọi đó là vòng, cái ở cổ gọi là chuỗi, cái ở tay gọi là xuyên, cái ở tại xe gọi là bánh xe, lửa ở tại cây cỏ gọi là lửa cỏ, cây.

Này thiện nam! Khi cây mới sinh ra không có tánh mũi tên, cây giáo nhưng từ nhân duyên nên người thợ làm ra mũi tên, từ nhân duyên nên người thợ làm ra cây giáo. Vậy chẳng nên nói tất cả các pháp có tự tánh.

Này thiện nam! Ông nói, như tánh của con rùa sống trên đất tự vào nước. Con trâu ghé sinh ra rồi tánh có thể bú sữa thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu nói vào nước chẳng phải nhân duyên thì đối với tất cả đều chẳng phải nhân duyên mà sao nó chẳng vào lửa? Trâu ghé sinh ra rồi tánh có thể bú sữa chẳng từ nhân duyên thì đối với tất cả đều chẳng phải nhân duyên mà sao nó chẳng bú sữa?

Này thiện nam! Nếu nói các pháp đều có tự tánh chẳng cần dạy bảo tập tành, không có tăng trưởng thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nay thấy có dạy bảo và nhờ dạy bảo nên tăng trưởng. Vậy phải biết là không có tự tánh.

Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp có tự tánh thì các thầy Bà-la-môn, tất cả chẳng nên vì thân thanh tịnh mà giết dê cúng tế. Nếu vì thân mà cúng tế thì phải biết là không có tự tánh.

Này thiện nam! Thế gian nói về pháp thường có ba thứ: một là muốn làm, hai là khi làm, ba là làm rồi. Nếu tất cả các pháp có tự tánh thì vì sao trong đời có ba lời nói đó. Vì có ba lời nói đó nên biết tất cả

không có tự tánh.

Này thiện nam! Nếu nói các pháp có tự tánh thì phải biết các pháp đều có định tánh. Cây mía, một vật nếu có định tánh thì vì duyên gì làm ra nước uống, làm ra mật, làm ra đường, rượu và rượu đắng v.v... Nếu nó có một tánh thì vì duyên gì mà sinh ra những vị như vậy? Nếu trong một vật sinh ra nhiều thứ như vậy thì phải biết các pháp chẳng nhất định là đều có một tánh.

Này thiện nam! Nếu tất cả các pháp có định tánh thì Thánh nhân vì sao uống nước mía, ăn đường, còn rượu thì chẳng uống? Về sau thành rượu đắng nên trở lại được uống? Vậy phải biết là không có định tánh. Nếu không định tánh thì làm sao chẳng nhân vào nhân duyên mà có?

Này thiện nam! Ông nói tất cả các pháp có tự tánh thì tại sao ông nói dụ. Nếu có ví dụ thì phải biết các pháp không có tự tánh. Nếu có tự tánh thì phải biết không có ví dụ. Người trí tuệ của thế gian đều nói ví dụ nên phải biết các pháp không có tự tánh, không có một tánh.

Này thiện nam! Ông hỏi, thân là có trước hay phiền não có trước thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu ta nói thân có trước thì ông có thể nạn vấn: “Ông cũng đồng với tôi”. Còn nói: “Thân chẳng có trước” thì vì nhân duyên gì mà đặt ra nạn vấn này?

Này thiện nam! Tất cả thân của chúng sinh và phiền não đều không trước sau, cùng một lúc mà có. Tuy cùng một lúc có nhưng cần phải nhân vào phiền não mà có được thân, nhất định chẳng nhân vào thân mà có phiền não. Theo ý ông, nếu cho là như hai mắt của con người cùng một lúc mà được chẳng do đợi nhau, mắt trái chẳng nhờ vào mắt phải, mắt phải chẳng nhờ vào mắt trái, phiền não và thân cũng như vậy thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Ví như mắt của thế gian thấy bắc đèn cùng ánh sáng tuy là một lúc nhưng ánh sáng cần phải nhờ vào bắc đèn, nhất định chẳng nhờ vào ánh sáng mà có bắc đèn.

Này thiện nam! Theo ý ông, nếu cho là thân chẳng có trước nên biết là không nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu do thân có trước không nhân duyên nên gọi là không thì ông chẳng nên nói tất cả các pháp đều có nhân duyên. Nếu nói chẳng thấy nên chẳng

nói thì nay đã thấy cái bình v.v... từ nhân duyên sinh ra mà vì sao chẳng nói? Như cái bình, thân có trước, nhân duyên cũng như vậy.

Này thiện nam! Hoặc thấy, chẳng thấy, tất cả các pháp đều từ nhân duyên, không có tự tánh. Này thiện nam! Nếu nói tất cả pháp đều có tự tánh, không có nhân duyên thì ông vì nhân duyên gì nói đến năm đại. Tánh của năm đại này tức là nhân duyên.

Này thiện nam! Nhân duyên năm đại tuy như vậy nhưng cũng chẳng nên nói các pháp đều đồng với nhân duyên năm đại, như người đời nói, tất cả người xuất gia tinh cần trì giới, Chiên-đà-la v.v... cũng nên như vậy, tinh cần trì giới.

Này thiện nam! Ông nói năm đại có tánh quyết định bền chắc, còn Ta quan sát thấy tánh đó chuyển biến nên chẳng định.

Này thiện nam! Váng sữa, sáp, hồ, keo v.v... ở trong pháp của ông gọi chúng là đất. Đất này bất định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất nên chẳng được nói là tự tánh bền chắc.

Này thiện nam! Bạch lạp, chì, thiếc, đồng, sắt, vàng, bạc v.v... ở trong pháp của ông gọi chúng là lửa. Bốn tánh của lửa này là khi chảy thì tánh nước, khi động thì tánh gió, khi nóng thì tánh lửa, khi cứng thì tánh đất thì sao nói, quyết định gọi là tánh của lửa?

Này thiện nam! Tánh của nước gọi là chảy, nếu khi nước đóng băng chẳng gọi là đất mà vẫn gọi là nước thì vì nhân duyên gì khi sóng động chẳng gọi là gió? Nếu động, chẳng gọi là gió thì khi nước đóng băng cũng chẳng gọi là nước. Nếu hai nghĩa này từ nhân duyên thì vì sao nói, tất cả các pháp chẳng từ nhân duyên?

Này thiện nam! Nếu nói tánh của năm căn có thể thấy, nghe, hay, biết, chạm xúc nên đều là tự tánh, chẳng từ nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì tánh của tự tánh là tánh chẳng thể chuyển. Nếu nói tánh của mắt là thấy thì đáng lẽ thường có thể thấy, chẳng nên có khi thấy, có khi chẳng thấy. Vậy phải biết là từ nhân duyên mà thấy, chẳng phải không nhân duyên.

Này thiện nam! Ông nói chẳng phải nhân vào năm trần sinh ra tham, giải thoát thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì sinh ra tham, giải thoát tuy chẳng nhân vào nhân duyên năm trần, nhưng nếu giác quán ác thì sinh ra tham dục, còn giác quán thiện thì

được giải thoát.

Này thiện nam! Do nhân duyên bên trong nên sinh ra tham, giải thoát, do nhân duyên bên ngoài có thể tăng trưởng. Vậy nên ông nói, tất cả các pháp đều có tự tánh, chẳng nhân vào năm trần sinh ra tham, giải thoát thì đó là điều không có.

Này thiện nam! Ông nói, người đầy đủ các căn lại thiếu thốn của cải, chẳng được tự tại, còn người các căn tàn khuyết thì giàu có nhiều của cải, rất tự tại. Do đó chứng tỏ là có tự tánh, chẳng từ nhân duyên thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Này thiện nam! Vì chúng sinh từ nghiệp mà có quả báo. Quả báo như vậy có ba thứ: Một là hiện báo, hai là sinh báo, ba là hậu báo. Bản cùng, cự phú, căn đủ hay chẳng đủ là do nghiệp nên đều khác. Nếu có tự tánh, đủ các căn thì đáng lẽ giàu có của báu và giàu có của báu thì đáng lẽ đủ các căn, nhưng nay thì chẳng vậy. Vậy nên nhất định biết là không có tự tánh, đều từ nhân duyên.

Này thiện nam! Như lời ông nói, trẻ con ở thế gian chưa thể phân biệt nhân duyên năm trần, cũng khóc cũng cười. Vậy nên tất cả có tự tánh thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì nếu có tự tánh thì cười đáng lẽ luôn cười, khóc đáng lẽ luôn khóc. Nếu lúc cười, lúc khóc thì phải biết tất cả đều từ nhân duyên. Vậy nên chẳng nói tất cả các pháp có tự tánh, chẳng từ nhân duyên.

Phạm chí bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các pháp từ nhân duyên mà có thì như vậy thân có từ nhân duyên nào?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nhân duyên của thân này là phiền não cùng với nghiệp.

Phạm chí bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như thân ấy từ nghiệp phiền não thì nghiệp phiền não này có thể đoạn chẳng?

Đức Phật dạy:

–Đúng vậy! Đúng vậy!

Phạm chí lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn vì con phân biệt giảng nói,

khiến cho con nghe rồi chẳng dời khỏi chỗ này, đều đoạn trừ hết.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu biết khoảng giữa, hai bên không ngăn ngại thì người đó có thể đoạn được nghiệp phiền não.

–Thưa Thế Tôn! Con đã biết hiểu được chánh pháp nhãn.

Đức Phật dạy:

–Thế nào là biết?

–Bạch Thế Tôn! Hai bên tức là sắc và giải thoát sắc. Khoảng giữa tức là tám chánh đạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Hay thay! Hay thay! Này thiện nam! Ông giỏi biết hai bên, đoạn trừ nghiệp phiền não.

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn cho phép con xuất gia thọ giới.

Đức Phật dạy:

–Thiện lai Tỳ-kheo!

Tức thời Phạm chí đoạn trừ phiền não ba cõi, đắc quả A-la-hán.

Bấy giờ, lại có một vị Bà-la-môn tên là Hoàng Quảng lại nói:

–Thưa Cù-đàm! Ông có biết điều tôi đang nghĩ chăng?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường. Quanh co tức là tà kiến, ngay thẳng tức là Thánh đạo.

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Vì nhân duyên gì mà nói như vậy?

–Này thiện nam! Ý ông cho là khát thực là thường, tỉnh ngủ là vô thường. Quanh co là cái khóa cửa, ngay thẳng là đế tràng. Vậy nên ta nói Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường. Quanh co gọi là tà kiến, ngay thẳng gọi là tám chánh đạo, chẳng phải như sự suy nghĩ trước đây của ông sao?

Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài quả thật biết được lòng tôi. Tám chánh đạo này có khiến cho chúng sinh được tận diệt không?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng chẳng đáp. Bà-la-môn nói:

–Thưa Cù-đàm! Ngài đã biết lòng con, lời hỏi của con hôm nay vì sao Ngài lặng im mà chẳng thấy đáp?

Khi ấy, ông Kiều-trần-như liền nói:

–Này đại Bà-la-môn! Nếu có người hỏi thế gian hữu biên hay vô biên thì Đức Như Lai thường lặng im như thế, chẳng đáp. Tám thánh đạo là ngay thẳng, Niết-bàn là thường. Nếu tu tám thánh đạo tức là được diệt tận còn nếu chẳng tu tập thì chẳng thể được. Này đại Bà-la-môn! Ví như thành lớn, bốn vách thành ấy đều không có lỗ, chỉ có một cái cửa. Người giữ cửa thành ấy thông minh, có trí tuệ, có thể giỏi phân biệt, kẻ đáng cho đi thì cho đi, kẻ đáng ngăn lại thì ngăn lại. Tuy chẳng thể biết người ra vào nhiều hay ít nhưng nhất định biết tất cả người vào ra đều theo cửa này.

Này thiện nam! Đức Như Lai cũng vậy. Thành dụ cho Niết-bàn, cửa dụ cho tám chánh đạo, người giữ cửa dụ cho Như Lai. Này thiện nam! Đức Như Lai nay tuy chẳng trả lời ông tận diệt hay chẳng tận diệt, nhưng người có tận diệt thì cần phải tu tập tám chánh đạo ấy.

Bà-la-môn nói:

–Hay thay! Hay thay! Thưa Đại đức Kiều-trần-như! Đức Như Lai khéo có thể nói pháp vi diệu. Tôi nay thật muốn biết thành (Niết-bàn) biết đạo (tám chánh) và tự làm người giữ cửa.

Tôn giả Kiều-trần-như nói:

–Hay thay! Hay thay! Này Bà-la-môn! Ông có thể phát tâm vô thượng rộng lớn.

Đức Phật dạy:

–Thôi đi Kiều-trần-như! Ông Bà-la-môn này chẳng phải đến ngày hôm nay mới phát tâm. Thuở quá khứ xa xưa vô lượng kiếp, có Đức Phật Thế Tôn hiệu là Phổ Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, người này trước đã ở chỗ Đức Phật đó phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong kiếp Hiền này ông ấy sẽ thành Phật. Đã từ lâu ông ấy thông đạt, rõ biết pháp tướng, vì chúng sinh nên hiện ở ngoại đạo làm ra vẻ không biết gì. Do nhân duyên đó, này Kiều-trần-như! Ông chẳng nên khen ngợi: “Hay thay! Hay thay! Ông nay có thể phát tâm rộng lớn như vậy”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết rồi nhưng vẫn hỏi ông Kiều-trần-như:

–Tỳ-kheo A-nan nay ở đâu?

Tôn giả Kiều-trần-như bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan đang ở ngoài rừng Ta-la, cách đại hội này mười hai do-tuần, đang bị sáu vạn bốn ngàn ức ma nhiều loạn. Những ma chúng đó đều tự biến thân làm hình dáng Đức Như Lai. Hoặc có ma tuyên nói, tất cả các pháp từ nhân duyên sinh. Hoặc có ma nói, tất cả các pháp chẳng từ nhân duyên sinh. Hoặc có ma nói, tất cả nhân duyên đều là pháp thường, từ nhân duyên sinh ra thì đều là vô thường. Hoặc có ma nói, năm ấm là thật, hoặc nói hư giả; nhập, giới cũng vậy. Hoặc có ma nói, có mười hai duyên. Hoặc có ma nói, có bốn duyên, hoặc nói các pháp như huyễn như hóa, như nóng, như ngọn lửa. Hoặc có ma nói, nhân nghe mà đắc pháp. Hoặc có ma nói, nhân tư duy mà đắc pháp. Hoặc có ma nói, nhân tu mà đắc pháp. Hoặc lại có ma nói, phép quán bất tịnh. Hoặc lại có ma nói phép quán hơi thở ra vào. Hoặc lại có ma nói, quán bốn niệm xứ. Hoặc lại có ma nói, nghĩa ba pháp quán, bảy thứ phương tiện. Hoặc lại có ma nói, pháp noãn, pháp đỉnh, pháp nhãn, pháp thế gian đệ nhất, học địa và vô học địa, Bồ-tát Sơ trụ cho đến Thập trụ. Hoặc có ma nói, không, vô tướng, vô tác. Hoặc lại có ma nói, Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Tỳ-già-la-na, Già-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na, A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đà-già, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá. Hoặc có ma nói, bốn niệm xứ, bốn chánh cần, bốn như ý túc, năm căn, năm lực, bảy giác phần, tám thánh đạo. Hoặc có ma nói, nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tánh không, viển ly không, tán không, tự tướng không, vô tướng không, ấm không, nhập không, giới không, thiện không, bất thiện không, vô ký không, Bồ-đề không, đạo không, Niết-bàn không, hành không, đắc không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không. Hoặc có ma thị hiện thân thông biến hóa, thân tuôn nước lửa. Hoặc phần trên thân tuôn ra nước, phần dưới thân phát ra lửa, dưới thân tuôn ra nước, trên thân phát ra lửa, hông bên trái nghiêng xuống, hông bên phải tuôn ra nước, hông bên phải nghiêng xuống, hông bên trái tuôn ra nước, một bên hông nổi sấm, một bên hông tuôn mưa. Hoặc có ma thị hiện thế giới chư Phật. Hoặc lại có ma thị hiện cảnh Bồ-tát sơ sinh đi bảy nước, cảnh khi ở tại thâm cung

hưởng thụ năm dục, cảnh khi mới bắt đầu xuất gia tu khổ hạnh, cảnh khi đến dưới gốc cây, ngồi vào Tam-muội phá hoại quân ma, cảnh khi chuyển pháp luân, cảnh khi thị hiện đại thần thông vào Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan thấy những việc này rồi, nghĩ: “Những thần thông biến hóa như vậy xưa nay chưa thấy. Việc làm này của ai? Lẽ nào chẳng phải là việc làm của Đức Thế Tôn Thích Ca sao?”. Ông muốn đứng dậy, muốn nói nhưng hoàn toàn chẳng theo ý. Tỳ-kheo A-nan rơi vào lưới ma nên lại nghĩ: “Lời nói của chư Phật mỗi mỗi chẳng đồng, ta nay nên thọ nhận lời nói của ai?”. Thưa Thế Tôn! A-nan hôm nay chịu khổ vô cùng, tuy nghĩ đến Như Lai nhưng không ai có thể cứu. Do nhân duyên này nên chẳng đi đến trong đại chúng này.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Trong đại chúng này có các Bồ-tát đã ở từ một đời phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đến vô lượng đời phát tâm Bồ-đề, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, tâm những vị ấy kiên cố tu hành đầy đủ Đàn Ba-la-mật cho đến Bát nhã Ba-la-mật, thành tựu công đức, đã từ lâu thân cận vô lượng chư Phật, tịnh tu phạm hạnh được tâm Bồ-đề bất thoái chuyển, được Nhẫn bất thoái chuyển, Trì bất thoái chuyển, đắc vô lượng Tam-muội như Pháp nhẫn, Thủ-lăng-nghiêm v.v. Những vị như vậy nghe kinh Đại Thừa nhất định chẳng sinh nghi, khéo có thể phân biệt tuyên nói Tam bảo đồng một tánh tướng, thường trụ chẳng biến đổi, nghe điều chẳng nghĩ bàn, chẳng sinh kinh sợ quái lạ, nghe đủ thứ không lòng không sợ sệt, tỏ rõ thông đạt tất cả pháp tánh, có thể trì tất cả Mười hai bộ loại kinh văn, rộng hiểu nghĩa của những kinh ấy, cũng có thể thọ trì mười hai bộ loại kinh văn của vô lượng chư Phật thì do duyên gì các vị ấy chẳng thể thọ trì kinh điển Đại Niết-bàn như vậy? Đức Phật vì nhân duyên gì mà hỏi Tôn giả Kiều-trần-như về chỗ ở của Tôn giả A-nan?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Nay thiện nam! Sau khi Ta thành Phật đã hơn hai mươi năm, lúc trụ ở thành Vương-xá, bấy giờ Ta bảo các Tỳ-kheo: “Này các Tỳ-kheo! Hôm nay trong chúng này, ai có thể vì Ta thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn của Như Lai và ở bên Ta cung cấp đồ cần dùng mà cũng khiến cho chẳng mất phần thiện lợi của thân

mình?”. Lúc đó, Kiều-trần-như ở trong chúng, đến bạch với Ta: “Con có thể thọ trì Mười hai bộ loại kinh văn, cung cấp hầu hạ tả hữu mà chẳng mất việc làm lợi ích của mình”. Ta nói: “Này Kiều-trần-như! Ông đã già cả đáng cần có người để sai bảo thì làm sao muốn làm thị giả cho Ta?”. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói: “Con có thể thọ trì tất cả lời dạy của Phật, cung cấp thứ cần dùng cho Thế Tôn mà chẳng mất việc làm lợi ích của mình”. Ta lại nói: “Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ông đã già cả rồi phải cần có người để sai bảo thì làm sao muốn làm thị giả cho Ta được?”. Cho đến năm trăm các vị A-la-hán đều cũng như vậy và Ta đều chẳng chấp nhận. Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên ở trong đại chúng nghĩ: “Đức Như Lai hôm nay chẳng nhận năm trăm vị Tỳ-kheo làm thị giả thì ý Đức Phật vì muốn ai làm vậy?”. Tư duy thế rồi ông liền vào định, quan sát thấy lòng Đức Như Lai đặt tại Tôn giả A-nan như mặt trời mới mọc chiếu sáng lên vách phía Tây. Thấy việc này rồi ông liền rời khỏi định nói với Tôn giả Kiều-trần-như: “Thưa Đại đức! Tôi thấy Đức Như Lai muốn khiến Tôn giả A-nan làm thị giả hầu cận!”. Bấy giờ, Tôn giả Kiều-trần-như cùng với năm trăm vị A-la-hán đến chỗ Tôn giả A-nan nói: “Thưa Đại đức A-nan! Nay Đại đức phải vì Đức Như Lai làm thị giả! Mời Đại đức nhận việc đó cho!”. Tôn giả A-nan nói: “Thưa các Đại đức! Tôi thật chẳng đủ sức làm thị giả cho Đức Như Lai. Vì sao? Vì Đức Như Lai là đấng tôn quý như vua sư tử, như rồng, như lửa. Tôi nay như uest, yếu ớt thì làm sao có thể đảm đương được”. Các Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức A-nan! Xin hãy nhận lời của chúng tôi làm thị giả cho Đức Như Lai thì được lợi ích lớn”. Nói lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy. Tôn giả A-nan nói: “Thưa các Đại đức! Tôi cũng chẳng cầu việc lợi ích lớn mà thật chẳng đủ sức đảm nhiệm phụng sự hầu cận cho Đức Như Lai”. Tôn giả Mục-kiền-liên lại nói: “Thưa Đại đức A-nan! Nay Đại đức chưa biết!”. Tôn giả A-nan nói: “Thưa Đại đức! Xin Đại đức nói cho!”. Tôn giả Mục-kiền-liên nói: “Ngày hôm trước, Đức Như Lai ở trong Tăng chúng tìm thị giả. Năm trăm A-la-hán đều xin làm mà Đức Như Lai chẳng cho. Tôi liền vào định thì thấy ý Đức Như Lai muốn Đại đức làm thị giả. Nay Đại đức vì sao từ chối chẳng nhận?”. Tôn giả A-nan nghe rồi, chấp tay, quỳ dài nói: “Thưa các Đại đức! Nếu có việc này thì xin Đức Như Lai cho tôi ba

điều thỉnh nguyện, tôi sẽ thuận theo mệnh lệnh của chúng Tăng làm thị giả bên Như Lai”. Tôn giả Mục-kiền-liên hỏi: “Ba điều đó là gì?”. Tôn giả A-nan nói: “Một là Đức Như Lai giả sử đem áo cũ ban cho tôi thì cho phép tôi chẳng nhận. Hai là Đức Như Lai giả sử nhận lời mời riêng của đàn-việt thì cho phép tôi không đi theo. Ba là cho phép tôi ra vào không có thời tiết. Ba việc như vậy nếu Đức Phật cho phép thì tôi sẽ thuận theo mệnh lệnh của chúng Tăng”. Tôn giả Kiều-trần-như và năm trăm vị Tỳ-kheo trở lại chỗ của Ta mà nói: “Chúng con đã khuyên Tỳ-kheo A-nan, ông ấy chỉ cầu xin Đức Thế Tôn ba nguyện. Nếu Đức Phật cho thì sẽ thuận theo mệnh lệnh của Tăng”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Ta vào lúc ấy, khen Tôn giả A-nan: “Hay thay! Hay thay! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ trí tuệ đã dự kiến được sự ngờ vực. Vì sao? Vì sẽ có người nói “Ông vì ăn mặc mà phụng sự Đức Như Lai”. Vậy nên trước cầu xin chẳng nhận áo cũ, chẳng đi theo khi Phật được mời riêng. Này Kiều-trần-như! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ trí tuệ, nếu vào ra có lúc tức là chẳng thể làm lợi ích rộng rãi cho bốn bộ chúng. Vậy nên ông ấy xin được vào ra không theo thời tiết. Này Kiều-trần-như! Ta vì Tỳ-kheo A-nan mở ra ba việc này để theo ý nguyện của ông ấy”. Mục-kiền-liên trở lại chỗ A-nan, nói với Tỳ-kheo A-nan: “Tôi đã vì Tỳ-kheo thưa thỉnh ba việc và Đức Như Lai đại từ đều đã hứa cho!”. Tỳ-kheo A-nan nói: “Thưa Đại đức! Nếu Đức Phật đã cho phép thì tôi xin đến làm người hầu cung cấp”.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan phụng sự Ta hơn hai mươi năm, đầy đủ tám thứ chẳng thể nghĩ bàn. Những gì là tám?

Một là phụng sự Ta từ lúc đó đến nay hơn hai mươi năm, chẳng bao giờ theo Ta khi Ta nhận mời riêng.

Hai là từ khi phụng sự Ta đến nay, chẳng nhận quần áo cũ của Ta cho.

Ba là từ khi phụng sự Ta đến nay, ông ấy đến chỗ Ta chẳng bao giờ phi thời.

Bốn là từ khi phụng sự Ta đến nay, tuy đầy đủ phiền não nhưng khi theo Ta vào ra những chỗ vua, Sát-lợi, họ lớn giàu sang, thấy các nữ nhân và con gái trời, rồng v.v... chẳng sinh tâm dục.

Năm là từ khi phụng sự Ta đến nay, trì giữ Mười hai bộ loại kinh

văn của Ta, một lần đã vào tai rồi chẳng từng hỏi lại, như rót nước ở bình này vào bình khác. Chỉ trừ có một lần ông ấy hỏi. Đây thiện nam! Khi Thái tử Lưu Ly giết hại dòng họ Thích, phá hoại thành Ca-tỳ-la, bấy giờ Tỳ-kheo A-nan lòng ôm sầu não, gào khóc lớn tiếng, đi đến chỗ của Ta nói: “Con cùng Đức Như Lai đều sinh ra ở thành này, đồng một dòng họ Thích mà sao Như Lai dung mạo sáng rõ như thường, còn con thì tiêu tụy?”. Khi đó Ta đáp: “Đây A-nan! Ta tu định không nên chẳng đồng với ông”. Qua ba năm rồi, ông ấy trở lại hỏi Ta: “Thưa Thế Tôn! Trước kia, ở thành Ca-tỳ-la, con từng nghe Như Lai nói tu Tam-muội Không. Việc này hư hay là thật?”. Ta nói: “Đây A-nan! Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói!”.

Sáu là từ khi phụng sự Ta đến nay, tuy chưa chứng được trí biết tâm người khác, nhưng thường biết các định mà Như Lai đã nhập.

Bảy là từ khi phụng sự Ta đến nay, tuy chưa được nguyện trí mà có thể rõ biết chúng sinh đến chỗ Như Lai như vậy thì hiện tại có thể được bốn quả Sa-môn, có người về sau sẽ đắc hoặc thân người, hoặc thân trời.

Tám là từ khi phụng sự Ta đến nay, lời nói bí mật của Như Lai, ông ấy đều có thể rõ biết.

Này thiện nam! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám thứ chẳng thể nghĩ bàn như vậy nên Ta khen Tỳ-kheo A-nan là tạng Đa văn.

Này thiện nam! Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám pháp có thể thọ trì đầy đủ Mười hai bộ loại kinh văn. Những gì là tám?

Một là Tín căn kiên cố.

Hai là tâm ý chất trực.

Ba là thân không bệnh khổ.

Bốn là thường siêng tinh tấn.

Năm là niệm tâm đầy đủ.

Sáu là tâm không kiêu mạn.

Bảy là thành tựu định tuệ.

Tám là đầy đủ trí do nghe sinh ra.

Này Văn-thù-sư-lợi! Đệ tử thị giả của Đức Phật Tỳ-bà-thi tên là A-Thúc-ca cũng đầy đủ tám pháp như vậy. Đệ tử thị giả của Đức Phật Thi-khí tên là Sai-ma-ca-la, đệ tử thị giả của Đức Phật Tỳ-xá-phù tên

là Ưu-ba-phiến-đà, đệ tử thị giả của Đức Phật Ca-la-cưu-thôn tên là Bạt-đề, đệ tử thị giả của Đức Phật Ca-na-hàm-mâu-ni tên là Tô-chỉ, đệ tử thị giả của Đức Phật Ca-diếp tên là Diếp-bà-mật-đa đều cũng đầy đủ tám pháp như vậy. Tỳ-kheo A-nan của Ta hôm nay cũng như vậy, đầy đủ tám pháp. Vậy nên Ta khen Tỳ-kheo A-nan là tạng Đa văn. Này thiện nam! Đúng như lời ông nói, trong đại chúng này tuy có vô lượng vô biên Bồ-tát, nhưng những Bồ-tát đó đều có trọng trách, như là đại từ đại bi. Nhân duyên từ bi như vậy nên ai nấy đều chuyên chăm lo điều phục quyến thuộc và trang nghiêm thân mình. Do nhân duyên này nên sau khi Ta Niết-bàn, những vị ấy chẳng thể nói thông Mười hai bộ loại kinh văn, nếu có Bồ-tát, hoặc khi có thể nói thì người chẳng tin thọ. Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan là em của Ta, làm thị giả cho Ta đến nay hơn hai mươi năm, pháp được nghe ông ấy thọ trì đầy đủ ví như rót nước vào đồ đựng nước. Vậy nên hôm nay Ta lưu ý hỏi A-nan đang ở đâu là muốn khiến cho ông ấy thọ trì kinh Niết-bàn này. Này thiện nam! Sau khi Ta Niết-bàn, những điều mà Tỳ-kheo A-nan chưa nghe thì Bồ-tát Hoàng Quảng có thể truyền bá rộng rãi, còn điều Tỳ-kheo A-nan đã nghe tự có thể tuyên nói thông suốt.

Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan nay ở chỗ khác, cách chỗ hội này mười hai do-tuần và đang bị sự nhiễu loạn của sáu vạn bốn ngàn ức ma. Ông có thể đến đó, lớn tiếng xưng lên với tất cả ma như vậy: “Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Nay Như Lai nói đại Đà-la-ni, tất cả Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người cùng chẳng phải người, thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần nhà cửa v.v... nghe tên tổng trì này không ai chẳng cung kính thọ trì. Đà-la-ni này đã được chư Phật Thế Tôn nhiều bằng mười lần cát sông Hằng cùng tuyên nói. Đà-la-ni này có thể chuyển nữ thân, tự biết túc mạng nếu người thọ trì làm năm việc: Một là phạm hạnh, hai là cắt đứt việc ăn thịt, ba là đoạn rượu, bốn là đoạn vị cay, năm là ưa ở tịch tĩnh. Người thọ năm việc này rồi, chí tâm đọc tụng, ghi chép Đà-la-ni này thì phải biết người đó liền được siêu việt bảy mươi ức thân tệ ác.

Bấy giờ, Đức Như Lai liền nói chú:

–A ma lệ - Tỳ ma lệ - Niết ma lệ - Mông đà lệ - Ê ma la - Nhã

kiệt tỳ - Tam mạn na bạt đề - Ta bà tha ta đàn ni - Ta la ma tha ta đàn ni - Ma na tư - A chuyết đề - Tỳ la kỳ - Am la lại đề - Bà lam đi - Bà lam - Ma tá lệ - Phú nê phú na ma nô lại đề.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi theo Đức Phật thọ Đà-la-ni này rồi, đi đến chỗ Tỳ-kheo A-nan, ở tại trong chúng ma, nói: “Này các ma và quyến thuộc hãy lắng nghe ta nói chú Đà-la-ni mà ta thọ được từ Đức Phật”.

Ma vương nghe Đà-la-ni này rồi đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xả bỏ nghiệp ma, liền thả A-nan. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng với A-nan đi đến chỗ Đức Phật. A-nan thấy Đức Phật, hết lòng lễ kính, rồi lui đứng một bên.

Đức Phật bảo Tỳ-kheo A-nan:

–Bên ngoài rừng Ta-la này có một Phạm chí tên là Tu-bạt-đà, thọ một trăm hai mươi tuổi, tuy được ngũ thông nhưng chưa xả kiêu mạn, chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng, cho là Nhất thiết trí, khởi tưởng Niết-bàn. Ông có thể đến nói với ông Tu-bạt-đà kia: “Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm, vào giữa đêm nay sẽ Bát-niết-bàn, nếu có việc gì làm thì hãy kịp thời làm ngay, chớ để ngày hôm sau mà sinh lòng hối hận!”.

Này A-nan! Lời nói của ông nhất định ông ấy tin thọ. Vì sao? Vì ông, thuở xưa trong năm trăm đời, đã từng làm con của ông Tu-bạt-đà. Tập khí yêu mến của người ấy chưa hết. Do nhân duyên này nên tin thọ lời của ông.

Bấy giờ, Đại đức A-nan nhận lời Đức Phật dạy rồi, đi đến chỗ của ông Tu-bạt-đà nói như vậy: “Nhân giả! Nên biết, Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm! Vào giữa đêm nay Như Lai sẽ nhập Niết-bàn, nếu có việc gì muốn làm thì hãy kịp thời làm ngay! Chớ để ngày sau mà sinh lòng hối hận!”. Ông Tu-bạt-đà nói: “Hay thay! Hay thay! Thưa Tỳ-kheo A-nan! Hôm nay tôi sẽ đi đến chỗ Đức Phật”. Khi ấy, A-nan và Tu-bạt-đà đi đến chỗ Phật. Đến nơi Tu-bạt-đà thưa:

–Thưa Cù-đàm! Tôi nay muốn hỏi, xin Ngài theo ý tôi hỏi mà trả lời.

Đức Phật nói:

–Này Tu-bạt-đà! Hôm nay đã đúng lúc. Theo lời hỏi của ông Ta

sẽ thị hiện phương tiện theo ý của ông mà trả lời.

–Thưa Cù-đàm! Có các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... nói: “Tất cả chúng sinh thọ quả báo khổ, vui đều theo nhân duyên nghiệp cũ ngày trước. Vậy nên nếu có trì giới tinh tấn mà thọ khổ thân tâm thì có thể phá hoại nghiệp cũ. Nghiệp cũ đã hết thì mọi khổ tận diệt. Mọi khổ tận diệt tức là được Niết-bàn”. Nghĩa lời này ra sao?

Đức Phật nói:

–Này thiện nam! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn nói lời nói như vậy thì Ta vì thương xót họ nên thường phải qua lại chỗ của những người này. Đã đến với họ rồi Ta sẽ hỏi họ: “Các ông có thật nói như vậy không?”. Nếu nghe họ đáp: “Chúng tôi nói như vậy! Vì sao? Thưa Cù-đàm! Vì tôi thấy chúng sinh quen làm các việc ác mà được nhiều của cải, thân được tự tại. Lại thấy kẻ tu thiện mà nghèo cùng nhiều thiếu thốn, chẳng được tự tại. Lại thấy có người nỗ lực làm nhiều việc để cầu của cải nhưng chẳng được. Lại thấy có người chẳng cầu mà tự nhiên được. Lại thấy có người tâm từ chẳng giết hại mà ngược lại chết yểu giữa chừng. Lại thấy kẻ ưa giết hại mà bảo toàn tuổi thọ. Lại thấy có người tịnh tu phạm hạnh, tinh cần trì giới mà có kẻ được giải thoát, có kẻ chẳng được. Vậy nên tôi nói tất cả chúng sinh thọ quả báo khổ, vui đều do nhân duyên nghiệp cũ ngày trước”, thì này Tu-bạt-đà! Ta lại sẽ hỏi: “Này các ông! Các ông có thật thấy nghiệp quá khứ không? Nếu có thấy thì nghiệp này nhiều hay ít? Khổ hạnh hiện tại có thể phá được nhiều hay ít? Có thể biết nghiệp đó đã hết hay chẳng hết? Nghiệp đó đã hết thì tất cả hết chẳng?”. Nếu nghe những người kia đáp: “Chúng tôi thật chẳng biết!” thì Ta sẽ vì những người đó dẫn dụ rằng: “Ví như có người, thân bị tên độc, gia đình, quyến thuộc người ấy mời thầy thuốc đến nhổ tên ra. Tên đã nhổ xong, thân được yên ổn. Sau mười năm người này còn nhớ việc ấy rõ ràng phân minh: Thầy thuốc đó vì ta nhổ ra tên độc, dùng thuốc bôi đắp vào, khiến cho ta được khỏi, yên ổn hưởng thụ niềm vui. Các ông đã chẳng biết nghiệp cũ quá khứ thì làm sao có thể biết khổ hạnh hiện tại quyết định có thể phá hoại nghiệp quá khứ?”. Nếu những người kia lại nói: “Thưa Cù-đàm! Nay Ngài cũng có nghiệp cũ quá khứ mà vì sao trách một mình nghiệp quá khứ của tôi? Trong kinh của Ngài Cù-đàm cũng nói, nếu thấy có người giàu

sang tự tại thì phải biết người đó đời trước bố thí tốt. Như vậy mà chẳng gọi là nghiệp quá khứ sao?” thì Ta lại đáp: “Này các ông! Biết như vậy thì gọi là biết so sánh, chẳng gọi là biết chân thật. Trong pháp của Ta, hoặc có trường hợp do nhân biết quả, hoặc có trường hợp từ quả biết nhân. Trong pháp của Ta, có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại, còn các ông thì chẳng vậy mà chỉ có nghiệp quá khứ, không có nghiệp hiện tại. Pháp của các ông chẳng từ phương tiện đoạn trừ nghiệp, còn pháp của Ta chẳng vậy, từ phương tiện đoạn trừ nghiệp. Các ông, nghiệp hết rồi thì được khổ hết. Còn Ta thì chẳng vậy, phiền não hết, nghiệp hết thì khổ hết. Vậy nên Ta chê trách nghiệp quá khứ của ông”. Người kia nếu nói: “Thưa Cù-đàm! Tôi thật chẳng biết theo thầy thọ nhận điều đó, thầy nói thế thì chúng tôi thật không có lỗi” thì Ta nói: “Này nhân giả! Thầy của ông là ai?”. Nếu nghe người kia đáp: “Phú-lan-na” thì Ta lại nói: “Khi xưa sao mọi việc ông chẳng hỏi đại sư thật có biết nghiệp quá khứ không? Thầy ông nếu nói, ta chẳng biết, thì ông sao lại thọ nhận lời nói của vị thầy này? Nếu thầy nói biết thì lại nên hỏi nhân là khổ bậc hạ thì có thọ khổ bậc trung, thượng không? Nhân là khổ bậc trung thì có thọ khổ bậc hạ, thượng không? Nhân là khổ bậc thượng thì có thọ khổ bậc trung, hạ không? Nếu thầy nói không thì nên hỏi: Sao thầy nói quả báo khổ, vui chỉ do nghiệp quá khứ, chẳng phải hiện tại? Lại nên hỏi: Khổ hiện tại này do quá khứ có chăng? Nếu quá khứ có thì nghiệp quá khứ đã đều hết mà nếu đều hết thì sao lại thọ thân ngày hôm nay? Nếu quá khứ không, chỉ hiện tại có thì sao lại nói, khổ vui của chúng sinh đều do nghiệp của quá khứ? Này nhân giả! Nếu biết khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp của quá khứ thì khổ hạnh hiện tại lấy cái gì để phá? Như khổ hạnh ấy chẳng phá thì khổ tức là thường. Nếu khổ là thường thì sao nói, được giải thoát khổ? Nếu lại có hành động phá hoại khổ hạnh thì quá khứ đã hết làm sao có khổ? Này nhân giả! Như vậy khổ hạnh có thể khiến cho nghiệp vui phải chịu quả khổ chăng? Lại khiến cho nghiệp khổ được thọ quả vui chăng? Có thể khiến cho nghiệp không khổ không vui thành chẳng thọ quả chăng? Có thể khiến cho hiện báo thành sinh báo chăng? Có thể khiến cho sinh báo thành hiện báo chăng? Có thể khiến cho hai báo này thành vô báo chăng? Có thể khiến cho định báo thành vô báo chăng? Có thể khiến

cho vô báo thành định báo chăng?”. Người kia nếu lại nói: “Thưa Cù-đàm! Chẳng thế!” thì Ta lại sẽ nói: “Này nhân giả! Như thế thì chẳng thể vì nhân duyên gì mà thọ khổ hạnh này. Ông phải biết nhất định có nghiệp quá khứ và nhân duyên hiện tại. Vậy nên Ta nói, nhân phiền não sinh ra nghiệp, nhân nghiệp thọ báo. Ông phải biết tất cả chúng sinh có nghiệp quá khứ, có nhân hiện tại. Chúng sinh tuy có nghiệp sống lâu quá khứ nhưng hiện tại cần phải nhờ vào nhân duyên ăn uống. Này nhân giả! Nếu nói chúng sinh thọ khổ thọ vui quyết định do nhân duyên nghiệp cũ quá khứ thì việc này chẳng đúng. Vì sao? Này nhân giả! Ví như có người vì vua trừ oán địch. Do nhân duyên này nên được nhiều của báu. Nhân của báu này mà hưởng thụ niềm vui hiện tại. Như vậy người này hiện tại tạo tác nhân duyên vui, hiện tại thọ hưởng quả báo vui. Ví như có người giết đứa con yêu của vua. Do nhân duyên này nên chết mất thân mạng. Như vậy người này hiện tại tạo tác nhân duyên khổ, hiện tại chịu quả báo khổ. Này nhân giả! Tất cả chúng sinh hiện tại nhân vào bốn đại thời tiết, đất đai, muôn dân mà thọ khổ hay thọ vui. Vậy nên Ta nói, tất cả chúng sinh chẳng nhất định dựa hết vào nghiệp cũ quá khứ để thọ khổ hay vui. Này nhân giả! Nếu do sức nhân duyên đoạn trừ nghiệp nên được giải thoát thì tất cả Thánh nhân chẳng được giải thoát. Vì sao? Vì nghiệp cũ quá khứ của tất cả chúng sinh không thỉ chung. Vậy nên Ta nói, khi tu Thánh đạo thì đạo này có thể ngăn chặn nghiệp không thỉ không chung. Này nhân giả! Nếu thọ khổ hạnh mà được đạo thì tất cả sức sinh đều nên đắc đạo. Vậy nên trước phải điều phục tâm mình, chẳng điều phục thân. Do nhân duyên này nên trong kinh Ta nói, chặt phá rừng này, chớ chặt cây. Vì sao? Vì từ rừng này sinh ra sợ hãi, chớ chẳng từ cây sinh ra. Muốn điều phục thân thì trước phải điều phục tâm. Tâm dụ cho rừng, thân dụ cho cây”.

Ông Tu-bạt-đà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con trước đã điều phục tâm!

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Ông nay làm sao có thể trước điều phục tâm?

Ông Tu-bạt-đà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con trước suy nghĩ dục là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Quán sắc tức là thường, lạc, ngã, tịnh. Quán như thế rồi

thì kết sử của Dục giới đoạn dứt, chứng được Sắc xứ. Vậy nên gọi là trước điều phục tâm. Lại nữa, quán sắc là vô thường như ung bấu, như ghẻ lở, như chất độc, như mũi tên thì thấy vô sắc thường, thanh tịnh, tịch tĩnh. Quán như vậy rồi thì kết sử của Sắc giới hết và được Vô sắc xứ. Vậy nên gọi là trước điều phục tâm. Tiếp đến lại quán tướng tức là vô thường, ung bấu, ghẻ lở, chất độc, mũi tên. Quán như vậy rồi thì chứng được Phi tướng phi phi tướng xứ. Phi tướng phi phi tướng tức là Nhất thiết trí, tịch tĩnh thanh tịnh, không có đọa lạc, thường hằng chẳng biến đổi. Vậy nên con có thể điều phục tâm mình.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Làm sao ông có thể điều phục tâm? Định Phi tướng phi phi tướng mà ông đã sở đắc vẫn còn gọi là tướng, mà Niết-bàn là vô tướng thì sao ông nói là chứng được Niết-bàn? Này thiện nam! Ông trước đã có thể chê trách tướng thô thì nay vì sao lại ái trước tướng tế? Chẳng biết chê trách Phi tướng phi phi tướng xứ như thế nên gọi tướng như ung nhọt, như ghẻ lở, như chất độc, như mũi tên. Này thiện nam! Thầy của ông là Uất-đầu-lam-phất, căn tánh lạnh lợi, thông minh còn chẳng thể đoạn trừ được Phi tướng phi phi tướng xứ nên phải thọ thân ác, hưởng gì là những người khác.

–Bạch Thế Tôn! Làm sao có thể đoạn trừ tất cả các hữu?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu quan sát thật tướng thì người này có thể đoạn tất cả hữu.

Tu-bạt-đà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là thật tướng?

–Này thiện nam! Tướng của vô tướng gọi là thật tướng.

–Thưa Thế Tôn! Sao gọi là tướng của vô tướng?

–Này thiện nam! Tất cả các pháp không có tự tướng, tha tướng và tự tha tướng, không có tướng vô nhân, không có tướng tác, không có tướng thọ, không có tướng tác giả, không có tướng thọ giả, không có tướng pháp phi pháp, không có tướng nam nữ, không có tướng sĩ phu, không có tướng vi trần, không có tướng thời tiết, không có tướng vì mình, không có tướng vì người khác, không có tướng vì mình và vì người, không có tướng có, không có tướng không, không có tướng sinh,

không có tướng người sinh, không có tướng nhân, không có tướng nhân của nhân, không có tướng quả, không có tướng quả của quả, không có tướng ngày đêm, không có tướng sáng tối, không có tướng thấy, không có tướng người thấy, không có tướng nghe, không có tướng người nghe, không có tướng giác tri, không có tướng người giác tri, không có tướng Bồ-đề, không có tướng người đắc Bồ-đề, không có tướng nghiệp, không có tướng chủ nghiệp, không có tướng phiền não, không có tướng chủ phiền não.

Này thiện nam! Những tướng như vậy tùy theo chỗ diệt gọi là tướng chân thật.

Này thiện nam! Tất cả các pháp đều là hư giả, tùy theo chỗ diệt mà gọi là thật, đó gọi là thật tướng, gọi là Pháp giới, gọi là Trí rốt ráo, gọi là Đệ nhất nghĩa đế, gọi là Đệ nhất nghĩa không.

Này thiện nam! Tướng pháp giới, trí rốt ráo, Đệ nhất nghĩa đế, Đệ nhất nghĩa không này, nếu kẻ hạ trí quán thì được Thanh văn Bồ-đề, người trung trí quán thì được Duyên giác Bồ-đề, bậc thượng trí quán thì được Vô thượng Bồ-đề.

Khi nói pháp này thì mười ngàn Bồ-tát chứng đắc Nhất sinh thật tướng, một vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Nhị sinh pháp giới, hai vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Trí rốt ráo, ba vạn năm ngàn Bồ-tát ngộ Đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế này cũng gọi là Đệ nhất nghĩa không, cũng gọi là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Bốn vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tam-muội Hư không, cũng gọi là Tam-muội Quảng đại, cũng gọi là Tam-muội Trí ấn. Năm vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Bất thoái nhẫn. Bất thoái nhẫn này cũng gọi là Như pháp nhẫn, cũng gọi là Như pháp giới. Sáu vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Đà-la-ni. Đà-la-ni này cũng gọi là Đại niệm tâm cũng gọi là Vô ngại trí. Bảy vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tam-muội Sư tử hống. Tam-muội Sư tử hống này cũng gọi là Tam-muội Kim cương, cũng gọi là Tam-muội Ngũ trí ấn. Tám vạn năm ngàn Bồ-tát đắc Tam-muội Bình đẳng. Tam-muội Bình đẳng này cũng gọi là Đại từ đại bi. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Duyên giác. Vô lượng hằng hà sa số chúng sinh phát tâm Thanh văn. Con gái người, con gái trời hai vạn ức người hiện chuyển thân nữ được thân nam. Ông

Tu-bạt-đà đắc quả A-la-hán.

